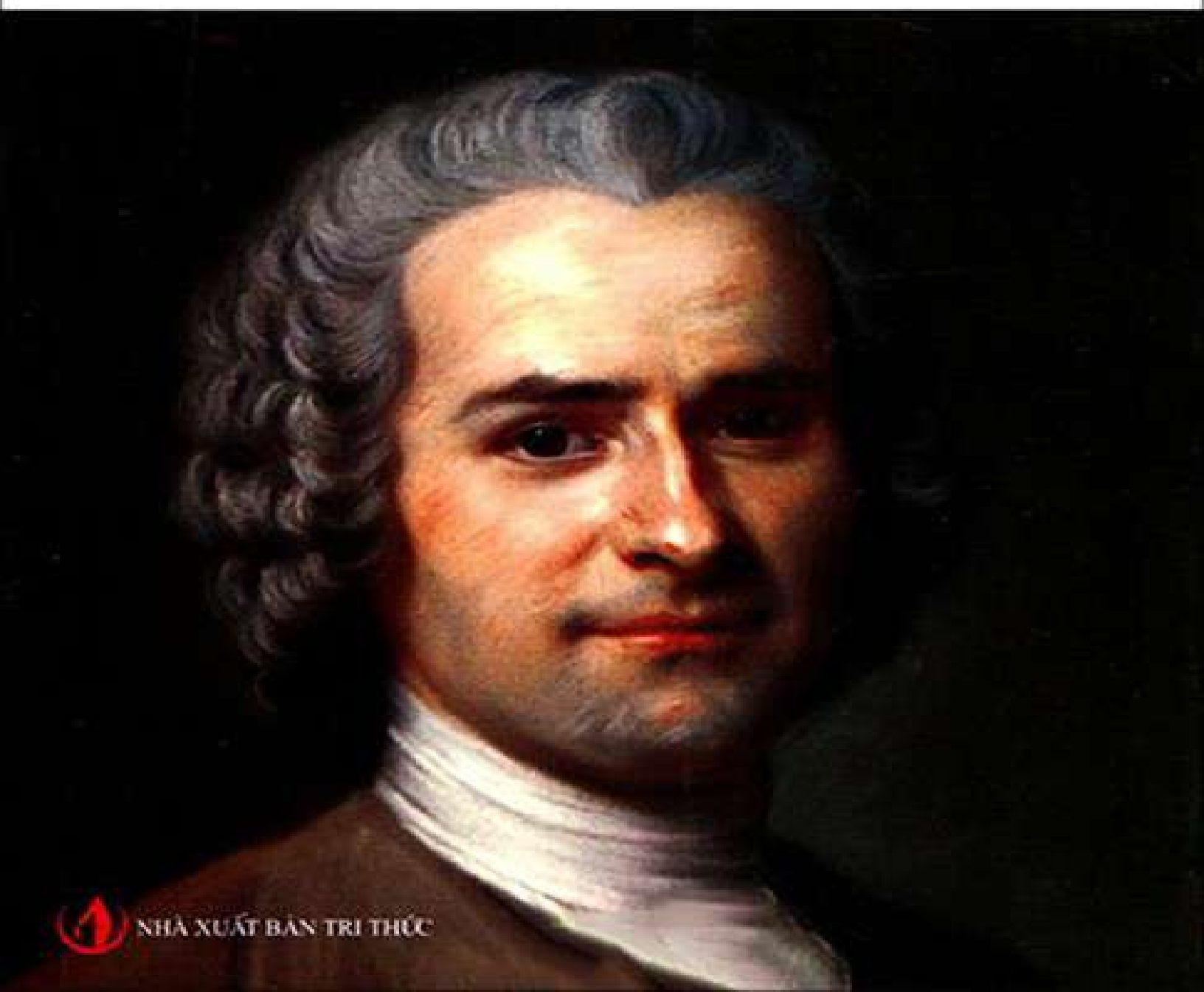


ROUSSEAU

TỦ SÁCH
IN HÒA

Những lời bộc bạch

Lê Hồng Sâm dịch và giới thiệu



NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

NHỮNG LỜI BỘC BẠCH



Tác giả: Jean-Jacques Rousseau

Dịch giả: Lê Hồng Sâm

Tủ sách Tinh Hoa - Triết Học

Nhà xuất bản Tri Thức - 2016

ebook©vctvegroup

26-02-2019

Lời nhà xuất bản

Không nhiều nhà tư tưởng có thể để lại những dấu ấn không dễ xóa nhòa trong thời đại này như Jean-Jacques Rousseau (1712-1778). Sinh ra tại Genève trong một gia đình thợ sửa đồng hồ và sống lang thang gần hết cuộc đời, khắp các vùng của Thụy Sĩ, Pháp, Italia, Phổ, Anh... - có lúc do ông tự bỏ đi, có lúc do bị xua đuổi - cách này hay cách khác, trên những nẻo đường ấy, tư tưởng của ông đã nảy nở, và rồi ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc Cách mạng Pháp cũng như trở thành nguồn cảm hứng cho chủ nghĩa Lãng mạn sau này.

Ngày nay, Rousseau được đọc và nghiên cứu rộng rãi bởi cái nhìn sâu sắc của ông về thân phận con người. Hầu hết những gì chúng ta gọi là cảm thức hiện đại thì đều đã nằm trong các sáng tác của Rousseau. Rousseau còn khám phá một lục địa đen tối - cái tôi hiện đại - bằng chính tự truyện của mình - *Những lời bộc bạch* hay tự thú của ông. Những trải nghiệm cá nhân bắt đầu có được ý nghĩa mà nó chưa từng có kể từ thời Plato, Descartes. Vấn đề ông đặt ra không còn là một sự thật khách quan mà là một sự thật-tự nó - một lời thú nhận đầy cảm hứng rằng căn tính của một người là độc nhất, và nó có nghĩa vụ phải được biểu lộ một cách tự do, đầy đủ nhất có thể. Với niềm tin này, Rousseau không chỉ là người tiên phong của chủ nghĩa Lãng mạn mà còn cho cả những người theo chủ nghĩa tự do, hiện sinh hay những người theo chủ nghĩa cá nhân của thời hiện đại.

Từ những năm đầu thế kỷ XX qua phong trào Tân thư bằng tiếng Hán cùng với tư tưởng của Voltaire, Montesquieu..., tư tưởng của Rousseau đã vào Việt Nam với toàn bộ sự hạn chế của thời kỳ ấy về

nguồn văn bản, về ngôn ngữ, và đồng nghĩa với nó là sự không đầy đủ về mặt nội hàm các khái niệm hay ý tưởng của Rousseau cũng như các tác gia khác. Nhưng tinh thần nhân văn và cổ vũ sự phát triển của con người cá nhân trong một xã hội bình đẳng đã được gieo mầm trong đời sống tinh thần của một bộ phận nho sĩ, trí thức Việt Nam. Phải đến năm 1982, chúng ta mới có bản tiếng Việt đầy đủ của *Bàn về Khế ước xã hội* do Hoàng Thanh Đạm dịch (xuất bản 1992, NXB Tp. Hồ Chí Minh, tái bản 2004, NXB Lý luận Chính trị). Và năm 2007 là *Émile hay là về giáo dục*, Lê Hồng Sâm và Trần Quốc Dương dịch (NXB Tri thức, tái bản 2010).

Nhân dịp kỷ niệm 300 năm ngày sinh của Rousseau (1712-2012), Nhà xuất bản Tri thức trân trọng giới thiệu với bạn đọc tác phẩm *Những lời bộc bạch* do Lê Hồng Sâm dịch, với tài năng, tâm huyết và sự cẩn trọng hiếm có, bà đã đem đến cho chúng ta một Rousseau sáng rõ, chân thực và gần gũi. Bạn đọc còn có thể hiểu thêm về Rousseau không chỉ qua những lời bộc bạch của ông mà còn qua lời giới thiệu chi tiết, thuyết phục của chính dịch giả.

Trân trọng giới thiệu!

Giới Thiệu

Jean-Jacques Rousseau bắt đầu viết *Những lời bộc bạch* vào một thời điểm đặc biệt gay go trong đời ông. Giữa năm 1762, Pháp viện Paris lên án tác phẩm *Émile*, nhà văn phải trốn sang Thụy Sĩ. Bị trục xuất khỏi Berne, ông đến nương náu tại Môtiers, thuộc Neuchâtel, công quốc dưới quyền nhà vua Phổ. Cuối 1764, *Cảm nghĩ công dân* của Voltaire xuất hiện và lưu hành, nhục mạ Rousseau, phơi bày và lên án việc ông bỏ các con cho Trại trẻ vô thừa nhận. Bài viết ầm danh tai ác này thúc đẩy Rousseau khởi thảo công trình tự thuật, một dự định được ấp ủ đã lâu.

Từ 1758, tuy chuyên tâm thực hiện những tác phẩm lớn như *Nàng Héloïse mới*, *Khế ước xã hội*, *Émile*, song nhà văn đã bắt đầu thu thập tư liệu cho công việc trên. Tình yêu vô vọng với Sophie d'Houdetot, mối bất hòa với bà D'Épinay, với bạn bè trong nhóm Bách khoa toàn thư, khiến Rousseau tin chắc mình không được thấu hiểu. Sau đó, bệnh tật, ý nghĩ mình sắp chết, rồi việc in *Émile* kéo dài và trắc trở, làm nảy sinh những tưởng tượng đầu tiên về âm mưu của các giáo sĩ dòng Tên định nắm giữ bản thảo, sửa chữa, xuyên tạc tác phẩm, nhằm bôi nhọ thanh danh tác giả sau khi ông qua đời. Qua cơn hoảng loạn, để giải thích, biện minh cách xử sự, để chấn chỉnh cái nhìn sai lệch của mọi người về mình, ông viết cho De Malesherbes, người phụ trách ngành xuất bản mà ông tin cậy và quý trọng, bốn bức thư dài “có thể nói là tôi cố thay cho những hồi ức đã dự định viết”. Thêm vào thôi thúc nội tâm, là những yêu cầu từ bên ngoài: cuối năm 1761, Nhà xuất bản Rey phát biểu “mong ước từ lâu” được đặt phần

giới thiệu cuộc đời nhà văn ở đầu các tác phẩm, và trong năm 1762, nhiều lần nhắc lại đề nghị này.

Khởi động sau bài nhục mạ của Voltaire, *Những lời bộc bạch* được viết trong những năm 1765 ở Môtiers, rồi đảo Saint-Pierre, 1766 ở Anh, 1767 khi nhà văn trở về Pháp, trú ngụ tại lâu đài Trie của hoàng thân De Conti, và cuối 1767, phần Một, dành cho những năm tháng thời thanh xuân, hoàn thành. Kết thúc quyển Sáu, ông cho biết sẽ không viết tiếp.

Thế nhưng, vào cuối 1769, “sau hai năm im lặng và kiên nhẫn, giờ đây bất chấp quyết định của mình”, ông khởi đầu phần Hai. Nếu như việc viết phần Một trải ra nhiều năm, thì phần Hai, dài hơn, được thực hiện trong chưa đầy sáu tháng. Cuối quyển Mười hai, ông nói đến phần Ba “nếu có khi nào đủ sức viết”. Ông sẽ không viết phần đó, nhưng những tác phẩm cuối cùng, thực hiện từ 1772 đến 1776, *Đàm thoại của Rousseau người phán xét Jean-Jacques* và *Những mơ mộng của một người dạo chơi đơn độc*, tiếp tục khám phá bản thân, được coi như bổ sung công trình tự thuật. Tuy quyết định không in *Những lời bộc bạch* khi chính mình và những người liên quan còn sống, song ông đã đọc trong một nhóm nhỏ: lần thứ nhất vào đầu tháng chạp 1770, lần thứ hai cũng trong tháng này trước một số văn nhân trẻ, lần thứ ba vào tháng Hai 1771 trước hoàng thân Thụy Điển Gustave, lần thứ tư vào đầu tháng Năm, tại nhà bá tước D’Egmont. Sau đó mấy hôm, bà D’Épinay yêu cầu cảnh sát trưởng cấm đọc *Những lời bộc bạch* trước công chúng. Nhận xét cay đắng khép lại tác phẩm cho thấy tâm sự của Rousseau đã không được cảm thông, chia sẻ, như ông chờ đợi: “Tôi kết thúc buổi đọc như vậy, và tất cả mọi người làm thinh. Phu nhân D’Egmont là người duy nhất có vẻ xúc động; rõ ràng bà rùng mình, nhưng bà trấn tĩnh lại rất nhanh và giữ im lặng, giống như toàn nhóm.”

Thái độ tiếp nhận này chẳng đáng ngạc nhiên, sự thật mất lòng - nhà văn đã nói rõ rằng trong khi phơi bày về bản thân, ông không thể

không phơi bày về những người có liên quan - chưa kể những tiết lộ và xét đoán về các kẻ thù có thật hay tưởng tượng, ngay điều bộc bạch về ân nhân yêu quý, bà De Warens, cũng bị coi như bất nhã. Song chủ yếu là thính giả ngỡ ngàng trước một tác phẩm lạ, không thuộc thể loại nào từng quen thuộc. Đúng như lời tuyên bố mở đầu cuốn sách: “Tôi trù tính một công việc không hề có kiểu mẫu”, với *Những lời bộc bạch*, Rousseau sáng tạo nên một thể loại văn chương mới mẻ, thể tự truyện của thời hiện đại. Những định nghĩa sau này của các từ điển, của các nhà nghiên cứu, khái niệm “giao ước tự thuật”^{*} nổi tiếng của Philippe Lejeune, xác định loại “truyện kể hồi cố bằng văn xuôi do một con người có thực kể về cuộc sống của chính mình, khi người đó nhấn mạnh vào tầm quan trọng của đời sống cá nhân, đặc biệt vào lịch sử hình thành nhân cách mình”, chính là căn cứ vào tác phẩm của Rousseau.

Tất nhiên thể loại được sáng tạo trên cơ sở kế thừa, và Rousseau tiếp nhận ảnh hưởng của một số tiền bối. Ông mượn nhan đề *Les Confessions*^{*} của Thánh Augustin, nhà thần học và triết gia thế kỷ IV. Trong tác phẩm, giám mục Augustin thuật lại thời thơ ấu và tuổi trẻ với những cảm dỗ, lầm lạc, rồi bước đường tìm kiếm và đến với Chúa Trời, cuộc chiến đấu liên tục để được cứu rỗi. Viết về bản thân, nhưng tác giả không nhấn mạnh tính đặc thù của cá nhân mà trình bày cuộc đời mình như một hành trình tinh thần và tâm linh, tiêu biểu cho thân phận con người nói chung, nhằm ngợi ca Chúa, cầu khẩn được xá tội và kêu gọi mỗi độc giả hãy cải tâm sám hối. Mở đầu *Những lời bộc bạch*, Rousseau cũng nhắc tới Thượng Đế, tới ngày Phán xử cuối cùng, nhưng không nhằm sám hối, mà xin Thượng Đế tập hợp đồng loại của ông, những người sẽ nghe ông bộc bạch, để họ tự ngắm mà xét đoán ông. Trong suốt mấy trăm trang sách, đối tượng đàm thoại được nhà văn quan tâm không phải Chúa Trời, mà là người đọc, là hậu

thế, và ông tiếp nối việc thể tục hóa tự truyện bắt đầu từ thế kỷ XVI, đặc biệt rõ trong *Essais** của Montaigne.

Những lời bộc bạch chịu ảnh hưởng gần và trực tiếp từ *Essais*. Với chủ nghĩa nhân văn thế kỷ XVI, tập trung mỗi quan tâm vào cá nhân, tác giả *Essais* kể về mình, quyết thành thực tự khắc họa, tự phân tích. Nhiều ý tưởng được Montaigne phát biểu - về niềm tin rằng chỉ riêng người tự thuật hiểu rõ bản thân, về cái nhìn của người khác dù khen hay chê đều làm mình biến dạng, về khó khăn trong việc tự tìm hiểu, tự bộc lộ v.v... - gần gũi hoặc tương đồng với suy nghĩ của Rousseau. Nhưng thiếu tính liên tục, không có bố cục theo trật tự thời gian, *Essais* gần với chân dung, với nhật ký riêng tư nhiều hơn.

Tự truyện của Rousseau tiếp nhận kết cấu tự sự, theo niên biểu, của các hồi ký thế kỷ XVII. Cũng có sự đồng nhất tác giả-người kể truyện-nhân vật, nhưng hồi ký chú trọng đến những biến cố lớn lao mà tác giả tham gia hay chứng kiến, nhiều hơn là các hành vi và tâm tư cá nhân. Dĩ nhiên hồi ký có thuật lại các sự kiện trong đời nhân vật, tự truyện có miêu tả đời sống xã hội, và theo Philippe Lejeune, sự phân biệt không dựa vào liều lượng nhiều ít của các yếu tố mà dựa vào ý định của tác giả, định viết lịch sử con người mình hay là lịch sử thời đại.

Kế thừa những yếu tố manh nha, rời rạc ở những tác phẩm mang tính tự thuật trong quá khứ, *Những lời bộc bạch* xác lập một thể loại mới, sẽ nở rộ ở thế kỷ sau và tiếp tục phát triển cho tới ngày nay.

Rousseau có ý thức rất rõ về tính đặc thù của cá nhân mình. Ông xác định ngay từ những dòng đầu tác phẩm: “Tôi được tạo ra chẳng giống một ai trong những người tôi từng thấy; tôi dám chắc là chẳng giống một ai trong những người đang hiện hữu”, và ông quyết tự bộc lộ trọn vẹn *trong thâm tâm và dưới vẻ ngoài* như lời đề từ, chú trọng miêu tả trạng thái tâm hồn nhiều hơn là thuật lại các sự kiện. Việc phơi bày con người đích thực nhằm chấn chỉnh cái nhìn sai lệch từ bên

ngoài, nhất là khi chân dung ông bị kẻ thù cố tình xuyên tạc: “Tôi biết là trong công chúng người ta miêu tả tôi với những nét rất ít giống tôi, và đôi khi hết sức xấu xa dị dạng, thành thử, bất chấp cái xấu mà tôi không muốn im đi một điều gì hết, tôi chỉ có thể vẫn được lợi khi tự phô bày đúng như mình vốn thế”.

Khẳng định “không có nội tâm con người nào, dù trong sạch đến mấy, lại không ẩn tàng một tật xấu khả ố nào đó”, Rousseau thổ lộ khuyết điểm, lỗi lầm, quyết dẫn bước “trong mê lộ tối tăm và lầy bùn của những điều bộc bạch”. Ông cho rằng sự thú nhận thành thực và niềm ăn năn sâu sắc có thể miễn xá cho tội lỗi. Cũng có khi, dưới bề ngoài tội lỗi là một ý định vô tội, thậm chí một tình cảm trù mến, như trường hợp Jean-Jacques lấy cắp dải ruy băng và vu cho Marion, được kể ở cuối quyển Hai. Tác giả thường thuật lại hành vi, phân tích ngoại cảnh, lý giải nội tình, và phó mình cho sự phán xét của độc giả: “Tôi muốn theo cách nào đó có thể làm cho tâm hồn mình thành trong suốt, trước mắt người đọc, và để làm được điều này tôi gắng phô bày nó dưới mọi điểm nhìn [...] Chính độc giả có nhiệm vụ tập hợp các yếu tố đó, và xác định con người do các yếu tố ấy cấu thành: kết quả phải là công trình của độc giả; và khi ấy nếu họ lầm lẫn, toàn bộ sai sót sẽ là chuyện của họ”.

Dựng lại lịch sử cuộc đời và con người mình bằng cái nhìn hồi cố, Rousseau rất chú ý đến cội nguồn của những yếu tố cấu thành nhân cách, đến mầm mống của những ý tưởng làm cơ sở cho các luận đề sau này Thời kỳ trọ học ở Bossey ngời ca cuộc sống thôn dã đơn sơ và sự giáo dục không gò bó; vụ chiếc lược gãy lý giải nỗi ghê sợ bạo lực và bất công; sự tiếp xúc với các linh mục ở Viện dưỡng dục Turin, việc gặp gỡ tu sĩ đồng tính ở Lyon, biện minh cho thái độ chống giáo quyền; ấn tượng sâu xa về bác nông dân sợ hãi nhân viên thu thuế khơi nguồn cho sự căm ghét áp bức... Dường như có một sự thẩm nhiễm, hòa nhập giữa trải nghiệm và lý thuyết, đem lại sức mạnh cho cuốn tự truyện. *Những lời bộc bạch* cho thấy những nỗi đau của tác

giả, trong cuộc chiến đấu chống lại một xã hội bất công, làm hư hỏng và nô lệ hóa cá nhân, cái xã hội đã bị ông lên án trong các công trình trước đó (*Luận về khoa học và nghệ thuật, Luận về nguồn gốc của sự bất bình đẳng giữa các con người, Khế ước xã hội*). Ta thấy sự tách biệt giữa Rousseau và các triết gia trong nhóm Bách khoa toàn thư: không phải nhà duy vật vô thần, ông có tín ngưỡng, tất nhiên theo cách của nhân vật linh mục trợ tế miền Savoie trong *Émile*, mà lời tuyên tín đã khiến tác phẩm và tác giả điêu đứng; ông hoài nghi niềm tin ở lý tính đơn thuần và ở sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật. Rousseau tự coi mình còn duy trì được những yếu tố của tính bản thiện tự nhiên ở con người chưa bị xã hội đồi bại làm ô nhiễm. Thiên nhiên và cảm xúc được dành vị trí quan trọng, trong quá trình kiếm tìm bản sắc, khám phá cái tôi. Thiên nhiên là khung cảnh mà hạnh phúc thời thơ ấu và tuổi thanh xuân không thể tách rời: cuộc gặp gỡ hai thiếu nữ ở Annecy diễn ra giữa miền quê với cỏ, hoa và tiếng hót của chim họa mi, hình ảnh bà De Warens gắn bó với “phong cảnh xinh đẹp”, với màu xanh trước khung cửa sổ. Không chỉ là khung cảnh, thiên nhiên còn dạy dỗ: “Sự giản dị của cuộc sống đồng nội đem lại cho tôi một điều tốt lành vô giá, khi mở lòng cho tôi đón nhận tình bạn”, hòa hợp với tâm tư con người: Bossey “thiên đường trần gian”, sau khi cậu bé Jean-Jacques khám phá và nếm trải sự bất công, “dường như hoang vu và u tối”; thiên nhiên thức tỉnh và nuôi dưỡng cảm hứng: “Quang cảnh miền quê, những vẻ tươi đẹp nối tiếp nhau, không khí thoáng đãng [...] phóng thích tâm hồn tôi, khiến tôi táo bạo hơn trong tư duy”. Thiên nhiên khơi mớ mộng, là cội nguồn của niềm an lạc về thể chất và tâm hồn “nhìn thấy nước tôi thường đắm vào một nỗi mơ màng tuyệt diệu”, thiên nhiên chở che an ủi trong nghịch cảnh. Ẩn náu tại đảo Saint-Pierre, giữa hồ Biemme, nhà văn lưu vong thốt lên: “Ôi thiên nhiên! Ôi mẹ của tôi! Tôi đang ở dưới sự bảo hộ duy nhất của mẹ; nơi đây không hề có con người khôn khéo và xảo quyệt xen vào giữa mẹ và tôi”.

Cuốn tự truyện được chia thành hai phần khác biệt nhau rõ rệt. Như tác giả nói rõ, phần Một dành cho ba mươi năm của tuổi thanh xuân với những hồi ức tươi mát và êm đềm, với “muôn ngàn ấn tượng thú vị”, phần Hai thuật lại quãng thời gian tương tự, đầy những biến động trong cuộc chiến đấu với bản thân, với xã hội: vinh quang, danh tiếng, khổ đau, tai họa... Kết cấu phần Một cân đối, các quyển có số trang tương đương, tuy bao trùm những khoảng thời gian không đều nhau, có khi mười mấy năm có khi chỉ mấy tháng. Mỗi hồi tưởng là một lạc thú mới mẻ, được tác giả trở đi trở lại “và có thể xếp đặt sửa sang không ngại ngừng những điều miêu tả cho đến khi hài lòng”. Thiên diễm tình của cha và mẹ, của “hiệp sĩ” Jean-Jacques với cô De Vulson và cô Goton, tấn bi-hài kịch về cây hồ đào và kênh dẫn nước ở Bossey, chuyện chiếc bình Héron, cảnh hái quả anh đào cho hai thiếu nữ... Là những khoảnh khắc tuyệt vời với người tự thuật, cũng như với người đọc. Phần hai, viết nhanh trong trạng thái “lo sợ và dăng trí, bị những kẻ rình mò và canh gác đầy cảnh giác đầy ác ý vây bọc”, có kết cấu lỏng lẻo hơn. Cuộc đối đầu liên miên với những trở ngại, những sự ngược đãi, các tài liệu, thư từ được viện dẫn, khiến số trang của mỗi quyển tăng lên.

Một vấn đề thường được nêu lên, xung quanh *Những lời bộc bạch*, cũng như nhiều tự truyện khác: sự thực và tính xác thực (vérité et véracité). Rousseau đôi khi lầm lẫn: mẹ ông không phải con gái, mà là cháu gái của mục sư; thời gian Rousseau ở nhà ông cậu không phải hai năm mà chưa đến một năm; hình như ông chỉ có ba con hoặc bốn con, (hay không hề có con?). Raymond Trousson* nói đến tính tương đối của khái niệm sự thật trong tự truyện, bởi nói hết mọi điều là không thể, và bởi cấu trúc của một truyện kể không thích hợp với việc tuôn ra mọi hồi ức, lịch sử một cuộc đời được cái nhìn hồi cố xây dựng lại, phải có hướng, phải theo một tuyến chủ đạo. Theo Raymond Trousson, lầm lẫn không phải là dối trá, và “một sự khảo sát sâu rộng, kỹ càng đã cho thấy tác phẩm rất ít điều dối trá”. Mở đầu cuốn tự

truyện, Rousseau cũng nói rằng nếu có lúc ông “điểm tô đôi chút một cách vô thường vô phạt, thì chỉ để bổ khuyết một chỗ trống do thiếu trí nhớ mà thôi”. Mở đầu phần Hai, ông cho biết sẽ không có lại được những giấy tờ, tư liệu để bổ sung cho ký ức và “chỉ còn một hướng dẫn viên trung thành có thể trông cậy, đó là những tình cảm tiếp nối biểu thị tính liên tục của con người tôi, và qua chúng mà biểu thị tính liên tục của những biến cố từng là nguyên nhân hay kết quả của chúng”. Ông cũng nhận thức rằng ký ức cảm tính sẽ lựa chọn theo cách của nó “chỉ thuật lại với tôi duy nhất những điều thú vị”, và sau này ông khẳng định sự thực chủ quan, sự thực nội tâm ấy “đáng trọng hơn sự kiện gấp trăm lần”^{*}.

Phong phú và đa nghĩa, kể từ khi xuất bản (phần Một năm 1782, phần Hai năm 1789) cho đến nay, *Những lời bộc bạch* không ngừng là đối tượng cho những phương pháp tiếp cận khác nhau. Nhiều điều được cách đọc phân tâm học khai thác: việc Jean-Jacques ra đời khiến người mẹ thiệt mạng, tình của người cha với yêu thương và oán trách hòa trộn, khoái cảm của chú bé lên mười nhận sự trừng phạt từ bàn tay cô gái ba mươi tuổi, hành vi ác với Marion bắt nguồn từ cảm nghĩ trù mến... Cách đọc xã hội học chú trọng đến hoàn cảnh kinh tế, địa vị giai cấp, khi lý giải thái độ kiên quyết khước từ ân huệ của triều đình, lựa chọn sự thanh bần và tự do, khi phân tích những ý tưởng sắc sảo, cũng như những điều cực đoan, hoặc mâu thuẫn trong các luận điểm của Rousseau. Cậu thiếu niên Jean-Jacques nghĩ về sự cách biệt với người anh họ thân thiết, từ khi mình làm thợ học việc “anh là một cậu con trai của chốn cao sang; tôi, gã học việc còm, tôi chỉ còn là một thằng bé của Saint-Gervais, giữa chúng tôi không còn sự ngang hàng nữa...”, và hơn hai mươi năm sau, nhà văn viết cho bà De Francueil “chính đẳng cấp của những người giàu, chính đẳng cấp của bà lấy cắp của đẳng cấp chúng tôi miếng ăn cho các con tôi”, với các nhà phê bình chú trọng đến ngôn ngữ, phong cách, ba bản thảo chép tay *Những*

lời bộc bạch mà Rousseau để lại là tư liệu khảo sát quý giá. Rousseau nhiều lần bộc bạch nhược điểm không “lợi khẩu”, không nhanh trí để ứng đối trong các phòng khách, nhưng ông tự tin ở văn tài, kết quả của lao động kiên nhẫn và sáng tạo (Quả thật con người tự học này đạt được những điều phi thường: học nhạc trong khi dạy nhạc và bằng cách dạy nhạc, vậy mà ông phụ trách hai trăm mục từ về âm nhạc cho Bách khoa toàn thư, sáng tác một vở nhạc kịch nổi tiếng ở cung đình và ở Paris, biên soạn một cuốn *Từ điển âm nhạc* cho đến thế kỷ XIX vẫn là sách tham khảo!). Không thuộc loại tác gia “xuất khẩu thành thi”, Rousseau sáng tác rất công phu, cẩn trọng. Qua mỗi bản thảo, những sửa chữa, giảm nhẹ hay nhấn mạnh, bổ sung hay lược bớt, cho thấy Rousseau người tự thuật vẫn là “người làm văn chương đến cùng” (Jean-Louis Lecercle). Chính vì tác giả *Những lời bộc bạch* là “thợ thủ công văn chương” (Michel Launay), là “pháp sư văn chương” (Raymond Trousson), mà người dịch tự thấy bị đặt trước một nhiệm vụ cực kỳ khó khăn. Và cảm giác bất lực của người dịch, cũng như sự trông cậy ở những góp ý của độc giả, là chân thành.

Cũng rất chân thành, lời cảm ơn gửi tới những người thân, bạn bè và đồng nghiệp đã giúp đỡ về tư liệu, đã đóng góp ý kiến, đặc biệt là nữ giáo sư Nicole Mozet, nhà giáo Margaret Nicot, nhà nghiên cứu Tanguy L'Aminot - chuyên gia về Rousseau, Giáo sư Hoàng Thị Châu, Tiến sĩ Trần Quốc Dương, nhà giáo Lê Thúc Khiêm, nhạc sĩ Lê Dũng.

LÊ HỒNG SÂM

Phần Một

Đây là bức chân dung duy nhất về con người, được miêu tả đúng chân tướng và hoàn toàn thành thực, hiện có và chắc sẽ không bao giờ có. Dù quý vị là ai chẳng nữa, khi định mệnh của tôi hay lòng tin của tôi đã khiến quý vị thành trọng tài phán xử số phận cuốn số này, tôi khẩn cầu quý vị, vì những bất hạnh của tôi, vì tâm can của quý vị, và nhân danh toàn thể loài người, xin đừng hủy hoại một công trình độc nhất vô nhị và hữu ích, có thể dùng làm văn kiện đối chiếu đầu tiên cho việc nghiên cứu con người, việc nghiên cứu này chắc chắn hãy còn phải bắt đầu, và xin đừng tước đi của người đã qua đời vật lưu niệm chắc chắn duy nhất về tính cách của tôi, chưa bị kẻ thù làm biến dạng. Cuối cùng, dù chính quý vị có là một trong những kẻ thù không đội trời chung ấy, xin hãy thôi thù địch với năm tro tàn của tôi, và xin đừng mang sự bất công tàn ác của mình cho đến thời mà quý vị cũng như tôi không còn sống nữa, để quý vị ít ra cũng một lần có thể cao thượng tự chứng tỏ mình đã quảng đại và nhân hậu khi có thể ác tâm và hằn thù: nếu cho rằng điều ác dành cho một người chưa từng làm hoặc muốn làm điều ác, có thể được gọi là trả thù.

Quyển Một

Tôi trù tính một công việc không hề có kiểu mẫu, và sẽ chẳng ai bắt chước thực thi. Tôi muốn phô bày cùng đồng loại một con người hoàn toàn đúng với chân tướng; và con người ấy, sẽ là tôi đây.

Riêng mình tôi. Tôi cảm nhận được cõi lòng mình, và tôi hiểu mọi người. Tôi được tạo ra chẳng giống một ai trong những người tôi từng thấy; tôi dám chắc là chẳng giống một ai trong những người đang hiện hữu. Nếu tôi không đáng giá hơn, thì ít ra tôi cũng khác biệt. Liệu tạo hóa làm đúng hay làm sai khi đập vỡ chiếc khuôn mà tạo hóa đã ném tôi vào, điều này mọi người chỉ có thể xét đoán sau khi đã đọc tôi.

Tiếng kèn của ngày Phán xử cuối cùng hãy vang lên khi nào muốn, tôi sẽ cầm trong tay cuốn sách này, đến trình diện trước Thượng Đế. Tôi sẽ nói rõ ràng: “Đây là những gì con từng làm, những gì con từng nghĩ, những gì con từng là. Con đã kể điều hay và điều dở cùng trung thực như nhau. Con đã chẳng im đi một điều gì xấu, cũng chẳng thêm một điều gì tốt; và nếu có lúc con điểm tô đôi chút một cách vô thường vô phạt, thì chỉ để bổ khuyết một chỗ trống do mình kém trí nhớ mà thôi; con có thể cho là đúng, những gì con biết là có thể đúng, chứ những gì con biết là sai thì không bao giờ. Con thế nào con đã phô bày con thế ấy; hèn hạ đáng khinh khi con hèn hạ đáng khinh; nhân hậu, hào hiệp, cao thượng khi con như vậy: con đã bộc lộ nội tâm con

hết như chính Người đã thấy nó. Thượng Đế, xin Người hãy tập hợp xung quanh con hằng hà sa số đồng loại của con; họ hãy nghe những lời con bộc bạch, họ hãy rên rỉ vì những điều hèn hạ của con, họ hãy đổ mắt vì những điều đê mạt của con. Đến lượt mỗi người trong số họ hãy phơi bày cõi lòng mình dưới chân Người cũng thành thật như vậy; rồi xem liệu có ai dám thừa với Người rằng: *Con tốt hơn cái kẻ kia.*”

Tôi ra đời tại Genève, năm 1712, cha là Isaac Rousseau, công dân, mẹ là Suzanne Bernard, nữ công dân. Một tài sản thật nhỏ nhoi, chia cho mười lăm người con, khiến phần của cha tôi hầu như chẳng đáng gì, ông chỉ có nghề thợ đồng hồ làm kế sinh nhai, mà quả thực ông rất khéo tay nghề. Mẹ tôi, con gái mục sư Bernard, giàu hơn: bà có nét na và có nhan sắc; cha tôi lấy được bà chẳng phải không khó khăn vất vả. Tình yêu của họ khởi đầu gần như cùng với cuộc đời họ: ngày từ tám chín tuổi, chiều nào họ cũng cùng dạo chơi trên đường La Treille; mười tuổi, họ không thể rời nhau nữa. Mỗi đồng cảm, sự hòa hợp về tâm hồn, làm vững chắc thêm tình cảm hình thành do thói quen, cả hai, bản tính dịu dàng và đa cảm, chỉ chờ đợi thời điểm tìm được cùng tổ chất ấy ở một người khác, hoặc thời điểm ấy chờ đợi chính họ thì đúng hơn, và mỗi người bèn trao gửi lòng mình cho tấm lòng đầu tiên mở ra đón nhận nó. Số phận, dường như ngăn trở mỗi tình say đắm của họ, lại chỉ khích lệ nó mà thôi, chàng trai, không lấy được người yêu, héo hon vì đau khổ; nàng khuyên chàng hãy đi xa để quên nàng đi. Chàng đi xa không kết quả, và quay về si tình hơn bao giờ hết. Chàng gặp lại người mình yêu dịu dàng và chung thủy. Sau thử thách này, chỉ còn yêu nhau suốt đời mà thôi, họ thề nguyện như vậy, và trời phù hộ lời thề của họ.

Gabriel Bernard, anh của mẹ tôi, phải lòng một trong những chị em của cha tôi; nhưng cô chỉ bằng lòng lấy người anh với điều kiện em trai mình lấy được cô em gái. Tình yêu thu xếp mọi sự, và hai đám cưới cử hành cùng ngày. Như vậy cậu tôi là chồng của cô tôi, và các

con của họ là anh em vừa con cô vừa con cậu với tôi. Mỗi đôi sinh một con sau một năm; rồi lại phải xa nhau.

Cậu Bernard tôi là kỹ sư: cậu sang Hungary phục vụ Đế chế dưới thời hoàng thân Eugène. Cậu có thành tích trong cuộc vây hãm và trong trận chiến thành Belgrade. Cha tôi, sau khi anh trai duy nhất của tôi ra đời, được vời sang Constantinople, và thành thợ đồng hồ của hoàng cung. Trong thời gian ông vắng nhà, nhan sắc của mẹ tôi, trí tuệ, tài năng* của bà khiến bà được ngưỡng mộ. Ông De la Closure, khâm sứ Pháp, là một trong những người hâm mộ sốt sắng nhất. Chắc hẳn niềm say mê của ông phải mãnh liệt, vì ba mươi năm sau tôi hãy còn thấy ông cảm động khi nói chuyện với tôi về bà. Để tự bảo vệ, mẹ tôi không chỉ có đức hạnh mà còn nhiều hơn thế, bà yêu chồng tha thiết; bà giục ông về: ông rời bỏ hết thầy, và quay về. Tôi là kết quả đáng buồn của sự trở lại này. Mười tháng sau, tôi ra đời quặt quẹo và ốm yếu; tôi khiến mẹ tôi mất mạng, và sự ra đời là bất hạnh đầu tiên trong các bất hạnh của tôi.

Tôi không biết cha tôi chịu đựng mất mát ấy như thế nào nhưng giờ đây tôi biết là ông chẳng bao giờ nguôi khuây, ông tưởng như thấy lại mẹ tôi ở tôi, mà không sao quên được rằng tôi đã khiến ông mất bà; chẳng bao giờ ông ôm hôn tôi mà tôi không cảm thấy qua những tiếng thở dài, qua những vòng tay siết quắn quại, rằng một nỗi tiếc cay đắng hòa lẫn những vuốt ve của ông: những vuốt ve ấy chỉ vì thế mà thêm dịu dàng âu yếm. Khi ông bảo tôi: “Jean-Jacques này, ta hãy nói chuyện về mẹ con đi”, tôi bảo ông: “Thế thì, cha ời, chúng ta sẽ lại khóc thôi”, và chỉ riêng câu ấy đã khiến ông rơi lệ. Ông rên rỉ nói: “Ôi, con hãy trả mẹ lại cho cha, hãy khiến cha nguôi khuây về mẹ, hãy lấp đầy khoảng trống mẹ để lại trong lòng cha. Liệu cha có yêu con đến thế hay không, nếu như con chỉ là con trai cha mà thôi?” Bốn mươi năm sau khi mất mẹ tôi, ông qua đời trong vòng tay vợ kế, nhưng miệng gọi tên người vợ cả, và trong đáy lòng là hình ảnh bà.

Các bậc thân sinh ra tôi là vậy. Trong tất cả những thiên tư họ được trời phú, thiên tư duy nhất họ để lại cho tôi là một con tim đa cảm; nhưng con tim ấy đã tạo nên hạnh phúc của họ, và tạo nên mọi bất hạnh của đời tôi.

Tôi sinh ra gần như ngắc ngoải; mọi người ít hy vọng giữ được cho tôi sống. Tôi mang theo một mầm mống bệnh hoạn cứ nặng lên theo năm tháng, và giờ đây chỉ thỉnh thoảng ngưng nghỉ để rồi lại khiến tôi đau đớn tệ hại hơn theo cách khác. Một cô em của cha tôi, dễ thương và nết na, chăm chút tôi chu đáo đến mức cứu được tôi. Vào lúc tôi viết những điều này, bà hãy còn sống, ở tuổi tám mươi, chăm sóc một ông chồng ít tuổi hơn bà, nhưng tàn tạ vì rượu chè. Cô thân yêu, cháu tha thứ cho cô đã làm cháu sống, và cháu buồn phiền vì không thể hoàn lại vào cuối đời cô những chăm lo âu yếm cô đã ban cho cháu ở buổi đầu đời của cháu! Tôi cũng có u Jacqueline hãy còn sống, khỏe mạnh và cứng cáp. Những bàn tay đã mở mắt cho tôi khi tôi sinh ra có thể sẽ vuốt mắt cho tôi khi tôi chết đi.

Tôi cảm nhận trước khi suy nghĩ: đó là số phận chung của loài người. Tôi trải nghiệm điều này nhiều hơn người khác. Tôi không biết mình làm những gì cho đến lúc lên năm lên sáu; tôi không hiểu mình đã học đọc như thế nào; tôi chỉ nhớ những cuốn sách đầu tiên tôi đọc và ấn tượng chúng gây ra cho tôi: đó là thời gian mà từ bấy tôi không ngừng có ý thức về bản thân. Mẹ tôi đã để lại những cuốn tiểu thuyết, cha tôi và tôi bắt đầu đọc chúng sau khi ăn tối. Thoạt tiên vấn đề chỉ là luyện cho tôi đọc nhờ những cuốn sách vui vui; nhưng chẳng bao lâu niềm thích thú thành mãnh liệt đến mức chúng tôi lần lượt đọc không ngừng nghỉ, và thức qua đêm để làm việc này. Bao giờ chúng tôi cũng chỉ rời được cuốn sách khi nó kết thúc. Đôi khi cha tôi, sáng ra nghe tiếng chim én, then thùng bảo: “Chúng mình đi ngủ thôi; cha còn trẻ thơ hơn con.”

Trong thời gian ngắn, nhờ phương pháp nguy hiểm này, chẳng những tôi biết đọc và tự hiểu một cách cực kỳ dễ dàng, mà còn thông

hiếu được các đam mê, một sự thông hiểu độc nhất vô nhị ở lứa tuổi tôi. Tôi chẳng có một khái niệm gì về sự vật, thế mà mọi tình cảm tôi đã biết cả. Tôi chưa quan niệm được điều gì hết, tôi đã cảm nhận hết mọi điều. Những xúc động mơ hồ này, mà tôi liên tiếp cảm thấy, không hề làm hỏng lý trí mà tôi còn chưa có; nhưng chúng tạo cho tôi một lý trí mang tổ chất khác, và khiến tôi có những quan niệm kỳ cục và lãng mạn về đời người, mà trải nghiệm và suy tưởng đã chẳng bao giờ chữa cho tôi khỏi hẳn được.

Những cuốn tiểu thuyết chấm dứt cùng với mùa hè năm 1719. Mùa đông năm sau, là thứ khác. Đọc hết tủ sách của mẹ tôi, chúng tôi cầu viện đến phần tủ sách của ông ngoại mà chúng tôi được thừa hưởng. May thay, trong đó có những sách tốt; và sự thể khó mà khác được, bởi tủ sách này quả thật do một mục sư gây dựng, lại còn là nhà thông thái nữa, vì thuở ấy điều này hợp thời thượng, nhưng ông là người tài trí và có óc thẩm mỹ. *Lịch sử Giáo hội và lịch sử Đế chế* do Le Sueur soạn; *Luận văn về lịch sử thế giới* của Bossuet; các *Danh nhân* của Plutarque; *Lịch sử thành Venise* do Nani viết; *Hóa thân* của Ovide; *La Bruyère*; *Các thế giới* của Fontenelle; *Đối thoại của những người chết* cũng do ông viết, và vài cuốn của Molière, được mang sang phòng cha tôi, và ngày nào tôi cũng đọc cho ông trong khi ông làm việc. Tôi bắt đầu thích đọc những sách này, một ham thích ít thấy, và có lẽ độc nhất vô nhị ở lứa tuổi đó. Đặc biệt Plutarque thành tác giả được tôi ưa mến nhất. Do thích thú đọc đi đọc lại ông liên tục mà tôi bớt mê tiểu thuyết đôi chút; và chẳng bao lâu tôi ưa chuộng Agésilas, Brutus, Aristide hơn là Orondate, Artamène và Juba*. Từ những cuốn sách thú vị này, từ những trao đổi do sách tạo cơ hội giữa cha con tôi, hình thành cái tinh thần tự do và Cộng hòa, cái tính cách bất khuất và kiêu hãnh, không chịu nổi ách áp bức và phận nô lệ, nó đã giầy vò tôi suốt đời trong những tình cảnh ít thích hợp nhất để giúp nó cất cánh. Không ngừng bận tâm về Rome và Athènes, có thể nói là sống với những danh nhân của các đô thành ấy, bản thân mình sinh ra là công

dân một nước Cộng hòa, và là con trai một người cha mà tình yêu tổ quốc là niềm đam mê mạnh mẽ nhất, noi gương ông tôi hứng khởi với tình yêu ấy; tôi ngỡ mình là người Hy Lạp hay La Mã; tôi trở thành nhân vật mà mình đang đọc về cuộc đời: những truyện kể về các hành vi kiên trì và dũng cảm từng tác động đến tôi khiến mắt tôi sáng quắc và giọng nói sang sảng. Một hôm trong bữa ăn tôi kể lại chuyện mạo hiểm của Scaevola*, mọi người hoảng sợ thấy tôi giơ bàn tay ra và giữ tay trên một chiếc hỏa lò để thể hiện hành động của nhân vật.

Tôi có một người anh hơn tôi bảy tuổi. Anh học nghề của cha tôi. Tình thương yêu cao độ mọi người dành cho tôi khiến anh hơi bị lơ là, và giờ đây tôi chẳng tán thành chuyện này. Sự lơ là ấy ảnh hưởng đến việc giáo dục anh. Anh sinh hoạt phóng dăng, ngay khi chưa đến tuổi làm một kẻ phóng dăng thực sự. Mọi người đưa anh đến học một thầy khác, anh trốn nhà thầy đi chơi như từng trốn khỏi nhà cha mình. Tôi gần như chẳng gặp anh; tôi chỉ có thể nói là đã làm quen đôi chút với anh; nhưng tôi chẳng vì thế mà không yêu anh tha thiết, còn anh cũng yêu tôi như một gã vô lại có thể yêu cái gì đó. Tôi còn nhớ một lần cha tôi trừng phạt anh một cách khắc nghiệt và giận dữ, tôi đã lao thẳng vào giữa hai người, ôm chặt lấy anh. Tôi lấy thân mình che cho anh, nhận những miếng đòn đánh vào anh; và tôi cứ khăng khăng nhất mực như vậy, thành thử cuối cùng cha tôi phải tha cho anh, hoặc mềm lòng vì những tiếng gào và nước mắt của tôi, hoặc để khỏi ngược đãi tôi nhiều hơn anh. Cuối cùng anh tôi hư nát đến mức trốn đi và biệt hẩn tăm tích. Một thời gian sau, mọi người biết là anh ở nước Đức. Anh không viết thư một lần nào. Từ dạo ấy mọi người chẳng có tin tức của anh nữa, và tôi thành con một như vậy đó.

Nếu như chàng trai tội nghiệp ấy bị nuôi dạy cầu thả, thì sự thể không như vậy với đứa em của anh; và có lẽ con vua cháu Chúa cũng chẳng được chăm chút nhiệt tình như tôi được chăm chút suốt những năm đầu đời, được tất cả xung quanh nâng niu yêu quý, và điều này

còn hiếm thấy hơn nữa, luôn được đối xử như đứa trẻ được yêu dấu, không bao giờ như đứa trẻ được nuông chiều. Cho đến khi tôi ra khỏi ngôi nhà của cha, chưa bao giờ mọi người để tôi một mình chạy rong ngoài phố với những trẻ khác; chưa bao giờ mọi người phải kiềm chế cũng chưa bao giờ phải thỏa mãn ở tôi một tính khí ngông cuồng nào mà người ta cứ gán cho tạo hóa, thực ra tất cả chỉ do sự giáo dục mà thôi. Tôi có những khuyết điểm của lứa tuổi mình; tôi huyền thuyên, tôi tham ăn, đôi khi dối trá. Có lẽ tôi đã thó trái cây, kẹo, đồ ăn; nhưng chưa bao giờ tôi thích thú làm điều ác, gây thiệt hại, đổ tội cho người khác, hành hạ những con vật tội nghiệp. Tuy nhiên tôi còn nhớ đã một lần tè vào nôi của một bà láng giềng, tên là bà Clot, trong khi bà đi nhà thờ nghe giảng đạo. Thậm chí tôi xin thú nhận rằng hồi ức ấy giờ đây còn khiến tôi bật cười, vì bà Clot, tóm lại là người tốt, nhưng đúng là bà lão cẩu nhẩu nhất tôi từng thấy trong đời. Đó là câu chuyện ngăn ngui và xác thực về mọi việc làm sai trái trẻ thơ của tôi.

Làm sao tôi trở thành tai ác được, khi trước mắt tôi chỉ có những tấm gương hiền dịu, và xung quanh tôi chỉ có những người tốt nhất trên đời? Cha tôi, cô tôi, u tôi, họ hàng của tôi, bạn bè, hàng xóm của chúng tôi, tất cả xung quanh tôi quả thực không vâng theo tôi, nhưng yêu mến tôi; còn tôi cũng yêu mến họ như vậy. Những ý muốn của tôi rất ít bị kích thích và rất ít bị ngăn trở, thành thử tôi chẳng nghĩ đến chuyện có ý muốn. Tôi có thể thề rằng, cho đến khi bị lệ thuộc vào một chủ nhân, tôi chưa biết thế nào là một ý ngông. Ngoài thời gian đọc hay viết bên cạnh cha, và thời gian được u đưa đi dạo, bao giờ tôi cũng ở cùng cô tôi, nhìn cô thêu thùa, nghe cô hát, ngồi hay đứng bên cạnh cô; và tôi hài lòng. Tính tình vui vẻ của cô, sự dịu dàng của cô, gương mặt xinh xắn dễ thương của cô, đã để lại trong tôi những ấn tượng mạnh đến mức giờ đây tôi còn nhìn thấy dáng vẻ của cô, ánh mắt của cô, thái độ của cô: tôi nhớ lại những lời lẽ ngọt ngào êm ái của cô; tôi có thể nói cô ăn mặc và chải tóc như thế nào, không quên

hai vòng tóc đen uốn cong cong trên thái dương, theo thời trang thuở ấy.

Tôi tin rằng nhờ cô mà tôi ham thích hay đúng hơn là đam mê âm nhạc, niềm đam mê chỉ rất lâu sau này mới phát triển nơi tôi. Cô biết một số lượng nhiều đến phi thường những điệu nhạc và bài ca mà cô hát bằng một giọng thật êm dịu. Sự thanh thản về tâm hồn của cô gái tuyệt vời này đẩy ra xa cô và xa tất cả những gì quanh cô sự mơ màng và nỗi buồn. Tiếng hát của cô hấp dẫn tôi đến mức chẳng những nhiều bài ca vẫn luôn được lưu giữ trong ký ức, mà thậm chí giờ đây khi trí nhớ không còn, có những bài đã hoàn toàn quên từ thời thơ ấu, dần dần hiện trở lại theo tuổi già, với một sức mê hoặc khôn tả. Liệu có ai bảo rằng tôi, ông lão lẩm cẩm, mòn mỏi vì lo nghĩ và đau buồn, đôi khi bất chợt thấy mình vừa khóc như một đứa trẻ, vừa lẩm rầm những điệu nhạc bằng một giọng đã rè và run rẩy? Đặc biệt có một điệu mà nhạc thì tôi nhớ lại trọn vẹn; nhưng nửa sau các lời ca cứ mãi không chịu cho hồi tưởng bắt chấp mọi cố gắng, tuy tôi mơ hồ nhớ được các vần. Đây là đoạn khởi đầu, và những gì còn lại mà tôi có thể hồi tưởng:

Tircis, em chẳng dám

Nghe tiếng sáo của chàng

Dưới cây du non;

Vì trong xóm làng

Đã xì xào bàn tán.

.....

.... Người chăn chiên

..... Ước hẹn

..... Bình yên

Và hồng nào hồng chẳng có gai.

Tôi tìm xem đâu là sức mê hoặc cảm động của bài ca này đối với lòng tôi: đó là một sự ưa chuộng bất thường mà tôi không hiểu gì cả; nhưng tôi chẳng thể nào hát cho đến hết mà không bị nước mắt tuôn rơi ngăn lại. Đã hàng trăm lần tôi dự định viết thư đến Paris nhờ tìm kiếm nốt phần lời, nếu có ai đó còn thuộc. Nhưng tôi hầu như tin chắc rằng niềm thích thú khi hồi tưởng điệu nhạc sẽ phần nào tan biến, nếu tôi có chứng cứ là những người khác ngoài cô Suzon tội nghiệp của mình từng hát nó.

Những niềm thương mến đầu tiên khi tôi bước vào đời như thế đó: vậy là bắt đầu hình thành hay bắt đầu lộ ra nơi tôi cái con tim vừa thật kiêu hãnh vừa thật dịu dàng, cái tính cách ẻo lả, thế mà lại bất khuất, luôn dao động giữa sự yếu đuối và lòng can đảm, giữa sự nhu nhược và đức độ, nó khiến tôi mâu thuẫn với chính mình đến tận cùng, và đã làm cho sự kiêng nể cũng như sự hưởng thụ, lạc thú cũng như tiết độ, tôi đều bỏ lỡ như nhau.

Cung cách giáo dục này bỗng bị đứt đoạn vì một biến cố mà hậu quả đã ảnh hưởng đến phần còn lại của đời tôi. Cha tôi cãi cọ với một ông Gautier, đại úy bên Pháp, và có quan hệ trong Hội đồng. Tay Gautier này, con người hèn nhát và ngạo mạn, bị chảy máu mũi, và, để trả thù, buộc tội cha tôi đã rút kiếm ra sử dụng trong thành phố. Họ định bỏ tù cha tôi, ông khẳng khẳng muốn rằng, theo luật, kẻ buộc tội cũng phải vào tù như ông: do không đạt được điều ấy, ông thà ra khỏi Genève và lưu vong suốt phần đời còn lại, hơn là nhượng bộ về một vấn đề mà ông thấy như danh dự và tự do bị vi phạm.

Tôi ở lại dưới sự giám hộ của cậu Bernard tôi, khi ấy là viên chức tại đồn lũy Genève. Con gái đầu của cậu đã mất, nhưng cậu có một con trai bằng tuổi tôi. Chúng tôi cùng được gửi đến Bossey* ở trọ nhà mục sư Lambercier, để học tại đó, cùng với tiếng Latin, toàn bộ mớ lộn xộn vụn vặt mà người ta kèm theo nó dưới cái tên là sự giáo dục.

Hai năm sống ở làng quê làm dịu đi đôi chút sự khắc khổ kiểu La Mã, và đưa tôi trở lại trạng thái trẻ thơ. Tại Genève, nơi mọi người chẳng áp đặt cho tôi điều gì hết, tôi yêu thích sự chuyên cần, việc đọc sách; đó hầu như là trò vui duy nhất; tại Bossey, sự học hành lại khiến tôi yêu thích các trò chơi dùng để giải lao cho việc học. Miền thôn dã đối với tôi thật mới mẻ thành thử tôi vui hưởng nó không biết chán. Tôi đem lòng ham thích nơi thôn dã, một niềm ham thích thật mãnh liệt đến mức chưa bao giờ có thể nguôi tắt. Hồi ức về những ngày hạnh phúc trải qua tại đó khiến tôi tiếc nuối thời gian lưu trú và những niềm vui của nó, ở mọi độ tuổi, cho đến cái tuổi đã dẫn tôi trở lại nơi ấy. Ông Lamercier là một người rất biết phải trái, chẳng sao nhãng việc dạy dỗ chúng tôi, song không hề bắt chúng tôi phải làm nhiều bài quá mức. Điều chứng tỏ ông làm tốt là, mặc dù ghét sự gò bó, song tôi chưa bao giờ chán lờm khi nhớ lại những giờ học, và nếu như tôi không học được nhiều ở ông, thì những điều học được tôi đã học dễ dàng, và đã không quên gì hết.

Sự giản dị của cuộc sống đồng nội đem lại cho tôi một điều tốt lành vô giá, khi mở lòng cho tôi đón nhận tình bạn. Cho đến bấy giờ tôi chỉ biết những tình cảm cao cả, nhưng tưởng tượng. Thói quen sống cùng nhau trong một trạng thái êm đềm khiến tôi gấn bó một cách triu mến với Bernard anh họ tôi. Sau một thời gian ngắn tôi có những tình cảm thân thương đối với Bernard hơn tình cảm từng có với anh ruột mình, và những tình cảm ấy đã không bao giờ phai nhạt. Đó là một cậu con trai có vóc người cao, rất gầy gò, rất mảnh khảnh, dịu hiền về tâm tính, yếu ớt về cơ thể, và không quá lợi dụng lòng thiên ái của mọi người trong nhà đối với mình, vì anh là con trai vị giám hộ của tôi. Công việc của chúng tôi, trò vui của chúng tôi, sở thích của chúng tôi giống nhau: chúng tôi đơn độc, chúng tôi cùng tuổi, cả hai đều cần có bạn; có thể nói rằng, ngăn cách chúng tôi là hủy hoại chúng tôi. Mặc dù chúng tôi ít có cơ hội chứng tỏ sự gấn bó với nhau, song sự gấn bó ấy là cực độ; và chẳng những chúng tôi không thể sống cách

biệt lấy một lát, mà còn không tưởng tượng được mình lại có thể sống cách biệt. Tâm tính cả hai đều dễ nhượng bộ sự vô về, đều hay chiều lòng khi người ta không định ép buộc mình, chúng tôi luôn đồng ý với nhau mọi điều. Nếu như, do sự ưu đãi của những người trông nom chúng tôi, trước mắt họ anh có đôi chút uy thế đối với tôi, thì khi ở riêng với nhau, tôi lại có một uy thế đối với anh, điều này tái lập sự cân bằng. Trong giờ học, tôi nhắc bài cho anh khi anh ngắc ngứ; khi bài dịch ngược của tôi đã làm xong, tôi giúp anh làm bài của anh, và, trong các trò vui của chúng tôi, sở thích năng động hơn của tôi luôn hướng dẫn anh. Rốt cuộc tính cách của chúng tôi hết sức hòa hợp, và tình bạn liên kết chúng tôi hết sức chân thật, thành thử trong hơn năm năm trời gần như không thể rời nhau, ở Bossey cũng như ở Genève, thú thực là chúng tôi hay đánh nhau, nhưng không bao giờ mọi người cần phải tách chúng tôi ra, không bao giờ có cuộc cãi cọ nào kéo dài hơn một khắc đồng hồ, và chúng tôi không bao giờ kết tội lẫn nhau. Những nhận xét này có thể nói là trẻ con, nhưng lại cho ta một thí dụ có lẽ là duy nhất từ khi có những đứa trẻ trên đời.

Cách sống ở Bossey hợp với tôi đến mức chỉ thiếu điều nó chẳng dài lâu hơn để định hình hoàn toàn tính cách của tôi. Những tình cảm dịu dàng, thương mến, thuần hòa, là nền tảng của tính cách này. Tôi cho rằng chẳng một cá nhân nào trong nhân loại có bản tính ít tự đặc như tôi. Trong từng đà hưng phấn tôi nâng mình lên những cảm kích cao thượng, nhưng lập tức rơi trở lại trạng thái thần thờ uể oải. Khao khát mãnh liệt nhất của tôi là được tất cả những gì tiếp cận mình yêu mến mình. Tôi hiền; anh họ tôi hiền; bản thân những người trông nom dạy dỗ chúng tôi cũng hiền. Hai năm ròng tôi không chứng kiến cũng không phải chịu một xúc cảm dữ dội nào. Mọi sự đều nuôi dưỡng trong lòng tôi những khuynh hướng được tạo hóa ban cho. Tôi chẳng biết điều gì thú vị hơn là thấy tất cả mọi người hài lòng về tôi và về mọi sự. Tôi sẽ nhớ mãi rằng ở giáo đường, trong khi trả lời vấn đáp về giáo lý, phải lúc tôi ngắc ngứ, thì không gì khiến tôi bối rối hơn là

nhìn thấy trên mặt cô Lamercier những dấu hiệu lo lắng và buồn phiền. Chỉ riêng điều đó làm tôi đau khổ hơn là nỗi hổ thẹn vì mắc lỗi trước công chúng, điều này tuy thế khiến tôi cực kỳ phiền não; vì tuy ít miễn cảm trước những lời khen, tôi lại luôn hết sức miễn cảm với nỗi hổ thẹn, và tôi có thể nói tại đây rằng việc chờ đợi những lời quở trách của cô Lamercier không khiến tôi lo ngại bằng nỗi sợ gây phiền muộn cho cô.

Tuy nhiên cô chẳng thiếu nghiêm khắc khi cần thiết, cũng như ông anh; nhưng vì sự nghiêm khắc này, hầu như luôn đúng đắn, chẳng bao giờ cáu giận, nên tôi đau buồn vì điều ấy mà không hề chống đối. Tôi buồn bực vì làm mất lòng hơn là vì bị phạt, và dấu hiệu bất bình đối với tôi ác nghiệt hơn hình phạt thể chất. Giải thích rõ hơn cũng phiền phức, nhưng cần phải giải thích. Xin mọi người hãy thay đổi phương pháp đối với giới trẻ, nếu mọi người thấy rõ hơn hậu quả xa xôi của cái phương pháp họ vẫn luôn sử dụng một cách không phân biệt, và thường không tế nhị! Bài học lớn có thể rút ra từ một thí dụ vừa thông thường vừa tai hại khiến tôi quyết định cung cấp thí dụ này.

Vì cô Lamercier có tình yêu thương của một người mẹ đối với chúng tôi, nên cô cũng có quyền uy của người mẹ, và đôi khi sử dụng uy quyền đó đến mức phạt chúng tôi theo cách phạt trẻ con* khi chúng tôi đáng bị như vậy. Một thời gian khá lâu cô chỉ dọa thôi, và sự đe dọa về một hình phạt hoàn toàn mới mẻ đối với tôi khiến tôi thấy nó dường như rất hãi hùng; nhưng sau khi thi hành, tôi thấy trải nghiệm nó không khủng khiếp bằng chờ đợi nó, và điều kỳ cục hơn nữa là sự trừng phạt ấy khiến tôi thêm yêu mến người đã phạt mình. Thậm chí phải cần đến toàn bộ sự thành thật của niềm yêu mến ấy và toàn bộ bản tính hiền dịu mới ngăn được tôi tìm cách làm cho mình lại đáng để bị đối xử như vậy; vì tôi đã tìm thấy trong cái đau, thậm chí trong nỗi hổ thẹn, một sự pha trộn nhục cảm khiến tôi khao khát nhiều hơn là sợ trải nghiệm nó một lần nữa do cùng bàn tay ấy. Quả thật, chắc hẳn do một bản năng giới tính sớm phát triển nào đó xen vào điều này, nên tôi

thấy cũng hình phạt ấy mà nhận từ ông anh cô có lẽ chẳng hề thú vị. Nhưng, theo như tính khí của ông, thì chẳng đáng lo mấy về sự thay thế này; và nếu như tôi giữ cho mình không đáng bị phạt, thì chỉ vì sợ làm cô Lamercier giận; bởi uy lực của thiện tâm trong tôi, ngay cả thiện tâm nảy sinh do nhục cảm, mạnh đến mức trong lòng tôi bao giờ nó cũng bắt nhục cảm phải phục tùng.

Sự tái phạm, mà tôi tránh song không sợ, xảy đến không do lỗi của tôi, nghĩa là không do tôi cố ý, và có thể nói là tôi lợi dụng nó mà chẳng thẹn với lương tâm. Nhưng lần thứ hai này cũng là lần cuối, vì cô Lamercier, có lẽ nhận ra qua dấu hiệu nào đó là hình phạt ấy không đạt mục đích, liền tuyên bố rằng cô từ bỏ nó và nó làm cô quá mệt. Cho đến bấy giờ chúng tôi vẫn ngủ trong phòng của cô, và đôi khi cả trong giường của cô vào mùa đông. Hai ngày sau mọi người cho chúng tôi sang ngủ ở một phòng khác, và từ đó trở đi tôi có vinh dự, mà có lẽ tôi chẳng cần đến, được cô đối xử như người con trai đã lớn.

Ai mà tin được rằng cái hình phạt với con trẻ, nhận ở tuổi lên tám từ tay một cô gái ba mươi, đã định đoạt sở thích của tôi, ham muốn của tôi, đam mê của tôi, định đoạt tôi cho phần đời còn lại, và đúng theo hướng trái ngược với những gì đáng lẽ tiếp theo một cách tự nhiên? Đồng thời với nhục cảm được khơi gợi, thì ham muốn nơi tôi tự để bị lừa phỉnh đến mức, chỉ giới hạn ở những gì tôi đã cảm nhận, chúng không hề nghĩ đến chuyện tìm kiếm điều gì khác, với một dòng máu nóng bỏng nhục cảm hầu như từ lúc ra đời, tôi giữ được mình trong trẻo không hề bị vấy bẩn cho đến tuổi mà những tính khí lạnh lùng nhất và chậm trễ nhất cũng phát triển. Bị giày vò day dứt rất lâu mà chẳng hiểu vì sao, tôi nhìn chòng chọc bằng ánh mắt nồng cháy những phụ nữ xinh đẹp; trí tưởng tượng của tôi không ngừng khiến tôi nhớ lại họ, duy chỉ để sử dụng họ theo kiểu của mình, và biến họ thành bấy nhiêu cô Lamercier.

Ngay cả sau tuổi dậy thì, sở thích kỳ cục này, luôn bền vững và đi tới mức hư hỏng, tới mức điên dại, đã duy trì cho tôi phẩm hạnh đứng đắn mà dường như nó phải tước đi của tôi mới đúng. Nếu như có sự giáo dục nào đoan chính và thanh khiết, thì chắc chắn đó là sự giáo dục mà tôi đã tiếp nhận. Ba bà cô của tôi không chỉ là những người nết na mẫu mực, mà còn có sự giữ gìn ý tứ từ lâu rồi phụ nữ chẳng biết đến nữa. Cha tôi, người ưa khoái lạc, nhưng phong nhã theo kiểu cũ, khi ở bên những người đàn bà ông yêu nhất, cũng không bao giờ có những lời lẽ khiến một trinh nữ có thể đỏ mặt; và chẳng bao giờ niềm tôn trọng phải có đối với trẻ em được đưa đến mức cao hơn như trong gia đình tôi và trước mặt tôi; ở nhà ông Lamercier tôi cũng thấy mọi người cẩn thận không kém về mục này; và một chị đầy tớ rất tốt bị đuổi việc vì một từ ngữ hơi bạo mà chị đã thốt ra trước mặt chúng tôi. Cho đến tuổi thanh niên chẳng những tôi không có một ý tưởng rõ ràng nào về sự phối hợp các giới, mà ý tưởng mơ hồ ấy bao giờ cũng chỉ xuất hiện với tôi dưới một hình ảnh khả ố và đáng tởm. Với gái điếm tôi có một nỗi kinh sợ chưa bao giờ phai nhạt: tôi không thể nhìn một kẻ trụy lạc mà không khinh miệt, thậm chí không hải hùng, vì niềm gớm ghét của tôi đối với sự trụy lạc lên tới mức ấy, từ cái ngày mà nhân đi đến Saconnex bằng một con đường rừng, tôi nhìn thấy hai bên đường các khoang hồng dưới đất, người ta bảo tôi rằng những kẻ kia giao phối với nhau ở đó. Những gì tôi từng thấy về sự giao phối của những con chó cái cũng luôn trở lại tâm trí tôi khi nghĩ đến những sự giao phối khác, và chỉ riêng hồi ức ấy đã khiến tôi nôn ọe.

Những thành kiến này của sự giáo dục, bản thân chúng phù hợp để trì hoãn những bùng nổ đầu tiên của một tính khí dễ cháy, được hỗ trợ, như tôi đã nói, nhờ sự khuây khỏa mà những kích thích đầu tiên của nhục cảm đem lại cho tôi. Do chỉ tưởng tượng được điều mình đã cảm nhận, nên bất chấp những phần khích rất khó chịu, tôi chỉ biết hướng ham muốn đến kiểu khoái lạc mình đã biết, chứ không bao giờ đi đến tận niềm khoái lạc mà người ta đã biến thành bi ối đáng ghét

đối với tôi, và nó rất gần gũi với khoái lạc kia mà tôi chẳng hề ngờ tới. Trong những trò ngông đại dột, trong những nhiệt cuồng nhục dục, trong những hành vi kỳ cục mà đôi khi nhiệt cuồng nhục dục đẩy tôi vào, tôi nhờ cậy sự giúp đỡ của giới kia trong tưởng tượng, mà chẳng bao giờ nghĩ rằng giới ấy lại hợp với bất kỳ cách sử dụng nào khác ngoài cách sử dụng mình khát khao khai thác.

Vậy là với một tính khí rất nồng nhiệt, rất đa dâm, rất sớm phát triển, tuy thế tôi vẫn qua tuổi dậy thì mà không ham muốn, không biết lạc thú nhục thể nào khác ngoài những lạc thú mà cô Lamercier đã rất ngây thơ làm cho tôi biết một cách đại khái; nhưng khi năm tháng tiến triển rồi cuộc đã khiến tôi trưởng thành, thì cũng như vậy, điều lẽ ra làm hỏng tôi lại gìn giữ được tôi. Sở thích trẻ thơ ngày trước, thay vì tan biến, lại liên kết với sở thích kia đến mức tôi chẳng bao giờ gạt được nó khỏi những ham muốn do nhục cảm khơi gợi; và sự điên rồ ấy, cộng thêm bản tính rụt rè, luôn khiến tôi rất ít dạn gái, bởi chẳng dám nói mọi điều hoặc chẳng thể làm mọi sự, vì kiểu lạc thú, mà lạc thú kia đối với tôi chỉ là cực hạn, không thể bị kẻ ham muốn nó tiếm đoạt, cũng không thể được người có khả năng ban phát nó đoán ra. Tôi đã suốt đời thèm muốn và nín lặng như vậy bên cạnh những con người mà tôi yêu nhất. Chẳng bao giờ dám phát biểu sở thích của mình, ít ra tôi cũng làm nó khuây khỏa bằng những quan hệ khiến tôi vẫn nghĩ được đến nó. Quý gối bên một tình nương hách dịch, vâng lệnh nàng, có những điều phải xin lỗi nàng, là những lạc thú rất ngọt ngào đối với tôi; và trí tưởng tượng mãnh liệt càng khiến khí huyết tôi bùng bùng, thì tôi càng có vẻ một người tình sững sờ bên lến. Ta hiểu rằng cung cách yêu đương như thế khiến sự việc không tiến triển thật nhanh, và không thật nguy hiểm cho đức hạnh của những phụ nữ là đối tượng của cách yêu đương ấy. Vậy là tôi đã chiếm hữu rất ít, nhưng không phải không hưởng thụ rất nhiều theo cách của tôi, nghĩa là bằng tưởng tượng. Nhục cảm, đồng lòng với tính tình rụt rè và đầu óc lảng mạn, đã gìn giữ cho tôi những tình cảm trong trẻo và phẩm hạnh đứng đắn

như thế đó, nhờ đúng những sở thích mà, nếu thêm một chút liều lĩnh trơ tráo, có lẽ sẽ chìm tôi vào những khoái lạc thô bạo nhất.

Tôi đã đi được bước đầu tiên và là bước nhọc nhằn nhất trong mê lộ tối tăm và lầy bùn của những điều bực bực. Không phải trọng tội là điều gian khổ hơn cả khi nói ra, mà là những gì kỳ cục đáng cười và đáng hổ thẹn. Từ giờ tôi tin chắc ở mình: sau những điều vừa cả gan nói ra, thì không gì ngăn được tôi nữa. Mọi người có thể ước lượng được những lời thú nhận như thế đã khiến tôi khổ não đến chừng nào, căn cứ vào việc, là suốt cuộc đời tôi, bên những người phụ nữ mình yêu, đôi khi bị cuốn vào nhiệt cuồng của một mối đam mê nó làm tôi mất khả năng nhìn, nghe, bị loạn trí và toàn thân quặn quai run rẩy, thế mà tôi chưa bao giờ có gan bày tỏ với họ sự điên rồ của mình, và nài xin họ, trong tình trạng thân mật thâm kín nhất, ân huệ duy nhất còn thiếu bên những ân huệ khác. Điều ấy chỉ xảy ra với tôi một lần khi còn nhỏ, với một cô bé cùng độ tuổi; hơn nữa lại chính cô bé ngó ý trước.

Lần ngược lên như vậy đến những dấu vết đầu tiên của bản thể có cảm giác, tôi tìm thấy những yếu tố, đôi khi dường như xung khắc, song chẳng khỏi kết hợp để sản sinh một cách mạnh mẽ một hiệu quả đồng dạng và thuần nhất; và tôi tìm thấy những yếu tố khác, giống nhau bề ngoài, song do sự ngẫu hợp những tình huống nào đó, đã tạo ra những tổ hợp thật khác biệt, đến mức người ta không bao giờ tưởng tượng chúng lại có quan hệ gì với nhau. Thí dụ ai mà tin được rằng một trong những động lực mạnh mẽ nhất của tâm hồn tôi lại đắm trong cùng một ngọn nguồn nơi sự dâm dật và tính nhu nhược đã chảy vào huyết mạch tôi? Không rời bỏ vấn đề tôi vừa nói tới, song mọi người sẽ thấy từ vấn đề này xuất hiện một ấn tượng khác hẳn.

Một hôm tôi ngồi học bài một mình trong gian phòng giáp với nhà bếp. Chị đầy tớ đã hong những chiếc lược của cô Lamercier trên tấm sắt ở lò sưởi. Khi chị quay lại lấy lược, có một chiếc bị gãy cả một hàng răng. Quy kết cho ai trách nhiệm về thiệt hại này đây? Chẳng ai

khác ngoài tôi đã vào gian phòng. Mọi người tra hỏi tôi: tôi không nhận mình đã động đến chiếc lược, ông Lamercier và cô Lamercier hợp sức lại, khuyến khích tôi, thúc ép tôi, đe dọa tôi: tôi khẳng khái; nhưng niềm tin chắc quá mạnh, nó thắng mọi lời cự cãi của tôi, mặc dù đây là lần đầu tiên mọi người thấy tôi cả gan nói dối đến thế. Chuyện được coi là nghiêm trọng; nó đáng như vậy. Tai ác, nói dối, ngoan cố, xem ra đều đáng phạt cả; nhưng lần này không phải do cô Lamercier xử phạt. Mọi người viết thư cho cậu Bernard tôi; cậu đến. Anh họ tội nghiệp của tôi bị kết một tội khác nặng không kém; chúng tôi bị gồm chung trong cùng một hình phạt. Nó thật kinh khủng. Trong khi tìm thuốc chữa ở ngay căn bệnh, giá như mọi người muốn nhục cảm hư hỏng của tôi nhụt đi mãi mãi, thì có lẽ họ chẳng thể làm tốt hơn được. Bởi vậy những nhục cảm này để cho tôi yên thân lâu dài.

Mọi người không ép được tôi thú nhận điều mà họ đòi hỏi. Bị mắng bị phạt nhiều lần và bị đẩy vào tình trạng kinh khủng nhất, tôi vẫn trơ như đá vững như đồng. Tôi có thể cam chịu cái chết, và tôi đã quyết như vậy. Sức mạnh cũng phải chịu thua sự ương bướng quái quỷ của một đứa trẻ; vì người ta chẳng gọi sự kiên trì của tôi bằng tên nào khác. Cuối cùng tôi ra khỏi thử thách ác nghiệt này người tươi tắn, nhưng đắc thắng.

Giờ đây đã gần năm mươi năm sau sự biến ấy, và tôi chẳng sợ bị phạt một lần nữa vì cùng sự việc; thì này! Tôi tuyên bố trước mặt ông trời rằng tôi vô tội, rằng tôi đã không làm gãy cũng không động đến chiếc lược, rằng tôi đã không đến gần tấm sắt, và thậm chí chẳng nghĩ đến chuyện ấy. Đừng có hỏi tôi làm thế nào mà sự thiệt hại lại xảy ra: tôi không biết và không sao hiểu nổi; điều tôi biết rất chắc chắn, đó là tôi vô tội trong chuyện ấy.

Xin hãy hình dung một tính cách rụt rè và dễ bảo trong đời sống bình thường, nhưng nồng nhiệt, kiêu hãnh, bất khuất trong các đam mê; một đứa trẻ luôn do tiếng nói của lẽ phải chỉ huy, luôn được đối

xử nhẹ nhàng, công bằng, chiều chuộng, một đứa trẻ thậm chí không có khái niệm về sự bất công, thế mà lần đầu tiên đứa trẻ ấy trải nghiệm một bất công thật ghê gớm từ chính những người mà nó yêu quý và kính trọng nhất: đảo lộn biết mấy về tư tưởng! Hỗn loạn biết mấy về tình cảm! Bàng hoàng thảng thốt biết mấy trong tim, trong óc, trong toàn bộ con người trí năng và đạo lý bé bỏng ở nó! Tôi nói rằng mọi người hãy tưởng tượng tất cả những điều này, nếu có thể; vì với tôi thì tôi cảm thấy mình bất lực không làm sáng tỏ, không theo dõi được một dấu vết nhỏ nhoi nào của những gì diễn ra lúc đó nơi mình.

Tôi còn chưa có đủ lý trí để cảm nhận rằng những vẻ bên ngoài kết tội mình biết mấy, và để đặt mình vào vị trí của người khác. Tôi đứng ở vị trí của mình, và toàn bộ những gì tôi cảm nhận, đó là sự hà khắc của một hình phạt ghê gớm cho một trọng tội mà tôi không phạm phải, cái đau của thân thể, tuy dữ dội, song tôi ít cảm thấy; tôi chỉ cảm thấy công phần, điên giận, tuyệt vọng. Anh họ tôi, ở vào một trường hợp gần tương tự, và bị phạt vì một lỗi vô tình bị coi như một hành vi cố ý, cũng nổi cơn giận dữ theo gương tôi, và có thể nói là tự bốc mình lên hòa đồng với tôi. Cả hai trên cùng một chiếc giường, chúng tôi ôm lấy nhau quằn quại cảm kích, chúng tôi nghẹn thở, và khi những trái tim non trẻ đã với khuây đôi chút có thể phả cơn giận ra, chúng tôi ngồi dậy và cả hai lấy hết sức lực hét lên hàng trăm lần: *Carnifex! Carnifex! Carnifex!*[*](#)

Giờ đây khi đang viết ra điều này tôi còn cảm thấy mạch đập mạnh; những khoảnh khắc ấy sẽ luôn hiện diện với tôi, dù tôi có sống đến mười vạn tuổi. Cảm nghĩ đầu tiên về bạo lực và sự bất công đã khắc ghi hết sức sâu xa trong tâm hồn tôi, thành thử mọi ý tưởng liên quan đến điều ấy đều đem trở lại cho tôi xúc động đầu tiên; và cảm nghĩ này, liên quan đến tôi ở khởi điểm của nó, đã thật vững chắc trong bản thân nó, và đã tách khỏi mọi lợi ích riêng tư, thành thử con tim tôi bùng bùng phẫn khích khi nhìn thấy hoặc nghe kể lại bất kỳ

hành động bất công nào, dù diễn ra tại nơi nào và đối tượng là thế nào, cứ như thể hậu quả rơi vào mình vậy. Khi tôi đọc về những sự tàn ác của một bạo Chúa dữ tợn, về những sự nham hiểm tinh vi của một linh mục giáo quyệt, tôi có thể tình nguyện ra đi để đâm dao găm vào những tên khốn nạn ấy, dù có phải chết trăm lần vì thế. Tôi đã nhiều khi đâm đĩa mỡ hôi để chạy đuổi theo hoặc ném đá theo một con gà trống, một con bò, một con chó, một con vật mà tôi thấy đang hành hạ con vật khác, duy chỉ vì nó cảm thấy nó là kẻ mạnh hơn. Cảm kích ấy có thể là tự nhiên ở tôi, và tôi tin là nó tự nhiên; nhưng hồi ức sâu xa về sự bất công đầu tiên mà tôi phải chịu gắn bó với cảm kích này quá lâu và quá mạnh thành thử không khỏi tăng cường nó rất nhiều.

Trạng thái thanh thản của cuộc đời thơ ấu của tôi kết thúc ở đó. Từ thời điểm ấy tôi ngừng vui hưởng một hạnh phúc trong trẻo, và thậm chí giờ đây tôi cũng cảm thấy hồi ức về vẻ đẹp quyến rũ của tuổi thơ tôi dừng ở đó. Chúng tôi còn ở lại Bossey thêm vài tháng nữa. Chúng tôi ở đó như mọi người thường thể hiện với chúng ta con người đầu tiên còn ở thiên đường trần gian, nhưng đã thôi vui hưởng thiên đường ấy: bề ngoài tình hình vẫn như cũ, song thực ra là một cách tồn tại hoàn toàn khác. Niềm quyến luyến, sự tôn trọng, tình thân mật, lòng tin, không còn gắn bó các cậu học trò với những người hướng dẫn mình nữa; chúng tôi không còn nhìn họ như những vị thần thánh hiểu lòng mình nữa: chúng tôi ít hồ thẹn hơn khi làm bậy và sợ bị kết tội nhiều hơn: chúng tôi bắt đầu giấu giếm, nổi loạn, dối trá. Mọi thói tật của lứa tuổi làm hỏng sự thơ ngây của chúng tôi và khiến những trò chơi của chúng tôi xấu xí đi. Ngay cả miền quê cũng mất đi trong mắt chúng tôi vẻ hấp dẫn dịu dàng và bình dị làm cảm động lòng người: chúng tôi thấy nó dường như hoang vu và u tối; như thể nó đã phủ lên mình một tấm màn che đi với chúng tôi những vẻ đẹp của nó. Chúng tôi thôi vun xới những mảnh vườn con của mình, cỏ cây, hoa lá của mình. Chúng tôi không còn nhẹ nhệ bởi đất, và reo lên vui sướng khi phát hiện hạt mình gieo đã nảy mầm. Chúng tôi chán ngấy cuộc sống

ấy; mọi người chán ngấy chúng tôi; cậu tôi rút chúng tôi về, và chúng tôi chia tay ông Lamercier cùng cô Lamercier, ngán lẫn nhau, và xa lìa nhau ít nuôi tiếc.

Gần ba mươi năm trôi qua kể từ khi ra khỏi Bossey, tôi chẳng nhớ lại thời gian lưu trú một cách thú vị qua những hồi ức gắn liền với nhau đôi chút: nhưng từ khi hết thời đứng tuổi ngả sang cảnh già, tôi cảm thấy cũng những hồi ức ấy tái sinh trong khi các hồi ức khác mờ đi, và chúng khắc ghi trong trí nhớ tôi với những nét mà sự hấp dẫn và sức mạnh tăng lên từng ngày; cứ như thế, cảm thấy sự sống đang thoát đi, tôi tìm cách nắm bắt lại nó từ những bước khởi đầu. Những sự kiện nhỏ nhặt nhất của thời ấy khiến tôi thích thú, duy chỉ vì chúng thuộc thời ấy. Tôi nhớ lại mọi tình huống của nơi chốn, của con người, của giờ giấc. Tôi nhìn thấy người hầu gái hay anh đầy tớ đang làm việc trong phòng, một con chim én bay vào qua cửa sổ, một con ruồi đậu xuống bàn tay tôi trong khi tôi đang đọc bài: tôi nhìn thấy toàn bộ sự sắp xếp căn phòng chúng tôi ở; bên phải là thư phòng của ông Lamercier, một bức tranh in trình bày tất cả các vị giáo hoàng, một phong vũ biểu, một tấm lịch to, những cây phúc bồn tử, từ một khu vườn rất cao mà ngôi nhà lặn sâu vào phía sau, che rợp cửa sổ và đôi khi xòa vào tận bên trong. Tôi biết rõ là độc giả chẳng cần biết lắm tất cả những điều ấy, nhưng tôi thì tôi cần nói với họ những điều ấy. Sao tôi không dám kể như vậy cho họ mọi mẩu chuyện nho nhỏ của cái tuổi hạnh phúc ấy, những mẩu chuyện hầy còn khiến tôi rùng mình thích thú khi nhớ lại! Đặc biệt là năm hay sáu chuyện... Chúng ta hãy thỏa thuận. Tôi miễn cho các vị năm chuyện; nhưng tôi muốn một, chỉ một thôi, miễn là mọi người để cho tôi kể lại nó dài dòng hết mức có thể, để kéo dài niềm vui thú của tôi.

Nếu tôi chỉ tìm vui thú cho các vị, thì tôi có thể chọn mẩu chuyện về cái mộng của cô Lamercier, do cô rủi ro ngã nhào ở mạn dưới đồng cỏ, mà phơi ra lồ lộ trước nhà vua Sardaigne khi ngài đi qua^{*}: nhưng mẩu chuyện về cây hồ đào ở sân trước thì vui hơn đối với tôi là

đương sự, trong khi tôi chỉ là người chứng kiến vụ ngã nhào; và tôi xin thú thật rằng tôi chẳng tìm ra một lời nào để cười cợt trước một biến cố, tuy hài hước ở bản thân nó, song khiến tôi lo sợ cho một người mà tôi yêu như một bà mẹ, và có lẽ còn hơn thế.

Ôi các vị độc giả tò mò muốn biết câu chuyện quan trọng về cây hồ đào của sân trước, xin hãy nghe bi kịch ghê gớm của nó, và xin đừng rùng mình nếu các vị có thể!

Bên ngoài cửa ra vào sân, có một sân trước ở bên trái lối vào, mọi người thường ra đó ngồi vào buổi chiều, nhưng sân trước này không có bóng mát. Để tạo bóng râm, ông Lamercier cho trồng tại đó một cây hồ đào. Việc trồng cây tiến hành một cách long trọng: hai cậu học sinh ở trọ là người đỡ đầu cho cây; và, trong khi mọi người lấp hố đất, chúng tôi mỗi người vừa một tay giữ cây vừa hát những khúc ca khải hoàn. Để tưới cây, mọi người đào một kiểu bồn chứa xung quanh gốc. Hằng ngày, là những người chứng kiến nồng nhiệt việc tưới nước đó, anh họ tôi và tôi vững tin vào ý tưởng rất tự nhiên rằng trồng một cái cây trên sân trước thì vẻ vang hơn là cắm một lá cờ lên chỗ hổng ở tường, và chúng tôi quyết định tìm kiếm cho mình vinh quang ấy không chia sẻ cho bất kỳ ai.

Để làm việc này chúng tôi bèn cắt một cành giâm, từ một cây liễu tơ, và chúng tôi trồng cành giâm ấy trên sân trước, cách cây hồ đào uy nghiêm chừng tám hay mười *pied**. Chúng tôi không quên cũng đào một hố trũng quanh cây của mình: cái khó ở chỗ lấy gì làm đầy chỗ trũng; vì nước đến từ khá xa, và mọi người không cho chúng tôi chạy đi lấy nước. Song nhất định phải có nước cho cây liễu của chúng tôi. Chúng tôi dùng đủ loại mưu mẹo để cung cấp nước cho nó trong vài ngày; và việc này có kết quả tốt đến mức chúng tôi thấy nó đâm chồi và mọc ra những chiếc lá be bé mà chúng tôi đo độ lớn từng giờ, tin chắc rằng chẳng mấy chốc cây sẽ tỏa bóng rợp cho mình, mặc dù nó cao hơn mặt đất chưa đến một *pied*.

Vì cái cây của chúng tôi thu hút toàn tâm toàn ý chúng tôi, khiến chúng tôi không chuyên chú vào việc gì được, không học gì được, như thể mê sảng, và vì không biết chúng tôi chống đối ai, nên mọi người coi sóc chúng tôi chặt hơn trước, chúng tôi nhìn thấy khoảnh khắc tai hại mình sẽ thiếu nước, và sầu não chờ đợi thấy cây của mình chết khô. Cuối cùng, sự khẩn thiết, làm nảy sinh tài nghệ, gợi ý cho chúng tôi một phát minh để đảm bảo cho cây và cho chúng tôi khỏi một cái chết chắc chắn: đó là làm dưới mặt đất một cái mương sẽ bí mật dẫn đến cây liễu một phần nước tưới cho cây hồ đào. Công việc này, được thực hiện hăng hái, thoát tiên lại không thành công, chúng tôi đã làm đường dốc quá dốc, thành thử nước không chảy; đất lở xuống và lấp mất mương; nơi dẫn nước vào đầy rác; mọi việc sai hết cả. Không gì khiến chúng tôi nản chí: *Omnia vincit labor improbus*.^{*} Chúng tôi đào sâu thêm đất và bồn chứa, để nước chảy được; chúng tôi xếp các đáy hộp thành những thanh nhỏ hẹp bản, một số đặt nằm nối tiếp nhau, số khác xếp chéo góc hai bên các thanh kia, tạo thành một con kênh hình tam giác để dẫn nước, chúng tôi cắm ở chỗ nước chảy vào những mẩu gỗ nhỏ mảnh và thưa, làm thành một kiểu rào chắn hay tấm ngăn, giữ lại đất bùn và sỏi đá mà không lấp mất lối nước chảy. Chúng tôi phủ công trình cẩn thận bằng đất nện kỹ; và cái hôm làm xong mọi việc, chúng tôi chờ đợi giờ tưới nước, run rẩy vì hy vọng và sợ hãi. Sau hàng thế kỷ chờ đợi, cuối cùng giờ ấy đến; theo lệ thường ông Lamercier cũng đến chứng kiến sự thực thi công việc, trong lúc thực thi này cả hai chúng tôi đứng đằng sau ông để che cái cây của mình, rất may là ông quay lưng lại với nó.

Mọi người vừa mới đổ xong xô nước đầu tiên, là chúng tôi bắt đầu nhìn thấy nước chảy vào bồn chứa của mình. Trước cảnh ấy, chúng tôi mất cả thận trọng; chúng tôi thốt lên những tiếng reo vui sướng khiến ông Lamercier quay người lại, và thật tai hại, vì ông rất

thích thú thấy đất trồng cây hồ đào tốt như thế nào, và hút nước thun thút ra sao. Ngạc nhiên thấy nước chia thành hai bồn, đến lượt ông kêu lên, nhìn ngó, nhận ra trò bất lương, đột nhiên sai đem đến một chiếc cuốc, bổ một nhát, làm tung lên hai ba mảnh từ những thanh gỗ của chúng tôi, thế là, vừa ráng sức kêu: *Một kênh đào! Một kênh đào!* vừa bổ khắp mọi phía những nhát cuốc không thương xót, mỗi nhát trúng vào giữa trái tim chúng tôi. Trong chốc lát những thanh gỗ, đường dẫn, bồn chứa, cây liễu, tất cả bị tàn phá, tất cả bị xới nát, mà trong suốt cuộc chinh phạt ghê gớm ấy, không một lời nào khác được thốt lên, trừ tiếng kêu cảm thán ông lặp lại không ngừng: *Một kênh đào! ông vừa la lên vừa phá nát mọi thứ, một kênh đào! Một kênh đào!*

Có lẽ mọi người tưởng câu chuyện sẽ kết thúc không hay đối với những kiến trúc sư tí hon. Mọi người lầm: mọi sự kết thúc, ông Lamercier không trách chúng tôi một lời, cũng chẳng tỏ vẻ khó chịu, và không nói với chúng tôi về chuyện ấy nữa; thậm chí sau đó một chút chúng tôi còn nghe thấy ông cười rất to với cô em, vì tiếng cười của ông Lamercier nghe được từ xa, và điều lạ lùng hơn nữa, đó là, khi mỗi kinh ngạc đầu tiên qua đi, bản thân chúng tôi cũng không buồn rầu lắm. Chúng tôi trồng ở nơi khác một cái cây khác, và chúng tôi thường hay nhắc lại thảm họa của cái cây trước, lặp lại với nhau một cách khoa trương: *Một kênh đào! một kênh đào!* Cho đến bấy giờ thỉnh thoảng tôi từng có những cơn kiêu hãnh tự hào, khi tôi là Aristide hay Brutus*. Đây là niềm tự đắc rõ rệt đầu tiên ở tôi. Đã tự tay mình xây dựng được một kênh đào, đã để một cảnh giâm đua tranh với một cây to, tôi thấy dường như là đẳng cấp tối cao của vinh quang, ở tuổi lên mười tôi xét đoán về điều này rõ hơn César ở tuổi ba mươi.

Ý tưởng về cây hồ đào và câu chuyện nhỏ liên quan đến nó được tôi nhớ rõ hoặc hồi tưởng rõ đến mức một trong những dự định thú vị nhất của tôi trong chuyến đi Genève, năm 1754, là đến Bossey thăm lại những vật kỷ niệm về các trò chơi thời thơ ấu, nhất là cây hồ đào

thân thương, khi ấy chắc đã được một phần ba thế kỷ. Tôi đã bị quấy nhiễu thật liên tục, đã rất ít làm chủ được bản thân, thành thử không tìm được lúc nào để làm mình thỏa nguyện. Xem ra tôi khó mà có lại cơ hội như vậy. Tuy thế tôi không mất đi mong muốn cũng như hy vọng, và tôi gần như tin chắc rằng nếu có khi nào, trở về những nơi chốn yêu dấu ấy, gặp lại cây hồ đào thân thương hãy còn ở đó, tôi sẽ tưới nó bằng nước mắt của mình.

Trở về Genève, tôi ở nhà cậu tôi hai hoặc ba năm, trong khi chờ đợi mọi người quyết định sẽ sắp xếp cho mình ra sao. Vì cậu tôi dự định để con vào ngành công binh, nên cậu cho con học vẽ chút ít và dạy con các nguyên lý của Euclide. Tôi cùng học tất cả những điều này cho có bầu có bạn, và tôi đam thích, nhất là môn vẽ. Trong khi đó mọi người bàn bạc xem sẽ cho tôi làm thợ đồng hồ, đại tụng hay mục sư. Tôi thích làm mục sư hơn, vì tôi thấy việc thuyết giáo rất hay. Nhưng số lợi tức nhỏ từ tài sản của mẹ tôi, chia cho anh tôi và tôi, không đủ để tôi theo đuổi việc học. Vì độ tuổi của tôi khiến việc chọn lựa trên chưa thật cấp bách, nên tôi ở lại nhà cậu trong khi chờ đợi, gần như uống phí thì giờ, và chẳng vì thế mà không trả một khoản tiền trọ khá cao, điều này cũng phải lẽ.

Cậu tôi, người ưa khoái lạc giống cha tôi, không biết tự chế ngự vì bốn phận như cha tôi, và khá ít chăm lo chúng tôi. Mẹ tôi là người sùng đạo hơi ngả theo phái kiên tín, thích hát thánh ca hơn là coi sóc việc giáo dục chúng tôi. Mọi người để cho chúng tôi gần như hoàn toàn tự do, song chúng tôi không bao giờ lạm dụng tình trạng này. Luôn gần bó khăng khít, hai chúng tôi đủ cho nhau và, do chẳng hề tìm cách giao du với lũ trẻ lêu lổng trạc tuổi mình, chúng tôi không nhiễm một thói quen bừa bãi nào mà cảnh nhàn rỗi có thể xui khiến. Thậm chí tôi còn sai lầm khi cho rằng chúng tôi nhàn rỗi, vì chẳng bao giờ chúng tôi ít nhàn rỗi hơn, và điều may mắn là mọi trò chơi mà chúng tôi liên tiếp say mê khiến chúng tôi bận rộn cùng nhau trong nhà, thậm chí chẳng có ý định ra ngoài đường nữa. Chúng tôi làm

những chiếc lồng, những cây sáo, cầu lông, trống con, những ngôi nhà, ống xì đồng, cung nỏ. Chúng tôi làm hỏng các dụng cụ của người ông nhân hậu của tôi, để làm đồng hồ bắt chước ông. Đặc biệt chúng tôi ưa thích hơn cả việc bôi lem luốc lên giấy, vẽ, tô màu nhạt, tô màu rực rỡ, phung phí màu sắc. Có một người Ý làm trò ảo thuật tên là *Gamba-Corta** tới Genève; chúng tôi đi xem anh ta một lần, rồi không muốn đến nữa: nhưng anh ta có những con rối, thế là chúng tôi bắt đầu làm những con rối; rối của anh ta diễn những kiểu hài kịch, thế là chúng tôi làm hài kịch cho rối của mình. Không có khách, chúng tôi nói giọng cổ hợng giả làm Polichinelle, để diễn những vở hài kịch hay ho mà các bậc phụ huynh tốt bụng tội nghiệp của chúng tôi kiên nhẫn nghe và xem. Nhưng vì có một hôm cậu Bernard tôi giảng trong gia đình một bài thuyết giáo rất tuyệt do cậu tự tạo, chúng tôi bèn bỏ hài kịch, và bắt tay vào sáng tác các bài thuyết giáo. Những chi tiết này không thật thú vị, tôi thú nhận như vậy; nhưng chúng cho thấy sự giáo dục ban đầu của chúng tôi chắc là phải đúng hướng đến mức nào, mới khiến cho chúng tôi, hầu như làm chủ thời gian và con người của mình ở một độ tuổi còn non như vậy, mà lại rất ít có ý định lạm dụng điều đó. Chúng tôi rất ít có nhu cầu kết bạn, thành thử thậm chí bỏ qua cơ hội. Trong lúc dạo chơi, chúng tôi nhìn lướt qua những trò chơi của bọn trẻ mà không thêm khát, thậm chí không nghĩ đến chuyện tham gia. Tình bạn làm đầy ắp cõi lòng chúng tôi, thành thử chỉ cần ở cùng với nhau là những sở thích đơn giản nhất cũng khiến chúng tôi vô cùng vui thú.

Cứ nhìn thấy mãi chúng tôi khăng khít găn bó, mọi người đâm chú ý; càng chú ý hơn nữa vì anh họ tôi rất cao còn tôi lại rất thấp, điều này tạo nên một cặp xứng đôi khá kỳ cục. Khuôn mặt dài nhon của anh, bộ mặt như quả táo nấu chín, vẻ nhu nhược, dáng đi uể oải, kích thích bọn trẻ chế nhạo anh. Theo tiếng địa phương mọi người đặt cho anh cái biệt hiệu *Barnâ Bredanna** và hễ vừa ra khỏi nhà là chúng

tôi chỉ nghe thấy gọi *Barnâ Bredanna* khắp xung quanh mình. Anh chịu đựng điều này bình thản hơn tôi. Tôi nổi giận, tôi muốn đánh nhau; đó là điều lũ ranh con cần. Tôi đánh, tôi bị đánh. Anh họ tội nghiệp của tôi hết sức ủng hộ tôi; nhưng anh yếu đuối, chỉ một cú đấm là chúng làm anh ngã nhào. Thế là tôi phát khùng. Tuy nhiên, mặc dù tôi bị nện túi bụi, không phải bọn trẻ có ác cảm với tôi, mà là với *Barnâ Bredanna*; nhưng tôi làm tăng thêm tai vạ do sự giận dữ chống đối của mình, đến mức chúng tôi chỉ dám ra ngoài vào những giờ bọn trẻ ở trong lớp, vì sợ bị lũ học trò la ó và đuổi theo.

Thế là tôi đã làm người bệnh vực kẻ yếu duy trì công bằng rồi. Để là một hiệp sĩ theo thể thức, tôi chỉ thiếu điều có một tình nương; tôi có hai tình nương. Thỉnh thoảng tôi đến thăm cha tôi ở Nyon, thành phố nhỏ thuộc miền Vaud, nơi cha tôi cư trú làm ăn. Cha tôi rất được yêu mến, và con trai ông cảm nhận được thiện ý này. Trong thời gian ngắn ngủi tôi ở lại bên ông, mọi người thi nhau khoản đãi tôi. Một bà De Vulson đặc biệt ngọt ngào vồn vã với tôi; và để đưa điều này đến cực điểm, con gái bà nhận tôi làm người tình hiệp sĩ. Ta hiểu một người tình mười một tuổi là thế nào với một cô gái hai mươi hai. Nhưng tất cả những cô nàng láu cá ấy rất hoan hỉ đặt lên phía trước những hình nhân be bé để che giấu những hình nhân lớn, hoặc để cam dỗ họ bằng hình ảnh của một trò chơi mà các cô biết cách làm thành hấp dẫn! Đối với tôi, người chẳng hề thấy giữa cô nàng và mình có gì không xứng, tôi cho là chuyện thực; tôi toàn tâm nộ mình, hay toàn trí thì đúng hơn, vì tôi chỉ si tình ở trí não mà thôi, mặc dù si đến phát điên, và những cảm kích mãnh liệt của tôi, những rối loạn bất an của tôi, những sự cuồng nhiệt của tôi khiến mọi người cười ngất.

Tôi trải nghiệm hai loại tình yêu rất khác biệt, rất thực, và hầu như không có gì chung, mặc dù tình yêu nào cũng rất mãnh liệt, và cả hai đều khác với tình bạn ngọt ngào âu yếm. Cả cuộc đời tôi đã chia sẻ giữa hai tình yêu có bản chất không hề giống nhau, và thậm chí tôi

từng ném trái cả hai đồng thời; bởi, thí dụ như vào thời điểm tôi đang nói tới, trong khi tôi chiếm lấy cô De Vulson, một cách thật công khai và thật chuyên chế đến mức không chịu được một người đàn ông nào đến gần cô, thì tôi lại có với một cô Goton bé nhỏ những buổi gặp mặt riêng khá ngắn ngủi, nhưng khá mãnh liệt, ở đó cô hạ cố làm cô giáo, và tất cả chỉ có vậy; nhưng tất cả chỉ có vậy, quả thực lại là tất cả đối với tôi, tôi thấy dường như đó là hạnh phúc tối cao; và do đã cảm thấy giá trị của sự bí mật, tuy tôi chỉ biết sử dụng bí mật ấy như trẻ con, tôi đáp trả lại cô Vulson, mà cô chẳng mấy ngờ đến, việc cô cẩn thận dùng tôi để che giấu những mối tình khác. Nhưng tôi rất lấy làm tiếc là bí mật của tôi bị phát hiện, hoặc bị cô giáo bé nhỏ của tôi giữ không kín bằng tôi, vì mọi người nhanh chóng ngăn cách chúng tôi, và ít lâu sau, trở lại Genève, khi đi qua Coutance, tôi nghe thấy những cô bé la lên khe khẽ: *Goton tic tac Rousseau*^{*}.

Quả thực cô Goton bé nhỏ này là một con người đặc biệt. Không đẹp, song cô có một gương mặt khó quên, mà giờ đây tôi còn nhớ, thường là nhớ quá nhiều đối với một ông già điên khùng. Nhất là đôi mắt cô, không hợp với tuổi cô, cả thân hình, cả dáng điệu cũng thế. Cô có một vẻ oai nghiêm và kiêu hãnh rất thích hợp với vai trò của cô, và nó đã làm nảy ra ý tưởng đầu tiên về vai trò này giữa chúng tôi. Nhưng điều kỳ quái nhất ở cô là một sự pha trộn của táo tợn và dè dặt khó mà hiểu được. Cô dám có với tôi những sự suồng sã lớn nhất, song không bao giờ cho phép tôi có một sự suồng sã nào với cô; cô đối xử với tôi đúng như với trẻ con: điều này giờ đây khiến tôi cho rằng, hoặc cô đã thôi là trẻ con, hoặc ngược lại chính cô hãy còn khá trẻ con nên chỉ nhìn thấy một trò chơi ở tình trạng nguy hiểm mà cô dẫn mình vào.

Có thể nói là tôi toàn tâm toàn ý vì mỗi người, và thật trọn vẹn đến mức khi ở với mỗi cô trong hai cô không bao giờ có chuyện tôi nghĩ đến cô kia. Và chẳng chẳng có gì tương tự ở những điều các cô

khiến tôi nểm trái. Có lẽ tôi sống cả đời được với cô De Vulson, chẳng hề nghĩ đến chuyện rời xa cô; nhưng khi đến với cô niềm vui của tôi bình lặng và không đi tới xúc động. Tôi đặc biệt yêu cô khi ở cùng nhiều người; những câu đùa cợt, những sự chọc ghẹo, ngay cả những sự ghen tuông cũng khiến tôi gẩn bó, thích thú; tôi tự hào được cô ưu ái hơn các tình địch người lớn mà cô có vẻ bạc đãi. Tôi bị làm rầy, nhưng tôi thích sự rầy rà ấy. Những tiếng vỗ tay khen ngợi, những lời động viên, những cái cười khiến tôi sôi nổi, cổ vũ tôi. Tôi phấn khích, tôi hăng hái, tôi cảm kích vì tình khi ở trong một nhóm; mặt giáp mặt chắc tôi sẽ ngượng ngịu, lạnh lùng, có thể chán ngán. Tuy nhiên, tôi quan tâm đến cô một cách triu mến; tôi khổ sở khi cô ốm, tôi có thể cho đi sức khỏe của mình để phục hồi sức khỏe của cô, và xin các vị hãy lưu ý rằng do kinh nghiệm tôi biết rất rõ thế nào là ốm, và thế nào là sức khỏe. Vắng cô, tôi nghĩ đến cô, tôi nhớ cô; có mặt bên cô, những vuốt ve của cô ngọt ngào đối với trái tim tôi, không phải với nhục cảm của tôi. Tôi thân mật với cô mà chẳng can gì; trí tưởng tượng chỉ yêu cầu tôi những gì cô chấp thuận cho tôi; tuy nhiên có lẽ tôi sẽ không chịu nổi nếu thấy cô cũng chấp thuận như thế cho người khác. Tôi yêu cô như em trai, nhưng tôi ghen tuông cô như người tình.

Có lẽ tôi sẽ ghen tuông cô Goton như người Thổ Nhĩ Kỳ, như kẻ điên khùng, như hổ, nếu tôi chỉ tưởng tượng là cô có thể đối xử với một kẻ khác như cô chấp thuận đối xử với tôi, vì tự thân điều ấy là một ân huệ phải quỳ xuống mà xin. Tôi đến gần cô De Vulson với một niềm vui thích rất mãnh liệt, nhưng không bối rối; trong khi chỉ nhìn thấy cô Goton, là tôi chẳng nhìn thấy gì nữa hết, mọi giác quan của tôi đều bàng hoàng đảo lộn. Tôi thân mật với cô thứ nhất mà không suồng sã; ngược lại tôi run rẩy cũng như kích động trước mặt cô thứ hai, ngay cả khi suồng sã thân mật nhất. Tôi cho rằng nếu tôi ở quá lâu với cô, có lẽ tôi không sống nổi; những sự hồi hộp chắc sẽ khiến tôi chết ngạt. Tôi sợ ngang nhau việc làm méch lòng họ; nhưng tôi ân cần dễ tính hơn với cô này, và phục tòng hơn với cô kia. Không gì trên đời

khiến tôi muốn làm cô De Vulson giận; nhưng nếu như cô Goton ra lệnh cho tôi lao mình vào lửa, tôi tin là tôi sẽ tuân theo tức khắc.

Những sự yêu đương của tôi, hay đúng hơn là những cuộc hẹn hò của tôi với cô này không được lâu, rất may cho cô và cho tôi. Tuy quan hệ của tôi với cô De Vulson không có cùng mức nguy hiểm như vậy, nhưng chẳng phải là không có thảm họa của nó, sau khi đã kéo dài hơn một chút. Kết thúc của tất cả những điều này bao giờ cũng phải có vẻ lãng mạn đôi chút, và tạo cơ hội cho người ta thốt lên cảm thán. Dù mỗi giao thiệp của tôi với cô De Vulson không mãnh liệt bằng, nhưng có lẽ nó quyến luyến hơn. Chúng tôi chẳng bao giờ chia tay nhau mà không rơi nước mắt, và lạ lùng là sau khi rời cô tôi cảm thấy mình đắm vào một trạng thái trống trải nặng nề khôn xiết. Tôi chỉ có thể nói về cô, chỉ có thể nghĩ về cô: tiếc nuối của tôi thành thật và mạnh mẽ; nhưng tôi cho rằng kỳ thực những tiếc nuối anh dũng này không phải dành hết cho cô, và, tuy tôi không nhận ra, song những trò vui mà cô là trung tâm cũng được dành phần kha khá. Để làm dịu bớt những đau khổ của nỗi thiếu vắng, chúng tôi viết cho nhau những bức thư cảm động khiến đá cũng mềm lòng. Cuối cùng, tôi có vinh dự là cô không cầm lòng được nữa, và cô đến thăm tôi tại Genève. Thế là tôi hoàn toàn luống cuống; tôi say và điên suốt hai ngày cô ở lại. Khi cô ra đi, tôi muốn lao mình xuống nước theo cô, và tôi la hét rầm trời rất lâu. Tám ngày sau, cô gửi cho tôi kẹo và găng tay; điều mà có lẽ tôi cho là hết sức tình tứ phong nhã, nếu như tôi không đồng thời biết tin cô đã kết hôn, và chuyển đi mà cô từng vui lòng làm vinh dự cho tôi là để sắm quần áo cưới. Tôi sẽ chẳng miêu tả nỗi điên giận của mình; mọi người hiểu được nó. Tôi thề nguyện trong niềm phần nộ cao thượng là sẽ không gặp lại con người bội tín ấy nữa, vì không tưởng tượng được sự trừng phạt nào kinh khủng hơn đối với cô. Tuy nhiên cô chẳng chết vì thế; bởi hai mươi năm sau, nhân đến thăm cha tôi và cùng ông dạo chơi trên hồ, tôi hỏi rằng các quý bà tôi nhìn thấy trên một con thuyền không xa thuyền chúng tôi là ai. “Thế nào cơ! Cha tôi

mỉm cười bảo tôi, trái tim con không nói cho con sao? Đó là mối tình cũ của con; đó là bà Christin, là cô De Vulson.” Tôi rùng mình khi nghe cái tên hầu như đã quên đi ấy; nhưng tôi bảo người chèo thuyền đổi hướng khác, vì cho rằng, dù khi ấy tôi có cơ hội khá tốt để trả thù, song chẳng đáng để trái lời thề, và khơi lại một vụ cãi cọ cách đây hai chục năm với một người đàn bà bốn chục tuổi.

Thời gian quý giá nhất của tuổi thơ tôi tiêu phí vào những trò ngớ ngẩn như vậy trước khi mọi người định đoạt tôi sẽ làm nghề gì. Sau nhiều cuộc bàn bạc kéo dài để làm theo khuynh hướng tự nhiên của tôi, cuối cùng mọi người quyết định điều mà tôi ít có khuynh hướng nhất, và đưa tôi đến văn phòng ông Masseron, lục sự của thành phố, để học ông ta cái nghề hữu ích làm thầy cò*, như lời cậu Bernard tôi. Biệt danh này khiến tôi méch lòng cực điểm; hy vọng kiếm nhiều tiền bằng một con đường dễ tiện ít được tính tình cao ngạo của tôi thích thú; tôi thấy công việc có vẻ buồn chán, không chịu nổi; sự cần mẫn, tình trạng bó buộc, làm tôi chán ghét hẳn, và bao giờ tôi cũng chỉ bước vào phòng lục sự với một mối ghê sợ cứ mỗi ngày lại tăng thêm. Về phần mình, ông Masseron, ít hài lòng về tôi, đối xử với tôi một cách khinh miệt, không ngừng chê trách tôi trì độn, ngu dốt; ngày nào cũng nhắc đi nhắc lại rằng cậu tôi đã đảm bảo với ông *là tôi hiểu biết, là tôi hiểu biết*, trong khi thực ra tôi chẳng hiểu biết gì hết; rằng cậu tôi đã hứa với ông một anh chàng xinh trai, thế mà lại chỉ đem cho ông một con lừa. Cuối cùng tôi bị đuổi khỏi phòng lục sự một cách nhục nhã vì sự ngu xuẩn của mình, còn bọn thư ký tập sự của ông Masseron tuyên cáo rằng tôi chỉ hợp với việc sử dụng chiếc giũa mà thôi.

Thiên hướng đã xác định như vậy rồi, tôi được đưa đến học việc, song không phải ở nhà một thợ đồng hồ, mà ở nhà một thợ khắc. Sự khinh miệt của viên lục sự đã khiến tôi cực kỳ xấu hổ, và tôi vâng lời chẳng phản nản. Chủ tôi, ông Ducommun, là một thanh niên thô lỗ và hung tợn, trong thời gian rất ngắn đã làm mờ xỉn được toàn bộ ánh rục

rõ của tuổi thơ tôi, làm dần dần được tính cách giàu yêu thương và nhanh nhẩu của tôi, và buộc được tôi, vì trí tuệ cũng như vì tài sản, phải chịu thân phận đích thực là kẻ học việc. Tiếng Latin của tôi, thời cổ đại của tôi, lịch sử của tôi, tất cả đều bị quên đi trong một thời gian dài; thậm chí tôi không nhớ là có những người La Mã trên đời. Cha tôi, khi tôi đến thăm, không còn thấy ở tôi thần tượng của ông nữa; với các quý bà tôi không còn là chàng Jean-Jacques phong nhã nữa; và bản thân tôi cảm nhận rất rõ rằng ông Lampercier và cô Lampercier có lẽ không còn nhận ra tôi là học trò của họ, thành thử tôi thấy hổ thẹn nếu lại ra mắt họ, và từ đó tôi không gặp lại họ nữa. Những sở thích hèn hạ nhất, sự vô lại thấp kém nhất thay thế những trò vui dễ thương của tôi, thậm chí chẳng để lại cho tôi một ý niệm nhỏ nào về những trò dễ thương ấy. Mặc dù đã được hưởng sự giáo dục đứng đắn nhất, chắc tôi phải có một chiều hướng thoái hóa rất mạnh; vì điều ấy diễn ra thật nhanh, chẳng khó khăn gì, và chưa bao giờ César rất sớm phát triển lại trở thành Laridon* một cách mau chóng đến thế.

Bản thân nghề nghiệp chẳng khiến tôi không ưa: tôi rất thích vẽ, việc dùng dao trổ khá thú vị; và bởi tài năng của người thợ khắc trong ngành đồng hồ rất hạn hẹp, tôi có hy vọng đạt tới mức hoàn thiện, có lẽ tôi sẽ đạt được điều ấy, nếu như sự thô bạo của chủ và tình trạng gò bó quá đỗi không khiến tôi chán ghét công việc. Tôi ăn cắp thời gian lao động để dùng vào những việc cùng loại, nhưng với tôi chúng có sức hấp dẫn của sự tự do. Tôi khắc những loại huy chương để sử dụng cho mình và các bạn nghề, như huy chương hiệp sĩ. Chủ bắt gặp tôi đang làm việc lậu này và nên tôi như tử, bảo rằng tôi luyện tập để làm tiền giả, vì huy chương của chúng tôi có quốc huy nước Cộng hòa. Tôi có thể thề rằng khi ấy tôi chẳng có một khái niệm gì về tiền giả hết, và có rất ít khái niệm về tiền thật. Tôi biết những đồng as La Mã được làm như thế nào rõ hơn là những đồng ba xu của chúng ta.

Sự chuyên chế của chủ rút cuộc khiến tôi thấy không chịu nổi công việc mà lẽ ra tôi yêu thích, và khiến tôi có những thói xấu mà lẽ ra tôi căm ghét, như nói dối, lừa nhác, ăn cắp. Không gì dạy cho tôi hiểu được sự khác biệt giữa tình trạng con phụ thuộc cha với tình trạng nô lệ hèn hạ, rõ hơn là hồi ức về những đổi thay mà thời kỳ ấy gây ra ở tôi. Bản tính rụt rè và hay xấu hổ, tôi không xa cách tật xấu nào hơn là xa cách thói trơ tráo vô liêm sỉ. Nhưng tôi từng được hưởng một sự tự do lương thiện, cho đến bấy giờ chỉ thu hẹp dần từng cấp độ, và cuối cùng thì tan biến hẳn. Tôi từng bạo dạn ở nhà cha tôi, thoải mái ở nhà ông Lamercier, kín đáo ở nhà ông cậu; tôi thành sợ sệt ở nhà chủ tôi, và từ đó tôi là một đứa trẻ hồng rồi. Quen được bình đẳng hoàn toàn với người trên của mình trong cách sống, quen chẳng thấy một thú vui nào không ở tầm tay của mình, chẳng thấy một món ăn nào mà mình không có phần, chẳng một mong muốn nào mà mình không bày tỏ, rút cuộc quen nói ra mồm tất cả những cảm kích trong lòng: các vị hãy xét xem tôi ắt phải thành ra thế nào tại một ngôi nhà mà tôi chẳng dám mở miệng, mà phải ra khỏi bàn ăn khi mới được một phần ba bữa*, phải ra khỏi phòng ngay khi không còn gì để làm ở đó; tại nơi mà, bị trói buộc liên miên vào công việc, tôi chỉ nhìn thấy những lạc thú cho người khác còn riêng mình phải nhịn; tại nơi mà hình ảnh sự tự do của chủ và các bạn nghề tăng thêm gánh nặng cho tình trạng lệ thuộc của mình; tại nơi mà trong các cuộc tranh cãi về những gì mình biết rõ nhất, tôi không dám mở miệng; tại nơi mà rút cuộc mọi thứ nhìn thấy đều trở thành đối tượng thèm khát của lòng tôi, duy chỉ vì tôi bị cấm mọi thứ. Giã biệt sự thoải mái, tính vui vẻ, những câu nói hợp tình hợp cảnh, ngày trước khi tôi mắc lỗi, nhiều lần khiến tôi thoát được hình phạt. Tôi không thể nhớ lại mà không bật cười về một buổi tối, ở nhà cha tôi, vì trò tình nghịch nào đó tôi bị phạt phải đi ngủ không được ăn tối, và khi đi qua bếp cùng với mẫu bánh nhát, tôi nhìn thấy và ngửi thấy món thịt đang quay trên xiên. Mọi người ngồi quanh bếp lửa; tôi phải chào tất cả khi đi qua. Chào xong hết lượt, liếc nhìn món thịt quay, trông rất ngon và mùi rất thơm, tôi không thể không cúi

chào cả nó, và bảo nó bằng một giọng thiếu não: *Chào từ biệt nhé, thật quay*. Câu nói ngây thơ lý thú có vẻ buồn cười đến mức mọi người cho tôi ngồi lại ăn tối. Có thể câu nói ấy cũng có cái may mắn như vậy ở nhà chủ tôi, nhưng chắc chắn là ở đây tôi chẳng nghĩ ra nó, hoặc chẳng dám nói ra.

Vậy là tôi học thêm muốn một cách lặng lẽ, học giấu mình, học che đậy, học nói dối, cuối cùng là lấy trộm, cái trò mà cho đến bây giờ tôi chưa nghĩ đến, và từ đây tôi không thể chữa cho khỏi hẳn. Sự thèm muốn và sự bất lực bao giờ cũng dẫn đến chỗ đó. Đây là vì sao tất cả các gã đầy tớ đều tinh ranh trộm cắp, và vì sao tất cả các thợ học việc có lẽ đều như vậy; nhưng ở một tình trạng bình đẳng và yên lành, tại đó mọi thứ họ nhìn thấy đều ở tầm tay của họ, thì khi lớn lên những thợ học việc sẽ mất đi khuynh hướng đáng hổ thẹn nọ. Do không có cùng lợi thế như vậy, tôi đã không rút ra được cùng lợi ích.

Hầu như bao giờ những tình cảm tốt bị điều khiển sai cũng khiến cho trẻ con đi bước đầu tiên về phía cái xấu. Mặc dù bị thiếu thốn và bị cám dỗ liên tục, tôi đã ở nhà chủ hơn một năm mà không thể quyết định lấy một thứ gì, ngay cả các thức để ăn. Vụ ăn trộm đầu tiên của tôi là một chuyện chiều ý người, nhưng nó mở cửa cho những vụ khác không có một mục đích đáng khen như thế.

Ở nhà chủ tôi có một thợ bạn tên là Verrat, nhà gần đó, có một khu vườn khá xa trồng được những cây măng tây rất ngon. Verrat, không có nhiều tiền, muốn ăn trộm măng đầu mùa của mẹ, và bán đi để hưởng vài bữa trưa ngon lành, vì không muốn tự mình mạo hiểm, và vì anh ta không lanh lẹ lắm, anh ta bèn chọn tôi để làm vụ này. Sau vài lời mơn trớn mào đầu, càng được lòng tôi hơn vì tôi không thấy mục đích, anh ta đề nghị với tôi chuyện ấy như một ý tưởng vừa nghĩ ra tức thì. Tôi tranh cãi rất nhiều, anh ta nài nỉ. Tôi chẳng bao giờ cưỡng lại được sự ngọt ngào dễ dàng; tôi đầu hàng. Sáng nào tôi cũng đi hái những cây măng ngon nhất; tôi mang măng đến Molard, ở đây

một mụ đàn bà nào đó, biết là tôi vừa lấy trộm, bảo tôi như thế để mua được với giá hời. Vì tôi khiếp sợ, bà ta trả bao nhiêu tôi lấy bấy nhiêu; tôi mang tiền đến cho Verrat. Cái đó mau chóng chuyển thành một bữa trưa mà tôi là người cung cấp, còn anh ta ăn cùng một bạn nghề khác; vì với tôi thì do rất hài lòng được vài miếng nho nhỏ, tôi chẳng đụng đến ngay cả rượu vang của họ.

Cái trò này diễn ra nhiều ngày mà tôi chẳng hề nghĩ đến việc lấy cắp của kẻ ăn cắp, và đánh thuế Verrat về khoản thu nhập từ măng của anh ta. Tôi thực hiện việc trộm cắp hết sức trung thành; động cơ duy nhất của tôi là chiều ý người bảo mình làm. Tuy nhiên, nếu như tôi bị tóm, thì chắc tôi phải chịu biết bao nhiêu là đòn roi, là những lời chửi rủa, là những đối xử tàn ác, trong khi kẻ khốn nạn, chối cãi điều tôi nói, sẽ được tin lời, còn tôi thì bị trừng phạt gấp đôi vì đã dám buộc tội anh ta, bởi anh ta là thợ bạn, còn tôi chỉ là thợ học việc! Ở bất kỳ cảnh huống nào kẻ mạnh phạm tội cũng thoát thân mà gây hại cho kẻ yếu vô tội như thế đó.

Như vậy tôi biết được rằng ăn cắp chẳng ghê gớm như mình đã tưởng; và tôi lập tức lợi dụng rất thành công sự hiếu biết của mình, thành thử chẳng thứ gì tôi thêm muốn là an toàn trong tầm tay của tôi. Tôi không bị ăn uống hoàn toàn kham khổ ở nhà chủ, và sự thanh đạm chỉ nặng nề khó chịu đối với tôi khi thấy thiên hạ ít giữ thanh đạm đến thế. Tôi thấy tập quán xưa những người trẻ tuổi ra khỏi bàn ăn khi dọn lên những gì cảm dỗ họ nhất có vẻ rất hợp để khiến họ thành kẻ thích ăn ngon cũng như kẻ hay trộm cắp. Trong thời gian ngắn tôi thành cả kẻ nọ lẫn kẻ kia; và thường thì tôi rất ổn về chuyện này, đôi khi rất tệ khi bị tóm.

Một hồi ức hãy còn khiến tôi run rẩy đồng thời bật cười, là hồi ức về một cuộc săn lùng táo khiến tôi phải trả giá đắt. Những quả táo này để ở cuối một nhà kho có ánh sáng chiếu từ bếp vào qua một cửa chớp cao. Một hôm ở nhà một mình, tôi trèo lên thùng gỗ đựng bánh để nhìn vào khu vườn của các nàng Hespéride* thứ quả quý giá mà mình

không thể tiếp cận. Tôi đi kiểm chiếc xiên để xem có với tới không: nó quá ngắn. Tôi nối dài nó bằng một xiên bé dùng để quay thú săn nhỏ; vì chủ tôi thích đi săn. Tôi chọc nhiều lần không kết quả; cuối cùng tôi vui mừng cảm thấy mình khều được một quả táo. Tôi kéo rất nhẹ nhàng: quả táo đã chạm tới cửa chớp, tôi sẵn sàng tóm lấy nó. Ai nói được nỗi đau của tôi đây? Quả táo quá to, nó không lọt qua được chỗ hổng. Tôi đã sử dụng bao nhiêu là sáng kiến để lôi nó ra! Phải tìm được trụ chống để giữ cái xiên, một con dao đủ dài để bổ quả táo, một thanh gỗ mỏng để đỡ nó.

Nhờ vào sự khéo léo và thời gian, tôi cắt được quả táo, hy vọng sau đó sẽ kéo ra miếng nọ sau miếng kia; nhưng vừa tách đôi là cả hai miếng đều rơi vào trong kho. Hỡi độc giả giàu lòng trắc ẩn, xin hãy chia sẻ nỗi sầu của tôi.

Tôi không hề mất can đảm; nhưng tôi đã mất nhiều thời gian. Tôi sợ bị bắt chột; tôi hoãn sang ngày mai một mưu toan may mắn hơn, và tôi trở lại với công việc, hoàn toàn yên tâm như thể mình đã không làm gì hết, chẳng nghĩ đến hai nhân chứng không biết giữ bí mật đang khai báo chống lại tôi trong nhà kho.

Hôm sau, gặp lại cơ hội tốt, tôi thử một lần nữa. Tôi trèo lên đòn kê, tôi vươn chiếc xiên, tôi ngấm; tôi sẵn sàng chọc... Rủi thay bỗng không ngủ; đột nhiên cửa nhà kho mở: ông chủ bước ra, khoanh tay, nhìn tôi và bảo tôi: Cối lên!... Bút đang rơi khỏi tay tôi.

Chẳng bao lâu, do cứ bị ngược đãi mãi, tôi thành ra bớt nhạy cảm với chuyện đó; rốt cuộc tôi thấy những sự ngược đãi dường như là một kiểu đền bù cho việc ăn cắp, nó khiến tôi có quyền tiếp tục ăn cắp. Thay vì đưa mắt về phía sau và nhìn hình phạt, tôi hướng lên phía trước và nhìn sự báo thù. Tôi cho rằng đánh đập tôi như kẻ cắp, đó là cho phép tôi làm kẻ cắp. Tôi thấy ăn cắp và bị đánh đập đi cùng với nhau, và có thể nói là thiết lập một trạng huống nào đó, và trong khi làm tròn cái phần tùy thuộc vào mình trong trạng huống này, tôi có thể

để phần kia cho chủ tôi lo. Với ý nghĩ ấy tôi ăn cắp một cách yên tâm hơn trước đây. Tôi tự nhủ: “Cuối cùng thì điều gì sẽ xảy ra chứ? Mình sẽ bị đòn. Được thôi: mình được tạo ra để bị đòn mà.”

Tôi thích ăn, mà không ham hố; tôi ưa khoái lạc, chứ không háu ăn. Quá nhiều sở thích khác khiến tôi sao nhãng cái sở thích kia. Xưa nay tôi chỉ quan tâm đến cái miệng mình khi con tim mình nhàn rỗi; và điều này rất hiếm xảy ra trong đời tôi, thành thử tôi chẳng có mấy thời gian nghĩ đến miếng ngon. Đó là vì sao tôi không giới hạn lâu việc trộm cắp ở những thứ ăn được; chẳng mấy chốc tôi mở rộng nó ra tất cả những gì cám dỗ tôi; và nếu như tôi không trở thành một tên trộm đúng thể thức, đó là bởi tôi chưa bao giờ bị tiền bạc cám dỗ nhiều. Trong phòng làm việc chung, chủ tôi có một phòng khác riêng biệt, khóa kín; tôi tìm được cách mở cửa phòng rồi đóng lại mà chẳng lộ ra. Tôi sử dụng tại đó những dụng cụ tốt của ông ta, những hình vẽ đẹp nhất của ông ta, những mẫu in khắc của ông ta, tất cả những gì tôi thèm và ông cố tình để ra xa tôi. Thực ra những vụ trộm cắp này rất vô tội, bởi chúng chỉ được thực hiện để đem phục vụ chủ: nhưng tôi hết sức vui sướng khi có những đồ vật vĩnh ấy dưới quyền của mình; tôi ngờ ăn cắp được tài năng cùng với những sản phẩm của nó. Và chẳng, trong các hộp có những rẻo vàng bạc vụn, những vật trang sức nho nhỏ, những đồ có giá trị, tiền lẻ. Khi tôi có trong túi bốn hoặc năm xu, thế là nhiều rồi: tuy nhiên, chẳng hề đụng đến một cái gì trong tất cả những thứ đó, tôi nhớ là thậm chí cả đời tôi chưa từng nhìn chúng bằng một ánh mắt thèm muốn. Tôi nhìn chúng ghê sợ hơn là thích thú. Tôi rất tin rằng việc tôi gớm ghét chuyện ăn cắp tiền và những gì sinh ra tiền phần lớn là do giáo dục. Thêm vào đó là những ý nghĩ thầm kín về sự xấu xa ô nhục, về nhà tù, về hình phạt, về giá treo cổ, những ý nghĩ sẽ khiến tôi run lên nếu như tôi bị cám dỗ; trong khi tôi thấy những ngón xoáy của mình chỉ như những trò tinh nghịch, và quả thực chúng không là cái gì khác. Tất cả những điều đó chỉ có thể đáng bị chủ đánh đập ra trò, và tôi tự thích ứng trước trong chuyện này.

Nhưng, một lần nữa, thậm chí tôi chẳng thèm muốn nhiều cho lắm để phải tự cấm mình; tôi không cảm thấy phải đấu tranh chống cái gì hết. Chỉ một tờ giấy đẹp để vẽ cảm dỗ tôi nhiều hơn là tiền để mua một tập năm trăm tờ. Sự kỳ quặc này liên quan đến một trong những nét đặc dị của tính cách tôi; nó ảnh hưởng rất nhiều đến cách cư xử của tôi thành ra cần phải giải thích.

Tôi có những đam mê rất nồng nhiệt, và trong khi những đam mê này kích động tôi thì không gì sánh kịp sự hung hăng nơi tôi: tôi chẳng còn biết nể nang, biết tôn trọng, biết sợ hãi, biết hợp lễ thói; tôi trơ tráo, mặt dày mày dạn, dữ dằn, to gan; chẳng nỗi hổ thẹn nào ngăn được tôi, chẳng mối nguy hiểm nào làm tôi sợ: ngoài đối tượng duy nhất khiến tôi bận tâm, thế giới chẳng là gì với tôi nữa hết. Nhưng tất cả những cái đó chỉ kéo dài một khoảnh khắc, và khoảnh khắc tiếp theo đẩy tôi vào trạng thái thờ ơ dẫn như mất hồn.

Hãy xem tôi trong khi bình tĩnh, tôi hiện thân cho sự uế oải thậm chí rụt rè: cái gì cũng làm tôi kinh hãi, cái gì cũng khiến tôi chán ghét; một con ruồi bay làm tôi sợ; một lời phải nói, một cử chỉ phải làm, khiến tính lười biếng của tôi khiếp đảm; cái sợ và nỗi hổ thẹn chế ngự tôi đến mức tôi những muốn lẩn mình đi khỏi mắt mọi con người. Nếu phải hành động, tôi chẳng biết làm gì; nếu phải nói năng, tôi chẳng biết nói gì; nếu người ta nhìn tôi, tôi lúng túng. Khi say mê, đôi khi tôi biết tìm ra điều mình phải nói; nhưng trong những cuộc trò chuyện thông thường, tôi không tìm ra gì hết, không gì hết; tôi không chịu nổi những cuộc trò chuyện ấy chỉ vì mỗi cái điều là mình buộc phải nói năng.

Xin hãy bổ sung là không một sở thích nào trong những sở thích chủ chốt của tôi lại ở những thứ mua bằng tiền. Tôi chỉ cần những thú vui thuần khiết, thế mà tiền đầu độc tất cả những thú vui ấy. Chẳng hạn, tôi ưa thú vui ăn uống; nhưng, do không chịu nổi sự gò bó của giới thượng lưu cũng không chịu nổi thói nhậu nhẹt xô bồ nơi tửu quán, tôi chỉ có thể thưởng thức thú vui ấy với một người bạn; vì một

mình thì tôi không thể; khi ấy trí tưởng tượng của tôi bận về chuyện khác, và tôi chẳng thấy cái thú ăn uống. Nếu khí huyết bị khô gọi nơi tôi đòi hỏi đàn bà, thì con tim xúc động của tôi còn đòi hỏi tình yêu nhiều hơn. Những người đàn bà phải mua bằng tiền sẽ mất đi mọi duyên sắc hấp dẫn đối với tôi; thậm chí tôi không chắc mình có lợi dụng duyên sắc ấy. Sự thế cũng như vậy với mọi thú vui trong tầm tay của tôi; nếu chúng chẳng phải cho không nhận không, thì tôi thấy chúng vô vị. Tôi chỉ thích duy nhất những thứ tốt lành chẳng thuộc về ai ngoài người đầu tiên biết thưởng thức chúng.

Với tôi tiền không bao giờ có vẻ là một thứ quý giá như người ta thấy thế. Hơn nữa, với tôi thậm chí nó không bao giờ có vẻ thật tiện lợi; tự bản thân nó chẳng được việc gì, cần phải biến đổi nó để hưởng thụ nó; cần phải mua, phải mặc cả, nhiều khi bị bịp, mình chi trả thì khá, phục vụ mình thì dở. Tôi những muốn một thứ tốt ở phẩm chất của nó; với đồng tiền của mình tôi chắc chắn sẽ có thứ xấu. Tôi mua một quả trứng tươi, hóa ra nó đã lâu ngày; một quả ngon, hóa ra nó còn xanh; một cô gái, hóa ra cô ta hồng rồi. Tôi thích rượu vang ngon ư? Nhưng lấy đâu ra? Ở một hiệu buôn vang ư? Dù tôi có làm gì đi nữa, ông ta cũng sẽ đầu độc tôi. Tôi nhất định muốn được phục vụ chu đáo ư? Biết bao chăm lo, biết bao rắc rối! Có bạn bè, có những người giao thiệp bằng thư từ, đặt hàng, viết thư, đi, đến, đợi; và nhiều khi cuối cùng lại vẫn bị lừa. Biết bao vất vả với đồng tiền của mình! Tôi sợ vất vả hơn là thích rượu vang ngon.

Trong thời gian học việc và sau đấy, hàng ngàn lần tôi đã ra phố định mua quà bánh gì đó. Tôi đến gần một hiệu bánh ngọt, tôi nhìn thấy những người phụ nữ ở quầy hàng; tôi ngỡ như đã thấy họ cười và chế nhạo với nhau thằng bé tham ăn. Tôi đi qua một bà bán hoa quả, tôi liếc những quả lê ngon, mùi thơm của chúng cám dỗ tôi; hai hoặc ba thanh niên gần ngay đấy đang nhìn tôi; một người đàn ông quen biết tôi đang đứng trước cửa hiệu của ông ta; tôi nhìn thấy từ phía xa một cô gái đang đi tới; có phải người đây tớ gái trong nhà hay không?

Con mắt cận thị của tôi gây cho tôi hàng ngàn ảo ảnh. Tôi coi tất cả những ai qua đường là những người quen biết; ở chỗ nào tôi cũng e sợ, cũng bị một trở ngại nào đó kìm giữ; niềm khao khát tăng tiến cùng với nỗi hổ thẹn, và cuối cùng tôi về nhà như một gả đần, thèm khò thèm sờ, trong túi có thứ để thỏa mãn cái thèm, thế mà chẳng dám mua gì hết.

Tôi có thể đi vào những chi tiết vô vị nhất, nếu tôi theo dõi, trong việc hoặc tôi hoặc những người khác sử dụng tiền của tôi, sự lúng túng, nỗi hổ thẹn, mối gờm tởm, những điều bất tiện, những sự chán lợm đủ loại mà tôi luôn cảm thấy, cứ tiến dần vào cuộc đời tôi và biết được tính tình tôi, độc giả sẽ cảm nhận tất cả những điều đó không cần tôi phải nói kỹ.

Hiếu điều ấy rồi, mọi người sẽ dễ dàng hiểu được một trong những điều bảo là mâu thuẫn nơi tôi: đó là kết hợp một sự hà tiện gần như bần tiện với niềm khinh bỉ lớn nhất đối với tiền bạc. Đó là một thứ động sản rất ít tiện lợi đối với tôi, thành thử tôi thậm chí chẳng nghĩ đến chuyện ao ước thứ mình không có; và khi có thì tôi giữ rất lâu chẳng tiêu đi, vì không biết sử dụng nó theo ý thích riêng của mình: nhưng cơ hội thuận tiện và thú vị mà xuất hiện, thì tôi tận dụng đến mức rỗng túi trước khi nhận ra. Vả chẳng, xin đừng tìm kiếm ở tôi cái tật của những kẻ hà tiện, tật tiêu xài để khoe khoang; hoàn toàn ngược lại, tôi tiêu pha thâm kín và vì thú vui: chẳng hề tự đắc khi tiêu pha, tôi lại giấu mình đi. Tôi cảm thấy rất rõ là tiền chẳng phải để mình sử dụng, thành thử tôi gần như hổ thẹn khi có nó, khi dùng nó còn hổ thẹn hơn. Giả sử có khi nào được hưởng một lợi tức đủ để sống một cách dễ dàng, thì tôi đã chẳng hề có ý định hà tiện, tôi tin rất chắc như vậy. Tôi sẽ chi tiêu hết số lợi tức của mình mà không tìm cách gia tăng nó: nhưng tình cảnh bấp bênh của tôi khiến tôi lo sợ. Tôi yêu quý tự do. Tôi ghét sự gò bó, nỗi khổ sở, tình trạng phụ thuộc. Chừng nào tiền vẫn còn trong túi tôi, nó đảm bảo cho sự độc lập của tôi; nó miễn cho tôi việc chạy vạy để tìm ra số tiền khác; điều cần thiết mà tôi luôn

gớm ghét: nhưng vì sợ thấy tiền hết đi, tôi nâng niu nó. Tiền mà ta sở hữu là phương tiện để tự do; tiền mà ta đeo đuổi là phương tiện để thành nô lệ. Đó là vì sao tôi cất kỹ và chẳng thèm muốn gì hết.

Vậy sự vô tư bất vụ lợi của tôi chỉ là sự lười nhác; cái thú khi có chẳng bỏ cái khổ khi kiếm: và sự phung phá của tôi lại cũng chỉ là lười nhác; khi cơ hội tiêu pha một cách thú vị xuất hiện, ta chẳng lợi dụng được nó thái quá. Tôi bị tiền cám dỗ không bằng bị sự vật cám dỗ, vì giữa tiền và vật sở hữu mà mình khao khát bao giờ cũng có một trung gian; trong khi giữa chính sự vật và việc vui hưởng nó không hề có trung gian. Tôi nhìn thấy sự vật, nó cám dỗ tôi; nếu tôi chỉ nhìn thấy phương tiện để đạt được nó, thì nó chẳng cám dỗ tôi. Vậy tôi đã ăn cắp, và đôi khi tôi vẫn còn ăn cắp những thứ vật vĩnh viễn cám dỗ mình, mà tôi thích lấy hơn là xin: nhưng, khi bé hay khi lớn, tôi nhớ là chưa hề lấy một đồng kẽm nào của ai hết, trừ một lần duy nhất, cách đây chưa đầy mười lăm năm, tôi lấy cắp bảy *livre* mười xu. Việc đáng kể lại, vì ở đó có một sự ngẫu hợp tức cười của trâng tráo và ngu dại, mà có lẽ bản thân tôi khó lòng tin được nếu nó liên quan đến một kẻ khác không phải mình.

Đó là ở Paris. Tôi đang đi dạo cùng ông De Francueil ở Palais-Royal, vào quãng năm giờ. Ông rút đồng hồ ra, nhìn đồng hồ, rồi bảo tôi: “Ta hãy đến Nhà hát Nhạc kịch”: tôi rất thích; chúng tôi đi. Ông lấy hai vé ở tầng thượng, đưa cho tôi một vé, và đi vào trước với tấm vé kia; tôi theo sau ông, ông bước vào. Khi bước vào sau ông, tôi thấy cửa bị vướng. Tôi nhìn, tôi thấy tất cả mọi người đều đứng; tôi cho rằng mình rất có thể lạc trong đám đông này, hay ít ra cũng khiến ông De Francueil tưởng tôi bị lạc ở đó. Tôi đi ra, tôi lấy lại phiếu cho ra ngoài, rồi lấy lại tiền, và tôi bỏ đi, chẳng nghĩ rằng mình vừa đến cửa thì mọi người đều ngồi xuống, và lúc ấy ông De Francueil thấy rõ là tôi không còn ở đó.

Bởi không gì xa lạ với tính tình tôi hơn là hành vi ấy, nên tôi ghi nhớ nó, để chỉ ra rằng có những khoảnh khắc của một kiểu mê sảng

khi đó ta không nên xét đoán con người qua hành động của họ. Chính xác ra thì không phải là ăn cắp số tiền ấy; đó là ăn cắp sự sử dụng nó: càng ít là một sự ăn cắp bao nhiêu, càng là một hành vi xấu xa bấy nhiêu.

Tôi sẽ không kể hết được những chi tiết nếu tôi muốn dõi theo mọi con đường qua đó, trong thời gian học việc, tôi đi từ sự cao thượng của chủ nghĩa anh hùng đến sự thấp kém của một kẻ chẳng ra gì. Tuy nhiên, trong khi nhiễm lấy những tật xấu của thân phận mình, tôi không thể nhiễm hoàn toàn các thị hiếu của nó. Tôi chán ngán những trò vui của các bạn nghề; và khi sự gò bó quá lớn khiến tôi ghét cả công việc, thì tôi chán ngán hết thảy. Điều này trả lại cho tôi sở thích đọc sách mà tôi đã mất đi từ lâu. Việc đọc này, lấy vào giờ làm việc, thành một trọng tội mới kéo theo những hình phạt mới. Cái thị hiếu bị tình trạng câu thúc kích thích, trở thành đam mê, chẳng mấy chốc thành điên khùng. Mụ Tribu, người cho thuê sách trứ danh, cung cấp cho tôi đủ loại sách. Hay và dở, mọi thứ đều được cả; tôi chẳng hề chọn: tôi đọc tuốt với cùng một sự háo hức như nhau. Tôi đọc bên bàn thợ khắc, tôi đọc trong khi đi đưa tin nhắn, tôi đọc ở nơi đại tiện, và quên mình tại đó hàng mấy giờ liền; tôi chóng mặt vì đọc sách, tôi chỉ làm mỗi việc đọc mà thôi. Chủ rình tôi, bắt chột tôi, đánh đập tôi, lấy sách của tôi. Biết bao cuốn bị xé, bị đốt, bị ném qua cửa sổ! Biết bao tác phẩm bị xộc xệch lê bộ ở nhà mụ Tribu! Khi chẳng còn gì để trả mụ, tôi đưa cho mụ sơ mi của tôi, cà vạt của tôi, áo quần của tôi; ba xu được hưởng mỗi chủ nhật tôi đem đến cho mụ đều đặn.

Mọi người sẽ bảo tôi rằng, đấy nhé, tiền đã trở nên cần thiết. Đúng thế, nhưng đó là khi việc đọc sách đã tước đi của tôi mọi hoạt động. Hoàn toàn buông mình cho sở thích mới, tôi chỉ còn làm mỗi việc đọc mà thôi, tôi không ăn cắp nữa. Đây lại là một trong những khác biệt đặc thù của tôi. Đang ở cao độ của một tập quán nào đó, chỉ một điều không đâu cũng làm tôi lãng trí, thay đổi, gấn bó, rối cuộc khiến tôi đam mê; và lúc ấy thì tôi quên hết mọi sự, tôi chỉ còn nghĩ

đến đối tượng mới đang khiến mình bận tâm. Tim tôi đập mạnh vì nóng lòng lật giở cuốn sách mới mình đang có trong túi; vừa ở một mình là tôi lôi sách ra và không còn nghĩ đến chuyện lục lọi phòng làm việc của chủ nữa. Thậm chí tôi khó tin rằng mình có thể ăn cắp, cho dù tôi có những đam mê tốn kém hơn. Giới hạn ở khoảnh khắc hiện tại, việc thu xếp như vậy cho tương lai không hợp với cách suy nghĩ của tôi. Mụ Tribu cho tôi chịu: số tiền trả trước nhỏ thôi; và khi đã bỏ sách vào túi, tôi chẳng nghĩ đến điều gì nữa hết. Tiền tôi có một cách tự nhiên chuyển sang người đàn bà này cũng tự nhiên như vậy, và khi bà ta giục giã, thì không gì đến tay tôi mau hơn quần áo của chính tôi. Ăn cắp trước là quá lo xa, mà ăn cắp để trả nợ thậm chí chẳng phải là một cảm dỗ.

Do cứ cãi cọ mãi, cứ bị đánh đập mãi, cứ đọc trộm và đọc sách kém chọn lọc mãi, tính tình tôi trở nên lầm lì, hoang dã; đầu óc tôi bắt đầu hỏng đi, và tôi sống như kẻ thực sự bản tính xa lánh mọi người. Tuy nhiên nếu như thị hiếu của tôi không phòng giữ cho tôi khỏi những cuốn sách tầm thường và nhạt nhẽo, thì phúc của tôi phòng giữ được cho tôi khỏi những cuốn sách tục tĩu và dâm ô: không phải là mụ Tribu, người rất dễ dãi về mọi phương diện, thấy bản khoản áy náy nếu cho tôi mượn loại sách ấy. Nhưng, để làm tăng giá trị của chúng, mụ kể tên chúng ra cho tôi với một vẻ bí mật chính nó lại buộc tôi phải từ chối, vì tởm lợm cũng như vì hổ thẹn; và sự ngẫu nhiên bổ trợ rất đắc lực cho tính tình bền lễn của tôi, thành thử ngoài ba mươi tuổi tôi chưa liếc mắt đến một cuốn nào trong những cuốn sách nguy hiểm mà một phu nhân kiêu diễm trong xã hội thượng lưu thấy là bất tiện, ở chỗ người ta chỉ đọc được chúng, như bà nói, bằng một tay mà thôi.

Chưa đầy một năm tôi đọc hết số sách ít ỏi trong hiệu của mụ Tribu và khi đó tôi thấy mình nhàn rỗi một cách ác nghiệt trong các giờ rảnh việc. Được chữa khỏi những thị hiếu của trẻ con và của trẻ vô lại nhờ thị hiếu đọc sách, thậm chí nhờ những cuốn sách, mặc dù không chọn lọc và thường là dở, tuy thế vẫn dẫn con tim tôi trở lại với

những cảm nghĩ cao thượng hơn là những cảm nghĩ mà thân phận của tôi đã đem lại cho tôi; chán lợm tất cả những gì ở tầm tay mình, và cảm thấy tất cả những gì có thể cám dỗ mình lại ở quá xa mình, tôi không thấy cái gì có thể làm lòng mình vui thích. Nhục cảm bị khêu gợi từ lâu đòi hỏi một sự thụ hưởng mà thậm chí tôi chẳng biết tưởng tượng ra đối tượng của nó. Tôi xa cách sự thực như thể mình chẳng hề có giới tính; và đã dậy thì rồi đã mãn cảm rồi, đôi khi tôi nghĩ đến những sự điên rồ của mình, nhưng tôi chẳng nhìn thấy gì xa hơn thế. Trong tình cảnh kỳ lạ này, trí tưởng tượng bồn chồn áy náy của tôi có một quyết định nó cứu tôi khỏi bản thân mình và làm an dịu nhục dục mới nảy sinh: đó là tự nuôi dưỡng bằng những tình thể đã khiến mình quan tâm thích thú trong các sách đã đọc, nhớ lại chúng, biến hóa chúng, phối hợp chúng, chiếm hữu chúng đến mức mình trở thành một trong các nhân vật mà mình tưởng tượng ra, đến mức tôi luôn thấy mình trong những tình thể thú vị nhất theo sở thích của tôi; rồi cuộc tình trạng ảo mà tôi đặt được mình vào khiến tôi quên tình trạng thực nó làm tôi hết sức bất mãn. Tình yêu với những đối tượng tưởng tượng và sự bận tâm dễ dàng thuận tiện như thế khiến tôi chán lợm hẳn tất cả những gì bao quanh mình, và quyết định cái sở thích cô độc nó còn lại mãi với tôi từ thuở đó. Sau này mọi người sẽ nhiều lần thấy những hậu quả kỳ cục của xu hướng bề ngoài thật yếm thế và thật u uất này, nhưng thực ra lại đến từ một con tim quá đa tình, quá giàu yêu thương, quá dịu dàng, do chẳng tìm được những gì hiện hữu giống như mình, buộc phải tự nuôi dưỡng bằng những hư cấu. Còn hiện tại, tôi chỉ cần mình đã ghi nhớ nguồn gốc và nguyên nhân đầu tiên của một khuynh hướng đã biến cải mọi đam mê của tôi, và do kiềm chế đam mê bằng chính đam mê, đã luôn khiến cho tôi thành lười nhác trong thực hiện, bởi quá nồng nhiệt trong ham muốn.

Tôi bước vào tuổi mười sáu như vậy, bồn chồn, bất mãn với mọi thứ và với mình, chẳng thích thân phận, nghề nghiệp của mình, chẳng có thú vui của tuổi mình, bị giày vò nung nấu vì những ham muốn mà

mình không biết đối tượng của chúng, khóc mà chẳng có lý do để rơi nước mắt, thở dài mà chẳng biết vì cái gì; rốt cuộc vuốt ve âu yếm những ảo tưởng hão huyền, do chẳng nhìn thấy xung quanh mình cái gì sánh được với những ảo tưởng ấy. Các ngày chủ nhật, bạn nghề đến tìm tôi sau buổi nghe giảng đạo để rủ đi vui chơi cùng họ. Tôi sẵn lòng trốn chạy họ nếu có thể; nhưng một khi tham gia trò chơi của họ, thì tôi lại hăng hơn và đi xa hơn bất kỳ ai khác, khó mà lay chuyển và kìm giữ được, xưa nay xu hướng thường trực của tôi là thế. Trong những cuộc dạo chơi ra ngoài thành phố, bao giờ tôi cũng tiến lên phía trước chẳng nghĩ đến việc quay về, nếu những người khác không nghĩ hộ tôi. Tôi bị mắc kẹt hai lần; cửa thành đóng trước khi tôi đến kịp. Ngày hôm sau tôi bị đối xử như mọi người có thể tưởng tượng, và lần thứ hai người ta hứa là lần thứ ba sẽ đón tiếp tôi ra sao, đến mức tôi quyết định không mạo hiểm chuyện ấy. Tuy nhiên cái lần thứ ba rất đáng kinh sợ ấy vẫn đến. Sự cảnh giác của tôi bị lỡ vì một tay đại úy đáng nguyên rửa tên là Minutoli, bao giờ vào phiên ông ta gác ông ta cũng đóng cổng thành sớm hơn những người khác nửa giờ. Tôi trở về cùng hai bạn nghề. Cách thành phố nửa dặm, tôi nghe thấy kèn lui quân; tôi rào bước; tôi nghe trống đánh, tôi chạy ba chân bốn cẳng; tôi đến nơi mờ hôi đầm đìa, thở dốc; tim đập thành thịch; tôi nhìn thấy từ xa những người lính ở trạm gác; tôi chạy đến, tôi kêu lên bằng một giọng ghen ngào. Quá muộn rồi. Cách trạm gác phía trước hai chục bước chân tôi thấy cây cầu thứ nhất cất lên. Tôi run rẩy khi nhìn trên không trung những chiếc sừng khủng khiếp ấy, diêm gở định mệnh của số phận không tránh khỏi mà khoảnh khắc này mở đầu cho tôi.

Trong xúc cảm đau đớn đầu tiên, tôi lao mình xuống bờ dốc và chết lặng. Các bạn tôi, cười cợt vì rủi ro của mình, có quyết định tức khắc. Tôi cũng có quyết định của tôi, nhưng theo một cách khác. Tôi thề ngay tại chỗ là không bao giờ quay lại nhà chủ; và ngày hôm sau, khi đến giờ tuần tra, họ trở về thành phố, tôi chào từ biệt họ mãi mãi,

chỉ xin họ bí mật báo cho anh Bernard biết điều tôi đã quyết định, và địa điểm anh có thể gặp tôi một lần nữa.

Từ khi vào học việc, do cách biệt anh nhiều hơn, tôi gặp anh ít hơn; tuy nhiên, trong một thời gian chúng tôi vẫn tụ tập với nhau vào các ngày chủ nhật; nhưng dần dà mỗi người có những tập quán khác, và chúng tôi thưa gặp nhau hơn; tôi tin chắc rằng mẹ anh góp phần rất nhiều vào sự thay đổi này. Anh, thì anh là một cậu con trai của chốn cao sang; tôi, gã học việc còm, tôi chỉ còn là một thằng bé của Saint-Gervais, giữa chúng tôi không còn sự ngang hàng nữa bất kể dòng dõi xuất thân; giao du với tôi là mất tư cách. Tuy nhiên sự liên lạc không chấm dứt hẳn giữa chúng tôi; và bởi đó là một chàng trai có bản tính tốt, đôi khi anh nghe theo lòng mình bất chấp những bài học của mẹ. Được biết về quyết định của tôi, anh chạy đến, không phải để khuyên ngăn hay để cùng chung với tôi quyết định này, mà để, nhờ những tặng phẩm nho nhỏ, đem lại đôi phần dễ chịu cho cuộc chạy trốn của tôi; vì phương tiện của riêng tôi chẳng thể giúp tôi được thật lâu dài. Trong số tặng phẩm, anh có cho tôi một thanh kiếm nhỏ, mà tôi rất mê, và tôi đã đeo đến tận Turin, ở đấy vì túng thiếu tôi phải bán nó đi, và như người ta nói, tôi xuyên nó qua người mình*. Từ đó càng ngẫm nghĩ về cách anh xử sự với tôi trong thời điểm nguy cấp ấy, tôi càng tin chắc rằng anh nghe theo những chỉ dẫn của mẹ anh, và có thể của cha anh; vì tự bản thân thì chẳng thể nào anh lại không cố gắng đôi chút để giữ tôi lại, hoặc không định tìm cách đi theo tôi: nhưng không hề. Anh khuyến khích tôi theo ý định của tôi hơn là can tôi; rồi, khi thấy tôi rất quyết tâm, anh từ biệt tôi mà chẳng rơi nước mắt nhiều lắm. Chúng tôi không bao giờ viết thư cũng không bao giờ gặp lại nhau. Đáng tiếc: anh có một tính cách tốt về bản chất: chúng tôi thích hợp để yêu quý nhau.

Trước khi buông mình cho tính định mệnh của số phận, xin hãy cho phép tôi ngoảnh nhìn một lát cái số phận chờ đợi tôi một cách dĩ

nhiên, nếu như tôi rơi vào tay một người chủ tốt hơn. Không gì phù hợp hơn với tính tình tôi, không gì thích đáng hơn để khiến tôi hạnh phúc, bằng nghề nghiệp bình lặng và âm thầm của một thợ thủ công giỏi, nhất là ở một số tầng lớp, như tầng lớp thợ khắc tại Genève. Nghề nghiệp này, sinh lợi đủ để có một đời sống sung túc, mà không đủ để đi tới giàu có, có lẽ sẽ giới hạn tham vọng của tôi cho đến hết đời, và, trong khi dành cho tôi một sự nhàn hạ lương thiện để vun trồng những sở thích ôn hòa, nó kìm giữ tôi trong phạm vi của tôi và không cung cấp một phương tiện nào để ra khỏi đó. Do có một trí tưởng tượng đủ phong phú để tô điểm cho mọi nghề nghiệp bằng những ảo ảnh hào huyền, đủ mạnh để tự chuyển từ nghề nghiệp này sang nghề nghiệp khác tùy theo ý thích, nên thực ra mình đang ở nghề nghiệp nào, điều ấy đối với tôi ít quan trọng. Từ chốn tôi đang ở đến tòa lâu đài không tưởng đầu tiên chẳng thể xa đến mức tôi không dễ dàng định cư được tại đó. Chỉ riêng từ điểm này mà suy ra rằng nghề nghiệp bình thường nhất, cái nghề ít gây phiền lụy và lo toan nhất, cái nghề để cho trí óc thanh thoi nhất, là nghề nghiệp hợp với tôi nhất; và đó chính là nghề của tôi. Lẽ ra tôi đã sống giữa lòng tôn giáo của tôi, tổ quốc của tôi, giữa gia đình và bè bạn của tôi, một cuộc đời an bình và êm ả, cuộc đời như tính cách tôi cần có, trong trạng thái đơn điệu bất biến của một công việc hợp với sở thích của mình, và của một giới giao du hợp với lòng mình. Lẽ ra tôi đã là tín đồ Kitô tốt, công dân tốt, người cha tốt của gia đình, người bạn tốt, người thợ tốt, là con người tốt ở mọi sự. Lẽ ra tôi đã yêu quý nghề nghiệp của mình, làm vẻ vang cho nó cũng nên, và sau khi đã sống một cuộc đời hàn vi và giản dị, nhưng bình thản và êm dịu, lẽ ra tôi sẽ chết an bình giữa những người thân. Chắc chẳng bao lâu sẽ bị lãng quên, ít ra tôi cũng được tiếc thương chừng nào mọi người còn nhớ đến tôi.

Thay vì những điều đó... Tôi sẽ miêu tả cảnh gì đây? Ôi! Ta đừng nói trước những khốn khổ của đời tôi; tôi sẽ chỉ khiến độc giả quá bận lòng về đề tài đáng buồn ấy mà thôi.

Quyển Hai

Khoảnh khắc tôi dự định bỏ trốn vì kinh hãi có vẻ buồn với tôi bao nhiêu, thì khoảnh khắc thực hiện dự định lại có vẻ thú vị bấy nhiêu. Hãy còn trẻ con, là quê hương, họ hàng, những chỗ dựa, những phương tiện; bỏ lại một việc học nghề dang dở, chẳng đủ thạo để nhờ đó mà sống được; phó mình cho những nỗi gớm ghê của cảnh khốn cùng mà chẳng nhìn thấy một phương kế nào thoát khỏi; ở độ tuổi yếu đuối và thơ ngây, mạo hiểm trước mọi cám dỗ của tật xấu và tuyệt vọng; kiếm tìm ở chốn xa xôi những khổ đau, lầm lạc, cạm bẫy, tình trạng nô lệ và cái chết, dưới một ách áp bức còn sắt đá hơn rất nhiều cái ách mình đã không chịu nổi: đó là điều tôi sắp làm, đó là viễn cảnh lẽ ra tôi phải dự liệu. Viễn cảnh tôi phác họa cho mình khác xa biết mấy! Sự độc lập mà tôi ngỡ mình đạt được là cảm nghĩ duy nhất khiến tôi xúc động. Tự do và tự chủ, tôi ngỡ có thể làm được mọi điều, đạt đến mọi điều: tôi chỉ cần lao tới để cất mình lên và bay trên không trung. Tôi an tâm bước vào không gian rộng lớn của thế giới; công trạng của tôi sẽ làm đầy không gian ấy; mỗi bước đi tôi sẽ gặp tiệc tùng, kho báu, các cuộc phiêu lưu, những người bạn sẵn sàng phù trợ mình, những tình nương sốt sắng làm vui lòng mình: lộ mặt ra là tôi khiến thế giới bận tâm về tôi; tuy nhiên không phải toàn thế giới đâu, có thể nói là tôi miễn cho nó, tôi chẳng cần nhiều đến thế. Một nhóm giao du thú vị là đủ cho tôi, chẳng vương bận phần còn lại làm gì. Sự vừa phải của tôi đưa tôi vào một phạm vi hẹp, nhưng chọn lọc tuyệt vời, nơi chắc chắn tôi được trị vì. Tham vọng của tôi giới hạn ở một lâu đài thôi. Là người được lãnh Chúa và phu nhân sủng ái, là tình

nhân của tiểu thư, là bạn của ông anh và là người che chở cho láng giềng, tôi hài lòng; tôi chẳng cần nhiều hơn.

Trong khi chờ đợi cái tương lai khiêm nhường ấy, tôi lang thang vài ngày quanh thành phố, ngụ tại nhà những nông dân quen biết, tất cả những người này đều tiếp đãi tôi nồng hậu hơn là dân thành thị có thể tiếp đãi. Họ đón nhận tôi, cho tôi ở, nuôi tôi ăn, một cách quá thật thà chất phác nên chẳng có công lao. Điều ấy chẳng thể gọi là bố thí; khi làm việc đó họ không ra đủ vẻ bề trên.

Cứ chu du đó đây mãi, tôi đến tận Confignon, địa phương thuộc miền Savoie, cách Genève hai dặm. Cha xứ tên là ông De Pontverre. Tên họ này, nổi tiếng trong lịch sử nền Cộng hòa, khiến tôi xúc động mạnh. Tôi tò mò muốn xem các hậu duệ của giới quý tộc đeo thìa* là người như thế nào. Tôi đến thăm ông De Pontverre: ông tiếp tôi ân cần, nói với tôi về tà giáo ở Genève, về uy quyền của Giáo hội chí thánh, và đãi tôi bữa tối. Tôi chẳng đối đáp được mấy với những lý lẽ kết thúc theo cách như vậy, và tôi cho rằng những cha xứ mà ở nhà họ ta được ăn tối ngon đến thế thì ít ra cũng đáng giá ngang các mục sư của chúng tôi. Chắc chắn tôi thông thái hơn ông De Pontverre, mặc dù ông là quý tộc; nhưng tôi là thực khách quá tốt bụng nên chẳng làm được nhà thần học thật giỏi giang; và rượu vang miền Frangy của cha xứ, mà tôi thấy tuyệt ngon, biện luận giúp cha thành công đến nỗi tôi sẽ hổ thẹn nếu làm cho một chủ nhà tốt bụng đến như vậy phải ngậm miệng, vậy là tôi nhượng bộ, hay ít ra tôi không chống lại thẳng thừng. Thấy những sự nể nang của tôi, mọi người có thể cho là tôi giả dối. Nếu thế mọi người lầm đấy; tôi chỉ lương thiện mà thôi, điều này là chắc chắn. Sự chiều nịnh, hay sự chiều cố thì đúng hơn, không phải bao giờ cũng là một thói xấu; nhiều khi nó là một đức tính, nhất là ở những người trẻ tuổi. Một người đối xử tốt với ta khiến ta quyến luyến họ; ta nhượng bộ họ không phải để lừa dối họ, mà để không làm họ buồn, để không trả lại cái thiện bằng cái ác. Ông De Pontverre được lợi ích gì khi tiếp đón tôi, khi đối xử tử tế với tôi, khi muốn thuyết

phục tôi? Chẳng lợi ích nào khác ngoài lợi ích của chính tôi. Con tim non trẻ của tôi tự nhủ như vậy. Tôi cảm động vì hàm ơn và kính trọng vị linh mục tốt bụng. Tôi cảm thấy ưu thế của mình; tôi không muốn đem ưu thế ấy ra làm khổ ông để báo đáp lòng hiếu khách của ông. Không hề có động cơ giả nhân giả nghĩa trong cách cư xử này; tôi không hề nghĩ đến cái đạo; và chẳng làm quen nhanh đến thế với ý tưởng ấy, tôi chỉ xem xét nó với một nỗi ghê sợ hằn phải gạt nó ra xa tôi trong thời gian dài; tôi chỉ không muốn làm cho những người vồn vã với mình nhằm mục đích đó phải tức giận; tôi muốn vun trồng hảo ý của họ, và để họ có hy vọng thành công, khi tôi ra về được trang bị kém hơn là thực sự được trang bị. Lỗi của tôi trong chuyện này giống như sự làm dáng của những người đàn bà trình thực, đôi khi, để đạt được mục đích, biết cách, chẳng cho phép một điều gì cũng chẳng hứa hẹn điều gì, mà làm được cho người ta hy vọng nhiều hơn ý định của mình.

Lẽ phải, tình thương, lòng yêu mến trật tự, chắc chắn đòi hỏi mọi người đừng tiếp tay cho sự điên rồ của tôi, mà phải giúp tôi tránh xa cảnh suy vong tôi đang lao tới, bằng cách gửi tôi về lại gia đình. Đó là điều mà người nào thực sự đức độ lẽ ra cũng làm hoặc cũng cố gắng làm. Nhưng mặc dù ông De Pontverre là người tốt bụng, chắc chắn đó không phải là một người đức độ; trái lại, đó là một người mộ đạo chẳng biết đức tính nào khác ngoài việc tôn thờ ảnh tượng và tượng kinh; một kiểu nhà truyền giáo chẳng nghĩ ra được điều gì hay hơn, cho lợi ích của tín ngưỡng, là viết những bài nhục mạ các mục sư của Genève. Chẳng hề nghĩ đến chuyện gửi tôi về nhà, ông lợi dụng lòng ao ước rời xa nhà của tôi, để đặt tôi vào tình trạng không thể trở lại cho dù tôi có muốn như vậy. Có thể đoán chắc rằng ông mặc cho tôi đi để chết vì bần cùng, hay để thành một gã vô lại. Đó không phải điều ông nhìn thấy: ông lại nhìn thấy một linh hồn đoạt được của tà đạo và trả về cho Giáo hội. Người lương thiện hay kẻ vô lại, cần gì đâu, miễn

là tôi đi dự lễ mi xa? Và chẳng, không nên cho rằng cách suy nghĩ ấy là riêng của tín đồ Thiên Chúa giáo; nó là cách suy nghĩ của mọi tôn giáo mang tính giáo điều ở đó việc chủ yếu, không phải là làm, mà là tin.

Ông De Pontverre bảo tôi: “Chúa vời gọi cậu, hãy đến Annecy; ở đó cậu sẽ gặp một phu nhân rất giàu lòng từ thiện, ân huệ của đức vua khiến phu nhân có khả năng đưa những linh hồn khác ra khỏi sự lầm lạc mà bản thân phu nhân đã thoát được.” Đó là bà De Warens, mới cải đạo, mà quả thật các linh mục ép phải chia sẻ với bọn vô lại đến bán tín ngưỡng của chúng, một khoản trợ cấp là hai ngàn *franc* do nhà vua xứ Sardaigne ban cho bà. Tôi cảm thấy thật nhục nhã vì phải cần đến một phu nhân giàu lòng từ thiện. Tôi rất thích người ta cho mình đồ nhu yếu để sinh sống, nhưng không thích người ta bố thí; và một bà sùng đạo không thật hấp dẫn đối với tôi. Tuy nhiên, do ông De Pontverre giục giã, do cái đói thôi thúc, cũng rất thích ngao du một chuyến và có một mục đích, tôi bèn quyết định, tuy khó khăn, và lên đường đi Annecy. Tôi có thể dễ dàng đi một ngày là đến nơi; nhưng tôi chẳng vội, tôi đi mất ba ngày, chẳng thấy một lâu đài nào ở bên phải hay bên trái mà tôi lại không đến tìm cuộc phiêu lưu chắc chắn là đang đợi mình tại đó. Tôi không dám bước vào lâu đài cũng chẳng dám gõ cửa, vì tôi rất rụt rè; nhưng tôi hát dưới khung cửa sổ nào có vẻ bề thế hơn cả, và sau khi ca hết cả hơi rất lâu, thì hết sức ngạc nhiên không thấy xuất hiện các phu nhân hoặc các tiểu thư bị thu hút vì chất giọng hay của mình hoặc chất đậm đà thú vị trong bài hát của mình, bởi lẽ tôi biết nhiều bài tuyệt vời do bạn nghề dạy cho, và bởi lẽ tôi hát hay tuyệt vời.

Cuối cùng tôi đến nơi; tôi gặp bà De Warens. Thời kỳ này của cuộc đời tôi đã quyết định tính cách của tôi; tôi không thể lướt qua nó một cách sơ lược. Tôi đang ở giữa tuổi mười sáu. Không thể gọi là đẹp trai, song với vóc dáng thấp nhỏ thân hình tôi cân đối; tôi có một bàn chân xinh, một bắp chân thon, dáng điệu thung dung, diện mạo linh

hoạt, cái miệng dễ thương, tóc và lông mày đen, mắt nhỏ thậm chí sâu, nhưng phóng ra mạnh mẽ ngọn lửa đang bùng bùng trong khí huyết. Rủi thay, tôi chẳng biết gì về tất cả những điều này, và suốt đời, tôi chỉ nghĩ đến gương mặt mình khi không còn kịp lợi dụng nó nữa. Như vậy là cùng với sự rụt rè của lứa tuổi tôi có sự rụt rè của một bản tính rất giàu yêu thương, luôn bối rối vì sợ gây mất lòng, vả lại, tuy trí óc khá được trau dồi, nhưng do chưa bao giờ gặp gỡ giới thượng lưu, tôi hoàn toàn không biết cách ứng xử; và những kiến thức của tôi, chẳng hề bổ khuyết cho điều đó, chỉ càng khiến tôi thêm e sợ vì cho tôi cảm nhận được mình không biết ứng xử đến nhường nào.

Vậy là sợ việc mình đến gặp chẳng gây được thiện cảm, tôi liền sử dụng lợi thế của mình theo cách khác, và tôi viết một bức thư hay ho theo phong cách diễn thuyết, vá víu những câu văn sách vở với lối nói năng của thợ học việc, phát huy toàn bộ tài hùng biện để chiếm được thiện ý của bà De Warens. Tôi để bức thư của ông De Pontverre vào cùng thư của mình, và tôi đến với cuộc yết kiến để sợ này. Tôi không thấy bà De Warens; người ta bảo tôi là bà vừa ra khỏi nhà để tới nhà thờ. Đó là ngày lễ Lá của năm 1728. Tôi chạy theo bà: tôi nhìn thấy bà, tôi đến kịp chỗ bà, tôi nói với bà... Tôi phải nhớ nơi chốn này; từ bấy tôi đã nhiều lần làm nó ướt đầm nước mắt và phủ kín nó bằng những nụ hôn. Giá mà tôi có thể quây một lan can bằng vàng quanh địa điểm may mắn ấy! Giá mà tôi có thể thu hút đến đó sự tôn vinh của toàn thế gian! Ai ưa vinh danh những đài kỷ niệm sự cứu rỗi con người chỉ nên quỳ gối mà tiếp cận nơi này.

Đó là một lối đi đằng sau ngôi nhà của bà, giữa một suối nước ở bên phải ngăn nhà với vườn, và bức tường sân ở bên trái, lối đi này dẫn vào nhà thờ dòng Franciscaïn qua một cánh cửa giả. Sắp bước qua cửa, nghe tiếng tôi nói, bà De Warens quay lại. Tôi ra sao đây khi nhìn thấy con người ấy! Tôi đã hình dung một bà già sùng đạo thật cau có: theo ý tôi vị phu nhân tốt bụng của ông De Pontverre không thể là gì khác. Tôi thấy một gương mặt đầy duyên sắc, cặp mắt đẹp xanh biếc

hết sức dịu dàng, một nước da rục rờ, hình dáng một bộ ngực mê hồn. Chẳng gì thoát khỏi cái nhìn lướt nhanh của chàng tân tín đồ trẻ tuổi; vì tôi lập tức trở thành tân tín đồ của phu nhân, tin chắc rằng một tôn giáo do những nhà truyền đạo như thế thuyết giảng thế nào cũng dẫn tới thiên đường. Bà mỉm cười cầm lấy bức thư tôi đưa cho bà bằng bàn tay run rẩy, mở ra, liếc nhìn thư của ông De Pontverre, trở lại thư của tôi, mà bà đọc hết, và có lẽ còn đọc lại nữa nếu gã đầy tớ không nhắc là đã đến giờ vào nhà thờ. “Này! Cậu bé, bà nói với tôi bằng một giọng khiến tôi rùng mình, cậu đi phiêu lưu khi tuổi còn non quá; quả thật là đáng tiếc.” Rồi, không đợi tôi trả lời, bà nói thêm: “Hãy đến nhà đợi tôi; bảo họ cho cậu ăn sáng; sau lễ mi xa tôi sẽ trò chuyện cùng cậu.”

Louise-Éléonore de Warens là một tiểu thư họ De la Tour de Pil, dòng họ quý phái và lâu đời tại Vevey, thành phố thuộc miền Vaud. Còn rất ít tuổi tiểu thư đã lấy ông De Warens thuộc dòng họ Loys, con trưởng của ông De Villardin, thuộc Lausanne. Cuộc hôn nhân không có con cái này chẳng thành công lắm, bà De Warens, do chuyện buồn nào đó về gia đình thúc đẩy, nhân dịp vua Victor-Amédée đang ở Evian, liền qua hồ, đến phủ phục dưới chân nhà vua, như vậy là bỏ chồng, bỏ gia đình và quê hương, vì một sự khinh suất khá tương tự sự khinh suất của tôi, và bà cũng từng có rất nhiều thời gian để khóc vì điều ấy. Nhà vua, thích ra vẻ tín đồ Thiên Chúa giáo nhiệt thành, liền bảo hộ cho bà, tặng bà khoản trợ cấp một ngàn năm trăm *livre* Piémont, thế là rất nhiều đối với một ông hoàng ít rộng rãi đến như vậy; và, thấy rằng sự tiếp đãi ấy khiến người ta cho rằng ngài phải lòng bà, ngài bèn gửi bà đến Annecy, có một phân đội vệ binh hộ tống, và tại đó, dưới sự hướng dẫn của Michel-Gabriel de Bernex, chủ giáo danh nghĩa của Genève, bà làm lễ bỏ đạo tại tu viện dòng Thánh Mẫu.

Khi tôi đến thì bà ở đó đã được sáu năm, và lúc ấy bà hai mươi tám tuổi, vì ra đời cùng thế kỷ. Bà có một nhan sắc thuộc loại lâu bền, bởi nhan sắc ấy ở dung mạo nhiều hơn là ở đường nét; vì thế nhan sắc

của bà còn đang ở toàn bộ trạng thái rực rỡ ban đầu. Bà có một vẻ ngọt ngào và dịu dàng, một ánh mắt rất hiền, một nụ cười thiên thần, một khóm miệng tương ứng với miệng tôi, mái tóc màu tro đẹp khác thường, chải một kiểu trẻ nãi khiến bà thành rất hấp dẫn. Vóc người bà nhỏ, thậm chí thấp, và hơi mập một chút, tuy không dị hình; nhưng ta không thể thấy một gương mặt đẹp hơn, một bộ ngực đẹp hơn, những bàn tay đẹp hơn và những cánh tay đẹp hơn.

Sự giáo dục của bà rất pha trộn: bà cũng giống như tôi mất mẹ từ khi ra đời; và được chỉ dạy thế nào thì tiếp nhận thế ấy không phân biệt, bà đã học chút ít từ nữ gia sư, chút ít từ ông bố, chút ít từ các thầy giáo, và rất nhiều từ các người tình, nhất là từ một ông De Tavel, do có khiếu thẩm mỹ và có kiến thức, ông đã đem những điều đó trau dồi tô điểm cho người mình yêu. Nhưng nhiều kiểu loại khác biệt như vậy làm hại lẫn nhau, và do bà ít sắp xếp thứ tự nên những môn học đa dạng không phát huy được tính chuẩn xác tự nhiên của trí não bà. Bởi thế, tuy hiểu biết một vài nguyên lý triết học và vật lý, bà vẫn nhiệm thị hiếu của cha ham thích y học thực nghiệm và thuật luyện đan: bà chế tạo rượu bổ, thuốc nhuộm, dầu xoa, linh đan; bà tự nhận có những bí quyết. Đám lang băm, lợi dụng nhược điểm của bà, tóm lấy bà, những nhiều bà, làm bà khuynh gia bại sản, và thiêu hủy, giữa các bếp lò và các thứ thuốc men, trí tuệ của bà, tài năng và duyên sắc của bà, lẽ ra có thể đem lại niềm vui tuyệt vời cho những giới giao du ưu tú nhất.

Nhưng nếu như lũ gian狡 hèn hạ lợi dụng sự giáo dục sai hướng để làm mờ tối ánh sáng của lý trí bà, thì con tim ưu tú của bà chịu được thử thách và vẫn nguyên vẹn: tính cách giàu yêu thương và hiền dịu, sự miễn cảm với những kẻ bất hạnh, lòng nhân hậu vô tận, tính tình vui tươi, cởi mở và thẳng thắn, không bao giờ biến đổi; và thậm chí, khi tuổi già gần lại, ở giữa cảnh túng thiếu, bệnh tật, giữa nhiều tai ương khác nhau, sự thanh thản của tâm hồn đẹp đẽ vẫn duy

trì cho bà đến tận cuối đời toàn bộ tính vui tươi của những ngày huy hoàng nhất.

Những lầm lạc của bà là do một bản tính hoạt động vô tận cứ muốn không ngừng bận rộn. Thứ bà cần không phải những mảnh khoe đàn bà, mà là những công cuộc để tiến hành và điều khiển. Bà được sinh ra cho những sự nghiệp lớn. Giả sử ở vào địa vị của bà, thì phu nhân De Longueville* sẽ chỉ là một người gây rắc rối; giả sử ở địa vị của phu nhân De Longueville, bà sẽ lãnh đạo Quốc gia. Tài năng của bà đặt không đúng chỗ, và những gì lẽ ra làm vinh quang cho bà ở một vị thế cao hơn đã làm hại bà ở vị thế bà từng sống, về những điều trong tầm tay, bà luôn triển khai kế hoạch trong óc và luôn nhìn đối tượng ở quy mô lớn. Việc này khiến cho bà, vì sử dụng những phương kế tương xứng với dự kiến nhiều hơn là với sức lực, nên thất bại do lỗi của kẻ khác, và khi kế hoạch lỡ dở, thì bà bị khuynh gia bại sản khi người khác ở cảnh ấy có lẽ chẳng mất mát gì. Cái sở thích ham công việc, gây bao điều hại cho bà, ít ra cũng đem lại được một điều tốt lành lớn lao trong chốn nường nấu gần như tu hành, khi ngăn cản bà định cư tại đó cho đến hết đời như bà từng toan tính. Cuộc sống đơn điệu và giản dị của các nữ tu, những câu chuyện tầm phào trong phòng tiếp khách của tu viện, tất cả những cái đó không thể làm vừa ý một đầu óc luôn hoạt động, một đầu óc, do mỗi ngày lại tạo lập những phương pháp mới, nên cần tự do để dẫn mình vào những phương pháp ấy. Đức giám mục nhân hậu De Bemex, không tài trí bằng François de Sales*, lại giống ông ở nhiều điểm; và bà De Warens, mà giám mục gọi là con gái, và giống phu nhân De Chantal* ở nhiều điểm, có thể còn giống phu nhân hơn nữa trong chốn ẩn cư, nếu như sở thích không khiến bà quay lưng lại tình trạng nhàn rỗi của một tu viện, chẳng phải vì thiếu nhiệt tâm mà người phụ nữ dễ mến này không thực hành những tập quán sùng tín vụn vặt có vẻ thích hợp với một người mới cải đạo sống dưới sự hướng dẫn của một vị chủ giáo. Dù động cơ khiến bà cải đạo là gì chẳng nữa, bà vẫn chân thành trong tôn giáo

mình đã theo. Bà có thể ân hận vì đã phạm sai lầm, nhưng không thể mong muốn hủy bỏ điều này. Chẳng những bà chết đi là tín đồ Thiên Chúa giáo tốt, mà bà đã thành tâm sống như vậy; và tôi là người nghĩ rằng mình thấu hiểu tâm hồn bà, tôi dám khẳng định rằng duy chỉ vì ghét cay ghét đắng những trò làm bộ làm tịch giả dối mà bà không công khai ra về mộ đạo: bà có một niềm kính tín quá vững nên chẳng giả vờ sùng tín. Nhưng đây không phải chỗ bàn luận dài dòng về các nguyên tắc của bà; tôi sẽ có những cơ hội khác để nói về điều đó.

Nào những ai phủ nhận sự giao cảm giữa các tâm hồn, nếu họ có thể xin hãy lý giải, làm thế nào mà, từ cuộc gặp gỡ đầu tiên, từ lời nói đầu tiên, từ cái nhìn đầu tiên, bà De Warens đã khơi gợi trong tôi không chỉ mỗi quyến luyến mãnh liệt nhất, mà cả một niềm tin trọn vẹn chưa bao giờ tự phủ định. Cứ cho rằng những gì tôi cảm nhận về bà thực sự là tình yêu, điều này ít ra cũng có vẻ đáng ngờ với ai sẽ theo dõi câu chuyện về quan hệ của chúng tôi, làm thế nào mà niềm đam mê ấy ngay từ lúc nảy sinh đã luôn kèm theo những tình cảm mà đam mê ít khơi nên nhất: sự bình an của con tim, trạng thái êm ả, niềm thanh thản, sự an tâm, sự vững vàng? Làm thế nào mà, lần đầu tiên tiếp cận một phụ nữ dễ mến, nhã nhặn, rụt rờ, một phu nhân có địa vị cao hơn tôi, mà tôi chưa từng đến gần ai giống như thế, người phụ nữ mà số phận tôi có thể nói là phụ thuộc vào mối quan tâm nhiều hay ít của người ấy, làm thế nào mà với tất cả những điều đó tôi lại lập tức thấy mình tự do, thoải mái, cứ như thể tôi chắc chắn mình sẽ khiến người ấy vui lòng? Làm thế nào mà tôi không một lúc nào bối rối, rụt rờ, ngượng ngịu? Bản tính hay xấu hổ, lúng túng, chưa bao giờ biết xã hội thượng lưu, làm thế nào mà từ ngày đầu tiên, từ giây lát đầu tiên, tôi đã có với bà thái độ dung dị, cách nói năng trù mến, giọng điệu thân tình của mười năm sau, khi sự mật thiết cao nhất đã khiến cho điều đó thành tự nhiên? Ta có tình yêu, tôi chẳng nói là không ham muốn, tôi có ham muốn, nhưng tình yêu mà không lo lắng, không

ghen tuông hay chẳng? Ít ra ta có muốn biết từ đối tượng mình yêu rằng liệu mình có được yêu hay chẳng? Đó là một câu hỏi mà tôi không bao giờ nghĩ đến việc đặt ra cho người ấy một lần trong đời khác nào không hỏi chính bản thân rằng mình có yêu mình hay chẳng; và với tôi người ấy cũng chẳng bao giờ muốn biết nhiều hơn. Chắc chắn có cái gì lạ lùng trong tình cảm của tôi đối với người phụ nữ khả ái ấy, và sau này mọi người sẽ thấy ở đó những điều kỳ cục không ngờ.

Vấn đề là tôi sẽ ra sao trong tương lai; và để bàn bạc thông thả về chuyện này, bà giữ tôi ở lại ăn tối. Đó là bữa đầu tiên trong đời mà tôi không thấy thèm ăn; và chị hầu phòng của bà, phục vụ bữa ăn, cũng bảo rằng tôi là người khách lữ hành đầu tiên với độ tuổi và tố chất như tôi mà chị thấy không thèm ăn. Nhận xét này, chẳng gây hại cho tôi trong tâm trí nữ chủ nhân, lại hơi trúng vào một bác dân quê to béo đang ăn cùng chúng tôi, và một mình ngấu nghiến cả một bữa đáng cho sáu người, về phần tôi, thì tôi đang ở một trạng thái hân hoan mê mẩn nó khiến tôi không ăn được. Trái tim tôi ấp ủ một tình cảm hoàn toàn mới mẻ choán lấy toàn bộ con người tôi; nó không để tôi còn hồn phách cho bất kỳ nhiệm vụ nào khác.

Bà De Warens muốn biết chi tiết câu chuyện của tôi; để kể cho bà tôi tìm lại được toàn bộ nhiệt tình đã mất đi ở nhà người chủ. Tôi càng khiến tâm hồn ưu tú ấy quan tâm đến tôi, bà càng xót thương cho số phận mà tôi sắp dẫn mình vào. Niềm cảm thương trù mẫn của bà biểu lộ trong dáng vẻ, trong ánh mắt, trong cử chỉ. Bà không dám khuyến khích tôi quay về Genève. Ở tình thế của bà nếu làm như vậy sẽ là một trọng tội mạo phạm Thiên Chúa giáo, mà bà biết mình bị giám sát như thế nào và lời nói của mình bị xem xét kỹ ra sao. Nhưng bà nói với tôi bằng một giọng thật cảm động về nỗi buồn khổ của cha tôi, thành thử người ta thấy rõ là có lẽ bà tán thành nếu tôi đến an ủi ông. Bà không biết rằng mình đã biện hộ chống lại chính mình biết mấy, tuy chẳng nghĩ như vậy. Ngoài chuyện ý tôi đã quyết, hình như tôi nói điều này

rồi, càng thấy bà hùng hồn, giàu sức thuyết phục, lời lẽ của bà càng đi vào lòng tôi, thì tôi càng khó quyết định rời khỏi bà. Tôi cảm thấy quay về Genève là đặt giữa bà và tôi một rào chắn hầu như không thể vượt qua, trừ phi trở lại với toan tính đã có, và tốt hơn là vịn vào toan tính ấy ngay tức khắc, vậy là tôi vịn vào toan tính đó. Thấy những cố gắng của mình vô ích, bà De Warens không cố đến mức để bị liên lụy; nhưng bà bảo tôi với một cái nhìn trắc ẩn: “Cậu bé tội nghiệp, cậu phải đi đến nơi Chúa vời gọi cậu; nhưng khi lớn rồi, cậu sẽ nhớ đến ta.” Tôi cho rằng bản thân bà không nghĩ là lời tiên đoán này sẽ được thực hiện một cách ác nghiệt đến thế.

Toàn bộ khó khăn vẫn còn đó. Làm thế nào để sinh sống xa quê hương khi còn ít tuổi đến thế? Vừa mới được nửa thời gian học việc, còn lâu tôi mới thạo nghề của mình. Giả sử có thạo, tôi cũng không thể nhờ đó mà sống được ở Savoie, miền đất quá nghèo nên chẳng có được những tài nghệ tinh xảo. Bác dân quê đang ăn cùng chúng tôi, buộc phải ngừng một chút để hàm răng nghỉ ngơi, liền đưa ra một ý kiến mà bác ta bảo là từ trên trời đến, song, xét theo hậu quả, đến từ phía ngược lại thì đúng hơn; đó là tôi hãy đi Turin, tại đấy, trong một viện dưỡng dục lập ra để dạy dỗ những người mới học đạo, bác ta bảo, tôi sẽ có được đời sống vật chất lẫn tâm linh, cho đến khi, gia nhập Giáo hội rồi, nhờ lòng từ thiện của những người hảo tâm, tôi tìm được một chỗ làm hợp với mình, về phí tổn hành trình, bác ta nói tiếp, Đức Ngài Giám mục thế nào cũng mở lòng từ thiện cung cấp cho, nếu như phu nhân đề xuất với Ngài việc làm thánh thiện ấy, còn Nam tước phu nhân đây, rất giàu lòng từ thiện, bác ta vừa nói vừa cúi mình xuống đĩa thức ăn, chắc chắn cũng sẽ sốt sắng góp phần.

Tôi thấy tất cả những sự từ thiện này thật cay cực: tim tôi thắt lại, tôi chẳng nói gì; còn bà De Warens, không nắm lấy kế hoạch trên một cách nhiệt tình như nó được đưa ra, chỉ trả lời rằng mỗi người đều phải góp phần vào việc thiện tùy theo sức của mình, và bà sẽ thưa chuyện với Đức Ngài: nhưng cái nhà bác nọ, sợ rằng bà không nói

theo ý bác ta, và bác ta cũng có chút quyền lợi trong việc này, liền chạy đi báo trước cho các cha tuyên úy, và bày vẽ cho các tu sĩ tốt bụng thành công đến mức, khi bà De Warens, vốn lo sợ cho tôi về cuộc hành trình này, muốn nói chuyện với Đức Giám mục, thì thấy đó là một việc đã được thu xếp, và ngài lập tức trao cho bà số tiền dành cho tôi làm lộ phí. Bà không dám nài để tôi ở lại: tôi suýt soát độ tuổi mà một phụ nữ vào tuổi bà không thể muốn giữ một thanh niên ở bên mình mà lại hợp lẽ nghi.

Vì chuyến đi của tôi đã được những người chăm sóc tôi giải quyết, tôi phải phục tùng, và thậm chí phục tùng mà không khó chịu nhiều. Mặc dù Turin xa hơn Genève, song tôi thấy Turin là thủ đô nên có với Annecy những quan hệ chặt chẽ hơn một thành phố ngoại bang và ngoại đạo; thế rồi, vì ra đi để vâng lời bà De Warens, nên tôi coi như mình vẫn sống dưới sự chỉ đạo của bà; thế còn nhiều hơn là sống ở nơi kề cận bà. Cuối cùng ý nghĩ về một chuyến viễn du khiến cái thói ưa lang thang của tôi thích thú, cái thói đã bắt đầu biểu lộ. Tôi thấy có vẻ rất tuyệt khi đi qua núi non ở tuổi của mình, và nâng mình lên trên bạn bè với tất cả độ cao của dãy Alpes. Đi đây đi đó là một cái mời hấp dẫn mà một người dân Genève ít cưỡng lại được, vậy là tôi đồng ý. Hai ngày nữa bác dân quê của tôi ra đi cùng vợ bác. Tôi được giao phó và gửi gắm cho họ. Túi tiền của tôi được trao cho họ, có thêm phần của bà De Warens, ngoài ra bà còn bí mật cho tôi một ít tiền riêng kèm theo nhiều lời chỉ dẫn, và chúng tôi lên đường vào thứ tư ngày lễ thánh.

Tôi rời Annecy hôm trước, thì hôm sau cha tôi đến đó, lần theo dấu tích tôi cùng với ông Rival, một người bạn cũng là thợ đồng hồ, con người tài trí, có khiếu văn chương là khác, làm thơ hay hơn La Motte*, và nói giỏi gần bằng ông ta; hơn nữa lại là người hoàn toàn chính trực, nhưng văn chương không đúng chỗ chỉ đưa tới kết quả là một trong các con trai ông thành diễn viên.

Hai ông gặp bà De Warens, và đành chỉ cùng bà khóc thương cho số phận tôi, thay vì đi theo và đuổi kịp tôi, như lẽ ra họ có thể làm được một cách dễ dàng, vì họ đi ngựa còn tôi đi bộ. Chuyện như vậy cũng xảy ra với cậu Bernard tôi. Cậu đã đến Confignon, và tại đó, biết rằng tôi đang ở Annecy, cậu bèn quay về Genève. Hình như những người thân đồng mưu với sao chiếu mệnh của tôi để giao phó tôi cho số phận đang đợi tôi. Anh tôi đã bị thất lạc vì một sự lơ là tương tự, và thất lạc hẳn, đến nỗi mọi người không bao giờ biết anh đã ra sao.

Cha tôi không chỉ là một người trọng danh dự, đó là một người có lòng chính trực vững vàng, và ông có một trong những tâm tính mạnh mẽ làm nên đức lớn; hơn nữa, ông là người cha tốt, nhất là với tôi. Ông yêu thương tôi rất tha thiết; nhưng ông cũng yêu các thú vui của ông, và những ham thích khác đã làm nhạt phai đôi chút tình phụ tử từ khi tôi sống xa ông. Ông đã tái hôn tại Nyon, và mặc dù vợ ông không còn ở tuổi sinh em cho tôi, nhưng bà có họ hàng: điều này tạo thành một gia tộc khác, những đối tượng khác, một gia đình khác, không còn gợi nhớ thật thường xuyên hồi ức về tôi nữa. Cha tôi đang già đi, và chẳng có tài sản gì để tuổi già trông cậy. Anh tôi và tôi có chút ít tài sản của mẹ, mà lợi tức phải thuộc về cha tôi trong thời gian chúng tôi ở xa. Ý tưởng này không trực tiếp bày ra với ông, và không cản trở ông thực hiện bốn phận mình; nhưng nó tác động âm thầm mà bản thân ông không nhận thấy, và đôi khi trì hoãn niềm sốt sắng mà nếu không có nó có lẽ ông đã đẩy xa hơn. Tôi cho rằng đó là lý do khiến ông, thoát tiên đến Annecy theo dấu vết tôi, đã không theo đến tận Chambéry, nơi mà thâm tâm ông biết chắc sẽ đuổi kịp tôi. Đó còn là lý do khiến cho từ khi bỏ trốn, tôi nhiều lần đến thăm ông, và bao giờ cũng được ông vồn vã âu yếm với tình cha, nhưng không cố gắng nhiều để giữ tôi lại.

Cách xử sự này của một người cha mà tôi biết rất rõ tình thương yêu và sự đức độ đã khiến tôi có những suy nghĩ về bản thân mình, những suy nghĩ đã góp phần không nhỏ duy trì cho tôi con tim lành

mạnh. Tôi đã rút từ đó ra phương châm quan trọng về đạo lý, có lẽ là phương châm duy nhất thông dụng trong thực tiễn, đó là tránh những tình thế đặt bốn phận của ta đối lập với lợi ích của ta, và cho ta thấy điều lợi của ta ở trong điều hại của người khác, vì chắc chắn rằng trong những tình thế như vậy, dù ta thành thật yêu mến sự đức độ đến mấy, thì sớm muộn ta cũng yếu lòng mà không nhận thấy; và ta trở nên bất công và ác trong thực tế, song không ngừng công bằng và tốt trong tâm hồn.

Cái phương châm này, khắc sâu vào đáy lòng tôi và đem ra thực hành, tuy hơi chậm, trong toàn bộ cách xử sự của tôi, là một trong những điều khiến tôi có vẻ kỳ cục nhất và điên nhất trong công chúng, nhất là giữa những người quen biết. Người ta đã gán cho tôi là muốn độc đáo và làm không giống người khác. Thực ra, tôi chẳng mấy nghĩ đến việc làm giống như người khác cũng chẳng mấy nghĩ đến làm không giống họ. Tôi thành thật mong muốn làm những gì tốt. Tôi hết sức tránh những tình thế đem lại cho mình một lợi ích trái ngược với lợi ích của một người khác, do đó đem lại một mong muốn thầm kín, tuy bất tự giác, muốn điều hại cho người kia.

Cách đây hai năm (1763) ngài Thống chế* muốn đưa tôi vào di chúc của ngài. Tôi cực lực phản đối. Tôi bày tỏ với ngài rằng không đời nào tôi muốn biết là mình có tên trong di chúc của bất kỳ ai, lại càng không muốn có tên trong di chúc của ngài. Ngài chịu thua: giờ đây ngài muốn tặng tôi một khoản trợ cấp chung thân, và tôi không phản đối điều này. Người ta sẽ bảo rằng tôi được lợi trong sự thay đổi ấy, điều đó có thể. Nhưng, ôi ân nhân và cha của tôi, nếu tôi bất hạnh còn sống sau người, thì tôi biết rằng mất người là tôi mất tất cả và chẳng được gì hết.

Theo tôi, đó là triết lý đúng, triết lý duy nhất hợp với lòng người. Mỗi ngày tôi một thêm thấm thía tính vững bền sâu xa của triết lý ấy, và tôi đã lật đi lật lại nó theo nhiều cách khác nhau trong mọi trước tác

gần đây; nhưng công chúng, vốn phù phiếm, đã không nhìn ra được điều ấy. Nếu sau khi công trình này hoàn tất mà tôi vẫn còn sống đủ để lại bắt tay vào một công trình khác, tôi định đưa ra tiếp theo *Émile* một thí dụ hết sức dễ thương và hết sức nổi bật về chính phương châm trên, để độc giả của tôi buộc phải chú ý. Nhưng với một lũ khách thì suy nghĩ thế là đủ rồi; đã đến lúc đi tiếp con đường của mình.

Hành trình của tôi dễ chịu hơn sự thể mà lẽ ra tôi phải dự liệu, và bác dân quê của tôi không thật thô lỗ gắt gỏng như cái vẻ của bác. Đó là một người tuổi trung niên, tóc đen ngả hoa râm tím lại thả sau lưng, dáng dấp cận vệ binh, giọng nói to, tính khá vui vẻ, đi khỏe, ăn còn khỏe hơn, và làm đủ thứ nghề, do chẳng thạo một nghề nào. Tôi cho rằng bác ta đã đề nghị mở tại Annecy một xưởng gì đó. Bà De Warens không khỏi tin vào kế hoạch ấy, và chính là để cố gắng xin bộ trưởng chấp thuận kế hoạch mà bác ta thực hiện chuyển đi, được thanh toán hậu hĩnh, đến Turin. Con người này có cái tài lập mưu chước bằng cách luôn chen vào đám tu sĩ và tỏ ra sốt sắng phục vụ họ; bác đã học được ở họ một thứ biệt ngữ sùng tín nào đó mà bác không ngừng sử dụng, tự phụ là một nhà thuyết giáo lớn.

Bác còn thuộc cả một đoạn Thánh kinh bằng tiếng Latin; và cứ như thế bác thuộc một nghìn đoạn, vì bác lặp lại nó nghìn lần trong ngày; và chẳng, hiếm khi thiếu tiền khi biết trong túi người khác có tiền; tuy nhiên, khôn khéo hơn là trộm cắp, và trong khi tuôn ra bằng một giọng dụ dỗ những ngôn từ tôn giáo, trông bác giống như ẩn sĩ Pierre đeo kiếm bên hông tuyên truyền thập tự chinh.

Về bác gái Sabran, thì đó là một người đàn bà khá tốt bụng, bình lặng ban ngày hơn là ban đêm. Vì tôi luôn ngủ cùng phòng với họ, nên những vụ mất ngủ ồn ào của bác thường đánh thức tôi, và lẽ ra còn thức tỉnh tôi nhiều hơn nữa nếu như tôi hiểu được lý do. Nhưng thậm chí tôi chẳng ngờ chuyện đó, và về mục này thì tôi ngu ngốc thành thử chỉ riêng tạo hóa lo toàn bộ việc dạy bảo tôi mà thôi.

Tôi vui vẻ tiến bước cùng bác dẫn đường mộ đạo của mình và người vợ lanh lợi của bác. Chẳng một sự cố nào khuấy rối cuộc lữ hành của tôi; tôi đang ở trạng thái tốt đẹp nhất về cơ thể và tinh thần từ trước đến giờ. Trẻ trung, cường tráng, tràn đầy sức khỏe, sự an tâm, niềm tin ở mình và ở người khác, tôi đang ở thời điểm ngắn ngủi nhưng quý giá của cuộc đời khi trạng thái viên mãn chan hòa của nó có thể nói là mở rộng bản thể ta bằng mọi cảm giác nơi ta, và làm cho toàn bộ thiên nhiên trong mắt ta đẹp lên vì vẻ quyến rũ của sự hiện hữu của ta. Mỗi bản khoản êm ái ở tôi có một đối tượng khiến nó bớt vơ vẩn, và tập trung trí tưởng tượng của tôi. Tôi coi mình là sản phẩm, là học trò, là bạn, hầu như là tình nhân của bà De Warens. Những điều ân cần bà đã nói cùng tôi, những vuốt ve nhẹ nhàng của bà đối với tôi, mỗi quan tâm rất triu mến mà dường như bà có với tôi, những ánh mắt mê hồn mà tôi thấy như đầy tình yêu bởi vì chúng khơi gợi tình yêu nơi tôi, tất cả những điều đó nuôi dưỡng tư tưởng tôi khi đi đường và khiến tôi mơ màng một cách tuyệt diệu. Không một nỗi sợ hãi nào, không một mối ngờ vực nào về số phận mình khuấy rối những mơ màng ấy. Gửi tôi đến Turin, theo tôi, đó là hứa hẹn làm cho tôi sinh sống tại đây, thu xếp cho tôi công việc thích hợp tại đây. Tôi không còn phải lo lắng cho bản thân nữa; những người khác đã đảm nhận mỗi lo này. Vì thế tôi bước đi nhẹ nhõm, cất bỏ được gánh nặng kia; những khao khát trẻ trung, niềm hy vọng mê hoặc, những kế hoạch xán lạn, đầy ắp tâm hồn tôi. Mọi vật tôi nhìn thấy dường như những bảo đảm cho chân phúc sắp tới của tôi. Trong các ngôi nhà tôi tưởng tượng ra tiệc tùng thôn dã; trên đồng cỏ tôi tưởng tượng những trò đùa nghịch vui vẻ; dọc theo các dòng nước, là những cuộc dạo chơi, tắm tấp, câu cá; trên cây, là những quả tuyệt ngon; dưới bóng cây, là những sự giáp mặt đầy khoái cảm; trên núi, là những thùng gỗ to đựng sữa và kem, là một trạng thái nhàn rỗi thú vị, niềm an bình, sự giản dị, thú vui bước đi chẳng biết đến nơi nào. Rốt cuộc không gì đập vào mắt tôi mà không mang đến cho lòng tôi một sức hấp dẫn nào đó của lạc thú. Về kỳ vĩ, sự đa dạng, cái đẹp thực sự của cảnh tượng khiến cho sức hấp

dẫn này hợp với lẽ phải; lòng tự đắc cũng xen vào đó chút ít. Còn ít tuổi như thế mà đi sang nước Ý, mà đã biết đây biết đó, theo Annibal* qua núi non, tôi thấy đường như là một vinh quang vượt quá tuổi mình. Xin hãy thêm vào tất cả điều đó những trạm dừng thường xuyên và dễ chịu, trạng thái rất thèm ăn và có thứ để thỏa mãn trạng thái ấy; vì thực ra tôi không cần nhịn thèm, và bên bữa tối của bác Sabran, thì bữa tối của tôi chẳng gây chú ý.

Tôi nhớ là trong cả đời mình tôi chưa có quãng thời gian nào hoàn toàn không bị lo lắng và buồn khổ như thời gian bảy tám ngày dành cho cuộc hành trình này; vì bước chân của bác gái Sabran, mà chúng tôi phải lựa theo để điều chỉnh bước chân của chúng tôi, khiến cho cuộc hành trình chỉ là một chuyến dạo chơi dài. Hồi ức này đã lưu lại trong tôi ham thích mãnh liệt nhất đối với tất cả những gì liên quan đến nó, nhất là với núi non và những chuyến lữ hành đi bộ. Tôi chỉ đi bộ du hành trong những ngày tươi đẹp của đời mình, và bao giờ cũng tuyệt vời thú vị. Chẳng bao lâu sau những bốn phận, những công việc, hành lý cần mang, đã buộc tôi phải ra về quý ông và đi xe; những lo lắng mòn mỏi, những vương mắc, sự gò bó, đá lên xe cùng tôi; và từ đó, thay vì trước đây khi du hành tôi chỉ cảm thấy thú vui được đi, thì nay tôi chỉ còn cảm thấy cần phải đến nơi. Tôi đã tìm kiếm rất lâu, tại Paris, hai người bạn cùng có sở thích giống mình, những người muốn dành mỗi kẻ năm mươi đồng *louis* trong túi tiền và một năm trong thời gian của mình để cùng nhau đi bộ vòng quanh nước Ý, không có tùy tùng nào khác ngoài một chàng trai mang theo túi ngủ cho chúng tôi. Nhiều người đã tự đề cử, bề ngoài hoan hỉ vì kế hoạch này, nhưng kỳ thực tất cả đều coi đó là một điều thuần túy hảo huyền không tưởng, mà người ta bàn bạc trong khi trò chuyện chứ không muốn thi hành thật sự. Tôi còn nhớ, do say mê nói về kế hoạch đó với Diderot và Grimm, cuối cùng tôi truyền được cho họ ý thích ngông cuồng ấy. Tôi ngờ phen này việc thành: nhưng tất cả chỉ rút lại là muốn làm một

cuộc du hành bằng văn chương, trong đó Grimm chẳng tìm ra điều gì thú vị hơn là cho Diderot làm rất nhiều việc bất kính vô đạo, và tổng tôi vào Pháp đình dị giáo thay vào chỗ Diderot.

Nỗi tiếc nuối của tôi vì đến Turin quá nhanh có dịu bớt do niềm vui được thấy một thành phố lớn, và do hy vọng chẳng bao lâu nữa sẽ ở một địa vị xứng đáng với mình; vì hơi men của tham vọng đã bốc lên đầu tôi rồi; tôi đã coi mình như ở vô cùng cao hơn thân phận cũ là thợ học việc rồi: còn lâu tôi mới thấy trước được là chẳng mấy nữa mình sắp ở thấp hơn rất nhiều.

Trước khi đi xa hơn, tôi phải xin lỗi độc giả hoặc phải biện minh về những chi tiết vụn vặt mà tôi vừa đi vào cũng như những chi tiết mà sau đây tôi sắp đi vào, và dưới mắt độc giả chúng chẳng có gì thú vị. Trong công việc tôi thực hiện là tự phô bày trọn vẹn với công chúng, cần phải để không một điều gì còn lờ mờ hay còn che giấu đối với họ; tôi cần phải không ngừng ở trước mắt họ; sao cho họ đi theo tôi trong mọi lang thang vơ vẩn của lòng tôi, trong mọi xó xỉnh của đời tôi; sao cho họ đừng mất hút tôi dù chỉ một lát, vì sợ rằng, khi thấy trong câu chuyện tôi kể thiếu sót nhỏ nhất, chỗ trống nhỏ nhất, và tự hỏi: Anh ta đã làm gì trong thời gian ấy? Độc giả lại kết tội tôi là không muốn nói hết mọi điều. Tôi cung cấp khá nhiều cơ hội cho sự hiềm độc của mọi người bằng những câu chuyện tôi kể, song chẳng cung cấp cơ hội cho nó bằng sự tỉnh lặng của mình.

Số tiền riêng nhỏ nhoi của tôi đã ra đi: tôi đã nói lộ ra, và sự hổ hên của tôi chẳng làm uổng công những người hướng dẫn. Bác gái Sabran tìm được cách lột của tôi cả đến dải ruy băng dát ngân tuyến mà bà De Warens tặng tôi để dùng cho thanh kiếm nhỏ, mà tôi tiếc hơn tất cả những thứ khác; ngay cả thanh kiếm lẽ ra cũng nằm lại trong tay họ nếu tôi kém khăng khăng bướng bỉnh. Họ đã trung thực trả phí tổn cho tôi trong cuộc hành trình; nhưng họ đã không để lại cho tôi một tí gì. Tôi đến Turin không y phục, không tiền, không quần áo

thường, và đúng là chỉ để lại cho riêng tài cán của mình toàn bộ vinh dự về sự nghiệp mình sắp tạo lập.

Tôi có những bức thư, tôi đưa thư; và ngay lập tức tôi được dẫn đến Viện dưỡng dục những người mới học đạo, để được dạy dỗ tại đó theo cái tôn giáo mà vì nó người ta bán cho tôi miếng ăn. Khi đi vào tôi nhìn thấy một cánh cửa lớn có chấn song sắt, tôi vừa bước qua là đóng ngay lại và khóa hai vòng, sự khởi đầu này có vẻ oai nghiêm hơn là dễ chịu, và bắt đầu khiến tôi suy nghĩ, thì lúc đó người ta đưa tôi vào một gian phòng khá lớn. Tôi thấy toàn bộ đồ đạc chỉ có một ban thờ bằng gỗ bên trên là một cây thánh giá to, ở cuối phòng, và xung quanh là bốn hoặc năm chiếc ghế dựa cũng bằng gỗ, có vẻ đã đánh xi, nhưng chỉ bóng lên vì được sử dụng và cọ xát nhiều. Trong phòng hội họp này có bốn hoặc năm gã côn đồ dễ sợ, các bạn học của tôi, trông giống những xạ thủ của quý dữ hơn là những người đang rập rình làm con cái của Chúa. Hai gã trong số vô lại này là dân Esclavonie*, tự nhận là người Do Thái và người Maure, và như họ thú nhận với tôi, chuyên làm cái việc đi lang thang ở Tây Ban Nha và Ý, theo Kitô giáo và chịu lễ rửa tội tại bất kỳ nơi nào mà mỗi lợi thu được bỏ công để làm như vậy. Người ta mở một cánh cửa sắt khác chia đôi một bao lơn rộng ở bên trên sân. Qua cửa này các chị em mới học đạo đi vào, họ cũng giống như tôi sắp tự tái tạo, không phải bằng lễ rửa tội, mà bằng một lễ thề bỏ đạo trang trọng. Đây đúng là những ả bán thiu nhất và những ả giang hồ xấu xa nhất từng làm ô uế ngôi nhà của Chúa. Duy chỉ một cô có vẻ xinh xắn và khá thú vị. Cô xấp xỉ tuổi tôi, có lẽ hơn một hoặc hai tuổi. Cô có cặp mắt láu lỉnh đôi khi bắt gặp mắt tôi. Điều này khiến cho tôi có phần muốn làm quen với cô; nhưng gần hai tháng cô còn ở trong nhà này, cô vào đây đã được ba tháng, tôi tuyệt đối không thể đến gần cô, vì cô được gửi gắm cho bà già canh giữ chúng tôi, và bị ám bởi cha thiêng liêng truyền giáo, cha làm công việc cải tâm cho cô một cách sốt sắng hơn là cần mẫn. Hẳn cô phải cực kỳ ngu độn, mặc dù cô chẳng có vẻ ngu, vì chưa có sự giáo huấn nào kéo dài

đến thế. Bậc thánh nhân vẫn cứ thấy cô chưa đạt được trạng thái thờ bỏ đạo. Nhưng cô chán cảnh ở ẩn, và bảo cô muốn ra, là tín đồ Kitô hay không cũng ra. Phải coi như cô đã cam kết bởi điều cô nói, trong lúc cô hãy còn đồng ý là tín đồ Kitô, sợ rằng cô nổi loạn và chẳng muốn vậy nữa.

Cộng đồng nhỏ họp lại để mừng kẻ mới đến. Người ta nói vài lời khuyến khích: với tôi, để cổ vũ tôi đáp lại ân phước Chúa ban cho; với những người khác, để đề nghị họ cầu nguyện cho tôi và nêu gương tốt để tôi noi theo. Sau đó, khi các cô gái đồng trinh của chúng tôi đã về lại chốn ẩn cư của họ, tôi có thì giờ để tha hồ kinh ngạc về nơi mình đang ở.

Sáng hôm sau người ta lại tập hợp chúng tôi để giáo huấn; và lúc ấy tôi bắt đầu suy nghĩ lần đầu tiên về bước đi mình sắp thực hiện và về những sự vận động đã dẫn dụ mình đến chỗ đó.

Tôi đã nói, tôi đang nhắc lại và có lẽ sẽ cần nhắc lại một điều mà mỗi ngày tôi một thêm thắm thía; đó là nếu có đứa trẻ nào được tiếp nhận một sự giáo dục hợp lý và lành mạnh, thì đấy là tôi. Sinh ra trong một gia đình mà gia phong phân biệt với dân chúng, tôi chỉ tiếp nhận những bài học về sự đứng đắn tiết độ và những tấm gương liêm chính từ tất cả họ hàng thân thích. Cha tôi, tuy là người ưa lạc thú, song không những có đức chính trực rất đáng tin cậy mà còn có nhiều tín tâm. Là người phong nhã ngoài xã hội, và tín đồ Kitô trong gia đình, ông đã sớm khơi gợi ở tôi những tình cảm mà ông thắm nhuần. Ba bà cô của tôi, tất cả đều nết na và đức hạnh, hai bà chị sùng đạo; còn bà thứ ba, đầy duyên sắc, trí tuệ và lương tri, có lẽ còn sùng tín nhiều hơn các chị, tuy ít phô trương hơn. Từ giữa lòng gia đình đáng quý trọng này tôi chuyển sang nhà ông Lambercier, mặc dù là giáo sĩ và nhà truyền đạo, song ông có tín ngưỡng nội tâm và làm đúng gần bằng nói đúng. Cô em ông và ông, bằng những lời dạy dỗ dịu dàng và chí lý, vun trồng những căn nguyên kính tín mà họ thấy được trong lòng tôi.

Để làm việc đó những con người có phẩm giá này sử dụng những phương tiện thật chân chính, thật tế nhị, thật phải chăng, thành thử, không hề chán ngán trong buổi thuyết giáo, chẳng bao giờ tôi ra khỏi đó mà trong lòng không xúc động và không có những quyết tâm sống tốt, khi nghĩ đến những quyết tâm ấy, ít khi tôi không thực hiện, ở nhà vợ Bernard tôi, sự sùng đạo làm tôi chán ngán hơn đôi chút, vì vợ khiến nó thành một nghề, ở nhà chủ, tôi chẳng mấy nghĩ đến sùng đạo nữa, tuy thế không nghĩ khác đi. Tôi chẳng hề gặp những thanh niên làm tôi hư hỏng. Tôi thành vô lại, nhưng không phóng dăng.

Vậy về tín ngưỡng tôi có tất cả những gì mà một đứa trẻ ở tuổi tôi có thể có được. Thậm chí tôi có nhiều hơn, vì tại sao lại ngại trang ý kiến của mình ở đây? Tuổi thơ của tôi không hề là của một trẻ thơ; bao giờ tôi cũng cảm nhận, tôi cũng suy nghĩ như là người lớn. Chỉ trong khi lớn lên tôi mới trở về với lớp người bình thường; tôi đã ra khỏi đó khi chào đời. Mọi người sẽ cười khi thấy tôi khiêm tốn tự cho mình là một thần đồng. Được thôi; nhưng cười chán rồi, xin mọi người hãy tìm ra một đứa trẻ lên sáu mà những cuốn tiểu thuyết thu hút, gây hứng thú, làm cảm kích đến mức khóc sụt sùi; lúc đó tôi sẽ cảm thấy sự tự cao tự đại của mình lỗ bịch, và tôi sẽ thừa nhận là mình sai.

Vì vậy, khi tôi bảo rằng không nên nói với trẻ em về tín ngưỡng nếu muốn một ngày kia chúng có tín ngưỡng, rằng trẻ em không có khả năng nhận biết Chúa Trời, dù theo cách của chúng ta, là tôi đã rút ra cảm nghĩ từ những quan sát của mình, chứ không phải từ kinh nghiệm của chính mình: tôi biết rằng kinh nghiệm ấy chẳng quyết định được một điều gì cho người khác. Các vị hãy tìm ra những Jean-Jacques Rousseau sáu tuổi, và hãy nói về Chúa Trời với chúng khi chúng lên bảy, tôi đảm bảo là các vị chẳng gặp một nguy cơ nào hết.

Tôi cho rằng người ta cảm thấy, đối với một đứa trẻ, thậm chí với một người lớn, có tín ngưỡng, tức là theo tín ngưỡng trong đó mình được sinh ra. Đôi khi người ta bỏ bớt; hiếm khi người ta thêm vào: tín ngưỡng giáo điều là một kết quả của sự giáo dục. Ngoài cái nguyên

tắc thông thường gắn bó tôi với tôn giáo của cha ông, tôi có mỗi cảm ghét đặc biệt riêng thuộc thành phố chúng tôi đối với Thiên Chúa giáo, mà người ta trình bày với chúng tôi như là một sự sùng bái dễ sợ, và người ta miêu tả giới tăng lữ với chúng tôi bằng những màu sắc đen tối nhất, cảm nghĩ ấy ở tôi đi xa đến mức ban đầu không bao giờ tôi thoáng thấy phía trong một ngôi nhà thờ, không bao giờ tôi gặp một linh mục mặc áo lễ, không bao giờ tôi nghe thấy tiếng chuông của một đám rước, mà không rung mình kinh hãi và khiếp sợ, cái rung mình khiếp hãi này chẳng bao lâu không còn khi tôi ở các thành phố, nhưng thường trở lại ở những xứ đạo miền quê, giống nhiều hơn với những xứ đạo là nơi tôi đã cảm thấy nó trước tiên. Quả thật cảm giác ấy tương phản một cách kỳ lạ với hồi ức về những sự ân cần vồn vã mà các cha xứ vùng lân cận Genève sẵn lòng đối xử với trẻ em thành phố. Trong khi tiếng chuông nhỏ của lễ ban thánh thể lúc lâm chung làm tôi sợ, thì tiếng chuông lớn của lễ mi xa hay lễ vãn khóa khiến tôi nhớ đến một bữa trưa, một bữa nhẹ giữa chiều, bơ tươi, hoa quả, các thức ăn từ sữa. Bữa tối ngon lành của ông De Pontverre hãy còn tạo một hiệu quả lớn. Tôi đã rồi trí dễ dàng như vậy về tất cả những điều này. Do chỉ xem xét Giáo hội La Mã qua những liên hệ của nó với các trò vui và tính tham ăn, tôi đã chẳng khó khăn dần dần với ý tưởng sống trong đó; nhưng ý tưởng gia nhập một cách trang trọng chỉ xuất hiện với tôi một cách thoáng qua, và trong một tương lai xa vời. Lúc này không còn cách để tự lừa phỉnh nữa: tôi nhìn với nỗi kinh sợ mãnh liệt nhất kiểu cam kết mà mình đã tình nguyện, và hậu quả không tránh khỏi của nó. Các tân tín đồ tương lai ở xung quanh tôi chẳng thích hợp để nâng đỡ lòng can đảm cho tôi nhờ tấm gương của họ, và tôi không thể tự giấu giếm rằng sự nghiệp thiêng liêng mình sắp thực hiện kỳ thực chỉ là hành động của một gã côn đồ. Hãy còn rất ít tuổi, song tôi cảm thấy rằng dù tôn giáo nào là chân chính, thì tôi cũng sắp đem bán tôn giáo của mình, và, cho dù tôi chọn lựa đúng, thì trong đáy lòng tôi vẫn sắp lừa dối Thánh Linh và đáng để người đời khinh bỉ. Càng nghĩ về điều đó, tôi càng bất bình với bản thân; và tôi rên rĩ vì cái số phận đã

đưa mình đến chỗ đó, như thể số phận ấy không phải do mình tạo ra. Có những khoảnh khắc các suy nghĩ này trở nên quá mạnh mẽ, đến mức nếu có lúc thấy cửa mở, chắc chắn tôi sẽ trốn đi; nhưng điều này là không thể, và quyết tâm ấy cũng không thật vững vàng.

Quá nhiều ao ước thầm kín chống lại quyết tâm ấy thành ra đánh bại được nó. Và chẳng ý định khẳng khẳng không quay về Genève, nổi hổ thẹn, ngay cả sự khó khăn của việc lại vượt núi, tình trạng bối rối thấy mình xa quê hương không bè bạn, không tiền nong, tất cả những điều đó hợp lực khiến cho tôi coi những hối hận của lương tâm như một niềm ăn năn muộn màng: tôi vờ tự trách móc về điều mình đã làm, để tha thứ cho điều mình sắp làm. Bằng cách làm nặng thêm những sai lầm của quá khứ, tôi nhìn tương lai như một hậu quả tất yếu của những sai lầm này. Tôi không tự nhủ: chưa điều gì được thực hiện cả, và mi có thể vô tội nếu mi muốn; mà tôi tự nhủ: hãy rên rỉ vì trọng tội mà mi đã phạm, mà mi đã tự đặt mình vào thế buộc phải hoàn thành.

Quả thực, vào tuổi tôi phải có sức mạnh tâm hồn đến thế nào để hủy bỏ tất cả những gì mà cho đến bấy giờ tôi đã có thể hứa hẹn hoặc cho người ta hy vọng, để bẻ gãy những xiềng xích tôi đã tự trói buộc, để dũng cảm tuyên bố rằng tôi muốn ở lại tôn giáo của cha ông, mạo hiểm trước tất cả những gì có thể xảy ra! Khí lực ấy không thuộc lứa tuổi tôi, và không chắc nó sẽ thành công tốt đẹp. Sự thể đã đi quá xa thành thử người ta không muốn nó bị đánh chính; và giả sử sự chống cự của tôi càng mạnh, thì bằng cách này hay cách khác, người ta càng coi việc chế ngự nó là bắt buộc.

Lỗi nguy biện làm hại tôi là lỗi nguy biện của phần lớn mọi người, than vãn mình thiếu sức lực khi đã quá muộn để sử dụng sức lực. Sự đức độ chỉ gian khó với chúng ta vì lỗi lầm của chúng ta, còn nếu ta định luôn luôn đứng đắn chính, thì hiếm khi ta phải cần đức độ. Nhưng những khuynh hướng dễ chế ngự thường lôi cuốn ta mà không có sự cưỡng lại; ta chịu thua những cám dỗ nhẹ nhàng mà ta

coi thường nguy cơ. Một cách dần dà khó nhận biết ta rơi vào những tình thế nguy hiểm, mà ta đã có thể dễ dàng tự bảo vệ, nhưng nay thì không có cơ thoát khỏi nếu không có những nỗ lực anh dũng khiến ta sợ hãi, và rốt cuộc ta vừa rơi xuống vực thẳm, vừa thưa với Chúa: “Tại sao người lại tạo ra con yếu đuối đến thế?” Nhưng mặc dù trái ý ta Chúa vẫn trả lời lương tâm ta rằng: “Ta đã tạo ra con quá yếu đuối không thoát được vực thẳm, bởi vì ta đã tạo ra con đủ mạnh mẽ để đừng rơi xuống đó.”

Tôi không quyết định đích xác làm tín đồ Thiên Chúa giáo; nhưng do thấy kỳ hạn hãy còn xa, tôi thung dung tập quen với ý tưởng ấy, và trong khi chờ đợi tôi tưởng tượng ra một biến cố bất ngờ nào đó sẽ gỡ rối cho mình. Tôi quyết định, để kéo dài thời gian, tiến hành một cuộc biện hộ hay nhất mà mình có thể thực hiện. Chẳng bao lâu tính tự cao tự đại khiến tôi không cần nghĩ đến quyết định của mình nữa, và hễ nhận thấy đôi khi mình làm cho những người định dạy dỗ mình phải lúng túng, là tôi chẳng cần gì hơn để mà tìm cách đánh gục họ hoàn toàn. Thậm chí tôi còn đem vào công việc này một nhiệt tình sốt sắng thật nực cười; vì trong khi họ dụng công khuyến dụ tôi, thì tôi lại muốn dụng công khuyến dụ họ. Tôi thật thà tin rằng chỉ cần thuyết phục được họ để khuyên họ theo đạo Tin Lành.

Vậy họ hoàn toàn chẳng thấy ở tôi nhiều dễ dàng như họ chờ đợi, cả về phương diện tri thức cả về phương diện ý chí. Tín đồ Tin Lành nói chung hiểu biết nhiều hơn tín đồ Thiên Chúa giáo. Điều này ắt phải như vậy: giáo lý của đạo Tin Lành đòi hỏi sự bàn luận, giáo lý của đạo Thiên Chúa đòi hỏi sự phục tùng. Tín đồ Thiên Chúa giáo phải theo quyết định mà người ta đưa ra cho mình; tín đồ Tin Lành phải học cách tự quyết định. Họ biết điều đó; nhưng ở địa vị của tôi cũng như ở độ tuổi của tôi, họ không ngờ những con người lão luyện lại gặp những khó khăn lớn. Và lại tôi còn chưa làm lễ ban Thánh thể lần đầu, cũng chưa tiếp nhận những sự dạy dỗ liên quan đến lễ ấy: họ biết cả điều đó nữa; nhưng họ không biết rằng bù lại tôi đã được dạy

đồ nhiều ở nhà ông Lamercier, và hơn nữa tôi còn có riêng cho mình một kho tàng nho nhỏ rất phiền toái cho các vị này, kho tàng ấy ở trong *Lịch sử của Giáo hội và của Đế chế**, mà tôi đã học gần như thuộc lòng ở nhà cha tôi, và gần như quên đi từ đấy, nhưng cuộc thảo luận hăng lên đến đâu thì tôi lại nhớ ra đến đó.

Một giáo sĩ già bé nhỏ, nhưng khá khả kính, thuyết trình chung cho chúng tôi buổi đầu tiên, với các bạn tôi buổi thuyết trình này là một bài giảng giáo lý cương yếu hơn là một cuộc tranh luận, và giáo sĩ phải dạy dỗ họ nhiều hơn là giải quyết những phản bác của họ. Với tôi thì không giống như vậy. Khi đến lượt mình, tôi chặn ông lại ở mọi vấn đề; tôi không để ông thoát được một khó khăn nào trong những khó khăn tôi có thể gây cho ông. Điều này khiến buổi thuyết trình thành rất dài và rất chán ngán cho những người dự. Vị giáo sĩ già của tôi nói nhiều, hăng lên, lan man dông dài, và thoát hiểm bằng cách bảo rằng ông nghe tiếng Pháp không rõ. Ngày hôm sau, sợ rằng những sự phản bác vô ý vô tứ của tôi nêu gương xấu cho các bạn học, người ta để riêng tôi sang một phòng khác với một giáo sĩ khác, trẻ hơn, nói giỏi, nghĩa là dài dòng văn tự, và nếu có vị tiến sĩ nào tự phụ tự mãn thì đó là ông ta. Tuy thế tôi không để mình bị bộ dạng oai phong của ông trấn áp quá nhiều, và, cảm thấy dù thế nào mình cũng đang làm nhiệm vụ, tôi bèn đối đáp với ông một cách khá tự tin và dồn ép ông chỗ này chỗ nọ hết sức mình, ông tưởng hạ gục được tôi với thánh Augustin, thánh Grégoire và các bậc Giáo phụ khác, và ông ngạc nhiên không tưởng tượng nổi thấy tôi vận dụng tất cả các vị Giáo phụ ấy dễ dàng gần bằng ông: không phải là tôi đã có khi nào đó đọc các vị, có lẽ cả ông cũng thế; nhưng tôi đã nhớ rất nhiều đoạn của các vị rút từ bộ *Le Sueur* của tôi; và hễ ông vừa dẫn ra một đoạn, là tôi không tranh cãi về đoạn ông trích dẫn mà đáp trả bằng một đoạn khác cũng của vị Giáo phụ ấy, và thường khiến ông rất lúng túng. Tuy nhiên cuối cùng ông thắng, vì hai lý do: một, ông là kẻ mạnh hơn, và do cảm

thấy mình có thể nói là ở dưới quyền định đoạt của ông, thành ra mặc dù ít tuổi đến mấy, tôi cũng nhận định rất đúng là không nên chọc tức ông quá chừng; vì tôi thấy khá rõ rằng vị giáo sĩ già bé nhỏ đã không ưa sự uyên bác của tôi cũng chẳng ưa tôi; lý do nữa là giáo sĩ trẻ có học vấn, còn tôi chẳng hề có. Điều này khiến ông đưa vào cách lập luận của ông một phương pháp mà tôi không theo được, và hễ ông vừa cảm thấy bị thúc bách vì một phản bác bất ngờ, là ông hoãn điều đó đến hôm sau, bảo rằng tôi lạc ra ngoài đề tài hiện thời. Thậm chí đôi khi ông bác bỏ mọi trích dẫn của tôi, quả quyết rằng chúng sai, và, tự nguyện đi tìm sách hộ tôi, thách tôi tìm được chúng trong đó. Ông cảm thấy ông không mạo hiểm gì nhiều, và với tất cả sự uyên bác vay mượn của mình, tôi quá ít được luyện tập cách sử dụng sách, và biết tiếng Latin quá ít nên chẳng tìm ra được một đoạn trong một cuốn sách dày, dù tôi có chắc chắn rằng đoạn ấy ở trong sách ấy. Thậm chí tôi nghĩ ông đã dùng đến thái độ không trung thực mà ông kết tội các mục sư, và đôi khi đã ngụy tạo những đoạn trích để thoát khỏi một điều phản bác nó làm rầy ông.

Trong thời gian những cuộc cãi cọ vặt này diễn ra, và ngày tháng dùng để tranh luận, để lằm rằm cầu nguyện, để ăn hại, một sự biến xấu xa nho nhỏ khá tởm lợm xảy đến với tôi, thậm chí suýt nữa trở thành rất tệ hại cho tôi.

Chẳng một tâm hồn thật hèn hạ nào và một con tim thật man dã nào lại không thể có một kiểu quyến luyến nào đấy. Một trong hai gã côn đồ tự nhận là người Maure bắt đầu có cảm tình với tôi. Hắn sẵn lòng tiếp cận tôi, trò chuyện với tôi bằng thứ tiếng *Franc* trọ trọ hỗn tạp của hắn, giúp tôi những việc nho nhỏ, đôi khi san sẻ cho tôi thức ăn từ suất của hắn, và đặc biệt là rất hay hôn tôi với một nhiệt tình hết sức rầy rà đối với tôi. Tôi có ghê sợ đến mấy một cách tự nhiên cái bộ mặt da bánh mật, điểm thêm một vết sẹo dài, và cái ánh mắt thèm khát có vẻ giận dữ hơn là âu yếm, thì tôi vẫn nhẫn nại chịu đựng những cái hôn đó và tự nhủ thầm: con người tội nghiệp đã cảm thấy một tình bạn

thật mãnh liệt đối với mình; giả sử mình mà hắt hủi anh ta là mình sai. Hẳn chuyển dần từng mức độ sang những cung cách sỗ sàng hơn, và nói với tôi những lời lẽ thật kỳ dị, đến mức đôi khi tôi ngỡ hẳn đã hóa rồ. Một buổi tối hẳn định đến ngủ với tôi; tôi phản đối, bảo rằng giường của tôi quá nhỏ. Hẳn thúc giục tôi sang giường của hẳn; tôi vẫn từ chối; vì cái gã khốn này rất bẩn thỉu và hôi rình mùi thuốc lá nhai, thành thử hẳn khiến tôi buồn nôn.

Hôm sau, còn khá sớm, chỉ có hẳn và tôi ở trong phòng họp; hẳn lại bắt đầu vuốt ve, nhưng với những động tác thật dữ dội khiến hẳn thành khủng khiếp. Cuối cùng hẳn định chuyển từng mức độ sang những sự suồng sã bẩn thỉu nhất, và sử dụng bàn tay tôi, ép tôi phải làm như hẳn. Tôi vừa vùng mạnh ra vừa kêu lên và nhảy lùi lại, rồi, chẳng tỏ ra bất bình cũng chẳng tỏ ra tức giận, vì không hề biết đây là chuyện gì, tôi biểu lộ niềm kinh ngạc và nổi ghê tởm một cách hết sức cương quyết, thành thử hẳn để tôi đấy: nhưng trong khi hẳn kết thúc việc vùng vẫy giãy giụa, tôi thấy phun ra về phía lò sưởi rồi rơi xuống đất chẳng biết cái gì lầy nhầy và trắng trắng làm tôi phát nôn mửa. Tôi lao ra bao lơn, trong đời chưa từng xúc động hơn, rối loạn hơn, thậm chí kinh hãi hơn, suýt nữa ngất xỉu.

Tôi không thể hiểu được cái gã khốn khổ này bị làm sao; tôi ngỡ hẳn mắc bệnh động kinh, hay chứng cuồng loạn nào khác còn ghê gớm hơn, và thật vậy, với một ai đó bình tĩnh, tôi chẳng biết có gì nhìn xấu xa hơn là cái thái độ tục tĩu và nhơ bẩn kia, cái khuôn mặt gớm guốc bưng bưng mỗi tà dục thô bạo nhất kia. Tôi chưa từng nhìn thấy người đàn ông nào khác ở trạng thái tương tự; nhưng nếu chúng ta là như vậy trong những phần khích của ta bên phụ nữ, thì họ phải có những con mắt bị thôi miên mê mẩn lắm mới không ghê sợ chúng ta.

Tôi vội vã đi kể cho tất cả mọi người chuyện vừa xảy ra với mình. Bà già quản lý bảo tôi im đi, nhưng tôi thấy câu chuyện này đã gây cho bà ấn tượng rất nặng nề, và tôi nghe bà lẩm bầm trong miệng: *Can maledet! Brutta bestia!*^{*} Vì không hiểu tại sao mình phải im

miệng, tôi vẫn cứ kể mặc dù bị cấm, và tôi ba hoa nhiều đến nỗi ngày hôm sau một trong các vị quản lý đến từ sáng sớm, quở trách tôi khá gay gắt, buộc tội tôi gây nhiều ồn ào vì chút ít sai trái và làm ô danh một ngôi nhà thiêng liêng.

Ông kéo dài cuộc khiển trách bằng cách giảng giải cho tôi nhiều điều mà tôi không biết, nhưng ông không nghĩ rằng ông dạy cho tôi, vì định ninh là tôi đã chống cự trong khi hiểu rõ điều người ta muốn ở mình, nhưng mình không định đồng ý. Ông trang trọng bảo tôi rằng đó là một việc bị cấm, cũng như sự dâm dật tục tĩu, nhưng ý định thì cũng không xúc phạm hơn với người là đối tượng của việc ấy, và chẳng có gì phải tức giận nhiều đến thế vì người ta thấy mình dễ thương, ông chẳng vòng vo bảo tôi rằng bản thân ông, khi còn trẻ, cũng từng có vinh dự như vậy, và do bị bắt chột trong tình trạng không thể kháng cự, ông chẳng thấy có gì là thật tàn bạo. Ông trơ trẽn đến mức dùng thẳng những từ ngữ riêng, và tưởng lý do chống cự của tôi là sợ đau, ông đảm bảo với tôi rằng nỗi sợ ấy hão huyền, và chẳng phải lo hãi gì hết.

Tôi ngạc nhiên nghe kẻ xấu xa ấy, càng ngạc nhiên hơn vì ông ta không hề nói vì bản thân; ông ta có vẻ chỉ dạy dỗ tôi vì điều hay cho tôi mà thôi. Dường như ông ta thấy bài diễn giảng của mình thật bình thường, nên thậm chí chẳng tìm cách gập riêng cho kín đáo; và chúng tôi có người dự thứ ba là một thầy tu mà tất cả chuyện này cũng chẳng làm cho hãi sợ hơn ông kia. Cái vẻ tự nhiên ấy áp đảo tôi đến mức tôi đi đến chỗ tin rằng có lẽ đây là một tập quán được chấp nhận trong xã hội, mà mình chưa có dịp được biết sớm hơn. Điều này khiến tôi lắng nghe ông không giận dữ, nhưng chẳng phải là không ghê tởm. Hình ảnh về những gì từng xảy ra với mình, nhất là về những gì mình đã nhìn thấy, vẫn khắc ghi hết sức đậm nét trong ký ức, thành thử khi nghĩ đến, tôi vẫn còn buồn nôn. Dù không biết gì hơn, song mỗi gớm ghét đối với sự việc lan sang người biện hộ, và tôi chẳng nén mình

được đủ để ông ta không thấy hiệu quả xấu của những bài ông ta giảng dạy. Ông ta đưa mắt nhìn tôi một cách ít ân cần, và từ đó không từ một điều gì để làm cho việc lưu trú trong viện thành khó chịu đối với tôi. Ông ta thành công đến mức, do nhận thấy chỉ có một đường thoát duy nhất, nên cho đến lúc này đã cố tránh xa con đường ấy bao nhiêu, thì nay tôi vội vàng đi vào đó bấy nhiêu.

Biến cố trên khiến cho về sau tôi được an toàn trước sự gạ gẫm của những kẻ tình dục đồng giới, và khi nhìn thấy những người coi như thuộc loại này, do nhớ lại dáng vẻ và điệu bộ của gã Maure gớm guốc, bao giờ tôi cũng ghê sợ đến mức khó giấu nổi. Ngược lại, trong tâm trí tôi phụ nữ được lợi rất nhiều nhờ sự so sánh này: tôi thấy dường như mình phải đem tình cảm dịu dàng âu yếm, phải dâng hiến con người mình để bù đắp cho những xúc phạm của giới mình, và trong mắt tôi cô ả xấu xí nhất cũng trở thành một đối tượng đáng yêu đáng quý, do hồi ức về gã người Phi giả mạo kia.

Về hẳn, thì tôi không biết người ta có thể nói gì với hẳn; tôi thấy hình như, ngoại trừ bà Lorenza, chẳng ai nhìn hẳn bằng con mắt ác cảm hơn trước đây. Tuy thế hẳn không tiếp cận tôi cũng không nói chuyện với tôi nữa. Tám ngày sau, hẳn được làm lễ rửa tội rất long trọng, và mặc đồ trắng từ đầu đến chân, để thể hiện sự trong trắng của linh hồn được tái sinh. Hôm sau hẳn ra khỏi Viện dưỡng dục và từ đây tôi không bao giờ gặp lại hẳn.

Một tháng sau đến lượt tôi; vì cần toàn bộ thời gian này để đem đến cho những người hướng dẫn tôi niềm vinh dự của một công việc cải tạo khó khăn, và người ta kiểm tra xem xét tôi về tất cả các tín điều, để hạ hê đặc thăng về sự ngoan ngoãn mới mẻ của tôi.

Cuối cùng, đủ hiểu biết và đủ sẵn sàng theo ý các ông thầy, tôi được dẫn đi trong một đám rước, đến nhà thờ Saint-Jean thuộc đức Tổng Giám mục, để làm một lễ thề bỏ đạo long trọng, và đón nhận các thứ phụ tùng của lễ rửa tội, tuy người ta không thực sự rửa tội cho tôi: nhưng do các lễ nghi gần giống như thế, nên việc này dùng để thuyết

phục dân chúng rằng tín đồ Tin Lành không phải là tín đồ Kitô. Tôi mặc một thứ áo dài xám, có những dải tua màu trắng, dành cho những dịp thuộc loại này. Hai người, đứng trước và đứng sau tôi, bưng những thau đồng mà họ gõ gõ bằng một chiếc chìa khóa, và mỗi người bỏ vào đó của bố thí, tùy lòng sùng tín hay tùy mối quan tâm của họ đối với kẻ tân tín đồ. Rốt cuộc, không sót một thứ gì của vẻ huy hoàng khoa trương Thiên Chúa giáo nhằm làm cho sự long trọng thêm tác dụng cảm hóa đối với công chúng, và thêm nhục nhã đối với tôi. Chỉ có điều bộ y phục trắng lẽ ra rất hữu ích với tôi, thì người ta lại chẳng cho tôi như cho gã người Maure, xét vì tôi không có vinh dự là người Do Thái.

Thế chưa hết. Sau đó phải đi đến Pháp đình tôn giáo để được xá tội tà giáo, và trở về trong lòng Giáo hội với cùng nghi thức mà sứ giả của Giáo hội từng bắt vua Henri IV phải theo. Dáng vẻ và thái độ của đức cha thẩm vấn chẳng thích hợp để làm tan mỗi kinh hoàng thầm kín ập xuống tôi khi bước vào tòa nhà này. Sau nhiều câu hỏi về tín ngưỡng của tôi, về thân phận tôi, về gia đình tôi, ông đột ngột hỏi liệu mẹ tôi có bị đầy địa ngục hay không. Nỗi khiếp sợ khiến tôi kìm lại cảm xúc đầu tiên của niềm công phần; tôi chỉ trả lời rằng tôi muốn hy vọng mẹ tôi không bị như vậy, và Chúa có thể đã soi sáng cho bà ở giờ phút lâm chung. Tu sĩ nín lặng, nhưng ông ta nhìn mặt lại, cái nhìn mặt mà tôi thấy không hề có vẻ một dấu hiệu tán thành.

Làm xong tất cả những điều này, vào lúc tôi tưởng cuối cùng được thu xếp công việc như mình hy vọng, thì người ta tống tôi ra ngoài với hơn hai chục đồng *franc*, bằng số tiền lẻ đã quyên góp được. Người ta dặn bảo tôi hãy sống như tín đồ Kitô tốt, hãy trung thành với ân phước; người ta chúc tôi may mắn, người ta đóng cửa lại sau lưng tôi, và mọi thứ biến mất.

Như vậy là trong chốc lát mọi niềm hy vọng lớn của tôi mất tăm, và về hành động vụ lợi mình vừa thực hiện tôi chỉ còn nhớ lại mình đã đồng thời là kẻ bội giáo và kẻ bị lừa. Cũng dễ phán đoán là trong tư

tưởng tôi ắt phải diễn ra một biến động đột ngột như thế nào, khi mà, từ những kế hoạch làm giàu huy hoàng tôi bỗng thấy mình rơi xuống cảnh khốn cùng trọn vẹn nhất, và buổi sáng sau khi đã suy xét về việc lựa chọn tòa cung điện mình sẽ ở, buổi tối tôi thấy mình lâm vào cảnh ngủ đường. Mọi người sẽ tưởng tôi bắt đầu phó mình cho một nỗi tuyệt vọng càng ác nghiệt hơn vì niềm ân hận về những sai lầm ắt phải nhức nhối, trách móc rằng toàn bộ nỗi bất hạnh của mình là do mình tự chuốc lấy. Không hề có chuyện đó. Lần đầu tiên trong đời, tôi vừa bị nhốt hơn hai tháng trời; cảm giác đầu tiên tôi nếm trải là cảm giác về sự tự do mà mình đã lấy lại được. Sau một thời gian dài khuất phục, trở lại làm chủ bản thân và làm chủ hành động của mình, tôi thấy mình ở giữa một thành phố lớn dồi dào tài nguyên, đầy những người có địa vị, mà tài năng và giá trị của tôi thế nào cũng khiến tôi được đón nhận ngay khi họ biết đến tôi. Hơn nữa, tôi còn tha hồ thời gian để đợi, và tôi thấy hai mươi *franc* có trong túi như một kho tàng không sao vơi cạn. Tôi có thể tùy ý sử dụng nó, chẳng báo cáo với ai hết. Đây là lần đầu tiên tôi thấy mình giàu đến thế. Không hề nản chí và khóc lóc, tôi chỉ thay đổi hy vọng mà thôi, và lòng tự ái chẳng mất mát gì ở chỗ này. Chưa bao giờ tôi cảm thấy mình tin tưởng và an tâm nhiều đến thế; tôi ngỡ sự nghiệp của mình đã thành, và tôi thấy thật tuyệt khi chỉ có nghĩa vụ với riêng mình mà thôi.

Việc đầu tiên tôi làm là thỏa mãn lòng hiếu kỳ bằng cách đi khắp thành phố, dù chỉ để chứng tỏ rằng mình tự do. Tôi đi xem người ta canh gác; quân trang quân dụng khiến tôi rất thích thú. Tôi đi theo các đám rước; tôi thích lối hợp xướng của các tu sĩ; tôi đi xem cung điện của nhà vua; tôi đến gần đó sợ sệt; nhưng thấy những người khác đi vào, tôi bèn làm như họ; người ta để mặc. Có lẽ tôi được ân huệ ấy là nhờ cái bọc nhỏ cặp dưới nách. Dù thế nào chẳng nữa, tôi cũng đánh giá cao bản thân khi thấy mình ở trong cung điện này; tôi đã coi mình gần như một người cư ngụ tại đó rồi. Cuối cùng, đi đi lại lại mãi, tôi mệt mỏi; tôi đói, trời nóng; tôi vào một hàng bán các thức ăn từ sữa;

người ta cho tôi giunca*, và với hai chiếc bánh mì dài Piémont tuyệt ngon, mà tôi thích hơn bất kỳ loại nào khác, với dăm sáu đồng xu tôi có một trong những bữa tối ngon lành từng được ăn trong đời.

Cần phải kiếm một chỗ ở. Vì đã biết tiếng Piémont đủ để mọi người hiểu mình, nên cũng không khó tìm, và tôi thận trọng chọn nơi hợp với túi tiền hơn là hợp với sở thích. Người ta mách tôi tại phố Pô có vợ một người lính cho những gia nhân hết giờ làm việc trọ mỗi tối một xu. Tôi thấy nhà bác ta có một chiếc giường tồi tàn còn trống, thế là tôi vào ở. Bác còn trẻ và mới kết hôn, tuy đã có năm sáu đứa con. Tất cả chúng tôi ngủ trong cùng một phòng, người mẹ, những đứa con, các khách trọ; và cứ như thế chừng nào tôi còn ở lại nhà bác. Chung quy đó là một người đàn bà tốt bụng, chửi thề như phu xe, lúc nào cũng áo quần lôi thôi tóc tai xõa xượi, nhưng có tấm lòng hiền hậu, hay đỡ đần mọi người, bác thấy mến tôi, và thậm chí còn giúp tôi.

Nhiều ngày tôi chỉ phó mình duy nhất cho cái thú của sự độc lập và lòng hiếu kỳ. Tôi đi lang thang trong và ngoài thành phố, sục sạo, xem tất cả những gì có vẻ lạ và mới; và mọi sự đều lạ đều mới đối với một thanh niên lần đầu ra khỏi xó nhà, chưa từng thấy kinh đô. Đặc biệt tôi đến châu rất đúng giờ, và sáng nào cũng dự đều đặn lễ mi xa của nhà vua. Tôi thấy thật tuyệt vời khi mình ở trong cùng một giáo đường với quốc vương và đoàn tùy tùng của ông: nhưng niềm đam mê âm nhạc, bắt đầu bộc lộ, góp nhiều phần vào sự chuyên cần của tôi hơn là vẻ tráng lệ của triều đình, một khi đã thấy, và bao giờ cũng giống nhau, thì chẳng gây xúc động lâu. Bấy giờ nhà vua Sardaigne đang có được dàn nhạc giao hưởng ưu tú nhất của châu Âu. Somis, Desjardins, anh em Bezuzzi* lần lượt sáng chói tại đây. Chẳng cần nhiều đến như vậy để thu hút một thanh niên cứ nghe một nhạc cụ tầm thường nào, miễn rằng chơi đúng, là vui mừng khôn xiết. Và chẳng, đối với cảnh huy hoàng đang đập vào mắt mình, tôi chỉ có một niềm hâm mộ sững sờ mà không thèm muốn. Điều duy nhất khiến tôi quan

tâm trong tất cả sự rục rờ của triều đình là xem liệu ở đó có nàng công Chúa trẻ trung nào xứng đáng để tôi tôn sùng, và cùng với nàng tôi có thể làm nên một thiên tiểu thuyết hay không.

Suýt nữa tôi đã bắt đầu một thiên tiểu thuyết trong một cảnh huống không hiển hách bằng, nhưng giả sử đi đến cùng, chắc tôi đã tìm được ở đó những niềm vui thú tuyệt diệu gấp ngàn lần.

Mặc dù tôi sống rất tiết kiệm, song túi tiền vẫn dần dần vơi cạn. Vả chăng, sự tiết kiệm này do khôn ngoan cần trọng ít hơn là do một sở thích giản dị mà cả đến ngày nay việc quen với tiệc tùng vẫn không hề làm phai nhạt. Tôi chưa từng biết, và nay vẫn chưa biết cao lương mỹ vị nào ngon hơn mỹ vị của một bữa ăn mộc mạc nơi thôn dã. Với những thức ăn làm từ sữa, trứng, rau cỏ, pho mát, bánh mì đen và rượu vang loại tầm tạm, người ta luôn chắc chắn là đã đãi tôi hậu hĩnh; sự thèm ăn của tôi lo phần còn lại, khi không phải phát ngán vì sự có mặt rầy rà của một đầu bếp và những người hầu xung quanh mình. Thời ấy với sáu hay bảy xu tôi ăn những bữa ngon hơn rất nhiều so với những bữa sáu hay bảy *franc* sau này. Vậy là tôi ăn uống đăm bạt, do chẳng muốn ăn uống theo cách khác: mà tôi cũng sai khi gọi tất cả những điều này là sự đăm bạt, vì tôi đưa vào đó toàn bộ khoái lạc có thể có được. Những quả lê của tôi, món sữa đông của tôi, pho mát, bánh mì dài, và vài cốc rượu vang Montferrat rất thô, khiến tôi thành kẻ hạnh phúc nhất trong những kẻ ham ăn ngon. Nhưng với tất cả những điều này ta vẫn có thể thấy hai mươi franc sắp kết thúc. Đó là điều tôi nhận ra mỗi ngày một rõ hơn, và, bất kể sự nông nổi của lứa tuổi, niềm lo lắng về tương lai chẳng mấy chốc đi tới nỗi kinh hãi. Từ tất cả những điều không tưởng hảo huyền của tôi, chỉ còn lại ý tưởng tìm một công việc giúp mình sinh sống, mà chuyện này cũng không dễ thực hiện. Tôi nghĩ đến nghề cũ của mình; nhưng tôi không đủ thạo nghề để đến làm với một ông chủ, và chính các ông chủ cũng không nhiều ở Turin. Vậy trong khi chờ đợi điều hay hơn, tôi quyết định đi từ cửa hiệu này

sang cửa hiệu khác để xin được khắc lên các bộ bát đĩa dấu hiệu riêng hoặc gia huy, hy vọng dụ được mọi người vì giá rẻ, phó thác cho họ tùy liệu. Mưu chước này không may mắn lắm. Hầu như ở chỗ nào tôi cũng bị đuổi khéo, còn chút công việc tìm được thì quá nhỏ nhoi, thành ra chỉ tạm tạm kiếm nổi vài bữa ăn. Tuy nhiên một hôm, đi qua Contra nova lúc còn khá sớm, tôi nhìn thấy, qua cửa kính quầy hàng, một cô chủ hiệu thật yêu kiều và đáng vẻ thật hấp dẫn đến mức, mặc dù rụt rè bên các bà các cô, song tôi không ngần ngại bước vào, và ngỏ ý đem chút tài mọn phục vụ cô. Cô không hề hắt hủi tôi, bảo tôi ngồi, và kể chuyện mình, ái ngại cho tôi, bảo tôi hãy can đảm lên, những tín đồ Kitô tốt sẽ không bỏ rơi tôi; thế rồi, trong khi cử người sang một hiệu kim hoàn bên cạnh kiếm những dụng cụ mà tôi nói là cần dùng, cô lên nhà bếp, và tự tay mang thức ăn sáng xuống cho tôi. Tôi thấy bước khởi đầu này xem ra là điềm lành; sự thể về sau không phủ định điều đó. Cô có vẻ hài lòng về công trình nho nhỏ của tôi, hài lòng hơn nữa về những lời tôi tỏ vẻ khi đã hơi vững lòng; vì cô rục rĩ và điểm trang, và mặc dù cô có vẻ ân cần dễ thương, sự lộng lẫy ấy đã buộc tôi phải nể trọng. Nhưng sự tiếp đón đầy nhân hậu, giọng nói thương cảm, thái độ dịu dàng và vồn vã của cô khiến tôi lập tức thoải mái. Tôi thấy mình thành công, và điều ấy khiến tôi thành công hơn nữa. Nhưng, dầu là người Ý, và quá xinh đẹp thành thử không khỏi làm đom đôi chút, tuy vậy cô lại thật khiêm nhường, còn tôi thật rụt rè, nên chuyện khó mà thành tựu mau chóng. Người ta không để chúng tôi có thời gian hoàn thành cuộc phiêu lưu. Tôi chỉ càng nhớ lại với nhiều sức mê hoặc hơn những khoảnh khắc ngắn ngủi ở bên cô, và tôi có thể nói là đã được nếm trải buổi ban đầu của những lạc thú êm đềm nhất cũng như trong trẻo nhất của tình yêu.

Đó là một cô gái tóc nâu cực kỳ sắc sảo lôi cuốn, nhưng bản tính nhân hậu lộ ra trên gương mặt xinh đẹp khiến vẻ linh hoạt của cô thành đáng cảm động. Người ta gọi cô là bà Basile. Chồng cô, nhiều tuổi hơn vợ và khá ghen tuông, những khi đi xa, để cô dưới sự coi sóc

của một gã nhân viên quá nhẵn nhớt gắt gỏng nên không hấp dẫn, và chẳng phải gã không có kỳ vọng cho mình, những kỳ vọng mà gã chỉ biểu lộ bằng khí sắc càu nhàu mà thôi. Gã rất hay càu nhàu với tôi, mặc dù tôi thích nghe gã thối sáo, gã thối khá hay. Bao giờ tên Égisthe* mới này cũng làu bàu khi thấy tôi vào nhà quý bà của gã: gã đối xử với tôi một cách khinh miệt, cô trả lại gã đầy đủ sự khinh miệt này. Thậm chí dường như, để hành gã, cô thích vồn vã ngọt ngào với tôi khi có mặt gã; và cái kiểu trả thù này, tuy rất hợp sở thích của tôi, chắc sẽ hợp nhiều hơn nữa nếu là khi giáp mặt riêng tư. Nhưng cô không đẩy sự báo thù đến mức ấy, hoặc ít ra không theo cùng một cách. Hoặc cô thấy tôi quá ít tuổi, hoặc cô không hề biết cách ngó ý trước, hoặc cô thực sự muốn nết na, những lúc giáp mặt riêng tư cô có một kiểu giữ gìn không phải là xua đuổi, nhưng khiến tôi e sợ mà không hiểu vì sao. Tuy với cô tôi không cảm thấy niềm kính trọng vừa chân thực vừa triu mến như với bà De Warens, song lại thấy sợ sệt hơn và ít thân mật hơn rất nhiều. Tôi lúng túng, run rẩy; tôi không dám nhìn cô, bên cô tôi không dám thở; tuy thế tôi sợ xa cô hơn sợ cái chết. Tôi nhìn ngấu ngiến bằng con mắt thèm thuồng tất cả những gì mình có thể nhìn mà không bị nhận ra: hoa trên áo cô, đầu mút bàn chân xinh xinh của cô, khoảng hở của một cánh tay trắng và chắc lẫn lộ ra giữa găng tay và tay áo giả, và khoảng hở đôi khi thấp thoáng giữa vầng ngực và khăn vuông choàng cổ. Mỗi vật lại bổ sung thêm ấn tượng của những vật khác. Cứ nhìn mãi những gì có thể thấy được, và thậm chí xa hơn nữa, mắt tôi rối loạn, ngực tôi ngột ngạt, hơi thở mỗi lúc một thêm tắc nghẽn, khiến tôi rất khó điều khiển, và tất cả những gì tôi có thể làm được là thả ra thật khẽ những tiếng thở dài rất bất tiện trong sự thinh lặng khá thường xuyên giữa chúng tôi. May thay bà Basile, bận rộn khâu may, hình như không nhận ra điều ấy. Tuy nhiên đôi khi, nhờ một kiểu giao cảm, tôi thấy tấm khăn choàng của cô phồng lên khá nhiều lần. Cảnh tượng nguy hiểm này làm tôi mê mụ hẳn, và khi tôi sắp sửa chịu thua mỗi cảm kích mạnh mẽ nơi mình, thì

cô nói với tôi đôi lời bằng một giọng bình thản khiến tôi lập tức tự tỉnh ngộ.

Tôi gặp riêng cô nhiều lần theo cách ấy, mà không bao giờ một lời nói, một cử chỉ, thậm chí một ánh mắt quá biểu cảm, tỏ bày một sự thông đồng nhỏ nhất nhất giữa chúng tôi. Tình trạng này, rất giầy vò tôi, tuy thế lại khiến tôi vô cùng vui sướng, và trong trạng thái chất phác của con tim, tôi chỉ hơi hơi hình dung được vì sao mình bị giầy vò đến thế. Có vẻ như những cuộc gặp mặt riêng tư nho nhỏ này cũng không làm cô phật lòng, ít ra cô cũng tạo cơ hội gặp gỡ khá thường xuyên; sự chú ý hẳn là rất tự nhiên vô cớ ở cô, về cách cô sử dụng và để cho tôi sử dụng những cuộc gặp riêng này.

Một hôm chán ngán những lời đàm thoại ngu ngốc của gã nhân viên, cô lên phòng riêng, tôi vội vã làm xong phần việc nho nhỏ của mình, ở gian sau cửa hàng, và đi theo cô. Cửa phòng cô mở hé, tôi vào mà không ai nhận thấy, cô ngồi thêu bên một cửa sổ, trước mặt cô là phía phòng ngược với cánh cửa. Cô không thể nhìn thấy tôi vào cũng không nghe thấy tôi, vì tiếng ồn của xe cộ dưới đường phố. Bao giờ cô cũng ăn mặc chỉnh tề: hôm ấy cô điểm trang gần như đóm dáng. Tư thế của cô thật yêu kiều, đầu hơi cúi để lộ làn da trắng nơi cổ; mái tóc chải vén lên một cách thanh nhã, có gài những bông hoa. Trong toàn bộ dung mạo cô có một duyên sắc mê hoặc mà tôi có thời gian nhìn ngắm, và nó làm tôi phát điên. Tôi quỳ sụp xuống ở lối vào phòng, dang hai tay về phía cô trong một động tác đắm đuối, tin chắc là cô chẳng thể nghe thấy mình, và không nghĩ rằng cô nhìn thấy: nhưng trên lò sưởi có một tấm gương làm tôi bị lộ. Tôi không biết mỗi cảm kích ấy có tác động gì với cô; cô không hề nhìn tôi, không hề nói với tôi; nhưng hơi quay đầu, và khẽ động một ngón tay, cô chỉ cho tôi tấm nệm dưới chân cô. Rùng mình, thốt lên một tiếng kêu, lao đến chỗ cô trở, chỉ là cùng một điều đối với tôi: nhưng điều người ta khó mà tin được là trong cảnh huống ấy tôi chẳng dám làm gì hơn thế, chẳng nói

chỉ một lời, chẳng ngước mắt nhìn cô, thậm chí chẳng chạm vào cô, ở một tư thế gò bó như vậy, để tựa mình một lát vào lòng cô. Tôi bất động, câm lặng nhưng chắc chắn là không bình lặng: mọi thứ ở tôi đều biểu lộ sự kích động, niềm vui sướng, lòng biết ơn, những ham muốn cháy bỏng, mơ hồ về mục đích và bị kiềm chế do nỗi sợ làm phật ý, nỗi sợ mà con tim non trẻ của tôi không thể nào vững dạ.

Dường như cô chẳng bình tĩnh nhiều hơn cũng chẳng rụt rè ít hơn tôi. Bối rối vì thấy tôi ở đó, sửng sốt vì đã thu hút tôi đến, và bắt đầu cảm nhận toàn bộ hậu quả của một dấu hiệu có lẽ phát ra trước khi suy nghĩ, cô không đón nhận tôi cũng không xua đuổi tôi, cô không ngước mắt khỏi đồ thêu, cô gắng làm như thể không nhìn thấy tôi ở dưới chân cô: nhưng toàn bộ sự ngu dại không ngăn được tôi đoán rằng cô cũng chia sẻ nỗi lúng túng của mình, có lẽ những ham muốn của mình, và cô bị kìm giữ bởi một niềm hổ thẹn tương tự niềm hổ thẹn ở mình, nhưng điều đó không cho tôi sức mạnh để vượt qua nỗi hổ thẹn ấy. Cô hơn tôi sáu tuổi, theo tôi, điều này phải đặt về phía cô toàn bộ sự táo bạo, và tôi tự nhủ rằng, cô chẳng làm gì để kích thích sự táo bạo nơi mình, tức là cô không muốn mình táo bạo. Ngay cả bây giờ tôi vẫn cho là mình nghĩ đúng, và chắc chắn cô quá nhiều trí tuệ nên không thể không thấy một gã chưa biết gì như tôi chẳng những cần được khuyến khích mà cần được dạy bảo.

Tôi không biết cái cảnh mãnh liệt và câm lặng ấy liệu sẽ kết thúc như thế nào, cũng không biết liệu mình sẽ cứ bất động trong trạng thái nực cười và tuyệt diệu đó bao lâu, nếu như chúng tôi không bị gián đoạn. Đang lúc kích động nhất, tôi bỗng nghe mở cánh cửa bếp giáp với gian phòng của chúng tôi, và bà Basile lo sợ nói nhanh với tôi bằng lời và bằng cử chỉ: “Cậu đứng lên đi, Rosina đấy.” Vừa vội đứng dậy, tôi vừa nắm lấy một bàn tay mà cô chìa ra cho tôi, và đặt lên đó hai nụ hôn nóng bỏng, ở nụ hôn thứ hai tôi cảm thấy bàn tay khả ái ấy hơi ép vào môi tôi một chút, cả đời tôi chưa có được một khoảnh khắc

nào êm đềm đến như vậy: nhưng cơ hội mà tôi đã mất không trở lại nữa, và tình yêu-non trẻ của chúng tôi dừng lại ở đó.

Có lẽ cũng chính vì thế mà hình ảnh người phụ nữ dễ thương ấy vẫn in dấu trong đáy lòng tôi với những nét khả ái đến thế. Thậm chí tôi càng hiểu biết rõ hơn về xã hội và về những người phụ nữ thì cô càng đẹp hơn lên. Giá như có chút kinh nghiệm, cô đã xử sự khác đi để khuyến khích một cậu bé: nhưng nếu lòng cô yếu đuối, nó lại đoán chính; cô nhượng bộ một cách bất tự giác xu hướng lôi kéo cô: theo mọi vẻ bên ngoài, thì đây là lần đầu tiên cô không chung thủy, và có lẽ tôi phải chiến thắng nỗi hổ thẹn của cô nhiều hơn là nỗi hổ thẹn của mình, chẳng đi đến chỗ đó, nhưng tôi đã nếm trải bên cô những điều ngọt ngào không sao diễn tả nổi. Trong tất cả những điều mà sự chiếm hữu phụ nữ từng cho tôi cảm nhận, không gì sánh được hai phút tôi ở dưới chân cô song chẳng dám chạm đến tà áo cô. Không, không hề có lạc thú nào tương tự lạc thú mà một phụ nữ đoán chính ta yêu có thể ban phát; ở bên nàng điều gì cũng là ân huệ cả. Một ngón tay khẽ ra hiệu, một bàn tay ép nhẹ vào miệng tôi là những ân huệ duy nhất tôi đón nhận từ bà Basile, thế mà hồi ức về những ân huệ nhẹ tênh này hiện vẫn còn khiến tôi cảm kích khi nghĩ tới.

Hai ngày tiếp theo, tôi rình đợi một cuộc gặp mặt riêng tư nữa song vô hiệu, tôi không sao tìm được thời cơ, và tôi nhận thấy về phía cô không hề có một chủ tâm nào để tạo cơ hội. Thậm chí cô có thái độ, không phải là lạnh lùng hơn, nhưng dè dặt hơn bình thường, và tôi cho là cô tránh ánh mắt tôi, vì sợ không kiềm chế được đủ ánh mắt mình, cái gã nhân viên đáng nguyên rủa của cô khiến người ta khổ tâm hơn bao giờ hết: thậm chí gã còn trở nên nhạo báng, giễu cợt; hẳn bảo tôi sẽ thành công bên các quý bà. Tôi lo sợ mình đã phạm phải điều gì hớ hênh vô ý, và, tự coi như đã thông đồng với cô, tôi muốn phủ màn bí mật lên một niềm ưa mến cho đến bây giờ không cần như vậy lắm. Điều đó khiến tôi thận trọng hơn trong việc nắm bắt những cơ hội để

niềm ưa mến ấy được toại nguyện, và, do cứ muốn cơ hội phải chắc chắn, tôi chẳng tìm được cơ hội nào hết.

Đây lại là một sự điên rồ lãng mạn nữa mà tôi không bao giờ chữa khỏi được, điều này cộng thêm bản tính rụt rè, đã cải chính rất nhiều những dự báo của gã nhân viên. Tôi yêu quá chân thành, tôi dám nói là quá đắm thắm, nên không thể được hạnh phúc một cách dễ dàng. Chẳng bao giờ có những đam mê mãnh liệt hơn đồng thời lại trong sáng hơn những đam mê của tôi; chẳng bao giờ tình yêu lại trù mến hơn, thành thật hơn, vô tư hơn. Tôi có thể hy sinh ngàn lần hạnh phúc của mình vì hạnh phúc của người mình yêu; thanh danh của người ấy quý báu với tôi hơn mạng sống của tôi, và không bao giờ tôi muốn làm tổn hại một lúc nào đến sự bình an của người ấy, dù có đổi bằng mọi lạc thú của sự hưởng thụ. Điều ấy đã khiến tôi xiết bao chú ý, xiết bao cẩn mật, xiết bao thận trọng trong các cuộc theo đuổi, nên chẳng cuộc nào thành được. Việc tôi ít thành công với phụ nữ bao giờ cũng do quá yêu họ.

Để trở lại với gã Égisthe thối sáo, điều lạ lùng nhất là càng trở nên rầy rà khó chịu, gã gian hùng dường như càng dễ tính hơn. Từ ngày đầu tiên cô chủ của hãn có cảm tình với tôi, cô đã nghĩ đến chuyện để tôi thành hữu dụng trong cửa hiệu. Tôi biết sơ sơ số học; cô đã đề nghị gã dạy tôi trông coi sổ sách; nhưng cái gã cau có này rất khó chịu với lời đề nghị, có lẽ sợ bị hất cẳng. Bởi vậy toàn bộ công việc của tôi, sau khi chạm trổ, là sao chép vài hóa đơn kế toán, viết lại vài sổ sách cho tinh sạch, và dịch vài bức thư giao thiệp từ tiếng Ý sang tiếng Pháp. Đột nhiên gã ta quay lại với đề nghị từng được nêu lên và đã bị bác đi, và bảo rằng gã sẽ dạy tôi cách làm sổ kế toán kép có cả phần thu phần chi, và muốn giúp để tôi có thể xin vào làm với ông Basile khi ông về. Trong giọng điệu, trong dáng vẻ của gã, tôi không hiểu có cái gì đó giả tạo, tinh quái, nhạo báng, nó khiến tôi không tin. Bà Basile, chẳng đợi tôi trả lời, lãnh đạm bảo gã rằng tôi mang ơn gã về ý định giúp đỡ, rằng cô hy vọng là cuối cùng vận may

sẽ ủng hộ tài năng của tôi, và với nhiều tư chất như vậy mà tôi chỉ là một nhân viên thì thật đáng tiếc.

Cô đã nhiều lần bảo tôi rằng cô muốn giúp tôi làm quen với một người có thể sẽ hữu ích cho tôi. Cô suy nghĩ đủ khôn ngoan để cảm thấy đã đến lúc tách tôi ra khỏi cô. Những sự tỏ bày cảm lạnh của chúng tôi diễn ra hôm thứ năm. Đến chủ nhật cô đãi một bữa tối, có mặt tôi và có cả một tu sĩ dòng Thánh Dominique diện mạo phương phi, cô giới thiệu tôi với ông. Tu sĩ đối xử với tôi rất thân ái, khen tôi về việc cải đạo, và nói nhiều điều về chuyện của tôi khiến tôi biết rằng cô đã kể lại chi tiết với ông; rồi, vỗ nhẹ hai cái vào má tôi, ông bảo tôi hãy ngoan, hãy can đảm, và đến thăm ông, chúng tôi sẽ cùng nhau trò chuyện thông thả hơn. Qua sự trọng vọng của tất cả mọi người đối với ông, tôi đoán đây là một người đáng kính, và qua giọng cha con khi ông nói với bà Basile, tôi đoán ông là cha nghe xưng tội của cô. Tôi cũng nhớ rõ là sự thân tình đúng mực của ông xen lẫn dấu hiệu quý trọng thậm chí tôn trọng người thường xưng tội cùng ông, những dấu hiệu khi đó gây ấn tượng cho tôi không mạnh bằng bây giờ. Giá như tôi thông minh hơn, chắc tôi đã cảm kích biết mấy vì đã có thể làm động lòng một thiếu phụ được cha nghe xưng tội tôn trọng!

Bàn ăn không đủ rộng cho số người có mặt; cần thêm một bàn nhỏ, tôi được ngồi riêng với ngài nhân viên ở bàn này. Tôi chẳng thiết thòi gì về phương diện quan tâm và món ngon; nhiều đĩa thức ăn được đưa đến bàn nhỏ, chắc chắn không định dành cho ngài đó. Cho đến lúc ấy mọi sự diễn ra thật tốt đẹp: phụ nữ rất vui vẻ, nam giới rất phong nhã; bà Basile tiếp đãi duyên dáng dễ thương, vào giữa bữa ăn, mọi người nghe tiếng một cỗ xe trạm dừng trước cửa; ai đó đi lên, đó là ông Basile. Giờ đây tôi còn như nhìn thấy ông ta đang bước vào, mặc bộ áo đỏ rực cài khuy vàng, cái màu mà từ hôm ấy tôi ghét cay ghét đắng, ông Basile là một người cao lớn tuấn tú, trông rất ra vẻ. Ông bước vào một cách ồn ào, với điệu bộ của ai đó bắt chợt được mọi người, mặc dù ở đấy toàn bạn bè của ông. Vợ ông ôm choàng lấy ông,

cầm tay ông, với bao ân cần vồn vã mà ông nhận song không đáp lại. Ông chào khách khứa, mọi người mang cho ông thìa nĩa, ông ăn. Họ vừa bắt đầu nói về chuyến đi của ông là ông đưa mắt nhìn chiếc bàn nhỏ, hỏi bằng một giọng nghiêm khắc rằng cái cậu mà ông nhìn thấy kia là ai. Bà Basile nói cho ông biết một cách thật ngây thơ. Ông hỏi tôi có cư trú trong nhà hay không. Mọi người bảo không. “Tại sao không? Ông thô lỗ nói tiếp, cậu ta đã ở ban ngày, thì rất có thể ở lại ban đêm.” Tu sĩ lên tiếng; và sau khi ngợi khen bà Basile một cách trang trọng và chân thực, ông khen tôi văn tấu, và nói thêm rằng, ông Basile chẳng nên chê trách lòng từ thiện kính tìn của vợ, mà nên sốt sắng góp phần, bởi chẳng có điều gì vượt quá giới hạn của sự thận trọng. Người chồng đáp lại bằng một giọng bức tức, mà ông ta che giấu một phần, kiềm chế vì sự có mặt của tu sĩ, nhưng cũng đủ để tôi cảm thấy ông ta đã biết về tôi, và gã nhân viên đã giúp đỡ tôi theo kiểu của gã.

Mọi người vừa ra khỏi bàn ăn là gã này, được chủ phái đến, đặc thăng truyền đạt ý ông ta là tôi hãy ra khỏi nhà ông ta ngay tức khắc, và suốt đời chớ đặt chân trở lại. Gã bồi thêm vào điều được ủy thác tất cả những gì có thể khiến nó thành nhục mạ và tàn nhẫn. Tôi ra đi chẳng nói năng gì, nhưng lòng xót xa, vì phải rời bỏ người phụ nữ dễ thương ít hơn là vì để cô phải chịu sự thô bạo của chồng, ông ta có lý, hẳn thế, khi không muốn vợ thiếu chung thủy; nhưng, mặc dù nét na và con nhà gia giáo, cô là người Ý, nghĩa là đa tình và hay báo thù; và tôi thấy dường như ông ta sai lầm, khi sử dụng với vợ những phương pháp thích hợp nhất để chuốc lấy cái tai họa mà ông sợ.

Thành công trong chuyện yêu đương đầu tiên của tôi là vậy. Tôi định thử lượn qua phố hai ba lần nữa, để ít ra được nhìn lại người mà lòng tôi không ngừng tiếc nuối; nhưng thay vì thấy cô tôi chỉ thấy chồng cô và gã nhân viên đầy cảnh giác, hể nhận ra tôi, là gã giơ cái thước đo của cửa hiệu, làm một động tác giàu ý nghĩa mà ít hấp dẫn. Thấy mình bị rình rập kỹ đến như vậy, tôi mất can đảm, và không đi

qua đó nữa. Tôi muốn ít ra cũng đến thăm người bảo hộ mà cô đã sắp đặt cho tôi. Rủi thay tôi không biết tên ông. Tôi lảng vảng nhiều lần quanh tu viện để cố gặp ông mà vô hiệu. Cuối cùng nhiều biến cố khác xóa đi những hồi ức dễ thương về cô Basile, và chẳng bao lâu sau tôi quên hẳn cô đến mức, vẫn ngây ngô và không biết gì như trước, tôi thậm chí chẳng bị phụ nữ xinh đẹp hấp dẫn.

Tuy nhiên sự hào phóng của cô đã khiến số áo quần ít ỏi của tôi khấm khá hơn lên, nhưng theo một cách rất giản dị, và với dụng tâm của một phụ nữ thận trọng, chú ý đến sạch sẽ hơn là chưng diện, và muốn tôi khỏi khổ sở, chứ không muốn làm tôi nổi bật. Bộ y phục tôi mang theo từ Genève vẫn tốt và còn mặc được; cô chỉ thêm vào đó một chiếc mũ và ít áo quần thường dùng. Tôi không có tay áo giả; cô không muốn cho tôi, mặc dù tôi rất thích, cô chỉ làm cho tôi có thể ăn vận sạch sẽ, và đó là một điều không cần đắn đo chừng nào tôi còn xuất hiện trước mặt cô.

Ít ngày sau thăm họa của tôi, bác chủ nhà trọ, người đem lòng mến tôi, như tôi đã nói, bảo rằng có lẽ bác đã tìm được cho tôi một chỗ làm, và một phu nhân có địa vị muốn gặp tôi. Nghe thấy thế, tôi ngỡ mình thực sự đi vào những cuộc phiêu lưu ở chốn cao sang: vì bao giờ tôi cũng quay lại chuyện đó. Cuộc phiêu lưu này hóa ra không hiển hách như tôi đã hình dung. Tôi đến nhà bà phu nhân cùng với người đầy tớ đã nói với bà về tôi. Bà hỏi han tôi, xem xét tôi: tôi khiến bà vừa lòng; và tôi vào làm cho bà ngay tức khắc, không phải hoàn toàn với tư cách người được sủng ái, mà với tư cách người hầu. Tôi mặc theo màu áo các gia nhân phục vụ bà; điều phân biệt duy nhất là họ đeo dây tua, và người ta không phát dây tua cho tôi: vì chế phục gia nhân của bà không có nẹp, nên trông gần giống y phục thị dân. Đó là kết cục bất ngờ mà rốt cuộc mọi hy vọng lớn lao của tôi đạt tới.

Bá tước phu nhân De Vercellis, mà tôi vào giúp việc, là quả phụ không con cái: chồng bà là người Piémont; về phần bà, tôi luôn cho bà là người Savoie, vì không tưởng tượng nổi một người Piémont lại nói

tiếng Pháp giỏi đến thế và có âm sắc thuần khiết đến thế. Bà ở tuổi trung niên, diện mạo rất quý phái, trí tuệ được trau dồi, yêu thích và am hiểu văn học Pháp. Bà viết nhiều thư từ, và bao giờ cũng viết bằng tiếng Pháp. Thư từ của bà có phong thái và gần như có được vẻ ưu nhã trong thư của bà De Sévigné; vài bức có thể khiến người ta nhầm lẫn. Nhiệm vụ chính của tôi, và chẳng phải tôi không thích, là nghe bà đọc cho mà viết, vì bệnh ung thư vú khiến bà đau đớn nhiều, và không tự viết được nữa.

Bà De Vercellis chẳng những có nhiều tài trí, mà còn có một tâm hồn cao thượng và mạnh mẽ. Tôi đã theo dõi bệnh tình của bà ở giai đoạn cuối; tôi đã thấy bà đau đớn và qua đời mà không biểu lộ một khoảnh khắc yếu đuối nào, không có một cố gắng nhỏ nhoi nào để tự ức chế, không rời khỏi vai trò phụ nữ của mình, và không ngờ trong những điều đó có triết học: thuở ấy từ ngữ này chưa hợp thời thượng, thậm chí bà không hiểu nó với cái nghĩa nó mang hiện nay. Sức mạnh tính cách này đôi khi đi đến lãnh đạm. Tôi luôn thấy bà có vẻ ít động lòng vì người khác cũng như vì bản thân: và khi bà làm điều thiện cho những kẻ bất hạnh, thì đó là để làm điều gì thiện tự nó, nhiều hơn là vì một lòng thương cảm thực sự. Tôi đã phần nào trải nghiệm sự vô tình ấy trong ba tháng ở bên bà. Cũng là điều tự nhiên nếu như bà mến một thanh niên có đôi chút triển vọng, mà mình không ngừng nhìn thấy trước mắt, và nếu như cảm thấy mình sắp ra đi, bà nghĩ rằng sau mình người thanh niên ấy cần được cứu giúp và nâng đỡ: tuy nhiên, hoặc do bà xét tôi không xứng đáng được một sự quan tâm đặc biệt, hoặc do những kẻ ám bà khiến bà chỉ có thể nghĩ đến họ, bà chẳng làm gì cho tôi hết.

Tuy thế tôi nhớ rất rõ bà đã tỏ ra đôi chút tò mò muốn biết về tôi. Đôi khi bà hỏi han tôi: bà rất thích tôi cho xem những bức thư tôi viết cho bà De Warens, thích tôi cho biết cảm nghĩ của tôi. Nhưng chắc hẳn bà không xử sự đúng cách để biết, do bà không bao giờ biểu lộ cảm nghĩ của mình. Lòng tôi ưa thổ lộ, miễn rằng nó biết đó là thổ lộ

trong một tấm lòng khác. Những câu hỏi khô khan và lạnh lẽo, không một dấu hiệu tán thành hay chê trách trước những lời tôi đáp lại, không gây cho tôi một niềm tin cậy nào hết. Khi chẳng có gì cho tôi biết được điều mình tỏ bày làm vui lòng hay méch lòng, thì bao giờ tôi cũng sợ hãi, và tôi ít tìm cách bày tỏ những gì mình cảm nhận hơn là tìm cách đừng nói điều gì có thể hại đến mình. Từ đó tôi đã nhận thấy cái cách hỏi han lãnh đạm mọi người để hiểu biết họ là một tật khá thông thường ở những người đàn bà tự phụ mình có tài trí. Họ tưởng không hề để lộ cảm nghĩ của họ thì sẽ thấu hiểu hơn cảm nghĩ của các vị: nhưng họ không thấy rằng làm như thế là tước đi lòng can đảm tỏ bày cảm nghĩ. Một người bị lục vấn bắt đầu đề phòng chỉ vì bị lục vấn; và nếu anh ta cho rằng người ta không thực sự quan tâm đến mình mà chỉ muốn làm mình nói lộ ra, thì anh ta nói dối, hoặc im lặng, hoặc gia tăng chú ý đến bản thân, và thích bị coi như một kẻ ngu đần hơn là bị mắc lừa sự tò mò của các vị. Rốt cuộc thích che giấu lòng mình bao giờ cũng là một phương kế dở để thấu suốt lòng người khác.

Bà De Vercellis chưa từng nói với tôi một lời có vẻ thân ái, xót thương, nhân đức. Bà hỏi tôi lạnh lùng; tôi trả lời dè dặt. Những câu trả lời của tôi rụt rè đến mức bà ắt phải cho là thấp kém và đâm chán ngán. Cuối cùng bà không hỏi han tôi nữa, chỉ còn nói với tôi về công việc phục vụ bà. Bà ít xét đoán tôi theo những gì tôi là, mà xét nhiều hơn theo những gì bà đã biến tôi thành; và do cứ thấy ở tôi chỉ một người hầu, bà cản trở tôi tỏ ra là gì đó khác, trước mắt bà.

Tôi cho rằng từ đấy tôi cảm nhận được trò chơi hiểm ác của các lợi ích che giấu, nó đã cản bước tôi suốt đời, và đã khiến tôi ghét cay ghét đắng một cách thật tự nhiên trật tự hiển nhiên sản sinh ra các lợi ích đó. Do không con cái, nên bà De Vercellis có người cháu thừa tự là bá tước De la Roque, siêng năng châu chực lấy lòng bà. Ngoài ra, các gia nhân chính của bà, thấy bà sắp đến lúc lâm chung, chẳng quên quyền lợi của họ, và quanh bà có biết bao kẻ sốt sắng, thành thử bà khó có thì giờ nghĩ đến tôi. Đứng đầu các gia nhân là một người tên

Lorenzi, khôn khéo, bà vợ còn khôn khéo hơn, đã lấy lòng chủ đến mức được đối đãi như bạn nhiều hơn như người làm công. Bà ta đã đưa cháu gái vào làm hầu phòng cho chủ, cô này tên là Pontal, người giáo quyết, thường ra bộ tùy nữ, và giúp cô mình ám bà chủ đến mức bà chỉ còn nhìn bằng mắt của họ và chỉ hành động theo sự giật dây của họ. Tôi không có may mắn được lòng ba con người này: tôi vâng lời họ, nhưng không phục vụ họ; tôi không tưởng tượng được rằng, ngoài việc phục vụ bà chủ chung, mình còn phải làm người hầu cho những người hầu của bà. Vả lại tôi là một thứ nhân vật đáng ngại đối với họ. Họ thấy rõ tôi không ở đúng chỗ của tôi; họ sợ bà chủ cũng thấy như vậy, và những gì bà có thể làm để đặt tôi vào đúng chỗ sẽ giảm mất phần của họ: vì những loại người này, quá tham lam nên không thể công bằng, coi mọi khoản di tặng cho người khác như lấy vào tài sản riêng của họ. Vậy là họ hợp lực để tôi đứng ở trước mắt bà chủ. Bà thích viết thư; đó là một sự giải trí trong tình trạng của bà: họ khuyên bà chớ viết và nhờ thầy thuốc can ngăn, thuyết phục bà rằng việc đó làm bà mệt. Viện cớ tôi không biết phục vụ, họ thay tôi bằng hai gã dân quê to béo là phu khiêng kiệu để họ quanh quẩn bên bà; rốt cuộc họ thu xếp khéo đến mức, khi bà làm chúc thư, thì tôi không vào phòng bà đã được tám ngày. Đúng là sau việc ấy thì tôi lại vào như trước, thậm chí năng vào hơn bất kỳ ai, vì những đau đớn của người đàn bà tội nghiệp làm tôi náo lòng; sự kiên nhẫn chịu đựng của bà khiến bà thành cực kỳ thân thiết và đáng kính đối với tôi, và trong phòng bà, tôi đã để rơi những giọt lệ chân thành, mà bà không thấy cũng không ai thấy.

Cuối cùng chúng tôi mất bà. Tôi nhìn thấy bà tắt thở. Cuộc sống của bà là cuộc sống của một phụ nữ có tài trí và lương tri; cái chết của bà là cái chết của một hiền nhân. Tôi có thể nói là bà khiến tôi thấy đạo Thiên Chúa đáng mến, vì trạng thái tâm hồn thanh thản của bà khi làm tròn các nghĩa vụ tôn giáo không lơ là và không kiểu cách. Bản tính bà nghiêm trang. Trong thời kỳ cuối của bệnh tình, bà có một kiểu

vui vẻ quá bình thản nên không giả bộ, và đó chỉ là một đối lực do chính lý trí cung cấp để bù lại sự buồn thảm của tình trạng mình. Bà chỉ nằm liệt giường hai ngày cuối và không ngừng trò chuyện bình tĩnh với tất cả mọi người. Cuối cùng, không nói nữa, và đã ở tình trạng vật vã hấp hối, bà trung tiện một tiếng to. “Được! Bà vừa trở mình vừa nói, đàn bà trung tiện thì chưa chết.” Đó là những tiếng cuối cùng bà thốt lên.

Bà đã di tặng một năm tiền công cho các gia nhân bậc thấp; nhưng vì không có tên trong sổ lương, nên tôi không được gì hết. Tuy nhiên bá tước De la Roque sai phát cho tôi ba mươi *franc*, và để lại cho tôi bộ y phục mới đang mặc trên người, mà Lorenzi định lột của tôi. Thậm chí ông còn hứa tìm việc làm cho tôi, và cho phép tôi đến thăm ông. Tôi đến hai hoặc ba lần, song không thể nói chuyện được với ông. Tôi dễ nản, tôi không quay lại nữa. Các vị sẽ thấy ngay là tôi sai lầm.

Giá mà tôi đã nói hết những gì phải nói về thời gian ở nhà bà De Vercellis! Nhưng, mặc dù tình hình bên ngoài của tôi vẫn như cũ, tôi ra khỏi nhà bà không giống như khi tôi bước vào. Tôi mang theo hồi ức dài lâu về tội ác và gánh nặng không chịu nổi của những ân hận, sau bốn mươi năm, còn đè trĩu lương tâm tôi, và cảm nghĩ cay đắng về điều đó chẳng hề dịu bớt mà tôi càng già đi thì càng gay gắt hơn. Ai nghĩ rằng lỗi lầm của một đứa trẻ có thể có những hậu quả ác nghiệt đến thế? Chính vì những hậu quả rất có thể xảy đến này mà lòng tôi không sao nguôi khuây nổi. Có lẽ tôi đã làm cho một cô gái dễ mến, lương thiện, đáng quý trọng, và chắc chắn là hơn tôi rất nhiều, phải chết trong ô nhục và khốn cùng.

Việc giải tán một gia đình khó mà không kéo theo đôi chút lộn xộn trong nhà, và thất lạc nhiều thứ: tuy nhiên, vì các gia nhân trung thành và vợ chồng Lorenzi cẩn thận, nên không thiếu một thứ gì trong mục lục tài sản. Chỉ riêng cô Pontal mất một dải ruy băng đã cũ màu hồng và bạch ngân. Rất nhiều thứ giá trị hơn ở vào tầm tay tôi; chỉ

riêng dải ruy băng này cảm dỗ tôi, tôi lấy cắp nó, và vì tôi chẳng mấy giấu giếm nó, người ta tìm thấy ngay. Người ta muốn biết tôi đã lấy nó ở đâu. Tôi bối rối, tôi ấp úng, và cuối cùng tôi đỏ mặt nói là Marion cho tôi. Marion là một cô gái miền Maurienne được bà De Vercellis giao việc nấu nướng, khi bà thôi đãi khách ăn và cho bác đầu bếp nghỉ việc, vì bà cần nước canh ngon hơn là những món hầm hảo hạng, chẳng những Marion xinh xắn, cô còn có nước da tươi tắn chỉ thấy được ở vùng núi, đặc biệt là một vẻ khiêm nhường và dịu dàng khiến người ta chẳng thể nhìn cô mà không yêu mến cô; vả chăng cô tốt bụng, nết na, và có một lòng trung thành vượt được mọi thử thách. Đó là điều làm mọi người kinh ngạc khi tôi nêu tên cô. Người ta chẳng mấy tin tôi cũng chẳng mấy tin cô, và người ta xét thấy cần thăm tra xem kẻ nào trong hai kẻ là đứa ăn cắp. Người ta cho gọi cô đến; mọi người tụ họp đông đảo, bá tước De la Roque có mặt. Cô đến, người ta cho cô xem dải ruy băng, tôi buộc tội cô một cách trơ tráo; cô sửng sốt, nín lặng, nhìn tôi bằng một ánh mắt có thể làm quỷ dữ phải xiêu lòng, thế mà con tim dã man của tôi cưỡng lại. Cuối cùng cô phủ nhận một cách tự tin, nhưng không cáu giận, gọi hỏi tôi, khuyến cáo tôi hãy tỉnh ngộ, đừng làm ô danh một người con gái vô tội chưa bao giờ làm hại tôi; còn tôi, với sự vô liêm sỉ cực ác, tôi xác nhận điều khai báo, và bảo đảm trước mặt cô rằng cô đã cho tôi dải ruy băng, cô gái tội nghiệp bắt đầu khóc, và chỉ nói với tôi những lời sau: “Ôi Rousseau, tôi cứ tưởng anh là người tốt. Anh làm khổ tôi quá; nhưng tôi chẳng muốn ở vào địa vị của anh đâu.” Chỉ có thế. Cô tiếp tục tự bảo vệ một cách đơn giản mà kiên quyết, nhưng không hề nhục mạ tôi một lời nào. Sự ôn hòa này, so sánh với giọng điệu quả quyết của tôi, làm hại cô. Dường như không tự nhiên khi giả định một bên tảo tợn quỷ quái đến thế, còn bên kia lại hết sức dịu dàng như thiên thần. Mọi người có vẻ không xác định một cách tuyệt đối, nhưng các ước đoán thì ủng hộ tôi. Đương lúc lo toan bối rối người ta không có thì giờ đi sâu tìm hiểu sự việc, và bá tước De la Roque cho cả hai chúng tôi lui, chỉ bảo rằng

lượng tâm kẻ phạm tội sẽ đủ báo hận cho người vô tội. Lời đoán trước của ông đã không vô hiệu; nó thực hiện chẳng ngừng lấy một ngày.

Giờ đây, tôi không biết nạn nhân bị mình vu cáo đã ra sao nhưng xem ra sau chuyện đó cô không dễ kiếm được chỗ làm tốt. Cô mang theo một lời buộc tội hoàn toàn ác nghiệt đối với danh dự của cô. Vật ăn cắp chỉ là một thứ vô giá trị, nhưng rốt cuộc đó là một vụ ăn cắp, và, tệ hơn, dùng để quyến rũ một thanh niên: cuối cùng, sự dối trá và tính ương bướng khiến người ta không còn hy vọng gì ở người con gái kết hợp nhiều thói xấu đến thế. Tôi thậm chí không coi sự khốn cùng và cảnh bơ vơ là nguy cơ lớn nhất mà mình đã khiến cô lâm phải. Ai biết được, ở tuổi cô, tình trạng ngã lòng nản chí của sự ngây thơ vô tội bị bôi nhọ có thể đưa cô đến chỗ nào? Này! Nếu nổi ân hận vì đã có thể khiến cô thành khốn khổ là không sao chịu đựng nổi, thì xin các vị hãy ước lượng nổi ân hận vì đã có thể khiến cô thành tệ mạt hơn cả tôi!

Hồi ức ác nghiệt này đôi khi làm tôi rối lòng, và thắng thốt đến mức trong những cơn mất ngủ tôi thấy cô gái tội nghiệp đến trách móc mình về tội ác như thể tội ấy vừa phạm hôm qua. Chừng nào còn sống an lành, thì hồi ức ấy ít dần vật tôi hơn; nhưng khi ở giữa một cuộc đời bão tố thì nó tước đi của tôi niềm an ủi ngọt ngào nhất của những kẻ vô tội bị ngược đãi: nó làm cho tôi cảm nhận rất rõ điều mà tôi cho là đã nói trong một tác phẩm nào đó của mình, đó là nổi ân hận thiu ngủ trong thời gian vận mệnh hanh thông, và thành chua cay trong nghịch cảnh. Tuy nhiên tôi chưa bao giờ có gan thổ lộ điều này trong lòng một người bạn cho vơi nhẹ con tim. Mỗi thân tình khăng khít nhất cũng chưa bao giờ khiến tôi thổ lộ với bất kỳ ai, ngay cả với bà De Warens. Tất cả những gì tôi có thể làm là thú nhận rằng tôi phải tự trách mắng về một hành vi tàn độc, nhưng chưa bao giờ tôi nói hành vi ấy là cái gì. Vậy gánh nặng đó cho đến hôm nay vẫn đè trĩu lương tâm tôi không vơi bớt, và tôi có thể nói rằng niềm mong muốn tự giải thoát

theo cách nào đó đã góp phần rất lớn vào quyết định viết ra những điều bộc bạch.

Trong điều vừa mới bộc bạch tôi đã nói thẳng, và chắc chắn mọi người sẽ không thấy rằng ở đây tôi đã biện hộ cho sự đen tối của tội đại ác mình đã phạm. Nhưng tôi sẽ không hoàn thành mục đích của cuốn sách này, nếu không đồng thời trình bày khuynh hướng nội tâm của mình, và nếu sợ rằng mình tự biện hộ ở những gì đúng với sự thật. Không bao giờ sự độc ác lại cách xa tôi như trong khoảnh khắc ác nghiệt ấy, và khi tôi buộc tội cô gái bất hạnh, thật kỳ cục, nhưng thực sự tình thân của tôi đối với cô chính là nguyên nhân, cô hiện hữu trong ý nghĩ của tôi, tôi trút lỗi của mình vào đối tượng đầu tiên gặp được. Tôi buộc tội cô đã làm điều mà tôi muốn làm, buộc tội cô đã tặng tôi dải ruy băng, vì ý định của tôi là tặng cô dải ruy băng ấy. Sau đó khi thấy cô xuất hiện, lòng tôi tan nát, nhưng sự có mặt của rất đông người mạnh hơn niềm hối hận của tôi. Tôi ít sợ sự trừng phạt, tôi chỉ sợ nỗi hổ thẹn; nhưng tôi sợ hổ thẹn hơn sợ chết, hơn tội ác, hơn mọi thứ trên đời. Tôi những muốn chui sâu, chết ngạt dưới lòng đất; nỗi hổ thẹn không sao thắng nổi vượt lên hết mọi sự, duy nhất nỗi hổ thẹn làm nên sự vô sỉ của tôi; và tôi càng trở nên tội lỗi, thì mỗi kinh hãi phải thừa nhận điều ấy càng khiến tôi thành cả gan. Tôi chỉ nhìn thấy nỗi ghê sợ bị nhận ra, bị tuyên cáo công khai, tôi đây, là tên ăn cắp, gã nói dối, kẻ vu khống. Một trạng thái thác loạn bao trùm mọi sự vật tước đi của tôi bất kỳ cảm nghĩ nào khác. Giá như người ta để cho tôi tỉnh lại, chắc chắn tôi sẽ khai hết. Giá như ông De la Roque gọi riêng tôi ra, giá như ông bảo tôi: “Đừng làm hại cô gái tội nghiệp ấy; nếu cậu có tội, hãy thú nhận với ta”, thì tôi sẽ quỳ phục ngay dưới chân ông, tôi hoàn toàn tin chắc như vậy. Nhưng người ta chỉ làm tôi sợ, trong khi cần đem lại cho tôi lòng can đảm. Lứa tuổi cũng là một điều cần lưu ý: tôi chỉ vừa ra khỏi tuổi thơ, hay đúng hơn tôi hãy còn ở tuổi ấy. Ở tuổi còn non trẻ những sự hiểm ác đích thực còn tội lỗi hơn là ở tuổi thành niên: nhưng những gì chỉ là yếu đuối thì ít tội lỗi hơn nhiều, và sai lầm của tôi kỳ

thực chẳng khác gì mấy. Bởi thế hồi ức về sai lầm này khiến tôi đau buồn vì cái hại ở bản thân nó ít hơn là vì cái hại mà có lẽ nó đã gây nên. Thậm chí nó còn làm điều tốt là bảo đảm cho tôi suốt phần đời còn lại khỏi mọi hành vi có khuynh hướng tội ác, vì ấn tượng kinh khủng còn lưu lại từ tội ác duy nhất từng phạm phải; và tôi cảm thấy mình ghét cay ghét đắng sự gian dối phần lớn do hối tiếc là mình đã có thể nói dối một điều hiểm ác đến thế. Nếu đó là một trọng tội có thể chuộc được, như tôi dám tin, chắc nó được chuộc bởi bao bất hạnh chồng chất lên phần cuối cuộc đời tôi, bởi bốn mươi năm chính trực và có liêm sỉ trong những hoàn cảnh khó khăn, và Marion tội nghiệp tìm được bao nhiêu người rửa hận trên thế gian này, thành thử, mặc dù sự xúc phạm của tôi đối với cô lớn đến đâu, tôi cũng ít sợ phải mang theo mình tội lỗi ấy. Đó là những gì tôi cần nói về mục này. Hãy cho phép tôi không bao giờ nhắc lại chuyện đó nữa.

Quyển Ba

Ra khỏi nhà bà De Vercellis với tình trạng gần giống như khi bước vào, tôi về lại nhà bà chủ trọ cũ, và ở đó sáu tuần, trong thời gian ấy sức khỏe, tuổi trẻ và sự nhàn rỗi thường khiến tính khí tôi thành khó chịu. Tôi bồn chồn, lơ đãng, mơ mộng; tôi khóc, tôi thờ dãi, tôi ao ước một hạnh phúc mà tôi không hiểu, ấy thế mà lại cảm thấy bị thiếu. Trạng thái này không thể miêu tả được; thậm chí ít người có thể tưởng tượng ra nó, vì phần lớn trong số họ đã phòng ngừa trước tính viên mãn này của sự sống, vừa phiền nhiễu vừa tuyệt diệu, nó đem lại, trong cơn say của ham muốn, một tiền-cảm giác về lạc thú. Khí huyết bị kích thích khiến cho đầu óc tôi luôn luôn đầy những thiếu nữ và thiếu phụ: nhưng do không cảm nhận được việc thực sự sử dụng họ, tôi dùng họ trong tưởng tượng một cách kỳ cục vào những trò ngông của mình mà chẳng biết làm gì hơn; và những ý tưởng ấy khiến cho nhục cảm hoạt động một cách rất khó chịu, và may thay chúng không hề dạy tôi tự giải thoát khỏi hoạt động này. Tôi có thể đổi mạng mình để tìm lại được một cô Goton trong một khắc đồng hồ. Nhưng không còn là thời kỳ mà những trò chơi con trẻ như tự chúng diễn ra. Sự hổ thẹn, bạn đồng hành của ý thức về cái xấu, đã đến cùng năm tháng; sự hổ thẹn ấy đã gia tăng bản tính rụt rè của tôi đến mức không sao thắng nổi; và chẳng bao giờ, ở thời kỳ này cũng như từ đấy, tôi có thể đưa ra được một đề nghị dâm dăng, khi người phụ nữ mà tôi đề nghị đã không như ép tôi phải làm thế bằng những sự mời mọc trước của người ấy, mặc dù tôi biết là người ấy chẳng hay đắn đo ngần ngại, và gần như chắc chắn mình được coi như đã nói thì phải làm.

Tình trạng kích động tăng lên đến mức, do không thể thỏa mãn ham muốn, tôi khiêu khích chúng bằng những trò ngông cuồng nhất. Tôi tìm những lối đi mờ tối, những xó hẻo lánh, tại đó tôi có thể phô mình từ xa với những người thuộc giới kia, ở trạng thái mà tôi những muốn được như vậy bên cạnh họ. Cái họ nhìn thấy không phải vật tục tũ, thậm chí tôi chẳng nghĩ đến điều ấy; đó là vật kỳ cục tức cười. Thú vui ngốc nghếch của tôi khi phơi nó ra trước mắt họ không thể diễn tả được. Từ đó chỉ còn một bước nữa để cảm nhận sự xử lý mà mình ao ước, và giờ đây tôi chẳng hồ nghi là một cô nàng quả quyết nào đó lại không nhân tiện cho tôi hưởng trò đùa vui, nếu tôi có gan chờ đợi. Sự điên rồ ấy có một tai họa cũng gần hài hước như vậy, nhưng hơi kém thú vị với tôi.

Một hôm tôi đến đứng ở cuối một khoảnh sân, trong đó có một cái giếng mà phụ nữ trong nhà hay đến lấy nước, chỗ cuối sân này có một đường dốc nhỏ dẫn xuống các hầm qua nhiều lối thông. Tôi thăm dò trong bóng tối những lối đi dưới lòng đất này, và thấy chúng dài mà tối, tôi đoán chúng không có tận cùng, và nếu mình bị nhìn thấy và bị bắt chợt, thì có thể tìm được chỗ ẩn nấp chắc chắn, với niềm tin tưởng ấy, tôi phô bày với các cô gái đến giếng một cảnh tượng tức cười hơn là quyến rũ. Những cô khôn ngoan nhất vờ như không thấy gì; một số khác bật cười; số khác cho là mình bị sỉ nhục, và gây ồn ào. Tôi chạy trốn vào nơi rút lui: tôi bị đuổi theo. Tôi nghe thấy một giọng nói đàn ông mà tôi không ngờ đến, và nó khiến tôi sợ hãi. Tôi dẫn sâu vào các đường hầm, có cơ nguy bị lạc: tiếng ồn ào, các giọng nói, giọng đàn ông vẫn theo sau tôi. Tôi đã trông cậy vào bóng tối, tôi lại thấy ánh sáng. Tôi run sợ, tôi dẫn sâu thêm nữa. Một bức tường chặn tôi lại, và, do không thể đi xa hơn, phải chờ đợi số phận tại đó. Trong chốc lát tôi bị đuổi kịp và bị một người đàn ông cao to có ria mép to, đội chiếc mũ to, mang thanh gươm to, tóm lấy, theo sau ông là bốn năm bà già mỗi bà trang bị một cán chổi, giữa các bà tôi nhận ra con ranh đã phát giác ra tôi, và chắc hẳn muốn nhìn vào mặt tôi.

Người đàn ông mang gương, nắm lấy cánh tay tôi, gắt hỏi tôi đang làm gì ở đây. Các vị hiểu là câu trả lời của tôi chưa sẵn sàng. Tuy thế tôi cũng định thần lại; và do gắng sức trong thời điểm gay go này, tôi nghĩ ra một mưu mẹo mang tính tiểu thuyết và có kết quả. Tôi nói với ông ta bằng giọng van nài rằng hãy xót thương cho tuổi của tôi và thân phận của tôi; rằng tôi là một thanh niên ngoại quốc dòng dõi cao sang, bị rối loạn trí não; rằng tôi đã trốn khỏi nhà cha mẹ, vì người ta muốn nhốt tôi; rằng nếu ông ta làm mọi người nhận ra tôi thì tôi nguy mất; nhưng nếu ông ta vui lòng để tôi đi, có lẽ một ngày nào đó tôi có thể cảm tạ ân huệ này. Trái với mọi chờ đợi, lời lẽ và dáng vẻ của tôi gây ấn tượng: người đàn ông ghê gớm động lòng; và sau một bài quở trách khá ngắn, ông để tôi ra đi êm ả, không vặn hỏi gì thêm. Qua dáng vẻ cô gái trẻ và các bà già nhìn tôi ra đi, tôi đoán người đàn ông mà mình rất sợ hãi đã giúp ích cho mình nhiều lắm, còn nếu chỉ riêng với các bà thì tôi chẳng thoát được thân mà ít thiệt hại đến thế. Tôi nghe thấy họ lẩm bẩm không biết những gì mà tôi chẳng mấy quan tâm; vì, miễn là thanh gương và người đàn ông không dính líu vào, thì lạnh lẽo và cường tráng như tôi khi ấy, tôi tin chắc sẽ thoát khỏi những cây gậy của họ và thoát khỏi họ.

Vài ngày sau, đang đi qua một con phố cùng một tu sĩ trẻ ở gần nhà, thì tôi chạm trán người đàn ông đeo gương, ông nhận ra tôi, và bắt chước tôi bằng một giọng giễu cợt: “Tôi là hoàng thân, ông ta bảo tôi, tôi là hoàng thân; còn tôi thì tôi là một gã ngốc: nhưng xin điện hạ chớ có quay lại đó.” Ông ta không nói gì thêm nữa, còn tôi cúi đầu xuống mà chuồn đi, lòng thầm biết ơn sự ý tứ của ông. Tôi đoán là những bà lão tai ác kia đã chê trách ông vì lòng căm thù. Dù sao chẳng nữa, và tuy là dân Piémont, ông là một người tốt, và tôi chẳng bao giờ nghĩ đến ông mà không biết ơn: vì câu chuyện thật tức cười, thành thử, chỉ riêng với ý muốn làm mọi người cười, thì bất kỳ ai khác ở vào địa vị ông cũng sẽ khiến tôi bị nhục, sự biến này, không có những hậu quả

mà tôi có thể lo sợ, chẳng khỏi khiến tôi ngoan ngoãn trong một thời gian dài.

Thời gian ở nhà bà De Vercellis đã giúp tôi có vài thói quen biết, mà tôi duy trì với hy vọng chúng có thể hữu ích cho mình. Thỉnh thoảng tôi đến thăm một số người, trong đó có một tu sĩ người miền Savoie tên là ông Gaime, làm gia sư cho các con của bá tước De Mellarède. Ông hãy còn trẻ và ít được biết tiếng, nhưng đầy lương tri, đầy sự chính trực, đầy tri thức, và là một trong những con người quân tử nhất mà tôi từng biết, về mục đích đã thu hút tôi đến nhà ông thì ông chẳng giúp gì được tôi: ông không đủ uy tín để thu xếp chỗ làm cho tôi; nhưng ở bên ông tôi tìm được những lợi ích quý giá hơn, đã giúp tôi suốt đời, những bài học của đạo đức lành mạnh, và những phương châm của lý trí ngay thẳng. Theo thứ tự liên tiếp những sở thích và những ý tưởng của tôi, bao giờ tôi cũng ở quá cao hoặc quá thấp, Achille hay Thersite*, khi thì anh hùng khi thì kẻ vô lại. Ông Gaime chú ý đặt tôi vào đúng chỗ, và phô bày tôi cho bản thân tôi không tránh né cũng không làm tôi ngã lòng, ông nói với tôi một cách rất thích đáng về thiên tính và về tài năng của tôi: nhưng ông cũng nói thêm rằng ông nhìn thấy từ những điều trên nảy sinh những trở ngại sẽ ngăn cản tôi lợi dụng chúng; thành thử theo ông, chắc chúng giúp tôi như những bậc trèo tới giàu sang ít hơn là như những phương kế để không cần đến giàu sang, ông miêu tả cho tôi chân thực đời người, về điều này tôi chỉ có những quan niệm sai lầm; ông chỉ cho tôi thấy, vì lẽ gì mà trong một số phận chẳng thuận chiều, người hiền minh vẫn có thể hướng tới hạnh phúc và theo sát thời cơ để đạt đến hạnh phúc; vì lẽ gì mà không hề có hạnh phúc chân chính nếu không có sự hiền minh, và vì lẽ gì mà sự hiền minh có ở mọi thân phận, ông làm cho niềm ngưỡng mộ của tôi đối với sự vĩ đại giảm đi rất nhiều, bằng cách chứng minh cho tôi thấy những người vượt lên trên người khác chẳng hiền minh hơn cũng chẳng hạnh phúc hơn họ. Ông nói với tôi một điều mà tôi rất hay nhớ lại, đó là nếu mỗi người có thể thấu suốt được

cõi lòng tất cả những người khác, thì sẽ có nhiều kẻ muốn đi xuống hơn là những kẻ muốn trèo lên. Suy nghĩ này, mà chân lý khiến ta kinh ngạc, và không có gì là thái quá, đã giúp tôi rất nhiều trong đời để tôi ở vị trí của mình một cách an bình, ông cung cấp cho tôi những khái niệm đúng đầu tiên về sự chính trực, mà đặc tính khoa trương của tôi chỉ nắm bắt được ở trạng thái quá đáng của nó. Ông làm cho tôi thấy rằng nhiệt hừng của những đức tính cao thượng ít thông dụng trong xã hội, rằng khi lao mình lên quá cao thì dễ bị rơi ngã; rằng tính liên tục của những bốn phận nhỏ luôn được hoàn thành trọn vẹn đòi hỏi sức lực không kém những hành vi anh hùng; rằng ta sẽ sử dụng được điều ấy hiệu quả hơn để có vinh dự và hạnh phúc; và luôn luôn được mọi người quý trọng thì vô vàn đáng giá hơn là đôi khi được họ ngưỡng mộ.

Để xác lập bốn phận của con người rất cần phải đi ngược lên căn nguyên của các bốn phận ấy. Và chẳng, cái bước tôi vừa đi, mà tình trạng hiện thời của tôi là kết quả, dẫn dắt chúng tôi đến chỗ nói về tôn giáo. Các vị đã hiểu rằng ông Gaime chính trực là nguyên mẫu của Linh mục trợ tế miền Savoie, ít ra cũng một phần lớn. Chỉ có điều, sự thận trọng buộc ông phải nói một cách dè dặt hơn, ông phát biểu ít công nhiên hơn về một số điểm; nhưng những phương châm của ông, những cảm nghĩ, những khuyến cáo của ông đều đúng như vậy, cho đến cả lời khuyên tôi hãy trở về tổ quốc, tất cả như tôi đã diễn tả sau đó với công chúng. Bởi vậy, không dài dòng về những cuộc chuyện trò mà ai nấy đều có thể thấy được đại ý, tôi sẽ chỉ nói rằng các bài học của ông, hiển minh, nhưng mới đầu không có hiệu quả, là một mầm mống của đức độ và tôn giáo trong lòng tôi, tại đó mầm mống này không bao giờ lụi đi, và để đơm hoa kết trái, chỉ chờ đợi sự chăm sóc của một bàn tay yêu dấu hơn*.

Mặc dù khi đó sự cải tâm của tôi ít vững chắc, tôi vẫn không khỏi xúc động. Không hề chán những cuộc chuyện trò của ông, tôi lại thấy thích vì tính chất sáng sủa, sự giản dị, và đặc biệt vì một mối quan tâm thực lòng nào đó mà tôi thấy những cuộc trò chuyện này đầy ắp. Tôi có tâm hồn giàu yêu thương, và tôi luôn gắn bó với mọi người tương xứng với điều tốt họ đã làm cho tôi ít hơn là với điều tốt họ đã mong muốn cho tôi, và về chuyện này sự miễn cảm của tôi ít nhầm lẫn. Bởi thế tôi thực sự yêu mến ông Gaime; có thể nói tôi là môn đồ thứ hai của ông; và việc này ngay lúc ấy làm được cho tôi điều tốt vô giá là xoay chuyển tôi khỏi chiều hướng hư hỏng mà tình trạng ăn không ngồi rồi lôi kéo tôi vào.

Một hôm bá tước De la Roque cho người đến tìm tôi, khi tôi không hề nghĩ đến chuyện đó. Do cứ đến nhà ông mãi mà chẳng nói chuyện được với ông, tôi đã chán và không đến nữa: tôi tưởng ông đã quên tôi, hoặc giữ những ấn tượng xấu về tôi. Tôi lầm. Ông đã nhiều lần chứng kiến tôi vui thích khi thực hiện nghĩa vụ bên bà cô của ông; thậm chí ông đã bảo bà như vậy, và ông nói lại điều đó với tôi khi bản thân tôi không còn nghĩ đến nữa. Ông tiếp tôi tử tế, bảo rằng ông không làm tôi vui bằng những lời hứa mơ hồ mà đã tìm kiếm chỗ làm cho tôi, rằng ông đã thành công, và đặt tôi trên con đường để trở thành cái gì đó, rằng phần còn lại là do tôi; rằng gia đình mà ông đưa tôi vào có quyền thế và được trọng vọng, rằng tôi không cần những người bảo hộ khác để tiến thân, và tuy lúc đầu được đối xử như gia nhân bình thường, cũng như vừa rồi tôi là gia nhân, nhưng tôi có thể chắc chắn rằng, nếu qua cảm nghĩ và cách xử sự của tôi mọi người xét thấy tôi cao hơn địa vị ấy, thì mọi người sẵn sàng không để tôi ở lại đó. Đoạn cuối của diễn ngôn cải chính một cách tàn nhẫn những hy vọng rực rỡ mà phần mở đầu đem lại cho tôi. Sao cơ! Vẫn cứ là người hầu! Tôi tự nhủ với một niềm bức tức cay đắng mà lòng tin lập tức xóa đi. Tôi cảm thấy mình quá ít thích hợp với địa vị ấy nên chẳng sợ người ta để mình ở lại đó.

Ông dẫn tôi đến nhà bá tước De Gouvon, kỵ sĩ thứ nhất của hoàng hậu, và là người đứng đầu dòng họ De Solar danh tiếng, vẻ đường hoàng trang nghiêm của ông già đáng kính này khiến tôi thấy sự tiếp đón ân cần của ông càng đáng cảm động, ông hỏi han tôi với niềm quan tâm, và tôi trả lời ông với sự chân thành, ông bảo bá tước De la Roque rằng tôi có một diện mạo dễ thương, hy vọng là có trí tuệ; rằng ông thấy quả thực tôi có vẻ không thiếu trí tuệ, nhưng đây không phải là tất cả, và phải xem những gì còn lại; rồi, quay sang phía tôi, ông bảo: “Con ạ, hầu như vạn sự khởi đầu nan; tuy thế những bước khởi đầu của con sẽ không gian nan nhiều. Hãy ngoan, và hãy tìm cách làm vừa lòng tất cả mọi người ở đây; hiện tại, thì đó là việc làm duy nhất của con: vả lại, hãy gắng lên; mọi người muốn trông nom con.” Ngay sau đó ông sang nhà hầu tước phu nhân De Breil, con dâu ông, giới thiệu tôi với phu nhân, rồi với tu sĩ De Gouvon con trai ông. Tôi thấy bước đầu này có vẻ là điềm lành. Tôi đã hiểu biết đủ để xét đoán được rằng người ta chẳng kiểu cách đến thế khi tiếp nhận một người hầu. Quả thực, người ta không đối xử với tôi như người hầu. Tôi ăn trong nhà bếp; người ta không cho tôi mặc chế phục gia nhân, và khi bá tước De Favria, còn ít tuổi và khinh suất, muốn tôi trèo lên đứng sau cỗ xe ngựa của mình, thì ông của bá tước cấm tôi trèo lên đứng sau bất kỳ cỗ xe ngựa nào, và không đi theo ai ra ngoài. Tuy thế, tôi phục vụ tại bàn ăn, và ở trong nhà thì làm công việc gần như của một người hầu; nhưng tôi làm một cách có thể nói là tự do, không chỉ định rõ là giúp việc ai. Ngoài một số thư từ mọi người đọc cho viết, và những hình ảnh mà bá tước De Favria bảo tôi cắt, tôi hầu như làm chủ toàn bộ thời gian trong ngày, sự thử thách này, mà tôi không nhận ra, chắc chắn là rất nguy hiểm; thậm chí nó cũng không thật nhân văn; vì tình trạng nhàn rỗi quá như vậy có thể khiến tôi nhiễm những thói xấu mà lẽ ra tôi không có nếu không nhàn rỗi.

Nhưng rất may là điều đó không hề xảy ra. Những bài học của ông Gaime đã gây ấn tượng trong lòng tôi, và tôi đam thích chúng đến

nổi đôi khi lên ra khỏi nhà để đến nghe thêm nữa. Tôi cho rằng những ai nhìn thấy tôi lén lút ra ngoài như thế không mấy đoán được tôi đi đâu. Không gì có thể hợp lý hơn những lời ông khuyên tôi về cách cư xử. Những bước khởi đầu của tôi tuyệt vời; tôi có một sự siêng năng, một niềm chú ý, một sự sốt sắng làm tất cả mọi người thích thú. Tu sĩ Gaime đã khôn ngoan khuyến cáo tôi tiết chế lòng nhiệt thành ban đầu này, sợ rằng nó có thể chùng xuống và mọi người có thể để ý điều ấy. Bước khởi đầu của cậu, ông bảo tôi, là khuôn mẫu của những gì mọi người sẽ đòi hỏi ở cậu: hãy cố gắng sắp đặt sao cho sau này có thể làm nhiều hơn, nhưng hãy giữ đừng bao giờ làm ít hơn.

Do mọi người chẳng mấy xem xét tôi căn cứ vào những tài mọn của tôi, và cho rằng tôi chỉ có những tài mọn mà tạo hóa ban cho, nên bất kể những gì bá tước De Gouvion đã có thể bảo tôi, xem ra người ta không nghĩ đến chuyện sử dụng tôi. Có những việc trở ngại, và tôi gần như bị lãng quên. Hầu tước De Breil, con trai của bá tước De Gouvion, khi ấy đang làm đại sứ tại Vienne. Có những biến động xảy ra ở triều đình mà trong nhà cũng biết, và suốt mấy tuần lễ mọi người lâm vào một tình trạng bất an không để cho họ có mấy thời gian nghĩ đến tôi. Tuy nhiên cho đến bấy giờ tôi ít tự buông lơ. Một điều làm tôi hạnh phúc và khổ sở, giúp tôi xa lánh mọi sự du dương ở bên ngoài, nhưng lại khiến tôi lơ đãng hơn đôi chút với các bốn phận của mình.

Tiểu thư De Breil là một thiếu nữ trạc tuổi tôi, người cân đối, khá đẹp, da rất trắng, tóc rất đen, và, tuy màu tóc sẫm song gương mặt lại có cái vẻ dịu dàng của những cô gái tóc vàng mà xưa nay trái tim tôi không bao giờ cưỡng lại nổi. Y phục cung đình, rất có lợi cho các cô gái trẻ, làm nổi bật thân hình xinh đẹp, để hở ngực và vai, khiến nước da cô càng rực rỡ hơn vì màu tang* mọi người mặc khi đó. Mọi người sẽ bảo rằng nhận xét những chuyện này không phải việc của một gia nhân. Chắc là tôi sai; nhưng mà tôi vẫn nhận xét thấy, và thậm chí tôi chẳng phải người duy nhất. Bếp trưởng và các gã hầu phòng đôi khi cũng nói về chuyện này trong bữa ăn, với một sự thô bỉ làm tôi đau

khổ ghê gớm. Tuy nhiên tôi không hóa rồ đến mức phải lòng thực sự. Tôi không quên phận mình; tôi ở địa vị của tôi, thậm chí những ham muốn của tôi cũng không tự giải phóng. Tôi thích nhìn thấy cô De Breil, thích nghe cô nói vài lời biểu lộ trí tuệ, lương tri, sự chính trực: tham vọng của tôi, giới hạn ở niềm vui phục vụ cô, không hề vượt ra ngoài các quyền của tôi. Bên bàn ăn tôi chú ý tìm cơ hội biểu dương những quyền ấy. Nếu người hầu của cô rời xa ghế cô ngồi một lát, ngay lập tức người ta thấy tôi đứng vào đó: ngoài chỗ ấy tôi thường đứng đối diện cô; tôi tìm trong mắt cô điều cô sắp yêu cầu, tôi rình thời điểm thay đĩa cho cô. Có việc gì mà tôi không làm để cô hạ cố ban cho tôi lệnh gì đó, nhìn tôi, nói với tôi chỉ một tiếng! Nhưng không hề: tôi thấy nhục vì chẳng là gì đối với cô; thậm chí cô không nhận thấy tôi đang ở đây. Tuy thế anh cô, đôi khi nói với tôi trong bữa ăn, do bảo tôi điều gì đó ít ân cần ngọt ngào, tôi liền trả lời cậu ta một cách thật tinh tế và thật hay, thành thử cô chú ý và đưa mắt nhìn tôi. Cái nhìn ngăn ngủi ấy chẳng khỏi làm tôi cảm kích. Ngày hôm sau, cơ hội đạt được một cái nhìn thứ hai xuất hiện, và tôi liền tận dụng. Hôm ấy mọi người đãi tiệc lớn buổi tối, lần đầu tiên tôi rất ngạc nhiên thấy bếp trưởng đeo gươm và đội mũ để phục vụ. Tình cờ mọi người nói đến châm ngôn của dòng họ De Solar, được trình bày trên thảm phủ tường cùng với gia huy: *Tel fiert qui ne tue pas* (Người thị uy (mà) không giết), vì thường thường những người Piémont không giỏi tiếng Pháp, nên có ai đó thấy một lỗi chính tả ở châm ngôn, và bảo rằng từ *fiert* không nên có chữ *t*.

Lão bá tước De Gouvon định trả lời; nhưng khi đưa mắt nhìn tôi, ông thấy tôi cười mỉm mà không dám nói gì: ông liền ra lệnh cho tôi phát biểu. Thế là tôi bảo rằng tôi nghĩ chữ *t* không thừa, rằng *fiert* là tiếng Pháp cổ, không có gốc ở từ *ferus*, cao ngạo, thị uy, mà ở động từ *ferit*, người ra tay, người làm bị thương; rằng như vậy thì tôi thấy

châm ngôn không nói: Người thị uy, mà là *người ra tay (mà) không giết*.

Tất cả mọi người nhìn tôi rồi nhìn nhau chẳng nói năng gì. Người ta chưa từng thấy một sự ngạc nhiên như vậy trên đời. Nhưng điều khiến tôi thích thú nhiều hơn nữa là thấy rõ trên mặt tiểu thư De Breil một vẻ vừa ý. Con người hết sức kiêu kỳ ấy hạ cố đưa mắt nhìn tôi lần thứ hai, cái ánh mắt ít ra cũng đáng giá ngang ánh mắt đầu tiên; thế rồi, ngoảnh nhìn ông nội, cô dường như nóng lòng chờ đợi lời khen ông phải tặng cho tôi, và quả thực ông tặng nó cho tôi thật đầy đủ thật trọn vẹn và với một vẻ thật hài lòng, thành thử cả bàn ăn sốt sắng phụ họa. Khoảnh khắc ấy ngắn ngủi, nhưng tuyệt vời về mọi phương diện. Đó là một trong những khoảnh khắc quá hiếm hoi nó đặt lại sự vật theo trật tự tự nhiên của chúng, và rửa hận cho tài cán bị hạ giá trị, về những lãng nhục của giàu sang. Một phút sau, cô De Breil, lại ngược mắt nhìn tôi, đề nghị tôi cho cô nước uống, bằng một giọng vừa rụt rè lại vừa hòa nhã. Mọi người đoán được là tôi chẳng để cô đợi; nhưng khi lại gần tôi bỗng phát run đến nổi, do rót quá đầy cốc, tôi làm rớt nước ra đĩa và rớt cả vào cô. Anh cô vô ý vô tứ hỏi tại sao tôi run dữ thế. Câu hỏi ấy không trấn an được tôi, còn tiểu thư De Breil đỏ bừng cả mặt mũi.

Đến đây thiên tiểu thuyết chấm dứt, mọi người sẽ nhận thấy, giống như với bà Basile và trong toàn bộ phần sau của đời tôi, là tôi không hạnh phúc ở đoạn kết các mối tình. Tôi tận tâm châu chực một cách vô ích ở tiền sảnh nhà bà De Breil: tôi không được một dấu hiệu chú ý nào nữa của con gái bà. Cô ra vào không nhìn tôi, còn tôi chỉ hơi dám đưa mắt liếc cô. Thậm chí tôi thật ngu dại và thật vụng về, đến mức một hôm cô để rơi găng tay khi đi qua, thay vì lao tới chiếc găng mà tôi những muốn hôn lên chi chút, thì tôi chẳng dám rời khỏi chỗ, và để cho một gã hầu to béo lỗ mãng mà tôi sẵn lòng nghiền nát nhặt lấy nó. Để làm tôi nhụt chí hẳn, tôi nhận thấy mình không có may mắn được lòng bà De Breil. Chẳng những bà không sai phái tôi điều gì, mà

còn không bao giờ để cho tôi phục vụ; và hai lần, thấy tôi trong tiền sảnh, bà hỏi bằng một giọng rất sắc là tôi không có việc gì để làm hay sao. Phải từ bỏ gian tiền sảnh thân yêu này thôi. Mới đầu tôi tiếc nuối, nhưng có những sự khuấy lãng chen ngang, và chẳng bao lâu tôi không nghĩ đến chuyện này nữa.

Tôi có điều để tự an ủi về sự khinh miệt của bà De Breil nhờ lòng tốt của bố chồng bà, cuối cùng ông nhận ra là tôi đang ở đó. Buổi tối sau bữa ăn mà tôi đã nói đến, ông trò chuyện với tôi nửa giờ, ông có vẻ hài lòng còn tôi thì hoan hỉ. Ông già nhân hậu này, tuy là người tài trí, song ít tài trí hơn bà De Vercellis; nhưng ông lại có lòng nhiều hơn, và với ông tôi thành công hơn. Ông bảo rằng sẽ cho tôi sang phục vụ tu sĩ De Gouvon con trai ông, tu sĩ đã đem lòng mến tôi; rằng lòng thương mến ấy, nếu tôi biết lợi dụng, có thể hữu ích cho tôi, và khiến tôi lĩnh hội được những gì còn thiếu cho các dự kiến của mọi người đối với tôi. Ngay sáng hôm sau tôi lao đến nhà tu sĩ. Ông không hề tiếp tôi như tôi tở; ông cho tôi ngồi bên lò sưởi, và hỏi han tôi hết sức dịu dàng, ông thấy ngay là sự giáo dục của tôi, khởi đầu với rất nhiều điều, chẳng một điều nào đến đâu đến đâu. Đặc biệt thấy tôi ít biết tiếng Latin, ông định dạy thêm cho tôi. Chúng tôi thỏa thuận là sáng nào tôi cũng đến nhà ông, và tôi bắt đầu ngay hôm sau. Như vậy, do một trong những điều kỳ dị mà mọi người sẽ thấy nhiều lần trong cuộc đời tôi, đồng thời vừa ở cao hơn vừa ở thấp hơn địa vị của mình, tôi là môn đồ và là người hầu trong cùng một nhà, và trong thân phận tôi tở, tôi lại có một gia sư dòng dõi cao sang đến mức chỉ có thể là gia sư cho con vua cháu Chúa.

Tu sĩ De Gouvon là một người con thứ mà dòng họ dành cho phận vị giám mục, và vì lý do này mọi người đã để ông học hành cao hơn mức học bình thường của con cái các gia đình quý phái, ông đã được gửi đến trường Đại học Sienne, ở lại nhiều năm, và đem từ đó về một chủ nghĩa thuần túy* với mức độ khá cao thành thử ở Turin ông gần gần như tu sĩ Dangeau* xưa kia ở Paris. Sự chán ngán môn thần

học đã khiến ông đi vào mỹ văn học; điều này là rất bình thường tại nước Ý với những, ai theo sự nghiệp giám mục. Ông từng đọc kỹ các nhà thơ; ông làm thơ tiếng Latin và tiếng Ý tạm tạm. Tóm lại, ông có khiếu thẩm mỹ cần thiết để đào tạo khiếu thẩm mỹ cho tôi, và để đem một sự tuyển chọn nào đó vào cái đồng lộn xộn mà tôi đã nhồi đầy đầu óc. Nhưng, hoặc những điều tôi tỏ vẻ đã khiến ông có đôi chút ảo tưởng về kiến thức của tôi, hoặc ông không chịu nổi sự buồn chán của tiếng Latin sơ đẳng, nên mới đầu ông đặt tôi lên quá cao; và chỉ vừa mới cho tôi dịch vài bài ngụ ngôn của Phèdre, là ông đã quăng tôi vào Virgile, mà tôi hầu như chẳng hiểu gì hết. Như mọi người sẽ thấy, cái số tôi là phải học lại nhiều lần tiếng Latin và không bao giờ biết tiếng Latin. Tuy nhiên tôi làm việc khá hăng hái, và tu sĩ chăm sóc tôi với một lòng tốt mà giờ đây nhớ lại tôi hãy còn cảm động. Tôi ở với ông phần lớn buổi sáng, vừa để học hành vừa để phục vụ ông; không phải phục vụ cá nhân ông, vì không bao giờ ông chịu để tôi hầu hạ một việc gì hết, mà là để nghe ông đọc cho viết hay để chép lại; và nhiệm vụ thư ký của tôi giúp ích tôi nhiều hơn là nhiệm vụ học trò. Chẳng những vì thế tôi học được tiếng Ý trong tính thuần khiết của nó, mà tôi còn thấy yêu thích văn chương và phần nào biết phân biệt các sách hay, điều không thể thu hoạch được ở hiệu của mục Tribu, và sau này đã giúp tôi rất nhiều khi tôi bắt đầu làm việc một mình.

Thời gian này là thời gian trong cuộc đời mà, không có những dự định lãng mạn, tôi có thể hy vọng một cách hợp lẽ phải nhất là mình sẽ thành đạt. Tu sĩ, rất hài lòng về tôi, nói lên điều này với tất cả mọi người; và thân phụ ông đã đem lòng mến tôi một cách thật đặc biệt, đến mức bá tước De Favria cho tôi biết cụ đã nói về tôi với đức vua. Bản thân bà De Breil cũng bỏ thái độ khinh miệt đối với tôi. Rốt cuộc tôi trở thành một kiểu người được sủng ái trong nhà, khiến các gia nhân khác hết sức ghen tị, họ thấy tôi có vinh dự được con trai của chủ

nhân họ dạy dỗ, nên cảm nhận rõ là như vậy chẳng để làm kẻ ngang hàng với họ lâu dài.

Theo những gì tôi có thể phán đoán về dự kiến của mọi người đối với mình qua vài lời vô tình buông ra, và chỉ sau đó tôi mới ngẫm nghĩ, thì có vẻ như gia đình De Solar, do muốn theo đuổi sự nghiệp đại sứ, và có thể mở ra từ xa sự nghiệp bộ trưởng, nên rất thích đào tạo trước một người có tư cách và tài năng, người này, do chỉ phụ thuộc duy nhất gia đình ấy, nên về sau có thể được gia đình tin cậy và phục vụ đắc lực cho họ. Kế hoạch này của bá tước De Gouvion là cao thượng, đúng đắn, hào hiệp, và thực sự xứng với một nhà đại quý tộc thiện tâm và biết lo xa: nhưng ngoài chuyện khi đó tôi không thấy được hết tầm của kế hoạch, nó lại còn quá hợp lẽ đối với đầu óc tôi, và đòi hỏi một sự lệ thuộc quá lâu dài. Tham vọng điên rồ của tôi chỉ tìm hạnh vận qua các cuộc phiêu lưu: và do không hề thấy phụ nữ trong tất cả những chuyện này, cái cách thành đạt như vậy có vẻ chậm chạp, khó nhọc và buồn tẻ đối với tôi; trong khi lẽ ra tôi phải thấy là nó càng vẻ vang và chắc chắn hơn vì phụ nữ không can dự vào đó, kiểu tài cán mà phụ nữ bảo trợ chắc chắn không giá trị bằng tài cán mà mọi người cho là tôi có.

Mọi sự diễn ra thật tốt đẹp. Tôi đã đạt được, gần như đã giành giật được sự quý trọng của tất cả mọi người: thử thách đã kết thúc; và mọi người trong nhà nói chung coi tôi như một thanh niên có triển vọng cao nhất, hiện không ở đúng vị trí của mình và mọi người hy vọng sẽ nhìn thấy đến được vị trí đúng. Nhưng vị trí của tôi không phải do con người phân định, và tôi phải đạt tới đó bằng những con đường rất khác biệt, ở đây tôi chạm đến một trong những nét đặc thù của riêng tôi, và chỉ cần trình bày với độc giả mà không thêm vào đó những suy nghĩ.

Mặc dù ở Turin có nhiều người mới cải đạo giống như tôi, song tôi không ưa họ và chưa từng muốn gặp một ai. Nhưng tôi đã gặp vài người Genève không cải đạo, trong đó có Mussard mang biệt hiệu

Quần-Lưỡi*, làm nghề vẽ tiểu họa, và hơi có họ hàng với tôi. Anh Mussard này khám phá ra nơi ở của tôi tại nhà bá tước De Gouvion, và đến thăm tôi cùng một người Genève khác tên là Bâcle, mà tôi từng kết bạn trong thời gian học việc. Anh chàng Bâcle này là một chàng trai rất thú vị, rất vui tính, đầy những câu nói hài hước lý thú mà tuổi của anh khiến cho thành dễ thương. Thế là tôi đột nhiên mê anh chàng Bâcle, nhưng mê đến mức không sao rời được anh ta. Anh sắp lên đường trở lại Genève. Tôi sẽ mất mát biết mấy! Tôi cảm thấy toàn bộ tâm lớn lao của mất mát này. Để ít ra cũng lợi dụng được quãng thời gian còn lại, tôi không rời anh ta nữa, hay đúng hơn thì chính anh không rời tôi; vì tôi chưa hóa rồ đến mức không được nghỉ phép mà lại ra khỏi dinh thự để ở suốt ngày với anh; nhưng ngay sau đó, thấy anh ta ám ảnh tôi hoàn toàn, mọi người bèn cấm cửa anh, và tôi bốc lên đến mức quên hết thầy, ngoại trừ anh bạn Bâcle của mình, tôi không đến nhà tu sĩ cũng chẳng đến nhà bá tước, và người ta không thấy tôi ở nhà nữa. Mọi người quở trách tôi, tôi chẳng nghe. Mọi người dọa đuổi việc tôi. Lời đe dọa này làm hại tôi: nó hé cho tôi thấy có thể Bâcle không ra đi một mình. Từ đó, tôi chẳng còn thấy niềm vui nào khác, số phận nào khác, hạnh phúc nào khác, ngoài hạnh phúc thực hiện một chuyến du hành như vậy, và tôi chỉ thấy ở đó hạnh phúc khôn tả được du hành, thêm nữa, ở cuối chuyến đi tôi thấp thoáng thấy bà De Warens, nhưng xa xôi vô cùng; vì trở về Genève, đó là điều tôi không bao giờ nghĩ tới. Núi non, đồng cỏ, rừng, suối, những thôn làng nối tiếp nhau không ngừng và không có tận cùng, với những niềm mê hoặc mới; lộ trình hết sức hạnh phúc này dường như phải chiếm lĩnh toàn bộ cuộc đời tôi. Tôi vui sướng nhớ lại là khi đến mình từng thấy cũng chuyến đi này xiết bao thú vị. Thế thì nó phải như thế nào khi mà, thêm vào toàn bộ sức hấp dẫn của sự độc lập còn sức hấp dẫn của việc đồng hành với một người bạn cùng tuổi, cùng sở thích và tính tình vui vẻ, chẳng bị gò bó, chẳng có bốn phận, chẳng bị câu thúc, chẳng có nghĩa vụ đi hay ở, chỉ tùy theo ý thích của mình. Phải điên mới hy sinh một vận may như thế vì những dự định tham vọng tiến

hành một cách chậm chạp, khó khăn, không chắc chắn, và giả sử một ngày nào đó thực hiện được, thì với tất cả sự huy hoàng của chúng cũng chẳng giá trị bằng một khắc đồng hồ của thú vui đích thực và của tự do trong tuổi thanh xuân.

Mang đầy ý ngông khôn ngoan ấy, tôi xử sự đến mức làm được cho mình bị đuổi, và quả thực chẳng phải là không khó khăn. Một buổi tối, khi tôi về, bếp trưởng truyền đạt lời ngài bá tước cho tôi nghỉ việc. Đó chính là điều tôi yêu cầu; vì, mặc dù không muốn song vẫn cảm thấy mình xử sự ngông cuồng phi lý, tôi thêm vào đó, để tự chữa lỗi, sự bất công và sự vô ơn, cho rằng như vậy là đẩy phần sai trái sang phía mọi người, và tự biện bạch với bản thân một quyết định bất đắc dĩ. Mọi người chuyển lời bá tước De Favria bảo tôi sáng mai đến nói chuyện với bá tước trước khi ra đi; và do thấy tôi đã hóa rồ nên có khả năng chẳng làm gì hết, bếp trưởng hẹn sau buổi gặp ấy sẽ đưa cho tôi một số tiền mà mọi người dành cho tôi, và chắc chắn là tôi đã kiếm được rất kém; vì, không muốn để tôi ở địa vị người hầu, họ đã không xác định tiền công của tôi.

Bá tước De Favria, tuy rất trẻ và rất khinh suất, trong dịp này đã nói với tôi những lời hợp lẽ phải nhất, và tôi gần như dám bảo là dịu dàng mềm mỏng nhất, vì cậu trình bày với tôi một cách thật êm tai và cảm động những sự lưu tâm của chú mình và những ý định của ông mình. Cuối cùng, sau khi đã đặt ra rõ ràng trước mắt tôi tất cả những gì tôi hy sinh để chạy đến cảnh suy bại, cậu đề nghị giúp tôi dàn hòa, chỉ đòi hỏi duy nhất một điều kiện là đừng gặp lại cái anh chàng khốn khổ đã cám dỗ tôi.

Thật rõ ràng hết sức là cậu không tự mình nói lên tất cả những điều đó và, bất kể sự mù quáng ngu dại, tôi cảm thấy toàn bộ lòng tốt ở vị chủ nhân già cả của mình, và tôi cảm động: những chuyến đi xa thân thương ấy đã in dấu quá sâu trong trí tưởng tượng thành thử không gì có thể so sánh được với sức mê hoặc của nó. Tôi hoàn toàn

mất trí: tôi cương quyết, tôi chai lì, tôi ra bộ kiêu hãnh, và tôi vênh váo trả lời rằng, vì người ta đã cho tôi nghỉ việc, thì tôi đã nghỉ việc; rằng không còn kịp để mà nuốt lời nữa, và rằng, dù trong đời tôi có thể xảy ra chuyện gì đi nữa, tôi cũng quyết không bao giờ để mình bị một nhà đuổi đến hai lần. Thế là chàng thanh niên, tức giận một cách chính đáng, gọi tôi bằng những cái tên mà tôi đáng được gọi, tóm lấy vai tôi ẩy ra khỏi phòng và đóng cửa lại sau lưng tôi. Còn tôi đặc ý đi ra, như vừa đạt chiến thắng lớn nhất, và, do sợ phải đương đầu với một trận đấu thứ hai, tôi hèn hạ ra đi mà không đến cảm ơn tu sĩ vì ân đức của ông.

Để hiểu rõ trong thời điểm đó cơn mê sảng của tôi đi đến tận đâu, cần phải biết rằng con tim tôi dễ bốc đến mức nào về những điều nhỏ nhặt nhất, và nó đắm chìm mạnh mẽ như thế nào vào việc tưởng tượng mục tiêu thu hút nó, dù mục tiêu ấy đôi khi hão huyền đến mấy. Những kế hoạch kỳ quái nhất, trẻ con nhất, điên rồ nhất, đến mơn man ý tưởng mà tôi ưa thích, và chỉ ra cho tôi việc đi theo những kế hoạch ấy có lẽ là thật. Liệu có tin được rằng ở tuổi xấp xỉ mười chín ta có thể dựa vào một chiếc bình rỗng để mưu sinh trong phần đời còn lại của mình? Thế mà, xin các vị hãy lắng nghe.

Cách đó vài tuần tu sĩ De Gouvion tặng tôi một chiếc bình nhỏ Héron* cực xinh, mà tôi thích mê. Cứ làm cho chiếc bình hoạt động mãi và cứ nói mãi về chuyến đi, chúng tôi, chàng Bacle khôn ngoan và tôi, nghĩ rằng cái bình rất có thể giúp cho chuyến đi, và kéo dài chuyến đi ấy. Trên đời này có gì lạ hơn một chiếc bình Héron chứ? Nguyên lý này là cơ sở trên đó chúng tôi xây dựng tòa lâu đài của hạnh vận chúng tôi. Ở mỗi làng chúng tôi phải tập hợp những người dân quê xung quanh chiếc bình, và tại đó, những bữa ăn và cao lương mỹ vị phải trút xuống chúng tôi càng ê hề phong phú hơn vì cả hai chúng tôi đều tin chắc rằng lương thực thực phẩm chẳng tốn kém chút gì với những người thu hoạch chúng, và khi họ không cho khách qua đường ăn no ăn chán, thì đó là ác ý thuần túy về phía họ. Chúng tôi chỉ

tưởng tượng ra tiệc tùng và chơi bời vui vẻ khắp nơi nơi, toan tính rằng, chẳng phải xuất ra thứ gì ngoài luồng hơi từ phổi mình và nước từ bình của mình, có thể trả phí tổn cho mình ở Piémont, ở Savoie, ở Pháp và khắp thế giới. Chúng tôi lập những dự kiến hành trình không hề có kết thúc, và thoát tiên hướng lên phía Bắc, vì cái thú đi qua dãy núi Alpes hơn vì sự cần thiết giả định là rốt cuộc phải dừng lại nơi nào đấy.

Đó là kế hoạch mà tôi bắt tay vào, từ bỏ không luyện tiệc người bảo hộ mình, thầy dạy mình, việc học hành, các hy vọng và sự chờ đợi một thời vận gần như được đảm bảo, để bắt đầu cuộc sống của một kẻ lang thang thực sự. Giã biệt kinh đô; giã biệt triều đình, tham vọng, hư vinh, tình yêu, các giai nhân, và mọi cuộc phiêu lưu lớn mà hy vọng đã dẫn tôi đến đây năm trước. Tôi ra đi với chiếc bình của tôi và anh bạn Bacle của tôi, túi tiền nhẹ, nhưng lòng chan chứa niềm vui và chỉ nghĩ đến hưởng thụ cái hạnh phúc cực độ đi rong, cái hạnh phúc mà bỗng nhiên tôi giới hạn ở đó các dự định huy hoàng của mình.

Tôi thực hiện chuyến du hành ngông cuồng này gần dễ chịu như tôi đã mong đợi, nhưng không hẳn theo cách tôi mong đợi; vì mặc dù chiếc bình có mua vui được chốc lát cho các bà chủ và các cô hầu trong quán rượu, song khi ra đi vẫn phải trả tiền. Nhưng điều đó không làm chúng tôi bối rối nhiều, và chúng tôi chỉ nghĩ đến việc lợi dụng thực sự phương kế ấy nếu sau này thiếu tiền. Một sự cố khiến chúng tôi chẳng phải mất công làm việc ấy: chiếc bình bị vỡ ở gần Bramant, và đã đến lúc nên vỡ, vì tuy không dám nói ra, song chúng tôi cảm thấy nó bắt đầu làm phiền mình, sự rủi ro này khiến chúng tôi vui vẻ hơn trước, và chúng tôi cười rất nhiều vì mình đã khinh suất quên đi rằng áo quần và giày của mình sẽ cũ hỏng, hoặc đã tưởng rằng thay được đồ mới nhờ hoạt động của chiếc bình. Chúng tôi tiếp tục cuộc lữ hành cũng nhanh nhẹn hăng hái như khi khởi đầu, nhưng tiến thẳng

hơn đôi chút về nơi kết thúc, vì túi tiền với cạn khiến cho việc tới nơi thành một điều cần thiết.

Đến Chambéry tôi dăm tư lự, không phải về điều đại đột mình vừa làm, không ai quyết định nhanh đến thế và dứt khoát đến thế đối với quá khứ, nhưng tư lự về sự tiếp đón đang chờ mình ở nhà bà De Warens; vì tôi coi nhà bà đích xác như nhà của cha mẹ mình. Tôi đã viết thư cho bà về việc tôi vào nhà bá tước De Gouvon; bà biết tôi được đối đãi như thế nào tại đó, và trong khi chúc mừng tôi, bà đã cho tôi những bài học rất khôn ngoan về cách tôi phải đáp ứng ân đức của mọi người đối với mình. Bà coi như thời vận của tôi đã được đảm bảo, nếu tôi không hủy hoại nó do lỗi của mình. Bà sẽ nói sao khi thấy tôi đến? Thậm chí tôi chẳng nghĩ đến chuyện bà có thể cấm cửa tôi: nhưng tôi sợ nỗi buồn mình sắp gây ra cho bà; tôi sợ những lời bà chê trách, đối với tôi khắc nghiệt hơn là sự bần cùng. Tôi quyết lạng lẽ chịu đựng tất cả và làm tất cả để bà nguôi dịu. Tôi chỉ còn thấy riêng mình bà trong thế giới: sống trong sự thất sủng của bà là một điều không thể.

Điều khiến tôi băn khoăn nhất là anh bạn đồng hành, mà tôi không muốn bà phải bận thêm, và tôi sợ mình không thể rũ bỏ được dễ dàng. Tôi chuẩn bị sự chia tay này bằng cách sống khá lạnh nhạt với anh ngày cuối cùng. Anh chàng kỳ cục hiểu tôi: anh ta điên rồ hơn là ngu ngốc. Tôi tưởng anh sẽ chạnh lòng vì sự thay lòng đổi dạ của mình; tôi lầm; anh bạn Bâcle của tôi chẳng chạnh lòng vì cái gì hết. Chúng tôi vừa đến Annecy, mới đặt chân vào thành phố là anh bảo tôi: “Cậu đến nhà rồi đó”, ôm hôn tôi, nói lời từ biệt, xoay người một cái và biến mất. Tôi không bao giờ nghe nói đến anh nữa. Sự quen biết và tình bạn của chúng tôi tồn tại chừng sáu tuần lễ cả thảy; nhưng những hậu quả sẽ tồn tại lâu dài ngang với tôi.

Tim tôi đập đến thế nào khi tới gần ngôi nhà của bà De Warens! Chân tôi run rẩy, mắt tôi như phủ một tấm màn, tôi chẳng nhìn thấy gì hết, tôi chẳng nghe thấy gì hết, có lẽ tôi sẽ chẳng nhận ra ai hết; tôi

buộc phải dừng bước nhiều lần để thở và lấy lại bình tĩnh, có phải nỗi sợ không được sự cứu giúp mà mình cần khiến tôi bối rối đến mức ấy? Ở tuổi của tôi, nỗi sợ chết đói có gây lo hãi như vậy không? Không, không; tôi xin nói một cách chân thành bao nhiêu thì cũng tự hào bấy nhiêu, không một thời kỳ nào trong đời tôi mà lợi lộc hay cảnh bần cùng khiến được tôi hoan hỉ hay thất lòng. Trong một cuộc đời trắc trở và đáng nhớ vì những thăng trầm của nó, nhiều khi không miếng ăn không chốn nương thân, tôi luôn nhìn sự giàu có và sự khốn khổ theo cùng một cách. Khi cần, chắc tôi có thể ăn xin hay ăn cắp như ai khác, nhưng không bối rối vì phải đến nông nổi ấy. Ít người từng than vãn nhiều như tôi, ít người từng khóc nhiều như tôi trong đời; nhưng không bao giờ cảnh nghèo hay nỗi sợ rơi vào cảnh nghèo làm tôi thốt ra một tiếng thở dài cũng như rỏ một giọt nước mắt. Trước thử thách của giàu sang, tâm hồn tôi chỉ biết những điều tốt lành thực sự và những tai họa thực sự, là những tốt lành và tai họa không phụ thuộc giàu sang; và chính khi không thiếu chút gì về những thứ cần dùng thì tôi lại cảm thấy mình là kẻ bất hạnh nhất trong những con người.

Tôi vừa xuất hiện trước mắt bà De Warens là thái độ của bà khiến tôi an lòng ngay. Tôi rùng mình khi nghe thấy âm thanh đầu tiên của tiếng nói bà; tôi lao đến quỳ dưới chân bà, và trong những cảm kích của nỗi vui mừng mãnh liệt nhất, tôi không rời môi khỏi bàn tay bà. Về phần bà, chẳng hiểu bà đã biết tin tức của tôi hay chưa; nhưng tôi thấy trên mặt bà ít vẻ ngạc nhiên, và không thấy một vẻ buồn phiền nào. “Em bé tội nghiệp, bà bảo tôi bằng một giọng ngọt ngào, vậy lại là em đó ư? Ta đã biết rõ là em còn quá ít tuổi đối với cuộc lữ hành ấy; ta rất mừng là ít ra nó đã không diễn tiến xấu như ta từng lo sợ.” Sau đó bà bảo tôi kể lại câu chuyện của tôi, chuyện không dài, và tôi kể lại rất trung thành, tuy thế cũng lược bỏ vài mục, nhưng không nể nang bản thân cũng không biện giải cho bản thân.

Vấn đề chỗ ở của tôi được đặt ra. Bà hỏi ý kiến chị hầu phòng của bà. Tôi không dám thở trong khi mọi người bàn bạc; nhưng khi

nghe nói tôi sẽ ngủ trong nhà, tôi khó cầm được lòng, và tôi nhìn thấy cái bọc nhỏ của mình được mang vào gian phòng dành cho mình, gần giống như Saint-Preux nhìn thấy cỗ xe của anh được đưa vào nhà để xe của bà De Wolmar^{*}. Thêm vào đó tôi còn vui thích được biết ân huệ này sẽ không hề nhất thời; và trong một lúc mọi người tưởng tôi đang chú ý đến chuyện khác, tôi nghe thấy bà bảo: “Mọi người muốn nói gì tùy ý; nhưng bởi Thượng Đế gửi lại cho ta cậu bé, ta quyết không bỏ rơi cậu ấy.”

Thế là cuối cùng tôi cư trú tại nhà bà. Tuy sự cư trú này chưa ghi dấu những ngày hạnh phúc của đời tôi, nhưng nó chuẩn bị cho điều ấy. Mặc dù sự mẫn cảm chân thành, khiến chúng ta thực sự thụ hưởng bản thân ta, là công trình của tạo hóa, và có lẽ là một sản phẩm của thể chất, song nó cần những tình thế giúp nó phát triển. Không có những nguyên nhân ngẫu nhiên ấy, một người sinh ra rất mẫn cảm sẽ chẳng cảm nhận gì hết, và sẽ chết đi mà không hiểu biết bản thể mình. Cho đến lúc đó tôi gần gần như vậy, và có lẽ tôi sẽ luôn như vậy, nếu tôi không bao giờ quen biết bà De Warens, hoặc ngay nếu biết bà nhưng không sống gần bà đủ lâu để nhiễm thói quen êm dịu của những tình cảm mến thương mà bà khơi gợi trong tôi. Tôi dám nói rằng, người nào chỉ cảm nhận có tình yêu thôi thì không cảm nhận được những gì là dịu ngọt nhất trong đời. Tôi nếm trải một tình cảm khác, có lẽ không dữ dội bằng, nhưng ngàn lần tuyệt diệu hơn, đôi khi gắn với tình yêu, và nhiều khi tách khỏi tình yêu. Tình cảm ấy cũng không chỉ là tình bạn; nó khoáng trá hơn, trù mẫn hơn: tôi không nghĩ là nó có thể có hiệu lực với ai đó cùng giới tính; ít ra tôi từng là bạn nếu xưa nay có người đàn ông nào từng là bạn, thế mà tôi không bao giờ trải nghiệm tình cảm ấy bên một anh bạn nào của tôi. Điều này không rõ ràng, nhưng về sau nó sẽ thành rõ ràng; tình cảm chỉ tự miêu tả được rõ qua những tác động của chúng.

Bà ở một tòa nhà cũ, nhưng đủ rộng để có một gian phòng đẹp dự trữ, được bà dùng làm phòng trưng bày, và mọi người để tôi ở đấy. Phòng này ở trên lối đi mà tôi đã nói tới, nơi chúng tôi gặp nhau lần đầu; và phía bên kia dòng suối cũng như khu vườn, ta nhìn thấy miền quê. Cảnh tượng này chẳng phải chuyện dừng dừng với người cư trú trẻ tuổi. Từ thời ở Bossey, đây là lần đầu tiên tôi có màu xanh trước các khung cửa sổ. Luôn bị các bức tường che kín, dưới mắt tôi trước kia chỉ có các mái nhà hay sắc xám của đường phố. Sự mới mẻ này hữu tình và ngọt ngào biết mấy! Nó làm tăng thêm rất nhiều tâm tính dễ cảm kích của tôi. Tôi coi phong cảnh xinh đẹp này là một ân huệ nữa trong những ân huệ từ người bảo hộ thân yêu của mình: tôi thấy dường như bà đã cố ý để nó vào đấy cho tôi; tôi tự đặt mình vào đó êm ả bên bà; đâu đâu tôi cũng nhìn thấy bà giữa những bông hoa và cây cỏ xanh tươi; duyên sắc của bà và duyên sắc của mùa xuân hòa lẫn nhau trong mắt tôi. Con tim tôi, kìm nén cho đến bấy giờ, được thung dung thư thái hơn trong không gian ấy, và những tiếng thở dài thoát ra thoải mái hơn giữa những vườn cây ăn quả.

Ở nhà bà De Warens không có sự tráng lệ mà tôi từng thấy tại Turin, nhưng có sự tinh tươm sạch sẽ, sự chỉnh tề, và một sự phong lưu thuần phác không bao giờ liên kết với cảnh xa hoa. Bà có ít bát đĩa bạc, không hề có đồ sứ, không hề có thịt thú săn trong bếp, cũng không có các loại vang ngoại quốc trong hầm rượu; nhưng nhà bếp cũng như hầm rượu có đầy đủ để phục vụ tất cả mọi người, và bà đãi cà phê tuyệt ngon trong những chiếc tách bằng sành. Ai đến thăm bà đều được mời ăn tối cùng với bà hoặc tại nhà bà; và không một người thợ, một người đưa tin hay khách qua đường nào ra khỏi nhà mà không được ăn hay uống. Gia nhân của bà gồm một chị hầu phòng khá xinh người Fribourg, tên là Merceret, một anh đầy tớ cùng quê với bà tên là Claude Anet, sẽ được nói đến sau này, một chị nấu bếp, và hai phu kiệu bà thuê khi đi thăm hỏi, việc này chỉ hãn hữu. Như vậy là rất nhiều thứ đối với hai ngàn *franc* niên kim; tuy nhiên số lợi tức nhỏ của

bà nếu thu xếp khéo có thể đủ cho tất cả những điều trên ở một xứ sở mà đất đai rất tốt và tiền rất hiếm. Rủi thay tiết kiệm không bao giờ là đức tính được bà ưa thích: bà mắc nợ, bà trả; tiền đi đi lại lại thường xuyên, và mọi sự trôi chảy.

Cách thức bà sắp đặt việc nhà chính là cách mà có lẽ tôi sẽ chọn: các vị có thể tin rằng tôi vui thích lợi dụng điều này. Điều khiến tôi ít thích hơn là phải ngồi ăn rất lâu. Bà chịu đựng khó khăn mùi hơi đầu tiên của canh và của các món ăn; mùi hơi đó khiến bà gần như xỉu đi, và tình trạng chán lợm này kéo dài. Bà hồi lại dần dần, trò chuyện, và không hề ăn. Chỉ nửa giờ sau bà mới thử miếng đầu tiên. Trong khoảng thời gian ấy tôi có thể ăn tối đến ba lần; tôi xong bữa từ lâu trước khi bà bắt đầu. Tôi lại tiếp tục để bà có bầu có bạn; như vậy tôi ăn cho hai người, và không thấy ốm mệt hơn vì thế. Rốt cuộc tôi phó mình cho cảm giác êm ái về sự an lạc nệm trải bên cạnh bà, càng phó mình hơn vì sự an lạc mà tôi vui hưởng không xen một chút lo lắng nào về những phương kế để duy trì nó. Do còn chưa biết những điều thầm kín riêng tư về công việc của bà, tôi cho rằng mọi chuyện vẫn trôi chảy như trước. Sau này tôi vẫn thấy ở nhà bà những điều dễ chịu như cũ, nhưng do đã hiểu biết hơn về tình hình thực tế, và thấy rằng những điều đó lẫn trước vào lợi tức của bà, tôi không còn hưởng thụ chúng một cách thật an tâm nữa. Ở tôi sự lo xa bao giờ cũng làm hỏng niềm vui hưởng. Tôi đã uống công nhìn thấy tương lai; tôi đã chẳng bao giờ tránh được nó.

Ngay từ ngày đầu tiên, tình trạng thân mật dịu ngọt nhất được xác lập giữa chúng tôi ở cùng mức độ như nó đã tiếp tục suốt đời bà. *Em bé* là tên của tôi; *Má* là tên bà; và chúng tôi mãi mãi là *Em bé* và *Má*, ngay cả khi số năm tháng đã gần như xóa đi sự khác biệt giữa chúng tôi. Tôi thấy hai tên gọi này diễn tả tuyệt vời phong thái của chúng tôi, tính chất giản dị trong thái độ chúng tôi, và nhất là mối liên hệ giữa cõi lòng chúng tôi. Với tôi bà là người mẹ dịu dàng âu yếm nhất, không bao giờ tìm vui thích cho mình, mà luôn tìm điều tốt cho tôi; và

nếu như nhục cảm tham gia niềm gắn bó của tôi đối với bà, thì không phải để thay đổi bản chất sự gắn bó ấy, mà chỉ để nó thành tuyệt diệu hơn, để làm tôi say sưa vì cái thú có một bà má trẻ trung xinh đẹp mà tôi thấy tuyệt vời khi được ve vuốt: tôi nói ve vuốt theo sát nghĩa của từ, vì chẳng bao giờ bà nghĩ đến chuyện tránh né không cho tôi những nụ hôn cũng như những vuốt ve mầu tử âu yếm nhất, và chẳng bao giờ lòng tôi có ý lợi dụng những điều ấy. Mọi người sẽ bảo rằng tuy thế cuối cùng chúng tôi cũng có những quan hệ thuộc loại khác; tôi đồng ý như vậy, nhưng cần phải chờ đợi; tôi không thể nói hết mọi điều cùng một lúc.

Cái nhìn của buổi gặp mặt đầu tiên là khoảnh khắc duy nhất thực sự đắm say bà từng khiến tôi cảm nhận; mà khoảnh khắc ấy còn do niềm kinh ngạc gây nên. Những ánh mắt thiếu kín đáo của tôi không bao giờ ngó nghiêng bên dưới tấm khăn vuông choàng cổ của bà, mặc dù một vẻ mập mạp khó che giấu tại chỗ đó rất có thể thu hút ánh mắt. Ở bên bà tôi không kích động không ham muốn; tôi ở một trạng thái an tĩnh mê hồn, vui hưởng điều gì mình chẳng biết. Tôi có thể sống cả đời thậm chí sống vĩnh viễn như vậy không một lúc nào buồn chán. Bà là con người duy nhất mà tôi không bao giờ cảm thấy sự khô khan lãnh đạm khi trò chuyện nó khiến việc phải duy trì trò chuyện thành một cực hình đối với tôi. Những cuộc gặp riêng tư giữa chúng tôi ít là những cuộc đàm thoại mà là một sự thoải mái vô tận nhiều hơn, sự thoải mái cần phải bị ngắt đi mới chấm dứt được. Không hề phải buộc tôi nói, mà đúng hơn phải buộc tôi im miệng. Do cứ suy tưởng mãi về các dự kiến, bà thường sa vào nỗi mơ màng. Được! Tôi để bà mơ màng; tôi nín lặng, tôi ngắm bà, và tôi là con người hạnh phúc nhất đời. Tôi còn có một tật rất kỳ cục. Chẳng đòi hỏi những ân huệ của sự gặp gỡ mặt đối mặt, tôi lại không ngừng tìm kiếm sự gặp gỡ như vậy, và tôi vui hưởng nó với một niềm đắm say chuyển thành điên giận khi những kẻ quấy rầy đến phá rối nó. Vừa có ai đó đến, đàn ông hay đàn bà, không quan trọng, là tôi lăm băm đi ra, không thể chịu được việc ở lại

làm kẻ thứ ba bên cạnh bà. Tôi ra tiền sảnh đếm các giây phút, nguyên rủa ngàn lần những người khách ngồi dai ấy, và không sao hiểu được họ có gì mà nói nhiều đến thế, vì tôi còn có nhiều hơn nữa để nói.

Tôi chỉ cảm nhận được toàn bộ sức mạnh của mối gắn bó đối với bà khi tôi không gặp bà. Gặp bà, tôi chỉ hài lòng mà thôi; nhưng niềm lo lắng khi vắng bà đi tới mức đau đớn. Sự cần thiết phải sống cùng bà khiến tôi có những cảm kích bông bột, nhiều khi đi tới rơi lệ. Tôi sẽ nhớ mãi mãi vào một ngày lễ trọng, trong khi bà đi dự lễ văn khóa, tôi ra ngoài thành phố dạo chơi, lòng đầy ắp hình ảnh bà và niềm ao ước cháy bỏng sống cuộc đời mình bên cạnh bà. Tôi có đủ lương tri để biết rằng hiện tại điều ấy không thể được, và một hạnh phúc mà mình hưởng thụ tuyệt vời đến thế sẽ ngăn ngại. Điều này khiến cho sự mơ màng của tôi có một nỗi buồn tuy thế không mang chút gì u ám, và được một hy vọng ngọt ngào làm dịu bớt. Tiếng chuông nhà thờ, xưa nay bao giờ cũng làm tôi cảm động một cách kỳ lạ, tiếng chim hót, vẻ đẹp của ngày, sự êm đềm của phong cảnh, những ngôi nhà thôn dã rải rác trong đó tôi đặt bằng tưởng tượng nơi ở chung của chúng tôi; tất cả những điều này gây cho tôi một ấn tượng mãnh liệt, dịu dàng, buồn bã và thống thiết, đến mức tôi thấy mình như được di chuyển trong trạng thái xuất thần đến thời gian hạnh phúc ấy và nơi chốn hạnh phúc ấy, tại đó con tim tôi, sở hữu toàn bộ niềm cực lạc có thể khiến nó vừa ý, thường thức niềm cực lạc ấy trong những hân hoan mê mẩn khó tả, thậm chí chẳng nghĩ đến khoái lạc nhục cảm. Tôi nhớ là tôi không bao giờ lao mình tới tương lai với nhiều sức mạnh và ảo tưởng như lúc ấy; và điều khiến tôi kinh ngạc nhất trong hồi ức về niềm mơ mộng này, khi mơ mộng đã thành hiện thực, đó là đã gặp lại mọi vật đúng hệt như mình từng tưởng tượng, xưa nay nếu có giấc mơ nào của một người tỉnh thức có vẻ như một ảo tưởng tiên tri, thì chắc chắn là giấc mơ này. Tôi chỉ thất vọng vì thời gian tồn tại tưởng tượng của nó; bởi các ngày, các tháng năm, và toàn bộ cuộc đời trôi qua tại đó trong một tình trạng an bình không suy suyển; trong khi thực ra tất cả chỉ tồn tại

một khoảnh khắc. Hỡi ôi! Hạnh phúc bền vững nhất của tôi là trong mộng; hạnh phúc hoàn thành mỹ mãn hầu như lập tức có sự tỉnh giấc theo sau.

Tôi sẽ kéo dài mãi không hết nếu đi vào chi tiết mọi trò điên rồ mà hồi ức về Má thân yêu khiến tôi thực hiện khi không còn ở dưới mắt bà nữa. Biết bao lần tôi đã hôn chiếc giường của mình mà nghĩ rằng bà đã nằm trong đó; hôn những tấm rèm, mọi đồ đạc trong phòng mình, mà nghĩ rằng chúng thuộc về bà, rằng bàn tay kiêu diễm của bà đã chạm vào chúng; hôn cả ván lót sàn, tôi phủ phục xuống sàn mà nghĩ rằng bà đã bước đi trên đó! Thậm chí đôi khi có mặt bà tôi cũng để buột ra những sự ngông cuồng mà dường như chỉ tình yêu dữ dội nhất mới có thể xui nên. Một hôm, tại bàn ăn, lúc bà vừa đưa lên miệng một miếng, tôi kêu lên là tôi thấy một sợi tóc trong đó; bà nhả miếng thức ăn ra đĩa; tôi thêm thường vớ lấy và nuốt chửng. Tóm lại, giữa tôi và người tình say đắm nhất, chỉ có một sự khác biệt duy nhất, nhưng cốt yếu, và nó khiến cho lý trí gần như không thể quan niệm được tình trạng của tôi.

Tôi trở về từ nước Ý, không hoàn toàn giống như khi ra đi, nhưng có lẽ chưa bao giờ ở lứa tuổi tôi người ta trở về giống như vậy. Tôi đã mang trở lại từ nơi ấy không phải sự trinh khiết, mà là trạng thái còn tân. Tôi đã cảm thấy bước tiến triển của năm tháng; tính khí bồn chồn của tôi cuối cùng đã bộc lộ, và sự phun trào đầu tiên, rất không chủ tâm, đã gây nên những lo ngại về sức khỏe của tôi, việc này miêu tả rõ hơn bất cứ điều gì khác tình trạng ngây thơ tôi đã sống cho đến bấy giờ. Được yên tâm ngay sau đó, tôi học được cách bổ khuyết nguy hiểm, nó đánh lừa tạo hóa, và cứu những thanh niên có tính tình như tôi khỏi nhiều sự bừa bãi, song cái giá phải trả là sức khỏe của họ, sự cường tráng của họ, và đôi khi là mạng sống của họ. Thói xấu ấy, mà sự hồ thẹn và tính rụt rè thấy thật tiện lợi, còn có thêm một sức hấp dẫn lớn đối với những trí tưởng tượng mãnh liệt: đó là sử dụng, có thể nói là tùy ý, toàn bộ giới kia, và đem mỹ nhân mà những trí tưởng

tượng này thêm muốn phục vụ cho thú vui của chúng, mà chẳng cần được người ấy thừa nhận. Bị lợi thế độc hại ấy cám dỗ, tôi ra sức hủy hoại thể chất tốt mà tự nhiên đã khôi phục ở tôi, và đã được tôi dành cho thời gian hình thành mỹ mãn. Xin hãy thêm vào thiên hướng ấy nơi chốn của cảnh huống tôi hiện thời, trú ngụ tại nhà một phụ nữ xinh đẹp, vượt ve hình ảnh người ấy trong thâm tâm, ban ngày không ngừng nhìn thấy người ấy; buổi tối thì bao quanh mình là những đồ vật nhắc nhở lại người ấy, nằm trong chiếc giường mà mình biết người ấy từng nằm. Biết bao nhiêu chất kích thích! Người đọc nào hình dung những điều này coi tôi như đã chết một nửa rồi. Hoàn toàn ngược lại, điều đáng lẽ làm hại tôi chính là điều cứu tôi, ít ra trong một thời gian. Say sưa vì cái thú sống bên cạnh bà, vì niềm khát khao cháy bỏng được ở mãi nơi đó, dù bà vắng mặt hay có mặt, tôi luôn nhìn thấy ở bà một người mẹ dịu dàng, một người chị yêu dấu, một người bạn tuyệt vời, và không gì hơn nữa. Bao giờ tôi cũng thấy bà như vậy, luôn luôn như vậy, và bao giờ cũng chỉ thấy một mình bà. Hình ảnh bà, luôn hiện diện trong tim tôi, không để chỗ cho bất kỳ ai khác; với tôi bà là người phụ nữ duy nhất trên thế gian; và tính chất êm dịu cực độ của những tình cảm bà khơi gợi trong tôi, do không để nhục cảm nơi tôi có thời gian thức tỉnh cho những người khác, nên bảo vệ cho tôi trước bà và trước toàn bộ giới của bà. Nói tóm lại, tôi đứng đắn, bởi vì tôi yêu bà. Về những ảnh hưởng này, mà tôi diễn tả kém cỏi, xin ai có thể hãy cứ nói xem sự quyến luyến của tôi đối với bà thuộc loại gì. Với tôi, tất cả những gì tôi có thể nói là nếu như mỗi quyến luyến ấy đã tỏ ra hết sức khác thường rồi, thì về sau nó sẽ tỏ ra khác thường nhiều hơn nữa.

Tôi sử dụng thời gian một cách dễ chịu nhặt trên đời, bận rộn vào những điều tôi ít thích nhất. Đó là những dự kiến phải soạn thảo, những bản thanh toán phải viết cho rõ ràng sạch sẽ, những phương thuốc phải chép lại; đó là những loại cỏ phải tuyển chọn, những dược phẩm phải nghiền tán, những nồi chưng cất phải trông nom. Đến xen ngang vào tất cả những thứ đó là đông đảo khách qua đường, kẻ hành

khất, người đến thăm đủ loại. Phải trò chuyện đồng thời với một binh sĩ, một nhà bào chế, một linh mục phụ tá, một quý bà kiêu diễm, một thầy phục vụ việc thể tục tại nhà thờ. Tôi cáu bẳn, tôi cần nhẫn, tôi chửi thề, tôi tổng cho quý tha ma bắt tất cả cái đám ồn ào đáng nguyên rủa này. Với bà, người coi mọi sự đều là điều vui, thì những sự điên giận của tôi khiến bà cười chảy cả nước mắt; và chuyện khiến bà cười thêm nữa là thấy tôi càng điên giận hơn bởi bản thân tôi không ngăn nổi mình bật cười. Những khoảng cách ngăn ngại ở đó tôi có được niềm vui cần nhẫn thật là thú vị; và nếu một kẻ quấy rầy mới mẻ chột đến trong khi đang cãi cọ, bà còn biết lợi dụng để vui đùa bằng cách kéo dài một cách ranh mãnh cuộc viếng thăm, và đưa những ánh mắt nhìn tôi khiến tôi những muốn đánh bà. Bà vất vả mới giữ nổi mình không phá lên cười khi thấy tôi, bị ức chế và phải giữ gìn cho hợp lễ. Cứ nhìn bà với con mắt của kẻ bị quỷ ám, trong khi thâm tâm tôi, và thậm chí bất chấp chính mình, tôi thấy tất cả những điều đó thật hài hước.

Tất cả những điều đó, tự chúng không khiến tôi vừa ý, tuy thế lại làm tôi vui, vì chúng tham dự một cách thức hiện hữu thú vị đối với tôi. Chẳng một điều gì đang làm xung quanh tôi, chẳng một điều gì người ta bảo tôi làm là hợp với sở thích của tôi, nhưng tất cả đều hợp với lòng tôi. Tôi nghĩ có lẽ tôi sẽ đi đến chỗ yêu thích y học, nếu nỗi chán ngán của tôi đối với nó không tạo nên những cảnh nô giỡn khiến chúng tôi vui đùa không ngừng: có lẽ đó là lần đầu tiên y thuật gây một tác động như vậy. Tôi tự nhận cứ ngửi mùi là biết được một cuốn sách y học; và, điều tức cười, là tôi hiếm khi nhầm lẫn. Bà bảo tôi ném những dược phẩm đáng ghét nhất. Tôi cố chạy trốn hay muốn tự bảo vệ cũng vô hiệu; bất chấp sự chống cự và những nhăn nhó ghê gớm của tôi, bất chấp chính tôi và hàm răng của tôi, khi nhìn thấy những ngón tay xinh đẹp lem luốc nhích gần miệng mình, thì cuối cùng tôi cũng phải mở miệng ra và mút. Khi toàn bộ số người ít ỏi trong nhà tập hợp ở cùng một gian phòng, cứ nghe chúng tôi chạy và la lối giữa

những tiếng cười ran, có lẽ người ta tưởng chúng tôi đang diễn một trò khôi hài nào đó, chứ không phải đang chế cao nha phiến hay rượu thuốc.

Tuy nhiên thời gian của tôi không sử dụng hoàn toàn vào những trò tình nghịch ấy. Tôi đã tìm thấy vài cuốn sách trong phòng tôi đang ở: *Khán giả**, Pufendorf, Saint-Évremond, *La Henriade**. Mặc dù không còn mỗi nhiệt cuồng đọc sách ngày trước, nhưng do nhàn rỗi tôi đọc sơ sơ tất cả những sách trên. Đặc biệt *Khán giả* khiến tôi rất thích, và giúp ích cho tôi. Tu sĩ De Gouvion đã dạy tôi đọc một cách bớt ham hố và có suy nghĩ hơn; việc đọc sách có lợi cho tôi nhiều hơn. Tôi tập suy nghĩ về cách diễn đạt, về cách hành văn tao nhã; tôi luyện để phân biệt được tiếng Pháp thuần khiết với phương ngữ tỉnh lẻ của mình. Thí dụ, tôi chữa được một lỗi chính tả, mà tôi phạm phải cùng tất cả dân Genève chúng tôi, nhờ hai câu thơ trong *Henriade*:

*Soit qu'un ancien respect pour le sang de leurs Maîtres
Parlât encore pour lui dans le coeur de ces traitres.
(Có thể niềm tôn trọng dòng máu chủ nhân xưa
Còn lên tiếng vì chàng trong tâm can những tên phản trắc.)*

Cái từ *parlât* khiến tôi ngạc nhiên, cho tôi biết phải có chữ *t* ở ngôi thứ ba, thức cầu khiến (subjunctif), trong khi trước đây tôi viết và đọc *parla* như thì quá khứ đơn, thức trình bày (indicatif).

Đôi khi tôi trò chuyện với Má về những sách mình đọc; đôi khi tôi đọc bên cạnh bà; tôi hết sức vui thích làm việc đó: tôi tập đọc đúng, và điều này cũng hữu ích cho tôi. Tôi đã nói là bà có trí tuệ được trau dồi: khi ấy trí tuệ này đang độ tươi nở. Nhiều văn nhân đã sốt sắng làm vừa lòng bà, và đã dạy bà xét đoán những công trình trí thức. Tôi mạo muội bảo rằng bà có sở thích mang tính chất Tân giáo đôi chút; bà chỉ nói đến Bayle*, và hết sức trọng thị Saint-Évremond, đã qua đời từ lâu tại Pháp. Nhưng chuyện đó không ngăn cản bà hiểu biết văn

chương có giá trị và nói rất hay về loại văn chương này. Bà đã được nuôi dạy trong các xã hội thượng lưu; và, đến Savoie khi còn trẻ trung, trong sự giao thiệp thú vị với giới quý tộc miền này, bà đã mất đi giọng điệu kiểu cách xứ Vaud tại đó phụ nữ coi khiêu văn chương là tinh thần của giới thượng lưu và chỉ biết nói năng bằng thơ ca châm biếm.

Mặc dù chỉ thấy cung đình một cách thoáng qua, bà đã lướt nhanh ánh mắt đủ để hiểu được nó. Bà vẫn giữ được bạn bè tại đó, và, bất chấp những sự ghen tị ngấm ngấm, bất chấp những xì xào do cách cư xử và do nợ nần của bà gây nên, bà đã không bao giờ mất khoản trợ cấp. Bà có kinh nghiệm về xã hội thượng lưu, và có tinh thần suy tư giúp lợi dụng được kinh nghiệm này. Đó là đề tài trò chuyện bà ưa thích, và, vì những ý tưởng hảo huyền của tôi, đó chính là loại giáo huấn mà tôi cần nhất, chúng tôi cùng đọc La Bruyère*: bà thích La Bruyère hơn La Rochefoucauld*, cuốn sách buồn và gây náo lòng, nhất là ở tuổi thanh niên, khi ta không thích nhìn con người như nó vốn thế. Khi bàn về đạo lý, đôi khi bà hơi lan man; nhưng, thỉnh thoảng lại hôn lên miệng hay bàn tay bà, tôi kiên nhẫn, và những điều dài dòng của bà không làm tôi chán.

Cuộc sống ấy quá dịu ngọt nên chẳng thể kéo dài. Tôi cảm nhận như vậy, và nỗi lo lắng thấy nó chấm dứt là điều duy nhất khuấy rối việc vui hưởng nó. Vừa nô đùa, Má vừa nghiên cứu tôi, quan sát tôi, hỏi han tôi và xây dựng cho thời vận của tôi bao kế hoạch mà tôi thấy không có cũng chẳng sao. May mắn thay, biết được các thiên hướng, các sở thích, các tài mọn của tôi không phải là tất cả: cần tìm ra hoặc làm nảy sinh những cơ hội để lợi dụng các điều trên, và việc này không phải chuyện một sớm một chiều. Chính những thiên kiến của người phụ nữ tội nghiệp ưu ái tài cán của tôi đã đẩy lùi thời điểm đem tài cán ấy ra sử dụng, vì những thiên kiến này khiến bà khó tính hơn

trong việc lựa chọn phương kế. Rốt cuộc, mọi sự diễn ra tùy theo ước muốn của tôi, nhờ ý kiến tốt đẹp của bà về tôi; nhưng ý kiến tốt đẹp ấy phải giảm bớt, và từ đó thì vĩnh biệt trạng thái bình an.

Một người họ hàng của bà, tên là ông D'Aubonne, đến thăm bà. Đó là một người giàu trí xảo, lắm âm mưu, kỳ tài về dự kiến giống như bà, nhưng không khuynh gia bại sản vì dự kiến, một kiểu người phiêu lưu mạo hiểm, ông ta vừa đề xuất với Hồng y Giáo chủ De Fleury một kế hoạch xố số rất phức hợp, và không được tán thành, ông đem kế hoạch ấy đến đề nghị với triều đình Turin, kế hoạch được chấp nhận và thực thi. Ông dồng lại ít lâu tại Annecy và ở đó ông phải lòng phu nhân quan Giám sát, là một người rất hòa nhã dễ thương, rất hợp sở thích của tôi, người duy nhất mà tôi vui vẻ khi thấy đến chơi với Má. Ông D'Aubonne gặp tôi; bà De Warens nói với ông về tôi, ông đảm nhận sát hạch tôi, xem tôi hợp với điều gì, và, nếu thấy tôi có nhiều hứa hẹn, nhận tìm việc làm cho tôi.

Bà De Warens cử tôi đến thăm ông liên tiếp hai ba buổi sáng, viện cớ có việc gì đó, và không báo trước gì cho tôi hết. Ông có cách rất khéo để làm tôi nói nhiều và hớ hênh, thân mật với tôi, khiến tôi thoải mái hết mức có thể, nói với tôi về những chuyện ngớ ngẩn và đủ loại, đề tài, chẳng tỏ ra quan sát, chẳng một chút kiểu cách, cứ như thế, do thấy vui cùng tôi, nên ông muốn trò chuyện thoải mái không gò bó. Tôi say mê ông. Kết quả quan sát của ông là, bất kể những gì mà bề ngoài và diện mạo linh hoạt của tôi hứa hẹn, tôi là một gã trai, nếu không hoàn toàn ngu ngốc, thì ít ra cũng kém trí tuệ, không sáng ý, hầu như không học vấn, tóm lại là rất kém cỏi về mọi phương diện, và vinh dự một ngày nào đấy trở thành cha xứ làng quê là vận may cao nhất mà tôi nên hy vọng. Báo cáo của ông với bà De Warens về tôi là như vậy. Đó là lần thứ hai hay thứ ba tôi được đánh giá như thế: không phải là lần cuối cùng, và phán quyết của ông Masseron đã thường được xác nhận.

Nguyên nhân của những xét đoán này liên quan quá nhiều đến tính cách của tôi nên ở đây cần giải thích; vì theo lương tâm thì mọi người cảm thấy rõ tôi không thể thừa nhận một cách chân thành điều ấy, và với tất cả sự công bình có thể có được, dù các ông Masseron, D'Aubonne và nhiều người khác nói gì đi nữa, tôi không thể căn cứ vào lời của họ.

Hai điều hầu như không thể dung hòa hợp nhất trong tôi mà tôi chẳng hiểu được là theo cách nào: một tính khí rất nồng nhiệt, những đam mê mãnh liệt, dữ dội, và những ý tưởng hình thành chậm chạp, bối rối, và bao giờ cũng chỉ xuất hiện quá chậm, có thể nói là con tim và trí não của tôi không thuộc về cùng một cá nhân. Tình cảm, nhanh hơn ánh chớp, đến làm đầy ắp tâm hồn tôi; nhưng, thay vì soi sáng cho tôi, nó lại thiêu đốt và làm tôi lóa mắt. Tôi cảm thấy tất cả thế mà tôi chẳng nhìn thấy gì hết. Tôi phấn khích, nhưng sững sờ đần độn; tôi phải bình tĩnh thì mới tư duy được. Điều lạ kỳ là tuy thế tôi lại có sự mẫn cảm khá đúng đắn, có sự sáng suốt, thậm chí sự tinh tế, miễn là người ta chờ đợi tôi: cứ thông thả thì tôi có những ứng tác xuất sắc, nhưng ngay lập tức thì tôi chưa bao giờ làm hay nói được điều gì ra trò. Tôi có thể đàm thoại khá hay qua bưu điện, thiên hạ đồn người Tây Ban Nha chơi cờ như vậy. Khi tôi đọc mẫu chuyện lý thú về một công tước miền Savoie, trên đường đi, ngoảnh lại để kêu lên: *Ư' lên hòng người ấy, gã dân buôn Paris*, tôi bảo: “Mình đấy*.”

Chậm chạp trong tư duy kết hợp với nhanh nhạy trong cảm nhận, tôi không chỉ có trạng thái này khi trò chuyện, mà cả khi ở một mình và khi làm việc. Các ý tưởng sắp xếp trong đầu tôi một cách khó khăn không sao tin nổi: tại đó chúng âm thầm lưu thông, tại đó chúng dậy lên xao xuyến đến mức làm tôi bồn chồn, hăng hái, khiến tôi hồi hộp; và giữa tất cả mối xúc động ấy, tôi không nhìn thấy rõ ràng một điều gì, tôi không thể viết ra một từ nào hết, tôi phải chờ đợi. Dần dần một cách khó nhận biết, mỗi cảm kích lớn ấy dịu xuống, cõi hỗn mang ấy

gỡ ra, mỗi điều đến ở vào đúng chỗ của nó, nhưng từ từ, sau một trạng thái khuấy động dài và mơ hồ. Các vị đôi khi có xem nhạc kịch ở nước Ý hay không? Trong những sự chuyển cảnh, trên các sân khấu lớn này có một tình trạng lộn xộn khó chịu và kéo khá dài; mọi thứ trang trí đều trộn lẫn vào nhau; ta thấy khắp mọi chỗ một sự giằng co trông tội nghiệp, ta ngỡ như tất cả sắp hỗn loạn: ấy thế mà, dần dần tất cả đều vào đó, chẳng thiếu gì hết, và ta rất ngạc nhiên thấy tiếp theo sự náo động kéo dài ấy là một cảnh tượng mê hồn. Sự vận động này gần giống như sự vận động diễn ra trong óc tôi khi tôi muốn viết. Nếu như trước hết tôi biết chờ đợi, sau đó diễn tả những điều tự biểu hiện trong đó với vẻ đẹp của chúng, thì có lẽ sẽ ít tác gia vượt được tôi.

Vì thế mà tôi gặp khó khăn cực độ khi viết. Những bản thảo gạch xóa, lem luốc, rối rắm, đọc không ra, chứng nhận nỗi cực nhọc tôi đã bỏ ra vì chúng. Chẳng một bản thảo nào mà tôi không phải chép lại bốn năm lần trước khi đưa in. Tôi chẳng bao giờ làm được gì khi cầm bút trong tay bên một cái bàn và tập giấy: chính là trong lúc đi dạo, ở giữa núi và rừng, chính là ban đêm trong giường và khi mất ngủ, mà tôi viết trong óc; mọi người có thể xét xem việc đó chậm chạp đến thế nào, nhất là với một người hoàn toàn không nhớ được từ ngữ, và cả đời chẳng thuộc lòng được lấy sáu câu thơ. Có đoạn trong câu văn tôi đã sửa đi sửa lại trong đầu năm sáu đêm trước khi nó có thể được đưa lên trang giấy. Cũng vì thế mà tôi thành công nhiều hơn với những tác phẩm đòi hỏi lao động so với những tác phẩm muốn được thực hiện với một sự nhẹ nhàng khinh khoái nào đó, như các bức thư, thể loại mà tôi đã không sao có được phong thái, và việc viết ra khiến tôi như chịu khổ hình. Tôi chẳng hề viết được thư về những đề tài nhỏ nhất nhất mà không mất hàng giờ nhọc nhằn, hoặc, nếu tôi muốn viết tức thì những điều chợt đến, thì tôi không biết mở đầu cũng chẳng biết kết thúc; thư của tôi là một mớ dài dòng và lộn xộn; mọi người chỉ hiểu được tôi chút ít khi đọc.

Chẳng những các ý tưởng khiến tôi tốn công lao khi diễn tả, chúng khiến tôi tốn công lao ngay cả khi tiếp nhận. Tôi đã nghiên cứu mọi người, và tôi tự cho mình là người quan sát khá giỏi: tuy thế tôi chẳng biết nhìn thấy gì từ những điều mình đang nhìn thấy; tôi chỉ nhìn thấy rõ những gì mình nhớ lại, và tôi chỉ có tài trí trong hồi ức. Về tất cả những gì người ta đang nói, về tất cả những gì người ta đang làm, về tất cả những gì đang diễn ra trước mặt mình, tôi chẳng cảm nhận gì hết, tôi chẳng thấu hiểu gì hết. Dấu hiệu bên ngoài là tất cả những gì tác động mạnh đến tôi. Nhưng sau đó tôi hồi tưởng tất cả những điều ấy: tôi nhớ lại địa điểm, thời gian, giọng điệu, ánh mắt, cử chỉ, hoàn cảnh; tôi chẳng bỏ sót cái gì. Thế là, từ những điều người ta đã làm hay đã nói, tôi tìm ra những gì người ta đã nghĩ; và hiếm khi tôi lầm.

Rất ít làm chủ được trí não, khi chỉ có mình với mình, mọi người hãy đoán xem tôi ắt phải ra sao khi đàm thoại, tại đó, để nói năng cho thích đáng, cần phải tức thời và đồng thời nghĩ đến ngàn điều. Chỉ riêng ý nghĩ về bao nhiêu điều thích nghi, mà tôi tin chắc ít ra mình cũng quên mất điều nào đó, đủ làm tôi sợ. Thậm chí tôi không hiểu làm thế nào người ta dám nói trong một nhóm: vì mỗi từ thốt ra là phải điếm duyệt tất cả những người có mặt tại đó; cần phải biết tất cả các tính cách của họ, hiểu tất cả các câu chuyện của họ, để chắc chắn không nói điều gì có thể làm méch lòng ai đó. Về chuyện này, những ai sống trong giới giao tế có một lợi thế lớn: do hiểu rõ hơn những gì cần nín lặng, họ chắc chắn hơn về những gì họ nói; ấy thế mà nhiều khi họ vẫn buột miệng những điều thô lỗ. Xin mọi người hãy xét đoán về cái kẻ rơi từ trên mây xuống: hầu như anh ta không thể nói lấy một phút mà không can gì. Trong cuộc gặp mặt đối mặt còn có một điều bất tiện nữa mà tôi cho là tệ hại hơn, đó là sự cần thiết phải nói luôn luôn: khi người ta nói với anh, phải đáp lại, và nếu người ta chẳng nói gì thì phải làm cho cuộc trò chuyện thêm mặn mà. Chỉ riêng sự bó buộc không chịu nổi này có lẽ cũng làm tôi chán ngán việc giao thiệp.

Tôi không thấy sự gò bó nào khủng khiếp hơn là nghĩa vụ phải nói tức thời và luôn luôn. Chẳng hiểu điều này liệu có liên quan đến niềm căm ghét không đội trời chung của tôi đối với mọi sự lệ thuộc hay chẳng; nhưng chỉ cần mình nhất định phải nói, là đủ để thế nào tôi cũng nói một điều ngu dại.

Điều tai hại nhất là thay vì biết nín lặng khi không có gì để nói, thì lúc ấy, để trả cho sớm hơn món nợ của mình, tôi phát cuồng vì muốn nói. Tôi vội lắp bắp một cách gập gáp những lời lẽ không ý tưởng, quá sung sướng khi chúng chẳng có nghĩa gì hết. Do muốn khắc phục hoặc che giấu sự vụng về ngu xuẩn của mình, hiếm khi tôi lỡ dịp phô nó ra. Giữa ngàn thí dụ có thể viện dẫn, tôi lấy một thí dụ không thuộc thời thanh niên, mà thuộc một thời, do đã sống nhiều năm trong giới giao tế thượng lưu, lẽ ra tôi có được sự thung dung và phong thái của giới ấy, nếu như đó là điều có thể thực hiện. Một buổi tối tôi ở cùng hai phu nhân quyền quý và một vị nam giới có thể nêu tên; đó là công tước De Gontaut. Trong phòng không có ai khác, và tôi cố gắng đưa ra vài lời, có Trời biết được là những lời nào! Cho một cuộc đàm thoại giữa bốn người, mà ba người chắc chắn chẳng cần sự bổ sung của tôi. Nữ chủ nhân sai mang đến thuốc nha phiến mà ngày nào bà cũng sử dụng hai lần vì bệnh dạ dày. Quý bà kia, thấy nữ chủ nhân nhăn mặt, bèn cười mà bảo: “Có phải thuốc nha phiến của ngài Tronchin* hay không? - Tôi cho là không, quý bà nọ đáp lại cùng giọng điệu. - Tôi cho là thuốc đó cũng chẳng hơn gì mấy”, chàng Rousseau dí dỏm nói chêm vào một cách phong nhã. Tất cả mọi người sững lại; không một lời nào không một nụ cười nào buột ra, và lát sau, cuộc chuyện trò chuyển sang hướng khác. Đối với một phụ nữ khác, thì câu nói vụng về thô lỗ có thể chỉ buồn cười; nhưng nói với một người đàn bà quá dễ mến nên đã khiến thiên hạ hơi đồn đại về mình, và chắc chắn tôi không có ý định xúc phạm, thì câu ấy thật ghê gớm; và tôi cho là hai vị chứng kiến, nam và nữ, rất khó khăn vất vả mới ngăn được mình bùng ra. Đó là những lời tài tình do tôi buột miệng vì

muốn nói mà chẳng có gì để nói. Tôi sẽ khó quên được câu ấy; vì, ngoài chuyện tự bản thân nó rất đáng nhớ, tôi nghĩ rằng nó có những hậu quả chỉ khiến tôi hồi tưởng nó quá thường xuyên mà thôi.

Tôi cho rằng như vậy cũng khá đủ để mọi người hiểu tại sao, không phải kẻ ngu, thế mà tôi lại thường bị coi là ngu, ngay cả với những người có thể xét đoán đúng: càng rủi ro hơn nữa vì diện mạo và đôi mắt của tôi hứa hẹn nhiều hơn, và niềm mong đợi bị thất vọng ấy khiến cho sự ngu xuẩn của tôi thành chương hơn đối với mọi người, chi tiết này, mà một trường hợp đặc biệt đã làm nảy sinh, chẳng vô ích với những gì tiếp theo. Nó chứa đựng manh mối của nhiều điều khác thường mà mọi người từng thấy tôi làm, và người ta gán cho một khí chất hoang dã mà tôi không hề có. Tôi sẽ thích hội họp giao thiệp như người khác, nếu tôi không tin chắc là mình sẽ tự phô bày tại đó chẳng những trong tình trạng bất lợi, mà còn khác hẳn với mình. Quyết định của tôi viết và ấn mình đúng là điều hợp với tôi. Khi tôi hiện diện, mọi người sẽ không bao giờ biết giá trị của tôi, thậm chí không ngờ tôi có giá trị; và đó là điều đã xảy ra với bà Dupin*, dạy tôi vài bài học về ca hát, và phải bắt đầu từ xa, vì tôi chỉ biết chút ít nhạc của các bài thánh ca. Tám hoặc mười bài do phụ nữ dạy, và rất hay bị ngắt quãng, chẳng khiến tôi biết xướng âm, mà còn không dạy cho tôi được một phần tư các ký hiệu nhạc. Tuy nhiên tôi hết sức say mê môn nghệ thuật này, đến mức muốn thử tập luyện một mình. Cuốn sách tôi mang theo thậm chí chẳng thuộc loại dễ nhất; đó là những bài cantate của Clérambault*. Mọi người sẽ hiểu tôi chuyên cần và ương ngạnh như thế nào, khi tôi nói rằng, không biết về chuyển điệu cũng chẳng biết về âm lượng, mà tôi đi đến chỗ đọc được và hát không sai khúc ngâm thứ nhất và điệu nhạc thứ nhất của bản cantate *Alphée* và *Aréthuse*, và quả thật là điệu nhạc này được chia nhịp hết sức chính xác, đến mức chỉ cần đọc lên các câu thơ với nhịp của chúng là đưa được vào đó nhịp của điệu nhạc.

Ở chủng viện có một tu sĩ đáng nguyên rủa thuộc dòng Thánh Vincent de Paul, hấn tán tỉnh tôi, và khiến tôi ghê sợ tiếng Latin, mà hấn định dạy tôi. Hấn có mái tóc bết, nhờn và đen, một bộ mặt da bánh mật, giọng nói như trâu rống, ánh mắt cú mèo, thay cho râu là lông lợn lòi; nụ cười của hấn cay chua; chân tay hấn cử động như ròng rọc của hình nộm; tôi đã quên cái tên khả ố của hấn; nhưng bộ mặt ghê gớm và thớ lợ thì vẫn nhớ, và tôi khó hồi tưởng nó mà không rùng mình. Tôi ngỡ như giờ đây còn gặp hấn trong hành lang, ân cần chìa chiếc mũ trùm vuông cái bần để ra hiệu cho tôi vào phòng hấn, còn gớm guốc với tôi hơn ngục tối. Xin hãy xét đoán sự tương phản giữa một thầy dạy như thế đối với đồ đệ của một tu sĩ thuộc cung đình!

Nếu tôi ở dưới quyền định đoạt của con quái vật này hai tháng, thì tôi tin chắc rằng mình sẽ phát điên. Nhưng ông Gros nhân hậu, nhận thấy tôi buồn bã, không ăn, gầy đi, đoán được lý do khiến tôi sầu não; điều này chẳng khó. Ông đưa tôi ra khỏi móng vuốt của con thú, và, do một sự tương phản còn rõ rệt hơn nữa, giao tôi cho người hiền dịu nhất trong những con người: đó là một tu sĩ trẻ miền Faucigny, tên là ông Gâtier, đang kỳ tu học, và do chiều ý ông Gros, và tôi cho là do sự nhân từ, rất sẵn lòng lấy vào việc học hành của mình thời gian hướng dẫn việc học hành cho tôi; tôi chưa từng thấy diện mạo nào đáng cảm động như diện mạo ông Gâtier. Tóc ông vàng, còn chòm râu ngả sang hung đỏ. Ông có tư thái thường thấy ở người dân tỉnh ông, tất cả đều che giấu nhiều tài trí dưới một vẻ ngoài thô nặng; nhưng điều thực sự nổi bật ở ông là một tâm hồn đa cảm, thân ái, giàu yêu thương. Trong đôi mắt xanh to có sự hòa trộn của dịu dàng, trù mến và buồn rầu, khiến người ta không thể nhìn thấy ông mà không quan tâm đến ông. Qua ánh nhìn, qua giọng điệu của người trẻ tuổi tội nghiệp ấy, có thể nói ông biết trước vận mệnh mình, và cảm thấy mình sinh ra để bất hạnh.

Tính cách ông không trái với diện mạo; đầy kiên nhẫn và ân cần, ông có vẻ như học cùng tôi hơn là dạy dỗ tôi. Chẳng cần nhiều đến thế để làm tôi yêu ông: kẻ tiền nhiệm của ông đã khiến điều này thành rất dễ dàng. Tuy nhiên, bất kể toàn bộ thời gian ông dành cho tôi, bất kể toàn bộ thiện chí của cả hai, và mặc dù ông dạy rất tốt, tôi làm việc nhiều mà tiến bộ ít. Thật lạ là khả năng lĩnh hội cũng khá, song tôi đã không bao giờ học được với các ông thầy, ngoại trừ cha tôi và ông Lamercier. Những gì ít ỏi mà tôi biết thêm là tôi đã tự học một mình, như sau này mọi người sẽ thấy. Trí não tôi, không chịu nổi bất kỳ sự áp chế nào, chẳng thể tuân phục luật lệ của thời điểm hiện tại; chính nỗi sợ không học được cản trở tôi chú ý; do sợ làm người đang nói với mình sốt ruột, tôi giả vờ nghe, người ấy tiếp tục, và tôi chẳng nghe thấy gì hết. Trí óc tôi muốn vận hành theo giờ giấc của nó, nó không thể phục tùng giờ giấc của người khác.

Thời gian của lễ thụ chức đã đến, ông Gâtier trở về tỉnh làm trợ tế. Ông đem theo những tiếc nuối của tôi, lòng quyến luyến, niềm biết ơn của tôi. Tôi cầu nguyện cho ông những điều đã không được chuẩn nhận chẳng khác những điều tôi đã cầu nguyện cho bản thân mình, vài năm sau tôi biết tin khi đang là linh mục trợ tế tại một xứ đạo, ông đã làm cho một cô gái có con, người con gái duy nhất mà, với một con tim rất dịu dàng, ông đã đem lòng yêu thương. Đó là một vụ tai tiếng kinh khủng ở một giáo khu được cai quản rất nghiêm khắc. Các linh mục, theo đúng thể thức, chỉ được làm cho những phụ nữ đã kết hôn có con. Vì làm sai luật thích nghi này, ông bị bỏ tù, bị phỉ báng, bị đuổi. Tôi không hiểu sau này liệu ông có khôi phục được sự nghiệp hay không; nhưng ý thức về nghịch cảnh của ông, khắc sâu trong lòng tôi, đã trở lại khi tôi viết *Émile*, thế là, kết hợp ông Gâtier với ông Gaime, tôi khiến hai giáo sĩ có phẩm giá này thành nguyên mẫu của Linh mục trợ tế miền Savoie. Tôi tự phụ là sự mô phỏng đã không làm mất danh dự các kiểu mẫu của tôi.

Trong thời gian tôi ở chủng viện, ông D'Aubonne buộc phải rời Annecy. Ngài giám sát nghĩ ra chuyện thấy ông này tán tỉnh vợ mình là xấu, xử sự như vậy cũng giống như con chó của người làm vườn*; vì, mặc dù bà Corvezi dễ thương, ông ta sống với bà rất không ổn; những sở thích ở bên kia núi Alpes* khiến bà vô dụng với ông, và ông đối xử với bà thật thô bạo đến mức vấn đề ly hôn được đặt ra. Ông Corvezi là một người đáng ghét, đen như chuột chũi, giáo hoạt như cú mèo, và do cứ gây phiền nhiễu mãi cuối cùng tự làm mình bị đuổi. Người ta bảo rằng người Provence thường trả thù kẻ địch bằng những bài ca: ông D'Aubonne trả thù kẻ địch của mình bằng một vở kịch hài; ông gửi nó cho bà De Warens, bà đưa tôi xem. Tôi thích vở kịch, và nó làm tôi nảy ý nghĩ muốn viết một vở, để thử xem liệu mình quả thực có ngu như tác giả đã phán quyết hay không: nhưng tôi chỉ thực hiện dự định này ở Chambéry khi viết *Người tự yêu mình**. Như vậy khi tôi nói trong bài tựa vở kịch là tôi đã viết nó năm mười tám tuổi, tôi có nói dối vài năm.

Gần như vào thời gian này có một biến cố liên quan, bản thân nó ít quan trọng, nhưng có những hậu quả đối với tôi, và gây ồn ào trong xã hội khi tôi đã quên nó. Tuần nào tôi cũng được phép ra ngoài một lần; tôi chẳng cần nói mình sử dụng việc này thế nào. Một chủ nhật khi tôi đang ở nhà Má, thì một ngôi nhà của các thầy tu dòng Franciscain giáp với nhà của bà bị cháy. Ngôi nhà, trong đó họ đặt bếp lò, chứa đầy đến nóc những bó củi khô. Tất cả bốc cháy trong thời gian rất ngắn: nhà của Má gặp nguy hiểm lớn, và bị bao trùm bởi những ngọn lửa do gió tạt sang. Mọi người phải hối hả dọn đồ đạc và chuyển chúng sang khu vườn đối diện những cửa sổ phòng tôi trước đây, và ở bên kia dòng suối mà tôi đã nói đến. Tôi hết sức bối rối, đến mức ném qua cửa sổ bất cứ thứ gì rơi vào tay, cho đến cả một cái cối đá to để giã thuốc, mà lúc khác chắc tôi phải vất vả mới nhắc lên nổi. Tôi đã sẵn sàng ném cả một tấm gương lớn, nếu người nào đó không

giữ tôi lại. Đức Giám mục nhân hậu, hôm ấy đến thăm Má, cũng chẳng ngồi không: ông dẫn má ra khu vườn, tại đó ông cầu nguyện cùng với bà và tất cả những ai đang ở đấy; thành thử lát sau khi tôi đến đó, tôi thấy toàn thể mọi người đang quỳ, và tôi cũng quỳ như những người khác. Trong khi đức Giám mục cầu nguyện, thì gió đổi chiều, nhưng hết sức đột ngột và hết sức đúng lúc, thành thử những ngọn lửa bao trùm ngôi nhà và đã tạt vào qua các cửa sổ, được gió lùa sang phía bên kia sân, và ngôi nhà không bị hư hại gì hết. Hai năm sau, giám mục De Bernex đã qua đời, các tu sĩ dòng thánh Antoine, cùng giáo đoàn với ông, bắt đầu thu thập các văn kiện có thể phục vụ việc phong thánh cho ông. Được cha Boudet yêu cầu, tôi thêm vào các văn kiện đó một bản xác nhận sự kiện mà tôi vừa thuật lại, điều ấy thì tôi làm đúng; nhưng điều tôi làm dở, đó là coi sự kiện ấy như một phép mầu. Tôi đã nhìn thấy đức Giám mục cầu nguyện, và trong khi ông cầu nguyện tôi đã thấy gió đổi chiều, và thậm chí rất đúng lúc; đó là những gì tôi có thể nói và chứng thực; nhưng một trong hai điều là nguyên nhân của điều kia, đó là những gì tôi không nên xác nhận, bởi vì tôi không thể biết được. Tuy nhiên, theo như tôi có thể nhớ lại các ý tưởng của mình, khi ấy là người Thiên Chúa giáo một cách chân thành, thì tôi thực tâm. Niềm yêu thích cái kỳ diệu, hết sức tự nhiên đối với lòng người, sự tôn sùng vị chủ giáo đức độ, niềm kiêu hãnh ngầm vì có thể chính mình đã góp phần vào phép mầu, giúp sức làm tôi xiêu lòng; và điều chắc chắn là nếu như phép mầu ấy là kết quả của những lời cầu nguyện nồng nhiệt nhất, thì tôi rất có thể quy công cho phần của mình.

Hơn ba mươi năm sau, khi tôi đã công bố *Những bức thư từ núi*, ông Fréron bới ra được bản chứng thực ấy chẳng hiểu bằng cách nào, và sử dụng nó trong các tờ báo của ông. Phải thú nhận rằng việc phát hiện thật khéo, và bản thân tôi cũng thấy sự đúng lúc rất lý thú^{*}.

Số phận đã định cho tôi bị mọi nghề nghiệp hắt hủi. Mặc dù ông Gâtier đã báo cáo về những tiến bộ của tôi một cách ít bất lợi nhất, song người ta thấy những tiến bộ này không tương xứng với công việc tôi làm, và như vậy không khích lệ để cho tôi học hành thêm nữa. Vì thế giám mục và viện trưởng chán nản, và mọi người trả lại tôi cho bà De Warens như một người thậm chí chẳng thích đáng để làm giáo sĩ, vả chăng, là chàng trai khá tốt, họ bảo thế, và không hề có thói xấu: điều này khiến cho, bất kể bao nhiêu định kiến gây chán ngán về tôi, bà vẫn không bỏ rơi tôi.

Tôi đặc biệt mang trở lại nhà bà cuốn sách nhạc của bà, mà tôi đã sử dụng rất có lợi. Điệu nhạc *Alphée* và *Aréthuse* gần như là tất cả những gì tôi đã học được ở chủng viện. Lòng ham thích rõ rệt của tôi đối với môn nghệ thuật này khiến bà nảy ra ý nghĩ để tôi thành nhạc sĩ: thời cơ thuận tiện; mọi người chơi nhạc tại nhà bà ít ra mỗi tuần một lần, và nhạc trưởng của giáo đường, người chỉ huy buổi hòa nhạc nhỏ này, rất hay đến thăm bà. Đó là một người Paris tên là ông Le Maître, nhà soạn nhạc giỏi, thật hăng hái, thật vui vẻ, hãy còn trẻ tuổi, khá cân đối, ít tài trí, nhưng tóm lại là người rất thực thà chất phác. Má giới thiệu tôi với ông: tôi quyến luyến ông, tôi chẳng khiến ông không ưa: mọi người nói đến chuyện trọ học, mọi người thỏa thuận. Tóm lại, tôi vào ở nhà ông, và tôi qua mùa đông tại đó một cách dễ chịu, càng dễ chịu hơn nữa vì đội ca chỉ cách nhà của Má hai chục bước chân, một lát là chúng tôi đã ở nhà bà, và chúng tôi rất hay ăn tối cùng nhau tại đó.

Mọi người sẽ đoán được là cuộc sống của đội ca, luôn luôn ca hát và vui vẻ, với các nhạc công và các em nhỏ trong đội hợp xướng, khiến tôi thích hơn cuộc sống của chủng viện với các cha truyền giáo. Tuy nhiên cuộc sống này, tự do hơn, song chẳng vì thế mà kém đều đặn và quy củ. Tôi được tạo ra để yêu thích sự độc lập và để không bao giờ lạm dụng nó. Suốt sáu tháng liền, tôi chỉ ra ngoài để đến nhà Má hay đến nhà thờ, thậm chí tôi cũng không thấy thêm ra ngoài.

Khoảng thời gian này là một trong những thời gian tôi sống trong tình trạng an tĩnh nhất, mà tôi nhớ lại với nhiều vui thích nhất. Trong những cảnh huống khác nhau mà tôi đã trải, một vài cảnh huống được ghi dấu bằng một cảm giác hết sức an lạc, đến mức giờ đây khi hồi tưởng tôi cảm thấy an lạc như thể mình vẫn đang ở đó. Chẳng những tôi nhớ lại các thời gian, địa điểm, những con người, mà tất cả các vật xung quanh, thời tiết, mùi hương, màu sắc, một ấn tượng địa phương nào đó chỉ cảm nhận thấy tại nơi này, và hồi ức sống động lại mang tôi về đó. Thí dụ, tất cả những gì mọi người diễn tập ở ca đội, tất cả những gì mọi người hát ở dàn đồng ca, tất cả những gì mọi người làm ở đó, y phục đẹp và cao nhã của các linh mục phụ tá, áo lễ của các linh mục, mũ của tu sĩ hát kinh, gương mặt của các nhạc công, một ông thợ mộc già chân khập khiễng chơi đại vĩ cầm, một tu sĩ bé nhỏ tóc vàng chơi vĩ cầm, mảnh áo thầy tu rách mà sau khi gác kiếm ông Le Maître mặc ra ngoài y phục thể tục, và tấm áo lễ mỏng nhẹ đẹp dễ mà ông trùm lên trên các áo quần rách rưới để đi đến dàn đồng ca; niềm kiêu hãnh của tôi khi cầm ống sáo nhỏ, đến đứng trong đội nhạc tại giảng đàn để chơi một khúc độc tấu ngắn mà ông Le Maître đã cố ý soạn riêng cho tôi, bữa tối ngon lành chờ đợi chúng tôi sau đó, sự ngon miệng của chúng tôi, sự tụ hội của những thứ được nhớ lại một cách sống động đã hàng trăm lần làm tôi say mê vui sướng trong hồi ức, ngang bằng và nhiều hơn trong hiện thực. Tôi vẫn luôn giữ một niềm thương mến dịu dàng với một điệu nhạc *Conditor alme siderum*^{*} tấu theo thể thơ iambe, vì một sáng chủ nhật kỳ trai giới trước lễ Giáng sinh, từ trong giường tôi nghe hát khúc thánh ca này trước khi trời sáng trên bậc thềm giáo đường, theo một nghi lễ của nhà thờ này. Cô Merceret, hầu phòng của má, biết nhạc đôi chút: tôi sẽ chẳng khi nào quên một bản thánh ca nhỏ bằng tiếng Latin *Afferte*^{*} mà ông Le Maître để tôi hát cùng cô, và nữ chủ nhân của cô lắng nghe hết sức vui thích. Rốt cuộc là tất cả, cho đến chị đầy tớ Perrine tốt bụng, hết sức thực thà chất phác, mà bọn trẻ ở dàn đồng ca làm cho bức tức rất

nhieu, tất cả, trong những hồi ức của cái thời thơ ngây và hạnh phúc ấy, thường hay trở lại làm tôi mê say và khiến tôi buồn bã.

Tôi sống ở Annecy đã gần một năm không bị chê trách điều gì: tất cả mọi người đều hài lòng về tôi. Từ khi đi khỏi Turin tôi chưa hề làm chuyện ngu dại, và tôi không làm chuyện ngu dại chừng nào còn ở dưới mắt của Má. Bà dẫn dắt tôi, và bao giờ cũng dẫn dắt đúng; niềm quyến luyến đối với bà đã trở thành đam mê duy nhất của tôi; và điều chứng tỏ đây không phải một đam mê rồ dại, đó là con tim tôi đào luyện lý trí của tôi. Quả thật một tình cảm duy nhất, có thể nói là hấp thu mọi năng lực của tôi, đặt tôi vào tình trạng không học được gì hết, ngay cả âm nhạc, mặc dù tôi hết sức cố gắng. Nhưng đó không hề là lỗi do tôi; ở đó có toàn bộ thiện chí, có sự chuyên cần. Tôi lơ đãng, mơ mộng, tôi thờ dãi: tôi có thể làm gì được? Để tiến bộ, tất cả tùy thuộc ở tôi; nhưng để làm những chuyện rồ dại mới thì chỉ cần một người đến khơi gợi cho tôi chuyện đó. Người ấy xuất hiện; sự tình cờ sắp xếp mọi việc, và, như sau đây mọi người sẽ thấy, cái đầu óc bướng bỉnh của tôi lợi dụng điều này.

Một buổi tối tháng Hai trời rất lạnh, tất cả chúng tôi đang ngồi quanh lò sưởi thì nghe tiếng gõ vào cánh cửa phía ngoài đường. Perrine cầm cây đèn, đi xuống, mở cửa; một chàng trai bước vào cùng cô, lên nhà, tự giới thiệu với vẻ thoải mái, chào mừng ông Le Maître một cách ngắn gọn và khéo léo, tự nhận là một nhạc sĩ Pháp mà tình hình tài chính khó khăn buộc phải giúp các dàn nhạc nhà thờ từ tỉnh này qua tỉnh khác để đi tiếp con đường của mình. Nghe thấy cái tiếng nhạc sĩ Pháp, con tim ông Le Maître nhân hậu rung động: ông yêu say đắm đất nước ông và nghệ thuật của ông. Ông đón tiếp người khách qua đường trẻ tuổi, mời anh trú ngụ, điều mà anh có vẻ rất cần, và đón nhận không kiểu cách gì nhiều. Tôi quan sát anh trong khi anh vừa sưởi ấm và nói năng béo lẻo vừa chờ bữa tối. Anh thấp, nhưng vóc người to lớn; thân hình anh có cái gì lệch lạc chẳng rõ, song không có

sự dị dạng đặc biệt nào; có thể nói đó là một người gù mà vai lại phẳng, nhưng tôi cho rằng anh hơi khập khiễng một chút. Anh mặc một bộ y phục màu đen sử dụng nhiều thì đúng hơn là cũ kỹ, và tôi tả từng chỗ, một áo sơ mi rất bẩn và vải rất mịn, những tay áo giả đẹp để có tua, những đôi ghệt có lẽ anh cho cả hai ống chân vào cũng vừa, và, để tránh tuyết, một chiếc mũ nhỏ cặp ở nách. Tuy thế trong lệ bộ hài hước này có một cái gì quý phái mà tư thái của anh không phản lại; diện mạo anh có sự tinh tế và nét thú vị; anh nói năng dễ dàng và hay, nhưng rất ít khiêm nhường. Mọi thứ đều biểu lộ rõ ở anh một thanh niên trụy lạc từng được giáo dục, đi ăn xin chẳng như một gã ăn mày, mà như một gã điên. Anh bảo chúng tôi anh tên là Venture de Villeneuve, anh từ Paris đến, anh bị lạc đường; và quên mất đôi chút vai trò nhạc sĩ, anh nói thêm rằng anh đi đến Grenoble để thăm một người họ hàng tại pháp viện.

Trong lúc ăn tối mọi người nói về âm nhạc, và anh nói hay. Anh biết tất cả những tài năng lớn, tất cả những tác phẩm nổi danh, tất cả các nam diễn viên, tất cả các nữ diễn viên, tất cả những phụ nữ xinh đẹp, tất cả những nhà đại quý tộc. Mọi người nói về cái gì anh cũng có vẻ hiểu biết; nhưng một đề tài chỉ vừa được khởi đầu là anh làm rối ngay cuộc trò chuyện bằng một trò tinh nghịch bỡm bải nào đó khiến mọi người bật cười, và quên những gì đã nói. Đó là một ngày thứ bảy; hôm sau có cử nhạc tại giáo đường; ông Le Maître đề nghị anh hát trong dàn nhạc: *Rất vui lòng*; hỏi xem phần của mình là gì: *Giọng nam cao nhất...* Thế là anh nói sang chuyện khác. Trước khi đi đến nhà thờ, mọi người đưa cho anh phần của anh để xem trước; anh chẳng ngó mắt tới. Sự phách lối này khiến Le Maître ngạc nhiên, ông nói thầm vào tai tôi: “Rồi cậu sẽ thấy anh ta chẳng biết một nốt nhạc nào đâu. - Em rất sợ như vậy”, tôi đáp lại ông. Tôi đi theo họ lòng hết sức lo lắng. Khi mọi người bắt đầu, tim tôi đập mạnh khủng khiếp, vì tôi rất quan tâm đến anh ta.

Tôi lập tức được yên lòng. Anh hát hai khúc vịnh của mình chính xác và có phong vị hết mức tưởng tượng, và hơn nữa, còn bằng một giọng rất hay. Chẳng mấy khi tôi có được niềm ngạc nhiên thú vị hơn thế này. Sau buổi lễ, Venture nhận được vô số lời khen ngợi của các linh mục phụ tá và các nhạc công, anh đáp lại họ với sự đùa nghịch ranh mãnh, nhưng bao giờ cũng rất có duyên, ông Le Maître vui lòng ôm hôn anh; tôi cũng làm như vậy: anh thấy là tôi rất mừng, và điều này có vẻ khiến anh thích thú.

Tôi tin chắc mọi người sẽ đồng ý rằng, sau khi mê say Bâcle, xét cho cùng chỉ là một dân quê, tôi có thể mê say Venture, là người có giáo dục, có tài năng, trí tuệ, quen xử thế trong xã hội thượng lưu, và có thể coi như một gã trụy lạc dễ thương. Đó cũng là chuyện xảy ra với tôi, và tôi nghĩ là có thể xảy ra với bất kỳ chàng trai nào ở vị trí của tôi, càng dễ xảy ra hơn nữa nếu chàng trai có một sự mẫn cảm nhạy hơn để cảm nhận được giá trị, và có một thị hiếu tốt hơn để gắn bó với giá trị ấy; vì chắc chắn là Venture có giá trị, và đặc biệt có một giá trị rất hiếm thấy ở tuổi anh, đó là không hề vội vã phô bày học thức của mình. Quả thật anh khoe khoang nhiều điều mà anh không hề biết; nhưng về những điều anh biết, mà con số này khá lớn, thì anh chẳng nói gì hết: anh chờ dịp phô bày chúng; khi ấy anh tự phụ một cách không vội vàng, và việc đó gây ấn tượng lớn nhất. Vì anh dừng lại sau mỗi điều mà không nói về những gì còn lại, nên người ta chẳng hiểu khi nào thì anh mới phô hết ra nữa. Vui cười, hay đùa giỡn, phong phú vô tận, chuyện trò hấp dẫn, luôn tùm tùm mà không bao giờ cười, anh nói với giọng điệu thanh nhã nhất những điều thô tục nhất, và khiến chúng được cho qua. Ngay cả những phụ nữ thù mị nhất cũng ngạc nhiên về những gì họ chịu đựng ở anh. Họ có cảm thấy cần phải nổi giận cũng vô hiệu, họ không đủ sức nổi giận. Anh chỉ cần những cô gái luân lạc, và tôi cho rằng anh không thích hợp để có số đào hoa, mà thích hợp để đem lại một sự thú vị vô cùng vô tận trong giới của những người thú vị. Với nhiều tài năng dễ thương như thế, tại

một xứ sở mà người ta tinh thông về những điều ấy và ưa thích những điều ấy, anh khó lòng ở lại lâu trong phạm vi hạn hẹp của giới nhạc sĩ.

Niềm ưa mến của tôi đối với Venture, hợp lý hơn trong nguyên nhân của nó, cũng ít ngông cuồng hơn trong kết quả, mặc dù mãnh liệt hơn và lâu bền hơn niềm ưa mến tôi đã có với Bacle. Tôi thích nhìn thấy anh, thích nghe anh nói; tất cả những gì anh làm đều có vẻ thú vị đối với tôi; tất cả những gì anh nói đều như sấm ngôn đối với tôi; nhưng sự say mê của tôi không đi tới mức chẳng thể xa rời anh. Tôi có gần bên mình một môn thuốc dự phòng công hiệu chống lại sự thái quá ấy và chẳng, trong khi thấy những châm ngôn của anh rất hay đối với anh, tôi cảm thấy chúng không hợp để tôi sử dụng; tôi cần một loại khoái cảm khác, mà anh không biết, và tôi thậm chí chẳng dám nói với anh, tin chắc rằng anh sẽ chế nhạo mình. Tuy nhiên tôi những muốn hợp nhất niềm quyến luyến này với niềm quyến luyến chi phối mình. Tôi nói với Má về anh một cách cảm kích; Le Maître nói với Má về anh một cách khen ngợi. Bà đồng ý để đưa anh tới. Nhưng cuộc gặp gỡ này không thành công chút nào: anh thấy bà cầu kỳ; bà thấy anh phóng dăng; và, lo sợ cho tôi về một mối quen biết dở đến thế, chẳng những bà cấm tôi dẫn anh trở lại gặp bà, mà bà còn miêu tả rất mạnh mẽ cho tôi những nguy cơ tôi gặp phải cùng với chàng thanh niên ấy, thành thử tôi trở nên thận trọng hơn đôi chút, và rất may mắn cho phẩm hạnh và cho đầu óc tôi, chẳng bao lâu chúng tôi xa lìa nhau.

Ông Le Maître có những sở thích thuộc nghệ thuật của mình; ông ưa rượu vang. Tuy trong bữa ăn ông có chừng mực, nhưng khi làm việc trong phòng riêng thì ông phải uống rượu, chỉ đây tứ của ông hiểu ông rất rõ thành thử, ông vừa chuẩn bị giấy để soạn nhạc và cầm lấy cây đàn violoncelle, là bình rượu và cốc đến ngay sau đó, và thỉnh thoảng bình lại được rót thêm. Không bao giờ say túy lúy, nhưng ông luôn ngà ngà chệnh choáng; và quả thật đáng tiếc, vì đó là một người bản tính tốt, và rất vui vẻ, thành thử Má chỉ gọi ông là *mèo con*. Rủi thay ông lại yêu mến tài năng của mình, làm việc rất nhiều và uống

rượu cũng như vậy. Điều này ảnh hưởng đến sức khỏe ông và cuối cùng đến tính tình: đôi khi ông hay bực bội và dễ mếch lòng. Không thể thô tục, không thể thiếu sót với bất kỳ ai, ông chưa bao giờ nói một lời khó chịu, ngay cả với một đứa trẻ trong đàn đồng ca; nhưng mọi người cũng không được thiếu sót với ông, và như thế là đúng. Cái dở là do ít tài trí, ông không phân biệt được các giọng điệu và các tính cách, và thường giận vì chuyện không đâu.

Giáo đoàn cũ của Genève, mà xưa kia bao vị vương công và giám mục lấy làm vinh dự được gia nhập, trong cảnh lưu vong đã mất đi vẻ huy hoàng ngày trước, nhưng vẫn duy trì sự kiêu ngạo. Để được thu nạp vào giáo đoàn, vẫn phải là quý tộc hoặc tiến sĩ trường Sorbonne, và nếu như có một niềm tự phụ có thể tha thứ được, sau niềm tự phụ do giá trị cá nhân, thì đó là niềm tự phụ do dòng dõi. Và chẳng tất cả các giáo sĩ có những người thể tục làm thuê cho mình thường đối xử với họ một cách khá ngạo mạn. Các linh mục phụ tá thường đối xử như vậy với ông Le Maître tội nghiệp. Nhất là tu sĩ chỉ huy đội ca, tên là De Vidonne, và chẳng là một người rất phong nhã, nhưng quá tự mãn về dòng dõi quý tộc, không phải bao giờ cũng có với ông sự trọng thị mà tài năng của ông đáng được hưởng; còn ông chẳng sẵn lòng chịu đựng những khinh mạn ấy. Trong tuần lễ thánh năm nay, họ có một sự bất hòa gay gắt hơn bình thường tại một bữa tiệc tối theo truyền thống mà đức giám mục đãi các linh mục phụ tá, và bao giờ ông Le Maître cũng được mời. Tu sĩ De Vidonne làm vài điều vô nguyên tắc đối với ông, và nói với ông một lời tàn nhẫn nào đó mà ông không chịu đựng nổi; ông lập tức quyết định bỏ đi vào đêm hôm sau, và không gì có thể khiến ông đổi ý, mặc dù bà De Warens, mà ông đến chào từ biệt, đã làm hết cách để ông nguôi dịu. Ông không thể từ bỏ cái thú trả thù những kẻ hà hiếp mình, bằng cách để họ gặp khó khăn lúng túng trong dịp lễ Phục sinh, thời gian mà người ta cần đến ông nhiều nhất. Nhưng điều làm cho chính ông lúng túng là toàn bộ

các bản nhạc của ông mà ông muốn đem theo, điều này không dễ: đó là một hòm khá to và rất nặng, không thể cắp dưới nách được.

Má làm điều mà chắc tôi làm và tôi sẽ còn làm nếu ở địa vị của Má. Sau nhiều cố gắng vô hiệu để giữ ông lại, thấy ông dù thế nào cũng cương quyết ra đi, bà quyết định giúp đỡ ông tất cả những gì bà có thể. Tôi mạo muội cho rằng bà phải làm như vậy. Có thể nói là ông Le Maître đã chuyên tâm phục vụ bà. Hoặc về những gì liên quan đến nghệ thuật của ông, hoặc về những gì liên quan đến việc chăm sóc bà, ông hoàn toàn nghe theo mệnh lệnh của bà, và tấm chân tình khi thực hiện mệnh lệnh đem lại cho sự ân cần của ông một giá trị mới mẻ. Vậy là bà chỉ trả lại một người bạn, trong một thời cơ cốt yếu, điều người ấy đã làm cho bà một cách lẻ tẻ từ ba bốn năm nay: nhưng bà có một tâm hồn mà, để làm trọn những nghĩa vụ như thế, không cần phải nghĩ rằng đối với mình đó là nghĩa vụ. Bà sai gọi tôi tới, ra lệnh cho tôi đi theo ông Le Maître, ít ra cũng đến tận Lyon, và giúp việc ông lâu chừng nào ông còn cần đến tôi. Về sau bà đã bộc lộ với tôi là niềm mong muốn đưa tôi đi xa Venture đã góp nhiều phần vào sự thu xếp này. Bà hỏi ý kiến Claude Anet, gia nhân trung thành, về việc chuyên chở chiếc hòm. Ý của anh là, thay vì thuê tại Annecy một con vật chở đồ, khiến chúng tôi thế nào cũng bị phát hiện, cần phải đợi đêm xuống, vác hòm đi một quãng đường nào đó, rồi thuê lừa tại một làng để chở hòm đến Seyssel, tại đây, do đã ở trên đất Pháp, chúng tôi không còn gặp nguy hiểm nào nữa. Ý kiến này được nghe theo; chúng tôi ra đi ngay tối hôm ấy vào bảy giờ; và má, lấy cớ trả chi phí cho tôi, khiến túi tiền nhỏ bé của *mèo con* tội nghiệp thêm một khoản chẳng phải là vô ích. Claude Anet, bác làm vườn và tôi, cố vác cái hòm đến ngôi làng đầu tiên, tại đó một con lừa thay thế chúng tôi; và ngay đêm ấy chúng tôi đi đến Seyssel.

Chắc tôi đã nhận xét rằng có những thời gian tôi rất ít giống với bản thân, đến mức mọi người có thể tưởng tôi là một người khác, với tính cách hoàn toàn đối lập. Các vị sẽ thấy một thí dụ về điều đó. Ông

Reydelet, tu sĩ ở Seyssel, là linh mục phụ tá tại Saint-Pierre, do vậy có quen biết ông Le Maître, và là một trong những người mà ông phải lẩn trốn nhiều nhất. Ngược lại, ý kiến của tôi là đến trình diện ông và viện cớ gì đó xin ông cho trú ngụ, như thế chúng tôi ở đây với sự đồng tình của Giáo đoàn. Le Maître thích ý tưởng này, nó khiến cho sự trả thù của ông thành có tính nhạo báng và buồn cười, vậy là chúng tôi liền lĩnh đến nhà ông Reydelet, ông tiếp đãi chúng tôi rất tử tế. Le Maître bảo rằng, ông đi đến Belley, theo yêu cầu của giám mục, để chỉ huy chơi nhạc vào lễ Phục sinh; rằng ít ngày nữa ông định sẽ lại qua đây; còn tôi, dựa vào điều nói dối ấy, tôi thêm thắt hàng trăm điều khác hết sức tự nhiên, thành thử ông Reydelet, thấy tôi xinh trai, đem lòng mến tôi và chiều chuộng tôi đủ bề. Chúng tôi được ăn ngon, được chỗ ngủ tốt. Ông Reydelet chẳng biết nên đãi chúng tôi của ngon vật lạ gì; và chúng tôi chia tay nhau một cách hữu nghị nhất trên đời, với lời hứa sẽ dừng lại lâu hơn khi trở về. Chỉ vừa kịp đợi lúc ở một mình với nhau là chúng tôi bắt đầu phá lên cười, và tôi xin thú thực rằng giờ đây tôi hãy còn cười rộ khi nghĩ đến chuyện đó, vì khó tưởng tượng ra trò tình nghịch nào được duy trì tài tình hơn và gặp may mắn hơn. Lẽ ra nó có thể khiến chúng tôi vui suốt dọc đường, nếu như ông Le Maître, liên miên uống rượu và nói sảng, không bị hai hoặc ba lần một cơn bệnh mà ông đâm ra hay mắc phải, và rất giống với chứng động kinh. Điều này đẩy tôi vào những tình cảnh khó khăn bối rối khiến tôi hoảng sợ, và tôi sớm nghĩ mình sẽ tìm cách thoát ra.

Chúng tôi đến Belley dự lễ Phục sinh, như đã nói với ông Reydelet; và, tuy mọi người không chờ đợi chúng tôi ở đây, song chúng tôi được nhạc trưởng tiếp và tất cả mọi người vui thích đón chào, ông Le Maître được kính nể trong nghệ thuật của ông, và xứng đáng được thế. Nhạc trưởng tại Belley vinh dự khoe những tác phẩm hay nhất của mình, và cố đạt được sự tán thành của một nhà phê bình ưu tú đến thế: vì ngoài việc ông Le Maître am hiểu, ông còn công bình, không hề đổ ky và không hề nịnh hót. Ông cao hơn hẳn tất cả

các nhạc trưởng tỉnh lẻ này, và bản thân họ cảm thấy rất rõ điều ấy, thành thử họ coi ông như chỉ huy của họ hơn là đồng nghiệp.

Sau khi đã sống bốn năm ngày rất dễ chịu ở Belley, chúng tôi lại lên đường và tiếp tục hành trình không gặp một biến cố nào ngoài những biến cố mà tôi vừa nói. Đến Lyon, chúng tôi ở quán Notre-Dame de Pitié; và trong khi chờ đợi chiếc hòm mà, nhờ một lời nói dối nữa, chúng tôi đã gửi lên thuyền theo sông Rhône do ông chủ nhà tốt bụng Reydelet lo toan, ông Le Maître đi thăm các người quen, trong đó có cha Caton, tu sĩ dòng Franciscain, sau này sẽ nói tới, và tu sĩ Dortan, bá tước De Lyon. Cả hai người đều tiếp đãi ông tử tế; nhưng họ phản ông, như lát nữa ta sẽ thấy; vận may của ông đã cạn tại nhà ông Reydelet.

Hai ngày sau khi tới Lyon, chúng tôi đang đi qua một phố nhỏ không xa quán trọ, thì ông Le Maître đột nhiên bị một cơn bệnh, và cơn này dữ dội đến mức tôi kinh hãi. Tôi kêu la, gọi người cứu, nói tên quán trọ của ông, cầu khẩn mọi người mang ông về đây; rồi, trong lúc mọi người xúm lại và sốt sắng quanh một người ngã xuống bất tỉnh và sùi bọt mép giữa đường, thì người ấy bị người bạn duy nhất, mà lẽ ra người ấy phải trông cậy, bỏ rơi. Nhân lúc không ai nghĩ đến mình, tôi rẽ sang góc phố, và tôi lẫn mất. Nhờ Trời, tôi đã thực hiện xong điều thú nhận khó nhọc thứ ba này. Nếu tôi còn nhiều điều tương tự phải thực hiện, thì tôi sẽ bỏ công việc mà tôi đã bắt đầu.

Về tất cả những gì tôi đã kể cho đến giờ, hãy còn vài dấu vết tại những nơi chốn tôi từng sống; nhưng những gì tôi cần kể trong quyển sau hầu như hoàn toàn không ai biết. Đó là những ngông cuồng lớn nhất của đời tôi, và may mắn là những ngông cuồng ấy đã không kết thúc tệ hơn. Nhưng đầu óc tôi, lên cao theo âm điệu của một nhạc cụ lạ, vượt ra ngoài âm giai của nó: bản thân nó tự trở lại đây; và khi ấy tôi ngừng những trò điên rồ, hoặc ít ra tôi làm những trò điên rồ phù hợp hơn với bản tính mình. Giai đoạn này trong thời thanh xuân của tôi là giai đoạn mà tôi có ý niệm mơ hồ nhất. Hầu như chẳng có gì

từng diễn ra ở đó đủ thú vị với lòng tôi để tôi hồi tưởng lại một cách sống động; và trong bao chuyến đi đi lại lại, trong bao sự di chuyển liên tiếp, khó mà tôi không đặt lẫn một số thời gian và địa điểm. Tôi hoàn toàn viết theo trí nhớ, chẳng có những vật kỷ niệm, chẳng có những tài liệu có thể giúp tôi hồi tưởng, có những sự kiện trong đời tôi hiện diện với tôi như vừa mới xảy ra; nhưng cũng có những chỗ khuyết và những khoảng trống mà tôi chỉ có thể lấp đầy nhờ những truyện kể cũng mơ hồ như hồi ức tôi còn lưu lại về chúng, vậy đôi khi tôi có thể đã nhầm lẫn, và tôi sẽ còn có thể nhầm lẫn nữa về những chuyện nhỏ mọn, cho đến thời gian mà tôi có những tin tức xác thực hơn về bản thân; nhưng về những gì thật sự quan hệ đến vấn đề, thì tôi chắc chắn là mình chính xác và trung thực, như tôi sẽ cố gắng chính xác và trung thực về mọi sự: đó là điều mọi người có thể trông cậy.

Vừa rời bỏ ông Le Maître, là tôi có quyết định, và tôi lên đường trở lại Annecy. Nguyên nhân và sự bí mật của việc chúng tôi ra đi đã khiến tôi rất quan tâm đến tính an toàn của việc rút lui; và mỗi quan tâm ấy, khiến tôi hoàn toàn bận trí, đã làm lãng đi vài ngày mỗi quan tâm gọi tôi quay lại; nhưng vừa yên lòng hơn về sự an toàn, thì cảm nghĩ chủ yếu giành ngay lại vị trí của nó. Chẳng điều gì làm tôi vui thích, chẳng điều gì làm tôi thêm muốn, tôi chẳng ao ước điều gì ngoài chuyện trở về bên Má. Sự trù mẫn và tính chân thực trong niềm quyến luyến của tôi đối với Má đã diệt trừ tận gốc trong lòng tôi mọi dự định tưởng tượng, mọi điên rồ của tham vọng. Tôi chẳng còn thấy hạnh phúc nào khác ngoài hạnh phúc sống bên cạnh bà, và tôi chẳng đi một bước mà không cảm thấy mình rời xa hạnh phúc ấy. Vậy là tôi quay về với nó ngay khi mình có thể. Việc trở lại của tôi thật gấp gáp và trí óc tôi thật lơ đãng, thành thử, tuy hết sức thích thú nhớ lại mọi chuyến đi khác, song tôi không hề có một hồi ức nào về chuyến đi này; tôi chẳng nhớ gì về nó hết, ngoài việc đi khỏi Lyon và đến Annecy. Đặc biệt xin hãy hình dung cái thời kỳ cuối cùng này ắt phải

ra khỏi ký ức tôi! Khi đến nơi tôi không thấy bà De Warens nữa: bà đã đi Paris.

Tôi đã không bao giờ hiểu rõ ẩn ý của chuyến đi này. Tôi tin chắc rằng bà sẽ nói cho tôi biết, nếu tôi thúc giục: nhưng không người nào ít tò mò hơn tôi về bí mật của bạn bè mình: con tim tôi, duy nhất bạn với hiện tại, làm đầy ắp toàn bộ khả năng của nó, toàn bộ không gian của nó bằng hiện tại, và, ngoài những niềm vui đã qua, từ nay trở đi là những thụ hưởng duy nhất của tôi, ở đó chẳng còn một góc trống nào cho những gì không tồn tại nữa. Tất cả những gì tôi nghĩ là đã thoáng thấy trong những điều ít ỏi bà nói với tôi là, trong cuộc biến động do việc vua Sardaigne thoái vị gây nên tại Turin, bà sợ bị quên lãng, và muốn nhờ vào mưu kế của ông D'Aubonne, tìm kiếm cũng lợi thế này ở triều đình Pháp, mà bà nhiều lần bảo tôi là bà thích hơn, vì vô số công việc trọng đại khiến cho tại đó người ta không bị giám sát một cách thật khó chịu. Nếu chuyện như vậy, thì rất kỳ lạ là khi bà quay về người ta không lạnh nhạt với bà hơn, và bà vẫn được hưởng khoản trợ cấp không hề bị gián đoạn. Nhiều người đã cho rằng bà được giao một nhiệm vụ mật nào đó, hoặc do đức giám mục, khi ấy có những việc tại triều đình Pháp, nơi ông phải đích thân đến, hoặc do người nào đó quyền thế hơn nữa, đã thu xếp được cho bà chuyến trở về tốt đẹp. Nếu chuyện ấy có thật, thì điều chắc chắn là nữ sứ giả đã không bị chọn sai, và hãy còn trẻ đẹp, bà có mọi tài năng cần thiết để xoay sở giỏi tại một cuộc thương lượng.

Quyển Bốn

Tôi đến nơi, và tôi không thấy bà nữa. Hãy hình dung xem tôi kinh ngạc và đau đớn như thế nào! Chính khi ấy nỗi ân hận vì đã hèn nhát bỏ rơi ông Le Maître bắt đầu day dứt; nỗi ân hận ấy còn gay gắt hơn nữa khi tôi được biết tai họa xảy đến với ông. Hòm bảo nhạc, chứa đựng toàn bộ tài sản của ông, cái hòm quý báu, được cứu thoát với bao nhọc nhằn, đã bị tịch thu khi đến Lyon, do bá tước Dorian sắp xếp, giáo đoàn đã viết thư cho ông ta để báo trước về việc hòm được lén lút mang đi. Le Maître đã uống công đòi lại tài sản của mình, phương tiện kiếm ăn của mình, công trình cả đời mình. Quyền sở hữu cái hòm đó ít ra cũng là vấn đề tranh tụng; chẳng hề có tranh tụng. Chuyện được giải quyết ngay tức khắc theo luật của kẻ mạnh hơn, và Le Maître tội nghiệp mất đi như vậy kết quả của tài năng, công trình của tuổi xuân, và phương tiện sinh sống của tuổi già.

Chẳng thiếu một điều gì trong miếng đòn giáng vào tôi để nó thành nặng nề không chịu nổi. Nhưng tôi đang ở độ tuổi mà những đau buồn lớn ít sức chi phối, và tôi lập tức tạo ra những điều an ủi. Tôi chắc ít lâu nữa sẽ được tin tức của bà De Warens, mặc dù tôi không biết địa chỉ của bà và bà chẳng hay là tôi đã trở lại; còn về việc bỏ ông Le Maître mà đi, xét hết nhẽ, tôi thấy nó không quá ư tội lỗi. Tôi đã hữu ích với ông trong cuộc rút lui; đó là sự giúp đỡ duy nhất tùy thuộc vào tôi. Nếu tôi ở lại với ông tại Pháp, tôi chẳng làm được cho ông khỏi bệnh, tôi chẳng cứu được cái hòm của ông, tôi chỉ làm ông phải chi phí gấp đôi mà không thể giúp được ông việc gì hết. Lúc ấy tôi nhìn nhận sự việc như thế; giờ đây tôi nhìn nhận nó theo cách khác.

Một hành động xấu xa không giày vò chúng ta khi nó vừa được thực hiện, mà rất lâu sau này khi ta nhớ lại nó; vì hồi ức về nó không hề nguội tắt.

Quyết định duy nhất của tôi để có được tin tức của Má là chờ đợi, vì tìm bà ở đâu tại Paris, và lấy gì mà tiến hành chuyến đi? Chẳng có nơi nào chắc chắn hơn là Annecy để sớm hay muộn biết được bà đang ở đâu. Vậy tôi ở lại đó. Nhưng tôi xử sự khá dở. Tôi không đến thăm đức Giám mục đã che chở tôi và có thể còn che chở tôi nữa. Tôi không còn người bảo hộ mình bên cạnh ông, và tôi sợ bị quở trách về việc chúng tôi bỏ trốn. Tôi càng chẳng đến chủng viện: ông Gros không còn ở đấy nữa. Tôi chẳng gặp một ai trong những người quen biết; tuy tôi rất muốn đến thăm phu nhân ngài giám sát, nhưng không bao giờ tôi dám đến. Tôi còn làm dở hơn tất cả những điều trên: tôi gặp lại Venture, người mà thậm chí tôi không nghĩ đến từ khi ra đi, bất kể nhiệt tình của tôi đối với anh. Tôi gặp lại anh sáng chói và được đón tiếp nồng hậu ở khắp Annecy; các bà tranh nhau giành giật anh. Thành công ấy khiến tôi phát rồ hẳn. Tôi chẳng nhìn thấy gì nữa ngoài Venture, và anh làm tôi gần như quên bà De Warens. Để lợi dụng được những bài học của anh một cách thoải mái hơn, tôi đề nghị anh cho tôi ở cùng; anh đồng ý. Anh ở nhà một ông thợ giày, nhân vật kỳ cục và hay khôi hài, theo thổ ngữ địa phương chẳng gọi vợ bằng gì khác ngoài *mụ bần thiêu*, cái tên gọi khá xứng với bà. Ông có với bà vợ những vụ cãi cọ mà Venture chủ tâm kéo dài, trong khi ra vẻ muốn làm điều ngược lại. Anh nói với họ, bằng giọng lạnh lùng, với âm sắc miền Provence của anh, những lời gây tác động mạnh nhất; đó là những cảnh khiến người ta cười ngất đi được. Các buổi sáng trôi qua như vậy mà chúng tôi chẳng để ý: đến hai hoặc ba giờ chúng tôi ăn uống đôi chút; Venture đi tới những nơi anh giao thiệp, dùng bữa tối ở đấy, còn tôi đi dạo một mình, ngẫm nghĩ về giá trị lớn lao của anh, ngưỡng mộ, thèm muốn những tài năng hiếm có của anh, và nguyện rửa ngôi sao chiếu mệnh đen đui chẳng định cho mình cuộc sống may

mắn ấy.Ồ! Sao tôi kém hiểu biết đến thế! Cuộc sống của tôi lẽ ra thú vị hơn gấp trăm lần nếu tôi bớt ngu ngốc hơn và nếu tôi biết vui hưởng nó hơn.

Bà De Warens chỉ đem theo Anet; bà đã để lại Merceret, cô hầu phòng mà tôi từng nói đến. Tôi thấy cô vẫn ở căn hộ của bà chủ. Merceret lớn hơn tôi chút ít, không phải là xinh đẹp, nhưng khá ưa nhìn; một cô gái Fribourg nhân hậu hiền lành, mà tôi chỉ thấy một thiếu sót là đôi khi hơi bướng bỉnh với bà chủ. Tôi hay đến thăm cô. Đó là một người quen cũ, và khi nhìn thấy cô tôi nhớ đến một hình ảnh thân thương hơn, hình ảnh ấy khiến tôi mến cô. Cô có nhiều bạn, trong số đó có một cô Giraud, người Genève, cô này, tội nghiệp cho tôi, nghĩ ra chuyện thích tôi. Cô luôn thúc giục Merceret đưa tôi đến nhà cô; tôi để cho dẫn đến, vì tôi khá mến Merceret, và ở đấy có những thiếu nữ khác mà tôi sẵn lòng gặp. Với cô Giraud, người chọc ghẹo tôi đủ kiểu, tôi ghét cô đến không thể ghét hơn được. Khi cô ghé lại gần tôi cái bộ mặt khô khan đen đui, lem luốc thuốc lá Tây Ban Nha, tôi khó nhọc mới giữ nổi mình không nhổ lên đấy. Nhưng tôi kiên nhẫn; trừ chuyện đó ra, tôi rất thích ở giữa tất cả những cô gái ấy; và, hoặc để chiều nịnh cô Giraud, hoặc vì chính tôi, tất cả các cô đều thi nhau đón tiếp tôi nồng hậu. Ở tất cả những điều này tôi chỉ thấy tình bạn. Từ bấy tôi đã nghĩ là muốn thấy nhiều hơn có lẽ chỉ tùy thuộc vào tôi: nhưng tôi không tính đến chuyện đó, tôi không nghĩ đến chuyện đó.

Và chẳng các cô thợ khâu, các cô hầu phòng, các chị buôn bán nhỏ không mấy cảm dỗ tôi. Tôi cần các tiểu thư. Mỗi người có ý thích riêng của mình; ý thích riêng của tôi bao giờ cũng thế, và về điểm này tôi không suy nghĩ giống như Horace*. Tuy nhiên đó không hề là do hư vinh của địa vị và đẳng cấp hấp dẫn tôi; đó là một nước da được giữ gìn kỹ hơn, những bàn tay đẹp hơn, một thứ trang sức duyên dáng hơn, một vẻ tinh tế và sạch sẽ ở toàn bộ con người, nhiều khiếu thẩm mỹ hơn trong cách ăn mặc và phát biểu, một tấm áo mỏng mịn hơn và

may khéo hơn, một đôi giày xinh xắn hơn, những dải ruy băng, những hàng ren, mái tóc chải khéo hơn. Bao giờ tôi cũng ưa cô gái ít xinh đẹp hơn nhưng có nhiều những điều trên hơn. Bản thân tôi cũng thấy sự ưa thích ấy rất nực cười; nhưng lòng tôi ưa thích bất chấp ý muốn của tôi.

Này! Ưu thế ấy vẫn còn xuất hiện, và việc tận dụng nó lại vẫn chỉ tùy thuộc vào tôi. Sao tôi thích thỉnh thoảng sa vào những khoảnh khắc dễ chịu của tuổi xuân mình đến thế! Những khoảnh khắc ấy êm đềm biết chừng nào, hiếm hoi biết chừng nào, và tôi đã được hưởng chúng dễ dàng biết chừng nào! Ôi! Chỉ riêng hồi ức về chúng giờ đây hãy còn trả lại cho tim tôi một khoái cảm trong trẻo, mà tôi cần để cố vũ lòng can đảm và để chịu đựng những buồn phiền của những tháng năm còn lại.

Một sáng kia, buổi rạng đông có vẻ rất đẹp, thành thử tôi hấp tấp mặc quần áo rồi vội vã ra miền quê để xem mặt trời mọc. Tôi hưởng niềm vui ấy với toàn bộ sự thú vị của nó; đó là tuần sau lễ Thánh Jean*. Mặt đất, điểm trang lộng lẫy, phủ đầy cỏ và hoa; chim họa mi, mà thời gian chấm dứt tiếng ca gần đến, dường như thích cất vang giọng hát hơn; mọi loài chim, đồng thanh từ biệt mùa xuân, hát mừng ban mai một ngày đẹp trời mùa hạ, một trong những ngày không còn thấy ở tuổi của tôi hiện nay, và chưa từng thấy ở miền đất tiêu điều giờ đây tôi đang ở.

Tôi đã dần dần ra xa thành phố, trời nóng hơn, và tôi đi dạo dưới bóng cây trong một thung lũng nhỏ ven dòng suối. Tôi nghe thấy phía sau mình bước chân ngựa và tiếng nói của những cô gái, dường như đang lúng túng, nhưng chẳng vì thế mà không cười vui vẻ. Tôi ngoảnh lại, mọi người gọi tên tôi, tôi đến gần, tôi thấy hai thiếu nữ quen biết, cô De Graffenried và cô Galley, vì cưỡi ngựa không giỏi, nên không biết làm thế nào thúc được ngựa lội qua suối, cô De Graffenried là một

thiếu nữ vùng Berne rất dễ thương, rồi quê hương vì một sự điên rồ nào đó của lứa tuổi, đã làm theo bà De Warens, đôi khi tôi gặp cô ở nhà bà; nhưng, vì không được trợ cấp như bà, cô rất sung sướng được gắn bó với cô Galley, cô này mến cô nên đã xin mẹ để cô bầu bạn với mình cho đến khi có thể gây dựng cho cô theo cách nào đó. Cô Galley, kém bạn một tuổi, còn yêu kiều hơn; cô có cái gì đó chẳng biết tinh tế hơn, thanh tú hơn; đồng thời cô lại rất xinh xắn và đã rất phát triển, với một thiếu nữ đây là thời điểm đẹp nhất, cả hai yêu mến nhau thăm thiết, và tính nết tốt của mỗi cô chỉ có thể duy trì lâu dài sự hòa hợp này, nếu một người tình nào đó không đến phá rối nó. Các cô bảo tôi là các cô đi đến Thônes, lâu đài cổ thuộc về bà Galley; các cô xin tôi giúp đưa ngựa qua suối, vì tự các cô không làm nổi. Tôi định dùng roi quất ngựa; nhưng các cô sợ tôi bị đá hậu còn các cô bị xóc nảy người. Tôi liền tìm một cách khác. Tôi nắm dây cương con ngựa của cô Galley, rồi kéo nó theo sau mình, tôi lội qua suối, nước đến lưng chừng bắp chân, và con ngựa kia đi theo không khó khăn gì. Xong xuôi, tôi định chào hai cô và ra đi như một gã khờ: các cô nói với nhau vài câu thật khẽ, rồi cô De Graffenried bảo tôi: “Không đâu, không đâu, người ta chẳng thoát được chúng tôi như thế đâu. Anh đã bị ướm vì giúp chúng tôi; theo lương tâm thì chúng tôi phải lo làm cho anh khô ráo: anh phải vui lòng đi với chúng tôi; chúng tôi bắt giữ anh làm tù binh.” Tim tôi đập mạnh, tôi nhìn cô Galley. “Phải, phải đấy, cô vừa nói thêm vừa cười vì vẻ mặt hoảng hốt của tôi, tù binh chiến tranh; anh hãy lên ngựa ngồi sau cô ấy, chúng tôi muốn báo cáo về anh.” “Nhưng, thưa cô, tôi không có vinh dự được bà nhà ta biết tới; bà sẽ nói gì khi thấy tôi đến? - Mẹ cô ấy không ở Thônes, cô De Graffenried lại nói, chỉ có riêng chúng tôi thôi; chiều tối nay chúng tôi quay về, và anh sẽ về cùng chúng tôi.”

Tác động của điện khí cũng không nhanh bằng tác động của những lời này đối với tôi. Lao mình lên ngựa của cô De Graffenried, tôi run lên vì vui mừng, và khi phải ôm lấy cô để ngồi cho vững, tim

tôi đập mạnh đến mức cô nhận thấy; cô bảo tôi rằng tim cô cũng đập mạnh vì sợ bị ngã; trong tư thế của tôi, đó gần như là một lời mời hãy kiểm tra sự việc; tôi chẳng bao giờ dám, và suốt cuộc hành trình hai cánh tay tôi thay cho thắt lưng cô, quả thật rất chặt, nhưng không một lúc nào di chuyển. Người phụ nữ nào đọc điều này cũng sẵn lòng bạt tai tôi, và sẽ chẳng sai trái đâu.

Sự vui vẻ của chuyến đi và những lời tỏ thề ríu rít của các cô gái kích thích tôi ríu rít tỏ thề đến mức cho đến chiều tối, chừng nào còn ở cùng với nhau, chúng tôi không lúc nào ngớt nói. Các cô đã khiến tôi hết sức thoải mái, thành thử lưỡi tôi nói nhiều ngang với mắt, tuy không bày tỏ cùng những điều giống nhau, chỉ đôi lúc, khi tôi ngồi riêng với cô này hay cô kia, cuộc trò chuyện mới lúng túng đôi chút; nhưng người vắng mặt quay lại rất nhanh, và không để chúng tôi có thời gian làm sáng tỏ sự lúng túng đó.

Đến Thônes, và khi tôi đã thật khô ráo, chúng tôi ăn trưa. Sau đó phải tiến hành công việc quan trọng là sửa soạn bữa chiều. Hai cô vừa nấu nướng vừa thỉnh thoảng hôn những đứa con của người đàn bà làm rẽ ruộng, còn gã phụ bếp tội nghiệp nhìn và nén nỗi bức tức. Mọi người đã gửi thực phẩm từ thành phố, có đủ thứ để làm một bữa chiều rất ngon lành, nhất là về khoản bánh kẹo; nhưng đáng tiếc là họ đã quên rượu vang. Việc quên này chẳng lạ ở các cô gái vốn ít uống rượu; nhưng tôi buồn bức, vì tôi đã trông cậy đôi chút vào sự giúp đỡ ấy để bạo dạn lên. Các cô cũng buồn bức, có thể vì cùng lý do, nhưng tôi chẳng tin chút nào. Sự vui tươi linh lợi và khả ái của các cô hoàn toàn ngây thơ; và chẳng các cô sẽ làm gì đây với tôi giữa hai người? Các cô cho đi tìm rượu vang ở khắp vùng lân cận; chẳng tìm đâu ra, vì nông dân miền này thật thanh đạm và nghèo. Các cô bày tỏ với tôi nỗi buồn phiền, tôi bèn bảo các cô đừng phiền lòng quá như thế, và các cô chẳng cần đến rượu vang mới làm tôi say. Đó là điều tình tứ duy nhất tôi dám nói với họ trong suốt cả ngày; nhưng tôi cho là các cô nàng láu lỉnh thừa biết rằng điều tình tứ ấy là một sự thật.

Chúng tôi ăn trong nhà bếp của bác làm ruộng rẽ, đôi bạn gái ngồi trên những chiếc ghế hẹp đặt hai bên cái bàn dài, còn bác chủ nhà ngồi giữa hai cô trên một ghế đầu nhỏ ba chân. Bữa ăn tuyệt biết chừng nào! Kỷ niệm thú vị biết chừng nào! Khi có thể hưởng với rất ít công phu những niềm vui trong trẻo và đích thực đến thế, làm sao còn muốn truy cầu những niềm vui khác? Bữa tối tại những chốn ăn chơi kín đáo ở Paris không bao giờ sánh được với bữa ăn này, tôi không chỉ nói về sự vui vẻ, về niềm vui êm dịu, mà nói về nhục cảm.

Sau bữa chiều chúng tôi làm một việc dành dụm. Thay vì uống chỗ cà phê còn từ bữa trưa, chúng tôi giữ lại để thưởng thức cùng với kem và bánh ngọt mà các cô mang theo; và để duy trì sự thèm ăn, chúng tôi ra vườn cây ăn quả hoàn thành món tráng miệng bằng anh đào. Tôi trèo lên cây, tôi ném xuống cho các cô những chùm quả, các cô tung trả tôi hạt qua các cành cây. Một lần cô Galley, giơ tạp dề và ngã đầu về phía sau, phô mình rất rõ và tôi nhắm rất trúng, thành thử tôi làm rơi một chùm quả vào bầu ngực cô; và tất cả cười vang. Tôi tự nhủ thầm: “Sao môi mình chẳng là những quả anh đào chứ! Mình sẽ vui lòng biết mấy ném xuống cho họ!”

Cả ngày trôi qua như vậy, nô giỡn thoải mái hết sức, và bao giờ cũng hết sức đoan chính. Không hề có một từ ngữ mập mờ, không hề có một câu đùa liều lĩnh; và sự đoan chính ấy, chúng tôi không hề áp đặt nó cho mình, nó tự đến, chúng tôi theo giọng điệu mà con tim mách bảo. Rốt cuộc sự khiêm nhường của tôi, một số người sẽ bảo là sự ngu dại của tôi, lớn đến mức thái độ suồng sã nhất tôi lỡ có là hôn tay cô Galley chỉ một lần. Quả là tình huống đem lại giá trị cho ân huệ nhẹ nhàng này. Chỉ có hai chúng tôi, tôi thở khó khăn, cô cụp mắt nhìn xuống. Miệng tôi, thay vì tìm ra lời nói, lại gắn chặt vào bàn tay cô, mà cô vừa nhẹ nhàng rút lại sau khi tôi đã hôn, vừa nhìn tôi với một vẻ không hề tức giận. Tôi chẳng hiểu mình có thể nói gì với cô: bạn cô bước vào, và lúc đó tôi thấy bạn cô xấu xí.

Cuối cùng các cô nhớ ra là không nên đợi trời tối mới trở về thành phố. Chúng tôi chỉ còn vừa đủ thời gian để về tới nơi khi còn ban ngày, và chúng tôi vội vã lên đường, sắp xếp người ngựa như khi đến. Nếu tôi có gan, tôi sẽ chuyển đổi trật tự này; vì ánh mắt của cô Galley đã khiến lòng tôi xúc động mãnh liệt; nhưng tôi chẳng dám nói gì, còn cô chẳng phải người đề xuất điều đó. Trong khi đi đường chúng tôi bảo rằng ngày tàn đi thật là sai lầm, nhưng, chẳng hề than phiền là nó ngăn ngủi, chúng tôi thấy mình đã nắm được bí quyết biến nó thành dài, bằng tất cả những trò vui mà chúng tôi biết làm cho nó đầy ắp.

Tôi từ biệt các cô gần đúng ở chỗ họ đã đón tôi đi. Chúng tôi chia tay nhau xiết bao nuối tiếc! Chúng tôi dự định gặp lại nhau với bao thích thú! Mười hai giờ bên nhau đối với chúng tôi sánh ngang hàng thế kỷ thân tình. Kỷ niệm êm đềm về cái ngày ấy chẳng tổn hại gì cho các cô gái dễ thương kia; sự hòa hợp trù mẫn giữa ba chúng tôi sánh ngang những lạc thú mãnh liệt hơn, và có lẽ không thể tồn tại cùng những lạc thú như vậy: chúng tôi yêu mến nhau không bí mật không hổ thẹn, và chúng tôi muốn mãi yêu mến nhau như thế. Sự ngây thơ trong phẩm hạnh có khoái cảm của nó, đáng giá ngang khoái cảm kia, vì nó không hề có quãng cách và nó tác động liên tục. Với tôi, thì tôi biết rằng hồi ức về một ngày đẹp đẽ như thế làm tôi cảm động hơn, mê hoặc tôi hơn, trở lại với lòng tôi nhiều hơn là hồi ức về bất kỳ lạc thú nào từng nếm trải trong đời. Tôi không biết rõ lắm mình muốn gì ở hai con người khả ái ấy, nhưng cả hai cô đều khiến tôi quan tâm rất nhiều. Tôi không nói rằng, nếu làm chủ được sự sắp xếp, lòng tôi sẽ phân vân; tôi cảm thấy trong lòng có đôi chút thiên ái. Có lẽ tôi sẽ hạnh phúc nếu được cô De Graffenried làm tình nương; nhưng cho chọn, thì tôi nghĩ mình thích cô là bạn để giải bày tâm sự hơn. Dù thế nào chẳng nữa, khi chia tay họ, tôi thấy hình như mình không thể sống được nữa nếu không có cả cô nọ lẫn cô kia. Ai ngờ được rằng suốt đời tôi không

gặp lại họ nữa, và những mối tình phù du của chúng tôi chấm dứt ở đó?

Ai đọc những điều này cũng không khỏi bật cười về những cuộc phiêu lưu tình ái của tôi, và nhận xét rằng sau rất nhiều khúc dạo đầu, những chuyện tình tiến triển cao nhất kết thúc bằng hôn tay. Hỡi bạn đọc! Xin đừng lầm lẫn. Có lẽ tôi được nhiều lạc thú trong những mối tình của tôi khi kết thúc bằng bàn tay được hôn ấy, hơn là các bạn sẽ có được lạc thú trong những mối tình của các bạn khi bắt đầu ít ra cũng bằng điều đó.

Venture, đêm hôm trước đi ngủ rất khuya, về nhà sau tôi một lát. Lần này, tôi không gặp anh với niềm thích thú như thường ngày, và tránh không kể với anh tôi đã qua ngày hôm đó ra sao. Các cô gái đã nói với tôi về anh một cách ít quý trọng, và có vẻ bất bình khi biết tôi ở trong những bàn tay xấu xa đến thế: điều này làm hại anh trong tâm trí tôi; vả chăng, tất cả những gì làm tôi lãng khỏi các cô chỉ có thể khiến tôi khó chịu. Tuy thế chẳng mấy chốc anh nhắc tôi nhớ lại anh và tôi, khi nói về tình hình của tôi. Tình hình ấy quá gay go nên không thể kéo dài. Mặc dù tôi chi tiêu rất ít, song món tiền để dành nhỏ nhoi của tôi vừa cạn; tôi không có phương tiện sinh sống, chẳng có tin tức gì của Má; tôi không biết mình sẽ ra sao, và tôi cảm thấy lòng xót xa se thắt khi thấy là bạn của cô Galley mà buộc phải xin bố thí.

Venture bảo tôi rằng anh đã nói về tôi với ngài chánh tòa, rằng ngày mai anh muốn dẫn tôi đến nhà ông ăn tối; rằng đó là một người ở địa vị có thể giúp được tôi nhờ bè bạn của ông; vả chăng, đó là một mối quen biết tốt, một người trí tuệ và một văn nhân, giao thiệp rất thú vị, có nhiều tài năng và yêu mến các tài năng: thế rồi, như thường khi, hòa trộn chuyện tầm phào nhất vào những điều nghiêm túc nhất, anh cho tôi xem một khúc thơ hay, đến từ Paris, làm theo điệu nhạc trong một nhạc kịch của Mouret khi đó đang được diễn, ông Simon (đó là tên của vị chánh tòa) thích khúc thơ này quá thành thử ông muốn làm một khúc khác để họa lại theo cùng điệu nhạc: ông đã bảo Venture

cũng làm một khúc; và anh này điên khùng bảo tôi làm một khúc thứ ba, anh bảo để cho mọi người thấy các khúc thơ đến vào ngày mai như những chiếc cánh trong *Truyện cười*.*

Ban đêm, không ngủ được, tôi cố làm khúc thơ được sao hay vậy. Với những câu thơ lần đầu tiên sáng tác, chúng tạm được, thậm chí hay hơn, hoặc ít ra có nhã hứng hơn là nếu chúng được làm ra hôm trước, vì đề tài bàn về một cảnh huống rất tình tứ, mà lòng tôi đã hoàn toàn sẵn sàng. Sáng ra tôi đưa cho Venture xem khúc thơ, anh ta thấy nó hay, liền cất vào túi mà chẳng bảo tôi là anh đã làm khúc của mình hay chưa. Chúng tôi đến nhà ông Simon, ông tiếp đãi chúng tôi tử tế. Cuộc chuyện trò thú vị: nó không thể không thú vị giữa hai con người tài trí, được việc đọc sách báo đem lại nhiều lợi ích. Còn tôi thì đóng vai trò của mình, tôi lắng nghe và im lặng, cả hai người chẳng ai nói tới khúc thơ; tôi cũng không nói tới, và theo tôi biết, chẳng bao giờ khúc thơ của tôi được bàn đến.

Ông Simon có vẻ hài lòng về thái độ của tôi: hầu như đó là tất cả những gì ông thấy về tôi ở cuộc gặp gỡ này. Ông đã gặp tôi nhiều lần tại nhà bà De Warens, song không chú ý nhiều đến tôi. Như vậy tôi có thể đánh dấu việc quen biết ông kể từ bữa tối hôm ấy, việc quen biết chẳng giúp gì cho tôi về mục đích đã khiến tôi làm quen, nhưng sau này tôi rút ra được những lợi ích khác làm cho tôi vui thích khi nhớ đến ông.

Tôi sẽ sai lầm nếu không nói đến dung mạo của ông, mà, với tư cách pháp quan, và với khiếu văn chương ông vẫn tự phụ, mọi người sẽ không tưởng tượng được nếu tôi chẳng nói gì. Ông chánh tòa Simon chắc chắn không cao được hai *pied*. Hai ống chân ông, thẳng, nhỏ thậm chí khá dài, lẽ ra làm ông cao lên nếu như chúng đặt dọc; nhưng chúng lại xếp chéo như hai cạnh của một chiếc compas mở thật rộng. Thân hình ông không chỉ ngắn, mà mảnh khảnh, và về mọi phương diện đều nhỏ bé một cách kỳ quái. Chắc khi ở trần ông phải

giống một con châu chấu. Đầu ông, to như bình thường, với một gương mặt cân đối, khí sắc cao nhã, đôi mắt khá đẹp, có vẻ như một chiếc đầu mô phỏng, được cắm lên một móm cụt. Lẽ ra ông có thể tự miễn việc chi phí cho trang sức, vì chỉ riêng bộ tóc giả lớn cũng che phủ được ông hoàn hảo từ đầu đến chân.

Ông có hai giọng nói hoàn toàn khác biệt, không ngừng xen lẫn nhau khi ông trò chuyện với một sự tương phản thoát tiên rất ngộ, nhưng lập tức rất khó chịu, một giọng trầm và vang; tôi mạo muội bảo đó là giọng nói của đầu ông. Giọng kia, the thé và chói tai, là giọng của thân hình ông. Khi ông tự lắng nghe nhiều, khi ông nói rất từ tốn, khi ông cẩn thận giữ hơi, thì ông có thể luôn nói được bằng giọng to; nhưng ông chỉ hơi phấn khích một chút và một âm sắc chói hơn vừa xuất hiện, là âm sắc ấy thành ra như tiếng rít của một chiếc chìa khóa, và ông phải cực kỳ vất vả để lấy lại giọng trầm.

Với dung mạo như tôi vừa miêu tả, mà không hề thêm bớt, ông Simon tình tứ phong nhã, giỏi tán tỉnh, và chú ý tự sửa sang đến mức làm dáng. Vì tìm cách để có lợi thế, nên ông sẵn lòng ở trên giường để mọi người tiếp kiến vào buổi sáng; vì khi người ta nhìn thấy trên gối một mái đầu đẹp dễ, không ai lại đi tưởng tượng rằng tất cả chỉ có vậy. Việc này đôi khi làm xảy ra những cảnh mà tôi chắc chắn rằng toàn thể Annecy còn nhớ. Một buổi sáng ông đang đợi những kẻ kiên tụng ở trong giường, hay đúng hơn là ở trên giường, đội mũ trùm ban đêm đẹp dễ rất mỏng mịn và rất trắng, tô điểm thêm hai nút thắt lớn của dải ruy băng màu hồng, thì một bác nông dân đến, gõ cửa. Chị đây tớ đang ra phố. Ngài chánh tòa, nghe gõ cửa lần nữa, kêu lên: “*Cứ vào*”, và điều này, do nói hơi quá to, nên bật ra bằng giọng the thé. Người kia bước vào, tìm xem giọng nữ ấy phát ra từ đâu, và nhìn thấy trong giường một chiếc mũ vải, một dải ruy băng kết thành hoa, định đi trở ra và hết lời tạ lỗi cùng Quý bà. Ông Simon nổi giận, và chỉ quát lên bằng giọng cao trong hơn. Bác nông dân, tin chắc mình nghĩ đúng, và tưởng mình bị lãng nhục, liền chửi mắng, bảo xem ra ả chỉ là một gái

giang hồ, và ngài chánh tòa ít nêu gương tốt tại nhà mình. Ngài chánh tòa giận điên lên, và vũ khí chỉ có cái bô đi tiểu đêm, sắp ném nó vào đầu con người tội nghiệp, thì bà quản gia của ngài đến.

Người lùn nhỏ bé này, thân hình thật xấu xí do tạo hóa, đã được đền bù về phương diện trí tuệ: ông có tư chất bẩm sinh thú vị, và ông chú ý trau dồi nó. Mặc dù mọi người đồn ông là nhà luật học khá giỏi, ông không thích nghề nghiệp của mình, ông đã lao vào văn chương, và đã thành công tại đó. Đặc biệt ông đã lấy được ở văn chương cái bề ngoài rực rỡ, cái tinh hoa đem thú vị đến cho sự giao tiếp, ngay cả với phụ nữ, ông thuộc lòng mọi nét đặc sắc trong các tập danh ngôn và các tập tương tự: ông có nghệ thuật làm tăng giá trị những điều ấy, bằng cách kể một cách hứng thú, một cách bí ẩn, và như một giai thoại của ngày hôm trước, điều đã xảy ra cách đây sáu chục năm. Ông biết nhạc, và hát khá hay bằng giọng đàn ông của mình: rốt cuộc ông có nhiều tài năng duyên dáng đối với một pháp quan. Do cứ ngọt ngào tán tỉnh mãi các quý bà Annecy, ông đã thành hợp thời thượng trong giới các bà; các bà có ông đi theo như một chú khỉ con. Thậm chí ông tự phụ có sở đào hoa, và điều này khiến các bà cười vui rất nhiều. Một bà D'Épagny bảo rằng với ông thì ân huệ cuối cùng là hôn vào đầu gối một phụ nữ.

Vì ông biết những cuốn sách hay, và sẵn lòng nói về chúng, nên sự trò chuyện của ông không chỉ thú vị, mà giúp mở mang trí óc. Sau này, khi đã có hứng thú học tập, tôi năng giao tiếp với ông, và tôi thấy rất dễ chịu. Đôi khi tôi từ Chambéry, nơi tôi ở khi đó, đến thăm ông. Ông khen ngợi, khuyến khích sự ganh đua của tôi, và về các sách tôi đọc, ông có những lời khuyên đúng đắn, mà tôi thường tận dụng. Rủi thay là trong cái thân hình hết sức mảnh khảnh ấy cư ngụ một tâm hồn rất mãnh cảm. Vài năm sau chẳng rõ có chuyện gì không hay khiến ông đau buồn, và qua đời vì thế. Thật đáng tiếc; chắc chắn đó là một con người tốt bé nhỏ, mà mới đầu ta cười, và cuối cùng ta yêu mến. Mặc dù cuộc đời ông ít liên quan đến đời tôi, nhưng vì đã nhận được của

ông những bài học bổ ích, tôi nghĩ có thể dành cho ông một hồi tưởng nho nhỏ, vì lòng biết ơn.

Vừa có thời gian rảnh, là tôi chạy đến phố của cô Galley, tưởng sẽ thấy ai đó đi vào hay đi ra, hoặc ít ra cũng mở cánh cửa sổ nào đấy. Chẳng có gì hết; một con mèo cũng không xuất hiện, và suốt thời gian tôi đứng đấy, ngôi nhà vẫn đóng im ỉm, cứ như không hề có ai ở. Con phố nhỏ và vắng vẻ, tại đây một người dễ bị để ý: thỉnh thoảng ai đó đi qua, vào hay ra các nhà bên cạnh. Tôi rất lúng túng vì dung mạo mình: tôi thấy hình như người ta đoán được tại sao mình ở đó, và ý nghĩ ấy hành hạ tôi, vì tôi luôn ưu ái danh dự và sự bình an của những người phụ nữ mình yêu hơn những vui thích của mình.

Cuối cùng, một mối vì đóng vai tình lang Tây Ban Nha, và do chẳng có đàn guitar, tôi quyết định viết thư cho cô De Graffenried. Giá như được viết cho bạn cô thì tôi thích hơn; nhưng tôi không dám, và bắt đầu bằng người mà nhờ người ấy mình quen người kia, và mình cũng thân mật hơn, là điều thích hợp. Thư viết xong, tôi đem đến cho cô Giraud, như đã thỏa thuận với các cô khi chia tay. Chính các cô cho tôi kế sách đó. Cô Giraud là thợ chần chần nệm, và do đôi khi làm việc ở nhà bà Galley, cô được ra vào nhà này. Tuy tôi thấy nữ sứ giả được chọn không thật đúng; nhưng tôi sợ nếu mình làm khó dễ về cô ta, mọi người sẽ chẳng đề xuất ai khác. Hơn nữa, tôi không dám nói là cô ta muốn hoạt động cho chính cô ta. Tôi cảm thấy bị nhục nếu cô ta dám tự coi là đối với tôi, cô cùng một giới tính với các cô kia. Rốt cuộc tôi thích nơi gửi gắm ấy hơn là chẳng có nơi nào, và tôi đánh liều dựa vào đó.

Cô Giraud đoán hiểu tôi ngay từ tiếng đầu tiên tôi thốt lên: điều này chẳng khó. Khi một bức thư cần đem đến cho những thiếu nữ tự nó không nói ra, thì chỉ riêng vẻ lúng túng và ngu ngốc của tôi cũng đủ phát giác tôi. Tự có thể cho rằng việc ủy thác này chẳng khiến cô thích thú lắm: tuy thế cô vẫn đảm trách nó, và thi hành một cách trung thực, sáng hôm sau tôi chạy đến nhà cô, và tôi thấy thư trả lời ở đó.

Tôi vội vã biết mấy ra khỏi nơi ấy để đọc và để tha hồ hôn bức thư! Chuyện này chẳng cần nói; nhưng điều cần nói hơn, đó là quyết định của cô Giraud, và tôi thấy quyết định ấy có nhiều sự tế nhị và ôn hòa hơn những gì tôi chờ đợi ở cô. Đủ lương tri để thấy rằng với ba mươi bảy tuổi của mình, với cặp mắt thỏ, bộ mặt lem luốc, giọng nói the thé và làn da đen đui, mình chẳng có cơ hội thắng hai thiếu nữ trẻ trung đầy duyên dáng và nhan sắc đang độ rực rỡ, cô không muốn phản họ cũng không muốn phục vụ họ, và thích mất tôi hơn là dành tôi cho họ.

Gần đây Merceret, do không được tin tức gì của chủ, đã nghĩ đến việc trở về Fribourg; cô Giraud làm cho cô này quyết định hẳn. Cô còn làm hơn thế, cô để cô này hiểu rằng nếu có ai đó đưa mình về nhà cha mình thì tốt, và đề cử tôi. Merceret bé nhỏ, cũng chẳng phải không thích tôi, thấy ý tưởng này rất hay. Các cô nói với tôi ngay hôm ấy như một chuyện đã thu xếp xong; và bởi tôi chẳng thấy có gì làm mình khó chịu trong cái cách sử dụng mình như vậy, tôi đồng ý, coi chuyến đi ấy như một công việc mất tám ngày là cùng, cô Giraud, người chẳng nghĩ như thế, thu xếp mọi sự. Đành phải thú thật tình hình tài chính của tôi. Mọi người cung cấp: Merceret đảm trách phí tổn cho tôi; và, để gỡ lại về phía này những gì cô chi ra ở phía kia, theo yêu cầu của tôi mọi người quyết định sẽ gửi trước số hành lý nhỏ của cô, còn chúng tôi sẽ thùng thưng đi bộ. Việc được tiến hành như vậy.

Giờ đây tôi buồn phiền vì đã khiến cho bao cô gái phải lòng mình. Nhưng bởi chẳng có gì đáng kiêu căng nhiều về cái lợi tôi được từ tất cả những chuyện tình ấy, nên tôi nghĩ mình có thể kể sự thật không ngần ngại áy náy. Merceret, trẻ hơn và ít thạo đời hơn cô Giraud, chưa bao giờ kêu gọi tôi sốt sắng đến thế; nhưng cô bắt chước giọng điệu của tôi, âm sắc của tôi, nhắc lại lời lẽ của tôi, có với tôi những sự ân cần mà lẽ ra tôi phải có với cô, và bởi cô rất nhát gan, nên luôn chú ý để chúng tôi ngủ cùng một phòng: dấu hiệu đặc trưng hiếm khi chỉ giới hạn ở đây trong một chuyến đi giữa một chàng trai hai mươi tuổi và một cô gái hai mươi lăm.

Tuy nhiên lần này nó giới hạn ở đấy. Tôi ngây ngô đến nỗi, mặc dù Merceret không khó thương, song suốt chuyến đi tôi chẳng hề nghĩ đến cảm dỗ yêu đương gì hết, mà thậm chí chẳng hề có một ý tưởng nào liên quan đến điều đó; và dù ý tưởng ấy có đến với tôi, thì tôi cũng quá ngu dại nên chẳng biết lợi dụng nó. Tôi không tưởng tượng ra làm thế nào mà một cô gái và một chàng trai đi được đến chỗ ngủ cùng nhau; tôi cho là phải hàng thế kỷ mới chuẩn bị được sự sắp xếp ghê gớm này. Nếu Merceret tội nghiệp, khi trả phí tổn cho tôi, trông đợi điều tương đương nào đấy, thì cô bị lầm, và chúng tôi tới Fribourg, y hệt như khi chúng tôi ra đi từ Annecy.

Qua Genève tôi không đến thăm ai hết, nhưng tôi gần xỉu đi khi ở trên cầu. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy những bức tường của thành phố may mắn này, chưa bao giờ tôi đi vào đó mà không cảm thấy tim mình có phần suy nhược do động lòng thái quá. Hình ảnh cao quý của tự do nâng cao tâm hồn tôi, đồng thời những hình ảnh của sự bình đẳng, của tình đoàn kết, của phong tục hiền hòa làm tôi cảm động đến rơi lệ, và khiến tôi tiếc nuối mãnh liệt vì đã mất đi tất cả những điều tốt đẹp ấy. Tôi đã lầm lẫn xiết bao, nhưng sự lầm lẫn ấy tự nhiên xiết bao! Tôi tưởng như nhìn thấy tất cả những điều đó ở tổ quốc mình, vì tôi mang điều đó trong tim mình.

Phải đi qua Nyon. Đi qua mà không đến thăm người cha nhân hậu của mình! Nếu tôi mà có cái can đảm ấy, tôi sẽ chết vì ân hận. Tôi để Merceret ở lại quán trọ, còn tôi liệu đến thăm ông.Ồ! Tôi sai biết mấy khi sợ ông! Gặp tôi, tâm hồn ông mở ra cho những tình cảm cha con đầy ắp trong đó. Chúng tôi đã khóc biết bao nhiêu khi ôm hôn nhau! Mới đầu ông tưởng tôi trở về với ông. Tôi kể cho ông nghe câu chuyện của mình, và nói với ông quyết định của mình, ông phản đối quyết định ấy một cách yếu ớt. Ông cho tôi thấy những nguy hiểm mà tôi liệu chịu, bảo tôi rằng những sự điên rồ ngăn ngại nhất là những sự điên rồ hay nhất, và chẳng, ông thậm chí chẳng có ý định ép buộc tôi ở lại; và về điều này tôi thấy ông có lý; nhưng chắc chắn ông không làm

tất cả những gì lẽ ra ông có thể làm để đem tôi trở về, hoặc sau cái bước tôi đã đi, bản thân ông cũng xét thấy tôi không nên quay lại, hoặc có lẽ ông bối rối không biết ông có thể làm gì với tôi ở tuổi của tôi. Sau này tôi biết rằng ông có một ý kiến rất bất công và rất xa sự thực, nhưng cũng khá tự nhiên, về cô bạn đường của tôi. Mẹ kể tôi, là người đàn bà tốt, hơi thối lợ, làm ra vẻ muốn giữ tôi lại ăn tối. Tôi không ở lại, nhưng bảo rằng tôi mong khi về sẽ dừng thăm họ lâu hơn, và tôi ký thác cho họ bọc hành lý nhỏ đã gửi đến theo thuyền, và làm tôi vướng víu. Ngày hôm sau tôi ra đi từ sớm, rất hài lòng vì đã đến thăm cha và đã dám làm bốn phận của mình.

Chúng tôi đến Fribourg bình an vô sự. Vào cuối chuyến đi, những sự ân cần sốt sắng của cô Merceret giảm đi đôi chút. Sau khi tới nơi, cô chỉ biểu lộ với tôi thái độ lạnh nhạt, còn cha cô, chẳng phong lưu sung túc, cũng không đón tiếp tôi nồng hậu lắm: tôi đến ở quán trọ. Ngày hôm sau tôi lại thăm họ, họ mời tôi ăn tối, tôi nhận lời. Chúng tôi chia tay nhau không sầu bi: tối đến tôi trở về quán cơm còm của mình, và hôm sau nữa tôi lên đường, chẳng rõ lắm mình có ý định đi đâu.

Đây lại là một cơ hội nữa trong đời tôi mà Thượng Đế tặng đúng cho tôi điều tôi cần để sống những ngày hạnh phúc. Merceret là một cô gái rất tốt, không hề xuất sắc, không hề kiêu diễm, nhưng cũng không hề xấu xí; ít sôi nổi, rất biết điều, trừ một vài trạng thái cáu kỉnh nho nhỏ, diễn ra bằng cách khóc lóc, và không bao giờ gây sóng gió. Cô thực sự thích tôi; lẽ ra tôi có thể dễ dàng kết hôn với cô, và theo nghề của cha cô. Sở thích của tôi về âm nhạc sẽ khiến tôi ưa nghề ấy. Tôi sẽ lập nghiệp tại Fribourg, thành phố nhỏ ít xinh đẹp, nhưng nhiều người dân trung hậu. Có lẽ tôi sẽ mất đi những thú vui lớn, nhưng sẽ sống an bình cho đến giờ lâm chung; và giờ đây tôi phải hiểu rõ hơn ai hết là về việc này không được trù trừ do dự.

Tôi trở lại, không phải Nyon, mà Lausanne. Tôi muốn được nhìn thỏa thuê hồ nước đẹp mà ta thấy trải ra bát ngát nhất tại nơi này. Phần

lớn những động cơ thầm kín mang tính quyết định ở tôi đều không vững chắc hơn. Những dự tính xa xôi hiếm khi có đủ sức mạnh để khiến tôi hành động. Tính bất định của tương lai khiến tôi bao giờ cũng coi những kế hoạch phải tiến hành dài lâu như những xảo kế lừa phỉnh. Tôi cũng hy vọng như ai khác, miễn là tôi không tốn phí chút gì để nuôi dưỡng hy vọng; nhưng nếu phải khó nhọc lâu, thì tôi không mất công nữa. Lạc thú nhỏ nhất bày ra vừa tầm tay cảm dỗ tôi hơn là những niềm vui của Thiên đường. Tuy nhiên tôi trừ ra lạc thú mà sau đó phải buồn khổ; lạc thú ấy không cảm dỗ tôi, vì tôi chỉ thích những vui hưởng trong trẻo, và không bao giờ ta có được những vui hưởng như vậy khi ta biết mình đang chuốc lấy một mối ân hận.

Tôi rất cần đến bất kỳ nơi nào đó, và nơi gần nhất là nơi tốt nhất; vì, do lạc đường, đến tối tôi thấy mình ở Moudon, tại đây tôi đã tiêu hết số tiền ít ỏi còn lại, ngoài mười đồng *kreutzers* ngày hôm sau ra đi nốt cho bữa ăn chiều, và, buổi tối, đến một ngôi làng nhỏ gần Lausanne, tôi vào một quán trọ không có đồng xu nào để trả tiền ăn ngủ, và chẳng biết mình sẽ ra sao. Tôi rất đói; tôi giữ thái độ vững vàng, và tôi yêu cầu ăn tối, như thể mình có tiền trả đâu ra đấy. Tôi đi ngủ chẳng nghĩ ngợi gì hết, tôi ngủ yên lành; và, sáng ra sau khi đã ăn và tính toán với chủ quán, tôi muốn để lại áo ngoài làm vật bảo đảm cho khoản chi phí bảy đồng *batz* của mình. Người đàn ông trung hậu từ chối; ông bảo tôi rằng, nhờ ơn Trời, ông chưa bao giờ lột áo ai hết; rằng ông không muốn bắt đầu bằng bảy đồng *batz* rằng tôi cứ giữ lấy áo, và sẽ trả tiền ông khi nào có thể. Tôi cảm động vì lòng tốt của ông, nhưng ít hơn niềm cảm động mà tôi cần phải có, và từ bấy tôi vẫn có khi nghĩ lại chuyện này. Tôi gửi trả ông không mấy chậm trễ số tiền cùng những lời cảm ơn qua một người tin cẩn: nhưng mười lăm năm sau, lại đi qua Lausanne, khi từ Ý trở về, tôi thực sự ân hận đã quên mất tên quán trọ và tên ông chủ. Lẽ ra tôi có thể đến thăm ông; tôi sẽ thực sự vui thích nhắc ông nhớ lại việc thiện của ông, và chứng tỏ với ông là việc thiện ấy đã không đặt nhầm chỗ. Những sự giúp đỡ có lẽ

quan trọng hơn, nhưng được thực hiện một cách phô trương hơn, tôi thấy dường như không thật xứng được tri ân như lòng nhân đạo chất phác và chẳng tiếng tăm của con người lương thiện ấy.

Khi đến gần Lausanne, tôi mơ màng ngẫm nghĩ về tình cảnh thiếu thốn mình đang lâm vào, về phương kế thoát ra mà không đến phô bày sự nghèo khổ với mẹ kế, và tôi tự so sánh, trong chuyến đi bộ hành hương này, với anh bạn Venture khi tới Annecy. Tôi bốc lên với ý tưởng đó đến mức, chẳng nghĩ rằng mình không có sự duyên dáng dễ thương cũng không có những tài năng của anh, tôi định làm tiểu Venture ở Lausanne, định dạy nhạc, mà tôi không biết, và định nhận mình là người của Paris, mà tôi chưa đến bao giờ. Vì dự kiến hay ho này, song tại đó chẳng hề có đội ca mà tôi có thể phụ giúp, và chẳng tôi tránh không chen vào đám người làm nghệ thuật, tôi khởi đầu bằng việc hỏi thăm một quán trọ nhỏ có thể ở khá dễ chịu và rẻ tiền. Mọi người mách tôi một người tên là Perrotet, nhận khách trọ. Ông Perrotet này là người tốt nhất trên đời và tiếp tôi rất tử tế. Tôi kể với ông những điều dối trá nho nhỏ như tôi đã sắp đặt. Ông hứa sẽ nói về tôi, và cố kiếm học trò cho tôi; ông bảo sẽ chỉ đòi tiền khi nào tôi kiếm ra tiền. Tiền ăn ở là năm đồng *écu* bạc*, thế là ít đối với sự việc, nhưng đối với tôi lại là nhiều, ông khuyên tôi mới đầu nên theo mức ăn nửa ngày, gồm một món súp ngon cho bữa trưa, và không thêm gì nữa, nhưng bữa tối chu đáo. Tôi đồng ý. Ông Perrotet tội nghiệp thương lượng trước với tôi tất cả những chuyện này với tấm lòng chân thành nhất trên đời, và chẳng nề hà điều gì để giúp đỡ tôi. Tại sao đã gặp được bao nhiêu người tốt trong thời trai trẻ, mà đến khi tuổi cao tôi lại ít gặp người tốt đến thế? Nòi giống họ đã cạn kiệt rồi ư? Không; nhưng đẳng cấp trong đó tôi cần tìm họ ngày nay không còn là đẳng cấp trong đó tôi đã gặp họ thuở ấy. Ở dân chúng, nơi những đam mê lớn chỉ thỉnh thoảng mới lên tiếng, những tình cảm tự nhiên khiến người ta nghe thấy chúng thường xuyên hơn. Ở những địa vị cao hơn,

chúng bị bóp nghẹt hoàn toàn, và, dưới lớp mặt nạ tình cảm, bao giờ cũng chỉ là quyền lợi hoặc hư vinh lên tiếng.

Từ Lausanne tôi viết thư cho cha tôi, ông gửi cho tôi bọc hành lý, và chỉ ra những điều rất hay, mà lẽ ra tôi phải tận dụng tốt hơn. Tôi đã lưu ý những khoảnh khắc mê sảng không sao hiểu nổi khi tôi không còn là mình nữa. Đây lại là một trong những khoảnh khắc mê sảng rõ ràng nhất. Để hiểu được khi đó tôi điên rồ đến mức nào, có thể nói là đã Venture-hóa đến mức nào, chỉ cần xem tôi tích tụ cùng một lúc biết bao nhiêu điều ngông cuồng. Giờ đây tôi là thầy dạy hát mà chẳng biết đọc một bản nhạc; vì cho dù sáu tháng sống với ông Le Maître có ích lợi đối với tôi, thì vẫn không bao giờ đủ được; nhưng ngoài chuyện đó ra tôi lại học một bậc thầy; thế cũng đủ để học dở. Là dân Paris của Genève, và là người Thiên Chúa giáo ở xứ sở Tân giáo, tôi cho là phải đổi họ, cũng như tôn giáo và đất nước của mình. Tôi vẫn tiến gần kiểu mẫu lớn của mình đến hết mức có thể. Anh đã tự xưng là Venture de Villeneuve, tôi thì tôi đảo các chữ cái của họ Rousseau thành Vaussore, và tôi tự xưng là Vaussore de Villeneuve. Venture biết soạn nhạc, tuy anh không nói gì về điều đó; tôi thì không biết soạn nhạc, song tôi khoe khắp thiên hạ, và chẳng ghi nổi một bài hát thông tục, tôi tự nhận là nhà soạn nhạc. Thế chưa hết: được giới thiệu với ông De Treytorens, giáo sư Luật ưa thích âm nhạc và thường tổ chức hòa nhạc tại nhà, tôi muốn cung cấp cho ông một mẫu hàng về tài năng của mình, và tôi bắt tay vào soạn một nhạc khúc cho buổi hòa nhạc của ông, liều lĩnh trơ tráo như thể mình biết làm ra sao. Tôi kiên trì dụng công mười lăm ngày cho tác phẩm hay ho ấy, viết ra rõ ràng, ghi thành những phần riêng cho các nhạc công, và phân phối các phần một cách tự tin cứ như thể đó là một kiệt tác về hòa âm. Cuối cùng, điều khó tin nhưng rất thực, để hoàn tất một cách xứng đáng tác phẩm tuyệt diệu ấy, tôi đưa vào đoạn kết thúc một điệu menuet xinh xinh, phổ biến

khắp phố phường, và có lẽ ai ai cũng còn nhớ, với những lời ca xưa kia rất quen thuộc:

Trở trâu thay!

Bất công thay!

Sao! Ciarice của anh

Phản bội tình anh! v.v.

Venture đã dạy tôi điệu nhạc ấy ở bè trầm với những lời nhớt nhúa khác, tôi đã nhớ điệu nhạc nhờ những lời này. Vậy là tôi đưa vào phần kết bản nhạc của tôi điệu menuet ấy và bè trầm của nó, bỏ lời đi, và coi như do mình sáng tác, kiên quyết như thể mình nói với cư dân trên Mặt Trăng.

Mọi người tập hợp để diễn tấu nhạc khúc của tôi. Tôi giảng giải cho mỗi người tính chất của nhịp điệu, cách diễn tấu, sự chuyển dẫn các phần các giọng; tôi rất bận rộn. Mọi người lên dây, hiệp âm trong dăm sáu phút, đối với tôi như dăm sáu thế kỷ. Cuối cùng tất cả đã sẵn sàng, tôi gõ một cuộn giấy đẹp lên giá nhạc trường của mình dăm sáu tiếng hiệu lệnh *Hãy chú ý*, mọi người im lặng. Tôi trang trọng đánh nhịp; mọi người bắt đầu... Không, từ khi có nhạc kịch Pháp, cả đời người ta chưa từng nghe một sự om sòm như vậy. Dù mọi người có thể nghĩ thế nào về tài năng tôi mạo nhận, song kết quả còn tệ hại hơn tất cả những gì mà họ dường như chờ đợi. Các nhạc công cười ngất; thính giả mở to mắt và những muốn bịt kín tai lại; nhưng không có cách gì. Các nhà hòa tấu tàn ác của tôi, muốn vui đùa, cò cử đến thùng màng nhĩ một người mù. Tôi kiên trì tiếp tục, quả thật mồ hôi ròng ròng, nhưng bị nổi hổ thẹn giữ lại, không dám bỏ chạy và mặc kệ mọi sự tại đó. Để an ủi tôi, xung quanh mình tôi nghe thấy cử tọa nói vào tai nhau, hoặc vào tai tôi thì đúng hơn, người này bảo; chẳng có cái gì chịu được ở đó; người khác bảo: Nhạc gì mà điên khùng! Người khác: Âm ỉ dử chưa! Jean-Jacques tội nghiệp, trong thời điểm ác nghiệt ấy cậu chẳng mấy hy vọng là một ngày kia trước mặt nhà vua Pháp và

toàn thể triều đình của ngài những âm thanh của cậu sẽ gây nên những tiếng rì rào kinh ngạc và tán thưởng, và trong tất cả các khán đài xung quanh cậu, những phụ nữ dễ thương nhất sẽ nói với nhau khe khẽ: Âm thanh hay làm sao! Nhạc mê hồn biết mấy! Tất cả những điệu hát này đi vào lòng người*!

Nhưng điều làm hết thảy mọi người vui vẻ là điệu menuet. Các nhạc công vừa chơi vài nhịp, là tôi nghe thấy tiếng cười rộ lên khắp nơi. Ai cũng khen tôi có thị hiếu hay ho về ca nhạc; họ bảo điệu menuet này sẽ khiến mọi người nhắc đến tôi, rằng tôi đáng được hát lên khắp nơi. Tôi không cần miêu tả nỗi lo âu khổ não của tôi, cũng chẳng cần thú nhận rằng tôi rất đáng bị như thế.

Ngày hôm sau, một trong các nhạc công hòa tấu, tên là Lutold, đến thăm tôi, và là người khá nhân hậu nên không chúc mừng thành công của tôi. Ý thức sâu sắc về sự ngu dại của mình, nỗi hổ thẹn, niềm ân hận, mối tuyệt vọng vì tình cảnh mình lâm vào, tình trạng không thể khép kín cõi lòng trong những đau buồn lớn, khiến tôi thổ lộ với anh ta; tôi để cho nước mắt tuôn trào; và, thay vì chỉ thú nhận sự dốt nát của mình, tôi kể cho anh ta mọi điều, yêu cầu anh ta giữ bí mật, anh ta hứa, và giữ bí mật như ta có thể nghĩ. Ngay tối hôm ấy, cả Lausanne biết tôi là ai; và, điều đặc biệt, là không một người nào ra vẻ biết chuyện, ngay cả Perrotet tốt bụng, trước tất cả những điều đó vẫn không ngần ngại nuôi tôi ăn cho tôi ở.

Tôi sống, nhưng rất rầu rĩ. Những hậu quả của một bước khởi đầu như vậy khiến Lausanne chẳng là một chốn lưu trú thật dễ chịu đối với tôi. Học trò chẳng kéo đến ùn ùn; không một nữ học sinh nào, và không một ai trong thành phố. Tôi có tổng cộng hai hoặc ba gã người Teutsche* to béo, ngu ngốc cũng ngang như tôi dốt nát, làm tôi chán đến chết, và do tôi dúi dẩy, chẳng thành được những nhạc công bất tài* cự phách. Tôi được gọi đến một nhà duy nhất, tại đó một đứa con gái hiếm độc thích thú phô với tôi rất nhiều bản nhạc mà tôi không đọc

nổi một nốt nào, và sau đó ả chơi ác hát lên trước mặt thầy giáo, để chỉ cho thầy cái đó diễn tấu như thế nào. Tôi rất không đủ trình độ nhìn qua là đọc được một điệu nhạc, thành thử, trong buổi hòa nhạc xuất sắc tôi đã kể, tôi không thể theo dõi được lấy một lát sự diễn tấu để biết người ta có chơi đúng hay không những gì tôi có trước mắt, và do chính tôi soạn.

Giữa bao nhiêu sự nhục nhã như vậy, tôi có những niềm an ủi thật êm dịu ở các tin tức thỉnh thoảng nhận được từ hai cô bạn khả ái. Tôi luôn tìm thấy ở nữ giới một hiệu năng an ủi lớn lao; và không gì làm dịu những buồn khổ của tôi trong cảnh thất thế bằng việc cảm thấy một con người dễ thương quan tâm đến chuyện này. Tuy nhiên chẳng bao lâu sau đó sự trao đổi thư từ ngừng, và không bao giờ nổi lại; nhưng đó là lỗi của tôi. Trong khi thay đổi nơi ở, tôi sơ ý không cho họ địa chỉ; và, buộc phải nghĩ liên miên về bản thân mình, chẳng bao lâu tôi hoàn toàn quên họ.

Đã lâu tôi không nói đến Má tội nghiệp của tôi, nhưng nếu mọi người tưởng rằng tôi cũng quên bà, thì mọi người rất nhầm. Tôi không ngừng nghĩ đến bà, và không ngừng ao ước tìm lại được bà, không chỉ vì nhu cầu sinh kế, mà vì nhu cầu của con tim nhiều hơn. Mỗi gắn bó của tôi đối với bà, tuy mãnh liệt, tuy thấm thiết, chẳng ngăn tôi yêu những người khác; nhưng không phải cùng một kiểu. Tất cả đều được tôi thương mến vì duyên sắc của họ; nhưng ở những người khác niềm thương mến ấy duy nhất dựa vào duyên sắc, và có lẽ chẳng tồn tại được sau khi những duyên sắc ấy mất đi; trong khi Má có thể già đi xấu đi mà tôi chẳng hề yêu má kém tha thiết. Con tim tôi đã chuyển di trọn vẹn sang con người của bà niềm tôn sùng mới đầu dành cho nhan sắc của bà; và dù bà thay đổi như thế nào, miễn rằng đó vẫn là bà, thì tình cảm của tôi không thể thay đổi. Tôi biết rõ là tôi phải hàm ơn bà; nhưng, quả thật, tôi không nghĩ đến điều đó. Dù bà làm gì hay không làm gì cho tôi, thì sự thể vẫn như vậy. Tôi không yêu bà vì bốn phận,

chẳng vì lợi ích, chẳng vì thích nghi; tôi yêu bà vì tôi được sinh ra để yêu bà. Khi tôi phải lòng người nào khác, tôi có lãng đi, tôi thú nhận như vậy, và tôi nghĩ đến bà ít thường xuyên hơn; nhưng tôi nghĩ đến bà với cùng một niềm vui, và, phải lòng hay không phải lòng, chẳng bao giờ tôi nghĩ ngợi về bà mà không cảm thấy rằng mình không thể có hạnh phúc thực sự trong đời khi phải xa cách bà.

Từ rất lâu không được tin tức của bà, tôi vẫn không bao giờ nghĩ là mình mất hẳn bà, cũng chẳng nghĩ là bà có thể quên mình. Tôi tự nhủ: Sớm hay muộn bà sẽ biết là mình đang lang thang, và sẽ cho mình một tín hiệu nào đó; tôi sẽ gặp lại bà, tôi tin chắc như vậy. Trong khi chờ đợi, thật êm dịu đối với tôi khi được ở quê hương của bà, được đi qua những đường phố bà từng đi qua, trước những ngôi nhà bà từng cư ngụ, và tất cả đều do phỏng đoán, vì một trong những điều kỳ quặc ngu xuẩn của tôi là không dám hỏi thăm về bà cũng chẳng dám nói ra tên bà nếu không tuyệt đối cần thiết. Tôi thấy dường như khi nói tên bà là tôi đã nói tất cả những gì bà khơi gợi trong tôi, là miệng tôi bộc lộ bí mật của lòng tôi, là tôi đã làm bà liên lụy theo cách nào đó. Thậm chí tôi cho rằng xen vào đó có đôi chút sợ hãi người ta nói xấu về bà với mình. Người ta đã nói nhiều về bước đi của bà, và nói đôi chút về cách xử sự của bà. Vì sợ người ta nói điều mình không muốn nghe, tôi thích họ đừng nói gì hết còn hơn.

Vì học trò chẳng khiến tôi bận rộn lắm, và thành phố quê hương bà chỉ cách Lausanne bốn dặm, tôi dạo chơi một chuyến tại đó hai ba ngày, suốt thời gian ấy niềm xúc động êm đềm nhất không hề rời tôi. Cảnh hồ Genève và những dải bờ tuyệt vời bao giờ cũng có một sức hấp dẫn đặc biệt trong mắt tôi, mà tôi không thể lý giải, và nó không chỉ liên quan đến vẻ đẹp của quang cảnh, mà đến cái gì đó lý thú hơn khiến tôi cảm kích và mềm lòng. Lần nào đến gần miền Vaud, tôi cũng có một ấn tượng bao gồm hồi ức về bà De Warens, người ra đời tại đó, về cha tôi người sinh sống tại đó, về cô De Vulson, người đã có tại đó những hoa trái đầu mùa của con tim tôi, về nhiều chuyến đi thú vị của

tôi thời thơ ấu, và hình như còn về một nguyên nhân nào khác, thầm kín hơn và mạnh hơn tất cả những điều trên. Khi ao ước cháy bỏng về cái cuộc sống hạnh phúc và êm dịu đang trốn chạy tôi và tôi sinh ra là để cho nó, đến làm trí tưởng tượng của tôi bốc lửa, thì bao giờ cuộc sống ấy cũng cố định ở miền Vaud, gần bên hồ, tại những miền quê xinh đẹp. Tôi nhất định cần một vườn cây ăn quả bên bờ hồ ấy, chứ không phải một hồ nào khác; tôi cần một người bạn tin cậy, một phụ nữ dễ thương, một con bò và một chiếc thuyền nhỏ. Tôi sẽ chỉ hưởng một hạnh phúc mỹ mãn trên trần gian khi có được tất cả những điều trên. Giờ đây tôi cười sự ngây ngô của mình khi đến xứ sở này nhiều lần duy chỉ để kiếm tìm hạnh phúc tưởng tượng ấy. Bao giờ tôi cũng kinh ngạc thấy ở đó những cư dân, nhất là phụ nữ, có tính cách khác hẳn tính cách mình kiếm tìm ở đó. Tôi thấy điều này có vẻ thiếu nhất quán biết mấy! Với tôi xứ sở và dân chúng sống trên xứ sở ấy dường như không phải được tạo ra cho nhau.

Trong chuyến đi Vevey ấy, dọc theo bờ hồ đẹp đẽ, tôi buông mình vào nỗi u sầu dịu dàng nhất. Con tim tôi hăng hái lao tới muôn vàn hạnh phúc thơ ngây: tôi mũi lòng, tôi thở dài, và khóc như một đứa trẻ. Biết bao lần, dừng lại để khóc cho thoải mái, ngồi trên một tảng đá to, tôi đã thích thú nhìn những giọt lệ của mình rơi xuống nước!

Tại Vevey tôi đến ở quán *La Clef*, và suốt hai ngày ở lại đó không thăm một ai, tôi đem lòng yêu mến thành phố này, một tình yêu đã theo tôi trong mọi chuyến đi, và đã khiến cho cuối cùng tôi đặt các nhân vật tiểu thuyết của mình* tại đó. Tôi sẵn lòng bảo với những ai có khiếu thẩm mỹ và đa cảm rằng: Hãy đến Vevey, hãy thăm miền ấy, hãy quan sát phong cảnh, hãy dạo chơi trên hồ, và hãy nói xem tạo hóa đã chẳng làm nên xứ sở đẹp đẽ này cho một Julie, cho một Claire và cho một Saint-Preux hay sao; nhưng xin đừng tìm kiếm họ ở đó. Tôi trở lại câu chuyện của mình.

Vì tôi là người Thiên Chúa giáo và để mọi người coi mình là thế, nên tôi theo tôn giáo mà mình đã gia nhập, không bí mật và không ngần ngại áy náy. Các ngày chủ nhật, khi trời đẹp, tôi đến dự lễ mi xa ở Assens, cách Lausanne hai dặm. Tôi thường đi đường cùng những người Thiên Chúa giáo khác, nhất là cùng một bác thợ thêu người Paris mà tôi đã quên mất tên. Đó không phải là một người Paris giống như tôi, đó là một người dân Paris thực sự của Paris, một người siêu-Paris của Chúa lòng lành, chất phác như một người miền Champagne*. Bác yêu quê hương tha thiết, thành thử chẳng bao giờ muốn nghi ngờ tôi không thuộc về nơi ấy, vì sợ mất cơ hội nói về nơi ấy. Ông De Crouzas, phó pháp quan, có một bác làm vườn cũng là người Paris, nhưng không dễ tính bằng, bác thấy vinh quang của địa phương mình bị tổn hại khi người ta dám tự nhận là dân địa phương trong khi chẳng có vinh dự đó. Bác chất vấn tôi với vẻ của một người tin chắc sẽ bắt được tôi phạm lỗi, rồi mỉm cười tinh quái. Một lần bác hỏi tôi ở Chợ-Mới có gì đặc biệt. Tôi nói lung tung như mọi người có thể nghĩ. Sau khi đã ở Paris hai chục năm, giờ đây tôi phải biết rõ thành phố này; tuy nhiên, nếu ngày nay mọi người đặt cho tôi câu hỏi như thế, tôi sẽ chẳng kém lúng túng khi trả lời; và từ sự lúng túng đó cũng rất có thể kết luận là tôi chưa từng ở Paris: vì, ngay cả khi ta gặp sự thật, ta vẫn dễ căn cứ biết mấy vào những nguyên tắc dối lừa!

Tôi không thể nói chính xác mình đã ở Lausanne bao lâu. Tôi không mang theo từ thành phố này những kỷ niệm giàu sức gợi nhớ. Tôi chỉ biết là, không kiếm sống được tại đây, tôi liền đi đến Neuchâtel, và qua mùa đông ở đó. Tôi thành công hơn tại thành phố này; tôi có học trò; và tôi kiếm được đủ để trả nợ ông bạn tốt Perrotet, người đã trung tín gửi cho tôi số hành lý nhỏ, mặc dù tôi mắc nợ ông khá nhiều tiền.

Trong khi dạy nhạc tôi dần dần học được nhạc. Cuộc sống của tôi khá êm ả; một người biết điều có thể hài lòng về cuộc sống ấy: nhưng

con tim bồn chồn của tôi đòi hỏi ở tôi điều khác. Những ngày chủ nhật và những ngày rảnh rỗi, tôi đi dạo khắp miền quê và các cánh rừng lân cận, luôn lang thang, mơ mộng, thở dài; và một khi đã ra khỏi thành phố, tôi chỉ trở về khi trời tối. Một hôm, đang ở Boudry, tôi vào ăn chiều tại một quán: tôi thấy một người có bộ râu dài rậm mặc y phục màu tím kiểu Hy Lạp, đôi mắt lót lông, cách ăn mặc và dáng vẻ khá cao nhả, và nhiều khi vất vả để mọi người hiểu, vì chỉ nói một thứ tiếng trọ trẹ gần như không thể nghe ra, nhưng giống tiếng Ý hơn bất kỳ ngôn ngữ nào khác. Tôi nghe được gần hết những gì ông ta nói, và tôi là người duy nhất; ông ta chỉ có thể ra hiệu với chủ quán và những người dân địa phương. Tôi nói với ông ta vài từ bằng tiếng Ý, mà ông ta hiểu được hoàn toàn: ông ta đứng dậy, và đến ôm hôn tôi nhiệt thành. Mọi liên hệ được xác lập tức thời, và từ lúc đó tôi làm phiên dịch cho ông ta. Bữa chiều của ông ngon, bữa của tôi dưới mức xoàng. Ông mời tôi cùng ăn; tôi chẳng mấy kiểu cách, vừa uống rượu vừa nói bằng một ngôn ngữ pha tạp chúng tôi làm thân với nhau, và đến cuối bữa thì thành khăng khít khó rời. Ông ta kể với tôi rằng ông là chủ giáo Hy Lạp và tăng viện trưởng thành Jérusalem; rằng ông đảm trách thực hiện một cuộc quyên góp tại châu Âu để trùng hưng mộ Chúa. Ông cho tôi xem những chứng thư đẹp đẽ của hoàng hậu nước Nga và hoàng đế; ông có chứng thư của nhiều quân vương khác nữa. Ông khá hài lòng về những gì đã thu góp được cho đến giờ; nhưng đã vất vả không tưởng tượng nổi tại Đức, do không hiểu được một tiếng Đức nào, một tiếng Latin nào, một tiếng Pháp nào, và mọi phương kế chỉ thu hẹp vào tiếng Hy Lạp của ông, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ và thứ tiếng *franque*,* điều này khiến ông chẳng kiếm được nhiều tại xứ sở mà ông đã đâm đầu vào. Ông đề nghị tôi đi cùng để làm thư ký và phiên dịch. Bất kể bộ áo màu tím, mà tôi mới mua, và khá hợp với chức vụ mới của tôi, trông tôi ăn vận có vẻ rất xoàng xĩnh, thành thử ông ta cho rằng thu phục tôi chẳng khó, và ông ta không lầm. Chúng tôi nhanh chóng thỏa thuận; tôi chẳng đòi hỏi gì, còn ông ta hứa hẹn rất nhiều.

Chẳng có bảo đảm, chẳng có an toàn, chẳng có sự quen biết, tôi phó mình cho ông ta dẫn dắt, và ngay hôm sau tôi lên đường đi Jérusalem.

Chúng tôi bắt đầu chuyến kinh lý từ bang Fribourg, ở đó không được nhiều việc lắm. Phẩm cách chủ giáo không cho phép hành khất, và quyền góp của tư nhân; nhưng chúng tôi trình bày công việc mà ông được ủy nhiệm tại nghị viện, họ cho ông một khoản tiền nhỏ. Từ đó chúng tôi đến Berne. Tại đây cần nhiều lễ thức hơn, và việc xem xét các chức danh của ông chẳng phải chuyện một ngày mà xong, chúng tôi ở quán *Chim ừng*, khi ấy là quán phong lưu và tại đó ta gặp giới phong lưu. Bàn ăn đông người và được phục vụ chu đáo. Tôi ăn uống kham khổ đã lâu; tôi rất cần lấy lại sức, tôi có cơ hội làm vậy, và tôi tận dụng cơ hội. Bản thân ngài tăng viện trưởng cũng là một người phong lưu, khá thích mời ăn, vui tính, nói năng hay ho với những người hiểu được mình, chẳng thiếu một số tri thức, và đưa sự uyên bác Hy Lạp của mình ra một cách khá thú vị. Một hôm, vào lúc dùng đồ tráng miệng, trong khi kẹp hồ đào, ông cứa phải ngón tay khá sâu; và thấy máu chảy nhiều, ông phô ngón tay cho mọi người và vừa cười vừa bảo: “*Mirate, signori; questo è sangue pelasgo*”.*

Ở Berne các chức vụ của tôi không phải không có ích cho ông ta, và tôi xoay xở không tồi như tôi từng sợ. Tôi táo bạo hơn nhiều và nói giỏi hơn so với khi tôi nói cho chính mình. Sự việc không diễn ra đơn giản như ở Fribourg. [Phải có những buổi thuyết trình dài và thường xuyên với những người đứng đầu Nhà nước, và việc xem xét các chức danh của ông chẳng phải chuyện một ngày mà xong]*. Cuối cùng, do tất cả đều hợp lệ, ông được yết kiến nghị viện. Tôi vào cùng ông với tư cách phiên dịch, và mọi người bảo tôi nói. Tôi không hề chờ đợi việc này, và tôi chẳng nghĩ rằng sau khi đã thương thuyết lâu với các thành viên, lại phải phát biểu với tổ chức như thế chưa có điều gì từng được nói. Xin hãy xét xem tôi lúng túng đến thế nào! Với một người

hay xấu hổ như vậy, không chỉ nói trước công chúng, mà trước nghị viện Beme, và nói ứng khẩu chẳng có lấy một phút để tự chuẩn bị, những điều này có thể làm tôi ngẩn ngơ chừng hững. Thậm chí tôi không rụt rè e sợ. Tôi trình bày ngắn gọn và rành mạch nhiệm vụ mà tăng viện trưởng được ủy thác. Tôi ngợi ca lòng kính tín của các vị vương công đã đóng góp cho cuộc lạc quyên mà tăng viện trưởng đến đây để thực hiện. Kích thích sự ganh đua kính tín ở các vị Đại nhân, tôi nói rằng mọi người cũng hy vọng không kém ở lòng nhân từ đại lượng quen thuộc của các vị; thế rồi, cố chứng tỏ rằng việc thiện này là một việc thiện cho mọi tín đồ Kitô không phân biệt giáo phái, tôi kết thúc bằng sự hứa hẹn Thượng Đế sẽ ban phước cho tất cả những ai muốn tham gia. Tôi sẽ không bảo là bài diễn văn của mình gây ấn tượng; nhưng chắc chắn là nó được tán thành, và hết buổi tiếp kiến, tăng viện trưởng nhận được một tặng phẩm rất thích đáng, hơn nữa, còn nhận được những lời khen ngợi tài trí của viên thư ký, những lời khen mà tôi có nhiệm vụ thú vị được phiên dịch, nhưng tôi không dám dịch sát từng chữ. Đó là lần duy nhất trong đời tôi nói trước công chúng và trước một bậc đế vương, và có lẽ cũng là lần duy nhất tôi đã nói hay và bạo dạn. Khác biệt biết chừng nào trong những tố chất của cùng một con người! Cách đây ba năm, nhân đến Yverdun thăm ông bạn già Roguin, tôi tiếp một đoàn đại biểu đến cảm ơn tôi về vài cuốn sách tôi đã tặng thư viện của thành phố này. Người Thụy Sĩ rất hay diễn thuyết long trọng; các vị đó diễn thuyết long trọng với tôi. Tôi cho là mình buộc phải đáp lại; nhưng tôi lúng túng hết sức khi đáp từ, và đầu óc tôi quá ư rối ren đến nỗi tôi chừng hững chẳng biết nói gì, và khiến mọi người chế nhạo. Mặc dù bản tính rụt rè, đôi khi tôi đã táo bạo trong thời trai trẻ, không bao giờ khi tuổi đã cao. Càng hiểu thế gian, tôi càng ít có thể làm cho mình quen với giọng điệu của thế gian.

Rời Berne, chúng tôi đến Soleure; vì ý định của tăng viện trưởng là lại sang Đức, và quay về qua Hungary hay Ba Lan, như thế hành

trình sẽ dài vô cùng: nhưng vì dọc đường túi tiền của ông đầy lên nhiều hơn là vơi đi, nên ông ít sợ mua đường, với tôi, người đi ngựa cũng thích như đi bộ, tôi chẳng yêu cầu gì hơn là du hành như vậy suốt đời: nhưng số phận đã định rằng tôi sẽ chẳng đi xa đến như vậy.

Việc đầu tiên chúng tôi làm khi tới Soleure là đến chào ngài đại sứ Pháp. Rủi thay cho đức chủ giáo của tôi, ngài đại sứ này là hầu tước De Bonac, từng làm đại sứ tại Porte, và ắt phải hiểu biết tất cả những gì liên quan đến mộ Chúa*. Tăng viện trưởng có một cuộc tiếp kiến một khắc đồng hồ, mà tôi không được dự, vì ngài đại sứ hiểu tiếng *franque*, và nói tiếng Ý ít ra cũng thạo bằng tôi. Khi người Hy Lạp của tôi đi ra, tôi định theo ông ta; mọi người giữ tôi lại: giờ đến lượt tôi. Vì tôi tự nhận là người Paris, nên với tư cách ấy tôi ở dưới quyền hạn của Đại nhân. Ngài hỏi tôi là ai, khuyến khích tôi nói với ngài sự thật; tôi hứa như vậy, và xin được yết kiến riêng, điều này được chấp thuận. Ngài đại sứ dẫn tôi vào văn phòng của ngài và đóng cửa lại, tại đó, tôi quỳ xuống dưới chân ngài và giữ lời hứa. Dù chẳng hứa gì thì tôi cũng không nói ít hơn, vì một nhu cầu thổ lộ không ngừng lúc nào cũng khiến tôi trong lòng có gì là nói ra miệng; và, sau khi đã cởi mở không dè dặt với nhạc công Lutold, tôi không hề có ý làm kẻ bí ẩn với hầu tước De Bonac. Ông rất hài lòng về câu chuyện riêng của tôi và về nỗi lòng dào dạt ông thấy ở tôi khi kể lại, thành thử ông cầm tay tôi, đi vào phòng bà đại sứ, giới thiệu tôi với bà và tóm tắt câu chuyện của tôi. Bà De Bonac tiếp tôi với lòng nhân hậu, và bảo không nên để tôi đi với tu sĩ người Hy Lạp kia. Mọi người quyết định tôi sẽ ở lại dinh thự, trong khi chờ đợi xem có thể thu xếp cho tôi làm gì. Tôi muốn đến từ biệt tăng viện trưởng tội nghiệp mà tôi đã đem lòng quyến luyến: mọi người không cho phép tôi làm vậy. Họ cử người đến truyền đạt cho ông ta các quyết định của tôi, và một khắc đồng hồ sau, tôi thấy túi hành lý nhỏ của mình được đem tới. Ông De la Martinière, bí thư sứ quán, có thể nói là phụ trách tôi. Ông dẫn tôi vào căn phòng dành cho tôi, và bảo: “Dưới thời bá tước De Luc, một

người nổi tiếng cùng họ với cậu* từng ở phòng này: chỉ tùy thuộc vào cậu việc cậu thay thế ông hoàn toàn, và khiến cho một ngày kia mọi người nói Rousseau đệ nhất, Rousseau đệ nhị.” Sự tương hợp này, mà khi đó tôi chẳng mấy hy vọng, có lẽ khiến tôi ít ao ước hơn nếu như tôi có thể biết trước rằng một ngày nào đó mình sẽ chuốc lấy nó với cái giá như thế nào.

Điều ông De la Martinière nói khiến tôi tò mò. Tôi đọc các tác phẩm của người từng ở căn phòng mình đang ở, và dựa vào lời mọi người khen mình, tôi tưởng mình yêu thích thi ca, và tôi làm để thí nghiệm một bài cantate ngợi ca bà De Bonac. Niềm yêu thích ấy không bền. Thỉnh thoảng tôi có làm những vần thơ xoàng; đó là một sự rèn luyện khá tốt để tập quen những lối nói đảo nghịch tao nhã, và học cách viết văn xuôi hay hơn; nhưng tôi chưa bao giờ thấy thi ca Pháp đủ hấp dẫn để hoàn toàn theo con đường đó.

Ông De la Martinière muốn biết văn phong của tôi, và yêu cầu tôi viết ra cũng những uẩn khúc mà tôi đã trình bày với ngài đại sứ. Tôi viết cho ông một bức thư dài, giờ đây tôi biết là đã được ông De Marianne lưu giữ, từ lâu ông đã giúp việc hầu tước De Bonac, và đã kế tục ông De la Martinière dưới thời ngài De Courteilles làm đại sứ. Tôi đã xin ông De Malesherbes cố gắng kiếm cho tôi một bản sao lại bức thư ấy. Nếu tôi có được bản sao này nhờ ông hay nhờ những người khác, các vị sẽ thấy nó trong văn tập kèm theo *Những lời bộc bạch* của tôi.

Kinh nghiệm mà tôi bắt đầu có dần dần điều tiết những dự định lãng mạn, thí dụ như: chẳng những không hề phải lòng bà De Bonac, mà trước hết tôi cảm thấy mình không thể tiến xa trong dinh của chồng bà. Ông De la Martinière đang tại chức, và ông De Marianne có thể nói là đang tập chức, chỉ để cho tôi hy vọng may lắm là một chân phó thư ký, chẳng hấp dẫn tôi vô cùng vô tận. Cho nên khi mọi người hỏi ý kiến tôi xem tôi định làm gì, tôi tỏ ra rất muốn đi Paris. Ngài đại

sứ tán thành ý tưởng này, ít ra nó cũng hướng tới chỗ khiến ngài khỏi vương bận vì tôi. Ông De Merveilleux, thư ký phiên dịch của sứ quán, nói là ông Godard bạn ông, đại tá Thụy Sĩ làm việc cho nước Pháp, đang tìm ai đó để ở bên người cháu, còn rất ít tuổi đã nhập ngũ, và nghĩ rằng tôi có thể hợp với ông đại tá. Dựa vào ý tưởng này, được chấp nhận một cách khá khinh suất, mọi người quyết định để tôi ra đi; còn tôi, nhìn thấy một cuộc du hành và cuối cùng là Paris, tôi vui mừng đồng ý. Mọi người giao cho tôi vài bức thư, một trăm *franc* lộ phí, kèm theo rất nhiều lời giáo huấn thích đáng, và tôi lên đường.

Tôi đi mất khoảng mười lăm ngày, mà tôi có thể kể vào những ngày hạnh phúc nhất của đời mình. Tôi trẻ trung, tôi khỏe mạnh, tôi có kha khá tiền, rất nhiều hy vọng, tôi du hành, tôi đi bộ du hành, và du hành một mình. Mọi người sẽ ngạc nhiên thấy tôi tính một điều lợi như thế, nếu như chưa quen với tính tình tôi. Những ảo tưởng hảo huyền êm ái của tôi bầu bạn với tôi, và chưa bao giờ trí tưởng tượng nồng nhiệt của tôi từng sản sinh ra những ảo tưởng huy hoàng hơn. Khi mọi người mời tôi một chỗ trống trên xe, hay ai đó tiếp cận tôi dọc đường, tôi nhẩn nhó thấy thời vận mà mình vừa đi vừa xây dựng bị xô đổ. Lần này các ý tưởng của tôi mang tính chất thượng võ. Tôi sẽ giúp việc một quân nhân và bản thân cũng thành quân nhân; vì mọi người đã thu xếp để tôi khởi đầu làm lính tình nguyện*. Tôi tưởng như đã thấy mình mặc y phục sĩ quan, với một chòm lông đẹp màu trắng gài mũ. Tôi hời hợt hời dợt với ý tưởng cao quý này. Tôi có vài hiểu biết sơ sơ về hình học và xây thành đắp lũy; tôi có một ông cậu kỹ sư; có thể nói là tôi nổi nghiệp cha chú. Việc tôi cận thị hơi trở ngại, nhưng chẳng khiến tôi lúng túng; và tôi rất tin là mình bổ khuyết được nhược điểm này, nhờ sự bình tĩnh và lòng dũng cảm. Tôi đã đọc sách thấy thống chế Schomberg cận thị nặng; tại sao thống chế Rousseau không cận thị chứ? Tôi bốc lên với những điều điên rồ này, thành thử chỉ thấy nào các đội quân, nào đồn lũy, nào sọt tre dựng đất*, nào pháo đài, và tôi, giữa khói lửa, ống nhòm trong tay, bình tĩnh ban

mệnh lệnh. Tuy nhiên, khi đi qua những miền quê xinh đẹp, nhìn thấy rừng thấy suối, cảnh tượng nao lòng này khiến tôi thở dài tiếc nuối; giữa vinh quang của mình tôi cảm thấy lòng tôi không hợp với bao nhiêu sự ồn ào như vậy, và lập tức, chẳng hiểu bằng cách nào, tôi lại thấy mình ở giữa những chuồng cừu thân thương của tôi, mãi mãi từ bỏ chiến tranh.

Việc tiếp cận Paris mâu thuẫn biết chừng nào với quan niệm của tôi về thành phố này! Cảnh trí bên ngoài mà tôi từng thấy tại Turin, vẻ đẹp của các đường phố, sự cân xứng và thẳng hàng của các ngôi nhà, khiến tôi tìm kiếm cái gì hơn thế nữa ở Paris. Tôi đã hình dung một thành phố vừa đẹp để vừa rộng lớn, với dáng vẻ oai nghiêm nhất, nơi ta chỉ thấy những đường phố tráng lệ, những lâu đài cẩm thạch và hoàng kim. Khi vào qua ngoại ô Saint-Marceau*, tôi chỉ thấy những đường phố nhỏ bẩn thỉu và hôi hám, những ngôi nhà đen nhẻm xấu xí, vẻ dơ dáy, nghèo khổ, những người hành khất, những phu xe, những người đàn bà vá quần áo, rao bán nước thuốc sắc và mũ cũ. Tất cả những điều này thoát tiên khiến tôi kinh ngạc đến mức mọi thứ huy hoàng thực sự mà tôi thấy ở Paris về sau không thể phá đi ấn tượng đầu tiên này, và bao giờ trong tôi cũng lưu lại một nỗi chán lợm thâm kín việc ở kinh thành ấy. Tôi có thể nói là toàn bộ thời gian tôi sống tại đó về sau này chỉ dùng để tìm kiếm phương kế khiến mình có thể sống xa nơi ấy. Đó là kết quả của một trí tưởng tượng hoạt động quá tích cực, cường điệu hóa trên mức cường điệu của mọi người, và luôn nhìn thấy nhiều hơn những gì người ta kể. Người ta đã tán dương Paris với tôi nhiều quá, thành thử tôi đã hình dung nó như Babylone xưa, thành phố mà nếu như nhìn thấy, có lẽ tôi cũng sẽ tìm ra vô khối điều thua kém hình ảnh do mình tạo dựng. Cũng chuyện như vậy xảy ra với tôi tại Nhà hát Nhạc kịch, mà tới Paris hôm trước thì hôm sau tôi vội vã đến; cũng chuyện như vậy xảy ra với tôi sau đó tại Versailles; sau đó nữa khi nhìn thấy biển; và cũng chuyện như vậy sẽ luôn xảy ra với tôi

khi nhìn thấy những cảnh tượng mà người ta thông báo trước với tôi quá nhiều: bởi vì con người không thể và bản thân tạo hóa khó có thể vượt được sự phong phú trong trí tưởng tượng của tôi.

Theo cung cách tiếp đãi của tất cả những người mà tôi mang thư đến, tôi ngỡ thời vận của mình đã thành. Người mà tôi được gửi gắm nhiều nhất, và chiều chuộng tôi ít nhất, là ông De Surbeck, đã rút khỏi quân ngũ và sống như triết gia tại Bagneux, tôi đến đó thăm ông nhiều lần, và không bao giờ ông mời tôi lấy một cốc nước. Tôi được bà De Merveilleux, chị dâu của ông De Merveilleux phiên dịch, và người cháu trai của ông, sĩ quan vệ binh, ân cần hơn: không những bà mẹ và người con tiếp đãi tôi tử tế, mà còn mời tôi ăn cùng, tôi thường lợi dụng điều này trong thời gian ở Paris. Bà De Merveilleux có vẻ đã từng xinh đẹp; tóc bà đen óng, và uốn cong cong hai bên thái dương, theo kiểu xưa. Ở bà vẫn còn lại thứ không hề tiêu vong cùng duyên sắc, một tư chất rất dễ thương. Bà có vẻ mến tư chất của tôi, và làm mọi việc có thể để giúp đỡ tôi; nhưng chẳng ai trợ lực cho bà, và chẳng bao lâu tôi tỉnh ngộ về tất cả mối quan tâm lớn lao mà mọi người có vẻ dành cho mình. Tuy nhiên cần phải thừa nhận giá trị của người Pháp: họ không ra sức thề ước nhiều như thiên hạ nói, và những điều họ thề ước hầu như bao giờ cũng chân thành; nhưng họ có một cách tỏ ra quan tâm đến bạn nó làm người ta bị lầm nhiều hơn là các lời lẽ. Những lời khen thô thiển của người Thụy Sĩ chỉ đánh lừa được kẻ ngu: cung cách của người Pháp hấp dẫn hơn chính ở chỗ chúng giản dị hơn; ta cứ tưởng họ không nói với ta tất cả những gì họ muốn làm, để khiến ta ngạc nhiên một cách dễ chịu hơn. Tôi còn nói hơn thế: họ không hề giả dối trong những sự biểu lộ của họ; bản tính họ hay giúp đỡ, nhân văn, thiện ý, thậm chí chân thực hơn bất kỳ dân tộc nào khác, dù thiên hạ nói gì đi nữa; nhưng họ nhẹ dạ và hay thay đổi. Quả thực họ có tình cảm mà họ bày tỏ với bạn, nhưng tình cảm ấy ra đi như nó đã đến. Trong khi nói với bạn, họ chỉ nghĩ đến bạn; không

gặp bạn nữa, là họ quên bạn. Chẳng một điều gì bất biến trong lòng họ: mọi sự ở họ đều do thời điểm.

Vậy là tôi được chiều chuộng nhiều và được giúp đỡ ít. Cái ông đại tá Godard, mà mọi người cử tôi đến giúp cháu ông ta, hóa ra là một lão già bủn xỉn đáng ghét, mặc dù giàu sụ, song thấy cảnh quần bách của tôi, muốn có tôi mà không mất gì. Lão đòi tôi ở bên cháu lão như một kiểu người hầu không tiền công hơn là một sư phó đích thực. Liên tục giúp việc anh ta, và do vậy được miễn nhiệm vụ trong quân ngũ, tôi phải sống bằng đồng lương của quân tình nguyện, nghĩa là của lính trốn; và lão khó khăn mới chấp thuận cho tôi bộ đồng phục; lẽ ra lão muốn *tôi dành lòng* với bộ đồng phục của quân đội. Bà De Merveilleux, tức giận vì những đề nghị của lão, chính bà can tôi đừng nhận lời; con trai bà cũng nghĩ như vậy. Mọi người tìm điều gì khác, và không tìm được gì hết. Trong khi ấy tôi bắt đầu phải gấp gáp, và một trăm *franc* mà tôi đã dùng để thực hiện chuyến đi chẳng thể giúp tôi lâu dài. May thay tôi lại nhận được của ngài đại sứ một khoản tiền nhỏ rất có ích cho tôi, và tôi nghĩ rằng ông sẽ không bỏ rơi tôi nếu như tôi kiên nhẫn hơn: nhưng mỗi mòn, chờ đợi, chạy vạy là những điều không thể, đối với tôi. Tôi chán ghét, tôi không xuất hiện nữa, và mọi sự chấm dứt. Tôi đã không quên Má tội nghiệp của tôi; nhưng làm sao thấy được bà? Tìm bà ở đâu? Bà De Merveilleux, biết chuyện của tôi, đã giúp đỡ tôi trong việc tìm kiếm này, và một thời gian dài không kết quả. Cuối cùng bà cho tôi biết tin bà De Warens đã lại ra đi từ hơn hai tháng nay, nhưng mọi người không biết liệu bà đi Savoie hay Turin, và một vài người bảo rằng bà trở về Thụy Sĩ. Tôi chẳng cần nhiều hơn để quyết định đi theo bà, tin chắc rằng dù bà ở bất cứ nơi nào thì mình cũng tìm thấy bà ở tỉnh dễ dàng hơn là ở Paris.

Trước khi ra đi tôi sử dụng tài năng thi ca mới mẻ của mình trong một thư gửi đại tá Godard, ở đó tôi ra sức chế nhạo lão. Tôi đưa bài viết nguệch ngoạc ấy cho bà De Merveilleux xem, thay vì khiển trách tôi như lẽ ra bà phải làm, bà lại cười rất nhiều vì những lời châm chọc

của tôi, cũng như con trai bà mà tôi cho là chẳng ưa ông Godard; và phải thú thật rằng ông ta không đáng ưa. Tôi định gửi những câu thơ cho ông ta; họ khuyến khích tôi thực hiện: tôi liền gói lại đề địa chỉ ông ta, và do hồi đó ở Paris không có những hòm thư nhỏ, tôi bèn bỏ vào túi, và gửi từ Auxerre trên đường đi qua. Đôi khi tôi vẫn còn bật cười, nghĩ đến ông ta chắc là phải nhăn nhó lúc đọc bài tụng ca, miêu tả ông ta từng nét một giống hệt. Bài đó bắt đầu như sau:

*Lão khòm già, người tưởng ta cuồng dại dở hơi
Nên ước ao dạy dỗ thẳng cháu của người.*

Bài thơ nhỏ ấy, quả thực làm dở, nhưng chẳng thiếu cay chua, và biểu thị tài năng châm biếm, tuy thế lại là bài viết châm biếm duy nhất từ ngòi bút của tôi. Tôi có con tim quá ít thù ghét thành chẳng tự phụ về một tài năng như vậy; nhưng tôi cho là mọi người có thể đánh giá, qua vài tác phẩm luận chiến thỉnh thoảng viết để tự bảo vệ, rằng, nếu như tính tôi hiếu chiến, thì những kẻ tấn công tôi sẽ hiếm khi có được những người hay cười đứng về phía họ.

Điều tôi tiếc nhất trong các chi tiết của đời mình mà tôi không còn nhớ là đã không ghi nhật ký hành trình. Tôi chưa bao giờ tư duy nhiều như vậy, hiện hữu nhiều như vậy, sống nhiều như vậy, là chính mình nhiều như vậy, tôi mạo muội nói thế, như trong những cuộc hành trình một mình đi bộ. Đi bộ có cái gì đó khiến các ý tưởng của tôi linh hoạt hơn và sinh động hơn; tôi hầu như không thể tư duy khi đứng yên; cơ thể tôi phải khởi động thì trí óc mới khởi động được. Quang cảnh miền quê, những vẻ tươi đẹp nối tiếp nhau, không khí thoáng đãng, trạng thái thềm ăn, sức khỏe tốt có được nhờ đi bộ, tự do nơi hàng quán, sự xa rời tất cả những gì khiến tôi cảm thấy tình trạng phụ thuộc của mình, tất cả những gì nhắc tôi nhớ lại tình thế của mình, những điều đó phóng thích tâm hồn tôi, khiến tôi táo bạo hơn trong tư duy, có thể nói là ném tôi vào trạng thái bao la của các sinh thể để kết hợp chúng, lựa chọn chúng, chiếm hữu chúng tùy ý, không ngượng

ngừng không sợ hãi. Tôi sử dụng với tư cách chủ nhân toàn bộ thiên nhiên; lòng tôi, lang thang từ đối tượng này sang đối tượng khác, hợp nhất, đồng nhất với những đối tượng mà nó thích thú, tập hợp quanh mình những hình ảnh khả ái, say sưa với những tình cảm tuyệt diệu. Nếu để cố định hóa những điều ấy tôi thích miêu tả chúng trong lòng mình, thì tôi đem lại cho chúng biết bao khí lực ở nét vẽ, biết bao tươi thắm nơi sắc màu, biết bao sức mạnh trong biểu đạt! Người ta bảo đã tìm thấy tất cả những điều này trong tác phẩm của tôi, mặc dù được viết ra vào tuổi vẫn chiều xế bóng, ôi! Giá như mọi người xem được những tác phẩm của tuổi thanh xuân mới chớm, những tác phẩm tôi đã tạo nên trong các cuộc hành trình, những tác phẩm tôi đã cấu tứ và đã không bao giờ viết ra... Các vị sẽ hỏi, tại sao lại không viết ra? Thế tại sao lại viết? Tôi sẽ trả lời các vị: tại sao lại tước đi của mình cái thú hiện tại của sự hưởng thụ, để nói với người khác rằng mình đã hưởng thụ? Tôi cần gì những độc giả, một công chúng, và cả thế gian, trong khi tôi bay lượn trên trời? Vả chăng, tôi có mang theo mình giấy, bút hay không? Nếu tôi đã nghĩ đến những thứ ấy, thì chẳng điều gì sẽ đến với tôi hết. Tôi không biết trước mình sẽ có những ý tưởng; chúng đến khi chúng thích, không phải khi tôi thích, chúng chẳng hề đến, hoặc chúng đến ào ạt, chúng đè nặng lên tôi vì số lượng và vì sức mạnh của chúng. Mười tập một ngày có lẽ cũng không đủ. Lấy đâu ra thời gian để viết chúng? Khi tới nơi tôi chỉ nghĩ đến ăn bữa chiều cho ngon. Khi lên đường tôi chỉ nghĩ đến đi cho khỏe. Tôi cảm thấy một thiên đường mới đang chờ đợi mình ngoài cửa. Tôi chỉ nghĩ đến chuyện đi tìm nó.

Chưa bao giờ tôi cảm thấy tất cả những điều đó rõ rệt như trong chuyến trở về mà tôi đang nói đến. Khi tới Paris, tôi đã tự giới hạn ở những ý tưởng liên quan đến việc mình sắp làm ở đó. Tôi đã lao tới con đường công danh mà mình sắp bước vào, và tôi đã lướt qua đó một cách khá vinh dự: nhưng con đường công danh ấy không phải nơi mà lòng tôi vời gọi tôi tới, và những sinh thể có thực làm tổn hại những sinh thể tưởng tượng, Đại tá Godard và cháu ông ta khó có mặt

cùng với một nhân vật như tôi. Nhờ Trời, giờ đây tôi được giải thoát khỏi tất cả những trở ngại ấy: tôi có thể dẫn mình tùy thích vào xứ sở của ảo tưởng, vì trước mặt tôi chỉ còn xứ sở đó, vì thế tôi thỏa sức lan man vơ vẩn, đến nỗi thực sự lạc đường nhiều lần; và tôi sẽ rất buồn phiền nếu thẳng tiến hơn, vì cảm thấy tại Lyon mình lại ở trên mặt đất, nên tôi những muốn dừng bao giờ tới nơi.

Một hôm, do cố tình chuyển hướng để được xem sát gần một địa điểm mà tôi thấy có vẻ tuyệt đẹp, tôi quá thích thú và đi vòng quanh nhiều quá, thành thử cuối cùng hoàn toàn lạc đường. Sau nhiều giờ hành trình vô bổ, mệt lử và vừa khát vừa đói đến chết được, tôi vào nhà một nông dân, ngôi nhà không có vẻ khang trang, nhưng đó là ngôi nhà duy nhất tôi thấy ở quanh vùng. Tôi cứ tưởng giống như ở Genève hay Thụy Sĩ, mọi cư dân sung túc đều có thể tiếp đãi mọi người. Tôi yêu cầu bác ta cho tôi ăn bữa chiều có trả tiền. Bác ta dọn cho tôi sữa đã hớt kem và bánh đại mạch thô, và bảo rằng đó là tất cả những gì mình có. Tôi uống chỗ sữa đó một cách ngon lành, và ăn thử bánh đó, tất tậ; nhưng những thức này không thật no nê cho một người kiệt sức vì mệt. Bác nông dân quan sát tôi, và đánh giá sự thật trong câu chuyện của tôi qua sự thật trong trạng thái thèm ăn của tôi. Lập tức, sau khi bảo rằng bác thấy rõ* tôi là một chàng trai lương thiện tốt bụng không ở đó để bán đứng bác ta, bác mở một cánh cửa sập nhỏ gần nhà bếp, đi xuống, và một lát sau trở lại với một ổ bánh nâu ngon bằng bột mì nguyên chất, một đùi lợn muối rất ngon lành tuy đã cắt dở, và một chai vang khiến tôi thích thú hơn mọi thứ. Thêm vào đó là một món trứng tráng khá dày dặn, và tôi ăn một bữa chiều như chưa khách bộ hành nào từng được hưởng. Đến khi trả tiền, thì bác ta lại lo lắng lại sợ hãi; bác không hề muốn tiền của tôi, bác đẩy nó ra với một sự bối rối kỳ lạ; và điều tức cười là tôi không thể tưởng tượng được bác sợ cái gì. Cuối cùng, bác vừa run rẩy vừa thốt ra những từ ghê gớm Nhân viên và Người khám rượu. Bác làm cho tôi hiểu rằng bác cất giấu rượu vang vì thuế đồ uống, cất giấu bánh mì vì thuế

thân*, và bác sẽ nguy mất nếu người ta có thể ngờ rằng bác không chết đói. Tất cả những điều bác nói về vấn đề đó, mà tôi không biết chút gì, gây cho tôi một ấn tượng sẽ chẳng bao giờ phai nhạt. Đó là mầm mống của niềm căm ghét không sao nguôi tắt sẽ nảy nở từ bấy trong lòng tôi đối với những nỗi phiền hà mà dân chúng khốn khổ phải chịu, và đối với những kẻ áp bức họ. Con người này, mặc dù sung túc, không dám ăn miếng bánh kiếm được bằng mồ hôi nước mắt, và chỉ có thể tránh sự suy vong bằng cách bày ra cảnh nghèo khổ ngự trị quanh mình. Tôi ra khỏi nhà bác vừa công phẫn vừa tủi lòng, và xót xa cho số phận của những miền đất đẹp đẽ này, mà thiên nhiên chỉ ban phát rộng rãi sản vật để làm mồi cho những gã thu thuế man rợ.

Đó là hồi ức duy nhất thật rõ rệt còn lưu lại về những gì đã xảy đến với tôi trong cuộc hành trình. Tôi chỉ nhớ thêm rằng gần tới Lyon tôi định kéo dài đường đi để đến thăm các dải bờ của dòng sông Lignon; vì, trong các tiểu thuyết đã đọc cùng với cha tôi, *Astrée** không bị quên lãng, và đó là cuốn tiểu thuyết trở lại với lòng tôi thường xuyên nhất. Tôi hỏi đường đến Forez; và trong khi trò chuyện với một bà chủ quán, bà cho tôi biết đó là một miền dễ kiếm ăn đối với thợ thuyền, ở đây có nhiều lò rèn, và làm đồ sắt ở đây thì rất tốt. Lời khen này đột ngột dẹp yên niềm hiếu kỳ lãng mạn của tôi, và tôi xét thấy việc đi tìm các nàng Diane và các chàng Sylvandre* trong đám thợ rèn là không thích hợp. Người đàn bà thực thà khuyến khích tôi như vậy chắc hẳn đã tưởng tôi là một gã thợ khóa.

Tôi đi Lyon chẳng phải hoàn toàn không mục đích, vừa tới nơi, là tôi đến tu viện Chasottes thăm cô Du Châtelet, bạn của bà De Warens, bà đã giao tôi mang một bức thư viết cho cô khi tôi đến đây cùng với ông Le Maître: như vậy là một người đã quen biết, cô Du Châtelet cho tôi biết rằng quả thực bà bạn cô có qua Lyon, nhưng cô không rõ liệu bà có đi tiếp đến Piémont hay chẳng, và khi lên đường chính bà cũng

không chắc chắn mình có dừng lại ở Savoie hay chẳng; rằng nếu tôi muốn thì cô sẽ viết thư để hỏi tin tức, và quyết định tốt nhất đối với tôi là ở Lyon đợi tin. Tôi chấp nhận đề nghị; nhưng tôi không dám nói với cô Du Châtelet rằng tôi mong có tin gấp, rằng túi tiền nhỏ bé đã cạn không cho tôi đợi lâu được. Điều kì *giữ tôi* không phải do cô tiếp đãi tôi lạnh nhạt. Trái lại, cô đã rất ân cần vồn vã, và đối xử với tôi một cách bình đẳng khiến tôi không có can đảm để cô thấy tình cảnh của mình, và từ vai trò bè bạn phong lưu tụt xuống vai trò một kẻ hành khất khốn khổ.

Hình như tôi thấy được khá rõ phần tiếp theo những gì tôi đã ghi trong cuốn sách này. Tuy nhiên tôi cho rằng mình nhớ lại, cũng khoảng thời gian đó, một chuyến đi Lyon khác, mà tôi không thể chỉ rõ vị trí, và khi ấy tôi cũng đã ở tình cảnh rất eo hẹp rồi. Một mẩu chuyện nhỏ khá khó nói khiến tôi không bao giờ quên được chuyến đi này. Một buổi tối sau một bữa ăn rất còm, tôi ngồi ở Bellecour, đang mơ màng về những cách xoay xở, thì một người đội mũ trùm đến ngồi cạnh tôi; người đó có vẻ là một trong những công nhân ngành tơ lụa mà ở Lyon người ta gọi là thợ dệt. Anh ta nói với tôi; tôi đáp lại: thế là bắt đầu trò chuyện, chúng tôi vừa mới nói chuyện được một khắc đồng hồ là anh ta, vẫn với thái độ bình tĩnh ấy và không thay đổi giọng điệu, đề nghị tôi cùng nhau đùa vui. Tôi chờ anh ta giải thích trò vui ấy ra sao; nhưng chẳng nói thêm gì hết, anh ta bắt đầu làm mẫu cho tôi. Chúng tôi ngồi gần như sát nhau, và đêm chẳng đủ tối để tôi không nhìn thấy anh ta đang chuẩn bị làm trò gì. Anh ta không hề muốn động đến người tôi; ít ra không có gì chứng tỏ ý định ấy, và địa điểm cũng chẳng thuận lợi cho việc đó. Chính xác như đã nói với tôi, anh ta chỉ muốn đùa vui và muốn tôi đùa vui, người nào cho người nấy; và với anh ta việc này có vẻ hết sức đơn giản, thành thử anh ta thậm chí chẳng nghĩ rằng với tôi nó không có vẻ đơn giản như với anh ta. Tôi hết sức hoảng sợ vì sự trớ tráo ấy, thành thử, chẳng trả lời anh ta, tôi hấp tấp đứng lên và ba chân bốn cẳng bỏ chạy, tưởng gã khốn nạn ấy

lẻo đẻo đuổi theo mình. Tôi bối rối đến mức, thay vì về nơi ở qua phố Saint-Dominique, tôi lại chạy ra phía bờ sông, và chỉ dừng lại ở bên kia cây cầu gỗ, run lấy bầy như vừa phạm một tội ác. Tôi cũng mắc thói xấu ấy; hồi ức này chữa khỏi cho tôi được lâu dài.

Ở chuyến đi này tôi gặp một sự biến gần như cùng loại, nhưng khiến tôi bị nguy hiểm hơn. Cảm thấy tiền sắp hết, tôi dè sẻn chỗ ít ỏi còn lại. Tôi ít ăn thường xuyên ở quán trọ, rồi chẳng bao lâu không ăn nữa, vì có thể chỉ mất dăm sáu xu, tại tửu điểm, cũng no nê như với hăm nhăm xu tại quán trọ. Do không ăn tại đó nữa, tôi không biết làm thế nào để về đó ngủ, không phải vì tôi mắc nợ gì nhiều, nhưng tôi hổ thẹn nếu chiếm một phòng mà không cho chủ nhà kiếm được lợi gì. Mùa này thời tiết đẹp. Một buổi tối trời rất nóng, tôi quyết định qua đêm ở quảng trường; và tôi đã yên vị trên một ghế dài, thì một tu sĩ đi ngang qua, thấy tôi nằm như vậy, bèn lại gần và hỏi xem có phải tôi không có chỗ ở hay không. Tôi thú thật với ông ta trường hợp của mình, ông ta có vẻ cảm động; ông ta ngồi xuống cạnh tôi, và chúng tôi trò chuyện, ông ta nói năng êm tai; tất cả những gì ông ta nói với tôi khiến tôi có ý kiến tốt nhất đời về ông ta. Khi thấy tôi đã rất vui lòng, ông ta bảo rằng chỗ ở của ông ta không thật rộng rãi, ông ta chỉ có một phòng thôi, nhưng chắc chắn sẽ không để tôi ngủ ở quảng trường như vậy; rằng đã muộn nên khó tìm được cho tôi chốn cư ngụ, và tối nay ông ta dành cho tôi một nửa giường. Tôi nhận lời, đã hy vọng có được một người bạn sẽ giúp đỡ mình. Chúng tôi đi; ông ta bật lửa. Phòng của ông ta có vẻ sạch tuy bé: ông ta mời tôi rất nhã nhặn, ông ta lấy từ trong tủ một bình thủy tinh có những quả anh đào ngâm rượu; chúng tôi ăn mỗi người hai quả, rồi chúng tôi đi nằm.

Con người này cũng có những sở thích giống gã Do Thái ở Viện dưỡng dục, nhưng ông ta không biểu lộ chúng một cách thô bạo đến như thế. Hoặc là, vì biết mọi người có thể nghe thấy tôi, ông ta sợ buộc tôi phải chống cự, hoặc sự thực là ông ta ít quả quyết hơn trong dự định, nên ông ta không dám công khai đề nghị tôi thực hiện, mà

tìm cách làm cho tôi xúc động song không lo sợ. Am hiểu hơn lần thứ nhất, tôi biết ngay ý định của ông ta, và tôi rùng mình; chẳng biết mình đang ở trong ngôi nhà nào và ở trong tay kẻ nào, tôi sợ nếu làm ồn ào sẽ phải trả giá bằng mạng sống của mình. Tôi giả vờ không biết ông ta muốn gì ở mình; nhưng, tỏ ra rất khó chịu vì những ve vuốt của ông ta và nhất quyết không để ông ta tiến thêm, tôi làm được cho ông ta phải tự kiềm chế. Thế là tôi bèn nói với ông ta một cách ngọt ngào và kiên định hết mức có thể; và, chẳng ra vẻ nghi ngờ một điều gì hết, tôi xin lỗi vì đã tỏ ra lo ngại, do câu chuyện cũ, mà tôi cố ý kể lại cho ông ta bằng những lời lẽ đầy gòm tởm và ghê sợ, thành thử tôi cho là tôi khiến chính ông ta cũng buồn nôn, và từ bỏ hẳn ý định bắn thiêu. Chúng tôi qua phần đêm còn lại một cách yên ổn. Thậm chí ông ta còn nói với tôi nhiều điều rất hay, rất có lý, và chắc chắn đây chẳng phải là một người không tài cán, tuy là một kẻ thật xấu xa.

Buổi sáng, không muốn ra vẻ bất mãn, ông tu sĩ nói đến ăn sáng, và yêu cầu một trong các cô con gái của bà chủ nhà, cô ta xinh đẹp, cho mang thức ăn đến. Cô bảo là cô không có thì giờ: ông ta nói với cô em, cô này chẳng thèm trả lời. Chúng tôi vẫn đợi: chẳng hề có bữa sáng. Cuối cùng chúng tôi sang phòng của các cô gái. Họ tiếp ông tu sĩ với một vẻ rất ít niềm nở; tôi còn bị đón tiếp tệ hơn. Cô chị, trong khi quay người lại, ấn gót giày nhọn lên đầu bàn chân tôi, ở chỗ mà một cục chai rất đau đã buộc tôi phải cắt giày ra; cô kia đột ngột đến lấy đi ở phía sau tôi chiếc ghế mà tôi định ngồi; mẹ các cô, trong khi hắt nước qua cửa sổ, rảy ướt mặt tôi; tôi đứng ở chỗ nào là người ta xua tôi khỏi chỗ ấy để họ tìm cái gì đó; cả đời tôi chưa từng thấy chuyện gì như thế. Tôi thấy trong ánh mắt sỉ nhục và nhạo báng của họ một mối giận dữ che giấu mà tôi lại ngu xuẩn không hiểu gì hết. Sững sờ, kinh ngạc, sẵn sàng tin là tất cả bọn họ bị quỷ ám, tôi bắt đầu hoảng sợ thực sự, thì tu sĩ, vẫn vờ như không nghe không thấy gì hết, đoán chắc là chẳng lấy đâu ra bữa sáng mà chờ đợi, bèn quyết định ra phố, và tôi vội vã đi theo ông ta, rất hài lòng thoát được ba người đàn bà hung dữ

ấy. Trong khi đi đường, ông ta đề nghị tôi đến quán cà phê ăn sáng. Mặc dù rất đói, tôi không nhận lời mời này, ông ta cũng chẳng nài nỉ nhiều, và chúng tôi chia tay ở góc phố thứ ba hay thứ tư, tôi thì vui thích vì khuất mắt tất cả những gì thuộc về ngôi nhà đáng nguyên rủa ấy, còn ông ta, như tôi nghĩ, rất mừng vì đã đưa tôi đi khá xa ngôi nhà để tôi không dễ nhận ra nó. Vì ở Paris, cũng như ở bất kỳ thành phố nào khác, tôi chưa hề gặp chuyện gì tương tự hai sự biến trên, nên tôi giữ một ấn tượng ít có lợi cho dân chúng Lyon, và tôi luôn coi thành phố này là thành phố châu Âu tại đó ngự trị tình trạng hư hỏng gồm guốc nhốt.

Hồi ức về trạng thái cùng cực mình phải lâm vào cũng chẳng góp phần khiến tôi thích thú nhớ lại thành phố này. Nếu tôi được tạo ra như một người khác, nếu tôi có tài vay mượn và mắc nợ nơi quán trọ, tôi sẽ thoát vòng khó khăn một cách dễ dàng; nhưng về việc này sự bất tài của tôi ngang với niềm gớm ghét nơi tôi; và, để tưởng tượng xem sự bất tài và niềm gớm ghét ấy đi tới mức nào, chỉ cần biết rằng sau khi sống gần như cả đời trong tình trạng túng bấn, và nhiều khi sắp thiếu miếng ăn, chưa một lần nào tôi để chủ nợ đòi mà không trả ngay lập tức. Chưa khi nào tôi có những món nợ réo đòi, và bao giờ tôi cũng thích chịu khổ sở hơn là mắc nợ.

Chắc chắn là khổ sở khi phải chịu cảnh qua đêm ngoài đường, và đó là chuyện nhiều lần xảy ra với tôi tại Lyon. Tôi thích dùng vài đồng xu còn lại để chi cho miếng ăn hơn là cho chỗ ở; vì rốt cuộc tôi ít có nguy cơ chết vì buồn ngủ hơn là vì đói. Điều lạ lùng, là trong tình cảnh ác nghiệt ấy, tôi chẳng lo lắng cũng chẳng buồn rầu. Tôi không ưu tư gì về tương lai, và tôi chờ thư trả lời mà cô Du Châtelet ắt sẽ nhận được, trong lúc nằm ngoài trời, đuổi mình trên mặt đất hay trên một chiếc ghế dài mà ngủ, bình thản như trên một thảm hoa hồng. Thậm chí tôi còn nhớ đã qua một đêm tuyệt diệu bên ngoài thành phố, trên một con đường ven sông Rhône hay sông Saône, vì tôi không nhớ rõ là sông nào. Những khu vườn được đắp cao viền lấy mép đường đối

diện. Hôm ấy ban ngày rất nóng; buổi tối thật thú vị; sương xuống làm ẩm lớp cỏ úa héo; không có gió, một đêm yên tĩnh; trời mát mà không lạnh; vầng dương, sau khi lặn, để lại trên bầu trời những làn hơi màu đỏ mà ánh phản chiếu khiến nước mang sắc hồng; cây cối trên các vườn cao đầy chim họa mi hót đối đáp nhau từ cây này sang cây kia. Tôi đi tha thẩn trong một trạng thái ngây ngất, thả cho giác quan và con tim vui hưởng tất cả những cái đó, chỉ thở than đôi chút vì tiếc rằng hưởng thụ một mình. Đắm trong niềm mơ màng êm dịu, tôi dạo chơi rất khuya, chẳng nhận thấy mình mệt lử. Cuối cùng tôi nhận ra. Tôi khoan khoái nằm xuống tấm kê nhỏ lát trên một kiểu hốc hay ô cửa giả lõm sâu vào một bức tường của vườn cao; các ngọn cây thành đình màn; một con họa mi ở đúng bên trên tôi; tôi thiếp đi trong tiếng hót của chim: giấc ngủ của tôi êm đềm, lúc thức dậy còn êm đềm hơn. Trời đã sáng rõ: mắt tôi, khi mở ra, nhìn thấy mặt nước, màu xanh cây lá, một phong cảnh tuyệt đẹp. Tôi đứng dậy, cử động chân tay, tôi thấy đói; tôi vui vẻ tiến về phía thành phố, quyết định dùng hai đồng tiền lẻ vẫn còn để ăn một bữa trưa ngon lành. Tôi đang ở trạng thái rất vui tươi, thành thử vừa đi vừa hát suốt dọc đường, thậm chí tôi còn nhớ mình hát một bài cantate của Batistin, nhan đề là *Suối nước nóng Thoméry*, mà tôi thuộc lòng. Xin cầu phúc cho Batistin tốt bụng và bài cantate tốt lành của ông, nó đã giúp tôi có được một bữa trưa ngon hơn bữa mà tôi dự tính, và một bữa chiều còn ngon hơn nhiều nữa, mà tôi không hề dự tính gì hết! Đang đi và hát thật hăng hái, tôi bỗng nghe có ai đó phía sau mình, tôi ngoảnh lại, tôi thấy một tu sĩ dòng thánh Antoine đang đi theo và có vẻ thích thú nghe tôi hát. Ông ta đến gần, chào tôi, hỏi tôi có biết nhạc không. Tôi đáp, *một chút*, để người ta hiểu là *nhiều đấy*. Ông tiếp tục hỏi han; tôi kể cho ông một phần câu chuyện của mình, ông hỏi tôi đã chép nhạc bao giờ chưa. Tôi bảo “Thường xuyên”, và điều này là thật; cách học nhạc tốt nhất của tôi là chép nhạc. “Vậy này! Ông bảo tôi, cậu hãy đến với tôi; tôi có việc cho cậu vài ngày, trong thời gian ấy cậu sẽ không thiếu thốn gì hết, miễn là

cậu bằng lòng không ra khỏi phòng.” Tôi rất sẵn sàng nhận lời, và tôi đi theo ông.

Tu sĩ này, tên là ông Rolichon; ông yêu âm nhạc, am hiểu âm nhạc, và hát trong những cuộc hòa nhạc nhỏ mà ông thực hiện cùng bạn bè. Ở đó chỉ có sự hiền lành vô hại và sự lương thiện; nhưng sở thích này xem ra biến thành nhiệt cuồng, mà ông buộc phải che giấu đi một phần, ông dẫn tôi vào một căn phòng nhỏ mà tôi sẽ ở, trong đó tôi thấy rất nhiều bản nhạc ông đã chép, ông đưa tôi chép những bản khác, đặc biệt là bài cantate tôi đã hát, và vài ngày nữa chính ông sẽ hát. Tôi ở lại đó ba hay bốn ngày để chép suốt thời gian mà tôi không ăn; vì cả đời tôi chẳng đói đến thế cũng chẳng được nuôi dưỡng tốt hơn thế. Ông tự mang bữa ăn từ nhà bếp đến cho tôi, và nhà bếp này ắt phải nấu nướng ngon lành, nếu bữa ăn thường ngày của họ cũng ngang với bữa của tôi. Trong đời mình, tôi chẳng bao giờ thích thú ăn như vậy, và cũng phải thú thật là những miếng ngon ấy đến với tôi hết sức đúng lúc, vì tôi gầy khô như que củi. Tôi làm việc gần như cũng nhiệt tình bằng ăn, và nói vậy không phải là ít đâu. Sự thật thì tôi không chính xác bằng siêng năng mẫn cán. Mấy hôm sau, ông Rolichon mà tôi gặp ngoài phố, cho tôi biết là các phần tôi chép khiến cho nhạc thành ra không diễn tấu được, vì những phần ấy đầy những chỗ bỏ sót, những sự trùng lặp và chuyển giọng, cần phải thú nhận rằng sau này tôi đã chọn cái nghề trên đời mà tôi ít thích hợp nhất. Chẳng phải nốt nhạc tôi ghi không đẹp và tôi không chép thật rõ ràng; nhưng sự buồn chán của một công việc kéo dài khiến tôi có những sự lãng trí lớn đến mức, tôi dùng nhiều thời gian để cạo xóa hơn là để ghi, và nếu tôi không hết sức chú ý đối chiếu lại các đoạn, thì bao giờ chúng cũng khiến việc diễn tấu bị thất bại. Vậy tôi đã làm rất dở, trong khi muốn làm tốt, và, để tiến hành nhanh, tôi tiến hành sai chệch hết. Điều này không ngăn cản ông Rolichon đối xử tốt với tôi cho đến cùng, và khi tôi ra đi còn cho tôi một đồng *écu* mà tôi chẳng đáng nhận mấy, và nó khiến tôi ổn định lại hẳn; vì ít ngày sau tôi nhận được tin của Má, hiện

đang ở Chambéry, và nhận được tiền để đi gặp bà, điều mà tôi nhiệt thành thực hiện. Từ đó, tiền nong của tôi nhiều khi rất eo hẹp, nhưng không bao giờ eo hẹp đến phải nhịn đói. Tôi ghi lại thời kỳ này với tấm lòng cảm kích trước sự chiếu cố ân cần của Thượng Đế. Đây là lần cuối cùng trong đời tôi cảm nhận sự khốn cùng và cái đói.

Tôi ở lại Lyon bảy tám ngày nữa để đợi các việc Má đã ủy thác cho cô Du Châtelet, trong thời gian này tôi năng đến thăm cô hơn trước, do có niềm vui được trò chuyện với cô về bà bạn của cô, và không còn bị lảng trí vì những hồi tưởng ác nghiệt về tình hình của tôi, chúng buộc tôi phải giấu cô tình hình ấy. Cô Du Châtelet không trẻ cũng không xinh đẹp, nhưng cô chẳng thiếu duyên dáng; cô hiền hòa dễ tính và thân tình, và trí tuệ của cô đem lại giá trị cho sự thân tình này. Cô có sở thích về đạo lý chiêm nghiệm nó hướng tới sự quan sát con người; và nguyên do đầu tiên chính là từ cô mà tôi thành ra cũng có sở thích ấy. Cô ưa tiểu thuyết của Le Sage, đặc biệt là *Gil Blas*; cô nói với tôi về cuốn đó, cho tôi mượn, tôi thích thú đọc; nhưng tôi còn chưa đủ chín cho những loại sách này: tôi cần những tiểu thuyết có tình cảm cao cả. Tôi qua thời gian như vậy ở nơi cô Du Châtelet tiếp khách, vui thích bao nhiêu thì cũng ích lợi bấy nhiêu, và chắc chắn là những cuộc đàm thoại thú vị và hợp lẽ phải của một phụ nữ tài cán thích hợp để đào tạo một thanh niên hơn là toàn bộ triết lý thông thái rỗng của sách vở. Tại Chasottes tôi làm quen với những phụ nữ khác lưu trú tại tu viện và bạn bè họ; trong số này có một thiếu nữ mười bốn tuổi, tên là cô Serre, khi đó tôi không thật chú ý, nhưng tám chín năm sau tôi say mê, và đúng lẽ, vì đó là một thiếu nữ khả ái.

Bận tâm trông mong sắp gặp lại Má hiền từ của mình, tôi để cho những ảo tưởng hão huyền ngưng nghỉ đôi chút, và hạnh phúc có thực đang chờ khiến tôi khỏi phải kiếm tìm nó trong ảo ảnh. Chẳng những tôi tìm lại được Má, mà còn tìm lại được bên bà và nhờ bà một cảnh hưởng dễ chịu; vì bà nói rõ là đã tìm được cho tôi một công việc mà bà hy vọng sẽ hợp với tôi, và khiến tôi không phải xa bà. Tôi ra sức

phỏng đoán xem công việc ấy có thể là cái gì, và quả thực phải đoán thì may ra mới trúng. Tôi có đủ tiền để đi đường một cách thuận tiện, cô Du Châtelet muốn tôi kiếm một con ngựa; tôi không thể đồng ý, và tôi đúng: nếu làm vậy tôi sẽ mất cái thú của cuộc hành trình đi bộ cuối cùng trong đời; vì tôi không thể dùng cái tên này để gọi những chuyến du lãm sang các vùng lân cận mà tôi thường thực hiện trong thời gian tôi ở Môtiers.

Một điều thật kỳ lạ là trí tưởng tượng của tôi chẳng bao giờ dâng cao một cách dễ chịu hơn là khi tình trạng của tôi ít dễ chịu nhất, và ngược lại trí tưởng tượng ấy kém tươi vui khi mọi sự đều tươi vui quanh tôi. Cái đầu óc ương ngạnh của tôi không thể phục tùng sự vật. Nó không thể làm đẹp thêm, nó muốn sáng tạo. Những vật thể có thật tự biểu hiện trong đó nhiều lắm là như chúng vốn thế; nó chỉ biết tô điểm cho những vật thể tưởng tượng. Nếu tôi muốn biểu hiện mùa xuân, thì tôi phải đang ở mùa đông; nếu tôi muốn miêu tả một phong cảnh đẹp, thì tôi phải ở giữa những bức tường; và tôi đã nói hàng trăm lần là nếu như bị giam vào ngục Bastille, tôi sẽ tạo nên ở đó bức tranh về tự do. Từ Lyon ra đi tôi chỉ nhìn thấy một tương lai dễ chịu, tôi rất hài lòng, và hoàn toàn có lý do để hài lòng, khác hẳn với khi từ Paris ra đi, thật ít hài lòng. Tuy nhiên, suốt chuyến đi này, tôi không hề có những mơ màng tuyệt diệu đã theo tôi trong chuyến đi kia. Tôi có cõi lòng thanh thản, nhưng chỉ thế thôi. Tôi cảm động tiến đến gần bà bạn xuất chúng mà mình sắp gặp lại. Tôi nể trước, nhưng không say sưa, niềm vui thích được sống bên bà: tôi vẫn luôn chờ đợi điều đó; cứ như thể không có gì mới mẻ xảy ra với tôi. Tôi lo lắng về việc mình sẽ làm, cứ như thể việc đó rất đáng lo lắng. Các ý tưởng của tôi thuần hòa và êm dịu, không thần tiên và mê hồn. Mọi vật tôi đi qua đều khiến tôi chú ý; tôi lưu tâm đến phong cảnh; tôi để ý tới cây cối, nhà cửa, sông suối; tôi suy xét khi ở các ngã ba ngã tư, tôi sợ lạc đường, và tôi không hề bị lạc. Nói tóm lại, tôi không còn ở thiên đường nữa, tôi

ở khi thì nơi mình đang ở, khi thì nơi mình đang đi, chẳng bao giờ xa hơn.

Khi kể lại những chuyến đi của mình, tôi cũng giống như khi đang đi; tôi không thể tới nơi. Tim tôi đập mạnh vì vui mừng khi đến gần Má thân yêu, song tôi chẳng vì thế mà đi nhanh hơn. Tôi ưa bước đi tùy ý, và dừng lại khi nào thích. Cuộc sống đi rong là cuộc sống cần cho tôi. Đi bộ trên đường khi trời đẹp, ở một xứ sở đẹp, chẳng phải vội vã, và có một mục tiêu thú vị để kết thúc chuyến đi: trong mọi cách sống, đó là cách hợp với sở thích của tôi nhất, và chẳng, mọi người đã biết tôi hiểu thế nào là một xứ sở đẹp. Một xứ sở đồng bằng, dù đẹp đến đâu, cũng không bao giờ đẹp trong mắt tôi. Tôi cần những dòng thác, những lèn đá, những cây tùng, những khu rừng tối, những núi, những con đường gập ghềnh phải trèo lên trèo xuống, những vực sâu bên cạnh khiến tôi rất sợ. Tôi có được niềm vui thú ấy, mà tôi ném trái với tất cả sức mê hoặc của nó, khi đến gần Chambéry. Không xa một ngọn núi bị phạt ngang mà mọi người gọi là Bâc-Thang, bên dưới con đường lớn đục vào trong đá, ở chỗ tên là Chailles, một dòng sông nhỏ chảy và sôi réo trong những vực xoáy dễ sợ mà dường như sông đã mất hàng ngàn thế kỷ để đào nên. Người ta đã đặt lan can viền lấy con đường để phòng ngừa tai nạn: nhờ vậy tôi có thể ngắm đến tận đáy và tha hồ mà chóng mặt, vì điều tức cười trong sở thích của tôi đối với các nơi chốn hiểm trở là chúng khiến đầu óc tôi quay cuồng choáng váng, và tôi rất thích sự quay cuồng choáng váng ấy, miễn là mình được an toàn. Tựa vững vào lan can, tôi nhô mặt ra, và tôi ở đó hàng mấy giờ liền, thỉnh thoảng lại thoáng thấy lớp bọt ấy và làn nước xanh ấy mà tôi nghe tiếng ầm ào văng qua tiếng kêu của những con quạ và những con chim ăn thịt bay lượn từ tầng đá này sang tầng đá khác, và từ bụi rậm này sang bụi rậm khác, ở bên dưới tôi hàng trăm thước, ở những chỗ mà bờ dốc khá phẳng và bụi rậm khá thoáng để đá sỏi qua được, tôi đi ra xa kiếm những hòn to mà mình mang nổi, tôi gom chúng thành đống trên lan can; rồi tôi ném hết hòn nọ đến hòn kia,

thích thú ngắm chúng lặn, nảy bật và vỡ tung làm ngàn mảnh, trước khi xuống đến đáy vực.

Gần Chambéry hơn, tôi có một quang cảnh tương tự, theo hướng ngược lại. Con đường đi qua dưới chân thác nước đẹp nhất tôi từng thấy trong đời. Núi dốc đứng đến mức nước tách hẳn ra và rơi thành vòng cung xuống khá xa thành thử mọi người có thể đi qua giữa thác và phiến đá, mà đôi khi không bị vấy nước. Nhưng nếu không ước lượng đúng, thì rất dễ bị lằm, giống như tôi: bởi vì, do độ cao cực kỳ, nước phân tán và rơi thành bụi, và khi ta đến quá gần đám mây này một chút, thoát tiên chưa nhận ra mình bị vấy nước, thì ngay tức khắc ta đã ướt đầm.

Cuối cùng tôi tới nơi, tôi gặp lại Má. Bà không ở một mình, ngài Tổng Giám sát đang ở nhà bà lúc tôi bước vào. Chẳng nói với tôi, bà cầm tay tôi và giới thiệu tôi cùng ngài với sự duyên dáng nó mở ra cho bà mọi tấm lòng: “Thưa ngài, cậu ta đây, chàng thanh niên tội nghiệp; mong ngài chiếu cố che chở cho cậu ta lâu chừng nào mà cậu ta xứng đáng, tôi không còn phải lo lắng cho phần đời còn lại của cậu ta nữa.” Rồi phát biểu với tôi, bà nói: “Con ạ, con thuộc về đức vua; hãy cảm tạ quan Giám sát, ngài cho con miếng ăn.” Tôi mở to mắt chẳng nói gì, chẳng biết nghĩ gì; thiếu chút nữa là tham vọng mới chớm khiến tôi chóng mặt, và tôi đã làm quan tiểu giám sát rồi. Thời vận của tôi hóa ra ít rục rờ hơn tôi đã tưởng tượng dựa trên bước khởi đầu này; nhưng về hiện tại thì đủ để sinh sống, và với tôi, thế là rất đáng kể. Chuyện là như thế này.

Nhà vua Victor-Amédée, qua số phận các cuộc chiến trước đây, và qua vị trí di sản của cha ông, xét thấy di sản này một ngày nào đó sẽ tuột khỏi tay mình, nên chỉ tìm cách khai thác cạn kiệt. Cách đây ít năm do quyết định đánh thuế giới quý tộc, nhà vua đã ra lệnh tổng đặc điền toàn xứ sở, để cho, khi đánh thuế thực sự, có thể phân bổ một cách công bằng hơn. Công việc này, bắt đầu dưới triều của cha, được hoàn thành dưới triều của con. Hai ba trăm người, gồm những người

đo đạc gọi là nhà trắc địa, cũng như những người viết gọi là thư ký, được sử dụng cho công trình này, và Má đã cho ghi tên tôi vào sổ các thư ký. Chức vụ, không đem lại thật nhiều lợi lộc, song cũng đủ để sống phong lưu tại xứ sở này. Cái dở là chức nghiệp ấy chỉ có kỳ hạn, nhưng nó khiến ta ở vào địa vị có thể tìm kiếm và chờ đợi, và chính vì lo xa mà Má cố giành cho tôi được sự che chở đặc biệt của quan Giám sát, để có thể chuyển sang một chức nghiệp nào đó vững vàng hơn khi thời hạn của chức nghiệp này chấm dứt.

Sau khi tới nơi ít ngày tôi nhận nhiệm vụ. Công việc không có gì khó, và chẳng bao lâu tôi đã quen. Thế là sau bốn năm năm rong ruổi, điên rồ và khổ sở từ khi ra khỏi Genève, lần đầu tiên tôi bắt đầu kiếm sống một cách vinh dự.

Những chi tiết dài dòng về tuổi thanh xuân mới chớm của tôi có vẻ rất ấu trĩ và tôi buồn phiền vì điều đó: tuy sinh ra đã là người lớn ở một số phương diện, song tôi từng là trẻ con rất lâu, và hiện nay vẫn còn trẻ con ở nhiều phương diện khác. Tôi đã không hứa hẹn cung cấp cho công chúng một nhân vật lớn: tôi đã hứa tự miêu tả như tôi vốn thế; và, để hiểu tôi khi cao tuổi, phải từng hiểu rõ tôi trong thời thanh xuân, vì nói chung các vật thể gây ấn tượng cho tôi ít hơn là hồi ức về chúng, và vì mọi ý tưởng của tôi đều bằng hình ảnh, nên những nét đầu tiên khắc ghi trong óc tôi đã ở lại đó, và những nét in hằn sau này đã kết hợp với những nét trên nhiều hơn là xóa mờ chúng, có một sự kế tục nào đó về tình cảm và ý tưởng làm biến đổi những tình cảm và ý tưởng theo sau, và cần phải biết để đánh giá cho đúng. Tôi cố gắng triển khai kỹ ở khắp mọi chỗ những nguyên nhân đầu tiên, để làm cho thấy được mối liên hệ của các kết quả. Tôi muốn theo cách nào đó có thể làm cho tâm hồn mình thành trong suốt, trước mắt người đọc, và để làm được điều này tôi gắng phô bày nó dưới mọi điểm nhìn, soi rọi nó bằng mọi ánh sáng, sao cho không một động thái nào diễn ra tại đó mà người đọc không nhận thấy, để người đọc có thể tự mình xét đoán về căn nguyên sản sinh ra các động thái này.

Nếu như tôi đảm trách lấy kết quả và bảo độ giả: Tính cách tôi là vậy, độ giả có thể cho rằng nếu tôi không lừa họ, thì ít ra tôi cũng lầm lẫn. Nhưng bằng cách kể cặn kẽ một cách giản dị tất cả những gì đã xảy ra với mình, tất cả những gì mình đã suy nghĩ, tất cả những gì mình đã cảm nhận, tôi không thể đánh lừa độ giả, trừ phi tôi muốn làm thế; mà thậm chí có muốn, tôi cũng chẳng dễ dàng làm được theo cách ấy. Chính độ giả có nhiệm vụ tập hợp các yếu tố đó, và xác định con người do các yếu tố ấy cấu thành: kết quả phải là công trình của độ giả; và khi ấy nếu họ lầm lẫn, toàn bộ sai sót sẽ là chuyện của họ. Mà, nhằm mục đích ấy những truyện kể của tôi chỉ trung thực thì không đủ, chúng cũng cần phải chính xác. Đánh giá tầm quan trọng của các sự kiện không phải việc của tôi, tôi phải nói ra hết các sự kiện, và để lại việc chọn lựa cho độ giả. Đó là điều mà cho đến lúc này tôi đã đem hết can đảm gắng thực hiện, và tôi sẽ không lơi lỏng về sau. Nhưng bao giờ những hồi ức của tuổi trung niên cũng không tươi rói bằng những hồi ức thuộc thời thanh xuân mới chớm. Tôi đã bắt đầu bằng việc tận dụng hết mức có thể những hồi ức đó. Nếu những hồi ức khác trở lại cùng tôi cũng với sức mạnh ấy, những độ giả nóng nảy có lẽ sẽ buồn chán, nhưng tôi sẽ không bất mãn với công việc của mình. Tôi chỉ sợ một điều trong công cuộc này: không phải là nói nhiều quá hay nói những điều dối trá, mà là không nói tất cả và làm thình về những sự thật.

Quyển Năm

Theo tôi nghĩ, thì tôi đến Chambéry vào năm 1732, như tôi vừa nói, và bắt đầu làm nhân viên địa chính phục vụ nhà vua. Tôi đã quá hai mươi, gần hai mươi một tuổi. Đối với lứa tuổi, tôi khá phát triển về phương diện trí tuệ, nhưng óc xét đoán không mấy phát triển, và tôi rất cần những bàn tay dìu dắt bỗng nhiên có được để học cách cư xử: bởi vài năm kinh nghiệm còn chưa thể chữa khỏi triệt để cho tôi những ảo ảnh lãng mạn, và bất chấp mọi nỗi khổn khổ từng phải chịu, tôi ít hiểu biết về xã hội và con người cứ y như chưa vấp vấp để có được những kiến thức đó.

Tôi ở nhà mình, tức là ở nhà Má; nhưng tôi không thấy lại căn phòng Annecy của mình, chẳng còn vườn, chẳng còn suối, chẳng còn phong cảnh. Ngôi nhà Má ở âm u và buồn, còn phòng của tôi là căn phòng âm u nhất và buồn nhất trong nhà. Một bức tường làm quang cảnh, một ngõ cụt làm đường phố, ít không khí, ít ánh sáng, ít không gian, dế, chuột, những tấm ván mục; tất cả những thứ đó không tạo nên một nơi ở thú vị. Nhưng tôi ở nhà Má, gần bên bà; liên miên trong nơi làm việc hay trong phòng của bà, tôi ít nhận ra sự xấu xí của phòng mình; tôi không có thì giờ mơ màng tại đó. Việc bà cố ý định cư tại Chambéry để ở ngôi nhà xấu này sẽ có vẻ kỳ quái: chính điều ấy là một hành vi khôn khéo mà tôi không được làm thỉnh. Bà đến Turin mà trong lòng chẳng thích, cảm thấy rõ là sau những cuộc biến động chỉ vừa mới xảy ra, và trong tình trạng triều đình còn xôn xao rối loạn, không phải lúc để xuất hiện tại đó. Tuy nhiên công việc đòi hỏi bà phải ló mặt; bà sợ bị quên hoặc bị làm hại. Đặc biệt bà biết rằng bá

tước De Saint-Laurent, tổng giám sát tài chính, không ưu ái mình, ông ta có ở Chambéry một ngôi nhà cũ, xây cất chẳng ra sao, và ở một vị trí rất xấu, thành thử luôn trống vắng không người ở; bà thuê ngôi nhà ấy và đến ngụ tại đó. Việc này giúp bà thành công hơn là một chuyến đi; khoản trợ cấp cho bà không bị bãi bỏ, và từ đó bá tước De Saint-Laurent luôn là chỗ dựa của bà.

Tôi thấy việc nhà của bà được sắp xếp gần như trước đây, và Claude Anet trung thành vẫn luôn ở cùng bà. Đó là một nông dân vùng Moutru*, có lẽ tôi đã nói rồi, thuở bé anh thu hái cây cỏ tại miền Jura để làm trà Thụy Sĩ, và bà đã nhận anh vào giúp việc, thấy thuận tiện khi người hầu của mình đồng thời là một nhà thảo dược. Anh hết sức đam mê nghiên cứu cây cỏ, và bà hết sức ủng hộ sở thích của anh, đến mức anh trở thành một nhà thực vật học thực thụ, và nếu như không chết trẻ, anh sẽ làm nên một tên tuổi trong ngành khoa học ấy, cũng như anh xứng đáng có một tên tuổi giữa những con người chính trực, vì anh nghiêm túc, thậm chí trang trọng, và vì tôi ít tuổi hơn anh, nên với tôi anh thành một kiểu sư phó, cứu tôi khỏi nhiều trò điên rồ: bởi anh khiến tôi nể sợ, và tôi không dám sao nhãng bốn phần trước mặt anh. Anh khiến ngay cả bà chủ cũng phải nể, bà biết lương tri của anh, sự ngay thẳng, mỗi lần bắt khả xâm phạm của anh đối với bà, và bà cũng đáp lại xứng đáng. Chắc chắn Claude Anet là một con người hiếm có, thậm chí duy nhất mà tôi từng thấy ở kiểu người như anh. Thông thả, từ tốn, chín chắn, thận trọng trong cách cư xử, lạnh lùng trong thái độ, ngắn gọn và nghiêm trang trong lời lẽ, anh có một sự dữ dội trong đam mê, sự dữ dội mà anh không bao giờ để lộ ra, nhưng nó nung nấu anh bên trong, và đã khiến anh làm chỉ một điều đại dột trong đời, nhưng kinh khủng, đó là tự đầu độc. Thảm kịch ấy diễn ra ít lâu sau khi tôi đến, và phải có thảm kịch này thì tôi mới biết tình trạng thân mật giữa chàng trai và nữ chủ nhân của anh; vì nếu như bà không tự nói với tôi, thì không bao giờ tôi ngờ đến. Chắc chắn rằng nếu sự gần bó, nhiệt tâm sốt sắng và lòng trung thành đáng được một

phần thưởng như thế, thì phần thưởng ấy đương nhiên thuộc về anh, và điều chứng tỏ anh xứng đáng, là anh không bao giờ lạm dụng nó. Hiếm khi họ cãi cọ, và những cuộc cãi cọ bao giờ cũng kết thúc tốt đẹp. Tuy nhiên có một cuộc lại kết thúc dở: trong lúc tức giận bà chủ nói với anh một lời xúc phạm mà anh không sao chịu nổi. Anh chỉ nghĩ đến nỗi tuyệt vọng của mình, và sẵn trong tay một lọ thuốc nha phiến, anh nuốt hết, rồi bình thản đi nằm, định sẽ không bao giờ tỉnh dậy. May thay chính bà De Warens cũng rối loạn bất an, lo lắng, bà đi vợ vẫn trong nhà, thấy lọ thuốc rỗng không, và đoán ra sự thể. Trong khi lao đến cứu anh, bà thốt lên những tiếng kêu khiến tôi chạy tới; bà thú nhận hết với tôi, khẩn cầu tôi giúp đỡ, và rất vất vả mới làm được cho anh nôn thuốc phiện ra. Chứng kiến cảnh đó, tôi thán phục sự ngu dại của mình là chưa bao giờ ngờ vực mấy may về những quan hệ mà bà cho tôi biết. Nhưng Claude Anet hết sức kín đáo, thành thử những người sáng suốt hơn tôi cũng có thể lầm lẫn. Sự hòa giải khiến bản thân tôi cảm động sâu sắc, và từ thời gian ấy, thêm niềm tôn trọng vào lòng quý mến đối với anh, tôi thành học trò của anh theo cách nào đó, và không thấy khó chịu hơn vì thế.

Tuy nhiên tôi không khỏi khổ tâm khi biết rằng ai đó có thể sống với bà trong tình trạng thân mật nhiều hơn mình. Thậm chí tôi đã không nghĩ đến chuyện ao ước cho mình vị trí ấy, nhưng thật khắc nghiệt cho tôi khi thấy một người khác choán lấy nó; điều này là rất tự nhiên. Tuy thế, thay vì ghét người đã chiếm mất bà, tôi lại cảm thấy niềm quyến luyến đối với bà thực sự lan rộng ra đến người đó. Tôi mong muốn bà được hạnh phúc ở mọi điều và, bởi bà cần anh để được hạnh phúc, tôi hài lòng vì anh cũng hạnh phúc, về phía anh, thì anh hoàn toàn theo ý của bà, và thành thật mến người bạn mà bà đã tự chọn cho mình. Chẳng cố tình tỏ ra với tôi uy thế mà vị trí của anh khiến cho anh có quyền, anh có một cách tự nhiên uy thế do năng lực phán đoán của anh đối với năng lực phán đoán của tôi. Tôi không dám

làm điều gì mà anh có vẻ không tán thành, và anh chỉ không tán thành những gì xấu. Chúng tôi sống như vậy trong một sự đoàn kết khiến tất cả chúng tôi hạnh phúc, và chỉ cái chết mới phá hoại được. Một trong những điều chứng tỏ tính cách ưu tú của người phụ nữ dễ mến này là tất cả những ai yêu quý bà đều yêu quý lẫn nhau, sự ghen tuông, ngay cả sự kình địch cũng chịu thua tình cảm chủ yếu do bà khơi gợi, và tôi chưa bao giờ thấy một ai trong những người xung quanh bà muốn hại lẫn nhau. Xin những ai đọc tôi hãy dừng đọc một lát trước lời ca tụng này, và trong khi nghĩ về lời ca tụng ấy nếu họ tìm ra một phụ nữ nào khác mà họ có thể nói cũng những điều như thế, thì xin hãy gắn bó với người ấy để đời họ được an bình, dù người ấy có là ả điểm mặt hạng nhất.

Ở đây bắt đầu, từ khi tôi đến Chambéry cho đến khi tôi lên đường đi Paris, năm 1741, một khoảng thời gian tám chín năm, trong thời gian này tôi có ít biến cố để kể, vì cuộc sống của tôi vừa giản dị vừa êm đềm, và tình trạng đơn điệu này chính là điều tôi cần hơn cả để hoàn tất sự hình thành của tính cách, mà những xáo động liên miên cản trở việc xác định vững vàng. Chính trong khoảng thời gian quý giá này sự giáo dục pha trộn và không mạch lạc của tôi, do có được tính vững chắc, đã làm cho tôi thành những gì mà tôi luôn là như vậy qua những bão tố chờ đợi mình, sự tiến triển ấy chậm rãi và khó nhận biết, mang theo ít biến cố đáng nhớ; tuy nhiên nó cũng đáng được theo dõi và tường thuật.

Mới đầu tôi hầu như chỉ bận tâm vì công việc; sự gò bó của bàn giấy không để tôi nghĩ đến chuyện khác. Chút thời gian tự do ít ỏi, tôi ở bên Má hiên; và do không có cả thì giờ đọc sách, tôi chẳng nảy ra ý thích ấy. Nhưng khi việc làm, trở thành một thứ nếp quen, khiến trí óc tôi bớt bận rộn, thì trí óc bỗng chôn trở lại; việc đọc sách lại thành cần thiết, và, do sở thích ấy luôn bị kích thích vì khó được đắm mình vào đó, nên nó có thể lại trở thành đam mê như ở nhà người chủ của tôi*, nếu như những sở thích khác không ngáng đường làm khuây lãng nó.

Mặc dù các phép tính của chúng tôi không cần đến một toán học thật cao cấp, nhưng cũng cần đủ để đôi khi tôi bị lúng túng. Nhằm khắc phục khó khăn này, tôi mua các sách toán, và tôi học toán tốt, vì học một mình. Toán học thực hành mở rộng hơn ta nghĩ khi ta muốn đưa vào đó tính chính xác nghiêm ngặt, có những phép tính dài cực kỳ, mà giữa chừng tôi đã thấy những nhà trắc địa giỏi đôi khi cũng bị lầm lẫn. Suy tư kết hợp với thói quen đem lại những ý tưởng rõ ràng, và khi ấy ta tìm ra những phương pháp rút gọn, mà phát kiến làm cho lòng tự tôn vui thích, mà tính đúng đắn làm cho trí não thỏa mãn, và khiến ta thích thú thực hiện một công việc bản thân nó không khan vô vị. Tôi đắm mình vào đó đến mức chẳng một vấn đề nào giải quyết chỉ bằng các con số khiến được tôi lúng túng, và giờ đây khi tất cả những gì tôi từng biết đang ngày ngày mờ xóa dần trong trí nhớ, tri thức này vẫn còn lại từng phần sau ba mươi năm gián đoạn. Cách đây vài hôm trong một chuyến đi đến Davenport, tại gia đình chủ nhà, nhân chứng kiến buổi học toán của các con ông, tôi đã làm rất đúng, với một niềm vui thích lạ lùng, một trong những phép toán phức hợp nhất. Trong khi đặt các con số, tôi thấy dường như mình còn đang ở Chambéry, trong những ngày hạnh phúc. Đó là trở lại dĩ vãng xa xôi.

Việc tô màu bản đồ của các nhà trắc địa cũng khiến cho tôi lại ham thích vẽ. Tôi mua màu, và tôi bắt đầu vẽ hoa và phong cảnh. Đáng tiếc là tôi ít có tài về nghệ thuật này; ý hướng thì hoàn toàn chuyên chú. Tôi có thể ở giữa những bút chì bút vẽ hàng mấy tháng liền không ra ngoài. Thấy tôi thành quá gắn bó với công việc này, mọi người buộc phải dứt tôi ra khỏi nó. Sự thế cũng như vậy với tất cả những sở thích mà tôi bắt đầu theo đuổi; chúng tăng tiến, trở thành đam mê, và chẳng bao lâu tôi không còn nhìn thấy gì trên đời ngoài trò vui mà mình đang bận tâm. Tuổi tác đã không chữa khỏi cho tôi tật xấu ấy, thậm chí không làm nó giảm bớt, và giờ đây đang viết những điều này, tôi lại như một lão già đắm chìm mê say một môn học khác vô

bổ mà mình không hiểu gì hết, mà chính những người từng miệt mài với nó khi còn trẻ đã buộc phải từ bỏ ở độ tuổi mà tôi muốn bắt đầu.

Khi đó môn học này lẽ ra là đúng chỗ. Cơ hội tốt đẹp, và có lúc tôi định tận dụng, vẽ hài lòng mà tôi nhìn thấy trong mắt của Anet, khi anh trở về mang theo những loài cây cỏ mới, khiến tôi hai ba lần sắp sửa đi sưu tập cây cỏ cùng anh. Tôi gần như tin chắc rằng nếu tôi chỉ đi một lần thôi, thì điều đó sẽ chinh phục tôi, và có lẽ giờ đây tôi là một nhà thực vật học lớn; vì tôi không thấy môn học nào trên đời hợp với sở thích tự nhiên của tôi hơn là nghiên cứu cây cỏ, và cuộc sống mười năm ở miền quê hiện nay chỉ là một sự sưu tập cây cỏ liên miên, quả thực là không mục đích và không tiến bộ; nhưng thời đó vì không có một khái niệm gì về thực vật học, tôi đã có một kiểu khinh miệt thậm chí chán lợm nó; tôi chỉ coi đó là một môn học của người bào chế thuốc. Bản thân Má, vốn yêu thích môn học này, cũng không sử dụng nó vào điều gì khác; bà chỉ sưu tầm những cây cỏ thông dụng, để dùng cho các dược phẩm của mình. Như vậy thực vật học, hóa học và giải phẫu học, lẫn lộn trong óc tôi dưới cái tên y thuật, chỉ cung cấp cho tôi suốt ngày những lời châm chọc lý thú, và thỉnh thoảng khiến tôi bị bạt tai. Và chẳng, một sở thích khác biệt và quá trái ngược với sở thích kia tăng tiến dần từng cấp độ, và chẳng bao lâu thu hút mọi sở thích khác. Tôi đang nói đến âm nhạc. Chắc hẳn tôi được sinh ra cho nghệ thuật này, vì tôi đã bắt đầu yêu thích nó ngay từ thời thơ ấu, và đó là nghệ thuật duy nhất mà tôi đã bền bỉ yêu mến ở mọi thời kỳ. Điều lạ lùng là một nghệ thuật mà tôi sinh ra cho nó thế mà lại khiến tôi vất vả biết bao nhiêu để học, và thành công rất chậm, thành thử sau khi đã thực hành suốt đời, chưa bao giờ tôi có thể hát đúng được ngay theo nhạc phổ mà không chuẩn bị. Điều đặc biệt khiến cho khi đó môn học này thành thú vị đối với tôi là tôi có thể thực hiện nó cùng Má. Và chẳng vốn có những sở thích rất khác biệt, với chúng tôi âm nhạc là một điểm kết nối mà tôi ưa sử dụng. Má không từ chối việc này: khi ấy tôi đã tiến bộ gần bằng Má; qua hai ba lần là chúng tôi đọc được

một điệu nhạc. Đôi khi, thấy Má lật đặt quanh một bếp lò, tôi bảo bà: “Má này, đây là một bản song tấu dễ thương, em thấy nó rất có vẻ làm cho người thấy mùi khét ở thuốc của Má đấy. - À! Nói thực này, bà bảo tôi, nếu em làm thuốc của ta bị cháy, ta sẽ bắt em ăn chúng.” Vừa tranh cãi, tôi vừa kéo bà đến bên cây đàn clavecin: chúng tôi quên khuấy thì giờ; chất chiết xuất từ đồ tùng hay ngải đắng bị cháy đen: bà bôi lem luốc lên mặt tôi, và tất cả những điều này thật tuyệt diệu.

Ta thấy với ít ỏi thời gian còn dư tôi có nhiều thứ để sử dụng thời gian ấy. Tuy nhiên tôi còn có thêm một trò vui nữa làm tăng giá trị tất cả các trò khác.

Chúng tôi ở một nhà ngục rất ngọt ngào, thành thử đôi khi cần ra hóng gió bên ngoài. Anet khuyên Má thuê ở ngoài ô một mảnh vườn để trồng cây cỏ. Vườn gồm thêm một túp nhà nhỏ khá xinh xắn, mà chúng tôi bày biện rất đơn sơ*, chúng tôi đặt trong đó một chiếc giường; chúng tôi hay đến đó ăn chiều, và đôi khi tôi ngủ lại. Dần dần tôi mê say chốn ẩn cư nho nhỏ này; tôi để ở đây vài cuốn sách, rất nhiều tranh in; tôi dùng một phần thời gian của mình để trang trí, để chuẩn bị cho Má một điều ngạc nhiên thú vị nào đấy khi bà đến đó dạo chơi. Tôi rời Má để đến chăm lo cho Má, để nghĩ về bà một cách vui thích hơn; một sự trái tính trái nết nữa mà tôi chẳng biện minh cũng chẳng lý giải, nhưng tôi thú nhận rằng sự việc là thế. Tôi nhớ có một lần phu nhân De Luxembourg nói với tôi một cách chế nhạo về một người đàn ông rời tình nương để viết thư cho nàng. Tôi bảo phu nhân rằng tôi rất có thể là người đó, và lẽ ra tôi có thể nói thêm rằng đôi khi tôi đã là người đó. Tuy nhiên khi ở gần Má tôi chưa bao giờ cảm thấy cái nhu cầu xa bà để yêu bà hơn: vì mặt đối mặt với bà tôi cũng hoàn toàn thoải mái như thể đang ở một mình, và điều này chưa từng xảy ra với tôi bên bất kỳ ai khác, nam hay nữ, cho dù tôi gần bó với họ đến mấy. Nhưng Má rất hay có nhiều người vây quanh, và là những người rất ít hợp với tôi, thành thử sự hờn giận và nỗi buồn chán xua tôi về

nơi ăn náu, tại đó tôi có Má như tôi muốn, chẳng sợ những kẻ quấy rầy theo chúng tôi đến đây.

Trong khi tôi sống ở trạng thái an tĩnh êm đềm nhất, san sẻ giữa công việc, vui chơi và học tập, thì châu Âu không thật yên bình như tôi. Nước Pháp và Hoàng đế vừa tuyên chiến với nhau*; nhà vua Sardaigne tham gia cuộc phân tranh, và quân đội Pháp nhanh chóng kéo đến Piémont để vào Milanais. Một đoàn quân đi qua Chambéry, trong đó có đội quân Champagne, mà công tước De la Trimouille là đại tá, tôi được giới thiệu với ông, ông hứa hẹn với tôi rất nhiều điều, và chắc chắn chẳng bao giờ nhớ đến tôi. Mảnh vườn nhỏ của chúng tôi ở đúng đầu ngoại ô nơi các đoàn quân kéo vào, thành thử tôi tha hồ thích thú đến xem họ đi qua, và tôi say mê với thắng lợi của cuộc chiến này như thể nó có quan hệ đến mình rất nhiều. Cho đến bấy giờ tôi còn chưa nghĩ đến các đại sự chung, và tôi bắt đầu đọc nhật báo lần đầu tiên, nhưng hết sức thiên vị nước Pháp, thành thử tim tôi đập mạnh vì vui mừng trước những thắng lợi nhỏ nhất của Pháp, và những rủi ro thất bại của nước này khiến tôi buồn khổ như thể chúng rơi vào mình. Nếu sự điên rồ ấy chỉ là nhất thời, tôi sẽ chẳng buồn nói đến; nhưng nó đã bắt rễ sâu xa trong lòng tôi chẳng vì một lý do nào, thành thử sau này khi tôi làm kẻ chống áp chế và người Cộng hòa kiêu hãnh, ở Paris, tôi cảm thấy ngoài ý muốn của mình một niềm thiên ái thầm kín với chính cái quốc gia mà mình thấy là nô lệ, và với cái chính thể mà mình ra vẻ phản đối. Điều thú vị ở đó là do xấu hổ vì một khuynh hướng hết sức trái ngược với các phương châm của mình, tôi không dám thú nhận với một ai, và tôi chế nhạo người Pháp vì những thất bại của họ, trong khi tôi đau lòng hơn họ. Chắc chắn tôi là kẻ duy nhất, sống trong một quốc gia đối xử tốt với mình, và mình vô cùng yêu quý, lại vờ ra vẻ miệt thị quốc gia đó ngay tại chỗ. Cuối cùng, khuynh hướng này hết sức vô tư bất vụ lợi về phía tôi, hết sức mạnh mẽ, bền bỉ, không sao thắng nổi, đến mức từ khi ra khỏi nước Pháp*, từ khi mà

chính phủ, các pháp quan, các tác giả đua nhau mắng nhiếc tôi, từ khi mà việc hành hạ tôi bằng những sự bất công và những điều xúc phạm trở nên đúng điệu, tôi vẫn không chữa khỏi được cho mình chứng điên rồ ấy. Tôi yêu họ bất chấp chính tôi, mặc dù họ bạc đãi tôi. Nhìn thấy sự suy thoái của nước Anh đã bắt đầu, sự suy thoái mà tôi từng tiên đoán giữa những thắng lợi của nước này, tôi nuôi hy vọng điên rồ là dân tộc Pháp, đến lượt nó chiến thắng, có lẽ một ngày kia sẽ đến giải thoát tôi khỏi cảnh giam cầm đáng buồn* mà tôi đang sống.

Tôi đã tìm rất lâu nguyên nhân của lòng thiên vị ấy, và tôi chỉ có thể tìm được ở cơ hội nhìn thấy nó nảy sinh. Một ham thích tăng tiến dần đối với văn chương khiến tôi gắn bó với sách Pháp, với các tác giả của những cuốn sách ấy, với đất nước của các tác giả ấy. Ngay ở thời điểm quân đội Pháp đi qua trước mắt tôi, thì tôi đang đọc *Những tướng soái vĩ đại* của Brantôme*. Đầu óc tôi đầy những Clisson, những Bayard, những Lautrec, những Coligny, De Montmorency, De la Trimouille, và tôi yêu mến các hậu duệ của họ như những người kế thừa tài cán và lòng can đảm của họ. Ở mỗi đoàn quân kéo qua, tôi ngỡ như nhìn thấy lại những đội quân đen* trứ danh xưa kia từng lập bao chiến công tại Piémont. Rốt cuộc tôi áp dụng vào những gì đang nhìn thấy các ý tưởng rút từ sách; những cuốn sách mà tôi đọc liên tục và luôn của cùng một quốc gia, nuôi dưỡng cảm tình của tôi đối với quốc gia ấy, và cuối cùng khiến nó thành một đam mê mù quáng không gì khắc phục nổi. Về sau trong các chuyến du hành tôi có cơ hội nhận xét thấy ấn tượng này không đặc biệt của riêng tôi, mà tác động ít hay nhiều ở tất cả các nước đến bộ phận của dân tộc ưa thích đọc sách và trau dồi văn chương, và bù lại ác cảm chung do vẻ tự phụ của người Pháp gây nên. Phụ nữ thuộc mọi xứ sở say mê tiểu thuyết Pháp hơn là đàn ông Pháp, những kiệt tác về kịch khiến thanh niên yêu mến các nhà hát Pháp. Danh tiếng của nhà hát Paris thu hút đông đảo công chúng nước ngoài, họ từ đó trở về đầy hứng khởi; rốt cuộc

nhã thú tuyệt vời của nền văn chương Pháp khiến tất cả những tư chất phong nhã đều quy phục họ, và trong cuộc chiến thật bất hạnh cho họ, tôi đã thấy các tác gia và triết gia của họ giữ vững niềm vinh quang của tên tuổi Pháp bị các chiến binh làm lu mờ.

Vậy tôi là người Pháp nồng nhiệt, và điều này khiến tôi thành kẻ thích nghe ngóng tin tức. Tôi đi cùng đám đông những kẻ đại khờ cả tin đến quảng trường đợi xe thư; và, ngu ngốc hơn chú lừa trong truyện ngụ ngôn*, tôi rất băn khoăn lo lắng muốn biết mình sẽ có vinh dự mang chiếc yên của ông chủ nào; vì khi đó mọi người cứ bảo rằng chúng tôi sẽ thuộc về nước Pháp, và người ta sẽ đổi Savoie lấy Milanais. Tuy nhiên phải thừa nhận rằng tôi có vài lý do để sợ; vì nếu cuộc chiến này xoay chiều bất lợi cho quân đồng minh, thì khoản trợ cấp của Má sẽ gặp nguy cơ lớn. Nhưng tôi đầy lòng tin tưởng ở những người bạn tốt của mình; và trong trường hợp này, mặc dù ông De Broglie* bị tập kích bất ngờ, niềm tin ấy không phải thất vọng, nhờ nhà vua Sardaigne, mà tôi đã không nghĩ đến.

Trong khi người ta đánh nhau ở Ý, thì người ta ca hát ở Pháp. Các vở nhạc kịch của Rameau* bắt đầu gây ồn ào, và nâng cao giá trị cho những tác phẩm lý thuyết của ông, do khó hiểu nên chỉ vừa tầm với ít người. Do ngẫu nhiên tôi nghe nói đến cuốn *Luận về hòa thanh* của ông; và chưa có được cuốn sách này thì tôi không sao yên được. Do một ngẫu nhiên khác, tôi bị ốm. Bệnh thuộc chứng viêm; cơn bệnh dữ dội và ngắn, nhưng thời kỳ hồi sức kéo dài, và tôi không ra ngoài được cả tháng. Suốt thời gian ấy, tôi phác thảo, tôi ngẫu nhiên cuốn *Luận về hòa thanh*; nhưng nó rất dài, rất tản mạn, sắp xếp rất rối, thành thử tôi cảm thấy phải mất thật nhiều thời gian để nghiên cứu và làm sáng tỏ. Tôi tạm ngừng chuyên tâm và tôi giải khuây con mắt bằng âm nhạc. Những bài cantate của Bernier*, mà tôi tập luyện, không rời khỏi trí óc tôi. Tôi học thuộc lòng bốn năm bài, trong đó có

bài *Các thần tình yêu say ngủ*, mà từ dạo ấy tôi không xem lại, và giờ đây tôi còn thuộc gần như trọn vẹn, cũng như *Thần tình yêu bị ong châm*, bản cantate rất hay của Clérambault, mà tôi học gần như cùng thời gian này.

Để tôi phát cuồng hẳn, một nhạc công phong cầm trẻ tên là tu sĩ Palais từ thung Aoste đến, chơi nhạc tốt, là con người tốt, và đệm đàn clavecin rất hay. Tôi làm quen với anh; thế là chúng tôi khăng khít không rời. Anh là học trò của một thầy tu người Ý, nhạc sĩ lớn về phong cầm. Anh nói với tôi về các nguyên lý của ông; tôi đối chiếu chúng với những nguyên lý của Rameau; tôi làm đầu óc mình đầy ắp những hợp tấu, hợp âm, hòa thanh, cần phải luyện thính giác cho tất cả những cái đó: tôi đề nghị Má tháng nào cũng tổ chức một buổi hòa nhạc nhỏ; bà chấp thuận. Thế là tôi toàn tâm toàn ý với buổi hòa nhạc này, thành thử ngày đêm tôi chẳng bận rộn vào việc gì khác; và quả thực chuyện đó khiến tôi bận rộn, và bận rất nhiều, để tập hợp nhạc, những người hòa tấu, các nhạc cụ, khai thác các phần, v.v. Má hát; cha Caton, mà tôi đã nói đến và còn phải nói đến nữa, cũng hát; một ông thầy dạy khiêu vũ, tên là Roche, và con trai ông, chơi vĩ cầm; Canavas, nhạc sĩ người Piémont, làm ở sở địa chính, và sau này đã kết hôn tại Paris, chơi violoncelle; tu sĩ Palais đệm đàn clavecin; tôi có vinh dự chỉ huy nhạc, không quên cây gậy của tiêu phu*. Ta có thể đánh giá xem tất cả những điều đó tuyệt vời biết chừng nào! Không hoàn toàn như ở nhà ông De Treytorens; nhưng chẳng còn xa mấy.

Buổi hòa nhạc nhỏ của bà De Warens, tin đồn mới cải đạo, và người ta bảo là sống nhờ vào lòng từ thiện của nhà vua, khiến lũ người mộ đạo xì xào; nhưng đó là một buổi vui thú vị cho rất nhiều người đứng đắn. Mọi người sẽ không đoán được tôi để ai lên hàng đầu trong dịp này? Một tu sĩ, nhưng một tu sĩ là người có tài cán, thậm chí dễ mến, mà những nỗi bất hạnh sau này đã khiến tôi hết sức đau buồn, và

hồi ức về ông, gắn với hồi ức về những ngày tươi đẹp của tôi, hiện vẫn còn thân thiết với tôi. Đó là cha Caton, tu sĩ dòng Franciscain, người đã cùng với bá tước Dortan, làm cho những bản nhạc của *mèo con* tội nghiệp bị thu giữ tại Lyon; điều này chẳng phải hành vi tốt đẹp nhất của đời ông. Ông đã tốt nghiệp trường Sorbonne: ông đã sống một thời gian dài tại Paris trong giới thượng lưu cao sang nhất, và đặc biệt rất hay lui tới nhà hầu tước D'Entremont, khi ấy là đại sứ Sardaigne. Đó là một người cao lớn, cân đối, mặt đầy đặn, mắt lồi, tóc đen uốn cong cong một cách tự nhiên bên thái dương; dáng điệu vừa quý phái, vừa cởi mở, vừa khiêm tốn, cung cách giản dị và đứng đắn; không có thái độ giả vờ mộ đạo hay trơ tráo của các thầy tu, cũng không có lối tiếp cận phóng túng của con người hợp thời thượng, mặc dù ông là người hợp thời thượng, mà có sự tự tin của một con người chính trực, chẳng hổ thẹn vì tấm áo thầy tu của mình, tự tôn trọng bản thân và luôn cảm thấy mình ở đúng chỗ giữa những người đứng đắn. Mặc dù cha Caton không có nhiều học vấn đối với một tiến sĩ, song ông có nhiều học vấn đối với một người trong giới thượng lưu; và do chẳng vội vã phô bày sự hiểu biết, ông đưa nó ra thật đúng lúc thành thử ông càng có vẻ hiểu biết nhiều hơn. Do đã sống nhiều trong giới giao tế, ông chuyên tâm vào những tài năng thú vị hơn là vào một kiến thức vững chắc, ông có tài trí, làm thơ, nói hay, hát còn hay hơn, có giọng tốt, chơi đàn phong cầm và đàn clavecin. Chẳng cần nhiều đến như vậy để được săn đón; bởi thế ông được săn đón; nhưng điều đó rất ít làm ông sao nhãng những lo toan của chức nghiệp, thành thử, mặc dù có những đối thủ cạnh tranh hết sức ghen ghét, ông vẫn được bầu làm tu sĩ tham vấn của tỉnh ông, hoặc, như người ta nói, một trong những nhân vật quan trọng của dòng tu.

Cha Caton làm quen với Má tại nhà hầu tước D'Entremont. Ông nghe nói đến những buổi hòa nhạc của chúng tôi, ông muốn tham gia; ông tham gia, và khiến cho những buổi hòa nhạc này thành vẻ vang hiển hách. Chúng tôi lập tức kết thân vì niềm ham thích chung đối với

âm nhạc, ở cả hai đều là một đam mê rất mãnh liệt; song khác biệt ở chỗ ông thực sự là nhạc sĩ, còn tôi chỉ là một người đàn hát quệch quạc. Chúng tôi cùng Canavas và tu sĩ Palais đến chơi nhạc tại phòng ông, và đôi khi tại nơi đặt cây đại phong cầm của ông, vào những ngày lễ. Chúng tôi hay dùng bữa ăn thường buổi chiều cùng ông, vì với một thầy tu ông còn điều kỳ lạ nữa là rộng rãi, hào hoa, và ưa khoái lạc song không thô thiển. Những ngày hòa nhạc của chúng tôi, ông ăn tối tại nhà Má. Những bữa tối này rất vui, rất thú vị, mọi người nói năng thẳng thắn; mọi người hát song ca; tôi thấy thoải mái; tôi hóm hỉnh, tôi có những câu nói lý thú; cha Caton khả ái, Má tuyệt vời; tu sĩ Palais, với giọng như bò rống, là bung xung để mọi người giễu cợt. Đây những khoảnh khắc thật êm đềm của tuổi thanh xuân nô giỡn, từ lâu lắm rồi các bạn đã ra đi!

Vì tôi sẽ không nói đến cha Caton đáng thương nữa, nên tôi kết thúc ngắn gọn câu chuyện buồn về ông ở đây. Những thầy tu khác, ghen ghét hay cuồng giận thì đúng hơn vì thấy ông có một tài cán, một tập quán thanh lịch chẳng liên quan gì đến lũ tu hành bất lương, căm ghét ông, vì ông không đáng ghét như họ. Những kẻ đứng đầu liên kết chống lại ông, tập hợp và khích động đám tiểu tu sĩ thêm thù ghét địa vị của ông, những kẻ trước kia chẳng dám nhìn ông. Họ khiến ông phải chịu ngàn điều xúc phạm, họ bãi chức ông, họ tước đi của ông căn phòng mà ông đã bày biện có thẩm mỹ mặc dù giản dị, họ tống ông đi đâu tôi chẳng biết; tóm lại, lũ khốn nạn ấy dồn lên ông bao sự sỉ nhục đến mức tâm hồn chính trực và kiêu hãnh một cách chính đáng của ông, không sao chịu nổi, và sau khi đã đem lại niềm vui thú cho những giới giao du tử tế dễ thương nhất, ông chết vì đau đớn trên một chiếc giường tồi tàn, trong xó cùng của một tầng phòng hay một ngục tối nào đó, được tiếc nuôi, khóc thương bởi tất cả những người lương thiện từng quen biết ông, và chẳng thấy ở ông một thiếu sót nào ngoài việc là tu sĩ.

Với cách sinh hoạt như vậy, tôi bận bịu rất nhiều trong rất ít thời gian, thành thử, bị âm nhạc thu hút trọn vẹn, tôi không thể nghĩ đến điều gì khác. Tôi chỉ đi đến văn phòng một cách miễn cưỡng; sự gò bó và tính chuyên cần của công việc khiến nó thành một cực hình không chịu nổi đối với tôi, và cuối cùng tôi muốn bỏ chức vụ, để hoàn toàn theo con đường âm nhạc, có thể tin rằng sự điên rồ này không khỏi bị phản đối. Bỏ một chức nghiệp đứng đắn và một thu nhập cố định để chạy theo những học trò không chắc chắn là một quyết định quá ít hợp lý nên chẳng khiến Má thích. Ngay nếu giả dụ các bước tiến sau này của tôi có lớn lao như tôi hình dung, thì cam phận suốt đời làm nhạc sĩ cũng là giới hạn tham vọng một cách thật khiêm nhường. Là người chỉ có những dự định huy hoàng, và không còn hoàn toàn dựa vào lời ông D'Aubonne nói về tôi nữa, Má buồn phiền thấy tôi bận tâm một cách nghiêm chỉnh về một tài năng mà bà thấy là rất phù phiếm, và bà hay nhắc lại với tôi câu ngạn ngữ tỉnh lẻ, ở Paris thì ít đúng hơn một chút, rằng *người nào hát hay nhảy giỏi, là làm cái nghề thăng tiến ít ỏi*. Mặt khác bà thấy tôi bị lôi cuốn vì một ham thích không sao cưỡng nổi; niềm đam mê âm nhạc trở thành một nỗi điên khùng, và sợ rằng công việc bị ảnh hưởng vì những sự lơ đãng, khiến tôi có thể bị cho nghỉ việc, mà nếu tự mình xin thôi thì hay hơn nhiều. Tôi còn trình bày thêm với bà rằng chức nghiệp này chẳng lâu dài, rằng tôi cần có một tài năng để sống, và nhờ thực hành mà đạt được đến nơi đến chốn tài năng mình hướng tới do sở thích, và bà đã chọn cho tôi, thì vững vàng hơn là để tôi chịu quyền định đoạt của những sự che chở, hay tiến hành những thí nghiệm mới có thể không thành công, và khiến tôi, sau khi đã qua độ tuổi để học tập, chẳng có phương kế sinh nhai. Cuối cùng tôi ép được bà đồng ý nhờ quấy rầy và vỗ về mơn trớn hơn là nhờ những lý lẽ mà bà đành chịu vậy. Ngay lập tức tôi chạy đến cảm ơn ông Coccelli, tổng giám đốc sở địa chính, một cách tự hào như thể mình đã thực hiện hành vi anh dũng nhất; và tôi tự nguyện rời bỏ chức nghiệp không nguyên nhân, không lý do, không kiểm cớ, với niềm vui

mừng ngang bằng và còn nhiều hơn khi nhận việc cách đây chưa đầy hai năm.

Việc này, tuy hết sức điên rồ, lại khiến tôi có được trong vùng một thứ nể trọng hữu ích cho tôi. Một số người giả định những nguồn lợi mà thực ra tôi chẳng có; số khác thấy tôi hoàn toàn theo con đường âm nhạc, thì đánh giá tài năng qua sự hy sinh, và cho rằng say mê môn nghệ thuật này nhiều đến như thế thì tôi ắt phải nắm vững nó một cách phi thường. Trong đám mù anh chợt làm vua; tôi được coi là thầy giỏi, vì ở đó chỉ toàn thầy kém. Vả chẳng, chẳng phải là không có một khả năng cảm nhận và thưởng thức nào đó về hát, lại thêm thuận lợi do độ tuổi và dung mạo, chẳng bao lâu tôi có nhiều nữ sinh hơn mức cần thiết để thay thế cho khoản lương thư ký.

Chắc chắn là về sự thú vị của cuộc sống thì người ta không thể chuyển nhanh hơn được từ một cực này sang cực khác, ở sở địa chính, bận rộn tám giờ mỗi ngày với công việc rầu rĩ u ám nhất, cùng những con người còn rầu rĩ u ám hơn; nhốt mình trong một văn phòng buồn bã nồng nặc hơi thở và mồ hôi của tất cả những gã què mùa thô lỗ ấy, phần lớn rất bẩn thỉu và đầu tóc áo quần rất lôi thôi, đôi khi tôi cảm thấy nặng nề đến mức choáng váng vì phải chuyên chú, vì mùi hôi, vì sự gò bó và nỗi buồn chán. Thay vì những thứ đó, đột nhiên thấy mình ở giữa giới thượng lưu, được chấp nhận, được sẵn đón tại những gia đình danh giá nhất; đâu đâu cũng là sự đón tiếp ân cần, ngọt ngào, một vẻ hội hè: những tiểu thư dễ thương trang điểm đẹp để chờ đợi tôi, sốt sắng tiếp tôi; tôi chỉ nhìn thấy những đối tượng khả ái, tôi chỉ ngửi thấy hương hoa hồng hoa cam; chúng tôi hát, chúng tôi trò chuyện, chúng tôi cười, chúng tôi vui đùa; tôi chỉ ra khỏi đó để đến làm như vậy ở nơi khác. Ta sẽ đồng ý rằng, đặt ngang nhau các lợi ích, thì chẳng phải cân nhắc trong lựa chọn. Bởi thế tôi thấy rất dễ chịu với lựa chọn của mình, thành thử không bao giờ tôi ân hận về điều đó, và ngay lúc này tôi cũng không ân hận, khi tôi suy xét đánh giá theo lý trí

những hành động trong đời mình, và khi tôi đã thoát khỏi những động cơ ít hợp lý từng lôi cuốn mình.

Đây hầu như là lần duy nhất chỉ nghe theo thiên hướng mà tôi không thấy mong đợi của mình bị thất vọng, sự tiếp đón thoải mái, tâm tính dễ kết giao, tính tình dễ dãi của dân cư trong vùng khiến tôi thấy việc giao thiệp trong xã hội là dễ chịu, và sự ưa thích giao thiệp của tôi khi đó đã chứng tỏ rõ với tôi rằng nếu như tôi không thích sống giữa mọi người, thì do lỗi ở tôi ít hơn là lỗi ở họ.

Đáng tiếc là người Savoie không giàu có, hoặc có lẽ sẽ đáng tiếc nếu họ giàu có, vì cứ như họ vốn thế, thì đó là những người tốt nhất và dễ giao du nhất mà tôi từng biết. Nếu có một thành phố nhỏ trên thế gian nơi người ta hưởng vị ngọt ngào của cuộc sống trong một sự giao tiếp thú vị và tin cậy, thì đó là Chambéry. Giới quý tộc trong tỉnh, tập trung tại đây, chỉ có tài sản đủ để sống; họ không có đủ của cải để thành đạt; và do không thể đi theo con đường tham vọng, bắt buộc họ phải theo lời khuyên của Cinéas*. Họ cống hiến tuổi trẻ cho chức nghiệp quân sự, sau đó trở về sống tuổi già êm ả ở nhà mình. Danh dự và lý trí chủ trì sự phân chia này. Phụ nữ đều xinh đẹp, và có thể không cần xinh đẹp; họ có tất cả những gì có thể tăng giá trị cho nhan sắc, thậm chí thay thế nhan sắc. Thật kỳ lạ là do nghề nghiệp nên gặp rất nhiều thiếu nữ, tôi nhớ là không thấy ở Chambéry một cô nào không khả ái. Mọi người sẽ bảo rằng tôi sẵn lòng thấy họ như vậy, và có thể mọi người có lý; nhưng tôi chẳng cần bịa đặt trong chuyện này. Quả thực, tôi không thể nhớ lại các nữ sinh trẻ tuổi của mình mà không thích thú. Giá mà tôi có thể, khi nêu lên ở đây những cô học trò dễ thương nhất, đem được họ, và tôi cùng với họ, trở về lứa tuổi hạnh phúc của chúng tôi khi đó, ở những khoảnh khắc vừa êm đềm vừa thơ ngây tôi đã trải qua bên họ! Học sinh đầu tiên là cô De Mellarède, láng giềng của tôi, em gái của học trò ông Gaime. Đó là một thiếu nữ tóc nâu rất linh hoạt, nhưng là một sự linh hoạt ngọt ngào, đầy duyên dáng, và không khinh suất, cô hơi gầy, như phần đông các thiếu nữ ở

tuổi cô; nhưng đôi mắt long lanh, thân hình thanh tú, vẻ hấp dẫn của cô không cần sự đầy đủ để khiến người ưa. Tôi đến đó buổi sáng, và thường cô còn ăn vận sơ sài, đầu không chải chuốt gì ngoài mái tóc vén lên qua loa, điểm vài bông hoa cài vào khi tôi đến, và gỡ đi khi tôi ra về để chải tóc. Tôi không sợ gì trên đời bằng một phụ nữ xinh đẹp ăn vận sơ sài; tôi hãi sợ họ ít hơn trăm lần khi họ đã trang sức. Cô De Menthon, mà tôi đến dạy vào buổi chiều, bao giờ cũng trang sức, và gây cho tôi một ấn tượng cũng êm dịu như thế, nhưng khác biệt. Tóc cô màu hung vàng ngả ánh tro: cô rất xinh xắn, rất rụt rè và da rất trắng; một giọng rõ, đung và đều đặn như tiếng sáo, nhưng không dám triển khai. Ngực cô có một vết bồng nước sôi, mà một khăn choàng bằng tơ lông màu lam che không quá kín. Vết này đôi khi thu hút sự chú ý của tôi, sự chú ý chẳng mấy chốc không còn vì cái sẹo nữa. Cô De Challes, một láng giềng khác, là một cô gái đã đến thì; cao, vóc người đẹp, đầy đủ; cô từng rất khá. Không còn là một trang nhan sắc nữa, nhưng là một người cần nêu lên vì vẻ duyên dáng nhã nhặn, vì tính tình ôn hòa, vì bản chất nhân hậu. Chị cô, bà De Charly, người đàn bà đẹp nhất Chambéry, không học nhạc nữa, nhưng cho con gái học, cô này còn rất ít tuổi, nhưng nhan sắc mới chớm hứa hẹn sẽ sánh ngang mẹ, nếu như tóc cô rụng thay không hoe đỏ một chút, ở tu viện Visitation tôi có một tiểu thư bé nhỏ người Pháp, mà tôi quên mất tên, nhưng xứng đáng có một vị trí trong danh sách những người tôi ưu ái. Cô đã nhiễm cái giọng chậm rãi và rề rề của các nữ tu, và bằng giọng rề rề ấy cô nói những điều rất đáng chú ý, chúng dường như không hợp với thái độ của cô. Và chẳng, cô lười nhác, chẳng thích bỏ công phô bày tài trí của mình, và đó là một sự ưu đãi mà cô không dành cho tất cả mọi người, chỉ sau một hoặc hai tháng dạy dỗ và trể nải cô mới nghĩ ra mưu chước này để khiến tôi thành chuyên cần hơn; vì tôi chưa bao giờ có thể tự ép mình chuyên cần. Tôi vui thích với các bài dạy của mình khi tôi đang dạy, nhưng tôi không thích bị buộc phải đến dạy, cũng không thích giờ giấc chỉ huy mình. Trong mọi điều tôi đều không chịu nổi sự gò bó và tình trạng phụ thuộc, chúng có thể khiến

tôi căm ghét ngay cả lạc thú. Người ta đồn rằng ở các xứ sở Hồi giáo lúc tảng sáng một người đàn ông đi qua các phố để ra lệnh cho các ông chồng thực hiện bốn phận với những bà vợ của họ. Tôi sẽ là một người Thổ Nhĩ Kỳ xấu vào những giờ ấy.

Tôi cũng có vài cô học trò trong giới thị dân, trong số đó có một cô là nguyên nhân gián tiếp của một sự thay đổi quan hệ mà tôi cần nói tới, vì rốt cuộc tôi phải nói hết mọi điều, cô là con một ông bán thực phẩm, và tên là cô Lard, kiểu mẫu thực sự cho một pho tượng Hy Lạp, mà tôi sẽ kể ra như cô gái đẹp nhất tôi từng thấy, nếu có một nhan sắc đích thực nào không sự sống và không hồn. Trạng thái uể oải, sự lạnh lùng, sự vô cảm của cô đi tới một mức độ khó tin. Khiến cô ưa hay khiến cô giận đều là việc không sao làm nổi, và tôi tin rằng nếu người ta có giờ trò ve vãn cô, có lẽ cô sẽ để mặc, không phải vì thích, mà vì ngu ngốc. Mẹ cô, không muốn liều chuyện này, chẳng rời cô một bước. Bằng cách cho cô học hát, cho cô một thầy giáo trẻ, bà cố làm mọi điều để kích thích cô phấn chấn, nhưng chẳng hề thành công. Trong khi thầy giáo khích động cô con, thì bà mẹ khích động thầy giáo, và điều này cũng chẳng thành công nhiều hơn. Bà Lard thêm vào bản tính linh hoạt của mình toàn bộ sự linh hoạt mà con gái bà lẽ ra phải có. Đó là một bộ mặt dễ thương linh lợi, sắc sảo có duyên, lấm tấm rỗ hoa. Bà có cặp mắt nhỏ rất nồng nàn, và hơi đỏ, vì gần như bà luôn đau mắt. Tất cả các buổi sáng, khi đến, tôi đều thấy cà phê kem đã dọn sẵn; còn bà mẹ chẳng bao giờ không đón tôi bằng một cái hôn gắn chặt vào miệng, mà vì tò mò tôi những muốn trả cho cô con gái, để xem cô nhận nó như thế nào. Và chẳng, tất cả những điều này diễn ra một cách thật đơn giản và thật mãnh liệt mà chẳng kết quả gì, thành thử khi có ông Lard ở đấy, những trò chòng ghẹo và những cái hôn vẫn cứ tiến hành. Đó là một người đàn ông tốt tính, người cha thực sự của con gái mình, mà bà vợ không lừa dối, vì chẳng cần như vậy.

Tôi để cho môn trốn như thế với sự trì độn bình thường của mình, thật thà coi đó là những dấu hiệu thuần túy thân thiện. Tuy vậy đôi khi tôi thấy rầy rà khó chịu; vì bà Lard sốt sắng chẳng khỏi yêu sách, và nếu trong ngày tôi có đi qua cửa hiệu mà không dừng lại, sẽ có chuyện ồn ào. Khi vội, tôi phải đi đường vòng để qua một phố khác, vì biết rõ là ra khỏi nhà bà chẳng dễ dàng như khi vào.

Bà Lard bận tâm về tôi quá nhiều thành thử tôi không khỏi bận tâm về bà. Những sự ân cần của bà khiến tôi rất cảm động; tôi nói điều đó với Má như nói về một chuyện không có gì bí mật, mà nếu như có, tôi vẫn nói; vì tôi không thể giữ bí mật với bà về bất cứ điều gì: lòng tôi mở ra trước bà như trước Thượng Đế. Má không hoàn toàn xem xét việc này một cách đơn giản giống như tôi. Má nhìn thấy những ý đồ mờ mịt ở những điều mà tôi chỉ nhìn thấy sự thân thiện; Má phán đoán rằng bà Lard coi việc làm cho tôi bớt khờ dại hơn khi bà mới gặp tôi là một vấn đề danh dự, nên sẽ bằng cách này hay cách khác khiến tôi hiểu được bà, và, ngoài chuyện để một người phụ nữ khác đảm nhận dạy cho học trò của mình là không đúng, Má còn có những động cơ thích đáng hơn để bảo vệ tôi khỏi những cạm bẫy mà tuổi tác và nghề nghiệp khiến tôi có nguy cơ mắc phải, cùng thời gian ấy, người ta giảng ra cho tôi một cái bẫy thuộc loại hiểm độc hơn, mà tôi thoát được, nhưng làm cho Má cảm thấy rằng những nguy cơ không ngừng đe dọa tôi khiến tất cả những dự phòng bà có thể tiến hành trở nên cần thiết.

Nữ bá tước De Menthon, mẹ một cô học trò của tôi, là một người đàn bà rất nhiều tài trí, và được coi là độc ác không kém. Theo người ta đồn thì bà từng là nguyên nhân của nhiều mối bất hòa, và một trong những bất hòa ấy đã có những hậu quả tai hại cho gia đình D'Entremont. Má từng có quan hệ khá chặt chẽ với bà nên hiểu tính cách của bà; do rất ngây thơ vô tình gây nên mối cảm mến ở một người mà bà De Menthon có kỳ vọng, Má bị bà coi là có tội về niềm ưu ái đó, mặc dù niềm ưu ái này chẳng được kiểm tìm cũng chẳng

được chấp nhận; và từ đó bà De Menthon tìm cách chơi nhiều trò khăm với nữ địch thủ, mà chẳng trò nào thành công. Tôi sẽ kể một trong những trò hài hước nhất, để làm mẫu. Các bà đang ở miền quê cùng nhiều nhà quý tộc lân cận, trong đó có người theo đuổi đang được nói đến. Một hôm bà De Menthon nói với một trong các quý ông rằng bà De Warens chỉ là một bà cầu kỳ rườm, rằng bà chẳng có óc thẩm mỹ, rằng bà ăn mặc vụng về, rằng bà che ngực như một mụ trưởng giả. Ông kia là một người hay đùa, bảo là về mục này thì bà ta có lý do, và tôi biết bà ấy có ở ngực một cái bớt to rất xấu hình con chuột, nhưng giống đến nỗi như thể nó đang chạy. Sự oán ghét cũng như tình yêu khiến người ta thành cả tin. Bà De Menthon quyết định lợi dụng phát hiện ấy, và một hôm trong lúc Má đang chơi bài với kẻ được quý bà này sủng ái song lại bội bạc, thì bà ta thung dung đi qua đằng sau nữ địch thủ, rồi, kéo chiếc ghế của địch thủ gần ngã xuống, bà ta khéo léo làm tấm khăn choàng hở ra. Nhưng, thay vì con chuột to, ông này chỉ thấy một thứ hoàn toàn khác, chẳng dễ quên cũng như chẳng dễ được nhìn thấy, và điều này không hợp ý quý bà.

Tôi không phải là một nhân vật để bà De Menthon bận tâm, bà chỉ muốn có những người xuất sắc quanh mình. Tuy thế bà chú ý đôi chút đến tôi, không phải vì dung mạo, mà chắc chắn bà không hề quan tâm, nhưng vì trí tuệ mà mọi người cho rằng tôi có, và có thể khiến tôi thành hữu ích cho những ham thích của bà. Bà có niềm ham thích khá mãnh liệt đối với văn thơ châm biếm. Bà thích làm những bài ca và làm thơ về những người mình không ưa. Nếu bà thấy tôi đủ tài để giúp gọt giũa những câu thơ của bà, và đủ dễ tính để viết chúng ra, thì bà và tôi sẽ lập tức khiến Chambéry nháo nhào điên đảo. Mọi người sẽ lần lên đến cội nguồn các bài châm biếm ấy: bà De Menthon sẽ thoát khỏi vụ việc bằng cách thí tôi, và có lẽ tôi sẽ bị bỏ tù đến hết đời, để dạy cho tôi đóng vai thần Phébus* với các quý bà.

May thay không một điều gì trong tất cả những chuyện đó xảy ra hết. Bà De Menthon giữ tôi lại ăn tối hai ba lần để gọi cho tôi trò chuyện, và thấy tôi chỉ là một gã ngu ngốc. Bản thân tôi cũng cảm thấy như vậy, và tôi rên rỉ vì điều đó, thêm muốn tài năng của ông bạn Venture, trong khi lẽ ra phải cảm ơn sự ngu dại của mình vì đã cứu mình khỏi cảnh hiểm nghèo. Với bà De Menthon tôi vẫn chỉ là thầy dạy hát cho con gái bà, không có gì hơn; nhưng tôi sống yên lành và luôn được ưa chuộng tại Chambéry. Như thế thì hơn là làm một người có khiếu văn chương đối với bà và làm một kẻ hiểm độc đối với những người còn lại trong miền.

Dù thế nào chăng nữa, Má cũng thấy rằng để giải thoát tôi khỏi cảnh hiểm nghèo của tuổi trẻ, đã đến lúc cư xử với tôi như người trưởng thành, và đó là điều bà thực hiện, nhưng theo cách lạ lùng nhất mà không người đàn bà nào từng nghĩ ra trong trường hợp tương tự. Tôi thấy bà có vẻ nghiêm trang hơn và lời lẽ mang tính đạo lý hơn bình thường. Thay vào sự vui tươi đùa giỡn thường được bà hòa lẫn vào những điều dạy dỗ, đột nhiên là một giọng luôn cao nhã, không thân mật cũng không nghiêm khắc, nhưng dường như chuẩn bị một sự giảng giải. Sau khi đã tìm kiếm một cách vô hiệu ở bản thân mình lý do của sự thay đổi này, tôi hỏi Má; đó là điều bà chờ đợi. Bà đề nghị tôi ngày mai đến mảnh vườn nhỏ dạo chơi: chúng tôi đến đó từ sáng. Bà đã thu xếp với mọi người để chúng tôi ở riêng với nhau cả ngày; bà dùng thời gian ấy để chuẩn bị cho tôi về các hảo ý mà bà muốn dành cho tôi, không như một phụ nữ khác, bằng thủ đoạn và những sự khêu gợi; mà bằng những lời trò chuyện đầy tình cảm và đầy lý trí, thích hợp để dạy dỗ tôi hơn là để quyến rũ, và nói với con tim tôi hơn là với nhục cảm. Tuy nhiên, dù những lời bà nói tuyệt diệu và hữu ích đến đâu, và mặc dù những lời ấy chẳng lạnh lùng và buồn bã chút nào, song tôi không hết sức chú ý như chúng đáng được chú ý, và không khắc ghi chúng trong ký ức như có lẽ tôi sẽ làm trong bất kỳ lúc nào khác, sự mở đầu của bà, cái vẻ chuẩn bị ấy đã khiến tôi lo lắng: trong

khi bà nói, tôi mơ màng và lơ đãng ngoài ý muốn của mình, bận tâm về điều bà phát biểu ít hơn là bận tâm tìm xem bà định đi tới điều gì, và vừa mới hiểu ra, việc này chẳng dễ, thì tính chất mới mẻ của cái ý tưởng, mà từ khi sống bên bà chưa một lần nào tôi nghĩ đến, choán lấy tôi trọn vẹn, không để tôi còn chủ động suy nghĩ về những gì bà bảo tôi nữa. Tôi chỉ nghĩ đến bà, và tôi chẳng lắng nghe bà.

Muốn làm cho những người trẻ tuổi chú ý đến những gì người ta muốn bảo họ, bằng cách chỉ ra cho họ ở tận cùng một mục tiêu rất thú vị đối với họ, đó là một điều ngược với lẽ phải rất hay gặp ở các thầy giáo, và bản thân tôi cũng không tránh điều này trong *Émile* của tôi. Chàng trai, xúc động vì mục tiêu người ta bày ra cho mình, chỉ bận tâm duy nhất về mục tiêu ấy, và nhảy vọt qua những diễn ngôn mào đầu của các vị, để trước hết đến cái nơi mà theo ý anh ta các vị dẫn anh ta đi quá chậm rãi. Muốn làm cho anh ta chú ý, thì không nên để mình bị thấu hiểu trước, và Má vụng về ở chỗ này. Do một điều kỳ cục liên quan đến đầu óc hệ thống của Má, bà cẩn thận một cách thật vô bổ đưa ra các điều kiện; nhưng vừa thấy cái giá của những điều kiện ấy, là thậm chí tôi chẳng nghe chúng nữa, và tôi vội vàng đồng ý hết thảy. Thậm chí tôi nghi ngờ trong trường hợp tương tự trên toàn thế gian lại có một người đàn ông nào đủ thẳng thắn hoặc đủ can đảm để dám mặc cả, và một người đàn bà nào có thể tha thứ cho việc đó. Vì cùng điều kỳ dị trên, bà đưa vào thỏa thuận này những thể thức trang trọng nhất, và cho tôi suy nghĩ tám ngày, mà tôi cam đoan một cách giả dối rằng mình không cần: bởi vì, lại kỳ cục nữa, là tôi rất mừng có được những ngày đó, vì tính chất mới mẻ của những ý tưởng kia khiến tôi xúc động biết mấy, vì tôi cảm thấy một sự đảo lộn biết mấy trong các ý tưởng của mình, đòi hỏi mình phải có thời gian để sắp xếp chúng!

Mọi người sẽ tưởng tám ngày ấy dài như tám thế kỷ đối với tôi. Ngược hẳn lại; tôi những muốn chúng dài tám thế kỷ thực sự. Tôi không biết miêu tả thế nào trạng thái của mình, đầy một mối kinh hãi

nào đó xen lẫn nóng ruột, lo sợ điều mình ao ước, đến mức đôi khi thực sự tìm kiếm trong óc một phương kế đúng đắn tử tế nào để tránh được hạnh phúc. Xin hãy hình dung khí chất nồng nhiệt và đậm đặc của tôi, dòng máu bùng bùng của tôi, con tim say vì tình, sự cường tráng, sức khỏe, tuổi của tôi; xin hãy nghĩ rằng trong tình trạng ấy, khát khao thêm muốn đàn bà, tôi chưa từng tiếp cận một người nào; rằng trí tưởng tượng, nhu cầu, lòng tự cao tự đại, niềm hiếu kỳ liên kết lại để nung nấu tôi vì ao ước cháy bỏng làm đàn ông và tỏ ra là đàn ông. Xin hãy đặc biệt thêm rằng, vì đây là điều không được quên, mỗi quyến luyến mãnh liệt và tha thiết của tôi đối với bà, không hề phai nhạt đi, mà chỉ tăng thêm từng ngày; rằng tôi chỉ dễ chịu khi ở bên bà; rằng tôi chỉ rời xa bà để nghĩ đến bà; rằng lòng tôi đầy ắp, không chỉ những sự nhân từ của bà, tính cách dễ thương của bà, mà đầy ắp giới tính của bà, dung mạo của bà, con người bà, tóm lại, đầy ắp bà, về mọi phương diện mà bà có thể thân thiết với tôi; và xin đừng nghĩ rằng, vì tôi kém bà mười mười hai tuổi, mà bà già đi hay có vẻ già đi với tôi. Dăm sáu năm nay từ khi tôi có những cảm kích thật ngọt ngào ở lần đầu nhìn thấy bà, thực sự bà rất ít thay đổi, còn tôi thấy là không hề thay đổi. Với tôi bà luôn xinh đẹp, và với tất cả mọi người hãy còn xinh đẹp. Chỉ riêng thân hình bà hơi tròn trĩnh hơn đôi chút. Và chẳng, vẫn con mắt ấy, vẫn làn da ấy, bầu ngực ấy, những nét ấy, mái tóc vàng đẹp đẽ ấy, sự vui tươi ấy, tất cả, cho đến vẫn giọng nói ấy, cái giọng lạnh lạnh trẻ trung, bao giờ cũng gây cho tôi rất nhiều ấn tượng, thành thử giờ đây tôi vẫn không thể nghe âm thanh một giọng thiếu nữ thánh thót mà không xúc động.

Dĩ nhiên, điều tôi phải sợ trong khi chờ đợi việc chiếm hữu một con người yêu dấu đến thế là làm trước việc ấy, và không thể kiềm chế ham muốn và trí tưởng tượng đủ để vẫn làm chủ được bản thân. Mọi người sẽ thấy rằng, khi tuổi đã cao, chỉ riêng ý nghĩ về vài ân huệ nhẹ nhàng đang chờ đợi mình bên người mình yêu đã kích thích khí huyết tôi đến mức tôi không thể đi được quãng đường ngắn gần cách tôi

với người ấy mà không can gì*. Làm sao, nhờ điều kỳ diệu nào, mà đương tuổi thanh xuân phơi phới, tôi lại ít sốt sắng đến thế với lạc thú đầu tiên? Làm sao tôi có thể thấy giờ khắc đến gần mà lại cực lòng nhiều hơn vui thích? Làm sao, thay vì những khoái cảm đáng lẽ khiến tôi say sưa, tôi lại cảm thấy gần như ghê và sợ? Không nghi ngờ gì rằng nếu tôi có thể trốn tránh được hạnh phúc của mình một cách thích đáng, tôi sẽ hết lòng làm vậy. Tôi đã hứa sẽ kể những điều kỳ cục trong câu chuyện về mối gắn bó của tôi đối với bà; chắc chắn đây là một điều kỳ cục mà mọi người không ngờ.

Độc giả, đã tức giận, phán đoán rằng do có một người đàn ông khác chiếm hữu, bà giảm giá trị trong mắt tôi khi tự chia sẻ, và một cảm giác không kính trọng làm nguội bết những tình cảm bà đã khơi gợi trong tôi: độc giả lầm rồi. Đúng là tình trạng chia sẻ ấy khiến tôi buồn khổ một cách tàn nhẫn, do một sự tế nhị hết sức tự nhiên, lại cũng vì quả thật tôi thấy nó ít xứng đáng với bà và với tôi; còn về tình cảm của tôi đối với bà thì sự chia sẻ này không hề làm phai nhạt, và tôi có thể thề rằng không bao giờ tôi yêu bà tha thiết hơn là khi tôi ít ham muốn chiếm hữu bà đến như thế. Tôi quá hiểu tấm lòng trinh khiết và khí chất băng giá của bà nên không một lúc nào tin rằng lạc thú nhục cảm có tham dự gì vào sự phó thác mình như vậy: tôi hoàn toàn tin chắc rằng duy nhất mối lo toan giải thoát tôi khỏi những hiểm nguy mà nếu không thế thì gần như không sao tránh khỏi, và gìn giữ tôi trọn vẹn cho bản thân tôi và cho các bốn phận của tôi, mới khiến bà làm trái một bốn phận mà bà không nhìn bằng con mắt giống những người đàn bà khác, như sau đây sẽ nói. Tôi thương bà và thương mình. Tôi những muốn bảo bà: “Không, Má ơi, không cần đâu, em xin đảm bảo với Má về em mà không cần chuyện đó.” Nhưng tôi chẳng dám, thứ nhất vì đó không phải là điều dễ nói ra, rồi vì kỳ thực tôi cảm thấy điều ấy không thật, và quả là chỉ có một người đàn bà có thể bảo hộ cho tôi khỏi những người đàn bà khác và khiến tôi có thể chống lại các

cám dỗ. Chẳng ham muốn chiếm hữu bà, song tôi rất mừng là bà cất bỏ cho tôi ham muốn chiếm hữu những người khác; bởi tôi coi tất cả những gì có thể làm tôi lãng khỏi bà như một tai họa.

Thói quen lâu dài sống cùng nhau và sống cùng nhau một cách trong sạch, chẳng hề làm suy yếu những tình cảm của tôi đối với bà, mà đã tăng cường chúng, nhưng đồng thời đem lại cho chúng một dáng dấp khác khiến chúng thành trù mến hơn, âu yếm hơn có lẽ, nhưng ít nhục cảm hơn. Do cứ gọi mãi bà là Má, do cứ sử dụng mãi với bà sự suồng sã thân mật của một đứa con trai, tôi đã quen coi mình như vậy. Tôi cho rằng đó là nguyên nhân chính của việc tôi ít sốt sắng chiếm hữu bà, mặc dù bà hết sức thân thương với tôi. Tôi còn nhớ rất rõ là những cảm giác đầu tiên của tôi, không mãnh liệt hơn, song khoái trá hơn. Tại Annecy, tôi ở trạng thái say sưa; tại Chambéry, tôi không còn ở trạng thái đó nữa. Tôi vẫn yêu bà say mê hết mức có thể; nhưng tôi yêu bà vì bà nhiều hơn và vì tôi ít hơn, hay ít ra tôi tìm kiếm bên bà hạnh phúc hơn là lạc thú: với tôi bà còn hơn một người chị, hơn một người mẹ, hơn một người bạn, hơn cả một tình nhân, và chính vì thế mà bà không phải là một tình nhân. Rốt cuộc, tôi quá yêu bà nên không thèm khát bà: đó là điều rõ ràng hơn cả trong ý nghĩ của tôi.

Cái ngày ấy, được sợ hãi hơn là được mong chờ, cuối cùng đã đến. Tôi hứa mọi điều, và tôi không nói dối. Lòng tôi xác nhận những điều mình ước hẹn, mà không khao khát được đền đáp. Tuy nhiên tôi được đền đáp. Lần đầu tiên tôi thấy mình ở trong vòng tay một người đàn bà, lại là một người đàn bà mà tôi vô cùng yêu quý. Tôi có hạnh phúc hay không? Không, tôi hưởng lạc thú. Tôi chẳng biết nỗi buồn nào không sao thắng nổi đầu độc sức quyến rũ của lạc thú ấy. Cứ y như tôi đã phạm tội loạn luân. Hai ba lần, nồng nhiệt ôm siết lấy bà trong vòng tay, tôi để nước mắt mình làm ướt đầm bầu ngực bà. Còn bà, bà không buồn cũng không hăng hái; bà âu yếm và bình thản, vì ít

nhục cảm và không cầu khoái lạc, bà không có những vui thú của khoái lạc và không bao giờ vì khoái lạc mà hối hận.

Tôi nhắc lại: mọi lỗi của bà đều do lầm lẫn, không bao giờ do đam mê. Bà xuất thân danh giá, con tim bà trong trẻo, bà ưa những điều tử tế đúng đắn, các khuynh hướng của bà ngay thẳng và nét na, thị hiếu của bà tế nhị; bà được tạo ra cho một phẩm hạnh tao nhã mà bà vẫn luôn ưa mến, và đã không bao giờ làm theo, bởi thay vì nghe con tim dẫn dắt mình đúng, bà lại nghe lý trí dẫn dắt mình không đúng. Khi những nguyên lý sai trái khiến cho bà lạc lối, thì những tình cảm đúng ở bà luôn phủ định chúng: nhưng rủi thay bà lại tự phụ là có triết học, và đạo lý bà tự tạo cho mình làm hỏng đạo lý do con tim bà mách bảo.

Ông De Tavel, người tình đầu tiên của bà, là thầy dạy bà môn triết, và những nguyên lý ông ta cung cấp cho bà là những nguyên lý mà ông ta cần để quyến rũ bà. Thấy bà gắn bó với chồng, với bốn phận, luôn lạnh lùng, hay nói lý, và không thể tấn công bằng nhục cảm, ông liền tấn công bằng nguy hiểm, và chỉ được ra cho bà rằng những bốn phận mà bà hết sức gắn bó là chuyện ba hoa tầm phào của giáo lý cương yếu được tạo ra chỉ để lừa phỉnh trẻ con, sự kết hợp các giới là hành vi tự nó vô thường vô phạt nhất, sự chung thủy vợ chồng là một bề ngoài bắt buộc mà toàn bộ đạo nghĩa nệ vào dư luận, sự an tĩnh của các ông chồng là quy tắc duy nhất về bốn phận của các bà vợ, thành thử những sự thiếu chung thủy không ai biết, vô giá trị đối với người mà chúng làm tổn hại, cũng vô giá trị đối với lương tâm; rốt cuộc ông ta thuyết phục bà rằng sự việc bản thân nó chẳng là gì hết, rằng nó chỉ tồn tại do tai tiếng, và mọi phụ nữ tỏ ra trinh thực, thì chỉ riêng vì điều đó mà quả thật là trinh thực. Con người khốn khổ đạt được mục đích của mình như vậy, bằng cách làm hư hỏng lý trí của một thiếu nữ non trẻ mà ông ta đã không thể làm hư hỏng được con tim. Ông ta bị trừng phạt bằng mối ghen tuông nung nấu nhất, tin rằng cô đối xử với chính ông như ông đã dạy cô đối xử với chồng cô. Tôi

chẳng biết ông có làm về điểm này hay không. Mục sư Perret được coi như người kế tục ông. Điều tôi biết, là khí chất lạnh lùng của người thiếu phụ này, lẽ ra phải bảo vệ cho bà khỏi hệ thống nguyên lý ấy, lại là điều sau này ngăn cản bà từ bỏ nó. Bà không thể quan niệm được người ta lại cho là hết sức quan trọng điều mà với bà chẳng hề quan trọng. Bà không bao giờ tôn vinh bằng danh xưng đức hạnh một sự kiêng nịn rất ít khó khăn đối với mình.

Vậy là bà chẳng mấy lợi dụng nguyên lý sai trái này cho chính mình; nhưng bà lợi dụng nó cho người khác, và làm vậy nhờ một phương châm gần như cũng sai trái như thế, nhưng phù hợp hơn với sự nhân hậu của con tim bà. Bà luôn tin rằng không gì gắn bó một người đàn ông với một người đàn bà nhiều như sự chiếm hữu, và mặc dù bà chỉ yêu mến bạn bè bằng tình bạn, nhưng đó là một tình bạn rất triu mến, thành thử bà sử dụng mọi phương kế tùy thuộc ở mình để gắn bó họ với mình mạnh mẽ hơn. Điều phi thường là hầu như bao giờ bà cũng thành công. Bà thực sự rất dễ thương thành thử người ta sống với bà càng thân mật, thì lại càng tìm thấy những lý do mới để yêu bà. Một điều khác đáng được lưu ý là sau lần yếu đuối đầu tiên thì bà hầu như chỉ ưu ái những kẻ bất hạnh; những người vẻ vang hiển hách tất thấy đều mất công vô ích bên bà: nhưng một người mà khởi đầu bà thương xót thì phải rất ít dễ thương nếu kết thúc bà không yêu người ấy. Khi bà có những lựa chọn ít xứng với mình, thì không hề do những khuynh hướng thấp kém, vốn chẳng bao giờ tiếp cận được con tim cao quý của bà, duy nhất đó chỉ vì con tim quá hào hiệp, quá nhân văn, quá ân cần, quá mẫn cảm, mà không phải bao giờ bà cũng chỉ huy với nhận định đủ chính xác.

Nếu vài nguyên lý sai trái đã khiến bà lầm lạc, thì bà có biết bao nhiêu nguyên lý tuyệt diệu mà bà không bao giờ từ bỏ! Bà chuộc lại những yếu đuối bằng bao nhiêu đức hạnh, nếu có thể gọi bằng cái tên yếu đuối những lầm lẫn trong đó nhục cảm có phần rất ít! Cũng người đàn ông lừa dối bà về một vấn đề lại dạy bà ngàn vấn đề khác một

cách tuyệt vời; và những đam mê của bà, vốn không phần khích, cho phép bà luôn theo những chân lý của mình, nên bà đi đúng khi những điều nguy biến không khiến bà lạc đường. Các động cơ của bà đáng khen ngay cả trong lỗi lầm; trong khi lầm lẫn bà có thể làm điều xấu, nhưng bà không thể muốn một điều gì xấu. Bà gồm ghét tính chất hai mặt, sự dối trá; bà chính trực, công bình, nhân văn, vô tư bất vụ lợi, trung thành với lời mình hứa, với bạn bè, với những bốn phận được bà thừa nhận là bốn phận, không có khả năng báo thù và căm ghét, thậm chí không quan niệm được việc tha thứ có chút công trạng gì. Cuối cùng, để trở lại điều ít thể tất được nhất ở bà, trong khi không đánh giá những ân huệ của mình như chúng đáng giá, bà không bao giờ khiến chúng thành một sự bán buôn hèn hạ; bà ban phát chúng, nhưng không bán chúng, mặc dù bà không ngừng phải dùng mưu chước để sống; và tôi dám nói rằng nếu như Socrate có thể quý trọng Aspasia, chắc ông sẽ tôn kính bà De Warens.

Tôi biết trước rằng khi để bà có một tính cách đa cảm và một khí chất lạnh lùng, tôi sẽ bị buộc tội là mâu thuẫn, như thói thường, và buộc tội một cách có lý theo thói thường, có thể tạo hóa đã sai và sự kết hợp này không nên có; tôi chỉ biết là nó đã có. Tất cả những ai từng quen biết bà De Warens, và rất nhiều người trong số này hãy còn sống, đều có thể hiểu bà là như vậy. Thậm chí tôi dám nói rằng bà chỉ biết một niềm vui thích duy nhất trên đời: đó là làm cho những người mình yêu mến được vui thích. Song mỗi người cứ việc tha hồ lập luận về điều này, và cứ việc chứng tỏ một cách uyên bác rằng chuyện đó không đúng. Nhiệm vụ của tôi là nói ra sự thật, chứ không phải làm cho sự thật ấy được mọi người tin.

Tôi dần dần biết được tất cả những gì tôi vừa nói trong những cuộc chuyện trò tiếp theo sự kết hợp giữa chúng tôi, và chỉ riêng những cuộc chuyện trò ấy cũng khiến bà thành tuyệt diệu. Bà có lý khi hy vọng rằng việc bà chiều lòng sẽ hữu ích đối với tôi; về kiến thức tôi sẽ rút ra được nhiều lợi ích lớn. Cho đến bây giờ bà vẫn nói với tôi về

riêng tôi như nói với một đứa trẻ. Bà bắt đầu đối xử với tôi như người trưởng thành, và nói với tôi về bà. Đối với tôi tất cả những gì bà kể đều hết sức thú vị, tôi cảm thấy hết sức xúc động, thành thử, bằng cách tự phản tỉnh, tôi áp dụng có lợi cho mình những điều được bà tâm sự hơn là tôi từng làm với những bài học được bà dạy dỗ. Khi ta cảm nhận thực sự là cõi lòng đang nói, thì lòng ta mở ra để đón nhận những điều nó thổ lộ; và toàn bộ đạo lý của một nhà sư phạm không bao giờ bằng được lời trò chuyện thương mến và âu yếm của một phụ nữ biết lẽ phải, mà ta gần bó.

Do trạng thái thân mật giữa tôi với bà khiến bà có thể đánh giá tôi tốt hơn trước đây, bà xét thấy, mặc dù có đáng về vụng về, song tôi đáng để bỏ công giáo hóa cho xã hội thượng lưu, và nếu một ngày kia tôi ra mắt tại đó ở một địa vị nhất định, thì tôi có thể làm nên. Với ý tưởng này, bà chuyên chú đào tạo tôi không chỉ về năng lực phán đoán, mà cả vẻ ngoài, thái độ, làm cho tôi thành dễ mến cũng như đáng quý trọng, và nếu quả thật có thể hợp nhất những thành công trong xã hội thượng lưu với đức độ, về phần tôi thì tôi không tin điều này, ít ra tôi cũng chắc chắn rằng chẳng có con đường nào khác ngoài con đường bà đã đi, và muốn dạy cho tôi. Vì bà De Warens hiểu con người, và biết cực giỏi nghệ thuật thương lượng với họ không dối trá và không đại dột, không lừa họ và không làm họ tức giận. Nhưng nghệ thuật này ở trong tính cách của bà nhiều hơn là trong các bài học; bà biết thực hành nó giỏi hơn là dạy nó, và tôi là người ít thích hợp nhất trên đời để học nó. Bởi thế tất cả những gì bà làm về mặt này, thiếu chút nữa thì công cốc, cũng như việc bà chăm lo tìm cho tôi các thầy dạy khiêu vũ và dạy kiếm thuật. Mặc dù nhanh nhẹn và thân hình cân đối, tôi không sao học được cách nhảy một điệu menuet. Do những cục chai ở chân, tôi đã rất quen đi bằng gót, thành thử Roche không thể làm tôi bỏ được thói quen ấy, và với đáng về khá lẹ làng, tôi không bao giờ nhảy qua nổi một cái rãnh xoàng, ở phòng tập kiếm thuật còn tệ hơn nữa. Sau ba tháng học hành, tôi vẫn còn dậm vào tường*,

không thể tấn công, và cổ tay không bao giờ đủ mềm dẻo, hoặc cánh tay không bao giờ đủ vững vàng, để giữ được thanh gươm khi ông thầy thích làm nó văng khỏi tay tôi. Xin hãy thêm vào đó là tôi chán lợm đến chết cả môn tập này, cả ông thầy đang cố dạy tôi môn ấy. Tôi chẳng bao giờ nghĩ rằng người ta có thể tự hào đến thế vì nghệ thuật giết một con người. Để cho kỳ tài quảng bác của ông ta vừa tầm với tôi, ông ta chỉ phát biểu bằng những so sánh rút từ âm nhạc, là thứ mà ông không hề biết, ông tìm ra những tương tự rõ ràng giữa các thế kiếm thứ ba và thứ tư (tierce và quarte) với những quãng trong nhạc cũng mang tên tierce và quarte. Khi ông muốn đâm một ngón kiếm trái (feinte) ông bảo tôi hãy cẩn thận với âm thăng (dièse), vì xưa kia các âm thăng được gọi là *feinte*; khi đã làm thanh gươm văng khỏi tay tôi, ông vừa cười gằn vừa bảo đó là một *dấu nghỉ* (pause). Rốt cuộc tôi chẳng thấy trên đời một kẻ thông thái rởm nào không sao chịu nổi như con người tội nghiệp ấy với chòm lông cài mũ và tấm giáp che ngực của ông ta.

Vậy là tôi ít tiến bộ trong những sự tập tành, mà chẳng bao lâu tôi bỏ chỉ vì chán ghét; nhưng tôi tập luyện nhiều hơn trong một nghệ thuật hữu ích hơn, nghệ thuật hài lòng với số phận mình, và đừng khao khát một số phận huy hoàng hơn, mà tôi bắt đầu cảm thấy mình không được sinh ra cho số phận đó. Toàn tâm toàn ý ước ao làm cho cuộc sống của Má hạnh phúc, ở bên bà tôi luôn thấy thích hơn, và khi phải xa bà để đi nơi này nơi nọ trong thành phố, thì mặc dù say mê âm nhạc, tôi bắt đầu cảm thấy sự gò bó của những buổi dạy học.

Tôi không hiểu Claude Anet có nhận thấy tính chất thân mật trong sự giao tiếp của chúng tôi hay không. Tôi có lý do để tin rằng chẳng phải anh không biết điều ấy. Đó là một chàng trai rất minh mẫn, nhưng rất kín đáo, không bao giờ nói ngược lại ý nghĩ của mình, nhưng chẳng phải bao giờ cũng nói ý nghĩ đó ra. Với tôi, anh không hề làm ra vẻ biết, song qua cách cư xử, anh có vẻ biết, và cách cư xử ấy

chắc chắn không do sự thấp kém về tâm hồn, mà do đã tán thành các nguyên lý của nữ chủ nhân, anh không thể phản đối việc bà hành động theo những nguyên lý đó. Tuy cũng trẻ tuổi như bà, song anh hết sức chín chắn và trang nghiêm, thành thử anh nhìn chúng tôi gần như hai đứa trẻ đáng được bao dung, còn cả hai chúng tôi nhìn anh như một người đáng kính, sự quý trọng của người ấy phải được chúng tôi ân cần gìn giữ. Chỉ sau khi bà không chung thủy với anh thì tôi mới hiểu rõ tất cả mối quyến luyến bà dành cho anh. Vì biết rằng tôi chỉ suy nghĩ, chỉ cảm nhận, chỉ hít thở nhờ bà, nên bà tỏ rõ cho tôi thấy bà yêu mến anh đến thế nào, để tôi cũng yêu anh như thế, và bà nhấn mạnh tình thân của bà với anh ít hơn là niềm quý trọng, bởi đó là tình cảm mà tôi có thể chia sẻ trọn vẹn nhất. Biết bao lần bà khiến chúng tôi mềm lòng và rơi nước mắt ôm hôn nhau, khi bảo rằng cả hai chúng tôi đều cần thiết cho hạnh phúc của đời bà! Và xin những phụ nữ sẽ đọc điều trên đừng mỉm cười tinh quái, với khí chất của bà, nhu cầu này không lập lờ: duy nhất đó là nhu cầu của con tim.

Như vậy giữa chúng tôi hình thành một hội có lẽ chưa từng thấy trên thế gian. Toàn bộ các ước nguyện của chúng tôi, các mối quan tâm, các cõi lòng, đều chung nhau, chẳng một điều gì diễn ra bên ngoài cái nhóm nhỏ ấy. Thói quen sống cùng nhau và chỉ cùng nhau thôi trở thành quan trọng đến mức nếu trong bữa ăn, thiếu một trong ba người hoặc có người thứ tư đến, thì mọi sự xáo trộn, và, mặc dù có quan hệ đặc biệt với nhau, song những cuộc gặp gỡ riêng hai người không êm đềm với chúng tôi bằng tụ họp. Điều ngăn ngừa được tình trạng ngượng ngùng lúng túng giữa chúng tôi là một niềm tin cậy lẫn nhau cực độ, và điều ngăn ngừa được tình trạng buồn chán là tất cả chúng tôi đều hết sức bận rộn. Má, luôn luôn dự kiến và luôn luôn hành động, chẳng mấy khi để hai chúng tôi nhàn rỗi, còn chúng tôi mỗi người về phần mình lại có công việc đầy ắp thời gian. Theo tôi, sự ăn không ngồi rồi là tai ương cho xã hội chẳng kém sự cô độc. Không gì thu hẹp trí tuệ, không gì sản sinh ra nhiều chuyện tầm phào, nhiều

điều mách lẻo, nhiều ngón chơi khăm, nhiều phiền nhiễu rắc rối, nhiều sự dối trá, như khi mãi mãi bị nhốt kín trong một gian phòng người nọ đối diện người kia, toàn bộ công việc chỉ là cần phải nói làm nhằm liên tục. Khi tất cả mọi người đều bận rộn, họ chỉ nói khi có điều gì cần nói; nhưng khi không làm gì cả, thì nhất thiết phải nói luôn miệng; và trong tất cả những sự gò bó đó là sự gò bó bất tiện nhất và nguy hiểm nhất. Thậm chí tôi dám đi xa hơn, và tôi chủ trương rằng, để làm cho một nhóm thành thực sự dễ chịu, mỗi người trong nhóm chẳng những cần làm một điều gì đó, mà là điều gì đòi hỏi chú ý đôi chút. Thắt những chiếc nút*, đó là không làm gì hết, và để khiến cho một người đàn bà thắt những chiếc nút được vui cũng phải mất công nhiều như với người đàn bà khoanh tay ngồi không. Nhưng khi người ấy thêu thùa, thì khác; người ấy bận rộn đủ để lấp đầy những khoảng cách thình lảng. Điều chướng, điều nực cười, là nhìn thấy trong thời gian đó một tá những anh chàng sếu vườn đứng lên, ngồi xuống, đi đi, lại lại, xoay mình, lật đảo hai trăm lần những bức tượng nhỏ cổ quái trên lò sưởi, và một nhòai đầu óc để duy trì một tràng lời lẽ liên miên bất tận: công việc mới hay ho chứ! Những kẻ đó, dù họ làm gì chẳng nữa, bao giờ cũng sẽ là gánh nặng cho người khác và cho chính họ. Khi ở Môtiêr, tôi đến làm những dây nịt tại nhà các bà láng giềng; nếu trở lại xã hội thượng lưu, tôi sẽ luôn có trong túi một quả cầu quay, và tôi sẽ chơi nó suốt ngày để khỏi phải nói khi không có gì mà nói. Nếu ai cũng làm như thế, mọi người sẽ thành bớt độc ác, sự giao thiệp của họ sẽ thành đáng tin cậy hơn, và tôi cho là sẽ thú vị hơn. Rốt cuộc, những người thích khôi hài cứ việc cười nếu họ muốn, nhưng tôi chủ trương đạo lý duy nhất vừa tầm với thế kỷ hiện tại là đạo lý của quả cầu quay.

Vả chẳng, mọi người ít cho chúng tôi tự mình lo lấy việc tránh buồn chán; và những kẻ quấy rầy làm chúng tôi buồn chán quá nhiều vì cứ kéo đến đông đảo, thành ra họ chẳng để chúng tôi buồn chán khi

còn lại riêng với nhau. Tình trạng tôi nóng lòng sốt ruột vì họ xưa kia không giảm bớt, và toàn bộ sự khác biệt là ở chỗ tôi ít có thì giờ hơn để sốt ruột. Má tôi nghiệp chẳng hề mất đi thói nông của những trù tính và những hệ thống. Ngược lại, nhu cầu trong nhà càng trở nên cấp bách, thì để cung cấp cho những nhu cầu ấy, bà càng buông mình theo ảo ảnh. Càng có ít nguồn lợi hiện tại, bà càng tạo dựng nguồn lợi trong tương lai. Năm tháng tiến triển chỉ làm tật ấy tăng thêm; và dần dần mất đi niềm ham thích các thú vui của giới giao tế và của tuổi trẻ, bà thay thế bằng niềm ham thích các bí quyết và các dự án. Trong nhà không ngớt nhộn nhịp những thầy lang vườn, những người chế tạo, những nhà luyện đan, những nhà thầu đủ loại, những kẻ phân phát của cải hàng triệu, cuối cùng cần đến một đồng *écu*. Chẳng ai ra khỏi nhà bà tay không, và một trong những niềm ngạc nhiên của tôi là bà có thể cung ứng lâu đến thế cho bao chi tiêu rộng rãi mà không cạn nguồn và không làm nản lòng các chủ nợ.

Dự án được Má chuyên tâm nhất trong thời gian tôi đang nói đến, và chẳng phải dự án phi lý nhất bà từng lập nên, đó là xây dựng tại Chambéry một vườn bách thảo hoàng gia, với một thuyết minh viên được trả lương; và ta biết trước chức vụ ấy dành cho ai. Vị trí của thành phố này, ở giữa dãy núi Alpes, rất thuận lợi cho thực vật học, và Má, người luôn tạo điều kiện cho một dự án bằng một dự án khác, gộp thêm vào đó một viện dược học, thực sự có vẻ rất hữu ích tại một xứ sở nghèo đến thế, nơi các nhà bào chế hầu như là những thầy thuốc duy nhất. Bà thấy việc bác sĩ trưởng Grossi* về hưu tại Chambéry, sau khi vua Victor qua đời, có vẻ tạo nhiều thuận lợi cho ý tưởng trên, và việc ấy gợi ra cho bà ý tưởng này cũng nên. Dù sao chẳng nữa, bà cũng bắt đầu dễ dàng chiều nịnh Grossi, người tuy thế lại không quá dễ chiều nịnh dễ dành; vì đó đúng là quý ông cay chua nhất và thô bạo nhất tôi từng thấy. Các vị hãy xét đoán điều này qua hai ba nét đặc sắc mà tôi sẽ nêu lên làm mẫu.

Một hôm, ông hội chẩn cùng các thầy thuốc khác, trong đó có một thầy thuốc từ Annecy đến, và là thầy thuốc thường ngày của bệnh nhân. Chàng trẻ tuổi, về phần một thầy thuốc thì còn chưa được giáo dục, dám không đồng ý với ngài bác sĩ trưởng, ông này, để đáp lại, chỉ hỏi anh là bao giờ anh ra về, anh sẽ đi qua lối nào, và lên cỗ xe nào. Anh kia, sau khi thỏa mãn những điều ông hỏi, đến lượt mình hỏi xem ông có việc gì cần giúp. “Không, không, Grossi nói, chỉ là tôi muốn ra đứng bên một cửa sổ, trên đường anh đi qua, để có cái thú nhìn thấy một con lừa cưỡi ngựa đi qua.” Ông ta keo kiệt ngang với giàu có và tàn nhẫn. Một hôm một trong những người bạn của ông muốn vay ông tiền và có những bảo đảm chắc chắn, “ông bạn ạ, ông ta vừa nói vừa nghiêng răng siết chặt cánh tay ông kia, nếu thánh Pierre có từ trên trời xuống để vay tôi mười đồng *pistole* và có đem Tam vị nhất thể ra bảo chứng, tôi cũng không cho vay đâu.” Một hôm, được mời đến dự bữa tối tại nhà bá tước Picon, thống đốc xứ Savoie, rất mộ đạo, ông đến trước giờ; và đại nhân, lúc đó đang bận lần tràng hạt niệm kinh, đề nghị ông cùng niệm cho vui. Chẳng biết trả lời ra sao, ông nhăn mặt một cái dễ sợ, rồi quỳ xuống. Nhưng mới đọc được hai kinh *Thánh mẫu*, thì, không chịu được nữa, ông đứng phắt dậy, cầm lấy cây gậy chống và ra về chẳng nói năng gì. Bá tước Picon chạy theo ông, gọi to: “Ngài Grossi! Ngài Grossi! Hãy ở lại, dưới kia có món chim đa đa đỏ quay rất ngon. - Ngài bá tước! Ông kia ngoảnh lại đáp, ngài có cho tôi một thiên thần quay tôi cũng không ở lại.” Ông bác sĩ-trưởng Grossi như thế đó, người mà Má định thuần hóa và thuần hóa được. Mặc dù cực kỳ bận rộn, ông thành thói quen đến nhà Má rất thường xuyên, đem lòng mến Anet, tỏ ra trọng thị những kiến thức của anh, nói về những kiến thức đó một cách trân trọng, và, điều mọi người không chờ đợi ở một con người thô lỗ như thế, cố tình đối xử với anh một cách vị nể, để xóa đi các ấn tượng của quá khứ. Bởi vì, mặc dù Anet không còn ở địa vị một đầy tớ, song người ta biết anh từng là đầy tớ, và quả thực cần có tấm gương và uy tín của ngài bác sĩ-trưởng để làm mẫu về thái độ đối với anh mà thiên hạ sẽ chẳng chịu theo nếu là bất kỳ ai

khác, Claude Anet, với một bộ y phục đen, một bộ tóc giả chải chuốt, một tư thái trang nghiêm và hợp lễ, một cách cư xử khôn ngoan và thận trọng, với những kiến thức khá rộng về y thuật và thực vật học, với sự ưu đãi của một vị Khoa trưởng, có thể hy vọng một cách hợp lý được hoan nghênh ở chức vụ nhân viên thuyết minh của nhà vua về thảo mộc, nếu công trình dự kiến được thực hiện; và quả thật Grossi đã tán thành kế hoạch, đã chấp nhận, và để đề xuất với triều đình, chỉ chờ thời điểm mà nền hòa bình cho phép nghĩ đến những việc hữu ích, và cho sử dụng khoản tiền nào đó để cung ứng cho điều này.

Nhưng dự kiến ấy, nếu được tiến hành có lẽ sẽ đưa tôi vào thực vật học, ngành mà tôi thấy dường như mình được sinh ra cho nó, bị lỡ dở vì một trong những biến cố bất ngờ thường lật đổ những kế hoạch được bàn tính kỹ nhất, số phận đã định cho tôi phải từng mức độ trở thành một thí dụ về những khốn khổ của con người, cứ như thể Thượng Đế, dành cho tôi những thử thách lớn, gạt đi tất cả những gì có thể ngăn tôi đến với những thử thách đó. Trong một chuyến đi của Anet lên những ngọn núi cao để tìm loại ngải hiếm có chỉ mọc ở dãy Alpes, và ông Grossi cần đến, chàng trai tội nghiệp hăng hái đến mức bị một chứng viêm màng phổi mà loại ngải hiếm ấy cũng không cứu được anh, dù người ta đồn là nó chuyên trị chứng này, và bất chấp toàn bộ tài nghệ của Grossi, chắc chắn là một người rất giỏi, bất chấp vô vàn sự chăm sóc mà nữ chủ nhân trung hậu của anh và tôi dành cho anh, năm ngày sau anh qua đời trong tay chúng tôi, sau cơn hấp hối ác nghiệt nhất, trong lúc hấp hối anh chẳng có được lời khuyến khích nào khác ngoài lời khuyến khích của tôi; và tôi nói với anh những lời ấy với cảm kích đau đớn và nhiệt thành, ắt phải phần nào an ủi anh, nếu như anh có thể nghe thấy tôi. Tôi mất đi như thế đó người bạn chắc chắn nhất mà tôi từng có trong cả cuộc đời, con người đáng quý trọng và hiếm thấy, mà bản tính thay cho giáo dục, con người nuôi dưỡng trong phận tôi tất mọi đức tính của các vĩ nhân, và có lẽ, để tự biểu lộ như vậy với toàn thể mọi người, chỉ cần sống và được đặt vào địa vị.

Ngày hôm sau, tôi nói chuyện này với Má trong nỗi buồn mênh liệt nhất và chân thành nhất, và, đột nhiên, giữa lúc trò chuyện, tôi bỗng có ý nghĩ hèn hạ và vô liêm sỉ rằng mình thừa hưởng áo quần của anh, đặc biệt là một bộ y phục đẹp màu đen từng khiến tôi rất thích. Tôi nghĩ thế, vậy thì tôi nói thế; vì ở bên Má thì nghĩ và nói đối với tôi chỉ là một. Không gì làm cho Má cảm nhận mất mát của mình rõ hơn lời nói đáng khinh và khả ố ấy, bởi sự vô tư bất vụ lợi và sự cao quý về tâm hồn là những phẩm chất mà người quá cố có ở mức độ cao nhất. Người phụ nữ đáng thương, chẳng đáp lại gì, ngoảnh sang phía khác và bắt đầu khóc. Những giọt lệ quý báu và thân thương! Những giọt lệ ấy được hiểu và chảy hết vào lòng tôi; chúng rửa sạch trong đó cho đến những vết tích cuối cùng của một cảm nghĩ thấp kém và bất lương; kể từ thời gian ấy, không bao giờ những cảm nghĩ như vậy đi vào cõi lòng này.

Sự mất mát ấy gây ra cho Má tổn hại ngang với đau thương. Kể từ thời điểm đó, công việc của bà không ngừng suy thoái. Anet là một chàng trai đúng mực và ngăn nắp, anh duy trì trật tự trong nhà nữ chủ nhân. Mọi người e sợ sự trông nom chu đáo của anh, và việc lãng phí ít đi. Bản thân Má cũng sợ sự kiểm duyệt của anh, và tự kiềm chế hơn trong việc phung phá. Sự quyến luyến của anh không đủ với Má, bà muốn giữ được lòng quý trọng ở anh, và bà lo sợ lời chê trách đúng đắn mà đôi khi anh dám bảo bà, là bà xài phí của cải của người khác cũng nhiều như của mình. Tôi nghĩ giống như anh, thậm chí tôi nói ra; nhưng tôi không có được uy thế như vậy với bà, và lời lẽ của tôi không bắt được mọi người thừa nhận như lời lẽ của anh. Khi anh không còn nữa, tôi buộc phải thay vào vị trí của anh, vị trí mà tôi vừa ít khả năng vừa ít ưa thích; tôi thế chỗ một cách kém cỏi. Tôi ít cẩn thận, tôi rất rụt rè; vừa la mắng trong lòng, tôi vừa để mọi sự diễn ra thế nào thì thế. Và chẳng, tôi đã đạt được cùng sự tin cậy ấy, nhưng không phải cùng uy lực ấy. Tôi thấy được sự lộn xộn, tôi kêu ca, tôi phàn nàn, và tôi không được nghe theo. Tôi quá trẻ và quá hăng hái

nên không được quyền có lý; và khi tôi định làm người kiểm duyệt, thì Má tát yêu tôi, gọi tôi là tiểu sư phó của bà, và buộc tôi trở lại vai trò phù hợp với mình.

Cảm giác sâu xa về cảnh quần bách mà những chi tiêu thiếu cân nhắc tất yếu đưa Má đến sớm hay muộn, càng tác động mạnh mẽ đến tôi, vì khi trở thành người kiểm tra việc nhà, tự tôi đánh giá được tình trạng mất cân bằng giữa khoản *thiếu* và khoản *có*. Giai đoạn này khởi đầu khuynh hướng hà tiện mà tôi luôn cảm thấy ở mình kể từ thời gian ấy. Xưa nay tôi chỉ hoang phí một cách điên cuồng từng cơn từng đợt; nhưng cho đến bây giờ tôi chưa bao giờ lo lắng lắm xem liệu mình có ít hay nhiều tiền. Tôi bắt đầu chú ý chuyện này và bắt đầu lo đến túi tiền của mình. Tôi thành bủn xỉn vì một động cơ rất cao thượng; vì, sự thực là tôi chỉ nghĩ đến việc dành dụm cho Má một nguồn lợi nào đó trong thảm họa mà mình thấy trước. Tôi sợ các chủ nợ xiết mất khoản trợ cấp của bà, sợ khoản này bị phế bỏ hẳn, và theo tầm nhìn hạn hẹp của mình, tôi tưởng tượng rằng khi ấy số tiền ít ỏi mình cất giấu sẽ giúp ích nhiều cho bà. Nhưng để dành dụm được số tiền ấy, và nhất là để giữ được nó, cần phải giấu giếm bà; vì sẽ không thích đáng, nếu trong khi bà phải xoay sở, mà bà lại biết rằng tôi có tiền riêng, vậy là tôi tìm kiếm ở nơi này nơi kia những chỗ cất giấu nho nhỏ để nhét vào đó vài đồng *louis* dự trữ, hy vọng gia tăng không ngừng khoản dự trữ này cho đến lúc đặt nó dưới chân bà. Nhưng tôi rất vụng trong việc chọn chỗ cất giấu, thành thử bao giờ bà cũng khám phá được; thế rồi, để cho tôi biết là bà đã tìm ra, bà lấy đi đồng tiền vàng tôi đã để ở đó, và để vào nhiều hơn bằng các loại tiền khác. Tôi xấu hổ đem số của riêng bé nhỏ trả lại vào túi tiền chung, và bao giờ bà cũng dùng nó để sắm áo quần hay đồ đạc dành cho tôi, như thanh kiếm bạc, đồng hồ hay vật gì tương tự.

Tin chắc rằng việc tích trữ sẽ chẳng bao giờ thành công đối với mình, còn với bà đó sẽ là một phương sách ít giá trị, cuối cùng tôi cảm thấy chẳng có phương sách nào khác chống lại tai họa mà mình lo sợ

ngoài cách làm sao tự mình có thể cung ứng cho bà sinh sống, khi mà, không còn cung ứng cho tôi nữa, bà thấy bà sắp thiếu miếng ăn. Rủi thay, do hướng kế hoạch theo sở thích, tôi khẳng khẳng tìm kiếm một cách điên rồ thời vận của mình trong âm nhạc; và, cảm thấy trong đầu nảy sinh những ý tưởng và những điệu hát, tôi ngỡ khi mình lợi dụng được các điều đó, thì sẽ thành ngay một người danh tiếng, một Orphée hiện đại mà âm thanh ắt phải thu hút toàn bộ bạc tiền của xứ Pérou*. Vấn đề đối với tôi, khi đã bắt đầu đọc được nhạc tầm tàm, là học soạn nhạc, cái khó là tìm được ai đó để dạy tôi; vì chỉ với cuốn Rameau, tôi không hy vọng gì tự mình làm được, và từ khi ông Le Maître ra đi, không một người nào ở Savoie hiểu gì về hòa thanh.

Ở đây mọi người sẽ lại thấy một trong những điều không nhất quán đầy rẫy trong cuộc đời tôi, và rất nhiều khi khiến tôi đi ngược lại mục đích, ngay cả khi tôi tưởng mình hướng thẳng đến đích. Venture đã nói nhiều với tôi về tu sĩ Blanchard, thầy dạy anh soạn nhạc, người có giá trị và có tài năng rất lớn, bấy giờ đang là nhạc trưởng của giáo đường Besancon, và giờ đây là nhạc trưởng tiểu giáo đường Versailles. Tôi liền nảy ra ý tưởng đến Besancon thụ giáo tu sĩ Blanchard, và tôi thấy ý tưởng này hết sức hợp lý, thành thử tôi làm được cho Má thấy nó hợp lý. Thế là bà sắm sửa lệ bộ cho tôi, và sắm sửa thừa thãi phong phú như bà vẫn làm mọi việc. Như vậy, vẫn với dự án phòng ngừa một vụ phá sản và mai sau bù đắp cho sự phung phí của bà, tôi khởi đầu ngay lúc ấy bằng việc khiến bà phải chi một khoản tám trăm *franc*, tôi đẩy nhanh tình trạng bà bị phá sản để làm cho mình có khả năng chữa trị tình trạng đó. Dù cách cư xử này rõ đại đến mấy, thì về phần tôi ảo tưởng thật trọn vẹn, và ngay cả về phần bà nữa. Cả hai chúng tôi đều tin chắc, tôi thì tin là mình đang làm việc hữu ích cho bà, bà thì tin là tôi đang làm việc hữu ích cho tôi.

Tôi đã chắc mẫm gặp được Venture vẫn đang ở Annecy, và xin anh một bức thư giới thiệu với tu sĩ Blanchard. Anh không còn ở đó

nữa. Toàn bộ tin tức mà tôi đành lòng nhận là một bản nhạc lễ mi xa bốn phần, do anh soạn và chép, và để lại cho tôi. Với sự giới thiệu này tôi đi Besangon, qua Genève, tôi đến thăm họ hàng ở đó, và qua Nyon, tôi đến thăm cha ở đó, ông tiếp đón tôi như ông thường đón và đảm nhận chuyển cho tôi hòm hành lý, sẽ đến nơi sau tôi, vì tôi đi ngựa. Tôi đến Besancon. Tu sĩ Blanchard tiếp đón tôi tử tế, hứa sẽ dạy tôi, và nhận giúp tôi. Chúng tôi sắp sửa bắt đầu thì tôi được một lá thư của cha tôi cho biết hòm hành lý của tôi đã bị bắt giữ và tịch thu tại Rousses, văn phòng Pháp ở biên giới Thụy Sĩ. Hoảng sợ vì tin này, tôi sử dụng những mối quen biết đã thiết lập được ở Besancon để biết lý do của việc tịch thu; vì, rất chắc chắn mình không hề có hàng lậu, tôi không sao hiểu nổi người ta dựa vào cứ gì. Cuối cùng tôi được biết: cần phải kể ra, vì đó là một sự kiện kỳ cục.

Ở Chambéry tôi quen một ông già người Lyon, rất trung hậu, tên là ông Duvivier, từng làm ở sở thị thực dưới thời Nhiếp chính, và do không có việc, đã đến làm ở sở địa chính, ông từng sống trong giới giao tế; ông có vài tài năng, một số kiến thức, thái độ hiền hòa, lịch sự; ông biết nhạc, và do tôi làm việc cùng phòng với ông, chúng tôi thân nhau hơn giữa những kẻ thô tục kém giáo hóa vây quanh chúng tôi. Ông có tại Paris những người trao đổi thư từ tin tức, họ cung cấp cho ông những chuyện tầm phào nho nhỏ, những điều mới lạ phù du, lan truyền chẳng biết tại sao, tàn lụi chẳng biết như thế nào, và chẳng bao giờ có ai nhớ lại khi mọi người đã thôi nói đến. Vì đôi khi tôi dẫn ông đến ăn tối tại nhà Má, có thể nói là ông chiều nịnh tôi, và, để khiến mình thành thú vị, ông cố làm cho tôi thích những điều nhảm nhí vô vị ấy, mà tôi luôn chán ghét, thành thử cả đời chưa bao giờ riêng mình đọc lấy một bài. Để chiều lòng ông, tôi cầm lấy những mảnh giấy chùi đít quý hóa ấy, tôi đút chúng vào túi, và tôi chỉ còn nghĩ đến chúng để dùng vào việc duy nhất hợp với chúng. Rủi thay, một trong những tờ giấy trời đánh ấy còn ở trong túi áo một bộ lễ phục mới mà tôi đã mặc hai ba lần, cho hợp thể thức với các nhân viên. Tờ giấy này là một bài

khá nhạt nhẽo theo tư tưởng janséniste, giễu nhại cảnh rất hay trong vở *Mithridate* của Racine. Tôi chẳng đọc đến mười câu thơ trong đó, và đã để quên trong túi. Đó là điều khiến cho đồ đạc của tôi bị tịch thu. Ở phần đầu bản kiểm kê chiếc hòm, các nhân viên lập một biên bản hay ho, trong đó, cho rằng bài viết này đến từ Genève để được in và phân phát tại Pháp, họ triển khai dài dòng những lời chửi rủa thánh thiện đối với các kẻ thù của Chúa và Giáo hội, những lời ca ngợi sự cảnh giác kinh tins của họ, đã ngăn chặn được việc thực thi kế hoạch của ác quỷ này. Chắc hẳn họ thấy những chiếc áo sơ mi của tôi cũng bốc mùi tà đạo; bởi, theo như tờ biên bản ghê gớm đó, tất cả đều bị tịch thu, mà dù có làm thế nào tôi cũng không bao giờ biết được lý do cũng như tin tức về số đồ vật đáng thương của mình. Những người tại các sở mà chúng tôi trình báo đòi hỏi rất nhiều tra cứu, rất nhiều tin tức, chứng thực, thuyết minh, thành thử, lạc lối đến ngàn lần giữa mê cung ấy, tôi buộc lòng phải buông bỏ tất cả. Tôi thực sự tiếc là đã không giữ tờ biên bản của văn phòng Rousses. Đó là một văn kiện cần đặc biệt có mặt trong bộ sưu tập các văn kiện phải kèm theo tác phẩm này.

Tổn thất đó khiến tôi quay về Chambéry, ngay lập tức, chưa làm được gì cùng tu sĩ Blanchard; và, cân nhắc mọi bề, thấy tai họa đeo đuổi mình trong mọi kế hoạch, tôi quyết tâm chỉ gắn bó duy nhất với Má, cầu may cùng bà, và thôi không lo lắng vô ích cho một tương lai mà mình chẳng làm gì được. Bà đón tôi như thể tôi đã mang về những kho báu, sắm sửa lại áo quần cho tôi dần dần, và tai họa của tôi, khá lớn cho cả hai, hầu như vừa xảy đến đã được quên đi.

Mặc dù tai họa ấy khiến tôi bớt hăng hái đối với các dự án về âm nhạc, song tôi vẫn nghiên cứu cuốn Rameau; và, cứ cố gắng mãi, cuối cùng tôi hiểu được ông và làm được vài thể nghiệm nhỏ về sáng tác, thành công của những thể nghiệm này khuyến khích tôi. Bá tước De Bellegrade, con của hầu tước D'Entremont, trở về từ Dresde sau khi vua Auguste qua đời. Ông đã sống một thời gian dài tại Paris: ông cực

kỳ yêu thích nhạc, và say mê nhạc của Rameau. Em trai ông, bá tước De Nangis, chơi vĩ cầm, nữ bá tước phu nhân De la Tour, em các ông, hát chút ít. Tất cả những điều này khiến âm nhạc thành hợp thời thượng ở Chambéry, và mọi người tổ chức một kiểu hòa nhạc trước công chúng, mà mới đầu họ định để tôi chỉ huy; nhưng họ nhận ra ngay là việc đó vượt quá sức tôi, và họ thu xếp theo cách khác. Song tôi vẫn đưa vào đó vài nhạc khúc do tôi soạn, trong đó có một bài cantate rất được ưa thích. Không phải là một bản nhạc soạn thật tốt, nhưng có nhiều điệu hát mới và nhiều điều gây ấn tượng mà người ta không ngờ ở tôi. Các quý ngài ấy không thể tin được rằng, trong khi đọc nhạc kém đến thế, tôi lại đủ trình độ soạn bản nhạc nghe được, và họ chẳng hồ nghi gì tôi không nhận sáng tác của người khác làm của mình. Để kiểm tra sự việc, một buổi sáng, ông De Nangis đến tìm tôi, đem theo một bản cantate của Clérambault, mà ông bảo rằng ông đã chuyển dịch giọng để thuận tiện cho giọng hát, và cần phải làm một bè trầm khác, vì việc chuyển dịch giọng khiến bè trầm của Clérambault không thực hiện được trên nhạc cụ. Tôi trả lời rằng công việc này rất lớn, không thể làm ngay tức thì. Ông ta tưởng tôi tìm cớ thoái thác, và thúc ép tôi làm cho ông ít ra là bè trầm của một khúc. Vậy là tôi làm, chắc hẳn kém cỏi, vì trong mọi sự, để làm tốt, tôi cần thoải mái và tự do; nhưng ít ra tôi làm đúng thể thức, và vì ông ta có mặt, ông ta không thể nghi ngờ là tôi không biết các nguyên lý của việc soạn nhạc. Bởi vậy tôi không bị mất học trò, nhưng tôi hơi giảm hăng hái với âm nhạc, vì thấy người ta tổ chức hòa nhạc mà lại không cần đến mình ở đó.

Gần như trong thời gian này, vì hòa bình đã lập lại, quân đội Pháp lại kéo qua núi. Nhiều sĩ quan đến thăm Má, trong đó có bá tước De Lautrec, đại tá binh đoàn Orléans, sau đó là ủy viên toàn quyền tại Genève, cuối cùng là thống chế nước Pháp, Má giới thiệu tôi với ông. Dựa trên những gì bà nói với ông về tôi, ông có vẻ quan tâm đến tôi rất nhiều, và hứa với tôi rất nhiều điều mà ông chỉ nhớ đến trong năm

cuối cùng của đời ông, khi tôi không còn cần đến ông nữa. Hầu tước trẻ De Sennecterre, có cha khi đó đang là đại sứ tại Turin, cũng đi qua Chambéry trong thời gian này. Ông dự tiệc chiều ở nhà bà De Menthon; hôm ấy tôi cũng ăn tại đó. Sau bữa ăn mọi người bàn đến âm nhạc; ông rất hiểu biết về nhạc. Khi ấy vở nhạc kịch *Jephté** đang mới mẻ; ông nói về nó, mọi người cho mang vở nhạc kịch đến. Ông khiến tôi sợ run lên, khi đề nghị cả hai cùng diễn tấu nhạc kịch này, và, mở cuốn sách ra, trúng vào đoạn nổi tiếng, do hai bè hợp xướng:

*Thế gian, địa ngục, ngay cả bầu trời,
Tất cả đều run lên trước Thiên Chúa.*

Ông bảo tôi: “Ông muốn thực hiện mấy phần? Về phần mình, tôi sẽ thực hiện sáu phần này.” Tôi còn chưa quen với sự hăng hái kiểu Pháp ấy; và mặc dù đôi khi tôi từng ấp úng đọc các nhạc khúc, song tôi không hiểu làm thế nào mà cùng một người có thể đồng thời diễn tấu sáu phần, thậm chí hai phần. Trong việc luyện tập nhạc không gì vất vả cho tôi bằng việc chuyển lẹ như thế từ phần này sang phần khác, và để mắt cùng một lúc đến toàn bộ một nhạc khúc. Thấy cung cách tôi xoay xở trong việc này, hẳn ông De Sennecterre có ý cho rằng tôi không biết nhạc, có lẽ để kiểm chứng sự nghi ngờ này, ông đề nghị tôi ghi lại một bài hát mà ông muốn cho cô De Menthon. Tôi không thể không làm. Ông hát lên bài hát; tôi viết nó ra, thậm chí không để ông phải lặp lại nhiều. Sau đó ông đọc, và thấy quả thật bài hát được ghi lại rất đúng, ông đã thấy sự lúng túng của tôi, ông vui thích biểu dương giá trị của thành công nhỏ ấy. Tuy thế đây là một điều rất đơn giản. Kỳ thực, tôi rất am hiểu nhạc; tôi chỉ thiếu sự linh hoạt của cái nhìn lướt qua đầu tiên mà tôi không bao giờ có được đối với bất cứ điều gì, và trong âm nhạc việc này chỉ đạt được nhờ một sự thực hành thật thành thạo. Dù sao chẳng nữa, tôi cũng cảm kích trước mối quan tâm chính trực của ông cố xóa đi trong tâm trí mọi người và trong tâm

trí tôi nổi hồ thẹn nho nhỏ của tôi trước đó; và mười hai hay mười lăm năm sau, gặp gỡ ông tại nhiều nhà ở Paris, nhiều lần tôi định nhắc lại với ông mẫu chuyện nhỏ ấy, và để ông thấy rằng tôi vẫn còn nhớ. Nhưng thời gian này ông đã không nhìn thấy nữa: tôi sợ khơi lại trong ông những tiếc nuối khi nhắc nhở cách ông từng biết sử dụng con mắt, thế là tôi nín lặng.

Tôi đang chạm đến thời điểm bắt đầu kết nối cuộc sống đã qua của tôi với cuộc sống hiện tại. Một vài tình bạn thời ấy, kéo dài đến thời bây giờ, đã thành rất quý giá với tôi. Những tình bạn này thường làm cho tôi tiếc nuối thuở hàn vi hạnh phúc khi những người tự nhận là bạn đúng là bạn và yêu mến tôi vì tôi, thuần túy do thiện tâm, không do lòng tự đắc là giao du với một người có tiếng, hoặc do mong muốn thầm kín như vậy thì tìm được nhiều cơ hội hơn để làm hại người đó. Chính thời gian này tôi bắt đầu quen ông bạn già Gauttecourt*, người vẫn luôn còn lại với tôi, mặc dù người ta đã cố gắng cướp ông đi của tôi. Vẫn luôn còn lại ư! Không. Than ôi! Tôi vừa mất ông. Nhưng ông chỉ ngừng yêu tôi khi ngừng sống, và tình bạn của chúng tôi chỉ kết thúc cùng với ông. Ông De Gauffecourt là một trong những con người đáng mến nhất từng có trên đời. Không thể nhìn thấy ông mà không yêu mến ông, và không thể sống cùng ông mà không gắn bó với ông hoàn toàn. Cả đời tôi chưa từng thấy một diện mạo nào cởi mở hơn, vồn vã hơn, thanh thản hơn, biểu lộ nhiều tình cảm và trí tuệ hơn, khiến người ta tin cậy hơn. Cho dù người ta có thể dè dặt đến đâu, ngay lần đầu gặp ông, người ta không sao ngăn nổi mình thân mật với ông như thể quen ông đã hai chục năm, và tôi, hết sức khó khăn mới thoả mái được với những gương mặt mới, tôi thoả mái với ông ngay từ khoảnh khắc đầu tiên. Giọng nói, âm điệu, lời lẽ của ông hoàn toàn hợp với diện mạo. Âm thanh trong trẻo, đầy đặn, vang, một giọng trầm sang sảng và sắc, rõ bên tai và ngân lên trong lòng. Không thể có được một tính tình vui vẻ thuần hòa hơn và dịu dàng hơn, có được phong vận chân thực hơn và giản dị hơn, những tài năng tự nhiên hơn

và được trau dồi một cách phong nhã hơn. Hãy thêm vào đó một tấm lòng giàu yêu thương, nhưng yêu thương hơi quá tất cả mọi người, một tính cách hay giúp đỡ mà ít chọn lọc, sốt sắng phục vụ bạn bè, hay đúng hơn là làm bạn với những người mà ông có thể phục vụ, và biết cách thực hiện rất khôn khéo công việc của chính mình trong khi thực hiện rất hăng hái công việc của người khác. Gauffecourt là con một người thợ đồng hồ bình thường, và bản thân từng là thợ đồng hồ. Nhưng dung mạo của ông và tài cán của ông vờ gọi ông đến một lĩnh vực khác, mà ông mau chóng gia nhập. Ông quen biết ông De la Closure, khâm sứ Pháp tại Genève, người đem lòng mến ông. Ông ta giúp ông có tại Paris những mối quen biết khác hữu ích cho ông, và nhờ đó ông được giao việc cung cấp muối vùng Valais, việc này đem lại cho ông hai mươi ngàn *franc* lợi tức. Vận may của ông, khá lớn, giới hạn ở đó về phía nam giới; nhưng về phía nữ giới, thì chen vai thích cánh: ông phải chọn, và làm những gì mình muốn. Điều hiếm thấy hơn và đáng kính hơn ở ông là tuy có những quan hệ ở mọi địa vị, song ông được tất cả mọi người yêu quý, sẵn đón, không bao giờ bị ai đổ kỵ cũng như thù ghét, và tôi nghĩ rằng ông mất đi mà không có một kẻ thù nào trong đời. Con người hạnh phúc! Năm nào ông cũng đến suối nước nóng tại Aix, nơi tập hợp giới phong lưu của các miền lân cận. Kết giao với toàn bộ giới quý tộc Savoie, ông từ Aix đến Chambéry thăm bá tước De Bellegarde và cha của bá tước là hầu tước D'Entremont, Má làm quen với ông và giúp tôi làm quen với ông tại đây. Mối quen biết dường như chẳng đi đến đâu này, và nhiều năm trời gián đoạn, nổi lại trong thời cơ mà tôi sẽ kể, và thành một sự gắn bó đích thực. Thế cũng đủ để cho phép tôi nói về một người bạn mà tôi rất thân; nhưng dù tôi chẳng có mối quan tâm riêng tư nào đến người quá cố, thì đó cũng là một con người thật đáng mến và sinh ra với thật nhiều thiên tư, thành thử, vì vinh dự của loài người, tôi cho rằng hồi ức về ông luôn đáng lưu giữ. Con người khả ái đến thế tuy vậy cũng có những khuyết điểm, như những người khác, mà ta có thể thấy sau đây; nhưng nếu ông không có khuyết điểm, có lẽ ông sẽ bớt dễ mến

hơn. Để khiến ông thành thú vị nhiều như ông có thể, thì ta phải có cái gì đó tha thứ cho ông.

Một mối quan hệ khác cùng thời gian ấy hiện chưa nguôi tắt, và hãy còn dự hoặc tôi hy vọng có hạnh phúc trần thế, niềm hy vọng thật khó tuyệt diệt trong lòng người. Ông De Conzié, quý tộc miền Savoie, khi đó trẻ tuổi và dễ mến, có ý ngông muốn học nhạc, hay đúng hơn là làm quen với người dạy nhạc, có tài trí và ham thích những tri thức tao nhã, ông De Conzié có tính tình hiền hòa khiến ông rất dễ kết bạn, và bản thân tôi cũng rất dễ kết bạn với những người mà tôi thấy họ có tính tình như vậy. Quan hệ lập tức được xác lập. Mầm mống văn chương và triết lý bắt đầu xôn xao trong óc tôi, chỉ chờ đợi được trau dồi và ganh đua đôi chút để phát triển hoàn toàn, tìm thấy ở ông sự trau dồi và ganh đua ấy. Ông De Conzié ít có khuynh hướng âm nhạc; đó là điều hay cho tôi; những giờ học dùng để làm những việc khác hẳn với việc xướng âm theo nhạc phổ. Chúng tôi ăn trưa, chúng tôi trò chuyện, chúng tôi đọc một vài cuốn sách mới, và chẳng nói một lời nào về nhạc. Khi đó dư luận đang ồn ào về thư từ của Voltaire với ông hoàng nước Phổ^{*}: chúng tôi hay trao đổi về hai con người danh tiếng ấy, mà một người, mới lên ngôi, đã cho thấy trước đúng như ít lâu sau ông sẽ tự biểu lộ; còn người kia, giờ đây bị phỉ báng cũng như được ngưỡng mộ, khiến chúng tôi thành thật phàn nàn cho nỗi bất hạnh dường như đeo đuổi ông, nỗi bất hạnh mà người ta rất hay thấy là phần riêng thuộc các tài năng lớn. Hoàng thân nước Phổ từng ít hạnh phúc trong thời trẻ tuổi; còn Voltaire dường như được tạo ra để không bao giờ hạnh phúc. Mối quan tâm của chúng tôi đối với cả hai người mở rộng ra tất cả những gì liên quan đến họ. Chúng tôi không bỏ sót một điều nào trong tất cả những gì Voltaire viết ra. Niềm ham thích khi đọc những điều ấy gây cho tôi mong muốn học viết một cách thanh nhã, và cố bắt chước sắc màu đẹp đẽ của tác giả, mà mình say mê. Sau đó ít lâu *Những bức thư triết học* của ông được công bố. Mặc

dù đây chắc chắn không phải tác phẩm hay nhất của ông, nhưng đó là tác phẩm thu hút tôi nhiều nhất vào việc nghiên cứu, và niềm ham thích mới nảy sinh này không nguội tắt nữa kể từ thời gian ấy.

Nhưng chưa đến thời điểm để tôi thực sự đi vào con đường đó. Ở tôi hãy còn một tính tình hơi nhẹ dạ, một mong muốn đi đây đi đó, đã hạn chế thì đúng hơn là nguội tắt, và được cung cách sinh hoạt trong nhà bà De Warens dung dưỡng, cách sinh hoạt quá ồn ào đối với tính tình ưa vắng vẻ của tôi. Đám người không quen biết hằng ngày ùn ùn kéo đến từ khắp nơi, và việc tôi tin chắc rằng những kẻ đó chỉ tìm cách lừa phỉnh bà mỗi kẻ theo cách của họ, khiến tôi thật sự băn khoăn bứt rứt về nơi ở của mình. Từ khi kể tục Claude Anet trong chuyện riêng tư của bà chủ anh, tôi theo dõi sát hơn tình trạng công việc của bà, và thấy ở đó sự tổn hại ngày một tăng khiến tôi hoảng sợ. Hàng trăm lần tôi đã chê trách, cầu khẩn, giục giã, van xin, và bao giờ cũng vô ích. Tôi đã quỳ xuống chân bà, tôi đã trình bày rất rõ với bà thảm họa đe dọa bà, tôi đã sốt sắng khuyến cáo bà hãy cắt giảm chi tiêu, bắt đầu bằng giảm chi tiêu cho tôi, hãy chịu khổ đôi chút khi bà còn trẻ, hơn là, do cứ tăng thêm mãi các khoản nợ và các chủ nợ, có nguy cơ đến tuổi già bị họ làm tổn thương và phải chịu cảnh bần cùng. Cảm nhận được tính chân thành trong sự hăng hái của tôi, bà mềm lòng cùng tôi, và hứa hẹn với tôi những điều tốt đẹp nhất trên đời. Một gã vô tích sự đến nhà ư? Mọi điều bị quên ngay tức khắc. Sau muôn ngàn thể nghiệm về tính vô dụng của những lời quở trách, tôi còn biết làm gì ngoài việc ngoảnh mặt đi khỏi tai họa mà mình chẳng thể phòng ngừa? Tôi lánh ra xa ngôi nhà mà mình chẳng canh giữ được cửa; tôi thực hiện những chuyến đi ngắn tới Nyon, Genève, Lyon, những chuyến đi, trong khi làm tôi khuây khỏa nỗi lo buồn âm thầm, cùng lúc ấy lại tăng thêm lý do để lo buồn do những chi phí của tôi. Tôi có thể thề rằng tôi sẽ vui mừng chịu đựng mọi sự cắt giảm, nếu như Má thực sự có lợi do khoản tiết kiệm này; nhưng biết chắc rằng những gì

mình nhin sẽ chuyển sang cho bọn gian xảo, tôi lợi dụng sự dễ dãi của bà để chia sẻ cùng bọn chúng, và, giống như con chó từ cửa hàng thịt trở về, tôi cướp miếng thịt của mình từ tảng thịt mà mình đã không cứu nổi.

Những chuyến đi ấy chẳng thiếu gì có, và riêng Má cũng cung cấp dư thừa có cho tôi, bởi bà có ở khắp nơi những mối quan hệ, những cuộc thương lượng, những công việc, những sự ủy thác phải giao cho người nào đấy tin cần. Bà vui lòng cử tôi, tôi vui lòng đi; điều này chẳng khỏi tạo nên một đời sống đi đây đi đó khá nhiều. Những chuyến đi này khiến tôi có được vài mối quen biết tốt, thú vị hoặc hữu ích cho tôi sau này; ở Lyon có ông Perrichon*, mà tôi tự trách mình không đủ ân cần lui tới, xét những việc tốt ông đã làm cho tôi; có ông Parisot* trung hậu, mà tôi sẽ nói đến; ở Grenoble là bà D'Eybens và bà tổng trưởng De Bardouanche, người phụ nữ nhiều tài trí, và có lẽ sẽ đem lòng mến tôi nếu tôi có thể đến thăm bà thường xuyên hơn; ở Genève, là ông De la Closure, khâm sứ Pháp, ông hay nói với tôi về mẹ tôi, người mà lòng ông không thể rời xa bất chấp cái chết và thời gian; là hai cha con Barillot, mà ông bố, thường gọi tôi là thằng cháu của ông, rất hòa nhã trong giao thiệp và là một trong những con người có phẩm cách nhất mà tôi từng biết. Trong thời gian nước Cộng hòa biến loạn, hai công dân này lao mình vào hai đảng đối lập: con vào đảng của giới thị dân, cha vào đảng của các trưởng quan, và năm 1737 khi hai bên khai chiến, vì lúc đó tôi đang ở Genève nên nhìn thấy hai cha con mang theo vũ khí ra đi từ cùng một ngôi nhà, người này để đến tòa thị chính, người kia để đến doanh trại, chắc chắn hai giờ đồng hồ sau sẽ đối mặt nhau, với nguy cơ cắt cổ lẫn nhau, cảnh tượng ghê gớm này gây cho tôi một ấn tượng hết sức mãnh liệt thành thử tôi thề không bao giờ can dự vào một cuộc nội chiến nào, và không bao giờ ủng hộ tự do trong nội bộ bằng vũ khí, bằng con người tôi hay bằng sự thừa nhận của tôi, nếu có khi nào tôi được phục hồi quyền công dân. Tôi tự làm chứng là đã giữ lời thề này trong một

trường hợp tế nhị, và mọi người sẽ thấy sự ôn hòa ấy có đôi chút giá trị, ít ra tôi nghĩ vậy.

Nhưng tôi còn chưa ở trạng thái bông bột xao xuyến đầu tiên của lòng ái quốc mà Genève vũ trang kích thích trong tim tôi. Mọi người sẽ thấy tôi xa trạng thái đó đến chừng nào qua một sự kiện rất nghiêm trọng thuộc trách nhiệm của tôi, mà tôi đã quên đặt vào chỗ của nó, và là sự kiện không được bỏ sót.

Cậu Bernard tôi đã sang Caroline từ vài năm nay để xây dựng thành phố Charlestown mà cậu đã cung cấp đồ án. Ít lâu sau cậu qua đời tại đó; anh họ tội nghiệp của tôi cũng chết trong khi phục vụ nhà vua Phổ, và vợ tôi mất chồng mất con trai gần như đồng thời. Những mất mát này làm ấm lại đôi chút tình thân với người họ hàng gần nhất còn lại với vợ và đó là tôi. Khi đến Genève, tôi ở nhà vợ, và để tiêu khiển tôi lục lạo và lật giở giấy tờ sách vở cậu tôi để lại. Tôi tìm thấy ở đó nhiều văn kiện lạ lùng và những bức thư mà chắc chắn mọi người không ngờ tới. Vợ tôi, ít đêm xia đến mở giấy tờ vô dụng ấy, có thể để tôi mang đi tất cả nếu tôi muốn. Tôi chỉ mang hai hoặc ba cuốn sách có những lời bình do ông ngoại Bernard, mục sư, tự tay viết, trong số đó có *Di cáo* của Rohault*, khổ giấy xếp bốn, mà lẽ sách chỉ chít những ghi chú rất hay làm cho tôi yêu thích toán học. Cuốn sách này được để lại cùng các sách của bà De Warens; tôi luôn phiền lòng vì đã không giữ nó. Tôi thêm vào những cuốn sách đó sáu sáu báo cáo viết tay, và chỉ một báo cáo được in, của Micheli Ducret nổi tiếng, người có tài năng lớn, uyên bác, sáng suốt, nhưng quá hiếu động, bị các trưởng quan Genève đối xử thật tàn nhẫn, và qua đời gần đây tại đồn Arberg, nơi ông bị giam giữ nhiều năm ròng, vì nghe nói đã can dự vào vụ âm mưu tại Berne.

Báo cáo này là một bản phê phán khá chí lý kế hoạch to tát và lỗ bịch xây thành lũy đã tiến hành một phần ở Genève, bị những người

trong nghề cười nhạo rất nhiều, họ không hiểu mục đích thâm kín của hội đồng trong việc thực hiện công trình hoành tráng này. Ông Micheli, bị sa thải khỏi Ban thành lũy vì đã chê trách kế hoạch trên, nghĩ rằng, với tư cách thành viên Hội đồng lập pháp Hai trăm người, và ngay cả với tư cách công dân, có thể phát biểu ý kiến của mình kỹ hơn, và đó là điều ông đã thực hiện qua bản báo cáo này, mà ông thiếu thận trọng cho in, nhưng không công bố; vì ông chỉ in đủ số bản gửi cho Hai trăm ủy viên, tất cả đều bị chặn lại ở bưu điện do lệnh của Tiểu Hội đồng. Tôi thấy báo cáo này trong số giấy tờ của cậu tôi, cùng với bản kháng biện mà cậu được giao soạn thảo, và tôi mang đi cả hai tài liệu. Tôi thực hiện chuyến đi này ít lâu sau khi ra khỏi sở địa chính, và tôi vẫn còn ít nhiều quan hệ với luật sư Coccelli, phụ trách sở. Sau đó một thời gian, giám đốc sở thuế quan yêu cầu tôi đỡ đầu cho một đứa con của ông ta, và người mẹ đỡ đầu cùng tôi là bà Coccelli. Vinh dự khiến đầu óc tôi quay cuồng; và, tự hào vì gần gũi đến thế với ông luật sư, tôi cố làm bộ quan trọng để tỏ ra mình xứng đáng với sự vẻ vang ấy.

Với ý nghĩ này, tôi cho rằng không thể làm gì hay hơn là cho ông ta xem bản báo cáo in của ông Micheli, thực sự là một văn kiện hiếm, để chứng tỏ với ông ta rằng họ hàng mình là người có danh vọng của Genève, am hiểu các bí mật quốc gia. Tuy thế, do một sự dè dặt nửa chừng mà tôi cũng khó lý giải, tôi không cho ông ta xem bản kháng biện của cậu tôi đối với báo cáo ấy, có lẽ vì bản này viết tay, mà với ông luật sư thì chỉ cần bản in. Tuy vậy ông ta cảm thấy rất rõ giá trị của văn kiện mà tôi ngu dại giao cho ông, thành thử không bao giờ tôi có thể có lại hay nhìn thấy lại nó, và, tin chắc mình cố gắng cũng vô ích, tôi coi việc đó là công trạng, và biến vụ mất cắp này thành quà tặng. Không một lúc nào tôi hồ nghi rằng ông ta chẳng hề rất cao tại triều đình Turin giá trị của văn kiện tuy vậy hiếm lạ hơn là hữu ích này, và chẳng hết sức chú ý để được hoàn lại bằng cách này hay cách khác số tiền coi như ông đã phải trả để có được văn kiện ấy. May thay,

trong mọi ngẫu nhiên tương lai, một trong những điều khó có thể xảy đến nhất là một ngày nào đó nhà vua Sardaigne vây đánh Genève. Nhưng vì sự việc chẳng phải là không có thể, nên tôi vẫn phải tự trách về thói tự đắc ngu ngốc đã phô bày những thiếu sót lớn nhất của thành phố cho kẻ thù lâu đời nhất của nó.

Tôi sống hai hoặc ba năm như thế giữa âm nhạc, các linh dược, các dự án, các chuyến đi, do dự không ngừng từ điều này sang điều khác, tìm cách tự xác định mà không biết mình sẽ chuyên về điều gì, tuy thế bị lôi cuốn dần từng mức độ vào việc học tập, trong khi gặp gỡ các văn nhân, nghe nói về văn chương, đôi khi bản thân cũng phát biểu, và sử dụng biệt ngữ của các cuốn sách nhiều hơn là sự hiểu biết về nội dung của chúng. Trong những chuyến đi Genève, thỉnh thoảng tôi tạt qua thăm ông bạn cũ tốt bụng Simon*, ông kích thích rất nhiều sự ganh đua mới nảy sinh ở tôi bằng những tin tức rất mới về giới văn chương, khai thác từ Baillet hay Colomiès*. Ở Chambéry tôi cũng rất hay gặp gỡ một tu sĩ dòng thánh Dominique, dạy vật lý, thầy tu hiền lành mà tôi quên mất tên, ông hay làm những thí nghiệm nho nhỏ khiến tôi cực kỳ thích thú. Theo gương ông, tôi muốn làm chất mực cảm ứng. Để thực hành, sau khi đã đổ vôi sống, thạch hoàng và nước đầy quá nửa một cái chai, tôi nút kín chai lại. Trạng thái sôi sùng sục bắt đầu rất mạnh gần như ngay tức khắc. Tôi chạy đến bên cái chai để mở nút, nhưng không kịp; nó nổ tung vào mặt tôi như một quả bom. Tôi nuốt phải vôi, thạch hoàng; tôi suýt chết vì thế. Mắt tôi bị mù hơn sáu tuần lễ, và tôi học được rằng đừng có dính vào vật lý thực nghiệm khi không hiểu các nguyên lý của nó.

Sự cố này xảy ra không phải lúc đối với sức khỏe của tôi, từ ít lâu nay xấu đi rõ rệt. Không hiểu vì sao với cơ thể cân đối, và không hề làm một điều gì thái quá, tôi lại suy sụp rất nhanh. Tôi có vóc người khá to lớn, ngực nở, chắc phổi phải hoạt động thoải mái trong đó; ấy thế mà hơi thở lại ngắn, tôi cảm thấy ngột ngạt, không muốn mà cứ

thở dài, thấy hồi hộp, thổ huyết; chứng sốt âm ỉ xuất hiện, và đã không bao giờ khỏi hẳn được. Làm sao có thể rơi vào tình trạng đó ở tuổi thanh xuân, mà không hề có một tạng phủ nào bị hỏng, không hề làm một điều gì để hủy hoại sức khỏe của mình?

Lao tâm nhiều thì sinh bệnh, đôi khi người ta nói như vậy. Đó là câu chuyện của tôi. Những đam mê của tôi đã khiến tôi sống, và những đam mê của tôi đã giết chết tôi. Những đam mê nào đây? Mọi người sẽ hỏi. Những chuyện tầm phào: những điều trẻ con nhất trên đời, nhưng khiến tôi cảm kích như thể đây là chuyện chiếm được nàng Hélène hay chiếm được ngai vàng của thế giới. Trước hết là phụ nữ. Khi tôi có được một phụ nữ, nhục cảm của tôi yên ổn, nhưng con tim tôi không bao giờ yên. Những nhu cầu của tình yêu nung nấu tôi ở giữa lòng lạc thú. Tôi có một người mẹ âu yếm, một bạn gái yêu dấu, nhưng tôi cần một tình nương. Tôi hình dung tình nương ở vị trí của người ấy; tôi sáng tạo nàng bằng muôn ngàn cách để tự lừa phỉnh mình. Nếu tôi nghĩ mình ôm Má trong vòng tay khi đang ôm bà, những ân ái của tôi sẽ không kém mãnh liệt, nhưng mọi ham muốn sẽ lụi tắt, tôi sẽ khóc nức vì trù ối, nhưng tôi sẽ không vui hưởng. Vui hưởng! Số phận này có được tạo ra cho con người hay không? Ôi! Nếu như chỉ một lần trong đời, tôi được nếm trải mọi khoái cảm của tình yêu trong tính viên mãn của chúng, tôi nghĩ cuộc sống mong manh của mình chắc không kham nổi; tôi sẽ chết đúng lúc đó.

Vậy là tôi cháy bỏng tình yêu không đối tượng; và có lẽ vì vậy tình yêu hao mòn nhiều nhất. Tôi bồn chồn áy náy, dẫn vật khổ sở vì tình trạng xấu trong công việc của Má tội nghiệp và vì cách xử sự đại dột của bà, thế nào cũng khiến bà lụn bại hoàn toàn trong thời gian ngắn. Trí tưởng tượng ác nghiệt của tôi, bao giờ cũng đi trước các tai họa, không ngừng phô bày với tôi tai họa này trong toàn bộ tính cực đoan của nó và với tất cả hậu quả của nó. Tôi nhìn thấy trước vì sự khốn cùng mà cực chẳng đã mình phải xa rời con người mình đã dành cả cuộc đời cho người ấy, và không có người ấy mình chẳng thể vui

hưởng cuộc đời. Chính vì thế tâm hồn tôi luôn luôn xáo động bất an. Ham muốn và sợ hãi luân phiên giằng vò nung nấu tôi.

Âm nhạc đối với tôi là một đam mê khác, không phần khích bằng, nhưng cũng làm hao mòn không kém do nhiệt tâm chuyên chú, do cứ khăng khăng nghiên cứu những tác phẩm khó hiểu của Rameau, do sự ương ngạnh không sao khắc phục nỗi muốn chất đầy những tác phẩm ấy vào một trí nhớ luôn cự tuyệt điều này, do những chuyến đi liên tục, do những sưu tập đồ sộ mà tôi gom góp, rất nhiều khi thức suốt đêm để chép. Và tại sao dừng lại ở những điều vĩnh cửu, trong khi mọi sự rồ dại đi qua đầu óc dễ đổi thay của tôi, những ham thích nhất thời chỉ trong một ngày, một chuyến đi, một buổi hòa nhạc, một bữa tối, một cuộc dạo chơi cần thực hiện, một cuốn tiểu thuyết cần đọc, một vở hài kịch cần xem, tất cả những điều ít được dự tính nhất trong lạc thú hay trong công việc, đối với tôi thành chừng ấy đam mê mãnh liệt, trong trạng thái dữ dội nức cười của chúng, đem lại cho tôi nỗi thống khổ thực nhất? Những bất hạnh tưởng tượng của Cleveland*, đọc một cách cuồng nhiệt và thường bị gián đoạn, có lẽ khiến tôi lo lắng nóng nảy hơn là những bất hạnh của tôi.

Có một người Genève tên là ông Bagueret, từng được sử dụng tại triều đình nước Nga dưới thời Pierre Đại đế; một trong những con người đáng ghét nhất và một trong những gã điên rồ nhất mà tôi từng thấy, luôn mang đầy những dự án cũng điên rồ như ông ta, làm hàng triệu đồng rơi rụng như mưa, và với ông ta những con số không chẳng tốn kém gì. Con người này, đến Chambéry vì vụ kiện tụng gì đó ở nghị viện, đương nhiên là tóm lấy Má, và, vì những kho tàng số không mà ông ta hào hiệp vung ra cho bà, bòn rút từng đồng từng đồng *écu* tội nghiệp của bà. Tôi không ưa ông ta, ông ta biết như thế; biết được tôi chẳng khó khăn gì: ông ta sử dụng không thiếu trò hèn hạ nào để chiều nịnh tôi. Ông ta nghĩ ra chuyện đề nghị tôi học đánh cờ, mà ông ta có chơi đôi chút. Tôi gần như bất đắc dĩ thử xem, và sau khi học tạm tạm

các nước đi, tôi tiến bộ rất nhanh, thành thử trước khi kết thúc ván thứ nhất, tôi hãm của ông ta quân tháp mà ông ta đã hãm tôi khi mở đầu. Với tôi chẳng cần nhiều hơn: thế là tôi mê cờ phát cuồng. Tôi mua một bàn cờ; tôi mua cuốn Calabrais*; tôi nhốt mình trong phòng; ngày ngày đêm đêm định học thuộc lòng tất cả các ván cờ, nhồi nhét chúng vào đầu dù thích hay không cũng mặc, một mình chơi cờ không ngừng nghỉ không kết thúc. Sau hai ba tháng miệt mài và nỗ lực khó tưởng tượng, tôi đến tiệm giải khát, gầy gò, vàng vọt, và gần như ngây dại. Tôi thử xem, tôi lại chơi với ông Bagueret: ông ta thắng tôi một lần, hai lần, hai mươi lần; biết bao nhiêu nước cờ hỗn loạn trong óc tôi, và trí tưởng tượng của tôi cùn nhụt đi đến mức tôi chỉ còn nhìn thấy lơ mờ trước mắt. Mỗi lần với cuốn sách của Philidor hay của Stamma* tôi định luyện tập nghiên cứu các ván cờ, là sự thể như vậy lại xảy ra với tôi; và sau khi kiệt sức vì mệt mỏi, tôi thấy mình còn kém hơn trước, và chẳng, dù bỏ chơi cờ, hay lấy lại hơi sức trong khi chơi, tôi cũng không bao giờ tiến thêm được một nấc kể từ ván đầu tiên ấy, và bao giờ cũng thấy mình lại ở đúng điểm từng ở khi kết thúc ván cờ đó. Tôi có luyện tập hàng ngàn thế kỷ thì cũng sẽ kết thúc bằng việc hãm được quân tháp của Bagueret, và chẳng có gì hơn nữa. Các vị sẽ bảo: Thời gian sử dụng mới hay chứ! Mà thời gian tôi sử dụng như vậy nào có ít đâu. Tôi chỉ chấm dứt thể nghiệm đầu tiên này khi không còn sức để tiếp tục nữa. Khi tôi thò mặt ra khỏi căn phòng của mình, tôi có vẻ như một kẻ được đào dưới đất lên, và cứ theo cung cách cũ, chắc tôi chẳng ở trên mặt đất được lâu dài. Ta sẽ thừa nhận rằng một đầu óc như thế, nhất là trong tình trạng hăng say của tuổi trẻ, khó để cho thân thể được luôn khỏe mạnh.

Sức khỏe suy giảm tác động đến khí chất và làm dịu bớt sự hăng hái trong những ý thích ngông cuồng của tôi. Cảm thấy mình yếu đi, tôi trở nên bình thản hơn, và mất đi đôi chút nhiệt cuồng du hành. Ít đi đây đi đó hơn, tôi không chán ngán, nhưng u sầu; chênh choáng thay

cho đam mê; uế oải trở thành buồn bã; chẳng có gì cũng khóc và thở dài; tôi cảm thấy đời sống tuột khỏi mình mà mình chưa nắm trái nó; tôi than vãn về tình cảnh mà mình bỏ lại Má tội nghiệp, về tình cảnh mà mình thấy Má sắp rơi xuống; tôi có thể nói rằng rời bỏ bà và để bà lại trong tình trạng đáng ái ngại là tiếc nuối duy nhất của tôi. Cuối cùng tôi ốm thực sự. Bà chăm sóc tôi như chưa bà mẹ nào từng chăm sóc con mình, và điều này tốt cho chính bà, do làm bà khuây lã khỏi các dự án và tách khỏi các nhà lập dự án. Một cái chết êm dịu biết mấy, nếu như nó đến lúc đó! Nếu tôi ít được nắm trái những điều tốt lành của cuộc đời, thì tôi cũng ít phải cảm nhận những bất hạnh của đời. Tâm hồn bình an của tôi có thể ra đi mà không mang cảm giác ác nghiệt về sự bất công của con người, nó đầu độc sự sống và cái chết. Tôi được niềm an ủi là còn sống tiếp trong cái nửa tốt đẹp của chính mình; như thế chỉ là chết đi chút ít mà thôi. Nếu không có những lo lắng cho số phận của Má, tôi sẽ chết như đi vào giấc ngủ, và ngay những lo lắng này cũng có một đối tượng thương mến và dịu dàng làm nhẹ bớt nỗi đắng cay của chúng. Tôi bảo bà: “Bây giờ Má là người được ký thác toàn bộ sinh mệnh của em; Má hãy làm sao cho nó được hạnh phúc.” Hai ba lần, khi ốm mệt nhất, đang đêm tôi thức dậy và lê mình đến phòng của bà, để đưa ra, về cách xử sự của bà, những lời khuyên mà tôi mạo muội bảo là đầy tính đúng đắn và đầy lương tri, nhưng trong đó mỗi quan tâm đến số phận bà nổi rõ hơn bất kỳ điều gì khác, cứ như thể nước mắt là thức nuôi dưỡng và là phương thuốc, tôi khò lên nhờ nước mắt đã tuôn rơi bên cạnh bà, cùng với bà, ngồi trên giường của bà, cầm bàn tay bà trong tay mình. Giờ khắc trôi qua trong những cuộc chuyện trò ban đêm như vậy, và tôi quay về trong tình trạng khá hơn khi đến; hài lòng và bình tĩnh trước những lời bà đã hứa, trước những hy vọng bà đã đem lại, tôi thiếp ngủ với sự bình an trong lòng và niềm phó thác cho Thượng Đế. Lạy Chúa, sau bao nhiêu lý do để căm ghét cuộc đời, sau bao nhiêu bão tố khuấy động đời mình và khiến nó chỉ còn là một gánh nặng, sao cho cái chết sẽ chấm dứt nó hãy ít tàn nhẫn với tôi như đã ít tàn nhẫn với tôi lúc ấy!

Nhờ những chăm sóc, nhờ sự chu đáo và những vất vả khó tin, Má cứu được tôi; và chắc chắn rằng duy nhất bà mới có thể cứu được tôi. Tôi ít tin ở thuốc thang của các thầy thuốc, nhưng tôi rất tin ở thuốc thang của những người bạn đích thực; những điều mà hạnh phúc của ta tùy thuộc bao giờ cũng tiến hành tốt hơn mọi điều khác rất nhiều. Nếu trên đời có một cảm giác tuyệt diệu, thì đó là cảm giác chúng tôi thấy mình được trả lại cho nhau, sự gắn bó lẫn nhau giữa chúng tôi không vì thế mà tăng thêm, điều ấy là không thể; nhưng nó có một cái gì đó thân thiết hơn, cảm động hơn trong tính giản dị lớn lao của nó. Tôi hoàn toàn trở thành công trình của bà, hoàn toàn trở thành đứa con của bà, và còn hơn cả nếu bà là mẹ thật của tôi. Chẳng nghĩ đến, song chúng tôi bắt đầu không xa rời nhau nữa, bắt đầu đặt toàn bộ sinh mệnh của chúng tôi có thể nói là cùng chung; và cảm thấy mình không những cần, mà đủ, lẫn cho nhau, chúng tôi quen không nghĩ đến một điều gì không phải là chúng tôi, quen giới hạn hoàn toàn hạnh phúc và mọi khao khát vào sự chiếm hữu lẫn nhau, và có lẽ độc nhất vô nhị trong những con người, như tôi đã nói, nó không hề là sự chiếm hữu của tình yêu, mà một sự chiếm hữu trọng yếu hơn, không dựa vào nhục cảm, giới tính, tuổi tác, dung mạo, mà dựa vào tất cả những gì khiến ta là chính ta, mà ta chỉ có thể mất khi thôi tồn tại.

Vì có gì mà cơn khủng hoảng quý báu này không đem lại hạnh phúc cho quãng đời còn lại của Má và của tôi? Không phải vì tôi, tôi xin làm chứng cho mình, lời chứng giàu an ủi. Cũng không phải vì Má, ít ra không phải vì ý muốn của bà. Số phận đã định là chẳng bao lâu tự nhiên bất khả chiến thắng sẽ lấy lại quyền lực của nó. Nhưng sự trở lại mang tính định mệnh này không diễn ra ngay một lúc. Nhờ Trời, có một khoảng giữa, ngăn ngui và quý giá, kết thúc không do lỗi của tôi, và tôi sẽ không trách mình đã tận dụng kém cỏi!

Mặc dù đã khỏi trận ốm nặng, tôi vẫn chưa lấy lại được sức lực. Ngực tôi chưa hồi phục; sốt lai rai vẫn còn, và khiến tôi thần thờ uể oải. Tôi chẳng còn ham thích điều gì ngoài việc sống nốt cuộc đời bên

người phụ nữ thân yêu, giúp người ấy duy trì những quyết định tốt, làm cho người ấy cảm nhận đâu là sức hấp dẫn thực sự của một cuộc sống hạnh phúc, khiến cho đời của người ấy hạnh phúc, chẳng nào điều đó tùy thuộc vào tôi. Nhưng tôi nhìn thấy, thậm chí cảm nhận thấy là trong một ngôi nhà âm u và buồn bã, tình trạng quạnh hiu liên tục của cảnh mặt giáp mặt cuối cùng cũng sẽ thành buồn bã. Phương thuốc chữa trị điều này như thể tự nó xuất hiện. Má đã ra lệnh cho tôi dùng sữa, và muốn tôi đi uống sữa tại miền quê. Tôi đồng ý, miễn là bà cùng đến đó với tôi. Chẳng cần nhiều hơn để khiến bà quyết định; vấn đề chỉ còn là chọn địa điểm. Mảnh vườn ngoại ô không đúng là miền quê; bị những ngôi nhà và những khu vườn khác bao quanh, nó không hề có sức hấp dẫn của một chốn ẩn cư đồng nội. Và chẳng, từ khi Anet qua đời, chúng tôi đã rời bỏ mảnh vườn ấy vì lý do tiết kiệm, chẳng còn lòng nào trồng cây cỏ tại đó, và những dự kiến khác khiến chúng tôi ít tiếc nuối góc nhỏ ấy.

Giờ đây thấy Má chán ghét thành phố, tôi lợi dụng điều đó, đề nghị bà bỏ hẳn thành phố, và định cư tại một nơi vắng vẻ dễ chịu, ở một ngôi nhà nhỏ nào đó đủ xa để làm lạc hướng những kẻ quấy rầy. Giá bà làm như vậy, thì cái quyết định do thiên sứ hộ mệnh của bà và thiên sứ hộ mệnh của tôi xui khiến có lẽ đảm bảo cho chúng tôi những tháng ngày hạnh phúc và an nhiên cho đến khi bị cái chết chia lìa. Nhưng cảnh huống ấy không phải cảnh huống mà số phận định cho chúng tôi. Má phải trải mọi cực khổ của cảnh bần hàn và nổi túng bấn sau khi đã sống cuộc đời phong lưu, để khiến cho bà rời bỏ cuộc đời ít tiếc nuối hơn; còn tôi, do một sự phối hợp đủ loại tai vạ, một ngày kia tôi phải làm tấm gương cho ai đó, duy nhất đo tình yêu đối với lợi ích chung và với sự công bằng xui khiến, duy nhất tin ở sự trong sạch của mình, dám công nhiên nói lên sự thật với mọi người, mà chẳng dựa vào những âm mưu để chống đỡ cho mình, chẳng tạo ra phe phái để bênh vực mình.

Một nỗi sợ tai hại giữ Má lại. Bà không dám rời bỏ ngôi nhà xấu xí, sợ làm chủ nhà giận. Bà bảo tôi: “Kế hoạch ẩn cư của em thật thú vị, và rất hợp sở thích của tôi; nhưng ở nơi ẩn cư ấy ta vẫn phải sống. Rời nhà ngục này thì tôi có nguy cơ mất miếng ăn, và khi ta không còn cái ăn trong rừng nữa, sẽ phải quay về tìm cái ăn ở thành phố. Để bớt cần phải đến thành phố, ta đừng rời bỏ nó hoàn toàn. Ta hãy trả khoản tiền trợ nho nhỏ này cho bá tước De Saint-Laurent, để ông ta để lại cho tôi khoản trợ cấp của tôi. Ta hãy tìm một xó nhỏ nào đủ xa thành phố để sống an bình, và đủ gần để trở lại mỗi khi cần thiết.” Chúng tôi làm như vậy. Sau khi tìm kiếm đôi chút, chúng tôi quyết định ở Charmettes, một miền đất thuộc ông De Conzié, tại cửa ngõ Chambéry, nhưng hẻo lánh và vắng vẻ như thể cách xa hàng trăm dặm. Giữa hai ngọn đồi khá cao là một thung lũng nhỏ chạy từ bắc đến nam, trong lòng thung lũng một con mương chảy giữa sỏi đá và cây cối. Dọc thung lũng, ở lưng chừng dốc, vài ngôi nhà rải rác, rất thú vị với ai ưa một chốn nương náu hơi hoang dã và hẻo lánh. Sau hai ba lần xem thử các ngôi nhà này, cuối cùng chúng tôi chọn ngôi nhà xinh đẹp nhất, của một nhà quý tộc đang ở trong quân ngũ, tên là ông Noiret. Ngôi nhà rất có thể ở được. Đằng trước là một khu vườn đắp cao, một vườn nho bên trên, một vườn cây ăn quả bên dưới, đối diện là một khu rừng nhỏ trồng cây dễ, một suối nước vừa tầm; cao hơn, trên núi, những đồng cỏ để chăn nuôi gia súc; tóm lại tất cả những gì cần cho cái gia đình thôn dã nho nhỏ mà chúng tôi muốn tạo lập tại đó. Như tôi có thể nhớ được về thời tiết và ngày tháng, chúng tôi tiếp nhận nơi này khoảng cuối mùa hè năm 1736. Ngày đầu tiên ngủ tại đây, tôi phấn khích. “Ôi Má! Tôi vừa nói với người bạn thân thương vừa ôm hôn bà, chan hòa nước mắt cảm động và vui mừng, nơi ở này là nơi ở của hạnh phúc và sự trong trắng. Nếu chúng ta không tìm thấy cả điều nọ lẫn điều kia tại đây, thì đừng nên tìm ở đâu hết.”

*Hoc erat in votis: modus argi non ita magnus
Hortus ubi, et tecto vicinus jugis aquae fons;
Et paulum syvae super his foret*...*

Quyển Sáu

Tôi không thể thêm: *Auctius atque di melius fecere**, nhưng không sao, tôi chẳng cần nhiều hơn; thậm chí tôi cũng chẳng cần quyền sở hữu, với tôi sự vui hưởng là đủ: từ lâu tôi đã phát biểu và cảm nhận rằng người sở hữu và người hưởng hữu nhiều khi là hai người rất khác biệt, ngay cả khi ta để riêng những người chồng và những người tình ra.

Hạnh phúc ngắn ngủi của đời tôi bắt đầu tại đây; những khoảnh khắc êm đềm nhưng qua nhanh đến tại đây, những khoảnh khắc cho tôi được quyền nói rằng tôi đã sống. Những khoảnh khắc quý giá và được tiếc nuối đến thế! Ôi! Hãy bắt đầu lại với tôi tiến trình đáng yêu của các bạn; nếu có thể, hãy chảy trôi trong hồi ức của tôi thông thả hơn là các bạn thực sự thoi đưa thắm thoát. Tôi sẽ làm thế nào đây để kéo dài tùy ý câu chuyện thật cảm động và thật đơn sơ ấy, để kể lại mãi vẫn những điều ấy, mà không làm độc giả chán ngán khi tôi lặp lại, cũng như bản thân tôi không chán ngán khi cứ bắt đầu lại không ngừng? Mà nếu tất cả những cái đó là sự kiện, là hành động, là lời lẽ, thì tôi còn có thể miêu tả và thể hiện theo cách nào đấy; song làm thế nào kể điều không nói cũng không làm, thậm chí không nghĩ, nhưng được nếm trải, được cảm nhận, mà lại không thể tỏ bày nội dung nào

khác của hạnh phúc ngoài chính cảm nghĩ ấy? Tôi thức dậy cùng vầng dương, và tôi hạnh phúc; tôi đi dạo, và tôi hạnh phúc; tôi nhìn thấy Má, và tôi hạnh phúc; tôi rời Má, và tôi hạnh phúc; tôi đi khắp các khu rừng, các gò đồi, tôi lang thang trong các thung lũng nhỏ, tôi đọc sách, tôi nhàn hạ; tôi làm vườn, tôi hái quả, tôi giúp việc nhà, và hạnh phúc theo tôi khắp nơi: hạnh phúc không ở trong một sự vật nào chỉ định được, nó ở trọn vẹn trong bản thân tôi, nó không thể rời tôi một lúc nào hết.

Ký ức của tôi không bỏ sót một điều gì trong tất cả những điều đã xảy ra với tôi trong thời kỳ yêu dấu ấy, không bỏ sót một điều gì tôi đã làm, đã nói và đã nghĩ trong suốt thời kỳ ấy. Những thời gian trước đó và sau đó trở lại với tôi cách quãng; tôi nhớ lại những thời gian ấy một cách mơ hồ và không đồng đều; nhưng tôi nhớ lại thời kỳ này vẹn nguyên như thể nó vẫn tồn tại. Trí tưởng tượng của tôi, bao giờ cũng tiến lên phía trước khi tôi còn trẻ, còn giờ đây lùi lại, lấy những hồi ức êm đềm ấy bù cho niềm hy vọng đã mất đi mãi mãi. Tôi chẳng còn nhìn thấy một điều gì cảm dỗ mình trong tương lai; chỉ riêng những hồi tưởng về quá khứ có thể làm tôi vui, và những hồi tưởng hết sức sống động hết sức chân thực về thời kỳ tôi đang nói tới thường khiến tôi sống hạnh phúc bất chấp rủi ro tai họa.

Về những hồi ức này tôi sẽ chỉ đưa ra một thí dụ có thể giúp đánh giá được sức mạnh và tính chân thực của chúng. Ngày đầu tiên chúng tôi đến ngủ đêm tại Charmettes, Má ngồi kiệu, còn tôi đi bộ theo sau. Đường lên dốc: Má khá nặng, và sợ làm những người khiêng kiệu quá mệt, gần được nửa đường bà muốn xuống đi bộ nốt quãng còn lại. Đang đi bà nhìn thấy cái gì xanh lam trong hàng rào, và bảo tôi: “Kìa linh lan đang còn nở hoa.” Tôi chưa từng thấy hoa linh lan, tôi không cúi xuống để quan sát, và tôi quá cận thị nên chẳng phân biệt được cây cỏ dưới đất từ tầm cao của mình. Tôi chỉ đưa mắt nhìn khi đi qua, và đã gần ba mươi năm rồi tôi không thấy lại hoa linh lan hoặc để ý đến loài hoa ấy. Năm 1764, khi đang ở Cressier với ông bạn Du Peyrou,

chúng tôi trèo lên một ngọn núi nhỏ, trên đỉnh núi có một gian phòng xinh xắn phủ đầy cây lá được ông đặt tên rất có lý là Vọng-Cảnh. Khi ấy tôi bắt đầu sưu tầm cây cỏ đôi chút, vừa trèo núi vừa xem xét các bụi cây, tôi thốt lên một tiếng reo mừng rỡ: “A! *Hoa linh lan* kìa!” và đúng là hoa linh lan thật. Du Peyrou nhận thấy mỗi cảm hích, nhưng không hiểu nguyên nhân; tôi hy vọng ông sẽ biết được nguyên nhân khi đọc những lời này, một ngày nào đó. Độc giả có thể nhận định, qua ấn tượng từ một điều hết sức bé nhỏ, về ấn tượng mà tất cả những điều liên quan đến cùng thời kỳ này đã gây ra cho tôi.

Tuy nhiên không khí miền quê chẳng phục hồi cho tôi sức khỏe ban đầu. Tôi vốn uế oải; tôi càng trở nên uế oải hơn. Tôi không chịu được sữa; phải bỏ sữa. Khi đó việc dùng nước thay cho mọi phương thuốc đang hợp thời thượng; tôi dùng nước, và dùng rất ít thận trọng, thành thử suýt nữa nước khiến tôi khỏi, không phải khỏi bệnh, mà khỏi sống, sáng nào thức dậy, tôi cũng ra suối mang theo một chiếc cốc to, và vừa đi dạo vừa uống liên tục lượng nước tương đương hai chai. Tôi bỏ hẳn rượu vang trong các bữa ăn. Nước tôi uống hơi sượng và khó tiêu, như phần lớn các chất nước trên núi. Tóm lại, tôi làm giỏi đến nỗi chưa đầy hai tháng sau là phá hỏng hoàn toàn dạ dày, vốn rất ổn cho đến khi đó. Không còn tiêu hóa được, tôi hiểu rằng chẳng nên hy vọng khỏi bệnh nữa. Cũng trong thời gian này, một biến cố xảy ra với tôi, lạ lùng ở bản thân nó cũng như ở hậu quả của nó, những hậu quả sẽ chỉ chấm dứt cùng với tôi mà thôi.

Một buổi sáng tôi không ốm một gì hơn thường ngày, khi đang dựng thẳng dậy một chiếc bàn nhỏ, tôi bỗng cảm thấy trong toàn thân một biến động đột ngột và gần như không hiểu nổi. Tôi chỉ có thể so sánh nó với một kiểu giông bão nổi lên trong khí huyết rồi lập tức lan ra khắp tứ chi. Mạch máu bắt đầu đập hết sức mạnh, đến mức không những tôi cảm thấy chúng đập, mà thậm chí nghe thấy, nhất là tiếng đập của động mạch cảnh. Thêm vào đó là một tiếng ồn lớn trong tai, và tiếng ồn này gồm ba hay bốn tiếng thì đúng hơn, như sau: một tiếng

vo vo trầm và đục, một tiếng rì rào trong trẻo hơn giống như tiếng nước chảy, một tiếng rít rất chói, và tiếng đập mà tôi vừa kể, mà tôi có thể dễ dàng đếm các nhịp không cần bắt mạch hay chạm tay vào thân thể mình. Tiếng ồn bên trong này lớn đến mức làm cho tôi mất đi sự tỉnh tai trước đây, và không thành điếc hẳn, nhưng thành nặng tai, như tôi vẫn nặng tai kể từ thời ấy.

Có thể đoán được nỗi ngạc nhiên và niềm kinh hãi của tôi. Tôi ngỡ mình chết; tôi vào giường nằm; thầy thuốc được vời đến; tôi run sợ kể cho ông ta trường hợp của mình, và cho là vô phương cứu chữa. Tôi tưởng ông cũng nghĩ như thế; nhưng ông làm nghề nghiệp của mình, ông huyền thuyên với tôi những lập luận dài dòng mà tôi chẳng hiểu gì hết; rồi dựa theo lý thuyết trác tuyệt của mình, ông bắt đầu *in anima vili** việc chữa trị thực nghiệm mà ông thích làm thử. Việc chữa trị ấy rất cực, rất tởm, và rất ít tác dụng, thành thử chẳng bao lâu tôi chán; và sau vài tuần lễ, thấy mình chẳng khá hơn cũng chẳng tệ hơn, tôi rời khỏi giường và trở lại cuộc sống thường ngày cùng với tiếng mạch máu đập và những tiếng vo vo, từ bấy, tức là từ ba mươi năm nay, không rời tôi một phút nào.

Cho đến khi ấy tôi là người ngủ nhiều. Việc hoàn toàn mất ngủ kết hợp với tất cả các triệu chứng trên, và luôn kèm theo chúng cho đến bây giờ, khiến tôi tin hẳn rằng mình chẳng còn sống được bao lâu nữa. Niềm tin ấy khiến tôi yên tâm một thời gian về chuyện lo toan chữa trị. Do không thể kéo dài cuộc sống, tôi quyết định lợi dụng hết mức có thể phần ít ỏi còn lại cho mình; và việc này là khả thi do một ân huệ lạ lùng của tạo hóa, trong một tình trạng nguy hại đến như thế, lại miễn cho tôi những đau đớn mà tình trạng ấy dường như phải gây ra. Tôi bị tiếng ồn đó làm rầy, nhưng không bị đau: nó không kèm theo bất kỳ tình trạng khó chịu thông thường nào khác ngoài chứng mất ngủ ban đêm và hơi thở lúc nào cũng ngắn song không đi đến mức hen suyễn, và chỉ biểu lộ khi nào tôi muốn chạy hoặc vận động hơi mạnh.

Biển cổ này, đáng lẽ giết chết cơ thể tôi, chỉ giết những đam mê của tôi, và ngày ngày tôi tạ ơn Trời về tác động tốt lành của biển cổ đối với tâm hồn tôi. Tôi rất có thể nói rằng mình chỉ bắt đầu sống khi tự coi như một người chết. Do cấp cho những sự vật mà mình sắp rời bỏ giá trị đích thực của chúng, tôi bắt đầu bận tâm với những mối lo toan cao quý hơn, như thể dự liệu trước những lo toan mà chẳng bao lâu nữa mình sẽ phải làm tròn và cho đến bây giờ mình đã rất lơ là. Tôi đã nhiều khi cải trang tôn giáo cho hợp kiểu với mình, nhưng chưa bao giờ hoàn toàn vô tôn giáo. Tôi ít vất vả hơn khi trở lại vấn đề ấy, vấn đề thật buồn tẻ với rất nhiều người, nhưng thật ngọt ngào với ai coi đó là một niềm an ủi và hy vọng. Trong trường hợp này, Má giúp ích được cho tôi nhiều hơn là tất cả các nhà thần học có thể giúp.

Má, con người đưa mọi sự vào hệ thống, chẳng khỏi đưa cả tôn giáo vào đó; và hệ thống này gồm những ý tưởng rất pha tạp, một số rất lành mạnh, số khác rất rồ dại, và gồm những cảm nghĩ liên quan đến tính cách của bà cùng những thành kiến do giáo dục mà ra. Thường thường, tín đồ tạo ra Chúa giống như chính họ, những người thiện tạo ra Chúa thiện, những người ác tạo ra Chúa ác; những kẻ mộ đạo, hay ghét và hay giận, chỉ thấy địa ngục, vì họ muốn đầy địa ngục toàn thiên hạ; những tâm hồn giàu yêu thương và dịu dàng không mấy tin ở địa ngục; và một trong những niềm ngạc nhiên của tôi là thấy Fénelon nhân hậu nói đến địa ngục trong cuốn *Télémaque*, cứ như ông tin vào điều đó thực: nhưng tôi hy vọng là khi đó ông nói dối; vì rốt cuộc, dù ta thành thực đến mấy, đôi khi cũng phải nói dối khi ta là giám mục. Với tôi Má không nói dối; và cái tâm hồn không chua cay hằn học, chẳng thể tưởng tượng một Chúa Trời hay báo thù và lúc nào cũng nổi giận, thì chỉ nhìn thấy khoan thứ và nhân từ ở nơi mà kẻ mộ đạo chỉ nhìn thấy công bình và trừng phạt. Bà hay nói rằng công bình với chúng ta thì sẽ chẳng có công bình nơi Chúa, bởi vì, do Chúa không ban cho chúng ta những gì cần có để mà công bình, nên như vậy sẽ là đòi lại nhiều hơn những gì Người đã cho. Điều kỳ cục là tuy

không tin ở địa ngục, song bà chẳng khỏi tin ở luyện ngục. Điều này là do bà không biết làm gì với linh hồn của những kẻ ác, không thể đẩy chúng xuống địa ngục cũng không thể để cùng những người thiện cho đến khi nào chúng trở nên thiện đã; và phải thú nhận rằng quả thật, cả ở thế giới này cả ở thế giới bên kia, kẻ ác bao giờ cũng gây rất nhiều phiền toái.

Một sự kỳ cục nữa. Ta thấy rằng toàn bộ giáo lý về tội tổ tông và sự cứu chuộc bị hệ thống này phá hủy cơ sở của Kitô giáo thông tục bị lung lay và ít ra thì Thiên Chúa giáo không thể tồn tại. Tuy nhiên, Má lại là tín đồ Thiên Chúa giáo tốt, hoặc tự nhận như vậy, và chắc chắn bà tự nhận một cách rất thiện ý. Bà thấy dường như người ta giải thích Thánh kinh quá theo nghĩa đen và quá khắc nghiệt, với bà tất cả những gì ta đọc trong đó về khổ nạn đời đời đều có vẻ mang tính thị uy hay mang nghĩa bóng, với bà cái chết của Jésus-Christ có vẻ là một tấm gương bác ái thật sự thiêng liêng, để dạy cho con người yêu Chúa và cũng yêu mến lẫn nhau như thế. Tóm lại, trung thành với tôn giáo mình đã theo, bà thành thực thừa nhận toàn bộ sự tuyên tín; nhưng khi thảo luận về từng đề mục, thì hóa ra bà tín ngưỡng khác hẳn với Giáo hội, trong khi vẫn luôn phục tùng Giáo hội.

Ở điều này bà có một sự giản dị chân thành, một sự trung thực hùng hồn hơn những lý sự vật, và thường làm cho ngay cả linh mục nghe bà xưng tội cũng lúng túng vì bà không giả vờ gì hết. Bà nói với linh mục: “Con là tín đồ Thiên Chúa giáo tốt, con muốn luôn là như vậy; bằng tất cả sức mạnh của tâm hồn con theo các quyết định của Giáo hội thiêng liêng. Con không làm chủ tín ngưỡng của mình, nhưng con làm chủ ý chí của mình. Con đem ý chí ấy phục tùng hoàn toàn, và con muốn tin mọi điều. Cha còn yêu cầu gì hơn ở con?”

Giả sử không có đạo lý Kitô giáo, tôi cho rằng bà vẫn theo đạo lý ấy, vì nó rất thích hợp với tính cách bà. Bà làm tất cả những điều được truyền bảo; nhưng bà cũng sẽ làm như vậy nếu như những điều đó không được truyền bảo. Trong những việc vô thưởng vô phạt, bà ưa

tuân theo; và nếu như bà không được phép, thậm chí được chỉ định ăn mặn, thì bà sẽ ăn chay chỉ Chúa và bà biết, sự khôn ngoan thận trọng chẳng cần dấn dấp gì ở đây. Nhưng toàn bộ đạo lý này phụ thuộc vào các nguyên lý của ông De Tavel, hoặc nói cho đúng hơn bà bảo không thấy ở đó có gì trái ngược. Bà có thể ngủ tất cả các ngày với hai chục người đàn ông mà lương tâm yên ổn, thậm chí chẳng ham muốn cũng chẳng dẫn đo ngần ngại. Tôi biết là về điểm này nhiều bà mộ đạo cũng không dẫn đo ngần ngại hơn; nhưng điểm khác biệt là các bà này xiêu lòng vì đam mê, còn bà chỉ xiêu lòng vì những điều nguy hiểm của mình. Trong những cuộc chuyện trò cảm động nhất, và tôi dám bảo rằng mang tính giáo hóa nhất, bà có thể gặp phải vấn đề này mà không thay đổi thái độ không thay đổi giọng điệu, mà không cho rằng mình tự mâu thuẫn với chính mình. Thậm chí nếu cần bà có thể ngừng trò chuyện để hành động, rồi lại tiếp tục cũng với sự thanh thản như trước: vì thâm tâm bà tin chắc rằng tất cả những điều đó chỉ là một phương châm quản lý xã hội mà bất kỳ con người nào biết lẽ phải đều có thể diễn giải, ứng dụng, vượt ra ngoài, tùy theo tinh thần của sự vật, không hề có nguy cơ mắc tội với Thượng Đế. Mặc dù về điểm này chắc chắn tôi không đồng ý với bà, song tôi thú thực là không dám phản đối, vì xấu hổ về vai trò kém phong nhã mà mình phải đóng nếu làm như thế. Tôi rất có thể tìm cách xác lập quy tắc cho những người khác và cố gắng trừ mình ra; nhưng ngoài chuyện tính khí bà đủ phòng ngừa sự lạm dụng các nguyên lý, tôi biết rằng bà không phải người phụ nữ dễ cho bị lừa phỉnh, và đòi hỏi ngoại lệ cho mình tức là để bà sử dụng ngoại lệ cho hết thấy, tùy theo ý bà. Và chẳng, ở đây ngẫu nhiên tôi tính đến sự thiếu nhất quán này cùng với những sự thiếu nhất quán khác, mặc dù điều ấy bao giờ cũng ít tác động đến cách bà xử sự, và khi đó thì nó không có tác động nào hết: nhưng tôi đã hứa trình bày trung thực các nguyên lý của bà, và tôi muốn giữ lời. Tôi trở lại nói về mình.

Tìm thấy ở bà mọi phương châm mình cần để bảo vệ tâm hồn khỏi những nỗi kinh hoàng trước cái chết và hậu quả của nó, tôi an tâm khai thác suối nguồn tin cậy ấy. Tôi gắn bó với bà nhiều hơn là xưa nay từng gắn bó; tôi những muốn chuyển hết sang bà sự sống mà tôi cảm thấy đang sẵn sàng rời bỏ mình, sự gắn bó gia tăng đối với bà, niềm tin rằng mình chỉ còn sống được một thời gian ngắn, mối an tâm sâu xa về số phận sắp tới, dẫn đến một trạng thái thường lệ rất bình tĩnh, thậm chí nhiều nhục cảm, do làm suy giảm mọi đam mê vốn đưa những sợ hãi và hy vọng của ta đi rất xa, nên trạng thái ấy để cho tôi vui hưởng không lo lắng không xáo động những tháng ngày ít ỏi còn lại với mình. Một điều góp phần khiến những tháng ngày ấy thêm thú vị: đó là lo nuôi dưỡng lòng ham thích của bà đối với miền quê nhờ mọi trò vui mà tôi có thể tập trung tại đây. Trong khi làm cho bà yêu khu vườn, sân nuôi gia cầm, những chú bồ câu, những con bò của bà, bản thân tôi trù mẫn tất cả những thứ đó; và những công việc nho nhỏ này, khiến tôi bận rộn cả ngày mà không khuấy rối trạng thái an tĩnh nơi tôi, có giá trị hơn sữa và mọi phương thuốc, để duy trì bộ máy tồi tàn của tôi thậm chí phục hồi nó hết mức có thể.

Việc hái nho, thu hoạch quả giải trí cho chúng tôi hết năm ấy, và ngày càng gắn bó chúng tôi với cuộc sống điền viên, giữa những con người hiền lành chất phác xung quanh mình, chúng tôi hết sức tiếc nuối nhìn mùa đông đến, và chúng tôi trở về thành phố như thể đi đày; nhất là tôi, không chắc mình có thấy lại mùa xuân, tưởng mình mãi mãi vĩnh biệt Charmettes. Tôi chẳng rời Charmettes mà không hôn lên mặt đất và cây cối, mà không ngoảnh lại nhiều lần khi đi xa dần. Do đã rời bỏ các cô học trò từ lâu, do không còn ham thích vui chơi và giao thiệp trong thành phố, tôi không ra ngoài nữa, không gặp ai nữa, trừ Má và ông Salomon, từ ít lâu nay thành thầy thuốc của bà và của tôi, con người chính trực, con người tài trí, nhân vật cự phách theo thuyết Descartes, nói khá hay về tổ chức của xã hội, những cuộc đàm thoại thú vị và bổ ích của ông có giá trị với tôi hơn mọi đơn thuốc ông

kê cho. Xưa nay tôi không sao chịu nổi những lời ngu ngốc và lãng nhăng ngớ ngẩn để lấp cho đầy các cuộc trò chuyện thông thường; nhưng những cuộc trò chuyện hữu ích và có thực chất bao giờ cũng khiến tôi hết sức thích thú, và không khi nào tôi chối từ. Tôi rất thích những cuộc trò chuyện của ông Salomon, tôi thấy dường như mình dự liệu trước cùng ông những tri thức cao vời mà tâm hồn mình sắp lĩnh hội khi không còn bị ràng buộc cản trở. Sự mến mộ của tôi đối với ông lan sang những vấn đề được ông đề cập, và tôi bắt đầu tìm kiếm những cuốn sách cổ thể giúp mình hiểu ông hơn. Những cuốn pha trộn tín ngưỡng với khoa học hợp với tôi hơn cả, đặc biệt là sách của Oratoire và Port-Royal. Tôi bắt đầu đọc, hay bắt đầu ngẫu nhiên chúng thì đúng hơn. Một cuốn của Cha Lamy rơi vào tay tôi, mang nhan đề *Đàm thoại về các khoa học*. Đó là một kiểu dẫn nhập để làm quen với các sách đề cập đến khoa học. Tôi đọc đi đọc lại hàng trăm lần; tôi quyết định coi đó là sách chỉ nam của tôi. Rốt cuộc, bất chấp tình trạng của mình, tôi cảm thấy bị lôi cuốn dần dần vào việc học tập, với một sức mạnh không cưỡng nổi; và vừa coi mỗi ngày như ngày cuối cùng của cuộc đời, tôi vừa học tập hăng hái như thể mình ắt vẫn phải sống. Mọi người bảo điều đó làm hại tôi; còn tôi, thì tôi tin rằng điều đó làm lợi cho tôi, không chỉ cho tâm hồn, mà cho cơ thể; vì sự chuyên cần khiến tôi say mê ấy trở nên tuyệt vời thú vị, thành thử, do không nghĩ đến bệnh tật nữa, ảnh hưởng của bệnh tật đối với tôi bớt đi rất nhiều. Tuy nhiên quả thật không có gì khiến tôi đỡ đi thực sự; nhưng, do không đau đớn dữ dội, tôi dần quen thần thờ uể oải, quen không ngủ, quen suy nghĩ thay vì hành động, và cuối cùng quen nhìn tình trạng các cơ quan của mình hao mòn liên tục và chậm rãi như một bước tiến không sao tránh khỏi mà chỉ cái chết mới có thể làm dừng lại.

Ý kiến này chẳng những khiến tôi khỏi bị mọi lo toan vô bổ của cuộc sống ràng buộc, mà còn giải thoát tôi khỏi sự rầy rà của các phương thuốc mà cho đến bấy giờ mọi người bắt tôi phải theo mặc dù tôi không muốn. Salomon, tin chắc rằng các dược phẩm chẳng thể cứu

được tôi, bèn miễn cho tôi dư vị khó chịu của chúng, và đành làm khuây khỏa nỗi đau của Má tội nghiệp bằng vài đơn thuốc vô thưởng vô phạt đánh lừa hy vọng của bệnh nhân và duy trì uy tín của thầy thuốc. Tôi bỏ chế độ kiêng khem chặt chẽ; tôi lại dùng rượu vang và trở lại toàn bộ cung cách sinh hoạt của một người khỏe mạnh, tùy theo mức độ sức lực, thanh đạm về mọi sự, nhưng không kiêng nhịn gì hết. Thậm chí tôi ra ngoài, và lại bắt đầu đi thăm những người quen, nhất là ông De Conzié, mà tôi rất thích giao lưu. Cuối cùng, hoặc do tôi thấy rằng học tập đến giờ khắc cuối cùng là tốt đẹp, hoặc một chút hy vọng được sống vẫn còn ẩn giấu trong đáy lòng, nên sự chờ đợi cái chết, không hề làm nhụt niềm ham thích học hành nghiên cứu, mà dường như kích thích nó; và tôi hồi hải gom nhặt đôi chút thu hoạch để cho thế giới bên kia, như thể tin rằng chỉ có được tại thế giới ấy những thu hoạch mình sẽ mang theo. Tôi đem lòng mến cửa hàng của một ông chủ hiệu sách mang họ Bouchard, nơi một số văn nhân lui tới; và sắp đến mùa xuân mà tôi ngỡ không gặp lại, tôi bèn sắm vài cuốn sách phù hợp để đem về Charmettes, trong trường hợp có được hạnh phúc trở lại chốn ấy.

Tôi có được hạnh phúc này, và cố sức tận dụng. Nỗi vui mừng khi nhìn thấy những chồi những lộc đầu tiên thật không sao tả xiết. Thấy lại mùa xuân, đối với tôi là phục sinh tại thiên đường. Tuyết vừa bắt đầu tan là chúng tôi rời ngục tối, và chúng tôi đến Charmettes đủ sớm để hưởng tiếng hót đầu mùa của họa mi. Từ đó tôi không nghĩ rằng mình chết nữa; và quả thực có điều kỳ lạ là tôi không bao giờ ốm nặng ở miền quê. Tôi đã đau đớn nhiều tại đó, nhưng không bao giờ liệt giường tại đó. Nhiều lần tôi đã nói, khi cảm thấy mình ốm mệt hơn bình thường: “Khi thấy tôi sắp chết, hãy mang tôi đến dưới bóng mát một cây sồi, tôi hứa sẽ khỏi chết.”

Mặc dù yếu ớt, tôi lại làm công việc đồng áng, nhưng theo một cách phù hợp với sức lực. Tôi thực sự phiền muộn vì không thể làm vườn một mình; nhưng hễ đào dăm sáu nhát mai là hết hơi, mồ hôi

chảy ròng ròng, tôi không chịu được nữa. Khi cúi xuống, mạch đập tăng gấp bội, máu dồn lên đầu cực mạnh thành thử tôi phải thẳng người lên thật nhanh. Buộc phải giới hạn ở những công việc đỡ mệt nhọc hơn, tôi chăm sóc chuồng bồ câu, và tôi yêu mến việc này đến mức thường làm nhiều giờ liền mà không một lúc nào buồn chán. Bồ câu rất nhút nhát và khó thuần dưỡng. Ấy thế mà tôi làm được cho những chú bồ câu của mình tin cậy đến mức chúng theo tôi khắp nơi, và để cho bắt khi nào tôi muốn. Tôi chẳng thể ra sân hoặc ra vườn mà không lập tức có vài ba con đậu trên cánh tay, trên đầu; và cuối cùng, mặc dù rất thích thú, song cái đám tùy tùng này trở nên hết sức bất tiện, thành thử tôi buộc phải tước đi của chúng sự thân mật ấy. Tôi luôn vui thích lạ lùng khi thuần hóa loài vật, nhất là những loài hay sợ sệt và hoang dã. Tôi thấy thú vị khi khơi gợi trong chúng một niềm tin mà tôi đã không bao giờ lừa dối. Tôi muốn chúng tự do yêu mến tôi.

Tôi đã nói là tôi mang về những cuốn sách; tôi sử dụng chúng, nhưng theo một cách thích hợp để hành mình hơn là để dạy mình. Quan niệm sai lầm về sự vật khiến tôi tin rằng, để đọc một cuốn sách có kết quả, cần có tất cả những tri thức mà sách ấy coi như phải biết, chứ không nghĩ rằng nhiều khi bản thân tác giả cũng không biết những điều ấy, mà cần đến đâu thì tác giả khai thác đến đó từ những cuốn sách khác, với quan niệm điên rồ này, cứ chốc chốc tôi lại dừng đọc, vì buộc phải không ngừng lướt từ cuốn nọ sang cuốn kia, và đôi khi, trước khi đến được trang thứ mười của tác phẩm mình muốn học tập, có lẽ tôi phải đọc xong hàng tủ sách. Tuy nhiên tôi khẳng khẳng theo cái phương pháp điên cuồng vô lý ấy, thành thử mất vào đó nhiều thời gian vô kể, và suýt làm rối loạn đầu óc đến mức không thể nhìn thấy gì không thể biết được gì nữa hết. May thay tôi nhận ra là mình đang đi một con đường sai lầm nó khiến mình lạc vào một mê cung mênh mông vô tận, và tôi bèn ra khỏi đó trước khi bị lạc lối hoàn toàn.

Nếu ta có một chút ham thích thực sự đối với các khoa học, thì điều đầu tiên ta nhận thấy khi đi vào đó, là mối quan hệ của chúng,

khiến chúng thu hút nhau, giúp nhau, làm sáng tỏ lẫn nhau, và khoa học này không thể bỏ qua khoa học kia. Mặc dù trí óc con người không thể đủ cho mọi khoa học, và bao giờ cũng phải ưu ái một môn coi như môn chính, song nếu ta không có ít nhiều khái niệm về các môn khác, thì ngay trong môn của mình, nhiều khi ta cũng thấy mịt mù khó hiểu. Tôi cảm thấy điều mình đã tiến hành là tốt và bản thân nó hữu ích, chỉ có phương pháp là cần thay đổi. Thoạt tiên tôi xem xét tổng thể các khoa học, rồi đi vào bằng cách phân chia ra các ngành. Tôi thấy phải làm hoàn toàn ngược lại, xem xét mỗi ngành riêng rẽ, và theo đuổi riêng từng ngành một cho đến điểm chúng tập hợp lại với nhau. Như vậy là tôi trở lại sự tổng hợp thông thường, nhưng trở lại với tư cách người hiểu điều mình làm. Ở đây suy tư thay cho kiến thức và một sự phản tỉnh rất tự nhiên giúp tôi đi đúng hướng. Dù sống hay chết, tôi chẳng có thời gian để mất. Không biết gì ở tuổi xấp xỉ hai mươi lăm, và muốn học tất cả, đó là cam kết tận dụng thời gian có hiệu quả. Chẳng biết số phận hay cái chết có thể chặn sự hăng hái của mình lại ở điểm nào, nên dù xảy ra chuyện gì cũng mặc, tôi muốn lĩnh hội được các quan niệm về mọi sự vật, để thăm dò những khuynh hướng tự nhiên của mình cũng như để tự bản thân xét đoán xem điều gì đáng được trau dồi hơn cả.

Trong khi thực thi kế hoạch này tôi thấy được một lợi ích nữa mà tôi đã không nghĩ đến, đó là tận dụng được rất nhiều thời gian. Chắc hẳn tôi không được sinh ra cho việc học hành nghiên cứu, vì một sự chuyên chú lâu dài làm tôi mệt đến mức không thể bận trí nửa giờ liền với cường độ cao về cùng một vấn đề, nhất là khi theo dõi ý tưởng của người khác; vì đôi khi tôi chuyên tâm vào ý tưởng của bản thân được lâu hơn, thậm chí lại khá kết quả. Khi đã theo dõi qua vài trang một tác giả cần phải đọc một cách chuyên chú, thì tâm trí tôi rời bỏ ông và lan man mơ mộng. Nếu khăng khăng cố chấp, tôi sẽ kiệt sức vô bổ; tôi choáng váng, không nhìn thấy gì nữa. Nhưng nếu những vấn đề khác biệt kế tục nhau, thậm chí không đứt đoạn, thì vấn đề này giải lao cho

tôi về vấn đề kia, và tôi theo dõi chúng dễ dàng hơn mà không cần nghỉ ngơi. Tôi lợi dụng điều quan sát này trong kế hoạch học tập, và xen lẫn thật nhiều vấn đề thành thử bận rộn suốt ngày mà không bao giờ mệt mỏi. Quả thật việc đồng áng và việc nhà là những sự giải khuây hữu ích; nhưng với nhiệt tình đang tăng tiến, chẳng bao lâu tôi tìm ra cách sắp xếp được ở đó cả thời gian cho học tập, và làm hai việc cùng một lúc, chẳng nghĩ rằng mỗi việc vì thế mà kém suôn sẻ.

Trong biết bao tiểu tiết khiến tôi thích thú và nhiều khi làm độc giả chán ngấy, tôi vẫn có một sự thận trọng mà độc giả không mấy ngờ đến, nếu như tôi không chú ý báo trước. Chẳng hạn như ở đây, tôi vui sướng nhớ lại mọi thể nghiệm khác nhau để phân phối thời gian sao cho mình tìm được đồng thời nhiều thú vị và nhiều lợi ích hết mức có thể; và tôi có thể nói rằng thời gian ấy, khi tôi sống ẩn dật và vẫn đang ốm, là thời gian tôi ít nhàn rỗi và ít buồn chán nhất trong cuộc đời mình. Hai hoặc ba tháng trôi qua như vậy, trong việc thăm dò chiều hướng của tâm trí mình, và trong việc vui hưởng, giữa thời tiết đẹp nhất của năm và tại một nơi chốn được thời tiết ấy biến thành cảnh thần tiên, vui hưởng phong vị quyến rũ của cuộc sống mà mình cảm nhận rất rõ giá trị, phong vị quyến rũ của một mối giao tiếp vừa tự do thoải mái vừa êm dịu, nếu có thể gọi một sự hợp nhất hoàn hảo đến như thế bằng cái tên giao tiếp, và phong vị của những kiến thức đẹp đẽ mình định lĩnh hội; vì với tôi cứ như thể mình đã am hiểu chúng, hay còn hơn thế nữa, bởi thú vui học tập tham dự rất nhiều vào hạnh phúc của tôi.

Cần phải bỏ qua những thử nghiệm này, tất cả đối với tôi đều là lạc thú, nhưng quá đơn giản nên không giải thích được. Một lần nữa, hạnh phúc đích thực không tự miêu tả, nó tự cảm nhận, và càng ít tự miêu tả được bao nhiêu thì càng tự cảm nhận rõ hơn bấy nhiêu, vì nó không phải là một sự ngẫu hợp các tình huống mà là một trạng thái thường trực. Tôi hay tự lặp lại, nhưng tôi sẽ tự lặp lại nhiều hơn nữa nếu như một điều đến với tâm trí tôi bao nhiêu lần là tôi kể bấy nhiêu

lần vẫn đúng điều ấy. Cuối cùng khi cách sinh hoạt hay thay đổi của tôi đã vận hành một cách đều đặn, thì sự phân phối gần gần như sau.

Sáng nào tôi cũng dậy trước khi mặt trời mọc. Tôi đi theo một vườn cây ăn quả gần nhà lên một con đường rất xinh đẹp ở bên trên vườn nho, rồi men sườn dốc đến tận Chambéry. Tại đó, vừa đi dạo tôi vừa cầu nguyện, không phải lắp bắp miệng một cách hão huyền, mà chân thành nâng cao tâm hồn hướng tới đấng sáng tạo nên thiên nhiên đáng yêu mà vẻ đẹp đang ở dưới mắt tôi. Tôi chưa bao giờ thích cầu nguyện trong phòng; tôi thấy dường như những bức tường và mọi sản phẩm bé mọn của con người đứng xen vào giữa Chúa Trời và tôi. Tôi thích chiêm ngưỡng Chúa ở những công trình của người trong khi tâm hồn tôi vươn tới người. Tôi có thể nói là những lời cầu nguyện của tôi thanh khiết, và do đó đáng được chuẩn nhận. Tôi chỉ cầu xin cho tôi, và cho người phụ nữ không bao giờ tách rời tôi trong nguyện ước, có được một cuộc sống trong sạch và an bình, thoát khỏi thói hư, nổi đau, những nhu cầu gian khó, có được cái chết của những người nhân nghĩa, và có được số phận của họ trong tương lai. Vả chăng, hành vi này diễn ra qua cảm thán và chiêm ngưỡng nhiều hơn qua cầu xin; và tôi biết rằng bên đấng ban phát những điều tốt lành thực sự, thì cách hay nhất để đạt được những gì cần thiết cho ta là xứng đáng với những điều ấy hơn là cầu xin chúng. Tôi dạo một vòng khá dài để quay về, ngắm nhìn hứng thú và khoái trá cảnh tượng đồng nội bao quanh mình, những cảnh tượng duy nhất mà con mắt và con tim không bao giờ thấy chán. Tôi nhìn từ xa xem nơi Má ở đã có ánh sáng hay chưa; nếu thấy cánh cửa gỗ bên ngoài ô cửa sổ mở ra rồi, tôi mừng run và chạy tới. Nếu cửa đóng, tôi vào vườn chờ bà thức dậy, giải khuây bằng cách ôn lại những gì đã học hôm trước, hoặc làm vườn, cánh cửa gỗ mở ra, tôi đến bên giường ôm hôn bà, nhiều khi bà hãy còn ngái ngủ; và cái hôn ấy, vừa thuần khiết vừa âu yếm, chính vì sự ngây thơ trong sạch mà có một sức hấp dẫn không bao giờ gẫn với khoái lạc nhục cảm.

Chúng tôi thường ăn sáng bằng cà phê sữa. Đó là thời gian trong ngày mà chúng tôi được yên tĩnh nhất, mà chúng tôi trò chuyện thoải mái nhất. Những buổi này, thường kéo khá dài, khiến cho tôi vẫn còn rất thích các bữa sáng; và tôi vô cùng ưa tập quán của Anh và Thụy Sĩ, tại đó bữa sáng là một bữa ăn thực sự, tập hợp tất cả mọi người, hơn là tập quán của Pháp, nơi mỗi người ăn sáng một mình trong phòng riêng, hoặc thường xuyên hơn cả là không hề ăn sáng. Sau một hai giờ trò chuyện, tôi đến với sách vở cho đến bữa ăn trưa. Tôi bắt đầu bằng cuốn triết học nào đó, như *Logic* của Port-Royal, *Tiểu luận* của Locke, Malebranche, Leibnitz, Descartes, v.v. Chẳng bao lâu sau tôi nhận thấy tất cả các tác gia đó hầu như mâu thuẫn với nhau triền miên, và tôi xây dựng kế hoạch hảo huyền là hòa hợp họ, cái kế hoạch khiến tôi rất mệt mỏi và mất nhiều thì giờ. Đầu óc tôi rối loạn và tôi chẳng tiến lên được. Cuối cùng, từ bỏ phương pháp đó, tôi theo một phương pháp khác vô cùng tốt hơn, và tôi quy cho phương pháp này tất cả sự tiến bộ mà tôi đã có thể đạt được, mặc dù thiếu khả năng; vì chắc chắn rằng tôi luôn có rất ít khả năng để học tập. Trong khi đọc mỗi tác gia, tôi đặt thành luật cho mình phải tán thành và đi theo mọi ý tưởng của tác gia đó không xen ý tưởng của mình hay của một tác gia khác vào, và không bao giờ tranh cãi với ông ta. Tôi tự nhủ: “Hãy khởi đầu bằng việc tạo cho mình một kho ý tưởng, đúng hay sai, nhưng rõ ràng, trong khi chờ đợi đầu óc mình chứa được nhiều ý tưởng đủ để có thể so sánh và chọn lọc chúng”. Phương pháp này không khởi bất tiện, tôi biết như vậy, nhưng nó giúp tôi thành công trong mục tiêu trau dồi học thức. Sau vài năm chỉ tư duy thật đúng theo người khác, có thể nói là không ngẫm nghĩ và hầu như không suy lý, tôi thấy mình có một vốn thu hoạch đủ lớn để tự túc được, và tư duy mà không cần sự giúp đỡ của người khác. Thế là, khi các chuyến đi và công việc khiến tôi không có phương tiện tham khảo sách vở, tôi giải trí bằng cách ôn lại và đối chiếu những gì mình đã đọc, bằng cách cân nhắc mỗi điều trên cán cân lý trí, và đôi khi xét đoán các bậc thầy của mình. Tuy bắt đầu muộn việc sử dụng năng lực phán đoán, song tôi thấy năng lực ấy không bị

mất đi khí lực, và khi tôi công bố những ý tưởng của riêng tôi, mọi người đã không kết tội tôi là một đồ đệ nô lệ, nhất nhất chỉ theo lời thầy.

Từ đó tôi chuyển sang hình học cơ bản; vì tôi chưa từng đi xa hơn, do cứ khẳng khẳng muốn khắc phục tình trạng kém trí nhớ bằng cách quay trở lại hàng trăm hàng trăm lần và không ngừng bắt đầu lại vẫn một cách tiến hành. Tôi không thích hình học Euclide, tìm chuỗi chứng minh hơn là tìm mối liên hệ các ý tưởng; tôi ưa hình học của cha Lamy* hơn, từ đó ông thành một trong những tác giả được tôi ưa thích nhất, và giờ đây tôi vẫn còn thích thú đọc lại tác phẩm của ông. Sau đó là môn đại số, và tôi vẫn coi sách của cha Lamy là sách chỉ nam. Khi đã tiến bộ hơn, tôi đọc *Khoa học tính toán* của cha Reynaud*, rồi cuốn *Phân tích có chứng minh* của ông, mà tôi chỉ đọc lướt. Tôi chưa bao giờ đi đủ xa để cảm nhận rõ được việc ứng dụng đại số vào hình học. Tôi không thích cái cách làm toán mà không nhìn thấy điều ta làm; và với tôi giải một bài toán hình bằng các phương trình dường như là chơi một điệu nhạc bằng cách quay một chiếc tay quay. Lần đầu tiên nhờ tính toán mà tìm ra được bình phương của một nhị thức gồm bình phương của mỗi số hạng và hai lần tích của số hạng nọ nhân với số hạng kia, mặc dù phép nhân của tôi chính xác, tôi vẫn không muốn tin kỳ cho đến khi tôi đã vẽ được hình, chẳng phải tôi không rất thích đại số nếu chỉ xét số lượng trừu tượng; nhưng áp dụng vào diện tích, thì tôi thích nhìn thấy phép toán trên các đường nét, nếu không tôi chẳng còn hiểu gì hết.

Sau đấy đến tiếng Latin. Đó là môn học vất vả nhất của tôi, và chưa bao giờ tôi đạt được nhiều tiến bộ. Mới đầu tôi theo phương pháp Latin của Port-Royal, nhưng không kết quả. Những câu thơ kỳ quặc thô dã ấy khiến tôi buồn nôn, và không sao lọt tai được. Tôi lạc trong những mớ quy tắc, và đang học quy tắc gần nhất thì quên sạch những gì trước đó. Học các từ là việc chẳng hợp với một người không có trí

nhớ; và chính để bắt trí nhớ phải có sức chứa mà tôi khẳng khẳng học từ. Cuối cùng đành phải bỏ. Tôi hiểu cú pháp đủ để đọc được một tác gia dễ, nhờ tra từ điển. Tôi theo con đường này, và thấy ổn. Tôi chuyên tâm dịch, không phải dịch viết, mà dịch trong óc, và tôi tự giới hạn ở đó. Nhờ thời gian và nhờ luyện tập, tôi đọc được khá trôi chảy các tác gia Latin nhưng không bao giờ có thể nói hay viết bằng ngôn ngữ ấy; điều này nhiều khi khiến tôi lâm vào cảnh lúng túng khi thấy mình, chẳng biết bằng cách nào, được chiêu mộ vào giới văn nhân. Một bất tiện khác, do cách học hành như trên, là tôi không bao giờ hiểu được vận luật học, càng ít hiểu quy tắc làm thơ. Tuy nhiên do muốn cảm nhận được tính hài hòa của ngôn ngữ trong thơ và văn xuôi, tôi đã rất cố gắng để đạt được điều ấy; nhưng tôi tin chắc rằng không có thầy thì hầu như không thể. Do đã học cách cấu tạo câu thơ dễ nhất trong các câu thơ, đó là câu thơ sáu âm tiết, tôi kiên nhẫn đọc nhấn từng vần hầu như toàn bộ Virgile, làm rõ các âm tiết và âm lượng; rồi khi hồ nghi không chắc một âm tiết là ngắn hay dài, thì tôi lại tham khảo cuốn Virgile của tôi. Ta thấy việc này khiến tôi mắc nhiều lỗi, do những sự biến âm được quy tắc làm thơ cho phép. Nhưng nếu như việc học một mình có cái lợi, thì cũng có nhiều bất tiện lớn, đặc biệt là một sự vất vả không sao tin nổi. Tôi biết điều này rõ hơn ai hết.

Trước mười hai giờ trưa tôi rời sách vở, và nếu bữa ăn chưa sẵn sàng, tôi ra thăm các bạn bồ câu của mình, hoặc làm vườn trong khi chờ đợi.

Khi nghe gọi, tôi chạy đến rất hài lòng và rất thèm ăn, vì lại một điều cần lưu ý, là dù ốm thế nào chẳng nữa, chẳng bao giờ tôi không thèm ăn. Chúng tôi dùng bữa một cách thật dễ chịu, vừa trò chuyện về công việc của mình, vừa đợi để Má có thể ăn được. Mỗi tuần hai ba lần, khi trời đẹp, chúng tôi ra sau nhà uống cà phê trong một phòng nhỏ, mát và um tùm cây lá, mà tôi đã trang trí nhiều cây hoa bia, và khiến chúng tôi rất thích thú vào mùa nóng; trong khoảng một giờ chúng tôi thăm rau, thăm hoa, trò chuyện về cách sống của mình,

những cuộc trò chuyện khiến chúng tôi cảm nhận rõ hơn sự ngọt ngào êm ả của cách sống ấy. Tôi còn một gia đình nhỏ nữa ở cuối vườn: đó là những con ong. Ít khi tôi quên đến thăm chúng, và Má thường đi cùng tôi; tôi rất quan tâm đến công việc của chúng; tôi vô cùng vui thích nhìn chúng đi kiếm ăn về, những chiếc càng bé nhỏ đôi khi mang nặng trĩu đến mức chúng di chuyển khó khăn. Những ngày đầu, vì tò mò nên tôi thiếu cẩn thận, và chúng đốt tôi hai ba lần; nhưng sau đó chúng tôi quen với nhau đến mức tôi có lại gần đến mấy, chúng cũng để yên, và dù các tổ ong sẵn sàng chia đàn có đông đến mấy, đôi khi chúng vây quanh tôi, đậu trên tay, trên mặt tôi, không một con nào đốt tôi bao giờ hết. Tất cả các con vật đều ngờ vực con người, và chúng không lầm; nhưng một khi chắc chắn rằng con người không muốn hại chúng, thì niềm tin của chúng lớn đến mức phải quá ư dăm dạn mới lạm dụng niềm tin ấy.

Tôi trở lại với sách vở: nhưng công việc buổi chiều của tôi mang tên là lao động và học tập thì không đúng bằng giải trí và vui chơi. Tôi không bao giờ chịu được sự chuyên cần của thư phòng sau bữa trưa, và nói chung bất kỳ sự vất vả nào cũng cực nhọc với tôi trong cái nóng ban ngày. Tuy thế tôi vẫn bận rộn, nhưng không gò bó và gần như không có quy củ, bận đọc mà không học. Môn tôi chuyên chú nhất là lịch sử và địa lý; và bởi việc này không đòi hỏi trí não phải tập trung cố gắng, nên tôi có tiến bộ trong chừng mực trí nhớ kém của mình cho phép. Tôi muốn nghiên cứu cha Pétai*, và tôi chìm sâu vào bóng tối của niên đại học; nhưng tôi chán ngán phần bình luận chẳng có bờ không có đáy và tôi ưu ái sự đo lường chính xác thời gian và sự vận hành của các thiên thể. Thậm chí tôi có thể ham thích thiên văn học nếu như có dụng cụ nhưng tôi đành bằng lòng với vài nguyên lý rút trong sách và vài quan sát thô thiển nhờ một thiên lý kính, chỉ để biết trạng huống chung của bầu trời: vì con mắt cận thị không cho phép tôi nhìn được khá rõ các vì tinh tú bằng mắt thường. Về vấn đề này tôi còn nhớ một sự cố mà hồi ức nhiều khi khiến tôi bật cười. Tôi đã mua

một bản đồ mặt phẳng thiên cầu để nghiên cứu các chòm sao. Tôi đã buộc bản đồ này lên một chiếc khung, và những đêm trời trong, tôi ra vườn đặt khung lên bốn cây cọc cao ngang tầm tôi, bình đồ thiên cầu quay xuống dưới, và để chiếu sáng bình đồ mà không bị gió làm tắt cây đèn sáp, tôi đặt đèn trong một chiếc xô dưới đất giữa bốn cây cọc; rồi lần lượt nhìn bản đồ bằng mắt và nhìn các vì tinh tú bằng kính, tôi tập nhận biết các ngôi sao và phân biệt các chòm sao. Tôi nhớ đã kể rằng khu vườn của ông Noiret được đắp cao; từ đường cái mọi người nhìn thấy tất cả những gì diễn ra ở vườn. Một buổi tối, những người dân quê qua đường khá khuya nhìn thấy tôi đang bận rộn thao tác với những khí cụ kỳ quái. Ánh sáng leo lét rọi vào bản đồ thiên cầu, họ không biết ánh sáng này từ đâu ra vì đèn bị thành xô che khuất mắt họ, rồi bốn cây cọc, tờ giấy to với những hình vẽ nguệch ngoạc, chiếc khung và sự vận động của thiên lý kính mà họ thấy di chuyển, khiến vật này có một vẻ huyền bí làm họ kinh hãi. Cách phục sức của tôi chẳng thích hợp để trấn an họ; một chiếc mũ bẻ vành thông xuống, đội bên trên mũ trùm, và một áo choàng lửng lớt bông mặc trong nhà, của Má, mà bà bắt tôi khoác vào, bày ra trước mắt họ hình ảnh một phù thủy thực thụ, và bởi lúc ấy gần nửa đêm, họ tin chắc rằng đây là khởi đầu của dạ hội ma thuật, chẳng muốn tò mò xem thêm, họ khiếp sợ bỏ chạy, đánh thức hàng xóm láng giềng để kể lại ảo tượng của họ, và câu chuyện lan truyền rộng đến mức ngày hôm sau toàn vùng lân cận ai cũng biết là dạ hội phù thủy diễn ra tại nhà ông Noiret. Tôi chẳng biết tiếng đồn này rốt cuộc sẽ gây ra chuyện gì, nếu như một trong các nông dân, chứng kiến tôi làm ma thuật, ngay hôm ấy không than phiền với hai giáo sĩ dòng Tên đến thăm chúng tôi, các vị này, không biết là chuyện gì, cứ làm cho bác ta tỉnh ngộ trước đã. Các giáo sĩ kể cho chúng tôi câu chuyện; tôi nói cho họ biết nguyên nhân, và chúng tôi cười rất nhiều. Tuy nhiên, sợ điều này tái diễn, mọi người quyết định từ nay tôi sẽ quan sát không có ánh đèn, và tham khảo bình đồ thiên cầu trong nhà. Những ai đã đọc về pháp thuật Venise của tôi, trong

Những bức thư từ núi, sẽ thấy tôi đã có từ lâu thiên hướng làm phù thủy, tôi tin chắc thế.

Đó là cung cách sinh hoạt của tôi ở Charmettes khi tôi không bận một công việc đồng áng nào; vì bao giờ những việc này cũng được ưu tiên, và ở những gì không vượt quá sức, thì tôi làm lụng như một nông dân; nhưng đúng là về mục này thì tình trạng suy nhược cực độ khi đó chỉ để cho tôi có công lao ở thiện chí mà thôi, và chẳng tôi muốn đồng thời làm hai việc, và vì lý do ấy tôi chẳng làm tốt việc nào. Tôi đã nghĩ ra chuyện cưỡng bức mình có trí nhớ; tôi khẳng khẳng muốn học thuộc lòng rất nhiều. Để làm việc này bao giờ tôi cũng mang theo mình cuốn sách nào đó mà tôi vừa làm lụng vừa học và ôn một cách vất vả không tin nổi. Tôi chẳng hiểu vì sao sự ngoan cố của những nỗ lực liên miên và vô bổ ấy lại không khiến tôi cuối cùng thành ngu độn. Tôi đã học đi học lại đến hai chục lần những bài mục ca của Virgile mà chẳng thuộc một từ nào. Tôi đã đánh mất hoặc làm lẽ bộ vô số sách vì cái thói quen đi đâu cũng mang sách theo, ra chuồng bồ câu, ra vườn, ra vườn cây ăn quả, vườn nho. Mãi việc khác, tôi để sách dưới gốc cây hay trên hàng rào; ở đâu tôi cũng quên cầm lại sách, và thường sau mười lăm ngày, tôi thấy lại cuốn sách hỏng nát hay bị kiến và ốc sên gặm nhấm nhở. Nhiệt tình học hành này thành một thói tật khiến tôi như ngây như dại, không ngừng lằm bằm trong miệng điều gì đó.

Các tác phẩm của Port-Royal và Oratoire, do là những cuốn tôi đọc thường xuyên nhất, đã khiến tôi thành nửa phần theo giáo phái Jansénius, và mặc dù rất tin tưởng, đôi khi thần học khắc khổ của họ làm tôi kinh hãi. Sự khủng khiếp của địa ngục, mà cho đến bấy giờ tôi rất ít sợ, dần dần khuấy động trạng thái yên ổn của tôi, và nếu Má không làm cho tâm hồn tôi bình tĩnh lại, thì học thuyết đáng sợ ấy có lẽ đã khiến tôi hoàn toàn điên đảo. Cha nghe xưng tội của tôi, cũng là cha nghe xưng tội của Má, góp phần giữ cho tôi được an tâm. Đó là

cha Hemet, giáo sĩ dòng Tên, một ông già nhân hậu và hiền minh mà tôi sẽ mãi mãi nhớ đến với lòng tôn kính. Mặc dù theo dòng Tên, ông có sự chất phác của trẻ thơ, và đạo lý của ông, khoan hòa thì đúng hơn là lỏng lẻo, chính là thứ tôi cần để cân bằng những ấn tượng ưu uất của giáo thuyết Jansénius. Con người hiền hậu ấy và bạn ông, cha Coppier, hay đến thăm chúng tôi tại Charmettes, mặc dù đường rất khó đi và khá xa với những người ở độ tuổi của các cha. Những cuộc đến thăm ấy rất tốt lành cho tôi: cầu Chúa đem điều tốt lành đến cho linh hồn các cha, vì khi đó các cha quá già thành thử tôi đoán giờ đây chắc các cha không còn sống. Tôi cũng đến Chambéry thăm các cha; tôi dần dần thân thuộc với ngôi nhà của họ; tôi được sử dụng tủ sách của họ; hồi ức về cái thời hạnh phúc ấy gắn liền với hồi ức về các giáo sĩ dòng Tên đến mức làm cho tôi yêu mến hồi ức nọ vì hồi ức kia, và mặc dù tôi luôn thấy giáo thuyết của họ có vẻ nguy hiểm, song tôi không bao giờ có thể thành thực ghét họ.

Tôi muốn biết liệu trong lòng những người khác đôi khi có thoáng qua những điều ấu trĩ tương tự những điều đôi khi lướt qua lòng tôi hay không. Giữa công việc học hành và một cuộc sống trong sạch hết mức có thể, và bất kể mọi điều người ta từng nói với tôi, nỗi sợ địa ngục vẫn còn khuấy động tôi, thường xuyên. Tôi thường tự hỏi: “Mình đang ở tình trạng nào? Nếu ngay bây giờ mình chết đi, liệu mình có bị đày địa ngục hay không?” Theo các giáo sĩ dòng Jansénius, thì điều đó là chắc chắn, nhưng theo lương tâm tôi, thì có vẻ là không. Luôn sợ sệt, và dao động trong trạng thái lưỡng lự ác nghiệt này, để thoát ra tôi cầu viện đến những mưu chước nực cười nhất, và nếu thấy một người nào làm như vậy chắc tôi sẵn sàng cho nhốt anh ta lại. Một hôm, đang mơ màng về vấn đề đáng buồn này, tôi máy móc ném những hòn đá vào các thân cây, với sự khéo léo thường lệ, nghĩa là gần như không trúng cây nào hết. Giữa lúc đang làm như vậy, tôi chợt nghĩ dùng điều đó như một kiểu dự đoán để làm an dịu nỗi lo lắng. Tôi tự nhủ: “Mình sẽ ném hòn đá này vào cái cây đối diện mình; nếu ném

trúng, đó là dấu hiệu được cứu rồi; nếu hụt, là dấu hiệu bị đầy địa ngục.” Vừa tự nhủ như vậy, tôi vừa ném hòn đá với bàn tay run rẩy và tìm đập thành thịch, nhưng thật may mắn, là nó trúng vào giữa thân cây, điều này quả thật không khó, vì tôi đã chú ý chọn cái cây thật to và thật gần. Từ đây tôi chẳng nghi ngờ gì về việc mình được cứu rồi nữa. Nhớ lại chuyện này, tôi không biết nên bật cười hay nên than vãn về mình nữa. Các vị là những vĩ nhân, chắc chắn các vị bật cười, xin các vị hãy tự mừng cho mình; nhưng xin đừng miệt thị nỗi khổn khổ của tôi, vì tôi thề rằng tôi cảm thấy nó rất rõ.

Vả chẳng, những sự rối loạn ấy, những nỗi lo sợ ấy, có lẽ không tách rời lòng sùng tín, chẳng phải là một trạng thái thường trực. Thường thường tôi khá an tâm, và ấn tượng do ý tưởng về một cái chết cận kề gây cho tâm hồn tôi không phải nỗi buồn bã mà là một trạng thái thần thờ yên ả nó có sự êm đềm của nó. Tôi vừa tìm lại được trong sổ giấy tờ cũ một kiểu lời động viên mà tôi tự viết cho mình, trong đó tôi mừng vì chết ở độ tuổi mà ta còn thấy mình đủ can đảm để suy tưởng về cái chết, và chưa trải những nỗi đau lớn, về thân xác cũng như về tinh thần, trong cuộc đời mình. Tôi có lý xiết bao! Một linh cảm khiến tôi sợ phải sống để đau khổ. Dường như tôi biết trước số phận chờ đợi mình ở tuổi già. Chưa bao giờ tôi gần với sự hiền minh như trong thời kỳ hạnh phúc ấy. Không có những ân hận lớn về quá khứ, giải thoát khỏi những lo lắng về tương lai, cảm giác thường xuyên chi phối tâm hồn tôi là vui hưởng hiện tại. Với điều bình phàm, những người sùng tín thường có một nhục cảm rất nhuệ mẫn nó khiến họ thường thức một cách vô cùng khoái trá những lạc thú ngây thơ vô tội mà họ được phép. Những người trong giới giao tế lên án điều đó, tôi không hiểu vì sao, hay đúng hơn là tôi hiểu rõ: đó là vì họ ghen ghét việc những người kia vui hưởng những lạc thú giản dị mà bản thân họ đã mất đi niềm ham thích. Tôi có niềm ham thích ấy, và tôi thấy thú vị khi thỏa mãn nó với lương tâm an ổn. Tâm hồn tôi, còn tươi mới, tự phó thác cho mọi điều với niềm vui của trẻ thơ, hay đúng

hơn, nếu tôi mạo muội nói là với khoái cảm của thiên thần, vì quả thực những lạc thú êm đềm ấy có tính chất thanh thần của lạc thú chốn thiên đường. Những bữa trưa ngoài trời, ở Montagnole, những bữa tối dưới vòm cây lá, việc thu hái quả, hái nho, những đêm thức tước cây gai cùng với gia nhân, tất cả những điều này đối với chúng tôi là chừng ấy buổi hội hè mà Má cũng thích thú như tôi. Những cuộc dạo chơi riêng tư hơn lại có sức hấp dẫn lớn hơn nữa, vì tâm hồn thoải mái hơn. Trong đó có một cuộc dạo chơi ghi dấu ấn nơi ký ức tôi, vào một ngày lễ Thánh Louis mà Má mang tên. Chúng tôi đi từ sớm và chỉ hai người với nhau, sau buổi lễ do một tu sĩ dòng núi Carmel đến làm cho chúng tôi tại nhà thờ nhỏ liền kề nhà vào tảng sáng. Tôi đã đề nghị đi khắp sườn dốc đối diện sườn dốc chúng tôi ở, và là nơi mà chúng tôi chưa hề thăm thú. Chúng tôi đã gửi thực phẩm đi trước, vì chuyến đi phải kéo dài cả ngày. Má, mặc dù hơi tròn trĩnh và mập, đi bộ cũng khá: chúng tôi đi từ quả đồi này sang quả đồi kia, từ khu rừng này sang khu rừng kia, đôi khi giữa nắng và thường là dưới bóng râm, thỉnh thoảng lại nghỉ ngơi và quên khuấy thời gian hàng giờ liền; trò chuyện về chúng tôi, về sự kết hợp giữa chúng tôi, về số phận êm đềm của chúng tôi, và cầu nguyện cho số phận ấy được lâu dài, những lời cầu nguyện chẳng được chuẩn nhận. Mọi điều dường như hợp lực cho hạnh phúc của ngày ấy. Trước đó ít lâu trời vừa mưa; không hề có bụi, và những dòng suối chảy xiết; một làn gió mát làm rung rinh cây lá, không khí trong trẻo, chân trời không gợn mây, trạng thái thanh thần ngự trị trên bầu trời cũng như trong lòng chúng tôi. Chúng tôi dùng bữa trưa tại nhà một nông dân, chung với cả gia đình, họ chân thành cầu phúc cho chúng tôi. Những người dân Savoie tội nghiệp này hết sức hiền lành lương thiện! Sau bữa ăn chúng tôi ra nơi có bóng mát dưới những cây to, và trong khi tôi nhặt những nhánh củi khô để đun cà phê, thì Má vui vẻ sưu tập cây cỏ trong các bụi rậm, và với những bông hoa mà dọc đường tôi đã hái tặng, bà chỉ cho tôi thấy trong cấu tạo của chúng ngàn điều lạ khiến tôi rất thích thú, và ắt phải đem lại cho tôi niềm ưa mến thực vật học; nhưng thời

điểm chưa đến, tôi đang lãng trí vì quá nhiều môn học khác. Một ý tưởng chợt làm tôi xúc động và rời sự chú ý khỏi hoa và cây cỏ. Trạng thái tâm hồn tôi khi ấy, tất cả những gì chúng tôi đã nói và làm ngày hôm đó, tất cả những điều đã khiến tôi xúc động nhắc tôi nhớ lại kiểu giấc mơ. Tôi đã có trong khi rất tỉnh tại Annecy bảy tám năm tại Annecy bảy tám năm trước, mà tôi đã thuật lại ở chỗ của nó^{*}. Những sự tương hợp thật đáng kinh ngạc, thành thử khi nghĩ tới, tôi cảm động đến rơi nước mắt. Trong một mối cảm kích nao lòng tôi ôm hôn người bạn gái thân thương. Tôi say sưa nói với bà: “Má ơi, Má ơi, cái ngày hôm nay đã được hứa hẹn với em từ lâu rồi, và em không nhìn thấy gì vượt xa hơn thế. Hạnh phúc của em, nhờ Má, đã ở đỉnh điểm; cầu cho từ nay nó đừng suy vi! Cầu cho nó dài lâu y như em sẽ giữ dài lâu niềm ham thích nó! Nó sẽ chỉ chấm dứt cùng với em mà thôi.”

Những ngày hạnh phúc của tôi trôi qua như vậy, càng hạnh phúc hơn nữa vì chẳng nhìn thấy gì có thể khuấy động chúng, nên thực sự tôi dự liệu chúng chỉ chấm dứt cùng với cuộc đời tôi mà thôi. Không phải là nguồn lo âu của tôi đã cạn hẵn; nhưng tôi thấy nó đang theo một dòng chảy khác mà tôi cố hướng về những mục tiêu hữu ích, để nó mang cùng nó phương thuốc chữa trị. Bản tính Má ưa mền miên quê, và cùng với tôi sở thích này không phai nhạt. Dần dần bà thấy thú vị với việc chăm lo đồng áng; bà thích nâng cao giá trị đất đai của mình; và về việc này bà có những hiểu biết mà bà vui mừng đem ra sử dụng. Không bằng lòng với những gì phụ thuộc ngôi nhà đã mượn, bà thuê khi thì một đồng lúa, khi thì một đồng cỏ. Cuối cùng, đưa tính tình ưa mạo hiểm vào những mục tiêu nông nghiệp, thay vì ăn không ngồi rồi trong nhà, bà hoạt động theo hướng sớm thành một chủ trại lớn. Tôi không thích lắm khi thấy bà khuếch trương như vậy, và tôi cố hết sức phản đối, tin chắc rằng bà sẽ luôn bị lừa, rằng tính tình rộng rãi và hoang phí của bà sẽ luôn đưa khoản chi lên nhiều hơn thu. Tuy nhiên tôi tự an ủi khi nghĩ rằng ít ra khoản thu ấy cũng chẳng là số

không, và sẽ giúp bà sinh sống. Trong mọi kế hoạch bà có thể tạo lập, tôi thấy kế hoạch này có vẻ ít tai hại nhất, và, tuy không giống như bà xem đó là một đối tượng sinh lợi, tôi dự liệu ở đó một sự bận rộn liên tục, nó sẽ bảo vệ bà khỏi những vụ làm ăn dở và những tên lừa đảo. Với ý tưởng ấy tôi tha thiết mong muốn phục hồi khí lực cũng như sức khỏe cần thiết để coi sóc công việc cho bà, để làm đốc công cho thợ thuyền của bà, hay làm thợ cả của bà, và dĩ nhiên sự tập luyện mà tôi thực hiện vì mục đích trên, do thường dứt tôi ra khỏi sách vở và khiến tôi khuây lã về tình trạng của mình, ắt phải làm tình trạng ấy khá hơn lên.

Mùa đông năm sau, Barillot từ Ý trở về mang cho tôi một số sách, trong đó có cuốn *Bontempi** và cuốn *Cartella permusica* của cha Banchieri, những cuốn sách khiến tôi ham thích lịch sử âm nhạc và các tìm tòi mang tính lý thuyết của môn nghệ thuật đẹp đẽ này. Barillot lưu lại với chúng tôi ít lâu, và bởi tôi đã thành niên từ nhiều tháng nay, mọi người thỏa thuận là mùa xuân tới tôi sẽ đến Genève xin lại số tài sản của mẹ tôi, hoặc ít ra là phần thuộc về tôi, trong khi chờ đợi để biết tình hình anh tôi như thế nào. Chuyện này được tiến hành như đã quyết định. Tôi đến Genève, cha tôi cũng đến đó. Từ lâu ông vẫn trở về mà không bị gây sự, mặc dù ông chưa từng thi hành pháp lệnh đối với ông: nhưng vì mọi người quý mến lòng can đảm và kính trọng đức chính trực của ông, nên họ vờ như đã quên vụ việc, và các pháp quan, bận tâm về đại kế hoạch ít lâu sau sẽ bùng nổ, chẳng muốn làm giới thị dân nghi ngại trước thời gian, bằng cách nhắc nhở lại không đúng lúc sự thiên vị trước đây của mình.

Tôi sợ người ta gây khó dễ cho tôi về việc thay đổi tôn giáo; họ chẳng gây gì hết. Luật lệ của Genève về phương diện này ít khắc nghiệt hơn luật lệ của Berne, tại đó ai thay đổi tôn giáo bị mất đi không những chức nghiệp, mà cả tài sản. Vậy tài sản của tôi không bị tranh cãi, nhưng chẳng hiểu vì sao mà rút lại chỉ còn rất ít. Mặc dù mọi người gần như chắc chắn rằng anh tôi đã chết, song không có

chứng cứ pháp lý. Tôi không đủ danh nghĩa đòi phần của anh, và tôi để lại phần đó không hề tiếc nuối để giúp cha tôi sinh sống, ông đã hưởng dụng nó suốt thời gian còn sống. Thủ tục pháp lý vừa xong và vừa được nhận khoản tiền của mình, tôi liền mua một sổ sách, và nhanh chóng đem phần còn lại về đặt dưới chân Má. Dọc đường tìm tôi đập mạnh vì vui mừng, và khoanh khắc để tiền vào tay Má êm đềm với tôi gấp ngàn lần khoanh khắc tiền được đưa vào tay tôi. Má nhận với thái độ bình dị của những tâm hồn cao thượng, do làm những điều như vậy một cách dễ dàng, nên nhìn những điều đó không ngưỡng mộ. Gần như toàn bộ số tiền được dùng cho tôi, một cách bình dị không kém. Giả sử tiền ấy đến với bà từ nơi nào khác, việc sử dụng cũng sẽ hết như vậy.

Tuy nhiên sức khỏe của tôi không hồi phục; ngược lại tôi suy yếu đi rõ rệt; tôi nhợt nhạt như người chết và gầy như bộ xương; mạch đập ghê gớm, hồi hộp thường xuyên hơn; tôi tức thở triền miên, và suy nhược đến mức cử động khó khăn; tôi chẳng thể rảo bước mà không ngạt thở, tôi chẳng thể cúi xuống mà không chóng mặt, tôi chẳng thể nhấc lên vật nhẹ nhất; tôi buộc phải chịu cảnh ăn không ngồi rồi cực lòng hơn cả cho một người hiếu động như tôi. Chắc chắn rằng xen vào tất cả những điều đó là rất nhiều trạng thái chệnh choáng. Trạng thái chệnh choáng là bệnh của những người sung sướng, đó là bệnh của tôi: tôi hay khóc mà chẳng có lý do để khóc, rất hoảng sợ vì tiếng động của một chiếc lá hay một cánh chim, tính tình thất thường trong cảnh yên bình của cuộc sống êm đềm nhất, tất cả những điều đó biểu lộ trạng thái buồn chán của sự an lạc nó đưa tính nhạy cảm tới mức có thể nói là ngông cuồng vô lý. Chúng ta rất ít được tạo ra để hưởng hạnh phúc nơi trần thế, thành thử tâm hồn hay thân xác nhất thiết phải đau đớn nếu cả hai không đau đớn, và trạng thái tốt lành của cái này hầu như bao giờ cũng gây hại cho cái kia. Khi lẽ ra tôi có thể vui hưởng cuộc đời một cách tuyệt diệu, thì các cơ quan đang suy thoái

của tôi ngăn cản tôi, mà chẳng thể nói được nguyên nhân của bệnh thực sự nằm ở chỗ nào. Sau này, bất kể tuổi già, cùng những bệnh tật rất thực và rất nặng, cơ thể tôi dường như đã hồi phục sức lực để cảm nhận rõ hơn những bất hạnh, và giờ đây khi tôi đang viết những điều này, tàn tật và xấp xỉ lục tuần, bị những nỗi đau đủ loại đè nặng, tôi cảm thấy mình có nhiều khí lực và sức sống để đau khổ hơn là từng có khí lực và sức sống để vui hưởng khi còn thanh xuân và đang ở giữa lòng hạnh phúc đích thực nhất.

Để làm cho tôi kiệt quệ hẳn, thì do có đọc đôi chút sinh lý học, tôi bắt đầu nghiên cứu môn giải phẫu, và trong khi duyệt lại vô số các bộ phận cấu thành bộ máy cơ thể mình và sự vận động của chúng, tôi chờ đợi thấy tất cả những thứ đó hỏng hóc hai chục lần mỗi ngày: chẳng hề ngạc nhiên thấy mình hấp hối, tôi lại ngạc nhiên thấy mình còn sống được, và chẳng đọc phần miêu tả một chứng bệnh nào mà tôi lại không cho đấy là bệnh của mình. Giờ đây tôi tin chắc rằng nếu như không ốm từ trước, thì tôi cũng phát ốm vì sự nghiên cứu tai hại này. Thấy ở mỗi căn bệnh những triệu chứng bệnh của mình, tôi cho là mình mắc tất cả các bệnh ấy, và tôi còn mang thêm một chứng bệnh khác ác hại hơn nữa mà tôi cứ tưởng đã thoát được: chứng ngưng cuồng muốn khỏi bệnh; đó là một chứng khó tránh khi ta bắt đầu đọc sách y học. Do cứ tìm tòi, cứ ngẫm nghĩ, đối chiếu, tôi tưởng tượng rằng bệnh của tôi là một u bướu ở tim, và chính Salomon cũng có vẻ xúc động vì ý tưởng này. Đúng lý ra thì tôi phải xuất phát từ ý kiến ấy để vững vàng với quyết định trước đây của mình. Tôi chẳng hề làm vậy. Tôi ráng hết sức lực của trí não để tìm xem làm thế nào có thể chữa khỏi một u bướu ở tim, quyết tâm tiến hành việc điều trị kỳ diệu này. Trong một chuyến đi trước đây của Anet tới Montpellier, để thăm vườn Bách thảo và người thuyết minh là ông Sauvages, mọi người đã bảo anh rằng ông Fizes từng chữa khỏi một u bướu như thế. Má nhớ lại chuyện đó và nói với tôi. Chẳng cần nhiều hơn để khơi gợi trong tôi mong muốn đến nhờ ông Fizes chẩn đoán. Hy vọng khỏi bệnh

khiến tôi lấy lại được can đảm và sức lực để thực hiện chuyến đi. Tiền có từ Genève cung cấp phương tiện cho việc này. Má không can mà cổ vũ tôi, và thế là tôi lên đường đi Montpellier.

Tôi không phải đi xa đến thế để tìm được người thầy thuốc mình cần. Do đi ngựa quá mệt, nên tôi đã thuê một cỗ xe tại Grenoble. Đến Moirans, dăm sáu cỗ xe. Lần lượt tới sau xe tôi. Thế thì đúng là câu chuyện về những chiếc cáng rồi*. Phần lớn các xe này thuộc đoàn tháp tùng một cô dâu mới tên là bà Du Colombier. Một phụ nữ khác đi cùng cô dâu, tên là bà De Larnage, không trẻ và không đẹp bằng bà Du Colombier, nhưng dễ mến không kém, và từ Romans, nơi bà Du Colombier dừng lại, bà De Larnage phải đi tiếp cho đến thị trấn Saint-Andéol, gần cầu Thánh Linh. Với tính tình rụt rè của tôi mà mọi người đều biết, việc làm quen chẳng diễn ra ngay với những phụ nữ rụt rờ và đoàn người vây quanh hộ; nhưng rốt cuộc, do đi cùng một đường, nghỉ cùng các quán trọ, và tôi buộc phải ngồi cùng một bàn ăn, nếu không sẽ bị coi là một kẻ cô độc bản tính, nên việc làm quen ắt phải diễn ra. Vậy là nó diễn ra, thậm chí còn sớm hơn tôi muốn; vì tất cả sự ồn ào đó chẳng mấy thích hợp với một người ốm, nhất là một người ốm có tính tình như tôi. Nhưng lòng hiếu kỳ khiến những phụ nữ ranh mãnh này len lỏi rất khéo, thành thử để hiểu được một con người, họ khởi đầu bằng việc làm cho người ấy bối rối đầu óc. Chuyện xảy ra với tôi như thế. Bà Du Colombier, được đám thanh niên bằng nhặng vây bọc quá ân cần, chẳng có mấy thời gian trêu ghẹo tôi, và chẳng cũng không bỏ công, bởi chúng tôi sắp chia tay nhau; nhưng bà De Larnage, ít bị ám hơn, cần dự trữ cho hành trình của mình. Thế là bà De Larnage tấn công tôi, và vĩnh biệt Jean-Jacques tội nghiệp, hoặc đúng hơn là vĩnh biệt cơn sốt, trạng thái choáng váng, u bướng; bên bà mọi thứ ra đi cả, trừ vài sự hồi hộp còn lại nơi tôi và bà chẳng muốn chữa khỏi. Tình trạng sức khỏe xấu của tôi là đề mục đầu tiên để chúng tôi làm quen. Mọi người thấy là tôi ốm, mọi người biết là tôi đi Montpellier và hăn dáng vẻ cũng như thái độ của tôi không biểu thị

một gã trụy lạc, vì sau đó thì rõ ràng là họ đã không nghi ngờ tôi đến đó để chữa bệnh hoa liễu. Mặc dù với một người đàn ông thì tình trạng bệnh tật chẳng phải là một sự tiến cử quan trọng bên các quý bà, song nó cũng khiến họ thấy tôi thành đáng chú ý. Buổi sáng họ cử người đến hỏi thăm tôi và mời tôi cùng dùng sô cô la; họ hỏi tôi qua đêm như thế nào. Một lần, theo thói quen đáng khen của tôi là nói mà chẳng nghĩ, tôi trả lời rằng tôi không biết. Lời đáp ấy khiến họ ngỡ tôi điên; họ xem xét tôi kỹ hơn, và sự xem xét ấy không gây hại cho tôi. Một lần tôi nghe thấy bà Du Colombier nói với bà bạn: “Anh ta thiếu xã giao, nhưng anh ta dễ thương.” Câu nói ấy trấn an tôi rất nhiều, và khiến tôi thành dễ thương thực sự.

Trong khi làm thân, phải nói về mình, bảo mình từ đâu tới, mình là ai. Điều này khiến tôi lúng túng; vì tôi biết rõ rằng, trong giới thượng lưu, và với những người đàn bà phong nhã, cái từ mới cải đạo sẽ giết chết tôi. Chẳng biết do sự kỳ cục nào tôi nghĩ ra chuyện coi mình là người Anh, tôi tự nhận là lacobite*, họ coi tôi là thế; tôi tên là Dudding, và họ gọi tôi là ông Dudding. Một tay hầu tước De Torignan đáng nguyên rủa có mặt ở đó, cũng ốm như tôi, hơn nữa còn già nua và tính tình khá cau có, nghĩ ra việc trò chuyện với ông Dudding. Ông ta nói với tôi về vua Jacques, về người tranh ngôi vua, về triều đình Saint-Germain ngày trước. Tôi rất lo sợ: về tất cả những chuyện này tôi chỉ biết chút ít những gì đọc trong sách của bá tước Hamilton* và trong báo chí; tuy thế tôi sử dụng chỗ chút ít này rất tốt thành thử gỡ ra được: may thay người ta không nghĩ đến chuyện lục vấn tôi về ngôn ngữ Anh, mà tôi chẳng biết một từ nào hết.

Cả hội hợp nhau và tiệc nuôi nhìn thời điểm chia tay. Chúng tôi đi đường chậm như sên. Một ngày chủ nhật, chúng tôi ở Saint-Marcellin. Bà De Larnage muốn đi dự lễ mi xa, tôi đi cùng bà: điều này suýt nữa làm hỏng chuyện của tôi. Tôi xử sự như xưa nay vẫn xử

sự. Qua thái độ khiêm nhường và trầm mặc của tôi bà tưởng tôi sùng đạo, và có ác cảm tệ hại nhất đời với tôi, như hai ngày sau bà thú thực cùng tôi. Sau đó tôi phải thật phong nhã tình tứ để xóa đi ấn tượng xấu ấy; hoặc đúng hơn bà De Larnage, là người từng trải và chẳng dễ nản, rất muốn mạo hiểm ngó ý trước để xem tôi xoay xử ra sao. Bà ngó ý nhiều và bạo đến mức tôi chẳng hề tự thị về dung mạo mình, mà lại tưởng bà chế nhạo mình, với sự điên rồ này, tôi làm chẳng thiếu điều ngu dại nào; còn tệ hơn là vị hầu tước trong *vật di tặng**. Bà De Larnage trụ vững, trêu ghẹo tôi rất nhiều và nói với tôi những điều rất dịu dàng âu yếm, thành thử một người ít ngu dại hơn nhiều cũng khó mà cho tất cả chuyện ấy là thật. Bà càng tiến hành, lại càng khiến tôi tin chắc vào ý tưởng của mình, và điều giày vò tôi hơn nữa là tôi đắm ra yêu thực sự. Tôi tự bảo mình, và tôi vừa thở dài vừa bảo bà: “Ôi! Nếu tất cả những điều này là thật! Tôi sẽ là con người hạnh phúc nhất.” Tôi cho rằng sự ngây ngô của kẻ còn non nớt chỉ khêu gợi thêm ý thích ngông cuồng của bà; bà không muốn bị thất vọng.

Chúng tôi đã để lại bà Du Colombier và đoàn tháp tùng bà ở Romans. Bà De Larnage, hầu tước De Torignan và tôi tiếp tục cuộc hành trình một cách thông thả nhất và thú vị nhất trên đời. Ông De Torignan, mặc dù ốm yếu và hay gắt gỏng, là một người khá trung hậu, nhưng chẳng mấy ưa tưởng tượng cái khoái lạc mà mình không được hưởng. Bà De Larnage rất ít giấu giếm việc bà thích tôi, thành thử ông nhận ra điều đó sớm hơn chính tôi; và những lời châm chọc tinh quái của ông lẽ ra ít nhất cũng phải đem lại cho tôi niềm tin mà tôi không dám có trước những hảo ý của quý bà, nếu như, do một tật xấu của tâm tính mà chỉ tôi mới có, tôi lại không tưởng tượng rằng họ thông đồng với nhau để nhạo báng mình, cái ý tưởng ngu dại này làm đầu óc tôi hỗn loạn hoàn toàn, và khiến tôi thành nhân vật tầm thường nhợt nhợt nhất trong một tình thế mà lòng tôi, do thực sự say mê, có thể xui giục tôi làm một nhân vật khá xuất sắc. Tôi chẳng hiểu vì sao

bà De Larnage lại không chán ghét sự ỏ dột nhần nhó của tôi, và không đuổi tôi đi với niềm khinh bỉ cùng cực. Nhưng đó là một phụ nữ tài trí biết nhận định những người mình giao thiệp, và thấy rõ trong cung cách của tôi có nhiều ngu dại hơn là hờ hững.

Cuối cùng bà cũng làm được cho người ta hiểu mình, và chẳng phải không vất vả. Chúng tôi đến Valence để ăn trưa, và theo thói quen đáng khen, ở lại đó hết ngày, chúng tôi ở ngoài thành phố, tại Saint-Jacques; tôi sẽ nhớ mãi quán trọ ấy, cũng như căn phòng của bà De Larnage. Sau bữa ăn bà muốn dạo chơi; bà biết ông De Torignan không thích đi lại; đó là cách để sắp xếp một cuộc gặp riêng tư mà bà nhất quyết tận dụng, vì chẳng còn thời gian để uống phí nếu muốn có thời gian để lợi dụng, chúng tôi dạo chơi quanh thành phố dọc theo các đường hào. Tôi lại dài dòng than vãn, bà đáp lại bằng một giọng thật âu yếm, đôi khi ép vào ngực bà cánh tay tôi mà bà đang khoác lấy, thành thử phải ngu dần như tôi thì mới không kiểm tra xem bà có nói thực hay không. Điều tức cười là bản thân tôi cực kỳ xúc động. Tôi đã nói là bà dễ mẫn: tình yêu khiến bà thành khả ái; tình yêu trả lại cho bà toàn bộ vẻ rực rỡ của tuổi thanh xuân, và bà kêu gọi rất có nghệ thuật, thành thử bà sẽ làm xiêu lòng người đàn ông bị thử thách, Vậy tôi rất lúng túng khó chịu và lúc nào cũng chỉ chờ tự giải phóng; nhưng nỗi sợ làm tổn thương hay làm méch lòng, và mối kinh hãi còn lớn hơn bị la rêu, bị chế giễu, bị cười nhạo, bị làm đề tài cho một câu chuyện bên bàn ăn, và bị ông De Torignan tàn nhẫn ngợi khen việc tán tỉnh, kìm giữ tôi đến mức bản thân tôi bất bình vì niềm hổ thẹn ngu dại của mình, vì không sao thắng được niềm hổ thẹn ấy trong khi tự trách mình hổ thẹn. Tôi khổ sở như chịu cực hình; tôi đã thôi nói năng kiểu Céladon*, mà tôi cảm nhận rõ toàn bộ tính chất nực cười trong hoàn cảnh thuận lợi đến thế: do chẳng biết giữ thái độ thế nào chẳng biết nói gì, tôi nín lặng; tôi có vẻ giận dữ, rốt cuộc tôi làm tất cả những gì cần thiết để bị đối xử như tôi từng lo sợ. May thay bà De Larnage có một quyết định nhân văn hơn. Bà đột ngột cắt đứt sự im lặng này bằng

cách vòng một cánh tay ôm lấy cổ tôi, và lập tức miệng bà trên miệng tôi nói lên quá rõ ràng thành thử tôi không làm được nữa. Biến động xảy ra không thể đúng lúc hơn. Tôi bỗng trở nên dễ thương. Đã đến lúc như vậy: Bà đã đem lại cho tôi niềm tin mà thiếu nó, tôi gần như không bao giờ có thể là chính mình. Khi ấy tôi là chính mình, chưa bao giờ mất tôi, nhục cảm của tôi, lòng tôi và miệng tôi từng nói hay như thế; chưa bao giờ tôi sửa chữa lỗi lầm của mình trọn vẹn đến như thế; và nếu như cuộc chinh phục nho nhỏ này đã khiến bà De Larnage tốn công lao, thì tôi có lý do để tin rằng bà không tiếc về điều ấy.

Dù có sống đến trăm tuổi, tôi cũng không bao giờ nhớ lại người phụ nữ khả ái ấy mà không vui thích. Tôi nói khả ái, mặc dù bà không đẹp cũng không trẻ; nhưng do không xấu cũng không già, nên chẳng có gì trong dung mạo bà cản trở tài trí và sự duyên dáng phát huy hết tác dụng của chúng. Ngược hẳn lại những phụ nữ khác, thứ ít tươi tắn nhất ở bà là gương mặt, và tôi cho là phần hồng đã làm hỏng nó. Bà có lý do để dễ dãi, đó là cách để đáng giá đúng như toàn bộ giá trị của bà. Người ta có thể nhìn bà mà không mến bà, nhưng chẳng thể chiếm hữu bà mà không yêu quý bà. Và hình như điều này chứng tỏ không phải bao giờ bà cũng ban phát rộng rãi ân huệ như đã rộng rãi với tôi. Bà đã thích quá nhanh và quá mãnh liệt nên không dễ dung thứ, nhưng trong việc này con tim tham dự ít ra cũng nhiều ngang nhục cảm; và suốt thời gian ngăn ngủ và tuyệt vời ở bên bà, căn cứ vào những sự tiết chế bắt buộc mà bà áp đặt cho tôi, thì tôi có lý do để tin rằng, mặc dù nhiều nhục cảm và ưa khoái lạc, bà còn yêu mến sức khỏe của tôi hơn lạc thú của bà.

Sự thông đồng giữa chúng tôi không qua khỏi mắt hầu tước De Torignan. Ông chẳng vì thế mà bớt nhạo báng tôi; ngược lại, hơn bao giờ hết ông càng đối xử với tôi như với anh chàng si tình run sợ, khổ sở vì những sự hà khắc của quý bà mình yêu. Không bao giờ ông để buột ra một lời, một nụ cười, một ánh mắt có thể khiến tôi ngờ rằng

ông đoán hiểu được chúng tôi, và có lẽ tôi sẽ tưởng ông bị chúng tôi lừa, nếu như bà De Larnage, nhìn rõ hơn tôi, không bảo tôi là ông chẳng bị lừa đâu, nhưng ông là người phong nhã; và quả thực người ta không thể quan tâm một cách quân tử hơn, không thể cư xử lịch sự hơn, như ông luôn cư xử, ngay cả với tôi, ngoại trừ những lời đùa cợt, nhất là từ khi tôi thành công, có lẽ ông gán cho tôi vinh dự của thành công ấy, và cho là tôi ít khờ dại hơn vẻ bề ngoài. Ông lắm, như ta đã thấy: nhưng không quan trọng, tôi lợi dụng sự lầm lẫn của ông, và quả thật khi đó do được những người cười nhạo đứng về phía mình, tôi sẵn sàng và khá vui lòng để ông tha hồ châm chọc, và đôi khi tôi đối đáp lại, thậm chí khá thành công, hết sức tự hào vì khoe được với bà De Larnage tài trí mà bà đã cho là tôi có. Tôi không còn là con người trước đây nữa.

Chúng tôi đang ở vào một miền và một mùa ăn uống ngon lành; đâu đâu chúng tôi cũng ăn tuyệt ngon, nhờ sự chăm sóc chu đáo của ông De Torignan. Tuy nhiên tôi chẳng cần ông săn sóc cả đến các phòng chúng tôi ở, nhưng ông cử người hầu tới trước để giữ phòng, và gĩa xỏ lá, hoặc tự ý, hoặc do lệnh của chủ, bao giờ cũng xếp ông ở gần bà De Larnage, và nhét tôi vào đầu kia ngôi nhà. Nhưng điều này chẳng khiến tôi lúng túng mấy, và những cuộc hẹn hò của chúng tôi chỉ vì thế mà thêm thú vị. Cuộc sống tuyệt diệu này diễn ra khoảng bốn năm ngày, trong thời gian ấy tôi đầy ắp, tôi say sưa vì những khoái cảm dịu ngọt nhất. Tôi hưởng chúng thuần khiết, mãnh liệt, không pha trộn chút buồn phiền nào: đó là những khoái cảm đầu tiên và duy nhất tôi đã hưởng như vậy, và tôi có thể nói là nhờ bà De Larnage tôi không phải chết đi mà chưa từng biết lạc thú.

Nếu những gì tôi cảm nhận đối với bà không đích xác là tình yêu, thì ít ra đó cũng là một sự đáp lại rất âu yếm tình yêu bà tỏ ra với tôi, đó là một nhục cảm thật nóng bỏng trong lạc thú, và một sự thân tình thật êm dịu trong trò chuyện, thành thử nó có toàn bộ sức hấp dẫn của đam mê mà không có nhiệt cuồng trong đam mê thường làm điên đảo

đầu óc và khiến người ta không biết hưởng thụ. Tôi chỉ cảm nhận tình yêu thật sự một lần duy nhất trong đời*, và không phải là ở bên bà. Tôi cũng không yêu bà như đã yêu và đang yêu bà De Warens; nhưng chính vì thế mà tôi chiếm hữu bà thành công hơn ngàn lần. Bên Má lặt thú của tôi luôn bị xáo động vì một cảm giác buồn rầu, vì một nỗi se lòng thầm kín mà tôi chẳng khỏi khó nhọc để khắc phục; thay vì tự khen mình đã chiếm hữu bà, tôi lại tự trách mình đã làm bà giảm giá trị. Ngược lại, bên bà De Larnage, tự hào là đàn ông và được hạnh phúc, tôi buông mình cho nhục cảm với sự vui mừng, với niềm tin tưởng; tôi chia sẻ ấn tượng mình gây ra cho nhục cảm của bà; tôi làm chủ bản thân đủ để thưởng ngoạn một cách tự đắc và khoái trá chiến thắng của mình và để dựa vào đó mà gia tăng chiến thắng.

Tôi không còn nhớ nơi mà hầu tước De Torignan, vốn là người địa phương, chia tay chúng tôi, nhưng chúng tôi chỉ còn riêng với nhau trước khi đến Montélimar, và từ đó bà De Larnage để chị hầu phòng của bà ngồi trong xe của tôi còn tôi sang ngồi cùng xe với bà. Tôi có thể đảm bảo là cuộc hành trình theo cách đó không làm chúng tôi buồn chán, và tôi sẽ rất khó nói là miền đất chúng tôi đi qua cảnh trí như thế nào. Tại Montélimar, bà có công việc phải lưu lại ba ngày, tuy nhiên trong ba ngày ấy bà chỉ rời tôi một khắc đồng hồ vì một cuộc viếng thăm kéo theo những sự quấy rầy gây phiền muộn và những lời mời mọc mà bà không có ý nhận. Bà viện cớ mình khó ở, tuy vậy điều này chẳng ngăn cản chúng tôi ngày nào cũng đi dạo riêng với nhau tại miền đất đẹp nhất và dưới bầu trời đẹp nhất trên đời. Ôi! Ba ngày ấy! Đôi khi tôi đã phải tiếc nuối chúng, những ngày giống như vậy không còn trở lại.

Những mối tình trên đường du hành không được tạo ra để tồn tại lâu dài. Chúng tôi phải chia ly, và tôi thú thực là đã đến lúc làm điều đó, không phải tôi đã chán cũng không phải sắp chán, mỗi ngày tôi càng thêm gắn bó; nhưng bất chấp toàn bộ sự thận trọng của bà De

Larnage, ở tôi chỉ còn thiện chí, và trước khi chia tay, tôi muốn sử dụng chút còn lại đó, bà chịu đựng điều này để phòng ngừa các cô gái Montpellier. Chúng tôi đánh lừa những nỗi tiếc nuối bằng các kế hoạch để lại sum họp. Chúng tôi quyết định rằng, bởi chế độ vừa rồi tốt cho tôi, nên tôi sẽ sử dụng nó và sẽ đến thị trấn Saint-Andéol ở qua mùa đông, dưới sự chỉ đạo của bà De Larnage. Tôi chỉ nên ở lại Montpellier sáu tuần, để bà có thời gian chuẩn bị mọi việc sao cho tránh được điều ra tiếng vào. Bà cho tôi rất nhiều lời khuyên về những gì tôi nên biết, về những gì tôi nên nói, về cách tôi nên cư xử. Trong khi chờ đợi, chúng tôi phải viết thư cho nhau. Bà nói với tôi nhiều và nghiêm túc về việc chăm sóc sức khỏe của tôi; khích lệ tôi hãy hỏi ý kiến những người giỏi, hãy hết sức chú ý đến những gì họ chỉ định, và cho dù đơn thuốc họ kê có khắc nghiệt đến mấy, bà đảm nhận giúp tôi thực hiện khi tôi sẽ đến ở bên bà. Tôi tin là bà nói một cách chân thành, vì bà yêu tôi: bà cho tôi hàng ngàn chứng cứ còn chắc chắn hơn những ân huệ đã trao. Qua đồ lễ của tôi bà phán đoán là tôi chẳng phong lưu sung túc; mặc dù bản thân cũng không giàu có, khi chia tay, bà định ép tôi chia sẻ túi tiền khá rủng rỉnh bà mang đi từ Grenoble, và tôi phải rất vất vả để chống lại. Cuối cùng tôi chia tay bà, lòng đầy ắp hình ảnh bà, và hình như để lại nơi bà một mối quyến luyến thực sự đối với tôi.

Tôi thực hiện nốt cuộc hành trình bằng cách bắt đầu lại chuyến đi trong hồi ức, và lần này rất hài lòng ngồi trong một cỗ xe tốt để mơ màng thoải mái hơn về những lạc thú đã hưởng và những lạc thú được hứa hẹn. Tôi chỉ nghĩ đến thị trấn Saint-Andéol và cuộc sống thú vị chờ đợi mình tại đây; tôi chỉ thấy bà De Larnage và những thứ xung quanh bà: toàn bộ phần còn lại của thế giới chẳng là gì với tôi hết, cả Má cũng bị lãng quên. Tôi kết hợp trong óc tất cả những chi tiết có bà De Larnage tham gia, để hình dung trước về nơi ở của bà, về lát gạch giếng của bà, về những người bà giao thiệp, về toàn bộ cách sống của bà. Bà có một cô con gái, là người mẹ vô cùng yêu quý con, bà nói với

tôi về cô rất thường xuyên, cô gái đã qua tuổi mười lăm; cô linh lợi, khả ái và tính tình dễ mến. Người ta đã hứa là tôi sẽ được cô vồn vã: tôi chưa quên lời hứa ấy, và tôi rất tò mò tưởng tượng xem cô De Larnage sẽ đối xử với bạn trai của mẹ ra sao. Đó là đề tài cho những mơ mộng của tôi từ cầu Thánh Linh đến Remoulins. Mọi người đã bảo tôi hãy đi xem cây cầu Gard; tôi không bỏ qua việc này. Sau khi ăn sáng bằng những quả vả ngon tuyệt, tôi thuê một người dẫn đường, và tôi đi xem cây cầu Gard. Đó là công trình đầu tiên của người La Mã mà tôi được thấy. Tôi chờ đợi thấy một công trình xứng đáng với những bàn tay đã xây dựng nên nó. Lần này mục tiêu vượt quá sự trông đợi; và đó là lần duy nhất trong đời tôi. Chỉ có người La Mã mới gây ra ấn tượng ấy. Cảnh tượng của công trình giản dị và cao nhả này càng khiến tôi xúc động hơn vì nó ở giữa một nơi hoang vắng mà sự thình lạng và tình trạng quạnh hiu khiến mục tiêu càng nổi bật và niềm ngưỡng mộ càng mãnh liệt, bởi cái gọi là cầu này chỉ là một cầu máng. Ta tự hỏi lực lượng nào đã vận chuyển những tảng đá đồ sộ đến nơi rất xa mọi mỏ đá, và đã tập hợp sức lực của bao nhiêu ngàn con người tại một chốn không có một người nào ở. Tôi đi hết ba tầng của cái công trình hùng vĩ, niềm kính trọng gần như ngăn cản tôi dám giẫm chân mình lên đó. Tiếng bước chân tôi vang lên dưới những vòm mênh mông ấy khiến tôi ngỡ như nghe thấy tiếng nói mạnh mẽ của những người đã xây dựng chúng. Tôi lạc như một côn trùng giữa cõi mênh mang ấy. Trong khi làm cho mình bé nhỏ đi, tôi cảm thấy điều gì không hiểu đang nâng cao tâm hồn mình, và tôi thở dài tự nhủ: “Sao mình không sinh ra là người La Mã!” Tôi ở lại đó nhiều giờ liền trong một niềm chiêm ngưỡng hân hoan mê mẩn. Tôi trở về từ nơi ấy đăng trí và mơ màng, và nỗi mơ màng này bất lợi cho bà De Larnage. Bà đã nghĩ đến việc dự phòng cho tôi chống lại các cô gái Montpellier, chứ không chống lại cây cầu Gard. Ta chẳng bao giờ nghĩ được hết mọi điều.

Đến Nîmes, tôi đi thăm các đấu trường. Đó là một công trình huy hoàng hơn cầu Gard rất nhiều, thế mà lại gây ấn tượng cho tôi ít hơn rất nhiều, hoặc do niềm ngưỡng mộ của tôi đã cạn kiệt ở mục tiêu đầu tiên, hoặc do vị trí của công trình ở giữa một thành phố nên kém thích hợp để kích thích lòng ngưỡng mộ. Đấu trường rộng lớn và tráng lệ này bị những ngôi nhà nhỏ xấu xí vây quanh, và những nhà khác bé hơn và còn xấu xí hơn lấp đầy sân đấu, thành thử tổng thể chỉ gây một ấn tượng tạp nham và lộn xộn trong đó sự nuối tiếc và mối bất bình bóp nghẹt niềm vui thích và nỗi kinh ngạc, về sau tôi đã thăm đấu trường Véronèse, vô cùng nhỏ bé hơn và kém đẹp hơn đấu trường Nîmes, nhưng được duy trì và bảo tồn đúng mực và sạch sẽ hết mức có thể, và chính vì thế mà gây cho tôi một ấn tượng mạnh hơn và thú vị hơn. Người Pháp chẳng chăm lo giữ gìn cái gì hết và chẳng tôn trọng một đại công trình nào hết. Họ vô cùng hăng hái bắt tay vào song không biết kết thúc cũng chẳng biết bảo tồn cái gì hết.

Tôi đã thay đổi rất nhiều và niềm ưa thích khoái lạc được luyện tập đã thức tỉnh đến mức một hôm tôi dừng lại ở *cầu Lunel** để ăn uống ngon lành cùng những người đang ở đó. Quán ăn này, được đánh giá cao nhất tại châu Âu, khi đó xứng đáng được như vậy. Những người quản lý quán đã biết lợi dụng vị trí may mắn của nó để được cung cấp thực phẩm dồi dào và chọn lọc. Quả thực là điều kỳ lạ khi thấy tại một ngôi nhà đơn độc và cô quạnh giữa miền quê, một bàn ăn có cá biển và cá nước ngọt, có thịt thú săn tuyệt vời, có rượu vang ngon, được phục vụ với sự chăm chút ân cần mà ta chỉ thấy tại những gia đình quyền quý và giàu có, và tất cả cho ba mươi lăm xu của các vị. Nhưng *cầu Lunel* không giữ được lâu tình trạng này, và do cứ sử dụng mãi đến mòn tiếng tăm, cuối cùng mất hẳn tiếng tăm.

Dọc đường, tôi đã quên mất là mình ốm: tôi nhớ lại điều này khi đến Montpellier. Tôi đã khỏi hẳn chệnh choáng, nhưng tất cả các bệnh khác vẫn còn, và mặc dù thói quen khiến cho tôi bớt miễn cảm với

những bệnh này, nhưng có lẽ thế cũng đủ để ai đó đột nhiên bị mắc những chứng ấy cho rằng mình chết mất. Thực ra, chúng gây hãi hùng hơn là đau đớn, và khiến tâm trí đau hơn là cơ thể, cái cơ thể mà chúng dường như báo trước sự hủy diệt. Điều này làm cho tôi, khi lãng trí vì những đam mê mãnh liệt, không nghĩ đến tình trạng của mình nữa; nhưng vì tình trạng ấy không phải do tưởng tượng, nên tôi lập tức cảm thấy nó khi bình tĩnh, vậy là tôi nghĩ một cách nghiêm túc đến những lời khuyên của bà De Larnage và đến mục đích của chuyến đi. Tôi đến hỏi ý kiến những nhà y học danh tiếng nhất, đặc biệt là ông Fizes, và, để cho dư thừa cẩn thận, tôi ở trọ tại nhà một thầy thuốc. Đó là một người Irlande tên là Fitz-Moris, cho khá nhiều sinh viên ngành y ăn trọ, và với một người ốm thì như vậy rất tiện, vì ông Fitz-Moris chỉ lấy một khoản vừa phải cho các bữa ăn, còn chẳng lấy gì của khách trọ về những sự chăm sóc với tư cách thầy thuốc, ông nhận thực hiện các đơn thuốc của ông Fizes, và chăm sóc sức khỏe tôi. Ông đảm trách việc này rất tốt về mặt ăn kiêng; ăn trọ như thế thì chẳng bị chứng khó tiêu, và, mặc dù tôi không thật miễn cảm với những sự kiêng nhịn kiểu ấy, song các đối tượng để so sánh gần nhau quá thành thử tôi không ngăn nổi mình đôi khi trong thâm tâm thấy rằng ông De Torignan là một người tiếp tế tốt hơn ông Fitz-Moris. Tuy nhiên, bởi người ta cũng chẳng chết vì đói, và toàn bộ đám thanh niên ấy hết sức vui vẻ, nên cách sống này thực sự khiến tôi dễ chịu, và ngăn tôi rơi trở lại trạng thái thần thờ uể oải. Tôi dùng cả buổi sáng để uống các thứ thuốc, đặc biệt là những loại nước gì không biết, tôi cho là nước vùng Vals*, và để viết thư cho bà De Larnage; vì việc trao đổi thư từ cứ tiến hành, và Rousseau đảm trách nhận thư cho anh bạn Dudding của mình. Mười hai giờ, tôi đi dạo một vòng ở Canourgue*, với ai đó trong các bạn trẻ cùng ăn trọ, tất cả bọn họ đều rất dễ tính; chúng tôi tập hợp, chúng tôi đi ăn trưa. Sau bữa trưa một việc quan trọng khiến, đa số chúng tôi bận cho đến chiều tối, đó là đi ra ngoài thành phố chơi hai hoặc ba ván cầu, thắng thua tính vào bữa nhẹ giữa chiều. Tôi không chơi, tôi chẳng có sức cũng chẳng có sự khéo léo; nhưng tôi

đánh cuộc, và trong khi theo dõi với niềm quan tâm thích thú của sự đánh cuộc, các người chơi và các quả cầu của họ qua những con đường gập ghềnh đầy sỏi đá, tôi thực hiện một việc luyện tập thú vị và bổ ích, hoàn toàn thích hợp với mình, chúng tôi dùng bữa nhẹ giữa chiều tại một quán ngoài thành phố. Tôi chẳng cần phải nói là những bữa nhẹ đó vui vẻ; nhưng tôi sẽ bổ sung là chúng khá đoan chính, mặc dù các cô gái của quán xinh đẹp. Ông Fitz-Moris, chơi cầu rất giỏi, là chủ tọa của chúng tôi, và tôi có thể nói rằng, bất chấp tiếng tăm xấu của sinh viên, tôi thấy ở tất cả những thanh niên này nhiều phẩm hạnh và đức chính trực mà ta chẳng dễ thấy được trong cùng con số như vậy những người trưởng thành. Họ ồn ào hơn là bất lương, vui vẻ hơn là phóng đảng, và tôi rất dễ theo một cung cách sinh hoạt khi nó là tự nguyện, thành thử tôi chẳng đòi hỏi gì hơn là thấy cách sinh hoạt này kéo dài mãi mãi. Trong các sinh viên có nhiều người Irlande, tôi cố học vài từ tiếng Anh với họ để dự phòng cho thị trấn Saint-Andéol, vì đã sắp đến lúc tôi tới đó. Bà De Larnage giục giã tôi qua mỗi đợt thư thường kỳ, và tôi chuẩn bị nghe theo bà. Rõ ràng là các thầy thuốc, chẳng hiểu gì về bệnh của tôi, coi tôi như một kẻ bệnh tưởng, và điều trị cho tôi theo cung cách đó với cây thảo phục linh, với nước khoáng và sữa loãng của họ. Ngược hẳn lại với các nhà thần học, các thầy thuốc và các triết gia chỉ thừa nhận là thực những gì họ có thể giải thích, và lấy trí năng của mình làm thước đo những điều có thể. Các vị ấy chẳng hiểu gì về bệnh của tôi, vậy là tôi không mắc bệnh; vì làm sao lại giả định được rằng các bác sĩ không biết hết mọi sự? Tôi thấy họ chỉ tìm cách lừa phỉnh mình và làm mình lãng phí tiền, và xét rằng người thay thế họ tại thị trấn Saint-Andéol sẽ làm điều đó cũng giỏi như họ, nhưng theo cách thú vị hơn, tôi quyết định dành ưu tiên cho người ấy, và tôi rời Montpellier với ý định khôn ngoan này.

Tôi ra đi vào cuối tháng Mười một, sau sáu tuần hoặc hai tháng ở thành phố này, nơi tôi để lại khoảng mười mười hai đồng *louis* mà

chẳng được lợi gì cho sức khỏe cũng như cho học vấn của tôi, trừ một giáo trình giải phẫu học bắt đầu với ông Fitz-Moris, mà tôi phải bỏ vì xú khí kinh khủng của các tử thi mà người ta mỗ xẻ, và tôi không sao chịu nổi.

Thâm tâm không thấy thoải mái về quyết định của mình, tôi ngẫm nghĩ về quyết định ấy trong khi vẫn đi về phía cây cầu Thánh Linh, là đường dẫn tới cả thị trấn Saint-Andéol cả Chambéry. Những hồi ức về Má, và những bức thư của bà, mặc dù không thường xuyên bằng thư của bà De Larnage, làm thức dậy trong lòng tôi những niềm ân hận mà tôi đã bóp nghẹt trong cuộc hành trình thứ nhất. Trên đường về, những ân hận này trở nên rất mãnh liệt, thành thử, cân bằng với ham thích lạc thú, chúng khiến tôi chỉ nghe theo duy nhất lý trí. Trước hết, trong vai trò kẻ phiêu lưu mạo hiểm mà tôi sắp bắt đầu lại, tôi có thể kém may mắn hơn lần đầu; chỉ cần trong toàn thị trấn Saint-Andéol, có một người từng ở nước Anh, quen biết người Anh, hoặc biết ngôn ngữ của họ là lật được mặt nạ của tôi. Gia đình bà De Larnage có thể không vui vẻ với tôi và đối xử với tôi ít tử tế. Con gái bà, mà ngoài ý muốn của mình, tôi hay nghĩ đến nhiều hơn mức cần thiết, cũng khiến tôi lo ngại: tôi lo mình phải lòng cô ta, và nỗi sợ này đã làm được phần nửa công việc rồi. Vậy ra, để đền đáp những hảo ý của bà mẹ, tôi sắp tìm cách làm hư hỏng con gái bà, sắp kết mối giao du khả ố nhất, sắp đưa sự bất hòa, tình trạng ô danh, tai tiếng và cảnh địa ngục vào ngôi nhà của bà? Ý tưởng ấy khiến tôi ghê sợ; tôi quyết tâm tự đấu tranh và tự chiến thắng nếu khuynh hướng tai hại kia biểu lộ. Nhưng tại sao lại mạo hiểm lâm vào cuộc chiến ấy? Thật là một tình trạng khốn nạn xiết bao khi sống với bà mẹ, mà tôi sẽ chán, và khát khao cô con gái mà không dám thổ lộ lòng mình với cô ta! Cần gì phải đi tìm tình trạng ấy, và mạo hiểm với những bất hạnh, những xúc phạm, những ân hận, vì những lạc thú mà tôi đã sử dụng hết từ trước sức hấp dẫn lớn nhất? Vì chắc chắn rằng ý thích ngông cuồng của tôi đã mất đi tính chất hăng hái ban đầu của nó; lòng ham lạc thú vẫn còn,

nhưng đam mê không còn nữa. Xen vào đó là những suy nghĩ liên quan đến tình thế của mình, đến các bốn phận của mình, đến Má thật nhân hậu, thật hào hiệp, người đã mang nhiều nợ nần, còn nợ nần thêm vì những chi tiêu rồ dại của tôi, người tận lực vì tôi, mà tôi lừa dối một cách thật vô liêm sỉ. Sự chê trách này trở nên gay gắt đến mức cuối cùng nó thắng. Khi đến gần cầu Thánh Linh, tôi quyết định bỏ qua chặng thị trấn Saint-Andéol, và đi thẳng. Tôi thực hiện quyết định đó một cách can đảm, với vài tiếng thở dài, tôi xin thú nhận, nhưng cũng với niềm thỏa mãn nội tâm mà tôi ném trải lần đầu trong đời, khi tự nhủ: Mình xứng đáng với sự quý trọng của chính mình, mình biết ưu ái bốn phận hơn lạc thú. Đó là sự mang ơn đích thực đầu tiên của tôi đối với việc học tập. Chính việc học tập đã dạy tôi suy nghĩ, đối chiếu. Sau những nguyên lý thật thuần khiết mà tôi đã theo cách đây không lâu, sau những quy tắc hiển minh và đức độ mà tôi đã xác lập cho mình và cảm thấy rất tự hào khi theo đuổi, nổi hổ thẹn vì rất ít nhất quán với bản thân, vì làm trái lại thật sớm và thật rõ ràng những phương châm của chính mình, đã chiến thắng khoái lạc. Có lẽ lòng tự tôn cũng tham gia quyết định của tôi ngang với đức độ; nhưng nếu như lòng tự tôn ấy không phải chính đức độ, thì nó cũng có hiệu quả hết sức tương tự, thành thử đáng tha thứ nếu lầm lẫn về chuyện đó.

Một trong những lợi ích của các hành động tốt là nâng cao tâm hồn và chuẩn bị cho nó thực hiện những hành động tốt hơn: vì sự yếu đuối của con người lớn đến nỗi người ta phải xếp vào số các hành động tốt việc kiêng nhịn cái xấu mà mình toan phạm vào. Vừa quyết định xong là tôi trở thành một con người khác, hoặc đúng hơn tôi lại trở thành con người mình trước đây, mà cái khoảnh khắc say sưa nợ đã làm tan biến, chứa chan những tình cảm tốt và những quyết định tốt, tôi tiếp tục cuộc hành trình với ý tốt là chuộc lỗi, chỉ nghĩ đến việc từ nay sẽ xử sự theo luật lệ của đức độ, toàn tâm toàn ý phục vụ bà mẹ tốt nhất trong các bà mẹ, nguyện dành cho bà sự thủy chung ngang với niềm quyến luyến, và chẳng còn nghe theo tình yêu nào khác ngoài

tình yêu đối với bốn phận của mình. Hỡi ôi! Sự chân thành trong việc quay về với cái thiện dường như hứa hẹn cho tôi một số phận khác; nhưng số phận tôi đã định và đã khởi đầu rồi, và khi mà lòng tôi, tràn đầy tình yêu đối với những điều tốt và lương thiện, chỉ nhìn thấy sự thơ ngây trong sạch và hạnh phúc trong đời, thì tôi đang chạm đến thời điểm ác hại sẽ kéo theo nó những bất hạnh nối tiếp nhau dằng dặc của tôi.

Sự sốt sắng muốn tới nơi khiến tôi nhanh nhẩu hơn dự định. Từ Valence tôi đã báo cho Má ngày giờ tôi về đến nhà. Do sớm hơn dự tính được nửa ngày, tôi lưu lại chùng ấy thời gian ở Chaparillan, để tới nơi đúng vào lúc tôi đã chỉ rõ. Tôi muốn hưởng niềm vui gặp lại Má với toàn bộ tính chất thú vị của nó. Tôi thích hoãn lại một chút thì hơn, để thêm vào đó niềm vui được mong đợi. Trước đây dụng tâm này đã luôn mang lại cho tôi thành công. Tôi luôn thấy việc mình tới nơi được đánh dấu bằng một kiểu đón mừng nho nhỏ: lần này tôi cũng chờ đợi như vậy; và những sự vồn vã ấy, mà tôi rất miễn cảm, thật đáng bỏ công sắp xếp.

Vậy là tôi tới nơi thật đúng giờ. Từ rất xa tôi đã nhìn xem có thấy Má trên đường hay không; càng đến gần tim tôi càng đập mạnh. Tôi thở dốc khi đến nơi, vì tôi đã rời khỏi xe tại thành phố; tôi chẳng thấy ai trong sân, ở cửa ra vào, bên cửa sổ: tôi bắt đầu bối rối, tôi sợ có biến cố nào đó. Tôi vào nhà; tất cả đều yên tĩnh; thợ thuyền đang ăn bữa nhẹ trong bếp; và chẳng có một sự sửa soạn nào hết. Người hầu gái có vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi; chị không biết tôi sẽ về. Tôi lên nhà, cuối cùng tôi thấy bà, Má thân thương, mà tôi yêu rất tha thiết, rất mãnh liệt, rất trong sáng; tôi chạy đến, tôi lao mình quỳ dưới chân bà. “A! Em đấy ư, bà vừa ôm hôn tôi vừa nói, em đi đường có dễ chịu không? Sức khỏe em thế nào?” Sự đón tiếp này khiến tôi hơi sững sờ. Tôi hỏi bà có nhận được thư của tôi hay không. Bà bảo có. “Em lại ngỡ rằng không”, tôi bảo bà, và sự giải thích kết thúc tại đó. Một chàng trai đang ở cùng bà. Tôi biết anh ta vì đã thấy anh ta trong nhà

trước khi tôi lên đường; nhưng lần này anh ta có vẻ yên vị tại đây; anh ta yên vị tại đây. Tóm lại, tôi thấy vị trí của mình bị chiếm.

Chàng trai này là người miền Vaud; cha anh ta, họ Vintzenried, là gác cổng hoặc đội trưởng-tự xưng của lâu đài Chillon. Con trai ông đội trưởng là thợ phụ làm tóc giả và đi khắp nơi với tư cách ấy, anh ta đến ra mắt bà De Warens, bà tiếp đãi anh ta tử tế, như bà đón mọi khách qua đường, nhất là những người cùng quê. Đó là một anh chàng cao lớn nhợt nhợt tóc vàng, người khá cân đối, mặt tầm thường vô vị, trí óc cũng thế, nói năng như Liandre đẹp trai*, pha trộn mọi giọng điệu, mọi thị hiếu của nghề nghiệp với câu chuyện dài dòng về số đào hoa của anh ta; chỉ kể tên nửa số các bà hầu tước anh ta từng ngủ với, và thợ phụ là chẳng hề sửa sang đầu tóc cho các phụ nữ xinh đẹp mà lại không sửa sang cho đầu các ông chồng của họ thêm chiếc sừng; kiêu căng, ngu dại, dốt nát, xác xược, tóm lại là đứa con trai tốt nhất trên đời. Đây là kẻ thay thế tôi trong khi tôi đi vắng và là cộng tác viên được tặng cho tôi sau khi tôi trở về.

Ôi! Nếu những linh hồn được siêu thoát khỏi những lao lung trần thế, từ giữa lòng ánh sáng vĩnh hằng còn nhìn thấy những gì đang diễn ra nơi những con người, xin hãy tha tội, hồi vọng linh thân thương và đáng kính, nếu như tôi chẳng dung thứ cho lỗi lầm của người cũng như của tôi, nếu như tôi tiết lộ cả những lỗi này lẫn những lỗi kia trước mắt độc giả. Tôi phải, tôi muốn chân thực đối với người cũng như với bản thân tôi: trong việc này bao giờ người cũng mất mát ít hơn tôi rất nhiều. Ồ! Tính cách dễ thương và dịu hiền của người, lòng nhân hậu chân thành vô tận của người, sự trung thực và toàn bộ những đức tính ưu tú của người chẳng chuộc lại biết mấy những yếu đuối của người, nếu có thể gọi là yếu đuối những sai trái của riêng lý trí người! Người chỉ có những lầm lạc chứ không phải những thói xấu; cách cư xử của người đáng trách, nhưng tấm lòng của người bao giờ cũng trong sáng. Xin hãy đặt cái hay và cái dở lên bàn cân, và xin hãy công

bình: có người phụ nữ nào, nếu như đời sống thầm kín của họ được tỏ bày như đời sống thầm kín của người, mà lại dám tự so sánh với người?

Kẻ mới đến đã tỏ ra sốt sắng, siêng năng, chính xác trong tất cả những việc nhỏ nhỏ được ủy thác, những việc này bao giờ cũng rất nhiều; anh ta đã tự làm đốc công phụ trách thợ thuyền. Tôi ít ồn ào bao nhiêu thì anh ta ồn ào bấy nhiêu, anh ta để mọi người nhìn thấy mình và nhất là nghe thấy mình đồng thời ở nơi cày bừa, nơi cắt cỏ, ở rừng, ở chuồng ngựa, ở sân nuôi gia cầm. Chỉ mỗi khu vườn bị anh ta sao nhãng, vì đó là một công việc quá yên bình và chẳng gây ồn ào. Thú vui lớn của anh ta là chất lên xe và chở đi, là cửa xẻ hay bổ củi; mọi người luôn thấy anh ta với cây rìu hay cái cuốc trong tay, nghe thấy anh ta chạy, đập, ráng sức hò la. Tôi chẳng biết anh ta làm công việc của bao nhiêu người, nhưng bao giờ anh ta cũng làm ồn bằng mười mười hai người. Tất cả sự huyên náo này khiến Má tội nghiệp của tôi phải kính nể. Bà tưởng chàng trai đó là một kho báu cho công việc của bà. Muốn anh ta gắn bó với mình, bà sử dụng mọi phương kế mà bà cho là thích hợp, và chẳng quên phương kế được bà trông cậy nhiều hơn cả.

Hắn mọi người đã biết cõi lòng tôi, những tình cảm bền vững nhất, chân thực nhất của nó, đặc biệt là những tình cảm dẫn tôi trở về với bà lúc này. Sự đảo lộn mau lẹ và trọn vẹn biết mấy trong toàn bộ con người tôi! Xin hãy đặt mình vào địa vị của tôi để xét đoán điều đó. Trong khoảnh khắc tôi thấy tiêu tan mãi mãi toàn bộ tương lai hạnh phúc mà tôi đã tự miêu tả cho mình. Tất cả những ý tưởng ngọt ngào mà tôi ấp ủ thật triu mến bỗng biến mất, và tôi, từ thời thơ ấu chỉ biết nhìn sự hiện hữu của mình cùng với sự hiện hữu của Má, lần đầu tiên chợt thấy mình đơn độc. Khoảnh khắc ấy thật kinh khủng: những khoảnh khắc tiếp theo nó luôn ảm đạm. Tôi còn trẻ, nhưng cảm giác êm đềm vui hưởng và hy vọng vốn đem lại sinh khí cho tuổi trẻ rời bỏ tôi mãi mãi. Từ đó, con người mẫn cảm đã chết một nửa. Tôi chỉ thấy

trước mặt mình tàn dư đáng buồn của một cuộc đời vô vị, và nếu đôi khi một hình ảnh của hạnh phúc hãy còn lướt qua những ham muốn của tôi, thì hạnh phúc ấy không còn là hạnh phúc riêng thuộc về tôi nữa; tôi cảm thấy đạt được nó mình sẽ không hoàn toàn vui sướng.

Tôi thật khờ dại và lòng tin của tôi thật trọn vẹn, thành thử bất kể giọng điệu thân mật suông sã của kẻ mới đến, mà tôi coi như một kết quả của tính tình dễ dãi ở Má khiến ai ai cũng gần gũi với bà, tôi chẳng nghĩ đến chuyện ngờ vực nguyên nhân thực sự nếu như chính bà không nói với tôi; nhưng bà vội vã bộc lộ cùng tôi điều đó với một sự thẳng thắn có khả năng gia tăng nỗi điên giận nơi tôi, nếu như con tim tôi có thể xoay sang chiều hướng đó; về phần bà thì thấy chuyện rất đơn giản, bà trách tôi sao nhãng việc nhà, và viện ra việc tôi thường xuyên đi vắng, cứ như thể bà có một tính khí phải rất vội vã lấp chỗ trống. Tôi nói với bà, lòng thất lại vì đau đớn: “Ôi! Má ơi, Má dám cho em biết điều gì thế này! Đền đáp cho một mối găng bó như mối găng bó của em thế ư! Bao nhiêu lần Má đã duy trì sự sống cho em chỉ để tước đi của em tất cả những gì khiến cho sự sống ấy thân thương đối với em sao? Em sẽ chết vì điều này, nhưng Má sẽ tiếc em.” Bà trả lời tôi bằng một giọng bình tĩnh làm tôi phát điên, rằng tôi là một đứa trẻ, rằng người ta chẳng chết vì những chuyện như vậy; rằng tôi chẳng mất gì hết; rằng chúng tôi vẫn cứ là bạn tốt, vẫn cứ thân mật theo mọi nghĩa; rằng mối găng bó âu yếm của bà đối với tôi chỉ có thể giảm sút và chấm dứt cùng với bà mà thôi. Tóm lại, bà cho tôi hiểu rằng mọi quyền của tôi vẫn như cũ, và trong khi chia sẻ với một người khác, tôi không vì thế mà bị tước đoạt những quyền ấy.

Chưa bao giờ sự trong sáng, sự chân thực, sức mạnh trong tình cảm của tôi đối với bà, chưa bao giờ tính thành thật, tính chính trực của tâm hồn tôi lại biểu lộ rõ với tôi như lúc ấy. Tôi lao mình quỳ dưới chân bà, tôi vừa ôm hôn đầu gối bà vừa khóc sụt sùi. Tôi nói với bà đầy cảm kích: “Không, Má ơi, em quá yêu Má nên không thể hạ thấp Má; việc chiếm hữu Má quá thân thương với em nên em không

thể chia sẻ nó; những ân hận kèm theo khi em đạt được nó đã tăng tiến cùng tình yêu của em; không, em không thể duy trì nó với cùng giá ấy. Má sẽ vẫn được em yêu quý, Má hãy luôn xứng đáng với điều đó: tôn vinh Má còn cần thiết cho em hơn là chiếm hữu Má. Ôi Má! Em nhường Má cho chính Má; em hy sinh mọi lạc thú của em cho sự hợp nhất của con tim chúng ta. Em có thể chết đi ngàn lần trước khi hưởng những lạc thú làm mất giá trị những gì mà em yêu!”

Tôi giữ quyết định này với một sự kiên trì mà tôi mạo muội bảo là xứng với tình cảm đã khiến quyết định ấy hình thành. Từ lúc đó tôi chỉ còn nhìn Má hết sức yêu dấu bằng con mắt của một đứa con trai đích thực; và cần lưu ý rằng, mặc dù quyết định của tôi không được Má ngầm tán thành, như tôi nhận thấy quá rõ, song để làm tôi từ bỏ quyết định bà không bao giờ dùng những lời lẽ bóng gió, cũng như những vuốt ve, hay bất kỳ sự khêu gợi khéo léo nào mà phụ nữ biết sử dụng song không bị liên lụy và hiềm khi không thành công. Đành phải tìm kiếm cho mình một số phận độc lập với bà, và do không thể tưởng tượng nổi số phận ấy, tôi lập tức chuyển sang cực bên kia và tìm kiếm nó hoàn toàn ở bà. Tôi tìm kiếm nó tại đó một cách trọn vẹn đến mức gần như quên được bản thân mình. Niềm mong muốn nồng nhiệt thấy bà hạnh phúc, dù với giá nào chăng nữa, thu hút mọi mối cảm mến nơi tôi: bà có chia tách hạnh phúc của bà khỏi hạnh phúc của tôi cũng vô hiệu, tôi thấy nó là hạnh phúc của tôi mặc dù bà không muốn.

Như vậy là cùng với những bất hạnh, bắt đầu nảy mầm những đức tính mà hạt giống nằm ở đáy lòng tôi, mà việc học hành đã trau dồi vun xới, và chỉ chờ đợi chất men của nghịch cảnh để nảy nở. Kết quả đầu tiên của khuynh hướng hết sức vô tư bất vụ lợi này là gạt khỏi lòng tôi mọi cảm giác thù ghét và đố kỵ đối với kẻ đã hất cẳng mình. Ngược lại, tôi muốn, và muốn một cách chân thành gắn bó với chàng trai ấy, đào tạo anh ta, giáo dục anh ta, làm cho anh ta cảm nhận được hạnh phúc của anh ta, nếu có thể thì khiến anh ta thành xứng đáng với hạnh phúc ấy, tóm lại là làm tất cả những gì Anet đã làm cho tôi trong

một trường hợp tương tự. Nhưng giờ đây lại thiếu sự ngang bằng giữa những con người. Dịu dàng hơn và có tri thức hơn Anet, song tôi không có sự bình tĩnh và sự kiên quyết của Anet, cũng không có tính cách mạnh mẽ khiến người phải nể, và tôi cần để thành công. Tôi còn thấy thiếu hơn nữa ở chàng trai những phẩm chất mà Anet từng thấy ở tôi: sự ngoan ngoãn dễ bảo, lòng quyến luyến, niềm biết ơn, nhất là cảm giác cần đến những chăm lo của anh, và mong muốn nồng nhiệt khiến những chăm lo ấy thành hữu ích. Ở đây thiếu tất cả những điều này. Người mà tôi muốn đào tạo chỉ thấy ở tôi một gã thông thái rơm rầy rã chỉ biết lú lo vô bổ. Ngược lại, anh ta tự ngưỡng mộ bản thân như một con người quan trọng trong nhà, và do ước lượng sự giúp đỡ mà anh ta cho là mình thực hiện dựa trên tiếng ồn mình gây ra, nên anh ta coi những cây rìu và những cái cuốc của anh ta là vô cùng hữu ích hơn mọi sách vở của tôi. Về phương diện nào đó thì anh ta không sai; nhưng anh ta xuất phát từ đấy để làm bộ làm tịch đến chết cười. Anh ta ra vẻ quý tộc miền quê với những người nông dân; chẳng bao lâu anh ta làm như vậy với tôi, và cuối cùng với chính Má. Thấy cái họ Vintzenried không đủ quý phái, anh ta bỏ nó để lấy họ De Courtilles, và từ đấy anh ta được biết đến với tên họ này tại Chambéry và tại Maurienne, nơi anh ta cưới vợ.

Rốt cuộc, nhân vật trứ danh làm nhiều đến mức anh ta thành tất cả trong nhà, còn tôi không là gì hết. Bởi, nếu chẳng may tôi làm mất lòng anh ta, thì Má chứ không phải tôi bị mắng, nên vì sợ để Má phải chịu những sự thô bạo của anh ta, tôi ngoan ngoãn theo mọi điều anh ta muốn, và mỗi khi anh ta bổ củi, công việc mà anh ta thực hiện với một sự kiêu hãnh vô song, thì tôi phải ở đó làm khán giả vô công rồi nghề và làm người ngưỡng mộ lặng lẽ kỳ tích của anh ta. Tuy thế bản tính chàng trai này không hoàn toàn xấu; anh ta yêu Má, vì người ta không thể không yêu bà; thậm chí anh ta không ghét tôi, và khi những cơn phẫn khích của anh ta cách quãng, lúc đó có thể nói chuyện được với anh ta, thì thỉnh thoảng anh ta cũng khá ngoan ngoãn nghe chúng

tôi, thẳng thắn đồng ý rằng mình chỉ là một gã ngu ngốc: sau đó vẫn chẳng bớt làm những trò ngu ngốc mới. Và chẳng anh ta có một trí năng rất hạn chế và những sở thích rất thấp kém, thành thử khó nói phải trái với anh ta và gần như không thể vui cùng anh ta. Đã sở hữu một phụ nữ đầy duyên sắc, anh ta còn thêm nếm một ả hầu phòng già, tóc đỏ, móm mém, mà Má nhằn nại chịu đựng sự phục vụ đáng kinh tởm, mặc dù chị ta khiến Má buồn nôn. Tôi nhận thấy cảnh chung đụng mới này, và tôi quá đổi công phần: nhưng tôi nhận thấy một điều khác còn làm tôi đau đớn gay gắt hơn nhiều, và đẩy tôi vào một trạng thái chán nản sâu sắc hơn tất cả những gì đã diễn ra cho đến bấy giờ; đó là sự nguội lạnh của Má đối với tôi.

Sự kiêng nhịn tôi tự áp đặt cho mình và bà đã vỡ tan thành là một trong những điều mà phụ nữ không hề tha thứ, dù họ giả bộ thế nào chẳng nữa, do điều này khiến chính họ cũng phải kiêng nhịn thì ít hơn là do họ thấy ở đó sự thờ ơ đối với việc chiếm hữu họ. Hãy xét người phụ nữ biết phải trái nhất, triết gia nhất, ít quan tâm đến nhục cảm nhất; trọng tội khó tha hơn cả mà người đàn ông có thể phạm phải đối với bà, và chẳng bà rất ít để ý đến người đó, là có thể hưởng thụ bà thế mà lại chẳng làm gì. Hẳn điều này phải không có ngoại lệ, bởi một mối đồng cảm tự nhiên đến thế và mãnh liệt đến thế mà bị phai lạt nơi bà vì một sự tiết chế chỉ với lý do đức độ, quyến luyến và quý trọng. Từ đó tôi không còn thấy ở bà tình tâm giao thân mật bao giờ cũng là lạc thú ngọt ngào nhất của lòng tôi. Bà chỉ còn thổ lộ với tôi khi phải than phiền về kẻ mới đến; khi họ hòa thuận với nhau, thì tôi ít được bà tâm sự. Rốt cuộc bà dần dần có một cách thức hiện hữu mà tôi không còn tham dự nữa. Sự hiện diện của tôi vẫn còn khiến bà vui, nhưng không còn khiến bà cần, và giả sử nhiều ngày liền tôi không gặp bà, có lẽ bà cũng không nhận ra điều ấy.

Dần dà tôi tự cảm thấy đơn độc và cô quạnh trong chính ngôi nhà mà trước đây mình là linh hồn, mà mình sống có thể nói là ở hai con người. Tôi dần dần quen tách khỏi tất cả những gì đang tiến hành tại

đó, tách khỏi ngay cả những người đang ở đó, và để tránh những nỗi đau lòng liên tục, tôi nhốt mình cùng sách vở, hoặc đi vào giữa những cánh rừng để thở dài và khóc thỏa thích, chẳng bao lâu sau, cuộc sống này trở nên hoàn toàn không chịu nổi. Tôi cảm thấy sự có mặt và sự cách lòng của một người phụ nữ hết sức thân thương kích thích thêm nỗi đau, và không gặp gỡ người đó nữa, mình sẽ bớt cảm thấy bị chia lìa một cách tàn nhẫn. Tôi dự định rời ngôi nhà của bà; tôi nói điều đó với bà, còn bà, không hề phản đối mà ủng hộ. Ở Grenoble bà có một người bạn là bà D'Eybens, chồng bà này là bạn của ông De Mably, tư lệnh hiến binh tại Lyon. Ông D'Eybens đề nghị tôi dạy các con ông De Mably: tôi nhận lời, và tôi đi Lyon, chẳng để lại và gần như chẳng cảm thấy tiếc nuối gì về một sự chia ly mà trước đây chỉ nghĩ đến thôi có lẽ cũng khiến chúng tôi khắc khoải lo âu như trước cái chết.

Tôi có đại khái những hiểu biết cần thiết cho một gia sư, và tôi nghĩ là mình có tài năng cho việc này. Một năm trời ở nhà ông De Mably, tôi có thời gian để tĩnh ngộ. Bản tính hiền hòa có thể khiến tôi hợp với nghề này, nếu như trạng thái kích động không xen vào đó những biến loạn, chừng nào mọi sự tiến hành thuận lợi, và tôi thấy những chăm lo những vất vả của mình có kết quả, thì tôi không nề hà gì hết, tôi như một thiên thần; tôi là một con quỷ khi công việc sai trật. Khi học trò không hiểu tôi, thì tôi làm những điều điên rồ quá đáng, và, khi chúng tỏ ra tai ác, tôi có thể giết chúng: đó không phải là cách để làm cho chúng giỏi và ngoan. Tôi có hai học trò; tính tình chúng rất khác nhau. Một đứa khoảng tám chín tuổi, tên là Sainte-Marie, dung mạo xinh xắn, đầu óc khá cởi mở, khá linh lợi, đại dốt, hay đùa cợt, tai ác, nhưng là một sự tai ác vui vẻ. Thằng em, tên là Condillac, có vẻ gần như ngu đần, bạ đâu chầu đấy, ương bướng như một con la, và không thể học được gì hết. Có thể đoán được rằng giữa hai con người này tôi chẳng được ngồi không ăn sẵn. Với lòng kiên nhẫn và sự bình tĩnh có lẽ tôi có thể thành công; nhưng, thiếu cả điều nọ lẫn điều kia, tôi chẳng làm gì nên hồn, và học trò của tôi rất hư. Tôi không thiếu

chuyên cần, nhưng tôi thiếu trầm tĩnh, nhất là thiếu khôn ngoan thận trọng. Tôi chỉ biết sử dụng với chúng ba phương tiện bao giờ cũng vô ích và nhiều khi độc hại đối với trẻ em: tình cảm, lập luận, giận dữ. Khi thì tôi mềm lòng với Sainte-Marie đến rơi nước mắt; tôi muốn làm cho bản thân nó mềm lòng, cứ như thể tuổi thơ có khả năng xúc động chân thành thực sự; khi thì tôi tận lực nói điều phải trái với nó, cứ như thể nó hiểu được mình; và bởi đôi khi nó lập luận rất tinh vi, nên tôi thực tình coi là nó biết lý lẽ, vì nó hay nói lý nói lẽ. Thằng bé Condillac còn phiền toái hơn nữa, bởi vì, chẳng hiểu gì hết, chẳng trả lời gì hết, chẳng động lòng vì điều gì hết, và ương ngạnh không gì lay chuyển nổi, chưa bao giờ nó thắng tôi đậm hơn là khi nó khiến tôi giận điên người; lúc ấy thì nó là hiền nhân, còn tôi là đứa trẻ. Tôi nhìn thấy tất cả những lỗi lầm của mình, tôi cảm thấy những lỗi lầm ấy; tôi nghiên cứu tâm tính của học trò mình, tôi thấu hiểu chúng rất rõ, và tôi cho là không một lần nào tôi mắc lừa mưu mẹo của chúng. Nhưng thấy bệnh mà không biết áp dụng phương thuốc chữa trị thì được việc gì cho tôi chứ? Trong khi thấu hiểu mọi điều tôi chẳng ngăn cản được gì hết, tôi chẳng đạt được kết quả gì hết, và tất cả những gì tôi làm lại chính là những gì không nên làm.

Với mình tôi cũng chẳng mấy thành công hơn với học trò. Tôi đã được bà D'Eybens gửi gắm cho bà De Mably. Bà D'Eybens đã xin bà này rèn cách cư xử cho tôi và giúp tôi có được phong thể của giới thượng lưu. Bà De Mably có quan tâm đôi chút và muốn tôi tập tiếp đãi khách khứa trong nhà bà; nhưng tôi tiến hành rất vụng về, tôi rất bẽn lèn, rất ngu dại, thành thử bà chán nản, và bỏ tôi lại đó. Việc này chẳng ngăn cản tôi, như thường lệ, phải lòng bà. Tôi làm đủ để bà nhận ra; nhưng không bao giờ dám tỏ tình. Bà chẳng thích ngỏ ý trước, còn tôi dừng lại ở những cái liếc trộm và những tiếng thở dài, mà chính tôi chẳng bao lâu cũng chán, vì thấy chẳng đi đến đâu.

Ở nhà Má tôi đã mất hẳn sở thích ăn cắp vặt, bởi vì, khi mọi thứ đều thuộc về mình, tôi chẳng có gì để lấy trộm hết. Và chẳng những

nguyên lý cao cả mà tôi đã tạo lập cho mình ắt phải khiến tôi từ nay vượt lên cao hơn hẳn những sự thấp hèn như vậy, và chắc chắn rằng từ đó bình thường thì tôi như thế: nhưng học được cách khắc phục cám dỗ không bằng cắt đứt được gốc rễ của cám dỗ, và tôi rất sợ lại ăn cắp như thời thơ ấu nếu mắc vào những ham muốn giống như thế. Tôi có chứng cứ về việc này tại nhà ông De Mably. Quanh mình đầy những thứ nho nhỏ có thể lấy cắp mà thậm chí tôi chẳng nhìn đến, tôi lại thêm một loại vang trắng miền Artois trông rất ngộ, mà vài ly uống lúc này lúc nọ bên bàn ăn khiến tôi quen mùi. Rượu hơi kém trong; tôi nghĩ là mình biết đánh cho rượu trong ra*, tôi khoe như vậy, mọi người giao cho tôi loại vang đó; tôi đánh và tôi làm hỏng rượu, nhưng chỉ nhìn không đẹp thôi, còn uống vẫn ngon, và nhân cơ hội thỉnh thoảng tôi lấy vài chai để uống thoải mái trong phòng riêng. Rủi thay tôi không bao giờ có thể uống rượu mà không ăn. Làm thế nào để có được bánh mì đây? Tôi không thể dự trữ bánh được. Sai người hầu đi mua, là tự phát giác, và gần như sỉ nhục chủ nhà. Tự mua lấy, thì tôi không bao giờ dám. Một công tử tuần tú, kiếm đeo bên mình, đi đến một hiệu bánh mì, mua một mẫu bánh, có chuyện như thế được chẳng? Rốt cuộc tôi nhớ lại chuyện dở nhất của một đại công nương khi mọi người nói với bà rằng nông dân không có bánh mì, bà đã trả lời: “Thì họ hãy ăn bánh sữa.” Tôi mua bánh sữa. Mà cũng phải bao nhiêu kiểu cách để làm được việc ấy! Ra ngoài một mình với ý định đó, đôi khi tôi đi khắp thành phố, và đi qua ba chục hiệu bánh ngọt trước khi vào một hiệu nào. Phải có một người duy nhất trong cửa hàng thôi, và diện mạo người ấy phải rất thu hút, tôi mới dám quyết định. Nhưng bởi thế một khi đã có chiếc bánh sữa nho nhỏ thân thương, và đóng kín cửa trong phòng riêng, tôi đi lấy chai rượu ở đáy tủ, thì mới tuyệt làm sao khi vừa nhắm nháp một mình vừa đọc vài trang tiểu thuyết! Vì vừa đọc sách vừa ăn bao giờ cũng là thú ngông của tôi, khi không có ai để gặp gỡ riêng tư mặt đối mặt. Đó là thứ bổ khuyết cho sự giao du mà tôi thiếu. Tôi ngẫu nhiên lần lượt một trang sách rồi một miếng bánh: cứ như thế sách của tôi ăn cùng với tôi.

Tôi chưa bao giờ bê tha trụy lạc cũng như bất lương, và cả đời chưa bao giờ say rượu, cho nên những vụ ăn cắp nho nhỏ của tôi không thật lộ liễu: tuy thế chúng cũng bị phát hiện; những cái chai phát giác tôi. Mọi người giả tảng không biết, nhưng tôi không được coi sóc hầm rượu nữa. Trong tất cả những chuyện này, ông De Mably cư xử một cách quân tử và thận trọng. Đó là một con người rất phong nhã, dưới vẻ ngoài cũng cứng rắn như chức nghiệp, có một tính cách hiền hòa thực sự và một lòng nhân hậu chân thành hiếm có. Ông chí lý, công bình, và thậm chí rất nhân văn, điều có lẽ người ta không chờ đợi ở một sĩ quan hiến binh, cảm nhận sự khoan dung của ông, tôi càng gắn bó với ông, và vì thế mà kéo dài thời gian ở nhà ông nhiều hơn thời gian có lẽ tôi sẽ ở, nếu như không gắn bó. Nhưng cuối cùng, chán ghét một nghề không phù hợp và một tình thế rất bất tiện chẳng có gì thú vị cho mình, sau một năm thử nghiệm, suốt năm ấy tôi không nề hà chăm nom săn sóc, tôi quyết định rời học trò, tin chắc rằng mình không bao giờ giáo dục chúng được tốt. Bản thân ông De Mably cũng thấy rõ điều đó y như tôi. Tuy nhiên tôi cho là ông sẽ không bao giờ tự quyết định sa thải tôi nếu như tôi không tránh cho ông cái việc khó chịu ấy; và sự chiều cố thái quá trong trường hợp này chắc chắn không phải điều mà tôi tán thành.

Cảnh huống của tôi càng không sao chịu nổi vì tôi liên tục so sánh nó với cảnh huống mình đã rời bỏ; đó là hồi ức về Charmettes thân yêu của tôi, về khu vườn của tôi, cây cối, suối nước của tôi, vườn cây ăn quả của tôi, và nhất là hồi ức về người phụ nữ mà tôi được sinh ra cho người đó, người đem lại linh hồn cho tất cả những thứ trên. Nhớ lại người ấy, nhớ lại những thú vui của chúng tôi, cuộc sống trong sạch của chúng tôi, tôi thấy lòng thắt lại, thấy ngạt thở và không còn can đảm làm gì hết. Hàng trăm lần tôi đã hăm hở toan ra đi ngay tức khắc và đi bộ để quay về bên bà; miễn là tôi còn gặp lại bà một lần nữa, tôi sẽ hài lòng chết đi ngay lúc ấy. Cuối cùng tôi không cưỡng nổi

những hồi ức rất triu mến ấy, chúng gọi tôi trở về bên bà với bất kỳ giá nào. Tôi tự nhủ rằng mình đã không đủ nhẫn nại, không đủ dễ dãi chiều lòng, không đủ vồn vã, rằng mình vẫn còn có thể sống hạnh phúc trong một tình thân rất êm dịu, bằng cách góp phần vào đó nhiều hơn những gì mình từng làm. Tôi lập những kế hoạch đẹp đẽ nhất đời, tôi nóng lòng thực hiện chúng. Tôi rời bỏ hết thầy, tôi từ bỏ hết thầy, tôi lên đường, tôi đi như bay, tôi đến nơi với mọi cảm kích hết như ở tuổi thanh xuân ban đầu, và tôi lại ở dưới chân bà. Ôi! Tôi có thể chết tại đó vì vui mừng nếu như tôi tìm thấy lại trong sự tiếp đón của bà, trong những vuốt ve của bà, rốt cuộc là trong tấm lòng bà, một góc của những gì mà xưa kia tôi thấy lại ở đó và giờ đây tôi vẫn còn mang về đó.

Ảo tưởng kinh khủng của sự vật nhân gian! Bà vẫn đón tôi với tấm lòng tốt phi thường, nó chỉ có thể tàn lụi cùng với bà; nhưng tôi đến tìm lại dĩ vãng không còn nữa và không thể tái sinh, chỉ vừa ở với bà nửa giờ đồng hồ, là tôi cảm nhận hạnh phúc xưa của mình đã chết đi mãi mãi. Tôi thấy mình lại ở vào đúng tình thế nào lòng mà mình đã buộc phải chạy trốn, và chẳng thể nói được là do lỗi của ai hết; vì kỳ thực Courtilles không xấu, và có vẻ vui thích khi gặp lại tôi hơn là buồn phiền. Nhưng làm sao chịu đựng là kẻ dự bị bên con người mà mình từng là tất cả với người ấy, và người ấy không ngừng là tất cả đối với mình? Làm sao sống xa lạ trong ngôi nhà mà mình là đứa con? Cảnh tượng những vật từng chứng kiến hạnh phúc đã qua của tôi khiến sự so sánh càng thêm tàn nhẫn. Giả sử tại một nơi ở khác có lẽ tôi sẽ bớt đau khổ hơn. Nhưng thấy mình không ngừng nhớ lại bao kỷ niệm êm đềm, đó là kích thích thêm cảm giác về những mất mát. Héo hon vì những tiếc nuối vô bổ, buông mình cho nỗi u sầu đen tối nhất, tôi trở lại cung cách sống đơn độc ngoại trừ các bữa ăn. Nhốt mình cùng sách vở, tôi tìm trong đó những sự khuây lãng bổ ích, và do cảm nhận được mối nguy hiểm nhãn tiền mà trước kia mình từng rất lo sợ, một lần nữa tôi bắn khoả tìm kiếm ở bản thân phương tiện để cung

ứng khi Má không còn kế sinh nhai. Tôi đã khiến công việc trong nhà Má vận hành mà không xấu đi; nhưng sau tôi mọi sự đều thay đổi. Người quản lý của bà là một kẻ phung phá. Anh ta muốn nổi bật: ngựa tốt, xe tốt; anh ta thích tự phô trương với vẻ quý phái trước mắt láng giềng; anh ta tiến hành liên tục những việc làm ăn mà anh ta không hiểu gì hết. Khoản trợ cấp bị tiêu trước, số tiền được lĩnh mỗi quý bị thế chấp, tiền thuê nhà chậm trễ, nợ nần cứ tiếp tục. Tôi thấy trước là khoản trợ cấp không lâu nữa sẽ bị thu giữ và có thể bị bãi bỏ. Rốt cuộc tôi chỉ dự tính toàn những cảnh suy đồi và tai họa, và thời điểm có vẻ rất gần, thành thử tôi cảm nhận trước mọi mối kinh sợ của cảnh đó.

Căn phòng nhỏ thân thương là chốn giải khuây duy nhất của tôi. Do cứ tìm kiếm mãi ở đó những phương thuốc chữa trị sự rối loạn trong tâm hồn, tôi nghĩ đến việc tìm kiếm ở đó những phương thuốc chữa trị các tai họa mà mình thấy trước, và, trở lại với những ý tưởng xưa, tôi lại xây đắp những kế hoạch hảo huyền không tưởng để kéo Má tội nghiệp ra khỏi tình trạng nguy khốn ác nghiệt mà tôi thấy bà sắp lâm vào. Tôi cảm thấy mình không đủ uyên bác và cho là mình không đủ tài trí để nổi bật trong giới văn chương và để thành đạt bằng con đường đó. Một ý tưởng mới mẻ xuất hiện và gây cho tôi niềm tin mà tài năng tầm thường của tôi không thể đem lại. Tôi đã không bỏ âm nhạc khi ngừng dạy nhạc; trái lại, tôi đã nghiên cứu lý thuyết đủ để có thể tự coi mình ít ra cũng uyên bác ở bộ phận này. Trong khi suy tư về nỗi vất vả mình từng phải chịu khi học đọc nốt nhạc, về nỗi vất vả đang còn phải chịu khi nhìn bản nhạc mà hát ngay không chuẩn bị, tôi đi đến ý nghĩ là khó khăn ấy rất có thể do sự vật mà ra cũng nhiều như do tôi mà ra, nhất là khi biết rằng thông thường với bất kỳ ai học nhạc cũng chẳng phải việc dễ dàng. Quan sát sự cấu tạo các ký hiệu, tôi thấy nhiều khi chúng được đặt ra một cách rất dở. Từ lâu tôi đã nghĩ đến việc ghi lại thang âm bằng chữ số, để khỏi bao giờ cũng phải kẻ các dòng và các âm trình mỗi khi cần ghi điệu nhạc nhỏ nhất. Tôi đã bị ngăn lại vì những khó khăn của quãng tám cùng những khó khăn

của nhịp và của các giá trị. Ý tưởng xưa trở lại tâm trí, và suy nghĩ lại, tôi thấy những khó khăn đó chẳng phải là không thể vượt qua. Tôi mơ màng ngẫm nghĩ và thành công, tôi ghi lại được bất kỳ điệu nhạc nào bằng những chữ số một cách chính xác hết sức, và có thể nói là giản dị hết sức. Từ khoảnh khắc đó tôi ngỡ sự nghiệp của mình đã thành, và nhiệt tình muốn chia sẻ sự nghiệp với người phụ nữ mà mình chịu ơn về mọi điều, tôi chỉ nghĩ đến chuyện đi Paris, tin rằng khi trình bày dự án trước Viện Hàn lâm là mình làm một cuộc cách mạng. Tôi đã mang từ Lyon về một ít tiền; tôi bán đi những cuốn sách. Trong mười lăm ngày, quyết tâm của tôi được xác định và được thực hiện. Cuối cùng, lòng đầy những ý tưởng tuyệt đẹp đã xui khiến nên quyết định đó, và bao giờ cũng vẫn là con người ấy trong mọi thời kỳ, tôi từ Savoie ra đi cùng với phương thức âm nhạc của mình như xưa kia tôi đã từ Turin ra đi cùng với bình nước Héron của mình.

Những sai trái và những lỗi lầm của tuổi thanh xuân tôi là như vậy. Tôi đã thuật lại câu chuyện về những lỗi lầm sai trái ấy với sự trung thực khiến lòng tôi thỏa mãn. Nếu như về sau, tôi có làm vinh dự cho tuổi chín chắn bằng vài đức tính, thì tôi sẽ kể về chúng cũng với sự thẳng thắn như vậy, và đó là dự định của tôi. Nhưng tôi phải dừng ở đây. Thời gian có thể vén lên nhiều tấm màn. Nếu vong linh của tôi đến được với hậu thế, có lẽ một ngày kia hậu thế sẽ biết được những gì tôi phải nói. Bây giờ mọi người sẽ hiểu vì sao giờ đây tôi nín lặng.

Phần Hai

Quyển Bảy

Sau hai năm im lặng và kiên nhẫn, giờ đây bất chấp quyết định của mình, tôi cầm lại bút. Độc giả, xin hãy khoan xét đoán những lý do buộc tôi phải làm như vậy. Các vị chỉ có thể xét đoán sau khi đã đọc tôi.

Mọi người đã thấy tuổi trẻ thanh bình của tôi trôi đi trong một cuộc sống thuần hòa, khá êm đềm, không có những hoạn nạn lớn cũng chẳng có những hưng thịnh lớn. Tình trạng tầm thường này phần lớn là do bản tính của tôi nồng nhiệt, nhưng yếu đuối, dễ nản chí và còn kém nhanh nhạy hơn trong mưu tính; ra khỏi trạng thái nghỉ ngơi từng cơn từng đợt, nhưng trở lại đó vì chán ngán và vì sở thích, bản tính ấy, do luôn dẫn tôi xa những đức tính lớn và xa hơn nữa những thói xấu lớn, để quay về với cuộc sống lười nhác và an tĩnh mà tôi cảm thấy mình có thiên hướng, nên chưa bao giờ cho tôi đi tới một điều gì lớn lao, hoặc thiện, hoặc ác.

Tôi sắp tường thuật một cảnh khác biệt biết mấy! Số phận, suốt ba mươi năm trời tạo thuận lợi cho những thiên hướng của tôi, suốt ba mươi năm sau gây trở ngại cho chúng, và, từ sự đối lập liên miên giữa tình thế và xu hướng, mọi người sẽ thấy nảy sinh những lỗi lầm rất to lớn, những tai họa phi thường, và mọi đức tính, ngoại trừ sự mạnh mẽ, có thể làm vẻ vang cho nghịch cảnh.

Tôi viết phần Một hoàn toàn theo trí nhớ và ắt phải mắc nhiều lầm lẫn. Buộc phải viết phần Hai cũng theo trí nhớ, chắc tôi sẽ mắc nhiều lầm lẫn hơn nữa. Hồi ức êm đềm về những tháng năm đẹp đẽ trôi qua thật an tĩnh cũng như thật trong sạch, đã để lại trong tôi muôn

ngàn ấn tượng thú vị mà tôi thích nhớ lại không ngừng. Mọi người sẽ thấy ngay là những hồi ức của phần đời còn lại khác biệt biết chừng nào. Nhớ lại chúng, là nhắc nhở nỗi đắng cay. Chẳng đem những hồi tưởng u buồn ấy làm cho nỗi đắng cay của tình cảnh mình thêm chua chát, tôi gạt chúng đi được chừng nào hay chừng đó, và tôi thường thành công đến mức không sao tìm lại được chúng khi cần. Việc dễ dàng quên đi các tai họa là một niềm an ủi Trời đã dành cho tôi trong những tai họa mà số phận một ngày kia phải dồn vào tôi. Ký ức, chỉ thuật lại với tôi duy nhất những điều thú vị, là đối lực may mắn cho trí tưởng tượng khiếp hãi, chỉ khiến tôi nhìn thấy trước những tương lai ác nghiệt.

Tất cả những giấy tờ tôi đã tập hợp để bổ sung cho ký ức và dẫn dắt tôi trong công việc này, khi đã chuyển qua những bàn tay khác, sẽ không trở lại tay tôi nữa. Tôi chỉ còn một hướng dẫn viên trung thành có thể trông cậy, đó là những tình cảm tiếp nối biểu thị tính liên tục của con người tôi, và qua chúng mà biểu thị tính liên tục của những biến cố từng là nguyên nhân hay kết quả của chúng. Tôi dễ dàng quên đi các bất hạnh; nhưng tôi không thể quên những lỗi lầm, và càng ít quên những tình cảm tốt của mình. Hồi ức về chúng quá thân thiết với tôi nên không khi nào mờ xóa trong lòng tôi. Tôi có thể bỏ sót những sự kiện, có thể đặt sai chỗ, có thể lầm lẫn về ngày tháng; nhưng tôi không thể nhầm về những gì mình đã cảm nhận, cũng không nhầm về những gì mà tình cảm đã khiến mình thực hiện; và vấn đề ở đó là chủ yếu. Mục tiêu thực sự của những lời bộc bạch là nói lên chính xác nội tâm tôi trong mọi tình huống của đời tôi. Lịch sử tâm hồn tôi là điều tôi đã hứa, và để viết nó ra một cách trung thành tôi không cần hồi ký nào khác: như tôi đã thực hiện cho tới bây giờ, tôi chỉ cần trở về bên trong mình.

Tuy nhiên, và rất may mắn, là có một quãng thời gian sáu bảy năm tôi có những thông tin chắc chắn trong một tập thư từ được chép lại mà bản chính hiện ở trong tay ông DuPeyrou. Tập thư này, kết thúc

năm 1760, bao gồm toàn bộ thời gian tôi lưu trú tại Ermitage và có mối bất hòa lớn với những người tự xưng là bạn tôi: thời kỳ đáng ghi nhớ trong đời và là cội nguồn cho mọi bất hạnh khác của tôi. Về những thư từ nguyên bản gần đây hơn, có thể tôi còn giữ lại được, và con số cũng rất ít, thì thay vì chép lại tiếp theo tập thư, do quá dày nên chẳng hy vọng thoát khỏi sự cảnh giác của những kẻ rình mò rất tinh mắt*, tôi sẽ chép lại ngay trong bản viết này, khi thấy chúng cung cấp thông tin nào đó hoặc có lợi cho tôi, hoặc kết tội tôi: vì tôi không sợ độc giả quên rằng tôi bộc bạch mà cho rằng tôi biện bạch; nhưng độc giả cũng đừng chờ đợi tôi nín lặng sự thật khi sự thật ủng hộ tôi.

Vả chẳng, phần Hai này chỉ có chung với phần Một cùng sự thật ấy, và chỉ có lợi thế hơn phần Một do tầm quan trọng của sự vật. Trừ điều đó ra, nó chỉ có thể thua kém phần Một về mọi mặt. Tôi viết phần Một với niềm thích thú, với sự thỏa mãn, thoải mái ở Wootton*, hay ở lâu đài Trie*; tất cả những hồi ức cần nhớ lại là chừng ấy lạc thú mới mẻ. Tôi không ngừng trở lại các hồi ức ấy với một thú vui mới, và có thể xếp đặt sửa sang không ngại ngừng những điều miêu tả cho đến khi hài lòng. Giờ đây, trí nhớ và đầu óc đã suy nhược khiến tôi gần như không có khả năng làm một việc gì; tôi chỉ làm việc này do bắt buộc và lòng thất vọng vì ưu phiền. Việc ấy chỉ bày ra cho tôi nào tai họa, phản bội, xảo trá, nào những hồi ức gây buồn rầu và làm đau xót. Tôi những muốn đổi mọi sự trên đời để có thể chôn sâu vào thời thái cổ những gì cần nói, và, buộc phải nói một cách bất đắc dĩ, tôi lại còn phải ẩn giấu, phải mưu mẹo, phải cố lừa phỉnh, phải tự hạ làm những điều ít thích hợp với mình nhất; rầm nhà bên trên tôi có mắt, tường bao quanh tôi có tai; lo sợ và dăng trí, bị những kẻ rình mò và canh gác đây cảnh giác đây ác ý vây bọc, tôi vội vã viết quàng ra giấy vài lời đứt đoạn mà tôi chỉ gọi là có đôi chút thời gian để đọc lại, thời gian để sửa chữa còn ít hơn. Tôi biết rằng, mặc dù người ta không ngừng chồng chất xung quanh tôi những rào cản vô cùng lớn, người ta vẫn cứ

sợ sự thật lọt ra qua khe hở nào đó. Làm thế nào đây để sự thật thấu qua được? Tôi thử thực hiện song ít hy vọng thành công. Xin hãy xét xem liệu như vậy có tạo nên được những bức họa thú vị và đem lại cho chúng màu sắc thật hấp dẫn hay không! Vậy tôi xin báo cho những ai định bắt đầu đọc những điều này, là trong khi đọc tiếp, chẳng gì có thể khiến họ khỏi buồn chán, nếu không phải là niềm mong muốn hiểu biết tường tận một con người, và tình yêu chân thành đối với công lý và sự thật.

Trong phần Một, tôi đã dừng ở đoạn tôi miễn cưỡng đi Paris, gửi gắm cõi lòng tại Charmettes, xây dựng tại đó lâu đài mộng tưởng cuối cùng, dự định một ngày nào mang trở lại đặt dưới chân Má đã hết mê lầm, những của cải mình sẽ đạt được, và trông cậy vào phương thức âm nhạc của mình như vào một tài sản chắc chắn.

Tôi dừng lại ít lâu ở Lyon để thăm những người quen, để kiểm vài sự tiến cử với Paris, và để bán những cuốn sách hình học đã mang theo. Tất cả mọi người đều tiếp đón tôi. Ông bà De Mably tỏ ra vui thích khi gặp lại tôi, và nhiều lần đãi tôi ăn tối. Tại nhà ông bà tôi làm quen với tu sĩ De Mably*, như tôi đã quen với tu sĩ De Condillac*, cả hai người đều đến thăm ông anh. Tu sĩ De Mably viết thư giới thiệu tôi với Paris, trong đó có một thư cho ông De Fontenelle* và một thư cho bá tước De Caylus*. Cả hai ông đều là những mối quen biết rất thú vị, nhất là ông De Fontenelle, cho đến khi qua đời không ngừng bày tỏ tình thân với tôi và trong những cuộc gặp riêng thường cho tôi nhiều lời khuyên mà lẽ ra tôi nên tận dụng hiệu quả hơn.

Tôi gặp lại ông Bordes mà tôi quen đã lâu, ông từng nhiều lần giúp đỡ tôi chân tình và với niềm vui thành thật nhất. Trong dịp này tôi gặp lại ông vẫn hệt như xưa. Chính ông cho bán sách giúp tôi, và đích thân tiến cử hoặc kiếm cho tôi những sự tiến cử tốt với Paris. Tôi gặp lại ngài Giám sát* mà tôi quen biết qua ông Bordes, và nhờ ngài

Giám sát tôi quen biết công tước De Richelieu, có qua Lyon vào thời gian này. Ông Pallu giới thiệu tôi với công tước. Ngài tiếp đãi tôi tử tế và bảo tôi đến thăm ngài tại Paris; tôi có đến nhiều lần, tuy nhiên mỗi quen biết nơi chức trọng quyền cao này, mà về sau tôi sẽ nhiều phen nói tới, chưa bao giờ giúp ích tôi được gì hết.

Tôi gặp lại nhạc sĩ David, người đã giúp đỡ khi tôi gặp cảnh khó khăn ở một trong những chuyến đi trước đây. Ông đã cho tôi mượn hoặc cho tôi một chiếc mũ trùm và những đôi tất dài, mà tôi không bao giờ trả lại ông, và ông cũng không bao giờ hỏi, mặc dù chúng tôi gặp lại nhau nhiều lần sau đó. Tuy nhiên về sau tôi đã biếu ông một tặng vật gần tương đương. Tôi sẽ nói là hơn thế nếu đây là chuyện tôi chịu ơn; nhưng đây lại là chuyện tôi làm, và tiếc thay hai chuyện không giống nhau.

Tôi gặp lại Perrichon cao thượng và quảng đại, và chẳng khỏi cảm kích vì sự hào hoa thông thường của ông; vì ông tặng tôi món quà trước đây ông từng tặng Bernard để thương* là trả phí tổn cho chỗ ngồi của tôi trên xe chở khách. Tôi gặp lại thầy thuốc ngoại khoa Parisot, nhà đào tạo giỏi nhất và tốt nhất những con người; tôi gặp lại Godefroi thân yêu của ông, được ông bao bọc từ mười năm nay, mà tính cách dịu hiền và tấm lòng nhân hậu gần như là toàn bộ giá trị, nhưng ta chẳng thể tiếp cận cô mà không quan tâm và từ biệt cô mà không nao lòng, vì cô đang ở vào giai đoạn cuối của một tình trạng suy kiệt khiến cô qua đời sau đó ít lâu. Không gì biếu lộ khuynh hướng thực sự của một con người rõ hơn là kiểu gãi bó của họ*. Khi đã nhìn thấy Godefroi dịu hiền, người ta sẽ hiểu Parisot nhân hậu.

Tôi chịu ơn tất cả những con người chính trực ấy. Sau này tôi hờ hững với hết thảy, chắc chắn không phải do vong ân, mà do tính lười biếng không sao thẳng nổi nó thường khiến tôi có vẻ vong ân. Cảm nghĩ về những sự giúp đỡ của họ luôn ở trong tim tôi; nhưng chứng

minh với họ lòng biết ơn có lẽ không kho nhọc cho tôi bằng biểu lộ lòng biết ơn ấy một cách thường xuyên. Việc thư từ đúng phép tắc luôn vượt quá sức tôi; chỉ vừa bắt đầu lơ lửng là niềm xấu hổ và nỗi lúng túng khi phải sửa lỗi khiến tôi làm cho lỗi nặng thêm lên, và tôi chẳng thư từ gì nữa hết. Vậy là tôi lặng thinh, và có vẻ như đã quên họ. Parisot và Perrichon thậm chí chẳng để ý đến chuyện đó, và bao giờ tôi cũng thấy họ giống như cũ; nhưng hai mươi năm sau mọi người sẽ thấy, ở ông Bordes, lòng tự ái của một văn nhân có thể đưa sự báo thù đến mức nào khi họ cho là mình bị hờ hững.

Trước khi rời Lyon, tôi không được quên một con người dễ mến mà tôi gặp lại với nhiều niềm vui hơn bao giờ hết, người để lại trong lòng tôi những kỷ niệm rất thân thương. Đó là cô Serre, mà tôi đã nói đến ở phần Một, và tôi đã nói lại mối quen biết trong thời gian tôi ở nhà ông De Mably. Trong chuyến đi này, do có nhiều thì giờ rảnh rỗi hơn, tôi đến thăm cô nhiều hơn; lòng tôi vương vấn, và rất nhiệt thành. Tôi có vài lý do để tin rằng lòng cô không phản đối tôi, nhưng với tôi cô có một niềm tin cậy nó tước đi của tôi tà ý lợi dụng nó. Cô chẳng có gì, tôi cũng thế; cảnh huống của chúng tôi quá giống nhau nên không thể lấy nhau, và, trong những dự kiến tôi đang quan tâm, tôi không hề nghĩ đến hôn nhân, cô cho tôi biết một thương gia trẻ tên là ông Genève có vẻ định gắn bó với cô. Tôi gặp ông ta tại nhà cô một hai lần; tôi thấy ông có vẻ là người chính trực, ông được coi là người chính trực. Tin rằng cô sẽ được hạnh phúc cùng ông, tôi mong ông kết hôn với cô, như sau này ông đã thực hiện, và, để khỏi quấy rối tình yêu lành hiền trong trắng của họ, tôi vội vã ra đi, cầu chúc cho hạnh phúc của con người khả ái ấy, những lời cầu chúc chỉ được chuẩn nhận ở cõi thế này một thời gian, hỡi ôi! Rất ngắn ngủi, vì sau đó tôi biết tin cô qua đời sau khi kết hôn được hai hoặc ba năm. Bận lòng với những tiếc nuối triu mến suốt đường đi, tôi cảm nhận và từ đó đã nhiều lần cảm nhận, khi nghĩ lại chuyện này, rằng nếu như những hy sinh vì bốn

phận và đức độ thật khó khăn cho ta khi thực hiện, thì ta được đền bù rất nhiều vì những hồi ức êm đềm lưu lại trong thâm tâm.

Trong chuyến đi trước tôi đã nhìn Paris ở phương diện bất lợi bao nhiêu, thì lần này tôi nhìn thành phố ở phương diện huy hoàng rực rỡ bấy nhiêu; tuy nhiên không phải về nơi ở của tôi; vì, theo một địa chỉ được ông Bordes cung cấp, tôi đến ở nhà trọ Saint-Quentin, phố Cordiers, gần trường Sorbonne, phố xấu xí, nhà trọ xấu xí, phòng xấu xí, tuy thế từng là nơi cư trú của những con người có giá trị, như Gresset, Bordes, các tu sĩ De Mably, De Condillac, và nhiều người khác nữa mà tiếc thay tôi không còn thấy một ai tại đó. Nhưng tôi thấy tại đó một ông De Bonnefond, quý tộc nông thôn chân khập khiễng, hay kiện cáo, ra vẻ thuần túy chủ nghĩa, nhờ ông mà tôi quen ông Roguin, giờ đây là người lớn tuổi nhất trong bạn bè của tôi, và qua ông Roguin mà quen với nhà triết học Diderot, người sau này tôi sẽ nói đến rất nhiều.

Tôi đến Paris vào mùa thu năm 1741, toàn bộ phương tiện sinh sống có mười lăm *louis* tiền mặt, vở hài kịch *Narcisse*, và dự án âm nhạc, vì vậy phải cố gắng gấp gáp tận dụng những điều trên. Tôi vội vã phát huy giá trị của những sự tiến cử. Một thanh niên đến Paris với một diện mạo coi được, và cho thấy mình có tài năng, luôn chắc chắn được đón nhận. Tôi được đón nhận; việc này đem lại những sự thú vị song không dẫn đến gì nhiều. Trong tất cả những người tôi được tiến cử, chỉ có ba người hữu ích; ông D'Amesin, quý tộc miền Savoie, khi đó là kỵ sĩ, và hình như là người được sủng ái của nữ vương tước De Carignan; ông De Boze, thư ký Viện Văn khắc*, và là người bảo quản các huân chương của văn phòng nhà vua; và cha Castel, giáo sĩ dòng Tên, tác giả của *Phong cầm thị giác*. Với tất cả những vị này, trừ ông D'Amesin, tôi đều được tu sĩ De Mably tiến cử.

Ông D'Amesin giúp được việc cấp bách nhất nhờ kiếm cho tôi hai mối quen biết: một là ông De Gascq, viện trưởng pháp viện

Bordeaux, chơi vĩ cầm rất hay; một nữa là tu sĩ De Léon, khi đó đang ở Sorbonne, nhà quý tộc trẻ tuổi rất dễ mến, qua đời giữa tuổi thanh xuân sau khi đã sáng chói một thời gian trong giới thượng lưu dưới danh hiệu hiệp sĩ De Rohan. Cả hai người đều có ý nguyện muốn học soạn nhạc. Tôi dạy họ vài tháng để đỡ cho túi tiền đang vơi cạn của mình. Tu sĩ De Léon đem lòng mến tôi, và muốn tôi làm thư ký; nhưng ông không giàu, và chỉ có thể trả tôi tất thảy là tám trăm *franc*, mà tôi bất đắc dĩ phải từ chối, vì không thể đủ để ăn, ở và sinh hoạt.

Ông De Boze tiếp đãi tôi rất tử tế. Ông yêu thích kiến thức, ông có kiến thức; nhưng ông hơi thông thái rờm một chút. Bà De Boze đáng tuổi con gái ông; bà rục rờ và hơi điệu dàng. Đôi khi tôi dùng bữa tối tại đó. Không ai có thể vụng về và ngớ ngẩn hơn tôi khi ở trước mặt bà. Tư thái thung dung của bà làm tôi rụt rè e sợ và khiến tư thái của tôi càng tức cười hơn. Khi bà đưa một đĩa thức ăn mời tôi, thì tôi giơ nĩa ra để khiêm nhường xiên lấy một miếng nhỏ trong những thứ bà mời, thành thử bà vừa trả lại người hầu đĩa thức ăn dành cho tôi, vừa quay mặt đi để tôi không thấy bà cười. Bà không mấy ngờ rằng trong đầu gã nhà quê này chẳng khỏi có ít nhiều trí tuệ. Ông De Boze giới thiệu tôi với ông De Réaumur, bạn ông, đến dùng bữa tối tại nhà ông vào tất cả các ngày thứ sáu, ngày của Viện Hàn lâm khoa học. Ông nói với ông De Réaumur về dự án của tôi, và về mong muốn của tôi được trình bày dự án để Viện xem xét. Ông De Réaumur đảm nhận việc đề nghị, đề nghị được chấp thuận; đến ngày đã định, tôi được ông De Réaumur dẫn ra mắt và giới thiệu, cùng ngày ấy, 22 tháng Tám năm 1742, tôi có vinh dự đọc tại Viện Hàn lâm bản luận văn đã chuẩn bị. Mặc dù hội đồng danh tiếng này chắc chắn là rất oai nghiêm, song tại đó tôi ít rụt rè e sợ hơn khi ở trước mặt bà De Boze rất nhiều, và tôi xoay sở tạm được trong việc trình bày và trả lời. Luận văn thành công, tôi nhận được những lời khen ngợi khiến tôi ngạc nhiên ngang với vui thích, vì khó tưởng tượng được rằng trước một Viện Hàn lâm, ai đó không phải thành viên lại có thể có được lương tri thông thường. Các

ủy viên mà Viện cử ra cho tôi là các ông De Mairan, Hellot và De Fouchy: cả ba chắc chắn là những người tài cán, nhưng không vị nào hiểu biết âm nhạc, ít ra cũng hiểu biết đủ để có thể phán xét dự án của tôi*.

Trong các cuộc họp với những vị trên, tôi tin chắc, đích xác bao nhiêu thì cũng kinh ngạc bấy nhiêu, rằng nếu đôi khi các nhà bác học ít có thiên kiến hơn những người khác, thì bù lại, họ còn cố chấp nhiều hơn về những thiên kiến mà họ có. Mặc dù phần lớn những điều phản bác của họ không vững và sai, và mặc dù tôi trả lời rụt rè, tôi thú thực như vậy, và diễn đạt không hay, nhưng với những lý lẽ quả quyết, thế mà không một lần nào tôi làm được cho họ hiểu mình và làm được cho họ hài lòng. Tôi luôn sừng sốt vì, với vài câu văn khoa trương, họ dễ dàng bác lại tôi mà không hiểu tôi. Họ moi ở đâu ra tôi chẳng biết, rằng có một thầy tu tên là cha Souhaitti xưa kia đã nghĩ ra chuyện ghi lại âm giai bằng chữ số*; thế là đủ để bảo rằng phương thức của tôi không mới, và bị coi như vậy; vì mặc dù tôi chưa từng nghe nói đến cha Souhaitti, và mặc dù cách ông viết bảy nốt nhạc của thánh ca mà thậm chí chẳng hề nghĩ đến các quãng tám không đáng đem so sánh một chút nào với phát minh giản dị và tiện lợi của tôi để ghi lại dễ dàng bằng chữ số mọi loại nhạc có thể tưởng tượng được, khóa, khoảng lặng, quãng tám, nhịp, phách, và giá trị của các nốt nhạc, những điều mà Souhaitti thậm chí không nghĩ đến, tuy nhiên cũng rất đúng khi nói rằng, về cách biểu đạt sơ đẳng bảy nốt nhạc, thì ông là người phát minh đầu tiên. Nhưng ngoài việc họ cấp cho phát kiến gốc này nhiều tầm quan trọng hơn là nó có thực, họ không dừng ở đấy, và hễ họ vừa định nói đến cơ sở của phương thức, là họ chỉ còn nói những điều phi lý mà thôi. Lợi thế lớn nhất ở phương thức của tôi là phớt bỏ những sự chuyển dịch giọng và các khóa, thành thử cùng một khúc nhạc được ghi và chuyển dịch giọng tùy ý, muốn theo cao độ nào cũng được, nhờ vào sự thay đổi giả định chỉ một chữ đầu tiên ở đầu

điệu nhạc. Các vị này đã nghe các nhạc công bất tài Paris nói rằng phương pháp diễn tấu bằng chuyển dịch giọng chẳng giá trị gì. Họ xuất phát từ đó để chuyển lợi thế rõ rệt nhất ở phương thức của tôi thành điều phản bác không sao đánh bại được, và họ quyết định rằng cách ghi của tôi tốt đối với thanh nhạc, còn với khí nhạc thì dở; thay vì quyết định, như lẽ ra họ phải làm, rằng cách ghi ấy tốt đối với thanh nhạc và còn tốt hơn nữa đối với khí nhạc. Dựa trên báo cáo của họ, Viện Hàn lâm cấp cho tôi một bản chứng nhận đầy những lời khen ngợi rất hay ho qua đó người ta thấy rằng, về căn bản, Viện đánh giá phương thức của tôi là không mới cũng không hữu ích. Tôi cho rằng chẳng nên đem một văn kiện như thế để tô điểm cho công trình mang nhan đề *Bàn về âm nhạc hiện đại**, qua công trình này tôi cầu viện đến công chúng.

Tôi có lý do để nhận xét trong trường hợp này rằng, ngay với một trí tuệ hạn hẹp, thì sự hiểu biết đơn nhất, nhưng sâu sắc về vấn đề là đáng quý hơn biết mấy, để phán xét đúng về vấn đề ấy, so với mọi tri thức do việc trau dồi các khoa học đem lại, khi người ta không kết hợp các tri thức này với việc nghiên cứu riêng vấn đề được bàn. Điều phản bác vững chắc duy nhất đối với phương thức của tôi là do Rameau đưa ra. Tôi chỉ vừa giải thích phương thức với ông, là ông nhìn thấy ngay mặt yếu của nó. Ông bảo tôi: “Các ký hiệu của anh rất tốt ở chỗ chúng xác định một cách đơn giản và rõ ràng các giá trị, ở chỗ chúng thể hiện rành rọt các quãng và bao giờ cũng chỉ ra cái đơn thuần trong cái gấp bội (le simple dans le redoublé), tất cả những điều mà cách ghi thông thường không làm; nhưng chúng dở ở chỗ đòi hỏi một thao tác của trí óc không phải bao giờ cũng theo được sự mau lẹ của diễn tấu. Vị trí các nốt nhạc của chúng tôi, ông nói tiếp, hiện ra trước mắt không cần thao tác đó giúp sức. Nếu như hai nốt nhạc, một rất cao, một rất trầm, được nối bằng một chuỗi nốt trung gian, thì chỉ nhìn một cái là tôi thấy ngay sự diễn tiến từ nốt này sang nốt kia qua các cấp độ

phối hợp; còn ở hệ thống của anh thì để biết chắc về chuỗi nốt ấy, nhất thiết tôi phải đọc tất cả các chữ số của anh số nọ sau số kia: cái nhìn thoáng lướt chẳng bỏ khuyết được gì hết.” Tôi thấy điều phản bác không thể cãi được, và tôi đồng ý tức khắc: mặc dù nó giản dị và hiển nhiên, song chỉ một sự thực hành nghệ thuật rất nhiều mới có thể khơi gợi nên, và chẳng đáng ngạc nhiên là không một viện sĩ Hàn lâm nào nghĩ ra nó; nhưng đáng ngạc nhiên là tất cả các nhà bác học lớn này, hiểu biết bao điều, lại rất ít hiểu rằng mỗi người chỉ nên phán xét về nghề nghiệp của mình mà thôi.

Những cuộc thăm hỏi thường xuyên của tôi đối với các ủy viên và các viện sĩ khác khiến tôi có thể làm quen với tất cả những ai ưu tú nhất trong giới văn chương tại Paris, và do vậy sự quen biết này đã hoàn tất khi tôi thấy mình, về sau này, đột nhiên được có tên trong giới ấy. Còn hiện giờ, tập trung vào phương thức âm nhạc của mình, tôi khẳng khẳng muốn làm một cuộc cách mạng trong môn nghệ thuật này, và nhờ thế đạt được một danh tiếng, tại Paris, trong các ngành nghệ thuật, danh tiếng ấy bao giờ cũng kết hợp với sự giàu sang. Tôi nhốt mình trong phòng và làm việc hai ba tháng với một nhiệt tình không sao tả xiết, để cải tạo bản luận văn đã đọc tại Viện Hàn lâm thành một tác phẩm dành cho công chúng. Cái khó là tìm ra một nhà xuất bản muốn đảm nhận bản thảo, bởi phải chi phí ít nhiều cho những chữ in mới, mà các nhà xuất bản chẳng vung tiền cho những kẻ mới khởi đầu, tuy nhiên tôi thấy rằng công trình của mình trả lại cho mình miếng bánh mình đã ăn trong khi viết nó ra là điều rất công bằng.

Bonnefond kiếm cho tôi Quillau cha, ông này lập với tôi một hợp đồng lãi chia đôi, không kể giấy phép in một mình tôi trả. Mọi việc được Quillau nói trên tiến hành thế nào mà kết quả là tôi được tờ giấy phép, còn chưa bao giờ kiếm ra một đồng nào từ số sách xuất bản lần này, hình như tiêu thụ cũng ít ỏi, mặc dù tu sĩ Desfontaines hứa sẽ làm cho sách bán được, và các nhà báo khác cũng nói về tác phẩm khá nhiều điều tốt đẹp.

Trở ngại lớn nhất cho việc thể nghiệm phương thức của tôi là sự lo sợ, rằng nếu nó không được chấp nhận, mọi người sẽ bị uổng phí thời gian bỏ ra để học nó. Về điều này tôi nói rằng việc thực hành cách ghi của tôi khiến các ý tưởng thành rõ ràng, và để học nhạc bằng các ký hiệu thông thường thì người ta sẽ vẫn được lợi về thời gian nếu bắt đầu bằng các ký hiệu của tôi. Để cung cấp chứng cứ qua thể nghiệm, tôi dạy nhạc miễn phí cho một thiếu nữ Mỹ tên là cô Desroulins do ông Roguin giới thiệu; sau ba tháng cô có thể xướng âm theo cách ghi của tôi bất kỳ điệu nhạc nào, thậm chí hát ngay không chuẩn bị còn tốt hơn tôi bất kỳ bản nhạc nào không có quá nhiều chỗ khó. Thành công này rất hiển nhiên; nhưng không được biết đến. Một người khác có lẽ đã đăng tin đây trên báo chí; nhưng tuy có ít nhiều tài năng để tìm ra những điều hữu ích, tôi lại không bao giờ có tài để đề cao giá trị những điều ấy.

Thế là chiếc bình Héron của tôi lại bị vỡ: nhưng lần thứ hai này tôi đã ba mươi tuổi, và tôi đang không nhà cửa không nghề nghiệp tại Paris, nơi người ta chẳng sống mà không tốn kém gì hết. Quyết định của tôi trong tình trạng nguy khốn này sẽ chỉ khiến những ai không đọc kỹ phần Một là ngạc nhiên mà thôi. Tôi vừa mới hoạt động rất nhiều và vô bổ; tôi cần lấy lại hơi sức. Thay vì tự phó thác cho nỗi tuyệt vọng, tôi thản nhiên tự phó thác cho tính lười nhác của mình và cho sự chăm lo của Thượng Đế, và để ngài có thì giờ làm công việc của ngài, tôi bắt đầu ăn, không vội vã, vài đồng *louis* còn lại, điều chỉnh chứ không cắt bỏ khoản chi tiêu cho những thú vui uế oải, chỉ đến tiệm giải khát hai ngày một lần, và đi xem hát hai lần một tuần. Về khoản chi cho gái, tôi không phải cải cách gì hết, do cả đời không tiêu một xu nào cho việc này, trừ một lần, mà tôi sắp nói đến.

Trạng thái an tâm, khoái trá, tin cậy của tôi khi buông mình cho cuộc sống biếng nhác và cô độc, mà mình chẳng có gì để kéo dài nó được ba tháng, là một trong những nét đặc dị của đời tôi và một trong những điều kỳ quái của tính tình tôi. Nhu cầu đến cực độ muốn mọi

người nghĩ đến mình lại chính là điều tước đi của tôi dũng khí tự trình diện, và sự cần thiết phải thăm hỏi khiến tôi thấy không chịu nổi việc thăm hỏi, tới mức tôi thậm chí ngừng đến thăm các viện sĩ và những văn nhân khác mà tôi đã qua lại. Marivaux, tu sĩ De Mably, Fontenelle, gần như là những người duy nhất mà đôi khi tôi tiếp tục đến thăm. Thậm chí tôi còn đưa cho Marivaux xem vở hài kịch *Narcisse* của tôi. Ông thích vở kịch, và ân cần sửa chữa giúp. Diderot, trẻ hơn những vị trên, trạc tuổi tôi. Anh thích nhạc; anh hiểu lý thuyết nhạc, chúng tôi cùng nói về chuyện đó; anh cũng nói với tôi về dự định công trình của mình. Điều này chẳng bao lâu sau tạo ra giữa chúng tôi những mối liên hệ thân mật hơn, đã kéo dài mười lăm năm, và có thể sẽ kéo dài hơn nữa nếu như tôi không bị quăng vào cùng nghề nghiệp với anh, một cách rủi ro, và nhiều phần do lỗi của anh*.

Mọi người sẽ không tưởng tượng được tôi dùng vào việc gì khoảng thời gian quý giá và ngắn ngủi còn lại với mình trước khi buộc phải xin bố thí miếng ăn: vào việc học thuộc lòng những đoạn của các nhà thơ mà tôi đã học hàng trăm lần và đã quên chừng ấy lần. Tất cả các buổi sáng, quãng mười giờ, tôi đi dạo ở vườn Luxembourg, một cuốn Virgile hay một cuốn Rousseau trong túi, và tại đó, cho đến giờ ăn trưa, tôi nhớ lại khi thì một bài đoán thi tôn nghiêm, khi thì một mục ca, không nản lòng vì trong lúc ôn bài hôm nay mình chẳng khỏi quên mất bài hôm trước. Tôi nhớ lại rằng sau khi Nicias thất bại ở Syracuse, những người dân Athènes bị bắt đã kiếm sống bằng cách đọc những áng thơ của Homère. Điều tôi rút ra được từ câu chuyện uyên thâm này, để dự phòng cho mình trước cảnh khốn cùng, là tập luyện cho trí nhớ giỏi giang của tôi thuộc lòng tất cả các nhà thơ.

Tôi có một kế khác chẳng kém vững vàng là chơi cờ, tôi dành cho việc đó đều đặn, ở hiệu Maugis, tất cả những buổi chiều không đi xem hát. Tại đây tôi làm quen với ông De Légal, với một ông Husson, với Philidor, với tất cả những người chơi cờ tài ba thời ấy, và chẳng vì

thế mà giỏi lên. Tuy nhiên tôi không nghi ngờ rằng cuối cùng mình sẽ trở nên cự phách hơn tất cả bọn họ, và theo tôi, thế là đủ để làm kế sinh nhai. Dù say mê trò điên rồ nào, thì bao giờ tôi cũng đem vào đó cùng một cách lập luận. Tôi tự nhủ: “Người nào đứng đầu ở một cái gì đó thì luôn chắc chắn được ưa chuộng. Vậy hãy đứng đầu, bất kể ở cái gì; mình sẽ được ưa chuộng, cơ hội sẽ xuất hiện, và tài cán của mình sẽ thực hiện phần còn lại.” Trò trẻ con này không phải sự nguy hiểm của lý trí nơi tôi, đó là sự nguy hiểm của trạng thái thần thờ ư oải. Hoảng sợ trước những cố gắng lớn và nhanh lẽ ra phải tiến hành để tận lực, tôi cố phỉnh nịnh tính lười biếng của mình, và tự che giấu nỗi hổ thẹn bằng những lập luận xứng đáng với sự lười biếng ấy.

Tôi bình thản chờ đợi như vậy lúc tiền hết, và tôi cho rằng mình sẽ đi tới đồng xu cuối cùng mà chẳng bối rối gì hơn, nếu như cha Castel, mà đôi khi tôi đến thăm trên đường tới tiệm giải khát, không kéo tôi ra khỏi trạng thái tê dại. Cha Castel điên khùng kỳ cục, nhưng rút lại là người tốt: ông tức giận thấy tôi héo hon mòn mỏi như vậy mà chẳng làm gì hết. Ông bảo tôi: “Bởi các nhạc sĩ, bởi các nhà bác học chẳng hát cùng một điệu với anh, thì anh hãy thay dây đàn đi và hãy gặp gỡ phụ nữ. Có thể anh sẽ thành công hơn ở mặt này. Tôi đã nói về anh với bà De Besenval, anh hãy đến thăm bà ấy thay tôi. Đó là một phụ nữ nhân hậu, bà sẽ vui thích gặp một đồng hương của chồng và con trai. Anh sẽ gặp con gái bà là bà De Broglie, một phụ nữ tài trí. Bà Dupin là một phụ nữ tài trí khác, tôi cũng đã nói về anh với bà: anh hãy đem tác phẩm của anh đến cho bà ấy; bà ấy muốn gặp anh, và sẽ tiếp anh tử tế. Ở Paris có làm được gì chỉ là nhờ phụ nữ mà thôi. Cũng giống như những đường cong mà các hiền nhân là những đường tiệm cận; họ không ngừng đến gần những đường cong ấy, nhưng không bao giờ chạm tới chúng.”

Sau khi đã hoãn hết ngày này sang ngày khác công việc cực nhọc ghê gớm đó, cuối cùng tôi lấy can đảm, và đến thăm bà De Besenval. Bà tiếp tôi một cách nhân từ. Thấy bà De Broglie vào phòng, bà bảo:

“Con ạ, đây là ông Rousseau mà cha Castel đã nói với chúng ta.” Bà De Broglie khen công trình của tôi và dẫn tôi đến bên cây đàn clavecin, cho tôi thấy bà đã quan tâm tới công trình ấy. Nhìn đồng hồ treo tường thấy gần một giờ, tôi định ra về. Bà De Besenval bảo tôi: “Hiện ông đang ở xa khu phố của mình, hãy ở lại, ông sẽ dùng bữa trưa tại đây.” Tôi nhận lời ngay. Một khắc đồng hồ sau, qua vài câu nói tôi hiểu rằng bữa trưa bà mời tôi là bữa trưa ở nhà bếp. Bà De Besenval là một phụ nữ rất nhân hậu, nhưng thiên trí, và quá chú ý đến dòng dõi quý tộc Ba Lan lừng lẫy của mình; bà ít hiểu về sự trọng thị cần phải có đối với các tài năng. Trong trường hợp này bà lại còn xét đoán tôi qua tư thái hơn là qua cách ăn mặc, dù rất giản dị, song hết sức sạch sẽ, và không hề biểu thị một con người hợp với việc ăn trưa tại nhà bếp. Tôi đã quên con đường xuống nhà bếp từ quá lâu rồi nên chẳng muốn học lại nữa. Không để lộ tất cả sự bực mình, tôi nói với bà De Besenval rằng một việc nhỏ, mà tôi vừa nhớ ra, khiến tôi phải trở lại khu phố, và tôi định ra về. Bà De Broglie lại gần mẹ, và nói thầm vào tai bà vài tiếng gây hiệu quả. Bà De Besenval đứng dậy để giữ tôi ở lại và bảo: “Tôi định mời ông vui lòng dùng bữa trưa cùng chúng tôi.” Tôi nghĩ rằng làm bộ kiêu hãnh sẽ là ngu dại, và tôi ở lại. Và chẳng lòng tốt của bà De Broglie đã khiến tôi cảm động và thấy bà đáng chú ý. Tôi rất vui được ăn cùng bà và tôi hy vọng rằng khi hiểu tôi nhiều hơn bà sẽ không ân hận vì đã đem lại cho tôi vinh dự này. Ngài chánh án De Lamoignon, bạn thân của gia đình, cũng dùng bữa trưa tại đây. Giống như bà De Broglie, ông nói thứ biệt ngữ Paris, toàn là lời lẽ tế nhị, toàn là ý bóng bẩy tinh vi. Ở đó chẳng có gì để cho Jean-Jacques tội nghiệp nổi bật. Tôi tỉnh táo không muốn bất chấp lý trí làm ra vẻ tài tình dễ thương, và tôi lặng thinh. Hạnh phúc thay nếu như tôi luôn khôn ngoan như vậy! Giả sử như thế tôi sẽ chẳng ở trong vực thẳm mà giờ đây tôi đang ở.

Tôi buồn phiền về sự trì độn thô lỗ của mình, vì không thể chứng minh trước mắt bà De Broglie việc bà ủng hộ tôi là chính đáng. Sau

bữa ăn, tôi nghĩ ra sách lược thông thường của mình. Tôi có trong túi một bức thư bằng văn vắn, viết cho Parisot vào thời gian tôi ở Lyon. Đoạn thơ này chẳng thiếu nhiệt tình; tôi đưa nhiệt tình vào cách đọc, và tôi khiến cho cả ba người đều khóc. Hoặc do tự đắc, hoặc cách diễn giải của tôi đúng sự thật, tôi ngỡ thấy ánh mắt bà De Broglie nói với mẹ: “Nào, mẹ ơi, con có sai trái hay không khi bảo mẹ rằng con người này có tư cách để ăn trưa với chúng ta hơn là với những người hầu gái của mẹ?” cho đến lúc ấy tôi hơi buồn phiền; nhưng sau khi đã rửa hận như vậy, tôi hài lòng. Bà De Broglie, đưa sự phán xét có lợi cho tôi đi hơi quá xa, cho rằng tôi sẽ gây ấn tượng tại Paris và thành một người có số đào hoa. Để hướng dẫn tình trạng thiếu kinh nghiệm của tôi, bà cho tôi cuốn *Những điều bộc bạch của Bá tước De*.* Bà bảo tôi: “Cuốn sách này là một sự phỏ mà ông sẽ cần đến trong giới giao tế: thỉnh thoảng ông nên tham khảo nó.” Tôi đã giữ quyển sách đó hơn hai mươi năm với niềm biết ơn bàn tay đã trao nó cho tôi, nhưng thường buồn cười về điều mà dường như quý bà này nghĩ về tài cán phong nhã của tôi. Đọc cuốn sách đó rồi, tôi muốn có được tình bạn của tác giả. Thiên hướng đã xui khiến tôi rất đúng: đó là người bạn thực sự duy nhất tôi từng có trong giới văn nhân*.

Từ đó tôi dám mong rằng nữ nam tước De Besenval và nữ hầu tước De Broglie, do đã quan tâm đến tôi, sẽ chẳng để tôi phải vô kế khả thi lâu dài, và tôi không lằm. Giờ đây hãy nói đến việc tôi tới nhà bà Dupin, việc này có những hậu quả dài lâu hơn.

Như người ta biết, bà Dupin là con gái của Samuel Bernard và bà Fontaine. Bà có ba chị em mà người ta có thể gọi là ba Nữ thần sắc đẹp. Bà De la Touche thực hiện một chuyến trốn sang Anh cùng công tước De Kingston; bà D’Arty, người tình, và hơn nữa, người bạn, người bạn duy nhất và chân thành của hoàng thân De Conti, người phụ nữ đáng yêu đáng quý vì sự dịu hiền, vì sự nhân hậu của tính cách khả ái, cũng như vì phong vị của trí tuệ và tính tình vui vẻ không bao giờ

thay đổi; cuối cùng, bà Dupin, đẹp nhất trong ba chị em, và người duy nhất không bị chê là có lầm lạc trong phẩm hạnh. Bà là phần thưởng cho lòng hiếu khách của ông Dupin, mẹ bà gả con gái cho ông Dupin cùng với chức vụ tổng giám thu và một gia sản vô cùng lớn, để cảm tạ ông đã tiếp đón mình chu đáo tại tỉnh của ông. Khi tôi gặp bà Dupin lần đầu, bà vẫn còn là một trong những phụ nữ đẹp nhất Paris. Bà tiếp tôi trong lúc trang điểm, cánh tay bà để trần, tóc xõa, áo choàng trong nhà khoác hờ hững. Cách tiếp đãi này rất mới mẻ đối với tôi; cái đầu tội nghiệp của tôi không trụ được; tôi bối rối, tôi loạn trí, tóm lại là tôi say đắm bà Dupin.

Trạng thái bối rối có vẻ không làm hại tôi, bà chẳng hề để ý thấy. Bà tiếp nhận sách và tác giả, tỏ ra am hiểu khi nói về dự định của tôi, hát, tự đệm đàn clavecin, giữ tôi lại ăn trưa, để tôi ngồi cạnh bà tại bàn ăn; chẳng cần nhiều đến thế mới khiến tôi phát điên; tôi phát điên. Bà cho phép tôi đến thăm bà: tôi sử dụng, tôi lạm dụng sự cho phép. Tôi đến nhà bà gần như hằng ngày, tôi ăn trưa tại đó hai ba lần mỗi tuần. Tôi muốn nói ra đến chết đi được; tôi chẳng bao giờ dám. Việc ra vào một nhà phong lưu giàu có là một cánh cửa dẫn tới thời vận; trong tình cảnh của mình tôi không muốn mạo hiểm để cánh cửa đó đóng lại với tôi. Mặc dù rất dễ mến, bà Dupin nghiêm trang và lạnh lùng; tôi thấy trong thái độ của bà chẳng có gì đủ kêu gọi để khiến mình bạo dạn lên. Nhà bà, khi đó huy hoàng hơn bất kỳ nhà nào khác tại Paris, tập hợp những giới chỉ cần bớt đông đảo đi một chút để là tinh hoa ở mọi chủng loại. Bà ưa gặp những người nổi bật, những bậc quyền quý, những văn nhân, những phụ nữ kiêu diễm. Ta chỉ gặp ở nhà bà nào các công tước, các đại sứ, các hiệp sĩ Thánh Linh. Nữ vương tước De Rohan, nữ bá tước De Forcalquier, bà De Mirepoix, bà De Brignolé, phu nhân Hervey, có thể coi là bạn bè của bà. Ông De Fontenelle, tu sĩ De Saint-Pierre, tu sĩ Sallier, ông De Fourmont, ông De Bernis, ông De Buffon, ông De Voltaire thuộc nhóm giao du của bà và thường ăn trưa tại nhà bà. Nếu như thái độ dè dặt của bà không thu hút nhiều

chàng trai trẻ, thì giới bà giao thiệp, được chọn lọc, chỉ càng oai nghiêm hơn, và Jean- Jacques tội nghiệp chẳng có gì để tự phụ là xuất sắc giữa tất cả đám này. Vậy là tôi không dám nói; nhưng do không thể nín lặng được nữa, tôi dám viết. Bà giữ bức thư của tôi hai ngày mà chẳng bảo gì. Ngày thứ ba bà trả lại nó cho tôi, trao cho tôi vài lời khuyến khích bằng một giọng lãnh đạm khiến tôi lạnh buốt người. Tôi định nói, lời lẽ tắt lịm trên môi; mỗi đám mê đột ngột của tôi tàn lụi cùng niềm hy vọng, và, sau một sự tỏ bày theo thể thức, tôi tiếp tục sống với bà như trước đây, không nói gì với bà nữa, kể cả nói bằng ánh mắt.

Tôi tưởng chuyện đại đột của mình đã được quên đi; tôi lầm. Ông De Francueil, con riêng ông Dupin, trạc tuổi bà Dupin và tuổi tôi. Ông có trí tuệ, có dung mạo; có thể có kỳ vọng, người ta đồn là kỳ vọng đối với bà Dupin, có lẽ chỉ vì bà đã cưới cho ông một người vợ rất xấu, rất hiền, và bà sống hoàn toàn hòa thuận với cả hai. Ông De Francueil thích và năng giao thiệp với những người có tài. Âm nhạc, mà ông rất am hiểu, là một phương tiện liên hệ giữa chúng tôi. Tôi gặp gỡ ông rất nhiều; tôi quyến luyến ông; đột nhiên ông để tôi hiểu rằng bà Dupin thấy những cuộc thăm viếng của tôi quá thường xuyên, và yêu cầu tôi dần chúng ra. Lời khen này lẽ ra có thể đúng chỗ khi bà trả lại tôi bức thư, nhưng tám hay mười ngày sau, và không vì một nguyên nhân nào khác, thì tôi thấy nó dường như không hợp lúc. Điều này tạo nên một vị thế càng kỳ cục hơn nữa, bởi ông bà De Francueil chẳng vì vậy mà tiếp đãi tôi kém nồng hậu hơn trước. Tuy nhiên tôi đến chơi thưa hơn, và có lẽ sẽ thôi đến hẳn, nếu như bà Dupin, vì một ý thích bất thường khác, không nhờ tôi coi sóc trong tám hoặc mười ngày con trai bà, do đổi thầy dạy, nên chỉ có một mình trong khoảng thời gian ấy. Tôi trải qua tám ngày đó trong một cực hình mà chỉ niềm vui vâng lời bà Dupin mới khiến tôi chịu đựng được; vì ngay từ bấy giờ Chenonceaux tội nghiệp đã có cái đầu óc bướng bỉnh nó suýt làm gia đình cậu bị ô danh, và đã khiến cậu chết ở đảo Bourbon^{*}. Trong

khi ở bên cậu, tôi ngăn cậu làm điều hại cho chính cậu hoặc cho người khác và tất cả chỉ có vậy: thế mà chẳng phải là ít cực nhọc; tôi sẽ chẳng chịu trách nhiệm thêm tám ngày nữa, dù bà Dupin có hiến thân cho tôi để ban thưởng chẳng nữa.

Ông De Francueil đem lòng mến tôi, tôi làm việc với ông: chúng tôi cùng bắt đầu học một giáo trình về môn hóa với Rouelle. Để gần ông hơn, tôi rời Saint-Quentin đến ở Sân Cầu phố Verdelet, thông ra phố Plâtrière, nơi ông Dupin ở. Tại đó, do hậu quả của một chứng cảm không được chú ý, tôi bị một trận viêm phổi suýt chết. Thời trẻ tôi từng nhiều lần bị các chứng viêm này, viêm màng phổi, đặc biệt rất hay viêm họng, mà tôi chẳng ghi nhớ ở đây, tất cả đều làm tôi thấy cái chết đủ gần để quen với hình ảnh của nó. Trong thời gian dưỡng bệnh, tôi có thì giờ suy ngẫm về cảnh huống của mình, và lấy làm tiếc cho sự rụt rè, sự yếu đuối, sự thần thờ uế oải, bất chấp ngọn lửa mà tôi cảm thấy cháy rực trong lòng, cứ để tôi ủy mị trong tình trạng nhàn rỗi về trí óc luôn cận kề cảnh nghèo khổ. Đêm trước ngày bị ốm, tôi đi xem một vở nhạc kịch của Royer, khi đó đang công diễn, và tôi đã quên mất tên. Bất chấp thiên kiến đối với tài năng của người khác, nó luôn khiến tôi ngờ vực tài năng của bản thân, tôi không ngăn nổi mình thấy nhạc của vở này yếu, chẳng có nhiệt tình, chẳng có sáng tạo. Đôi khi tôi dám tự nhủ: “Hình như mình có thể làm hơn thế.” Nhưng tôi quan niệm sáng tác một nhạc kịch là việc rất ghê gớm, và tầm quan trọng mà tôi thường nghe những người làm nghệ thuật dành cho công việc ấy khiến tôi chán nản ngay lập tức, và làm tôi đỏ mặt vì đã dám nghĩ đến chuyện này. Vả chẳng tìm đâu ra một người muốn cung cấp lời cho tôi và chịu khó sửa sang lời theo ý tôi? Những ý tưởng về nhạc và nhạc kịch trở lại với tôi trong thời gian bị ốm, và phần khích trong cơn sốt, tôi soạn những khúc hát, những đoạn song ca, hợp xướng. Tôi tin chắc mình đã làm được hai hoặc ba khúc *di prima intenzione** có lẽ xứng đáng được các bậc thầy ngưỡng mộ nếu như các vị ấy có thể

nghe diễn tấu chúng. Ôi! Nếu có thể ghi lại những giấc mơ của một kẻ đang sốt, ta sẽ thấy những điều xiết bao lớn lao và trác tuyệt đôi khi xuất hiện từ trạng thái mê sảng của kẻ đó!

Những vấn đề về nhạc và nhạc kịch vẫn còn khiến tôi bận tâm trong thời gian dưỡng bệnh, nhưng một cách bình tĩnh hơn. Do cứ nghĩ mãi đến chuyện này, thậm chí ngoài ý muốn, tôi định biết rõ sự thực và thử một mình làm một vở nhạc kịch, cả lời và nhạc. Đây không hẳn là thể nghiệm đầu tiên của tôi. Ở Chambéry tôi đã làm một bi-nhạc kịch, nhan đề *Iphix và Anaxarète* mà tôi đã tỉnh táo đốt đi. Ở Lyon tôi làm một vở khác nhan đề *Phát hiện Tân thế giới* mà sau khi đọc cho ông Bordes, cho tu sĩ De Mably, cho tu sĩ Trublet và những người khác, cuối cùng tôi cũng đem đốt, mặc dù đã soạn nhạc cho tự khúc và hồi thứ nhất, và mặc dù David, khi nhìn thấy phần nhạc, đã bảo tôi là có những đoạn xứng đáng với Buononcini*.

Lần này, trước khi bắt tay vào sáng tác, tôi để mình có thời gian ngẫm nghĩ về bố cục. Tôi dự định ba đề tài khác nhau thành ba hồi tách rời trong một vũ kịch hào hùng, mỗi hồi có một tính chất âm nhạc khác biệt; và, do mỗi đề tài khai thác những mối tình của một thi sĩ, tôi đặt cho vở nhạc kịch này nhan đề *Những Nàng Thơ phong nhã*. Hồi thứ nhất, loại nhạc mạnh, là *Le Tasse**; hồi thứ hai, loại nhạc êm dịu, là *Ovide*; còn hồi thứ ba, nhan đề *Anacréon*, phải toát lên sự vui vẻ của thi ca chúc tụng. Thoạt tiên tôi thử làm hồi thứ nhất, và tôi tiến hành với một niềm hăng say nó cho tôi nếm trải lần đầu tiên những khoái cảm của nhiệt hứng trong sáng tác. Một buổi tối, sắp bước vào Nhà hát Nhạc kịch, cảm thấy mình bị các ý tưởng giày vò, chế ngự, tôi cất lại tiền vào túi, tôi chạy về nhốt mình trong nhà, tôi vào giường nằm, sau khi đã kéo kín mọi tấm rèm cửa để ngăn ánh sáng lọt vào, và tại đó, buông mình cho toàn bộ nhiệt hứng thi ca và âm nhạc, tôi soạn nhanh chóng trong bảy tám giờ phần hay nhất của hồi một. Tôi có thể

nói rằng tình yêu của tôi với quận Chúa De Ferrare* (vì khi ấy tôi là Le Tasse) cùng những cảm nghĩ cao quý và kiêu hãnh đối với người anh bất công của nàng, cho tôi hưởng một đêm tuyệt diệu gấp trăm lần cái đêm mà giả sử tôi ở trong vòng tay của chính công Chúa, sáng ra trong đầu tôi chỉ còn lại một phần rất nhỏ của những gì đã làm; nhưng cái phần ít ỏi đó, hầu như bị sự mệt mỏi và trạng thái buồn ngủ xóa đi, vẫn còn biểu lộ khí lực của những đoạn mà nó cho thấy các mảnh vụn sót lại.

Lần này, tôi không đi xa lắm trong sáng tác, vì phải đổi hướng do những công việc khác. Trong khi tôi gắn bó với gia đình Dupin, thì bà De Besenval và bà De Broglie, mà thỉnh thoảng tôi tiếp tục đến thăm, đã không quên tôi. Bá tước De Montaigu, đại úy vệ binh, vừa được cử làm đại sứ tại Venise. Đó là một đại sứ theo kiểu của Barjac* người mà ông ta siêng năng châu chực nịnh hót. Anh ông ta, hiệp sĩ De Montaigu, nhà quý tộc tùy tùng cho Thái tử, là chỗ quen biết của hai bà và của tu sĩ Alary, viện sĩ Viện Hàn lâm Pháp mà đôi khi tôi cũng đến thăm. Bà De Broglie, biết rằng đại sứ đang tìm một thư ký, liền đề cử tôi. Chúng tôi đi vào thương lượng. Tôi yêu cầu năm mươi louis* tiền lương, rất ít ở một chức vụ mà người ta buộc phải xuất hiện có tư thế. Ông ta chỉ muốn cho tôi năm mươi pistole,* và tôi tự trả phí tổn đi đường. Đề nghị thật nực cười. Chúng tôi không thể thỏa thuận, ông De Francueil, người đang cố gắng giữ tôi ở lại, đã thắng. Tôi ở lại, còn ông De Montaigu ra đi, mang theo một thư ký khác tên là ông Follau, do văn phòng Bộ Ngoại giao cung cấp. Vừa đến Venise là họ bất hòa với nhau. Follau, thấy mình gặp phải một kẻ điên, bỏ mặc ông ta ở đó; và ông De Montaigu, do chỉ có một tu sĩ trẻ là De Binis, người viết những gì do thư ký đọc và không thể làm được chức vụ này, bèn cầu viện đến tôi. Hiệp sĩ anh ông ta, người có tài trí, vận động tôi rất khéo, làm cho tôi hiểu rằng có những quyền lợi gắn với chức vụ thư ký,

thành thử ông ta khiến được tôi nhận khoản lương một ngàn *franc*. Tôi được hai mươi *louis* lộ phí, và tôi ra đi.

Đến Lyon, tôi rất muốn theo đường Núi Cenis để tạt qua thăm Má tội nghiệp của tôi. Nhưng tôi xuôi sông Rhône và lên tàu ở Toulon, do chiến tranh và để tiết kiệm, cũng để lấy một giấy thông hành của ông De Mirepoix, người mà tôi được cử tới gặp, và khi đó đang chỉ huy tại Provence. Ông De Montaigu, do không thể không cần đến tôi, gửi cho tôi hết thư này đến thư khác để giục tôi đi gấp. Một sự cố khiến chuyến đi chậm lại.

Đó là thời gian có bệnh dịch hạch ở Messine. Hải quân Anh đã từng buông neo tại Messine và đã kiểm tra con thuyền tôi đang đi. Điều này khiến chúng tôi khi đến Gênes, sau chuyến vượt biển dài và vất vả, phải cách ly hai mươi một ngày. Người ta cho hành khách chọn cách ly tại thuyền hay tại nhà phòng dịch ở cảng, mà họ báo trước là chúng tôi sẽ chỉ thấy bốn bức tường, vì họ chưa có thời gian bày biện đồ đạc. Tất cả đều chọn con thuyền, cái nóng không chịu nổi, không gian chật chội, tình trạng chẳng thể đi lại trong đó, chấy rận, khiến tôi chọn nhà phòng dịch, phó mặc rủi may. Tôi được dẫn lên một tòa nhà lớn hai tầng hoàn toàn trống trải, không cửa sổ, không giường, không bàn, không ghế, thậm chí không có lấy một chiếc ghế dựa để ngồi, không một bó rơm để nằm. Họ mang cho tôi tấm áo choàng, túi hành lý, hai chiếc rương của tôi; họ đóng lại những cửa ra vào to nặng có những chiếc khóa to nặng, và tôi ở lại đó, tha hồ đi dạo từ phòng này sang phòng khác và từ tầng này xuống tầng khác, đâu đâu cũng gặp vắng cảnh quạnh hiu ấy và sự trống trải ấy.

Tất cả những điều này chẳng khiến tôi hối hận vì đã chọn nhà phòng dịch hơn là con thuyền, và, như một Robinson mới, tôi bắt đầu thu xếp cho hai mươi một ngày của mình cứ như thể thu xếp cho cả đời mình. Thoạt tiên tôi có trò vui là săn lùng những con rận đã lây trên thuyền. Cuối cùng, khi đã sạch sẽ tinh tươm nhờ cứ thay mãi đồ

lót và áo quần, tôi tiến hành bày biện căn phòng tự chọn. Tôi dùng các áo khoác ngắn và các sơ mi làm thành một tấm nệm tốt, khâu nhiều tấm khăn thành vải trải giường, áo choàng trong nhà làm chần đắp, áo khoác ngoài cuộn lại làm gối. Tôi tự tạo ghế ngồi bằng cách đặt năm một chiếc hòm, còn chiếc kia đặt nghiêng làm bàn. Tôi lấy ra giấy, nghiên mực, tôi xếp khoảng mười mười hai cuốn sách mình có thành một kiểu tủ sách. Tóm lại, tôi sắp đặt cho mình ổn đến mức trừ rèm và cửa sổ, tôi hầu như cũng đủ tiện nghi trong nhà phòng dịch hoàn toàn trần trụi này như ở sân cầu phố Verdelet. Các bữa ăn được phục vụ rất long trọng, có hai cận vệ binh, lưỡi lê lấp trên đầu súng, hộ tống; cầu thang là phòng ăn, thêm nghỉ là bàn, bậc thang bên dưới là ghế, và, khi đã bày biện xong, họ vừa rút lui vừa rung một chiếc chuông nhỏ để báo cho tôi đến ăn. Giữa các bữa ăn, khi không đọc cũng không viết, hay không xếp sắp đồ đạc, tôi đi dạo trong nghĩa trang của những người Tân giáo, mà tôi sử dụng làm sân, tại đó tôi trèo lên một cột đèn trông ra cảng, có thể nhìn thấy những con tàu ra vào. Tôi sống như vậy qua mười bốn ngày, và có lẽ sẽ qua trọn vẹn hai chục ngày không một lúc nào buồn chán nếu như ông De Joinville, đặc phái viên của nước Pháp, mà tôi có gửi một bức thư tấm giấm, nước thơm và hơ cháy một nửa*, không rút ngắn thời gian cho tôi tám ngày: tôi đến ở nhà ông tám ngày ấy, và xin thú thực là trú ngụ tại nhà ông dễ chịu hơn rất nhiều tại nhà phòng dịch, ông ân cần vồn vã với tôi. Dupont, thư ký của ông, là một chàng trai tốt, anh dẫn tôi đến nhiều nhà có kha khá trò vui, ở Gênes cũng như ở nông thôn, và tôi kết giao với anh và cùng anh trao đổi thư từ trong thời gian dài. Tôi tiếp tục một cách thú vị cuộc hành trình qua Lombardie. Tôi thấy Milan, Véronèse, Brescia, Padoue, và cuối cùng tôi tới Venise, được ông đại sứ nóng lòng sốt ruột chờ đợi.

Tôi thấy hàng đồng công văn, của triều đình cũng như của các đại sứ khác, mà ông ta không đọc được những gì viết bằng mật hiệu, mặc

dù ông có đủ mọi mặt hiệu cần thiết cho việc đó. Cả đời chưa từng làm việc trong một văn phòng nào cũng chưa từng nhìn thấy một mặt hiệu của đặc phái viên, mới đầu tôi sợ mình bị lúng túng; nhưng tôi thấy không gì đơn giản hơn, và chưa đầy tám ngày tôi đã đọc được tất cả, chắc chắn chẳng bỏ công; vì, ngoài chuyện đại sứ quán tại Venise bao giờ cũng khá nhàn rỗi, thì với một con người như thế người ta chẳng muốn giao phó một việc thương lượng nhỏ nhoi nào. Ông ta đã ở trong tình trạng hết sức lúng túng cho đến khi tôi tới nơi, do chẳng biết đọc để người khác viết, cũng chẳng biết viết để người ta xem được. Tôi rất có ích cho ông ta; ông ta cảm thấy như vậy và đối xử với tôi tử tế. Còn một lý do khác nữa. Từ thời ông De Froulay, người tiền nhiệm, mà trí óc đã bị rối loạn, thì lãnh sự Pháp, là ông Le Blond, đảm trách công việc của đại sứ quán, và sau khi ông De Montaigu đến, ông vẫn tiếp tục đảm nhiệm cho đến khi giúp ông này biết được mọi việc, ông De Montaigu, ghen ghét vì một người khác làm chức nghiệp của mình, mặc dù bản thân mình không làm nổi, chẳng ưa ông lãnh sự, và tôi vừa đến nơi, là ông ta tước của ông lãnh sự các nhiệm vụ của bí thư sứ quán để giao cho tôi. Nhiệm vụ không tách rời chức vị; ông ta bảo tôi giữ lấy chức vị này. Trong thời gian tôi còn ở bên ông ta, bao giờ ông ta cũng chỉ cử tôi với danh nghĩa đó đến nghị viện hoặc gặp người thương thảo với ông ta; và thực ra đó là điều rất tự nhiên khi ông ta thích có một người của mình làm bí thư sứ quán hơn là một lãnh sự hoặc một nhân viên văn phòng do triều đình đề cử.

Việc này khiến cho tình thế của tôi thành khá dễ chịu, và ngăn các nhà quý tộc tùy tùng của ông, là người Ý, cũng như các thị đồng và phần lớn gia nhân, tranh giành với tôi quyền ưu tiên trong sứ quán. Tôi sử dụng thành công uy lực gắn với sứ quán để giữ gìn quyền tự trị, tức là sự độc lập của khu vực sứ quán, chống nhiều mưu toan vi phạm mà các sĩ quan người Venise của ông chẳng hề có ý cưỡng lại. Nhưng tôi cũng không bao giờ chịu để cho bọn côn đồ vào trốn tránh, mặc dù

làm như vậy tôi có thể được những mối lợi mà Đại nhân chắc sẽ chẳng chê phần của ngài.

Thậm chí ngài dám đòi hưởng lợi về quyền của văn phòng mà người ta gọi là ban bí thư. Lúc đó đang thời chiến tranh; không khỏi có rất nhiều giấy thông hành phải giải quyết. Mỗi giấy thông hành này trả một *sequin** cho người bí thư giải quyết và đồng ký tên. Tất cả những người tiền nhiệm của tôi đều thu đồng *sequin* đó không phân biệt người Pháp hay người nước ngoài. Tôi thấy cách hành xử này bất công; và, không là người Pháp, song tôi phớt bỏ khoản thu đó với người Pháp; nhưng tôi đòi hỏi hết sức nghiêm ngặt quyền của mình đối với bất kỳ ai khác, thành thử hầu tước Scotti, em trai sủng thần của hoàng hậu Tây Ban Nha, yêu cầu tôi một giấy thông hành mà không gửi đồng *sequin*, tôi liền cho đòi, sự táo tợn mà con người Ý hay hãnh thù ấy chẳng quên. Mọi người vừa biết được sự cải cách của tôi về lệ phí giấy thông hành, thì chỉ thấy những đám đông tự nhận là người Pháp đến xin cấp giấy, họ nói những thứ tiếng pha tạp trệ trệ hại, tự xưng kẻ thì dân miền Provence, kẻ thì dân miền Picardie, kẻ thì dân miền Bourgogne. Vì khá thính tai, nên tôi chẳng mấy bị lừa, và tôi không tin rằng một người Ý nào lại thó được đồng *sequin* của tôi và một người Pháp nào lại phải trả đồng *sequin* đó. Tôi ngu dại kể chuyện này với ông De Montaigu, vốn chẳng biết một tí gì về những việc tôi làm. Cái tiếng đồng *sequin* khiến tai ông ta động lên, và, chẳng nói với tôi ý kiến của ông ta về việc bãi bỏ chuyện thu tiền từ người Pháp, ông ta đòi tôi chia cho ông ta khoản thu của những người khác, và hứa với tôi những mối lợi tương đương. Bất bình vì sự thấp kém ấy hơn là buồn phiền vì lợi ích của riêng mình, tôi đường hoàng từ chối đề nghị của ông ta; ông ta nài, tôi phát cáu. Tôi nói với ông ta rất gay gắt: “Không, thưa đại nhân, xin ngài cứ giữ những gì thuộc về ngài và để cho tôi những gì thuộc về tôi; tôi sẽ không bao giờ nhường đại nhân một đồng xu nhỏ.” Thấy không thể kiếm được gì bằng con đường ấy, ông ta đi con đường khác, và chẳng hổ thẹn bảo tôi rằng, vì

tôi đã thu lợi từ ban bí thư của ông ta, thì tôi phải chi phí cho nó mới công bằng. Tôi chẳng muốn kỳ kèo về mục này, và từ đó tôi dùng tiền của mình cung cấp mực, giấy, sáp, nến, dây nhỏ buộc giấy tờ, cho đến cả con dấu mà tôi cho làm lại, và ông ta không bao giờ hoàn lại cho tôi một đồng kẽm. Việc này chẳng ngăn tôi dành một phần nhỏ tiền thu được từ giấy thông hành cho tu sĩ De Binis, chàng trai tốt bụng, và chẳng hề yêu cầu điều gì giống như vậy. Nếu như anh ta ân cần với tôi, thì tôi cũng chẳng kém chính trực với anh ta, và chúng tôi luôn sống hòa thuận cùng nhau.

Qua làm thử, tôi thấy công việc của mình ít rắc rối hơn mình từng sợ đối với một người không có kinh nghiệm, bên cạnh một đại sứ cũng chẳng nhiều kinh nghiệm hơn, thêm vào đó, sự dốt nát và tính ương ngạnh như thể vô cớ ngăn trở tất cả những điều hay mà lương tri và một số tri thức khơi gợi cho tôi để phục vụ ông ta và phục vụ nhà vua. Điều hợp lẽ phải nhất được ông ta làm là kết giao với hầu tước Mari, đại sứ Tây Ban Nha, người khôn khéo và tinh tế, có thể dắt mũi ông ta nếu muốn, nhưng, vì sự thống nhất lợi ích của hai vương triều, nên thường khuyên bảo ông ta khá đúng đắn, nếu như ông này không làm hỏng những điều khuyên nhủ do bao giờ cũng nhét ý của mình vào trong khi thực hiện. Điều duy nhất họ phải cùng nhau làm là vận động người Venise duy trì thái độ trung lập. Những người này chẳng quên quả quyết rằng họ thành thực tuân thủ tính trung lập, trong khi họ công khai cung cấp cho quân đội Áo đạn dược, thậm chí cả binh lính, viện cớ những kẻ đó đào ngũ. Ông De Montaigu, mà tôi cho là muốn làm vừa lòng nước Cộng hòa, cũng không quên bảo tôi, bất chấp những lời tôi khuyến cáo, hãy nói chắc chắn trong mọi công văn của ông rằng nước này sẽ không bao giờ vi phạm sự trung lập. Tính ương ngạnh và sự ngu độn của con người thảm hại này lúc nào cũng khiến tôi viết và làm những điều ngông cuồng vô lý mà tôi buộc phải thi hành, bởi ông ta muốn vậy, nhưng đôi khi khiến cho nghề của tôi thành không sao

chịu nổi thậm chí gần như không sao thực hiện nổi. Thí dụ ông ta muốn phần lớn nhất trong công văn gửi đức vua và công văn gửi bộ trưởng nhất thiết phải viết bằng mật hiệu, mặc dù cả hai công văn hoàn toàn chẳng chứa đựng điều gì đòi hỏi phải cẩn trọng như thế. Tôi trình bày với ông ta rằng giữa thứ Sáu là ngày công văn của triều đình đến và thứ Bảy là ngày công văn của chúng tôi đi, thời gian không đủ để sử dụng cho nhiều mật hiệu như thế và cho số lượng lớn thư tín mà tôi phải đảm trách để gửi đi cùng chuyến xe thư. Ông ta tìm được một kế tuyệt diệu, đó là phúc đáp từ ngày thứ Năm những công văn sẽ đến vào hôm sau. Thậm chí ông ta thấy ý tưởng này thật tài tình, bất kể những gì tôi nói với ông ta về tính bất khả thi, về tính vô lý trong sự thực hiện, thành thử đành thi hành thôi; và suốt thời gian tôi còn làm việc với ông ta, sau khi ghi lại vài lời ông ta nhân tiện nói qua loa trong tuần và vài tin tức ai cũng biết cả mà tôi nhặt nhanh chỗ này chỗ khác, với những chất liệu duy nhất đó, tôi không quên thứ Năm nào cũng mang đến cho ông ta bản nháp các công văn cần gửi đi ngày thứ Bảy, trừ vài chỗ bổ sung hay sửa chữa vội vàng căn cứ trên những công văn phải đến vào thứ Sáu, mà công văn của chúng tôi là sự phúc đáp. Ông ta còn một cái tật nữa rất tức cười khiến cho việc trao đổi thư tín của ông ta có một tính chất lổ lằng khó tưởng tượng nổi. Đó là gửi lại mỗi tin tức cho nơi phát ra nó, thay vì để nó tiếp tục lưu hành, ông ta bày tỏ với ông Amelot những tin tức của triều đình, với ông De Maurepas những tin tức của Paris, với ông D'Havrincourt tin tức của Thụy Điển, với ông De la Chetardie tin tức của Pétersboug và đôi khi bày tỏ với mỗi người tin tức đến từ chính người ấy, được tôi thể hiện bằng từ ngữ khác biệt đôi chút, vì trong tất cả những gì tôi đem đến để ông ta ký, ông ta chỉ xem lướt những công văn gửi triều đình, và ký công văn gửi các đại sứ khác mà không đọc, điều này khiến tôi chủ động hơn đôi chút trong việc sửa sang những công văn đó theo kiểu của tôi, và tôi làm cho các tin tức ít ra cũng gặp gỡ nhau. Nhưng tôi không thể đem lại cho các công văn chủ yếu một dáng dấp hợp lý: còn là may khi ông ta không nghĩ ra chuyện ứng tác xen vào đó vài dòng

của chính ông ta, buộc tôi phải vội vã sao lại toàn bộ bức công văn được tô điểm thêm cái lời lẽ chường tai mới mẻ ấy, mà lại phải cho nó được vinh dự ghi bằng mật hiệu, nếu không ông ta sẽ chẳng chịu ký. Có đến hai chục lần, vì thanh danh của ông ta, tôi định ghi bằng mật hiệu những điều khác với điều ông ta nói; nhưng do cảm thấy không gì có thể cho phép một sự thiếu trung thực như vậy, tôi bèn để ông ta huyền thuyên và tự chịu lấy rủi may, chỉ đành thẳng thắn nói với ông ta, và tôi cũng tự chịu rủi may làm trọn bốn phận mình bên ông ta.

Đó là điều tôi luôn thực hiện với một sự chính trực, một lòng nhiệt thành và một niềm can đảm xứng đáng được một phần thưởng khác với phần thưởng mà cuối cùng tôi nhận từ ông ta. Đã đến lúc tôi phải là những gì mà Trời, từng phú cho tôi một bản tính tốt, những gì mà sự giáo dục nhận được từ người phụ nữ ưu việt nhất trong các phụ nữ, những gì mà sự giáo dục tự tôi đem lại cho bản thân đã khiến tôi là như thế; và tôi là như thế. Phó thác cho riêng mình, không bạn hữu, không có sự khuyên bảo, không có kinh nghiệm, ở ngoại quốc, phục vụ một ngoại bang, ở giữa một đám đông những kẻ gian hoạt, vì quyền lợi của họ và vì muốn gạt đi tấm gương tốt gây tức giận, xúi giục tôi bắt chước họ, tôi không hề làm vậy, và trong tất cả những gì tùy thuộc ở mình, tôi phục vụ tốt nước Pháp, mà tôi không mắc nợ gì hết, và phục vụ đại sứ tốt hơn, điều này là công bằng. Không hề có khuyết điểm ở một chức vị khá được chú ý, tôi đáng được, và tôi đạt được sự quý trọng của nước Cộng hòa, sự quý trọng của tất cả các đại sứ mà chúng tôi có liên lạc thư tín, và tình thân ái của tất cả những người Pháp định cư tại Venise, không trừ chính vị lãnh sự, mà tôi bắt buộc phải chiếm những chức trách mà tôi biết là của ông, những chức trách đem lại cho tôi nhiều rắc rối hơn là vui thích.

Hoàn toàn phó mình cho hầu tước De Mari, người chẳng đi vào các tiểu tiết trong bốn phận của ông này, ông De Montaigu sao nhãng những bốn phận ấy đến mức, nếu không có tôi, những người Pháp ở Venise có lẽ chẳng nhận thấy có một đại sứ của nước họ ở đó. Luôn bị

đuổi khéo mà chẳng được nghe giải bày mỗi khi họ cần đến sự che chở của ông, họ đâm chán ghét, và không còn thấy một người nào trong số họ hoặc tháp tùng ông hoặc ăn với ông, mà ông ta cũng chẳng bao giờ mời họ. Tôi thường tự ý làm những gì lẽ ra ông ta phải làm: tôi giúp những người Pháp đến cầu viện ông, hay cầu viện tôi, tất cả những gì trong quyền hạn của tôi. Giả sử ở bất kỳ quốc gia nào khác có lẽ tôi sẽ làm nhiều hơn nữa; nhưng vì địa vị của mình nên không thể gặp gỡ một người nào đang giữ địa vị, nhiều khi tôi buộc phải nhờ ông lãnh sự, còn ông lãnh sự, định cư tại đất nước nơi ông có gia đình của mình, cho nên có những sự cẩn trọng cần giữ gìn, chúng ngăn cản ông làm những gì lẽ ra ông muốn làm. Tuy nhiên, đôi khi thấy ông nhụt chí và không dám nói, tôi liền tiến hành những cuộc vận động mạo hiểm mà nhiều cuộc đã thành công. Tôi nhớ một cuộc mà hồi ức còn khiến tôi bật cười. Mọi người sẽ không ngờ rằng nhờ tôi mà những người ham xem kịch ở Paris có được Coralline và Camille chị cô*: tuy nhiên chẳng có gì đúng sự thực hơn. Cha các cô, Véronèse, đã cùng các con nhận lời với đoàn kịch Ý; và sau khi lĩnh hai ngàn franc cho cuộc hành trình, thay vì lên đường, ông thản nhiên đến diễn tại Venise ở nhà hát Saint-Luc*, tại đó Coralline, mặc dù còn nhỏ tuổi, đã thu hút rất nhiều khán giả. Công tước De Gesvres, là nhà quý tộc phụ trách chính công việc trong cung điện nhà vua, liền viết thư cho đại sứ để đòi hai cha con. Ông De Montaigu, khi đưa cho tôi bức thư, để huấn thị, chỉ nói: *Hãy xem cái này*. Tôi đến nhà ông Le Blond yêu cầu ông nói với vị quý tộc chủ nhân nhà hát Saint-Luc, tôi nghĩ là một ngài mang họ Zustiniani, để ngài gửi trả Véronèse, người đã được thuê phục vụ nhà vua. Le Blond, chẳng quá quan tâm đến việc được ủy thác, thực hiện không tốt. Zustiniani nói huyền thuyên, và Véronèse chẳng hề được gửi trả. Tôi bị mếch lòng. Khi ấy đang có lễ hội hóa trang. Mặc đồ giả trang và đeo mặt nạ, tôi sai dẫn mình đến lâu đài Zustiniani. Tất cả những ai nhìn thấy con thuyền của tôi đi vào, mang biểu hiệu đại sứ, đều kinh ngạc; Venise chưa từng thấy chuyện gì tương tự. Tôi vào, tôi cho thông báo dưới danh tính *una siora*

*maschera**. Vừa được đưa vào, tôi liền bỏ mặt nạ, và tự xưng danh. Ngài nghị sĩ tái mặt đi và sững sờ. Tôi nói với ngài bằng tiếng Venise: “Thưa đại nhân, tôi rất tiếc phải đến làm phiền ngài; nhưng ngài đang có tại nhà hát Saint-Luc một người tên là Véronèse đã được thuê phục vụ nhà vua, và mọi người đã yêu cầu ngài giao người đó song vô hiệu: tôi đến đòi ông ta nhân danh Hoàng thượng.” Bài diễn thuyết ngắn của tôi gây ấn tượng. Tôi vừa ra về, là nhân vật của tôi chạy đi báo cáo sự cố với các đại pháp quan của Nhà nước, họ mắng cho ông ta một trận, Véronèse bị cho thôi việc ngay hôm ấy. Tôi cho người báo với ông ta rằng nếu ông ta không lên đường trong vòng tám ngày, tôi sẽ cho bắt giữ ông ta; thế là ông ta lên đường.

Trong một dịp khác, tôi cứu một thuyền trưởng tàu buôn thoát khỏi khó khăn, một mình tôi làm và gần như không ai giúp đỡ. Ông ta là thuyền trưởng Olivet, người Marseille; tôi quên tên con tàu. Đoàn thủy thủ của ông đã cãi cọ với những người Esclavonie làm việc cho nước Cộng hòa: có những sự bạo hành, và con tàu bị bắt giữ với tình trạng hà khắc đến mức không người nào, trừ một mình thuyền trưởng, có thể vào hoặc ra khỏi tàu mà không được phép. Thuyền trưởng cầu viện đại sứ, đại sứ đuổi ông ta đi; ông ta cầu viện lãnh sự, lãnh sự bảo đây không phải một công việc thương mại và mình không thể can thiệp; chẳng biết làm gì nữa, ông ta quay lại tìm tôi. Tôi trình bày với ông De Montaigu là ông cần cho phép tôi làm một bản trần tình về việc này với nghị viện; tôi không nhớ ông có chấp thuận hay không và tôi có đưa bản trần tình hay không; nhưng tôi nhớ rõ là do những sự vận động của tôi chẳng có kết quả gì, và lệnh cấm tàu vẫn kéo dài, tôi bèn có một quyết định, dẫn tới thành công. Tôi xen đoạn tường thuật vụ việc này vào một công văn gửi ông De Maurepas, thậm chí tôi phải khá vất vả để ông De Montaigu đồng ý thông qua điều đó. Tôi biết rằng các công văn của chúng tôi, tuy chẳng đáng mất công mở ra, song vẫn bị mở ra tại Venise. Tôi có chứng cứ về điều này ở những bài

mà tôi thấy đúng từng chữ trong báo: sự thiếu trung thực mà tôi đã muốn xui đại sứ than phiền, song vô hiệu. Mục đích của tôi, khi nói về sự sách nhiễu này trong công văn, là lợi dụng sự tò mò của họ để làm họ sợ và khiến họ thả con tàu; vì nếu phải chờ đợi công văn phúc đáp của triều đình, thì thuyền trưởng sạt nghiệp trước khi công văn đến. Tôi làm hơn nữa, tôi đến con tàu để chất vấn đoàn thủy thủ. Tôi đưa tu sĩ Patizel, bí thư lãnh sự quán, đi cùng, anh ta chỉ miễn cưỡng mà đến; vì tất cả những con người tội nghiệp ấy rất sợ làm mất lòng nghị viện! Không lên được tàu vì lệnh cấm, tôi ở lại thuyền, và lập biên bản tại đó, chất vấn lớn tiếng và lần lượt tất cả những người trong thủy thủ đoàn, và hướng các câu hỏi sao cho thu được những câu trả lời có lợi cho họ. Tôi muốn khuyến khích Patizel tự mình chất vấn và lập biên bản, điều này quả thực thuộc về nghề của anh hơn là nghề của tôi. Anh nhất định không đồng ý, không nói một lời và chỉ phần nào muốn ký vào biên bản sau tôi. Tuy nhiên việc làm hơi táo bạo này thành công tốt đẹp và con tàu được giải phóng trước công văn phúc đáp của bộ trưởng rất lâu. Thuyền trưởng muốn biếu xén tôi. Tôi không giận, vỗ vai ông ta mà bảo: “Thuyền trưởng Olivet này, anh cho rằng con người không nhận của người Pháp một thuế thông hành mà người đó thấy đã xác lập rồi, lại là kẻ bán cho người Pháp sự bảo hộ của nhà vua hay sao?” Ông ta muốn ít ra cũng đãi tôi một tiệc trưa trên tàu, tôi nhận lời và dẫn theo viên bí thư sứ quán Tây Ban Nha, tên là Carrio, người có tài trí và rất dễ mến, sau đó làm bí thư sứ quán tại Paris và đặc phái viên ngoại giao, tôi liên kết thân thiết với anh, theo gương hai đại sứ của chúng tôi.

Trong khi làm mọi điều tốt mà mình có thể, một cách hoàn toàn vô tư bất vụ lợi, thật may mắn nếu như tôi biết đưa vào tất cả những tiểu tiết vặt vặt đó đủ trật tự và sự chú ý để không bị lừa bịp và giúp người khác mà thiệt hại cho mình! Nhưng trong những chức vụ như chức vụ tôi đang nắm giữ, ở đó những lỗi nhỏ nhặt nhất cũng đều có hậu quả, tôi tận lực chú ý để khỏi phạm những lỗi hại đến công việc;

cho đến cuối cùng tôi hết sức trật tự và hết sức chính xác trong tất cả những gì liên quan đến nhiệm vụ chủ yếu. Ngoài một vài nhầm lẫn do sự gấp gáp bắt buộc khiến tôi mắc phải trong khi ghi mật hiệu, bị các nhân viên của ông Amelot than phiền một lần, thì đại sứ cũng như mọi người không ai phải chê trách tôi một sự cầu thả nào trong bất kỳ chức phận nào, điều này đáng ghi nhận đối với một người luộm thuộm và khinh suất như tôi; nhưng đôi khi tôi thiếu trí nhớ và thiếu cẩn thận trong những việc riêng mà mình đảm nhận, và lòng yêu mến sự công bằng luôn khiến tôi tự ý chịu tổn hại trước khi ai đó nghĩ đến chuyện than phiền. Tôi sẽ chỉ viện dẫn một chuyện duy nhất, liên quan đến việc tôi đi khỏi Venise, và tôi bị ảnh hưởng về sau tại Paris.

Người đầu bếp của chúng tôi, tên là Roussetot, có mang từ Pháp sang một tờ phiếu cũ ghi hai trăm *franc* mà một nhà quý tộc Venise là Zanetto Nani nợ một người thợ làm tóc giả là chỗ bạn bè của bác ta, về khoản cung cấp tóc giả. Roussetot mang đến cho tôi tờ phiếu này, xin tôi cố gắng lấy được phần nào đó qua điều đình. Tôi biết, bác ta cũng biết tập quán thường xuyên của các nhà quý tộc Venise là về nước rồi, thì không bao giờ trả những khoản họ đã mắc nợ ở nước ngoài; khi người ta muốn ép họ trả, thì họ làm cho người chủ nợ tội nghiệp mòn mỏi vì những sự chậm chạp và vì phí tổn, thành thử người đó chán nản, và cuối cùng bỏ tất cả hoặc điều đình để gần như chẳng được gì. Tôi nhờ ông Le Blond nói chuyện với Zanetto; ông này đồng ý về tờ phiếu, không đồng ý về việc trả tiền. Đấu tranh mãi, cuối cùng ông ta hứa đưa ba *sequin*. Khi Le Blond mang tờ phiếu đến cho ông ta, ba *sequin* chưa có; phải đợi. Trong thời gian chờ đợi này, xảy ra vụ cãi cọ giữa tôi với đại sứ và tôi ra khỏi sứ quán. Tôi để lại giấy tờ của sứ quán hết sức trật tự nhưng tờ phiếu của Roussetot lại không thấy. Le Blond cam đoan đã trả nó cho tôi rồi; tôi biết ông là người quá chính trực nên không nghi ngờ điều đó; nhưng tôi không thể nhớ tờ phiếu đã ra làm sao. Vì Zanetto đã nhận món nợ, tôi xin ông Le Blond cố gắng đòi ba *sequin* đổi lấy một tờ biên lai, hoặc khuyên ông ta sao lại phiếu

nợ. Biết là tờ phiếu bị mất, Zanetto chẳng chịu làm điều nợ cũng như điều kia. Tôi lấy tiền của mình đưa cho Roussetot ba *sequin* coi như đã nhận tờ phiếu. Bác ta từ chối, bảo tôi hãy điều đình tại Paris với người chủ nợ, và cho tôi địa chỉ của người này. Người thợ làm tóc giả, biết chuyện đã xảy ra, đòi hoặc tờ phiếu hoặc toàn bộ số tiền. Trong niềm công phẫn, tôi có thể mất gì cũng cam để tìm lại được tờ phiếu đáng nguyên rửa ấy! Tôi trả khoản hai trăm *franc*, và làm việc này trong tình cảnh quẫn bách nhất. Thế là việc mất tờ phiếu khiến người chủ nợ được trả toàn bộ số tiền, trong khi, nếu rủi cho bác ta, tờ phiếu ấy mà tìm thấy lại, thì bác ta có lẽ khó khăn mới moi được mười đồng *écu* mà đại nhân Zanetto Nani hứa trả.

Tài năng mà tôi nghĩ là mình có đối với chức vụ của mình khiến tôi thực hiện chức vụ một cách thích thú, và ngoài sự giao thiệp với anh bạn Carrio, với Altuna đức độ mà tôi sắp nói tới, ngoài những thú tiêu khiển thật trong sạch ở quảng trường Saint-Marc, xem kịch, và vài cuộc viếng thăm mà hầu như bao giờ chúng tôi cũng đi cùng nhau, tôi lấy nhiệm vụ làm niềm vui duy nhất. Mặc dù công việc không thật vất vả, nhất là với sự giúp đỡ của tu sĩ De Binis, nhưng do việc trao đổi thư tín rất rộng và do đang có chiến tranh, nên tôi chẳng khỏi khá bận rộn. Ngày nào tôi cũng làm việc một phần lớn của buổi sáng, và những ngày có chuyển thư thì đôi khi làm đến nửa đêm. Tôi dành thời gian còn lại để nghiên cứu về nghề nghiệp mình đang bắt đầu, và dựa vào thành công của bước khởi đầu, tôi chắc sau này sẽ được sử dụng với nhiều thuận lợi hơn. Quả thực, mọi người đều nhất trí về tôi, bắt đầu từ đại sứ, ông ta tỏ ra hài lòng rõ ràng về sự phục vụ của tôi, không bao giờ than phiền, và toàn bộ sự điên giận của ông ta chỉ xảy ra về sau này, do bản thân tôi than phiền song vô hiệu, cuối cùng tôi muốn nghỉ việc. Các đại sứ và các đặc phái viên của nhà vua, mà chúng tôi có liên lạc thư tín, nói với ông ta, về công lao người bí thư của ông ta, những lời khen ngợi lẽ ra phải làm ông ta vui lòng, nhưng trong cái đầu óc ương bướng của ông ta, lại gây một hiệu quả hoàn toàn trái

ngược. Ông ta đặc biệt nhận được một lời khen trong một trường hợp khẩn yếu mà ông ta không bao giờ tha thứ cho tôi. Điều này đáng bỏ công giải thích.

Ông ta có thể ít kiểm chế đến mức ngay thứ bảy, ngày của hầu hết các chuyến thư, cũng không đợi được công việc hoàn tất rồi mới ra ngoài; và không ngừng thúc giục tôi giải quyết các công văn gửi nhà vua và các bộ trưởng, ông ta ký vội ký vàng, rồi chạy đi chơi bởi những đâu tôi chẳng biết, bỏ lại phần lớn thư từ không có chữ ký: điều này buộc tôi, khi chỉ là tin tức, thì sửa sang thành thông báo; nhưng khi là việc liên quan đến công vụ phụng sự nhà vua, thì phải có ai đó ký tên, và tôi ký. Tôi đã hành xử như vậy đối với một thông tri quan trọng mà chúng tôi vừa nhận được từ ông Vincent, đặc phái viên ngoại giao của nhà vua tại Vienne. Đó là vào thời gian vương tước De Lobkowitz tiến đánh Naples, và bá tước De Gages thực hiện cuộc rút lui đáng ghi nhớ, mưu lược chiến tranh tuyệt vời nhất của cả thế kỷ, mà châu Âu nhắc tới quá ít. Thông tri truyền đạt rằng một người mà ông Vincent gửi cho chúng tôi dấu hiệu nhận dạng, lên đường từ Vienne, và phải qua Venise, lén lút đi đến Abruzzes, đảm nhiệm vận động dân chúng nổi dậy khi quân Áo tới gần. Trong khi vắng mặt bá tước De Montaigu, người chẳng quan tâm đến điều gì hết, tôi cho chuyển bức thông tri tới hầu tước De l'Hôpital rất kịp thời, thành thử có lẽ nhờ chàng Jean-Jacques tội nghiệp bị nhạo báng rất nhiều mà dòng họ Bourbons giữ được vương quốc Naples.

Hầu tước De l'Hôpital, trong khi cảm ơn vị đồng chức theo đúng lễ công bằng, có nói đến người bí thư của ông ta và việc người đó vừa giúp cho sự nghiệp chung. Bá tước De Montaigu, người phải tự trách vì sự sơ xuất của mình trong vụ đó, ngỡ như thoáng thấy trong lời khen này một sự chê trách, và nói với tôi chuyện ấy một cách cẩu kính. Tôi từng ở tình thế phải hành xử với bá tước De Castellane, đại sứ tại Constantinople, giống như với hầu tước De l'Hôpital, tuy việc không quan trọng bằng. Bởi với Constantinople không có bưu vụ nào

khác ngoài các chuyển thư mà nghị viện Venise thỉnh thoảng gửi cho đại sứ của họ tại Constantinople, nên họ thông báo cho đại sứ nước Pháp biết sự khởi hành của những chuyển xe thư này, để ông ta có thể viết cho đồng nghiệp của mình bằng con đường đó, nếu ông ta xét thấy thích hợp. Thường thì thông báo đến trước một hoặc hai ngày: nhưng người ta rất ít trọng thị ông De Montaigu, thành thử chỉ gửi cho ông ta theo lệ, một hoặc hai giờ trước khi xe thư khởi hành; điều này khiến tôi nhiều lần ở vào tình thế phải viết công văn khi ông ta không có mặt. Ông De Castellane, trong khi phúc đáp, nhắc đến tôi với lời lẽ thích đáng; ông De Joinville ở Gênes cũng làm như vậy; chừng ấy nỗi bất bình mới.

Thú thật là tôi chẳng né tránh cơ hội làm mọi người biết đến mình, nhưng tôi cũng chẳng tìm cơ hội một cách không phải lối; và tôi thấy, khi phụng sự đặc lực, thì hy vọng được phần thưởng tự nhiên cho những việc làm tốt là rất công bằng, phần thưởng đó là niềm quý trọng của những ai có thể xét đoán và tưởng thưởng. Tôi sẽ không nói rằng liệu sự đúng đắn của tôi trong khi thực hiện nhiệm vụ có là một lý do than phiền chính đáng về phía ông đại sứ hay không, nhưng tôi sẽ nói rõ rằng đó là lý do duy nhất ông ta đã nêu lên cho đến ngày chúng tôi chia tay.

Sứ quán của ông ta, không bao giờ được ông ta đưa vào tình trạng thật tử tế, đầy lũ vô lại; ở đó những người Pháp bị bạc đãi, ở đó những người Ý có thể lực; thậm chí, những người phục vụ tốt gắn bó với sứ quán từ lâu, đều bị đuổi đi hết thảy một cách bất lương, trong số này có nhà quý tộc tùy tùng thứ nhất của ông ta, từng là quý tộc tùy tùng thứ nhất của bá tước De Froulay, tên là bá tước Peati, hoặc một tên gì rất giống như vậy. Nhà quý tộc thứ nhì, do ông De Montaigu chọn, là một gã côn đồ người Mantoue, tên là Dominique Vitali, được đại sứ giao cho trông nom trụ sở sứ quán, và do ra sức mềm mỏng nịnh nọt và bủn xỉn một cách hèn hạ, được ông ta tin cậy và trở thành kẻ được sủng ái, gây tổn hại lớn cho số ít người lương thiện còn ở đó,

và cho viên bí thư đứng đầu những người này. Con mắt công minh chính đại của một người chính trực bao giờ cũng đáng gờm đối với bọn trộm cắp. Chẳng cần nhiều hơn để gã kia đem lòng thù ghét tôi; nhưng mỗi thù ghét này còn có một nguyên nhân khác khiến nó thành tàn ác hơn nhiều, cần phải nói ra nguyên nhân ấy, để mọi người kết tội tôi nếu tôi sai.

Theo lệ thường, đại sứ có một khán phòng riêng ở mỗi nhà hát trong năm nhà hát. Tất cả các ngày, trong bữa ăn chiều ông ta nói tên nhà hát ông ta muốn đến ngày hôm đó; tôi chọn sau ông, còn các nhà quý tộc sử dụng những khán phòng còn lại. Khi ra ngoài tôi cầm chìa khóa của khán phòng mình đã chọn. Một hôm, do Vitali không có ở đó, tôi giao cho người tòng bộc phục vụ tôi nhiệm vụ mang chìa khóa đến một nhà mà tôi chỉ cho anh ta. Vitali, thay vì gửi chìa khóa cho tôi, bảo rằng y đã sử dụng nó rồi. Tôi càng tức giận hơn, vì người tòng bộc báo cáo việc tôi ủy thác trước mặt tất cả mọi người. Buổi tối, Vitali muốn nói với tôi vài lời xin lỗi mà tôi không nhận. Tôi bảo hắn: “Thưa ông, ngày mai vào giờ này nọ ông sẽ đến xin lỗi tôi tại ngôi nhà nơi tôi đã bị xúc phạm và trước mặt những người đã chứng kiến sự xúc phạm; hoặc ngày kia, dù chuyện gì xảy ra chẳng nữa, tôi tuyên bố với ông rằng ông hoặc tôi sẽ ra khỏi đây.” Giọng quả quyết ấy buộc gã phải nể sợ. Gã đến đúng chỗ và đúng giờ để công khai xin lỗi tôi với một thái độ hèn hạ xứng với gã; nhưng gã thùng thẳng giở các thủ đoạn của gã, và, trong khi vẫn hết sức khúm núm với tôi, gã hoạt động theo kiểu Ý đến mức mà, không thể xúi giục đại sứ cho tôi thôi việc, gã đặt tôi vào tình thế bất đắc dĩ phải thôi việc.

Một kẻ khốn nạn như vậy chắc chắn không thích hợp để hiểu tôi; nhưng hắn hiểu về tôi những gì phục vụ cho mục đích của hắn. Hắn hiểu là tôi tốt và hiền cực độ để chịu đựng những sai trái không cố ý, kiêu hãnh và ít nhần nại đối với những xúc phạm có ý định trước, ưa thích sự đứng đắn và đường hoàng trong những việc thích đáng, và đòi hỏi sự tôn trọng mà mọi người phải có với mình chẳng kém việc quan

tâm bày tỏ niềm tôn trọng mà mình phải có đối với người khác, chính ở chỗ này hẳn quyết làm và làm được cho tôi chán nản. Hẳn khiến trụ sở sứ quán điên đảo; hẳn làm mất đi những gì là quy củ, phục tùng, sạch sẽ, trật tự, mà tôi đã cố gắng duy trì. Một trụ sở không có phụ nữ cần một kỷ luật hơi nghiêm để làm cho tình trạng ngự trị trong đó là tình trạng khiêm nhường giản dị không tách rời phẩm cách đường hoàng, chẳng bao lâu hẳn biến trụ sở của chúng tôi thành một nơi chốn gian tà và buông tuồng, một sào huyệt của bọn trộm cắp và dâm dăng. Hẳn kiếm cho Ngài đại sứ để làm nhà quý tộc tùy tùng thứ nhì, thay vào chỗ của người mà hẳn làm cho bị đuổi, một gã ma cô khác giống như hẳn và kinh doanh nhà thổ công khai ở Croix-de-Malte; và hai gã vô lại rất hợp ý nhau này sẵn sàng thô tục ngang với hỗn láo. Ngoại trừ duy nhất gian phòng riêng của đại sứ, cũng chẳng đúng quy củ cho lắm, thì không một xó xỉnh nào trong trụ sở có thể chịu được đối với một con người lương thiện.

Vì Ngài đại sứ không dùng bữa đêm, nên buổi tối, các nhà quý tộc và tôi có một bàn ăn riêng, tu sĩ De Binis và các thị đồng cùng ăn tại đó. Ở quán ăn tồi tàn xấu xí nhất người ta cũng được phục vụ sạch sẽ hơn, tử tế hơn, với khăn bàn khăn ăn bột bần hơn, và thức ăn khá hơn. Họ cho chúng tôi mỗi một cây đèn sáp nhỏ đen kịt, đĩa thiếc, nĩa sắt. Thôi thì cho qua những gì diễn ra kín đáo; nhưng họ tước mất của tôi con thuyền; trong các bí thư sứ quán, chỉ riêng mình tôi buộc phải thuê thuyền, hoặc đi chân, và tôi chỉ còn có biểu hiệu của Ngài đại sứ khi đi đến thượng nghị viện mà thôi, và chẳng có điều gì diễn ra bên trong mà thành phố lại không biết. Tất cả các viên chức của đại sứ đều kêu la oán thán. Dominique, nguyên nhân duy nhất của mọi sự, là lỗi to nhất, vì hẳn biết rõ là tôi nhạy cảm hơn tất cả những người khác về tình trạng chúng tôi bị đối xử sẵn sàng thô lỗ. Tôi là người duy nhất trong cả sứ quán không nói năng gì ở bên ngoài, nhưng tôi than phiền gay gắt với đại sứ về mọi điều và về bản thân ông ta, do bị tên thủ hạ kích thích ngầm ngấm, nên mỗi ngày lại có thêm một xúc phạm mới

đối với tôi. Buộc phải chi tiêu nhiều để xử sự được ngang bằng với các đồng nghiệp, và thích đáng với chức vụ, tôi không thể đòi được một xu trong tiền lương, và khi tôi hỏi ông ta tiền, thì ông ta nói với tôi về sự quý trọng và niềm tin của ông ta, cứ như thể điều ấy phải làm đầy túi tiền của tôi và cung ứng cho mọi thứ.

Rốt cuộc hai gã côn đồ làm cho đầu óc ông chủ chúng hoàn toàn quay cuồng, mà đầu óc ông ta vốn đã chẳng ngay ngắn lắm, và chúng khiến ông ta sạt nghiệp trong một trò buôn bán liên miên, vì những vụ mua hớ mà chúng thuyết phục ông ta là mua hời. Chúng xui ông ta thuê trên bờ sông Brenta một lâu đài mùa hè đắt gấp đôi giá trị thực, mà chúng chia với người chủ phần dư ra. Các phòng của biệt thự đều khảm tranh đá ghép và có những cột những trụ bằng cẩm thạch tuyệt đẹp theo kiểu của địa phương. Ông De Montaigu cho lát kín hết thảy một cách cao ngạo bằng gỗ thông, với lý do duy nhất là ở Paris các phòng đều lát ván như vậy. Cũng với một lý do tương tự mà, trong tất cả các đại sứ tại Venise, một mình ông ta tước đi thanh kiếm của các thị đồng và cây gậy chống của các tông bộc. Đó là con người, có lẽ cũng vẫn vì duyên cớ như trên, có ác cảm với tôi, duy chỉ vì tôi phục vụ ông ta một cách trung thành.

Tôi nhẫn nại chịu đựng những sự khinh thị, cách đối xử tệ, thái độ thô bạo của ông ta, chừng nào tôi thấy đó là tính tình nên ngờ rằng không thấy sự căm ghét: nhưng từ khi nhìn thấy ý định tước đoạt của tôi vinh dự mà tôi xứng đáng do công việc tận tụy, thì tôi quyết không chịu. Dấu hiệu đầu tiên về ác ý của ông ta đối với tôi là nhân một tiệc tối mà ông ta phải chiêu đãi công tước De Molène và gia đình hiện đang ở Venise, ông ta tuyên bố rằng tôi sẽ không có chỗ ở bàn ăn của ông ta. Phật ý nhưng không tức giận, tôi đáp lại rằng, do tôi có vinh dự dùng bữa tối tại đó hằng ngày, nên nếu ngài công tước De Molène đòi hỏi tôi không tham gia khi ngài đến, thì phẩm cách của Ngài đại sứ và bốn phận của tôi là không được đồng ý. Ông ta giận dữ nói: “Sao cơ! Bí thư của tôi, thậm chí không phải là quý tộc, đòi dự tiệc tối với một

vương công khi các nhà quý tộc phục vụ tôi không dự? - Vâng, thưa ngài, tôi đáp lại, chức vụ mà tôi đã vinh hạnh được Ngài trao cho nâng cao phẩm giá tôi rất nhiều chừng nào tôi còn thực hiện chức vụ ấy, thành thử thậm chí tôi được quyền đi trước các nhà quý tộc, hoặc tự xưng quý tộc của ngài, và tôi được thừa nhận tại những chốn mà họ không thể được thừa nhận. Ngài biết rõ rằng, ngày mà ngài trình quốc thư thì, do nghi thức và do một tập quán lâu đời, tôi có nhiệm vụ mặc lễ phục đi theo ngài và có vinh hạnh dự tiệc tối cùng ngài tại lâu đài Saint- Marc; và tôi không hiểu tại sao một người có thể và phải công khai dự tiệc cùng Đại Thống lĩnh và thượng nghị viện Venise, lại không thể dự bữa tiệc riêng tư cùng công tước De Molène.” Mặc dù lập luận không thể phản bác, đại sứ chẳng chịu thua: nhưng chúng tôi không có cơ hội tranh cãi lại, do công tước De Molène không đến dự tiệc tối tại nhà ông ta.

Từ đó ông ta không ngừng gây cho tôi những điều khó chịu, làm những điều bất công phi pháp đối với tôi, cố tước đi những đặc quyền nho nhỏ gắn với chức vụ của tôi để chuyển cho Vitali thân yêu của ông ta; và tôi tin chắc giả sử ông ta dám cả gan cử hẳn đến thượng nghị viện thay cho tôi, thì ông ta sẽ làm vậy. Bình thường ông ta sử dụng tu sĩ De Binis để viết những bức thư riêng của ông ta trong phòng làm việc: ông ta sử dụng anh để viết cho ông De Maurepas một bản tường thuật vụ thuyền trưởng Olivet, trong đó không hề nhắc một lần nào đến tôi là người duy nhất tham gia vụ việc, thậm chí còn tước của tôi vinh dự lập tờ biên bản, mà ông ta gửi ông De Maurepas một bản sao, để gán vinh dự này cho Patizel, người đã không nói một lời nào hết. Ông ta muốn làm nhục tôi để chiều lòng kẻ ông ta sủng ái; nhưng lại không muốn bỏ tôi. Ông ta cảm thấy sẽ không tìm được người kế nhiệm tôi dễ dàng như với ông Follau nữa, ông này đã từng cho biết ông ta là như thế nào. Ông ta nhất thiết cần một bí thư biết tiếng Ý vì những điều phức tạp của thượng nghị viện; người làm mọi công văn cho ông ta, mọi vụ việc cho ông ta, để ông ta chẳng phải

tham gia gì hết; người hợp nhất công lao phục vụ tốt ông ta với sự thấp hèn làm kẻ chiều lòng các vị quý tộc xác láo vô giá trị của ông ta. Vậy là ông ta muốn giữ tôi và trấn áp tôi, bằng cách để tôi ở xa đất nước tôi và đất nước ông ta, không có tiền để quay về: và có lẽ ông ta sẽ thành công, nếu ông ta tiến hành một cách vừa phải: nhưng Vitali, kẻ có những mục đích khác, và muốn buộc tôi phải quyết định, đã thắng lợi. Từ khi tôi thấy rằng mình mất công vô ích, rằng đại sứ thay vì cảm ơn những sự giúp đỡ của mình lại biến những việc đó thành trọng tội, rằng mình chỉ còn trông đợi ở ông ta những điều khó chịu ở bên trong, sự bất công ở bên ngoài, và trong tình trạng mất uy tín về mọi mặt mà ông ta đã tự để lâm vào, những sự vụ dở của ông ta có thể gây hại cho mình còn những sự vụ tốt chẳng giúp gì được mình, tôi bèn quyết định và xin thôi việc, đồng thời để cho ông ta thời gian tìm một thư ký. Chẳng bảo tôi là đồng ý hay không, ông ta cứ tiếp tục cách làm của ông ta. Thấy chẳng có gì khá hơn và thấy ông ta chẳng chịu tìm ai hết, tôi liền viết thư cho anh ông ta, trình bày chi tiết các lý do của tôi, và xin ông yêu cầu ngài đại sứ cho tôi thôi việc, nói thêm rằng bề nào thì tôi cũng không thể ở lại được. Tôi chờ rất lâu mà không có thư trả lời. Tôi bắt đầu rất lúng túng, thì cuối cùng đại sứ nhận được thư của ông anh. Chắc bức thư phải gay gắt vì, mặc dù ông ta hay có những cơn giận dữ rất hung tợn, song tôi chưa từng thấy một cơn nào tương tự. Sau khi tuôn ra như thác những lời chửi rủa khả ố, chẳng biết nói gì nữa, ông ta kết tội tôi đã bán mặt hiệu của ông ta. Tôi bèn cười và hỏi ông ta bằng giọng chế giễu rằng toàn thành Venise liệu có người nào đủ ngu dại để trả một đồng *écu* cho mặt hiệu ấy hay không, câu trả lời này khiến ông ta điên khùng đến sùi bọt mép. Ông ta làm ra bộ gọi gia nhân để, như ông ta nói, sai quăng tôi qua cửa sổ. Cho đến lúc ấy tôi vẫn rất bình thản; nhưng nghe lời dọa dẫm này đến lượt sự tức giận và niềm công phẫn kích thích tôi. Tôi lao về phía cửa ra vào; và sau khi đã kéo một chiếc nút đóng cửa lại từ bên trong, tôi vừa quay trở lại bên ông ta với bước chân trang trọng vừa nói: “Không, thưa ngài bá tước, gia nhân của ngài sẽ không xen vào

chuyện này, ngài hãy thấy là tốt khi chuyện chỉ diễn ra giữa chúng ta.” Hành động của tôi, dáng điệu của tôi khiến ông ta dịu đi ngay lập tức: sự kinh ngạc và nỗi hoảng sợ biểu lộ trong thái độ ông ta. Khi thấy ông ta đã tỉnh cơn thịnh nộ, tôi liền vặn tắt từ biệt ông ta; rồi, chẳng đợi ông ta trả lời, tôi mở lại cửa, tôi bước ra, và từ tốn đi qua tiền sảnh giữa các gia nhân của ông ta, họ đứng dậy theo lệ thường, và tôi cho rằng có lẽ họ sẽ giúp tôi chống lại ông ta hơn là giúp ông ta chống lại tôi. Chẳng trở lên phòng mình, tôi xuống ngay thang gác, và lập tức ra khỏi lâu đài để không trở về đó nữa.

Tôi đi thẳng đến nhà ông Le Blond kể lại với ông sự biến, ông ít ngạc nhiên về chuyện này; ông hiểu con người đó. Ông giữ tôi lại ăn tối. Bữa tối này, mặc dù ứng tác, rất huy hoàng. Tất cả những người Pháp đáng kính trọng hiện đang ở Venise đều có mặt. Đại sứ chẳng có một mống nào. Ông lãnh sự kể trường hợp của tôi với mọi người. Nghe câu chuyện này, ai nấy nhất tề la ó, và tiếng la ó ấy không hề ủng hộ ngài đại sứ. Ngài đại sứ chưa thanh toán tiền lương của tôi, chưa đưa cho tôi một đồng xu, và, tất cả tiền nong chỉ có vài đồng *louis* mang trong người, tôi gặp rắc rối trong việc quay về. Mọi túi tiền đều mở ra cho tôi. Tôi lấy khoảng hai chục *sequin* trong túi tiền của ông Le Blond, chừng ấy trong túi của ông De Saint-Cyr, là người tôi có nhiều quan hệ nhất, sau ông Le Blond; tôi cảm ơn tất cả những người khác, và, trong khi chờ đợi ngày khởi hành, tôi đến ở nhà viên bí thư lãnh sự quán, để chứng tỏ rõ cho công chúng rằng quốc gia không a tòng với những sự bất công của đại sứ. Ông này, giận điên lên vì thấy tôi được khoan đãi nồng hậu trong nghịch cảnh, còn mình bị bỏ rơi, mặc dù đường đường là đại sứ, phát cuồng hăn, và xử sự như một gã khùng, ông ta quên phận mình đến mức gửi thượng nghị viện một bản trần tình đề nghị bắt giữ tôi. Theo lời khuyên của tu sĩ De Binis, tôi quyết định ở lại thêm mười lăm ngày, thay vì ra đi sau hai ngày như đã dự tính. Thiên hạ đã thấy và đã tán thành cách tôi cư xử; tôi được toàn thể mọi người quý trọng. Quan chấp chính thậm chí

chẳng buồn trả lời bản trần tình ngông cuồng vô lý của đại sứ, và báo với tôi qua lãnh sự là tôi có thể ở lại Venise bao lâu tùy thích, đừng lo sợ gì về sự vận động của một kẻ điên. Tôi tiếp tục thăm hỏi bạn bè: tôi đến chào từ biệt đại sứ Tây Ban Nha, ông tiếp tôi rất tử tế, và chào từ biệt bá tước De Finochietti, tổng trưởng Naples, mà tôi không gặp, nhưng tôi viết thư, và ông trả lời tôi bằng bức thư ân cần nhất trên đời. Cuối cùng tôi lên đường, và bất kể tình cảnh trắc trở, chỉ để lại những khoản vay mà tôi vừa kể cùng dăm chục écu nợ một thương gia tên là Morandi, mà Carrio nhận thanh toán, và tôi chưa bao giờ trả lại anh, dù chúng tôi gặp lại nhau nhiều lần kể từ thời gian ấy: nhưng về hai khoản vay tôi đã nói đến, thì tôi trả lại rất đầy đủ ngay khi tình hình cho phép.

Ta chớ rời Venise mà không nói đôi lời về những trò vui trứ danh của thành phố, hoặc ít ra về phần tham gia hết sức nhỏ nhoi của tôi trong thời gian lưu trú tại đó. Mọi người đã thấy là trong thời thanh xuân tôi tham dự ít đến thế nào các thú vui của lứa tuổi ấy, hoặc ít ra là những thú vui được người ta gọi tên như vậy. Tôi không thay đổi sở thích tại Venise; và chẳng công việc bận rộn có lẽ cũng cản trở tôi tham dự những thú vui như thế, công việc bận rộn này khiến những sự tiêu khiển giản dị mà tôi tự cho phép thành ra thú vị hơn. Thú tiêu khiển đầu tiên và êm đềm nhất là giao thiệp với những con người có giá trị, các ông Le Blond, De Saint-Cyr, Carrio, Altuna và một nhà quý tộc miền Đông Vénétie mà tôi rất tiếc đã quên mất tên, và tôi không thể nhớ lại mà không xúc động: trong tất cả những người tôi đã quen biết trong đời, đó là con người có tấm lòng giống với lòng tôi nhất, chúng tôi cũng kết giao với hai ba người Anh đầy tài trí và trí thức, cũng say mê âm nhạc như chúng tôi. Tất cả các vị này đều có vợ, hoặc bạn gái, hoặc nhân tình, những cô nhân tình này hầu hết đều có tài, mọi người chơi nhạc hoặc khiêu vũ tại nhà các cô. Ở đó mọi người cũng đánh bạc, nhưng rất ít; những sở thích sống động, những tài năng, những vở kịch khiến trò giải trí này thành vô vị với chúng tôi.

Đánh bạc chỉ là phương sách của những kẻ buồn chán. Tôi đã mang theo từ Paris thành kiến của những người thuộc xứ sở đó đối với âm nhạc Ý; nhưng tôi cũng đã nhận được từ tạo hóa sự mẫn cảm, trước sự mẫn cảm này thành kiến không trụ nổi. Chẳng bao lâu sau, đối với nền âm nhạc này tôi có niềm đam mê mà nó khơi gợi ở những người thích hợp để thẩm định nó. Nghe những điệu hát chèo đò, tôi thấy rằng cho đến khi ấy mình chưa từng nghe hát, và chẳng bao lâu sau tôi mê nhạc kịch đến mức, chán nói năng bẻo lẻo, chán ăn và chơi đùa ở các khán phòng, khi nào chỉ muốn nghe, tôi thường lẩn tránh nhóm bạn để đi sang phía khác. Tại đó, đơn độc, giam mình trong khán phòng riêng, bất chấp vở kịch dài, tôi buông mình vào thú vui thường thức thoải mái và cho đến khi kết thúc. Một hôm, ở nhà hát Saint-Chrysostome, tôi thiếp đi, và say giấc hơn khi ngủ trong giường rất nhiều. Những điệu nhạc ồn ào và rục rờ không hề đánh thức tôi. Nhưng ai có thể diễn tả được cảm giác tuyệt vời mà hòa âm dịu dàng và những tiếng hát thần tiên của điệu nhạc làm tôi tỉnh giấc đã gây ra nơi tôi? Sự thức dậy như thế nào, trạng thái mê hồn như thế nào, nổi ngậy ngất như thế nào khi cùng một lúc tôi mở tai và mở mắt! Ý tưởng đầu tiên của tôi là ngỡ mình đang ở thiên đường. Khúc nhạc say lòng ấy, mà tôi vẫn còn nhớ và cả đời sẽ không quên, khởi đầu như sau:

Conservant la bella

*Che si m'accende il cor.**

Tôi muốn có đoạn nhạc ấy: tôi có nó, và tôi đã giữ nó rất lâu; nhưng trên giấy nó không giống như trong ký ức tôi. Vẫn đúng là nốt nhạc ấy, nhưng không cùng là điều ấy. Điệu nhạc thần tiên ấy chỉ có thể được diễn tấu trong óc tôi, như nó được diễn tấu thực sự vào cái ngày nó đánh thức tôi.

Theo ý tôi một thứ âm nhạc ưu việt hơn âm nhạc của các nhạc kịch rất nhiều, và không gì sánh nổi tại nước Ý cũng như tại phần còn

lại của thế giới, đó là âm nhạc của các *scuole* (trường học). *Scuole* là những nhà cứu tế thành lập để cung cấp nền giáo dục cho các thiếu nữ không tài sản, sau đó được nhà nước Cộng hòa cung cấp hoặc của hội môn để lấy chồng, hoặc tiền để nhập tu viện. Trong các tài năng mà những thiếu nữ này được trau dồi, âm nhạc đứng ở hàng đầu. Tất cả các ngày Chủ nhật, tại nhà thờ của mỗi *scuole* trong bốn *scuole* đó, ở lễ văn khóa ta được nghe dàn nhạc lớn và dàn đại hợp xướng biểu diễn các bản thánh ca tiếng Latin, do các bậc thầy lớn nhất nước Ý soạn và chỉ huy, duy nhất do những thiếu nữ mà người lớn tuổi hơn cả chưa đến hai mươi thể hiện, trong các giảng đàn ngăn bằng chấn song sắt. Tôi không tưởng tượng được điều gì khoái trá bằng, xúc động bằng thứ nhạc ấy: tính chất phong phú của nghệ thuật, phong vị tuyệt vời của điệu hát, vẻ đẹp của các giọng ca, sự chính xác của diễn tấu, mọi điều trong những buổi hòa nhạc tuyệt diệu này đều góp phần tạo nên một ấn tượng chắc chắn không phù hợp với lễ nghi, nhưng tôi ngờ rằng chẳng một trái tim nam giới nào tránh nổi. Carrio và tôi không khi nào bỏ lỡ những lễ văn khóa ở nhà thờ *Mendicanti*,* và chẳng riêng gì chúng tôi. Nhà thờ bao giờ cũng đầy những người ham mê nghệ thuật: ngay cả các diễn viên của Nhà hát Nhạc kịch cũng đến để luyện tập khiêu thẩm mỹ thực sự về ca hát qua những mẫu mực ưu tú này. Điều khiến tôi buồn lòng là những chấn song đáng nguyên rủa kia, chúng chỉ để âm thanh lọt qua, còn những thiên thần kiều diễm mà các âm thanh ấy thật xứng đáng thì lại giấu kín đi. Tôi chẳng nói về điều gì khác. Một hôm tôi nói về chuyện này ở nhà ông Le Blond. Ông bảo tôi: “Nếu ông hiếu kỳ muốn thấy những cô bé đó đến thế, thì làm ông hài lòng cũng dễ dàng thôi. Tôi là một trong những người quản lý nhà cứu tế. Tôi muốn đái ông bữa nhẹ giữa chiều cùng các cô ấy.” Tôi chẳng để ông ta yên cho đến khi ông giữ lời hứa với tôi. Bước vào phòng khách nhốt những mỹ nhân rất được khát khao ấy, tôi thấy rùng mình vì yêu đương, điều tôi chưa từng cảm nhận bao giờ. Ông Le Blond lần lượt giới thiệu với tôi những nữ ca sĩ nổi tiếng, mà tất cả những gì tôi được biết chỉ là cái tên và giọng hát. *Lại đây nào,*

Sophie... Cô xấu ghê gớm. *Lại đây nào, Cattina...* Cô chột mắt. *Lại đây nào, Bettina...* Bệnh đậu mùa đã làm cô biến dạng. Hầu như chẳng cô nào không bị một khuyết tật đáng kể. Con người tàn bạo cười trước niềm ngạc nhiên ác nghiệt của tôi. Tuy nhiên hai ba cô tạm được: các cô chỉ hát trong dàn đồng ca. Tôi buồn rầu. Trong bữa ăn nhẹ mọi người trêu chọc các cô; các cô vui vẻ lên. Sự xấu xí không loại trừ cái duyên; tôi thấy các cô có duyên. Tôi tự nhủ: “Người ta chẳng hát như thế nếu không có tâm hồn; họ có tâm hồn.” Rốt cuộc cách nhìn của tôi đối với họ thay đổi nhiều đến mức tôi ra về gần như phải lòng tất cả các cô nàng xấu gái ấy. Tôi phải khó khăn mới dám quay lại các buổi lễ văn khóa. Tôi được an lòng. Tôi tiếp tục thấy những bài hát của họ tuyệt diệu, và giọng ca tô điểm cho gương mặt nhiều đến mức chừng nào các cô còn hát thì, bất chấp mắt mình, tôi khẳng khẳng thấy là các cô kiều diễm.

Âm nhạc ở nước Ý rất ít tốn kém, thành thử chẳng bỏ công nhin khi mình ham thích nhạc. Tôi thuê một cây đàn clavecin, và với một đồng *écu*, tôi có tại nhà mình ba bốn nhạc công hòa tấu, mỗi tuần một lần tôi tập biểu diễn cùng họ những khúc nhạc từng khiến mình thích thú nhất tại Nhà hát Nhạc kịch. Tôi cũng thử vài khúc hòa tấu trong *Những Nàng Thơ phong nhã* của mình. Hoặc những khúc hòa tấu này được ưa thích, hoặc mọi người muốn lấy lòng tôi, người chỉ đạo vũ khúc của nhà hát Saint-Jean-Chrysostome yêu cầu tôi hai khúc, mà tôi có được niềm vui nghe dàn nhạc tuyệt vời ấy diễn tấu, còn biểu diễn múa là một cô Bettina bé bỏng, xinh đẹp và trước hết là một cô gái dễ thương, do Fagoaga, một người Tây Ban Nha bạn của chúng tôi bao bọc, chúng tôi thường đến vui chơi buổi tối tại nhà cô.

Nhưng, về các cô gái, thì chẳng phải ở một thành phố như Venice mà người ta kiêng nhin chuyện đó; mọi người có thể bảo tôi rằng không có gì để bộc lộ về mục này hay sao? Phải, quả thực tôi có vài

điều để nói, và tôi sẽ bộc lộ điều này cũng với sự chân chất như đã bộc lộ tất cả những điều khác.

Tôi luôn thấy tởm các cô gái điếm, thế mà ở Venise tôi lại không có một thứ gì khác trong tầm tay, việc ra vào phần lớn các ngôi nhà tại địa phương bị cấm ngặt do chức vụ của tôi. Các cô con gái của ông Le Blond rất dễ mến, nhưng khó tiếp cận, và tôi quá kính trọng ông bố bà mẹ nên thậm chí chẳng nghĩ đến chuyện thèm muốn các cô. Có lẽ tôi thấy ưa thích hơn một cô gái tên là cô De Cataneo, con vị đại diện của nhà vua Phổ: nhưng Carrio phải lòng cô, thậm chí mọi người còn bàn đến chuyện hôn nhân. Anh sung túc, còn tôi chẳng có gì; tiền lương của anh là một trăm *louis*, tôi chỉ có một trăm *pistole*; và, ngoài việc tôi không muốn cạnh tranh với một người bạn, tôi biết rằng ở mọi nơi, nhất là ở Venise, với một túi tiền vơi như thế thì đừng nên ra vẻ tình tứ phong nhã. Tôi vẫn chưa mất thói quen độc hại đánh lừa các nhu cầu của mình; quá bận rộn nên không cảm thấy một cách mãnh liệt những nhu cầu do không khí địa phương đem lại, tôi sống gần một năm tại thành phố này cũng tiết độ như đã sống ở Paris, và đi khỏi đó sau mười tám tháng mà chỉ gần gũi nữ giới có hai lần do những cơ hội đặc biệt mà tôi sẽ kể.

Cơ hội đầu tiên do nhà quý tộc lương thiện Vitali cung cấp, ít lâu sau khi tôi buộc gã xin lỗi tôi theo đúng mọi thể thức. Trong bữa ăn mọi người nói đến các trò vui chơi của Venise. Các vị này chê trách tôi thờ ơ với trò thú vị hơn cả, khoe khoang sự dễ thương của các cô gái giang hồ Venise, và nói rằng chẳng có gái giang hồ nào trên thế gian bằng được các cô. Dominique bảo rằng tôi cần phải làm quen với cô gái dễ mến hơn hết thảy; rằng gã muốn dẫn tôi đến đó, và tôi sẽ hài lòng. Tôi cười vì sự mời chào ân cần ấy; còn bá tước Paeti, người đã già và đáng kính, nói một cách thẳng thắn nhiều hơn điều tôi chờ đợi ở một người Ý, rằng ông cho là tôi quá khôn ngoan nên chẳng để kẻ thù của mình dẫn đi chơi gái. Quả thực tôi không có ý định cũng không bị cám dỗ, và mặc dù vậy, do một trong những trạng thái thiếu nhất quán

mà bản thân tôi cũng khó hiểu thấu, cuối cùng tôi để mình bị lôi kéo, ngược với sở thích, với con tim, với lý trí, thậm chí với ý muốn của mình, duy nhất vì nhu nhược, vì hổ thẹn nếu tỏ ra ngờ vực, và như người ta thường nói ở xứ sở này, *per non parer troppo coglione*.^{*} Ở Padoana, mà chúng tôi đến nhà, khá xinh, thậm chí đẹp, nhưng không phải vẻ đẹp tôi thích. Dominique để tôi ở lại nhà cô; tôi cho gọi hoa quả ướp đá, tôi bảo cô hát, và sau nửa giờ tôi định ra về đồng thời để lại trên bàn một đồng *ducat*^{*}; nhưng cô lại có nỗi ngần ngại kỳ cục không muốn nhận đồng tiền mình không kiếm ra, còn tôi thì có sự ngu dại gỡ bỏ cho cô nỗi ngần ngại ấy. Tôi trở về lâu đài với niềm tin chắc mình bị lây bệnh hoa liễu, thành thử việc đầu tiên tôi làm khi đến nơi là cho đi tìm viên thầy thuốc ngoại khoa để yêu cầu ông ta cho nước thuốc sắc. Không gì có thể sánh được tình trạng tư tưởng bất an làm khổ tôi suốt ba tuần lễ, mà chẳng một sự khó ở có thực nào, chẳng một dấu hiệu hiển nhiên nào biện giải cho tình trạng ấy. Tôi không quan niệm nỗi người ta có thể ra khỏi vòng tay của ả Padoana mà lại an toàn vô sự. Bản thân viên thầy thuốc phải vất vả vô cùng để trấn an tôi. Ông ta chỉ làm được việc này bằng cách thuyết phục tôi là tôi được cấu tạo một cách đặc biệt nên không thể bị lây nhiễm dễ dàng, và tuy rằng có lẽ tôi ít mạo hiểm hơn bất kỳ người đàn ông nào khác trong trải nghiệm này, song sức khỏe chưa hề bị tổn hại về phương diện đó cũng chứng tỏ cho tôi thấy viên thầy thuốc có lý. Tuy nhiên ý kiến ấy chưa bao giờ khiến tôi thành liễu lĩnh, và, nếu như quả thực tôi có được lợi thế đó nhờ tạo hóa, thì tôi có thể nói là tôi đã không lạm dụng nó.

Chuyện phiêu lưu kia của tôi, tuy cũng với một gái điếm, lại thuộc loại rất khác biệt, về căn nguyên cũng như về kết quả. Tôi đã kể rằng thuyền trưởng Olivet mời tôi dự tiệc trưa trên tàu, và tôi đã dẫn theo viên bí thư Tây Ban Nha. Tôi chờ đợi được bắn đại bác chào mừng. Thủy thủ đoàn sắp hàng đón tiếp, nhưng không nổ một viên

đạn nào, điều này khiến tôi rất mất thể diện, vì có Carrio, tôi thấy anh hơi bị méch lòng; và đúng là trên các tàu buôn người ta bắn đại bác chào những người chắc chắn không bằng chúng tôi: vả chăng tôi nghĩ mình xứng đáng được thuyền trưởng biệt đãi đôi chút. Tôi không giả vờ được, vì điều đó bao giờ đối với tôi cũng là không thể; và mặc dù bữa tiệc rất thịnh soạn còn Olivet tiếp đãi rất chu đáo, tôi bắt đầu vào tiệc với khí sắc không vui, ăn ít và nói còn ít hơn. Lần chúc rượu đầu tiên, tôi chờ đợi ít ra một loạt đạn chào: chẳng có gì hết. Carrio, hiểu thấu tâm hồn tôi, cười vì thấy tôi làu bàu như đứa trẻ. Được một phần ba bữa tiệc, tôi thấy một con thuyền nhỏ tiến lại gần. Thuyền trưởng bảo tôi: “Thưa ngài, xin nói thực, ngài hãy coi chừng, kẻ địch đến đây.” Tôi hỏi xem ông ta định nói gì: ông ta trả lời một cách đùa bỡn. Thuyền cập mạn tàu, và tôi thấy bước ra một thiếu nữ lộng lẫy, ăn vận rất đằm dáng và cử chỉ rất lạnh lẹn, chỉ nhảy ba bước là đã ở trong phòng; và tôi thấy cô ngồi cạnh mình trước khi nhận ra người ta đã đặt tại đó một bộ đồ ăn. Cô vừa yêu kiều vừa linh hoạt, một cô gái tóc nâu nhiều lắm là hai mươi tuổi, cô chỉ nói tiếng Ý; riêng giọng điệu của cô đủ làm đầu óc tôi chao đảo. Vừa ăn, vừa trò chuyện, cô vừa nhìn tôi, đăm đăm một lát, rồi reo lên: “Lạy nữ thánh Đồng trinh! Ôi! Anh Brémond thân yêu, lâu quá rồi em chẳng gặp anh!” lao vào vòng tay tôi, hôn lên môi tôi, và ôm tôi chặt đến ngạt thở. Đôi mắt đen to kiểu Đông phương phóng vào tim tôi những mũi tên lửa; và, mặc dù mới đầu hơi lãng trí vì ngạc nhiên, song khoái cảm chiếm lĩnh tôi rất nhanh, đến mức, bất chấp những người có mặt, chẳng mấy chốc chính cô nàng phải kiềm chế tôi; vì tôi say hay là cuồng thì đúng hơn. Khi thấy tôi ở mức độ mà cô muốn, cô vừa phải hơn trong vuốt ve âu yếm, nhưng không vừa phải trong nhiệt tình; và khi cô vui lòng giải thích với chúng tôi nguyên nhân thực hay giả của toàn bộ trạng thái hăng say ấy, thì cô bảo rằng tôi giống đến mức người ta có thể lầm với ông De Brémond, cục trưởng thuế quan Toscane; rằng cô từng mê tít ông De Brémond; rằng cô hãy còn mê ông; rằng cô đã rời bỏ ông vì cô là một ả ngu dại; rằng cô đưa tôi vào thay chỗ ông; rằng cô muốn yêu tôi

vì điều đó hợp với cô; rằng cũng vì lý do ấy mà tôi phải yêu cô chừng nào điều đó hợp với cô; và, sau này khi cô bỏ mặc tôi, thì tôi sẽ kiên nhẫn như Brémont thân thương của cô từng kiên nhẫn. Nói là làm. Cô chiếm hữu tôi như chiếm hữu một người thuộc về cô, đưa tôi giữ găng tay, quạt, dây lưng, mũ của cô; ra lệnh cho tôi đi chỗ này chỗ nọ, làm điều này điều nọ, và tôi vâng theo, cô bảo tôi cho thuyền của cô về, vì cô muốn dùng thuyền của tôi, và tôi làm theo; cô bảo tôi ra khỏi chỗ của mình, và yêu cầu Carrio ngồi vào đó, vì cô có điều cần nói với anh, và tôi làm thế. Họ nói chuyện với nhau rất lâu và thật khẽ; tôi để mặc họ. Cô gọi tôi, tôi quay lại. Cô bảo tôi: “Zanetto, anh nghe này, em không muốn được yêu theo kiểu Pháp, và yêu thế thậm chí cũng chẳng hay! Vào lúc đầu tiên thấy chán, anh hãy đi đi; nhưng đừng ở lại nửa chừng, em báo trước với anh như thế.” Sau bữa ăn chúng tôi đi thăm xưởng pha lê ở Murano. Cô mua rất nhiều đồ trang sức lật vạt và để chúng tôi trả tiền không kiểu cách; nhưng ở đâu cô cũng cho tiền thưởng để uống nước và cho nhiều hơn tất cả những gì chúng tôi đã chi. Qua trạng thái thờ ơ khi cô vung tiền và để chúng tôi vung tiền, ta thấy rằng tiền chẳng có giá trị gì với cô. Khi cô khiến người ta phải trả tiền cho cô, tôi nghĩ là vì tự cao tự đại hơn là vì keo kiệt, cô tự tán thưởng vì cái giá mà người ta đặt cho các ân huệ của cô.

Đến tối chúng tôi đưa cô về nhà. Trong lúc trò chuyện, tôi nhìn thấy hai khẩu súng tay trên bàn trang điểm của cô. Tôi vừa cầm lấy một khẩu vừa bảo: “A! A! Đây là một súng nhỏ kiểu mới; liệu có thể biết nó được dùng làm gì hay chẳng? Tôi biết em có những vũ khí khác lợi hại hơn nhiều.” Sau vài câu đùa cũng với giọng điệu ấy, cô bảo chúng tôi, với niềm tự hào chất phác khiến cô càng khả ái hơn: “Khi em có hảo ý với những người mà em không thích, em bắt họ trả tiền nổi chán ngán họ mang lại cho em; không gì công bằng hơn: nhưng trong khi chịu đựng sự vuốt ve của họ, em không muốn chịu đựng sự lẳng nhục của họ, và em sẽ không bắn trượt kẻ đầu tiên vô lễ với em.”

Khi từ biệt cô tôi đã hẹn giờ gặp cô vào hôm sau. Tôi chẳng để cô phải đợi. Tôi thấy cô *in vestito di confidenza**, mặc một bộ đồ trong nhà hơn cả tình tứ, mà ta chỉ thấy ở những xứ sở phương nam, mà tôi sẽ chẳng miêu tả làm gì, mặc dù tôi nhớ quá rõ. Tôi sẽ chỉ nói rằng cổ tay áo và vòng ngực được viền một dây tơ có những búp màu hồng. Đường như cái đó khiến một làn da đẹp sống động lên rất nhiều. Về sau tôi biết đó là thời trang Venise; và ấn tượng thật là khả ái, thành thử tôi ngạc nhiên sao thời trang ấy chưa bao giờ sang nước Pháp. Tôi không ngờ được những khoái cảm đang chờ đón mình. Tôi đã nói đến bà De Larnage, trong những phần khích mà hồi ức về bà đôi khi còn đem lại cho mình; nhưng bà già nua, xấu xí và lạnh lẽo biết mấy bên cạnh nàng Zulietta của tôi! Xin đừng cố tưởng tượng những vẻ yêu kiều và duyên sắc của cô gái đầy sức mê hoặc này, các vị sẽ vẫn ở quá xa sự thật. Những trinh nữ trẻ măng trong tu viện chẳng tươi mát bằng, những mỹ nữ của hậu cung chẳng linh hoạt bằng, những nữ đồng trinh của cõi cực lạc Hồi giáo chẳng sắc sảo bằng, chưa bao giờ một lạc thú ngọt ngào đến thế được dâng hiến cho con tim và nhục cảm của một con người. Ôi! Ít ra, nếu tôi biết nếm trải lạc thú ấy hoàn toàn và trọn vẹn chỉ một lúc thôi!... Tôi nếm trải nó, nhưng không thú vị. Tôi làm cùn nhụt mọi khoái cảm của lạc thú, tôi như vô cớ giết chết khoái cảm. Không, tạo hóa đã không tạo ra tôi để hưởng thụ. Tạo hóa đã đặt vào đầu óc bướng bỉnh của tôi chất độc làm hại cái hạnh phúc khôn tả mà nỗi thèm muốn nó được tạo hóa đặt vào lòng tôi.

Nếu có một trường hợp trong đời tôi, miêu tả rõ bản tính của tôi, thì đó là trường hợp mà tôi sắp kể lại. Lúc này tôi nhớ lại một cách mãnh liệt mục tiêu cuốn sách của mình, sự mãnh liệt ấy khiến tôi coi khinh ở đây tính hợp lẽ giả dối có thể ngăn cản mình thực hiện mục tiêu đó. Dù các vị là ai chẳng nữa, nếu muốn hiểu một con người, xin hãy có gan đọc hai ba trang tiếp theo; các vị sẽ hiểu hoàn toàn J-J. Rousseau.

Tôi bước vào phòng một gái giang hồ như vào thánh đường của tình yêu và sắc đẹp; tôi ngỡ thấy nữ thần tình yêu và sắc đẹp ở con người cô. Có lẽ tôi chẳng bao giờ tin được rằng, không có niềm tôn trọng và lòng quý mến, người ta lại có thể cảm thấy điều gì tương tự như điều cô khiến tôi cảm nhận. Qua những sự thân mật đầu tiên, vừa mới biết được giá trị của duyên sắc và những vuốt ve âu yếm của cô, do sợ bị mất trước kết quả, tôi định vội vàng hái lấy. Đột nhiên, thay vì những ngọn lửa nung nấu mình, tôi cảm thấy một cái lạnh chết người truyền lan trong mạch máu, chân tôi run lấy bầy, và, sẵn sàng ngắt xiu, tôi ngồi xuống, và tôi khóc như một đứa trẻ.

Ai có thể đoán được nguyên nhân của những hàng nước mắt, và đoán được những gì đang diễn ra trong óc tôi lúc đó? Tôi tự nhủ: “Đối tượng mà tôi đang tùy ý sử dụng là kiệt tác của tạo hóa và của tình yêu; trí não, thân thể, tất cả đều hoàn hảo; cô nhân hậu và hào hiệp cũng ngang như cô dễ thương và kiều diễm. Các bậc quyền quý, các vương công lễ ra phải là nô lệ của cô; các vương trượng lễ ra phải ở dưới chân cô. Vậy mà cô ở đó, ả điểm khốn khổ, phó mình cho thiên hạ; một thuyền trưởng tàu buôn tùy ý sử dụng cô; cô đến lao mình vào tôi, vào tôi mà cô biết là chẳng có gì hết, vào tôi mà giá trị, điều cô không thể biết, hẳn phải chẳng ra gì trong mắt cô. Ở đây có cái gì đó không sao hiểu nổi. Hoặc con tim tôi nhầm lẫn, làm mê mẩn các giác quan tôi và khiến tôi mắc mưu một ả bán thiu đê tiện, hoặc một tí vết thâm kín nào mà tôi không biết phá hủy tác dụng của duyên sắc cô và khiến cô thành khả ố đối với những kẻ lễ ra phải tranh nhau để giành lấy cô.” Tôi bắt đầu tìm kiếm tí vết ấy với một sự tập trung tư tưởng kỳ lạ, và thậm chí tôi không hề có ý nghĩ là bệnh giang mai có thể dự phần trong đó. Sự tươi mát của da thịt, vẻ rạng rỡ của nhan sắc, hàm răng trắng nõn, hơi thở thơm tho, vẻ tinh sạch tỏa khắp con người cô đẩy ý nghĩ ấy ra xa tôi hoàn toàn, thành thử hãy còn hồ nghi về tình trạng của mình từ vụ ả Padoana, tôi lại áy náy rằng mình không đủ

lành mạnh đối với cô, và tôi chắc chắn rằng về điều này niềm tin của tôi không lừa dối tôi.

Những suy nghĩ này, thật đúng chỗ, khích động tôi đến mức phát khóc lên vì chúng, với Zulietta, chắc chắn đây là một cảnh tượng hoàn toàn mới lạ trong trạng huống này, cô sững sờ một lát. Nhưng sau khi đi một vòng quanh phòng và lướt qua trước gương, cô hiểu, và chẳng mất tôi cũng khẳng định với cô rằng sự chán lợm chẳng hề dự phần vào thái độ kỳ cục bất thường này. Chứa cho tôi khỏi tình trạng kỳ cục ấy và xóa đi nỗi hổ thẹn nho nhỏ kia là điều không khó đối với cô. Nhưng, vào lúc tôi sẵn sàng lịm đi trên một bầu ngực như thể lần đầu tiên chịu đựng đôi môi và bàn tay đàn ông, thì tôi nhận ra cô có một bầu vú không núm. Tôi bồn chồn lo lắng, tôi quan sát, tôi ngỡ thấy bầu vú này không được cấu tạo như vú kia. Thế là tôi tìm kiếm trong óc xem làm thế nào người ta lại có thể có một bầu vú không núm; và, tin chắc rằng điều này liên quan đến một khuyết tật tự nhiên quan trọng nào đó, do cứ lật đi lật lại mãi ý tưởng ấy, tôi thấy rõ như ban ngày rằng ở con người yêu kiều nhất mà tôi có thể hình dung, tôi chỉ ôm trong vòng tay một loại quái nhân kỳ hình dị tướng, phế vật của tạo hóa, của loài người và của tình yêu. Tôi đẩy sự ngu dại xa đến mức nói với cô về bầu vú không núm ấy. Mới đầu cô đùa cợt về chuyện đó, và, với tính khí vui vẻ thích nô giỡn, cô nói và làm những điều khiến tôi chết được vì tình. Nhưng do vẫn lưu giữ một chút lo lắng ẩn tàng mà tôi không giấu được cô, cuối cùng tôi thấy cô đỏ mặt, sửa sang lại xống áo, cất mình lên, và, chẳng nói chẳng rằng, ra đứng bên cửa sổ. Tôi định đứng cạnh cô; cô rời chỗ đó, đến ngồi trên một giường nghỉ, lát sau đứng dậy, và vừa đi lại quanh phòng vừa quạt, cô nói với tôi bằng một giọng lạnh lùng và khinh miệt: “«*Zanetto, lascia le donne, estudia la matematica*».”*

Trước khi từ biệt cô, tôi yêu cầu một cuộc hẹn khác vào ngày mai, cô hoãn sang ngày thứ ba, và nói thêm với một nụ cười mỉa mai

rằng hẳn tôi cần nghỉ ngơi. Tôi trải qua thời gian đó một cách bút rút khó chịu, lòng đầy ắp những vẻ yêu kiều và những sự duyên dáng của cô, cảm thấy mình ngông cuồng vô lý, tự trách móc mình về điều đó, nuối tiếc những khoảnh khắc bị sử dụng rất dở, và chỉ tùy thuộc ở mình để biến chúng thành những khoảnh khắc ngọt ngào nhất đời, nóng lòng sốt ruột chờ đợi lúc bù lại tổn thất, tuy nhiên vẫn còn lo lắng, ngoài ý muốn của mình, về việc dung hòa những sự hoàn mỹ của cô gái đáng yêu đáng quý ấy với tính chất hèn hạ nhục nhã của thân phận cô. Đến giờ hẹn, tôi chạy, tôi bay đến nhà cô. Tôi chẳng biết liệu tính khí nồng nhiệt của cô có thỏa mãn hơn với cuộc viếng thăm này hay không. Ít ra lòng tự hào của cô chắc sẽ thỏa mãn, và tôi tự tạo trước một lạc thú tuyệt vời là bất kể thế nào cũng tỏ ra với cô mình biết sửa chữa lỗi lầm ra sao. Cô miễn cho tôi thử thách này. Người chèo thuyền, mà khi cập bến tôi cử lên nhà cô, báo cáo với tôi rằng ngày hôm qua cô đã đi Florence. Nếu tôi chưa cảm thấy tất cả tình yêu của mình khi chiếm hữu cô, thì tôi cảm thấy một cách thật ác nghiệt tình yêu ấy khi mất cô. Niềm tiếc nuối phi lý không hề rời tôi. Dù cô thật dễ thương, thật yêu kiều trong mắt tôi, thì tôi vẫn có thể nguôi khuây việc mất cô; nhưng điều tôi không thể nguôi khuây, tôi xin thú thực, đó là cô chỉ mang theo về tôi một hồi ức khinh miệt.

Đó là hai câu chuyện của tôi. Mười tám tháng sống ở Venise chỉ cung cấp cho tôi để kể thêm nhiều nhất là một dự định mà thôi. Carrio vốn tình tứ phong nhã. Buồn phiền vì bao giờ cũng chỉ đến nhà những cô gái đã có người khác bao, anh nảy ý ngông đến lượt mình bao một cô; và, vì chúng tôi khăng khít chẳng rời, anh đề nghị với tôi thu xếp để có một cô chung nhau, điều này ở Venise không phải chuyện hiếm. Tôi đồng ý. Vấn đề là kiếm được người chắc chắn. Anh tìm rất nhiều thành thử phát hiện ra một cô bé mười một mười hai tuổi mà người mẹ hèn hạ không xứng đáng đang định bán. Chúng tôi cùng đến xem. Tâm can tôi xúc động khi thấy đứa trẻ đó. Cô bé tóc vàng và hiền như con cừu non: người ta sẽ chẳng khi nào tin được rằng em là người Ý.

Sinh sống ở Venise rất ít tốn kém. Chúng tôi cho người mẹ một ít tiền, và cấp dưỡng cho cô bé. Em có giọng: để tạo cho em một tài năng làm kế sinh nhai, chúng tôi cho em một cây đàn phong cầm nhỏ và một thầy dạy hát. Tất cả chỉ tốn của chúng tôi mỗi người gần hai *sequin* một tháng, và tiết kiệm được nhiều hơn cho chúng tôi về những khoản chi khác; nhưng vì phải đợi cô bé trưởng thành, nên như vậy là gieo hạt trước khi thu hái rất lâu. Tuy nhiên, hài lòng khi đến đó các buổi tối, trò chuyện và chơi đùa một cách rất trong sạch với cô bé, có lẽ chúng tôi vui chơi thú vị hơn là nếu chiếm hữu cô: bởi quả thực điều gần bó ta nhiều nhất với phụ nữ không phải sự dâm dăng mà là một sự dễ chịu nào đó được sống bên họ! Một cách dần dà khó nhận biết, lòng tôi quyến luyến cô bé Anzoletta, nhưng là một tình quyến luyến cha con, trong đó nhục cảm rất ít dự phần, thành thử càng quyến luyến tôi càng khó có thể đưa nhục cảm vào đấy; và tôi cảm thấy mình sẽ ghê sợ việc tiếp cận cô bé khi cô đến tuổi cập kê như ghê sợ một vụ loạn luân khả ố. Tôi thấy tình cảm của Carrio nhân hậu cũng theo chiều hướng ấy, mà anh không biết. Chẳng nghĩ đến, song chúng tôi sắp xếp cho mình những thú vui không kém ngọt ngào, nhưng khác hẳn những thú vui mà ban đầu chúng tôi quan niệm; và tôi tin chắc rằng, dù cô bé tội nghiệp có thể trở nên kiêu diễm đến mấy, thì chúng tôi cũng chẳng hề là những kẻ làm hư hỏng sự ngây thơ trong sạch của cô, mà có lẽ sẽ là người bảo vệ sự ngây thơ ấy. Tai họa của tôi, xảy ra sau đó ít lâu, không để cho tôi có thời gian góp phần vào việc thiện này; và trong vụ đó tôi chỉ có thể tự khen về khuynh hướng của lòng mình. Ta hãy trở lại chuyển đi của tôi.

Kế hoạch đầu tiên của tôi khi ra khỏi nhà ông De Montaigu là rút về Genève, chờ đợi một số phận khá hơn, nó sẽ gạt đi các trở ngại, và có thể cho tôi đoàn tụ với Má tội nghiệp; nhưng tai tiếng về vụ cãi cò của chúng tôi, và sự ngu dại của ông ta khi viết thư gửi triều đình về việc này, khiến tôi quyết định tự đến triều đình báo cáo về cách xử sự của mình, và thưa kiện về cách xử sự của một kẻ điên khùng. Từ

Venise tôi bày tỏ quyết định của tôi với ông Du Theil, quyền đặc phái viên ngoại giao sau khi ông Amelot qua đời. Tôi lên đường cũng nhanh chóng như bức thư của mình: tôi đi qua Bergame, Côme và Domodossola; tôi sang sông Simplon. Tại Sion, ông De Chaignon, đặc phái viên ngoại giao của nước Pháp, tiếp tôi rất nồng hậu, tại Genève, ông De la Closure cũng đối đãi với tôi như thế. Ở đó tôi kết thân lại với ông De Gauffecourt, ông có một số tiền cần giao cho tôi. Tôi đã qua Nyon mà không thăm cha tôi, chẳng phải vì chuyện đó cực kỳ khó khăn cho tôi, nhưng sau tai họa của mình, tôi không thể quyết định xuất hiện trước mẹ kế, vì tin chắc rằng bà sẽ phán xử mình mà không muốn nghe mình, ông Duvillard chủ hiệu sách, bạn cũ của cha tôi, gay gắt trách cứ tôi về sự sai trái này. Tôi kể nguyên nhân với ông; và, để sửa chữa sai lầm song không mạo hiểm gặp mẹ kế, tôi thuê một xe ngựa, và chúng tôi cùng đến Nyon, xuống quán trọ. Duvillard đi tìm cha tôi, ông vội chạy đến ôm hôn tôi. Chúng tôi cùng ăn bữa khuya, và, sau khi qua một buổi tối hết sức êm dịu đối với lòng mình, sáng hôm sau tôi trở lại Genève cùng Duvillard, tôi vẫn giữ niềm biết ơn ông về điều tốt lành ông đã làm cho tôi trong dịp đó.

Con đường ngắn nhất của tôi không phải là qua Lyon, nhưng tôi muốn qua nơi ấy để kiểm tra một trò lường gạt rất thấp kém của ông De Montaigu. Tôi từng cho gửi từ Paris một rương nhỏ đựng một áo khoác ngắn thêu kim tuyến, vài cặp tay áo giả và sáu đôi tất lụa trắng; không có gì hơn. Do chính ông ta đề xuất, tôi thêm cái hòm, hay nói cho đúng, cái hộp này vào sổ hành lý của ông ta. Trong hóa đơn thanh toán cực đắt mà ông ta định đưa cho tôi coi như trả vào tiền lương, và do tự tay ông ta viết, ông ta ghi rằng chiếc hộp đó, mà ông ta gọi là kiện hàng, nặng mười một tạ, và ông ta đã trả khoản cước phí cực lớn. Nhờ sự giúp đỡ của ông Boy de la Tour, mà tôi được ông Roguin là chú của ông gửi gắm, việc kiểm tra trên sổ ghi của sở thuế quan Lyon và Marseille cho thấy cái kiện hàng ấy chỉ nặng có bốn mươi năm *livre** và tiền cước phí chỉ trả theo số cân đó. Tôi kèm bản sao chính

thức này vào hóa đơn thanh toán của ông De Montaigne; và đem theo các văn bản đó cùng nhiều văn bản khác cũng có hiệu lực như vậy, tôi đi Paris, nóng lòng muốn sử dụng chúng. Suốt cuộc hành trình dài này, tôi có những cuộc phiêu lưu nho nhỏ ở Côme, ở Valais và các nơi khác. Tôi thấy rất nhiều thứ, trong đó có các đảo Borromées, lẽ ra đáng được miêu tả. Nhưng thời gian vượt lên trước tôi, những kẻ rình mò đang ám tôi; tôi buộc phải làm vội và làm kém cỏi một công việc đòi hỏi tình trạng nhàn rỗi và yên bình mà tôi thiếu. Nếu có khi nào Thượng Đế để mắt đến tôi, cuối cùng cho tôi được những tháng ngày an tĩnh hơn, tôi sẽ sử dụng những tháng ngày ấy để tái tạo hoàn toàn, nếu có thể, công trình này, hoặc ít ra cũng làm một bản phụ lục mà tôi cảm thấy công trình rất cần đến*.

Tiếng đồn về câu chuyện của tôi đã đi trước tôi, và khi đến nơi, tôi thấy tại các văn phòng và trong công chúng ai ai cũng tức giận về những sự điên rồ của đại sứ. Bất chấp điều đó, bất chấp sự la ó của công chúng tại Venise, bất chấp những chứng cứ không thể phản bác mà tôi trình ra, tôi chẳng được thừa nhận một quyền lợi nào hết. Chẳng được bồi thường chẳng được đền bù, thậm chí tôi còn bị phớt lờ cho đại sứ về chuyện tiền lương, và lý do duy nhất là, do không phải người Pháp, tôi không có quyền được quốc gia che chở, và đây là chuyện riêng giữa ông ta với tôi. Tất cả mọi người đều đồng ý với tôi rằng tôi bị xúc phạm, thiệt hại, đen đủi; rằng đại sứ là một kẻ điên cuồng tàn ác, bất công, và toàn bộ vụ việc này sẽ làm ông ta mãi mãi ô danh. Nhưng sao cơ! Ông ta là đại sứ; còn tôi, thì tôi chỉ là thư ký. Trật tự tốt đẹp, hay cái mà người ta gọi như vậy, muốn tôi không được thừa nhận một quyền lợi nào, và tôi không được thừa nhận một quyền lợi nào. Tôi tưởng rằng cứ la ó mãi và công khai đánh giá kẻ điên đó như ông ta đáng được đánh giá, cuối cùng người ta sẽ bảo tôi im miệng; và đó là điều tôi chờ đợi; quyết tâm chỉ tuân theo sau khi người ta phán quyết. Nhưng khi đó không có bộ trưởng ngoại giao. Mọi

người để cho tôi la réo, thậm chí mọi người còn khuyến khích tôi, mọi người đồng tình phụ họa; nhưng vụ việc vẫn cứ giậm chân tại chỗ, cho đến khi, một hôm vì bao giờ cũng có lý mà chẳng bao giờ có được công lý, rốt cuộc tôi nản lòng, và bỏ mặc tất cả đó.

Người duy nhất tiếp tôi không tử tế và người mà tôi ít chờ đợi sự bất công này hơn cả, là bà De Besenval. Mang nặng những tư tưởng đặc quyền của đẳng cấp và của giới quý tộc, không bao giờ bà có thể nghĩ rằng một đại sứ lại có thể mắc lỗi lầm với thư ký của mình. Cách bà tiếp đãi tôi phù hợp với thiên kiến ấy. Tôi hết sức phật lòng vì chuyện này, thành thử ra khỏi nhà bà, tôi viết một trong những bức thư kịch liệt và gay gắt mà có lẽ tôi từng viết, và không bao giờ trở lại nơi đó nữa. Cha Castel đón tôi tử tế hơn, nhưng, qua sự mềm mỏng của giáo sĩ dòng Tên, tôi thấy ông theo một cách khá trung thành một trong những phương châm lớn của Giáo đoàn, là bao giờ cũng hy sinh kẻ yếu hơn cho kẻ mạnh hơn. Ý thức mãnh liệt về chính nghĩa đúng đắn của mình và niềm tự tôn thuộc bản tính không để tôi kiên nhẫn chịu đựng sự thiên vị này. Tôi thôi thăm hỏi cha Castel, và từ đó thôi đến chỗ các giáo sĩ dòng Tên, tại đây tôi chỉ quen một mình ông. Và chẳng, đầu óc chuyên chế và mưu mô ở những người cùng giáo đoàn với ông, khác hẳn sự hiền lành chất phác của cha Hemet trung hậu, khiến tôi rất không thích giao thiệp với họ, thành thử tôi chẳng gặp gỡ một người nào kể từ thời gian đó, trừ cha Berthier, mà tôi gặp hai hoặc ba lần ở nhà ông Dupin, ông ra sức cùng với ông này phản bác Montesquieu.

Để không trở lại chuyện này nữa, hãy nói cho xong những gì tôi còn phải kể về ông De Montaigu. Tôi đã nói với ông ta trong những lúc cãi cọ rằng ông ta không cần một thư ký, mà cần một đại tụng tập sự. Ông ta theo lời khuyên đó và quả thật để một viên đại tụng đích thực kế nhiệm tôi, chưa đầy một năm anh này ăn cắp của ông hai hay ba chục ngàn *livre*. Ông đuổi anh ta, cho bỏ tù anh ta, đuổi những nhà quý tộc hầu cận mình một cách om sòm và tai tiếng, gây cãi cọ khắp

nơi, bị những sự sỉ nhục mà một người hầu có lẽ cũng không chịu đựng nổi và cuối cùng, do cứ mãi điên rồ, tự làm mình bị triệu hồi và cho về vườn. Hiển nhiên là, trong những điều ông ta bị triều đình khiển trách, vụ việc của ông ta với tôi không bị quên. Ít ra, một thời gian ngắn sau khi trở về, ông ta cử người quản gia đến thanh toán tiền lương của tôi và trao tiền cho tôi. Lúc đó tôi đang thiếu tiền; những món nợ tại Venise, nợ danh dự nếu như có nợ danh dự, đè nặng tâm can tôi. Tôi nắm lấy cơ hội để trả mọi khoản, kể cả tờ phiếu của Zanetto Nani. Tôi nhận những gì người ta muốn trao cho mình; tôi trả tất cả các món nợ của mình, và tôi lại không có một xu, như trước đây, nhưng trút được một gánh nặng không sao chịu nổi. Kể từ đó, tôi chỉ còn nghe nói đến ông De Montaigu khi ông ta chết, tôi biết việc này qua dư luận, cầu Chúa mang lại bằng an cho con người tội nghiệp ấy! Ông ta cũng thích hợp với nghề đại sứ như tôi thời thơ ấu từng thích hợp với nghề thầy cò. Tuy nhiên chuyện chỉ tùy thuộc vào ông ta để ông ta trụ được một cách vẻ vang nhờ sự phục vụ của tôi, và để tôi thăng tiến nhanh trong nghề nghiệp mà bá tước De Gouvion đã dự định cho tôi ở tuổi thanh niên, và chỉ nhờ riêng bản thân, tôi đã tự khiến cho mình đủ khả năng ở một độ tuổi già dặn hơn.

Công lý và những thừa kiện vô ích để lại trong tâm hồn tôi một mầm mống bất bình đối với các thiết chế dân sự ngớ ngẩn của chúng ta, tại đó lợi ích công thật sự và công lý đích thực bao giờ cũng bị hy sinh cho trật tự bề ngoài nào tôi chẳng rõ, thực ra nó phá hoại mọi trật tự và chỉ làm cái việc đem sự phê chuẩn của công quyền bổ sung cho sự áp bức kẻ yếu và cho sự bất công của kẻ mạnh, có hai điều ngăn cản mầm mống ấy phát triển khi đó như nó đã phát triển sau này: một là, trong việc này chuyện liên quan đến tôi, và lợi ích riêng tư, chưa từng sản sinh ra cái gì lớn lao và cao quý, không thể khiến tim tôi có những hưng phấn thiêng liêng tuyệt diệu mà chỉ tình yêu thuần khiết nhất đối với cái đúng và cái đẹp mới làm nảy sinh được. Điều thứ hai là cái thú của tình bạn, giảm bớt và xoa dịu mỗi tức giận của tôi bằng

một tình cảm khác êm ái hơn. Tại Venise tôi đã làm quen với một người xứ Basque, bạn của Carrio anh bạn tôi, và xứng đáng là bạn của bất kỳ người tốt nào. Chàng trai dễ mến này, có thiên tư cho mọi tài năng và mọi đức tính, vừa đi chu du quanh nước Ý để hấp thụ khiêu thưởng thức mỹ thuật; và không nghĩ ra điều gì để lĩnh hội thêm nữa, anh định về thẳng quê hương. Tôi bảo anh rằng nghệ thuật chỉ là sự giải lao cho một thiên tài như thiên tài của anh, vốn được tạo ra để trau dồi các môn khoa học; và tôi khuyên anh, để thấy ưa thích khoa học, hãy du lịch và lưu trú sáu tháng tại Paris. Anh tin tôi và đi Paris. Khi tôi tới Paris thì anh đang ở đó và đợi tôi. Nơi anh ở quá rộng đối với anh, anh mời tôi sử dụng một nửa; tôi nhận lời. Tôi thấy anh đang nhiệt thành với những tri thức cao siêu. Không điều gì vượt quá tầm của anh; anh đọc ngẫu nhiên và lĩnh hội tất cả một cách nhanh chóng phi thường. Anh cảm ơn tôi xiết bao vì đã cung cấp thức nuôi dưỡng ấy cho trí não anh, bị nhu cầu hiểu biết dẫn dắt mà bản thân anh chẳng ngờ! Tôi tìm thấy ở tâm hồn mạnh mẽ ấy bao nhiêu là kho báu tri thức và đức độ! Tôi cảm nhận đây là người bạn mà tôi cần: chúng tôi thành thân thiết, sở thích của chúng tôi không giống nhau; chúng tôi luôn tranh cãi. Cả hai đều ngoan cố, chúng tôi chẳng bao giờ đồng ý về điều gì hết. Sự tình như thế song chúng tôi không thể rời nhau; và, trong khi phản đối nhau không ngừng, chẳng ai trong hai người muốn giá như người kia khác đi.

Ignatio Emanuel de Altuna là một trong những con người hiếm hoi mà chỉ riêng Tây Ban Nha sản sinh, và sản sinh quá ít cho vinh quang của đất nước. Anh không có những đam mê dữ dội mang tính dân tộc, thường thấy ở đất nước anh. Ý tưởng báo thù không thể đi vào trí óc anh cũng như ham muốn không thể đi vào lòng anh. Anh quá tự tôn nên không hằn thù, và tôi thường nghe anh nói một cách rất bình tĩnh rằng một con người trần thế không thể nào xúc phạm được tâm hồn anh. Anh phong nhã song không đa tình. Anh chơi đùa với phụ nữ như với những đứa trẻ xinh xắn. Anh vui vẻ với tình nhân của

các bạn mình; nhưng tôi chưa từng thấy anh có một tình nhân nào, cũng chưa từng thấy anh mong muốn có tình nhân. Những ngọn lửa của đức độ nung nấu tâm can anh không bao giờ cho phép những ngọn lửa của nhục cảm nảy sinh. Sau những chuyến viễn du, anh đã kết hôn; anh qua đời sớm; anh đã để lại con cái, và tôi tin chắc, như tin vào sự tồn tại của mình, rằng vợ anh là người đầu tiên và duy nhất cho anh biết lạc thú yêu đương. Bên ngoài, anh mộ đạo như một người Tây Ban Nha, nhưng bên trong là niềm kính tín của một thiên thần. Ngoài tôi ra, tôi chỉ thấy mỗi mình anh là khoan dung kể từ khi tôi hiện hữu. Anh chưa bao giờ hỏi bất kỳ ai xem người ấy nghĩ như thế nào về vấn đề tôn giáo. Cho dù bạn anh có là Do Thái, Tân giáo, Thổ Nhĩ Kỳ, mộ đạo, vô thần, đối với anh ít quan trọng, miễn rằng người đó lương thiện. Ngoan cố, bướng bỉnh về những ý kiến vô thưởng vô phạt, hể bàn đến vấn đề tôn giáo, thậm chí đến đạo lý, là anh trầm tư, nín lặng, hoặc chỉ nói: “Tôi chỉ chịu trách nhiệm về mình thôi.” Thật khó tin được rằng người ta có thể kết hợp nhiều chất cao thượng về tâm hồn đến thế với một tính chu đáo đi tới mức tỉ mỉ. Anh phân chia và định trước thời gian biểu của ngày thành từng giờ, từng khắc, từng phút, và theo sự phân phối này một cách cẩn thận tới mức, nếu chuông báo đến giờ giữa lúc anh đang đọc câu văn, anh sẽ gấp sách lại mà không đọc cho hết. Trong tất cả những đơn vị đo lường thời gian bị ngắt ra như thế, có đơn vị đo lường dành cho việc nghiên cứu này, có đơn vị dành cho việc nghiên cứu kia; có đơn vị dành cho suy tưởng, dành cho đàm thoại, cho sự vụ, cho Locke, cho niệm kinh, cho các cuộc thăm hỏi, cho nhạc, cho hội họa; và không thú vui, không sự cảm dỗ, không sự chiều lòng nào có thể đảo lộn trật tự này. Duy chỉ một bốn phần phải hoàn thành là có thể làm điều đó. Khi anh liệt kê cho tôi những sự phân phối của anh, để tôi thuận theo, mới đầu tôi bật cười và cuối cùng thì khóc vì ngưỡng mộ. Anh không bao giờ khiến ai phải gò bó khó chịu, cũng không chịu được sự gò bó; anh cộc cằn với những người, vì lịch sự, định khiến anh phải gò bó khó chịu. Anh nóng giận mà không hờn dỗi. Tôi nhiều khi thấy anh nổi giận, nhưng chưa bao

giờ thấy anh tức tối. Không gì thật vui tươi như tính tình anh: anh hiểu sự giấu cợt và anh ưa giấu cợt. Thậm chí anh còn xuất sắc trong chuyện này, và anh có tài làm thơ châm biếm. Khi người ta kích thích anh, thì anh nói năng ồn ào và huyên náo, giọng anh vang xa. Nhưng trong khi anh la lối, người ta nhìn thấy anh mỉm cười, và giữa những lúc khích động, anh chợt có câu nói đùa thú vị nào đó khiến tất cả mọi người cười rộ. Anh chẳng có làn da cũng chẳng có tính khí lạnh đậm của người Tây Ban Nha. Anh có nước da trắng, má hồng hào, tóc màu hạt dẻ gần như hung vàng. Anh cao lớn và cân đối. Thân hình anh được tạo ra để cho tâm hồn anh trú ngụ.

Bậc hiền nhân về con tim cũng như về khối óc này thông hiểu con người và là bạn tôi. Đó là toàn bộ câu trả lời của tôi cho ai đó không là bạn tôi. Chúng tôi kết giao hết sức thân thiết, thành thử chúng tôi dự định sẽ sống cùng nhau, vài năm nữa, tôi phải đến Azcoytia để sống cùng anh tại điền trang của anh. Tất cả các phần của kế hoạch này đã được thu xếp giữa chúng tôi vào hôm trước ngày anh lên đường, ở đó chỉ thiếu cái điều không tùy thuộc vào con người trong những kế hoạch được bàn tính kỹ càng nhất. Những biến cố sau này, những tai họa của tôi, cuộc hôn nhân của anh, cuối cùng là cái chết của anh, đã chia cắt chúng tôi mãi mãi.

Hình như chỉ những âm mưu đen tối của kẻ ác là thành công; những kế hoạch ngây thơ vô tội của người tốt hầu như chẳng bao giờ được thực hiện.

Đã cảm thấy sự bất tiện của tình trạng phụ thuộc, tôi tự hứa không bao giờ để mình có nguy cơ lâm vào tình trạng đó nữa. Đã nhìn thấy những dự định tham vọng mà tình huống từng khiến mình tạo dựng bị đổ vỡ ngay từ khi nảy sinh, chán ghét việc trở lại với chức nghiệp mà mình đã khởi đầu rất tốt, tuy nhiên mình vừa bị thải hồi, tôi quyết định không giúp việc ai nữa, mà ở tình trạng độc lập bằng cách tận dụng các tài năng của mình, mà rốt cuộc tôi bắt đầu cảm nhận được mức độ, và cho đến bấy giờ tôi vẫn suy nghĩ về chúng quá khiêm

nhường. Tôi trở lại làm vở nhạc kịch*, mà tôi đã ngừng để đi Venise; và để chuyển tâm vào việc này một cách yên tĩnh hơn, sau khi Altunara đi, tôi quay về nhà trọ cũ Saint-Quentin, ở một khu vắng vẻ và không xa Luxembourg, thuận tiện để tôi thoải mái làm việc hơn là phố Saint-Honoré ồn ào. Tại đây tôi sẽ gặp niềm an ủi thực sự duy nhất mà trời cho tôi hưởng trong cảnh khốn khổ, và duy chỉ niềm an ủi ấy khiến cảnh khốn khổ này có thể chịu đựng được đối với tôi. Đó không phải là một mối quen biết thoáng qua; tôi cần đi vào vài chi tiết về cách mà mối quen biết ấy hình thành.

Chúng tôi có một chủ nhà mới là người Orléans. Bà thuê để khâu vá chăm lo đồ vải vóc trong nhà một cô gái cùng quê, trạc hăm hai hăm ba tuổi, cùng ăn với chúng tôi và bà chủ nhà. Cô gái này, tên là Thérèse Le Vasseur, thuộc gia đình lương thiện; cha là viên chức Sở đúc tiền Orléans; mẹ buôn bán. Gia đình đông con. Sở đúc tiền Orléans không phát đạt nữa, người cha thất nghiệp; người mẹ bị vỡ nợ, làm ăn thua lỗ, thôi buôn bán, đến Paris cùng chồng và cô con gái, cô làm lụng nuôi cả ba người bằng lao động của mình.

Lần đầu tiên thấy cô gái này xuất hiện tại bàn ăn, tôi ngạc nhiên vì tư thái khiêm nhường của cô, và xúc động hơn nữa vì ánh mắt linh hoạt và dịu dàng, với tôi chẳng bao giờ có ánh mắt nào sánh được. Khách ăn, ngoài ông De Bonnefond, gồm nhiều tu sĩ người Irlande, Gascogne, và những người khác cùng kiểu như vậy. Bản thân bà chủ nhà đã từng lâu năm dập dìu ong bướm: ở đó chỉ có một mình tôi nói năng và cư xử đứng đắn. Mọi người trêu ghẹo cô bé; tôi bênh vực cô. Lập tức những lời châm chọc rơi vào tôi. Cho dù tôi không có một mối ưa thích tự nhiên nào đối với cô gái tội nghiệp, thì niềm thương cảm, sự phản đối có lẽ cũng khiến tôi ưa thích cô. Tôi luôn yêu mến sự lương thiện trong thái độ và trong lời lẽ, nhất là ở nữ giới. Tôi đường hoàng trở thành người bảo hộ cô. Tôi thấy cô cảm động trước sự chăm

sóc của tôi, và ánh mắt cô, phấn khích vì lòng biết ơn mà cô không dám nói ra miệng, chỉ càng thấm thía hơn vì thế.

Cô rất rụt rè; tôi cũng vậy. Tuy nhiên mối quan hệ mà tâm tính chung này dường như đẩy ra xa lại hình thành nhanh chóng. Bà chủ nhà, nhận thấy chuyện đó, trở nên giận dữ, và những sự thô bạo của bà lại khiến chuyện của tôi tiến triển hơn với cô bé, do chỉ có mình tôi là chỗ dựa trong nhà, nên cô buồn khổ nhìn tôi ra phố và thờ dài khi người che chở mình quay về. Sự tương ứng giữa con tim chúng tôi, sự trùng hợp về tâm tính chúng tôi chẳng bao lâu có hiệu quả bình thường của nó. Cô tin là thấy ở tôi một người đàn ông chính trực; cô không lầm. Tôi tin là thấy ở cô một cô gái đa cảm, chất phác và không đồng đánh; tôi cũng không lầm. Tôi tuyên bố trước với cô rằng tôi sẽ không bao giờ bỏ mặc cũng không bao giờ lấy cô. Tình yêu, niềm quý trọng, sự thành thực chân chất là trợ thủ cho thắng lợi của tôi; và bởi lòng cô giàu yêu thương và lương thiện nên tôi chẳng dạn dĩ tán tỉnh mà lại được hạnh phúc.

Việc cô sợ tôi giận vì không thấy ở cô điều mà cô tưởng tôi tìm kiếm đẩy lùi hạnh phúc của tôi hơn bất cứ chuyện gì khác. Tôi thấy cô sững sờ và then thùng trước khi hàng phục, muốn người ta hiểu mình song chẳng dám giải thích. Không tưởng tượng được nguyên nhân thực sự nổi bối rối của cô, tôi tưởng tượng ra một nguyên nhân rất sai lạc và rất si nhục đối với phẩm hạnh cô, và tưởng cô cảnh báo rằng sức khỏe tôi có thể gặp nguy hiểm, tôi rơi vào những sự hoang mang chúng không kìm giữ tôi nhưng nhiều ngày liền đầu độc hạnh phúc của tôi. Bởi chúng tôi người nọ không hề hiểu người kia, nên những cuộc trò chuyện của chúng tôi về đề tài này là chừng ấy ẩn ngữ và lời lẽ viển vông lộn xộn quá ư nực cười, cô sẵn lòng tin rằng tôi điên hoàn toàn; tôi sẵn lòng chẳng biết nghĩ về cô như thế nào nữa. Cuối cùng chúng tôi phân trần với nhau: cô vừa khóc vừa thú nhận với tôi một lỗi lầm duy nhất khi vừa ra khỏi tuổi ấu thơ, do tình trạng không hiểu biết của cô và do sự khéo léo của một kẻ quyến rũ. Vừa hiểu được cô, tôi

cất lên một tiếng reo vui mừng: “Trinh bạch! Đi tìm cái đó ở Paris ư, ở tuổi hai mươi ư! Ôi! Thérèse, anh quá hạnh phúc vì được chiêm hữu em nết na và lành mạnh, vì chẳng thấy điều mà anh không tìm kiếm.”

Thoạt tiên tôi chỉ có ý định để mình vui chơi. Tôi thấy mình đã làm nhiều hơn, và đã để mình có một bạn gái. Quen thuộc hơn một chút với cô gái rất tốt này, suy nghĩ hơn một chút về tình thế của mình, tôi cảm nhận rằng trong khi chỉ nghĩ đến thú vui, thì tôi đã làm rất nhiều cho hạnh phúc của tôi. Thay vào chỗ của tham vọng đã tắt tôi cần một tình cảm sống động làm đầy trái tim tôi. Để nói cho hết, cần phải có một người kế nhiệm Má: bởi tôi không được sống với Má nữa, tôi cần có ai đó sống với học trò của bà, và ở người ấy tôi tìm thấy sự chất phác và sự ngoan ngoãn chân thành mà bà từng tìm thấy ở tôi. Sự êm dịu của cuộc sống riêng tư và cuộc sống gia đình cần đến bù cho tôi về số phận huy hoàng mà tôi từ bỏ. Khi tôi hoàn toàn đơn độc, lòng tôi trống trải; nhưng để làm đầy nó chỉ cần một tấm lòng. Tạo hóa đã tạo ra tôi cho một tấm lòng, song số phận đã lấy đi của tôi, đã tha hóa của tôi, ít ra cũng tha hóa một phần, tấm lòng ấy. Từ đó tôi đơn độc; vì với tôi không bao giờ có trung gian giữa tất cả và không gì hết. Tôi tìm thấy ở Thérèse sự thay thế mà tôi cần; nhờ cô tôi sống hạnh phúc nhiều hết mức có thể, tùy theo tiến trình của các biến cố.

Thoạt tiên tôi muốn đào tạo trí não cô. Tôi mất công vô ích trong chuyện này. Trí não cô là những gì tạo hóa đã làm ra; sự giáo hóa và các chăm sóc không có tác dụng. Tôi chẳng xấu hổ thú nhận rằng cô không bao giờ đọc tốt, mặc dù viết tạm được. Khi tôi đến ở phố Neuve-des-Petits-Champs, thì tại dinh thự Pontchartrain, đối diện cửa sổ phòng tôi, có một mặt đồng hồ mà tôi cố gắng hơn một tháng ròng tập cho cô biết được các giờ. Hiện nay cô vẫn chỉ biết sơ sơ gọi là. Cô chưa bao giờ theo dõi được thứ tự mười hai tháng trong năm, và không biết một chữ số nào, bất chấp mọi chăm lo của tôi để chỉ vẽ cho cô. Cô không biết đếm tiền cũng không biết giá cả của một thứ gì. Lời cô nói ra thường trái ngược với lời cô định nói. Ngày trước tôi đã làm

một cuốn từ điển những câu nói của cô để giải trí cho bà De Luxembourg, và những lầm lẫn điều nọ xọ điều kia của cô đã thành nổi tiếng ở những giới trong đó tôi từng sống. Nhưng con người rất thiện trí, và, nếu muốn bảo là rất ngu đần cũng được, lại là một cố vấn giỏi trong những trường hợp khó khăn. Nhiều lần, ở Thụy Sĩ, ở Anh, ở Pháp, trong những tai ương mà tôi lâm phải, cô đã nhìn thấy điều bản thân tôi không nhìn thấy; cô đã cho tôi những lời khuyên tốt nhất nên theo; cô đã kéo tôi ra khỏi những nguy hiểm mà tôi lao mình vào một cách mù quáng; và trước những phu nhân có địa vị cao nhất, trước những vị quyền quý và các vương công, tình cảm của cô, lương tri của cô, những câu trả lời và cách cư xử của cô đã khiến cô được toàn thể mọi người quý trọng, còn tôi được chúc mừng về giá trị của cô, những lời chúc mừng mà tôi cảm nhận được tính chân thành.

Bên những người mà ta yêu, tình cảm nuôi dưỡng trí não cũng như con tim, và ta ít cần tìm kiếm ý tưởng ở nơi khác. Tôi sống với Thérèse của tôi dễ chịu như với bậc kỳ tài phi thường nhất thiên hạ. Mẹ cô, tự hào vì trước kia được nuôi dạy bên nữ hầu tước De Monpipeau, làm ra vẻ có đầu óc văn chương, muốn chỉ huy đầu óc cô, và sự xảo quyệt của bà làm hỏng tính giản dị chất phác trong mỗi giao tiếp giữa chúng tôi. Do chán ngán sự quấy rầy này, tôi khắc phục được đôi chút nỗi xấu hổ ngu dại không dám xuất hiện công khai cùng Thérèse, và chúng tôi có những cuộc đi dạo riêng với nhau nơi đồng nội và những bữa nhẹ giữa chiều tuyệt vời đối với tôi. Tôi thấy cô yêu tôi chân thành, và điều này tăng thêm niềm thương mến nơi tôi. Tình trạng thân mật êm dịu này thay thế tất cả đối với tôi; tương lai không quan hệ đến tôi nữa, hoặc chỉ quan hệ đến tôi như là hiện tại kéo dài: tôi chỉ mong muốn làm cho nó được vững bền.

Mối gần bó này khiến mọi sự chơi bời khác thành ra thừa và vô vị đối với tôi. Tôi chỉ ra ngoài để đến nhà Thérèse; nơi ở của cô gần như thành nơi ở của tôi. Cuộc sống ẩn dật này trở nên rất có lợi cho công việc, thành thử chưa đầy ba tháng toàn bộ vở nhạc kịch được

hoàn thành, lời và nhạc. Chỉ còn phải làm vài phần đệm và phần phụ giữa bè trầm và bè cao. Công việc không cần sáng tạo này khiến tôi rất chán. Tôi đề nghị Philidor đảm trách, và để anh được chia quyền lợi. Anh đến hai lần, làm vài phần phụ trong hồi về Ovide, nhưng anh không thể say mê cái việc làm cần mẫn cho một lợi nhuận xa vời thậm chí không chắc chắn. Anh không quay lại nữa, và tôi tự mình hoàn tất công việc.

Nhạc kịch của tôi đã làm xong, vấn đề là sử dụng sao cho có lợi: đẩy lại là một vở kịch khác khó hơn nhiều, sống ở Paris mà thân cô thế cô thì chẳng việc gì thành tựu được hết. Tôi nghĩ đến chuyện nhờ ông De la Poplinière để ra mắt, Gauffecourt, khi từ Genève về, đã giới thiệu để tôi lui tới nhà ông. Ông De la Poplinière là Mạnh Thường quân của Rameau: bà De la Poplinière là học trò rất khiêm nhường của Rameau. Như người ta nói, Rameau làm mưa làm gió trong nhà này. Phán đoán rằng Rameau sẽ vui thích bảo hộ cho tác phẩm của một trong những môn đệ của ông, tôi muốn đưa ông xem tác phẩm của mình, ông từ chối, bảo rằng ông không thể đọc các nhạc phổ, rằng việc đó làm ông quá mệt. La Poplinière liền bảo rằng mọi người có thể để ông nghe tác phẩm, và nhận với tôi sẽ tập hợp các nhạc công để diễn tấu một số đoạn; tôi chẳng mong gì hơn. Rameau vừa đồng ý vừa cẩn thận, và không ngừng lặp lại rằng sáng tác của một người không phải con nhà nòi, và đã tự học nhạc một mình thì chắc phải hay ho lắm. Tôi vội vã tuyển chọn năm hay sáu nhạc khúc và soạn thành các đoạn. Mọi người cho tôi khoảng mười nhạc công hòa tấu còn ca sĩ là Albert, Bérard và cô Bourbonnois*. Ngay phần tự khúc, Rameau đã bắt đầu để mọi người hiểu, qua những lời khen quá đáng, rằng phần này không thể là của tôi. Ông chẳng bỏ qua một khúc nào mà không tỏ những dấu hiệu nóng nảy; nhưng đến một điệu nam cao nhất, mà giọng ca hùng dũng và vang vọng còn nhạc đệm rất xuất sắc, thì ông không tự kiềm chế được nữa; ông gọi tôi mà phán một cách thô bạo khiến tất cả mọi người công phần, bảo rằng một bộ phận của những gì ông vừa nghe là

của một người giỏi giang thành thạo trong nghề, phần còn lại là của một kẻ dốt nát thậm chí không biết nhạc; và quả thật tác phẩm của tôi, không đồng đều và không quy tắc, khi thì tuyệt vời khi thì rất tầm thường, đó là điều tất nhiên đối với tác phẩm của ai đó chỉ nâng mình lên nhờ vài đà hưng phấn của tài năng, chứ không được kiến thức học thuật phù trợ. Rameau phán rằng chỉ thấy ở tôi một kẻ đạo nhạc tầm thường chẳng có tài năng chẳng có óc thẩm mỹ. Những người tham dự, nhất là ông chủ nhà, không nghĩ như vậy. Ông De Richelieu, thời gian này rất hay gặp gỡ ông và, như mọi người biết rõ, bà De la Poplinière, nghe nói đến tác phẩm của tôi và muốn nghe toàn bộ, với dự định cho biểu diễn tại cung đình nếu ông thấy hài lòng. Tác phẩm được diễn tấu với dàn nhạc lớn và dàn đại hợp xướng, phí tổn do đức vua trả, tại dinh thự ông De Bonneval, phụ trách quỹ chi tiêu vặt của nhà vua. Francoeur* chỉ huy biểu diễn. Hiệu quả gây kinh ngạc. Công tước không ngừng reo lên và vỗ tay tán thưởng, và cuối một đoạn hợp xướng, trong hồi về Tasse, ông đứng dậy, đi đến bên tôi, và bắt tay tôi mà nói: “Ông Rousseau, đây là hòa âm gây cảm kích mạnh mẽ. Tôi chưa từng nghe cái gì hay hơn thế: tôi muốn cho diễn tác phẩm này tại Versailles.” Bà De la Poplinière, có mặt tại đó, chẳng nói năng gì. Rameau, mặc dù được mời, đã không muốn đến. Ngày hôm sau, bà De la Poplinière tiếp tôi một cách rất khắc nghiệt bên bàn trang điểm, cố tình hạ thấp tác phẩm của tôi, và bảo rằng, mặc dù một chút hào nhoáng thoát tiên đã lòe được ông De Richelieu, song ông đã đổi ý, và bà khuyên tôi đừng trông đợi ở vở nhạc kịch của mình. Một lát sau ngài công tước đến và nói với tôi bằng giọng khác hẳn, phát biểu những điều đẹp lòng về tài năng của tôi và có vẻ sẵn sàng cho biểu diễn vở kịch của tôi trước nhà vua. Ông nói: “Chỉ có hồi kịch về Tasse khó diễn được ở triều đình*: cần phải làm một hồi khác.” Nghe xong chỉ một lời này tôi về nhốt mình trong nhà, và trong ba tuần làm thay vào phần của Tasse một hồi khác mà đề tài là Hésiode được một nữ thần thi ca gây cảm hứng. Tôi tìm được cách đưa vào hồi này một phần câu chuyện về tài năng của mình, về sự ghen ghét mà Rameau

vui lòng ban cho những tài năng ấy. Trong hồi kịch mới này có một tính chất cao thượng bớt đồ sộ và cao nhã hơn so với hồi về Tasse. Âm nhạc cũng cao quý hơn và hoàn hảo hơn rất nhiều, và nếu như hai hồi kia mà bằng được hồi này, thì toàn bộ vở kịch có thể trình diễn thuận lợi: nhưng trong khi tôi hoàn tất nó, thì một công trình khác khiến việc biểu diễn tác phẩm bị dừng lại.

Mùa đông tiếp theo trận chiến Fontenoy, tại Versailles có rất nhiều lễ hội, trong đó có nhiều nhạc kịch tại nhà hát Petites-Écuries. Trong số này có vở kịch của Voltaire nhan đề *Quận Chúa De Navarre*, nhạc do Rameau soạn, vở vừa được thay đổi và chỉnh lý dưới cái tên *Lễ hội Ramire*. Đề tài mới này đòi hỏi nhiều thay đổi ở những màn múa hát xen giữa các hồi, về lời thơ cũng như về nhạc, vấn đề là tìm được ai đó có thể thực hiện hai mục tiêu trên. Voltaire, khi ấy đang ở Lorraine, và Rameau, cả hai đều bận về vở nhạc kịch *Ngôi đền Vinh quang*, không thể lo cho vở này, ông De Richelieu liền nghĩ đến tôi, đề nghị tôi đảm trách, và để tôi có thể xem xét kỹ hơn những gì cần làm, ông gửi cho tôi thi phẩm và nhạc phẩm riêng rẽ. Trước hết, tôi muốn chỉ động đến phần lời khi được tác giả thừa nhận; và tôi viết cho tác giả một bức thư rất đứng đắn, thậm chí kính cẩn, theo đúng lễ nghi. Đây là thư phúc đáp, mà nguyên bản ở trong hồ sơ A, số 1.

15 tháng Mười hai năm 1745

Thưa ngài, ngài liên kết hai tài năng cho tới bây giờ vẫn luôn chia tách. Đó đã là hai lý do đúng đắn đối với tôi để quý trọng ngài và mong được mến ngài. Tôi lấy làm phiền lòng cho ngài vì ngài sử dụng hai tài năng đó cho một tác phẩm không thật xứng với chúng. Cách đây vài tháng ngài công tước De Richelieu ra lệnh cho tôi nhất thiết phải làm trong nháy mắt một phác thảo nhỏ và dở cho vài màn kịch vô vị và cắt xén, cần lắp vào những màn múa hát không hề được tạo ra cho chúng. Tôi tuân theo răm rắp; tôi làm rất nhanh và rất dở. Tôi gửi bản phác thảo chẳng ra gì ấy cho ngài công tước De Richelieu, chắc

rằng nó sẽ không được sử dụng, hoặc tôi sẽ sửa chữa nó. May thay nó đang ở trong tay ngài, ngài là chủ nhân tuyệt đối của nó; tôi đã hoàn toàn không để mắt đến tất cả những cái đó. Tôi tin rằng ngài đã sửa chữa mọi sai sót tất nhiên trong khi soạn thật cấp tốc một phác thảo mộc mạc, rằng ngài đã bỏ khuyết hết thảy.

Tôi nhớ là trong số những điều vụng về thô lậu có việc không nói rõ, ở những cảnh kết nối các màn múa hát, làm thế nào mà công Chúa Grenadine lại đột ngột chuyển từ một nhà ngục sang một khu vườn hay một cung điện. Bởi không phải một thầy phù thủy tổ chức lễ hội mừng nàng, mà là một vương công Tây Ban Nha, nên theo ý tôi không điều gì được thực hiện do phép thuật. Thưa ngài, xin ngài hãy vui lòng xem lại chỗ đó, mà tôi chỉ có một khái niệm mơ hồ. Xin hãy xem liệu có cần để nhà ngục mở ra và để công Chúa của chúng ta chuyển từ nhà ngục này sang một cung điện đẹp để sơn son thếp vàng, được chuẩn bị cho nàng. Tôi biết rất rõ là tất cả những cái đó thật chẳng ra gì, và làm cho những trò nhỏ mọn ấy thành một việc nghiêm túc thì thật là dưới tầm của một con người tư duy; nhưng rất cuộc, bởi vấn đề là gây phiền chán ít hết mức có thể, nên cần làm cho hợp lý nhiều hết mức có thể, ngay cả ở một màn múa hát dở trong nhạc kịch.

Tôi nhờ cậy tất cả vào ngài cùng ngài Ballod, và tôi mong sớm được vinh dự cảm tạ ngài, và đảm bảo với ngài rằng tôi xiết bao hân hạnh, v.v.

Xin đừng ngạc nhiên vì bức thư này hết sức lễ độ, so sánh với những thư khác nửa-suông sã mà Voltaire đã viết cho tôi kể từ thời gian ấy. Ông tưởng tôi rất được ông De Richelieu ưu ái, và thái độ mềm mỏng nịnh thần của ông mà mọi người biết rõ, buộc ông phải rất nể trọng kẻ mới đến, cho tới khi ông hiểu rõ hơn mức độ tín nhiệm của hẳn.

Được ông De Voltaire cho phép và được miễn mọi sự lưu tâm đến Rameau, người chỉ tìm cách hại tôi, tôi bèn bắt tay vào làm, và sau hai tháng thì công việc hoàn thành, về các câu thơ, thì việc rất ít ỏi. Tôi

chỉ cố gắng để mọi người không cảm thấy sự khác biệt của các phong cách, và tôi tự phụ nghĩ rằng mình đã thành công, về âm nhạc, công việc lâu hơn và vất vả hơn. Ngoài chuyện phải làm nhiều khúc trang trọng, trong số đó có tự khúc, thì toàn bộ khúc ngâm vịnh mà tôi đảm trách cực kỳ khó, vì thông thường qua ít câu thơ và bằng những chuyển điệu thức thật nhanh, phải kết nối những khúc hòa tấu và những bài hợp xướng ở những cao độ cách nhau rất xa; bởi, để Rameau khỏi kết tội tôi đã làm biến dạng các điệu nhạc của ông ta, tôi không muốn thay đổi một điệu nào hết cũng không muốn chuyển dịch giọng. Tôi thành công ở khúc ngâm vịnh này. Nó rất mạnh mẽ, đầy khí phách, và trước hết là tuyệt vời uyển chuyển. Ý nghĩ về hai con người ưu việt mà người ta hạ cố kết hợp tôi vào đã nâng cao tài năng của tôi, và tôi có thể nói rằng trong cái công việc bạc bẽo và chẳng có vinh quang, mà công chúng thậm chí không được cho biết, hầu như tôi luôn đứng bên những người làm mẫu cho mình.

Vở kịch, như tôi đã điều chỉnh, được diễn tập tại sân khấu lớn Nhà hát Nhạc kịch. Trong ba tác giả, chỉ mình tôi có mặt. Voltaire đi vắng, còn Rameau không đến, hoặc ẩn mình.

Lời của đoạn độc thoại đầu tiên rất bi ai. Đây là câu mở đầu:

Ôi cái chết! hãy đến kết thúc những bất hạnh của đời ta.

Phải làm một điệu nhạc phù hợp. Ấy thế mà bà De la Poplinière lại lấy điều đó làm cơ sở cho sự chỉ trích của mình, và kết tội tôi rất gay gắt là đã làm một điệu nhạc đám ma. Ông De Richelieu khởi đầu một cách chí lý tìm hiểu xem những câu thơ ở đoạn độc thoại này là của ai. Tôi trình ra bản thảo mà ông đã gửi cho tôi, nó làm chứng rằng những câu thơ ấy của Voltaire. Ông nói: “Trong trường hợp như thế, thì chỉ mình ông Voltaire sai.” Suốt buổi diễn tập, tất cả những gì của tôi đều liên tiếp bị bà De la Poplinière phản đối rồi được ông De Richelieu bào chữa. Nhưng rốt cuộc tôi gặp phải địch thủ quá mạnh, và tôi được thông báo rằng phải làm lại rất nhiều điều ở công trình và

về những điều ấy phải hỏi ý kiến ông Rameau. Ngậm ngùi vì một kết luận như vậy, thay vì những lời khen ngợi mà mình chờ đợi, và chắc chắn là mình đáng được, tôi trở về nhà, lòng phiền não. Tôi bị ốm, do kiệt sức vì mệt mỏi, nung nấu vì buồn khổ, và trong sáu tuần lễ không đủ sức ra khỏi nhà.

Rameau, chịu trách nhiệm về những chỗ thay đổi do bà De la Poplinière chỉ ra, cho người đến hỏi tôi phần tự khúc ở vở nhạc kịch lớn của tôi để thế vào phần tự khúc tôi vừa làm. May thay tôi cảm nhận được trò ngáng chân, và tôi từ chối. Do chỉ còn dăm sáu ngày trước khi biểu diễn, ông ta không có thì giờ làm phần tự khúc khác, và phải giữ lại bản của tôi. Nó được làm theo kiểu Ý, và theo một phong cách khi đó rất mới mẻ với nước Pháp. Tuy nhiên, nó được tán thành, và tôi được biết qua ông De Valmalette, quản gia của nhà vua, và là con rể ông Mussard, người họ hàng và bạn của tôi, rằng những người yêu thích nhạc rất hài lòng về công trình của tôi, còn công chúng chẳng phân biệt nó với công trình của Rameau. Nhưng ông này, cùng với bà De la Poplinière, tìm cách để mọi người thậm chí không biết rằng tôi đã tham gia việc ấy. Trên các bản phân phát cho khán giả, ở đó bao giờ cũng nêu tên các tác gia, chỉ có Voltaire được nêu tên, còn Rameau thích tên mình bị bỏ đi còn hơn là thấy kết hợp với tên tôi ở đó.

Vừa đủ sức ra ngoài, là tôi định đến nhà ông De Richelieu. Không còn kịp nữa. Ông vừa đi Dunkerque, tại đó ông phải chỉ huy cuộc đổ bộ dành cho xứ Écosse. Khi ông trở về, tôi tự nhủ, để cho phép mình lười biếng, rằng đã quá muộn. Do từ đấy không gặp lại ông nữa, tôi đã bị mất vinh dự mà công trình của tôi đáng được hưởng, tiền thù lao mà công trình đó phải đem lại cho tôi, còn thời gian, lao động, sự buồn phiền, bệnh tật và tiền chi phí vì bệnh, tất cả những cái đó do tôi chịu, mà chẳng được hoàn lại một xu lời lãi, hay bồi thường thì đúng hơn. Tuy nhiên tôi luôn thấy ông De Richelieu dường như có ý miễn tôi một cách tự nhiên và nghĩ tốt về tài năng của tôi. Nhưng vận

rủi của tôi và bà De la Poplinière ngăn cản toàn bộ hiệu quả của thiện chí nơi ông.

Tôi không sao hiểu được sự ghét cay ghét đắng của người đàn bà mà mình đã cố làm vừa lòng và sẵn đón khá đều đặn ấy, Gauffecourt giải thích cho tôi lý do. Ông bảo: “Trước hết, tình thân của bà ta đối với Rameau, mà bà ta là người tán dương thực thụ, và không muốn chịu đựng một kẻ cạnh tranh nào, hơn nữa còn một tội tổ tông khiến anh bị bà ta nguyên rủa và không bao giờ tha thứ, đó là anh là dân Genève.” Về chuyện này, ông giải thích cho tôi rằng tu sĩ Hubert, dân Genève, và là bạn chân thành của ông De la Poplinière, từng ra sức ngăn cản ông này lấy người đàn bà mà tu sĩ biết rõ, và sau khi kết hôn, bà ta có mối thù ghét không đội trời chung với tu sĩ, cũng như với mọi người dân Genève. Ông nói thêm: “Mặc dù La Poplinière mến anh, và tôi biết điều đó, song anh đừng trông đợi sự nâng đỡ của ông ấy. Ông ấy yêu vợ; bà ta ghét anh, bà ta độc ác, bà ta khôn khéo; anh sẽ không bao giờ làm được gì ở nhà đó.” Tôi phải nhớ kỹ điều này.

Gần như cùng thời gian ấy, cũng Gauffecourt giúp đỡ tôi một việc mà tôi rất cần. Tôi vừa mất người cha đức độ ở tuổi trạc sáu mươi. Tôi cảm nhận sự mất mát này ít hơn là lẽ ra có thể cảm nhận ở những thời buổi khác, những thời buổi đỡ phải lo toan hơn vì những khó khăn trong tình cảnh của mình. Sinh thời ông, tôi không hề muốn đòi phần tài sản còn lại của mẹ tôi mà ông vẫn hưởng số lợi tức nhỏ. Sau khi ông qua đời tôi không còn đắn đo ngần ngại về chuyện đó nữa. Nhưng việc thiếu chứng cứ pháp lý về cái chết của anh tôi là một trở ngại mà Gauffecourt đảm nhận gỡ bỏ, và quả thực ông gỡ được nhờ sự giúp đỡ của luật sư Delorme. Do tôi rất cần nguồn lợi nhỏ này, và do kết quả không chắc, nên tôi vô cùng sốt sắng chờ tin tức quyết định. Một tối, về nhà, tôi thấy bức thư hân là chứa đựng tin tức này, và tôi cầm lấy thư để mở ra với một sự run rẩy vì sốt ruột khiến thâm tâm tôi thấy hổ thẹn. Tôi tự nhủ một cách khinh miệt: “Sao cơ! Jean-Jacques để mình bị chi phối đến mức ấy vì lợi ích và vì hiếu kỳ ư?”

Tôi lập tức để lại bức thư trên lò sưởi. Tôi cởi quần áo, bình thần đi nằm, ngủ ngon hơn bình thường, và hôm sau dậy khá muộn, chẳng nghĩ đến bức thư nữa. Trong khi mặc quần áo, tôi nhìn thấy nó; tôi mở ra không vội vã; tôi thấy một tờ hồi phiếu. Tôi được nhiều niềm vui cùng một lúc, nhưng tôi có thể thề rằng niềm vui mãnh liệt nhất là niềm vui đã biết tự chiến thắng. Tôi có thể dẫn ra hai chục hành vi tương tự trong đời mình, nhưng tôi quá vội nên không thể kể hết. Tôi gửi một phần nhỏ của số tiền này cho Má tội nghiệp, và rơi nước mắt tiếc nuối thời gian hạnh phúc mà lẽ ra mình có thể đặt toàn bộ dưới chân bà. Mọi thư từ của bà đều cho thấy tình cảnh quẫn bách. Bà gửi cho tôi rất nhiều phương thuốc và bí quyết mà bà bảo rằng nhờ đó tôi sẽ làm nên cơ nghiệp của tôi và của bà. Cảm nhận về nỗi bần cùng đã khiến lòng bà thắt lại và đã thu hẹp trí tuệ bà. Số tiền ít ỏi tôi gửi là miếng mồi cho bọn lừa đảo ám ảnh bà sâu xé. Bà chẳng được lợi chút gì hết. Điều này khiến tôi chán ghét việc chia sẻ với bọn khốn nạn đó những gì cần thiết cho mình, nhất là sau khi cố gắng vô hiệu để giăng bà ra khỏi chúng, như sẽ kể sau này.

Thời gian trôi đi và tiền trôi cùng thời gian, chúng tôi có hai người, thậm chí bốn, hoặc, để nói cho đúng hơn, có bảy hay tám người. Bởi vì, mặc dù Thérèse vô tư bất vụ lợi ít ai sánh kịp, song mẹ cô không giống cô. Vừa thay mình khá khẩm lên một chút nhờ có tôi chăm lo, bà ta bèn kéo cả gia đình đến để chung phần lợi ích. Các chị em, các con trai, con gái, cháu gái, đến tất tật, trừ cô con gái cả, lấy người quản lý các xe ngựa ở Angers. Hết thấy những gì tôi làm cho Thérèse đều bị mẹ cô gian lận cho những kẻ đói khát kia. Bởi tôi không kết với một người tham lam, và bởi tôi không bị một đam mê mù quáng chi phối, nên tôi không làm những chuyện điên rồ. Hải lòng với việc chu cấp cho Thérèse sống một cách thích đáng, nhưng không xa hoa, khỏi phải lo các nhu cầu cấp bách, tôi đồng ý để cô dành cho mẹ toàn bộ những gì cô làm lụng mà kiếm được, và tôi không giới hạn ở đó. Nhưng, do một định mệnh đeo đẳng tôi, trong khi Má bị những

người dân quê của bà xấu xí, thì Thérèse bị gia đình cô xấu xí, và ở phía nào tôi cũng chẳng thể làm được gì có lợi cho người phụ nữ mà lợi ích ấy tôi dành cho họ. Thật lạ lùng khi con gái út của bà Le Vasseur, người duy nhất không được của hồi môn, lại là người duy nhất nuôi bố nuôi mẹ, và sau một thời gian dài bị các anh, các chị, thậm chí các cháu gái mình đánh đập, giờ đây cô gái tội nghiệp ấy bị họ cướp bóc, mà chẳng chống đỡ được nhiều hơn trước những trò trộm cắp cũng như những miếng đòn của họ. Riêng có một người trong các cháu gái, tên là Goton Leduc, khá dễ mến và tính tình khá hiền lành, mặc dù bị tấm gương và bài học của những kẻ khác làm hư hỏng, vì tôi thường thấy họ ở bên nhau, nên tôi gọi họ bằng những cái tên họ gọi lẫn nhau; tôi gọi cô cháu là *cháu gái*, còn người dì là *dì*. Cả hai gọi tôi là chú. Vì thế có cái tên *dì*, mà tôi tiếp tục gọi Thérèse, và đôi khi các bạn tôi đùa cợt lặp lại.

Ta cảm thấy rằng, trong một tình thế như vậy, tôi không được để lỡ một khoảnh khắc nào trong việc cố gắng xoay sở. Đoán rằng ông De Richelieu đã quên mình rồi, và không hy vọng gì về phía triều đình nữa, đôi ba lần tôi thử làm cho vở nhạc kịch của mình được thừa nhận tại Paris; nhưng tôi gặp phải những trở ngại đòi hỏi nhiều thời gian để khắc phục, còn mình thì ngày càng bị thúc bách. Tôi nghĩ ra chuyện đưa vở hài kịch nhỏ *Narcisse* đến Nhà hát Ý; vở được nhận, và tôi có quyền tự do ra vào Nhà hát, điều này khiến tôi rất vui thích. Nhưng tất cả chỉ có thế. Tôi chưa bao giờ làm được cho họ diễn vở của mình; và chán ngán việc phải chiều nịnh các diễn viên, tôi bỏ họ đấy. Cuối cùng tôi quay về với kế sách cuối cùng còn lại, và là kế sách duy nhất mà lẽ ra ra tôi nên sử dụng. Do năng lui tới nhà ông De la Poplinière, tôi đã xa rời nhà bà Dupin. Hai bà, mặc dù có họ hàng, song lại bất hòa và không hề thăm hỏi nhau. Giữa hai nhà không có sự giao thiệp nào hết, chỉ riêng Thieriot* sống cả ở nhà nọ lẫn nhà kia. Ông được giao nhiệm vụ cố dẫn tôi quay lại nhà bà Dupin. Khi ấy ông De Francueil đang theo đuổi môn vật học và hóa học, và lập một bộ sưu tập sách. Tôi

nghĩ ông hy vọng vào được Viện Hàn lâm Khoa học; ông muốn làm một cuốn sách cho việc đó, và xét thấy tôi có thể hữu ích cho ông trong công việc này. Bà Dupin, về phần mình, đang trù tính một cuốn sách khác, cũng có những dự kiến tương tự đối với tôi. Họ những muốn cùng có tôi chung nhau như một kiểu thư ký, và đó là mục đích những lời khuyến cáo của Thieriot. Tôi yêu cầu trước là ông De Francueil hãy sử dụng uy tín của ông cùng với uy tín của Jelyote* để làm cho tác phẩm của tôi được diễn tập tại Nhà hát Nhạc kịch; ông ta đồng ý. *Những Nàng Thơ phong nhã* được diễn tập nhiều lần mới đầu ở nhà kho, rồi ở sân khấu lớn. Rất đông người đến xem trong buổi diễn tập chính, và nhiều đoạn rất được hoan nghênh. Tuy nhiên bản thân tôi cảm thấy, trong buổi diễn tấu, mà Rebel chỉ huy rất dở, rằng vở kịch sẽ không được thừa nhận, thậm chí chưa thể công diễn nếu không có những sửa chữa lớn. Bởi vậy tôi rút nó về chẳng nói năng gì và chẳng mạo hiểm để mình bị từ chối; nhưng tôi thấy rõ qua nhiều triệu chứng rằng tác phẩm, giả sử có hoàn hảo, cũng sẽ không được thừa nhận. Đúng là Francueil đã hứa với tôi để nó được diễn tập, chứ không phải để nó được nhận, ông đã giữ đúng lời hứa. Tôi vẫn luôn cho rằng mình nhìn thấy ở dịp này và nhiều dịp khác rằng cả ông cả bà Dupin chẳng ai quan tâm đến việc để tôi đạt được một danh tiếng nào đó trong xã hội, có thể do sợ mọi người, khi thấy sách của họ, lại cho rằng họ đã cấy ghép tài năng của họ vào tài năng của tôi. Tuy nhiên, vì bà Dupin bao giờ cũng nghĩ rằng tài năng của tôi hết sức tầm thường, và bà chỉ sử dụng tôi để viết những gì do bà đọc cho, hoặc để làm công việc sưu tầm thuần túy bác học, nên lời chê trách ấy, giả sử có, cũng rất bất công, nhất là đối với bà.

Kết quả xấu cuối cùng này khiến tôi nản chí hẳn. Tôi bỏ mọi dự định tiến thủ và vinh quang; và không còn nghĩ về những tài năng có thực hay hảo huyền ít thành công với mình đến thế, tôi dành thời gian và sự lo toan để mưu sinh cho tôi và Thérèse của tôi, làm theo ý những

người đảm nhận cung ứng cho việc đó. Vậy là tôi hoàn toàn giúp việc bà Dupin và ông De Francueil. Điều này chẳng khiến tôi thật phong lưu; vì, với tám đến chín trăm franc một năm trong hai năm đầu, tôi chỉ tạm có để chi dùng cho những nhu cầu đầu tiên, do buộc phải ở gần họ, trong một phòng trọ có sẵn đồ đạc, tại một khu phố khá đắt đỏ, và trả tiền thuê một nhà khác ở cuối Paris, mãi trên phố Saint-Jacques, nơi mà bất kể thời tiết ra sao, hầu như tối nào tôi cũng về ăn bữa đêm. Chẳng bao lâu tôi quen nếp thậm chí thấy ưa thích công việc mới. Tôi chuyên tâm vào môn hóa. Tôi cùng ông De Francueil theo học nhiều với ông Rouelle, và chúng tôi bắt đầu viết nguệch ngoạc tàm tàm chẳng hay cũng chẳng dở về môn khoa học mà chúng tôi chỉ vừa mới nắm được các nguyên lý. Vào năm 1747 chúng tôi đến ở qua mùa thu tại Touraine, trong lâu đài Chenonceaux, thuộc hoàng gia, trên sông Cher, do Henri đệ nhị xây dựng cho Diane de Poitiers, ta còn thấy dấu hiệu của bà tại đó, còn giờ đây lâu đài thuộc sở hữu của ông Dupin, tổng giám thu tài chính. Mọi người vui chơi rất nhiều tại nơi chốn đẹp đẽ này; ăn uống toàn cao lương mỹ vị; tôi béo ra như một thầy tu. Họ chơi nhạc rất nhiều. Tôi sáng tác nhiều khúc tam ca, đầy một sự hài hòa khá phong phú, mà có lẽ tôi sẽ lại nói đến trong phần phụ lục, nếu như tôi làm một phụ lục. Mọi người diễn hài kịch. Tôi làm, trong mười lăm ngày, một vở ba hồi, nhan đề *Sự đánh ước liều lĩnh*, sẽ thấy trong sổ giấy tờ của tôi, và chỉ có giá trị ở chỗ rất vui. Tôi sáng tác những tiểu phẩm khác, trong đó có một tiểu phẩm bằng thơ, nhan đề *Lối nhỏ Sylvie*, lấy tên một con đường nhỏ của khuôn viên men theo sông Cher, và tất cả những điều trên được thực hiện mà không gián đoạn công việc của tôi về hóa học, và công việc tôi làm với bà Dupin.

Trong khi tôi mập ra tại Chenonceaux, thì Thérèse tội nghiệp của tôi cũng mập ra ở Paris theo một cách khác, và khi trở về, tôi thấy công trình của mình phát triển hơn mình tưởng. Điều này, xét tình thế của tôi, có thể đẩy tôi vào một cảnh cực kỳ khó khăn, nếu như các bạn cùng ăn không cung cấp cho tôi phương kế duy nhất có thể giúp tôi gỡ

ra được. Đó là một trong những câu chuyện chủ yếu mà tôi không thể thuật lại một cách quá đơn giản, vì trong khi bình luận, sẽ phải tự biện giải hay tự buộc tội, thế mà tôi lại không được làm cả điều này lẫn điều kia ở đây.

Trong thời gian Altuna lưu trú tại Paris, thay vì đến ăn ở một nhà hàng, anh và tôi thường ăn ở nơi gần, hầu như đối diện ngõ cụt Nhà hát Nhạc kịch, tại nhà một bà La Selle, vợ một thợ may, bà ta cho ăn khá dỡ, nhưng vẫn được ưa chuộng, do những người cùng ăn tại đó tử tế và đáng tin cậy; vì họ không nhận một người lạ nào, và phải được một trong những khách ăn thường xuyên giới thiệu. Võ quan De Graville, ông già trác táng, đầy lịch sự và tài trí, nhưng tục tũ, cư trú tại đó, và thu hút một đám đông thanh niên điên cuồng vui vẻ và hào hoa gồm các sĩ quan vệ binh và ngự lâm quân, võ quan De Nonant, hiệp sĩ của tất cả các cô nàng thuộc Nhà hát Nhạc kịch, hằng ngày mang đến mọi tin tức của chốn ăn chơi đó. Ông Du Plessis, trung tá về hưu, ông già đứng đắn và nhân hậu, Ancelet*, sĩ quan ngự lâm, duy trì một trật tự nào đó trong đám thanh niên này. Cũng có những thương nhân, những nhà tài chính, những nhà cung cấp binh lương, những lịch sự, đứng đắn, thuộc những người có tiếng trong nghề của họ; ông De Besse, ông De Forcade, và những người khác mà tôi đã quên tên. Rốt cuộc ta thấy ở đó những người giỏi giang bất thiệp thuộc mọi nghề nghiệp, trừ các tu sĩ và các pháp quan mà tôi chưa từng nhìn thấy tại đó, và đã thành một quy ước là không giới thiệu những người như thế. Bàn ăn ở đây, khá đông người, rất vui mà không ồn ào, và mọi người đùa nghịch nhiều song không thô lỗ. Vị võ quan già, với mọi truyện kể về thực chất là tục, không khi nào bỏ thái độ lịch sự của cung đình xưa, và chẳng bao giờ một câu nói tục được ông phát ra mà lại không thú vị đến mức phụ nữ có lẽ cũng tha thứ. Phong thái của ông là quy tắc cho cả bàn ăn: tất cả các chàng trai này kể những chuyện tình của họ phóng túng bao nhiêu thì cũng duyên dáng bấy nhiêu, và chuyện về các cô gái càng chẳng thiếu vì nhà kho ngay trước cửa; bởi lối dẫn vào

nhà bà La Selle cũng là lối đi có cửa hiệu của bà Duchapt, người bán hàng thời trang nổi tiếng, khi ấy có những cô gái rất xinh mà các quý ông nhà ta đến chuyện trò trước hoặc sau bữa ăn chiều, có lẽ tôi cũng sẽ vui chơi như những người khác nếu như tôi bạo dạn hơn. Chỉ cần phải bước vào, giống như họ; tôi chẳng dám bao giờ. Còn về bà La Selle, tôi tiếp tục đến ăn tại nhà bà khá thường xuyên sau khi Altuna ra đi. Ở đó tôi biết được rất nhiều giai thoại thú vị, và dần dần tôi theo, không, nhờ trời, không theo các tập quán, nhưng theo các phương châm mà tôi thấy được xác lập tại đó. Những người lương thiện bị làm khổ, những người chồng bị lừa dối, những người vợ bị quyến rũ, những vụ sinh nở lén lút, là những đề mục thông thường hơn cả, và người khiến cho Trại trẻ vô thừa nhận thêm nhiều trẻ nhất bao giờ cũng là người được hoan nghênh nhất. Điều này nhấm vào tôi; cách suy nghĩ của tôi hình thành theo cách suy nghĩ mà tôi thấy lưu hành trong những người rất dễ mến, và kỳ thực là những người rất lương thiện, và tôi tự nhủ: “Bởi đó là tập quán địa phương, thì khi ta sống tại địa phương ta có thể theo tập quán ấy.” Đó là mưu chước mà tôi tìm kiếm. Tôi quyết định như vậy một cách vui vẻ không chút đắn đo ngần ngại, và nỗi đắn đo ngần ngại duy nhất tôi phải khắc phục là của Thérèse, tôi phải vất vả trần đòi mới làm được cho cô chấp nhận phương kế độc nhất để cứu vãn danh dự cô. Mẹ cô, còn sợ vướng bận thêm trẻ con, đã giúp sức tôi, cô chịu thua. Mọi người chọn một cô đỡ thận trọng và chắc chắn tên là cô Gouin, ở mũi Sainte-Eustache, để giao phó việc gửi gắm này, và khi thời gian đến, Thérèse được mẹ đưa tới nhà cô Gouin để sinh nở. Tôi đến đó thăm cô nhiều lần, và tôi mang cho cô một dấu hiệu mà tôi đã ghi trên hai tấm thẻ, một tấm để trong tủ của đứa bé, và đứa bé được cô đỡ đem gửi tại văn phòng Trại trẻ vô thừa nhận, theo thể thức thông thường. Năm sau, lại chuyện trắc trở ấy và lại mưu chước ấy, chỉ trừ dấu hiệu bị bỏ qua. Về phần tôi chẳng suy nghĩ nhiều hơn, về phần người mẹ chẳng tán thành nhiều hơn: cô vừa vâng theo vừa than vãn. Ta sẽ lần lượt thấy tất cả những thăng trầm mà cách xử sự nguy hại này đã gây nên trong cách suy

nghĩ của tôi, cũng như trong số mệnh tôi. Còn giờ đây, hãy dừng ở thời kỳ đầu tiên này. Những hậu quả của nó, ác nghiệt và bất ngờ, sẽ chỉ buộc tôi phải trở lại với nó quá nhiều mà thôi.

Tôi ghi dấu ở đây thời kỳ đầu tiên quen biết bà D'Épinay, tên bà sẽ trở lại nhiều lần trong hồi ký này. Bà vốn là tiểu thư D'Esclavelles, và vừa kết hôn với ông D'Épinay, con ông De Lalive de Bellegarde, tổng giám thu tài chính. Chồng bà am hiểu âm nhạc, giống như ông De Francueil. Bà cũng am hiểu âm nhạc, và niềm đam mê môn nghệ thuật này khiến ba người rất thân thiết với nhau, ông De Francueil giới thiệu tôi với bà D'Épinay; đôi khi tôi cùng ông ăn bữa đêm tại nhà bà. Bà dễ mến, có trí tuệ, có tài năng; chắc chắn đây là một chỗ quen biết tốt. Nhưng bà có một người bạn, tên là cô D'Ette, có tiếng là độc ác, cô sống cùng hiệp sĩ De Valory, không được tiếng là tốt. Tôi cho rằng việc giao thiệp với hai người này làm hại bà D'Épinay, mà tạo hóa đã ban cho, cùng với một tính khí rất hay đòi hỏi, những phẩm chất ưu tú để điều chỉnh hoặc bù đắp các lầm lạc của tính khí này. Ông De Francueil truyền sang bà một phần tình thân của ông đối với tôi, và thú nhận cùng tôi mối quan hệ yêu đương với bà, mà, vì lý do đó, lẽ ra tôi không nói đến ở đây nếu những quan hệ này không trở nên công khai đến mức chẳng giấu cả ông D'Épinay. Ông De Francueil còn thổ lộ với tôi những điều rất lạ lùng về quý bà này, những điều mà bản thân bà không bao giờ thổ lộ cùng tôi và không bao giờ cho rằng tôi biết; vì tôi không hề hở ra và cả đời sẽ không hề hở ra với bà cũng như bất kỳ ai. Tất cả niềm tin tưởng này từ phía nọ lẫn phía kia khiến cho tình thế của tôi thành rất rầy rà, nhất là với bà De Francueil, người hiểu tôi khá rõ nên không nghi ngờ tôi, mặc dù tôi có liên hệ với tình địch của bà. Tôi ra sức an ủi người phụ nữ tội nghiệp, mà chắc chắn ông chồng không đền đáp tình yêu bà dành cho ông. Tôi lắng nghe ba người riêng rẽ; tôi hết sức trung thành giữ kín bí mật của họ, không để một ai trong ba người khai thác được một bí mật nào của hai người kia, và không

giấu giếm mỗi người phụ nữ mỗi quyền luyện của tôi đối với tình địch của họ. Bà De Francueil, định sử dụng tôi vào nhiều chuyện, đã nhận được những lời từ chối dứt khoát; còn bà D'Épinay, một lần muốn giao cho tôi một bức thư gửi Francueil, đã nhận được không chỉ một lời từ chối tương tự, mà còn một lời tuyên bố rõ ràng là, nếu bà muốn mãi mãi đuổi tôi khỏi nhà bà, thì bà chỉ cần đề nghị tôi một lần thứ hai như vậy. Cần phải thừa nhận tư cách của bà D'Épinay: hành vi ấy chẳng hề khiến bà mất lòng, bà còn khen ngợi nó với Francueil, và không vì thế mà tiếp đãi tôi kém tử tế. Chính như vậy mà, trong những quan hệ đầy biến động giữa ba con người mà tôi cần phải vị nể, mà có thể nói là tôi phụ thuộc, và tôi có lòng quyến luyến, tôi đã giữ gìn được đến cùng tình thân của họ, sự quý trọng, niềm tin cậy của họ, bằng cách cư xử dịu dàng và ân cần, nhưng luôn ngay thẳng và cương quyết. Bất chấp sự ngu dại và vụng về của tôi, bà D'Épinay muốn đưa tôi vào những trò vui tại Chevrette, tòa lâu đài gần Saint-Denis, thuộc về ông De Bellegarde. Ở đó có một sân khấu nơi mọi người hay diễn các vở kịch. Họ giao cho tôi một vai mà tôi học sáu tháng không ngừng nghỉ, và phải nhắc tôi từ đầu đến cuối khi biểu diễn. Sau thử thách này, mọi người không đề nghị với tôi vai diễn nào nữa.

Trong khi làm quen với bà D'Épinay, tôi cũng làm quen với em chồng bà, cô De Bellegarde, chẳng bao lâu sẽ thành bá tước phu nhân D'Houdetot. Lần đầu tiên tôi gặp, cô sắp kết hôn; cô trò chuyện lâu cùng tôi với thái độ thân mật khả ái thuộc bản tính cô. Tôi thấy cô rất dễ mến, nhưng không thể dự liệu rằng người thiếu nữ ấy một ngày kia sẽ tạo ra vận mệnh của đời tôi, và sẽ kéo tôi, mặc dù một cách thật hồn nhiên vô tội, xuống vực thẳm mà giờ đây tôi đang lâm vào.

Mặc dù tôi không nói đến Diderot từ khi tôi trở về từ Venise, cũng như không nói đến ông bạn Roguin của tôi, song tôi không sao nhãng cả người này lẫn người kia, và tôi đặc biệt kết giao ngày càng thân mật với Diderot. Anh có một Nanette cũng như tôi có một Thérèse; thêm một sự tương hợp nữa giữa chúng tôi. Nhưng điều khác

biệt là Thérèse của tôi, nhan sắc cũng dễ coi như Nanette của anh, có tính tình hiền dịu và khí chất dễ mến, thích hợp để một người đàn ông lương thiện gần bó; trong khi Nanette, đánh đá lắm điều và thô lỗ, chẳng phô ra trước mắt người khác điều gì có thể bù đắp cho sự kém giáo dục. Tuy nhiên anh vẫn cười cô: việc đó rất đúng, nếu như anh đã hứa. Về phần tôi, do chưa hứa điều gì tương tự, tôi chẳng vội bắt chước anh.

Tôi cũng kết thân với tu sĩ De Condillac, người chẳng có tiếng tăm gì trong giới văn chương, cũng như tôi, nhưng được tạo ra để trở thành những gì như anh đang là hiện nay. Có lẽ tôi là người đầu tiên đã thấy được tầm của anh, và đã đánh giá anh đúng như anh đáng giá. Anh cũng có vẻ ưa tôi; và trong khi tôi nhốt mình ở gian phòng phố Jean-Saint-Denis, gần Nhà hát Nhạc kịch, để viết hồi kịch về Hésiode, đôi khi anh đến ăn chiều riêng cùng tôi, kiểu bữa ăn vui phần ai nấy trả. Khi ấy anh đang ra sức viết cuốn *Luận về nguồn gốc nhận thức của con người*, công trình đầu tiên của anh. Khi công trình hoàn tất, cái khó là tìm một nhà xuất bản vui lòng đảm trách nó. Các nhà xuất bản ở Paris ngạo mạn và khắc nghiệt đối với bất kỳ người nào khởi đầu, và siêu hình học, khi đó rất ít hợp thời thượng, không cung cấp một đề tài thật hấp dẫn. Tôi nói với Diderot về Condillac và về công trình của anh; tôi khiến họ làm quen với nhau. Họ được tạo ra để hợp nhau; họ hợp nhau. Diderot vận động Nhà xuất bản Durand nhận bản thảo của tu sĩ, thế là nhà siêu hình học lớn này nhờ tác phẩm đầu tiên, và hầu như nhờ ơn Trời, có được một trăm *écu* mà có lẽ anh chẳng tìm ra nếu không có tôi. Bởi chúng tôi ở những khu phố rất xa nhau, nên cả ba tập hợp mỗi tuần một lần ở Palais-Royal, và cùng đi ăn chiều ở quán Panier-Fleuri. Hẳn những bữa ăn nho nhỏ này phải khiến Diderot vô cùng thích thú, vì anh là người hầu như lỡ tất cả các cuộc hẹn thế mà lại không bao giờ lỡ một cuộc hẹn nào giữa chúng tôi. Tại đó tôi lập kế hoạch về một tờ báo định kỳ lấy tên là *Người nhạo báng* mà Diderot và tôi phải luân phiên nhau làm. Tôi phác họa tờ đầu tiên, và

việc này khiến tôi quen D'Alembert, Diderot đã nói với anh về tờ báo. Những biến cố bất ngờ ngáng trở chúng tôi, và kế hoạch dừng ở đó.

Hai tác giả này mới bắt tay vào *Từ điển bách khoa thư*, thoát tiên chỉ là một kiểu sách dịch của Chambers, gần giống như bản dịch *Từ điển Y học* của James* mà Diderot vừa hoàn thành. Diderot muốn tôi tham gia điều gì đó trong công trình thứ hai này, và đề nghị phần về âm nhạc, mà tôi nhận, mà tôi thực hiện rất vội và rất dở, trong thời gian ba tháng anh cho tôi cũng như cho tất cả những tác giả đóng góp vào công trình này; nhưng tôi là người duy nhất làm xong đúng thời hạn quy định. Tôi giao cho anh bản thảo, mà tôi đã để một người hầu cận ông De Francueil chép lại sạch sẽ, người này tên là Dupont và viết rất đẹp, tôi trả anh ta mười *écu*, lấy từ túi của mình, và không bao giờ được hoàn lại. Diderot đã thay mặt các nhà xuất bản hứa trả tôi một khoản thù lao mà anh không bao giờ nhắc lại với tôi, còn tôi cũng chẳng nhắc lại với anh.

Công cuộc *Bách khoa thư* gián đoạn vì anh bị bắt giữ. *Những tư tưởng triết học* đã gây cho anh một số điều phiền muộn song không kéo theo hậu quả. Chuyện chẳng giống như vậy với *Bức thư về những người mù*, chỉ có mỗi chỗ đáng trách là vài nét riêng tư, làm méch lòng bà Dupré de Saint-Maur và ông De Réaumur, và vì thế mà anh bị giam ở Vọng lâu Vincennes. Không gì miêu tả được những nỗi lo âu mà tôi cảm nhận trước tai họa của bạn. Trí tưởng tượng bi thảm ở tôi, bao giờ cũng đẩy cái xấu đến cái tệ hơn, thấy khiếp hãi. Tôi ngỡ anh sẽ ở đấy suốt đời. Tôi suýt vì vậy mà loạn trí. Tôi viết thư cho bà De Pompadour nài xin bà làm cho họ thả anh ra, hoặc là họ bắt giam tôi cùng với anh. *Bức thư* không hề được phúc đáp: nó quá ít hợp lý nên không hiệu quả, và tôi chẳng tự phụ là nó có góp phần khiến cho sau đó ít lâu họ nường tay hơn với tình trạng giam cầm của Diderot tội nghiệp. Nhưng nếu tình trạng này còn kéo dài một thời gian nữa mà vẫn khắc nghiệt như cũ, thì tôi nghĩ mình có thể chết vì tuyệt vọng

dưới chân tòa Vọng lâu vô phúc kia. Và chẳng, nếu như bức thư của tôi ít tác dụng, thì cả tôi nữa, tôi cũng không tự phô phang nhiều về nó; vì tôi chỉ nói về thư ấy với rất ít người, và không bao giờ nói với chính Diderot.

Quyển Tám

Hết quyển trước tôi đã phải tạm ngừng, cùng với quyển này, những bất hạnh nối tiếp dằng dặc của tôi khởi đầu, từ căn nguyên của chúng.

Do đã sống trong hai gia đình hiển hách nhất Paris, nên mặc dù ít bắt thiệp, tôi chẳng khỏi làm quen với vài người tại đó. Tại nhà bà Dupin, tôi đã làm quen với thái tử trẻ tuổi De Saxe-Gotha, và nam tước De Thun, sư phó của thái tử. Tại nhà ông De la Poplinière tôi đã làm quen với ông Segui, bạn của nam tước De Thun, và được giới văn chương biết tiếng vì ấn phẩm rất đẹp của Rousseau do ông xuất bản. Nam tước mời ông Segui và tôi đến chơi một hai ngày tại Fontenay-sous-bois, ở đó hoàng tử có một ngôi nhà. Chúng tôi đi. Qua Vincennes, nhìn thấy Vọng lâu tôi cảm thấy một nỗi đau lòng mà nam tước nhận ra qua vẻ mặt tôi. Trong bữa ăn khuya, hoàng tử nói về việc Diderot bị giam giữ. Để làm cho tôi phát biểu, nam tước kết tội người bị giam là thiếu thận trọng: tôi đem sự thiếu thận trọng này vào cung cách hung hăng khi bênh vực anh. Mọi người thể tất cho niềm sốt sắng thái quá vì một người bạn bất hạnh, và chuyển sang chuyện khác, ở đó có hai người Đức giúp việc hoàng tử. Một là ông Klupffel*, người rất nhiều tài trí, làm thầy tư tế cho hoàng tử, rồi trở thành sư phó, sau khi đoạt chỗ của nam tước. Người kia, một thanh niên tên là Grimm*, đọc sách cho hoàng tử trong khi chờ đợi tìm được một việc làm nào đó, và trang phục rất sơ sài của anh cho thấy anh cần tìm ra việc đó gấp. Ngay từ tối hôm ấy, Klupffel và tôi bắt đầu một mối quan hệ chẳng bao lâu sau trở thành tình bạn. Quan hệ với anh chàng Grimm không

nhANH đến thế. Anh chẳng mấy tự khoe, khác xa cái phong thái kiêu căng tự phụ mà sự thành đạt đem lại cho anh sau này. Hôm sau trong lúc ăn trưa mọi người nói đến âm nhạc: về vấn đề này anh nói hay. Tôi mừng rỡ khi biết anh đệm đàn clavecin. Sau bữa ăn mọi người cho đem đến các bản nhạc, chúng tôi chơi nhạc suốt ngày trên cây đàn clavecin của hoàng tử, và tình bạn khởi đầu như vậy, một tình bạn thoát tiên thật ngọt ngào đối với tôi, cuối cùng thật độc hại, mà từ giờ trở đi tôi sẽ phải nói đến rất nhiều.

Trở về Paris, tôi biết tin vui là Diderot đã ra khỏi Vọng lâu, và người ta đã lấy lâu đài cùng khuôn viên Vincennes làm nơi giam lỏng, với lời cam đoan của anh, đồng thời cho phép anh gặp bè bạn. Thật khổ sở cho tôi biết mấy vì không thể chạy ngay lập tức đến đó! Nhưng bị những công việc khẩn thiết giữ lại ở nhà bà Dupin hai ba ngày, sau mấy hôm nóng lòng sốt ruột tựa ba bốn thế kỷ tôi phi vào vòng tay bạn. Khoảnh khắc khôn tả! Anh không ở một mình. D'Alembert và người quản lý tài chính của Giáo đường Vincennes đang ở cùng anh. Khi vào tôi chỉ thấy có anh, tôi chỉ nhảy một bước, reo một tiếng, tôi áp mặt mình vào mặt anh, tôi xiết chặt anh và chỉ nói với anh bằng những hàng nước mắt và những tiếng nức nở; tôi ngạt thở vì yêu thương và vui mừng. Động tác đầu tiên của anh, khi ra khỏi vòng tay tôi, là quay sang giáo sĩ, và bảo ông ta: “Thưa ngài, ngài thấy bạn bè của tôi yêu mến tôi như thế nào.” Hoàn toàn đắm mình trong nỗi xúc động, lúc đó tôi không nghĩ ngợi về cái cách lợi dụng xúc động này như vậy. Nhưng từ thời gian ấy, đôi khi nghĩ đến chuyện này, bao giờ tôi cũng cho rằng, giả sử ở vào địa vị Diderot, đó sẽ chẳng phải ý tưởng đầu tiên đến với tôi.

Tôi thấy anh rất buồn phiền mệt mỏi vì bị giam giữ. Vọng lâu đã gây cho anh một ấn tượng khủng khiếp, và mặc dù ở lâu đài rất dễ chịu, tự do dạo chơi trong một khuôn viên thậm chí không có tường vây kín, song anh cần giao tiếp với bạn bè để khỏi buông mình cho

tính khí u uất của anh. Vì chắc chắn tôi là người xót thương hơn cả cho nỗi khổ của anh, nên tôi nghĩ rằng mình cũng là người mà việc gặp gỡ có lẽ sẽ an ủi anh nhiều hơn cả, và chậm nhất là hai ngày một lần, bất chấp những công việc đòi hỏi nghiêm ngặt, tôi đến ở với anh buổi chiều, hoặc một mình, hoặc cùng vợ anh.

Năm 1749 ấy, mùa hè nóng cực độ. Từ Paris đến Vincennes là hai dặm. Ít có điều kiện thuê xe ngựa, nên khi nào đến thăm một mình thì vào hai giờ chiều tôi đi bộ, và đi nhanh để tới nơi được sớm hơn. Cây cối bên đường, luôn được tia cành tia lá, theo kiểu của địa phương, hầu như không cho một bóng mát nào, và nhiều lần, lử người vì nóng và mệt, tôi nằm dài xuống đất không gắng gượng được nữa. Để giữ bước chân vừa phải, tôi nghĩ ra cách cầm theo quyển sách nào đó. Một hôm tôi cầm theo tờ *Mercure de France*^{*}, và trong lúc vừa đi vừa đọc lướt, tình cờ tôi thấy câu hỏi do Viện Hàn lâm Dijon đề xuất cho giải thưởng năm sau: *Sự tiến bộ của khoa học và nghệ thuật góp phần làm cho phong tục thuần khiết hay đồi bại?*

Lúc đọc điều này tôi nhìn thấy một thế giới khác, và tôi thành một con người khác. Mặc dù tôi có một hồi ức sống động về ấn tượng do điều ấy gây nên, song đã quên các chi tiết từ khi tôi ký thác chúng vào một trong bốn bức thư gửi ông De Malesherbes. Đó là một trong những nét đặc dị của trí nhớ tôi, đáng được nói rõ. Trí nhớ chỉ giúp tôi, chừng nào tôi dựa vào nó: tôi vừa phó thác điều lưu trữ lên giấy, là nó bỏ tôi; và khi đã viết ra một điều, là tôi không còn nhớ gì về điều đó nữa. Nét đặc dị này đeo đẳng tôi cả đến trong âm nhạc. Trước khi học nhạc tôi thuộc lòng vô số bài hát: vừa mới biết hát theo điệu nhạc được ghi, là tôi không thể nhớ được một bài nào; và tôi nghi ngờ rằng trong những bài mình từng yêu thích nhất, giờ đây mình có thể hát lại trọn vẹn chỉ một bài.

Điều tôi nhớ rất rõ trong trường hợp này, là khi đến Vincennes tôi ở trong một tình trạng kích động gần như mê sảng. Diderot nhận ra

tình trạng ấy: tôi kể với anh nguyên nhân và tôi đọc cho anh nghe lời phát biểu của Fabricius, viết bằng bút chì dưới một cây sồi. Anh động viên tôi hãy phát triển các ý tưởng và hãy tranh giải. Tôi làm như vậy, và từ khoảnh khắc đó tôi lâm nguy. Toàn bộ phần còn lại của đời tôi và của những tai họa là kết quả tất nhiên của giây lát lầm lạc này.

Tình cảm trong tôi hứng khởi, mau lẹ một cách kỳ lạ, theo với khí sắc của tư tưởng. Mọi đam mê nhỏ bé đều bị nhiệt tình vì chân lý, vì tự do, vì đức độ dập tắt, và điều lạ lùng nhất là tình trạng phấn khích này bền vững trong tim tôi, rờn rã hơn bốn hoặc năm năm, ở một mức độ cao có lẽ chưa từng thấy trong trái tim một người nào khác.

Tôi thực hiện luận văn này theo một cách rất lạ, và hầu như tôi luôn theo cách ấy trong những công trình khác. Tôi dành cho nó những thời gian mất ngủ trong đêm. Tôi nhắm mắt ngẫm nghĩ trên giường, và tôi sửa đi sửa lại câu văn trong đầu một cách vất vả không sao tin nổi; rồi khi đã đi tới chỗ hài lòng, tôi cất chúng vào ký ức cho đến lúc có thể viết ra giấy: nhưng thời gian ngồi dậy và mặc quần áo làm tôi mất sạch, và khi đã ngồi trước trang giấy thì tôi hầu như chẳng còn nhớ ra được một điều nào trong những gì mình đã cấu tứ. Tôi nghĩ ra chuyện sử dụng bà Le Vasseur làm thư ký. Tôi đã sắp xếp cho bà cùng con gái và ông chồng nơi ở gần tôi hơn, và để tôi khỏi phải thuê một gia nhân, sáng nào bà cũng tới nhóm lò và dọn dẹp cho tôi. Khi bà đến, tôi nằm trên giường đọc cho bà chép những gì tôi sáng tác ban đêm, và cách làm này, mà tôi theo đuổi một thời gian dài, giúp tôi khỏi quên nhiều điều.

Khi luận văn hoàn thành, tôi đưa cho Diderot xem, anh hài lòng, và chỉ cho tôi vài chỗ để sửa chữa. Tuy nhiên công trình ấy, đầy nhiệt tình và khí lực, hoàn toàn thiếu logic và trật tự; trong tất cả các công trình do tôi viết ra đó là công trình yếu nhất về suy luận, nghèo nàn nhất về nhịp điệu và tính hài hòa; nhưng con người ta dù có tài năng

bẩm sinh đến mấy, thì nghệ thuật viết văn cũng không biết được ngay tức khắc.

Tôi gửi văn kiện đó đi mà chẳng nói với ai khác, ngoài Grimm, tôi nghĩ thế, từ khi anh vào nhà bá tước De Priese* làm việc, tôi bắt đầu thân thiết với anh vô cùng. Anh có một cây đàn clavecin nó là điểm liên kết chúng tôi, và tất cả những lúc được thanh thoi tôi đều ở bên anh quanh cây đàn, để hát những điệu nhạc Ý và những bài chèo đò, không ngừng không nghỉ từ sáng đến tối hay đúng hơn là từ tối đến sáng, và hễ không thấy tôi ở nhà bà Dupin, thì chắc chắn tôi đang ở nhà Grimm, hoặc ít ra đang ở với Grimm, hoặc trên đường đi dạo, hoặc xem kịch. Tôi thôi đến Kịch viện Ý, nơi tôi được quyền vào cửa, nhưng anh không thích, để đi cùng anh đến Kịch viện Pháp, phải trả tiền, anh say mê Kịch viện này. Rốt cuộc, một sức hấp dẫn thật mãnh liệt gắn kết tôi với chàng trai này, và tôi thành khăng khít với anh, đến mức chính dì tôi nghiệp cũng bị hờ hững, nghĩa là tôi ít gặp cô hơn, bởi trong đời tôi không một lúc nào sự gắn bó với cô vì thế mà suy giảm.

Tình trạng không thể chia sẻ với người mình thương mến khoảng thời gian ít ỏi được tự do, làm sống dậy mạnh mẽ hơn bao giờ hết mong muốn của tôi từ lâu chỉ ở một nhà cùng Thérèse: nhưng mỗi trở ngại vì gia đình đông đúc của cô, và nhất là việc thiếu tiền để sắm đồ đạc, vẫn kìm giữ tôi cho đến bây giờ. Cơ hội để cố gắng xuất hiện, và tôi bèn tận dụng, ông De Francueil và bà Dupin, cảm thấy rõ là tám cho đến chín trăm *franc* một năm không thể đủ cho tôi, tự tăng tiền lương hằng năm của tôi lên năm mươi *louis*, hơn nữa, khi biết tôi đang tìm cách sắm đồ đạc ra ở riêng, bà Dupin giúp đỡ tôi phần nào trong việc ấy. Với số đồ đạc Thérèse đã có sẵn, chúng tôi gộp chung tất cả, và sau khi thuê một căn hộ nhỏ tại tòa nhà Languedoc, phố Grenelle-Saint-Honoré, của những người rất tử tế, chúng tôi cố gắng thu xếp, và

chúng tôi đã cư ngụ tại đó một cách êm đềm và dễ chịu bảy năm trời, cho tới khi tôi rời đến ở Ermitage.

Cha Thérèse là một ông lão rất hiền lành, sợ bà vợ cực kỳ, và vì thế đã gọi vợ bằng biệt danh Quan Tài phán hình sự, biệt danh mà sau đó Grimm chuyển sang cho cô con gái để đùa vui. Bà Le Vasseur chẳng thiếu tài trí, nghĩa là chẳng thiếu khôn khéo, thậm chí bà còn tự phụ mình lịch sự và có cung cách của giới thượng lưu; nhưng bà có một kiểu giả nhân giả nghĩa bí hiểm mà tôi không chịu nổi, bà khuyên con gái những điều khá dở, tìm cách khiến cô thành vờ vĩnh giấu giếm với tôi, bà ngọt ngào mơn trớn riêng rẽ các bạn tôi để người nọ làm thiệt hại cho người kia và thiệt hại cho tôi; vả chăng, là người mẹ khá tốt, vì bà được lợi khi làm người mẹ tốt, bằng cách che đậy các lỗi lầm của con gái, bởi bà lợi dụng những lỗi lầm ấy. Người đàn bà này, được tôi quan tâm, chăm sóc, quà cáp rất hậu, và cực kỳ gắng sức để làm bà ta mến mình, song vì cảm thấy không thể đạt được điều ấy, nên bà ta là nguyên nhân duy nhất khiến tôi buồn phiền trong gia đình nhỏ của mình, tuy thế có thể nói là suốt sáu bảy năm trời ấy, tôi đã được hưởng hạnh phúc gia đình hoàn hảo nhất mà sự yếu đuối của con người có thể dung nạp. Thérèse của tôi có tấm lòng thiên thần: mỗi gần bó giữa chúng tôi tăng lên cùng với sự thân thiết, và càng ngày chúng tôi càng cảm thấy mình hợp nhau biết mấy. Nếu như có thể miêu tả những thú vui của chúng tôi, chắc mọi người sẽ bật cười vì tính đơn sơ mộc mạc của chúng. Những cuộc dạo chơi riêng hai người ra ngoài ô, chỉ tiêu xa xỉ khoảng tám đến mười xu ở một quán rượu bình dân nào đó. Những bữa ăn tối bên cửa sổ, ngồi đối diện nhau trên hai ghế dựa nhỏ đặt lên một chiếc hòm chiếm hết chiều rộng khung cửa. Ở vị trí như vậy, cửa sổ được dùng làm bàn, chúng tôi hít thở khí trời, chúng tôi có thể nhìn thấy cảnh xung quanh, người qua đường, và mặc dù ở tầng gác thứ tư, vẫn vừa ăn vừa nhìn thẳng được xuống phố. Ai có thể miêu tả, ai có thể cảm nhận sự thú vị của những bữa ăn ấy, toàn bộ thực phẩm chỉ gồm một miếng bánh mì thô, vài quả anh đào, một mẩu pho

mát và nửa chai vang hai người uống chung? Tình thân, niềm tin, sự mật thiết, trạng thái êm dịu về tâm hồn, những điều này gia tăng cho bữa ăn hương vị xiết bao tuyệt diệu! Đôi khi chúng tôi ở đó cho đến nửa đêm, chẳng nghĩ cũng chẳng ngờ đến giờ giấc, nếu bà mẹ không báo cho biết. Nhưng hãy bỏ lại đấy những chi tiết, mà mọi người sẽ thấy có vẻ vô vị hay nực cười. Như tôi đã luôn nói và luôn cảm nhận, lạc thú đích thực không sao thuật lại được.

Gần như cùng thời gian này, tôi có một lạc thú thô thiển hơn, lạc thú cuối cùng thuộc loại đó mà tôi phải tự trách. Tôi đã nói là mục sư Klupffel dễ mến: quan hệ của tôi đối với anh chẳng kém mật thiết so với Grimm, và cũng trở thành thân tình như vậy; đôi khi họ dùng bữa ở nhà tôi. Những bữa ăn này hơi quá đơn sơ, vui lên nhờ những trò nghịch ngợm tinh vi và kỳ cục của Klupffel, cùng những cách nói kiểu Đức ngồ ngộ của Grimm, khi đó còn chưa theo thuyết thuần túy về ngôn ngữ. Nhục cảm không chi phối những cuộc chèn nhò nhỏ của chúng tôi, nhưng thay vào đó là sự vui vẻ, và chúng tôi thấy hết sức dễ chịu bên nhau thành thử không rời được nhau nữa. Klupffel đã thuê nhà riêng cho một cô gái, song cô chẳng khỏi là của toàn thiên hạ, vì một mình anh không bao nổi cô. Một buổi tối, khi vào một tiệm giải khát, chúng tôi thấy anh từ đó ra để đi ăn khuya cùng cô. Chúng tôi chế nhạo anh; anh trả thù một cách phong nhã bằng cách rủ chúng tôi cùng ăn, rồi đến lượt anh chế nhạo chúng tôi. Tôi thấy cô nàng tội nghiệp dường như có bản tính khá tốt, rất hiền dịu, và ít hợp với nghề nghiệp mà một mục phù thủy ở cùng cô ra sức dạy dỗ cô. Chuyện trò và rượu vang làm chúng tôi vui đến mức mất tỉnh táo. Klupffel tốt bụng chẳng muốn khoản đãi nửa vời, và cả ba chúng tôi lần lượt sang phòng bên với cô bé tội nghiệp, cô chẳng biết nên cười hay nên khóc. Grimm vẫn luôn khẳng định rằng anh không động đến cô: vậy anh ở với cô lâu đến thế chỉ để trêu đùa làm chúng tôi sốt ruột, và nếu anh không nhin, thì không chắc là do đắn đo thận trọng, vì trước khi vào

nhà bá tước De Friese, anh cư ngụ tại nhà các cô gái giang hồ cùng khu phố Saint-Roch.

Tôi ra khỏi phố Moineaux, nơi cô gái cư trú, cũng hồ thẹn như Saint-Preux ra khỏi ngôi nhà nơi mọi người đã làm anh say rượu*, và tôi nhớ rõ chuyện của mình khi viết chuyện của anh. Qua dấu hiệu nào đấy, và nhất là qua vẻ thẹn thùng của tôi, Thérèse nhận thấy tôi có điều gì đó phải tự trách; tôi trút bớt gánh nặng nhờ thú nhận thẳng thắn và mau lẹ. Tôi làm đúng; vì ngay hôm sau Grimm đặc thẳng đến kể cho cô tội đại ác của tôi và làm nó nặng thêm lên, và từ đấy anh chẳng bao giờ quên nhắc nhở lại với cô một cách hiểm độc, trong việc này anh càng có lỗi hơn, vì tôi đã tự ý và tự nguyện để anh biết các chuyện riêng của mình nên có quyền trông đợi anh đừng làm tôi phải hối hận về điều đó. Chưa bao giờ tôi cảm nhận lòng tốt chân thành của Thérèse rõ hơn dịp này; bởi cô thấy méch lòng vì thu đoạn của Grimm hơn là thấy bị xúc phạm vì tôi thiếu chung thủy, và tôi chỉ phải chịu những lời trách móc âu yếm và cảm động của cô, trong đó chẳng bao giờ có một vết tích hờn giận nào.

Đầu óc chất phác của cô gái rất tốt này sánh ngang tâm hồn nhân hậu của cô, và nói như vậy là hết nhẽ: tuy thế có một thí dụ đáng kể thêm. Tôi đã bảo cô rằng Klupffel là mục sư và thầy tư tế của hoàng tử De Saxe-Gotha. Với cô một mục sư là một người hết sức dị thường, thành thử, lẫn lộn một cách hài hước những ý tưởng sai biệt nhất, cô bèn coi Klupffel là giáo hoàng; lần đầu tiên cô bảo tôi, khi tôi về nhà, rằng giáo hoàng đã đến thăm tôi, tôi ngỡ cô điên. Tôi bảo cô nói rõ, rồi vội vã đi kể chuyện này với Grimm và Klupffel, danh xưng giáo hoàng được chúng tôi giữ lại để gọi anh. Chúng tôi trao cho cô gái phố Moineaux danh hiệu nữ giáo hoàng Jeanne*. Thế là cười không dứt nổi; cười đến ngạt thở. Những người để tôi nói, trong một bức thư mà họ thích gán cho tôi, rằng tôi chỉ cười có hai lần trong đời, đã không

quen biết tôi vào thời ấy, cũng như vào thời tôi còn trẻ, bởi nếu biết thì chắc hẳn họ chẳng bao giờ nghĩ ra cái ý tưởng kia.

Năm sau, năm 1750, khi không còn nghĩ đến bản *Luận văn* của mình nữa, thì tôi được tin nó đoạt giải tại Dijon. Tin này đánh thức mọi ý tưởng đã xui khiến nên luận văn, đem lại cho chúng một sức mạnh mới, và làm dậy lên bùng bột trong tim tôi mầm mống đầu tiên của chủ nghĩa anh hùng và của đức độ mà cha tôi, và tổ quốc tôi, và Plutarque, đã đặt vào đó khi tôi còn thơ ấu. Tôi không còn thấy điều gì vĩ đại và đẹp đẽ hơn là sống tự do và đức độ, vượt lên trên của cải và dư luận, và tự cung ứng cho bản thân. Mặc dù sự xấu hổ không phải lỗi và nỗi sợ bị chế giễu ngăn cản tôi xử sự trước hết theo các nguyên lý này và công kích thẳng thừng những phương châm của thời đại mình, song từ đó tôi quyết chí, và chỉ nấn ná đủ thời gian mà các mâu thuẫn cần, để kích thích ý chí ấy và khiến nó chiến thắng.

Trong khi tôi triết lý về các nghĩa vụ của con người, thì một biến cố xảy đến khiến tôi suy nghĩ kỹ hơn về các nghĩa vụ của tôi. Thérèse mang thai lần thứ ba. Quá thành thật với bản thân, quá kiêu hãnh trong nội tâm nên không muốn phủ nhận nguyên lý của mình bằng hành vi của mình, tôi bèn xem xét dự định về những đứa con của tôi, xem xét quan hệ của tôi với mẹ chúng, dựa trên những điều luật của tạo hóa, của công lý và lẽ phải, và dựa trên những điều luật của cái tôn giáo thuần khiết, thiêng liêng, vĩnh cửu giống như đấng tạo ra nó, mà con người đã làm vấy bẩn trong khi giả vờ thanh lọc nó, mà những công thức của họ đã khiến nó chỉ còn là một tôn giáo nói suông, bởi vì quy định điều bất khả thi có khó khăn gì mấy khi tự miễn cho mình khỏi thi hành điều đó.

Nếu như tôi sai lầm ở kết quả, thì không gì đáng ngạc nhiên hơn trạng thái an tâm của tôi khi buông mình cho những sai lầm ấy. Nếu như tôi thuộc hạng người sinh ra có nhiều nét xấu, không chịu nghe tiếng nói dịu hiền của thiên nhiên, bên trong những kẻ này chẳng bao

giờ mạnh mẽ một cảm giác chân thực về công bình và nhân đạo, thì sự chai đá ấy thật đơn giản. Nhưng nhiệt tình chân thành, sự miễn cảm thật nhạy bén, trạng thái dễ dàng gắn bó, sức mạnh chi phối của những mối gắn bó, nỗi đau xé lòng khi phải cắt đứt chúng, thiện ý bẩm sinh đối với đồng loại, lòng yêu mến nồng nhiệt cái cao cả, cái thực, cái đẹp, cái công bình, sự ghê sợ cái ác mọi kiểu mọi loại, việc không có khả năng thù ghét, làm hại, thậm chí không có khả năng muốn như vậy, sự mềm lòng, nỗi xúc động mãnh liệt và dịu dàng mà tôi cảm thấy trước tất cả những gì đức độ, hào hiệp, dễ thương: tất cả những điều đó có thể nào hòa hợp, trong cùng một tâm hồn, với sự xấu xa hư hỏng khiến ta không dẫn đo ngần ngại giày xéo lên nghĩa vụ êm đềm nhất trong các nghĩa vụ? Không, điều đó là không thể, tôi cảm thấy như vậy, và đường hoàng nói lên như vậy. Không một lúc nào trong đời mình Jean-Jacques có thể là một người không có tình cảm, không có tấm lòng, một người cha bại hoại. Tôi có thể sai lầm, nhưng không thể chai đá. Nếu tôi nói ra các lý do của mình, tôi sẽ nói thái quá. Bởi những lý do ấy đã có thể làm xiêu lòng tôi, có lẽ chúng sẽ làm xiêu lòng nhiều người khác: tôi không muốn khiến cho những người trẻ tuổi có thể sẽ đọc tôi bị cũng sai lầm ấy lừa dối. Tôi sẽ chỉ nói rằng sai lầm ấy lớn đến nỗi, khi phó thác các con cho sự giáo dục của nhà nước, vì bản thân tôi không thể nuôi dạy chúng, khi dự định cho chúng thành công nhân và nông dân, hơn là thành những kẻ giang hồ phiêu lưu và những kẻ chạy theo của cải, tôi ngỡ mình thực hiện một hành vi công dân và hành vi của kẻ làm cha; và tôi coi mình như một thành viên nước Cộng hòa của Platon*. Nhiều lần, từ đó, những ân hận trong lòng từng cho tôi biết rằng tôi đã lầm; nhưng, chẳng những lý trí không khuyến cáo tôi giống như vậy, mà tôi thường tạ ơn Trời đã bảo hộ cho chúng khỏi có số phận của cha chúng, và khỏi cái số phận đe dọa chúng khi tôi buộc sẽ phải bỏ rơi chúng. Nếu tôi để chúng cho bà D'Épinay hay bà De Luxembourg, về sau các bà từng muốn đảm trách chúng, hoặc vì tình thân, hoặc vì lòng hào hiệp, hoặc vì lý do nào khác, thì liệu chúng có hạnh phúc hơn chẳng, liệu chúng có được nuôi

dạy ít ra cũng thành người lương thiện chẳng? Tôi chẳng biết; nhưng tôi chắc chắn rằng mọi người sẽ khiến chúng cảm ghét, phản lại cha mẹ chúng cũng nên: thà chúng không hề biết bố mẹ còn tốt gấp trăm lần.

Vậy đứa con thứ ba của tôi được đưa vào Trại trẻ vô thừa nhận, giống như những đứa trước, và hai đứa sau cũng vậy; vì tôi có cả thầy năm con. Tôi thấy sự thu xếp này có vẻ rất tốt, rất hợp lẽ, rất chính đáng, thành thử nếu tôi không công nhiên khoe việc đó, thì duy chỉ vì nghĩ đến người mẹ; nhưng tôi kể với tất cả những ai từng được tôi báo cho biết mối quan hệ giữa chúng tôi; tôi kể với Diderot, với Grimm; sau này tôi cho bà D'Épinay biết, sau này nữa là bà De Luxembourg, và cho biết một cách tự ý, thẳng thắn, chẳng do sự bất đắc dĩ nào hết, trong khi có thể dễ dàng giấu tất cả mọi người; vì cô Gouin là một phụ nữ lương thiện, rất kín đáo, mà tôi hoàn toàn tin cậy. Người duy nhất trong các bạn bè mà tôi có đôi chút lợi ích khi thổ lộ là y sĩ Thierry, anh chăm sóc di tị nghiệp của tôi trong một lan sinh nở rất gay go. Nói tóm lại, tôi chẳng bí mật gì về cách xử sự của mình, không những vì tôi không bao giờ giấu giếm được bạn bè, mà vì quả thực tôi không thấy ở đó có gì xấu hết. Cân nhắc mọi điều, tôi chọn cho các con mình điều tốt nhất, hoặc điều tôi nghĩ là tốt nhất. Tôi những muốn, tôi vẫn còn muốn mình được dạy dỗ và nuôi nấng như chúng được dạy dỗ và nuôi nấng.

Trong khi tôi giải bày tâm sự như vậy, thì về phía mình bà Le Vasseur cũng giải bày tâm sự, nhưng với những mục đích ít vô tư hơn. Tôi đã giới thiệu để bà và con gái ra vào nhà bà Dupin, vì tình thân với tôi, bà Dupin rất tốt với họ. Người mẹ cho bà biết bí mật của con gái. Bà Dupin, vốn nhân hậu và hào hiệp, lại không được người mẹ kể là tôi xiết bao quan tâm cung ứng mọi thứ, mặc dù thu nhập ít ỏi, nên về phía bà cũng cung ứng một cách hào phóng, song do mẹ ra lệnh, cô con gái vẫn luôn giấu tôi trong thời gian tôi ở Paris, và chỉ thú nhận tại

Ermitage, sau nhiều thổ lộ tâm tình khác. Khi ấy tôi không biết là bà Dupin lại thông tỏ như thế, với tôi bà chưa bao giờ ra vẻ biết chuyện; nay tôi vẫn không hiểu liệu bà De Chenonceaux, con dâu bà, có thông tỏ hay không; nhưng bà De Francueil, con dâu riêng chồng bà, có biết, và không làm thỉnh được. Năm sau, khi tôi đã rời khỏi nhà họ, bà De Francueil nói chuyện này với tôi. Vì thế tôi viết cho bà một bức thư về vấn đề đó, mà mọi người sẽ thấy trong bộ sưu tập của tôi, trong thư tôi trình bày lý do có thể nêu lên mà không làm bà Le Vasseur và gia đình bà bị liên lụy; bởi những lý do quyết định nhất từ đấy mà ra, song tôi chẳng nói.

Tôi tin chắc ở sự kín đáo của bà Dupin và ở tình thân của bà De Chenonceaux; tôi tin chắc ở tình thân của bà De Francueil, và chẳng bà qua đời đã lâu trước khi bí mật của tôi bị tiết lộ. Nó chỉ có thể bị tiết lộ do chính những người được tôi giải bày, và quả thực chỉ được tiết lộ sau khi tôi đoạn tuyệt với họ. Qua riêng việc làm ấy, họ bị phán xử: chẳng muốn biện giải cho sự chê trách mà tôi đáng bị [tôi thích bị chê trách vì điều đó hơn] cũng chẳng biện giải cho sự chê trách mà lòng độc ác của họ đáng bị. Lỗi của tôi lớn, nhưng đó là một lầm lẫn; tôi đã sao nhãng bốn phận, nhưng lòng tôi không mong muốn làm hại, và tâm can người cha không thể lên tiếng thật mạnh mẽ vì những đứa con mà mình chưa bao giờ nhìn thấy: thế nhưng phản bội niềm tin của tình bạn, vi phạm giao ước thiêng liêng nhất trong mọi giao ước, công bố những bí mật được ký thác cho mình, vô cớ làm mất danh dự người bạn mà mình đã lừa gạt, người vẫn còn kính trọng mình khi rời bỏ mình, đó không phải là lỗi, đó là sự thấp kém về tâm hồn và là sự nham hiểm.

Tôi đã hứa bộc lộ, không hứa biện minh; vì vậy về điểm này tôi xin dừng ở đây. Về phần tôi cần chân thực, về phần độc giả cần công bằng. Tôi sẽ không bao giờ đòi hỏi gì thêm ở độc giả.

Việc ông De Chenonceaux kết hôn khiến ngôi nhà của mẹ ông càng thêm dễ chịu đối với tôi, vì giá trị và trí tuệ của cô dâu mới, con

người trẻ tuổi rất dễ mến và có vẻ biệt đãi tôi trong số các thư ký của bà Dupin. Cô là con gái duy nhất của nam tước phu nhân De Rochechouart, bạn thân của bá tước De Friese, và bắc cầu sang thành bạn của Grimm đang giúp việc bá tước. Ấy thế mà chính tôi giới thiệu để anh ra vào nhà con gái bà: nhưng do tính tình họ không hợp nhau nên mối quan hệ không tiếp tục; và Grimm, từ khi đó đã nhắm đến sự vững chắc, thiên về bà mẹ, người của xã hội thượng lưu, hơn là cô con gái, người thích những bạn bè đáng tin cậy và phù hợp với mình, chẳng dấn dằng đến bất kỳ mảnh khoe nào cũng chẳng tìm cách gây uy tín trong giới quyền quý. Bà Dupin, không thấy bà De Chenonceaux hoàn toàn dễ bảo như mình mong đợi, liền khiến cho ngôi nhà thành rất buồn đối với con dâu, còn bà De Chenonceaux, kiêu hãnh vì giá trị của mình, có thể vì dòng dõi của mình, thích không màng đến những thú vui của giao tiếp, và gần như đơn độc trong căn hộ của bà, hơn là mang một cái ách mà bà cảm thấy mình không hợp. Cái kiểu lưu đày này khiến tôi càng thêm quyến luyến bà, vì khuynh hướng thiên bẩm vốn thu hút tôi về phía những người khổ sở. Tôi thấy bà có khí chất trầm tư và siêu hình, tuy đôi khi hơi ngụy biện. Cách bà trò chuyện, không hề như một thiếu phụ vừa ra khỏi tu viện, rất hấp dẫn đối với tôi. Ấy thế mà bà chưa đầy hai mươi tuổi. Da bà trắng muốt; thân hình chắc sẽ cao và kiêu diêm nếu như bà chú ý giữ tư thế hơn; mái tóc, màu vàng ánh tro và đẹp hiếm thấy, làm tôi nhớ đến mái tóc của Má khi còn trẻ trung, và khiến lòng tôi rung động mãnh liệt. Nhưng những nguyên lý nghiêm khắc tôi vừa tạo lập cho mình và quyết tâm đi theo với bất cứ giá nào, bảo vệ tôi trước bà và trước duyên sắc của bà. Cả một mùa hè tôi đã ở ba bốn giờ mỗi ngày mặt đối mặt với bà, để nghiêm trang dạy bà số học, để làm phiền bà bằng những chữ số liên miên bất tận, chẳng nói với bà một lời tình tứ nào cũng chẳng liếc nhìn bà lần nào. Giả sử sáu năm sau có lẽ tôi sẽ không đúng mực đến như vậy hoặc điên đến như vậy; nhưng số đã định là tôi chỉ yêu vì tình một lần trong đời, và một người khác không

phải bà sẽ hưởng những tiếng thờ dài đầu tiên và cuối cùng của con tim tôi.

Từ khi sống ở nhà bà Dupin, tôi đã luôn bằng lòng với số phận mình, tuy không bỏ qua mong muốn thấy số phận ấy khá hơn lên. Việc bà cùng ông De Francueil tăng lương cho tôi là hoàn toàn tự ý hai người. Năm nay, ông De Francueil, ngày càng mến tôi, nghĩ đến chuyện giúp cho tôi được phong lưu hơn và có một vị thế bớt bấp bênh, ông là tổng giám thu tài chính. Ông Dudoyer, thủ quỹ của ông, đã già, giàu có, và muốn về hưu. Ông De Francueil tặng tôi chỗ làm này, và để đủ sức thực hiện, tôi đến nhà ông Dudoyer mấy tuần lễ để được chỉ dẫn những điều cần thiết. Nhưng, hoặc tôi ít có tài cho công việc ấy, hoặc Dudoyer, hình như muốn cho một người khác kế nhiệm mình, không có thiện ý bảo ban tôi, nên tôi lĩnh hội chậm và kém những hiểu biết mà mình cần, và toàn bộ trật tự của những sổ sách kế toán bị cố tình làm cho rắc rối khó hiểu, chẳng bao giờ vào hẳn được đầu óc tôi. Tuy nhiên, dầu không nắm được tinh túy của nghề, tôi vẫn hiểu được sự vận hành thông thường đủ để có thể thực thi đâu ra đấy. Thậm chí tôi bắt đầu làm nhiệm vụ; tôi ghi chép sổ sách và giữ quỹ; tôi giao và nhận tiền, biên lai, và mặc dù tôi vừa ít ham thích vừa ít có tài đối với nghề này, song sự chín chắn về tuổi tác bắt đầu khiến tôi khôn ngoan ra, tôi quyết định khắc phục nỗi chán ghét để toàn tâm toàn ý với công việc. Rủi thay, khi tôi bắt đầu có đà, thì ông De Francueil có một chuyến đi ngắn, trong thời gian đó tôi đảm trách quỹ, khi ấy chỉ có khoảng hăm nhăm cho đến ba chục ngàn *franc*. Những ưu tư, áy náy do số tiền được ủy thác khiến tôi cảm thấy mình không hề hợp với chức thủ quỹ, và tôi tin rằng sự lo lắng bồn chồn khi ông De Francueil vắng mặt góp phần vào trận ốm của tôi sau khi ông về.

Ở phần Một tôi đã kể là tôi sinh ra quặt quẹo ngắc ngoải. Một dị tật ở bàng quang khiến trong những năm đầu đời tôi mắc chứng bí tiểu gần như liên miên, và cô Suzon, chăm sóc tôi, vất vả không tưởng tượng nổi để giữ cho tôi sống sót. Ấy thế mà cô làm được; cuối cùng

thể chất mạnh mẽ của tôi tăng, và sức khỏe tôi vững lên đến mức, suốt thời trẻ tuổi, trừ chứng uế oải thần thờ tôi đã thuật lại, và việc thường xuyên buồn đi tiểu, luôn bất tiện mỗi khi chỉ hơi bị kích thích đôi chút, tôi đến được tuổi ba mươi gần như không chịu ảnh hưởng của dị tật đầu đời. Tôi bị di chứng đầu tiên khi đến Venise. Do đi đường nhọc mệt và phải chịu đựng cái nóng kinh khủng nên tôi rất hay tiểu tiện và bị đau vùng thắt lưng cho đến tận đầu mùa đông. Sau khi gặp ở Padoana, tôi ngỡ mình chết, thế mà không hề se mình khó ở. Sau khi kiệt sức về trí tưởng tượng hơn là về cơ thể vì nàng Zulietta, tôi khỏe khoắn hơn bao giờ hết. Chỉ sau khi Diderot bị giam giữ, trạng thái bốc hỏa trong những buổi cuộc bộ đến Vincennes giữa thời tiết nóng nực ghê gớm khi ấy, mới khiến tôi bị sỏi thận rất nặng, từ đó không bao giờ khôi phục được sức khỏe ban đầu.

Vào thời điểm tôi đang nói đến, có lẽ hơi mệt nhọc vì công việc chán ngắt của cái quỹ đáng nguyên rủa, tôi ốm trở lại còn nặng hơn trước, và nằm liệt giường năm sáu tuần, ở tình trạng tệ nhất có thể tưởng tượng. Bà Dupin cử đến cho tôi Morand* danh tiếng, mặc dù tài giỏi và có bàn tay tinh tế, ông làm tôi đau đớn không tin nổi, và chẳng thể nào đặt được que dò* cho tôi. Ông khuyên tôi cầu viện Daran* mà các que dò mềm mại hơn quả thực có luôn được vào; nhưng khi thuyết minh với bà Dupin về tình trạng của tôi, Morand tuyên bố là tôi chỉ sống được sáu tháng nữa. Những lời này đến tai tôi, khiến tôi suy nghĩ nghiêm túc về tình trạng của mình và về sự ngu ngốc đem trạng thái an tĩnh và thú vị của thời gian ít ỏi còn sống hy sinh cho tình trạng lệ thuộc của một việc làm mà mình chỉ thấy chán ghét, và chẳng, làm thế nào hòa hợp được những nguyên lý nghiêm khắc mà tôi vừa mới noi theo với một chức nghiệp rất ít ăn nhập với những nguyên lý ấy và, là thủ quỹ cho một quan tổng giám thu, liệu tôi có thiện ý khi rao giảng tính vô tư bất vụ lợi và sự nghèo khó? Cùng với cơn sốt, những ý tưởng này dấy lên hết sức xôn xao trong đầu tôi, kết hợp lại hết sức mạnh mẽ, thành thử từ đấy không gì có thể dứt chúng ra khỏi đó, và

trong thời gian dưỡng bệnh tôi điềm tĩnh tự xác nhận những điều đã quyết định trong khi mê sảng. Tôi từ bỏ mãi mãi mọi dự tính làm giàu và thăng tiến. Quyết tâm sống quãng thời gian ít ỏi còn lại trên đời trong tình trạng độc lập và nghèo khó, tôi sử dụng mọi sức mạnh tâm hồn để đập tan xiềng xích của dư luận, và để can đảm làm những gì tôi thấy là tốt, chẳng bối rối chút nào vì sự phán xét của mọi người. Những trở ngại mà tôi phải chống lại và những nỗ lực để chiến thắng chúng thật khó mà tin nổi. Tôi thành công được chừng nào hay chừng đó và nhiều hơn bản thân tôi từng hy vọng. Giá mà tôi cũng thoát được cái ách của tình bạn như thoát cái ách của dư luận, thì tôi thực hiện được ý định của mình, có lẽ là ý định lớn lao nhất, hoặc ít ra cũng hữu ích nhất cho đức độ, mà con người có thể nghĩ ra; nhưng, trong khi tôi giẫm lên những phán xét vô lý của bọn người tầm thường hèn hạ tự xưng là cao cả tự xưng là hiền minh, thì tôi lại để mình bị sai khiến và dắt mũi như trẻ con bởi những người tự xưng là bạn, họ ghen ghét vì thấy tôi một mình đi trên con đường mới, nên trong khi ra về rất quan tâm làm cho tôi được hạnh phúc, thực ra họ chỉ quan tâm làm cho tôi thành lỗ bịch nực cười, và bắt đầu tìm cách hạ thấp giá trị của tôi, để sau đó đi tới chỗ phỉ báng được tôi. Chính sự cách tân của cá nhân tôi, đánh dấu thời đại mới, khiến họ ganh ghét tôi nhiều hơn là danh tiếng văn chương của tôi: có lẽ họ sẽ tha thứ cho tôi vì nổi bật trong nghệ thuật viết văn, nhưng họ không thể tha thứ việc tôi nêu lên qua cách xử sự của mình một tấm gương dường như làm rầy họ. Tôi được sinh ra cho tình bạn; tính tình dễ dãi và hiền lành của tôi nuôi dưỡng tình bạn chẳng khó khăn. Chừng nào tôi không được công chúng biết đến, thì tôi được tất cả những ai quen biết yêu mến, và không có một kẻ thù nào hết. Nhưng vừa mới có một tên tuổi, là tôi không còn bạn nữa. Đó là một bất hạnh rất lớn; một bất hạnh còn lớn hơn nữa là bị vây bọc bởi những người chiếm lấy tên tuổi ấy, và chỉ sử dụng những quyền mà tên tuổi ấy đem lại cho họ để lôi kéo tôi đến chỗ diệt vong. Phần tiếp theo của Hồi ký này sẽ thuật lại âm mưu khả

ổ đó; ở đây tôi chỉ bày tỏ căn nguyên của nó: mọi người sẽ thấy mầu chốt đầu tiên hình thành.

Trong tình trạng độc lập mà tôi muốn sống, tuy nhiên vẫn phải mưu sinh. Tôi nghĩ rằng một kế rất đơn giản: đó là chép nhạc mỗi trang chừng bao nhiêu đó. Nếu công việc nào đấy chắc chắn hơn mà thực hiện được cũng mục đích ấy, chắc tôi sẽ làm; nhưng tài năng này hợp sở thích của tôi và là cái tài duy nhất có thể cho tôi miếng ăn ngày nào hay ngày ấy, không bị lệ thuộc cá nhân, tôi liền dựa vào nó. Cho rằng chẳng cần phòng xa nữa, và bắt lòng chuộng hư vinh im tiếng, từ thủ quỹ của một nhà tài chính tôi thành người chép nhạc. Tôi cho rằng lựa chọn như vậy mình đã được rất nhiều, và tôi rất ít ân hận, thành thử chỉ bỏ nghề khi bị bắt buộc, và hễ có thể là làm tiếp ngay*. Thành công của luận văn đầu tiên khiến tôi thi hành quyết định này được dễ dàng hơn. Khi luận văn đã đoạt giải, Diderot đảm nhận việc in nó ra. Trong khi tôi nằm trên giường bệnh, anh viết cho tôi một bức thư để báo cho tôi biết việc xuất bản và kết quả. Anh nói rõ: *Nó được hoan nghênh cực điểm; chẳng có một thành công nào tương tự*. Sự ái mộ của công chúng, chẳng hề xin xỏ, và dành cho một tác giả không tên tuổi, khiến lần đầu tiên tôi thực sự tin chắc ở tài năng của mình, mà cho đến bấy giờ tôi vẫn hoài nghi, bất chấp cảm giác nội tâm. Tôi hiểu tất cả lợi ích có thể khai thác từ điều đó cho quyết định mà mình đã sẵn sàng, và tôi phán đoán rằng một người chép nhạc có đôi chút tiếng tăm văn chương chắc sẽ chẳng thiếu việc làm.

Khi đã quyết tâm thật sự và thật chắc chắn, tôi viết cho ông De Francueil một bức thư để báo tin, để cảm ơn ông, cũng như bà Dupin về tất cả ân huệ của họ, và để mời họ làm khách hàng. Francueil, không hiểu thư ấy nói gì, và tưởng tôi còn đang bị khích động vì sốt, vội chạy đến nhà tôi; nhưng ông thấy quyết định của tôi hết sức chắc chắn thành thử ông không lay chuyển nổi. Ông đến bảo bà Dupin và

bảo tất cả mọi người là tôi đã phát điên. Tôi để cho nói và tôi cứ tiến hành. Tôi bắt đầu cải cách từ việc trang sức; tôi bỏ đồ mạ vàng và bút tất trắng, tôi đội một mái tóc giả tròn, tôi cắt thanh kiếm, tôi bán đồng hồ, và tự nhủ với niềm vui mừng khôn xiết; “Nhờ ơn Trời, mình sẽ chẳng cần biết đang là mấy giờ nữa.” ông De Francueil có lòng quân tử chờ đợi khá lâu nữa trước khi sắp xếp việc làm thủ quỹ ở chỗ ông. Cuối cùng, thấy tôi rất quyết tâm, ông giao việc này cho ông D’Alibard, ngày trước làm sư phó cho cậu Chenonceaux, và được biết tiếng trong thực vật học qua tác phẩm *Flora parisiensis*^{*}.

Dù việc cải cách đồ xa xỉ của tôi có khắc khổ đến đâu, thì thoát tiên tôi cũng chưa mở rộng đến áo quần mặc trong, nhiều và sang trọng, là phần còn lại từ trang phục của tôi tại Venise, và được tôi đặc biệt ưa thích. Do cứ sử dụng những áo quần này như một thứ đồ tinh sạch, tôi đã khiến chúng thành một thứ đồ xa xỉ, và không khỏi tốn kém. Kẻ nào đó giúp giải thoát cho tôi khỏi sự lệ thuộc này. Đêm trước ngày Noël, trong khi các Nữ Thống đốc^{*} đi dự lễ văn khóa còn tôi ở Nhạc hội tôn giáo, họ bẻ khóa cửa một gác xép, nơi phơi toàn bộ áo quần trong của chúng tôi, vừa mới được giặt giũ. Họ lấy trộm tất cả, trong đó có bốn mươi hai áo sơ mi của tôi, bằng loại vải rất đẹp, và là bộ phận chủ yếu của áo quần mặc trong. Qua cách hàng xóm miêu tả một người đàn ông mà họ nhìn thấy ra khỏi nhà, mang theo nhiều bọc vào cùng giờ đó, Thérèse và tôi nghi ngờ người anh của cô, mà mọi người biết là một kẻ rất xấu. Bà mẹ gạt phăng mỗi nghi ngờ này; nhưng rất nhiều chứng tích khẳng định nên chúng tôi vẫn nghi, mặc dù bà tức giận. Tôi không dám tìm kiếm riết, sợ thấy ra nhiều điều hơn là mình muốn. Người anh ấy không xuất hiện ở nhà tôi nữa, và cuối cùng mất tăm hẳn. Tôi xót xa cho số phận của Thérèse và của tôi bị dính dáng đến một gia đình thật ô hợp, và hơn bao giờ hết tôi động viên cô rũ bỏ một cái ách nguy hiểm đến như thế. Sự cố này khiến tôi khỏi

được chứng mê quần áo trong sang trọng, và từ đó tôi chỉ có loại rất bình thường, thích hợp hơn với những phần khác của trang phục.

Đã bổ sung trọn vẹn cuộc cải cách như vậy, tôi chỉ còn nghĩ đến việc làm cho nó vững chắc và lâu bền, tìm cách diệt trừ tận gốc trong lòng mình tất cả những gì còn dính dáng đến sự phán xét của mọi người, tất cả những gì có thể khiến tôi, vì sợ bị chê trách, mà quay lưng lại với điều tốt và hợp lý ở bản thân nó. Nhờ tác phẩm của tôi gây ồn ào, quyết định của tôi cũng gây ồn ào, và thu hút cho tôi khách hàng; thành thử tôi bắt đầu nghề của mình khá kết quả. Tuy nhiên nhiều nguyên nhân ngăn cản tôi thành đạt trong nghề như lẽ ra tôi có thể thành đạt ở những tình huống khác. Trước hết là sức khỏe xấu. Cơn bệnh cấp tôi vừa mắc có những hậu quả khiến tôi không bao giờ còn khỏe mạnh được như trước đây; và tôi cho rằng các thầy thuốc mà tôi tự phó thác làm hại tôi nhiều ngang với bệnh tật. Tôi lần lượt gặp Morand, Daran, Helvétius, Malouin, Thierry, tất cả đều rất uyên bác, tất cả đều là bạn tôi, họ chữa trị cho tôi mỗi người theo kiểu của mình, chẳng làm tôi đỡ, mà làm tôi suy yếu đi rất nhiều, càng phục tùng sự chỉ đạo của họ, tôi càng vàng vọt đi, gầy đi, yếu ớt đi. Trí tưởng tượng ở tôi, bị họ làm khiếp hãi, trong khi tiên lượng tình trạng của tôi dựa trên tác dụng thuốc men của họ, chỉ bày ra với tôi trước khi chết một loạt những đau đớn, nào bí tiểu, nào sỏi thận, nào kết thạch. Tất cả những gì làm người khác đỡ, nước thuốc sắc, tắm, trích huyết, đều khiến bệnh tôi nặng thêm. Nhận thấy chỉ riêng những que dò của Daran có ít nhiều hiệu lực, và thiếu chúng, tôi ngỡ mình không sống nổi, tuy nhiên cũng chỉ đỡ được tạm thời, tôi bèn chịu nhiều phí tổn dự trữ vô số que dò, để có thể mang chúng suốt đời, ngay cả trong trường hợp thiếu vắng Daran. Trong tám chín năm sử dụng những ống này rất thường xuyên, thì với tất cả số còn lại, hẳn tôi đã phải mua mất đến năm chục *louis*. Ta thấy rằng một sự điều trị tốn kém đến thế, đau đớn đến thế, cực đến thế, chẳng để cho tôi làm việc mà không bị lãng trí,

và một kẻ ngắc ngoải đâu có hết sức hăng hái kiểm miếng ăn thường ngày.

Công việc văn chương cũng là một sự lãng trí khác bất lợi chẳng kém cho lao động hằng ngày của tôi. Luận văn vừa xuất bản, là những người bênh vực văn chương như thể hợp sức xông vào tôi. Công phần vì thấy bao nhiêu là ngài Josse* bé mọn, thậm chí chẳng hiểu vấn đề, cứ muốn định đoạt nó một cách độc đoán, tôi liền cầm bút, và xử lý vài vị sao cho họ chẳng được nhiều người tán thành mà lại bị cười nhạo. Một ngài Gauthier* nào đó, ở Nancy, người đầu tiên tình cờ rơi vào trận công kích của ngòi bút tôi, bị xoay cho điêu đứng trong một bức thư gửi Grimm. Người thứ hai là bản thân nhà vua Stanislas*, ngài hạ cố tranh biện với tôi. Vinh dự được ngài dành cho buộc tôi phải thay đổi giọng điệu để đáp trả; tôi dùng một giọng trang nghiêm hơn, nhưng không kém mạnh mẽ; và, trong khi không thiếu tôn trọng đối với tác giả, tôi bác bỏ hoàn toàn tác phẩm. Tôi biết rằng một giáo sĩ dòng Tên, là cha De Menou* đã nhúng tay vào. Tôi tin ở sự miễn cảm của mình để phân biệt những gì của nhà vua và những gì của tu sĩ; thế rồi, tấn công không gượng nhẹ mọi lời lẽ đạo đức giả của dòng Tên, trong khi công kích, tôi nêu lên một chỗ sai về ngày tháng mà tôi cho là chỉ có thể của Đức cha mà thôi. Văn kiện trên, mà tôi không hiểu vì sao không gây dư luận bằng các bài viết khác của tôi, cho đến bây giờ vẫn là một tác phẩm độc nhất vô nhị ở chủng loại của nó. Tôi nắm lấy cơ hội để bảo cho công chúng biết rằng làm thế nào mà một cá nhân có thể bảo vệ chân lý chống lại ngay cả một bậc đế vương. Khó có thể sử dụng được đồng thời một giọng điệu tự hào hơn và kính cẩn hơn giọng điệu mà tôi sử dụng để trả lời nhà vua. Tôi may mắn gặp một đối thủ, mà tấm lòng chan chứa niềm quý trọng của tôi có thể tỏ bày niềm quý trọng mà không hề siểm nịnh; đó là điều tôi đã làm khá thành công, nhưng luôn giữ phẩm cách đường hoàng. Bạn bè tôi, hoảng sợ cho tôi, ngỡ như đã thấy tôi ở ngục Bastille rồi. Tôi chẳng sợ như thế một lúc nào hết, và tôi có lý. Ông hoàng trung hậu này, sau khi

xem bài trả lời của tôi, bảo: *Ta đã nhận điều đáng nhận; ta chẳng dấy vào chuyện đó nữa*. Từ đấy, tôi được ngài tỏ nhiều dấu hiệu quý trọng và nhân từ, mà tôi sẽ viện dẫn vài điều, còn bài viết của tôi thản nhiên lưu hành tại nước Pháp và châu Âu, mà chẳng ai thấy có gì đáng chê trách.

Sau đấy ít lâu tôi có một địch thủ khác mà tôi không ngờ: chính ông Bordes, ở Lyon, người trước đây mười năm đã tỏ nhiều tình thân với tôi và giúp đỡ tôi rất nhiều. Tôi không quên ông, nhưng tôi đã lơ là với ông vì lười nhác; và tôi đã không gửi cho ông các văn phẩm của mình, do không gặp cơ hội thuận tiện để nhờ chuyển tới ông. Vậy là tôi có lỗi, và ông công kích tôi, tuy nhiên công kích một cách chính trực, và tôi cũng trả lời theo cùng một cách, ông đối đáp với giọng điệu quyết liệt hơn. Điều đó dẫn đến sự trả lời cuối cùng* của tôi, sau đó ông không phát biểu gì nữa; nhưng ông trở thành kẻ thù hăng hái nhất của tôi, nắm lấy thời buổi tôi gặp tai họa để viết những bài nhục mạ vu khống ghê gớm chống lại tôi, và cố ý sang Luân Đôn một chuyến để hại tôi.

Toàn bộ cuộc bút chiến này khiến tôi rất bận rộn, thời gian để chép nhạc bị mất đi nhiều, bước tiến của chân lý đạt được ít, mỗi lợi cho túi tiền của mình cũng ít. Pissot, khi đó là nhà xuất bản của tôi, bao giờ cũng đưa cho tôi rất ít tiền về những cuốn sách, nhiều khi chẳng đưa gì hết, thí dụ như, tôi không được một đồng kẽm của bản *Luận văn* đầu tiên; Diderot giao luận văn cho ông không lấy tiền. Phải chờ đợi rất lâu, và phải rút từng xu một số tiền ít ỏi ông trả tôi. Trong khi đó việc chép nhạc không thuận lợi. Tôi làm hai nghề: đó là cách để làm dở cả nghề nọ lẫn nghề kia.

Hai nghề ấy còn gây trở ngại cho nhau theo một kiểu khác, do những cách sống không giống nhau mà chúng khiến tôi phải lệ thuộc. Thành công của những văn phẩm đầu tiên đã khiến tôi hợp thời

thượng, cảnh huống tôi đã chọn kích thích lòng hiếu kỳ; mọi người muốn biết cái con người kỳ quái chẳng cầu thân ai, chẳng quan tâm đến cái gì ngoài việc sống tự do và hạnh phúc theo cách của mình: thế là đủ để người đó không sao sống như vậy được. Căn phòng tôi ở không ngớt những người viện ra nhiều cớ khác nhau để đến chiếm lấy thì giờ của tôi. Phụ nữ dùng trăm phương ngàn kế để có được tôi trong bữa ăn tối. Tôi càng cộc cằn với mọi người, thì họ càng gan lì. Tôi chẳng thể khước từ toàn thiên hạ. Do từ chối mà chuốc cho mình muôn kẻ thù, đồng thời tôi lại không ngừng bị chi phối vì dễ dãi, và dẫu làm cách nào, tôi cũng không có được mỗi ngày một giờ cho riêng mình.

Khi đó tôi cảm thấy nghèo và độc lập không phải bao giờ cũng dễ dàng như ta tưởng tượng. Tôi muốn sống bằng nghề của mình, công chúng không muốn thế. Họ nghĩ ra muôn ngàn kế nhỏ để đền bù khoảng thời gian họ làm tôi bị mất. Chẳng mấy chốc khéo mà tôi phải phô mình như Polichinelle để được trả chường này mỗi người. Tôi không biết tình trạng lệ thuộc nào nhục nhã hơn và tàn ác hơn tình trạng này. Tôi chỉ thấy phương cứu chữa là từ chối mọi tặng phẩm lớn nhỏ và không có ngoại lệ cho bất kỳ ai. Tất cả chuyện này chỉ thu hút thêm những người hiến tặng, họ muốn có niềm vinh quang thẳng được sự kháng cự của tôi, và buộc tôi phải mang ơn họ bất chấp ý muốn của tôi. Như cái người có lẽ chẳng cho tôi một đồng *écu*, nếu tôi hỏi xin, lại cứ quấy rầy tôi không ngừng để biếu để tặng, và, nhằm trả thù vì bị cự tuyệt, chê trách sự từ chối của tôi là ngạo mạn và phô trương.

Mọi người sẽ cảm thấy rõ là quyết định của tôi, và phương thức tôi muốn theo, không hợp với sở thích của bà Le Vasseur. Tất cả tính vô tư bất vụ lợi của cô con gái chẳng ngăn được cô làm theo sự chỉ đạo của mẹ, và các Nữ Thống đốc, như Gauffecourt thường gọi họ, không phải bao giờ cũng kiên quyết như tôi, khi từ chối. Mặc dù người ta giấu giếm tôi nhiều chuyện, song tôi nhìn thấy đủ để xét đoán rằng mình không nhìn thấy hết mọi sự, và điều này dẫn dắt tôi, do bị

kết tội đồng mưu, sự kết tội mà tôi dễ dàng biết trước, ít hơn là do ý nghĩ ác nghiệt mình chẳng bao giờ làm chủ được ở nhà mình cũng chẳng làm chủ được bản thân mình. Tôi yêu cầu, tôi nài xin, tôi nổi giận, tất cả chẳng được việc gì; bà mẹ khiến cho tôi bị coi như một kẻ la mắng liên miên bất tận, một kẻ hay gắt gỏng. Đó là những điều thìào không ngớt với bạn bè tôi; mọi sự đều bí mật và thầm kín đối với tôi trong nhà tôi, và để tránh nguy cơ liên tục gặp phong ba bão tố, tôi chẳng dám hỏi han về những gì đang diễn ra ở đây nữa. Đê? Thoát khỏi tất cả những phiền lụy này, lẽ ra cần một sự cương quyết mà tôi không có khả năng. Tôi biết rầy la, chứ không biết hành động; người ta để tôi nói và người ta cứ tiến hành.

Những bất hòa liên miên như vậy, và những sự quấy rầy hằng ngày, rốt cuộc khiến cho nơi ở của tôi và việc lưu trú tại Paris thành ra khó chịu đối với tôi. Khi tình trạng bệnh hoạn để cho tôi ra ngoài được, và khi không bị người quen lôi đi chỗ này chỗ khác, tôi đi dạo một mình; tôi mơ mộng về phương thức lớn lao, tôi ghi vài điều ra giấy, nhờ một cuốn sổ và cây bút chì luôn có trong túi. Những buồn phiền không ngờ của một cảnh huống do mình chọn lựa làm cho tôi, để giải khuây, đi hẩn vào văn chương như thế đó, và tôi đưa vào tất cả những tác phẩm đầu tiên nổi lo buồn và mối tức giận khiến cho mình làm văn chương, như thế đó.

Một điều khác nữa cũng góp phần vào việc này. Bị quăng vào giới giao tế mà không có phong thái của giới đó, không thể tập được phong thái ấy và không thể phục tòng nó, tôi bèn nghĩ ra cách có một phong thái của mình nó khiến mình khỏi phải theo phong thái kia. Tính rụt rè ngu dại và bần gắt mà tôi không khắc phục được, có căn nguyên là sợ mình thất lễ, để bạo dạn lên, tôi bèn quyết định giày xéo dưới chân mình những điều hợp lẽ. Vì xấu hổ mà tôi trâng tráo và chua cay; tôi làm bộ coi thường phép lịch sự mà tôi không biết ứng dụng. Quả thực là sự thô ráp này, phù hợp với các nguyên lý mới của tôi, trở thành cao thượng trong tâm hồn tôi, mang lấy tính chất dũng

cảm của đức độ, và tôi mạo muội nói rằng, chính trên cơ sở tôn nghiêm này mà nó đã tự duy trì được vững hơn và lâu dài hơn là mọi người chắc sẽ chờ đợi ở một nỗ lực hết sức trái ngược với bản tính tôi. Tuy nhiên, mặc dù mang cái danh yếm thế mà thiên hạ gán cho do vẻ ngoài của tôi và do vài câu nói thích đáng, song chắc chắn rằng, trong chốn riêng tư, tôi luôn đóng rất dở nhân vật của mình, chắc chắn rằng bạn bè và người quen biết điều khiến con gấu thật dữ tợn này như một chú cừu non, và tôi chỉ giới hạn những lời châm chọc cay chua cho những sự thật khắc nghiệt, nhưng khái quát, và không bao giờ có thể nói một lời xúc phạm với bất kỳ ai.

Thầy bói làng quê khiến tôi hợp thời thượng hẳn và chẳng mấy chốc không một người nào được chuộng bằng tôi tại Paris. Câu chuyện về vở kịch đáng ghi nhớ này liên quan đến câu chuyện về những mối quan hệ của tôi khi ấy. Đó là một chi tiết mà tôi cần đi vào để mọi người hiểu được những gì ắt phải đến sau đó.

Tôi có khá nhiều người quen, nhưng chỉ có hai người bạn được kén chọn, là Diderot và Grimm. Do mong muốn tập hợp tất cả những gì thân thiết với mình, tôi kết bạn quá thân với cả hai, thành thử chẳng bao lâu sau họ thành bạn của nhau. Tôi gắn bó họ, họ hợp nhau và đoàn kết với nhau còn chặt chẽ hơn với tôi. Diderot có vô số người quen; còn Grimm, là dân ngoại quốc và mới đến, cần kết giao. Tôi chẳng mong gì hơn là cung cấp cho anh những mối quen biết. Tôi đã cho anh Diderot, tôi cho anh Gauffecourt. Tôi dẫn anh đến nhà bà De Chenonceaux, nhà bà D'Épinay, nhà nam tước D'Holbach* mà tôi có quan hệ gần như bất đắc dĩ. Tất cả bạn bè tôi đều thành bạn của anh, chuyện này thật đơn giản; nhưng chẳng một ai trong bạn bè anh thành bạn của tôi, đó là chuyện ít đơn giản hơn. Trong thời gian anh ở tại nhà bá tước De Friese, nhiều lần ông đãi chúng tôi ăn tối; nhưng chưa bao giờ tôi thấy bá tước De Friese tỏ ra mến hay có hảo ý với tôi, bá tước De Schomberg, người họ hàng của ông, rất thân mật với Grimm, cũng vậy, giống như tất cả các nhân vật nam và nữ mà Grimm có quan

hệ, nhờ gia đình bá tước De Friese. Tôi trừ ra một mình tu sĩ Raynal*, mặc dù là bạn của Grimm, song tỏ ra thân với tôi, và gặp dịp thì mở túi tiền cho tôi hào hiệp một cách phi thường. Nhưng tôi quen tu sĩ Raynal từ lâu trước khi bản thân Grimm quen anh, và tôi luôn gắn bó với anh kể từ khi anh có một hành vi hết sức tế nhị và quân tử đối với tôi trong một trường hợp ít quan trọng, nhưng tôi sẽ không bao giờ quên.

Tu sĩ Raynal chắc chắn là một người bạn nhiệt thành. Tôi có chứng cứ về điều này gần vào thời gian tôi đang nói tới, liên quan đến Grimm mà anh kết giao rất mật thiết. Grimm, sau khi gặp gỡ thân tình với cô Fel* được ít lâu, đột nhiên phải lòng cô mê mết, và muốn hắt cẳng Cahusac*. Người đẹp, tự phụ mình thủy chung, đuổi khéo anh chàng rắp ranh ngấp nghé mới. Anh này bi thảm hóa vấn đề và muốn chết vì chuyện đó. Anh đột nhiên mắc chứng bệnh kỳ lạ nhất mà có lẽ người ta chưa từng nghe nói tới. Anh ở một trạng thái tê liệt liên miên nhiều ngày đêm, mắt mở to, mạch đập mạnh, nhưng chẳng nói, chẳng ăn, chẳng động cựa, đôi khi có vẻ nghe thấy, nhưng không bao giờ trả lời, thậm chí bằng cách ra hiệu cũng không, và chẳng không kích động, không đau đớn, không sốt, cứ ở đấy như thể chết rồi. Tu sĩ Raynal và tôi chia nhau trông nom anh: tu sĩ, cường tráng hơn và khỏe mạnh hơn, coi ban đêm, tôi coi ban ngày, không bao giờ cùng rời xa anh; và người nọ không bao giờ ra về khi người kia chưa đến. Bá tước De Friese, lo sợ, dẫn Sénac* tới, ông này, sau khi khám kỹ, bảo là không sao cả, và chẳng kê đơn gì hết. Do kinh hãi cho bạn, tôi quan sát cẩn thận thái độ ông thầy thuốc, và thấy ông mỉm cười khi đi ra. Tuy thế người bệnh vẫn bất động nhiều ngày liền, chẳng ăn nước canh, chẳng ăn bất kỳ thứ gì ngoài mút anh đào mà thỉnh thoảng tôi đặt lên lưỡi anh, và anh nuốt rất gọn. Một sáng kia anh dậy, mặc quần áo và tiếp tục cách sống thường ngày, mà chẳng bao giờ nói lại với tôi, hay với tu sĩ Raynal, hay với bất kỳ ai, về trạng thái tê liệt kỳ lạ kia

cũng như về những sự chăm sóc của chúng tôi đối với anh suốt thời gian trạng thái này tồn tại.

Sự cố ấy chẳng khỏi gây ồn ào, và quả thực có lẽ là một giai thoại tuyệt diệu, sự tàn nhẫn của một cô gái Nhà hát Nhạc kịch có thể làm một người đàn ông chết vì tuyệt vọng. Mỗi tình si đẹp dễ khiến Grimm hợp thời thượng; chẳng bao lâu anh được coi như một hiện tượng phi phạm về tình yêu, về tình bạn, về tình quyến luyến đủ kiểu loại. Dư luận này làm cho anh được đông đảo mọi người mến chuộng, đón mừng và vì thế làm anh xa cách tôi, người xưa nay đối với anh chỉ là bạn bất đắc dĩ. Tôi thấy anh sắp hoàn toàn rời khỏi tôi, vì tất cả những tình cảm mãnh liệt được anh phô trương là những tình cảm mà tôi có với anh một cách ít ồn ào hơn. Tôi rất vui mừng khi anh thành công trong xã hội, nhưng tôi những muốn anh đừng thành công mà quên bạn. Một hôm tôi bảo anh: “Grimm, anh hãy bỏ tôi; tôi tha thứ cho anh điều đó. Khi nào niềm say sưa ban đầu của những thành công ồn ào hết tác dụng, và anh cảm thấy sự trống rỗng của chúng, tôi hy vọng anh sẽ quay về với tôi, và anh sẽ vẫn gặp lại tôi. Còn bây giờ, anh cứ tự nhiên; tôi để anh tự do, và tôi chờ anh.” Anh bảo là tôi có lý, vì vậy anh thích ứng, và thật thoải mái, đến mức tôi chỉ còn gặp anh cùng với bạn bè chung của cả hai mà thôi.

Điểm hội họp chính của chúng tôi, trước khi Grimm cũng thân với bà D’Épinay như về sau này, là nhà của nam tước D’Holbach. Vị gọi là nam tước này xuất thân gia đình mới phát, được hưởng một tài sản khá lớn, mà anh sử dụng một cách cao nhã, tiếp đón giới văn nhân cùng những người có giá trị, và nhờ học vấn cùng tri thức, giữ vững vị trí của mình giữa những người đó. Ket giao từ lâu với Diderot, anh đã nhờ Diderot giới thiệu để tìm kiếm tôi, trước cả khi tên tuổi tôi được biết đến. Một mối hiềm kỵ tự nhiên ngăn cản tôi đáp lại những sự ngỏ ý trước của anh trong một thời gian dài. Một hôm anh hỏi tôi lý do, tôi trả lời: “Anh quá giàu.” Anh kiên gan và cuối cùng chiến thắng. Nỗi

bất hạnh lớn nhất của tôi bao giờ cũng là không thể kháng cự được những sự ngọt ngào vồn vã. Tôi chưa bao giờ thấy thoải mái dễ chịu vì đã nhượng bộ.

Một người quen nữa, trở thành bạn ngay khi tôi có một danh nghĩa để kỳ vọng điều này, là ông Duclos*. Tôi đã gặp ông lần đầu vào nhiều năm trước, tại La Chevette, ở nhà bà D'Épinay, mà ông có quan hệ rất thân tình. Chúng tôi chỉ cùng ăn tối; ông ra về ngay hôm ấy. Nhưng chúng tôi có trò chuyện một lát sau khi ăn. Bà D'Épinay đã nói với ông về tôi và về vở nhạc kịch *Những Nàng Thơ phong nhã* của tôi. Duclos, được phú quá nhiều tài năng lớn nên không thể không mến những kẻ có tài, đã có thiện cảm trước với tôi, và mời tôi đến thăm ông. Mặc dù cảm mến từ trước nay lại thêm sự quen biết, song tính rụt rè, sự lười nhác kìm giữ tôi chừng nào tôi chưa có một giấy thông hành nào khác để đến với ông ngoài lòng ân cần của ông; nhưng được khuyến khích do thành công đầu tiên của mình và do những lời khen của ông mà tôi nhớ lại, tôi đến thăm ông, ông tới thăm tôi, và giữa chúng tôi bắt đầu những mối liên hệ khiến ông sẽ là người mà tôi luôn thân thiết và nhờ ông mà tôi biết được, ngoài chứng cứ của chính lòng mình, rằng sự thành thực và đức chính trực đôi khi có thể dung hòa với việc trau dồi văn chương.

Nhiều mối liên hệ khác không vững chắc bằng, và tôi không đề cập ở đây, là do những thành công đầu tiên của tôi, và tồn tại cho đến khi lòng hiếu kỳ được thỏa mãn. Tôi là một con người mà khi nhìn thấy rồi, thì ngay hôm sau đã chẳng có gì mới mẻ để nhìn nữa. Tuy nhiên có một phụ nữ tìm gặp tôi trong thời gian này đã trụ vững hơn tất cả những phụ nữ khác: đó là hầu tước phu nhân De Créqui, cháu ngài pháp quan De Froulay, đại sứ tại Malte, có ông em là người tiên nhiệm của ông De Montaigu tại sứ quán Venise, và tôi đã đến thăm khi từ Venise về. Bà De Créqui viết thư cho tôi; tôi đến nhà bà: bà có lòng mến tôi. Đôi khi tôi đến ăn tối ở đó; tôi gặp rất nhiều văn nhân, trong

số này có ông Saurin, tác giả của *Spartacus*, của *Barnewell*, v.v., từ đó trở thành kẻ thù tàn ác nhất của tôi, mà tôi không sao đoán ra được nguyên nhân nào khác, nếu không phải do tôi mang họ của một người mà cha của ông từng truy hại một cách thật xấu xa*.

Ta thấy rằng, với một người chép nhạc phải bận rộn từ sáng đến tối trong nghề, thì tôi có lắm điều sao nhãng khiến thời gian trong ngày chẳng mưu lợi được nhiều, và khiến tôi không đủ chú ý đến công việc để làm cho tốt; vì vậy tôi mất quá nửa số thời gian người ta còn để lại cho mình vào việc xóa bỏ hay tẩy đi các lỗi, hoặc chép lại cả trang, sự phiền hà này làm cho tôi ngày càng không chịu nổi Paris, và nhiệt thành mến chuộng miền quê. Nhiều lần tôi đến ở vài ngày tại Marcoussis, bà Le Vasseur quen biết linh mục trợ tế nơi này, chúng tôi thu xếp ở nhà ông sao cho ông không bị khó chịu. Grimm đến đó một lần cùng chúng tôi*. Linh mục trợ tế có giọng, ông hát hay, và mặc dù không biết nhạc, song ông học phần của mình rất dễ dàng và chính xác. Chúng tôi tiêu khiển bằng cách hát những khúc tam ca của tôi từ thời ở Chenonceaux. Tôi làm hai ba khúc mới, lời ca do Grimm và linh mục đặt tạm. Tôi không ngăn nổi mình tiếc những khúc tam ca này, được sáng tác và hát trong những khoảnh khắc vui tươi thật trong trẻo, mà tôi đã để lại ở Wootton cùng toàn bộ nhạc phẩm của tôi. Cô Davenport* có lẽ đã dùng chúng để làm giấy cuốn tóc; nhưng chúng đáng được lưu giữ và phần lớn có đối âm rất hay. Sau một trong những chuyến đi chơi ngắn ngày như thế, ở đó tôi thú vị được thấy Thérèse thoải mái, rất vui vẻ, và chính tôi cũng chơi đùa nhiều, tôi đã viết cho linh mục trợ tế, rất nhanh và rất dễ, một bức thư bằng văn vần mà mọi người sẽ thấy trong số giấy tờ của tôi*.

Tôi còn có, ở gần Paris hơn, một chỗ nghỉ khác rất hợp sở thích, tại nhà ông Mussard, là đồng hương, là họ hàng và là bạn, người đã tạo dựng ở Passy một chốn ẩn cư thú vị, nơi tôi từng sống những

khoảnh khắc thật êm đềm. Ông Mussard là một nhà kim hoàn, có lương tri, sau khi đã kiếm được một tài sản lương thiện nhờ kinh doanh, và đã gả con gái duy nhất cho ông De Valmalette, con một nhà hối đoái, và là quan ngự thiện của nhà vua, ông bèn có quyết định khôn ngoan rời bỏ việc làm ăn buôn bán khi về già, và tạo lập một quãng nghỉ ngơi, vui hưởng, giữa những phiền lụy của đời sống và cái chết, ông già Mussard đôn hậu, triết gia thực tiễn đích xác, sống không ưu tư, trong một ngôi nhà rất duyên dáng mà ông xây dựng cho mình, và trong một khu vườn rất xinh đẹp mà ông tự tay trồng trọt. Trong khi đào xới kỹ những khoảnh đất cao của khu vườn, ông tìm thấy những vỏ sò ốc hóa thạch, và tìm thấy với số lượng rất nhiều, đến mức trí tưởng tượng phấn khích của ông chỉ thấy có vỏ sò ốc trong thiên nhiên, và cuối cùng ông thực lòng tin rằng thế giới chỉ là vỏ sò ốc, tàn dư của vỏ sò ốc, và toàn bộ địa cầu chỉ là những vỏ sò ốc li ti kết thạch. Luôn luôn bận tâm về đối tượng này và về những phát kiến kỳ dị của mình, ông phấn khích với những ý tưởng đó, đến mức cuối cùng có lẽ chúng sẽ thành hệ thống trong đầu óc ông, nghĩa là thành chứng điên rồ, nếu như, thật may cho lý trí của ông, nhưng thật rủi cho những người bạn thân thiết với ông, những người tìm được tại nhà ông chốn nương náu dễ chịu nhất, cái chết không đến cướp ông đi vì căn bệnh lạ lùng và ác nghiệt nhất. Đó là một khối u ở dạ dày, luôn phát triển, cản trở ông ăn, mà một thời gian rất dài người ta không tìm ra nguyên nhân, và sau nhiều năm đau đớn, rốt cuộc khiến ông chết vì đói. Tôi chẳng thể nhớ lại mà không đau lòng, những ngày tháng cuối cùng của con người đáng thương và có phẩm cách, vẫn rất thích thú đón tiếp chúng tôi, Lenieps và tôi, những người bạn duy nhất không vì cảnh tượng đau đớn của ông mà rời xa ông, cho đến giờ phút cuối cùng; ông đành chỉ nhìn bữa ăn cho dọn ra mời chúng tôi, còn mình gân như chẳng thể nếm được vài giọt nước trà pha thật loãng, mà lát sau lại phải thổ ra. Nhưng trước thời gian đau đớn ấy, tôi đã trải qua tại nhà ông bao nhiêu thời gian thú vị cùng những bạn bè ưu tú mà ông đã kết thân! Theo tôi thì đứng đầu là tu sĩ Prévost*, con người rất dễ

mến và rất giản dị, mà tấm lòng đem lại sinh khí cho trước tác, con người xứng với sự bất tử, và trong tính tình cũng như trong giao tiếp, chẳng hề có chút gì của sắc thái u ám mà ông đưa vào tác phẩm; thầy thuốc Procope, tiểu Esópe có sở đào hoa; Boulanger, tác giả nổi tiếng sau khi qua đời với *Nền chuyên chế phương Đông*, và tôi cho là ông mở rộng các phương thức của Mussard đến thời gian tồn tại của vạn vật. Về nữ, có bà Denis, cháu gái Voltaire, vì khi ấy chỉ là một người đàn bà chất phác, nên chưa tỏ ra văn hoa; bà Vanloo, chắc chắn không đẹp, nhưng khả ái, có giọng hát thiên thần; bản thân bà De Valmalette, cũng hát, và mặc dù rất gầy, có lẽ sẽ rất dễ mến nếu như bà bớt kỳ vọng điều đó. Đại để giới giao du của ông Mussard là như vậy, và có lẽ họ sẽ khiến tôi khá thích thú nếu như việc ông đối diện riêng tư với cái tật vỏ sò vỏ ốc không làm cho tôi thích thú nhiều hơn nữa, và có thể nói rằng hơn sáu tháng trời tôi đã làm việc trong thư phòng của ông cũng vui thích ngang với chính ông.

Từ lâu ông đã tin rằng với tình trạng của tôi thì nước ở Passy sẽ bổ ích, và động viên tôi đến nhà ông dùng thứ nước này. Để thoát được sự ồn ào của đô thị đôi chút, cuối cùng tôi đầu hàng, và đến ở Passy tám hay mười ngày, những ngày khiến tôi dễ chịu vì sống ở miền quê nhiều hơn là vì uống nước nơi đó. Mussard chơi đàn violoncelle và say mê nhạc Ý. Một buổi tối, trước khi đi ngủ chúng tôi nói rất nhiều về nhạc Ý, nhất là về các vở *opera buffa** mà cả hai chúng tôi đã xem tại Ý và cả hai đều cảm kích. Ban đêm, không ngủ, tôi mơ mộng có thể làm thế nào để mọi người ở Pháp có khái niệm về một vở kịch thuộc loại đó; vì *Những mối tình của Ragonde** chẳng hề giống như vậy chút nào. Buổi sáng, trong khi đi dạo và uống nước, tôi làm rất vội vài câu thơ, và cải tác thành những lời hát chợt nghĩ ra khi làm thơ. Tôi nguệch ngoạc ghi lại tất cả trong một kiểu phòng nhỏ có mái vòm ở phía trên vườn; đến lúc dùng trà tôi không ngần ngại mình đưa những điệu ca đó cho Mussard và cô Duvernois xem, cô

Duvernois quản gia của ông quả là một cô gái rất tốt và dễ mến. Ba khúc nhạc tôi đã phác thảo là đoạn độc thoại đầu tiên, *Tôi đã mất người hầu của mình*, điệu nhạc của Thầy bói, *Tình yêu tăng tiến nếu thấy bắn khoăn*, và khúc song ca cuối, *Colin, ta thuê anh, mãi mãi*, v.v. Tôi cho rằng những cái đó thật chẳng đáng dụng tâm, thành thử, nếu không được cả hai người tán thưởng và khuyến khích thì tôi đã quẳng bản nháp vào lửa và không nghĩ đến nữa, như bao lần tôi đã làm đối với những thứ ít ra cũng khá bằng thế: nhưng họ cố vũ tôi nhiều đến mức trong sáu ngày tôi viết xong vở kịch, chỉ thiếu vài câu thơ, còn toàn bộ phần nhạc đã được phác họa, thành thử tôi chỉ còn phải làm ở Paris đôi chút ngâm vịnh cùng toàn bộ phần đệm, và tôi hoàn thành tất cả hết sức nhanh chóng, thành thử sau ba tuần các màn kịch đã được viết ra sạch sẽ và có thể trình diễn, chỉ thiếu có phần ca vũ xen giữa các hồi, rất lâu về sau mới được làm.

Do phấn khích trong khi soạn tác phẩm, tôi rất mê được nghe nó, và những muốn đổi mọi thứ trên đời để được xem trình diễn theo ý mình, cửa đóng then cài, như thiên hạ đồn rằng Lulli một lần cho diễn *Armide* để một mình thưởng thức, vì tôi chỉ có được lạc thú này cùng với công chúng, nên để hưởng thụ vở kịch, nhất thiết phải làm cho nó được Nhà hát Nhạc kịch thừa nhận. Rủi thay nó lại thuộc một thể loại hoàn toàn mới, mọi người chưa quen tai; vả chăng, kết quả tồi của *Những Nàng Thơ phong nhã* khiến tôi đoán trước kết quả của *Thầy bói*, nếu tôi giới thiệu vở dưới tên mình. Duclos gỡ khó khăn cho tôi, và đảm nhận cho diễn thử tác phẩm mà không cho biết tác giả. Để khỏi làm lộ mình, tôi không có mặt ở buổi diễn tập này; và bản thân *các cây vĩ cầm nhỏ** chỉ huy buổi tập, cũng chỉ biết tác giả là ai sau khi tiếng hoan hô đồng thanh đã chứng nhận chất lượng của tác phẩm. Tất cả những ai nghe diễn đều hân hoan, đến mức từ ngày hôm sau, trong mọi giới, người ta không nói chuyện gì khác, ông De Cury, phụ trách quỹ Tiêu khiển vật của nhà vua, yêu cầu đưa tác phẩm để diễn tại

cung đình. Duclos, biết ý định của tôi, và xét thấy ở cung đình tôi sẽ ít được làm chủ vở kịch hơn ở Paris, liền từ chối. Cury đòi hỏi một cách độc đoán; Duclos kiên quyết, và cuộc tranh luận giữa hai người trở nên gay gắt đến mức một hôm tại Nhà hát Nhạc kịch, họ sẽ cùng ra ngoài* nếu mọi người không ngăn cách họ. Mọi người muốn nói chuyện với tôi: tôi để Duclos quyết định sự việc. Họ phải quay lại với Duclos. Công tước D'Aumont can thiệp vào câu chuyện. Cuối cùng Duclos cho rằng phải nhượng bộ quyền lực và vở kịch được giao để trình diễn ở Fontainebleau.

Phần mà tôi quan tâm nhất, và đi xa nhất khỏi con đường thông thường, là phần ngâm vịnh. Nhạc khúc ngâm vịnh của tôi được nhấn một cách hoàn toàn mới mẻ, và hòa theo nhịp phát ngôn. Mọi người không dám giữ lại điều cách tân ghê gớm ấy, họ sợ nó làm cho những đôi tai quen hùa theo thói thường phản kháng. Tôi đồng ý để Francueil* và Jelyotte làm một khúc ngâm vịnh khác, nhưng tôi không muốn dính dáng vào đó.

Khi mọi sự đã sẵn sàng và ngày trình diễn đã định, họ đề nghị tôi đến Fontainebleau để ít ra cũng xem buổi diễn tập cuối cùng. Tôi đi cùng cô Fel, Grimm, và hình như là tu sĩ Raynal, trong một cỗ xe của cung đình. Buổi diễn tập tạm được; tôi hài lòng hơn mức mình chờ đợi. Dàn nhạc đông người, gồm các nhạc công của Nhà hát Nhạc kịch và của ban nhạc thuộc nhà vua. Jelyotte đóng vai Colin; cô Fel đóng Colette; Cuvilier, vai Thầy bói; dàn hợp xướng là của Nhà hát Nhạc kịch. Tôi nói ít: Jelyotte đã chỉ huy mọi thứ; tôi không muốn giám sát những gì anh đã làm, và mặc dù có phong thái La Mã, tôi xấu hổ như một chú học trò ở giữa tất cả đám người này.

Hôm sau, ngày trình diễn*, tôi đến ăn sáng tại quán Grand-Commun. Rất đông người ở đó. Họ nói về buổi diễn tập tối hôm trước, về việc khó vào xem. Một sĩ quan bảo rằng ông đã vào được mà chẳng

vất vả, kể từ đầu đến cuối những gì diễn ra, miêu tả tác giả, thuật lại những gì tác giả đã làm, đã nói; nhưng điều khiến tôi lạ lùng thán phục ở câu chuyện khá dài, được kể một cách vừa quả quyết vừa giản dị, là trong đó không có lấy một từ ngữ nào đúng sự thực. Tôi thấy rất rõ rằng con người đang nói một cách thật tỏ tường về buổi diễn đã không hề ở đấy, vì ông ta đang có trước mắt mình, mà chẳng biết, tác giả được ông bảo là đã nhìn thấy rất kỹ. Điều lạ lùng nhất ở cảnh này là tác động của nó đối với tôi. Người đàn ông ấy đã đứng tuổi; ông không hề có dáng vẻ cũng không có giọng điệu tự phụ và khoe khoang; diện mạo ông cho thấy một người có giá trị; tấm huân chương Thánh Louis cho thấy một cựu sĩ quan, ông khiến tôi thấy thú vị bất chấp sự trắng trợn của ông và bất chấp ý muốn của tôi; trong lúc ông tuôn ra những điều dối trá thì tôi đỏ mặt, tôi cúi nhìn xuống, tôi như ngồi trên đồng gai; đôi khi tôi tìm kiếm trong bản thân mình xem liệu có cách nào tin được rằng ông ta lầm lẫn và có thiện ý. Cuối cùng, run sợ nhờ ai đó nhận ra mình và làm ông ta mất thể diện, tôi vội vã uống nốt chỗ sô cô la chẳng nói năng gì, và cúi đầu xuống khi đi qua trước mặt ông ta, tôi ra về sớm hết mức có thể, trong khi những người trong quán bàn tán đông dài về bài tường thuật của ông ta. Ra đến ngoài đường tôi nhận thấy mình đang toát mồ hôi, và tôi tin chắc rằng nếu ai đó nhận ra và gọi tên tôi trước khi tôi đi ra, có lẽ mọi người sẽ thấy tôi hổ thẹn và lúng túng như kẻ phạm tội, chỉ vì nghĩ đến nỗi khổ của con người tội nghiệp kia nếu sự dối trá của ông ta bị nhận ra.

Giờ đây tôi đang ở vào một trong những thời điểm gay go của cuộc đời, mà chỉ kể lại thì thật khó, bởi bản thân sự kể lại hầu như không thể không mang dấu ấn kiểm duyệt hay biện hộ. Tuy nhiên tôi sẽ gắng tường thuật mình xử sự như thế nào và dựa trên những lý do gì, không thêm vào đó lời khen ngợi hay điều chê trách.

Ngày hôm ấy tôi vẫn đóng bộ sơ sài như bình thường; râu không cạo và mớ tóc giả kém chải chuốt. Coi sự thiếu lễ nghi này là một

hành vi can đảm, tôi cứ bộ dạng như vậy đi vào sảnh đường mà lát nữa Đức Vua, Hoàng hậu, hoàng gia và cả triều đình sẽ vào. Tôi đến ngồi ở khán phòng được ông De Cury dẫn vào, và là khán phòng của ông. Đó là một khán phòng lớn nhìn xuống sân khấu, đối diện một khán phòng nhỏ khác cao hơn, nơi Đức Vua ngồi cùng bà De Pompadour. Xung quanh toàn các quý bà, là nam giới duy nhất ở phía trước của khán phòng, tôi không thể ngờ được rằng họ xếp mình ở đó chính là để cho mọi người nhìn thấy rõ. Khi đèn thấp sáng, thấy mình với lệ bộ như vậy, giữa những con người tất thấy đều trang điểm cực kỳ lộng lẫy, tôi bắt đầu bứt rứt khó chịu: tôi tự hỏi liệu mình có ở đúng chỗ của mình hay chẳng, liệu người ta xếp mình vào đó có thích hợp hay chẳng, và sau vài phút băn khoăn lo lắng, tôi tự đáp lại, có, với một sự gan dạ có lẽ do không thể nuốt lời nhiều hơn là do sức mạnh của lý lẽ. Tôi tự nhủ: “Mình đang ở đúng chỗ, bởi mình xem diễn vở kịch của mình, bởi mình được mời đến xem, bởi mình chỉ sáng tác ra nó cho việc này, và xét cho cùng không ai có quyền hơn chính mình hưởng thụ kết quả từ lao động và tài năng của mình. Mình ăn vận như bình thường, không khá hơn không tệ hơn. Nếu mình lại bắt đầu lệ thuộc dư luận ở điều gì đó, thì một lần nữa lập tức mình phụ thuộc ở mọi sự. Để luôn là chính mình, thì không được hổ thẹn ở bất kỳ nơi chốn nào vì đã ăn vận theo cảnh huống mình đã chọn: bề ngoài mình bình thường và sơ sài, nhưng không cầu ghét không dơ bẩn; bản thân bộ râu của mình không dơ bẩn, bởi tạo hóa ban nó cho ta, và đôi khi nó là một thứ trang sức tùy thời đại tùy thời trang. Người ta sẽ thấy mình lỗ bịch, xấu xược; này! cần gì! Mình phải biết chịu đựng sự lỗ bịch và sự chê trách, miễn là chúng chẳng đáng.” Sau khi nói một mình như vậy, tôi vững chí lên nhiều, thành thử tôi có thể dửng dưng cảm giả sử cần dửng dưng. Nhưng, hoặc do sự hiện diện của nhà vua, hoặc do khuynh hướng tự nhiên của các con tim, trong niềm tò mò hướng về mình, tôi chỉ nhận thấy thái độ ân cần và đứng đắn. Tôi cảm động vì thái độ ấy đến mức lại bắt đầu lo lắng về bản thân và về số phận vở kịch, sợ xóa mất những thiên kiến rất thuận lợi, dường như chỉ tìm cách hoan

ngheh mình. Tôi đã chuẩn bị vũ khí chống lại sự chế nhạo; nhưng đáng vẻ vồn vã của mọi người, mà tôi không ngờ, chi phối mạnh đến mức tôi run như một đứa trẻ khi buổi diễn bắt đầu.

Tôi lập tức được an tâm. Vở diễn rất dở, về phía diễn viên, nhưng về phần nhạc thì hát hay và trình tấu hay. Ngay từ màn thứ nhất, quả thực gây thơ chân chất đáng cảm động, tôi nghe thấy cất lên từ các khán phòng một tiếng rì rầm ngạc nhiên và tán thưởng cho đến bấy giờ chưa từng thấy ở thể loại kịch này. Sự xao xuyến dấy lên cao dần đến mức thấy rõ trong toàn cử tọa và, để nói theo kiểu của Montesquieu, gia tăng hiệu quả nhờ chính hiệu quả. Đến cảnh hai con người bình thường chất phác, hiệu quả này lên tới cực điểm. Người ta không vỗ tay trước mặt Đức Vua; vì thế mà nghe rõ hết thấy: vở kịch và tác giả được lợi trong chuyện này. Tôi nghe quanh mình tiếng thì thào của những phụ nữ mà tôi thấy đẹp tựa thiên thần, họ nói với nhau khe khẽ: “Điều này thật dễ thương, điều này thật mê hồn; chẳng âm thanh nào là không đi vào lòng người.” Niềm vui vì gây xúc động cho bao nhiêu con người dễ mến khiến bản thân tôi xúc động đến rơi lệ; và tôi không cầm được nước mắt khi nghe bài song ca đầu tiên, đồng thời để ý thấy chẳng phải riêng mình khóc. Tôi có một khoảnh khắc tự phản tỉnh khi nhớ lại buổi hòa nhạc của ông De Treytorens. Hồi ức này tác động như kẻ nô lệ giữ vòng nguyệt quế trên đầu người chiến thắng*; nhưng nó diễn ra ngắn ngủi, và tôi lập tức buông mình hoàn toàn, không lãng trí, cho niềm vui tận hưởng vinh quang. Tuy nhiên tôi tin chắc rằng ở khoảnh khắc ấy khoái cảm của nam giới tham gia nhiều hơn là lòng tự cao tự đại của tác giả; và chắc chắn rằng nếu nơi đó chỉ toàn đàn ông, thì tôi chẳng bị nung nấu như đang không ngừng bị nung nấu vì niềm ao ước được đưa môi mình hứng lấy những giọt lệ tuyệt vời do mình làm tuôn chảy. Tôi từng thấy những vở kịch kịch thích niềm ngưỡng mộ mãnh liệt hơn, nhưng chưa từng thấy một trạng thái say sưa viên mãn đến thế, dịu dàng đến thế, cảm động đến thế, ngự trị suốt một buổi diễn, nhất là tại cung đình, trong ngày trình diễn

đầu tiên. Những ai đã xem buổi diễn này hẳn còn nhớ; vì hiệu quả của nó là độc nhất vô nhị.

Ngày tối hôm ấy, công tước D'Aumont nhắn tôi ngày mai có mặt tại lâu đài vào mười một giờ, và công tước sẽ tiễn cử tôi trước Đức Vua. Ông De Cury, người báo tin này, nói thêm rằng họ cho là có một khoản trợ cấp, và Đức Vua muốn đích thân thông báo với tôi.

Ai tin được rằng cái đêm tiếp theo một ngày huy hoàng đến thế lại là một đêm lo âu và phân vân đối với tôi? Ý nghĩ đầu tiên, sau ý nghĩ về sự tiễn cử, là về nhu cầu thường xuyên phải ra ngoài, cái nhu cầu làm tôi khổ sở rất nhiều ngay tối hôm ấy khi xem kịch, và ngày mai có thể hành tôi, khi tôi ở trong hành lang hay các sảnh của Đức Vua, giữa tất cả những bậc quyền quý, chờ đợi Hoàng thượng đi qua. Cái tật này là nguyên nhân chính khiến tôi xa lánh các nhóm hội họp, và ngăn cản tôi đến giam mình tại nhà các phụ nữ. Chỉ nghĩ đến tình trạng mà nhu cầu này có khả năng gây ra cho mình đã có thể khiến tôi lâm vào tình trạng ấy đến mức muốn xỉu, trừ phi xảy ra một vụ tai tiếng mà tôi thà chết còn hơn. Chỉ những người từng trải tình trạng này mới ước lượng được nỗi kinh hãi trước nguy cơ lâm vào cảnh đó.

Sau đấy tôi hình dung mình đứng trước Đức Vua, được giới thiệu với Hoàng thượng, ngài hạ cổ dừng bước và nói với tôi. Chính ở chỗ này cần phải xác đáng và nhanh trí để mà ứng đáp. Tính rụt rè đáng nguyên rủa, khiến tôi bối rối trước người lạ tầm thường nhất, liệu có rời bỏ tôi trước Vua nước Pháp, hoặc liệu có cho phép tôi chọn đúng ngay tức khắc điều cần nói? Tôi muốn vẫn không bỏ thái độ và giọng điệu nghiêm trang mình đã theo, song lại tỏ ra cảm kích trước vinh dự được một quốc vương quan trọng đến thế ban cho. Cần phải để một chân lý nào đó lớn lao và hữu ích được bao hàm trong một lời ngợi ca hay và đích đáng. Để chuẩn bị trước một câu ứng đáp tài tình, cần dự liệu đúng điều nhà vua có thể nói với tôi; và tôi tin chắc rằng sau đó trước mặt nhà vua mình chẳng nhớ ra được một từ nào của những điều

đã nghiền ngẫm. Lúc ấy tôi sẽ ra sao trước tất cả triều đình, nếu như trong khi bối rối lại buột ra một trong những điều vụng về thô lỗ thường ngày? Nguy cơ này làm tôi lo lắng, kinh hãi, khiến tôi run sợ đến mức quyết định, phó mặc rủi may, chẳng mạo hiểm lâm vào đó.

Đúng là tôi bị mất khoản trợ cấp có thể nói là được trao tặng; nhưng cũng tránh được cái ách mà có lẽ khoản trợ cấp này sẽ áp đặt cho tôi. Vĩnh biệt chân lý tự do, lòng can đảm. Từ nay làm sao còn dám nói đến độc lập và vô tư bất vụ lợi? Chỉ còn được nín hót hoặc nín lặng, khi nhận khoản trợ cấp đó: mà ai bảo đảm với tôi rằng nó sẽ được chi trả cho tôi? Bao nhiêu bước phải đi, bao nhiêu người phải cầu cạnh! Tôi sẽ mất nhiều công lo toan hơn, mà là những lo toan khó chịu hơn rất nhiều, để giữ được nó, so với việc không cần nó. Vậy tôi cho rằng, không nhận, là có một quyết định rất nhất quán với các nguyên tắc của mình, và là hy sinh cái bề ngoài cho cái thực tế. Tôi nói quyết định của tôi với Grimm, anh không phản đối gì. Với những người khác tôi viện cố sức khỏe, và ngay sáng hôm ấy tôi ra đi.

Việc tôi ra đi gây ồn ào và nói chung là bị chê trách. Các lý do của tôi không thể được tất cả mọi người cảm nhận. Họ lập tức kết tội tôi kiêu ngạo đại dốt, và sự kết tội ấy làm thỏa mãn nhiều hơn lòng ganh ghét của ai đó tự cảm thấy mình sẽ không xử sự như vậy. Ngày hôm sau, Jelyotte viết cho tôi một bức thư, kể lại tỉ mỉ thành công của vở kịch và tình trạng mê say mà bản thân Đức Vua cũng tham gia. Anh nói rõ rằng suốt ngày, Hoàng thượng không ngừng hát, bằng giọng ca sai nhất vương quốc: *tôi đã mất người hầu của mình; tôi đã mất hết hạnh phúc*. Anh kể thêm rằng trong nửa tháng tới, họ sẽ cho diễn *Thầy bói* lần hai*, điều này chứng minh trước toàn thể công chúng thành công hoàn toàn của buổi diễn thứ nhất.

Hai hôm sau, vào chín giờ tối, khi đến nhà bà D'Épinay, để dự bữa ăn đêm, tôi gặp ở cổng một cỗ xe ngựa thuê. Ai đó ngồi bên trong ra hiệu cho tôi lên xe; tôi lên xe: đó là Diderot. Anh nói với tôi về

khoản trợ cấp với một sự hăng hái mà tôi không ngờ lại thấy ở một triết gia về vấn đề như vậy. Anh cho là tôi không phạm trọng tội vì đã không muốn được tiến cử với Đức Vua; nhưng anh cho là tôi phạm một trọng tội ghê gớm vì thờ ơ với khoản trợ cấp. Anh bảo rằng, nếu tôi chẳng để tâm đến lợi ích cho mình, thì tôi không được phép chẳng để tâm đến lợi ích của bà Le Vasseur và con gái bà; rằng tôi không được bỏ qua một phương kế nào khả thi và lương thiện để cho họ miếng ăn, và xét cho cùng, vì mọi người không thể nói là tôi đã từ chối khoản trợ cấp ấy, nên anh chủ trương rằng, bởi người ta đã tỏ ra sẵn sàng chấp thuận cho tôi, thì tôi phải nài xin và phải đạt được nó, bằng bất kỳ giá nào. Mặc dù tôi cảm động vì sự sốt sắng của anh, song tôi không thể tán thành các phương châm của anh, và về vấn đề này chúng tôi có một cuộc tranh cãi rất gay gắt, cuộc tranh cãi đầu tiên của tôi với anh; và chúng tôi chưa từng tranh cãi kiểu ấy, anh thì ra lệnh cho tôi điều mà anh tin rằng tôi phải làm, còn tôi chống lại, vì tôi cho rằng mình không phải làm.

Đã muộn khi chúng tôi từ biệt nhau. Tôi muốn đưa anh vào nhà bà D'Épinay dùng bữa khuya; anh không muốn, và mặc dù niềm mong ước đoàn kết tất cả những người mình yêu mến từng khiến tôi nhiều lần cố khuyên anh gặp bà, thậm chí dẫn bà đến tận cửa nhà anh, mà anh không mở cho chúng tôi, song anh luôn chống lại việc gặp gỡ, và chỉ nói về bà với lời lẽ rất khinh miệt. Chỉ sau khi tôi bất hòa với bà và với anh thì họ mới cùng nhau liên kết, và anh bắt đầu nói về bà một cách tôn trọng.

Từ đó, dường như Diderot và Grimm ra sức làm cho các Nữ Thống đốc mất cảm tình với tôi, cho họ hiểu rằng nếu họ không được sung túc hơn, thì đó là do ác ý của tôi, và với tôi thì họ sẽ chẳng bao giờ làm được gì hết. Họ cố khuyên hai mẹ con rời bỏ tôi, hứa kiếm cho một chân bán lẻ muối, một sở bán thuốc lá và gì gì nữa tôi chẳng biết, nhờ uy tín của bà D'Épinay. Thậm chí họ định lôi kéo cả Duclos, cũng như D'Holbach, vào liên minh của họ, nhưng Duclos luôn từ

chối. Khi đó tôi có nghe phong thanh về tất cả những thủ đoạn này; nhưng chỉ rất lâu về sau mới biết thật rõ ràng, và tôi thường phải buồn phiền vì sự sốt sắng mù quáng và ít tế nhị của các bạn, trong khi tìm cách dồn tôi, vốn ốm yếu, vào tình trạng cô quạnh đáng buồn nhất, lại nghĩ là đang ra sức làm cho tôi được sung sướng, bằng những phương kế quả thực thích hợp nhất để làm cho tôi bị khốn khổ.

Vào dịp lễ hội hóa trang năm sau, 1753, *Thầy bói* được trình diễn tại Paris* và trong khoảng thời gian đó, tôi có thì giờ làm phần tự khúc và phần ca vũ xen giữa các hồi. Phần ca vũ, như trong bản in khắc, phải thực hiện từ đầu đến cuối, theo một đề tài nhất quán, mà tôi cho là cung cấp được những cảnh rất thú vị. Nhưng khi tôi đề xuất ý tưởng này với Nhà hát Nhạc kịch, họ chẳng buồn nghe tôi, và phải chấp nối các bài ca các điệu vũ theo thói thường: việc này khiến cho phần ca vũ, mặc dù đầy những ý tưởng thú vị, không hề làm giảm vẻ đẹp của các cảnh, lại chỉ đạt kết quả rất xoàng. Tôi bỏ khúc ngâm vịnh của Jelyotte, lấy lại khúc ngâm vịnh của mình, như sáng tác ban đầu và như được in khắc; và khúc ngâm vịnh ấy, thú thật là có Pháp hóa đôi chút, nghĩa là được các diễn viên kéo rê, chẳng hề khiến ai chướng tai, mà lại thành công không kém các điệu nhạc, và ít nhất cũng tỏ ra hoàn hảo ngang nhau, ngay cả với công chúng. Tôi đề tặng vở kịch cho Duclos, người đã bảo vệ nó, và tuyên bố rằng đó sẽ là lời đề tặng duy nhất của mình. Tuy nhiên tôi cũng đề tặng một lần thứ hai với sự đồng ý của Duclos*: nhưng hẳn ông còn được tôn vinh vì ngoại lệ này hơn là nếu tôi không thực hiện một ngoại lệ nào.

Tôi có nhiều mẫu chuyện nhỏ về vở kịch trên, song những điều quan trọng hơn cần phải kể khiến tôi không có thì giờ dài dòng ở đây. Có lẽ một ngày nào đó tôi sẽ trở lại ở phần phụ lục. Tuy nhiên tôi không bỏ qua được một mẫu chuyện có thể liên quan đến tất cả những gì tiếp theo. Một hôm tôi xem các nhạc phẩm của nam tước D'Holbach trong thư phòng của anh; sau khi nhìn lướt qua nhiều loại,

anh chỉ cho tôi một tập những bài soạn cho đàn clavecin và bảo: “Đây là những bài do tôi soạn; chúng rất thú vị, rất du dương; chẳng ai biết chúng và sẽ nhìn thấy chúng ngoài một mình tôi. Anh nên chọn lấy bài nào đó để đưa vào phần ca vũ của anh.” vì đang có trong óc những đề tài nhạc khúc và hòa âm nhiều hơn mức có thể sử dụng, nên tôi rất ít quan tâm đến các bài của anh. Tuy nhiên anh hồi thúc quá, thành thử để chiều ý, tôi chọn một bản nhạc đồng quê mà tôi rút gọn và chuyển thành tam ca để mở đầu điệu múa cho các cô bạn của Colette. Vài tháng sau, và trong khi *Thầy bói* đang được trình diễn, một hôm đến nhà Grimm, tôi thấy đông người quanh cây đàn clavecin, anh rời cây đàn đứng phắt dậy khi tôi vào. Máy móc nhìn vào giá để bản nhạc, tôi thấy chính tập bài của nam tước D’Holbach, mở ra ở đúng bản nhạc anh đã hồi thúc tôi lấy, và đảm bảo là nó sẽ không bao giờ ra khỏi tay anh. Ít lâu sau tôi lại thấy vẫn tập bài này mở ra trên cây đàn clavecin của ông D’Épinay, vào một hôm tại nhà ông có chơi nhạc. Grimm không bao giờ nói với tôi về điệu nhạc ấy, cũng không ai nói, còn bản thân tôi chỉ nói đến nó ở đây vì ít lâu sau có tin đồn rằng tôi không phải là tác giả của *Thầy bói làng quê*. Vì chẳng bao giờ là một nhạc công giỏi, nên tôi tin rằng, nếu không có cuốn *Từ điển âm nhạc* của tôi, có lẽ cuối cùng người ta sẽ bảo rằng tôi không biết nhạc*.

Trước khi diễn *Thầy bói làng quê* ít lâu, có những đoàn hề kịch Ý đến Paris, và người ta để họ diễn trên sân khấu Nhà hát Nhạc kịch, mà không dự liệu được tác động họ sẽ gây ra tại đó. Dù những hề kịch này khả ố, và dàn nhạc, khi đó rất dốt nát, làm biến dạng vô cơ các vở diễn, song những vở đó chẳng khỏi gây cho Nhà hát Nhạc kịch Pháp một tổn hại chưa bao giờ bù đắp được. Việc so sánh hai loại nhạc, được nghe cùng một ngày, trên cùng một sân khấu, khai thông tai người Pháp. Không tai nào có thể chịu đựng sự lê thê của nhạc Pháp, sau âm điệu linh hoạt và rõ ràng của nhạc Ý. Hề kịch vừa kết thúc, là tất cả ra về. Họ buộc phải thay đổi trật tự, và đặt hề kịch vào phần

cuối. Họ diễn *Églé*, *Pygmalion*, *Thiên tình*, chẳng có gì trụ nổi. Riêng *Thầy bói làng quê* chịu được sự so sánh, và còn hơn thế nữa sau vở *Serva padrona**. Khi soạn màn xen giữa các hồi, đầu óc tôi chứa đầy những vở trên; chính những vở đó mang lại cho tôi ý tưởng, và tôi không hề dự liệu rằng mọi người sẽ duyệt lại chúng bên cạnh vở của tôi. Giả sử tôi là một kẻ đạo nhạc, thì khi ấy biết bao nhiêu đoạn ăn cắp sẽ trở nên rành rành, và người ta sẽ lưu tâm biết mấy để làm cho ai nấy thấy rõ! Nhưng chẳng có gì hết: họ đã cố song vô hiệu, họ không tìm thấy trong nhạc của tôi một gợi nhớ nhỏ nhoi về bất kỳ thứ nhạc nào khác; và mọi ca khúc của tôi, so sánh với những ca khúc tự nhận là nguyên bản, đều mới mẻ y như tính chất âm nhạc tôi đã sáng tạo. Nếu như người ta đặt Mondonville* hay Rameau vào thử thách tương tự, họ sẽ chỉ tới tả mà ra khỏi đó.

Hề kịch tạo ra cho âm nhạc Ý những tín đồ rất nồng nhiệt. Toàn Paris chia thành hai phái còn kích động hơn cả trường hợp đây là vấn đề quốc gia hay vấn đề tôn giáo. Một phái, mạnh hơn, đông hơn, gồm những bậc quyền quý, những người giàu có và phụ nữ, ủng hộ âm nhạc Pháp; phái kia, hăng hái hơn, kiêu hãnh hơn, nhiệt tình hơn, gồm những người thực sự am tường, những người có tài, những bậc kỳ tài. Tốp nhỏ của họ tụ họp tại Nhà hát Nhạc kịch, bên dưới khán phòng của Hoàng hậu. Phái kia ngồi kín phần còn lại của khán đài và sảnh đường; nhưng trung tâm điểm chính ở bên dưới khán phòng của Đức Vua. Vì thế mà có những cái tên gọi các phe phái nổi tiếng thời ấy, *Góc của Vua* và *Góc của Hoàng hậu*. Cuộc tranh cãi, sôi nổi lên, tạo ra những tập sách mỏng. Góc của Vua định đùa cợt; nó bị *Tiểu tiên tri** chế nhạo: nó định nói lý nói lẽ; nó bị *Bức thư về âm nhạc Pháp** đê bẹp. Hai văn phẩm nhỏ này, một của Grimm, còn một của tôi, là những văn phẩm duy nhất còn sống sót sau cuộc tranh cãi; tất cả những văn phẩm khác đều đã chết.

Nhưng *Tiểu tiên tri* mà mọi người cứ khẳng khẳng gán cho tôi trong một thời gian dài bất chấp ý tôi, được coi là chuyện đùa, và không gây một khó khăn nhỏ nào cho tác giả; trong khi *Bức thư về âm nhạc* bị coi là chuyện nghiêm túc, và kích động toàn bộ dân tộc tự cho là bị xúc phạm ở nền âm nhạc của nó, chống lại tôi. Việc miêu tả tác động khó tin của cuốn sách mỏng này có lẽ xứng với ngòi bút của Tacite. Đó là thời kỳ của cuộc tranh cãi lớn giữa Pháp viện và giới Tăng lữ. Pháp viện vừa bị trục xuất; tình trạng xôn xao lên đến cực điểm; mọi sự đều đe dọa một cuộc nổi dậy đến nơi. Cuốn sách nhỏ xuất hiện; lập tức mọi cuộc tranh cãi khác được quên đi; người ta chỉ còn nghĩ đến tình cảnh nguy hiểm của nền nhạc Pháp, và chỉ còn sự nổi dậy chống lại tôi. Sự chống đối mạnh tới mức đất nước chưa bao giờ thực sự thay đổi ý kiến, ở triều đình người ta chỉ cân nhắc giữa ngục Bastille và trục xuất, và mật thư bắt giữ sắp được gửi đi nếu như ông De Voyer* không làm cho mọi người thấy tính chất lỗi bịch của việc đó. Sau này khi mọi người đọc rằng cuốn sách nhỏ ấy có lẽ đã ngăn được một cuộc cách mạng tại quốc gia, người ta sẽ tưởng mình nằm mơ. Tuy nhiên đó là một sự thật rất thực tế, mà cả Paris còn có thể chứng nhận, bởi cho đến giờ mẩu chuyện lạ lùng ấy xảy ra chưa quá mười lăm năm.

Nếu người ta không xâm hại đến tự do của tôi, thì ít ra họ cũng không tha chửi rủa; thậm chí tính mạng tôi lâm nguy. Dân nhạc của Nhà hát Nhạc kịch có âm mưu lương thiện là ám sát tôi khi tôi ra khỏi nhà hát. Mọi người cho tôi biết; tôi chỉ vì thế mà càng chăm đến Nhà hát hơn; và chỉ rất lâu sau này tôi mới biết rằng ông Ancelet, sĩ quan ngự lâm quân, có lòng mến tôi, đã gạt bỏ hiệu quả của âm mưu bằng cách cho hộ tống tôi khi tan buổi diễn mà tôi không biết. Thành phố vừa được giao quyền lãnh đạo Nhà hát Nhạc kịch. Thành tích đầu tiên của thị trưởng là khiến tôi bị tước quyền vào cửa, và theo cách bất lương phi nghĩa nhất có thể có, nghĩa là công khai từ chối khi tôi đi

qua; thành thử tôi buộc phải mua vé, để khỏi chịu nổi sỉ nhục phải ra về hôm ấy. Sự bất công càng đáng phẫn nộ hơn, vì cái giá duy nhất, khi tôi nhượng vở kịch cho họ, là quyền vào cửa vĩnh viễn; bởi, mặc dù đó là quyền của tất cả các tác gia, và tôi có cái quyền này trên hai danh nghĩa, song tôi không quên quy định rõ ràng điều ấy trước mặt ông Duclos. Quả thật họ có gửi cho tôi tiền thù lao, qua thủ quỹ của Nhà hát, năm mươi *louis* mà tôi không yêu cầu; nhưng ngoài việc số năm mươi *louis* này thậm chí không bằng được khoản tiền thuộc về tôi theo thể thức, sự chi trả đó chẳng quan hệ gì đến quyền vào cửa, được quy định minh bạch và hoàn toàn độc lập với việc trên. Trong cách đối đãi này có một sự phức tạp vừa bất công vừa thô bạo đến mức công chúng, khi ấy đang hết sức ác cảm với tôi, cũng không khỏi nhất trí thấy là chướng; và có người hôm trước vừa chửi rủa tôi, thì hôm sau kêu lên thật to trong sảnh đường rằng thật đáng xấu hổ khi tước đi như vậy quyền vào cửa của một tác gia rất xứng đáng được quyền ấy, thậm chí còn có thể đòi gấp đôi*. Thật đúng như câu ngạn ngữ Ý, *Ogn'un ama la giustizia in casa d'aitrui**

Về chuyện này tôi chỉ có một bề để quyết định; đó là đòi lại tác phẩm, bởi người ta tước mất của tôi cái giá đã thỏa thuận. Để thực hiện việc ấy tôi viết cho ông D'Argenson phụ trách bộ có Nhà hát Nhạc kịch; tôi kèm theo thư một bản thuyết minh không thể phản bác, thế mà cũng giống như thư, chẳng được trả lời chẳng có hiệu quả. Sự im lặng của con người bất công này còn đọng lại trong lòng tôi, và chẳng góp phần làm tăng niềm quý trọng xưa nay vốn dĩ rất ít ỏi đối với tính cách cũng như tài năng của ông ta. Người ta đã giữ lại vở kịch của tôi ở Nhà hát Nhạc kịch như vậy, và tước đoạt của tôi cái giá tôi đặt ra để nhượng nó. Kẻ yếu làm như vậy với kẻ mạnh, sẽ là trộm cướp; kẻ mạnh làm như vậy với kẻ yếu, thì chỉ là chiếm đoạt tài sản của người khác mà thôi.

Còn về tiền nong thu nhập từ tác phẩm, thì mặc dù không được một phần tư số tiền nó có thể đem lại nếu ở trong tay một người khác, song khoản này cũng đủ lớn để tôi có thể sinh sống trong nhiều năm, và bù cho việc chép nhạc vẫn chẳng thuận lợi. Tôi được một trăm *louis* của nhà vua, năm mươi *louis* của bà De Pompadour, cho buổi trình diễn ở Bellevue*, tại đó chính bà đóng vai Colin; năm mươi *louis* của Nhà hát Nhạc kịch, và năm trăm *franc* của Pissot cho việc in khắc; thành thử vở nhạc kịch nhỏ, chỉ khiến tôi mất dăm sáu tuần lễ làm việc, đem lại cho tôi, bất chấp nỗi rủi ro và sự vụng về thô lỗ của tôi, số tiền gần bằng cuốn *Émile*, đã tốn hai mươi năm suy ngẫm và ba năm lao động. Nhưng tôi phải trả giá cho sự sung túc về tiền nong mà vở kịch đem lại, bằng những buồn phiền vô tận do nó gây nên. Nó là mầm mống của những ganh ghét ngấm ngầm chỉ rất lâu sau đó mới bùng ra. Kể từ khi nó thành công, tôi không còn thấy ở Grimm, cũng như ở Diderot, và gần như ở bất kỳ người nào trong giới văn chương mà tôi quen biết, sự thân tình, sự thẳng thắn, niềm vui thích khi gặp tôi, mà cho đến bấy giờ tôi ngỡ vẫn thấy ở họ. Tôi vừa xuất hiện tại nhà Nam tước, là cuộc trò chuyện không còn mang tính chất toàn thể nữa. Mọi người tụ họp từng tốp nhỏ, mọi người thì thăm vào tai nhau, còn tôi trơ ra một mình chẳng biết nói với ai. Một thời gian dài tôi nhẩn nại trước tình trạng bỏ lơ rất chướng này, và khi thấy bà D'Holbach, vốn dịu hiền và dễ mến, vẫn tiếp đãi mình tử tế, tôi chịu đựng những sự thô lỗ của chồng bà, chùng nào những sự thô lỗ ấy khả dĩ còn chịu được. Nhưng một hôm D'Holbach công kích tôi vô căn cứ, vô cớ, và hết sức thô bạo trước mặt Diderot, anh chẳng nói năng gì, và trước mặt Margency, từ đó anh nhiều lần bảo rằng anh khâm phục sự hiền lành và ôn hòa trong những lời đáp của tôi, thế là cuối cùng bị cách đối xử vô liêm sỉ ấy xua đuổi, tôi ra khỏi nhà đó với quyết tâm không trở lại nữa. Điều này không ngăn cản tôi luôn nói về D'Holbach và nhà của anh một cách tôn trọng; trong khi anh chỉ phát biểu về tôi với những lời lẽ xúc phạm, khinh miệt, không gọi tôi bằng tên gì khác ngoài *gã tự phụ rởm*, tuy nhiên chẳng thể nêu lên được bất kỳ sai trái

nào của tôi đối với anh, hay với bất cứ người nào mà anh quan tâm. Như vậy rốt cuộc anh chứng minh những dự đoán và những lo sợ của tôi. Về phần tôi, thì tôi cho rằng những người bạn nói trên có thể tha thứ cho tôi việc viết sách, và là sách hay, bởi vinh quang ấy chẳng xa lạ với họ; nhưng họ không thể tha thứ cho tôi vì đã làm một nhạc kịch, cũng không tha thứ những thành công rực rỡ của tác phẩm ấy, bởi không một người nào trong số họ có thể theo đuổi sự nghiệp giống như vậy, và cầu mong những danh vọng giống như vậy. Riêng có Duclos, đứng trên sự ghen ghét này, thậm chí dường như tăng thêm tình thân với tôi, và giới thiệu tôi với cô Quinault*, tại nhà cô tôi gặp nhiều sự ân cần, nhiều đức chính trực, nhiều thái độ vồn vã bao nhiêu thì ở nhà D'Holbach tôi ít thấy những điều đó bấy nhiêu.

Trong khi *Thầy bói làng quê* được diễn ở Nhà hát Nhạc kịch, thì ở Kịch viện Pháp tác giả của nó cũng được bàn đến, nhưng ít thuận lợi hơn đôi chút. Đã bảy tám năm trời không thể cho diễn vở *Narcisse* tại Nhà hát Ý, tôi chán nhà hát này, vì diễn viên diễn kém bằng tiếng Pháp, và tôi những mong chuyển vở kịch sang cho người Pháp, hơn là để ở chỗ họ. Tôi ngỏ ý này với diễn viên La Noue mà tôi đã làm quen và, như mọi người biết, ông là tác gia và là người có giá trị. Ông thích *Narcisse*, ông đảm nhận để vở được diễn khuyết danh tác giả, và trong khi chờ đợi ông kiếm cho tôi vé vào cửa khiến tôi rất vui, vì bao giờ tôi cũng ưa Kịch viện Pháp hơn hai nhà hát kia. Vở kịch được hoan nghênh* và trình diễn không nêu tên tác giả, nhưng tôi có lý do để tin rằng các diễn viên và nhiều người khác nữa đều biết cả. Các cô Gaussin và Grandval đóng vai các cô gái đang yêu; và mặc dù thiếu sự thông hiểu toàn bộ, theo ý tôi, không thể gọi đó là một vở diễn hoàn toàn dở. Tuy thế tôi cũng ngạc nhiên và cảm động vì sự độ lượng của công chúng đã kiên nhẫn nghe một cách bình thản từ đầu đến cuối, thậm chí chịu đựng một buổi diễn thứ hai, không hề tỏ dấu hiệu sốt ruột, về phần tôi, trong buổi diễn thứ nhất tôi chán quá không thể trụ

đến cuối buổi, và tôi ra khỏi rạp, vào quán giải khát Procope, tại đó tôi gặp Boissy* và vài người khác, chắc cũng chán ngán như tôi. Tại đó, tôi đường hoàng nói lên lỗi lầm của mình, thú nhận một cách khiêm nhường hay kiêu hãnh mình là tác giả của vở kịch, và bàn về nó như tất cả mọi người đang nghĩ về nó. Mọi người rất tán thưởng lời thú nhận công khai của tác giả một vở kịch kém cỏi đang thất bại, và tôi thấy mình rất ít khổ tâm vì lời thú nhận này. Thậm chí tôi còn thấy lòng tự tôn được đền bù do đã can đảm thú nhận, và tôi cho rằng trong trường hợp này thì nói ra đáng tự hào hơn là im tiếng để hổ thẹn một cách ngu dại. Tuy nhiên, vì tin chắc rằng vở kịch, mặc dù lạnh lẽo khi trình diễn, song đọc lên lại nghe được, nên tôi cho in ra, và ở lời tựa, một trong những bài viết tốt của tôi, những nguyên lý tôi đề ra bắt đầu được bộc lộ rõ hơn đôi chút so với những gì trước đó.

Chẳng bao lâu sau tôi có cơ hội triển khai hoàn toàn những nguyên lý ấy ở một công trình quan trọng hơn; vì chính trong năm 1753 này, xuất hiện chương trình của Viện Hàn lâm Dijon về *Nguồn gốc của sự bất bình đẳng giữa người với người*, xúc động vì vấn đề lớn đó, tôi ngạc nhiên sao Viện Hàn lâm này lại dám đề xuất; nhưng, bởi Viện đã có sự can đảm ấy, thì tôi rất có thể có can đảm luận giải vấn đề và tôi liền tiến hành.

Để thoải mái nghiền ngẫm vấn đề lớn này, tôi đi Saint-Germain chơi bảy tám ngày, cùng với Thérèse, với bà chủ nhà, một phụ nữ hiền lành, và một người bạn của bà. Tôi coi chuyến dạo chơi này là một trong những chuyến thú vị nhất đời mình. Thời tiết rất đẹp; những người phụ nữ hiền lành đảm trách việc chi tiêu và chăm sóc; Thérèse vui chơi cùng họ; còn tôi, chẳng lo lắng gì, đến nô đùa thoải mái vào các giờ ăn. Toàn bộ thời gian còn lại trong ngày, đi sâu vào rừng, tôi tìm kiếm, tôi thấy được hình ảnh của thời buổi nguyên thủy mà tôi tự hào thuật lại lịch sử; tôi đập tan những điều dối trá nhỏ mọn của con người; tôi dám vạch trần bản chất của họ, lần theo bước tiến triển của

thời gian và của các sự vật đã làm hư hỏng bản chất ấy, và bằng cách so sánh con người xã hội với con người tự nhiên, tôi chỉ ra cho họ thấy nguồn gốc thực sự những nỗi khổ của họ nằm trong cái mạo nhận là sự hoàn thiện bản chất. Tâm hồn tôi, phấn khích vì những mặt tưởng cao thượng ấy, tự nâng lên gần Đấng Linh thiêng, và từ đó mà nhìn đồng loại đi theo những lầm lạc, những bất hạnh, những tội lỗi, trên con đường mù lòa của thiên kiến, tôi kêu lên với họ bằng một giọng yếu ớt mà họ chẳng thể nghe thấy: “Hỡi những kẻ điên cuồng đại dốt không ngừng than phiền về tạo hóa, hãy biết rằng toàn bộ tai họa của các người là do các người.”

Từ những suy ngẫm trên hình thành *Luận về sự bất bình đẳng*, công trình hợp với thị hiếu của Diderot hơn tất cả các văn phẩm khác của tôi, và những lời khuyên của anh đối với công trình cũng có ích cho tôi hơn cả*, nhưng ở toàn châu Âu chỉ có ít độc giả hiểu tác phẩm và trong số này không người nào muốn nói đến nó. Tác phẩm được viết ra để tranh giải, vậy tôi gửi nó đi, nhưng chắc chắn trước là nó sẽ không đoạt giải, và biết rõ rằng giải thưởng của các Viện Hàn lâm chẳng được lập ra cho những văn kiện có tính chất như thế.

Chuyến đi chơi ấy và công việc ấy tốt cho tính tình và cho sức khỏe của tôi. Đã nhiều năm nay, khổ vì chứng bí tiểu, tôi đã hoàn toàn phó mình cho các thầy thuốc, họ chẳng làm bệnh nhẹ đi mà làm suy kiệt sức lực và hủy hoại khí chất của tôi. Từ Saint-Germain trở về, tôi tự thấy có sức hơn và khỏe ra nhiều. Tôi đi theo hướng này, và, quyết định khỏi bệnh hoặc là chết không cần thầy thuốc và thuốc thang, tôi nói lời vĩnh biệt mãi mãi thầy cùng thuốc, rồi bắt đầu sống ngày nào hay ngày ấy, khi không thể đi được thì ở yên, và vừa có sức là cất bước. Cách sinh hoạt của Paris giữa những con người tự phụ rất ít hợp sở thích của tôi; mưu đồ của giới văn nhân, những vụ cãi cọ đáng hổ thẹn, những cuốn sách thiếu thiện ý, thái độ quyết đoán của họ trong giới giao du thật khả ố, thật phản cảm đối với tôi; tôi rất ít tìm thấy sự

hiền hòa, sự cởi mở, sự thẳng thắn ngay cả trong sự giao tiếp của bạn bè mình, thành thử, chán ghét cuộc sống náo động ấy, tôi bắt đầu khát khao tha thiết được lưu trú tại miền quê, và thấy rằng nghề nghiệp chẳng cho phép mình định cư ở chốn ấy, ít ra tôi cũng đến đó sống những giờ phút được rảnh rỗi. Nhiều tháng trời, sau bữa ăn trưa, tôi đi dạo một mình trong Rừng Boulogne, ngẫm nghĩ về các đề tài tác phẩm, cho đến tối mới về.

Gauffecourt, mà khi ấy tôi cực kỳ gắn bó, buộc phải đi Genève vì công việc, rủ tôi cùng đi; tôi đồng ý. Tôi chưa đủ khỏe để không cần đến sự chăm sóc của Nữ Thống đốc: chúng tôi quyết định cô sẽ đi, mẹ cô trông nhà, và mọi việc thu xếp xong, cả ba chúng tôi lên đường ngày 1 tháng Sáu năm 1754.

Tôi phải ghi lại chuyến đi này như thời kỳ của trải nghiệm đầu tiên, cho đến tuổi bốn mươi hai khi ấy, đã làm tổn hại đến bản tính bẩm sinh hoàn toàn tin người, xưa nay tôi vẫn luôn phó mình cho bản tính này không dè giữ cũng không hề hấn gì. Chúng tôi có một cỗ xe bình thường, do cùng những con ngựa kéo không thay đổi, đi những đoạn đường rất ngắn mỗi ngày. Tôi hay xuống xe đi bộ. Mới được nửa cuộc hành trình thì Thérèse tỏ ra rất ghét ở lại một mình trong xe với Gauffecourt, và khi tôi định xuống xe, bất chấp cô nài nỉ, thì cô cũng xuống và cũng đi bộ. Tôi mắng cô rất lâu vì sự trái tính trái nết này, thậm chí tôi hoàn toàn phản đối, cho đến khi rốt cuộc cô thấy buộc phải bày tỏ nguyên nhân. Tôi tưởng mình năm mớ, tôi ngỡ ngàng khi biết rằng ông De Gauffecourt bạn tôi, tuổi ngoài sáu chục, chân bị thống phong, què bại, suy nhược vì khoái lạc và hưởng thụ, từ lúc chúng tôi khởi hành đã ra sức cảm dỗ một con người không còn trẻ cũng không còn đẹp, thuộc về bạn mình, và lại bằng những phương kế thấp kém nhất, đáng hổ thẹn nhất, thậm chí giơ túi tiền ra cho cô, thậm chí định khích động cô bằng cách cho đọc một cuốn sách tồi tệ, cho xem những hình vẽ bẩn thỉu đầy rẫy trong sách. Thérèse, công phần, đã một lần ném cuốn sách xấu xa dê tiện qua cửa xe, và tôi được biết

rằng ngày đầu tiên, do bị nhức nửa đầu dữ dội tôi phải bỏ ăn tối đi nằm, Gauffecourt đã dùng toàn bộ thời gian hai người ở riêng với nhau cho những mưu toan và những thủ đoạn xứng với một kẻ dâm dục và một gã máu dê hơn là với một người đàn ông lương thiện mà tôi đã giao phó bạn gái tôi và bản thân tôi. Thật xiết bao kinh ngạc! Thật xiết bao đau lòng, nỗi đau lòng hoàn toàn mới mẻ đối với tôi! Cho đến bây giờ vẫn tin là tình bạn không tách rời mọi tình cảm hòa nhã và cao thượng tạo nên toàn bộ sức hấp dẫn của nó, lần đầu tiên trong đời tôi thấy mình buộc phải kết hợp nó với sự khinh miệt, và buộc phải tước đi niềm tin và lòng quý trọng đối với một con người mà mình yêu mến và tưởng mình được người ấy yêu mến! Kẻ khốn khổ giấu giếm tôi hành động xấu xa ô nhục. Để Thérèse khỏi bị nguy hiểm, tôi buộc phải giấu giếm sự khinh bỉ, và phải cất tặn đáy lòng những cảm nghĩ mà Gauffecourt không nên biết. Ảo tưởng ngọt ngào và thiêng liêng của tình bạn! Gauffecourt là kẻ đầu tiên vén tấm màn của người lên trước mắt ta. Từ đó biết bao nhiêu bàn tay ác nghiệt khác đã ngăn không cho tấm màn ấy lại buông xuống!

Đến Lyon, tôi chia tay Gauffecourt để theo nẻo đường Savoie, vì không thể quyết định đi qua một lần nữa rất gần Má mà không gặp lại bà. Tôi gặp lại bà... Chúa ơi, trong tình trạng thế nào chứ! Sút kém đến mức nào chứ! Năng lực ban đầu của bà còn lại gì đây? Có đúng là bà De Warens, xưa kia hết sức rực rỡ, mà cha xứ De Pontverre đã gửi tôi đến hay không? Lòng tôi ngậm ngùi biết mấy! Tôi thấy bà không còn phương kế nào khác là rời địa phương này. Tôi nói đi nói lại với bà, hăng hái và vô bổ, những lời năn nỉ từng viết nhiều lần trong thư, nài xin bà hãy đến sống an lành cùng tôi, người định dành những tháng ngày của mình và của Thérèse để làm cho những tháng ngày của bà được hạnh phúc. Bà chẳng nghe tôi, vì lụy vào khoản trợ cấp, tuy vẫn được chi trả rất đúng phép tắc, song từ lâu bà không còn được hưởng gì nữa. Tôi lại chia cho bà đôi phần tiền bạc ít ỏi, rất ít so với những gì lẽ ra tôi phải đưa, rất ít so với những gì lẽ ra tôi đã đưa, nếu như tôi

không hoàn toàn biết chắc rằng bà sẽ chẳng được sử dụng một xu nào. Trong thời gian tôi lưu lại Genève, bà có một chuyến đi đến Chablais, và tới thăm tôi ở Grange-Canal. Bà thiếu tiền để hoàn tất chuyến đi; tôi không mang theo mình đủ cho việc đó; một giờ sau tôi gửi cho bà qua Thérèse. Má tội nghiệp! Tôi phải kể thêm nét đặc biệt này của tấm lòng bà. Bà chỉ còn lại đồ trang sức cuối cùng là một chiếc nhẫn nhỏ. Bà tháo nhẫn khỏi ngón tay để đeo vào ngón tay Thérèse, ngay lập tức cô đặt lại nhẫn vào tay bà, và vừa hôn bàn tay cao quý ấy vừa làm nó ướt đầm nước mắt cô. Ôi! Đây chính là lúc tôi báo đáp! Phải rời bỏ hết thảy để đi theo bà, gắn bó với bà, cho đến giờ phút cuối cùng của bà, cùng chung số phận với bà bất kể nó ra sao. Tôi không làm gì hết; tâm trí phân tán vì một mối gắn bó khác, tôi cảm thấy mối gắn bó với bà lơ lửng, vì chẳng hy vọng khiến được nó thành hữu ích cho bà. Tôi than vãn vì bà, và không đi theo bà. Trong mọi nỗi ân hận của đời tôi, đây là nỗi ân hận khốc liệt nhất và thường trực nhất, vì điều này mà tôi đáng phải chịu những sự trừng phạt kinh khủng từ đó không ngừng dày dọa tôi: mong sao chúng chuộc được cho tôi tội vong ân bội nghĩa! Cách cư xử của tôi bội bạc, nhưng lòng tôi bị vò xé quá nhiều nên chẳng thể là tấm lòng của một kẻ vong ân bội nghĩa.

Trước khi rời Paris, tôi đã phác thảo lời đề tặng bản *Luận về sự bất bình đẳng*. Tôi hoàn tất lời tặng này tại Chambéry, và ghi địa điểm ấy, cho rằng để tránh mọi eo sèo, không ghi địa điểm ở Pháp cũng như ở Genève thì hay hơn. Tới Genève, tôi buông mình cho nhiệt hứng Cộng hòa đã đưa mình về đó. Sự đón tiếp đối với tôi khiến nhiệt hứng này tăng thêm. Được tất cả các giới chào mừng, ân cần vồn vã, tôi toàn tâm toàn ý đi theo lòng nhiệt thành ái quốc, và, hổ thẹn vì bị tước các quyền công dân do đã tuyên bố theo một tín ngưỡng khác với tín ngưỡng của cha ông, tôi quyết định công khai trở lại tín ngưỡng này. Tôi nghĩ rằng sách Phúc Âm là một đối với mọi tín đồ Kitô, và bởi nội dung của giáo lý chỉ khác biệt ở chỗ mọi người cứ xen vào giải thích những gì họ không sao hiểu nổi, nên ở mỗi đất nước, riêng bậc quân

vương có phận sự quy định cả tín ngưỡng cả giáo lý khó hiểu này, và do vậy bốn phận của công dân là chấp nhận giáo lý và đi theo tín ngưỡng được luật pháp quy định. Việc giao du với phái Bách khoa không làm tín ngưỡng của tôi lung lay, mà đã củng cố nó do bản tính tôi không ưa cãi cọ và phe phái, sự nghiên cứu con người và thế giới đã cho tôi thấy khắp nơi khắp chốn những nguyên nhân quyết định và trí năng điều khiển các nguyên nhân này. Đọc Thánh thư, nhất là sách Phúc Âm mà từ vài năm nay tôi chuyên tâm, khiến tôi coi khinh những cách thuyết giải thấp kém và ngu dại về Jésus-Christ từ những người ít xứng đáng nhất để hiểu Chúa. Tóm lại, triết học, trong khi gắn bó tôi với thực chất của Tôn giáo, đã tách tôi khỏi cái mớ lộn xộn những công thức nhỏ mọn mà con người đem che lấp Tôn giáo, cho rằng với một con người có lý tính chẳng có hai cách làm tín đồ Kitô, tôi cũng cho rằng ở mỗi xứ sở tất cả những gì là thể thức và quy phạm đều thuộc quyền hạn của luật pháp. Từ nguyên lý rất hợp lẽ, rất hòa bình, rất nhiều tính xã hội này, nó từng khiến tôi phải chịu những truy hại rất tàn ác, thì tiếp theo đó, muốn là công dân, tôi phải là tín đồ Tôn giáo, và trở lại với tín ngưỡng đã được xác lập tại đất nước mình. Tôi quyết định; thậm chí tôi chịu sự giáo huấn của mục sư xứ đạo mình cư ngụ, xứ đạo này ở bên ngoài thành phố. Tôi chỉ không muốn phải xuất hiện tại Nghị hội tôn giáo. Tuy nhiên Pháp lệnh của Giáo hội rõ ràng về mục này; vì thiện ý đối với tôi, mọi người sẵn lòng vi phạm, và cử ra một hội đồng gồm sáu thành viên để nhận riêng lễ tuyên tín của tôi. Rủi thay mục sư Perdriau, con người dễ mến và hiền hậu, mà tôi kết thân, lại bảo tôi rằng mọi người thích được nghe tôi phát biểu trong cuộc hội họp nhỏ này. Sự mong chờ ấy làm tôi hết sức hoảng sợ, thành thử sau ba tuần lễ học ngày học đêm một diễn từ ngắn đã chuẩn bị, đến khi phải đọc nó lên tôi bối rối đến mức chẳng nói được một từ nào, và trong hội nghị này tôi đóng vai trò cậu học sinh ngu đần nhất. Các ủy viên nói thay tôi; tôi trả lời một cách ngốc nghếch *có* và *không*, sau đó tôi được chấp nhận vào giáo đoàn và được phục quyền Công dân: tôi được đăng ký với tư cách này vào danh bộ của vệ binh mà chỉ

công dân và thị dân mới có nghĩa vụ, và tôi dự một hội nghị toàn thể bất thường, để tiếp nhận lời tuyên thệ của tổng đại biểu Mussard. Tôi hết sức cảm động vì hảo ý của Hội đồng, của Nghị hội tôn giáo, đối với tôi trong dịp này, vì những biện pháp ân cần và chính trực của tất cả các pháp quan, các mục sư và các công dân, thành thử, bị con người hiền lành chất phác De Luc thúc giục không ngớt, và còn bị thúc giục hơn nữa do thiên hướng của chính mình, tôi chỉ nghĩ đến chuyện trở lại Paris để giải tán mọi người trong nhà, thu xếp các việc lật vật cho quy củ, sắp đặt cho bà Le Vasseur và ông chồng, hoặc cung ứng để họ sinh sống, rồi cùng Thérèse quay về định cư tại Genève cho đến hết đời.

Quyết định như vậy rồi, tôi liền ngừng các công việc nghiêm túc để vui chơi cùng bạn bè cho đến lúc ra đi. Trong tất cả những cuộc vui chơi ấy, tôi rất thích một chuyến đi thuyền dạo quanh hồ, cùng với De Luc cha*, con dâu ông, hai con trai ông* và Thérèse của tôi. Chúng tôi dành bảy ngày cho cuộc du ngoạn này, trong thời tiết đẹp nhất đời. Tôi lưu giữ hồi ức sống động về những cảnh sắc đã khiến tôi xúc động ở đầu bên kia hồ, và vài năm sau, tôi miêu tả lại trong *Nàng Héloïse mới*.

Những mối kết giao chính của tôi ở Genève, ngoài gia đình De Luc mà tôi đã nhắc tới, có mục sư trẻ Vernes*, tôi đã quen anh tại Paris, và dự đoán về anh cao hơn giá trị của anh sau này; ông Perdriau, khi đó là mục sư nông thôn, giờ đây là giáo sư văn chương, mà sự giao tiếp rất hiền lành rất nhã nhặn sẽ luôn được tôi tiếc nuối, mặc dù ông cho rằng tách khỏi tôi là đúng điếu; ông Jallabert, khi đó là giáo sư vật lý, sau này là ủy viên hội đồng và tổng đại biểu, đã nghe tôi đọc *Luận về sự bất bình đẳng* (song không đọc lời đề tặng) và tỏ ra cảm kích; giáo sư Lullin, mà tôi vẫn thư từ liên lạc cho đến khi ông qua đời, thậm chí ông còn giao tôi đảm trách mua sách cho Thư viện; giáo sư Vernet*, người quay lưng lại với tôi, giống như toàn thiên hạ, sau khi

tôi đã chứng tỏ với ông niềm quyến luyến và lòng tin cậy lẽ ra phải khiến ông cảm động, nếu như một nhà thần học có thể cảm động về điều gì đó; Chappuis, nhân viên và là người kế nhiệm Gauffecourt, mà ông định chiếm chỗ, rồi chẳng bao lâu sau bản thân ông bị chiếm chỗ; Marcet de Mézières, bạn cũ của cha tôi, và tỏ ra cũng là bạn của tôi; nhưng sau khi đã có công lớn với tổ quốc trước đây, ông thành kịch tác gia, và do có kỳ vọng vào Hội đồng Hai trăm ủy viên*, nên thay đổi phương châm, và trở thành trò cười trước khi qua đời. Nhưng người mà tôi trông chờ nhiều hơn nữa là Moultau*, chàng thanh niên đầy triển vọng vì tài năng, vì tinh thần hăng hái, mà tôi luôn yêu quý, mặc dù cách xử sự của anh đối với tôi nhiều khi không rõ ràng, và anh có quan hệ với những kẻ thù hung ác nhất của tôi, nhưng với tất cả những điều đó, tôi vẫn không cầm nổi lòng coi anh như được số phận chỉ định một ngày kia là người bảo vệ tiếng tăm cho tôi và là người rửa hận cho bạn anh.

Giữa những khuây lãng vui vẻ này, tôi vẫn không bỏ sở thích và thói quen dạo chơi cô độc, và tôi thường đi dạo khá xa trên bờ hồ, trong khi ấy đầu óc, vốn quen làm việc, chẳng chịu vô công rồi nghề. Tôi nghiền ngẫm đề cương đã hình thành của *Những thể chế chính trị* mà tôi sẽ phải nhắc tới; tôi trù định một *Lịch sử miền Valais*, một đề cương bị kịch bằng văn xuôi mà đề tài là Lucrece chẳng khiến tôi mất hy vọng làm những kẻ thích cười cợt phải rụng rời sửng sốt, dù tôi dám để người đàn bà bất hạnh ấy lại xuất hiện, khi không thể xuất hiện trên một sân khấu nào ở Pháp nữa. Đồng thời tôi cũng thử làm về Tacite, và dịch cuốn thứ nhất trong bộ sử của ông, mà mọi người sẽ thấy trong số giấy tờ của tôi.

Sau bốn tháng ở Genève, tháng Mười tôi trở về Paris, và tránh đi qua Lyon, để khỏi gặp lại Gauffecourt dọc đường, vì trong khi thu xếp tôi định chỉ quay về Genève vào mùa xuân năm sau, nên suốt mùa đông tôi trở lại với các thói quen và các công việc của mình, chủ yếu

là đọc bản in thử *Luận về sự bất bình đẳng*, in tại Hà Lan nhờ nhà xuất bản Rey mà tôi vừa mới làm quen ở Genève. Bởi tác phẩm được đề tặng nước Cộng hòa, và có thể lời đề tặng không làm vui lòng Hội đồng, nên tôi muốn đợi hiệu quả nó gây ra tại Genève, trước khi trở lại đó. Hiệu quả này chẳng thuận lợi cho tôi, và lời đề tặng, do lòng ái quốc thuần khiết nhất xui khiến, chỉ khiến tôi có những kẻ thù trong Hội đồng và những kẻ ganh ghét trong giới thị dân. Ông Chouet, khi đó là tổng đại biểu thứ nhất, viết cho tôi một bức thư tử tế, nhưng lạnh lùng, mà mọi người sẽ thấy trong bộ sưu tập của tôi, hồ sơ A, số 3. Tôi nhận được vài lời khen của các cá nhân, trong đó có De Luc và Jallabert; tất cả chỉ có thế: tôi không thấy một người dân Genève nào thực sự cảm ơn tôi vì nhiệt tâm chân thành thấy được ở tác phẩm. Sự thờ ơ ấy khiến tất cả những ai nhận ra điều này đều bất bình kinh ngạc. Tôi còn nhớ một hôm đến dùng bữa tối tại Clichy, ở nhà bà Dupin, cùng với Crommelin, công sứ nước Cộng hòa, và ông De Mairan, giữa đông đủ thực khách, ông De Mairan nói rằng Hội đồng phải tặng thưởng cho tôi và vinh danh tôi vì công trình này, và Hội đồng sẽ bị ô danh nếu không làm như vậy. Crommelin, con người nham hiểm và độc ác một cách thấp hèn, không dám đáp lại gì trước mặt tôi, nhưng nhả mặt một cái dễ sợ khiến bà Dupin mỉm cười. Lợi ích duy nhất tác phẩm đem lại cho tôi, ngoài việc thỏa mãn nỗi lòng tôi, là danh hiệu công dân, do bạn bè tặng, rồi công chúng noi theo họ, sau này tôi bị mất đi danh hiệu ấy vì đã quá xứng đáng với nó.

Tuy nhiên thành công kém cỏi này lẽ ra chẳng ngăn tôi rút về Genève, nếu như những lý do có sức mạnh hơn đối với lòng tôi không góp phần vào đó. Ông D'Épinay, do muốn bổ sung một chái nhà còn thiếu ở lâu đài Chevrette, chi một khoản tiền vô cùng lớn để hoàn tất. Một hôm cùng bà D'Épinay đi thăm công trình này, chúng tôi đi xa thêm một phần tư dặm, cho đến hồ chứa nước của khuôn viên giáp với rừng Montmorency, tại đó có một vườn rau xinh xắn, cùng một túp lều đồ nát, mà mọi người gọi là Ermitage*. Nơi chốn hẻo lánh và rất thú

vị này đã khiến tôi xúc động, khi nhìn thấy nó lần đầu, trước chuyến đi Genève. Trong lúc cảm kích tôi đã buột miệng thốt ra: “Ôi! Phu nhân, chỗ ở mới tuyệt diệu làm sao! Đó là một chốn nường nấu hoàn toàn hợp với tôi.” Bà D’Épinay chẳng tô đậm điều tôi phát biểu; nhưng lần đến thăm thứ hai này tôi hết sức ngạc nhiên thấy thay cho túp lều cũ là một ngôi nhà nhỏ gần như hoàn toàn mới, sắp đặt thật khéo, và là chỗ ở rất hợp cho một gia đình nhỏ ba người. Bà D’Épinay đã cho xây dựng công trình này lạng lẽ và rất ít tốn kém, bằng cách trích ra một ít vật liệu và vài người trong số thợ của lâu đài. Ở chuyến thăm thứ hai, bà nói khi thấy tôi ngạc nhiên: “Con người bản tính khó gần của tôi ời, đây là chốn nường nấu của anh; anh đã chọn nó, tình bạn tặng nó cho anh; tôi hy vọng nó sẽ khiến anh bỏ cái ý nghĩ tàn ác là rời xa tôi.” Tôi nghĩ rằng trong đời mình, tôi chưa từng xúc động mãnh liệt hơn, tuyệt diệu hơn: nước mắt tôi ướt đầm bàn tay từ thiện của bà bạn, và nếu tôi chưa thua ngay lúc ấy thì cũng cực kỳ nao núng. Bà D’Épinay, không muốn thất bại, hối thúc thật nhiều, sử dụng rất nhiều phương kế, rất nhiều người để lung lạc tôi, thậm chí mua chuộc bà Le Vasseur và con gái, thành thử cuối cùng bà thắng được quyết định của tôi. Từ bỏ việc cư ngụ tại quê hương, tôi quyết, tôi hứa đến ở Ermitage; và trong khi chờ ngôi nhà khô ráo, bà lo sửa soạn đồ đạc, sao cho tất cả đều sẵn sàng cho việc đến ở vào mùa xuân năm sau.

Việc Voltaire đến định cư gần Genève ảnh hưởng nhiều đến quyết định của tôi. Tôi hiểu rằng con người này sẽ gây đảo lộn tại đó; rằng mình sẽ gặp lại ở quê hương phong thổ, thái độ, thói tục đã xua mình khỏi Paris, rằng mình lại phải giao chiến không ngừng, và không còn lựa chọn nào khác trong cách xử sự ngoài lựa chọn làm một kẻ thông thái rơm không sao chịu nổi hoặc làm một công dân xấu và hèn nhát. Bức thư Voltaire viết cho tôi về tác phẩm mới đây của tôi khiến tôi có cơ để ám chỉ đến những nỗi sợ của mình trong thư trả lời; tác động do bức thư này gây ra xác nhận những nỗi sợ ấy. Từ đó tôi coi như đã mất

Genève, và tôi không lầm. Lẽ ra tôi phải đến đương đầu với bão tố, nếu như tôi cảm thấy mình có tài cho việc đó. Nhưng tôi sẽ làm gì khi đơn độc, rụt rè, nói năng rất kém, chống lại một con người ngạo mạn, giàu có, được uy tín của những bậc quyền quý làm chỗ dựa, lợi khẩu một cách xuất sắc, và đã là thần tượng của phụ nữ và thanh niên? Tôi sợ đem lòng can đảm ra mạo hiểm một cách vô ích; tôi chỉ nghe theo bản tính ôn hòa, chỉ nghe theo niềm yêu thích sự an tĩnh, nếu như niềm yêu thích này lừa dối tôi khi ấy thì giờ đây vẫn đang lừa dối tôi như vậy. Nếu rút về Genève, tôi có thể tránh cho bản thân những tai họa lớn; nhưng tôi ngờ rằng với tất cả nhiệt tâm hăng hái và ái quốc, mình chẳng làm được gì lớn lao và hữu ích cho đất nước.

Tronchin* gần như cùng thời gian ấy định cư tại Genève, sau đó ít lâu đến Paris múa may làm trò và thu được vô số của cải. Khi tới Paris, anh đến thăm tôi cùng hiệp sĩ De Jaucourt*. Bà D'Épinay ao ước được Tronchin chẩn bệnh riêng, nhưng đám người đông đúc chẳng dễ chen qua. Bà cầu viện tôi. Tôi khuyên Tronchin đến thăm bà. Họ bắt đầu như vậy, dưới sự bảo hộ của tôi, những quan hệ sau đó được họ thắt chặt và gây tổn hại cho tôi. Số phận của tôi bao giờ cũng thế: tôi vừa làm cho hai người bạn riêng rẽ của mình xích gần nhau, là chẳng khi nào họ không đồng tâm hợp lực chống lại tôi. Mặc dù với âm mưu nô lệ hóa đất nước của nhóm Tronchin từ đạo ấy, tất cả bọn họ hẳn phải căm ghét tôi ghê gớm, song một thời gian dài vị bác sĩ vẫn tiếp tục tỏ ý tốt với tôi. Sau khi trở về Genève, anh ta còn viết thư cho tôi, đề đề xuất với tôi chức thủ thư danh dự. Nhưng ý tôi đã quyết, và đề nghị này chẳng làm tôi lay chuyển.

Trong thời gian này tôi trở lại nhà D'Holbach. Nguyên nhân trở lại là do vợ anh qua đời, cũng như bà De Francueil, khi tôi đang ở Genève. Khi cho tôi biết tin, Diderot nói đến nỗi buồn sâu sắc của người chồng. Nỗi đau của anh khiến lòng tôi xúc động. Bản thân tôi vô cùng tiếc thương người phụ nữ dễ mến ấy. Tôi viết thư cho

D'Holbach về chuyện này. Biến cố đau buồn đó khiến tôi quên đi mọi sai trái của anh, và khi tôi trở về từ Genève, còn anh cũng trở về từ một chuyến du ngoạn quanh nước Pháp, để khuây khỏa, cùng với Grimm và các bạn khác, tôi đến thăm anh, và tiếp tục cho tới khi tôi về ở Ermitage. Khi mọi người trong phe nhóm của anh biết rằng bà D'Épinay mà khi ấy anh chưa giao du, đang chuẩn bị cho tôi một chỗ ở tại đó, thì những lời châm chọc tới tấp nhằm vào tôi, với lý do là tôi cần sự tung hô và những trò du hí của thành phố nên sẽ chẳng chịu nổi tình trạng cô độc chỉ trong mười lăm ngày. Cảm nhận được mình như thế nào, tôi cứ để cho nói, và cứ tiến hành việc mình. D'Holbach cũng giúp tôi thu xếp* được cho ông lão Le Vasseur, đã ngoại tám mươi, mà bà vợ, cảm thấy phải gánh vác quá nặng, không ngừng xin tôi gỡ đi giùm, ông cụ được đưa vào một nhà từ thiện, tuổi tác và nỗi tiếc nhớ phải xa gia đình khiến ông chết gần như ngay sau khi đến đó. Vợ ông và những người con khác ít thương tiếc ông. Nhưng Thérèse, rất yêu mến ông, không bao giờ nguôi khuây vì mất cha, vì đã để cho cha gần tới cõi như vậy mà lại đi chết ở xa mình.

Gần như cũng thời gian này tôi có một vị khách mà tôi chẳng mấy chờ đợi, mặc dù đó là người quen cũ từ xa xưa. Tôi đang nói đến anh bạn Venture, một hôm đột nhiên đến, khi tôi chẳng hề nghĩ tới điều này. Anh như một con người khác. Sao tôi thấy anh thay đổi đến thế! Thay vì cái duyên xưa kia, tôi chỉ thấy một vẻ bặm bải nó ngăn cản tôi tay bắt mặt mừng với anh. Hoặc mắt tôi không còn như cũ, hoặc sự bê tha trụy lạc đã làm trí óc anh u mê dần dần đi, hoặc toàn bộ vẻ huy hoàng ban đầu chỉ dựa vào tuổi trẻ, mà anh chẳng còn nữa. Tôi gặp anh gần như thờ ơ, và chúng tôi chia tay khá lạnh nhạt. Nhưng khi anh đi rồi, hồi ức về những quan hệ xưa giữa chúng tôi khiến tôi nhớ lại vô cùng sống động những năm tháng tuổi xuân, cống hiến một cách thật ngọt ngào, thật ngoan hiền cho người phụ nữ thánh thiện giờ đây cũng đổi khác chẳng kém gì anh, những mẫu chuyện nho nhỏ của thời

hạnh phúc ấy, cái ngày lãng mạn ở Thônes, với bao nhiêu thơ ngây bao nhiêu lạc thú giữa hai thiếu nữ khả ái mà một nụ hôn đặt lên bàn tay là ân huệ duy nhất, và mặc dù vậy, vẫn lưu lại trong tôi những tiếc nuối thật mãnh liệt, thật cảm động, thật vững bền: tất cả những nhiệt cuồng tuyệt diệu của một trái tim non trẻ, mà khi đó tôi đã cảm nhận hết sức mạnh mẽ, và giờ đây tôi cho là thời ấy đã qua đi mãi mãi; tất cả những hồi tưởng dịu dàng triu mến khiến tôi rơi nước mắt vì tuổi thanh xuân đã trôi qua, vì những cảm kích nhiệt thành từ nay không còn nữa. Ôi! Lẽ ra tôi còn rơi biết bao nước mắt cho sự trở lại muộn màng và bi thống của những điều ấy, nếu như tôi dự đoán được những nỗi đau mà sự trở lại này sắp đem lại cho mình!

Vào mùa đông trước khi rời Paris ở ẩn, tôi có một niềm vui rất hợp với lòng mình, mà tôi thụ hưởng với toàn bộ tính chất trong sáng của nó. Palissot viện sĩ ở Nancy, được biết tiếng nhờ vài vở kịch, vừa cho diễn một vở tại Lunéville, trước nhà vua Ba Lan. Chắc anh tưởng mình chiều nịnh khi tham gia vở diễn, đóng vai một người dám cầm bút đấu với nhà vua^{*}. Stanislas, vốn độ lượng và không ưa châm biếm, công phẫn vì người ta dám đả kích cá nhân trước mặt ngài. Theo lệnh nhà vua, bá tước De Tressan viết cho D'Alembert và tôi, để báo cho tôi biết rằng ý định của Hoàng thượng là Palissot phải bị đuổi khỏi Viện Hàn lâm. Thư phúc đáp của tôi tha thiết yêu cầu ông De Tressan xin nhà vua Ba Lan miễn xá cho Palissot. Anh ta được miễn xá, và ông De Tressan, khi cho tôi biết điều này nhân danh đức vua, viết thêm rằng sự việc sẽ được ghi trong sổ sách của Viện Hàn lâm. Tôi đáp lại rằng như vậy là lưu truyền vĩnh viễn một hình phạt hơn là miễn xá. Cuối cùng, khẩn cầu mãi, tôi đạt được kết quả là sổ sách sẽ không ghi gì hết và chuyện này sẽ không để lại một dấu vết công khai nào. Kèm theo tất cả những điều trên là những bằng chứng về sự quý mến và trọng thị của nhà vua cũng như của ông De Tressan khiến tôi cực kỳ vinh dự, và cơ hội này cho tôi cảm nhận rằng niềm quý trọng của những người mà bản thân họ hết sức xứng đáng được quý trọng, gây

nên trong tâm hồn ta một cảm giác ngọt ngào và cao quý hơn cảm giác hư vinh rất nhiều. Tôi đã sao lại các thư của ông De Tressan cùng thư trả lời của tôi trong bộ sưu tập, còn bản chính ở hồ sơ A, số 9, 10 và 11.

Tôi cảm nhận rất rõ là, nếu như một ngày nào đó Hồi ký này ra mắt, thì bản thân tôi đang lưu truyền vĩnh viễn ở đây hồi ức về một sự kiện mà tôi muốn xóa đi dấu vết; nhưng tôi đang truyền lại dấu vết của rất nhiều sự kiện khác nữa ngoài ý muốn của mình. Mục tiêu quan trọng của công trình, luôn hiện diện trước mắt tôi, nghĩa vụ khẩn thiết phải hoàn thành công trình với toàn bộ tầm vóc của nó, sẽ không để cho những lý do ít quan trọng hơn hướng tôi đi chệch khỏi đích. Trong tình thế lạ lùng, trong tình thế duy nhất của tôi hiện nay, tôi có nghĩa vụ quá nặng đối với sự thật nên không có thêm nghĩa vụ nào với người khác. Để biết rõ về tôi, cần phải biết tôi trong mọi mối quan hệ, tốt và xấu. Những điều bộc bạch của tôi tất yếu liên quan đến những điều bộc bạch về nhiều người: tôi thực hiện cả việc nọ lẫn việc kia cùng trung thực như nhau, về tất cả những gì quan hệ đến mình, nghĩ rằng chẳng phải nường nhẹ với bất kỳ ai nhiều hơn với chính bản thân, tuy nhiên vẫn cứ muốn nường nhẹ hơn rất nhiều. Tôi muốn luôn công bằng và chân thực, nói về người khác điều hay chùng nào mình có thể, bao giờ cũng chỉ nói điều dở khi nó liên quan đến mình, và chùng nào mình bắt buộc phải nói. Trong tình trạng mà tôi đã bị người ta đặt vào, ai có quyền đòi hỏi nhiều hơn ở tôi? Những lời bộc bạch của tôi không được viết ra để xuất bản khi tôi, cũng như những người liên quan, còn sống. Nếu tôi làm chủ được vận mệnh của mình và vận mệnh của văn phẩm này, thì nó chỉ ra đời sau khi tôi và những người liên quan đã qua đời rất lâu. Nhưng những nỗ lực của những kẻ đầy quyền thế áp bức tôi, cố xóa dấu vết của sự thật vì khiếm hãi sự thật, bắt buộc tôi, để lưu giữ chúng, phải làm tất cả những gì mà quyền lợi đúng đắn nhất và công lý khắc nghiệt nhất cho phép. Nếu ký ức về tôi phải lụi tắt cùng

với tôi, thì tôi thà chịu đựng chẳng phàn nàn một sự sỉ nhục bất công và tạm thời còn hơn làm liên lụy đến bất kỳ ai; nhưng bởi rớt cuộc tên tuổi của tôi phải sống*, nên tôi phải gắng truyền lại cùng với tên tuổi này hồi ức về con người bạc phận mang tên ấy, như con người đó thực sự, chứ không như những kẻ thù bất công đang ra sức không ngừng nghỉ miêu tả anh ta.

Quyển Chín

Nóng lòng cư ngụ tại Ermitage, tôi không đợi được đến khi thời tiết nắng ấm trở lại; và nơi ở vừa chuẩn bị xong là tôi vội vã tới đó, bị phe nhóm Holbach la ó phản đối ầm ĩ, họ lớn tiếng báo trước rằng tôi sẽ không chịu nổi ba tháng đơn độc, và mọi người sẽ sớm thấy tôi chẳng làm nên trò trống gì, quay về sống ở Paris như họ. Về phần tôi, mười lăm năm nay ở bên ngoài môi trường của mình, nay thấy mình sắp trở lại đó, tôi thậm chí chẳng để ý đến những lời đùa cợt của họ. Từ khi bắt đầu lao mình vào xã hội thượng lưu, tôi không ngừng tiếc nuối Charmettes thân thương của tôi, và cuộc đời êm đềm tôi đã sống ở nơi ấy. Tôi cảm thấy mình hợp với chốn ẩn cư và thôn quê; tôi không thể sống hạnh phúc ở chỗ khác. Tại Venise, trong hoạt động công vụ, trong phong thể của một kiểu giao tế, trong niềm kiêu ngạo của những dự định thăng tiến; tại Paris, trong sự quay cuồng của xã hội thượng lưu, trong khoái cảm của những bữa tiệc khuya, trong vẻ huy hoàng của những buổi công diễn, trong hơi men của hư vinh, bao giờ hồi ức về những khu rừng nhỏ, những dòng suối, những cuộc dạo chơi đơn độc, cũng đến làm tôi lãng trí, buồn rầu, khiến tôi thốt ra những tiếng thở dài và nuôi những ước ao. Tất cả những công việc mà tôi đã ép được mình phục tùng, tất cả những dự định tham vọng đã kích thích nhiệt tâm của tôi, từng cơn từng đợt, đều chẳng có mục tiêu nào khác ngoài việc một ngày nào đó đạt tới cảnh điền viên thư nhàn tuyệt vời hạnh phúc mà lúc này đây, tôi tự phụ mình đã chạm tới. Tôi từng nghĩ chỉ có sự sung túc lương thiện mới đưa được mình đến cảnh đó, nay tuy không sung túc song tôi xét thấy, do tình huống đặc biệt, có thể không cần như vậy, mà đạt được cùng mục đích bằng một con

đường ngược hẳn lại. Tôi không có một xu lợi tức; nhưng tôi có một tên tuổi, có tài năng; tôi thanh đạm, và tôi đã tự tước đi những nhu cầu tốn kém nhất, tất thấy đều là nhu cầu của dư luận. Ngoài điều đó ra, mặc dù lười biếng, song tôi vẫn cần cù chăm chỉ khi tôi muốn, và sự lười biếng này là của một con người độc lập, chỉ thích làm việc tùy ý mình, hơn là của một kẻ nhác nhớn. Nghề chép nhạc chẳng huy hoàng cũng chẳng kiếm được nhiều tiền! Nhưng nó chắc chắn. Mọi người trong xã hội biết ơn tôi vì đã có can đảm chọn nghề ấy. Tôi có thể tin là sẽ không thiếu việc, và làm tốt thì có thể đủ sống. Hai ngàn *franc* còn lại từ vở *Thầy bói làng quê* và từ những tác phẩm khác là một khoản có trước để khỏi phải chịu cảnh eo hẹp, và nhiều công trình đang tiến hành hứa hẹn những khoản phụ thu, chẳng bắt chẹt các nhà xuất bản, mà đủ để tôi làm việc thoải mái, không quá chừng quá độ, thậm chí lợi dụng được thú dạo chơi thư nhàn. Việc cung cấp cho gia đình nhỏ của tôi, gồm ba người, ai nấy đều bận rộn một cách hữu ích, không thật tốn kém. Rốt cuộc các nguồn lợi, tương xứng với nhu cầu và mong muốn của tôi, có thể hứa hẹn hợp lý một cuộc sống hạnh phúc và bền vững trong cảnh đời mà thiên hướng đã xui khiến tôi lựa chọn.

Lẽ ra tôi có thể lao hẳn về phía kiếm được nhiều lợi nhất, và, thay vì đem ngòi bút phục vụ việc chép nhạc, thì hoàn toàn cống hiến ngòi bút cho những tác phẩm, mà với tầm bay tôi đã cất cánh và cảm thấy đủ sức duy trì, có thể khiến tôi sống trong cảnh phong lưu thậm chí giàu có, miễn là tôi chịu kết hợp những thủ đoạn vận động của tác giả với việc chăm lo công bố những cuốn sách tốt. Nhưng tôi cảm thấy viết để có miếng ăn sẽ sớm bóp nghẹt tinh anh và giết chết tài năng của tôi, nó ở trong tim nhiều hơn là ở ngòi bút, và nảy sinh duy nhất từ một cách tư duy cao thượng và kiêu hãnh, riêng chỉ cách tư duy này mới có thể nuôi dưỡng nó. Chẳng điều gì mạnh mẽ, chẳng điều gì lớn lao có thể xuất phát từ một ngòi bút hoàn toàn vụ lợi. Sự cần thiết, có thể là sự tham lam có lẽ khiến tôi làm nhanh hơn là làm tốt. Nếu như

nhu cầu được hoan nghênh không nhấn chìm tôi vào các âm mưu, có lẽ nó cũng khiến tôi tìm cách nói những điều vừa lòng số đông hơn là nói những điều hữu ích và chân thực, và từ chỗ có thể là một tác gia ưu tú, tôi sẽ chỉ là một văn sĩ xoàng. Không, không: tôi luôn cảm nhận rằng địa vị tác gia chỉ và chỉ có thể vẻ vang và đáng kính chừng nào nó không là một nghề. Suy nghĩ một cách cao thượng là việc quá khó khăn khi người ta chỉ suy nghĩ để mà sinh sống. Để có thể, để dám nói lên những chân lý lớn lao, cần phải không phụ thuộc vào việc mình được hoan nghênh. Tôi tung những cuốn sách của tôi ra công chúng với niềm tin chắc là đã phát biểu vì lợi ích chung, và chẳng quan tâm gì đến chuyện khác. Nếu tác phẩm bị cự tuyệt, thì mặc kệ những ai không muốn lợi dụng nó: về phần tôi, tôi chẳng cần sự tán thành của họ để mà sinh sống. Nghề của tôi có thể nuôi tôi, nếu sách của tôi không bán được; và chính điều ấy lại khiến sách bán được.

Ngày 9 tháng Tư năm 1756 tôi rời thành phố để không cư ngụ tại đây nữa; vì tôi không coi là cư ngụ vài đợt lưu trú ngắn ngủi sau đó, ở Paris cũng như ở Luân Đôn và một số thành phố khác, bao giờ cũng là ghé qua, hoặc bao giờ cũng là bất đắc dĩ. Bà D'Épinay đi xe ngựa đến đón cả ba chúng tôi; người tá điền của bà đến chở số hành lý nhỏ của tôi, và tôi ổn định chỗ ở ngay hôm ấy. Tôi thấy chốn ẩn cư nho nhỏ của mình được sắp xếp và bày biện giản dị, nhưng sạch sẽ thậm chí tao nhã. Bàn tay đã săn sóc đến sự bày biện này khiến nó có một giá trị vô cùng quý báu trong mắt tôi, và tôi thấy tuyệt vời khi được là khách của bạn mình, trong một ngôi nhà theo ý mình, được bà cố ý xây dựng cho mình.

Mặc dù trời lạnh, thậm chí hãy còn tuyết, song đất đai bắt đầu sinh trưởng; ta nhìn thấy hoa đồng thảo và anh thảo; các mầm cây bắt đầu nhú, và chính đêm tôi đến được đánh dấu bằng tiếng ca đầu tiên của chim họa mi, văng vẳng gần như bên cửa sổ, trong khu rừng nhỏ liền kề ngôi nhà. Sau giấc ngủ không say, tỉnh dậy quên mất việc di dời, tôi ngỡ mình vẫn đang ở phố Grenelle, thì đột nhiên tiếng hót ấy

khiến tôi rùng mình, và tôi reo lên phấn khích: “Cuối cùng mọi ước nguyện của ta đều được chuẩn nhận!” Mỗi quan tâm đầu tiên của tôi là thả mình theo ấn tượng của ngoại vật thôn dã bao quanh tôi. Đáng lẽ khởi đầu bằng việc định liệu nơi ăn chốn ở cho mình, tôi lại khởi đầu bằng việc định liệu những cuộc dạo chơi, và không một lối đi nào, không một khu rừng nhỏ nào, không một lùm cây nào, không một xó xinh nào xung quanh nơi ở, mà tôi không đi khắp ngay hôm sau. Càng xem xét nơi ẩn cư xinh đẹp, tôi càng cảm thấy nó hợp với mình. Nơi chốn hẻo lánh hơn là hoang dã ấy đưa tôi đến tận cùng thế giới bằng tâm tưởng. Nó có những vẻ đẹp nao lòng ít thấy gần thành phố; và khi được chuyển thẳng một lèo đến đó, chẳng bao giờ ta có thể tin mình chỉ ở cách Paris bốn dặm đường.

Sau vài ngày buông mình cho nhiệt cuồng đồng nội, tôi nghĩ đến chuyện thu xếp giấy tờ và sắp đặt công việc, vẫn như xưa nay, tôi dành các buổi sáng để chép nhạc, và sau bữa trưa thì dạo chơi, mang theo cuốn sổ giấy trắng cùng cây bút chì: bởi, bao giờ cũng chỉ có thể viết và nghĩ thoải mái ở ngoài trời, tôi không định thay đổi cách thức, và dự tính cánh rừng Montmorency, gần như liền kề nơi ở, từ nay sẽ là phòng làm việc. Tôi có nhiều tác phẩm đã khởi đầu; tôi xét duyệt lại các tác phẩm này. Dự định của tôi khá phong phú; nhưng giữa những lo toan phiền lụy của thành phố, cho đến bây giờ tôi đã tiến hành chậm chạp. Tôi dự tính sau này bớt bị khuấy lãng sẽ siêng năng hơn đôi chút. Tôi cho rằng mình đã đáp ứng khá trọn vẹn hy vọng này, và với một người hay ốm, hay ở Chevrette, ở Épinay, ở Eaubonne, ở lâu đài Montmorency, hay bị những kẻ tò mò nhàn rỗi đến ám tại nhà, và luôn bận nửa ngày vào việc chép nhạc, nếu tính đếm và ước lượng những tác phẩm tôi đã thực hiện trong sáu năm trời ở Ermitage cũng như ở Montmorency, tôi chắc chắn mọi người sẽ thấy nếu như tôi đã uống phí thì giờ trong quãng thời gian ấy, thì ít ra cũng không phải để ăn không ngồi rồi.

Trong những công trình đang tiến hành, công trình mà tôi nghiên
ngẫm lâu hơn, được tôi thích thú nhất, mà tôi mong làm suốt đời, và
theo tôi, ắt phải hoàn thành danh tiếng của tôi, là *Những thể chế chính
trị*. Ý tưởng đầu tiên hình thành cách đây mười ba mười bốn năm, khi
tôi đang ở Venise và có vài cơ hội nhận ra những khuyết điểm của cái
chính thể rất được tán dương này. Kể từ đó những kiến giải của tôi đã
mở rộng nhiều nhờ sự nghiên cứu lịch sử về đạo lý. Tôi đã thấy rằng
mọi sự đều liên quan triệt để đến chính trị, và, dù ta làm theo cách nào,
thì mỗi dân tộc bao giờ cũng sẽ chỉ là những gì mà bản chất chính thể
của dân tộc ấy khiến cho nó là như vậy; cho nên tôi thấy vấn đề quan
trọng về chính thể tốt nhất có thể có được, dường như rút lại thành vấn
đề này: Đây là bản chất của chính thể thích đáng cho việc tạo nên một
dân tộc đức độ nhất, sáng suốt nhất, hiền minh nhất, rốt cuộc là tốt
nhất, hiểu từ này theo nghĩa rộng lớn nhất của nó? Tôi đã nghĩ là vấn
đề ấy rất gần với vấn đề sau, cho dù có khác biệt: Đây là chính thể, về
bản chất, bao giờ cũng gần nhất với luật pháp? Từ đó, luật pháp là gì?
Và một dãy nối tiếp những vấn đề có tầm quan trọng như vậy. Tôi
thấy tất cả những điều này dẫn tôi đến những chân lý lớn lao, hữu ích
cho hạnh phúc của nhân loại, nhưng trước hết là hữu ích cho hạnh
phúc của tổ quốc tôi, tại đó, trong chuyến về thăm vừa qua, tôi thấy
các khái niệm luật pháp và tự do không đủ đúng đắn cũng không đủ rõ
ràng theo ý tôi: và tôi đã tưởng cái cách gián tiếp cung cấp chân lý cho
các khái niệm này, là cách thích đáng nhất để nương nhẹ lòng tự ái của
các thành viên, và để họ tha thứ cho tôi đã có thể nhìn xa hơn họ một
chút về vấn đề trên.

Mặc dù đã được tôi làm từ dăm sáu năm nay, công trình vẫn chưa
tiến triển mấy. Những cuốn sách loại này đòi hỏi suy ngẫm, rảnh rang,
yên tĩnh. Hơn nữa, tôi làm công trình đó, như người ta thường nói,
một cách thầm lén, và tôi không muốn thông báo dự định cho ai hết,
kể cả Diderot. Tôi sợ nó có vẻ quá táo bạo đối với thời đại và xứ sở
nơi mình viết và sợ nỗi kinh hãi của các bạn mình* gây trở ngại cho

mình khi thực hiện. Tôi còn chưa biết nó có được thực hiện kịp thời và có thể ra mắt khi tôi còn sống hay không. Tôi muốn có thể thoải mái đem lại cho đề tài tất cả những gì nó yêu cầu mình; tin chắc rằng, do không hề có tính khí châm biếm và không bao giờ định tìm cách áp dụng vào ai đó, nên cứ thật công minh thì mình sẽ luôn không thể bị trách cứ. Tôi muốn sử dụng trọn vẹn, hẳn thế, quyền tư duy mà tôi có do xuất thân, nhưng luôn tôn trọng chính thể mà tôi phải sống trong đó, không bao giờ bất phục tùng luật lệ của chính thể ấy, và rất chú ý để không vi phạm quyền của mọi người, tôi cũng không định vì sợ hãi mà từ bỏ những lợi ích của quyền đó.

Thậm chí tôi xin thú thực, là người ngoại quốc và sống tại Pháp, tôi thấy vị thế của mình rất thuận lợi để dám nói lên sự thật; do biết rõ rằng cứ tiếp tục, như tôi định làm, không in gì trong Quốc gia mà không được phép, thì chẳng phải trình báo với ai hết về các phương châm của mình và về việc công bố chúng ở mọi nơi khác. Tôi có thể ít tự do hơn rất nhiều ngay ở Genève, tại đó, dù sách của tôi in ở nơi nào, thì vị pháp quan vẫn có quyền chỉ trích nội dung của sách. Lý do ấy đã góp phần rất lớn khiến tôi nhượng bộ những lời năn nỉ của bà D'Épinay, và từ bỏ kế hoạch đến định cư tại Genève. Tôi cảm thấy, như đã nói trong *Émile*, rằng trừ phi ta là người mưu mô, còn khi ta muốn dâng hiến những cuốn sách cho lợi ích thực sự của tổ quốc, thì không nên sáng tác chúng trong lòng tổ quốc.

Điều khiến cho tôi thấy vị thế của mình may mắn hơn, đó là tin chắc rằng chính quyền Pháp, có lẽ không thật thiện cảm với tôi, song coi việc nếu không bảo vệ tôi, thì ít ra cũng để tôi yên, là một điều đáng tự hào. Tự đắc vì dung thứ điều mình không thể ngăn cấm, đó dường như là một hành vi chính trị rất đơn giản tuy thế lại rất khôn khéo; bởi giả sử họ đuổi tôi khỏi nước Pháp, điều mà họ hoàn toàn có quyền, thì sách của tôi vẫn cứ được viết, và có lẽ viết một cách ít thận trọng hơn; trong khi để tôi yên thân thì họ giữ tác giả để bảo lãnh cho

tác phẩm của anh ta, hơn nữa, còn xóa đi những thành kiến đã bén rễ sâu tại các nước khác ở châu Âu, và khiến cho họ được tiếng tốt là tôn trọng quyền con người một cách sáng suốt.

Những ai sẽ căn cứ vào biến cố mà đánh giá rằng niềm tin của tôi đã khiến tôi lầm lẫn, rất có thể bản thân họ lầm lẫn. Trong cơn bão tố nhấn chìm tôi, sách của tôi được dùng làm cái cớ, nhưng chính con người tôi bị người ta có ác cảm. Người ta rất ít quan tâm đến tác giả, nhưng người ta muốn hại Jean-Jacques, và điều tệ nhất họ thấy trong tác phẩm của tôi là vinh dự mà tác phẩm có thể đem lại cho tôi. Chúng ta đừng lẩn bước sang tương lai. Giờ đây tôi không biết liệu điều bí ẩn, đối với tôi hãy còn là một bí ẩn, sau này có sáng tỏ trước mắt độc giả hay không. Tôi chỉ biết rằng, nếu như các nguyên lý được tôi bày tỏ phải đem lại cho tôi những sự đối xử mà tôi đã chịu, thì có lẽ tôi bị đối xử như vậy sớm hơn, bởi trong tất cả các tác phẩm của tôi, tác phẩm trong đó những nguyên lý này được phát biểu bạo dạn nhất, nếu không nói là táo tợn nhất, đã ra đời rồi, đã gây ảnh hưởng rồi, trước cả khi tôi rút về ở Ermitage, mà chẳng ai nghĩ đến chuyện, tôi không nói là sinh sự với tôi, mà chỉ ngăn cản việc xuất bản sách tại Pháp, nơi sách được bán cũng công khai như tại Hà Lan. Sau đấy *Nàng Héloïse* mới ra đời cũng dễ dàng như vậy, tôi mạo muội nói là cũng được tán thưởng như vậy, và điều gần như không sao tin nổi, là sự tuyên tín của chính nàng Héloïse đang hấp hối đúng hệt như sự tuyên tín của Linh mục trợ tế miền Savoie*. Tất cả những gì táo bạo trong *Khế ước xã hội* trước đó đã có trong *Luận về sự bất bình đẳng*; tất cả những gì táo bạo trong *Émile* đã có trước đó trong *Julie*. Thế mà những điều táo bạo ấy chẳng gây một sự xôn xao nào chống lại hai tác phẩm đầu; vậy là chẳng phải những điều đó gây xôn xao chống lại các tác phẩm sau.

Một công trình khác đại để cùng loại, nhưng dự định thì mới hơn, khiến tôi bận tâm nhiều vào thời điểm này: đó là trích các tác phẩm của tu sĩ De Saint-Pierre, mà cho đến giờ tôi chưa nói đến được, do bị

mạch kể chuyện cuốn đi. Ý tưởng do tu sĩ De Mably gợi cho tôi, từ khi tôi ở Genève về, không trực tiếp, mà qua bà Dupin, là người có một kiểu lợi ích nếu như làm được cho tôi chấp nhận. Bà là một trong ba bốn phụ nữ xinh đẹp của Paris từng cưng chiều vị tu sĩ già De Saint-Pierre*, và nếu như bà không được ưu ái hơn cả một cách rõ ràng, thì ít ra cũng chia sẻ niềm ưu ái này cùng bà D'Aiguillon*. Đối với hương hồn ông lão, bà giữ một niềm tôn kính và một tình thương mến làm vẻ vang cho cả hai, và lòng tự tôn của bà sẽ thỏa mãn khi thấy những tác phẩm chết yếu của bạn mình tái sinh, do thư ký của mình. Những tác phẩm này chẳng phải không chứa đựng những điều rất hay, nhưng trình bày hết sức dở, thành thử khó mà đọc nổi, và thật lạ lùng là tu sĩ De Saint-Pierre, người coi độc giả như những đứa trẻ to xác, thế mà lại nói với độc giả như với những người lớn, bởi ông ít chú ý làm cho họ nghe mình. Chính vì thế mà mọi người đề nghị với tôi công việc này, như một công việc bản thân nó hữu ích, và rất thích hợp cho một người cần cù siêng năng trong tìm tòi, trích dẫn, nhưng lười biếng với tư cách tác gia, người thấy bỏ công suy nghĩ là rất nhọc nhằn, nên với những điều hợp sở thích của mình, thì ưa làm sáng tỏ và phát triển ý tưởng của một người khác hơn là sáng tạo ra ý tưởng, và chẳng, không tự giới hạn ở chức năng diễn đạt, tôi chẳng bị cấm đoán tự mình suy nghĩ đôi khi, và có thể đem lại cho công trình một hình thức thế nào đó, thành ra nhiều chân lý quan trọng sẽ được lưu hành dưới lớp vỏ ngoài của tu sĩ De Saint-Pierre, còn thuận lợi hơn là dưới lớp vỏ ngoài của tôi. Và lại, công việc chẳng nhẹ nhàng, phải đọc, suy ngẫm, trích hai mươi ba tập, tản mạn, lộn xộn, đầy những chỗ dài dòng, lặp lại, những kiến giải thiên càn hoặc sai lầm, trong đó phải lấy ra được vài kiến giải hay, quan trọng, cho ta can đảm để chịu đựng việc làm vất vả này. Bản thân tôi chắc sẽ nhiều lần bỏ cuộc, nếu như có thể thoái thác một cách thỏa đáng; nhưng khi nhận các bản thảo của tu sĩ do cháu ông là bá tước De Saint-Pierre đưa cho, trước sự nài nỉ của Saint-Lambert*, có thể coi như tôi đã cam kết sử dụng những bản thảo ấy, và phải hoặc trả lại chúng, hoặc cố gắng tận dụng. Tôi đã

mang những bản thảo này đến Ermitage với ý định tận dụng, và đó là công trình đầu tiên tôi định dành thời gian rỗi rãi để làm.

Tôi đang nghiền ngẫm một công trình thứ ba, ý tưởng về công trình nhờ ở những quan sát chính bản thân, và tôi tự cảm thấy càng can đảm tiến hành vì có lý do để hy vọng làm ra một tác phẩm thực sự hữu ích cho mọi người, thậm chí một trong những tác phẩm hữu ích nhất có thể tặng cho họ, nếu như việc thực hiện đáp ứng xứng đáng kế hoạch tôi đã vạch ra cho mình. Người ta đã nhận xét thấy phần đông mọi người, trong cuộc sống, nhiều khi không giống với bản thân họ, và dường như biến đổi thành những con người khác hẳn. Chẳng phải để xác lập một điều được biết rõ như vậy mà tôi định viết một cuốn sách: tôi có một mục tiêu mới hơn thậm chí quan trọng hơn; đó là tìm kiếm nguyên nhân của những biến thiên ấy, và chuyên chú vào những biến thiên phụ thuộc ở chúng ta, để chỉ ra chúng có thể được bản thân ta điều khiển như thế nào, để khiến ta thành tốt hơn và vững tin ở ta hơn. Bởi chắc chắn rằng, với con người chính trực thì cưỡng lại những ham muốn đã hình thành hẳn hoi rồi, và phải khắc phục, thì vất vả hơn là phòng ngừa, thay đổi hoặc biến cải cũng những ham muốn ấy từ ngọn nguồn của chúng, nếu như có thể lần ngược lên đến ngọn nguồn. Một người bị cám dỗ cưỡng lại một lần vì anh ta mạnh và thất bại lần khác vì anh ta yếu; giả sử anh ta vẫn là con người như trước đó, thì anh ta không thất bại.

Trong khi thăm dò ở bản thân mình, trong khi tìm kiếm ở người khác xem những cách hiện hữu khác nhau ấy liên quan đến cái gì, tôi thấy chúng phụ thuộc phần lớn vào ấn tượng trước đó về các vật thể bên ngoài, và chúng ta, bị các giác quan và khí quan của mình biến cải liên tục, chúng ta đưa vào ý tưởng của mình, cảm nghĩ của mình, ngay cả hành động của mình, ảnh hưởng của những biến cải đó, mà không nhận thấy. Những chiêm nghiệm hiển nhiên và rất nhiều mà tôi đã thu thập vượt lên mọi tranh cãi, và do những căn nguyên vật chất của

chúng, tôi thấy chúng có vẻ thích hợp để đưa ra một chế độ bên ngoài, chế độ này, thay đổi tùy theo các hoàn cảnh, có thể đặt hoặc duy trì tâm hồn trong trạng thái thuận lợi nhất cho đức độ. Ta sẽ cứu lý trí thoát được bao nhiêu lầm lạc, ta sẽ ngăn cản được bao nhiêu tật xấu nảy sinh nếu ta biết cách buộc tổ chức sinh vật phải giúp đỡ trật tự tinh thần mà nó rất hay làm nhiều loạn! Các khí hậu, các mùa, các âm thanh, các màu sắc, bóng tối, ánh sáng, các môi trường, các thức ăn, tiếng ồn, sự thỉnh lặng, sự vận động, sự an tĩnh, tất cả đều tác động đến bộ máy của chúng ta, và đến tâm hồn chúng ta; do đó, tất cả đều cung cấp cho ta hàng ngàn cách nắm bắt gần như chắc chắn, để điều khiển ngay từ nguồn cội những cảm nghĩ mà chúng ta tự để bị chi phối. Đó là ý tưởng cơ bản mà tôi đã phác thảo trên giấy, mà tôi hy vọng sẽ hiệu quả đối với những người có thiên tư tốt, vốn thành thật yêu mến đức độ, nên cảnh giác với sự yếu đuối của bản thân, một hiệu quả càng chắc chắn hơn vì tôi thấy dễ viết ra một cuốn sách thú vị khi đọc, cũng như thú vị khi sáng tác. Tuy nhiên tôi đã làm việc rất ít cho tác phẩm này, mà nhan đề là *Đạo lý mang tính cảm giác, hay là Thuyết duy vật của hiền nhân*. Những sự sao nhãng, mà mọi người sẽ sớm biết nguyên nhân, cản trở tôi lưu tâm đến công trình, và mọi người cũng sẽ biết được số phận của phác thảo này như thế nào, nó liên quan đến số phận của tôi sát gần hơn là về bên ngoài.

Ngoài tất cả những điều đó, từ ít lâu nay tôi ngẫm nghĩ về một phương pháp giáo dục, mà bà De Chenonceaux, run sợ cho con trai vì sự giáo dục của ông chồng, đã yêu cầu tôi lưu ý^{*}. Uy lực của tình bạn khiến cho vấn đề này được tôi quan tâm hơn tất cả các vấn đề khác, mặc dù bản thân nó ít hợp với sở thích của tôi. Bởi thế trong tất cả các đề tài tôi vừa nói tới, đó là đề tài duy nhất được tôi tiến hành đến cùng. Mục đích tôi đề ra cho mình, trong khi thực hiện công trình, dường như khiến tác giả đáng được một vận số khác. Nhưng ta đừng nói trước ở đây về vấn đề đáng buồn ấy. Tôi sẽ bắt buộc phải nói đến nó trong phần sau của văn phẩm này.

Tất cả những dự định khác nhau ấy cung cấp đề tài suy ngẫm trong các cuộc dạo chơi: vì, tôi cho là mình đã nói rồi, tôi chỉ có thể suy ngẫm trong khi bước đi; vừa mới dừng lại, là tôi không suy nghĩ nữa, và đầu óc tôi chỉ vận hành cùng với bàn chân tôi. Tuy nhiên tôi đã cẩn thận chuẩn bị cả một việc làm trong phòng vào những ngày mưa. Đó là cuốn *Từ điển âm nhạc* mà các tư liệu tản mạn, cắt xén, dở dang, khiến công trình gần như phải làm lại hẳn. Tôi mang theo vài cuốn sách cần thiết cho việc đó; tôi đã bỏ ra hai tháng trích dẫn rất nhiều sách khác, mà người ta cho tôi mượn tại Thư viện của Nhà vua, thậm chí cho phép đem theo vài cuốn đến Ermitage. Đó là thứ dự trữ để biên tập ở nhà, khi thời tiết không cho phép ra ngoài, và khi tôi chán chép nhạc, sự sắp xếp này rất thích hợp với tôi thành thử tôi lợi dụng nó, ở Ermitage cũng như ở Montmorency, và cả sau này ở Môtiêr, tại đó tôi vừa hoàn thành công trình vừa thực hiện những công trình khác, và bao giờ cũng thấy thay đổi việc làm là một sự giải lao đích thực.

Trong một thời gian, tôi tuân thủ khá chính xác sự phân phối đã tự quy định, và thấy rất dễ chịu; nhưng khi mùa đẹp trời đưa bà D'Épinay trở về Épinay, hay về Chevrette thường xuyên hơn, thì tôi thấy những sự chăm sóc mới đầu chẳng khó khăn, nhưng tôi đã không tính đến, phá rối các kế hoạch khác của tôi rất nhiều. Tôi đã nói rằng bà D'Épinay có những phẩm chất rất dễ mến; bà yêu quý bạn bè, bà phục vụ họ rất hăng hái, và không tiếc thời gian không tiếc sự chăm lo dành cho họ, chắc chắn bà rất xứng đáng được họ ân cần để báo đáp. Cho đến khi ấy tôi đã làm tròn nghĩa vụ này mà chẳng nghĩ rằng đó là một nghĩa vụ; nhưng cuối cùng tôi hiểu là mình đã khoác lấy một xiềng xích mà chỉ có tình bạn mới ngăn được mình cảm thấy nặng nề: tôi đã gia tăng sự nặng nề này do ghét hội họp đông người. Bà D'Épinay lợi dụng điều đó để đưa ra với tôi một đề nghị có vẻ thích hợp với tôi, song lại thích hợp với bà nhiều hơn. Đó là cho báo để tôi

biết mỗi khi bà ở một mình, hoặc gần như một mình. Tôi đồng ý, mà không thấy rằng mình cam kết chuyện gì. Do việc này tôi không đến thăm bà theo giờ giấc của tôi nữa, mà theo giờ giấc của bà, và chẳng bao giờ tôi chắc chắn mình có thể tùy ý sử dụng bản thân một ngày nào hết. Sự gò bó ấy làm phai nhạt rất nhiều niềm vui tôi đã có cho đến bấy giờ khi tới thăm bà. Tôi thấy sự tự do mà bà đã hứa hẹn với tôi rất nhiều chỉ được ban cho tôi với điều kiện là đừng bao giờ tự thị về nó, và một hai lần tôi định thử, thì biết bao nhiêu tin nhắn, bao nhiêu thư từ, bao nhiêu lo sợ về sức khỏe của tôi, thành thử tôi thấy rõ là chỉ có lý do cáo lỗi nằm liệt giường mới miễn được cho mình khỏi phải chạy tới khi nhận tin nhắn đầu tiên của bà. Phải phục tùng ách áp bức này; tôi phục tùng, là một kẻ căm ghét sự phụ thuộc đến thế thì thậm chí còn khá vui lòng phục tùng, phần lớn do mỗi quyển luyện chân thành đối với bà ngăn tôi cảm thấy sự bó buộc gắn liền với chuyện này. Như vậy bà lấp đầy, một cách tạm tạm, những khoảng trống trong các thú giải trí do thiếu vắng đám người thường châu chực quanh bà. Với bà đó là một sự bổ khuyết rất xoàng xĩnh, nhưng còn hơn một cảnh cô đơn hoàn toàn, mà bà không sao chịu nổi. Tuy nhiên bà có những thứ để lấp đầy sự cô đơn ấy một cách dễ dàng hơn rất nhiều từ khi bà định thử làm văn chương và từ khi bà tự nhồi vào óc ý nghĩ dù muốn hay không cũng viết tiểu thuyết, thư từ, hài kịch, truyện kể, và những thứ vô vị khác tựa tựa như vậy. Nhưng bà thích thú đọc những thứ này lên hơn là viết chúng ra; và nếu có nguệch ngoạc liên tục được hai ba trang, thì bà phải chắc chắn có được ít ra là hai ba thính giả tự nguyện, khi làm xong công việc vô cùng to tát ấy. Tôi chỉ có vinh dự ở trong số người được tuyển chọn nhờ vào ai đó khác. Một mình, thì hầu như tôi chẳng bao giờ được đếm xỉa trong bất kỳ chuyện gì; và điều này không chỉ trong giới giao du của bà D'Épinay, mà trong giới giao du của ngài D'Holbach, và tất cả những nơi coi ngài Grimm* là mẫu mực. Tình trạng vô giá trị này rất thuận cho tôi tại bất cứ nơi nào khác ngoài cảnh đối mặt riêng tư, ở đó tôi chẳng biết giữ thái độ ra sao, do không dám nói về văn chương, chẳng thuộc phần

mình phán xét, cũng không dám nói về chuyện tình tứ phong nhã, do quá rụt rè, và sợ sự lố bịch của một lão già tình tứ hơn sợ cái chết; ngoài ra ý tưởng này không bao giờ đến với tôi khi ở bên bà D'Épinay, và có lẽ sẽ không đến với tôi một lần nào trong đời, dù tôi có sống cả đời bên bà: không phải tôi ghét gì con người bà; ngược lại, có lẽ tôi quá yêu mến bà với tư cách bạn bè, nên không thể yêu mến bà với tư cách tình lang. Tôi cảm thấy vui thích khi gặp bà, trò chuyện với bà. Sự đàm đạo của bà, mặc dù khá thú vị trong nhóm, lại khô khan trong cảnh riêng tư; sự đàm đạo của tôi, chẳng hoa mỹ hơn, không giúp bà được nhiều. Hồ thẹn vì một tình trạng im lặng quá lâu, tôi ra sức làm cho cuộc đàm thoại thêm mặn mà; và mặc dù điều đó thường làm tôi mệt mỏi, song không bao giờ khiến tôi chán ngán. Tôi rất vui được chăm sóc bà những việc nho nhỏ, được trao cho bà những nụ hôn mang tình anh em mà dường như đối với bà cũng chẳng nhiều nhục cảm hơn: tất cả chỉ có vậy. Bà rất gầy, rất trắng, ngực phẳng lì. Chỉ riêng khiếm khuyết này đủ làm tôi nguội lạnh: con tim tôi cũng như nhục cảm của tôi không bao giờ có thể thấy một phụ nữ ở ai đó không có vú, và những nguyên nhân khác chẳng cần nói ra luôn khiến tôi quên mất giới tính của bà khi ở gần bà.

Do đã quyết định như vậy về một sự phụ thuộc cần thiết, tôi chịu phụ thuộc không chống cự, và thấy ít nặng nề hơn mình dự liệu, ít ra trong năm đầu tiên. Bà D'Épinay, bình thường thì gần như cả mùa hè ở miền quê, mùa hè này chỉ ở đó một phần, hoặc vì công việc giữ bà lại Paris nhiều hơn, hoặc vì Grimm vắng mặt khiến bà thấy việc lưu trú tại Chevrette kém thú vị. Tôi lợi dụng những khoảng thời gian bà không về, hoặc khách của bà rất đông, để vui hưởng trạng thái cô đơn ẩn dật cùng với Thérèse hiền lành của tôi và mẹ cô, sao cho mình cảm nhận thật rõ giá trị của trạng thái này. Mặc dù từ vài năm nay, tôi về miền quê khá thường xuyên, song hầu như không hưởng cảnh quê, và những chuyến đi ấy, bao giờ cũng đi cùng những con người tự phụ,

bao giờ cũng bị sự gò bó làm mất hứng thú, chỉ kích thích tôi thêm ưa mến những thú vui mộc mạc, mà hình ảnh thoáng thấy gần hơn lại khiến tôi cảm nhận rõ hơn mình thiếu thốn những thú vui này. Tôi hết sức chán ngán những phòng khách, những vòi nước phun, những lùm cây, những vườn hoa, và những kẻ phô bày tất cả những thứ đó, chính họ còn đáng chán hơn nữa; tôi mệt mỏi vì những cuốn sách bìa mỏng, những cây đàn clavecin, những ván bài ba người, những nút kết bằng thoi, những câu khôi hài ngu ngốc, những trò ồng ẹo vô duyên, những kẻ ba hoa tầm thường và những bữa tiệc khuya long trọng, thành thử khi tôi liếc nhìn một bụi sơn trà khô căn bình dị, một hàng rào, một vựa lúa, một đồng cỏ; khi đi qua một thôn xóm tôi hít mùi hơi của một món trứng tráng trộn rau thơm ngon lành; khi tôi nghe xa xa điệp khúc mộc mạc trong bài ca của những cô thợ làm ren, thì tôi nguyện rửa cả phần hồng cả diềm váy xếp nếp cả mùi long diên hương, và tiếc nuối bữa trưa của bà nội trợ cùng thứ rượu vang thổ sản, tôi sẵn lòng đắm vào mặt ngài Bếp trưởng và ngài Phục vụ trưởng, cứ cho tôi ăn trưa vào giờ tôi ăn tối, ăn tối vào giờ tôi ngủ; nhưng nhất là đắm vào mặt các ngài tòng bộc, cứ chòng chọc nhìn những miếng tôi ăn, và bắt tôi trả cho thứ rượu vang rơm của chủ họ đắt gấp mười loại ngon hơn tại tiệm rượu, nếu tôi chẳng làm theo thì đành chết khát.

Thế là cuối cùng tôi ở nhà mình, tại một chốn nường nấu dễ chịu và vắng vẻ, có thể tùy ý sống cuộc đời tự chủ, bình thản và êm ả, mà tôi cảm thấy mình được sinh ra cho nó. Trước khi thuật lại tác động của tình trạng hết sức mới mẻ này đối với lòng tôi, nên tóm tắt những cảm tình thầm kín trong cõi lòng ấy, để mọi người dễ theo dõi bước tiến của những biến đổi mới, từ nguyên nhân của chúng.

Tôi luôn coi cái ngày kết hợp tôi với Thérèse như là ngày xác định con người tinh thần của mình. Tôi cần một sự gò bó, bởi rất cuộc mối gò bó đáng lẽ đáp ứng đầy đủ cho tôi đã bị cắt đứt một cách thật tàn nhẫn. Niềm khát khao hạnh phúc không bao giờ tàn lụi trong

lòng con người. Má đang già đi và suy thoái đi. Tôi đã thấy rõ bà không thể hạnh phúc ở thế gian này nữa. Cần tìm một hạnh phúc riêng thuộc về tôi, vì đã mất mọi hy vọng cùng chung hạnh phúc với bà. Tôi trừ trừ một thời gian từ ý tưởng này sang ý tưởng khác và từ dự định này sang dự định khác, chuyển đi Venise lẽ ra đã quăng tôi vào công vụ, nếu như con người mà tôi sắp dính líu có được lương tri thông thường. Tôi dễ bị nản chí, nhất là trong các sự nghiệp vất vả và dài hơi. Thành tựu kém cỏi của sự nghiệp này khiến tôi chán ngán bất kỳ sự nghiệp nào khác, và theo phương châm cũ, coi những mục tiêu xa xôi như những miếng bả phỉnh lừa, tôi quyết từ nay sống ngày nào hay ngày nấy, vì không còn nhìn thấy trong đời điều gì dụ dỗ mình nỗ lực nữa.

Chính vào lúc đó chúng tôi quen nhau. Tôi thấy tính cách dịu hiền của cô gái tốt bụng này có vẻ rất hợp với tính cách mình, thành thử tôi kết hợp với cô bằng một mối gắn bó chịu được thử thách của thời gian và của lỗi lầm, và tất cả những gì lẽ ra phải cắt đứt nó lại chỉ khiến nó tăng thêm. Sau này mọi người sẽ biết sức mạnh của mối gắn bó ấy, khi tôi bày tỏ những thương tích, những nỗi đau xé cô gây ra cho lòng tôi giữa lúc tôi khốn khổ đến cực điểm, thế mà cho đến lúc viết những điều này, tôi không hề thốt ra một tiếng phàn nàn với bất kỳ người nào*.

Rồi đây khi mọi người biết rằng sau khi đã làm tất cả, đã thách thức tất cả để không xa lìa cô, rằng sau hai mươi lăm năm sống với cô, bất chấp số phận và bất chấp mọi người, cuối cùng ở tuổi già tôi đã kết hôn với cô mà về phía cô không trông đợi không nài xin, về phía tôi không cam kết không hứa hẹn, mọi người sẽ tưởng rằng một tình yêu điên khùng, ngay từ ngày đầu tiên đã khiến đầu óc tôi rối loạn, chỉ từng mức dẫn tôi đến hành động ngông cuồng tột độ, và mọi người sẽ còn tưởng như vậy hơn nữa, khi biết được những lý do riêng tư và mạnh mẽ đáng lẽ ngăn tôi không bao giờ đi tới chỗ đó. Vậy độc giả sẽ

nghe như thế nào khi tôi nói với họ, hết sức chân thực, và giờ đây độc giả ắt phải biết là tôi chân thực, rằng từ khoảnh khắc đầu tiên gặp cô cho đến ngày hôm nay, tôi chưa từng cảm thấy một tia lửa tình yêu nào đối với cô, rằng tôi chẳng khao khát chiếm hữu cô nhiều hơn bà De Warens, và nhu cầu tình dục, mà tôi đã thỏa mãn bên cô, đối với tôi duy nhất chỉ là nhu cầu giới tính, không có gì riêng thuộc cá nhân? Độc giả sẽ cho rằng do cấu tạo chẳng giống người khác, tôi không có khả năng cảm nhận tình yêu, bởi tình yêu không hề tham gia những tình cảm gắn bó tôi với những phụ nữ từng thân thương nhất với tôi. Hỡi bạn đọc, xin hãy kiên nhẫn! Thời điểm ác hại đang đến gần, khi đó bạn sẽ chỉ quá tình mỗi lần mà thôi.

Tôi tự lập lại, mọi người biết thế; cần phải thế. Nhu cầu đầu tiên của tôi, nhu cầu lớn nhất, mạnh nhất, khôn nguôi nhất, hoàn toàn ở trong tim tôi; đó là nhu cầu về một sự giao tiếp thân mật, và thân mật hết mức có thể; chính vì điều này trước hết mà tôi cần một phụ nữ hơn là một người đàn ông, một bạn gái hơn là một bạn trai. Nhu cầu kỳ lạ này mạnh đến mức, sự kết hợp mật thiết nhất của các cơ thể vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ: có lẽ tôi cần hai tâm hồn trong cùng một cơ thể; nếu không thế tôi vẫn cảm thấy trống trải. Tôi cứ tưởng mình đến lúc không cảm thấy trống trải nữa. Người con gái ấy, dễ mến vì ngàn phẩm chất rất tốt, khi ấy còn dễ mến cả vì dung mạo, không hề màu mè không hề làm đom, lẽ ra có thể giới hạn cuộc sống của tôi ở riêng cô, nếu như tôi có thể giới hạn cuộc sống của cô ở tôi, như tôi từng hy vọng. Tôi chẳng phải sợ gì về phía nam giới; tôi tin chắc mình là người đàn ông duy nhất cô đã yêu thực sự, và nhục cảm bình lặng của cô ít đòi hỏi những người đàn ông khác, ngay cả khi tôi đã thôi là đàn ông đối với cô về phương diện này. Tôi không có gia đình; cô có một gia đình, và gia đình này, mà mọi thiên tính đều quá khác biệt với thiên tính của cô, không phải loại gia đình mà tôi có thể khiến nó thành gia đình của mình được. Đó chính là nguyên nhân đầu tiên trong nỗi bất hạnh của tôi. Có gì mà tôi không đánh đổi để thành con của mẹ

cô! Tôi làm tất cả để đạt tới điều đó, mà không thể thành công. Tôi đã cố hợp nhất mọi lợi ích của chúng tôi, điều đó là bất khả thi. Bao giờ bà ta cũng tự tạo một lợi ích khác với lợi ích của tôi, trái ngược với lợi ích của tôi, ngược cả với lợi ích của con gái bà, nó đã không còn tách biệt với lợi ích của tôi nữa. Bà ta và những người con khác cùng các cháu nội ngoại trở thành chướng ngại con đũa hút máu, mà điều ác nhỏ nhất họ làm với Thérèse là ăn cướp của cô. Cô gái tội nghiệp, quen khuất phục, thậm chí khuất phục cả các cháu gái, để mình bị trấn lột và bị chỉ huy chẳng nói năng gì; và tôi đau khổ thấy mình dùng cạn túi tiền và cạn lời khuyên bảo, mà chẳng làm được một điều gì có thể mang lại lợi ích cho cô. Tôi cố tách cô khỏi bà mẹ; cô luôn cưỡng lại. Tôi tôn trọng việc cô cưỡng lại, và vì thế mà quý cô hơn; nhưng sự cự tuyệt của cô chẳng khỏi thiệt hại cho cô và cho tôi. Phó thác mình cho mẹ và thân thích, cô thuộc về họ hơn là về tôi, hơn là về bản thân cô. Sự tham lam của họ tai hại cho cô song những lời khuyên của họ còn độc hại hơn. Cuối cùng nếu như, nhờ tình yêu đối với tôi, nếu như, nhờ bản tính tốt, cô không bị trấn áp hoàn toàn, thì ít ra thế cũng đủ để ngăn cản phần lớn tác dụng của những phương châm tốt đẹp mà tôi cố truyền sang cô; thế cũng đủ để, mặc dù tôi xử trí theo cách nào, thì chúng tôi vẫn cứ tiếp tục là hai kẻ.

Đó là vì sao, trong một mối gắn bó chân thành và từ cả hai bên, ở đó tôi đã đặt toàn bộ sự trù mến của con tim mình, ấy thế mà nỗi trống trải của con tim ấy vẫn chưa bao giờ được lấp thật đầy. Những đứa con ra đời, đáng lẽ lấp đầy nỗi trống trải này; sự thế còn tệ hơn. Tôi rùng mình nếu phó thác chúng cho cái gia đình kém giáo dục đó, để chúng còn bị giáo dục kém hơn nữa. Nguy cơ của sự giáo dục ở Trại trẻ vô thừa nhận ít hơn rất nhiều, cái lý do khiến tôi quyết định, mạnh hơn tất cả những lý do tôi đã nêu trong bức thư gửi bà De Francueil, lại là lý do duy nhất mà tôi không dám nói với bà. Tôi thà ít được minh oan trước một sự chê trách nặng nề đến như thế, mà giữ gìn được cho gia đình một người mình yêu. Nhưng, qua phẩm hạnh

người anh khốn khổ của cô, mọi người có thể nhận định, liệu tôi có nên mạo hiểm để các con mình tiếp nhận một sự giáo dục giống như sự giáo dục của anh ta hay không, cho dù thiên hạ có thể nói gì chẳng nữa.

Vì không được hưởng trọn vẹn sự giao tiếp thân mật mà tôi thấy cần, tôi tìm những thứ bổ sung tuy không lấp đầy khoảng trống, nhưng khiến tôi đỡ cảm thấy trống trải. Không có một người bạn hoàn toàn là của mình, tôi cần những người bạn mà sự thôi thúc thẳng được sức ì của tôi: chính vì thế tôi nuôi dưỡng, tôi thắt chặt những mối liên hệ với Diderot, với tu sĩ De Condillac, tôi kết giao cùng Grimm, mối liên hệ mới này còn mật thiết hơn, và cuối cùng vì bản luận văn vô phúc mà tôi đã kể lại câu chuyện, tôi lại bị quăng vào văn chương tuy không nghĩ đến, và cứ tưởng mình đã thoát ra mãi mãi.

Bước khởi đầu dẫn tôi qua một con đường mới vào một thế giới tinh thần khác, tôi không thể không hào hứng khi suy tưởng về tổ chức giản dị và cao thượng của thế giới này. Chẳng bao lâu sau, do cứ chuyên tâm vào đó, tôi chỉ còn nhìn thấy lầm lẫn và điên rồ trong học thuyết của các bậc hiền nhân của chúng ta, chỉ còn nhìn thấy áp bức và khốn khổ trong trật tự xã hội của chúng ta. Mang ảo tưởng của niềm tự hào ngu dại, tôi ngỡ mình được tạo ra để làm tiêu tán tất cả những uy danh kia; và cho rằng, để làm mọi người nghe mình, thì phải khiến cách xử sự của mình phù hợp với các nguyên lý, tôi bèn có phong thái lạ lùng mà mọi người chẳng cho tôi theo, mà những kẻ tự xưng là bạn tôi không thể tha thứ cho tôi vì đã nêu tấm gương, mới đầu khiến tôi thành nực cười, và cuối cùng có lẽ khiến tôi thành đáng kính trọng, nếu như tôi có thể kiên trì nêu gương.

Cho đến bây giờ tôi đã là người tốt: từ khi ấy tôi trở nên đức độ, hoặc ít ra cũng say sưa vì đức độ. Niềm say sưa này khởi đầu trong óc tôi, nhưng nó đã đi qua tim tôi. Niềm tự hào cao quý nhất nảy mầm tại đó trên những tàn tích của lòng tự đắc bị diệt trừ tận gốc. Tôi không giả bộ gì hết: quả thực tôi trở thành những gì mà tôi tỏ ra, và trong

thời gian sự phấn khích này tồn tại với toàn bộ sức mạnh của nó, ít ra là bốn năm, không một điều gì cao cả và đẹp đẽ có thể đi vào lòng người mà tôi lại không có khả năng, và việc này chỉ có Thượng Đế chứng giám. Từ đó nảy sinh sự hùng hồn đột ngột; từ đó lan tỏa trong những cuốn sách đầu tiên ngọn lửa trời thực sự đang đốt cháy tôi, ngọn lửa suốt bốn mươi năm không lóe một tia nào, vì chưa được nhen lên.

Tôi đã biến đổi thực sự; bạn bè, người quen không nhận ra tôi nữa. Tôi không còn là con người rụt rè, thẹn thùng hơn là khiêm nhường, chẳng dám tự giới thiệu chẳng dám nói năng; mà một lời đùa cợt cũng gây bối rối, một ánh mắt phụ nữ cũng làm cho đỏ mặt. Táo bạo, tự hào, dũng cảm, tôi mang theo khắp nơi một niềm tự tin càng vững chắc hơn, vì nó giản dị và ở trong tâm hồn nhiều hơn là trong thái độ. Sự khinh thường do những suy ngẫm sâu xa khơi gợi đối với các tập quán, các phương châm và các thành kiến của thời đại mình, khiến tôi vô cảm trước lời nhạo báng của những kẻ có tập quán, phương châm, thành kiến ấy, và tôi nghiền nát những câu khôi hài nhỏ mọn của họ bằng các châm ngôn của mình, như thể nghiền nát một con côn trùng giữa những ngón tay mình, sự thay đổi lạ lùng làm sao! Cả Paris lặp lại những lời châm chọc cay độc và chua chát của chính con người, hai năm trước và mười năm sau, không thể tìm ra điều mà anh ta cần nói, cũng chẳng tìm ra từ ngữ mà anh ta phải sử dụng. Xin hãy tìm kiếm trạng thái trái ngược nhất với bản tính của tôi, mọi người sẽ tìm thấy trạng thái đó. Xin hãy nhớ lại một trong những thời điểm gần gũi của đời tôi, khi tôi trở thành một người khác và thôi là tôi; mọi người sẽ lại tìm thấy nó trong thời gian mà tôi đang nói đến: nhưng thay vì tồn tại sáu ngày, sáu tuần, nó tồn tại gần sáu năm, và có lẽ sẽ còn tồn tại, nếu không có những trạng huống đặc biệt khiến nó chấm dứt, và trả lại tôi cho thiên tính, mà tôi từng muốn nâng mình lên cao hơn.

Sự thay đổi ấy bắt đầu ngay khi tôi vừa rời khỏi Paris, khi cảnh tượng những thói xấu của thành phố lớn này thôi không nuôi dưỡng niềm công phần nó đã gây ra cho tôi. Khi không nhìn thấy mọi người nữa, tôi thôi khinh bỉ họ; khi không nhìn thấy những kẻ độc ác nữa, tôi thôi căm ghét họ. Con tim tôi, ít hợp với thù ghét, chỉ còn phàn nàn cho nỗi khốn khổ của họ, và không tách sự độc ác của họ khỏi nỗi khốn khổ ấy. Trạng thái này, hiền hòa hơn, nhưng kém cao thượng hơn nhiều, sớm làm cùn nhụt niềm hứng khởi nồng nhiệt đã khiến tôi phấn khích lâu đến thế; và mọi người chẳng nhận thấy, bản thân tôi hầu như cũng chẳng nhận thấy, tôi lại trở nên sợ sệt, dễ tính, tóm lại là rụt rè, đúng anh chàng Jean-Jacques mà tôi từng là trước đây.

Nếu sự biến động chỉ trả tôi về cho bản thân, và dừng ở đó, thì mọi việc đều ổn; nhưng rủi thay nó lại đi xa hơn, và nhanh chóng cuốn tôi sang cực bên kia. Từ đấy tâm hồn dao động của tôi chỉ còn vượt qua vạch nghỉ, và những biến chuyển luôn lặp lại không bao giờ cho phép nó cứ ở đó. Chúng ta hãy đi vào ủy khúc của biến động thứ hai này: thời kỳ khủng khiếp và nguy hại của một số phận chưa từng thấy ở những người trần thế.

Do chỉ có ba người trong chốn ẩn cư, nên cảnh nhàn hạ và quạnh hiu dĩ nhiên phải khiến chúng tôi thêm thân mật. Sự thể cũng như vậy giữa Thérèse và tôi. Dưới bóng cây, chúng tôi trải qua những giờ phút riêng tư thú vị, mà tôi chưa bao giờ cảm nhận vị ngọt ngào rõ đến thế. Tôi thấy bản thân Thérèse dường như cũng nếm trải vị ngọt ngào này nhiều hơn cô từng nếm trải cho đến bấy giờ. Cô cởi mở cõi lòng cùng tôi không dè dặt, và cho tôi biết về mẹ cô và gia đình cô những điều mà cô đã đủ sức nín lặng với tôi trong một thời gian dài. Mẹ cô và gia đình cô đã nhận của bà Dupin vô số tặng vật dành cho tôi, nhưng bà già tinh quái, để khỏi làm tôi nổi giận, đã chiếm đoạt cho mình và cho những người con khác, chẳng để lại gì cho Thérèse, và nghiêm khắc cấm cô nói với tôi, mệnh lệnh mà cô gái tội nghiệp đã tuân theo với thái độ phục tùng khó tin nổi.

Nhưng một điều khiến tôi ngạc nhiên hơn rất nhiều, là được biết rằng ngoài những cuộc trò chuyện riêng mà Diderot và Grimm nhiều lần có với bà mẹ và cô con gái để tách họ ra khỏi tôi, và đã không thành công, do Thérèse chống lại, thì từ đó cả hai có những cuộc đàm luận bí mật và thường xuyên với mẹ cô, mà cô không sao biết được họ mưu mô chuyện gì. Cô chỉ biết rằng có những quà cáp nho nhỏ xen vào đó, và có những cuộc đi đi lại lại mà họ cố che giấu cô, và cô hoàn toàn không biết lý do. Khi chúng tôi rời Paris, thì từ lâu bà Le Vasseur đã thành lệ đến thăm ông Grimm mỗi tháng hai ba lần và ở đó vài giờ để trò chuyện hết sức bí mật đến nỗi người hầu của Grimm bao giờ cũng bị đuổi đi chỗ khác.

Tôi phán đoán lý do đó chẳng là gì khác ngoài cái kế hoạch mà người ta đã cố đưa cô con gái vào, bằng cách hứa hẹn, nhờ bà D'Épinay, kiếm được cho họ một chân bán lẻ muối, một sở bán thuốc lá, tóm lại, dùng mỗi lợi làm cái bả cám dỗ họ. Người ta đã bảo họ là tôi chẳng thể làm được gì cho họ, thậm chí vì họ mà tôi chẳng làm nổi việc gì cho tôi. Vì chỉ nhìn thấy ý định tốt ở tất cả những điều đó, nên tôi hoàn toàn không oán họ. Chỉ có sự bí mật khiến tôi tức giận, nhất là về phía bà già, thêm nữa, bà ta càng ngày càng luồn cúi hơn, nịnh nọt hơn đối với tôi: điều đó chẳng ngăn cản bà ta liên tục trách móc ngấm ngầm con gái rằng cô quá yêu tôi, rằng cô nói với tôi mọi điều, rằng cô chỉ là một đứa ngu đần, rằng cô sẽ bị lừa.

Người đàn bà này có đến cao độ cái thuật nhất cử tam tứ tiện, giấu giếm người này những gì bà ta nhận của người kia, và giấu giếm tôi những gì bà ta nhận của tất cả mọi người. Chắc tôi có thể tha thứ cho sự tham lam của bà ta, nhưng tôi không thể tha thứ cho thói che đậy giả dối của bà ta. Bà ta có gì phải giấu giếm tôi chứ, tôi mà bà ta biết rất rõ là người lấy hạnh phúc của con gái bà và hạnh phúc của bà làm hạnh phúc gần như duy nhất của mình? Những gì tôi đã làm cho con gái bà, là tôi đã làm cho mình; nhưng những gì tôi đã làm cho bà đáng được bà biết ơn đôi chút; lẽ ra bà nên cảm tạ, ít ra là cảm tạ con

gái mình, và yêu mến tôi vì tình yêu đối với con gái, người yêu mến tôi. Tôi đã kéo bà ra khỏi cảnh khổ cùng trọn vẹn nhất; bà dựa vào tôi để có miếng ăn, nhờ tôi mới có mọi thói quen biết mà bà lợi dụng được rất nhiều. Thérèse đã nuôi bà rất lâu bằng lao động của cô, và giờ đây nuôi bà bằng miếng ăn tôi cung cấp. Bà nhờ tất cả vào cô con gái, người mà bà đã chẳng làm cho một điều gì hết; còn những người con khác được bà cho của cải, và đã vì họ mà khánh kiệt, thì chẳng hề giúp bà có miếng ăn, lại còn ngốn ngấu miếng ăn của bà và của tôi. Tôi thấy rằng trong một tình huống như vậy bà nên coi tôi như người bạn duy nhất, người bảo trợ chắc chắn nhất, và đừng giữ bí mật với tôi về những việc của chính tôi, đừng âm mưu chống lại tôi trong chính nhà tôi, mà nên cho tôi biết một cách trung thực về tất cả những gì có thể khiến tôi quan tâm, nếu bà biết được sớm hơn tôi. Vậy tôi có thể nhìn bằng con mắt nào đây cách xử sự giả dối và bí mật của bà ta? Nhất là tôi phải nghĩ thế nào về những tình cảm mà bà cố gắng truyền cho con gái? Sự vong ân bội nghĩa của bà phải quái dị đến thế nào khi bà tìm cách xúi giục con vong ân bội nghĩa!

Tất cả những suy nghĩ này cuối cùng làm cho lòng tôi xa cách người đàn bà ấy, đến mức không còn có thể nhìn bà ta mà không khinh miệt. Tuy nhiên tôi không bao giờ thôi đối xử với mẹ của bạn gái mình một cách tôn trọng, và trong mọi sự đều tỏ ra lưu tâm và vị nể bà gần như một đứa con trai; nhưng quả thực tôi không thích ở lại lâu cùng bà, và tôi thì ít biết ngại ngùng câu nệ.

Đây lại là một trong những thời điểm ngăn ngại của đời tôi mà tôi đã nhìn thấy hạnh phúc thật gần, song không sao đạt tới được, và chẳng phải lỗi của tôi khi lỡ mất hạnh phúc. Nếu như người đàn bà ấy tốt tính, thì cả ba chúng tôi hạnh phúc cho đến cuối đời; chỉ người còn sống sau cùng là đáng ái ngại. Thay vì như vậy, các vị sẽ thấy sự việc diễn tiến, và các vị sẽ xét xem liệu tôi có thể thay đổi được diễn tiến này hay không.

Bà Le Vasseur, thấy tôi đã tiến lên được trong tình cảm của con gái bà, còn bà đã thoái bộ, bèn cố gắng lẩn trở lại, và thay vì nhờ con gái mà quay về với tôi, lại định làm cho cô xa hẳn tôi. Một trong những kế sách bà ta sử dụng là gọi gia đình đến giúp. Tôi đã yêu cầu Thérèse đừng bảo một ai trong gia đình cô đến Ermitage; cô hứa với tôi như vậy. Người ta bảo họ đến trong khi tôi vắng mặt, mà không hỏi ý kiến cô; thế rồi họ khiến cô hứa là không nói gì với tôi. Bước đầu trót lọt, tất cả những gì còn lại đều dễ dàng; khi ta đã một lần giữ bí mật điều gì đấy với ai đó mà ta yêu, thì chẳng bao lâu ta sẽ không mấy áy náy vì giữ bí mật với người ấy về mọi điều. Tôi vừa đến ở La Chevrette, là Ermitage đây những người tới vui chơi khá hoan hỉ. Một người mẹ bao giờ cũng rất có sức mạnh đối với một người con gái mang bản tính tốt; tuy nhiên, dù bà già xoay xở theo cách nào, cũng không bao giờ làm được cho Thérèse tán thành dự kế của mình và dự được cô liên kết chống lại tôi. Về phần bà ta, thì bà ta quyết định dứt khoát: và thấy một bên là con gái bà với tôi, có thể sống ở nhà những kẻ này, và chỉ có thể; bên kia, Diderot, Grimm, D'Holbach, bà D'Épinay, hứa rất nhiều và cho gì đó, bà bèn đánh giá rằng không bao giờ có thể sai lầm khi ở về phía một tổng giám thu phu nhân và một nam tước. Giả sử tôi tinh mắt hơn, thì từ khi ấy có lẽ tôi đã thấy mình ấp rần trong lòng; nhưng niềm tin mù quáng, chưa có gì làm phai nhạt, lớn đến mức thậm chí tôi không tưởng tượng được người ta lại có thể muốn hại ai đó mà đáng lẽ người ta phải yêu mến; khi thấy muôn ngàn âm mưu được trù hoạch xung quanh mình, tôi chỉ biết than vãn về sự chuyên chế của những người mà tôi gọi là bạn, theo tôi, họ muốn ép buộc tôi phải hạnh phúc theo kiểu của họ, hơn là theo kiểu của tôi.

Mặc dù Thérèse không chịu gia nhập liên minh của mẹ, song một lần nữa cô lại giữ bí mật cho mẹ: động cơ của cô đáng khen; tôi sẽ không bảo là cô làm đúng hay làm sai. Hai người đàn bà có những bí mật thường ưa chuyện phiếm cùng nhau: điều này khiến họ xích lại gần nhau, và Thérèse, trong khi tự chia sẻ, khiến tôi đôi lúc cảm thấy

mình cô độc, vì tôi không thể coi sự giao tiếp giữa ba chúng tôi là giao tiếp nữa. Chính khi đó tôi cảm nhận mãnh liệt sai lầm của mình, trong thời gian quan hệ đầu tiên, đã không lợi dụng sự ngoan ngoãn dễ bảo vì tình yêu ở cô, để trau dồi cho cô tài năng và kiến thức, những điều này lẽ ra đưa chúng tôi lại gần nhau hơn ở chốn ẩn cư, làm đầy ắp thời gian của cô và của tôi một cách thú vị, và không bao giờ để chúng tôi cảm nhận sự kéo dài của cảnh mặt đối mặt. Chẳng phải là việc chuyện trò giữa chúng tôi cạn kiệt, và cô tỏ ra buồn chán khi chúng tôi đi dạo, nhưng rốt cuộc chúng tôi không đủ ý tưởng chung để có nhiều dự trữ; chúng tôi không còn có thể nói liên tục về các trù tính của mình, từ nay chỉ giới hạn ở việc vui hưởng. Những đối tượng xuất hiện gợi cho tôi những suy nghĩ không vừa với tầm của cô. Một mỗi gần bó mười hai năm trời không cần lời lẽ nữa; chúng tôi quá hiểu nhau nên không có gì để cho nhau biết nữa. Chỉ còn phương kế của những người đàn bà huyền thuyên phù phiếm, là gièm pha, giễu cợt nhảm nhí. Chính trong cảnh vắng vẻ quạnh hiu ta đặc biệt cảm thấy lợi ích được sống với người nào biết suy nghĩ. Tôi không cần phương kế ấy để thấy vui thích cùng cô; nhưng có lẽ cô cần phương kế ấy để luôn thấy vui thích cùng tôi. Tệ hơn nữa là đã thế chúng tôi còn phải gặp gỡ riêng tư một cách thầm vụng: mẹ cô, thành rầy rà khó chịu đối với tôi, buộc tôi phải dò xét hai mẹ con. Tôi bị gò bó ở nhà của tôi, nói thế là hết nhẽ; không khí yêu đương làm hỏng tình thân, chúng tôi ăn nằm thân mật với nhau, song không sống trong tình thân mật.

Từ khi tôi có cảm giác Thérèse thỉnh thoảng kiểm soát để tránh khéo những cuộc dạo chơi mà tôi rủ cô, tôi thôi rủ, và chẳng bắt mặn với cô vì cô không thấy vui thích nhiều như tôi khi dạo chơi. Niềm vui thích không phải là một thứ phụ thuộc vào ý muốn. Tôi tin chắc ở lòng cô, với tôi thế là đủ. Chẳng nào những vui thích của tôi cũng là của cô, thì tôi hưởng cùng cô: khi không phải như vậy, thì tôi quý sự hài lòng của cô hơn của tôi.

Đó là vì sao, nửa thất vọng trong sự trông chờ của mình, đang sống một cuộc đời theo sở thích, tại một nơi do mình chọn, cùng một người thân thiết với mình, thế mà tôi đi đến chỗ cảm thấy mình gần như cô lập. Điều tôi thiếu ngăn tôi hưởng điều tôi có. Về hạnh phúc và vui hưởng, tôi cần tất cả hoặc không gì hết. Mọi người sẽ thấy vì sao chi tiết này tỏ ra cần thiết với tôi. Bây giờ tôi trở lại mạch của truyện kể.

Tôi tưởng rằng trong các bản thảo mà bá tước De Saint-Pierre đưa cho tôi có những điều quý giá. Xem xét chúng, tôi thấy hầu như đó chỉ là bộ sưu tập các tác phẩm đã in của chú ông, do tự tay ông chú thích và sửa chữa, cùng vài văn kiện nhỏ khác chưa công bố. Qua những trước tác về đạo lý, tôi tin ở ý tưởng, nảy sinh do một số bức thư của ông, được bà De Créqui cho xem, rằng ông có nhiều tài trí hơn tôi từng nghĩ: nhưng khi xem xét kỹ các tác phẩm về chính trị tôi chỉ thấy những kiến giải phiến diện, những kế hoạch hữu ích nhưng bất khả thi, vì cái quan niệm mà tác giả chưa bao giờ thoát ra được, cho rằng con người xử sự do tri thức hơn là do đam mê. Việc ông coi trọng các tri thức hiện đại đã khiến ông theo cái nguyên lý sai lầm về lý trí hoàn thiện, là cơ sở cho mọi thiết định do ông đề xuất, và là cội nguồn mọi nguy biến chính trị của ông. Con người hiếm có này, niềm vinh dự của thời đại và của giống loài, và có lẽ là người duy nhất, kể từ khi loài người hiện hữu, không có một đam mê nào khác ngoài đam mê lý trí, ấy thế mà chỉ đi từ sai lầm này đến sai lầm khác trong mọi hệ thống của mình, vì muốn làm cho mọi người thành giống như mình, thay vì coi họ như họ vốn thế, và sẽ tiếp tục như thế. Ông chỉ làm việc vì những con người tưởng tượng, trong khi nghĩ rằng mình làm việc vì những người đương thời với mình.

Đã thấy tất cả những điều đó, tôi hơi lúng túng về hình thức của công trình. Thừa nhận mọi cách nhìn của tác giả, là chẳng làm được gì hữu ích; bác bỏ chúng một cách nghiêm ngặt là làm một điều bất nghĩa, bởi việc ký thác các bản thảo, mà tôi đã nhận, thậm chí đã yêu

cầu, buộc tôi phải có nghĩa vụ đối xử với tác giả một cách tôn trọng. Cuối cùng tôi quyết định điều mà tôi thấy hợp lẽ nhất, đúng đắn nhất, hữu ích nhất. Đó là đưa ra các ý tưởng của tác giả và các ý tưởng của tôi một cách riêng biệt, và, để làm như vậy, thì tham dự vào các kiến giải của ông, giải thích chúng, mở rộng chúng, không quản điều gì để làm cho các kiến giải ấy đáng giá toàn bộ giá trị của chúng.

Vậy công trình của tôi phải gồm hai phần hoàn toàn tách biệt: một phần, dành để trình bày theo cách tôi vừa nói những kế hoạch khác nhau của tác giả; ở phần kia, chỉ nên ra mắt sau khi phần Một đã gây tác động, tôi sẽ đưa ra đánh giá của mình về cũng những kế hoạch ấy: điều này, tôi thú thật, đôi khi có thể khiến những kế hoạch đó gặp phải số phận bài sonnet* trong *Kẻ ghét đời*. Mở đầu toàn tác phẩm phải là cuộc đời tác giả, về phần này tôi đã thu thập được những tư liệu khá tốt, mà tôi hài lòng là đã không làm hỏng khi sử dụng. Tôi từng gặp gỡ tu sĩ De Saint-Pierre chút ít khi ông đã già, và lòng tôn kính của tôi đối với hương hồn ông đảm bảo rằng xét cho kỹ, bá tước sẽ không bất mãn về cách tôi đối xử với người họ hàng của mình.

Tôi thực hiện tiểu luận về *Hòa bình vĩnh cửu*, tác phẩm quan trọng nhất và được dụng công nhiều nhất trong tất cả các tác phẩm của bộ sưu tập, và trước khi đi vào những suy tư của mình, tôi có can đảm đọc hết những gì tu sĩ đã viết về đề tài rất hay này, không bao giờ chán nản vì những sự dài dòng và những điều lặp lại. Công chúng đã xem tác phẩm trích dẫn ấy, bởi thế tôi không có gì phải nói về nó. Còn về sự đánh giá của tôi, thì chưa được in ra, và tôi chẳng biết liệu nó có được in hay không; nhưng nó được thực hiện đồng thời với tác phẩm trích dẫn. Từ đó tôi chuyển sang *Hội nghị tôn giáo đa chiều*, hay là sự đa dạng của những lời khuyên, được viết dưới thời Nhiếp chính, để ủng hộ nền cai trị mà ngài Nhiếp chính đã chọn, và tác phẩm khiến tu sĩ De Saint-Pierre bị đuổi khỏi Viện Hàn lâm Pháp, vì vài điều chống lại nền cai trị trước đó, làm cho nữ công tước Du Maine và Hồng y

Giáo chủ De Polignac tức giận. Tôi hoàn thành tác phẩm này giống như tác phẩm trước, cả phần đánh giá cũng như trích dẫn: nhưng tôi dừng ở đó, không muốn tiếp tục cái công việc, mà lẽ ra tôi chẳng nên bắt đầu.

Suy nghĩ khiến tôi từ bỏ việc này tự nó xuất hiện, và điều lạ lùng là nó không đến với tôi sớm hơn. Phần lớn các trước tác của tu sĩ De Saint-Pierre chính là, hoặc chứa đựng, những nhận xét phê phán về một số bộ phận của chính thể Pháp, thậm chí có những nhận xét hết sức tự do, thành thử may cho ông đã nhận xét mà không can gì. Nhưng tại văn phòng các bộ trưởng, xưa nay mọi người vẫn coi tu sĩ De Saint-Pierre như một kiểu nhà thuyết giáo, hơn là một nhà chính trị thực sự, và họ để ông tha hồ nói, vì thấy rõ rằng chẳng ai nghe ông. Nếu tôi làm được cho mọi người nghe ông, thì tình huống lại khác, ông là người Pháp, tôi không là người Pháp; và nếu tôi định nhắc lại những điều ông chỉ trích, mặc dù dưới danh nghĩa của ông, thì tôi có nguy cơ khiến mình bị chất vấn một cách hơi cục cằn, nhưng không hề bất công, rằng tôi xen vào để làm gì. May thay, trước khi đi xa hơn, tôi thấy mình sắp tạo cơ hội cho người ta tóm lấy, và tôi rút lui thật nhanh. Tôi biết rằng, sống đơn độc giữa những con người, và toàn là những người quyền thế hơn mình, thì dù làm cách nào chẳng nữa, cũng không bao giờ tránh được tai vạ họ muốn gây ra cho mình. Trong chuyện này chỉ có một điều phụ thuộc ở tôi, đó là làm thế nào để ít ra khi họ muốn gây họa cho tôi, thì họ chỉ có thể thực hiện một cách bất công mà thôi. Phương châm này, khiến tôi bỏ tu sĩ De Saint-Pierre, nhiều lần đã khiến tôi từ bỏ những dự kiến thân thương hơn rất nhiều. Những con người ấy, luôn mau mắn biến nghịch cảnh thành một trọng tội, chắc sẽ rất ngạc nhiên nếu họ biết tất cả những điều tôi đã cẩn thận trong đời để người ta không bao giờ có thể bảo mình đúng với sự thực khi mình gặp tai họa: *Người rất đáng bị như vậy*.

Công trình bị bỏ lơ này khiến tôi lưỡng lự một thời gian về công trình sẽ thay vào đó, và quãng thời gian nhàn rỗi ấy tai hại cho tôi, vì

để tôi hướng suy nghĩ vào bản thân, do không có đối tượng bên ngoài làm bận trí. Tôi không còn kế hoạch cho tương lai có thể làm vui khuây óc tưởng tượng; thậm chí tôi không sao đặt được kế hoạch, bởi tình huống hiện nay chính là tình huống tập hợp mọi điều tôi ao ước: tôi chẳng có ao ước để ấp ủ nữa, và lòng tôi vẫn còn trống trải. Tình trạng này càng thêm tàn nhẫn, vì tôi không thấy tình trạng nào để mà ưa thích hơn nó. Tôi đã tập hợp những tình cảm triu mến nhất vào một con người hợp với lòng mình, người ấy đáp lại tôi. Tôi sống với người ấy không gò bó, và có thể nói là tùy ý. Tuy nhiên một nỗi se lòng thầm kín không rời tôi dù ở gần hay ở xa người ấy. Trong khi chiếm hữu cô, tôi cảm thấy vẫn còn thiếu vắng cô, và chỉ riêng ý nghĩ mình không phải là tất cả đối với cô khiến cô gần như không là gì cả đối với tôi.

Tôi có bạn bè ở cả hai giới, tôi gắn bó với họ bằng tình bạn thuần khiết nhất, bằng niềm quý trọng hoàn hảo nhất; tôi tin cậy vào sự đáp lại chân thực nhất từ phía họ, thậm chí tôi không hề có ý ngờ vực lấy một lần sự thành thật của họ. Tuy nhiên tình bạn này làm khổ tôi hơn là êm dịu cho tôi, do thái độ khẳng khẳng ngoan cố của họ, do cả sự cố tình phản đối mọi sở thích của tôi, mọi khuynh hướng của tôi, cách sống của tôi; đến mức chỉ cần tôi tỏ ra ao ước một điều gì liên quan đến riêng tôi, và không phụ thuộc vào họ, là thấy tất cả bọn họ liên kết ngay lập tức để ép buộc tôi từ bỏ điều đó. Thái độ khẳng khẳng kiểm soát mọi sự trong những ý nguyện của tôi, càng bất công hơn vì tôi không hề kiểm soát các ý nguyện của họ, thậm chí chẳng tìm hiểu chúng, thái độ ấy trở nên nặng nề một cách hết sức ác nghiệt thành thử cuối cùng tôi chẳng nhận một bức thư nào của họ mà lúc mở ra lại không cảm thấy một sự kinh hãi nào đó chỉ được chứng minh là quá đúng khi đọc thư. Tôi thấy rằng, với những người hết thảy đều ít tuổi hơn tôi, và hết thảy lẽ ra đều rất cần cho chính họ những bài học mà họ ban phát cho tôi, xử sự như vậy là coi tôi quá trẻ con. Tôi bảo họ rằng: “Hãy yêu mến tôi, như tôi yêu mến các bạn; còn thì, đừng có xen vào việc của tôi cũng như tôi chẳng xen vào việc của các bạn: đó là tất

cả những gì tôi yêu cầu các bạn”. Nếu như trong hai điều ấy họ đã chấp thuận cho tôi một điều, thì ít ra đó cũng không phải là điều sau.

Tôi có một nơi ở tách biệt, trong một cảnh quanh hiu thú vị; là chủ trong nhà mình, tôi có thể sống tại đó theo kiểu của mình mà không ai kiểm soát. Nhưng nơi ở này áp đặt cho tôi những nghĩa vụ tuy êm ái, song lại tuyệt đối cần thiết. Toàn bộ sự tự do của tôi chỉ là bấp bênh nhất thời; tôi phải lệ thuộc vì ý muốn của mình, còn lệ thuộc hơn là vì mệnh lệnh. Tôi không có được một ngày mà khi thức dậy, có thể tự nhủ: Mình sẽ sử dụng ngày hôm nay như mình thích. Hơn nữa, ngoài sự phụ thuộc vào những sắp xếp của bà D’Épinay, tôi còn một sự phụ thuộc khác rầy rà hơn nhiều, phụ thuộc vào công chúng và những kẻ đến đột xuất. Khoảng cách giữa nơi tôi ở với Paris không ngăn được tình trạng hằng ngày có cả đám người vô công rồi nghề, chẳng biết làm gì với thời gian của họ, nên đến phung phí thời gian của tôi không chút áy náy. Giữa lúc tôi ít ngờ đến nhất, thì tôi bị quấy nhiễu không thương xót, và hiếm khi tôi có một kế hoạch rất hay cho cả ngày mà không thấy kế hoạch bị lật đổ vì một kẻ mới đến nào đó.

Tóm lại: giữa những điều tốt lành mà mình từng khát khao nhiều nhất, chẳng hề tìm thấy ở đó lạc thú thuần khiết, trong từng đợt hưng phấn tôi quay về những ngày thanh thản của tuổi xuân, và đôi khi tôi thở dài mà kêu lên: “Ôi! Đây vẫn không phải là Charmettes!”

Hồi ức về những thời gian khác nhau của đời mình khiến tôi ngẫm nghĩ về điểm mình đã đi tới, và tôi thấy mình ở tuổi xế chiều rồi, bị bệnh tật đau đớn quấy nhiễu, và nghĩ rằng đã gần kết thúc sự nghiệp, hầu như chưa nếm trải ở trạng thái viên mãn một lạc thú nào mà con tim mình khao khát, chưa phát huy những tình cảm mãnh liệt mà mình cảm thấy lưu trữ trong tim, chưa thưởng thức, chưa được ít ra cũng chạm tới khoái cảm ngất ngây mà mình cảm thấy tiềm năng trong tâm hồn, và do không có đối tượng, nên luôn bị nén ép ở đó, chẳng thể phát tán bằng cách nào khác ngoài những tiếng thở dài.

Làm sao với một tâm hồn vốn hay thổ lộ, với tâm hồn ấy thì sống, tức là yêu, mà cho đến bấy giờ tôi lại chưa tìm được một người bạn hoàn toàn của mình, một người bạn đích thực, tôi là người tự cảm thấy rất thích hợp để làm bạn? Làm sao với nhục cảm rất dễ bốc cháy, với một con tim đầy ắp tình yêu, mà tôi chưa cháy bỏng lửa tình ít ra là một lần vì một đối tượng nhất định? Nung nấu vì nhu cầu yêu, mà chưa bao giờ thực sự thỏa mãn được nhu cầu ấy, tôi thấy mình kẻ cận tuổi già, và chết đi mà chưa từng sống.

Những suy nghĩ buồn bã, nhưng dễ mũi lòng, khiến tôi tự ngẫm lại mình với một niềm tiếc nuối chẳng phải là không êm dịu. Tôi thấy dường như số mệnh nợ mình điều gì đó mà số mệnh đã không cho mình. Khiến tôi sinh ra với những năng khiếu cao nhả làm gì chứ, để bỏ mặc chúng cho đến cuối cùng vẫn chẳng được sử dụng? Ý thức về giá trị nội tại của mình, trong khi làm cho tôi có ý thức về sự bất công này, có thể nói là đền bù cho tôi, và khiến tôi rơi những hàng lệ mà tôi thích để cho tuôn chảy.

Tôi trầm tư như vậy giữa mùa đẹp nhất trong năm, vào tháng sáu, dưới những lùm cây mát rượi, trong tiếng hót của họa mi, trong tiếng suối róc rách. Mọi điều đều hợp lực để lại nhấn tôi vào trạng thái nhu nhược quá ư quyến rũ, tôi vốn được sinh ra cho trạng thái này, nhưng phong thể cứng cỏi và nghiêm khắc mà một tình trạng phấn khích kéo dài đã nâng tôi lên, lẽ ra phải khiến tôi thoát khỏi nó mãi mãi. Rủi thay tôi sắp nhớ lại bữa ăn trưa tại lâu đài Thônes*, và cuộc gặp gỡ hai thiếu nữ khả ái, cũng vào mùa và cũng tại những nơi chốn gần giống với mùa và nơi chốn tôi đang ở lúc này. Hồi ức ấy, gắn liền với tính chất ngây thơ khiến nó càng êm dịu với tôi hơn nữa, gợi cho tôi những hồi ức khác cùng loại. Lập tức tôi thấy tập hợp quanh mình tất cả những đối tượng từng làm tôi xúc động trong thời thanh xuân, cô Galley, cô De Graffenried, cô De Breil, bà Basile, bà De Larnage, những cô học trò xinh đẹp của tôi, cho đến cả nàng Zulietta mặn mà sắc sảo, mà lòng tôi không thể quên. Tôi thấy bao quanh mình là một

hậu cung với những mỹ nhân, là những người quen cũ mà niềm ưa mến mãnh liệt nhất đối với họ chẳng phải một tình cảm mới mẻ nơi tôi. Khí huyết tôi bừng bừng kích động, đầu óc tôi quay cuồng, bất chấp mái tóc đã hoa râm, và thế là vị công dân nghiêm trang của Genève, thế là Jean-Jacques khắc khổ, tuổi xấp xỉ bốn lăm, bỗng nhiên trở lại là chàng mục đồng nông cuồng. Niềm say sưa choán lấy tôi, mặc dù rất mau lẹ và rất rõ rệt, lại rất vững bền và rất mạnh mẽ, thành thử để chữa khỏi cho tôi, cần phải có cơn biến động bất ngờ và ghê gớm của những tai họa mà nó đã xô tôi vào. Niềm say sưa ấy, dù đến mức nào, cũng không đi tới chỗ khiến tôi quên tuổi tác và thân phận mình, tới chỗ tự phụ mình vẫn còn có thể khơi gợi tình yêu, tới chỗ rốt cuộc định truyền đi ngọn lửa nung nấu, nhưng vô bổ, mà từ thuở ấu thơ tôi đã cảm thấy thiêu đốt con tim mình một cách vô ích. Tôi không hy vọng điều ấy, thậm chí không mong muốn nó. Tôi biết là thời để yêu đã qua rồi, tôi cảm thấy quá rõ sự lỗi bịch của những gã phong tình lỡ thì nên không rơi vào đó, và tôi chẳng phải người khi xế bóng lại trở nên khoe khoang và tự phụ, sau khi đã rất ít khoe khoang tự phụ suốt những năm tươi đẹp của đời mình, và chẳng, vốn ưa chuộng bình an, tôi sợ bão tố gia đình, và tôi yêu Thérèse quá chân thành nên chẳng muốn cô phải đau buồn thấy tôi hướng sang người khác những tình cảm mãnh liệt hơn tình cảm cô khơi gợi nơi tôi.

Tôi làm gì trong trường hợp này? Độc giả đã đoán được rồi, miễn là đã theo tôi cho đến bây giờ. Tình trạng không thể với tới những con người có thực quăng tôi vào xứ sở của ảo tưởng, và do không thấy một điều gì đang hiện hữu xứng với nhiệt cuồng của mình, tôi nuôi dưỡng nhiệt cuồng ấy tại một thế giới lý tưởng, trí tưởng tượng sáng tạo của tôi lập tức đưa những con người hợp với lòng mình đến ở thế giới này. Phương kế ấy chưa bao giờ đến đúng lúc như thế, và chưa bao giờ có khả năng phong phú như thế. Trong trạng thái xuất thần liên tục, tôi say sưa với vô vàn tình cảm tuyệt diệu nhất chưa khi nào từng thâm

nhập một trái tim nam giới. Quên hẳn loài người, tôi giao du với những tạo vật hoàn hảo, thần tiên về đức hạnh cũng như về nhan sắc, với những người bạn tin cậy, thương mến, trung thành, những người mà tôi không bao giờ tìm được ở thế gian này. Tôi rất thích bay lượn như vậy tại thiên đường, giữa những đối tượng khả ái mà tôi để vây quanh mình, thành thử tôi cứ ở đó nhiều giờ, nhiều ngày không tính đếm; và chẳng còn nhớ bất kỳ điều gì khác, vừa mới vội vã ăn quàng đôi ba miếng, là tôi nóng lòng thoát ra để chạy đi tìm lại những lùm cây của tôi. Khi sẵn sàng lên đường tới thế giới kỳ diệu của mình, mà thấy những người trần vô phúc đến giữ mình lại ở mặt đất, tôi không thể tự kiềm chế, cũng không thể giấu nổi bức tức, và do không còn làm chủ được mình, tôi tiếp họ hết sức cộc cằn, đến nỗi có thể gọi là thô bạo. Điều này chỉ khiến tôi càng nổi tiếng là ghét đời, vì tất cả những gì lẽ ra mang lại cho tôi một tiếng tăm ngược hẳn lại, nếu như mọi người hiểu rõ hơn cõi lòng tôi.

Giữa lúc đang hào hứng cực độ, đột nhiên tôi bị rút dây lôi xuống như một chiếc điều và bị tạo hóa đặt lại vào vị trí của tôi, do một cơn đau khá dữ dội của căn bệnh. Tôi dùng phương thuốc chữa trị duy nhất có thể làm mình đỡ đau, đó là các que dò, và việc này đình lại những yêu đương thần tiên: vì, ngoài chuyện người ta chẳng mấy si tình khi đang đau, thì trí tưởng tượng, hưng phấn tại miền quê và dưới bóng cây, uể oải rồi chết ở trong phòng và dưới những thanh xà của một rầm nhà. Tôi thường tiếc rằng các nữ thần rừng không tồn tại; giả sử có, chắc chắn tôi sẽ cố định niềm quyến luyến của tôi ở giữa các nàng.

Cùng lúc ấy những chuyện phiền nhiễu khác trong gia đình làm tăng thêm những nỗi buồn. Bà Le Vasseur, vừa tặng tôi những lời khen ngợi hay nhất đời, vừa cố hết sức làm cho con gái xa rời tôi. Tôi nhận được những bức thư của láng giềng cũ, cho biết bà lão đã giấu tôi vay nhiều khoản dưới tên Thérèse, cô biết chuyện đó và chưa từng nói gì với tôi. Những món nợ phải trả khiến tôi tức giận ít hơn nhiều so với việc mọi người đã giữ bí mật điều này với mình.Ồ! Làm sao người

mà tôi không bao giờ giữ bí mật điều gì lại có thể giữ bí mật với tôi? Ta có thể giấu giếm điều gì đó với những người mà ta yêu hay không? Phe nhóm Holbach, thấy tôi chẳng đến Paris lần nào, bắt đầu thực sự sợ rằng tôi thích thú ở miền quê, và sợ tôi đủ điên rồ để ở lại đấy. Từ đó bắt đầu những sự quấy nhiễu để tìm cách gián tiếp gọi tôi trở về thành phố. Diderot, không muốn tự ra mặt ngay, khởi đầu bằng việc cử Deleyre* đến với tôi, nhờ tôi Deleyre quen biết Diderot, anh ta tiếp nhận và chuyển cho tôi những cảm tưởng mà Diderot muốn truyền cho anh, song anh không thấy được mục đích thực sự của việc này.

Mọi điều dường như hợp lực để kéo tôi ra khỏi nỗi mơ màng điên rồ và êm dịu. Tôi chưa khỏi cơn bệnh, thì nhận được một bản của bài thơ về thảm họa tàn phá Lisbonne*, tôi đoán là do tác giả gửi. Điều này khiến tôi có nghĩa vụ viết cho ông và nói với ông về tác phẩm. Tôi làm việc ấy qua một bức thư được in ra sau đó rất lâu, không có sự thừa nhận của tôi, như sau này sẽ kể.

Ngạc nhiên vì thấy con người tội nghiệp, có thể nói là chồng chất vinh quang và thịnh vượng, thế mà lại phản đối một cách cay đắng những nỗi khổ của cuộc đời này, và luôn thấy rằng mọi sự đều xấu, tôi có dự định phi lý làm ông tự suy nghĩ về bản thân, và chứng minh với ông mọi sự đều tốt đẹp. Voltaire, trong khi luôn tỏ ra tin ở Chúa Trời, thực ra bao giờ cũng chỉ tin ở quỷ, bởi Chúa như ông gọi chỉ là một kẻ gian ác, chỉ thích làm hại. Sự phi lý của thuyết này, rành rành hiển nhiên, đặc biệt gây phẫn nộ khi nó ở một người được đủ mọi điều tốt lành, con người đang ở giữa cảnh hạnh phúc, song lại tìm cách làm cho đồng loại tuyệt vọng vì hình ảnh gớm ghê và tàn ác của mọi tai ương mà mình chẳng phải chịu, có quyền hơn ông trong việc tính đếm và cân nhắc các tai họa của đời người, tôi xem xét những tai họa đó một cách công bằng, và tôi chứng minh cho ông rằng không có một tai họa nào mà Thượng Đế lại không được minh oan, mà nguồn gốc lại

không do con người lạm dụng năng lực của họ nhiều hơn là do bản thân tự nhiên. Trong thư tôi đối xử với ông hết sức trọng thị, hết sức vị nể, hết sức ân cần nường nhẹ, và có thể nói là hết sức tôn kính. Tuy nhiên, biết rằng ông có một lòng tự ái dễ bị kích thích cực kỳ, tôi không gửi thư cho chính ông, mà cho bác sĩ Tronchin, thầy thuốc và bạn của ông, để Tronchin được toàn quyền trao bức thư hay bỏ đi, tùy anh thấy thế nào là thích hợp nhất. Tronchin trao bức thư. Voltaire vẫn tắt trả lời tôi rằng ông ốm, và bản thân ông đang trông coi người ốm, nên để khi khác sẽ phúc đáp, và không nói về vấn đề một lời nào hết. Tronchin gửi cho tôi thư này, kèm theo một bức thư trong đó anh tỏ ra ít quý trọng con người đã giao thư cho mình.

Tôi không bao giờ công bố cũng không phô ra hai bức thư đó, vì chẳng thích khoe khoang những kiểu đắc thắng vặt như vậy, nhưng bản gốc của chúng ở trong bộ sưu tập của tôi. Tập A, số 20 và 21. Về sau, Voltaire đã công bố sự phúc đáp mà ông hứa với tôi, nhưng không gửi cho tôi. Sự phúc đáp đó chính là tiểu thuyết *Candide*^{*}, tôi không thể nói về tác phẩm này, vì tôi chưa đọc.

Tất cả những chuyện làm tâm trí phân tán như vậy lẽ ra phải chữa cho tôi khỏi triệt để những mối tình nồng cuồng kỳ dị, và có lẽ đó là một phương tiện Trời ban tặng tôi để phòng ngừa những hậu quả tai hại: nhưng vận rủi của tôi mạnh hơn, và tôi chỉ vừa mới bắt đầu lại ra ngoài chơi, là con tim, đầu óc, và bàn chân lại theo vẫn những nẻo đường ấy. Tôi nói vẫn những nẻo đường ấy, là về một số phương diện; vì ý tưởng của tôi, bớt phần khích động chút, lần này ở lại thế gian, nhưng với một sự chọn lựa tuyệt diệu tất cả những gì khả ái có thể có tại đó, thành thử giới tinh hoa này chẳng kém hảo huyền hư ảo là mấy so với thế giới tưởng tượng mà tôi đã rời bỏ.

Tôi hình dung tình yêu, tình bạn, hai thần tượng của lòng tôi, dưới những hình ảnh mê hồn nhất. Tôi tô điểm cho thần tượng bằng mọi duyên sắc của giới mà tôi luôn yêu quý. Tôi tưởng tượng hai cô

bạn hơn là hai anh bạn, vì nếu như thí dụ hiếm có hơn, thì nó cũng khả ái hơn. Tôi phú cho các nàng hai tính cách tương đồng, nhưng lại khác biệt; hai gương mặt không phải là hoàn mỹ nhưng hợp với sở thích của tôi, lòng nhân ái và sự mẫn cảm khiến gương mặt có hồn. Tôi để một nàng tóc nâu còn nàng kia tóc vàng, một nàng sắc sảo còn nàng kia dịu hiền, một nàng nết na còn nàng kia yếu đuối, nhưng là một sự yếu đuối hết sức cảm động, thành thử ở đây đức hạnh dường như lại ưu thắng. Tôi để cho một nàng có tình nhân, nàng kia là người bạn triu mến của chàng tình nhân ấy, thậm chí còn hơn thế nữa; nhưng tôi không chấp nhận sự đối địch không chấp nhận cãi cọ, cũng như ghen tuông, bởi mọi tình cảm nặng nề đều khó cho tôi khi tưởng tượng, và bởi tôi không muốn bức tranh tươi đẹp ấy bị u ám vì một điều gì làm hỏng bản chất của nó. Say mê hai kiểu mẫu khả ái, tôi tự đồng nhất hết mức có thể với người tình và người bạn; nhưng tôi khiến anh ta trẻ trung và dễ mến, lại còn cho anh ta có những đức tính và những khuyết điểm mà tôi cảm thấy ở mình.

Để đặt nhân vật vào một chỗ ở hợp với họ, tôi lần lượt duyệt lại tất cả những nơi chốn đẹp nhất từng thấy trong các chuyến du hành, nhưng không tìm ra được khu rừng nhỏ nào đủ tươi mát, phong cảnh nào đủ cảm động như ý tôi muốn. Những thung lũng miền Thessalie* có thể làm tôi vừa lòng, nếu tôi từng nhìn thấy chúng; nhưng trí tưởng tượng, mệt mỏi vì hư cấu, muốn một nơi chốn thực tế nào đó có thể dùng làm điểm tựa, và huyền ảo hóa thực tại của những cư dân mà tôi muốn đặt vào nơi ấy. Tôi đã nghĩ rất lâu đến các đảo Borromées*, mà quang cảnh tuyệt vời từng khiến tôi cảm kích; nhưng tôi thấy ở đó quá nhiều trang hoàng và kỹ xảo đối với các nhân vật của mình. Tuy nhiên tôi cần một hồ nước, và cuối cùng tôi chọn cái hồ mà con tim tôi chưa bao giờ ngừng lang thang vờ vẩn xung quanh. Tôi quyết định ở mạn bờ hồ, nơi từ lâu lắm từng ước nguyện trú ngụ trong hạnh phúc tưởng tượng mà số phận đã giới hạn cho mình. Quê hương của Má tội nghiệp vẫn còn sức hấp dẫn ưu tiên đối với tôi. Sự tương phản của các vị trí,

tính phong phú và đa dạng của cảnh sắc, vẻ tráng lệ và hùng vĩ của tổng thể làm mê mẩn giác quan, xúc động con tim, nâng cao tâm hồn, khiến tôi quyết định hẳn, và tôi để các thiếu nữ được mình bảo trợ định cư tại Vevey. Đó là tất cả những gì tôi tưởng tượng ngay tức khắc; phần còn lại chỉ được thêm vào sau này.

Một thời gian dài tôi tự giới hạn ở một kế hoạch hết sức mơ hồ, vì để thỏa mãn trí tưởng tượng chỉ cần những đối tượng dễ thương, còn với con tim tôi chỉ cần những tình cảm mà nó ưa sử dụng để tự nuôi dưỡng. Những hư cấu này, do trở lại nhiều lần, cuối cùng thành vững chắc hơn, và cố định trong óc tôi dưới một hình hài xác định. Lúc đó tôi nảy ra ý thích diễn tả trên giấy vài tình huống do chúng cung cấp, và bằng cách hồi tưởng tất cả những gì từng cảm nhận trong thời thanh xuân, có thể nói là khiến cho ước muốn yêu đương cất cánh, ước muốn mà tôi đã không thể thỏa mãn, mà tôi cảm thấy mình bị nung nấu.

Thoạt tiên tôi viết ra giấy vài bức thư tản mạn, không kế tiếp, không liên lạc, và khi định kết nối chúng, nhiều khi tôi rất lúng túng. Điều khó tin và rất thực là hai phần đầu gần như được viết hoàn toàn theo cách này, trong khi tôi không có một kế hoạch nào định hình hẳn, thậm chí không dự liệu là một ngày kia định làm thành một tác phẩm đúng quy củ. Bởi thế mọi người thấy hai phần đó, hình thành sau này từ những vật liệu không được đẽ gọt cho vừa vị trí, đầy những lời lẽ thừa dài dòng, không có ở các phần khác.

Đang ở cực điểm của những mơ màng êm dịu, thì tôi được bà D'Houdetot đến thăm, cuộc viếng thăm đầu tiên trong đời bà, rồi thay lại chẳng phải cuộc viếng thăm cuối cùng, như sau đây ta sẽ thấy. Nữ bá tước D'Houdetot là con của ngài De Bellegarde quá cố, tổng giám thu, là em của ông D'Épinay và của các ông De Lalive và De La Briche, cả hai về sau đều là quan tiếp sứ ở bộ ngoại giao. Tôi đã nói về việc tôi làm quen với bà khi bà chưa lập gia đình. Từ khi bà kết hôn,

tôi chỉ còn gặp bà ở những buổi hội hè tại La Chevrette, ở nhà bà D'Épinay, chị dâu bà. Do đã trải qua nhiều ngày cùng bà ở La Chevrette cũng như ở Épinay, chẳng những tôi thấy bà rất dễ mến, mà còn cho rằng bà cũng có thiện chí đối với tôi. Bà khá thích đi dạo cùng tôi; cả hai chúng tôi đều giỏi đi bộ, và chuyện trò giữa chúng tôi không vơi cạn. Tuy thế tôi không bao giờ đến thăm bà tại Paris, mặc dù bà đã mời tôi thậm chí còn khẩn khoản nhiều lần. Quan hệ của bà với ông De Saint-Lambert, người mà tôi bắt đầu giao du, khiến tôi thấy bà đáng chú ý hơn nữa, và chính để mang cho tôi tin tức của ông bạn này, khi ấy hình như đang ở Mahon, mà bà đến thăm tôi tại Ermitage.

Cuộc viếng thăm hơi giống một bước khởi đầu tiểu thuyết. Bà bị lạc đường. Người đánh xe, rời bỏ khúc đường quanh, định xuyên thẳng từ cối xay Clairvaux đến Ermitage: cỗ xe sa vào vũng bùn ở cuối thung lũng; bà muốn xuống đi bộ nốt quãng đường còn lại. Chiếc giày xinh xắn bị thủng ngay tức khắc; bà sụt xuống bùn; gia nhân phải vất vả trần đòi để giải thoát bà, và cuối cùng bà đến Ermitage chân đi ủng, miệng cười vang, tôi cũng hòa vào đó tiếng cười của mình khi thấy bà đi tới. Phải thay hết giày mới; Thérèse lo việc này, còn tôi khuyên bà hãy quên đi phong thể đường hoàng để dùng một bữa ăn nhẹ quê mùa mà bà thấy rất dễ chịu. Đã muộn, bà chỉ ở lại ít thời gian; nhưng cuộc gặp vui hết sức thành thử bà thấy thích và có vẻ sẵn lòng trở lại. Tuy vậy năm sau bà mới thực hiện dự định này; nhưng, than ôi! Sự chậm trễ đó chẳng bảo hộ cho tôi khỏi điều gì hết.

Suốt mùa thu tôi làm một việc mà mọi người sẽ không ngờ đến, canh giữ hoa quả cho ông D'Épinay. Ermitage là nơi chứa nước của khuôn viên La Chevrette. Tại đó có một khu vườn có tường bao, cây cối trồng sát tường rào và các loại cây khác đem lại cho ông D'Épinay nhiều quả hơn cả vườn La Chevrette, mặc dù người ta lấy trộm của ông đến hai phần ba. Để khỏi làm một vị khách hoàn toàn vô dụng, tôi đảm nhận cai quản khu vườn và giám sát người làm vườn. Mọi sự đều

ôn cho đến mùa quả; nhưng quả chín đến đâu là tôi thấy biến mất đến đấy, mà không hiểu chúng ra làm sao. Người làm vườn đoán chắc với tôi rằng chính lũ chuột sóc ăn hết. Tôi mở cuộc chiến chống chuột sóc, tôi tiêu diệt rất nhiều, thế mà quả vẫn biến mất. Tôi rình rất kỹ, thành thử cuối cùng tôi thấy ra rằng chính người làm vườn là chuột sóc kénh. Anh ta ở Montmorency, đêm đêm anh ta đến từ nơi đó, cùng vợ và các con đem đi số quả đã cất giữ ban ngày, rồi cho bán ở chợ Paris công khai như thể anh ta có khu vườn riêng của mình. Gã khốn này, mà tôi làm ơn cho rất nhiều, mà con cái được Thérèse may mặc cho, mà tôi gần như nuôi nấng ông bố hành khất, trộm cướp của chúng tôi vừa dễ dàng vừa trắng trợn, vì không người nào trong ba chúng tôi đủ cẩn thận để chỉnh đốn mọi việc; và chỉ trong một đêm gã khoảng nhăm hăm cất đồ ăn uống của chúng tôi, sáng ra chẳng còn gì hết. Chừng nào gã chỉ giở trò với tôi, thì tôi chịu đựng tất; nhưng khi muốn báo cáo về hoa quả, tôi buộc phải tố cáo tên ăn trộm. Bà D'Épinay nhờ tôi trả tiền công cho gã, đuổi gã đi và tìm một người khác; tôi làm như vậy. Vì gã đều đêm nào cũng lảng vảng quanh Ermitage, mang một cây gậy to bịt sắt trông như cây chùy, theo sau là một số tên vô lại cùng loại, nên để trấn an các Nữ Thống đốc, bị gã làm kinh sợ ghê gớm, tôi để cho người kế tục gã ngủ lại ban đêm ở Ermitage, và, thấy việc này vẫn chưa khiến các bà an lòng, tôi đề nghị bà D'Épinay đưa một khẩu súng, để trong phòng người làm vườn, giao trách nhiệm cho bác ta chỉ sử dụng khi cần thiết, nếu họ định phá cửa hay trèo vào vườn, và chỉ bắn dọa, để làm lũ trộm sợ hãi mà thôi. Chắc chắn đây là sự đề phòng nhỏ nhất, vì tình trạng an toàn chung, mà một người đàn ông hay se mình khó ở, phải sống qua mùa đông giữa các khu rừng, một mình với hai người đàn bà nhút nhát, có thể sử dụng. Cuối cùng, tôi mua một con chó nhỏ để làm việc canh gác. Vì Deleyre đến thăm vào thời gian này, tôi kể cho anh nghe trường hợp mình, và cùng cười với anh về thiết bị quân sự của mình.

Trở về Paris, đến lượt anh muốn làm Diderot vui, và thế là phe nhóm Holbach biết được rằng tôi thực sự muốn qua mùa đông tại Ermitage. Sự kiên trì này, mà họ không sao hình dung nổi, khiến họ chưng hửng, và trong khi chờ đợi nghĩ ra trò quấy nhiễu nào khác để khiến nơi lưu trú thành khó chịu* đối với tôi, họ biệt phái, qua Diderot, văn anh chàng Deleyre, con người thoát tiên thấy những việc tôi đề phòng thật đơn giản, cuối cùng lại thấy chúng không nhất quán với các nguyên lý của tôi, và chẳng những nực cười mà còn tệ hơn, trong những bức thư đầy những lời cợt nhạo chua chát, và khá châm chọc để tôi bị xúc phạm, nếu như khí chất của tôi hướng sang phía đó. Nhưng lúc này, thấm đẫm những tình cảm yêu thương và triu mến, và do không thể có một tình cảm nào khác, tôi chỉ thấy những lời châm biếm cay chua ấy là câu nói khôi hài, và mang tính vui đùa, trong khi bất kỳ ai khác chắc cũng thấy là ngông cuồng và quá đáng.

Nhờ cảnh giác và chu đáo, tôi bảo vệ được khu vườn kỹ đến mức, mặc dù mùa quả năm ấy gần như hỏng, song thu hoạch lại gấp ba những năm trước, và thật sự tôi không nề hà điều gì để giữ gìn, thậm chí hộ tống những chuyến đưa quả đến La Chevrette và Épinay, thậm chí tự vác giỏ, và tôi còn nhớ là dì và tôi khiêng một giỏ thật nặng, suýt nữa thì quỵ xuống, thành thử buộc lòng cứ đi mười bước lại phải nghỉ, và mồ hôi đầm đìa khi đến nơi.

Khi thời tiết xấu bắt đầu cầm chân tôi, tôi định trở về với những công việc quanh quẩn trong nhà; tôi không sao làm nổi. Đâu đâu tôi cũng chỉ thấy hai cô bạn dễ thương, chỉ thấy anh bạn của các nàng, những người thân cận các nàng, miền đất các nàng cư ngụ, chỉ thấy những vật thể do trí tưởng tượng của tôi sáng tạo ra hay tô điểm cho đẹp lên vì các nàng. Tôi không còn một lúc nào tỉnh táo, cơn mê sáng không rời tôi nữa. Sau rất nhiều cố gắng vô bổ để gạt ra xa mình tất cả những hư cấu ấy, cuối cùng tôi hoàn toàn bị chúng quyến rũ, và chỉ

còn ra sức khiến cho chúng có trật tự đôi chút và liên tục đôi chút, để làm thành một loại tiểu thuyết.

Nỗi lúng túng lớn của tôi là niềm hổ thẹn vì bản thân mình tự phủ định một cách thật rõ ràng và thật công khai như vậy. Sau những nguyên lý nghiêm ngặt mà tôi vừa mới xác lập hết sức ồn ào, sau những phương châm khắc khổ mà tôi vừa mới thuyết giáo hết sức mạnh mẽ, sau bao nhiêu lời sỉ mắng cay chua chống những cuốn sách ảo là thâm đượm tình yêu và sự mềm yếu, người ta có thể tưởng tượng được điều gì bất ngờ hơn, chướng hơn là thấy tôi đột nhiên tự tay mình ghi tên vào số tác giả những cuốn sách mà mình từng chỉ trích rất tàn nhẫn? Tôi cảm nhận được sự thiếu nhất quán này với toàn bộ sức mạnh của nó, tôi tự trách mình vì điều ấy, tôi xấu hổ vì điều ấy, tôi giận mình vì điều ấy: nhưng tất cả những chuyện đó không sao đủ để dẫn tôi trở về với lẽ phải. Hoàn toàn bị chế ngự, tôi đành phục tùng phó mặc rủi may, và đành quyết định coi khinh điều tiếng thị phi, miễn là sau này sẽ suy xét liệu có đưa tác phẩm ra hay không: vì tôi còn chưa nghĩ rằng mình sẽ công bố nó.

Quyết định như vậy rồi, tôi không nề hà lao mình vào những mơ mộng, và nhờ lật đi lật lại những mơ mộng ấy trong đầu, cuối cùng tôi lập được kiểu đề cương mà mọi người đã thấy thực hiện. Chắc chắn đó là cách tận dụng tốt hơn cả những sự điên rồ của tôi: tình yêu đối với cái thiện, chưa bao giờ rời khỏi con tim tôi, hướng những điên rồ ấy vào những mục tiêu hữu ích, và có thể có lợi cho đạo lý. Những cảnh say sưa đắm đuối của tôi sẽ mất hết vẻ đẹp, nếu thiếu màu sắc dịu dàng của sự ngây thơ trong sạch. Một thiếu nữ yếu đuối là một đối tượng đáng thương xót, mà tình yêu có thể khiến cho thành đáng quan tâm, và nhiều khi chẳng kém dễ thương: nhưng ai có thể chịu đựng được mà không công phần quang cảnh những thói tục hợp thời thượng? Và còn gì gây tức giận hơn là sự kiêu ngạo của một người vợ thiếu chung thủy, công khai giày xéo lên mọi nghĩa vụ của mình, còn bảo rằng người chồng phải bội phần cảm tạ vì cô đã gia ân cho chồng

khi chiếu cố không để mình bị bắt quả tang? Những con người hoàn hảo không có trong tự nhiên, và những bài học của họ không đủ gần chúng ta. Nhưng một thiếu nữ, sinh ra với một tấm lòng vừa giàu yêu thương vừa đoan chính, để tình yêu chiến thắng mình khi còn con gái, và khi đã là vợ, thì tìm lại được sức mạnh để đến lượt mình chiến thắng tình yêu, và trở lại là người đức hạnh, kẻ nào bảo với các vị rằng bức họa này trong tổng thể nêu gương xấu và không hữu ích là một kẻ dối trá và giả đạo đức; các vị chớ nghe anh ta.

Ngoài vấn đề phẩm hạnh và sự đoan chính trong tình vợ chồng, liên quan căn bản đến toàn bộ trật tự xã hội, tôi còn đặt một vấn đề kín đáo hơn, về sự hòa hợp và an bình chung; mục tiêu có lẽ lớn lao hơn, quan trọng hơn ở bản thân nó, và ít ra là trong thời điểm hiện tại. Cuộc biến loạn do *Bách khoa toàn thư* kích động, không hề lắng dịu đi mà khi ấy lại đang dữ dội nhất. Hai phái, xông vào nhau với nhiệt cuồng tột độ, giống lũ sói điên dại, hung hăng cắn xé lẫn nhau, hơn là những tín đồ Kitô và những triết gia muốn soi sáng cho nhau, thuyết phục nhau, và dẫn nhau trở lại con đường chân lý. Có lẽ tình hình ở cả hai phái chỉ thiếu những thủ lĩnh hiệu động và được tín nhiệm, để biến chất thành nội chiến, và có Trời biết một cuộc nội chiến tôn giáo sẽ đem lại những gì, khi sự cố chấp tàn ác nhất giống nhau về thực chất ở cả hai phía. Bẩm sinh căm ghét mọi tư tưởng bè phái, tôi đã thẳng thắn nói với cả bên này lẫn bên kia những sự thật khắc nghiệt mà họ chẳng nghe. Tôi bèn nghĩ ra một kế khác, mà tôi ngây thơ thấy như tuyệt diệu: đó là làm cho họ bớt thù ghét lẫn nhau bằng cách phá đi các thiên kiến, và chỉ ra cho mỗi phe thấy ở phe kia giá trị và đức độ, xứng đáng được công chúng quý trọng và được toàn thể mọi người tôn kính. Dự định ít hợp lý này, coi như mọi con người đều có thiện chí, và khiến tôi sa vào khuyết điểm mà tôi từng chê trách ở tu sĩ De Saint-Pierre, đưa tới kết quả tất yếu: nó chẳng khiến các phe phái xích lại gần nhau, mà chỉ khiến họ tập hợp lại để công kích tôi. Trong khi chờ đợi kinh nghiệm giúp tôi cảm nhận được sự điên rồ của mình, có thể

mạo muội nói rằng tôi làm việc đó với nhiệt tình hăng hái xứng với động cơ xui khiến mình, và tôi miêu tả hai tính cách của Wolmar và Julie*, trong một niềm say sưa mê mẩn nó khiến tôi hy vọng làm được cho cả hai đều dễ mến, và, hơn thế nữa, người nọ được như vậy là nhờ người kia.

Hài lòng vì đã phác họa được đề cương một cách thô sơ, tôi trở lại với những tình huống chi tiết; và từ sự sắp xếp những tình huống này, hình thành hai phần đầu của *Julie*, được tôi sáng tác và viết rõ ràng sạch sẽ trong suốt mùa đông với một niềm vui thích khó tả, dùng loại giấy vàng óng đẹp nhất, dùng bột phấn màu bạc và thiên thanh để thắm khô chữ viết, dùng chỉ xanh lam để khâu các quyển vở, rồi cuộc không thấy gì đủ phong nhã, không thấy gì đủ xinh xắn đối với các thiếu nữ khả ái mà tôi mê tít như một Pygmalion* khác. Tối nào tôi cũng ngồi bên lò sưởi, đọc đi đọc lại hai phần ấy cho các Nữ Thống đốc. Cô con gái, chẳng nói năng gì, nước mắt khóc cùng tôi vì tủi lòng; bà mẹ, chẳng thấy như vậy là khen ngợi, không hiểu gì hết, vẫn bình thản, và trong những khoảnh khắc thỉnh thoảng bao giờ cũng chỉ lặp lại với tôi: “Hay lắm ông ạ.”

Bà D'Épinay, lo lắng vì biết tôi ở một mình vào mùa đông giữa rừng, trong một ngôi nhà hẻo lánh, rất hay cử người đến hỏi thăm tin tức. Tôi chưa bao giờ có được những bằng chứng chân thực đến như vậy về tình thân của bà đối với tôi, và chưa bao giờ tình thân của tôi đáp lại mạnh mẽ hơn thế. Tôi sẽ có lỗi nếu không chỉ rõ rằng trong những bằng chứng ấy, bà gửi cho tôi bức chân dung của bà, và yêu cầu tôi chỉ dẫn để có được bức chân dung của tôi, do La Tour vẽ, và đã được trưng bày ở Phòng triển lãm. Tôi cũng không nên bỏ qua một sự ân cần khác, có vẻ buồn cười, nhưng liên quan đến câu chuyện về tính cách của tôi, qua ấn tượng nó gây ra cho tôi. Một hôm trời hết sức giá buốt, khi mở bọc đồ bà gửi cho mình, trong nhiều thứ, tôi thấy một

chiếc váy lót ngắn, bằng loại ni Anh quốc, bà nói rõ là đã mặc, và muốn tôi dùng để may một áo gi lê. Lối viết trong thư thật dễ thương, đầy ngọt ngào ve vuốt và ngây thơ chân chất. Sự chăm chút ấy, hơn cả tình bạn, có vẻ hết sức trù mẫn, cứ như thể bà cởi ra để mặc cho tôi, thành thử trong khi xúc động tôi vừa khóc vừa hôn hai chục lần cả bức thư cả chiếc váy. Thérèse ngỡ tôi hóa rồng. Thật kỳ lạ là, trong tất cả những dấu hiệu của tình thân mà bà D'Épinay biểu lộ, không một dấu hiệu nào từng khiến tôi cảm động như điều đó, và, ngay cả khi chúng tôi đã đoạn tuyệt, chẳng bao giờ tôi nhớ lại mà không mềm lòng. Tôi đã giữ bức thư của bà rất lâu, và có lẽ tôi hãy còn có nó nếu như nó không chịu chung số phận với những thư từ khác của tôi cùng thời gian ấy.

Mặc dù chứng bí tiểu chẳng ngớt mấy vào mùa đông, và một phần mùa đông này tôi phải dùng các que dò, tuy nhiên, xét cho kỹ, đó là thời kỳ mà tôi trải qua một cách êm đềm và yên tĩnh nhất kể từ khi tôi ở Pháp. Suốt bốn năm tháng nhờ thời tiết xấu mà tránh được những khách đến bất chợt, tôi thường thức, nhiều hơn từng thường thức trước và sau đó, cuộc sống độc lập, bình thản và giản dị, mà sự vui hưởng chỉ làm tăng thêm giá trị, chẳng giao du với ai khác ngoài hai Nữ Thống đốc trong thực tế và hai chị em họ* trong tưởng tượng. Đặc biệt chính khi ấy mỗi ngày tôi lại mừng hơn cho mình vì đã quyết định một cách có lương tri, bất cần sự la ó của bạn bè, họ tức giận vì thấy tôi thoát khỏi sự chuyên chế của họ, và khi tôi biết tin về vụ mưu hại của một gã điên khùng*, khi bà D'Épinay và Deleyre kể trong thư về tình trạng hỗn loạn và khích động tại Paris, tôi xiết bao cảm tạ Trời đã đưa mình đi xa khỏi cảnh tượng của những tội ác và những điều ghê sợ, sẽ chỉ nuôi dưỡng, chỉ kích thích thêm khí chất ưu tư cáu kỉnh mà tình trạng rối loạn chung đã gây ra cho tôi; trong khi con tim tôi giờ đây chỉ buông theo những tình cảm nhu hòa dễ thương, do chỉ còn nhìn thấy xung quanh chốn ẩn cư những đối tượng tươi đẹp và êm dịu. Tôi hài lòng ghi lại ở đây những khoảnh khắc an bình cuối cùng còn

lại cho mình. Mùa xuân tiếp theo mùa đông hết sức êm ả này sẽ thấy nảy mầm những bất hạnh mà tôi còn phải thuật lại, và trong sự đan dệt của những bất hạnh ấy ta không còn thấy khoảng thời gian xen kẽ tương tự, ở đó tôi đã được thư thả lấy lại hơi.

Tuy nhiên dường như tôi nhớ lại rằng trong khoảng thời gian an bình ấy và ở thẳm sâu nơi hẻo lánh, mình cũng không được hoàn toàn yên ổn với phe nhóm Holbach. Diderot gây cho tôi vài phiền muộn, và nếu tôi không lầm thì chính trong mùa đông này xuất hiện *Đứa con hoang*, mà tôi sắp phải nói đến. Ngoài những lý do mà sau này mọi người sẽ hiểu, tôi chỉ còn giữ được ít tư liệu chắc chắn của thời kỳ này, ngay cả những tư liệu mà người ta để lại cho tôi cũng rất ít chính xác về ngày tháng. Diderot viết thư không bao giờ đề ngày tháng. Bà D'Épinay, bà D'Houdetot chỉ ghi thứ mấy trong tuần và Deleyre làm như các bà thường xuyên nhất. Khi định sắp xếp các thư này theo thứ tự, tôi đã phải bỏ khuyết bằng cách dò dẫm những ngày tháng mơ hồ, chẳng thể trông cậy được, cho nên, do không thể xác định chắc chắn bước khởi đầu của những mối bất hòa, tôi muốn sau này thuật lại chỉ trong một đề mục tất cả những gì mình có thể nhớ lại.

Mùa xuân trở về đã gia tăng sự cuồng nhiệt đa tình nơi tôi, và trong những phần khích yêu đương, tôi sáng tác cho các phần cuối của *Julie* nhiều bức thư toát lên ý vị của trạng thái say sưa khi tôi viết chúng. Tôi có thể kể ra trong số này những bức thư về Elysée và về cuộc dạo chơi trên hồ, ở cuối phần bốn, nếu như tôi nhớ đúng. Người nào đọc hai bức thư này mà không cảm thấy lòng mình mềm đi và tan hòa trong niềm xúc động đã xui khiến tôi viết ra chúng, thì nên gấp sách lại: người ấy không hợp để xét đoán những điều thuộc tình cảm.

Đúng thời gian này, tôi được bà D'Houdetot đến thăm bất ngờ lần thứ hai. Trong thời gian vắng chồng, là đại úy kỵ binh thị vệ, và vắng người tình, cũng trong quân ngũ, bà đã đến Eaubonne, ở giữa thung lũng Montmorency, tại đây bà đã thuê một ngôi nhà khá xinh đẹp. Từ

nơi ấy bà đến chơi Ermitage lần nữa. Chuyến này bà đi ngựa và mặc trang phục nam giới. Mặc dù chẳng mấy ưa những kiểu hóa trang như vậy, song tôi mê vẻ lãng mạn của cách hóa trang ấy và, lần này, là tình yêu. Bởi đó là tình yêu đầu tiên và duy nhất của cả đời tôi, và bởi hậu quả của nó sẽ khiến nó mãi mãi đáng ghi nhớ và khủng khiếp đối với hồi ức của tôi, nên hãy cho phép tôi đi vào một số chi tiết của sự việc.

Nữ bá tước D'Houdetot xấp xỉ ba mươi, và không đẹp; mặt bà rỗ hoa vì bệnh đậu mùa; làn da thiếu mịn màng, bà cận thị và mắt hơi tròn; nhưng với tất cả những điều này bà có vẻ trẻ trung, và diện mạo vừa linh hoạt vừa dịu dàng, rất dễ thương. Bà có mái tóc đen dày, uốn quăn tự nhiên, buông dài xuống khoeo chân; thân hình bà xinh xắn, và mọi cử động đều đồng thời vừa vụng về vừa duyên dáng. Bà có tâm tính rất tự nhiên và rất dễ mến; sự vui vẻ, sự khinh suất và sự ngây thơ kết hợp thích đáng và tốt đẹp: bà có nhiều câu nói tài tình đáng yêu mà chẳng hề cố công tìm kiếm và đôi khi thốt ra ngoài ý muốn. Bà có nhiều tài năng thú vị, chơi đàn clavecin, khiêu vũ giỏi, làm những câu thơ khá hay. Về tính cách, thì như thiên thần; sự dịu hiền về tâm hồn là nền tảng; nhưng, trừ sự thận trọng và sức mạnh, tính cách ấy tập hợp mọi đức tốt. Đặc biệt bà hết sức đáng tin cậy trong ứng xử, hết sức trung thực trong giao du, thành thử ngay các kẻ thù của bà cũng không cần phải giấu giếm bà. Tôi hiểu kẻ thù là những người đàn ông hay đúng hơn là những người phụ nữ thù ghét bà, vì, về phần bà, thì bà có một tấm lòng không thể thù ghét, và tôi cho rằng sự tương hợp này góp phần rất nhiều khiến tôi say mê bà. Trong những điều tâm sự của tình bạn thân mật nhất, tôi chưa bao giờ nghe bà nói điều không hay về người vắng mặt, ngay cả về chị dâu. Bà không thể ngụy trang với ai điều mình nghĩ, cũng không thể ức chế một tình cảm nào của mình, và tôi tin chắc rằng bà nói về người tình với chính chồng mình, như nói về anh với bạn bè, với người quen, với tất cả mọi người không phân biệt. Cuối cùng, điều chứng tỏ chắc chắn sự trong trẻo và sự chân thành của bản tính bà, đó là do sơ suất vô cùng và đại dột đến tức

cười, bà thường buột miệng những điều rất thiếu thận trọng đối với bản thân, nhưng không bao giờ xúc phạm đối với bất kỳ ai.

Gia đình đã gả bà khi còn rất ít tuổi và bất chấp ý bà cho bá tước D'Houdetot, là người có địa vị, là quân nhân tốt, nhưng ham cờ bạc, hay sinh sự, rất ít hòa nhã, và bà chẳng bao giờ yêu ông. Bà tìm thấy ở De Saint-Lambert mọi tài cán của chồng, cùng những phẩm chất dễ mến hơn, trí tuệ, đức tính, tài năng. Nếu có điều gì cần tha thứ cho phong tục của thời đại, chắc hẳn đó là một mối gán bó nhờ lâu dài mà thành cao nhã, nhờ, kết quả mà được vẻ vang, và chỉ vững bền do quý trọng lẫn nhau.

Theo tôi nghĩ, bà đến thăm tôi, vì ưa mến đôi chút, song phần lớn vì muốn làm vui lòng Saint-Lambert. Anh đã khuyến khích bà đến, và anh có lý khi tin rằng tình bạn bắt đầu xác lập giữa chúng tôi sẽ khiến cho mối giao du này thành dễ chịu với cả ba người. Bà biết là tôi hiểu quan hệ của họ, và do có thể thoải mái nói với tôi về anh, nên dĩ nhiên ở bên tôi bà thấy vui. Bà đến; tôi nhìn thấy bà; tôi đang say vì tình yêu không đối tượng; trạng thái say này mê hoặc mắt tôi, đối tượng này cố định hóa ở bà; tôi nhìn thấy nàng Julie của tôi trong bà D'Houdetot, và lập tức chỉ còn thấy bà D'Houdetot, nhưng được khoác mọi vẻ hoàn mỹ mà tôi vừa mới điểm tô cho thần tượng của lòng mình. Để làm tôi quỵ hấn, bà nói với tôi về Saint-Lambert theo cách một tình nương đắm đuối, sức mạnh lây lan của tình yêu! Nghe bà trò chuyện và cảm thấy mình ở bên bà, tôi rung mình một cách tuyệt diệu, điều tôi chưa từng cảm nhận bên một ai hết. Bà trò chuyện, và tôi thấy mình xúc động; tôi tưởng mình chỉ quan tâm đến tình cảm của bà, trong khi tôi đang nhiễm lấy những tình cảm tương tự; tôi uống từng hơi dài chén thuốc độc, mà tôi chỉ mới cảm thấy vị ngọt ngào. Rốt cuộc, bà khơi nên ở tôi, đối với chính bà, tất cả những gì bà phát biểu đối với tình lang của mình, song tôi không nhận ra và bà cũng chẳng nhận ra. Than ôi! Thật quá muộn, thật quá ác nghiệt khi đắm vào một mối đam mê

rất mãnh liệt và cũng rất bất hạnh, dành cho một người đàn bà mà con tim đã đầy ắp một tình yêu khác.

Mặc dù cảm thấy những xúc động dị thường bên cạnh bà, song mới đầu tôi không nhận ra điều gì đã xảy đến với mình: chỉ sau khi bà đi rồi, muốn nghĩ đến Julie, tôi mới kinh ngạc vì chỉ có thể nghĩ đến bà D'Houdetot mà thôi. Thế là tôi sáng mắt ra; tôi cảm nhận nỗi bất hạnh của mình, tôi than van, nhưng không tiên đoán được hậu quả.

Một thời gian dài tôi do dự về cách thức mình sẽ xử sự với bà, cứ như thể tình yêu đích thực còn cho ta đủ lý trí để làm theo những quyết nghị. Tôi còn chưa xác định thì bà lại đến bất ngờ. Lần này thì tôi đã hiểu, sự hồ thẹn, đi đôi với điều sai trái, khiến tôi câm lặng, run rẩy trước mặt bà; tôi chẳng dám mở miệng chẳng dám ngược mắt; tôi lâm vào một nỗi bối rối khó tả, thành thử bà không thể không thấy. Tôi quyết định thú nhận với bà rằng mình bối rối, và để bà đoán nguyên nhân: như thế chính là nói ra nguyên nhân khá rõ ràng.

Giả sử tôi trẻ trung và dễ mến, và sau đó giả sử bà D'Houdetot yếu đuối, thì ở đây tôi sẽ chê trách cách xử sự của bà: nhưng vì không có những điều trên, nên tôi chỉ có thể ngợi khen và cảm phục cách xử sự đó. Quyết định của bà vừa hào hiệp vừa thận trọng. Bà không thể đột ngột xa lánh tôi mà không nói ra nguyên nhân với Saint-Lambert, chính anh đã khuyên bà đến thăm tôi; làm như vậy là đẩy hai người bạn vào nguy cơ đoạn tuyệt với nhau, và có thể gây một vụ tai tiếng mà bà muốn tránh, với tôi bà có lòng quý trọng và có thiện chí. Bà xót thương sự điên rồ của tôi; không chiều chuộng sự điên rồ ấy song bà ái ngại cho nó và cố gắng chữa khỏi cho tôi. Bà rất vui nếu giữ được cho tình lang và cho bản thân một người bạn mà bà nể trọng: bà chẳng thích trò chuyện với tôi về điều gì hơn là về nhóm giao du thân mật và êm đềm mà chúng tôi có thể tạo ra giữa ba người, khi sau này tôi trở nên biết điều; không phải bao giờ bà cũng giới hạn ở những lời khuyến khích thân tình ấy, và khi cần thì chẳng miễn cho tôi những điều quả trách khắc nghiệt nhất mà tôi đáng chịu.

Bản thân tôi lại càng ít miễn tự quở trách. Hễ vừa ở một mình, là tôi tỉnh lại; tôi bình tĩnh hơn sau khi đã nói ra: tình yêu được người gây nên nó biết đến trở thành dễ chịu đựng hơn. Việc tự quở trách kịch liệt lẽ ra phải chữa cho tôi khỏi được tình yêu ấy, nếu như điều đó có thể. Còn lý do mạnh mẽ nào mà tôi không cầu viện để bóp nghẹt tình yêu ấy! Phẩm hạnh của tôi, cảm nghĩ của tôi, nguyên lý của tôi, niềm hồ thẹn, sự thiếu chung thủy, tội ác, việc lạm dụng sự ủy thác của tình bạn, cuối cùng là tình trạng lỗ bịch tức cười ở tuổi tôi mà đắm vào mỗi đam mê ngông cuồng phi lý nhất với một đối tượng mà con tim đã có nơi có chốn chẳng thể đáp lại tôi, cũng chẳng thể cho tôi một hy vọng nào: hơn nữa lại là mỗi đam mê, dầu có kiên gan bền chí cũng chẳng được gì, nên càng ngày càng khó chịu đựng.

Ai mà tin được rằng cái lý do cuối cùng ấy, đáng lẽ thêm sức nặng cho mọi lý do khác, lại là lý do tránh né được tất cả? Tôi nghĩ, mình có thể dẫn đo ngần ngại nổi gì chứ, về một sự điên rồ chỉ có hại cho riêng mình? Vậy ra mình là một kỵ sĩ trẻ trung rất đáng sợ đối với bà D'Houdetot hay sao? Với những ân hận đầy tự phụ, chẳng hóa ra sự tình tứ phong nhã của mình, bộ dạng của mình, sự chưng diện của mình, sẽ quyến rũ được bà hay sao? Nay! Jean-Jacques tội nghiệp, cứ tha hồ mà yêu đi, với lương tâm yên ổn, và đừng sợ rằng những tiếng thở dài của người gây hại cho Saint-Lambert.

Mọi người đã thấy là tôi không bao giờ khoe khoang tự đại ngay cả khi còn trẻ. Cách suy nghĩ này hợp với khí chất tôi, nó chiều chuộng niềm đam mê của tôi; thế là đủ để tôi buông mình cho nó không dè dặt, thậm chí cười nhạo nỗi dẫn đo ngần ngại xác láo mà tôi tưởng là do tự cao tự đại hơn là do lý trí. Bài học quan trọng cho những tâm hồn lương thiện, mà tính xấu không bao giờ tấn công lộ liễu, nhưng lại tìm được cách tập kích, bao giờ cũng tự che đậy bằng điều nguy biện nào đó, và nhiều khi bằng đức tính nào đó.

Phạm tội không ân hận, chẳng bao lâu tôi phạm tội không chừng mực, và, xin hãy làm ơn xem niềm đam mê của tôi noi theo bản tính

của tôi như thế nào, để cuối cùng kéo tôi xuống vực thẳm. Thoạt tiên, nó mang vẻ khiêm nhường để trấn an tôi, và nhằm biến tôi thành dạn dĩ, nó đẩy sự khiêm nhường này tới mức hồ nghi. Bà D'Houdetot, trong khi không ngừng nhắc nhở tôi trở về với bốn phận, với lẽ phải, trong khi không một lúc nào chiều chuộng nỗi điên rồ của tôi, vẫn đối xử với tôi hết sức dịu dàng, và có thái độ của tình bạn triu mến nhất. Tình bạn ấy lẽ ra đủ cho tôi, tôi xin quả quyết như vậy, nếu tôi nghĩ rằng nó chân thành; nhưng do thấy nó quá sốt sắng nên không thực, tôi lại nhồi vào óc mình ý tưởng là tình yêu, từ nay trở đi rất ít thích hợp với tuổi tác của tôi, với tư thái của tôi, đã hạ thấp tôi trước mắt bà D'Houdetot; rằng thiếu phụ điên rồ này chỉ muốn dùng tôi và những sự ngọt ngào cổ lỗ của tôi để giải khuây; rằng bà đã tâm sự về chuyện này với Saint-Lambert, và niềm công phần vì sự thiếu trung thực của tôi đã khiến tình lang của bà tán thành ý kiến bà, cả hai thông đồng với nhau để làm cho tôi mê mệt hẳn và để nhạo báng tôi. Sự ngu ngốc này, từng khiến tôi xử sự ngông cuồng phi lý ở tuổi hăm sáu bên bà De Larnage, mà tôi không quen biết, lẽ ra có thể tha thứ được ở tuổi bốn lăm, bên bà D'Houdetot, nếu như tôi không hiểu rõ bà và tình lang cả hai đều quá chính trực nên không đùa một cách tàn bạo như thế.

Bà D'Houdetot tiếp tục đến thăm tôi và tôi nhanh chóng đáp lễ. Bà cũng thích đi bộ như tôi: chúng tôi đi dạo những quãng đường dài, trong một xứ sở thần tiên. Hải lòng vì yêu và dám nói ra điều đó, lẽ ra tôi ở vào tình huống êm dịu nhất, nếu như sự ngông cuồng không hủy hoại toàn bộ tính kỳ thú của tình huống ấy. Thoạt tiên bà chẳng hiểu gì về trạng thái cáu kỉnh ngu dại của tôi khi được bà ân cần vỗn vỗ; nhưng con tim tôi, không bao giờ biết giấu giếm điều gì đang diễn ra trong đó, sớm để bà rõ những ngờ vực của tôi; bà định cười nhạo chuyện này; cách ấy chẳng thành công; kết quả có lẽ sẽ là những cơn điên giận: bà liền thay đổi thái độ. Không gì thắng nổi sự dịu dàng đầy trắc ẩn của bà; những lời bà trách móc khiến tôi thối thu; đối với những nỗi sợ không chính đáng của tôi bà tỏ bày niềm lo lắng mà tôi

lợi dụng. Tôi đòi hỏi chứng cứ là bà không chế nhạo tôi. Bà thấy chẳng có cách nào khác để làm tôi yên lòng. Tôi thúc giục, tình trạng rất tế nhị. Thật kỳ lạ, có lẽ độc nhất vô nhị, là một người phụ nữ có thể đi tới chỗ dẫn đo mặc cả, lại gỡ ra được một cách ổn thỏa đến thế. Bà chẳng khước từ tôi điều gì mà tình bạn triu mến nhất có thể chấp thuận. Bà chẳng chấp thuận cho tôi điều gì có thể khiến bà thành thiếu chung thủy, và tôi nhục nhã thấy rằng đám cháy bùng bùng của nhục cảm nơi tôi do những ân huệ nhẹ nhàng của bà khơi dậy chẳng bao giờ lan tới nhục cảm nơi bà một tia lửa nhỏ.

Tôi đã nói ở đâu đó rằng không nên chấp thuận cho nhục cảm một chút gì hết, khi ta muốn khước từ chúng điều gì đó. Để biết được châm ngôn ấy sai lầm đến thế nào đối với bà D'Houdetot và bà có lý đến thế nào khi trông cậy ở bản thân, cần phải đi vào chi tiết những cuộc gặp gỡ mặt đối mặt thường xuyên và kéo dài giữa chúng tôi, và dõi theo những cuộc gặp gỡ ấy với toàn bộ tính mãnh liệt của chúng suốt bốn tháng chúng tôi cùng nhau trải qua trong tình thân mật hầu như chưa từng thấy giữa đôi bạn khác giới, tự giam mình trong những thể thức mà chúng tôi không bao giờ vượt ra ngoài. Chà! Nếu như tôi đã lần lữa lâu đến thế mới cảm nhận tình yêu đích thực, thì khi đó con tim tôi và nhục cảm của tôi trả nợ rất hậu cho tình yêu ấy! Và người ta phải cảm kích đến đâu bên một đối tượng ta yêu và yêu ta, nếu như ngay cả một tình yêu không được chia sẻ cũng có thể gây nên những cảm kích như vậy?

Nhưng tôi sai khi nói về một tình yêu không được chia sẻ; tình yêu của tôi có thể nói là được chia sẻ; nó ngang bằng ở hai phía, mặc dù không có đi có lại. Cả hai chúng tôi đều say tình, bà say vì tình lang, tôi say vì bà; những tiếng thở dài, những giọt lệ tuyệt vời của chúng tôi hòa lẫn nhau.

Người nợ là bạn tâm giao triu mến của người kia, tình cảm của chúng tôi có bao điều tương tự, thành thử không thể không hòa trộn ở điều gì đó; tuy nhiên, giữa niềm say sưa nguy hiểm ấy, bà không một

lúc nào quên bốn phận mình; còn tôi, xin quả quyết, xin thề rằng, nếu đôi khi thác loạn do nhục cảm, tôi có định làm cho bà thiếu chung thủy, thì chưa bao giờ tôi thực sự ham muốn bà. Tính dữ dội của đam mê nơi tôi tự nó kìm giữ đam mê. Bốn phận phải tiết chế đã khiến tâm hồn tôi hưng phấn. Ánh sáng rực rỡ của mọi đức hạnh điểm tô cho thần tượng của lòng tôi trước mắt tôi; làm như hình ảnh thiêng liêng của thần tượng sẽ là hủy diệt nó. Tôi có thể phạm trọng tội; tôi đã phạm hàng trăm lần trong lòng; nhưng làm mất giá trị Sophie của tôi ư? Ôi! Điều ấy có thể ư? Không, không; tôi đã nói với chính bà hàng trăm lần, giả sử tôi có quyền tự thỏa mãn, giả sử ý muốn của bản thân bà có phó thác bà cho tôi, thì trừ vài khoảnh khắc mê sảng ngẩn ngui, tôi sẽ từ chối được hạnh phúc với cái giá đó. Tôi quá yêu bà nên không muốn chiếm hữu bà.

Đường từ Ermitage đến Eaubonne gần một dặm; trong những chuyến đi thường xuyên, đôi khi tôi ngủ lại Eaubonne; một buổi tối, sau khi ăn bữa đêm riêng tư, chúng tôi đi dạo trong vườn dưới ánh trăng đẹp nhất, ở cuối vườn là một khu rừng khá lớn, qua đó chúng tôi tìm đến một lùm cây xinh đẹp được điểm tô thêm một thác nước mà tôi đã gợi ý với bà và bà cho thực hiện. Kỷ niệm bất diệt về sự trong sạch và lạc thú! Chính trong lùm cây này, ngồi cùng bà trên bãi cỏ, dưới một cây xiêm gai đầy hoa, để diễn tả những xúc cảm trong lòng, tôi tìm được một ngôn ngữ thực sự xứng với chúng. Đó là lần đầu tiên và duy nhất trong đời; nhưng tôi đã tận thiện tận mỹ, nếu có thể gọi như vậy tất cả những gì dễ thương và hấp dẫn mà tình yêu tha thiết nhất và nồng nàn nhất có thể chứa đựng trong một trái tim nam giới. Biết bao giọt lệ say sưa ngây ngất tôi đã tuôn rơi trong lòng bà! Biết bao giọt lệ tôi đã khiến bà tuôn rơi một cách bất đắc dĩ! Cuối cùng, trong một cảm kích bất tự giác, bà kêu lên: “Không, không bao giờ có người dễ thương đến thế, và không bao giờ có người tình nào yêu như anh! Nhưng Saint-Lambert bạn anh đang lắng nghe chúng ta, và con tim tôi không thể yêu hai lần.” Tôi im tiếng và thở dài; tôi ôm hôn bà;

ôm hôn thế nào chứ! Nhưng tất cả chỉ có thế. Đã sáu tháng bà sống một mình, nghĩa là xa người tình và xa chồng; đã ba tháng hầu như ngày nào tôi cũng gặp bà, và bao giờ tình yêu cũng là kẻ thứ ba giữa bà và tôi. Chúng tôi đã ăn bữa khuya mặt đối mặt, giờ đây chỉ có riêng chúng tôi, trong một lùm cây dưới ánh trăng, và sau hai giờ trò chuyện nồng nhiệt nhất và âu yếm nhất, vào nửa đêm bà ra khỏi lùm cây và ra khỏi vòng tay người bạn, vẫn vẹn nguyên, vẫn trong trẻo về cơ thể và tâm hồn y như khi bước vào. Bạn đọc, xin hãy cân nhắc tất cả những tình huống ấy, tôi sẽ không nói thêm gì nữa.

Và xin mọi người đừng tưởng tượng rằng ở đây nhục cảm để cho tôi yên ổn, như ở bên Thérèse và bên Má. Tôi đã nói rồi, lần này là tình yêu, và tình yêu với toàn bộ khí lực của nó và toàn bộ nhiệt cuồng của nó. Tôi sẽ chẳng miêu tả những rung động, những run rẩy, những hồi hộp, những quặn quại, những suy nhược mà tôi liên tục cảm thấy; mọi người có thể xét đoán điều đó qua tác động của riêng hình ảnh bà đối với tôi. Tôi đã nói là từ Ermitage đến Eaubonne khá xa; tôi đi qua những sườn đồi Andilly xinh đẹp. Vừa đi tôi vừa mơ mộng đến người mình sắp gặp, đến sự đón tiếp ân cần của người ấy, đến nụ hôn chờ đợi mình khi tới nơi. Chỉ riêng nụ hôn ấy, cái nụ hôn độc hại, ngay trước khi nhận nó, đã làm khí huyết tôi bùng bùng đến mức rối loạn đầu óc, hoa mắt choáng váng, đầu gối bủn rủn không thể đứng vững; tôi buộc phải dừng bước, phải ngồi xuống; toàn bộ khí quan lâm vào trạng thái hỗn loạn không sao hiểu nổi: tôi sắp ngất xỉu. Biết nguy cơ, khi ra đi, tôi cố gắng khuấy lãng và nghĩ sang chuyện khác. Chưa được hai chục bước chân thì vẫn những hồi ức ấy và tất cả những tai biến tiếp theo trở lại tấn công tôi mà tôi không sao tự giải thoát được, và dù có xoay xở cách nào, tôi cũng chưa bao giờ một mình đi được quãng đường này mà vô sự. Tôi tới Eaubonne, yếu ớt, kiệt sức, chịu thua, đứng không vững, vừa mới nhìn thấy bà, mọi thứ hồi phục, ở bên bà tôi chỉ còn cảm thấy sự quấy rầy của một khí lực vô tận và luôn vô dụng. Trên con đường tôi đi, ở chỗ nhìn thấy Eaubonne, có một khoảng đất

cao xinh đẹp, gọi là Núi Olympe, đôi khi chúng tôi đến đó, mỗi người từ phía của mình.

Tôi đến trước; phận của tôi là chờ đợi người ấy; nhưng sự chờ đợi này khó khăn vất vả cho tôi xiết bao! Để giải khuây, tôi thử viết bằng bút chì những bức thư mà lẽ ra tôi có thể ghi bằng chất máu thuần khiết nhất của mình: chẳng bao giờ tôi hoàn thành nổi một bức có thể đọc được chữ. Khi bà tìm thấy một thư nào đó trong hốc tường mà chúng tôi đã thỏa thuận, bà chẳng thấy được gì khác ngoài tình trạng tệ hại thực sự của tôi khi viết. Tình trạng này, nhất là thời gian nó tồn tại, suốt ba tháng liên tục bị kích thích và phải kiêng nhịn, đẩy tôi vào một trạng thái suy kiệt nhiều năm trời tôi không thoát ra được, và cuối cùng khiến tôi bị một chứng thoát vị mà tôi sẽ đem nó hay là nó sẽ đem tôi xuống mộ. Đó là lạc thú yêu đương duy nhất của con người có tính khí dễ bốc lửa nhất, nhưng đồng thời cũng là tính khí yếu đuối nhất, mà tạo hóa có lẽ từng tạo nên. Đó là những ngày tươi đẹp cuối cùng dành cho tôi trên thế gian: từ đây bắt đầu chuỗi tai họa dằng dặc của đời tôi, mà ta sẽ thấy ít khi đứt đoạn.

Cả đời tôi, mọi người đã thấy là con tim tôi, trong suốt như pha lê, chưa bao giờ giấu giếm được tròn một phút một tình cảm hơi mãnh liệt ẩn náu trong đó. Xin hãy xét xem liệu tôi có thể giấu giếm lâu dài mối tình của tôi với bà D'Houdetot hay không, sự thân mật của chúng tôi khiến mọi con mắt phải chú ý, chúng tôi chẳng hề ngấm ngấm chẳng hề bí mật. Bản tính bà không cần như thế, và vì bà D'Houdetot có tình bạn triu mến nhất đối với tôi, vì bà không hề tự chê trách, vì đối với bà tôi có niềm quý trọng mà không ai biết rõ toàn bộ tính chính đáng hơn tôi; bà thì thẳng thắn, lơ đãng, khinh suất; tôi thì chân thực, vụng về, kiêu hãnh, nóng nảy, hung hăng, chúng tôi để cho thiên hạ có nhiều điểm để nắm lấy mình, trong trạng thái an toàn đối lừa của chúng tôi, còn hơn là giả sử chúng tôi phạm tội. Cả hai chúng tôi đến Chevrette, chúng tôi thường cùng ở đó, đôi khi do hẹn gặp. Chúng tôi sống tại đó theo cách bình thường, ngày nào cũng đi dạo riêng với

nhau, trò chuyện về tình yêu của chúng tôi, về bốn phận của chúng tôi, về anh bạn của chúng tôi, về những dự định trong sạch của chúng tôi, trong khuôn viên, đối diện căn hộ của bà D'Épinay, dưới cửa sổ nhà bà, tại đó, bà không ngừng quan sát chúng tôi, và cho là mình bị thách thức, bà để cho cỗi lòng, nhờ con mắt nhìn, mà thỏa thuê công phần và diên giận.

Hết thảy phụ nữ đều có nghệ thuật che giấu nỗi diên giận, nhất là khi nỗi diên giận ấy mãnh liệt. Bà D'Épinay, dữ dội, nhưng chín chắn, đặc biệt cao cường về nghệ thuật này. Bà giả vờ không thấy gì hết, không nghi ngờ gì hết, và trong khi gia tăng chăm sóc, ân cần, gần như trêu ghẹo tôi, thì đồng thời bà cố tình dồn lên cổ em chồng những thủ đoạn bất chính, và những biểu hiện của một sự khinh miệt mà dường như bà định truyền sang cho tôi. Ta thừa biết bà chẳng thành công; nhưng tôi vô cùng khổ sở. Bị những tình cảm trái ngược giằng xé, vừa cảm động trước sự ân cần vồn vã của bà, tôi vừa khó kiềm chế được nỗi tức giận khi thấy bà khiếm nhã với bà D'Houdetot. Tính tình dịu dàng như thiên thần khiến bà D'Houdetot chịu đựng tất cả không phàn nàn, thậm chí không oán hận gì hơn. Và chẳng bà thường rất lơ đãng, và bao giờ cũng rất ít nhạy cảm với những trò này, nên phần nửa thời gian bà chẳng nhận ra.

Tôi hết sức bận tâm với đam mê của mình, thành thử, do chẳng thấy gì ở Sophie (đó là một trong những tên gọi của bà D'Houdetot), thậm chí tôi không để ý thấy mình đã trở thành trò cười cho cả nhà và những người khách bất chợt. Trong số khách này có nam tước D'Holbach, người mà theo tôi biết, chưa từng đến La Chevrette. Nếu khi ấy tôi cũng hoài nghi như về sau đã trở nên hoài nghi, chắc tôi sẽ rất ngờ bà D'Épinay sắp xếp chuyến đi ấy để tặng anh ta món quà thú vị là được xem Người công dân si tình. Nhưng khi đó tôi thật ngu đần, thành thử chẳng thấy ngay cả những gì rành rành trước mắt toàn thiên hạ. Tuy nhiên, toàn bộ sự xuẩn ngốc của tôi cũng không ngăn cản tôi thấy Nam tước có vẻ hài lòng hơn, vui vẻ hơn bình thường. Thay vì

giận dữ nhìn tôi như thường lệ, anh buông ra với tôi hàng trăm điều cợt nhạo mà tôi chẳng hiểu gì hết. Tôi mở to mắt không đáp lại; bà D'Épinay ôm bụng mà cười; tôi chẳng biết họ bị làm sao nữa. Bởi chưa có một điều gì vượt quá giới hạn đùa cợt, nên nếu như nhận ra, thì tất cả những gì tốt nhất tôi có thể làm, có lẽ là chịu cho họ đùa. Nhưng quả thực qua sự vui vẻ đầy nhạo báng của nam tước ta thấy lấp lánh trong mắt anh một niềm hoan hỉ hiềm ác, có lẽ sẽ khiến tôi lo lắng, nếu khi ấy tôi nhận ra cũng rõ ràng như về sau nhớ lại.

Một hôm, đến thăm bà D'Houdetot tại Eaubonne, khi bà trở về từ một chuyến đi xa Paris, tôi bắt gặp bà buồn rầu và thấy là bà đã khóc. Tôi buộc phải tự kiềm chế, vì bà De Blainville, em chồng bà, đang ở đó; nhưng vừa tìm được lúc, là tôi bày tỏ nỗi lo lắng. Bà thở dài bảo tôi: “Ôi! Tôi rất sợ những sự điên rồ của anh khiến đời tôi không được yên ổn. Saint-Lambert biết và đã cho tôi biết. Anh ấy thừa nhận tư cách của tôi, nhưng anh ấy tức giận, tệ hơn nữa, là lại giấu tôi một phần sự tức giận. May là chẳng có một điều gì trong quan hệ giữa chúng ta mà tôi lại không nói với anh ấy, những quan hệ hình thành dưới sự bảo hộ của anh ấy. Thư từ của tôi toàn nói về anh, cũng giống như lòng tôi; tôi chỉ giấu anh ấy tình yếu điên rồ phi lý của anh, điều mà tôi hy vọng chữa khỏi cho anh, điều mà anh ấy không nói với tôi, song tôi thấy anh ấy coi như một tội của tôi. Họ đã làm hại chúng ta; họ đã gây hại cho tôi; nhưng cần gì. Hoặc chúng ta đoạn tuyệt hẳn, hoặc anh hãy cứ là như anh phải là. Tôi không muốn có điều gì phải giấu người tình của tôi nữa.”

Đó là khoảnh khắc đầu tiên tôi cảm nhận nỗi hổ thẹn thấy mình nhục nhã, bởi ý thức về lỗi lầm của mình, trước một thiếu phụ mà tôi đang chịu những lời quở trách đích đáng, mà lẽ ra tôi phải là người dẫn dắt. Niềm công phần đối với bản thân lẽ ra có thể đủ để tôi vượt lên sự yếu đuối, nếu như nỗi cảm thương trù mến mà nạn nhân khơi gợi nơi tôi không làm tôi mềm lòng. Hỡi ôi! Đâu phải lúc có thể khiến lòng mình chai sạn, khi nó chứa chan lai láng những giọt lệ thấm vào

nó từ khắp mọi hướng? Nỗi mũi lòng này sớm chuyển thành phần nộ đối với những kẻ tố giác hèn hạ chỉ nhìn thấy cái xấu trong một tình cảm tội lỗi nhưng không cố ý, mà chẳng tin, thậm chí chẳng tưởng tượng được sự đoan chính chân thành về tâm hồn nó cứu chuộc cho tình cảm ấy. Chúng tôi không phải nghi hoặc lâu về bàn tay phát ra miếng đòn.

Cả hai chúng tôi đều biết rằng bà D'Épinay thường trao đổi thư từ với Saint-Lambert. Đây chẳng phải tai ương đầu tiên bà từng gây cho bà D'Houdetot, người mà bà đã muôn ngàn lần cố gắng làm cho Saint-Lambert xa rời, và thành công của một vài cố gắng đó khiến sau này người ta run sợ. Vả chẳng Grimm, hình như đã đi theo ông De Castries trong quân ngũ, hiện ở Wesphalie, cũng như Saint-Lambert; đôi khi họ gặp gỡ nhau. Grimm từng có vài mưu toan đối với bà D'Houdetot nhưng không thành công. Grimm, rất chậm tự ái, hoàn toàn thôi lui tới gặp gỡ bà. Xin hãy phán đoán sự bình tĩnh của anh ta, người mà ta đã biết là nhũn nhặn như thế nào, khi anh ta cho rằng bà ưu ái một người nhiều tuổi hơn mình, và từ thuở giao thiệp với giới quyền quý, anh ta chỉ nói về người đó như kẻ được mình che chở.

Những nghi ngờ của tôi đối với bà D'Épinay chuyển thành niềm tin chắc khi tôi biết những gì từng diễn ra tại nhà mình. Khi tôi ở Chevrette, Thérèse thường hay đến đó, hoặc để mang thư từ cho tôi, hoặc để chăm sóc những điều cần thiết cho sức khỏe kém của tôi. Bà D'Épinay đã hỏi cô xem bà D'Houdetot và tôi có viết thư cho nhau hay không. Khi cô nhận là có, bà thúc ép cô giao thư của bà D'Houdetot cho bà, đảm bảo với cô rằng bà sẽ niêm phong lại thật kỹ nên không thấy được, chẳng tỏ ra ngạc nhiên và công phần đến thế nào vì đề nghị này, cũng chẳng báo cho tôi biết, Thérèse chỉ giấu kỹ hơn những bức thư cô đem đến; sự đề phòng rất hay, vì bà D'Épinay cho rình cô khi tới, và chờ cô khi đi qua, nhiều lần táo tợn đến mức lục lọi yếm tạp dề của cô. Bà còn làm hơn thế: một hôm bà tự đến cùng ông De Margency để ăn trưa tại Ermitage, lần đầu tiên kể từ khi tôi ở

đó, trong lúc tôi đi dạo với Margency, bà vào thư phòng của tôi cùng hai mẹ con, và thúc ép họ chỉ cho bà thư từ của bà D'Houdetot. Nếu người mẹ biết được thư ở chỗ nào, chúng sẽ bị giao nộp; nhưng may thay chỉ cô con gái biết, và chối rằng tôi chẳng giữ lại một bức nào hết. Lời nói dối chắc chắn là đầy chính trực, đầy trung thành, đầy hào hiệp, trong khi nói thực có lẽ lại chỉ là phản trắc. Thấy không thể lung lạc được cô, bà D'Épinay cố gắng chọc tức cô bằng sự ghen tuông, trách cô dễ dãi và mù quáng. Bà bảo cô: “Làm sao cô lại không thấy giữa họ có mối giao du tội lỗi? Nếu như, bất chấp những gì rành rành trước mắt, cô cần các chứng cứ khác, vậy cô hãy chịu giúp những gì cần làm để có chứng cứ: cô bảo là ông ấy xé thư của bà D'Houdetot ngay khi đọc xong. Thế thì, cô hãy thu thập cẩn thận các mảnh, và đưa cho tôi; tôi đảm nhận ráp chúng lại.” Đây là những bài học mà bà bạn tôi dạy cho người phụ nữ chung sống với tôi.

Thérèse kín đáo không nói gì với tôi về tất cả những mưu toan này trong một thời gian khá dài; nhưng thấy tôi phân vân, cô cho rằng buộc phải nói hết, để tôi biết mình gặp phải người như thế nào, và liệu cách tự bảo vệ trước những sự phản trắc mà người ta đang mưu đồ hại tôi. Niềm công phẫn, sự điên giận của tôi không sao tả nổi. Thay vì giả vờ với bà D'Épinay, theo gương bà ta, và dùng kế phản lại, tôi buồn mình không chừng mực cho bản tính hung hăng nóng nảy, và với thái độ khinh suất thường ngày, tôi công khai bùng nổ. Mọi người có thể đánh giá sự đại dột bất cần của tôi qua những bức thư sau đây, cho thấy khá đầy đủ cách hành động của hai bên trong trường hợp này.

THƯ CỦA BÀ D'ÉPINAY

(Tập A, số 44)

Vì sao tôi không thấy bạn nhỉ, bạn thân mến? Tôi lo lắng cho bạn. Bạn đã hứa với tôi rất nhiều là chỉ đi đi lại lại từ Ermitage đến đây thôi! Vì vậy tôi đã để bạn thoải mái; thế mà tuyệt nhiên không,

bạn để tám ngày trôi qua. Nếu mọi người không bảo tôi là bạn khỏe, tôi sẽ tưởng bạn đang ốm, Hôm qua hay hôm kia tôi đã chờ đợi bạn, thế mà chẳng thấy bạn đến. Lay Chúa! Bạn làm sao vậy? Bạn không hề bận công việc; bạn cũng không buồn phiền, vì tôi tự phụ là nếu thế bạn sẽ đến tâm sự với tôi ngay. Vậy ra bạn ốm ư! Hãy giúp tôi khỏi lo lắng thật nhanh, tôi xin bạn đấy. Tạm biệt, bạn thân mến; mong sao lời tạm biệt này mang đến cho tôi một lời chào của bạn.

THƯ TRẢ LỜI

Buổi sáng ngày thứ tư ấy

Tôi còn chưa thể nói gì với chị hết. Tôi chờ biết rõ hơn, và sớm hay muộn tôi sẽ biết rõ. Trong khi chờ đợi, xin chị hãy tin chắc rằng sự trong sạch bị kết tội sẽ tìm được người bảo vệ nồng nhiệt để khiến những kẻ vu cáo phải hối hận đôi chút, dù họ là ai chẳng nữa.

THƯ THỨ HAI CỦA CÙNG NGƯỜI ĐÓ

(Tập A, số 45)

Bạn có biết là thư của bạn khiến tôi hoảng sợ hay không? Thư muốn nói gì vậy? Tôi đã đọc lại hơn hai mươi lần. Thật sự tôi chẳng hiểu gì hết. Tôi chỉ thấy rằng bạn lo lắng và khổ não, và bạn đợi cho hết lo lắng khổ não để nói với tôi về chuyện đó. Bạn thân mến, đây có phải điều chúng ta đã thỏa thuận hay không? Tình bạn ấy, niềm tin ấy, đã ra sao rồi? Và làm thế nào mà tôi lại bị mất những điều đó? Bạn giận vì tôi, hay giận cho tôi? Dù thế nào chẳng nữa, hãy đến ngay tối nay, tôi nài xin bạn đấy: bạn có nhớ là đã hứa với tôi, cách đây chưa đầy tám ngày, rằng sẽ chẳng giữ điều gì trong lòng, rằng sẽ nói với tôi ngay lập tức. Bạn thân mến, tôi sống trong niềm tin ấy... Nay, tôi lại vừa đọc thư bạn: tôi không hiểu được hơn, nhưng nó khiến tôi run sợ. Tôi thấy dường như bạn đang rối loạn bất an một cách ác liệt. Tôi những muốn làm bạn nguôi dịu; nhưng vì không biết

lý do khiến bạn lo lắng, nên tôi chẳng biết nói gì, ngoài chuyện tôi cũng đang khổ sở y như bạn cho đến khi nào gặp được bạn. Nếu sáu giờ tối nay mà bạn không ở đây, thì ngày mai tôi sẽ đến Ermitage, dù thời tiết thế nào chẳng nữa và tình trạng của tôi ra sao chẳng nữa; vì tôi không thể chịu nổi sự lo lắng này. Chào người bạn tốt thân thiết của tôi. Tôi đánh liều nói với bạn, mà chẳng biết bạn có cần hay không, rằng bạn hãy gắng đề phòng và ngăn chặn sự tiến triển của nỗi lo lắng trong cảnh cô tịch. Một cơn ruồi thành một quái vật đấy, nhiều lần tôi đã cảm nhận điều này.

THƯ TRẢ LỜI

Buổi tối ngày thứ tư ấy

Tôi không thể đến thăm chị, cũng không thể đón tiếp chị đến thăm, chừng nào nỗi lo lắng nơi tôi vẫn còn. Niềm tin mà chị nhắc tới không còn nữa, và chị sẽ không dễ khôi phục nó. Giờ đây tôi chỉ nhìn thấy ở sự sốt sắng của chị mong muốn khai thác từ những thú nhận của người khác lợi ích nào đó hợp với dự tính của chị; và lòng tôi, mau mắn thổ lộ trước một tấm lòng mở ra đón nhận nó, khép lại trước mưu mẹo và sự giả hoạt. Tôi nhận ra sự khôn khéo thường ngày của chị trong việc chị thấy khó khăn để hiểu bức thư của tôi. Chị cho rằng tôi đủ khờ để nghĩ rằng chị không hiểu nó ư? Không đâu; nhưng tôi có thể thắng những sự tinh vi của chị nhờ thẳng thắn. Tôi sẽ phát biểu rõ ràng hơn, để chị càng ít hiểu tôi hơn.

Tôi thân thiết với đôi người yêu rất hòa hợp gắn bó và rất xứng đáng để yêu nhau; tôi chắc chị sẽ không biết tôi muốn nói đến ai, trừ phi tôi nêu tên của họ với chị. Tôi phỏng đoán người ta định chia rẽ họ, và người ta đã sử dụng tôi để làm cho một trong hai người ấy ghen tuông. Việc chọn lựa không thật khéo, nhưng có vẻ thuận tiện cho sự độc ác, và sự độc ác này, tôi ngờ là ở chị. Tôi hy vọng điều này sẽ thành rõ ràng hơn.

Như vậy người phụ nữ mà tôi quý trọng nhất lại có hành động xấu xa, mà tôi biết, là chia sẻ cõi lòng và con người mình giữa hai tình nhân, còn hành động xấu xa của tôi là làm một trong hai kẻ đáng khinh ăy? Nếu tôi biết rằng chỉ một khoảnh khắc trong đời, chị có thể nghĩ như vậy về người ăy và về tôi, thì tôi sẽ căm ghét chị cho đến khi chết. Nhưng tôi trách chị là đã nói điều ăy, chứ không trách là đã tin điều ăy. Tôi không hiểu, ở trường hợp như vậy, ăi trong ba người là kẻ mà chị muốn làm hại; nhưng nếu chị thích an ổn, xin chị hãy sợ rằng chẳng may mình thành công. Tôi đã không giấu giếm cả chị cả người ăy toàn bộ điều xấu mà tôi nghĩ về một số quan hệ; nhưng tôi muốn những quan hệ này kết thúc bằng một phương kế cũng chính trực như nguyên nhân của nó, và muốn một tình yêu không chính đáng chuyển thành một tình bạn vĩnh cửu. Tôi, người không bao giờ làm hại ăi hết, tôi sẽ ngăy thơ giúp cho việc làm hại các bạn mình hay sao? Không; nếu vậy tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho chị, nếu vậy tôi sẽ trở thành kẻ thù không đội trời chung của chị. Riêng những bí mật của chị sẽ được tôn trọng, vì tôi sẽ chẳng bao giờ là một kẻ bất nhân.

Tôi không nghĩ rằng những mối phân vân của mình có thể kéo dài. Tôi sẽ sớm biết rằng mình có lầm hay không. Khi đó có lẽ tôi phải sửa chữa nhiều sai trái, và tôi sẽ chẳng vui lòng làm điều gì hơn thế trong đời. Nhưng chị có biết tôi sẽ chuộc lại lỗi lầm của mình như thế nào trong thời gian ít ỏi còn ở bên chị hay không? Bằng cách làm điều mà không ăi sẽ làm ngoài tôi ra; bằng cách thẳng thắn kể với chị những gì người ta nghĩ về chị trong giới giao tế, và những kẻ hở cần tu bổ trong thanh danh của chị. Bất chấp tất cả những kẻ nhận là bạn bè bao quanh chị, khi chị thấy tôi ra đi, chị có thể nói lời vĩnh biệt với sự thật; chị sẽ không tìm được ăi nói sự thật với chị nữa.

THƯ THỨ BA CỦA CÙNG NGƯỜI ĐÓ
(Tập A, số 46)

Tôi không hiểu bức thư sáng nay của anh: tôi đã bảo anh thế, vì chuyện là như thế. Tôi hiểu bức thư tối nay; anh đừng sợ có khi nào tôi trả lời nó: tôi quá vội vã quên nó đi, và mặc dù anh khiến tôi thương hại, tôi không chống lại được nỗi đặng cay do bức thư làm đầy ắp tâm hồn tôi. Tôi ư! Mưu mẹo, giảo hoạt với anh ư; tôi ư! Bị kết tội làm điều xấu xa đen tối nhất! Vĩnh biệt; tôi tiếc là anh có... Vĩnh biệt: tôi không biết mình đang nói gì... Vĩnh biệt, tôi sẽ rất vội vã tha thứ cho anh. Anh sẽ đến khi nào anh muốn! Anh sẽ được đón tiếp tử tế hơn những gì mà sự ngờ vực của anh đòi hỏi. Chỉ xin anh miễn lo lắng cho thanh danh của tôi. Mọi người cho tôi thanh danh như thế nào cũng chẳng hề gì với tôi. Phẫm hạnh tôi tốt, thế là đủ cho tôi. Và chẳng, tôi hoàn toàn không biết điều gì đã xảy ra với hai con người cũng thân thiết với tôi như với anh.

Bức thư cuối cùng này kéo tôi ra khỏi một tình trạng bối rối khủng khiếp, và lại nhấn chìm tôi vào một tình trạng khác chẳng kém bối rối là mấy. Mặc dù tất cả những thư đến và những thư trả lời đi đi lại lại trong một ngày, cực kỳ nhanh chóng, song khoảng thời gian ấy cũng đủ để đặt khoảng cách vào giữa những cảm kích điên giận của tôi, và để cho tôi ngẫm nghĩ về sự đại đột bất cần vô cùng to lớn của mình. Bà D'Houdetot chưa từng dặn dò tôi điều gì kỹ hơn là cứ ở yên, để bà lo xoay xở vụ này một mình, và hãy tránh, đặc biệt ngay lúc này, mọi sự đoạn tuyệt và mọi tai tiếng, thế mà tôi, qua những lời nhục mạ công khai nhất và hung bạo nhất, tôi sắp hoàn tất việc đưa mỗi cuồng nộ vào con tim một người đàn bà đã quá sẵn sàng cho điều đó. Dĩ nhiên tôi chỉ nên chờ đợi ở bà một thư trả lời hết sức kiêu hãnh, hết sức miệt thị, hết sức khinh bỉ, khiến cho tôi, nếu không hèn nhát một cách ti tiện nhất, thì không thể không lập tức rời khỏi nhà bà. May thay, bà còn khôn khéo nhiều hơn là tôi hung hăng, và nhờ cách thức trả lời, tránh dồn tôi vào tình trạng nguy kịch đó. Nhưng phải hoặc ra khỏi đây, hoặc đến thăm bà tức thì; không sao tránh khỏi việc phải chọn lấy một ngả. Tôi chọn ngả sau, hết sức bối rối về thái độ của

mình trong vụ phân trần mà tôi thấy trước, vì xoay xở thế nào đây mà không làm liên lụy đến bà D'Houdetot, cũng như Thérèse? Và bất hạnh thay cho người mà tôi có thể nêu tên! Chẳng thiếu điều gì mà sự báo thù của một người đàn bà khắc nghiệt và lắm mánh khéo lại không khiến tôi lo sợ cho người phụ nữ sẽ là đối tượng của sự báo thù này. Chính để phòng ngừa tai họa ấy mà trong thư tôi chỉ nói đến sự ngờ vực, để khỏi phải nêu ra chứng cứ. Quả thật việc này khiến cho những sự hung hăng của tôi khó tha thứ hơn, chẳng sự ngờ vực đơn thuần nào có thể cho phép tôi đối xử với một phụ nữ, nhất là với một người bạn, như tôi vừa đối xử với bà D'Épinay. Nhưng ở đây bắt đầu nhiệm vụ lớn lao và cao quý mà tôi đã làm trọn một cách thích đáng, là chuộc lại những lỗi lầm và những yếu đuối giấu kín, bằng cách gán lấy những lỗi lầm nghiêm trọng hơn, mà tôi không có khả năng, và không bao giờ phạm phải.

Tôi không phải chống đỡ vụ cãi cọ mình đã lo lắng, và chỉ phải chịu một cơn sợ hãi mà thôi. Thấy tôi đến, bà D'Épinay ôm choàng lấy tôi mà hôn, nước mắt chứa chan, sự đón tiếp bất ngờ này, lại từ một bà bạn cũ, khiến tôi cực kỳ xúc động; tôi cũng khóc rất nhiều. Tôi nói với bà vài câu chẳng ý nghĩa lắm; bà nói với tôi đôi câu còn ít ý nghĩa hơn, và mọi sự kết thúc ở đó. Mọi người đã dọn bữa tối; chúng tôi vào bàn ăn, tại đó, trong khi chờ đợi việc phân trần, mà tôi tưởng là hoãn đến sau bữa tối, mặt mũi tôi khó dăm dăm, vì chỉ mỗi lo lắng rất nhỏ cũng chi phối tôi nhiều đến mức tôi không giấu nổi những người ít sáng ý hơn. Dáng vẻ lúng túng của tôi ắt phải đem lại can đảm cho bà; tuy nhiên bà không mạo hiểm: chẳng hề có phân trần sau bữa ăn cũng như trước bữa ăn. Ngày hôm sau cũng chẳng có, và những cuộc gặp gỡ lạnh lẽo mặt đối mặt của chúng tôi chỉ toàn những chuyện vô thưởng vô phạt, hoặc vài lời lẽ thành thực của tôi, chứng tỏ với bà rằng, do còn chưa thể phán định gì về căn cứ của những mối ngờ vực, tôi quả quyết rất chân thành là nếu những ngờ vực ấy không có cơ sở, thì cả cuộc đời tôi sẽ dùng để đền bù sự bất công của chúng. Bà chẳng

hề biểu lộ một chút tò mò muốn biết đích xác những ngờ vực ấy là gì, chúng đến với tôi như thế nào, và toàn bộ sự hòa giải của chúng tôi, về phía bà cũng như về phía tôi, là ở sự ôm hôn lúc đầu gặp gỡ. Bởi chỉ có bà bị xúc phạm, ít ra là theo hình thức, nên tôi thấy dường như mình không phải tìm kiếm một sự giải thích mà bản thân bà không tìm, và tôi đã đến như thế nào thì ra về như thế ấy. Và chẳng, trong khi tiếp tục sống với bà như trước đây, chẳng bao lâu tôi gần như quên hoàn toàn vụ cãi cọ, và tôi ngu ngốc tưởng rằng chính bà cũng quên, vì bà tỏ ra không còn nhớ nữa.

Như mọi người sẽ sớm thấy, đó không phải nỗi buồn phiền duy nhất do sự yếu đuối gây ra cho tôi; nhưng tôi có những buồn phiền khác chẳng kém rõ ràng, mà tôi không hề tự chuốc lấy, và nguyên nhân chỉ là niềm mong muốn giăng tôi ra khỏi cảnh cô đơn ảm đạm*, bằng cách quấy rầy tôi tại đó. Những buồn phiền ấy là do Diderot và những người thuộc phe nhóm Holbach. Từ khi tôi định cư ở Ermitage, Diderot không ngừng quấy nhiễu tôi, hoặc tự anh ta, hoặc nhờ Deleyre, và chẳng bao lâu tôi thấy, qua những sự đùa cợt của anh này về các cuộc dạo chơi của tôi nơi lùm cây, họ đã thích thú biết mấy khi cải trang ả sĩ thành chàng mục đồng tình tứ. Nhưng những cuộc cãi cọ của tôi với Diderot không bàn đến chuyện này: chúng có những nguyên nhân nghiêm trọng hơn. Sau khi xuất bản *Đứa con hoang*, anh gửi cho tôi một cuốn, mà tôi đã đọc với niềm thích thú và sự quan tâm thường được dành cho tác phẩm của một người bạn. Trong khi đọc kiểu đối thoại thi ca mà anh đã kết hợp trong tác phẩm, tôi ngạc nhiên, thậm chí hơi buồn, thấy ở đó, giữa nhiều điều xúc phạm, nhưng tha thứ được, chống lại những kẻ cô độc, điều phán quyết khắc nghiệt và tàn nhẫn này, không chút nào giảm nhẹ: *Chỉ có kẻ ác mới cô độc*. Phán quyết ấy mập mờ và theo tôi, dường như tỏ bày hai nghĩa: một nghĩa rất đúng, một nghĩa rất sai; bởi một người đang và muốn cô đơn thậm chí không thể và không muốn làm hại một người nào hết, do đó anh ta không thể là một kẻ độc ác. Vậy bản thân điều phán quyết đòi hỏi một

sự diễn giải; nó còn đòi hỏi được diễn giải hơn nữa từ một tác giả, khi in ra lời phán quyết này, đang có một người bạn ẩn cư trong cảnh cô độc. Tôi thấy dường như là chướng và bất nhã, hoặc là đã quên người bạn cô độc này, khi tác giả công bố điều phán quyết, hoặc, nếu như có nhớ đến anh ta, thì đã không đưa ra ngoại lệ thích đáng và đúng đắn mà tác giả cần phải có chẳng những đối với người bạn ấy, mà đối với bao nhiêu hiền nhân được kính trọng, ở mọi thời đại đều đã tìm kiếm sự tĩnh lặng và an bình trong cảnh ẩn cư, và lần đầu tiên từ khi thế giới tồn tại, một nhà văn nghĩ ra chuyện, chỉ bằng một nét bút, biến thành bấy nhiêu kẻ hung ác không phân biệt.

Tôi tha thiết yêu mến Diderot; tôi chân thành quý trọng anh, và với niềm tin tưởng hoàn toàn, tôi trông đợi ở anh cũng những tình cảm ấy. Nhưng chán ngấy vì anh khẳng khẳng không mệt mỏi để liên miên ngăn trở tôi trong thị hiếu, thiên hướng, cách sống, trong tất cả những gì chỉ liên quan đến một mình tôi, phần nộ vì thấy một người ít tuổi hơn mình muốn bằng mọi giá chỉ huy mình như một đứa trẻ; chán nản vì anh dễ dàng hứa hẹn rồi hờ hững ít giữ lời; phiền muộn vì bao nhiêu cuộc gặp do anh hẹn rồi bỏ lỡ, vì ý thích ngông cuồng của anh luôn hẹn những cuộc gặp mới để lại bỏ lỡ; khó chịu vì chờ đợi anh vô ích ba bốn lần mỗi tháng, vào những ngày tự anh đánh dấu, và thui thủi ăn tối một mình, sau khi đã đi đến tận Saint-Denis để gặp anh và đã chờ anh suốt ngày, lòng tôi đã mang đầy ắp những sai trái chồng chất của anh. Tôi thấy sai trái cuối cùng này dường như nghiêm trọng hơn, và làm tôi phiền não nhiều hơn. Tôi viết thư cho anh để than phiền, nhưng với một thái độ dịu dàng và cảm động khiến cho tờ giấy ướt đầm nước mắt tôi; và thư đủ thống thiết để phải làm anh rơi lệ.

Mọi người sẽ không bao giờ đoán được bức thư anh trả lời chuyện này ra sao; đây là nguyên văn (Tập A, số 33):

Tôi rất vui vì tác phẩm của tôi đã khiến anh thích, đã khiến anh cảm động. Anh không đồng ý với tôi về các ẩn sĩ; anh cứ phát biểu về

họ bao nhiêu điều hay tùy thích; anh sẽ là ẩn sĩ duy nhất trên đời mà tôi sẽ nghĩ điều hay: thế mà cũng còn nhiều chuyện phải phát biểu về chuyện đó, nếu như mọi người có thể nói chuyện với anh mà không làm anh tức giận. Một người đàn bà tám mươi tuổi, v.v. Người ta đã kể với tôi một câu trong một bức thư của con trai bà D'Épinay, hẳn phải làm anh phiền lòng nhiều lắm, hoặc tôi hiểu không đúng thâm tâm anh.

Cần giải thích hai câu cuối của bức thư này.

Khi tôi bắt đầu cư ngụ tại Ermitage, bà Le Vasseur có vẻ không thích và thấy nơi ở quá cô quạnh. Nhớ lại những lời bà nói về chuyện này, tôi bèn đề nghị để bà trở lại Paris nếu bà thích ở đó hơn, tôi sẽ trả tiền nhà cho bà, và cũng trông nom bà như thể bà vẫn ở cùng tôi. Bà khước từ đề nghị của tôi, quả quyết rằng bà rất thích ở Ermitage, rằng không khí thôn quê tốt cho bà; và mọi người thấy điều đó đúng, vì có thể nói là bà trẻ ra, và khỏe mạnh hơn ở Paris nhiều. Thậm chí con gái bà còn cam đoan với tôi rằng trong thâm tâm bà rất buồn nếu chúng tôi rời Ermitage, thực sự là một chốn lưu trú xinh đẹp, và bà rất thích việc kiếm lợi vật từ khu vườn và trái cây, do bà cai quản; nhưng bà đã nói những gì người ta bảo bà nói, để cố khuyên tôi trở lại Paris.

Mưu toan này không thành công, họ bèn dựa vào sự ngần ngại áy náy để cố đạt được kết quả mà sự ân cần chiều lòng đã không mang lại, và kết tội tôi giữ bà lão ở đó, xa những phương tiện cấp cứu mà bà có thể cần đến vào tuổi của bà; họ chẳng nghĩ rằng bà và nhiều người già khác, được không khí rất tốt của địa phương kéo dài tuổi thọ, có thể sử dụng những phương tiện cấp cứu đó tại Montmorency, gần ngay nhà tôi; và cứ như thể chỉ ở Paris mới có các cụ già, còn tại bất kỳ nơi nào khác họ đều không sao sống nổi. Bà Le Vasseur, vốn ăn rất nhiều và rất phàm, hay bị ứ mật và bị chứng tiêu chảy nặng, thường kéo dài vài ngày, và đó chính là phương thuốc đối với bà. Ở Paris bà không bao giờ chữa chạy gì hết, và cứ để cho tự nhiên tác động. Bà cũng xử sự như vậy ở Ermitage, do biết rõ chẳng có gì tốt hơn mà làm. Cần gì:

vì ở nông thôn không có thầy thuốc không có nhà bào chế, nên để bà ở đó là muốn cho bà chết, mặc dù ở đó bà rất khỏe mạnh. Đáng lẽ Diderot nên quy định ở tuổi nào thì không được phép để người già sống bên ngoài Paris nữa, nếu không sẽ bị kết tội sát nhân.

Đó là một trong hai tội trạng tàn khốc khiến anh không trừ tôi ra ngoài điều anh phán quyết, rằng chỉ có kẻ ác mới cô độc; và đó là ý nghĩa của lời cảm thán bi thống và sự *vân vân* mà anh đã khoan thứ thêm vào: *Một người đàn bà tám mươi tuổi, v.v.*

Tôi cho rằng để trả lời đúng đắn hơn sự chê trách này chỉ có thể nhờ vào chính bà Le Vasseur. Tôi yêu cầu bà viết cho bà D'Épinay cảm nghĩ của bà một cách tự nhiên. Để bà được thoải mái hơn, tôi không muốn đọc thư của bà, và tôi cho bà xem bức thư mà tôi sẽ chép lại dưới đây, gửi cho bà D'Épinay, nhân tôi định trả lời một bức thư khác còn tàn nhẫn hơn của Diderot, song bà D'Épinay đã ngăn tôi đừng gửi.

Thứ năm

Bạn thân mến, bà Le Vasseur sẽ viết cho chị; tôi đã yêu cầu bà thành thực nói với chị những gì bà nghĩ. Để bà thật thoải mái, tôi đã bảo bà rằng tôi không muốn xem thư của bà và giờ đây tôi xin chị đừng nói gì với tôi về nội dung bức thư.

Tôi sẽ không gửi đi bức thư của tôi, bởi chị phản đối; nhưng, vì cảm thấy mình bị xúc phạm rất nặng nề, nên nếu nhận mình sai trái thì đó sẽ là một sự thấp hèn và một sự giả dối mà tôi không thể tự cho phép. Đúng là sách Phúc Âm truyền bảo kẻ nào bị tát hãy đưa má bên kia ra nhưng không truyền bảo hãy xin lỗi. Chị có nhớ cái gã trong hài kịch vừa lấy gậy đánh vừa la lối hay không? Vai trò của triết gia đấy.*

Chị đừng tưởng ngăn được anh ta đến vì thời tiết xấu. Sự tức giận khiến anh ta có thời gian và sức lực mà tình bạn chẳng đem lại

cho anh ta, và đó sẽ là lần đầu tiên trong đời mà anh sẽ đến vào ngày anh hẹn. Anh ta sẽ mệt lử để đến nhắc lại ra miệng những điều anh sĩ vả tôi trong thư; tôi sẽ chỉ nhẫn nại chịu đựng mà thôi. Anh ta sẽ đau ốm trở về Paris; còn tôi, theo lệ thường, tôi sẽ là một kẻ hết sức khả ố. Làm thế nào được? Phải chịu đựng.

Nhưng chị có thán phục hay không sự khôn ngoan của cái người định đi xe ngựa thuê đến đón tôi tại Saint-Denis, ăn trưa tại đó, rồi đưa tôi về bằng xe ngựa thuê (Tập A, số 33), thế mà tám ngày sau (Tập A, số 34), cảnh ngộ chỉ còn cho phép người ấy đến Ermitage bằng cách đi bộ mà thôi? Để nói theo cách của anh ta, đó cũng chẳng nhất thiết là giọng điệu không thiện chí; nhưng ở trường hợp như vậy, thì trong vòng tám ngày, cảnh ngộ của anh ta phải có những thay đổi kỳ lạ.

Tôi cùng chung mối buồn phiền với chị trước bệnh tật của thân mẫu chị; nhưng chị thấy là nỗi khổ của chị chẳng giống với nỗi khổ của tôi. Thấy những người ta yêu mến bị ốm ta ít đau hơn là thấy họ bất công và tàn ác.

Tạm biệt, bạn thân mến; đây sẽ là lần cuối cùng tôi nói với chị về câu chuyện không hay này. Chị nói với tôi về việc chị đi Parts, với một thái độ bình tĩnh mà ở một thời điểm khác chắc sẽ khiến tôi vui mừng.

Theo đề nghị của chính bà D'Épinay, tôi viết cho Diderot những gì tôi đã làm về chuyện bà Le Vasseur; còn bà Le Vasseur, như ta có thể nghĩ, đã chọn ở lại Ermitage, tại đó bà rất khỏe mạnh, tại đó bà luôn có bầu bạn, tại đó bà sống rất dễ chịu, Diderot chẳng biết lấy gì mà buộc tội tôi nữa, song cũng cứ buộc tội tôi vì đã cẩn thận như vậy, và còn buộc cho tôi một tội nữa về việc bà Le Vasseur tiếp tục ở lại Ermitage, mặc dù sự tiếp tục này do bà chọn, và việc quay về sống tại Paris, vẫn được tôi trợ giúp như bà từng được trợ giúp, là tùy ở bà, và bao giờ cũng chỉ tùy ở bà.

Đó là để giải thích lời chê trách thứ nhất trong bức thư số 33 của Diderot. Việc giải thích lời chê trách thứ hai ở trong bức thư số 34.

Học giả [đó là một tên gọi đùa do Grimm đặt cho con trai bà D'Épinay], Học giả hẳn đã viết cho anh là trên bờ lũy có hai chục kẻ nghèo khổ đang chết đói chết rét và đang chờ đồng liard anh cho họ. Đó là một đề tài tiêu biểu trong câu chuyện phiếm của chúng tôi... Và nếu anh nghe được phần còn lại, nó cũng sẽ làm anh vui như thế.

Đây là sự trả lời* của tôi cho cái chứng cứ kinh khủng mà Diderot có vẻ hết sức tự hào:

Tôi nghĩ là đã trả lời Học giả, tức là trả lời con trai một vị tổng giám thu, rằng tôi chẳng ái ngại cho những kẻ nghèo khổ mà anh ta đã nhìn thấy trên bờ lũy, đang chờ đồng liard của tôi; rằng hiển nhiên anh ta đã đền bù cho họ một cách rộng rãi; rằng tôi lập anh ta làm người thay thế mình; rằng những kẻ nghèo của Paris sẽ không phải phàn nàn về sự thay đổi đó; rằng tôi sẽ chẳng dễ dàng tìm được một người thay thế cũng tốt như vậy cho những kẻ nghèo của Montmorency, họ cần người đó hơn nhiều lắm. Ở đây có một ông lão đáng kính, sau khi đã làm việc cả đời, nay vì không thể làm được nữa, đang chết đói ở tuổi già. Lương tâm tôi thấy thỏa mãn với hai đồng xu mà thứ hai nào tôi cũng cho ông hơn là với một trăm đồng liard mà giả sử tôi phân phát cho mọi kẻ đói rách trên bờ lũy. Triết gia các vị thật tức cười khi coi cư dân thành phố là những người duy nhất mà nghĩa vụ của các vị gắn bó các vị với họ. Chính ở nông thôn người ta học yêu mến và phụng sự nhân loại; ở thành thị người ta chỉ học khinh miệt nhân loại mà thôi.

Đó là những áy náy lạ lùng mà một con người tài trí đã ngu ngốc dựa vào để thực sự kết tội tôi vì đã đi xa Paris, và tự phụ chứng minh cho tôi bằng thí dụ của chính tôi, rằng người ta không thể sống ngoài

kinh đô mà không là một kẻ ác. Giờ đây tôi không hiểu tại sao mình lại ngu muội trả lời và tức giận, thay vì chỉ cười vào mũi anh ta để đáp lại. Tuy nhiên quyết định của bà D'Épinay và sự la ó của phe Holbach đã mê hoặc các đầu óc một cách có lợi cho anh ta, thành thử nói chung tôi bị coi là sai trái trong chuyện này, và bản thân bà D'Houdetot, vốn nhiệt liệt ngưỡng mộ Diderot, muốn tôi đi Paris và làm lành trước, sự hòa giải hoàn toàn chân thành và trọn vẹn về phía tôi, tuy thế vẫn không bền. Lập luận chiến thắng được con tim tôi mà bà sử dụng là lúc này Diderot đang khổ sở. Ngoài cơn giông tố chống lại *Bách khoa toàn thư*, khi ấy anh còn chịu một cơn giông tố khác rất dữ dội về vở kịch* của anh, mà bất chấp câu chuyện nhỏ anh đã đặt lên đầu vở, người ta kết tội anh đã lấy trọn vẹn của Goldoni. Diderot, còn mẫn cảm trước sự phê phán hơn cả Voltaire, bấy giờ đang rất buồn về chuyện này. Thậm chí bà De Graffigny còn độc ác tung dư luận là tôi đã đoạn tuyệt với Diderot vào dịp đó. Tôi thấy việc công khai chứng tỏ điều ngược lại là công bằng và hào hiệp, và tôi bèn đến ở hai ngày chẳng những cùng anh, mà tại nhà anh. Từ khi cư ngụ tại Ermitage, đây là chuyến thứ hai tôi đi Paris. Tôi đã thực hiện chuyến thứ nhất để chạy đến với Gauffecourt tội nghiệp, ông bị một cơn xuất huyết não và không bao giờ hồi phục hẳn, tôi không rời ông suốt cơn bệnh cho đến khi ông hết nguy kịch.

Diderot tiếp đón tôi tử tế. Cái ôm hôn của một người bạn có thể xóa đi bao lỗi lầm! Sau điều đó thì nỗi oán hận nào còn lưu lại được trong lòng? Chúng tôi ít phân trần, chẳng cần phân trần cho những sự chửi rửa lẫn nhau. Chỉ còn một điều phải làm, là biết quên những chuyện đó đi. Không hề có những thủ đoạn ngấm ngầm, ít ra theo chỗ tôi biết: không giống như với bà D'Épinay. Anh cho tôi xem đề cương *Người cha của gia đình*.* Tôi bảo anh: “Đây là sự biện hộ tốt nhất cho *Đứa con hoang*. Anh hãy giữ im lặng, anh hãy làm vở này chu đáo cẩn thận, thế rồi đột ngột quăng nó vào mặt các kẻ thù coi như toàn bộ sự

trả lời.” Anh làm như vậy và thấy ổn. Gần sáu tháng trước tôi đã gửi cho anh hai phần đầu của *Julie*, để anh cho biết ý kiến. Anh chưa đọc. Chúng tôi cùng đọc một tập vở chép. Anh thấy tất cả những cái đó rườm rà, đấy là từ ngữ của anh, tức là nhiều lời và lặp. Bản thân tôi đã cảm nhận rõ điều này: nhưng đó là sự ba hoa của cơn sốt; tôi đã không bao giờ sửa chữa được. Những phần sau không như vậy. Nhất là phần bốn, và phần sáu, là những kiệt tác về văn phong.

Ngày thứ hai sau khi tôi đến, anh nhất thiết muốn dẫn tôi tới nhà D’Holbach ăn khuya. Ý kiến chúng tôi trái nhau; vì tôi muốn thủ tiêu cả thỏa thuận liên quan đến bản thảo về hóa học, tôi công phần vì phải mang ơn con người ấy. Diderot thắng tất cả. Anh thề với tôi rằng D’Holbach hết lòng yêu mến tôi; rằng phải tha thứ cho giọng điệu mà anh ta sử dụng với tất cả mọi người, và bạn bè anh ta phải chịu đựng chuyện đó nhiều hơn bất kỳ ai. Anh trình bày với tôi rằng từ chối khoản thu nhập từ bản thảo này, sau khi đã chấp nhận nó hai năm trước đây, là một sự xúc phạm mà người tặng không đáng phải chịu, thậm chí sự từ chối đó có thể bị giải thích sai, như một sự trách móc ngầm là đã chờ lâu quá mới ký kết giao ước. Anh nói thêm; “Ngày nào tôi cũng gặp D’Holbach; tôi hiểu rõ hơn anh trạng thái tâm hồn của anh ấy. Nếu anh có lý do để không hài lòng, anh cho rằng bạn anh có thể khuyên anh một điều thấp kém hay sao?” Tóm lại, với sự yếu đuối thường ngày, tôi để mình bị khuất phục, và chúng tôi đến ăn khuya tại nhà nam tước, anh ta tiếp tôi như bình thường. Nhưng vợ anh tiếp tôi lạnh lùng và gần như bất nhả. Tôi không còn nhận ra Caroline* để mến thường tỏ ra rất nhiều thiện ý với tôi khi chưa lấy chồng. Tôi cho là đã cảm thấy trước đó rất lâu từ khi Grimm lui tới ngôi nhà Aine, mọi người ở đó không còn thiện cảm với tôi như trước nữa.

Trong khi tôi đang ở Paris, thì Saint-Lambert từ quân đội về. Vì tôi không biết gì hết, nên tôi chỉ gặp anh sau khi đã trở lại miền quê,

mới đầu tại Chevrette, sau đó tại Ermitage, anh cùng bà D'Houdetot đến đề nghị tôi cho ăn trưa. Mọi người có thể đoán được tôi vui mừng biết mấy được tiếp đón họ! Nhưng tôi còn vui mừng hơn khi thấy sự hòa hợp của họ. Hải lòng vì đã không quấy rối hạnh phúc của họ, bản thân tôi cũng hạnh phúc; và tôi có thể thề rằng suốt thời gian đắm say rồ dại, nhưng đặc biệt là lúc này, giả sử tôi có thể tước đoạt của anh bà D'Houdetot, tôi sẽ không muốn làm thế, thậm chí không bị cám dỗ làm thế. Tôi thấy bà rất đáng yêu, trong khi yêu Saint-Lambert, thành thử tôi chỉ hơi tưởng tượng được bà có thể cũng đáng yêu như thế khi yêu chính tôi; và chẳng muốn quấy rối sự kết hợp của họ, tất cả những gì mà trong cơn mê sáng tôi ước ao ở bà một cách đích thực nhất là bà để cho người ta yêu bà. Cuối cùng, dù niềm đam mê của tôi dữ dội đến đâu, tôi vẫn thấy là bạn tâm sự của bà cũng ngọt ngào như là đối tượng được bà yêu, và không một lúc nào tôi coi người tình của bà là địch thủ, mà bao giờ cũng coi là bạn mình. Mọi người sẽ bảo rằng như thế chưa phải tình yêu: được thôi, nhưng vậy là hơn cả tình yêu.

Về Saint-Lambert, anh xử sự quân tử và đúng đắn: vì tôi là kẻ duy nhất có tội, tôi cũng là kẻ duy nhất bị trừng phạt, thậm chí trừng phạt một cách khoan dung. Anh đối xử với tôi khắc nghiệt, nhưng thân tình, và tôi thấy mình đã mất đi điều gì đó trong sự quý trọng, nhưng không mất chút gì trong tình bạn của anh. Tôi tự an ủi, vì biết rằng điều thứ nhất dễ khôi phục hơn điều thứ hai rất nhiều, và anh quá biết lẽ phải nên chẳng lẫn lộn một sự yếu đuối không chủ tâm và nhất thời với một thói xấu thuộc tính cách. Nếu tôi có lỗi trong tất cả những gì đã xảy ra, thì lỗi ấy cũng rất ít. Có phải tôi sẵn đón kiếm tìm tình nương của anh đâu? Chẳng phải anh đã cử nàng đến với tôi hay sao? Chẳng phải nàng đã tìm tôi hay sao? Tôi có thể tránh không tiếp nàng được chẳng? Tôi làm gì được nào? Chỉ riêng họ gây họa, và chính tôi chịu tai họa ấy. Ở vào địa vị tôi, chắc anh cũng làm như tôi, có khi còn tệ hơn: vì rốt cuộc, dù bà D'Houdetot chung thủy đến đâu, đáng trọng đến đâu, bà vẫn là phụ nữ; anh thì vắng mặt; cơ hội lại thường xuyên,

sự cảm dỗ mãnh liệt, và giả sử gã đàn ông táo bạo hơn, có lẽ bà sẽ rất khó khăn để luôn tự bảo vệ thành công. Đối với bà và với tôi, trong một tình huống như vậy, có thể đặt được những giới hạn mà chúng tôi không khi nào cho phép mình vượt qua, chắc chắn đã là rất nhiều rồi.

Mặc dù trong thâm tâm, tôi thừa nhận mình khá cao thượng, song nhiều vẻ bên ngoài phản lại tôi, thành thử nỗi hổ thẹn không sao thắng nổi luôn chi phối tôi khiến cho trước mặt anh tôi hoàn toàn có dáng vẻ một tội phạm, và anh lợi dụng điều này để hạ nhục tôi. Chỉ một hành vi sẽ miêu tả được địa vị này của hai bên. Sau bữa trưa, tôi đọc cho Saint-Lambert bức thư tôi viết năm ngoái cho Voltaire, mà anh từng nghe nói đến. Trong lúc tôi đọc anh ta thiếp ngủ, còn tôi, trước kia hết sức kiêu hãnh, giờ đây hết sức ngu ngốc, tôi chẳng bao giờ dám ngừng lại, và tiếp tục đọc trong khi anh ta tiếp tục ngáy. Những sự hèn hạ của tôi là như vậy, và những sự trả thù của anh là như vậy; nhưng lòng hào hiệp bao giờ cũng chỉ cho phép anh trả thù khi chỉ có ba chúng tôi mà thôi.

Khi anh lại ra đi, tôi thấy bà D'Houdetot đối xử với tôi khác đi rất nhiều. Tôi ngạc nhiên như thể mình chẳng nên đợi chờ điều đó; tôi xúc động nhiều hơn mức lẽ ra mình nên xúc động, và chuyện này khiến tôi rất khổ sở. Dường như tất cả những gì tôi hy vọng chữa khỏi cho mình chỉ ẩn sâu thêm vào tim tôi mũi tên mà rốt cuộc tôi làm gãy thì đúng hơn là nhổ bật đi.

Tôi hoàn toàn quyết tâm tự chiến thắng, và không từ điều gì để chuyển niềm đam mê rồ dại thành một tình bạn trong sáng và bền vững. Tôi đã lập những kế hoạch hay nhất đời cho việc này, để thực hiện những kế hoạch đó tôi cần sự giúp đỡ của bà D'Houdetot. Khi định nói với bà, tôi thấy bà lơ đãng, lúng túng; tôi cảm nhận bà đã không còn vui thích bên tôi, và tôi thấy rõ có điều gì đó đã xảy ra song bà không muốn nói, và tôi đã không bao giờ biết. Sự thay đổi này, mà tôi không sao có được lời giải thích, khiến tôi ngậm ngùi buồn khổ. Bà đòi lại thư của mình; tôi trả lại tất cả với một sự trung thực mà bà có

ngghi ngờ chốc lát, điều này sỉ nhục đối với tôi. Sự nghi hoặc ấy lại là một nỗi đau bất ngờ nữa cho lòng tôi, tấm lòng mà đáng lẽ bà phải hiểu rất rõ. Bà thừa nhận tư cách của tôi, nhưng không phải ngay tức thì; tôi hiểu là việc xem xét bọc thư tôi trả lại đã khiến bà thấy mình sai: thậm chí tôi thấy bà tự trách, và điều này cho tôi gỡ lại được chút gì đó. Bà không thể lấy lại thư của mình mà không trả thư cho tôi. Bà bảo là đã đốt đi: đến lượt tôi dám nghi ngờ, và thú thật là giờ đây tôi vẫn ngờ. Không, người ta không bỏ vào lửa những bức thư như vậy. Mọi người đã thấy là những bức thư trong *Julie* nóng bỏng. Chúa ơi! Người ta sẽ nói thế nào về những bức thư kia! Không, không, không bao giờ người phụ nữ có thể gây nên một mối tình say đắm như thế lại có can đảm đốt đi các chứng cứ. Nhưng tôi cũng không sợ bà lạm dụng chúng: tôi tin rằng bà không có khả năng làm việc đó; hơn nữa, tôi đã lo chu đáo. Nỗi sợ ngu dại, nhưng mãnh liệt, bị nhạo báng đã khiến tôi bắt đầu việc trao đổi thư từ này bằng một giọng điệu tránh cho thư bị lưu truyền. Tôi đẩy sự thân mật trong niềm say sưa đến mức xưng hô anh em với bà: nhưng xưng hô anh em như thế nào chứ! Chắc chắn bà không vì thế mà phật lòng. Tuy nhiên bà từng phàn nàn nhiều lần, song không kết quả: những lời phàn nàn chỉ khiến nỗi sợ nơi tôi thức dậy, và chẳng tôi không thể quyết định lùi lại. Nếu những bức thư ấy còn, và một ngày kia được xem, mọi người sẽ hiểu tôi đã yêu như thế nào.

Nỗi đau do thái độ lạnh nhạt của bà D'Houdetot và niềm tin chắc rằng mình không đáng bị như thế, khiến tôi có quyết định lạ lùng là phàn nàn với chính Saint-Lambert. Trong khi chờ đợi kết quả bức thư tôi gửi cho anh về vấn đề này, tôi lao vào những trò tiêu khiển mà lẽ ra tôi nên tìm kiếm sớm hơn. Có hội hè ở Chevrette, tôi soạn nhạc cho những buổi này. Niềm vui thích được tự vinh danh trước bà D'Houdetot về một tài năng mà bà ưa mến, kích thích nhiệt hứng nơi tôi, và một mục tiêu khác cũng góp phần khích lệ nhiệt hứng, đó là: mong muốn chứng tỏ rằng tác giả vở *Thầy bói làng quê* am hiểu âm

nhạc, vì từ lâu tôi nhận thấy ai đó ngấm ngầm hoạt động để gây nghi ngờ về điều này; ít ra là về phần soạn nhạc. Bước khởi đầu của tôi tại Paris, những thử thách tôi đã chịu nhiều lần ở nhà ông Dupin cũng như ở nhà ông De la Poplinière, số lượng lớn các bản nhạc tôi đã soạn trong mười bốn năm trời giữa những nghệ sĩ danh tiếng nhất, và dưới mắt họ, cuối cùng vở nhạc kịch *Những Nàng Thơ phong nhã*, ngay cả vở *Thầy bói*, một bài thánh ca tôi soạn cho cô Fel, và cô đã hát ở Nhạc hội tôn giáo, nhiều buổi diễn thuyết về nghệ thuật đẹp đẽ này cùng với các bậc thầy lớn nhất, tất cả dường như phải ngăn ngừa hoặc phá tan một sự nghi ngờ như vậy. Tuy thế mỗi nghi ngờ ấy vẫn tồn tại, ngay cả ở Chevrette, và tôi thấy nó không miễn trừ ông D'Épinay. Làm như không nhận ra điều này, tôi đảm trách soạn cho ông một bài thánh ca để khai trương tiểu giáo đường của Chevrette, và tôi yêu cầu ông cung cấp lời do ông chọn, ông giao cho De Linant, gia sư của con trai ông, làm lời ca. De Linant soạn lời phù hợp với đề tài, và tám ngày sau khi lời được đưa cho tôi, bài thánh ca hoàn tất. Lần này, sự tức giận là thần Apollon* của tôi. Và chưa bao giờ tôi sáng tác một bản nhạc sung mãn đến thế. Lời ca bắt đầu như sau: *Ecce sedes hic Tonantis**. Tính chất long trọng của đoạn nhạc mở đầu hợp với lời lẽ, và toàn bộ phần sau của bản thánh ca có một vẻ đẹp làm tất cả mọi người xúc động. Tôi đã soạn cho dàn nhạc lớn. D'Épinay tập hợp những nhạc công hòa tấu giỏi nhất, cô Bruna, nữ ca sĩ người Ý, hát bản thánh ca và được đệm nhạc rất hay. Bài thánh ca thành công lớn đến mức sau đó mọi người biểu diễn nó ở Nhạc hội tôn giáo, tại đây bất chấp những âm mưu ngấm ngầm và sự biểu diễn kém cỏi không xứng đáng, nó vẫn được hoan nghênh cả hai lần. Với ngày lễ của ông D'Épinay, tôi gợi ý một kiểu nửa kịch nói nửa kịch câm, do bà D'Épinay soạn, và tôi lại làm phần nhạc. Grimm đến, nghe nói về những thành công của tôi trong hòa nhạc. Một giờ sau, mọi người không nói chuyện đó nữa: nhưng ít ra, theo tôi biết, họ không còn đặt ra vấn đề liệu tôi có biết soạn nhạc hay không.

Grimm vừa mới có mặt tại Chevrette, ở đó tôi đã chẳng thích thú nhiều lắm, là anh ta khiến cho tôi hoàn toàn không chịu nổi việc lưu trú, vì những điều bộ tôi chưa từng thấy ở ai, thậm chí tôi cũng chẳng có khái niệm. Trước hôm anh ta đến, mọi người chuyển tôi khỏi căn phòng ưu đãi tôi vẫn ở, kề với phòng của bà D'Épinay: họ sửa soạn nó cho ông Grimm, và họ cho tôi một phòng khác xa hơn. Tôi cười bảo bà D'Épinay: “Những người mới đến di dời người cũ như thế đấy.” Bà có vẻ lúng túng. Ngay tối hôm ấy tôi hiểu rõ hơn lý do, khi biết rằng giữa phòng của bà và căn phòng tôi vừa rời đi có một cánh cửa được che kín mà bà xét thấy không cần chỉ ra cho tôi. Chẳng ai không biết sự đan dứ của bà với Grimm, trong nhà bà, trong công chúng và ngay cả chồng bà: tuy thế, không hề thừa nhận với tôi, người được trao gửi những bí mật còn quan trọng với bà hơn nhiều, và là người được bà hết sức tin cậy, bao giờ bà cũng chối cãi rất hăng việc này. Tôi hiểu sự giữ gìn đó là do Grimm, người được ký thác mọi bí mật của tôi, song không muốn tôi được ký thác một bí mật nào của anh ta.

Mặc dù tình cảm xưa cũ chưa nguôi tắt đối với con người này, và giá trị thực của anh ta khiến tôi có thiên kiến tốt với anh ta, song thiên kiến ấy không thể đứng vững trước những sự chú ý của anh ta nhằm phá hủy nó. Cách tiếp xúc của anh ta là cách của bá tước De Tuffière*, anh ta chỉ hơi hạ cố đáp lại cái chào của tôi; không một lần nào anh ta nói với tôi, và nếu tôi nói thì anh ta chĩnh ngay lập tức bằng cách không hề đáp lại. Ở đâu anh ta cũng đi đầu tiên, chiếm chỗ ngồi đầu tiên, chẳng bao giờ chú ý đến tôi. Thế cũng được thôi, nếu anh ta không cố tình làm như vậy một cách rất chướng: nhưng mọi người sẽ xét đoán chỉ qua một điều lấy ra từ ngàn điều. Một buổi tối, bà D'Épinay, thấy hơi se mình, bảo gia nhân mang thức ăn vào phòng riêng, rồi bà lên phòng để dùng bữa đêm bên lò sưởi. Bà rủ tôi cùng lên; tôi làm theo. Sau đó Grimm tới. Bàn ăn nhỏ đã dọn; chỉ có hai bộ thìa nĩa. Gia nhân bắt đầu phục vụ: bà D'Épinay đến ngồi ở một bên lò

sưởi; ngài Grimm lấy một ghế bành, ngồi xuống góc bên kia, kéo chiếc bàn nhỏ để giữa hai người, mở khăn ăn ra rồi bắt đầu ăn, không nói với tôi một lời nào. Bà D'Épinay đỏ mặt, và để nhắc Grimm sửa chữa sự thô lỗ, bà mời tôi ngồi vào chỗ của chính bà. Grimm chẳng nói năng gì, chẳng nhìn tôi. Không thể đến gần lò sưởi, tôi bèn quyết định đi đi lại lại quanh phòng trong khi đợi gia nhân mang cho mình một bộ thìa nĩa. Anh ta để tôi ngồi ăn ở đầu bàn, xa lò sưởi, không hề có một cử chỉ lịch sự với tôi, người đang khó ở, lớn tuổi hơn anh ta, người quen cũ trong nhà trước anh ta, người đã đưa anh ta vào đó, chính người mà anh ta, với tư cách sủng thần của quý phu nhân, lẽ ra phải mời mọc khoản đãi. Mọi thái độ của anh ta đối với tôi đều rất hợp với mẫu xử sự trên đây. Anh ta không cư xử với tôi đích xác như kẻ bên dưới; anh ta coi như không có tôi. Tôi khó mà nhận ra cái gã thông thái rởm thô lậu ngày trước, ở nhà ông hoàng Saxe-Gotha, thấy vinh dự khi được tôi nhìn đến. Tôi còn thấy khó hơn nữa để điều hòa sự nhất mực làm thỉnh nọ, thái độ kiêu căng nhục mạ nọ, với tình bạn triu mến đối với tôi mà anh ta khoe khoang trước tất cả những người anh ta biết là bản thân họ có với tôi tình bạn như vậy. Quả thực anh ta chỉ tỏ bày tình bạn ấy để phàn nàn cho thời vận của tôi, mà tôi không hề phàn nàn, để thương hại cho số phận đáng buồn của tôi, mà tôi hài lòng, và để than phiền thấy tôi nhấn tâm từ chối những chăm lo từ thiện mà anh ta bảo là muốn giúp tôi. Chính với xảo thuật ấy anh ta làm cho mọi người ngưỡng mộ lòng hào hiệp triu mến của anh ta, che trách sự yếm thế bạc tình bạc nghĩa của tôi, và anh ta khiến thiên hạ dần dà quen nghĩ rằng giữa một người che chở như anh ta và một kẻ khổ sở như tôi chỉ có những quan hệ một bên ban ơn, còn một bên chịu ơn, mà không cho rằng có một tình bạn giữa người ngang hàng với người ngang hàng, thậm chí không cho rằng có khả năng như vậy. Về phần tôi, tôi đã uống công kiếm tìm xem mình có thể chịu ơn gì người chủ mới này. Tôi đã cho anh ta vay tiền, anh ta không cho tôi vay bao giờ; tôi đã trông nom anh ta khi anh ta ốm, anh ta chỉ đến thăm sơ sơ khi tôi ốm; tôi đã cho anh ta tất cả những người bạn của

tôi, anh ta không bao giờ cho tôi một người nào trong số bạn của anh ta; tôi đã tán dương anh ta hết sức mình, anh ta... Nếu như anh ta đã tán dương tôi, thì theo cách kém công khai, và với một kiểu khác, chưa bao giờ anh ta từng giúp thậm chí đề nghị giúp tôi bất kỳ việc gì thuộc bất kỳ loại nào. Vậy làm sao anh ta lại là Mạnh Thường quân của tôi chứ? Làm sao tôi lại là người mà anh ta che chở chứ? Tôi không hiểu nổi điều này và bây giờ vẫn không hiểu nổi.

Quả thực, từ nhiều đến ít, anh ta ngạo mạn với tất cả mọi người, nhưng không ngạo mạn với một ai theo cách thô bạo như với tôi. Tôi còn nhớ một lần Saint-Lambert suýt ném đĩa ăn vào mặt anh ta, vì anh ta đánh chính ngay giữa bàn tiệc một lời của Saint-Lambert, bằng cách thô lỗ bảo anh: *Điều ấy không đúng*. Giọng nói vốn gay gắt, anh ta còn thêm vào đó thái độ tự mãn của một kẻ mới phát, và thậm chí vì cứ xấc xược mà đâm ra lỗ bịch. Việc giao du với những người quyền quý đã cám dỗ anh ta đến mức tự mình khoác lấy những điệu bộ mà ta chỉ thấy ở những người ít biết lễ phải nhất trong số họ. Bao giờ anh ta cũng chỉ gọi người hầu của mình bằng tiếng *Này!* cứ như thế, trong số gia nhân của Đức Ngài, Đức Ngài chẳng biết ai là kẻ đang tức tực. Khi sai phái người hầu, anh ta quăng tiền xuống đất, thay vì đưa vào tay người đó. Rốt cuộc, hoàn toàn quên rằng người ấy là con người, trong bất kỳ chuyện gì anh ta cũng xử sự với niềm khinh bỉ hết sức chướng, với sự miệt thị hết sức tàn nhẫn, thành thử người hầu tội nghiệp, vốn là một gia nhân rất tốt, mà bà D'Épinay cho anh ta, đã bỏ việc, chỉ vì không thể chịu nổi sự đối xử như vậy: đó là La Pleur* của Kẻ tự phụ mới này.

Vừa hóm hỉnh vừa kiêu căng, với cặp mắt húp lơ đờ và bộ dạng ườn ẹo, anh ta có kỳ vọng đối với phụ nữ, và sau trò hề của anh ta với cô Fel, anh ta được nhiều bà nhiều cô coi như một nam nhi có tình cảm cao cả. Điều đó đã làm cho anh ta hợp thời thượng và khiến anh

ta đâm ra thích sự sạch sẽ của phụ nữ: anh ta bắt đầu làm đom; chuyện trang điểm của anh ta thành việc quan trọng; tất cả mọi người đều biết anh ta đánh phấn, còn tôi, trước không tin gì hết, tôi bắt đầu tin, chẳng những vì nước da anh ta đẹp ra, mà vì đã thấy những tách phấn trắng trên bàn trang điểm của anh ta, nhưng một buổi sáng bước vào phòng anh ta tôi thấy anh ta đang chải móng tay bằng một bàn chải nhỏ đặc biệt; công việc mà anh ta tiếp tục một cách tự hào trước mặt tôi. Tôi cho rằng một người đàn ông sáng nào cũng dành hai giờ đồng hồ để chải móng tay rất có thể dành một số thời gian để nhồi phấn cho đầy những chỗ hóp của làn da. Ông lão Gauffecourt, vốn chẳng phải người tai quái, đã khá hài hước đặt cho anh ta biệt hiệu *Chàng Tiran Trắng*.*

Tất cả chuyện này chỉ là những trò lơ bịch tức cười, nhưng rất phản cảm đối với tính cách của tôi. Chúng khiến tôi hoàn toàn thấy tính cách anh ta đáng ngờ. Tôi khó tin được một con người mà đầu óc hóa rõ theo kiểu ấy lại có thể giữ được một tấm lòng đúng đắn. Anh ta chẳng tự phụ về điều gì nhiều hơn là về sự nhạy cảm của tâm hồn và về sức mạnh của tình cảm. Làm sao điều đó lại phù hợp được với những khuyết điểm riêng thuộc các tâm hồn nhỏ nhen? Làm sao những xung động mãnh liệt và liên tục thường bột phát nơi một con tim nhạy cảm lại có thể để anh ta bận rộn không ngừng vì bao nhiêu chăm chút tỉ mỉ cho con người bé nhỏ của anh ta? Ôi! Chúa tôi! Người nào cảm thấy lòng mình đang cháy rực ngọn lửa trời thường tìm cách phát tán ánh lửa đó, và muốn phô bày nội tâm. Người ấy muốn tỏ lộ lòng mình trên mặt; người ấy sẽ chẳng bao giờ tưởng tượng ra loại phấn nào khác.

Tôi nhớ lại sự tóm lược đạo lý của anh ta, mà bà D'Épinay đã kể lại với tôi, và bà đã theo. Sự tóm lược này chỉ có mỗi một điều khoản, như sau, bốn phận duy nhất của con người là trong mọi sự đều theo khuynh hướng của con tim mình. Đạo lý ấy, khi tôi được biết, khiến tôi phải suy nghĩ ghê gớm, mặc dù lúc đó tôi chỉ coi như một cách nói

vận dụng trí xảo. Nhưng tôi sớm thấy nguyên lý này thực sự là quy tắc xử thế của anh ta, và về sau tôi chỉ quá thiết thòi cay đắng để có chứng cứ về điều ấy. Đó là thuyết bên trong*, mà Diderot đã nói với tôi rất nhiều, nhưng chưa bao giờ giải thích.

Tôi nhớ lại cách đây nhiều năm mọi người thường xuyên có ý kiến với tôi rằng con người này giả dối, rằng anh ta giả bộ tình cảm, và nhất là anh ta không yêu tôi. Tôi hồi tưởng nhiều mẫu chuyện nho nhỏ mà ông De Francueil và bà De Chenonceaux từng kể cho tôi về điều này, cả hai người đều không quý trọng anh ta và ắt phải hiểu anh ta, bởi bà De Chenonceaux là con gái bà De Rochechouart, bạn thân của bá tước De Friese, còn ông De Francueil, khi ấy có quan hệ chặt chẽ với nam tước De Polignac, từng sinh hoạt nhiều tại khu Hoàng cung, đúng khi Grimm bắt đầu len chân vào đó*. Toàn thể Paris được biết về nỗi tuyệt vọng của anh ta sau cái chết của bá tước De Friese. Vấn đề là duy trì danh tiếng mà anh ta đã tự tạo sau những sự hà khắc của cô Fel, và lẽ ra tôi thấy rõ hơn ai hết tính chất phách lối, nếu như khi ấy tôi bớt mù quáng. Phải kéo anh ta đến dinh thự De Castries, tại đó anh ta nghiêm trang diễn vai trò của anh ta, buông mình cho nỗi thảm sầu ghê gớm nhất, sáng nào anh ta cũng ra vườn để tha hồ khóc lóc, giữ chiếc khăn tay dầm lệ trên mắt, chừng nào từ dinh thự nhìn thấy được anh ta, thế nhưng tới khúc quanh của một lối đi nào đó, những người mà anh ta không nghĩ đến lại nhìn thấy anh ta lập tức cất khăn vào túi, và lôi ra một quyển sách. Điều quan sát này, được mọi người lặp lại, chẳng bao lâu toàn Paris đều biết cả, rồi gần như quên ngay. Bản thân tôi đã quên: một việc liên quan đến tôi khiến cho tôi nhớ lại. Tôi đang nằm liệt giường trong tình trạng nguy kịch, tại phố Grenelle: anh ta ở vùng quê; một buổi sáng anh ta hỗn hạo hỗn hạo thờ dốt đến thăm tôi, bảo rằng vừa mới tới nơi; một lát sau tôi được biết anh ta đến từ hôm qua và mọi người thấy anh ta đi xem hát ngay tối ấy.

Tôi nhớ lại hàng ngàn sự việc thuộc loại đó, nhưng một nhận xét mà tôi ngạc nhiên vì mình thấy ra quá muộn khiến tôi xúc động hơn hết thảy những chuyện này. Tôi đã tặng cho Grimm tất cả những người bạn của tôi không trừ một ai, họ đều đã thành bạn của anh ta. Tôi rất khó xa rời được anh ta, thành thử tôi ít muốn duy trì việc ra vào một ngôi nhà mà có lẽ anh ta không được ra vào. Chỉ riêng bà De Créqui từ chối chấp nhận anh ta, bởi thế tôi gần như thôi đến thăm bà từ dạo đó. Về phía Grimm, anh ta kết thân với những bè bạn khác, do tự anh cũng như do bá tước De Friese. Không một ai trong tất cả những người bạn ấy thành bạn của tôi; anh ta chưa bao giờ nói với tôi một lời để rủ tôi ít ra cũng làm quen với họ, và tất cả những người mà đôi khi tôi gặp ở nhà anh ta, không một ai tỏ ra chút thiện chí nào với tôi, ngay cả bá tước De Friese mà anh ta ở trong nhà, do vậy lẽ ra sẽ rất dễ chịu cho tôi nếu như tôi có đôi chút quan hệ, hay cả bá tước De Schomberg, họ hàng của ông De Friese, mà Grimm còn thân mật nhiều hơn.

Thêm nữa: bạn bè của chính tôi, mà tôi khiến cho thành bạn của anh ta, và tất cả đều gắn bó với tôi một cách triu mến trước khi quen biết anh ta, đều thay đổi rõ rệt đối với tôi khi đã quen biết anh ta rồi. Anh ta chưa từng cho tôi một người nào trong số bạn anh ta; tôi đã cho anh ta tất cả bạn của tôi, và cuối cùng anh ta lấy đi hết của tôi những người bạn ấy. Nếu như đó là kết quả của tình thân, thì kết quả của lòng thù ghét sẽ như thế nào đây?

Ngay cả Diderot, mới đầu, cảnh báo tôi nhiều lần là Grimm, mà tôi tin cậy biết bao nhiêu, không phải là bạn tôi. Sau này anh đổi giọng, khi chính anh có lẽ đã thôi là bạn tôi.

Cách tôi sắp đặt cho các con tôi chẳng cần sự phù trợ của ai hết. Tuy vậy tôi vẫn cho các bạn tôi biết, duy chỉ để họ biết, để không tỏ ra tốt hơn trước mắt họ như mình vốn thế. Số bạn này có ba người: Diderot, Grimm, bà D'Épinay; Duclos, người xứng đáng nhất để tôi

tâm sự, lại là người duy nhất tôi không tâm sự. Tuy thế ông vẫn biết; do ai? Tôi không biết, sự thất tín này không chắc do bà D'Épinay, bà hiểu rằng khi tôi bắt chước bà mà thất tín, nếu như tôi có thể làm như vậy, thì tôi có thứ để mà trả thù bà một cách tàn ác. Còn lại Grimm và Diderot, khi ấy hết sức đoàn kết ở nhiều chuyện, nhất là chuyện chống lại tôi, thành thử rất có thể họ cùng chung tội này. Tôi đoán chắc rằng Duclos, người mà tôi không kể bí mật của mình, do đó có quyền định đoạt bí mật ấy, lại là người duy nhất đã giữ bí mật cho tôi.

Grimm và Diderot, trong kế hoạch lấy đi của tôi các Nữ Thống đốc, đã cố gắng làm cho Duclos tham gia dự kế của họ; bao giờ ông cũng khước từ một cách khinh miệt, chỉ sau này ông mới cho tôi biết tất cả những gì từng diễn ra giữa họ về phương diện đó; nhưng từ dạo ấy qua Thérèse tôi được biết đủ để thấy rằng tất cả chuyện này có một dự định ngấm ngầm nào đó, và mọi người muốn tùy ý sử dụng tôi, nếu không chống lại ý tôi, thì ít ra cũng không để tôi biết, hoặc họ muốn dùng hai người ấy làm phương tiện cho một dự định che giấu nào đó. Tất cả chuyện này chắc chắn là không ngay thẳng, sự phản đối của Duclos chứng tỏ điều đó một cách không sao cãi nổi. Ai muốn tin đó là tình bạn thì cứ tin.

Cái tình bạn mạo nhận ấy tai hại cho tôi cả bên trong lẫn bên ngoài. Những cuộc trao đổi dài và thường xuyên với bà Le Vasseur từ nhiều năm nay đã dần dà khiến người đàn bà này đối khác đối với tôi, và sự thay đổi đó chắc chắn chẳng thuận lợi cho tôi. Vậy họ bàn bạc gì trong những buổi gặp gỡ riêng tư lạ lùng ấy? Vì sao có sự bí mật sâu kín này? Sự trò chuyện của bà lão ấy đủ thú vị để phải lén lút như vậy và đủ quan trọng để phải giữ bí mật kỹ đến thế? Ba bốn năm nay kể từ khi những cuộc hội đàm này tồn tại, tôi thấy chúng có vẻ nực cười: khi ấy nghĩ lại tôi bắt đầu ngạc nhiên về chúng, sự ngạc nhiên có thể đi tới mức lo lắng, nếu như từ dạo đó tôi đã biết người đàn bà này chuẩn bị cho tôi những gì.

Bất kể nhiệt tình mạo nhận mà Grimm khoe khoang ở bên ngoài, và rất khó dung hòa với giọng điệu anh ta khi đối diện chính tôi, tôi không nhận được của anh ta, về bất cứ phương diện nào, một cái gì có lợi cho tôi, và niềm thương hại anh ta giả vờ có đối với tôi, rất ít nhằm giúp tôi mà nhằm làm tôi mất giá trị. Thậm chí chừng nào có thể, anh ta còn tước đi của tôi nguồn lợi từ nghề nghiệp tôi đã chọn, bằng cách chê bai tôi chép nhạc dở, và tôi thừa nhận ở đây anh ta nói sự thật; nhưng nói lên điều này không phải việc của anh ta. Anh ta sử dụng một người chép nhạc khác, nhằm chứng tỏ đây chẳng phải chuyện đùa, và không để lại cho tôi một khách hàng nào mà anh ta có thể lấy đi của tôi. Cứ như thế kế hoạch của anh ta là làm cho tôi phụ thuộc vào anh ta và uy tín của anh ta để có miếng ăn, và làm cạn kiệt nguồn mưu sinh của tôi kỳ cho tới khi tôi bị dồn đến bước ấy.

Tóm lược mọi điều rồi, cuối cùng lý trí của tôi khiến cho thiên kiến tốt xưa kia, hiện vẫn còn lên tiếng, phải nín lặng: tôi đánh giá tính cách anh ta ít ra cũng rất đáng ngờ, còn về tình bạn của anh ta, tôi xác định là nó giả dối. Rồi quyết không gặp anh ta nữa, tôi báo cho bà D'Épinay biết, đồng thời đưa ra nhiều sự việc không thể chối cãi được nhưng giờ đây tôi đã quên, để làm chỗ dựa cho quyết định của mình.

Bà phản đối mạnh mẽ quyết định này, song chẳng biết nói sao về những lý do làm cơ sở cho quyết định. Bà còn chưa bàn tính với anh ta. Nhưng hôm sau, thay vì phân trần miệng với tôi, bà lại trao cho tôi một bức thư rất khôn khéo, mà họ đã cùng nhau soạn thảo, trong đó, không đi vào một chi tiết nào của các sự việc, bà dựa vào tính cách thâm trầm kín đáo của anh ta để biện minh cho anh ta, và cho là tôi có tội khi nghi ngờ anh ta phản trắc đối với bạn, động viên tôi hòa giải với anh ta. Bức thư này, mà mọi người sẽ thấy trong tập A, số 48, làm tôi nao núng. Trong một cuộc chuyện trò sau đó, mà tôi thấy bà được chuẩn bị tốt hơn lần đầu, tôi để mình thua hẳn; tôi đi đến chỗ cho rằng có thể mình đã xét đoán sai, và trong trường hợp ấy, đối với một người bạn, mình thực sự có những lỗi lầm nghiêm trọng cần sửa chữa. Tóm

lại như tôi đã làm nhiều lần với Diderot, với nam tước D'Holbach, nửa do ý muốn, nửa do yếu đuối, tôi thực hiện mọi bước đi trước mà mình có quyền đòi hỏi; tôi đến nhà Grimm như một Georges Dandin khác*, xin lỗi anh ta về những điều anh ta đã xúc phạm tôi, vẫn cứ mang niềm tin sai lầm từng khiến tôi làm ngàn điều thấp hèn trong đời bên những người bạn vờ vĩnh của mình, tin rằng chẳng có mối thù ghét nào mà ta lại không tước được vũ khí nhờ sự hiền hòa và nhờ những biện pháp tốt, trong khi ngược lại mối thù ghét nơi những kẻ độc ác chỉ phấn khích hơn lên do không thể tìm được điều gì làm cơ sở cho nó, và ý thức về sự bất công của chính họ chỉ thêm một mối bất bình nữa đối với kẻ là đối tượng của sự bất công ấy. Không ra khỏi câu chuyện của chính mình, tôi có một chứng cứ rất vững về phương châm này ở Grimm và ở Tronchin, trở thành hai kẻ thù không đội trời chung quyết liệt nhất của tôi do sở thích, do ý muốn, do thị hiếu ngông cuồng, mà chẳng viện ra được bất kỳ sai trái nào thuộc bất kỳ loại nào của tôi đối với kẻ nào trong hai kẻ*, và sự điên giận của họ tăng lên từng ngày, giống như sự điên giận của loài hổ, do chúng thấy dễ dàng làm cơn điên ấy thỏa mãn.

Tôi hy vọng rằng, thẹn thùng vì sự dễ dãi chiều lòng và những bước đi trước của tôi, Grimm sẽ đón tiếp tôi niềm nở, với tình bạn thăm thiết nhất. Anh ta tiếp tôi như hoàng đế La Mã, với thái độ cao ngạo mà tôi chưa từng thấy ở ai. Tôi không hề chuẩn bị cho sự đón tiếp như vậy. Lúng túng trong một vai trò rất ít thích hợp với mình, qua vài lời ngắn ngủi và với dáng vẻ rụt rè, tôi thực hiện xong mục đích đưa tôi đến với anh ta, còn anh ta, trước khi khoan thứ cho tôi, hết sức oai nghiêm thuyết một bài huấn thị dài đã được chuẩn bị, trong đó liệt kê nhiều đức tính quý hiếm của anh ta, đặc biệt là trong tình bạn. Anh ta nhấn mạnh rất lâu một điều thoát tiên tác động mạnh đến tôi: đó là mọi người thấy anh ta luôn giữ gìn vẫn những người bạn cũ. Trong khi anh ta nói, tôi tự nhủ thầm rằng thật ác nghiệt cho tôi khi

một mình tôi là ngoại lệ của quy tắc đó. Anh ta trở lại điều này nhiều lần và rất kiểu cách khiến tôi nghĩ rằng nếu trong chuyện đó anh ta chỉ đi theo tình cảm của con tim mà thôi, thì anh ta sẽ ít xúc động hơn vì phương châm ấy, và anh ta dùng nó làm một xảo thuật hữu ích cho dự kế của anh ta trong các thủ đoạn tiến thân, cho đến bây giờ tôi đã ở trong trường hợp giống như vậy, tôi đã luôn gìn giữ tất cả những người bạn của mình; từ tuổi ấu thơ non nớt nhất, tôi chưa từng mất một người bạn nào, nếu không phải do cái chết, ấy thế mà cho đến bây giờ tôi chưa từng nghĩ ngợi về chuyện ấy; đó không phải là một phương châm tôi đề ra cho mình. Bởi đó là một lợi thế chung cho cả hai khi ấy, vậy tại sao anh ta lại thích tự phụ riêng về lợi thế này, nếu không phải là anh ta nghĩ trước đến việc tước nó đi của tôi? Sau đó anh ta chuyên chú hạ nhục tôi bằng những chứng cứ cho thấy bạn bè chung của chúng tôi ưa thích anh ta hơn tôi. Tôi cũng biết rõ như anh ta sự ưa thích ấy; vấn đề là [biết] anh ta đạt được nó với danh nghĩa gì; liệu có phải là nhờ tài cán và sự khéo léo, bằng cách tự nâng mình lên hoặc tìm cách hạ thấp tôi xuống. Cuối cùng, khi anh ta đã thỏa ý đặt giữa anh ta và tôi toàn bộ khoảng cách có thể đem lại giá trị cho sự dung thứ sắp ban phát, anh ta cho tôi nụ hôn làm lạnh qua cái ôm hồ giống như nghi thức ôm hôn mà đức vua ban cho các tân hiệp sĩ. Tôi vô cùng kinh ngạc, tôi ngẩn người, tôi chẳng biết nói gì, tôi không tìm ra một lời nào. Toàn bộ cảnh này có vẻ một cảnh gia sư quở trách đệ tử, và miễn đánh đòn cậu ta. Tôi chẳng bao giờ nghĩ về chuyện đó mà không cảm thấy những xét đoán dựa trên bề ngoài đánh lừa ta biết bao nhiêu, những xét đoán mà phạm nhân rất coi trọng, và biết bao lần sự tảo tợn và niềm kiêu hãnh ở về phía kẻ có tội, nổi hổ thẹn và sự bối rối ở về phía người vô tội.

Chúng tôi đã hòa giải; đó vẫn là một niềm khuây khỏa cho con tim tôi, mà cuộc cãi cọ nào cũng khiến cho lâm vào những lo âu chết người. Chắc mọi người cảm thấy rõ rằng một sự hòa giải như thế chẳng thay đổi cung cách của anh ta; nó chỉ tước đi của tôi quyền than

phiền về điều đó. Bởi vậy tôi quyết định chịu đựng tất, và chẳng nói năng gì nữa.

Bao nhiêu buồn phiền, liên tiếp, đẩy tôi vào một tình trạng rầu rĩ không để cho tôi còn mấy sức lực làm chủ lại bản thân. Không có thư trả lời của Saint-Lambert, bị bà D'Houdetot hờ hững, chẳng còn dám thổ lộ tâm can với ai, tôi bắt đầu sợ rằng nếu cứ coi tình bạn như thần tượng của lòng mình, tôi sẽ sử dụng đời mình để hy sinh cho những ảo ảnh hảo huyền. Sau thử thách, trong tất cả các mối quan hệ của tôi chỉ còn hai người duy trì được toàn bộ niềm quý trọng nơi tôi, và lòng tôi có thể tin cậy: Duclos, mà từ khi rút về Ermitage tôi đã không gặp nữa, và Saint-Lambert. Tôi cho rằng chỉ có thể sửa chữa những lỗi lầm của tôi đối với Saint-Lambert bằng cách thổ lộ hoàn toàn tâm can với anh, và tôi quyết định bộc bạch trọn vẹn với anh tất cả những gì không làm liên lụy đến tình nường của anh. Tôi không hồ nghi rằng sự lựa chọn này là một cái bẫy nữa của niềm đam mê, để được gần với người ấy hơn; nhưng chắc chắn là tôi có thể hoàn toàn lao mình vào vòng tay tình lang của người ấy, tôi có thể đặt mình trọn vẹn dưới sự dẫn dắt của anh và tôi có thể đưa sự trung thực đi xa hết mức có thể. Tôi đang sẵn sàng viết cho anh một bức thư thứ hai, mà tôi tin chắc anh sẽ trả lời, thì biết được lý do đáng buồn khiến anh im lặng với lá thư trước. Anh đã không chịu đựng được đến cùng những mệt nhọc của chiến dịch. Bà D'Épinay cho tôi biết anh vừa bị một cơn bại liệt cấp, còn bà D'Houdetot, vì ưu sầu mà cuối cùng chính bà cũng ốm, và không thể viết ngay cho tôi, thì hai ba hôm sau, từ Paris là nơi bà đang ở, bày tỏ với tôi là anh chuyển đến Aix-la-Chapelle để tắm suối nước nóng. Tôi không bảo là tin tức đáng buồn này khiến tôi phiền não như bà; nhưng tôi không chắc sự se lòng do tin ấy gây ra nơi tôi lại ít nặng nề hơn nỗi đau và những hàng lệ của bà. Buồn vì biết anh trong tình trạng như thế, lại thêm sợ rằng niềm lo lắng liệu có góp phần làm anh lâm bệnh, khiến tôi xúc động hơn tất cả những gì đã xảy ra với mình cho đến khi ấy, và trong sự đánh giá bản thân, tôi xót xa cảm thấy mình thiếu sức

mạnh cần thiết để chịu đựng bao nhiêu điều bất như ý. May thay, anh bạn hào hiệp ấy chẳng để tôi phải khổ tâm lâu; anh không quên tôi, bất chấp cơn bệnh, và tôi sớm được chính anh cho biết là tôi đã phán đoán quá nặng nề về tình cảm và về tình trạng của anh. Nhưng đã đến lúc nói đến cuộc đại biến động trong vận mệnh của tôi, nói đến thảm họa đã chia cuộc đời tôi thành hai phần hết sức khác biệt, và từ một nguyên nhân rất nhẹ nhàng đã đưa tới những kết quả rất ghê gớm.

Một hôm, bà D'Épinay cho người đến tìm tôi, giữa lúc tôi chẳng hề nghĩ đến điều ấy. Khi bước vào, tôi nhận thấy trong mắt và trong thái độ của bà một vẻ bối rối càng khiến tôi ngạc nhiên hơn vì vẻ đó không bình thường chút nào đối với bà, trên đời này không ai biết điều khiến gương mặt và các động tác giỏi hơn bà. Bà bảo tôi: “Bạn ạ, tôi đi Genève đây; tình trạng phổi tôi không tốt, sức khỏe tôi suy nhược đến mức tôi phải đình lại mọi việc, để đi gặp và hỏi ý kiến Tronchin.” Quyết định này, hết sức đột ngột và vào lúc thời tiết xấu bắt đầu, càng khiến tôi kinh ngạc hơn vì ba mươi sáu giờ trước tôi vừa tạm biệt bà mà chẳng thấy nói gì. Tôi hỏi bà sẽ đem ai theo. Bà bảo sẽ đem theo con trai và ông De Linant, rồi bà hồ hững nói thêm: “Còn anh, anh bạn bản tính khó gần của tôi, anh cũng đi chứ?” Vì không nghĩ là bà nói một cách nghiêm túc, khi biết rằng bước vào mùa này tôi chỉ gọi là hơi có thể ra khỏi phòng, tôi bèn bông đùa về sự hữu ích của một người ốm tháp tùng một người ốm khác; bản thân bà cũng có vẻ không đề nghị thực sự, và chuyện không được bàn đến nữa. Chúng tôi chỉ còn nói về những sự chuẩn bị cho chuyến đi, mà bà lo toan rất hăng hái, quyết lên đường sau mười lăm ngày nữa.

Chẳng cần sáng suốt lắm tôi mới hiểu rằng chuyến đi này có một lý do bí mật mà người ta không nói với tôi. Điều chỉ là bí mật với riêng tôi trong cả nhà, thì ngay hôm sau được Thérèse phát hiện, do Tessier, người quản gia tiết lộ với cô, người này biết được qua chị hầu phòng. Mặc dù tôi không phải giữ bí mật này cho bà D'Épinay, bởi chẳng phải bà cho tôi biết về nó, nhưng nó liên quan quá nhiều đến

các bí mật mà bà cho tôi biết nên tôi không thể tách nó ra được: vì vậy tôi sẽ nín lặng về mục này. Nhưng những bí mật ấy, chưa từng và sẽ không hề bị tôi nói ra hay viết ra, được quá nhiều người thông tỏ thành thử tất cả những ai thân cận với bà D'Épinay không thể không biết.

Biết được lý do thực sự của chuyến đi, đáng lẽ tôi có thể nhận ra sự thúc đẩy của một bàn tay thù địch, với ý đồ để tôi làm người đi kèm bà D'Épinay; nhưng bà đã rất ít nài nỉ, thành thử tôi vẫn không coi ý đồ ấy là nghiêm túc, và chỉ cười cho cái nhân vật hay ho mà mình sẽ đóng vai, nếu như mình ngu dại đảm nhận, vả chăng, bà được lợi nhiều do tôi từ chối, vì bà rủ được chính ông chồng đi hộ tống.

Mấy ngày sau, tôi nhận được của Diderot bức thư mà tôi chép lại dưới đây. Thư chỉ gấp làm hai, sao cho toàn bộ phần bên trong đọc được dễ dàng, gửi đến cho tôi tại nhà bà D'Épinay, và giáo phó cho De Linant, là thầy giáo của cậu con trai và là người tâm phúc của bà mẹ.

THƯ CỦA DIDEROT

(Tập A, số 52)

Tôi thật thích hợp để yêu mến bạn và để làm bạn buồn phiền. Tôi được biết bà D'Épinay đi Genève, và không nghe nói là bạn tháp tùng bà. Bạn ạ, nếu bạn hài lòng về bà D'Épinay, thì phải đi với bà; nếu không hài lòng, lại phải đi gấp hơn nhiều. Bạn có mang quá nặng những ớn nghĩa của bà hay không? Đây là một cơ hội để đền đáp phần nào và khiến bạn vui nhẹ. Bạn có tìm được cơ hội nào khác trong đời bạn để tỏ lòng biết ơn với bà hay không? Bà đi đến một xứ sở tại đó bà sẽ ngơ ngác chẳng quen biết ai. Bà đang ốm: bà sẽ cần vui chơi và giải khuây. Mùa đông! Xem nào, anh bạn. Việc biện bác do sức khỏe của bạn có thể mạnh hơn tôi nghĩ nhiều. Nhưng hôm nay bạn có yếu mệt hơn là cách đây một tháng, hoặc hơn là bạn sẽ yếu mệt vào đầu mùa xuân hay không? Sau đây ba tháng bạn có thực hiện chuyến đi một cách thuận lợi hơn bây giờ hay không? Về phần tôi, thì tôi thú

thực với bạn là nếu tôi không chịu được xe trạm, tôi sẽ lấy một cây gậy chống và sẽ đi theo bà. Thế rồi bạn không sợ người ta diễn giải sai cách cư xử của bạn hay sao? Người ta sẽ ngờ vực bạn hoặc vong ân bội nghĩa, hoặc có một lý do thầm kín nào khác. Tôi biết rằng, mặc dù bạn như thế nào, bạn sẽ vẫn có lương tâm của bạn làm chứng, nhưng chỉ riêng sự làm chứng ấy có đủ hay không và có được phép xem thường đến một mức nào đó sự làm chứng của những người khác hay không? Và chẳng, bạn ạ, chính là để làm hết nghĩa vụ với bạn và với tôi mà tôi viết thư này. Nếu nó làm bạn méch lòng, hãy quăng nó vào lửa, và chớ bao giờ nhắc đến nữa coi như nó chưa từng được viết ra. Chào bạn, yêu bạn và ôm hôn bạn.

Sự run rẩy do tức giận, tình trạng choáng váng choán lấy tôi khi xem bức thư ấy và chỉ để cho tôi xem sơ sơ đến hết, chẳng ngăn tôi nhận thấy sự khôn khéo của Diderot, giả vờ lấy một giọng ngọt ngào hơn, mơn trớn hơn, tử tế hơn tất cả những thư khác, trong đó bất quá chỉ gọi tôi bằng anh, mà chẳng hạ cố cho cái danh là bạn. Tôi dễ dàng nhìn thấy ảnh hưởng gián tiếp khiến mình có bức thư ấy, mà toát yếu nội dung, mà hình thức và sự vận hành bộc lộ thậm chí khá vụng về xảo kế quanh co: vì bình thường chúng tôi viết cho nhau qua bưu điện hay qua người đánh xe thư của Montmorency, và đây là lần đầu tiên cũng là lần duy nhất anh sử dụng cách vận chuyển này.

Khi cảm kích đầu tiên của lòng phần nộ để cho tôi viết được, tôi hấp tấp thảo bức thư trả lời dưới đây, và lập tức mang từ Ermitage, nơi tôi đang ở khi đó, đến Chevrette, để gởi ra cho bà D'Épinay thấy, và trong cơn giận dữ mù quáng, tôi muốn tự mình đọc lên, cùng với thư của Diderot.

Bạn thân mến, bạn không thể biết được sức mạnh của những ơn nghĩa mà tôi có thể nhờ ở bà D'Épinay, cũng chẳng biết được những ơn nghĩa ấy ràng buộc tôi đến mức độ nào, cũng chẳng biết được liệu bà có thực sự cần đến tôi trong chuyến đi hay không, liệu bà có muốn

tôi thấp túng hay không, chẳng biết được liệu tôi có thể thực hiện việc đó hay không, cũng chẳng biết được những lý do có thể khiến tôi không thực hiện. Tôi không từ chối tranh luận với bạn về tất cả những điểm ấy; nhưng trong khi chờ đợi, bạn hãy thừa nhận rằng, chỉ định cho tôi chắc nịch đến như vậy những gì tôi phải làm, mà không chuẩn bị cho mình có khả năng xét đoán về những điều ấy, thì triết gia thân mến ạ, đó là phát ngôn như một kẻ hoàn toàn khinh suất. Điều tệ hơn mà tôi thấy trong chuyện này, là ý kiến của anh không phải do anh. Ngoài việc tôi chẳng mấy sẵn lòng để mình bị kẻ thứ ba hay kẻ thứ tư nhân danh anh mà dắt mũi, tôi còn thấy ở những sự gián tiếp này một vài xảo kế không hợp với sự thẳng thắn của anh, và có lẽ, vì anh và vì tôi, từ nay anh nên thôi sử dụng.

Anh sợ người ta diễn giải sai cách cư xử của tôi; nhưng tôi thách một con tim như con tim anh dám nghĩ xấu về con tim tôi. Một số kẻ khác có thể nói tốt hơn về tôi nếu như tôi giống họ nhiều hơn. Cầu mong Chúa giữ gìn cho tôi đừng được họ tán thưởng! Những kẻ ác cứ việc rình mò tôi và diễn giải về tôi: Rousseau chẳng thích hợp để sợ những kẻ ấy cũng như Diderot chẳng thích hợp để nghe họ.

Nếu bức thư của bạn đã làm tôi méch lòng, bạn muốn tôi quẳng nó vào lửa, và đừng nhắc đến nó nữa! Bạn cho rằng người ta quên đi như thế những gì từ bạn mà ra ư? Bạn ạ, anh cũng coi rẻ những hàng nước mắt của tôi trong những buồn đau anh gây ra cho tôi, chẳng khác coi rẻ tính mạng tôi và sức khỏe của tôi trong những sự chăm sóc mà anh khuyến cáo tôi hãy lo toan. Nếu như anh có thể sửa chữa những điều đó, thì tình bạn của anh sẽ vì thế mà ngọt ngào hơn đối với tôi, còn tôi sẽ vì thế mà ít đáng ái ngại hơn.

Bước vào phòng bà D'Épinay, tôi thấy Grimm đang ở cùng với bà, và tôi mừng vì điều đó. Tôi đọc to và rõ ràng cho họ nghe hai bức thư với sự gan dạ mà tôi những tưởng mình không thể có được, rồi đọc xong tôi nói thêm vài lời chẳng mâu thuẫn với sự gan dạ ấy. Trước thái độ táo bạo bất ngờ ở một con người bình thường hết sức nhát gan,

tôi thấy cả hai rụng rời, chết điếng, không đáp lại một lời nào; đặc biệt tôi thấy con người ngạo mạn vênh váo kia sụp mắt nhìn xuống, chẳng dám chống đỡ những tia lửa của ánh mắt tôi; nhưng cùng lúc ấy, trong thâm tâm, anh ta thề diệt tôi, và tôi tin chắc họ bàn tính điều này trước khi chia tay nhau.

Gần như cùng thời gian ấy, cuối cùng tôi nhận được từ bà D'Houdetot thư trả lời của Saint-Lambert (Tập A, số 57), vẫn ghi nơi viết là Wolfenbuttel, ít ngày sau khi anh bị tai biến, đáp lại bức thư của tôi, đã chậm trễ quá lâu trên đường vận chuyển. Thư trả lời ấy đem lại cho tôi những niềm an ủi mà tôi rất cần trong thời điểm này, qua những bằng chứng về niềm quý trọng và tình bạn đầy ắp trong thư, khiến tôi có can đảm và sức mạnh để xứng đáng với những điều đó. Từ khi ấy tôi thực hiện nghĩa vụ của mình; nhưng thường xuyên, nếu như Saint-Lambert ít biết lẽ phải hơn, ít quảng đại hơn, ít quân tử hơn, thì tôi nguy khốn vô phương cứu vãn.

Thời tiết chuyển sang xấu, và mọi người bắt đầu rời miền quê. Bà D'Houdetot ghi cho tôi ngày bà định đến từ biệt thung lũng, và hẹn gặp tôi ở Eaubonne. Tình cờ ngày ấy cũng là ngày bà D'Épinay rời Chevrette để đến Paris chuẩn bị nốt cho chuyến đi. May thay bà đi vào buổi sáng, và từ biệt bà xong, tôi còn kịp đến ăn trưa với em chồng bà. Tôi có bức thư của Saint-Lambert trong túi; vừa đi đường tôi vừa đọc lại nhiều lần. Bức thư ấy là tấm khiên bảo vệ tôi chống lại sự yếu đuối. Tôi quyết định và thực hiện quyết định chỉ còn coi bà D'Houdetot là bạn của mình và là tình nương của bạn mình, và tôi ở bốn năm giờ đồng hồ mặt đối mặt với bà trong một trạng thái an tĩnh tuyệt diệu, vô cùng đáng ưa thích hơn, ngay cả về sự thụ hưởng, so với những cơn sốt hừng hực mà cho đến bấy giờ tôi thường lâm phải khi ở bên bà. Vì biết quá rõ lòng tôi không thay đổi, nên bà cảm kích trước những cố gắng của tôi để tự chiến thắng; bà càng quý trọng tôi hơn, và tôi có được niềm vui thấy tình thân của bà đối với mình không hề nguội tắt. Bà báo tin Saint-Lambert sắp trở về, mặc dù đã hồi phục khá tốt sau

cơ bệnh cấp, anh không còn đủ sức chịu đựng những vất vả của chiến tranh, và rời quân ngũ để đến sống yên bình bên bà. Chúng tôi đặt kế hoạch thú vị về một nhóm giao du mật thiết giữa ba người, và chúng tôi có thể hy vọng việc thực hiện kế hoạch này sẽ lâu bền, vì lẽ nền tảng của nó là tất cả những tình cảm có thể kết hợp những con tim đa cảm và chính trực, và ba người chúng tôi tập hợp khá nhiều tài năng cùng tri thức để tự chúng tôi đủ cho chúng tôi, không cần một sự bổ khuyết bên ngoài nào. Than ôi! Trong khi buông mình cho hy vọng về một cuộc sống êm đềm đến như vậy, tôi chẳng mấy nghĩ đến cuộc sống đang chờ đợi tôi.

Sau đó chúng tôi nói về tình thế hiện thời của tôi đối với bà D'Épinay. Tôi cho bà xem bức thư của Diderot và thư trả lời của mình: tôi kể rõ với bà tất cả những gì từng xảy ra về vấn đề này, và tôi bày tỏ quyết tâm rời khỏi Ermitage. Bà phản đối mạnh mẽ chuyện này, và với những lý do có uy lực toàn năng đối với con tim tôi. Bà chứng tỏ mình xiết bao mong muốn giá như tôi đi Genève, vì dự đoán thế nào mọi người cũng làm bà bị liên lụy trong việc tôi từ chối: điều mà bức thư của Diderot dường như báo trước*. Tuy nhiên, vì hiểu những lý do của tôi cũng rõ như tôi, nên bà không nhấn mạnh điều này; nhưng bà nài xin tôi hãy tránh mọi tai tiếng, bằng bất cứ giá nào, và hãy biện giải sự từ chối với những lý do chấp nhận được để đẩy lùi mọi ngờ vực bất công là bà có thể có liên quan. Tôi bảo rằng bà áp đặt cho tôi một nhiệm vụ chẳng dễ dàng; nhưng do quyết tâm chuộc lỗi lầm ngay cả bằng cái giá là thanh danh của mình, tôi muốn dành ưu tiên cho thanh danh của bà, ở tất cả những gì mà danh dự cho phép tôi chịu đựng. Mọi người sẽ sớm biết tôi có làm tròn được lời hứa hay không.

Tôi có thể thề rằng, chẳng những niềm đam mê bất hạnh của tôi không mất đi chút sức mạnh nào, mà chưa bao giờ tôi yêu Sophie của tôi mãnh liệt, thắm thiết như ngày hôm ấy. Nhưng tác dụng từ bức thư

của Saint-Lambert, ý thức về nghĩa vụ và niềm kính sợ sự bất nghĩa, mạnh đến mức trong suốt cuộc gặp gỡ, nhục cảm để cho tôi hoàn toàn yên ổn bên cạnh Sophie, thậm chí tôi không có cả ý định hôn tay bà. Khi ra đi, bà ôm hôn tôi trước mặt các gia nhân. Nụ hôn ấy, hết sức khác biệt với những nụ hôn thâm vụng của tôi, thanh thoát dưới tán cây khi trước, đảm bảo rằng tôi đã làm chủ lại được bản thân: tôi gần như tin chắc rằng nếu con tim mình có thời gian để thêm vững vàng trong trạng thái an tĩnh, thì chỉ chưa đầy ba tháng là tôi khỏi được hẳn.

Quan hệ cá nhân của tôi với bà D'Houdetot chấm dứt ở đây. Những quan hệ mà mỗi người có thể đánh giá qua vẻ bên ngoài tùy theo khuynh hướng của chính lòng mình, nhưng trong quan hệ này niềm đam mê do người phụ nữ dễ thương ấy gây nên nơi tôi, niềm đam mê mãnh liệt nhất mà có lẽ chưa một người đàn ông nào từng cảm nhận, sẽ mãi mãi được vinh dự, chỉ chúng tôi biết và Trời chứng giám, do những hy sinh hiểm thấy và gian khổ của cả hai chúng tôi, vì bốn phận, vì danh dự, vì tình yêu và vì tình bạn. Chúng tôi đã tự nâng mình lên quá cao người nọ trước mắt người kia nên không thể làm mình thấp hèn đi một cách dễ dàng. Phải không đáng được quý trọng chút nào mới đành lòng để mất đi một niềm quý trọng cao giá đến thế, và chính sức mạnh của những tình cảm có thể khiến chúng tôi thành tội lỗi lại là điều ngăn chúng tôi phạm tội.

Thế là sau một tình bạn rất lâu dài với một trong hai người phụ nữ ấy, và một tình yêu rất mãnh liệt với người kia, tôi từ biệt họ riêng rẽ trong cùng một ngày: với một người để suốt đời không gặp lại, với người kia để chỉ gặp lại hai lần trong những dịp sau đây tôi sẽ kể.

Sau khi họ ra đi, tôi hết sức lúng túng để thực hiện bao nhiêu nghĩa vụ cấp bách và mâu thuẫn, hậu quả từ những đại đột bất cần của tôi. Giả sử tôi ở vào trạng thái bình thường, thì sau khi được đề nghị và sau khi từ chối đi Genève, tôi chỉ việc bình thản ngồi yên, và thế là hết nhẽ. Nhưng tôi đã ngu dại làm cho chuyện đó thành một vụ việc không thể ở nguyên tình trạng hiện tại của nó, và tôi chỉ có thể miễn

cho mình mọi sự phân trần sau này bằng cách rời khỏi Ermitage: điều mà tôi vừa mới hứa với bà D'Houdetot là không làm, ít ra ở thời điểm hiện nay. Hơn nữa, bà đã đòi tôi phải xin lỗi những người tự xưng là bạn tôi việc tôi từ chối chuyển đi, để mọi người không gán tội cho bà về sự từ chối ấy. Tuy nhiên tôi không thể bày tỏ lý do thực sự mà không xúc phạm đến bà D'Épinay, người chắc chắn tôi phải chịu ơn, sau tất cả những gì bà đã làm cho tôi. Xét kỹ mọi điều, thì tôi ở vào tình thế khắc nghiệt, nhưng cần thiết, buộc phải chọn lấy một bề, có lỗi với bà D'Épinay, với bà D'Houdetot, hay với bản thân, và tôi quyết định chọn điều cuối cùng. Tôi quyết định một cách công khai, trợn vẹn, không trù trừ thoái thác, và với một sự hào hiệp chắc chắn là xứng đáng rửa sạch mọi lỗi lầm đã dồn tôi đến bước này. Sự hy sinh đó, mà các kẻ thù của tôi đã biết cách lợi dụng, và có lẽ họ đang chờ đợi, đã hủy hoại danh tiếng của tôi, và do công sức của họ, đã làm tôi mất đi niềm quý trọng của công chúng; nhưng nó đã trả lại cho tôi niềm quý trọng của bản thân, và đã an ủi tôi trong cảnh bất hạnh. Đây chẳng phải là lần cuối cùng, như mọi người sẽ thấy, mà tôi có những hy sinh như vậy, cũng chẳng phải lần cuối cùng người ta đã đắc thắng dựa vào những hy sinh này để hành tôi.

Grimm là người duy nhất có vẻ đã không tham gia gì vào vụ việc này; tôi bèn quyết định nói với anh ta. Tôi viết cho anh ta một bức thư dài trong đó tôi trình bày tính chất lỗ bịch tức cười của ý muốn coi chuyển đi Genève là một nghĩa vụ của tôi, tình trạng vô dụng của tôi tại đó, thậm chí có lẽ còn gây trở ngại cho bà D'Épinay, và những bất lợi đối với chính tôi do chuyển đi. Trong thư, tôi không cầm được lòng cho anh ta thấy rằng tôi biết chuyện, rằng có vẻ kỳ lạ khi mọi người bảo tôi phải thực hiện chuyển đi này, trong khi bản thân anh ta tự miễn việc ấy, và kỳ lạ khi mọi người không nêu tên anh ta. Bức thư này, mà vì không thể nói ra rành rọt các lý do của mình, tôi buộc phải thường xuyên lan man xa đề, có thể khiến cho bề ngoài tôi có vẻ nhiều sai trái trước mắt công chúng; nhưng đó là một mẫu mực về sự thận trọng và

sự kín đáo đối với những người, giống như Grimm, hiểu rõ những điều mà tôi không nói, những điều biện minh hoàn toàn cho cách cư xử của tôi. Thậm chí tôi chẳng sợ đưa thêm một thành kiến nữa chống lại mình bằng cách gán ý của Diderot cho những người bạn khác của tôi, để ám chỉ rằng bà D'Houdetot cũng nghĩ như vậy, đó là sự thực, và tôi không nói ra chuyện bà đã đổi ý khi biết các lý do của tôi. Chỉ có ra vẻ bất mãn với bà, về vấn đề này, thì tôi mới có thể minh oan cho bà khỏi bị nghi ngờ là thông đồng với tôi.

Bức thư đó kết thúc bằng một cử chỉ tin cậy mà bất kỳ người nào khác chắc sẽ động lòng; vì trong khi khuyến khích Grimm hãy cân nhắc các lý do của tôi và sau đó cho tôi biết ý kiến anh ta, tôi nói rõ là ý kiến đó dù thế nào cũng sẽ được làm theo, và đó là chủ tâm của tôi, cho dù anh ta bảo tôi ra đi; vì ông D'Épinay đã nhận làm người dẫn dắt vợ ông trong chuyến du hành, thì việc tôi lên đường sẽ được nhìn nhận hoàn toàn khác: trong khi thoát tiên người ta muốn tôi gánh lấy nhiệm vụ đó, và họ chỉ bàn đến ông sau khi tôi từ chối.

Thư trả lời của Grimm để tôi phải đợi; nó thật lạ lùng. Tôi sẽ chép lại ở đây. Xin hãy xem (Tập A, số 59):

Bà D'Épinay hoãn ngày lên đường; con bà bị ốm, phải đợi cậu ấy hồi phục. Tôi sẽ ngẫm nghĩ về bức thư của anh. Anh cứ ở yên tại Ermitage của mình. Tôi sẽ cho chuyển kịp thời đến anh ý kiến của tôi. Vì chắc chắn trong vài ngày tới bà chưa đi, nên không có gì phải vội. Trong khi chờ đợi, nếu anh cho là thích hợp, thì anh có thể đề nghị giúp bà, mặc dù tôi thấy việc đó xem ra cũng vậy mà thôi, vì, biết tình thế của anh cũng rõ như chính anh, tôi tin chắc bà sẽ đáp lại đề nghị của anh như bà cần đáp lại, và tất cả những gì tôi thấy có lợi ở đây, đó là anh có thể trả lời những ai giục giã anh rằng nếu anh đã không giúp, thì chẳng phải là đã không đề nghị giúp. Và chẳng, tôi không hiểu tại sao anh cứ nhất thiết muốn Triết gia là phát ngôn viên của tất cả mọi người, và hỏi ý kiến anh ấy là anh nên đi, tại sao anh lại nghĩ rằng tất cả bạn bè anh đều bảo như thế. Nếu anh viết cho bà*

*D'Épinay, thì thư trả lời của bà có thể dùng để anh đối đáp lại tất cả những người bạn ấy, vì anh hết sức quan tâm đến việc đối đáp lại họ. Tạm biệt: tôi gửi lời chào bà Le Vasseur và Hình sự.**

Ngạc nhiên khi đọc bức thư, tôi lo lắng tìm hiểu xem nó có thể biểu đạt điều gì, và tôi chẳng tìm ra gì hết. Sao cơ! Thay vì trả lời thư tôi một cách đơn giản, anh ta dành thời gian để ngẫm nghĩ về nó, như thể thời gian anh ta đã sử dụng còn chưa đủ. Thậm chí anh ta còn báo cho tôi biết trạng thái treo lơ lửng mà anh ta muốn đặt tôi vào, cứ như thể đây là một vấn đề sâu xa phải giải quyết, hoặc cứ như thể với dự kế của anh ta, cần tước đi của tôi mọi phương tiện hiểu thấu cảm nghĩ của anh ta, cho đến lúc anh ta muốn tuyên bố điều đó với tôi. Vậy tất cả những dụng tâm này, những trì hoãn này, những bí ẩn này có nghĩa gì? Người ta có đáp lại lòng tin như thế hay không? Thái độ này có phải là thái độ của sự ngay thẳng và của thiện chí hay không? Tôi uổng công tìm kiếm cách diễn giải nào đó có lợi cho lối cư xử ấy, tôi chẳng tìm ra cách nào hết. Dù ý định của anh ta ra sao, thì nếu nó chống lại tôi, vị thế của anh ta khiến nó được tiến hành dễ dàng, mà do vị thế của mình, tôi không thể ngăn trở. Được ưu đãi trong dinh thự một hoàng thân quyền quý, có mặt rộng rãi trong giới xã giao, làm mẫu mực trong những nhóm giao du chung của chúng tôi, nơi mà anh ta là người truyền phán, anh ta có thể, với sự khôn khéo thường ngày, tha hồ sử dụng mọi gian kế; còn tôi, đơn độc ở Ermitage của tôi, xa hết thầy, không ai góp ý, không một sự giao lưu nào hết, tôi chẳng còn cách nào khác là chờ đợi và ở yên đó. Tôi chỉ viết cho bà D'Épinay, về bệnh tình của con trai bà, một bức thư đúng đắn hết mức có thể, nhưng trong thư tôi chẳng mắc vào cái bẫy đề nghị đi cùng với bà.

Sau hàng thế kỷ chờ đợi trong trạng thái hồi hộp ác nghiệt mà con người tàn bạo kia đã nhấn chìm tôi, sau tám hay mười ngày tôi biết tin bà D'Épinay đã lên đường, và tôi nhận của anh ta một bức thư thứ hai. Nó chỉ có bảy tám dòng, mà tôi không đọc hết... Đó là một sự

đoạn tuyệt, nhưng với những lời lẽ mà nổi thù ghét hiểm độc nhất có thể xui khiến, những lời lẽ thậm chí thành ngu đần do cứ muốn lăng nhục. Anh ta cấm tôi gặp mặt anh ta như thể anh ta cấm tôi bén mảng đến các Quốc gia của anh ta. Thư của anh ta, để gây cười, chỉ thiếu điều được đọc một cách bình tĩnh hơn. Chẳng chép lại, thậm chí chẳng đọc cho hết, tôi lập tức gửi trả lại anh ta cùng với bức thư sau:

Trước đây tôi không chịu nghe theo sự ngờ vực chính đáng của mình; giờ thì tôi hiểu hết anh, một cách quá muộn màng.

Vậy ra đây là bức thư mà anh đã bỏ thì giờ nghiền ngẫm. Tôi gửi lại anh, nó không dành cho tôi. Anh có thể phô bày bức thư của tôi cho toàn thế gian, và công khai thù ghét tôi; như thế về phần anh sẽ bớt đi một sự giả dối.

Việc tôi nói rằng anh ta có thể phô bày bức thư trước của tôi liên quan đến một điều trong thư của anh ta, điều ấy khiến ta có thể đánh giá sự khôn khéo sâu xa mà anh ta đưa vào toàn bộ chuyện này.

Tôi đã nói rằng với những ai không hiểu rõ, thì bức thư của tôi có thể khiến người ta nắm được tôi ở nhiều điểm. Anh ta vui mừng thấy ra điều này; nhưng làm thế nào giành được lợi thế đó mà không bị liên lụy? Phô bày bức thư ấy, anh ta có nguy cơ bị chê trách là lạm dụng lòng tin của bạn mình.

Để thoát khỏi tình trạng lúng túng này, anh ta nghĩ ra cách đoạn tuyệt với tôi, theo kiểu chua cay nhất có thể có được, và trong thư anh ta khoe khoang về ân huệ không phô bày thư của tôi. Anh ta tin chắc rằng, trong khi phần nộ, tôi sẽ khước từ sự kín đáo vờ vĩnh của anh ta, và sẽ cho phép anh ta phô thư của tôi với toàn thiên hạ: đó chính là điều anh ta muốn, và mọi sự xảy ra đúng như anh ta đã sắp xếp. Anh ta cho phổ biến bức thư của tôi khắp Paris, với những lời bình theo kiểu của anh ta, tuy nhiên cũng không đạt được tất cả sự thành công mà anh ta chắc chắn. Mọi người thấy sự cho phép phô bày thư của tôi, do anh ta biết cách ép tôi mà lấy, chẳng miễn được cho anh ta khỏi bị

chê trách là đã căn cứ một cách nhẹ tênh vào lời nói của tôi để mà hại tôi. Mọi người vẫn luôn hỏi xem tôi đã mắc những sai trái riêng tư gì với anh ta để tạo cơ cho một mối thù ghét dữ dội đến thế. Cuối cùng người ta thấy rằng, giả sử tôi có những sai trái đến mức buộc anh ta phải đoạn tuyệt, thì tình bạn, ngay cả khi đã lụi tắt, vẫn còn những quyền mà lẽ ra anh ta phải tôn trọng. Nhưng rủi thay Paris lại phù phiếm; những nhận xét nhất thời này bị lãng quên, người rủi ro vắng mặt thì chệnh mảng việc mình, còn người đang thành đạt thì lừa phỉnh mọi người bằng sự có mặt của y; sự vận động của mưu mô và ác độc được duy trì, tái diễn, và chẳng bao lâu hiệu quả không ngừng tái sinh của nó xóa mờ tất cả những gì từng có trước nó.

Như vậy đó, sau khi đã lừa tôi rất lâu, cuối cùng con người này bỏ chiếc mặt nạ của hắn ra với tôi, tin chắc rằng hắn đã dẫn dắt sự việc tới tình trạng mà hắn chẳng còn cần đến mặt nạ. Nhẹ lòng vì không sợ mình bất công với gã khốn nạn ấy, tôi bỏ mặc hắn cho tấm lòng của chính hắn, và thôi nghĩ đến hắn. Tám ngày sau khi nhận bức thư ấy, tôi được thư của bà D'Épinay, đề nơi gửi tại Genève, trả lời thư trước của tôi (Tập B, số 10). Qua giọng điệu bà dùng lần đầu tiên trong đời, tôi hiểu rằng cả hai người, trông cậy ở thành công của các biện pháp họ sử dụng, cùng nhau hành động, và coi tôi như một kẻ lâm nguy vô kế khả thi, từ nay họ an toàn buông mình cho cái thú dè bẹp hắn tôi.

Quả thực, tình trạng của tôi hết sức thảm hại. Tôi thấy tất cả bạn bè xa lánh mình, mà không thể hiểu được tại sao và như thế nào. Diderot, tự phụ là còn lại với tôi, là còn lại một mình với tôi, và từ ba tháng nay hứa đến thăm tôi, chẳng hề đến. Mùa đông bắt đầu lộ rõ, và cùng với mùa đông, là những bệnh tật quen thuộc của tôi. Thể chất tôi, dù cường tráng, đã không chịu đựng nổi những cuộc chiến của bao nhiêu đam mê tương phản. Tôi ở vào một tình trạng kiệt quệ không còn sức lực và can đảm để kháng cự lại một điều gì hết. Giả sử những cam kết của tôi, giả sử những lời khuyên răn liên tục của Diderot và của bà D'Houdetot có cho phép tôi rời Ermitage vào lúc này, thì tôi

cũng chẳng biết đi đâu và lê lết như thế nào. Tôi cứ bất động và ngây độn, chẳng thể hành động chẳng thể suy nghĩ. Chỉ riêng ý tưởng về một bước phải đi, về một lá thư phải viết, về một lời phải nói, cũng khiến tôi rùng mình. Tuy thế tôi không thể không đáp lại bức thư của bà D'Épinay, trừ phi thú nhận mình đáng chịu những đối xử mà bà và gã bạn của bà dồn lên mình. Tôi quyết định thông báo với bà các cảm nghĩ và các quyết định của tôi, không một lúc nào ngờ vực rằng, vì tình nhân đạo, vì lòng hào hiệp, vì sự hợp lẽ, vì những tình cảm tốt mà tôi ngỡ đã thấy ở bà, bất kể những tình cảm xấu, bà lại không sốt sắng chấp nhận. Đây là thư của tôi:

Tại Ermitage, ngày 23 tháng Mười một 1757

Nếu người ta chết vì đau đớn, tôi sẽ chẳng còn sống. Nhưng cuối cùng tôi đã quyết định. Tình bạn giữa chúng ta đã lụi tắt, thưa bà; nhưng tình bạn không còn nữa vẫn giữ những quyền mà tôi biết tôn trọng, tôi không hề quên những ân huệ của bà đối với tôi và về phần tôi bà có thể tin vào toàn bộ niềm biết ơn người ta có thể có đối với ai đó mà ta không nên yêu mến nữa. Mọi điều phân trần khác đều vô ích: tôi có lương tâm tôi đứng về phía tôi, và xin gửi bà lại cho lương tâm bà.

Tôi đã muốn rời khỏi Ermitage, và tôi phải làm điều đó. Nhưng người ta bảo rằng tôi cần ở lại đây cho đến mùa xuân; và bởi bạn bè tôi muốn như vậy, tôi sẽ ở lại cho đến mùa xuân, nếu được bà đồng ý.*

Thư viết xong và gửi đi rồi, tôi chỉ còn nghĩ đến việc an tâm ở Ermitage, chăm lo sức khỏe, cố phục hồi sức lực, và thu xếp để ra khỏi đó vào mùa xuân, không ồn ào và không phô trương một sự đoạn tuyệt. Nhưng đó lại không phải sự tính toán của Grimm và của bà D'Épinay, như lát nữa ta sẽ thấy.

Vài ngày sau, cuối cùng tôi có được niềm vui đón Diderot đến thăm, cuộc đến thăm rất nhiều lần hứa hẹn rồi lờ hẹn. Không thể đúng

lúc hơn; đó là người bạn lâu năm nhất của tôi, đó gần như là người bạn duy nhất còn lại với tôi; mọi người có thể đoán được niềm vui của tôi khi gặp anh trong hoàn cảnh như vậy. Lòng tôi đầy ắp nỗi niềm, tôi thổ lộ với lòng anh. Tôi giải thích cho anh rất nhiều sự việc mà người ta đã làm thình không nói với anh, đã biến đổi đi hay đã ngụy tạo. Về tất cả những gì đã xảy ra, tôi cho anh biết tất cả những gì tôi được phép nói. Tôi chẳng vờ vĩnh làm thình với anh điều anh biết quá rõ, là một mối tình vừa bất hạnh vừa phi lý đã gây nên tình trạng nguy khốn của tôi; nhưng không bao giờ tôi thừa nhận là bà D'Houdetot biết điều ấy, hoặc ít ra thừa nhận là tôi đã bội lộ với bà. Tôi nói với anh về những thủ đoạn hiểm ác của bà D'Épinay để tóm bắt lấy những bức thư rất ngây thơ vô tội mà em chồng bà viết cho tôi. Tôi muốn anh biết được những chi tiết này từ chính miệng những người mà bà ta đã mưu toan cám dỗ. Thérèse cho anh biết rất chính xác: nhưng tôi ra sao đây khi đến lượt bà mẹ, và khi tôi nghe thấy bà ta tuyên bố và quả quyết rằng bà ta chẳng biết tí gì về những chuyện ấy hết! Đó là lời lẽ của bà ta, và không bao giờ bà ta từ bỏ chúng. Cách đây chưa đầy bốn ngày bà ta đã nhắc lại câu chuyện với chính tôi, và nay bà ta phủ định thẳng vào mặt tôi, trước mặt bạn tôi. Tôi thấy hành vi này mang tính quyết định, và khi ấy tôi cảm nhận mãnh liệt sự đại dột bất cần là đã giữ một người đàn bà như vậy bên cạnh mình lâu đến thế. Tôi chẳng thèm dài dòng mắng nhiếc bà ta; tôi chỉ nói sơ sơ vài lời khinh miệt. Tôi cảm nhận những gì mình phải chịu ơn cô con gái, mà sự ngay thẳng không lay chuyển tương phản với sự hèn hạ dễ tiện của người mẹ. Nhưng từ đó tôi đã có quyết định đối với bà già, và chỉ chờ thời điểm tiến hành.

Thời điểm ấy đến sớm hơn tôi chờ đợi. Ngày 10 tháng chạp, tôi nhận được thư của bà D'Épinay trả lời bức thư trước đó của tôi. Đây là nội dung (Tập B, số 11):

Tại Genève, ngày 1 tháng Chạp 1757

Sau khi đã biểu lộ với anh, trong nhiều năm trời, mọi điều có thể chứng tỏ tình bạn và sự quan tâm, tôi chỉ còn ái ngại cho anh mà thôi.

Anh thật bất hạnh. Tôi mong lương tâm anh cũng được yên ổn như lương tâm tôi. Điều ấy có thể cần cho sự an bình của đời anh.

Bởi anh muốn rời khỏi Ermitage, và bởi anh phải làm điều đó, tôi ngạc nhiên sao bạn bè anh lại giữ anh lại. Còn tôi, thì tôi không hề hỏi ý kiến bạn bè tôi về bốn phận của tôi, và tôi chẳng còn gì để nói với anh về bốn phận của anh.

Việc đuổi đi hết sức bất ngờ, nhưng được tuyên cáo hết sức rõ ràng, không để cho tôi trù trừ một lúc nào. Phải đi khỏi đây ngay lập tức, dù thời tiết thế nào, dù tình trạng tôi thế nào, dù tôi có phải ngủ trong rừng và trên tuyết, khi đó đang bao phủ mặt đất, và dù bà D'Houdetot có thể nói gì làm gì đi nữa; vì tôi rất muốn chiều ý bà mọi điều, nhưng không đến mức ô nhục.

Tôi ở vào tình trạng lúng túng kinh khủng nhất từ xưa tới nay; nhưng ý tôi đã quyết: tôi thề rằng, dù sự thế ra sao, cũng không ngủ lại ngày thứ tám ở Ermitage. Tôi tự coi có bốn phận đưa đồ đạc của mình ra ngoài, quyết để chúng giữa trời, còn hơn là không trả chìa khóa trong hạn tám ngày; vì tôi đặc biệt muốn mọi việc xong xuôi trước khi có thể viết cho Genève và nhận thư trả lời. Tôi có một sự can đảm chưa từng cảm thấy ở mình: mọi sức mạnh của tôi đều hồi phục. Danh dự và niềm công phần trả lại cho tôi những sức mạnh mà bà D'Épinay đã không tính đến. Vận may phù trợ sự táo bạo của tôi. Ông Mathas, quan đại tụng tài chính của hoàng thân De Condé, nghe nói về tình trạng lúng túng của tôi. Ông ngỏ ý cho tôi thuê một ngôi nhà nhỏ ông có trong khu vườn Mont-Louis của ông, tại Montmorency. Tôi nhận lời với niềm sốt sắng và lòng biết ơn. Việc được thỏa thuận ngay; tôi cho mua vội vài đồ đạc, cùng những thứ tôi đã có sẵn, để Thérèse và tôi ngủ tại đó. Tôi cho chuyên chở đồ của mình rất vất vả và rất tốn kém: bất chấp băng giá và tuyết, trong hai hôm tôi chuyển nhà xong, và ngày 15 tháng chạp tôi giao lại chìa khóa Ermitage, sau khi đã trả tiền công cho người làm vườn, do không thể trả tiền nhà.

Còn về bà Le Vasseur, tôi tuyên bố là chúng tôi cần tách khỏi nhau: con gái bà muốn làm tôi nao núng; tôi vững vàng không lay chuyển. Tôi để bà đi Paris, trong xe của người đưa thư, cùng mọi áo quần đồ đạc mà bà và con gái có chung nhau. Tôi đưa bà ít tiền, và hứa trả tiền thuê nhà cho bà tại nhà các con bà hay tại nơi khác, có thể cấp dưỡng cho bà đến đâu thì cấp dưỡng đến đó, và không bao giờ để bà thiếu miếng ăn, chừng nào bản thân tôi có miếng ăn.

Cuối cùng, hai ngày sau khi đến Mont-Louis, tôi viết cho bà D'Épinay bức thư sau:

Tại Montmorency, ngày 17 tháng Chạp 1757

Thưa bà, không gì đơn giản hơn và cần thiết hơn việc dọn đi khỏi nhà bà, khi bà không ưng thuận để tôi ở lại. Do bà từ chối cho tôi lưu lại Ermitage đến hết mùa đông, nên tôi đã rời nơi đó ngày 15 tháng chạp, số mệnh của tôi là bất đắc dĩ mà vào nơi đó, và ra khỏi nơi đó cũng như vậy. Tôi xin cảm tạ bà về thời kỳ lưu trú mà bà đã khuyên tôi thực hiện, và lẽ ra tôi sẽ cảm tạ bà nhiều hơn, nếu như tôi không phải trả giá cho điều đó quá đắt. Và chẳng, bà có lý khi cho rằng tôi bất hạnh; chẳng ai trên đời này biết rõ hơn bà rằng tôi phải bất hạnh đến chừng nào. Nếu nhầm lẫn khi chọn bạn là một điều bất hạnh, thì một điều bất hạnh khác chẳng kém ác nghiệt là tình ngộ về một sai lầm ngọt ngào đến như vậy.

Trên đây là sự thuật lại trung thực thời gian tôi ở Ermitage, và những lý do khiến tôi ra khỏi đó. Tôi đã không thể ngắt câu chuyện kể, và cần theo dõi nó hết sức chặt chẽ chính xác, vì sau này thời kỳ ấy của đời tôi có một ảnh hưởng sẽ trải ra cho đến tận ngày tôi lâm chung.

Quyển Mười

Sức mạnh phi thường do một trạng thái phấn khích nhất thời đem lại cho tôi để ra khỏi Ermitage rồi bỏ tôi ngay khi tôi ở bên ngoài nơi đó. Vừa dọn vào nhà mới, là những cơn bí tiểu thường xuyên và kịch liệt có thêm một biến chứng khó chịu mới là chứng thoát vị đã hành tôi từ ít lâu nay, mà tôi không biết đó là thoát vị. Chẳng bao lâu sau tôi bị những tai biến ác nghiệt nhất. Bác sĩ Thierry, bạn cũ của tôi, đến thăm và cho tôi hiểu rõ về tình trạng trước đây của mình. Các ống thăm, các que dò, các dải đai nâng đỡ, toàn bộ những dụng cụ của bệnh tật tuổi già tập hợp quanh mình, khiến tôi cảm nhận một cách khắc nghiệt rằng ta chẳng còn có trái tim trẻ trung mà không hề hấn gì nữa khi cơ thể đã thôi trẻ trung. Mùa đẹp trời chẳng trả lại cho tôi sức lực, và suốt năm 1758 tôi ở một trạng thái thần thờ uể oải nó khiến tôi ngỡ mình sắp kết thúc sự nghiệp. Tôi nhìn chung cục tiến lại gần với một cảm giác như thể vội vàng sốt sắng. Tỉnh khỏi những ảo tưởng hảo huyền về tình bạn, dừng dừng với tất cả những gì từng khiến mình yêu cuộc sống, tôi chẳng nhìn thấy ở cuộc sống một điều gì có thể khiến nó thành dễ chịu với mình nữa: tôi chỉ còn nhìn thấy những tật bệnh và những nỗi khốn khổ sẽ cản trở tôi vui hưởng con người mình. Tôi mong mỗi thời điểm được tự do và thoát khỏi các kẻ thù. Nhưng ta hãy trở lại với dòng biến cố.

Dường như việc tôi rút về Montmorency khiến bà D'Épinay chưng hửng; có lẽ bà không chờ đợi sự thế như vậy. Cảnh huống bi thảm của tôi, thời tiết khắc nghiệt, tình trạng bị tất cả mọi người bỏ rơi, mọi điều đều khiến cho Grimm và bà D'Épinay tin rằng, bằng

cách đẩy tôi đến bước đường cùng, họ sẽ bắt được tôi phải xin tha, phải hạ mình làm những điều thấp hèn nhất, để được ở lại nơi cư trú mà danh dự truyền bảo tôi ra đi. Tôi dọn nhà hết sức đột ngột thành thử họ không kịp phòng ngừa và chỉ còn cách lựa chọn được ăn cả ngã về không, diệt tôi hẳn hay cố gắng kéo tôi trở lại. Grimm chọn cách thứ nhất, nhưng tôi cho rằng bà D'Épinay có lẽ thích cách kia hơn; và tôi xét đoán điều này qua thư trả lời bức thư cuối cùng của tôi, trong đó bà làm dịu đi rất nhiều giọng điệu đã dùng trong những thư trước, và dường như mở cửa cho một sự hòa giải. Thư trả lời này rất chậm, để tôi đợi một tháng tròn, cho thấy khá rõ tình trạng lúng túng để có cách viết phải chần, và những sự bàn bạc trước khi viết. Bà không thể tiến xa hơn mà không tổn hại thanh danh: nhưng sau những bức thư trước đây, và sau khi tôi đột ngột rời khỏi nhà bà, ta chỉ có thể ngạc nhiên về sự cẩn thận không để lọt một từ ngữ nào gây méch lòng trong bức thư này. Tôi sẽ chép lại toàn bộ, để mọi người xét đoán điều đó (Tập B, số 23.):

Tại Genève, ngày 17 tháng Giêng 1758

Thưa anh, hôm qua tôi mới nhận được bức thư ngày 17 tháng chạp của anh. Người ta đã gửi thư ấy cho tôi trong một chiếc hòm đầy những thứ khác nhau, suốt thời gian vừa rồi hòm ở trên đường vận chuyển. Tôi chỉ trả lời câu chú thích bên dưới, còn về bức thư, tôi không hiểu rõ lắm, và nếu chúng ta ở vào tình huống cần phân trần, thì tôi rất muốn coi tất cả những gì đã xảy ra là do một sự hiểu lầm. Tôi trở lại lời chú thích bên dưới. Anh có thể nhớ lại, thưa anh, là chúng ta đã thỏa thuận rằng tiền công của người làm vườn tại Ermitage sẽ qua tay anh, để làm cho người ấy cảm nhận rõ hơn rằng người ấy phụ thuộc vào anh, và để tránh cho anh những cảnh vừa lỗ bịch vừa vô lễ ở người làm vườn trước. Bằng chứng là tiền công các quý đầu đã được chuyển tới anh, và tôi đã thỏa thuận với anh, ít ngày trước khi lên đường, là sẽ cho hoàn lại những gì anh ứng trước. Tôi biết thoạt tiên anh không đồng ý; nhưng những khoản này, tôi đã xin*

anh ứng trước; tôi trả nợ là chuyện đơn giản, và chúng ta đã thỏa thuận. Cahouet đã cho tôi biết anh không muốn nhận số tiền đó. Chắc hẳn có sự lầm lẫn ở đây. Tôi ra lệnh cho họ lại mang đến anh số tiền ấy, và tôi không hiểu tại sao anh lại định trả công người làm vườn của tôi, bất kể những thỏa thuận giữa chúng ta, thậm chí còn trả quá thời hạn anh đã ở Ermitage. Vậy thưa anh, tôi hy vọng rằng, bằng cách nhắc anh nhớ lại tất cả những gì tôi đã có hân hạnh nói với anh, anh sẽ không khước từ được hoàn lại khoản tiền anh đã vui lòng ứng trước cho tôi.

Sau tất cả những gì đã xảy ra, không còn tin được bà D'Épinay, tôi không muốn kết giao lại với bà; tôi không trả lời bức thư này, và việc trao đổi thư từ của chúng tôi chấm dứt ở đó. Thấy tôi đã quyết định, bà bèn quyết định, và tham gia mọi dự kế của Grimm cùng phe nhóm Holbach, bà hợp nhất những nỗ lực của mình với những nỗ lực của họ để dìm cho tôi chìm hẳn. Trong khi họ hoạt động ở Paris, bà hoạt động tại Genève. Grimm, về sau đến đó với bà, hoàn thành những gì bà đã khởi đầu. Tronchin, mà họ dễ dàng lôi kéo, hỗ trợ họ một cách hữu hiệu, và trở thành kẻ cuồng bạo nhất trong những kẻ truy hại tôi, mà cũng như Grimm, chưa từng có một lý do gì để than phiền về tôi. Cả ba đồng lòng ngấm ngầm gieo rắc ở Genève mầm mống mà ta thấy nảy nở tại đó bốn năm sau.

Họ gặp khó khăn hơn ở Paris, tại đây tôi có tiếng tăm hơn, và tại đây các con tim, ít sẵn sàng thù ghét, chẳng dễ dàng tiếp nhận ảnh hưởng của sự thù ghét. Để ra đòn khéo léo hơn, họ bắt đầu bằng việc kể lể là chính tôi đã bỏ họ (Xem bức thư của Deleyre, Tập B, số 30). Từ đó, vờ như vẫn là bạn tôi, họ khéo léo gieo rắc những lời buộc tội thâm hiểm, làm như là những lời phàn nàn về sự bất công của bạn mình. Điều này khiến cho mọi người, do bớt cảnh giác, dễ nghe họ hơn và dễ chê trách tôi hơn. Những lời buộc tội ngấm ngầm về sự phản trắc và sự vô ơn được đưa ra một cách thận trọng hơn, và chính

vì thế mà có tác dụng hơn. Tôi biết họ gán cho tôi những điều nham hiểm ghê gớm, mà không bao giờ nghe được những điều nham hiểm ấy gồm những gì. Tất cả những gì tôi có thể suy ra từ tiếng đồn của công chúng cho thấy dư luận quy vào bốn trọng tội chủ yếu: 1- việc ẩn cư tại miền quê; 2- mối tình với bà D'Houdetot; 3- từ chối tháp tùng bà D'Épinay đến Genève; 4- ra khỏi Ermitage. Nếu họ thêm vào đó những điều than phiền khác, thì họ dùng thủ đoạn rất phù hợp, thành thử tôi hoàn toàn không bao giờ biết được vấn đề là gì.

Chính ở chỗ này tôi cho rằng có thể xác định sự thiết lập một hệ thống kể từ đó được những kẻ chi phối tôi sử dụng tiến bộ và thành công nhanh đến mức giống như điều kỳ diệu đối với ai không biết rằng tất cả những gì tạo thuận lợi cho sự nham hiểm của con người được xác lập dễ dàng biết chừng nào. Cần cố gắng giải thích ngắn gọn những gì mắt tôi có thể nhìn thấy ở hệ thống mờ mịt và sâu xa này.

Với một tên tuổi đã nổi danh và có tiếng tăm khắp châu Âu, tôi vẫn duy trì tính giản dị của những sở thích ban đầu. Việc ghét cay ghét đắng tất cả những gì gọi là phái, phe, đảng, đã giữ cho tôi tự do, độc lập, không bị mối ràng buộc nào khác ngoài những quyến luyến của lòng mình. Đơn độc, là người ngoại quốc, cô lập, không nơi nương tựa, không gia đình, chỉ dựa vào các nguyên lý và các bốn phận của mình, tôi dũng cảm đi theo những con đường của sự chính trực, không bao giờ nịnh hót, không bao giờ nể nang một người nào để thiệt hại cho chính nghĩa và chân lý. Hơn nữa, ở ẩn từ hai năm nay trong cảnh cô quạnh, không giao lưu tin tức, không liên hệ về các công việc của xã hội, chẳng được biết cũng chẳng tò mò muốn biết một điều gì, tôi sống cách Paris bốn dặm đường mà tách biệt khỏi kinh thành này, do trạng thái thờ ơ của tôi, như thể tách biệt vì biển cả tại đảo Tinian*.

Grimm, Diderot, D'Holbach, ngược lại, ở trung tâm xoáy lốc, thường xuyên xuất hiện trong xã hội thượng lưu nhất, và gần như chia sẻ với nhau mọi phạm vi của xã hội này. Giới quyền quý, giới tài hoa

văn vẻ, giới văn nhân, giới pháp quan, giới phụ nữ, họ có thể đồng thanh làm người ta nghe họ khắp nơi nơi. Hẳn mọi người đã thấy lợi thế mà địa vị này đem lại cho ba con người kết hợp rất chặt chẽ chống lại một người thứ tư ở vào địa vị của tôi. Quả thực Diderot và D'Holbach (ít ra tôi có thể tin như vậy) không phải là kẻ trù tính những âm mưu thật hắc ám; một người không có sự độc ác, người kia không có sự quý quyết; nhưng chính ở chỗ này mỗi liên kết lại càng chặt chẽ. Một mình Grimm lập kế hoạch trong đầu y, và chỉ phô ra cho hai người kia những gì họ cần thấy để hợp lực tiến hành. Uy thế mà y đã tạo dựng được đối với họ khiến sự hợp lực này thành dễ dàng, và tác động của toàn bộ xứng với tài năng cao cường của y.

Chính với tài năng cao cường này, cảm thấy cái lợi có thể khai thác từ địa vị tương hỗ của chúng tôi, y dự định lật ngược tron vẹn thanh danh của tôi, và tạo cho tôi một tiếng tăm hoàn toàn trái lại, mà y không bị liên lụy, bắt đầu bằng việc dựng nên xung quanh tôi một lâu đài bóng tối mà tôi không thể nào xuyên thủng, để làm sáng tỏ những thủ đoạn của y, và lật mặt nạ y.

Công việc này khó khăn, ở chỗ phải biện giải tính bất chính trước mắt những người cần góp phần vào đó. Phải đánh lừa những người lương thiện; phải gạt ra xa tôi tất cả mọi người, không để lại cho tôi một người bạn nào, bé nhỏ hay lớn lao. Thế đấy! Không được để một lời chân thành nào thấu được đến tôi. Nếu như chỉ một người hào hiệp đến bảo với tôi rằng: “Anh làm ra vẻ đức độ, ấy vậy mà thiên hạ coi anh như thế này, và thiên hạ căn cứ vào những điều này mà xét đoán anh: anh nói sao đây?” thì sự thật chiến thắng và Grimm lâm nguy. Y biết thế, nhưng y đã thăm dò chính con tim y, và chỉ đánh giá mọi người như họ đáng giá. Tôi buồn lòng, cho danh dự của loài người, vì y đã tính toán đúng đến thế.

Đi trong đường hầm, những bước chân của y, để cho chắc chắn, phải thông thả. Đã mười hai năm trời y theo kế hoạch, mà điều khó nhất vẫn còn phải thực hiện: đó là lừa dối toàn thể công chúng. Trong

công chúng hãy còn những con mắt đã dõi theo y sát gần hơn là y nghĩ. Y sợ điều đó, và còn chưa dám phơi bày âm mưu của y ra giữa thanh thiên bạch nhật*. Nhưng y đã tìm được phương kế ít khó khăn là làm cho quyền lực* tham gia, và quyền lực này định đoạt được tôi. Nhờ chỗ dựa này nâng đỡ, y ít gặp nguy hiểm hơn khi tiến bước. Thường thường những tay sai của quyền lực ít tự khoe mình chính trực, lại càng ít khoe mình thẳng thắn, nên y chẳng còn phải sợ là mấy sự tiết lộ của người tử tế nào đó; vì y đặc biệt cần để tôi bị bao vây trong bóng tối không sao xuyên thấu, và mưu đồ của y luôn được giấu kín, do biết rõ rằng dù y trù tính âm mưu khéo léo đến đâu, cũng không bao giờ chống đỡ nổi ánh nhìn của tôi. Tài nghệ cao của y là ra vẻ vị nể tôi trong khi phỉ báng tôi, và vẫn còn khoác cho sự phản trắc của y cái vẻ quảng đại.

Tôi cảm nhận những tác động đầu tiên của hệ thống này qua những sự buộc tội ngấm ngầm của phe nhóm Holbach, mà tôi không sao biết được thậm chí không sao phỏng đoán được sự buộc tội ấy bao gồm những gì. Trong các bức thư của mình Deleyre bảo rằng người ta quy cho tôi là nham hiểm. Diderot nói cũng điều ấy một cách bí ẩn hơn, và khi tôi đi vào biện giải với hai người, thì mọi sự rút về những điểm đã nêu lên trước đây. Tôi cảm thấy một sự lạnh nhạt dần dần trong các bức thư của bà D'Houdetot. Tôi không thể gán sự lạnh nhạt này cho Saint-Lambert, anh tiếp tục viết cho tôi vẫn thân tình như cũ, thậm chí còn đến thăm tôi sau khi trở về. Tôi cũng không thể quy lỗi về mình, bởi bà D'Houdetot và tôi đã tạm biệt nhau người nọ rất hài lòng về người kia, và về phía tôi, kể từ thời gian ấy, chẳng có chuyện gì ngoài việc đi khỏi Ermitage, mà chính bà cũng cảm thấy cần thiết. Do chẳng biết đổ lỗi cho cái gì về sự lạnh nhạt mà bà không thừa nhận, nhưng con tim tôi chẳng dễ bị lừa, tôi lo lắng về mọi sự. Tôi biết bà cực kỳ nể bà chị dâu và Grimm, vì quan hệ của họ với Saint-Lambert; tôi sợ hoạt động của những người này. Những phiền muộn

bất an đó khơi lại những nỗi đau nơi tôi và làm cho thư từ của tôi rối loạn đến mức khiến bà chán hẳn. Tôi thoáng thấy ngàn điều ác nghiệt, mà chẳng thấy rõ một điều gì. Tôi ở trạng huống không thể nào chịu nổi đối với một người mà trí tưởng tượng dễ dàng bốc lửa. Giả sử tôi hoàn toàn cô lập, giả sử tôi không biết tí gì hết, có lẽ tôi sẽ bình thản hơn; nhưng con tim tôi hãy còn những mối găng bó khiến kẻ thù có ngàn chỗ để nắm lấy tôi, và những tia sáng yếu ớt xuyên đến nơi ẩn náu chỉ để tôi nhìn thấy sự hắc ám của những bí mật người ta giấu giếm mình.

Lẽ ra tôi đã gục ngã, tôi chắc chắn như vậy, trước nỗi thống khổ quá ác nghiệt, quá khó chịu đựng đối với bản tính cởi mở và thẳng thắn, do không thể che giấu cảm nghĩ, nên khiến tôi rất sợ những cảm nghĩ mà người ta che giấu mình, nếu như không xuất hiện một cách hết sức may mắn những mục tiêu khá thú vị đối với lòng tôi để tạo một sự khuây lãng bổ ích khỏi những mục tiêu đang làm tôi bất đắc dĩ phải bận tâm. Trong lần Diderot đến thăm tôi tại Ermitage gần đây, anh đã nói với tôi về mục từ Genève, mà D'Alembert đưa vào *Bách khoa toàn thư*; anh cho tôi biết rằng mục từ này, được bàn bạc với những người Genève thuộc đẳng cấp cao, nhằm mục đích lập nhà hát kịch tại Genève*; rằng do đó các phương sách đã được tiến hành, và việc thành lập này sẽ sớm thực hiện. Bởi Diderot có vẻ thấy tất cả những điều đó rất hay, bởi anh tin là sẽ thành công, và bởi tôi có quá nhiều vấn đề tranh luận khác với anh nên chẳng bàn cãi thêm về mục từ này, tôi không nói gì với anh hết; nhưng bất bình vì toàn bộ thủ đoạn lung lạc ấy ở tổ quốc của mình, tôi nóng lòng chờ đợi tập *Bách khoa toàn thư* có mục từ đó, để xem liệu có cách nào đáp lại có thể đỡ được miếng đòn tai hại này hay không. Ít lâu sau khi dọn đến Mont-Louis tôi nhận được tập sách, và tôi thấy mục từ được thực hiện rất khéo léo và có nghệ thuật, xứng đáng với ngòi bút đã viết nó ra. Tuy thế điều này không khiến cho tôi bỏ ý muốn đáp lại, và bất chấp tình trạng rã rời của mình khi đó, bất chấp buồn phiền và bệnh tật, thời tiết

khắc nghiệt và nơi ở mới chưa có thì giờ thu xếp hẳn còn thiếu tiện nghi, tôi bắt tay vào công việc với một nhiệt tình hăng hái vượt lên tất cả.

Giữa một mùa đông khá khắc nghiệt, vào tháng Hai, và với thể trạng mà tôi đã miêu tả trước đây, ngày nào tôi cũng ở hai giờ vào buổi sáng và chừng ấy thời gian sau bữa ăn trưa, trong một vọng lâu tứ bề thông thoáng, ở cuối khu vườn nơi có ngôi nhà của tôi. Vọng lâu này, ở tận cùng một lối đi đắp cao, nhìn xuống thung lũng và hồ Montmorency, và cho thấy ở cuối tầm nhìn tòa lâu đài Saint-Gratien giản dị nhưng đáng kính, nơi ẩn cư của Catinat đức độ*. Chính tại vọng lâu, khi ấy lạnh buốt, không có gì che chắn gió và tuyết, không có ngọn lửa nào khác ngoài ngọn lửa của con tim, tôi soạn thảo, trong vòng ba tuần lễ, bức *Thư gửi D'Alembert, bàn về kịch*. Đây là (vì Julie chưa viết được một nửa) tác phẩm đầu tiên mà tôi có được hứng thú trong khi viết, cho đến bấy giờ niềm công phần của đức độ đã thay thế cho Thần Thi ca và Nghệ thuật nơi tôi; lần này thì được thay thế bằng niềm thương mến và sự dịu dàng về tâm hồn. Những sự bất công mà tôi chỉ là người chứng kiến đã khiến tôi tức giận; những sự bất công mà tôi trở thành đối tượng làm tôi buồn, và nỗi buồn không oán hận này chỉ là nỗi buồn của một con tim quá giàu yêu thương, quá đa cảm, bị những kẻ nó tưởng là cùng tư chất với nó lừa dối, nên buộc phải rút vào bên trong nó. Mang đầy ắp những gì vừa xảy ra với tôi, hẳn còn ngậm ngùi vì bao biến động dữ dội, con tim tôi hòa lẫn cảm giác về những buồn đau của nó với những ý tưởng mà sự suy ngẫm về đề tài đã làm nảy sinh; tác phẩm cho thấy sự hòa trộn này. Chẳng nhận thấy, song tôi miêu tả trong đó tình thế hiện nay của mình; tôi thể hiện Grimm, bà D'Épinay, bà D'Houdetot, Saint-Lambert, bản thân tôi. Trong khi viết, tôi để rơi bao giọt lệ tuyệt diệu! Than ôi! Ở đó người ta cảm nhận quá rõ là tình yêu, cái tình yêu định mệnh mà tôi đang cố gắng chữa cho khỏi, vẫn chưa ra khỏi trái tim tôi. Hòa vào tất cả

những điều này, là đôi chút mềm lòng vì bản thân, cảm nhận mình đang hấp hối, và ngỡ mình đang nói với công chúng những lời vĩnh biệt cuối cùng. Chẳng hề sợ cái chết, tôi vui mừng thấy nó lại gần; nhưng tôi tiếc vì mình rời bỏ đồng loại, mà họ không cảm nhận tất cả những gì mình đáng giá, mà họ không biết được mình xứng đáng đến chừng nào được họ mến yêu, nếu như họ hiểu mình hơn. Đó là những nguyên nhân thầm kín của giọng điệu lạ lùng chi phối trong tác phẩm, và khác biệt một cách dị thường với tác phẩm trước^{*}.

Tôi đang sửa lại và chép sạch bức thư này, chuẩn bị cho in ra, thì, sau một thời gian dài im lặng, tôi nhận được một bức thư của bà D'Houdetot, nhấn chìm tôi vào một nỗi sầu não mới, nỗi sầu não nhạy cảm nhất tôi từng nếm trải. Trong thư này (Tập B, số 34) bà cho tôi hay toàn thể Paris biết mối tình say mê của tôi đối với bà; rằng tôi đã nói về mối tình ấy với những người đã đưa nó ra trước công chúng; rằng những tiếng đồn này, đến tai tình lang của bà, suýt làm nguy đến tính mạng anh; rằng cuối cùng anh thừa nhận tư cách của bà, và họ đã hòa giải với nhau; nhưng vì anh cũng như vì bản thân bà và vì thanh danh của bà, bà phải cắt đứt mọi giao tiếp với tôi: vả chăng, bà cam đoan rằng cả hai người sẽ không bao giờ thôi quan tâm đến tôi, rằng họ sẽ bênh vực tôi trước công chúng, và thỉnh thoảng bà sẽ cử người đến hỏi thăm tin tức của tôi.

“Thế là cả cậu nữa, Diderot! Tôi thốt kêu lên. Người bạn không xứng đáng!...” Tuy thế tôi còn chưa thể quyết định phán xét anh. Có những người khác biết được sự yếu đuối của tôi, họ có thể làm cho anh nói ra. Tôi muốn nghi ngờ... Nhưng chẳng bao lâu sau tôi không thể nghi ngờ được nữa. Sau đó ít lâu Saint-Lambert có một hành động xứng đáng với lòng hào hiệp của anh. Hiểu khá rõ tâm hồn tôi, anh đoán được tôi phải ở vào tình trạng như thế nào, khi bị một bộ phận bạn bè phản bội, bị những bạn khác bỏ rơi. Anh đến thăm tôi. Lần đầu anh dành cho tôi được ít thời gian. Anh trở lại. Rủi thay, do không chờ

đợi anh đến, tôi không có nhà. Thérèse, đang ở nhà, trò chuyện với anh hơn hai giờ đồng hồ, trong thời gian ấy họ cùng nói cho nhau hay rất nhiều sự việc mà anh và tôi cần được biết. Niềm kinh ngạc của tôi khi nhờ anh mà biết rằng thiên hạ chẳng ai nghi ngờ tôi không từng sống với bà D'Épinay, như Grimm giờ đây đang sống, chỉ sánh được với niềm kinh ngạc của bản thân anh khi biết rằng tiếng đồn này sai lạc đến chừng nào. Thật méch lòng cho quý bà này, Saint-Lambert cũng ở vào trường hợp như tôi, và tất cả những điều khám phá được nhờ cuộc trò chuyện đó đập tắt hoàn toàn trong tôi mọi ân hận là đã đoạn tuyệt hẳn với bà. Về bà D'Houdetot, thì Saint-Lambert bày tỏ ngọn ngành với Thérèse rất nhiều trường hợp mà cô và ngay cả bà D'Houdetot đều không biết, chỉ một mình tôi biết, và tôi chỉ nói với một mình Diderot, tin ở tình bạn bất khả xâm phạm, thế mà anh đã chọn đúng Saint-Lambert để thổ lộ chuyện đó. Hành vi cuối cùng này khiến tôi quyết ý, và, nhất định đoạn tuyệt với Diderot mãi mãi, tôi chỉ còn suy xét về cách thức: vì tôi đã nhận thấy những sự đoạn tuyệt âm thầm đâm ra bất lợi cho tôi, bởi chúng để lại cái mặt nạ tình bạn cho những kẻ thù tàn ác nhất của tôi.

Những phép tắc của sự hợp lẽ được xác lập trong xã hội về vấn đề này dường như do tư tưởng dối trá và phản bội quy định. Tỏ ra vẫn là bạn của một người mà ta đã thôi làm bạn, đó là dành cho mình những phương tiện để hại người đó, bằng cách đánh lừa những người lương thiện. Tôi nhớ lại rằng, khi Montesquieu trừ danh đoạn tuyệt với cha De Tournemine*, ông vội vã tuyên bố công khai sự đoạn tuyệt đó và nói với toàn thể mọi người: “Xin đừng nghe cha De Tournemine, cũng đừng nghe tôi, người nọ nói về người kia, vì chúng tôi đã thôi là bạn bè.” Cách xử sự đó rất được tán thưởng, tất cả mọi người đều khen ngợi tính chất thẳng thắn và lòng hào hiệp. Tôi quyết noi theo tấm gương này đối với Diderot; nhưng từ nơi ẩn cư làm thế nào công bố sự đoạn tuyệt đó một cách xác thực mà lại không tai tiếng? Tôi nghĩ ra việc đưa vào tác phẩm của mình, dưới hình thức ghi chú, một

đoạn trong sách *Ecclésiastique**, tuyên bố sự đoạn tuyệt này, thậm chí cả lý do, một cách khá rõ ràng với ai biết chuyện, và chẳng có nghĩa gì với những người khác; ngoài ra, còn lưu ý chỉ nêu lên trong tác phẩm, người bạn mà mình từ bỏ, với niềm tôn kính mà bao giờ ta cũng phải có đối với tình bạn ngay cả khi nó đã lụi tắt. Mọi người có thể thấy tất cả những điều đó trong chính tác phẩm.

Ở đời này chỉ có may và rủi, và dường như trong nghịch cảnh thì mọi hành vi can đảm đều là trọng tội. Cũng điều người ta đã ngưỡng mộ ở Montesquieu chỉ đem lại cho tôi sự chê bai và trách móc. Tác phẩm vừa được in ra và tôi có sách, là tôi gửi một bản cho Saint-Lambert, ngày hôm trước anh vừa mới viết cho tôi, nhân danh bà D'Houdetot và anh, một bức thư chan chứa tình bạn đậm thắm nhất (Tập B, số 37). Đây là thư anh viết khi gửi trả lại tôi cuốn sách (Tập B, số 38):

Eaubonne, ngày 10 tháng Mười 1758

*Thưa anh, quả thực tôi không thể nhận món quà anh vừa mới tặng tôi. Đến chỗ ở lời nói đầu, nhân trường hợp Diderot, anh dẫn một đoạn trong Sách *Ecclésiaste** (anh nhầm, đó là sách *Ecclésiastique*), tác phẩm rơi khỏi tay tôi. Sau những cuộc trò chuyện vào mùa hè vừa qua, tôi thấy anh có vẻ tin chắc Diderot không phạm những việc bảo là lộ bí mật mà anh quy cho anh ấy. Anh ấy có thể mắc lỗi lầm với anh: chuyện đó tôi không biết; nhưng tôi biết rõ là những lỗi lầm đó không cho anh có quyền công khai sỉ nhục anh ấy. Anh không lạ gì những sự ngược đãi mà anh ấy đang chịu, thế mà anh lại đem hòa tiếng nói của một người bạn cũ vào những tiếng la ó của lòng đố kỵ. Thưa anh, tôi không thể che giấu anh là việc làm tàn bạo này khiến tôi phần nộ đến chừng nào. Tôi không sống với Diderot, nhưng tôi tôn trọng anh ấy, và tôi cảm nhận mãnh liệt nỗi buồn phiền do anh gây ra cho một con người mà, ít ra trước mặt tôi, xưa nay anh chỉ từng chê trách đôi chút nhu nhược. Thưa anh, chúng ta khác biệt*

nhau quá nhiều nguyên tắc nên không bao giờ tương hợp được. Xin anh hãy quên sự tồn tại của tôi; điều này hẳn không khó. Đối với mọi người tôi chưa bao giờ làm điều thiện hay điều ác khiến người ta nhớ lâu. Còn tôi, thưa anh, tôi xin hứa với anh là quên đi con người anh, và chỉ nhớ tài năng của anh mà thôi.

Tôi cảm thấy đau xót chẳng kém tức giận vì bức thư, và trong nỗi khổ cực độ, cuối cùng tìm lại được niềm tự tôn, tôi trả lời như sau:

Montmorency, ngày 11 tháng Mười 1758

Thưa anh, đọc bức thư của anh, tôi đã trân trọng anh mà ngạc nhiên, và tôi đã ngu ngốc mà xúc động; nhưng tôi thấy thư ấy không đáng được trả lời.

Tôi không muốn tiếp tục chép tác phẩm cho bà D'Houdetot. Nếu việc giữ lại những gì bà đang có là không thích hợp với bà, thì bà có thể gửi lại cho tôi, tôi sẽ hoàn trả bà tiền. Nếu bà giữ lại, thì vẫn cần cử người đến lấy sổ giấy và tiền còn dư. Tôi cũng xin bà đồng thời trả lại tôi tờ quảng cáo mà bà được ký thác. Vĩnh biệt anh.*

Sự can đảm trong cảnh hoạn nạn khiến những tấm lòng hèn nhát tức giận, nhưng được những tấm lòng quảng đại ưa thích. Dường như bức thư này làm cho Saint-Lambert suy nghĩ lại thái độ của mình, và ân hận về việc đã làm; nhưng đến lượt anh quá tự tôn nên chẳng công khai thay đổi ý kiến, anh nắm bắt, có lẽ anh chuẩn bị phương kế giảm nhẹ miếng đòn đã giáng vào tôi. Mười lăm ngày sau, tôi nhận được của ông D'Épinay bức thư dưới đây (Tập B, số 10):

Thứ năm, ngày 26

Thưa ông, tôi đã nhận được cuốn sách mà ông có lòng tốt gửi cho tôi; tôi đọc một cách vô cùng vui thích. Đó là cảm giác tôi luôn

nắm trái khi đọc mọi tác phẩm được ngòi bút ông viết ra. Xin ông hãy nhận mọi lời cảm ơn của tôi. Lẽ ra tôi đích thân đến đa tạ ông, nếu như công việc cho phép tôi được ở gần nơi ông ít lâu; nhưng năm nay tôi ở Chevrette rất ít. Chủ nhật tới ông bà Dupin đề nghị đến đó dùng bữa trưa với tôi. Tôi hy vọng các ông De Saint-Lambert, De Francueil, và bà D'Houdetot tham dự; ông sẽ khiến tôi thực sự vui mừng, thưa ông, nếu ông vui lòng tham gia cùng chúng tôi.

Tất cả những người sẽ đến nhà tôi đều mong ông, và sẽ rất thích thú được cùng chung với tôi niềm vui tiếp ông một thời gian trong ngày.

Với tất cả niềm kính trọng, tôi hân hạnh, v.v.

Bức thư này khiến tim tôi đập mạnh kinh khủng. Sau khi đã là đề tài đồn thổi của Paris từ một năm nay, ý nghĩ đến tự phô diễn trước mặt bà D'Houdetot làm tôi run sợ, và tôi khó tìm được đủ can đảm để chịu đựng thử thách đó. Tuy nhiên, vì bà và Saint-Lambert rất muốn, vì D'Épinay phát biểu nhân danh tất cả các khách mời, và không nêu tên một người nào mà tôi không vui mừng được gặp, nên tôi cho là rốt cuộc, mình chẳng tự làm hại thanh danh khi nhận lời dự một bữa tiệc trưa mà có thể nói là mình được tất cả mọi người mời. Vậy là tôi hứa. Chủ nhật thời tiết xấu. Ông D'Épinay cho xe ngựa đến đón, và tôi đi.

Việc tôi đến gây cảm kích. Tôi chưa từng được đón tiếp ân cần niềm nở như thế bao giờ. Cứ như thế cả hội cảm nhận tôi cần được làm an lòng biết bao nhiêu. Chỉ có những con tim Pháp mới biết những kiểu tế nhị như vậy. Tuy nhiên tôi thấy đông người hơn là mình chờ đợi. Trong số đó, có bá tước D'Houdetot, mà tôi không hề quen, và em ông, bà De Blainville, mà có lẽ tôi chẳng muốn gặp. Năm ngoái bà ta đã đến Eaubonne nhiều lần, và chị dâu bà, trong những cuộc dạo chơi riêng lẻ của chúng tôi, đã thường xuyên để bà ngán ngấm đợi chờ. Vì chuyện đó bà nuôi một mối hận đối với tôi, mối hận mà trong bữa ăn này bà tha hồ thỏa mãn; vì mọi người cảm thấy sự có mặt của bá tước D'Houdetot và của Saint-Lambert khiến những người ưa cười

nhạo chẳng đứng về phía tôi, và một kẻ lúng túng trong những cuộc trò chuyện dễ dàng nhất thì chẳng xuất sắc được trong cuộc chuyện trò này. Xưa nay tôi chưa từng khổ sở nhiều đến thế, chưa từng có thái độ bối rối như thế, chưa từng bị những thương tổn bất ngờ hơn thế. Cuối cùng, khi mọi người ra khỏi bàn ăn, tôi lánh xa mụ Ác Thần* này; tôi vui thích thấy Saint-Lambert và bà D'Houdetot lại gần, và một phần thời gian của buổi chiều, chúng tôi cùng trò chuyện về những điều quá thực vô thường vô phạt, nhưng với sự thân mật giống như xưa, trước khi tôi lằm lặc. Cách đối đãi này chẳng uổng phí trong con tim tôi, và nếu Saint-Lambert thấu hiểu được, chắc hẳn anh hài lòng. Tôi có thể thề rằng, mặc dù lúc đến, nhìn thấy bà D'Houdetot, tôi hồi hộp đến ngất đi được, song khi ra về tôi gần như không nghĩ tới bà: tôi chỉ bận tâm về Saint-Lambert.

Bất chấp những lời châm chọc tai quái của bà De Blainville, bữa tiệc này rất tốt lành cho tôi, và tôi rất lấy làm mừng là đã không từ chối, ở đó chẳng những tôi nhận ra rằng mưu mô của Grimm và nhóm Holbach không hề khiến những người quen cũ tách khỏi tôi*, mà điều làm tôi đẹp lòng hơn nữa, là tình cảm của bà D'Houdetot và Saint-Lambert ít thay đổi hơn tôi từng nghĩ; và cuối cùng tôi hiểu rằng trong việc Saint-Lambert giữ bà ở xa tôi có nhiều sự ghen tuông hơn là sự đánh giá thấp. Điều này an ủi tôi và làm tôi yên lòng. Tin chắc mình không bị những người mà mình quý trọng khinh miệt, tôi rèn luyện chính con tim mình vì điều ấy, một cách can đảm hơn và thành công hơn. Nếu tôi không thể dập tắt được hoàn toàn trong đó một đam mê tội lỗi và bất hạnh, thì ít ra tôi cũng điều chỉnh được rất tốt những tàn dư, thành thử chúng không khiến tôi phạm một lỗi lầm nào từ thời gian đó. Những bản chép cho bà D'Houdetot, mà bà mời tôi làm tiếp, những tác phẩm tôi tiếp tục gửi cho bà khi xuất bản, hãy còn khiến tôi thỉnh thoảng nhận được của bà vài tin nhắn và thư vô thường vô phạt, nhưng ngọt ngào ân cần. Bà còn làm hơn nữa, như sau này ta sẽ thấy,

và cách xử sự của cả ba đối với nhau, khi chúng tôi đã thôi giao du, có thể nêu gương về cách những người quân tử chia tay khi việc gặp gỡ không còn thích hợp với họ.

Một điều lợi nữa mà bữa tiệc đem lại cho tôi là mọi người nói đến nó ở Paris, và nó phản bác tin đồn do kẻ thù của tôi gieo rắc khắp nơi, là tôi bất hòa ghê gớm với tất cả những người có mặt tại đó, nhất là với ông D'Épinay. Khi rời khỏi Ermitage, tôi đã viết cho ông một bức thư cảm ơn rất đứng đắn, được ông trả lời không kém đứng đắn, và những sự ân cần quan tâm lẫn nhau không hề chấm dứt, với ông cũng như với ông De Lalive* em ông, ông này còn đến cả Montmorency thăm tôi, và gửi cho tôi những bức tranh khắc của mình. Ngoài hai bà em chồng của bà D'Houdetot, tôi chưa bao giờ bất hòa với một ai trong gia đình bà.

Thư gửi D'Alembert của tôi đạt thành công lớn. Tất cả các tác phẩm của tôi đều đã thành công; nhưng tác phẩm này thuận lợi cho tôi nhiều hơn. Nó tập cho công chúng biết ngờ vực những lời bóng gió của phe nhóm Holbach. Khi tôi đến Ermitage, họ báo trước với thói tự mãn thường ngày là tôi sẽ không trụ nổi ba tháng ở đấy. Khi họ thấy tôi trụ được hai mươi tháng, và, buộc phải ra khỏi nơi ấy, tôi vẫn định cư tại miền quê, họ quả quyết rằng đó là ngoan cố thuần túy; rằng tôi chán ngán đến chết ở nơi ẩn cư, nhưng do quá kiêu ngạo, tôi thà chết tại đó vì sự ngoan cố của mình, còn hơn là nuốt lời và quay lại Paris. *Thư gửi D'Alembert* thậm đượm sự dịu dàng về tâm hồn mà người ta cảm nhận là không hề giả bộ. Nếu tôi rầu rĩ cáu kỉnh trong nơi ẩn cư, giọng điệu của tôi sẽ lộ ra điều đó. Giọng điệu ấy chi phối mọi tác phẩm tôi đã viết tại Paris; nó không còn chi phối trong tác phẩm đầu tiên tôi viết ở miền quê. Với những ai biết quan sát, nhận xét này mang tính quyết định. Người ta thấy rằng tôi đã trở lại môi trường của mình.

Tuy nhiên cũng công trình này, chan chứa dịu hiền, vẫn làm cho tôi có một kẻ thù mới trong giới văn nhân, do sự thô vụng, và do vận rủi thường ngày của tôi. Tôi đã làm quen với Marmontel* tại nhà ông De la Poplinière và sự quen biết này được duy trì ở nhà nam tước*. Khi đó Marmontel đang làm báo *Mercure de France*. Vì tôi có niềm kiêu hãnh là không gửi tác phẩm của mình cho các nhà báo, tuy nhiên tôi lại muốn gửi tác phẩm này cho Marmontel, mà không để anh nghĩ rằng đó là vì danh nghĩa nhà báo, cũng không phải để anh nói về nó trong tờ *Mercure*, tôi bèn viết trên bản của anh rằng không phải tặng tác giả của tờ *Mercure*, mà tặng ông Marmontel. Tôi tưởng mình khen anh ta một câu rất hay; anh ta tưởng thấy ở đó một lời xúc phạm độc ác, và trở thành kẻ thù không đội trời chung của tôi. Anh ta viết bài chống lại bức thư này một cách lịch sự, nhưng với niềm cay đắng lộ ra dễ dàng, và từ đó không bỏ qua một thời cơ nào để hại tôi trong xã hội, và gián tiếp mạt sát tôi trong các tác phẩm của anh ta: lòng tự ái rất dễ bị kích thích của các văn nhân khó nường nhẹ đến thế, và ta phải cẩn thận đến thế để trong những lời ta khen họ đừng sót lại điều gì chỉ hơi có vẻ mập mờ hai nghĩa.

Được yên tâm về mọi phương diện, tôi lợi dụng tình trạng rảnh rỗi và độc lập để lại bắt tay vào công việc một cách liên tục hơn. Mùa đông này tôi hoàn thành *Julie* và gửi nó cho Rey, anh cho in vào năm sau. Tuy nhiên công việc ấy vẫn còn bị gián đoạn vì một chuyện nhỏ, thậm chí khá khó chịu, làm phân tán tâm trí. Tôi được biết người ta đang chuẩn bị trình diễn lại *Thầy bói làng quê* tại Nhà hát Nhạc kịch*. Tức giận vì thấy những người này sử dụng tài sản của mình một cách ngạo mạn, tôi lấy lại bản thảo tình đã gửi cho ông D'Argenson, và đã không được trả lời, sau khi sửa lại, tôi nhờ ông Sellon, công sứ của Genève, chuyển cùng với một bức thư mà ông vui lòng đảm trách, cho bá tước De Saint-Florentin, người đã thay thế ông D'Argenson ở bộ phận Nhà hát Nhạc kịch, ông De Saint-Florentin hứa trả lời, và

không hề thực hiện. Tôi viết cho Duclos những gì tôi đã làm, ông nói chuyện này với *các cây vĩ cầm nhỏ* họ đề nghị trả lại tôi không phải vở nhạc kịch, mà là quyền ra vào nhà hát, mà tôi không còn lợi dụng được nữa. Thấy rằng mình chẳng trông mong được một sự công bằng nào hết ở một phía nào hết, tôi bỏ cuộc, và ban lãnh đạo Nhà hát, chẳng trả lời cũng chẳng nghe những lý lẽ của tôi, đã tiếp tục sử dụng như tài sản riêng của họ và kiếm lợi từ vở *Thầy bói làng quê*, vốn chỉ thuộc về một mình tôi, không sao chối cãi được.

Từ khi rũ được cái ách của những kẻ áp chế mình, tôi sống một cuộc đời khá bình thản và êm đềm; bị mất đi sự thú vị của những mối quyến luyến quá mãnh liệt, tôi cũng thoát khỏi gánh nặng những xiềng xích của chúng. Chán ngán những người bạn bảo hộ, cứ nhất định muốn tùy ý sắp đặt vận mệnh tôi và bắt tôi lệ thuộc vào những cái bảo là ân huệ của họ bất chấp ý muốn của tôi, từ nay tôi quyết dựa vào những quan hệ thiện tâm đơn thuần, chẳng câu thúc tự do, mà tạo thú vị cho cuộc sống, nền tảng của những quan hệ này là một sự bình đẳng, về loại quan hệ ấy tôi có đủ mức mình cần để hưởng những ngọt ngào của tự do, mà không phải chịu sự phụ thuộc, và, vừa thể nghiệm kiểu sống đó, tôi liền cảm thấy đây là kiểu sống thích hợp với độ tuổi của mình, để sống nốt cuộc đời trong an tĩnh, xa bão tố, xa những bất hòa và những rắc rối mà tôi vừa mới bị chìm ngập đến nửa chừng.

Trong thời gian ở Ermitage, và từ khi đến Montmorency, tôi đã có tại miền lân cận vài mối quen biết thú vị và không khiến tôi phải phục tùng gì hết. Đứng đầu là chàng thanh niên Loyseau de Mauléon*, khi đó mới bắt đầu nghề luật sư, chưa biết vị trí của mình sẽ ra sao. Tôi không ngờ vực giống như anh. Tôi sớm nói rõ với anh sự nghiệp lấy lòng mà giờ đây anh cho thấy. Tôi báo trước với anh rằng, nếu anh nghiêm khắc trong việc lựa chọn các vụ tố tụng, và bao giờ cũng chỉ là người bênh vực cho công lý và đức độ, thì tài năng của anh, được tình cảm cao thượng này nâng lên, sẽ sánh ngang tài năng của những nhà

hùng biện vĩ đại nhất. Anh đã theo lời khuyên của tôi, và đã cảm nhận được hiệu quả. Bài biện hộ của anh cho ông De Portes xứng với Démosthène*. Năm nào anh cũng đến Saint-Brice, cách Ermitage một phần tư dặm, để nghỉ hè tại thái ấp Mauléon, thuộc về mẹ anh, nơi xưa kia Bossuet* vĩ đại từng cư ngụ. Đó là một thái ấp mà sự kế tiếp của những chủ nhân như vậy sẽ khiến cho việc duy trì tính cao nhã thành khó khăn.

Cũng ở làng Saint-Brice, tôi còn có nhà xuất bản Guérin, con người tài trí, văn chương, dễ mến, và giữ địa vị cao trong nghề nghiệp của mình. Ông cũng khiến tôi quen với Jean Néaulme, nhà xuất bản ở Amsterdam, là người giao thiệp và bạn của ông, sau này in tác phẩm *Émile*.

Ở nơi còn gần hơn Saint-Brice, tôi có ông Maltor, cha xứ của Grosley, thích hợp để làm chính khách và bộ trưởng hơn là cha xứ làng quê, và đáng lẽ người ta phải để ông cai quản ít ra là địa phận của một đại chủ giáo, nếu như tài năng định đoạt địa vị. Ông từng làm thư ký cho bá tước De Luc, và đặc biệt quen Jean-Baptiste Rousseau. Rất quý trọng con người danh tiếng bị lưu đày đã quá cố cũng như rất ghê sợ Saurin kẻ giáo quyệt đã chết, ông biết về hai người nhiều giai thoại kỳ cục mà Séguier đã không đưa vào bản thảo về cuộc đời De Luc, và ông cam đoan với tôi rằng bá tước, chưa bao giờ phải than phiền chuyện đó, cho đến cuối đời vẫn giữ tình bạn nồng nhiệt nhất với ông. Ông Maltor, được ông De Vintimille* cho nơi ẩn dật khá tốt này sau khi quan thầy qua đời, xưa kia từng được sử dụng trong nhiều công việc mà tuy đã già song ông hãy còn nhớ, và biện luận rất hay. Sự trò chuyện của ông, vui mà chẳng kém bổ ích, không hề có hơi hướng cha xứ làng quê: ông kết hợp giọng điệu của một người trong giới giao tế với những tri thức của một người nghiên cứu nơi thư phòng. Trong tất cả những láng giềng thường xuyên của tôi, ông là người khiến tôi thấy thú vị nhất khi giao tiếp, và luyến tiếc nhất khi chia tay.

Tại Montmorency tôi quen các tu sĩ thuộc giáo đoàn Oratoire, trong số đó có Cha Bertier, dạy vật lý, mặc dù ông hơi có vẻ thông thái rờm, song tôi gần bó với ông vì thấy ở ông một dáng dấp hiền lành chất phác nào đó. Tuy nhiên tôi khó dung hòa thái độ rất bình dị này với ham muốn và tài nghệ của ông để len chân vào khắp mọi chốn, nơi những người quyền quý, nơi của phụ nữ, nơi những người sùng tín, nơi các triết gia; ông biết làm cho mình hợp mọi điều với mọi người, ở bên ông tôi rất thích thú. Tôi nói chuyện này với tất cả mọi người. Xem ra những gì tôi nói có đến tai ông. Một hôm ông vừa cười khẩy vừa cảm ơn tôi vì đã thấy ông hiền lành chất phác. Tôi thấy trong nụ cười của ông cái gì cay độc không rõ nó thay đổi hoàn toàn diện mạo ông trước mắt tôi, và từ đó nhiều lần trở lại trong ký ức tôi. Tôi chỉ có thể so sánh nụ cười ấy với nụ cười của Panurge đang mua cừu của Dindenaut*. Sự quen biết giữa chúng tôi bắt đầu sau khi tôi đến Ermitage ít lâu, ông rất hay tới đó thăm tôi. Tôi đã ở Montmorency rồi, khi ông rời khỏi nơi đây để quay về cư ngụ tại Paris. Ông thường gặp bà Le Vasseur ở đó. Một hôm, giữa lúc tôi không hề nghĩ đến thì ông thay mặt người đàn bà ấy viết thư cho tôi, để báo với tôi là ông Grimm đề nghị đảm trách cấp dưỡng cho bà ta, và để xin tôi cho phép nhận lời. Tôi được biết đó là một khoản trợ cấp ba trăm *livre*, và bà Le Vasseur phải đến ở Deuil, giữa Chevrette và Montmorency. Tôi sẽ không nói đến ấn tượng mà tin này đem lại cho tôi, có lẽ tin ấy bớt gây ngạc nhiên hơn nếu như Grimm có mười ngàn *livre* lợi tức niên kim hoặc có mối quan hệ nào dễ hiểu hơn với người đàn bà ấy, và giá như người ta đừng kết cho tôi một tội lớn đến thế vì đã đem bà ta về miền quê, nơi mà bây giờ anh ta lại thích dẫn bà quay lại, cứ như thể bà đã trẻ ra từ thời gian đó. Tôi hiểu là bà lão chỉ xin phép tôi, mà giả sử tôi không cho bà cũng chẳng cần, để khỏi có nguy cơ mất khoản tiền được tôi cung cấp. Mặc dù tôi thấy hành vi từ thiện kia có vẻ rất kỳ lạ, song khi ấy nó không khiến tôi ngạc nhiên nhiều như sau này. Nhưng

giả sử có biết tất cả những gì mình thấu hiểu từ đó, tôi cũng vẫn đồng ý, như đã đồng ý và buộc phải đồng ý, trừ phi cung cấp nhiều hơn đề nghị của Grimm. Từ đó cha Bertier khiến tôi bớt được đôi chút việc quy kết ông hiền lành chất phác, điều ông đã thấy là rất buồn cười, và tôi đã hết sức nhẹ dạ mà gán cho ông.

Cũng Cha Bertier này quen biết hai người, không hiểu vì sao họ lại tìm cách làm quen với tôi; vì chắc chắn sở thích của họ và sở thích của tôi ít có liên quan. Đó là những người con của Melchisédech*, người ta không biết xứ sở của họ, không biết gia đình, chắc cũng không biết họ tên thật. Họ theo giáo lý Jansénius, và được coi như tu sĩ cải trang, có lẽ vì kiểu cách nực cười đeo những thanh gươm dài mà họ ưa thích, sự bí ẩn khác thường trong mọi dáng điệu khiến họ có vẻ của những thủ lĩnh đảng phái và tôi tin rằng họ làm tờ *Giáo hội báo**, Một người, cao, hòa nhã, mềm mỏng, tên là Ferrand; người kia, thấp, mập, hay cười nhạo, hay châm chọc, tên là Minard. Họ tự coi là anh em họ. Họ ở Paris cùng với D'Alembert, tại nhà người vú nuôi của anh là bà Rousseau, và họ đã thuê tại Montmorency một căn hộ nhỏ để ở vào mùa hè. Họ tự làm việc nhà, không đầy tớ không người giúp việc. Mỗi người một tuần lễ thay phiên nhau đi mua thực phẩm, làm bếp và quét nhà. Và chẳng họ ăn ở cũng được; đôi khi chúng tôi đến nhà nhau dùng bữa. Tôi không hiểu tại sao họ quan tâm đến tôi; về phần tôi, tôi chỉ quan tâm đến họ vì họ chơi cờ; và, để được chơi một ván loàng xoàng nho nhỏ, tôi chịu đựng bốn giờ chán ngán, vì họ len lỏi khắp nơi và muốn xen vào mọi sự, Thérèse gọi họ là các *Mụ lăm chuyen*, và cái tên này còn lại với họ ở Montmorency.

Cùng với ông Mathas chủ nhà, và là một người tốt, những người quen chính của tôi ở miền quê là như vậy. Ở Paris tôi còn đủ người quen để sống tại đó, khi tôi muốn, một cách dễ chịu, bên ngoài giới văn nhân, nơi tôi chỉ coi một mình Duclos là bạn: vì Deleyre còn quá

trẻ và mặc dù, sau khi nhìn thấy sát gần các thủ đoạn của bè đảng triết gia đối với tôi, anh đã tách khỏi họ hoàn toàn, ít ra tôi tin như vậy, song tôi còn chưa quên được anh đã dễ dàng làm cái loa cho tất cả những người ấy bên cạnh tôi.

Trước hết tôi có ông bạn cũ và đáng kính Roguin. Đó là một người bạn của cái thời tốt đẹp, bạn có được không phải nhờ tác phẩm, mà nhờ bản thân tôi, và tôi vẫn luôn giữ được vì lý do này. Tôi có Lenieps trung hậu, người đồng hương, và con gái ông, khi ấy còn sống, bà Lambert. Tôi có một thanh niên Genève, tên là Coindet, có vẻ là chàng trai tốt, cẩn thận, hay giúp đỡ, sốt sắng, nhưng dốt nát, cả tin, tham ăn, hay khoe, đã tới thăm tôi ngay từ khi tôi bắt đầu đến ở Ermitage, và, chẳng ai giới thiệu ngoài bản thân anh ta, chẳng bao lâu sau cư ngụ tại nhà tôi, ngoài ý muốn của tôi. Anh ta thích vẽ đôi chút, và quen các nghệ sĩ. Anh giúp ích cho tôi về các bức tranh trong *Julie*; anh đảm nhận coi sóc các bức vẽ và các bản khắc, và làm tốt việc này.

Tôi có nhà ông Dupin, không huy hoàng bằng những ngày tươi đẹp của bà Dupin, song do giá trị của các chủ nhân, và do sự chọn lựa những người tập hợp tại đó, nên vẫn là một trong những ngôi nhà ưu tú nhất Paris. Vì tôi chưa quý một ai hơn họ, vì tôi chỉ rời họ để sống tự do, nên họ không ngừng gặp gỡ tôi một cách thân tình, và tôi tin chắc khi nào mình cũng được bà Dupin tiếp đãi ân cần. Thậm chí tôi có thể coi bà là một trong những láng giềng ở miền quê, từ khi ông bà đã lập một dinh cơ tại Clichy, đôi khi tôi đến ở đó một hai ngày, và lẽ ra ở lâu hơn, nếu như bà Dupin và bà De Chenonceaux sống hòa hảo với nhau hơn. Nhưng cái khó của việc tự chia sẻ trong cùng một ngôi nhà, giữa hai người phụ nữ không có thiện cảm với nhau, khiến Clichy thành quá bất tiện đối với tôi. Gắn bó với bà De Chenonceaux vì một tình bạn bình đẳng hơn và thân tình hơn, tôi có niềm vui gặp bà một cách thoải mái hơn ở Deuil, rất gần chúng tôi, bà đã thuê tại đó một ngôi nhà nhỏ, và gặp cả ở nhà tôi, bà đến thăm tôi khá thường xuyên.

Tôi có bà De Créqui, do đi theo niềm sùng tín cao độ, nên đã thôi gặp gỡ những D'Alembert, những Marmontel, và phần lớn các văn nhân, tôi cho là ngoại trừ tu sĩ Trublet, khi đó là một kiểu người nửa chán đời, mà bản thân bà cũng khá chán ngán. Về phần tôi, mà bà từng ưa chuộng, tôi không bị mất đi thiện ý của bà cũng không mất mối liên lạc. Bà gửi cho tôi những con gà mái tơ làm quà tết, và đã dự định đến thăm tôi vào năm sau, thì một chuyến về chơi của bà De Luxembourg lại trùng hợp chuyến đi của bà. Tôi phải dành cho bà một vị trí riêng ở đây; bà sẽ luôn có một vị trí đặc biệt trong hồi ức của tôi.

Tôi có một người mà, ngoài Roguin, đáng lẽ tôi phải kể đến đầu tiên: Carrio đồng liêu cũ và bạn cũ, nguyên bí thư thực nhiệm của đại sứ quán Tây Ban Nha tại Venise, rồi tại Thụy Điển, ở đó anh được triều đình Tây Ban Nha cử làm đặc phái viên ngoại giao, và cuối cùng được thực sự bổ nhiệm bí thư đại sứ quán tại Paris. Anh đến thăm tôi bất thành lình ở Montmorency, khi tôi không hề chờ đợi chuyện ấy. Anh được tặng thưởng một huân chương Tây Ban Nha mà tôi đã quên mất tên, một huân chương đẹp bằng đá quý. Trong tước vị, anh đã buộc phải thêm một chữ cái vào họ Carrio, và mang danh hiệu hiệp sĩ De Carrion. Tôi thấy anh vẫn như xưa, vẫn tấm lòng rất tốt, tư chất càng ngày càng dễ mến. Lẽ ra tôi nối lại với anh tình thân mật như ngày trước, nếu như Coindet, xen vào giữa chúng tôi như thói thường của anh ta, không lợi dụng việc tôi ở xa để len lỏi vào lòng tin của anh thay chỗ tôi và nhân danh tôi, rồi hất cẳng tôi do sốt sắng giúp đỡ tôi.

Hồi ức về Carrion khiến tôi nhớ lại hồi ức về một trong những láng giềng miền quê mà tôi càng có lỗi hơn nếu không nói đến, vì tôi phải thú nhận một lỗi rất khó tha thứ tôi đã mắc phải đối với ông. Đó là ông Le Blond chính trực, đã giúp đỡ tôi tại Venise, và nhân một chuyến cùng cả gia đình sang Pháp chơi, đã thuê một ngôi nhà nghỉ ở La Briche, không xa Montmorency*. Vừa được biết ông là láng giềng của mình, tôi rất vui mừng, và coi việc đến thăm ông là một niềm hoan lạc hơn một bốn phần. Ngay ngày hôm sau tôi ra đi vì việc ấy. Tôi bị

những người đến thăm chính mình bắt gặp, và phải quay về cùng với họ. Hai ngày sau, tôi lại đi; ông đã dự tiệc tại Paris cùng cả gia đình. Một lần thứ ba ông có nhà: tôi nghe những tiếng nói của phụ nữ, tôi nhìn thấy ngoài cổng một cỗ xe ngựa bốn bánh khiến tôi sợ, Tôi muốn ít ra, lần đầu tiên, được thăm ông thoải mái, và trò chuyện với ông về những quan hệ xưa kia của chúng tôi. Rốt cuộc tôi hoãn cuộc thăm hỏi ngày này qua ngày khác, thành thử nỗi hổ thẹn vì thực hiện chậm trễ đến thế một bốn phần như vậy khiến tôi chẳng hề thực hiện nó: sau khi đã dám chờ đợi thật lâu, tôi không dám lộ mặt ra nữa. Thái độ hờ hững này, mà ông Le Blond chỉ có thể tức giận một cách chính đáng, khiến cho đối với ông sự lười nhác của tôi có vẻ vô ơn; ấy thế mà tôi cảm thấy lòng mình rất ít tội lỗi, thành thử nếu tôi có thể mang lại cho ông Le Blond một niềm vui thực thụ nào đó, ngay cả khi ông không biết, tôi tin chắc ông sẽ không thấy tôi lười nhác. Nhưng trạng thái uể oải, sự luộm thuộm, và thời hạn của những nghĩa vụ nho nhỏ phải thực hiện, đã khiến tôi mắc sai trái nhiều hơn là những tội xấu lớn. Những lỗi lầm tệ hại nhất của tôi là do bỏ sót: tôi hiếm khi làm những gì không nên làm, và rủi thay tôi còn hiếm làm hơn nữa những gì nên làm.

Bởi đã nhắc lại những mối quen biết cũ ở Venise, tôi không được quên một mối quen biết có liên quan đến thời đó và chỉ gián đoạn, cũng như các mối quen biết khác, từ thời gian gần hơn nhiều. Đó là ông De Joinville, từ khi ở Gênes trở về, vẫn tiếp tục thân tình với tôi. Ông rất thích gặp tôi và trò chuyện về những công việc bên Ý và những sự điên rồ của ông De Montaigu, mà về phần mình ông biết rất nhiều điều qua các văn phòng ngoại giao nơi ông có nhiều quan hệ. Tôi cũng có niềm vui gặp lại anh bạn cũ Dupont tại nhà ông, anh đã mua một chức vụ ở tỉnh anh, và công việc khiến anh thỉnh thoảng trở lại Paris. Dần dà ông De Joinville trở nên rất sốt sắng muốn gặp gỡ tôi đến mức thành phiên toái, và mặc dù chúng tôi ở những khu rất xa

nhau, nếu một tuần lễ tròn tôi không đến nhà ông ăn tối là giữa chúng tôi có chuyện. Khi đi Joinville, bao giờ ông cũng muốn đem tôi đi cùng; nhưng một lần đến ở đó tám ngày, mà tôi cảm thấy rất dài, tôi không muốn trở lại nữa. Chắc chắn ông De Joinville là một người lương thiện và phong nhã, thậm chí dễ mến ở một số phương diện, nhưng ông ít tài trí, ông tuần tú, hơi tự mê mình chút đỉnh, và khá đáng chán, ông có một bộ sưu tập kỳ lạ, có lẽ độc nhất vô nhị trên đời, mà ông rất quan tâm, và cũng làm cho khách của mình phải quan tâm, đôi khi họ thấy thú vị ít hơn ông. Đó là một sưu tập rất đầy đủ tất cả các bài hát trào phúng của cung đình và của Paris từ hơn năm mươi năm nay, qua đó ta thấy rất nhiều giai thoại mà nếu tìm ở nơi khác thì vô hiệu. Đó là những Hồi ký cho lịch sử nước Pháp, mà người ta ít khi nghĩ ra ở bất kỳ đất nước nào khác.

Một hôm, giữa thời kỳ chúng tôi đang hòa hảo nhất với nhau, ông đón tiếp tôi hết sức lạnh lùng, hết sức băng giá, hết sức khác phong thái thường ngày, thành thử sau khi để ông có cơ hội giải thích, thậm chí còn yêu cầu ông giải thích, tôi ra khỏi nhà ông với quyết tâm, mà tôi đã thực hiện, là không đặt chân trở lại nữa; vì người ta không mấy khi gặp lại tôi ở nơi nào tôi từng một lần bị đón tiếp nhạt nhẽo, và ở đây chẳng hề có Diderot để biện hộ cho ông De Joinville. Tôi mất công vô ích nghĩ xem mình có thể mắc lỗi lầm nào với ông: tôi không tìm ra gì hết. Tôi tin chắc bao giờ mình cũng chỉ nói đến ông và người thân của ông một cách tôn trọng nhất, vì tôi chân thành gắn bó với ông, và ngoài việc chỉ có điều hay để nói về ông, thì bao giờ phương châm bất khả xâm phạm nhất của tôi cũng là chỉ nói một cách tôn trọng về những nhà mà mình lui tới.

Cuối cùng, nghiền ngẫm mãi, đây là những gì tôi phỏng đoán. Lần gặp nhau gần đây, ông đã đãi tôi ăn khuya tại nhà các cô gái giang hồ mà ông quen biết, cùng hai ba nhân viên cơ quan ngoại giao, những người rất dễ mến, và không hề có phong thái cũng như giọng điệu phóng dăng, và tôi có thể thề rằng về phần tôi cả buổi tối chỉ suy ngẫm

khá buồn bã về số phận bất hạnh của những con người kia. Tôi không trả phần tiền góp, vì ông De Joinville mời chúng tôi ăn, và tôi không cho các cô gái gì hết, vì tôi không hề làm cho các cô, giống như ở Padoana, kiếm được số tiền đáng lẽ tôi có thể trao cho họ. Tất cả chúng tôi ra về khá vui vẻ và rất hòa hảo. Không trở lại nhà các cô gái, sau đó ba bốn hôm tôi đến ăn tối ở nhà ông De Joinville, mà tôi chưa gặp từ lần ấy, và ông tiếp tôi như tôi đã kể. Không nghĩ ra được nguyên nhân nào khác ngoài sự hiểu lầm nào đó liên quan đến bữa ăn khuya, và thấy ông không muốn giải thích, tôi có quyết định của mình và thôi đến thăm ông; nhưng tôi tiếp tục gửi cho ông các tác phẩm của tôi: nhiều lần ông chúc mừng tôi, và một hôm gặp ông ở phòng sưởi của Kịch viện, ông trách tôi không đến thăm ông nữa, bằng những lời lẽ ngọt ngào song chẳng khiến tôi quay lại. Như vậy câu chuyện này có vẻ một vụ giận dỗi hơn là một sự đoạn tuyệt. Tuy nhiên vì không gặp lại ông, và từ đó không còn nghe nói tới ông, đã quá muộn để trở lại sau một sự gián đoạn nhiều năm ròng. Đó là lý do ông De Joinville không tham gia danh sách của tôi ở đây, mặc dù tôi lui tới nhà ông khá lâu.

Tôi sẽ chẳng bành trướng danh sách này với nhiều người quen khác không thân tình bằng, hoặc, do tôi vắng mặt, đã không còn thân tình, song đôi khi tôi vẫn gặp gỡ ở miền quê, tại nhà tôi hay nhà láng giềng, như các tu sĩ De Condillac, De Mably, các ông De Mairan, De Lalive, De Boisgelou, Watelet, Ancelet, và những người khác nếu kể tên thì sẽ quá dài. Tôi cũng sẽ lướt qua ông De Margency, quý tộc hầu cận nhà vua, thành viên cũ của phe Holbach, mà ông đã rời bỏ, giống như tôi, và là bạn cũ của bà D'Épinay, mà ông đã tách ra, giống như tôi, và cũng lướt qua bạn ông là Desmahis, tác gia nổi tiếng, nhưng nhất thời, của vở hài kịch *Kẻ xác xược*. Người thứ nhất là láng giềng của tôi ở miền quê, vì đất đai Margency gần Montmorency. Chúng tôi là người quen cũ; nhưng tình trạng láng giềng và một sự phù hợp nào đó về trải nghiệm khiến chúng tôi gần lại với nhau hơn. Người thứ hai

qua đời sau đó ít lâu. Ông có tài cán và có trí tuệ: nhưng phần nào là nguyên mẫu trong vở kịch của ông, hơi hợm mình bên những người phụ nữ, và không được họ tiếc thương cực độ.

Nhưng tôi không thể bỏ qua một mối liên lạc mới mẻ vào thời gian ấy, nó đã ảnh hưởng quá nhiều đến phần đời còn lại của tôi, nên cần nói rõ bước khởi đầu. Đó là ông De Lamoignon de Malesherbes*, viện trưởng thứ nhất của Viện thuế bổ trợ*, khi đó phụ trách việc xuất bản, mà ông cai quản vừa sáng suốt vừa ôn hòa, khiến các văn nhân rất vừa lòng. Tôi chỉ đến gặp ông một lần tại Paris, tuy thế tôi luôn cảm thấy ở ông những sự dễ dàng ân cần nhất, về mặt kiểm duyệt, và tôi biết là trong nhiều dịp ông đã xử sự nghiêm khắc với những kẻ viết bài công kích tôi. Tôi có những chứng cứ mới về lòng tốt của ông nhân vấn đề in cuốn *Julie*; vì việc gửi bản in thử một tác phẩm lớn như vậy từ Amstersdam bằng bưu điện rất tốn kém, nên ông cho phép gửi đến ông, do ông được miễn phí bưu chính*, rồi ông gửi cho tôi cũng miễn phí, có chữ ký bên dưới của quan chương ấn, thân phụ ông. Khi tác phẩm đã in ra, ông chỉ cho phép bán tại Pháp sau một đợt xuất bản mà ông cho tiến hành để tôi thu lợi, bất kể ý tôi: vì khoản lợi này về phía tôi có thể là một khoản ăn cắp đối với Rey, người đã được tôi bán bản thảo, nên chẳng những tôi không muốn nhận món quà dành cho mình nếu không có sự thừa nhận của Rey, và anh đã rất hào hiệp thừa nhận, mà tôi muốn chia cùng anh số một trăm *pistole* trị giá của món quà, song anh không đồng ý. Vì một trăm *pistole* này, tôi gặp điều khó chịu mà ông De Malesherbes không báo trước, là thấy tác phẩm bị cắt xén tệ hại, và việc bán những cuốn sách xuất bản đúng đắn bị cản trở cho đến khi sách xuất bản dở đã bán hết.

Tôi luôn coi ông De Malesherbes là một người có đức chính trực không gì lay chuyển nổi. Không điều gì từng xảy đến với tôi khiến tôi có lúc nào nghi ngờ sự trung thực của ông; nhưng vừa yếu đuối vừa ngay thật, đôi khi ông làm hại những người được ông quan tâm, do cứ

muốn phòng giữ cho họ. Chẳng những ông cho cắt xén hơn một trăm trang ở cuốn xuất bản tại Paris, mà ông còn tiến hành một sự cắt xén có thể gọi là thiếu trung thực trong cuốn được xuất bản đúng đắn mà ông gửi cho bà De Pompadour. Ở chỗ nào đó trong tác phẩm, có nói rằng vợ một người đốt than đáng được kính trọng hơn nhân tình của một ông hoàng. Câu này đến với tôi trong nhiệt hứng sáng tác, không có sự gán ghép nào hết, tôi xin thề như vậy. Khi đọc lại tác phẩm, tôi thấy rằng người ta sẽ gán ghép. Tuy nhiên, do phương châm rất đại dột là không bỏ đi gì hết, vì những sự gán ghép mọi người có thể tiến hành, khi mình có lương tâm làm chứng là trong lúc viết mình đã không gán ghép, nên tôi không muốn bỏ đi câu ấy, và chỉ thay từ *ông hoàng* vào từ *đức vua* tôi đã viết lúc đầu. Sự giảm nhẹ này có vẻ chưa đủ đối với ông Malesherbes: ông cắt đi toàn bộ câu văn, trong một tờ ông cho in riêng, và dán lại tử tế hết mức có thể trong bản của bà De Pompadour. Bà biết trò lộn sòng này. Có những người tốt bụng đã bảo bà. Về phần mình, chỉ rất lâu sau này tôi mới biết, khi bắt đầu cảm thấy hậu quả.

Phải chăng đây cũng là căn nguyên đầu tiên của mối thù ghét che đây, nhưng không đội trời chung, của một quý phu nhân khác, ở vào trường hợp tương tự*, mà tôi không hay biết gì hết, thậm chí chẳng quen bà ta khi viết đoạn văn trên? Khi sách được xuất bản, tôi đã quen biết bà, và tôi rất áy náy. Tôi nói điều này với hiệp sĩ De Lorenzi*, anh chế nhạo tôi, và quả quyết với tôi rằng quý bà rất ít méch lòng, thậm chí bà chẳng để ý điều đó. Tôi tin anh một cách có lẽ hơi nhẹ dạ, và tôi an tâm một cách rất không thích đáng.

Đầu mùa đông, ông De Malesherbes lại có một biểu lộ mới về lòng tốt đối với tôi, khiến tôi rất cảm kích, mặc dù tôi thấy không thích hợp để tận dụng. Có một vị trí trống ở *Tạp chí các nhà Bác học*. Margency viết thư cho tôi đề nghị tôi giữ vị trí đó, như thể ý của chính ông. Nhưng qua cách viết trong thư (Tập C, số 33), tôi dễ dàng hiểu

rằng ông được biết và được phép, sau đó bản thân ông nói rõ với tôi (Tập C, số 47) là ông được giao việc mời tôi. Công việc ở vị trí này chẳng nhiều nhận gì. Chỉ có hai trích đoạn mỗi tháng, mà người ta sẽ đem sách đến cho tôi, không bao giờ phải đi Paris, thậm chí để tới thăm cảm ơn vị quan chức phụ trách. Qua đó tôi sẽ gia nhập một nhóm văn nhân có giá trị bậc nhất, các ông De Mairan, Clairaut, De Guignes, và tu sĩ Barthélemy, tôi đã quen biết hai người đầu tiên, và làm quen với hai người còn lại là điều rất hay. Cuối cùng, vì một công việc rất ít khó nhọc, mà tôi có thể làm rất thuận tiện, vị trí này có khoản thù lao tám trăm *franc*. Tôi suy nghĩ vài giờ đồng hồ trước khi quyết định và tôi có thể thề rằng [điều duy nhất khiến tôi do dự là] sợ làm Margency giận và làm mất lòng ông De Malesherbes. Nhưng rốt cuộc điều bất tiện không sao chịu nổi là không thể làm việc vào giờ của mình và bị thời hạn điều khiển; hơn nữa niềm tin chắc rằng mình sẽ thực hiện kém cỏi những chức phận phải đảm trách, chẳng được tất cả, và khiến tôi quyết tâm từ chối một vị trí mà mình không thích hợp. Tôi biết toàn bộ tài năng của mình chỉ do một nhiệt tình nào đó đối với những vấn đề phải luận giải, và chỉ có tình yêu cái cao cả, cái thật, cái đẹp, mới khích lệ được tinh anh nơi tôi. Mà đề tài của phần lớn những cuốn sách tôi sẽ phải trích, thậm chí chính những cuốn sách, có quan hệ gì đến tôi? Nỗi thờ ơ của tôi đối với sự vật sẽ làm nguội lạnh ngòi bút tôi và làm u mê trí não tôi. Người ta tưởng tôi có thể viết vì nghề nghiệp, như mọi văn nhân khác, trong khi xưa nay tôi chỉ biết viết vì niềm say mê. Chắc chắn đó không phải điều mà *Tạp chí các nhà Bác học* cần. Vậy là tôi viết cho Margency một bức thư cảm ơn, lời lẽ thành thực hết mức có thể, trong đó tôi kể thật ngọn ngành các lý do, thành thử cả Margency cả ông De Malesherbes không thể nghĩ là trong việc tôi từ chối có gì không vui hay kiêu ngạo. Bởi thế cả hai đều tán thành việc này, vẫn cứ ân cần với tôi, và chuyện đó được giữ kín đến mức công chúng chưa bao giờ nghe tăm hơi gì hết.

Đề nghị này đến vào một thời điểm không thuận lợi để khiến tôi nhận lời. Bởi từ ít lâu nay tôi có dự định rời bỏ hẳn văn chương, nhất là nghề nghiệp tác gia. Tất cả những gì vừa xảy đến với tôi đã khiến tôi hoàn toàn chán ngán các văn nhân, và tôi cảm thấy không thể theo đuổi cùng một sự nghiệp, mà lại không có vài mối liên hệ với họ. Tôi chẳng mấy kém chán ngán những người trong giới giao tế, và nói chung chán ngán cuộc sống pha trộn mình vừa trải qua, một nửa cho bản thân, còn một nửa cho những hội đoàn mà mình không hề phù hợp. Hơn bao giờ hết, nhờ một kinh nghiệm bất biến, tôi cảm thấy mọi sự liên kết không bình đẳng đều luôn luôn bất lợi cho bên yếu. Sống với những người giàu có, và ở một địa vị khác với địa vị tôi đã chọn cho mình, không tiếp đãi khách khứa như họ, tôi buộc phải bắt chước họ nhiều thứ, và những chi phí lặt vặt, với họ chẳng là gì hết, với tôi thì vừa tốn phí vừa khẩn thiết chẳng kém. Một người khác đến một ngôi nhà tại miền quê ư, anh ta sẽ được tòng bộc của mình hầu hạ, ở bàn ăn cũng như trong phòng riêng; anh ta sai người ấy đi kiếm mọi thứ anh ta cần: chẳng có gì phải dích dắc trực tiếp với gia nhân trong nhà, thậm chí chẳng nhìn thấy họ, anh ta chỉ cho họ tiền thưởng thêm khi nào anh thích và như anh thích; nhưng tôi, một mình, không kẻ hầu, tôi chịu sự định đoạt của gia nhân nhà chủ, nhất thiết phải khéo dụ được họ chiều cố, để khỏi phải khổ sở nhiều, và, do được đối xử như người ngang hàng với chủ họ, mình cũng phải đối xử với gia nhân như thế, thậm chí cho họ nhiều hơn người khác cho, vì quả thực tôi cần họ hơn nhiều. Thôi thì cũng được nếu nhà ít đầy tớ; nhưng những nhà tôi lui tới lại có rất nhiều đầy tớ, hết thấy đều rất xác láo, rất láu cá, rất linh lợi, tôi muốn nói là vì lợi ích của họ, và lũ đều biết cách làm thế nào cho tôi liên tiếp cần đến tất cả. Phụ nữ Paris, rất nhiều tài trí, lại chẳng có một quan niệm đúng đắn nào về mục này, và do cứ muốn tiết kiệm tiền cho tôi, họ làm tôi phá của. Nếu tôi dự tiệc khuya hơi xa nhà mình, thay vì chịu để tôi cho gọi một cỗ xe thuê, thì bà chủ nhà sai đóng ngựa vào xe để đưa tôi về; bà rất vui vì miễn được cho tôi hai mươi bốn xu thuê xe; còn đồng *écu* tôi cho người hầu và người

đánh xe, bà lại chẳng nghĩ đến. Một phụ nữ viết thư cho tôi từ Paris đến Ermitage hay đến Montmorency ư, bản khoản vì bốn xu cước phí tôi phải tốn kém cho bức thư, bà sai một gia nhân đem tới, anh ta đi bộ đến mồ hôi đầm đìa, tôi cho anh ta ăn tối và một đồng *écu* mà chắc hẳn anh ta đáng được. Bà đề nghị tôi đến ở miền quê cùng bà tám ngày hay mười lăm ngày ư, bà tự nhủ: thế cũng là một khoản tiết kiệm cho anh chàng tội nghiệp; trong thời gian ấy, chuyện ăn uống sẽ chẳng tốn kém gì của anh hết. Bà không nghĩ rằng suốt thời gian ấy, tôi cũng không hề làm việc; rằng sinh hoạt trong gia đình tôi, tiền nhà, quần áo trong, y phục mặc ngoài, vẫn phải chi tiêu; rằng tôi trả tiền thợ cạo gấp đôi, và tại nhà bà tôi chẳng khỏi tốn kém nhiều hơn khoản lẽ ra tốn kém tại nhà tôi. Mặc dù tôi giới hạn những ân huệ nho nhỏ của mình ở riêng những nhà mà mình thường sống, song chúng vẫn không khỏi tai hại cho tôi. Tôi có thể đảm bảo rằng tôi đã chi hai mươi lăm *écu* tại nhà bà D'Houdetot, ở Eaubonne, nơi tôi chỉ ngủ lại bốn hoặc năm lần, và chi hơn một trăm đồng *pistole* tại Épinay cũng như tại Chevrette, trong thời gian sáu năm tôi năng lui tới đó hơn cả. Những khoản chi này không sao tránh khỏi đối với một người có tâm tính như tôi, chẳng biết tự trang bị gì hết, cũng chẳng tự lo liệu được gì hết, lại chẳng chịu được cảnh một gã hầu cầu nhậu, vừa phục vụ mình vừa nhần nhó. Ngay tại nhà bà Dupin, mà tôi là người trong nhà, mà tôi giúp cho các gia nhân rất nhiều điều, bao giờ tôi cũng chỉ được họ giúp vì đồng tiền của mình. Về sau, tôi phải từ bỏ hẳn những ân huệ nho nhỏ ấy vì tình cảnh không còn cho phép, và chính khi đó người ta đã làm cho tôi cảm nhận một cách tàn nhẫn hơn rất nhiều sự bất tiện của việc giao du với những người ở địa vị khác với địa vị mình.

Giả sử cuộc sống ấy hợp với sở thích của tôi, thì tôi còn tự an ủi vì một sự chi tiêu tốn kém, dành cho các thú vui: nhưng khuyên gia bại sản để mà chán ngán thì quá sức chịu đựng; và tôi đã cảm nhận hết sức rõ gánh nặng của cách sinh hoạt ấy, thành thử, lợi dụng khoảng thời gian tự do mình đang sống khi đó, tôi quyết định kéo dài mãi mãi

thời gian này, từ bỏ hoàn toàn xã hội thượng lưu, từ bỏ việc sáng tác sách, từ bỏ mọi giao tiếp văn chương, và cho đến cuối đời, giam mình trong phạm vi chật hẹp và yên bình mà tôi cảm thấy mình được sinh ra cho nó.

Thu nhập từ *Thư gửi D'Alembert* và *Nàng Héloïse* mới khiến tiền nong của tôi, với cặn đi rất nhiều ở Ermitage, được khấm khá lên đôi chút. Tôi thấy mình có khoảng một ngàn *écu* trước mắt. *Émile*, mà tôi thực sự khởi công, sau khi hoàn thành *Nàng Héloïse*, đã gần xong, và thu nhập từ cuốn này ít ra cũng tăng gấp đôi khoản tiền trên. Tôi dự định đầu tư số vốn đó, sao cho được một khoản lợi tức chung thân nho nhỏ, cùng với việc chép nhạc, có thể giúp tôi sinh sống mà không viết nữa. Tôi hãy còn hai công trình đang tiến hành, công trình thứ nhất là *Các thể chế chính trị*. Tôi xem xét tình trạng tác phẩm, và thấy nó còn đòi hỏi nhiều năm làm việc. Tôi không có can đảm tiếp tục và đợi nó hoàn thành rồi mới thực hiện quyết định. Bởi vậy, từ bỏ công trình đó, tôi quyết định rút lấy những gì có thể tách ra được, rồi đốt hết chỗ còn lại, và do hăng hái làm công việc này, mà vẫn không ngừng viết *Émile*, trong chưa đầy hai năm, tôi hoàn tất *Khế ước xã hội*.

Còn lại *Từ điển âm nhạc*. Đó là một công việc phổ thông, có thể làm mọi lúc, và mục tiêu chỉ là thu nhập. Tôi để mình thoải mái bỏ nó, hay hoàn thành nó, tùy theo những nguồn lợi khác thu góp lại sẽ khiến cho nguồn lợi này thành cần thiết hay là vô dụng. Về công trình *Đạo đức mang tính cảm giác*, vẫn ở dạng phác thảo, thì tôi bỏ hoàn toàn.

Vì tôi có một dự định cuối cùng, nếu có thể thôi hẳn việc chép nhạc, là lánh xa Paris, nơi mà đông đảo người đến bất thần khiến sinh hoạt của tôi thành tổn kém, lại lấy mất của tôi thời gian để mưu sinh, nên nhằm phòng ngừa tại chốn ẩn cư nỗi buồn chán mà người ta bảo là một tác gia đã ngừng viết thường sa vào, tôi dành cho mình một công việc có thể lấp đầy sự trống trải của cảnh cô độc, mà không định in ra một điều gì nữa khi mình còn sống. Tôi chẳng biết do ý ngông nào mà từ lâu Rey cứ thúc giục tôi viết Hồi ức về cuộc đời tôi. Mặc dù cho

đến bấy giờ những hồi ức này không thật thú vị do sự kiện, song tôi cảm thấy chúng có thể thành thú vị do sự trung thực mà tôi có gan đưa vào đó, và tôi quyết khiến cho chúng thành một công trình độc nhất vô nhị nhờ một tính chân thực khác thường, để ít ra người ta có thể nhìn thấy một lần một con người đúng như trong nội tâm anh ta. Tôi vẫn luôn cười nhạo sự ngây thơ giả tạo của Montaigne, trong khi vờ thú nhận khuyết điểm, lại rất chú trọng chỉ cho mình có những khuyết điểm dễ thương; trong khi tôi, kẻ đã luôn cho rằng, và vẫn đang cho rằng, xét kỹ ra, mình là con người tốt nhất, tôi cảm thấy không có nội tâm con người nào, dù trong sạch đến mấy, lại không ẩn tàng một tật xấu khả ố nào đó. Tôi biết là trong công chúng người ta miêu tả tôi với những nét rất ít giống tôi, và đôi khi hết sức xấu xa dị dạng, thành thử, bất chấp cái xấu mà tôi không muốn im đi một điều gì hết, tôi chỉ có thể vẫn được lợi khi tự phô bày đúng như mình vốn thế. Và chẳng, việc này không thể thực hiện mà không để cho thấy cả những người khác cũng đúng như họ vốn thế, và do vậy tác phẩm chỉ có thể ra mắt sau khi tôi và nhiều người khác nữa đã chết, điều đó khiến tôi bạo dạn hơn trong những lời bộc bạch mà tôi sẽ không bao giờ phải hổ thẹn trước bất kỳ ai. Vậy tôi quyết dùng thời gian rảnh rỗi để thực thi tốt công trình này, và tôi bắt tay vào thu thập những thư từ và giấy tờ có thể hướng dẫn hoặc làm thức dậy ký ức, rất tiếc tất cả những gì mình đã xé, đã đốt, đã đánh mất cho đến bây giờ.

Dự định ẩn dật tuyệt đối này, một trong những dự định hợp lý nhất tôi từng có, in dấu mạnh mẽ trong tâm trí tôi, và tôi đã bắt tay vào thực thi, thì Trời xanh, sắp đặt cho tôi một số mệnh khác, quăng tôi vào một cơn lốc mới.

Montmorency, di sản cổ xưa và đẹp đẽ của dòng họ trứ danh mang tên ấy, không còn thuộc về dòng họ từ khi bị tịch thu*. Qua người em gái của công tước Henri, di sản đã chuyển sang dòng họ Condé, dòng họ này đổi tên Montmorency thành Enghien, và lãnh địa ấy chẳng có lâu đài nào khác ngoài một tòa tháp cổ, nơi để cất tài liệu

lưu trữ và để các chư hầu đến tỏ niềm tôn kính. Nhưng ta thấy ở Montmorency hay Enghien một tòa nhà đặc biệt, do Crozat, biệt danh *người nghèo** xây dựng, tòa nhà có sự tráng lệ của những lâu đài nguy nga nhất, nên xứng đáng là một lâu đài và mang tên như vậy. Về oai nghiêm của công trình đẹp đẽ này, khoảnh đất đắp cao trên đó công trình được xây dựng, quang cảnh có lẽ độc nhất vô nhị trên đời, phòng khách rộng lớn được sơn vẽ tuyệt vời, khu vườn do Le Nôtre* trù danh trồng, tất cả những thứ đó tạo thành một tổng thể mà sự uy nghi gây xúc động tuy thế lại có cái gì giản dị không rõ, nó duy trì và nuôi dưỡng niềm ngưỡng mộ. Ngài Thống chế công tước De Luxembourg* khi đó đang sử dụng tòa nhà, năm nào cũng đến miền này, nơi xưa kia cha ông của ngài là chủ nhân, ngài ở lại sáu tuần chia làm hai lần, như một cư dân bình thường, nhưng với một phong độ hào hoa không hề suy thoái từ sự hiển hách xưa của dòng họ. Trong lần về đầu tiên, kể từ khi tôi đến ở Montmorency, ông và bà Thống chế* cử một hầu phòng chuyển lời chúc mừng của ông bà và mời tôi tới nhà dự bữa ăn khuya bất cứ khi nào tôi thấy vui lòng. Mỗi lần trở về, họ đều lặp lại cũng lời chúc mừng ấy và cũng lời mời ấy. Điều đó khiến tôi nhớ đến bà De Besenval bảo tôi xuống ăn tại nhà bếp. Thời thế đã thay đổi; nhưng tôi vẫn như cũ. Tôi không hề muốn người ta bảo mình xuống ăn tại nhà bếp, và tôi ít quan tâm đến bữa ăn của những người quyền quý. Tôi thích giá như họ cứ để mặc tôi thì hơn, đừng khoản đãi tôi cũng đừng hạ thấp tôi. Tôi đáp lại một cách đúng đắn và kính cẩn những sự lịch thiệp của ông bà De Luxembourg; nhưng tôi không nhận lời mời của họ, và những sự khó ở cũng như tính tình rụt rè và tình trạng nói năng lúng túng khiến cho chỉ nghĩ đến việc có mặt tại nơi tụ họp các triều thần của cung đình là tôi đã rùng mình, nên tôi thậm chí không đến lâu đài để thăm hỏi cảm ơn, dù hiểu khá rõ đó là điều mọi người tìm kiếm, và tất cả sự ân cần trên là một chuyện hiếu kỳ hơn là hảo ý.

Tuy nhiên những sự ngờ ý trước vẫn cứ tiếp tục, thậm chí còn tăng thêm. Bà bá tước De Boufflers, rất thân với bà Thống chế, nhân đến Montmorency, cử người tới hỏi thăm tin tức tôi, và đề nghị lại thăm tôi. Tôi trả lời đúng theo bốn phận, nhưng chẳng hề khởi động. Năm sau, vào dịp lễ Phục sinh 1759, hiệp sĩ De Lorenzi, triều thần của hoàng thân De Conti* và thuộc nhóm giao du của bà De Luxembourg, nhiều lần tới thăm tôi: chúng tôi làm quen với nhau; anh thúc giục tôi đến lâu đài: tôi chẳng làm gì hết. Cuối cùng, một buổi chiều, khi không hề nghĩ đến chuyện này, tôi thấy ngài Thống chế De Luxembourg tới, có dăm sáu người theo sau. Thế thì chẳng còn cách nào nuốt lời nữa, và để khỏi là một kẻ ngạo mạn và vô giáo dục, tôi không thể tránh việc đến thăm đáp lễ ngài và lấy lòng bà Thống chế, ngài đã thay mặt bà nói với tôi biết bao điều ngọt ngào ân cần nhất. Vậy là khởi đầu, dưới đềm triệu chẳng lành, những mối quan hệ mà tôi không thể chống cự lâu hơn nữa, nhưng một linh cảm có cơ sở quá vững chắc khiến tôi kinh hãi cho đến khi dẫn mình vào.

Tôi cực kỳ sợ bà De Luxembourg. Tôi biết bà dễ mẫn. Tôi đã gặp bà nhiều lần tại nhà hát, và tại nhà bà Dupin, cách đây mười mười hai năm, khi bà là công tước phu nhân De Boufflers và còn rực rỡ buổi đầu xuân sắc. Nhưng bà được coi là ác, và ở một phu nhân quyền quý như thế, tiếng tăm này khiến tôi run sợ. Chỉ vừa gặp bà là tôi bị chinh phục. Tôi thấy bà duyên dáng, cái duyên chịu được thử thách của thời gian, cái duyên thích hợp nhất để tác động đến con tim tôi. Tôi chờ đợi ở bà một cuộc đàm thoại cay độc, đầy những lời lẽ châm biếm, sự thể không như vậy, sự thể hay hơn nhiều. Cách trò chuyện của bà De Luxembourg không rờ rở tài trí. Đó không phải là những điều nổi bật, thậm chí cũng không đúng là sự tinh vi sắc sảo: mà đó là một sự tế nhị tuyệt vời, không bao giờ gây ngạc nhiên, và bao giờ cũng khiến người ta vui thích. Những lời xưng tụng của bà càng giản dị lại càng làm say lòng; cứ như thể bà buột miệng nói ra mà không nghĩ đến, và đó là con

tim bà thổ lộ, duy chỉ vì nó quá ư chan chứa. Ngay lần đến thăm đầu tiên, tôi ngỡ nhận thấy, bất chấp đáng bộ vụng về và những lời lẽ thô lậu, mình chẳng khiến bà không ưa. Tất cả những người phụ nữ chốn cung đình đều biết cách thuyết phục bạn tin như vậy, dù thật hay không; nhưng chẳng phải tất cả đều giống như bà De Luxembourg, biết cách làm cho sự thuyết phục ấy hết sức ngọt ngào thành thử người ta không nghĩ đến chuyện muốn nghi ngờ nó. Ngay từ ngày đầu tiên, niềm tin của tôi đối với bà lẽ ra đã trọn vẹn như nó sớm trở nên trọn vẹn, nếu nữ công tước De Montmorency, con dâu bà, trẻ trung vui đùa, khá tinh quái, và tôi cho là hơi nhiều sự, không nghĩ ra chuyện trêu chọc tôi, và, qua rất nhiều lời khen bà mẹ, cùng những sự chòng ghẹo giả vờ, cho chính mình, không khiến tôi nghi ngờ liệu tôi có bị nhạo báng hay chẳng.

Có lẽ tôi sẽ khó an lòng về nỗi sợ này bên hai quý bà, nếu như những hảo ý cực độ của ngài Thống chế không xác nhận với tôi rằng hảo ý của các bà là thực. Xét theo tính cách rụt rè của tôi, thì không gì đáng kinh ngạc hơn việc tôi mau mắn căn cứ vào lời ông nói để coi như ông đã cam kết về tình trạng bình đẳng mà ông muốn cư xử với tôi, nếu chẳng phải là việc bản thân ông cũng mau mắn căn cứ vào lời tôi nói để coi như tôi đã cam kết về tình trạng độc lập tuyệt đối mà tôi muốn sống, cả hai đều tin chắc là tôi có lý khi hài lòng về địa vị của mình và không muốn thay đổi nó, nên ông cũng như bà Thống chế không hề tỏ ra muốn bận tâm chốc lát đến tiền bạc của tôi hay đến thời vận của tôi; mặc dù tôi không thể nghi ngờ mối quan tâm trù mẫn của cả hai người đối với tôi, song không bao giờ họ đề xuất một vị trí hay ngỏ ý dùng uy tín của họ bảo lãnh cho tôi, trừ một lần duy nhất bà De Luxembourg có vẻ mong mỏi tôi muốn gia nhập Viện Hàn lâm Pháp. Tôi viện cớ tôn giáo của tôi: bà bảo đó không phải là một trở ngại, hoặc bà hứa gỡ bỏ trở ngại ấy. Tôi trả lời rằng, mặc dù làm thành viên của một tổ chức danh tiếng đến thế là điều vô cùng vinh dự cho tôi, song do đã từ chối với ông De Tressan, và có thể nói là từ chối nhà

vua Ba Lan, việc gia nhập Viện Hàn lâm Nancy, nên tôi không thể gia nhập một cách thích đáng bất kỳ Viện Hàn lâm nào nữa. Bà De Luxembourg không nài và chuyện không được nhắc lại nữa. Sự giao tiếp giản dị với những vị công hầu hết sức cao sang và có thể làm mọi điều để nâng đỡ tôi, bởi ông De Luxembourg là và rất xứng đáng là người bạn đặc biệt của Đức Vua, tương phản một cách thật kỳ lạ với những quan tâm liên tục, gia ơn song quấy rầy không kém, của những người bạn chở che mà tôi vừa rời bỏ, những người tìm cách giúp tôi ít hơn là hạ giá trị tôi.

Khi ngài Thống chế đến thăm tôi tại Mont-Louis, tôi đã vất vả tiếp ngài và đoàn tùy tùng, trong căn phòng duy nhất của mình, chẳng phải vì tôi buộc phải để ngài ngồi giữa những bát đĩa bẩn và những chiếc bình mẻ vỡ, mà vì sàn nhà mục nát đang rữa ra, và tôi sợ sức nặng của đoàn tùy tùng không khéo làm nó đổ sập hẳn. Bận tâm vì mối nguy hiểm của chính mình ít hơn vì mối nguy hiểm mà sự ân cần hòa nhã của vị công hầu nhân hậu khiến ngài lâm phải, tôi vội vã đưa ngài ra khỏi đó, và bất chấp trời hãy còn rét, tôi dẫn ngài đến tòa Vọng lâu của tôi, tứ bề thông thoáng và không có lò sưởi. Khi ngài đã ở đó rồi, tôi nói với ngài lý do khiến tôi đưa ngài đến: ngài kể lại với bà Thống chế, và cả hai người thúc giục tôi, trong khi chờ đợi người ta làm lại sàn nhà, hãy nhận một chỗ ở tại lâu đài, hoặc nếu tôi thích hơn, thì tại một tòa lâu biệt lập, giữa khuôn viên, mà mọi người gọi là Lâu đài nhỏ. Nơi ở thần tiên này đáng để nói đến.

Khuôn viên hay khu vườn Montmorency không bằng phẳng, như khuôn viên Chevrette. Nó gồ ghề, khắp khếnh, xen lẫn gò đồi và những chỗ trũng, mà nghệ sĩ tài năng đã lợi dụng để biến hóa những khu rừng nhỏ, những sự trang trí, những hồ nước, những điểm nhìn, và có thể nói là nhờ nghệ thuật và tài năng mà gia tăng gấp bội một không gian bản thân nó khá eo hẹp. Khoảnh đất đắp cao và lâu đài bao lấy mạn trên khuôn viên; ở mạn dưới, khuôn viên tạo thành một hẻm sâu nơi rộng dần ra phía thung lũng, bên góc là một hồ nước lớn. Giữa

vườn cam chiếm khoảng nơi rộng này, với hồ nước được bao quanh bởi các gò đồi có rừng nhỏ và cây cối điểm tô, là Lâu đài nhỏ mà tôi đã nói tới. Tòa lâu này và vạt đất vây quanh nó xưa kia thuộc về Le Brun* trứ danh, họa sĩ lớn này thích xây dựng công trình và tô điểm nó với khiếu thẩm mỹ tuyệt vời về trang hoàng và kiến trúc mà ông vun đắp. Từ đó lâu đài đã được xây dựng lại, nhưng vẫn theo bản vẽ của chủ nhân đầu tiên. Nó nhỏ bé, giản dị, nhưng thanh nhã. Vì ở một lòng sâu, giữa thung lũng trồng cam và hồ nước lớn, do đó hay bị ẩm ướt, người ta đã đục ở khoảng giữa lâu đài một hành lang thông thoáng giữa hai tầng cột, nhờ hành lang này không khí lưu thông khắp tòa lâu giữ cho nó khô ráo bất chấp vị trí. Khi nhìn tòa nhà từ mạn trên cao đối diện với nó và là phối cảnh cho nó, thì dường như nước hoàn toàn bao quanh nó, và ta ngỡ thấy một hòn đảo thần tiên, hoặc hòn đảo xinh đẹp nhất của ba đảo Borromées, được gọi là *Isola bella*, ở hồ Maggiore.

Chính tại tòa lâu cô quạnh này, mọi người cho tôi chọn lấy một trong bốn căn hộ hoàn bị của công trình, không kể tầng trệt gồm một phòng khiêu vũ, một phòng chơi bi-a, và nhà bếp. Tôi lấy căn hộ bé nhất và giản dị nhất ở bên trên nhà bếp, cũng thuộc về tôi. Căn hộ sạch sẽ và xinh đẹp; đồ đạc bày biện màu trắng và xanh lam. Chính trong cảnh quạnh hiu sâu lắng và tuyệt vời này, giữa rừng cây và hồ nước, trong bản hòa tấu của đủ loài chim chóc, và mùi hương hoa cam, tôi sáng tác ở trạng thái say sưa ngây ngất liên tiếp quyển Năm của *Émile*, mà sắc thái khá tươi mát phần lớn nhờ vào ấn tượng sống động của nơi ở khi tôi viết.

Sáng nào khi mặt trời mọc tôi cũng vội vàng biết mấy chạy ra hành lang hít thở một không khí ngát hương! Ngon biết mấy món cà phê sữa tôi dùng tại đó mặt đối mặt với Thérèse của tôi! Cô mèo và chú chó của tôi bầu bạn cùng chúng tôi. Chỉ đoàn tháp tùng này cũng đủ cho tôi cả đời, không một lúc nào cảm thấy buồn chán. Tại nơi đây

tôi đang ở vườn địa đàng; tôi sống thơ ngây trong sạch như vậy, và tôi hưởng cũng niềm hạnh phúc ấy.

Trong chuyến về chơi vào tháng Bảy, ông bà De Luxembourg tỏ ra quan tâm rất nhiều đến tôi, và ân cần vồn vã rất nhiều với tôi, thành thử, ở tại nhà họ và được bao nhiêu ân huệ của họ, tôi chẳng thể làm ít hơn là đáp lại bằng cách siêng năng gặp họ. Tôi hầu như không rời họ: buổi sáng tôi đến chiều chuộng lấy lòng bà Thống chế; tôi ăn trưa tại đó; buổi chiều tôi đi dạo với ông Thống chế; nhưng tôi không ăn tối ở đó, vì đông người, và vì giờ ăn quá khuya đối với tôi. Cho đến chỗ này thì mọi sự đều thích đáng, chưa hề có điều dở, nếu như tôi biết dừng ở đó. Nhưng tôi chưa bao giờ biết giữ trung dung trong sự quyến luyến, và chỉ thực hiện nghĩa vụ giao tiếp mà thôi. Tôi luôn là tất cả, hoặc không gì hết; chẳng bao lâu tôi là tất cả; và thấy mình được những người đáng kính trọng như thế đón mừng, cưng chiều, tôi vượt giới hạn, và cảm thấy với họ một tình thân chỉ được phép có với người ngang hàng. Tôi đưa toàn bộ sự thân tình ấy vào cung cách của mình, trong khi họ không bao giờ buông lơ ở cung cách của họ sự lịch thiệp lễ độ mà họ đã làm cho tôi thấy quen thuộc. Tuy thế tôi chưa bao giờ thật thoải mái với bà Thống chế. Mặc dù không hoàn toàn yên tâm về tính cách của bà, song tôi kính sợ tính cách ấy ít hơn là kính sợ trí tuệ bà. Nhờ trí tuệ trước hết mà bà buộc tôi phải kính trọng. Tôi biết rằng bà khó tính trong đàm thoại, và bà có quyền khó tính. Tôi biết rằng phụ nữ và trước hết là các phu nhân quyền quý, nhất thiết muốn được mua vui, rằng chẳng thà làm họ mất lòng còn hơn làm họ buồn chán, và qua những lời bà bình luận về những điều mà những người vừa ra về đã nói, thì tôi đoán được những gì bà ắt phải nghĩ về những điều thô lỗ vô vị của tôi. Tôi nghĩ ra một cách bổ sung, để tự cứu mình khỏi tình trạng nói năng lúng túng bên cạnh bà; đó là đọc. Bà từng nghe nói về cuốn *Julie*; bà biết người ta đang in nó; bà tỏ ra sốt sắng muốn thấy tác phẩm; tôi đề nghị đọc cho bà nghe; bà chấp nhận, sáng nào tôi cũng đến chỗ bà vào quãng mười giờ; ông De Luxembourg tới đó; mọi

người khép cửa lại. Tôi đọc bên giường bà, và tôi tính toán điều chỉnh các buổi đọc khéo đến mức có thể đủ cho cả chuyến về chơi, cho dù nó không bị gián đoạn chẳng nữa*. Thành công của kế sách này vượt quá mong đợi của tôi. Bà De Luxembourg say mê *Julie* và tác giả của nó; bà chỉ nói đến tôi, chỉ bận tâm về tôi, suốt ngày nói với tôi những điều ngọt ngào, ôm hôn tôi mười lần mỗi ngày. Bà muốn bao giờ tôi cũng ngồi cạnh bà trong bữa ăn, và nếu mấy vị công hầu muốn chiếm chỗ đó, bà bảo họ đó là chỗ của tôi, và sai xếp cho họ chỗ khác. Ta có thể đoán được ấn tượng của những cung cách khả ái này đối với tôi, người bị những dấu hiệu cảm mến nhỏ nhất nhất chinh phục. Tôi thực sự quyến luyến bà, tương xứng với niềm quyến luyến mà bà biểu lộ với tôi. Toàn bộ nỗi sợ của tôi, khi thấy sự say mê này, và cảm nhận mình có rất ít điều thú vị trong đầu óc để duy trì nó, là không khéo nó chuyển thành chán lợm, và rủi thay cho tôi, nỗi sợ đó chỉ có căn cứ quá vững mà thôi.

Chắc hẳn phải có một sự đối lập tự nhiên giữa khí chất của bà và khí chất của tôi, bởi, không liên quan đến vô số điều thô vụng mà tôi luôn lỡ thốt ra trong đàm thoại, trong cả thư từ, và khi tôi đang ở tình trạng rất ổn bên cạnh bà, vẫn có những điều khiến bà không thích, mà tôi không thể tưởng tượng được vì sao. Tôi sẽ chỉ viện dẫn một thí dụ, và tôi có thể dẫn ra hai chục thí dụ. Bà biết là tôi chép lại *Julie* cho bà D'Houdetot với chừng ấy tiền một trang. Bà muốn có một bản cũng với giá như vậy. Tôi hứa chép cho bà, và do xếp bà vào số khách hàng của mình, tôi viết cho bà vài điều ân cần và đứng đắn về việc này; ít ra đó là chủ ý của tôi. Đây là thư trả lời của bà, khiến tôi vô cùng kinh ngạc (Tập C, số 43):

Tại Versailles, thứ ba.*

Tôi rất mừng, tôi hài lòng; thư của ông khiến tôi vui vô cùng, và tôi vội vàng để thông báo với ông như vậy và để cảm ơn ông.

Đây chính là những lời lẽ của thư ông: Mặc dù phu nhân chắc hẳn là một khách hàng rất tốt, song tôi hơi phiền lòng khi lấy tiền của phu nhân: đúng ra thì đáng lẽ tôi phải trả cho niềm vui được làm việc vì phu nhân. Tôi không nói gì thêm về điều này. Tôi lấy làm tiếc là ông không bao giờ nói chuyện với tôi về sức khỏe của ông. Không điều gì khiến tôi chú ý hơn. Tôi hết lòng mến ông; và xin đảm bảo với ông là tôi thật buồn khi thông báo với ông điều ấy, vì tôi sẽ rất vui nếu được tự mình nói với ông. Ngài De Luxembourg mến ông và nhiệt thành ôm hôn ông.

Nhận được bức thư ấy, trong khi chờ xem xét kỹ hơn, tôi vội trả lời để kháng nghị về mọi cách diễn giải gây phật lòng, và sau vài ngày bận tâm xem xét với nỗi lo lắng mà mọi người có thể tưởng tượng được, và vẫn chẳng hiểu gì hết, rốt cuộc đây là thư trả lời cuối cùng của tôi về vấn đề này:

Tại Montmorency, ngày 8 tháng chạp 1759.

Sau bức thư gần đây, tôi đã kiểm tra hàng trăm hàng trăm lần đoạn thư được bàn đến. Tôi đã xem xét đoạn này theo nghĩa đen và nghĩa tự nhiên của nó; tôi đã xem xét nó theo mọi nghĩa người ta có thể cấp cho nó, và thừa Thống chế phu nhân, tôi xin thú thực với phu nhân, là tôi không còn biết liệu tôi phải xin phu nhân miễn thứ, hoặc không khéo phu nhân phải xin tôi miễn thứ.

Giờ đây những bức thư được viết ra đã mười năm trời. Kể từ thời ấy tôi đã nhiều lần suy nghĩ lại, và sự ngu độn của tôi về mục này bây giờ vẫn lớn đến mức tôi không sao cảm nhận được bà có thể thấy điều gì trong đoạn đó, tôi không bảo là xúc phạm, mà thậm chí chỉ làm bà méch lòng.

Về bản *Héloïse* chép tay mà bà De Luxembourg muốn có, tôi phải kể ở đây điều tôi đã nghĩ ra để đem lại cho nó một ưu thế rõ rệt

nào đấy phân biệt nó với bất kỳ bản nào khác. Tôi đã viết riêng rẽ các chuyện yêu đương của ngài Edouard*, và đã do dự một thời gian dài về việc đưa những chuyện này, hoặc trọn vẹn, hoặc trích ra, xen vào tác phẩm, mà tôi thấy như thiếu mất chúng. Cuối cùng tôi quyết định bỏ đi hẳn, vì chúng không hợp giọng điệu với toàn bộ phần kia, nên có thể làm hỏng mất tính giản dị cảm động. Tôi còn có một lý do nữa mạnh hơn nhiều, khi quen biết bà De Luxembourg: đó là trong những chuyện yêu đương này có một hầu tước phu nhân người La Mã tính cách rất đáng ghét, mà vài đặc điểm, tuy không thể áp dụng đối với bà, song vẫn có thể bị những người chỉ biết bà qua tiếng tăm đem áp dụng cho bà. Vậy tôi rất lấy làm mừng về quyết định của mình, và vững vàng hơn. Nhưng, với mong muốn nồng nhiệt làm cho bản của bà được thêm một cái gì không có ở bất kỳ bản khác, khéo tôi lại nghĩ đến những câu chuyện tai hại ấy, và dự định trích ra để đưa vào bản đó cũng nên? Dự định ngu dại, mà tính ngông cuồng chỉ có thể giải thích bằng số mệnh mù quáng lôi kéo tôi đến bước suy vi!

*Quos vult perdere Jupiter démentat**

Tôi ngu đần làm phần trích này rất cẩn thận, rất công phu rồi gửi đoạn ấy cho bà như thứ hay ho nhất trên đời, song vẫn thông báo với bà, và đó là sự thật, rằng tôi đã đốt bản chính, và đoạn trích chỉ dành cho một mình bà, sẽ không ai được xem bao giờ, trừ phi chính bà đưa ra; điều này, chẳng hề chứng tỏ sự thận trọng và kín đáo của tôi, như tôi tưởng, mà chỉ báo cho bà biết sự xét đoán của bản thân tôi về việc áp dụng những đặc điểm có thể khiến bà méch lòng. Tôi ngu si đến nỗi chắc chắn bà hoan hỉ vì hành vi của tôi. Bà không nhiệt liệt khen ngợi tôi về việc này như tôi chờ đợi, và tôi hết sức ngạc nhiên thấy chẳng bao giờ bà nói với tôi về cuốn vở chép tôi đã gửi cho bà. Về phần tôi, vẫn thích chí về cách xử sự của mình trong việc này, chỉ rất

lâu về sau, căn cứ vào những dấu hiệu khác, tôi mới xét đoán được tác động do cách xử sự đó gây nên.

Vì ưu ái bản chép này, tôi còn một ý tưởng nữa hợp lý hơn, nhưng vì những tác động xa xôi hơn, cũng có hại cho tôi không kém; mọi sự đều hợp lực cùng số mệnh khi số mệnh định vận rủi cho một con người! Tôi định trang trí bản chép tay bằng những bức vẽ được in khắc trong *Julie*, chúng cùng khuôn khổ với bản chép. Tôi yêu cầu Coindet đưa những bức vẽ của anh ta, chúng thuộc về tôi trên mọi danh nghĩa, hơn nữa tôi còn để cho anh ta khoản thu nhập từ những bản khắc, tiêu thụ rất khá. Tôi ít mưu mẹo bao nhiêu thì Coindet giàu mưu mẹo bấy nhiêu. Do cứ để phải yêu cầu mãi những bức vẽ, anh ta biết được tôi định dùng chúng vào việc gì. Thế là viện cớ trang trí thêm cho những bức vẽ này, anh ta được giữ chúng lại, và cuối cùng tự đem chúng đến.

*Ego versiculos feci, tulit alter honores**

Việc này khiến anh ta được ra vào dinh cơ De Luxembourg với một vị thế nào đó. Từ khi tôi vào ở Lâu đài nhỏ, anh ta rất hay đến đây thăm tôi, và bao giờ cũng từ buổi sáng, nhất là khi ông bà De Luxembourg có mặt tại Montmorency. Điều này khiến cho tôi, cả ngày bận với anh ta, không đến được lâu đài. Mọi người trách tôi về sự vắng mặt ấy; tôi nói ra lý do. Họ giục tôi đưa Coindet tới: tôi thực hiện. Đó chính là điều anh chàng mưu cầu. Như vậy là, nhờ hảo ý cực độ của mọi người đối với tôi, mà một nhân viên của ông Thelluson, thỉnh thoảng được ông vui lòng cho ăn cùng khi không có ai đến dùng bữa với ông, bỗng nhiên được ngồi vào bàn ăn của một thống chế nước Pháp, cùng với các hoàng thân, các nữ công tước, và tất cả những vị quyền quý trong triều. Tôi sẽ chẳng bao giờ quên một hôm anh ta phải quay về Paris sớm, ngài Thống chế nói với mọi người sau khi ăn trưa: “Chúng ta hãy đi dạo trên đường Saint-Denis, ta tiễn ông

Coindet.” Chàng trai tội nghiệp không trụ nổi trước việc này; anh ta mất trí hẳn. Về phần mình, do lòng quá xúc động, tôi không nói nổi một lời. Tôi vừa đi theo đằng sau, vừa khóc như một đứa trẻ, muốn đến chết được hôn lên những bước chân của vị Thống chế nhân hậu. Nhưng phần sau của câu chuyện bản chép này đã khiến tôi đi trước thời gian ở đây. Ta hãy trở lại theo thứ tự, trí nhớ của tôi cho phép đến đâu sẽ làm đến đó.

Ngôi nhà nhỏ tại Mont-Louis vừa sửa chữa xong, là tôi cho bày biện đồ đạc tinh tươm, giản dị, và quay về cư ngụ tại đó, không thể từ bỏ điều luật đã tự đặt cho mình, khi rời Ermitage, là bao giờ cũng có nơi ở thuộc về mình; nhưng tôi cũng không thể quyết định bỏ căn hộ tại Lâu đài nhỏ. Tôi giữ chìa khóa, và, rất lưu luyến những bữa ăn sáng kỳ thú tại hành lang, tôi hay đến đó ngủ, và đôi khi ở lại hai ba ngày như ở một nhà nghỉ nông thôn, có lẽ khi đó tôi là tư nhân Âu châu có chỗ ở tốt nhất và thú vị nhất. Chủ nhà của tôi, ông Mathas, là người tốt nhất đời, đã để tôi hoàn toàn điều khiển việc sửa chữa Mont-Louis và muốn tôi tùy ý sử dụng thợ của ông, mà ông chẳng can thiệp gì vào đó. Vậy là tôi có phương tiện để tạo cho mình, từ chỉ một gian phòng ở tầng thứ nhất, một căn hộ hoàn bị, gồm một buồng, một tiền sảnh, và một phòng vệ sinh, ở tầng trệt là nhà bếp và phòng của Thérèse. Vọng lâu được dùng làm thư phòng, nhờ một vách ngăn kín bằng kính và một lò sưởi mà mọi người cho xấy. Khi ở đó, tôi thích trang hoàng khoảnh đất cao đã được hai hàng bồ đề non tỏa bóng mát, tôi cho trồng thêm hai hàng nữa, để làm thành một phòng bằng cây lá; tôi cho đặt ở đó một cái bàn và những chiếc ghế dài bằng đá; tôi trồng tử đinh hương, sơn mai, kim ngân hoa khắp xung quanh; tôi cho làm một luống hoa đẹp song song với hai hàng cây, và khoảnh đất này, cao hơn sân thượng của lâu đài, và cảnh quan ít ra cũng đẹp bằng, tại đó tôi đã thuần hóa vô số chim, được tôi sử dụng làm phòng hội họp để tiếp ông bà De Luxembourg, công tước De Villeroy, hoàng thân De Tingry, hầu tước D’Armentières, công tước phu nhân De

Montmorency, công tước phu nhân De Boufflers, bá tước phu nhân De Valentinois, bá tước phu nhân De Boufflers, và những nhân vật khác cùng đẳng cấp đó, họ chẳng chê chuyển leo dốc rất mệt từ lâu đài để hành hương lên Mont-Louis. Nhờ ông bà De Luxembourg mà tôi có được tất cả những cuộc viếng thăm này; tôi cảm nhận điều đó, và lòng tôi rất tôn kính họ. Chính một trong những mối cảm kích nhiệt thành ấy khiến tôi có lần nói với ông De Luxembourg khi ôm hôn ông: “ô! Thưa ngài Thống chế, tôi từng ghét những người quyền quý trước khi biết ngài, và giờ đây tôi ghét họ nhiều hơn từ khi ngài làm cho tôi cảm nhận rất rõ là đối với họ, để được yêu quý, lẽ ra dễ dàng biết chừng nào.”

Và chẳng, tôi xin hỏi tất cả những người từng gặp tôi trong thời kỳ ấy, liệu họ có bao giờ nhận thấy sự huy hoàng đó làm tôi quáng mắt trong chốc lát, sự xưng tụng đó làm tôi choáng váng đầu óc; liệu họ có thấy tôi kém bình dị trong tư thái, kém đơn sơ trong cung cách, kém hiền hòa với nhân dân, kém thân mật với láng giềng, kém nhanh nhẩu giúp đỡ tất cả mọi người, khi tôi có thể, chẳng bao giờ chán nản vì vô số sự quấy rầy, nhiều khi phi lý, không ngừng đổ dồn lên mình. Nếu con tim tôi thu hút tôi đến lâu đài Montmorency vì mỗi quyến luyến chân thành các chủ nhân, thì nó cũng dẫn tôi về với hàng xóm láng giềng để hưởng những sự ngọt ngào của cuộc sống bình thản và giản dị mà ngoài cuộc sống này không hề có hạnh phúc cho tôi. Thérèse đã kết thân với con gái một người thợ nề, láng giềng của tôi, tên là Pilleu; tôi cũng kết thân với ông bố, và sau khi đã ở lâu đài vào buổi sáng và ăn trưa tại đấy, chẳng phải không gò bó ngượng ngùng, nhưng để chiều lòng bà Thống chế, buổi chiều tôi sốt sắng biết mấy trở về ăn tối với Pilleu chất phác hiền lành và gia đình bác, khi thì bên nhà bác, khi thì tại nhà tôi.

Ngoài hai nơi ở này, chẳng bao lâu sau tôi có một nơi ở thứ ba tại dinh cơ De Luxembourg, các chủ nhân thúc giục tôi rất nhiều thỉnh thoảng hãy tới đó thăm họ, thành thử tôi đồng ý, mặc dù tôi không ưa

Paris, nơi mà từ khi rút về Ermitage tôi chỉ đến có hai lần như tôi đã kể. Mà tôi cũng chỉ tới dinh cơ vào những ngày đã hẹn, duy chỉ để ăn tối rồi sáng mai quay về. Tôi vào và ra qua khu vườn mở ra đại lộ; thành thử tôi có thể nói, rất đúng sự thực, là mình đã không đặt chân lên đường phố Paris.

Giữa trạng thái hưng thịnh nhất thời này, tai họa ghi dấu sự kết thúc trạng thái ấy đang chuẩn bị từ xa. Ít lâu sau khi trở lại Mont-Louis, rất bất đắc dĩ, như thường lệ, tôi có một mối quen biết mới nó lại mở ra một thời kỳ trong câu chuyện của tôi. Sau này mọi người sẽ xét xem đó là hay hay dở. Đó là hầu tước phu nhân De Verdelin, láng giềng của tôi, chồng bà vừa mua một ngôi nhà nông thôn ở Soisy, gần Montmorency. Tiểu thư D'Ars, con của bá tước D'Ars, người có địa vị, nhưng nghèo, đã lấy ông De Verdelin, già nua, xấu xí, điếc lác, khắc nghiệt, thô bạo, ghen tuông, có sẹo dài ở mặt, chột mắt, nhìn chung là người tốt, khi mọi người biết cách nắm bắt ông ta, và ông sở hữu từ mười lăm đến hai mươi ngàn *livre* lợi tức, tiểu thư được gả cho số tiền này. Con người dễ thương ấy, chửi thề, hét lác, la mắng, nạt nộ, khiến bà vợ khóc suốt ngày, cuối cùng bao giờ cũng làm những gì bà ta muốn, và như vậy để chọc tức bà, vì bà biết cách làm cho ông tin rằng chính ông muốn điều ấy, còn bà thì không muốn. Ông De Margency, mà tôi đã nói đến, là bạn của bà, và thành bạn của ông. Cách đây vài năm ông cho họ thuê lâu đài Margency, gần Eaubonne và gần Andilly, họ ở đó đúng vào thời kỳ tôi say mê bà D'Houdetot. Bà De Verdelin và bà D'Houdetot quen nhau qua bà D'Aubeterre, bạn chung của hai người, và bởi khu vườn Margency ở trên lối bà D'Houdetot đi đến núi Olympe, nơi dạo chơi ưa thích của bà, nên bà De Verdelin trao cho bà một chìa khóa để qua vườn. Nhờ chiếc chìa khóa này, tôi hay đi qua đó cùng với bà; nhưng tôi không thích những cuộc gặp gỡ bất ngờ, và khi bà De Verdelin tình cờ ở đó khi chúng tôi qua, tôi để hai bà lại với nhau mà chẳng nói gì với bà De Verdelin, và bao giờ tôi cũng đi ở phía trước. Hành vi kém phong nhã này hẳn

không cho tôi có được tiếng tốt đối với bà. Tuy nhiên, khi ở Soisy, bà vẫn tìm kiếm tôi. Bà tới thăm tôi nhiều lần tại Mont-Louis mà không gặp, và, thấy tôi không đến đáp lễ, để buộc tôi làm như vậy bà nghĩ ra việc gửi tới những chậu hoa cho khoảnh vườn cao của tôi. Phải đến cảm ơn bà: thế đủ rồi. Vậy là chúng tôi thiết lập quan hệ.

Mối quan hệ này khởi đầu nhiều sóng gió, như mọi mối quan hệ mà tôi thiết lập một cách bất đắc dĩ. Thậm chí không bao giờ có một sự an tĩnh đích thực. Khí chất của bà De Verdelin quá bất tương dung với khí chất tôi. Những lời lẽ tai ác và những câu châm chọc được bà thốt ra một cách hết sức bình thường giản dị, thành thử phải có một sự chú ý liên tục, rất mệt mỏi đối với tôi, để cảm nhận được khi nào thì ta bị nhạo báng. Một chuyện vớ vẩn, mà tôi nhớ lại, đủ để xét đoán điều này. Em trai bà vừa được giao chỉ huy một tàu chiến đang chuẩn bị chống lại quân Anh. Tôi nói về cách trang bị vũ khí sao cho không phương hại đến sự nhẹ nhàng của con tàu. “Phải, bà nói bằng một giọng hoàn toàn bình dị, về đại bác* người ta chỉ lấy đủ để đánh nhau mà thôi.” Hiếm khi tôi nghe bà nói tốt về người bạn vắng mặt nào của bà, mà không gài nhẹ một điều khôi hài nào đó. Những gì bà không nhìn theo khía cạnh xấu, thì bà nhìn khía cạnh nực cười, và ông bạn Margency của bà cũng không được là ngoại lệ. Tôi còn thấy không chịu nổi bà vì nổi bứt rứt liên tục trước những thứ nho nhỏ bà gửi đến, những quà tặng nho nhỏ, những bức thư nho nhỏ, phải nhọc công vô ích để trả lời, và bao giờ cũng là những lúng túng mới để cảm ơn hoặc khước từ. Tuy nhiên, do cứ gặp gỡ mãi, cuối cùng tôi đâm gần bó với bà. Bà có những buồn phiền của bà, cũng như tôi. Những điều tâm sự trao đổi lẫn nhau khiến các cuộc gặp riêng tư thành thú vị. Không gì liên kết các con tim nhiều bằng sự ngọt ngào được cùng khóc than, chúng tôi tìm đến nhau để an ủi nhau, và nhu cầu này thường khiến tôi bỏ qua nhiều điều. Tôi từng hết sức khắc nghiệt trong thái độ thẳng thắn đối với bà, thành thử sau khi đã đôi lần tỏ ra rất ít quý trọng tính cách bà, phải thực sự quý trọng rất nhiều mới tin được rằng bà có thể

chân thành tha thứ cho tôi. Đây là một mẫu của những bức thư đôi khi tôi viết cho bà, và phải lưu ý rằng không bao giờ, không ở một thư trả lời nào, bà tỏ ra méch lòng gì hết:

Tại Montmorency, ngày 5 tháng Mười một 1760

Thưa bà, bà bảo rằng bà đã không diễn đạt được rõ ràng, để làm cho tôi hiểu rằng tôi diễn đạt kém cỏi. Bà nói với tôi về cái gọi là sự ngu dại của bà để làm cho tôi cảm nhận sự ngu dại của tôi. Bà khoe mình chỉ là một người đàn bà chất phác, cứ như thể bà sợ bị người ta căn cứ vào lời bà nói mà tưởng thật, và bà xin lỗi tôi để cho tôi biết là tôi phải xin lỗi bà. Lãng, thưa bà, tôi biết lắm, chính tôi là một kẻ ngu đần, một người đàn ông chất phác, và còn tệ hơn nếu có thể; chính tôi chọn từ ngữ kém; theo ý của một phu nhân Pháp kiêu diễm, chú ý rất nhiều đến lời lẽ và nói hay như bà. Nhưng xin hãy nghĩ rằng tôi hiểu những từ ngữ này theo nghĩa thông thường của ngôn ngữ, mà không biết hoặc không quan tâm đến những ý nghĩa đúng đắn mà người ta trao cho chúng tại những giới đạo cao đức trọng của Paris. Nếu như sự diễn đạt của tôi đôi khi mập mờ không rõ, thì tôi cố gắng để cách cư xử của tôi xác định ý nghĩa cho sự diễn đạt ấy, v.v.

Phần còn lại của bức thư gần như cùng một giọng điệu. Xin hãy xem thư trả lời (Tập D, số 41), và hãy đánh giá sự kiềm chế khó tin của một con tim phụ nữ, trước một bức thư như thế, có thể không oán hận nhiều hơn là thư trả lời cho thấy, và cũng chẳng bao giờ biểu lộ ra. Coindet, dạn dĩ, táo bạo đến mức trơ tráo, và rình rập mọi bạn bè của tôi, mau mắn lên được vào nhà bà De Verdelin dưới danh nghĩa của tôi, và chẳng bao lâu, thành thân quen ở đó hơn cả tôi, mà tôi không biết, cái anh chàng Coindet này là một thực thể kỳ dị. Anh ta nhân danh tôi trình diện tại nhà tất cả những người quen của tôi, ở tại đấy, ăn uống tại đấy chẳng câu nệ. Hăng hái giúp đỡ tôi, anh ta bao giờ cũng chỉ nói về tôi với cặp mắt rớm lệ: nhưng khi đến thăm tôi, anh ta

im thin thít về tất cả những mối quan hệ này, và về tất cả những gì anh ta biết rằng tôi ắt phải quan tâm. Thay vì kể với tôi những gì anh ta đã được biết, hay đã nói, hay đã thấy, mà tôi quan tâm, thì anh ta lắng nghe tôi, thậm chí gạn hỏi tôi. Anh ta chỉ biết về Paris những gì tôi cho anh ta biết: rất cuộc, mặc dù tất cả mọi người đều nói với tôi về anh ta, không bao giờ anh ta nói với tôi về một người nào hết; anh ta chỉ kín đáo và bí ẩn với người bạn của mình mà thôi. Nhưng giờ đây, ta hãy để lại đó Coindet và bà De Verdelin. Sau này ta sẽ trở lại với họ.

Ít lâu sau khi tôi trở về Mont-Louis, họa sĩ La Tour đến thăm tôi, và mang cho tôi bức chân dung chì màu của tôi, mà anh đã trưng bày tại Phòng Triển lãm cách đây vài năm. Anh từng muốn tặng tôi bức chân dung ấy, mà tôi không nhận. Nhưng bà D'Épinay, đã tặng tôi chân dung của mình và muốn có bức chân dung kia, khuyên tôi hỏi xin lại họa sĩ. Anh đã dành thời gian để sửa chữa. Trong khoảng thời gian ấy, xảy ra việc đoạn tuyệt với bà D'Épinay; tôi trả lại bức chân dung bà, và do không có chuyện tặng bà bức chân dung của tôi, nên tôi để nó trong phòng mình, tại Lâu đài nhỏ. Ông De Luxembourg nhìn thấy nó ở đấy, và cho là đẹp; tôi biểu ông, ông nhận; tôi gửi đến cho ông. Hai người, ông và bà Thống chế, hiểu là tôi sẽ rất vui nếu có chân dung của họ. Họ cho làm tiểu họa, rất khéo, cho khảm vào một hộp đựng kẹo, bằng pha lê, nạm vàng, và tặng tôi một cách rất phong nhã, khiến tôi hoan hỉ. Bà De Luxembourg không bao giờ muốn chấp thuận để chân dung mình chiếm mặt trên của hộp. Bà đã nhiều lần trách tôi yêu ông De Luxembourg hơn bà, và tôi không hề cãi, vì điều ấy đúng. Bà biểu lộ với tôi một cách thật phong nhã, nhưng thật rõ ràng, qua cách xếp đặt chân dung như vậy, rằng bà không quên sự ưu tiên này.

Gần như cùng thời gian ấy, tôi làm một điều đại dột chẳng góp phần duy trì niềm ưu ái của bà đối với tôi. Mặc dù tôi không hề quen biết ông De Silhouette*, và có chiều hướng ít ưa ông, song tôi rất coi trọng sự điều hành của ông. Khi ông bắt đầu nặng tay với các nhà tài

chính, tôi thấy ông khởi đầu hoạt động vào một thời gian không thuận lợi; tôi vẫn nồng nhiệt cầu chúc cho ông thành công, và khi biết tin ông bị thuyên chuyển, tôi viết cho ông, trong sự khinh suất dửng dưng của mình, bức thư sau đây, mà chắc chắn tôi không định biện minh:

Tại Montmorency, ngày 2 tháng chạp 1759

Thưa ngài, mong ngài nhận niềm tôn kính của một người ăn dật không được ngài biết đến, nhưng người ấy quý ngài vì tài năng của ngài, trọng ngài vì sự điều hành của ngài, và vinh danh ngài khi tin rằng việc điều hành ấy sẽ chẳng được lâu dài. Chỉ có thể cứu Quốc gia bằng cách làm thiệt hại cho thủ đô đã khiến quốc gia lâm nguy, ngài khinh thị sự la ó của những kẻ được lợi về tiền bạc. Nhìn thấy ngài áp đảo lũ khốn ấy, tôi ước ao địa vị của ngài; nhìn thấy ngài rời bỏ địa vị ấy mà không tự phủ định, tôi ngưỡng mộ ngài Thưa ngài, xin ngài hãy tự hài lòng, địa vị ấy để lại cho ngài một vinh dự mà ngài sẽ hưởng thụ lâu dài không có đối thủ. Sự nguyên rửa của bọn gian giáo là vinh quang của con người công minh chính đại.

Biết tôi đã viết bức thư ấy, bà De Luxembourg nói với tôi về bức thư trong chuyển về chơi dịp lễ Phục sinh; tôi đưa bà xem; bà muốn có một bản chép, tôi cho bà; nhưng khi cho bà bản chép ấy, tôi không biết rằng bà là một trong những kẻ được lợi về tiền bạc, họ quan tâm đến việc cho thuê lại ruộng đất và đã làm cho Silhouette bị thuyên chuyển, có thể nói là với tất cả những sự thô lỗ trịch thượng của mình, tôi kích thích vô cớ sự thù ghét của một phụ nữ dễ mến và đầy quyền lực, mà thực ra mỗi ngày tôi một thêm quyến luyến, và còn lâu tôi mới muốn chuốc lấy sự thất sủng, dù rằng, do cú mãi vụng về, tôi làm tất cả những gì cần làm để bị thất sủng, Tôi nghĩ rằng cũng khá thừa khi cho biết câu chuyện về thuốc nha phiến của Tronchin, mà tôi đã nói ở phần Một, liên quan đến bà: phu nhân kia là bà De Mirepoix. Các bà không bao giờ nói lại với tôi về chuyện đó, cũng không hề ra vẻ nhớ chuyện đó,

cả hai người; nhưng tưởng rằng bà De Luxembourg có thể thực sự quên, đó là điều tôi xem ra rất khó, dù ta không biết gì về những biến cố theo sau. Còn tôi, thì tôi tìm cách khuây lãng về tác động của những điều ngu dại nơi mình, bằng cách tự làm chứng rằng mình đã không cố tình làm một điều nào để xúc phạm bà: cứ như là phụ nữ có thể tha thứ những điều ngu dại như thế, ngay cả khi họ hoàn toàn tin chắc rằng trong đó không có một chút dụng ý nào.

Tuy nhiên, dù bà tỏ ra không nhìn thấy gì hết, không cảm thấy gì hết, và tôi còn chưa thấy sự sốt sắng của bà giảm bớt, cung cách của bà thay đổi, song sự liên tục, thậm chí sự gia tăng của một dự cảm có cơ sở quá vững khiến tôi không ngừng run sợ là chẳng bao lâu nỗi chán ngán sẽ thay thế niềm mê say này. Tôi có thể hy vọng được chẳng ở một phu nhân quyền quý đến thế một sự bền bỉ chịu được thái độ ít khéo léo của tôi để duy trì sự bền bỉ đó? Thậm chí tôi chẳng biết giấu giếm bà dự cảm ngấm ngầm âm ỉ này nó làm tôi lo lắng, và chỉ khiến tôi thêm cầu nhàu nhả nhỏ. Mọi người sẽ xét đoán điều này qua bức thư dưới đây, chứa đựng một tiên đoán rất lạ lùng.

Bức thư này, trong bản nháp của tôi không đề ngày, chậm nhất là vào tháng Mười 1760.

... Những ân đức của phu nhân sao mà ác nghiệt! Vì sao lại khuấy động sự an bình của một kẻ ẩn dật từ bỏ những thú vui của cuộc đời để không còn cảm nhận những phiền lụy của đời nữa? Tôi từng dành thời gian để kiếm tìm vô hiệu những mối quyến luyến vững bền. Tôi đã không thể tạo được mối quyến luyến như thế trong những địa vị mà tôi có thể đạt tới; tôi phải tìm kiếm nó ở địa vị của phu nhân chẳng? Tham vọng cũng như lợi ích chẳng cám dỗ tôi; tôi ít huênh hoang, ít sợ sệt; tôi có thể cưỡng lại tất cả, trừ sự ân cần vồn vã. Tại sao cả hai vị lại tấn công tôi ở một nhược điểm cần khắc phục, bởi, với khoảng cách chia cắt chúng ta, sự thổ lộ của những con tim đa cảm không được đem con tim tôi đến gần các vị? Sự tri ân có đủ cho một con tim không biết hai cách tự hiến dâng, và chỉ cảm thấy có khả

năng cho tình thân? Tình thân, thưa phu nhân Thống chế! Ôi! Đó là nỗi bất hạnh của tôi! Thưa ngài Thống chế, ngài thật cao thượng khi dùng từ ngữ ấy: nhưng tôi thì điên cuồng phi lý khi căn cứ vào lời ngài nói. Các vị chơi đùa, còn tôi thì gần bó, và phần cuối của trò chơi đang chuẩn bị cho tôi những ân hận mới. Sao mà tôi căm ghét mọi chức tước của các vị, và sao mà tôi phàn nàn cho các vị đã mang những chức tước ấy! Tôi thấy các vị dường như rất xứng đáng hưởng những kỳ thú của đời tư! Sao các vị lại không ở Clarens? Tôi sẽ đến đó tìm hạnh phúc của đời mình; nhưng lâu đài Montmorency ư, nhưng dinh thự Luxembourg ư! Có phải đó là chỗ người ta nên gặp Jean-Jacques? Có phải đó là chỗ mà một người bạn của sự bình đẳng nên mang đến những mến thương của một con tim đa cảm, khi nó đền bù như vậy cho niềm quý trọng mà người ta tỏ bày với nó, tưởng rằng mình nhận bao nhiêu đã báo đáp bấy nhiêu? Phu nhân cũng nhân hậu và đa cảm, tôi biết điều này, tôi đã thấy điều này: tôi tiếc là đã không thể tin như vậy sớm hơn; nhưng ở địa vị của phu nhân, ở cách sống của phu nhân, không gì có thể làm cho một ấn tượng được vững bền, và biết bao đối tượng mới mẻ xóa nhòa lẫn nhau thành thử không một đối tượng nào còn lại. Phu nhân sẽ quên tôi, thưa phu nhân, sau khi đã khiến cho tôi không thể bắt chước được phu nhân. Phu nhân sẽ làm rất nhiều để tôi thành bất hạnh, và để mình khó được tha thứ.

Ở đây tôi liên kết bà với ông De Luxembourg, để lời khen bớt tàn nhẫn đối với bà; vả chăng, vì tôi cảm thấy tin cậy ông hết sức, thành thử tôi thậm chí không hề có một nỗi sợ nào về tính bền vững của tình thân nơi ông. Không một điều gì khiến tôi e sợ về phía bà Thống chế lại có lúc nào mở rộng đến ông. Tôi chưa từng có một chút ngờ vực về tính cách của ông, mà tôi biết là yếu đuối, nhưng đáng tin. Tôi không sợ một sự lạnh nhạt dần ở ông cũng chẳng chờ đợi một sự gần bó anh dũng. Tính giản dị, sự thân tình trong thái độ của chúng tôi người nọ đối với người kia, tỏ rõ chúng tôi trông cậy lẫn nhau biết mấy. Cả hai chúng tôi đều có lý: chừng nào còn sống, tôi sẽ tôn kính, tôi sẽ quý

yêu kỷ niệm về vị công hầu có phẩm giá ấy, và, mặc dù người ta có thể làm gì để ông xa rời tôi, tôi tin chắc ông là bạn tôi khi qua đời, như thể tôi đã vuốt mắt cho ông.

Ở chuyến về Montmorency lần thứ hai trong năm 1760, do việc đọc *Julie* đã kết thúc, tôi nhờ đến việc đọc *Émile*, để giúp mình trụ được bên bà De Luxembourg; nhưng điều ấy không thật thành công, hoặc vì vấn đề ít hợp sở thích của bà hơn, hoặc vì đọc nhiều cuối cùng khiến bà chán. Tuy thế, vì trách tôi để cho các nhà xuất bản lừa gạt, nên bà muốn tôi để bà lo việc in tác phẩm này, nhằm được lợi nhiều hơn. Tôi đồng ý, với điều kiện rõ ràng là tác phẩm sẽ không in ở Pháp, và chúng tôi có một cuộc tranh cãi kéo dài về chuyện này, tôi thì bảo rằng không thể đạt được một sự cho phép ngầm, thậm chí xin phép như vậy là đại đột bất cần, và không muốn cho in ở trong nước; bà thì chủ trương rằng điều đó thậm chí chẳng là một khó khăn cho việc kiểm duyệt, trong thể chế chính phủ đã áp dụng. Bà tìm được cách làm cho ông De Malesherbes đồng ý với mình, ông viết cho tôi một bức thư dài về vấn đề này, hoàn toàn tự tay ông, để chứng mình rằng *Tuyên tín của linh mục trợ tế miền Savoie* chính là một đoạn viết ra để được nhân loại khắp nơi nơi tán thành, và trong trường hợp này thì được triều đình tán thành. Tôi ngạc nhiên thấy vị pháp quan đó, luôn rất sợ sệt, lại trở nên dễ dãi đến thế trong chuyện này. Vì việc in một cuốn sách được ông tán thành chỉ cần có thể là hợp pháp, nên tôi không phản bác việc in tác phẩm đó nữa. Tuy nhiên, vì một sự thận trọng khác thường, tôi vẫn đòi tác phẩm phải được in ở Hà Lan, thậm chí do nhà xuất bản Néaulme, chẳng những tôi chỉ định ông mà còn báo trước cho ông; vả chẳng, tôi đồng ý rằng sách xuất bản vì lợi ích của một nhà xuất bản Pháp, và khi in xong, sẽ tiêu thụ hoặc tại Paris, hoặc tại nơi nào mọi người muốn, xét vì việc tiêu thụ này không liên quan đến tôi. Chính xác đây là những gì được thỏa thuận giữa bà De Luxembourg và tôi, sau đó tôi giao bản thảo cho bà.

Trong chuyến về này, bà đem theo cháu nội là cô De Boufflers* giờ đây là công tước phu nhân De Lauzun. Cô tên là Amélie. Đó là một con người khả ái, Thực sự cô có một dung mạo, một vẻ dịu dàng, một sự rụt rè trinh bạch. Không gì dễ thương hơn và thú vị hơn dung mạo cô, không gì êm dịu hơn và trinh khiết hơn những tình cảm cô khơi gợi nên. Và chẳng, đó là một đứa trẻ: cô chưa đầy mười một tuổi. Bà Thống chế, thấy cô quá rụt rè, cố gắng khích lệ cô. Nhiều lần bà cho phép tôi hôn cô; tôi làm việc này với thái độ cau có thường lệ. Thay vì những điều ngọt ngào mà một người khác ở vào địa vị của tôi sẽ nói, tôi câm lặng, sững sờ, và tôi chẳng biết cô bé tội nghiệp và tôi, ai là người hổ thẹn hơn. Một hôm tôi gặp cô một mình ở cầu thang Lâu đài nhỏ: cô vừa đến thăm Thérèse, cô giáo trông nom cô vẫn đang ở cùng Thérèse. Do chẳng biết nói gì với cô, tôi đề nghị hôn cô một cái, mà với tâm hồn ngây thơ, cô không từ chối, vì mới sáng nay cô vừa nhận một cái hôn của tôi theo lệnh bà nội, và trước mặt bà. Ngày hôm sau, đọc *Émile* bên giường bà Thống chế, tôi rơi đúng vào một đoạn trong đó tôi chỉ trích, một cách có lý, điều tôi vừa làm hôm trước*. Bà thấy suy nghĩ này rất xác đáng, và nói thêm điều gì đó thật phải lẽ, khiến tôi đỏ mặt. Sao mà tôi nguyên rủa đến thế sự ngu dại khó tin của mình, rất nhiều khi nó làm cho tôi có vẻ hèn hạ và tội lỗi, trong khi tôi chỉ ngu ngốc và lúng túng mà thôi! Sự ngu dại thậm chí bị coi như lý do giả dối để cáo lỗi ở một người mà thiên hạ biết là chẳng phải không tài trí. Tôi có thể thề rằng trong cái hôn rất đáng trách ấy, cũng như trong những cái hôn khác, con tim và nhục cảm của cô Amélie chẳng trong sạch hơn con tim và nhục cảm của tôi, thậm chí tôi có thể thề rằng nếu lúc đó có thể tránh gặp mặt cô, tôi sẽ tránh; chẳng phải tôi không rất vui thích khi gặp cô, mà vì sự lúng túng phải tìm ra lời lẽ duyên dáng nào đó để nói với cô. Làm sao thậm chí một đứa trẻ cũng có thể khiến một người không kinh hãi trước quyền lực của vua Chúa phải sợ? Quyết định thế nào đây? Xử sự thế nào đây, khi đầu óc không có một khả năng ứng tác nào hết? Nếu tôi miễn cưỡng nói với những người mình gặp gỡ, thế nào tôi cũng nói một điều thô

vụng: nếu chẳng nói gì, thì tôi là một kẻ ghét đời, một dã thú chưa thuần, một người bản tính khó gần. Giá như một sự ngu độn hoàn toàn có lẽ lại thuận lợi cho tôi hơn nhiều: nhưng những tài năng mà tôi thiếu trong giới giao tế đã gây nguy hại cho những tài năng mà tôi có ở riêng tôi.

Cuối chuyến về chơi này, bà De Luxembourg làm một việc thiện mà tôi có đôi phần đóng góp. Do Diderot đã rất dại dột làm méch lòng vương tước phu nhân De Robecq*, con gái của ông De Luxembourg, nên Palissot, mà vương tước phu nhân che chở, trả thù cho phu nhân bằng vở hài kịch *Những triết gia*, trong đó tôi bị chế nhạo còn Diderot bị đối xử tệ cực kỳ. Tác giả nương nhẹ tôi hơn, tôi cho rằng vì chịu ơn tôi ít hơn là vì sợ mất lòng thân phụ của quý bà che chở anh ta, mà anh ta biết tôi được ông yêu mến. Nhà xuất bản Duchesne, khi đó tôi không hề quen biết, gửi cho tôi vở kịch khi nó được in ra, và tôi ngỡ rằng theo lệnh Palissot, có lẽ anh ta tưởng tôi sẽ vui thích thấy phi báng một người mà mình đã đoạn tuyệt. Anh ta nhầm to. Trong khi đoạn tuyệt với Diderot mà tôi cho là không kín đáo và yếu đuối hơn là độc ác, tôi vẫn luôn lưu giữ trong tâm hồn niềm quyến luyến, thậm chí quý mến, đối với anh, và niềm tôn trọng tình bạn xưa của chúng tôi, mà tôi biết rằng một thời gian dài đã chân thành về phía anh cũng như về phía tôi. Đó là chuyện khác hẳn với Grimm, con người giả dối về tính cách, không bao giờ yêu mến tôi, thậm chí không có khả năng yêu mến, và, lòng vui vẻ, chẳng có lý do gì than phiền, chỉ để thỏa mãn niềm ganh ghét đen tối, đã làm kẻ vu cáo tàn ác nhất đối với tôi, một cách che đậy. Kẻ đó chẳng còn là gì với tôi: người kia sẽ mãi là bạn cũ của tôi. Tâm can tôi xúc động khi nhìn thấy vở kịch khả ố đó; tôi không chịu nổi việc đọc nó, và, chẳng xem cho hết, tôi gửi trả Duchesne, cùng lá thư sau đây:

Tại Montmorency, ngày 21 tháng Năm 1760

Trong khi đọc lướt vở kịch ông đã gửi cho tôi, thưa ông, tôi rùng mình khi thấy tôi được tán dương trong đó. Tôi chẳng nhận tặng vật xấu xa ghê gớm này. Tôi tin chắc rằng khi gửi nó cho tôi ông không hề muốn sỉ nhục tôi; nhưng ông không biết hoặc ông đã quên rằng tôi từng có vinh dự là bạn của một người đáng kính, bị bôi nhọ và vu cáo một cách hèn hạ trong vở đã kịch này.

Duchesne phô lá thư này ra. Diderot, đáng lẽ cảm động vì bức thư, lại tức giận. Lòng tự ái của anh không thể tha thứ cho tôi ưu thế của một hành vi quảng đại, và tôi biết là vợ anh nổi xung lên với tôi ở khắp nơi với một thái độ gay gắt ít khiến tôi buồn phiền, vì biết rằng toàn thiên hạ đều coi chị ta như một mục hàng tôm hàng cá.

Diderot, đến lượt anh, tìm được một người báo thù là tu sĩ Morellet, ông viết một văn kiện nhỏ chống lại Palissot, bắt chước *Tiểu tiên tri*, và đặt nhan đề là *Ảo tượng*, ở văn kiện này ông rất đại dột xúc phạm bà De Robecq, bạn bè của bà cho giam ông vào ngục Bastille; vì về phần bà, bản tính ít hằn thù, khi đó gần qua đời, tôi tin chắc bà không can thiệp vào chuyện này.

D'Alembert, rất thân với tu sĩ Morellet, viết thư nhờ tôi xin bà De Luxembourg vận động thả tu sĩ, hứa sẽ ca ngợi bà trong *Bách khoa toàn thư* để cảm tạ*. Đây là thư trả lời của tôi:

Thưa anh, tôi đã không chờ thư của anh mới tỏ bày cùng Thống chế phu nhân De Luxembourg nỗi buồn phiền mà việc giam giữ tu sĩ Morellet gây ra cho tôi. Bà biết mỗi quan tâm của tôi về chuyện này, bà sẽ biết mỗi quan tâm của anh, và để chính bà quan tâm, chỉ cần bà biết rằng đó là một con người có giá trị. Vả lại, mặc dù bà và ngài Thống chế có hảo ý đối với tôi, đó là vinh dự và là niềm an ủi của đời tôi, và đối với hai vị thì cái tên của bạn anh là một sự bảo đảm cho tu sĩ Morellet, song tôi không biết trong trường hợp này việc sử dụng uy tín gắn với phẩm cấp của hai vị và sử dụng sự tôn kính đối với cá

nhân hai vị đến mức độ nào là thích hợp. Thậm chí tôi cũng không tin là việc báo thù ở đây liên quan đến vương tước phu nhân De Robecq nhiều như xem ra anh nghĩ, và giả sử có như vậy, thì người ta cũng không nên chờ đợi rằng cái thú trả thù chỉ riêng thuộc các triết gia, và khi các triết gia muốn là phụ nữ, thì phụ nữ sẽ là triết gia.

Tôi sẽ cho anh biết những gì phu nhân De Luxembourg sẽ nói với tôi khi tôi đưa thư của anh để phu nhân xem. Trong khi chờ đợi, tôi nghĩ là mình hiểu bà đủ để có thể đảm bảo trước với anh rằng, giả sử bà vui lòng góp phần khiến tu sĩ Morellet được tha, thì bà sẽ không nhận sự cảm tạ mà anh hứa hẹn với bà trong Bách khoa toàn thư, mặc dù bà coi đó là vinh dự, bởi vì bà không hề làm điều thiện để được ngợi ca, mà để thỏa tấm lòng tốt của bà.

Tôi chẳng quản điều gì để cố vũ sự sốt sắng và niềm cảm thương của phu nhân De Luxembourg vì người bị giam tội nghiệp, và tôi thành công. Bà cố ý đi một chuyến đến Versailles, để gặp bá tước De Saint-Florentin, và chuyến đi này rút ngắn chuyến về Montmorency, ngài Thống chế buộc phải rời nơi đây đồng thời, để tới Rouen, nơi Đức Vua cử ngài đến với tư cách Quan Tổng trấn miền Normandie nhân một số biến động tại Pháp viện mà mọi người muốn kiềm chế. Đây là bức thư bà De Luxembourg viết cho tôi hai ngày sau khi bà ra đi (Tập D, số 23):*

Tại Versailles, thứ Bảy

Ông De Luxembourg đã lên đường hôm qua vào sáu giờ sáng. Tôi còn chưa biết liệu tôi có đi hay không. Tôi đợi tin ông, vì chính ông cũng không biết ông sẽ ở đấy bao lâu. Tôi đã gặp ông De Saint-Florentin, là người có hảo ý hơn cả với tu sĩ Morellet; nhưng ông ấy thấy có những trở ngại, tuy nhiên ông hy vọng thắng được những trở ngại này vào buổi làm việc đầu tiên với Đức Vua, trong tuần sau. Tôi cũng đã xin miễn trục xuất tu sĩ, vì việc này có được bàn đến; người ta

định đuổi ông ta về Nancy. Đó là tất cả những gì tôi đã đạt được, ông ạ; nhưng tôi hứa với ông là sẽ không để ông De Saint-Morentin yên chừng nào vụ việc chưa kết thúc như ông muốn. Còn bây giờ thì tôi cần nói với ông nỗi buồn phiền vì phải rời ông sớm đến thế; nhưng tôi dám tin là ông chẳng nghi ngờ điều đó. Tôi yêu mến ông hết lòng và suốt đời.

Vài ngày sau, tôi nhận của D'Alembert bức thư ngắn này nó khiến tôi thực sự vui mừng (Tập D, số 26):

Ngày 1 tháng Tám

Nhờ sự giúp đỡ của anh, triết gia thân mến, tu sĩ đã ra khỏi nhà ngục Bastille, và việc giam giữ sẽ không có những hậu quả khác. Tu sĩ về miền quê, và cũng như tôi, xin gửi đến anh ngàn lời cảm tạ và chúc mừng. Vale et me ama.*

Vài ngày sau, tu sĩ cũng viết cho tôi một thư cảm ơn (Tập D, số 29), mà tôi thấy dường như chẳng toát lên được ít nhiều tình cảm dạt dào, và trong thư ông có vẻ như giảm nhẹ việc tôi giúp đỡ ông, rồi, sau đó ít lâu, tôi thấy D'Alembert và ông có thể nói là đã, tôi sẽ không bảo là hất cẳng, nhưng đã kể tục tôi bên bà De Luxembourg, và họ nhận được của bà chừng nào thì tôi mất đi chừng ấy. Tuy nhiên, còn lâu tôi mới nghi ngờ tu sĩ Morellet đã góp phần khiến tôi thất sủng; tôi quá quý trọng ông nên không nghĩ vậy. Còn về D'Alembert, ở đây tôi không phát biểu gì hết: sau này tôi sẽ lại nói đến anh.

Cùng thời gian ấy tôi có một vụ việc khác, là nguyên nhân khiến tôi viết bức thư cuối cùng gửi Voltaire: bức thư mà ông đã la lối ầm ĩ, như một sự lăng nhục tồi tệ, nhưng ông đã không cho ai xem bao giờ hết. Ở đây tôi sẽ bổ khuyết điều ông không muốn làm.

Tu sĩ Trublet mà tôi quen biết đôi chút, nhưng rất ít gặp, viết thư cho tôi, ngày 13 tháng sáu 1760 (Tập D, số 11) để báo cho tôi biết

rằng Formey, bạn và thông tín viên của ông, đã đăng trong tờ báo của anh ta bức thư tôi viết cho Voltaire về thảm họa Lisbonne. Tu sĩ Trublet muốn biết làm thế nào mà việc in này lại có thể thực hiện, và với khí chất của giáo sĩ dòng Tên và láu cá, ông hỏi ý kiến tôi về việc in lại bức thư đó, mà không muốn cho tôi biết ý kiến của mình, vì tôi ghét cay ghét đắng những kẻ giáo quyết thuộc loại này, tôi bèn cảm ơn ông ta theo bốn phận, nhưng tôi sử dụng một giọng điệu cứng rắn mà ông ta cảm nhận thấy, điều đó không ngăn ông ta vẫn mềm mỏng nịnh nọt tôi trong hai ba thư nữa, cho đến khi ông ta biết được tất cả những gì muốn biết.

Dù Trublet muốn nói gì thì nói, tôi hiểu rõ là Formey không hề tìm thấy bức thư đã được in, và bản in đầu tiên là do anh ta. Tôi biết anh ta là một kẻ đạo văn trơ tráo, chẳng câu nệ gì, kiếm lợi từ công trình của người khác, dù chưa mặt dày mày dạn đến khó tin là bỏ tên tác giả khỏi một cuốn sách đã xuất bản, để tên mình vào đấy, và bán sách thu lời*. Nhưng làm sao mà bản viết tay lại đến được với anh ta? Đó là vấn đề, chẳng khó giải quyết, nhưng vì ngây ngô chất phác tôi lại thấy bối rối. Mặc dù Voltaire được tôn trọng quá chừng trong bức thư ấy, song rốt cuộc, bất kể những thủ đoạn phi nghĩa của ông, vì ông có cơ sở để than phiền nếu tôi đã cho in thư ra mà không được ông thừa nhận, nên tôi quyết định viết cho ông về vấn đề này. Đây là bức thư thứ hai, mà ông không hề trả lời, và để được tha hồ thô bạo hơn, ông giả vờ tức tối đến mức cuồng nộ.

Tại Montmorency, ngày 17 tháng sáu 1760

Thưa ông, tôi không nghĩ rằng mình lại có khi nào trao đổi thư từ với ông. Nhưng do biết rằng bức thư tôi viết cho ông năm 1756 đã được in ra tại Berlin, tôi phải để ông biết thái độ của tôi đối với việc này và tôi sẽ thực hiện bốn phận đó một cách chân thực và mộc mạc.

Bức thư ấy, do thực sự viết cho ông, nên không hề được dành để in ra. Tôi cho ba người biết về thư ấy, một cách có điều kiện, ba người mà quyền của tình bạn không cho phép tôi từ chối bất cứ điều gì tương tự, và cũng những quyền của tình bạn càng không cho phép họ lạm dụng điều được ký thác và vi phạm lời hứa. Ba người đó là bà De Chenonceaux con dâu bà Dupin, bá tước phu nhân D'Houdetot, và một người Đức tên là Grimm. Bà De Chenonceaux mong thư ấy được in ra, và yêu cầu tôi đồng ý, tôi bảo việc này tùy thuộc ở ông. Mọi người đã yêu cầu ông, ông từ chối, và việc không bàn đến nữa.

Tuy nhiên tu sĩ Trublet, mà tôi không có một thứ quan hệ nào hết, vừa viết thư cho tôi, vì một sự lưu tâm rất lương thiện, cho biết ông ta vừa nhận được một tờ báo của ông Formey, trong đó ông ta đọc được chính bức thư này, với một thông báo, đề ngày 23 tháng Mười 1759, của nhà xuất bản nói rằng cách đó vài tuần đã thấy bức thư tại các hiệu sách ở Berlin, và bởi đó là một trong những tờ giấy rời sớm mất đi không trở lại, nên ông ta nghĩ cần cho nó vào tờ báo của mình.

Thưa ông, đó là tất cả những gì tôi biết về việc này. Điều rất chắc chắn là cho đến bây giờ ở Paris mọi người thậm chí không nghe nói đến bức thư ấy. Rất chắc chắn là bản hoặc viết tay, hoặc in, rơi vào tay ông Formey, chỉ có thể từ ông mà ra, điều này không có lẽ là thật, hoặc từ một trong ba người tôi vừa nêu tên với ông. Cuối cùng, rất chắc chắn là hai quý bà không thể nào có một sự thất tín như vậy. Tôi không thể biết nhiều hơn từ nơi ở ẩn của mình, ông có những sự trao đổi thư từ tin tức nhờ đó ông sẽ dễ dàng, nếu như chuyện đáng bỏ công, truy đến căn nguyên và thẩm tra sự việc.

Cũng trong thư trên, tu sĩ Trublet nói rõ với tôi là tu sĩ để dành tờ báo đó, và sẽ không cho mượn nếu tôi không đồng ý, và chắc chắn tôi sẽ không đồng ý. Nhưng bản này có thể không phải là bản duy nhất ở Paris, thưa ông, tôi mong rằng bức thư không được in tại Paris, và tôi sẽ làm hết sức mình cho việc này; nhưng nếu không thể tránh được điều ấy, và nếu có thể lựa chọn do được báo tin kịp thời, thì khi đó tôi

sẽ chẳng do dự tự mình cho in ra. Tôi thấy điều này có vẻ chính đáng và tự nhiên.

Còn về thư trả lời của ông cho bức thư ấy, nó chưa được cho ai xem, và ông có thể tin rằng nó sẽ không hề được in ra nếu ông không thừa nhận, và chắc chắn tôi sẽ chẳng thiếu tế nhị mà yêu cầu ông thừa nhận, do biết rõ rằng điều mà một người viết cho một người khác, thì người ấy không viết cho công chúng. Nhưng nếu ông muốn viết một bức thư để được công bố, và thư gửi cho tôi, thì tôi xin hứa với ông là sẽ kèm vào thư của tôi một cách trung thực, và không đối đáp lại một lời nào.

Tôi không hề yêu mến ông, thưa ông; ông đã gây cho tôi những nỗi đau có thể là những nỗi đau mãn cảm nhất đối với tôi là môn đệ của ông và là người hâm mộ ông. Ông đã hại Genève để thưởng cho việc Genève đón ông nường nấu; ông đã làm cho đồng hương của tôi xa lìa tôi để thưởng cho những sự hoan nghênh mà tôi đã cùng họ dành cho ông: chính ông khiến tôi không chịu nổi việc cư trú tại đất nước tôi; chính ông sẽ khiến tôi chết nơi đất khách quê người, mất mọi niềm an ủi của kẻ hấp hối, và tất cả vinh dự là bị quăng vào một bãi rác, trong khi mọi niềm vinh dự mà một con người có thể trông đợi sẽ tiến đưa ông tại đất nước tôi. Cuối cùng, tôi ghét ông vì ông đã muốn như vậy; nhưng tôi ghét ông với tư cách của người còn xứng đáng hơn để yêu mến ông, nếu ông từng muốn như vậy. Trong tất cả những tình cảm của lòng tôi đối với ông, chỉ còn sự ngưỡng mộ mà người ta không thể khước từ với tài năng trác tuyệt của ông, và niềm yêu mến những tác phẩm của ông. Nếu tôi chỉ có thể tôn kính ở ông tài năng mà thôi, thì đó không phải là lỗi của tôi, tôi sẽ không bao giờ thiếu sót trong sự kính trọng phải có đối với những tài năng này, cũng như trong những hành vi mà sự kính trọng đó đòi hỏi.

Giữa tất cả những phiền nhiễu văn chương nho nhỏ này, chúng khiến quyết tâm của tôi ngày càng vững thêm, tôi có được vinh dự lớn nhất do văn chương đem lại, vinh dự mà tôi mãn cảm hơn cả, đó là

hoàng thân De Conti hạ cố đến thăm tôi hai lần, một lần tại Lâu đài nhỏ, lần kia tại Montmorency. Cả hai lần ông đều chọn thời gian ông De Luxembourg không ở Montmorency, để chứng tỏ rõ ràng hơn là ông chỉ đến đó vì tôi. Bao giờ tôi cũng tin rằng mình có được những hảo ý đầu tiên của ông hoàng này là nhờ bà De Luxembourg và bà De Boufflers; nhưng tôi cũng tin rằng nhờ những tình cảm của chính ông và nhờ bản thân mình mà tôi có được những hảo ý ông không ngừng làm vinh dự cho tôi từ đó*.

Vì căn hộ của tôi ở Mont-Louis rất nhỏ, và vị trí của Vọng lâu rất đẹp, nên tôi dẫn hoàng thân đến Vọng lâu, ông tặng tôi ân huệ tột bậc, là muốn tôi được vinh dự chơi cờ với ông. Tôi biết ông thắng hiệp sĩ De Lorenzi, người giỏi cờ hơn tôi. Tuy nhiên, mặc cho hiệp sĩ và những người tham dự ra hiệu và nhắc nhở, mà tôi vờ như không thấy, tôi thắng hai ván chơi cùng ông. Khi kết thúc, tôi nói với ông bằng một giọng kính cẩn, nhưng nghiêm trang: “Thưa Đức ông, tôi quá tôn kính Điện hạ nên không thể không luôn thắng Ngài khi chơi cờ.” Ông hoàng cao quý này, đầy tài trí và tri thức, và rất xứng đáng để không bị nịnh hót, quả thật cảm thấy, ít ra tôi nghĩ như vậy, là ở đó chỉ riêng tôi đối xử với ông như con người, và tôi có đủ lý để tin rằng ông đã thực sự cảm ơn tôi về điều ấy.

Giả sử ông không bằng lòng tôi về chuyện đó, thì tôi sẽ chẳng trách mình đã không muốn lừa dối ông một điều gì hết, và chắc chắn tôi cũng không phải tự trách là trong lòng đã báo đáp kém cỏi những hảo ý của ông, nhưng rất tự trách là đôi khi đã đáp lại thô vụng, trong khi chính ông lại vô cùng tao nhã trong cách bày tỏ. Ít ngày sau, ông sai gửi đến cho tôi một giỏ thịt thú săn, mà tôi nhận theo phép tắc. Sau đó ít lâu, ông cho gửi một giỏ khác, và một trong các sĩ quan săn bắn của ông viết theo lệnh ông rằng đó là từ cuộc đi săn của Điện hạ, và từ con thú tự tay ngài bắn. Tôi lại nhận; nhưng tôi viết cho bà De Boufflers rằng tôi sẽ không nhận nữa. Bức thư này nói chung bị chê

trách, và đáng bị như vậy. Từ chối tặng phẩm bằng thịt thú săn của một thân vương, hơn nữa vị này lại hết sức ân cần lịch sự trong cách gửi tặng, là sự tế nhị của một người tự tôn muốn giữ gìn tính độc lập ít hơn là sự quē khách của một kẻ thô tục quên mất phận mình. Tôi không bao giờ đọc lại bức thư này trong tập thư của mình mà không xấu hổ, và không tự trách vì đã viết nó. Nhưng rốt cuộc tôi không bực bực để im đi những điều ngu dại của mình, và điều ngu dại trên khiến bản thân tôi quá tức giận, thành thử tôi không được phép che giấu nó.

Nếu tôi không ngu dại trở thành tình địch của hoàng thân, thì cũng chỉ thiếu chút nữa: vì bây giờ bà De Boufflers vẫn còn là tình nương của ông, mà tôi không biết gì hết. Bà đến thăm tôi khá thường xuyên cùng với hiệp sĩ De Lorenzi. Bà đẹp và còn trẻ; bà ra vẻ có khí chất La Mã, còn tôi, thì tôi luôn có khí chất lãng mạn; những điều này khá gần nhau. Suýt nữa tôi vương vấn; tôi cho là bà thấy điều đó: hiệp sĩ cũng thấy; ít ra anh cũng nói với tôi, và nói theo cách sao cho tôi không nản lòng. Nhưng lần này tôi ngoan ngoãn, và ở tuổi năm mươi thì cũng đến lúc rồi. Mang đầy ắp bài học tôi vừa tặng cho các lão già trong *Thư gửi D'Alembert*, tôi xấu hổ vì bản thân mình lợi dụng bài học này kém đến thế; vả chăng, khi hiểu ra điều trước đây mình chưa được biết, chắc tôi phải quá tự đắc mới cạnh tranh cao xa đến thế. Cuối cùng, có lẽ vì chưa khỏi hẳn mối tình say đắm với bà D'Houdetot, tôi cảm thấy không gì có thể thay thế điều đó trong tim tôi nữa, và tôi vĩnh biệt tình yêu cho đến hết đời. Vào lúc viết những điều này, tôi vừa gặp một thiếu phụ, có những ý tứ, những điệu bộ trêu chọc rất nguy hiểm và cặp mắt rất đáng ngại: nhưng nếu người ấy giả vờ quên sáu chục xuân của tôi, thì về phần mình, tôi đã nhớ sáu chục xuân ấy. Sau khi đã thoát được bước này, tôi không còn sợ sa ngã, và tôi đảm bảo về tôi cho đến hết đời.

Bà De Boufflers, nhận thấy nổi xúc động bà đã gây ra cho tôi, cũng có thể nhận thấy tôi đã chiến thắng nổi xúc động ấy. Tôi không đủ điên cũng chẳng đủ hóm hỉnh để cho rằng mình có thể khiến bà

thích ở tuổi của mình; nhưng, qua một số lời bà nói với Thérèse, tôi cho rằng đã khiến bà tò mò; nếu là như vậy, và nếu bà không tha thứ cho tôi nỗi tò mò bị thất vọng ấy, thì phải thú thực rằng tôi đúng là được sinh ra để làm nạn nhân cho những kém cỏi vụng về của mình, bởi tình yêu chiến thắng có hại cho tôi đến thế, và tình yêu bị chiến thắng còn có hại cho tôi nhiều hơn.

Đến đây là hết tập thư được dùng để hướng dẫn tôi trong hai quyển này. Tôi sẽ chỉ còn đi theo dấu những hồi ức của mình, nhưng những hồi ức này rõ đến thế trong thời kỳ ác nghiệt ấy, và ấn tượng mạnh mẽ còn lưu lại với tôi sâu đậm đến thế, thành thử, lạc trong biển cả mệnh mang những bất hạnh, tôi không sao quên nổi những chi tiết của nỗi trầm luân đầu tiên, mặc dù các phần sau chỉ còn cho tôi những hồi ức mơ hồ. Như vậy trong quyển sau tôi vẫn có thể tiến bước khá vững vàng. Nếu đi xa hơn, tôi sẽ chỉ còn vừa đi vừa mò mẫm.

Quyển Mười Một

Tác phẩm *Julie*, đưa in từ lâu, mặc dù vào cuối năm 1760 chưa xuất bản, nhưng bắt đầu làm náo động dư luận. Bà De Luxembourg đã nói đến cuốn sách tại cung đình, bà D'Houdetot nói tại Paris. Thậm chí bà D'Houdetot còn xin phép được tôi để Saint-Lambert cho đọc tác phẩm dưới dạng bản thảo trước nhà vua Ba Lan, khiến ngài say mê. Duclos, mà tôi cũng đưa cho đọc, đã nói đến tác phẩm tại Viện Hàn lâm. Toàn thể Paris nóng lòng muốn xem cuốn tiểu thuyết: các chủ hiệu sách ở phố Saint-Jacques và chủ hiệu sách khu Hoàng Cung bị những người hỏi thăm tin tức ám ảnh quấy rầy. Cuối cùng sách ra, và trái với tình trạng thông thường, thành công của sách đáp ứng nhiệt tình sốt sắng mong chờ nó. Thái tử công nương, một trong những người đọc đầu tiên, nói với ông De Luxembourg về cuốn sách như về một tác phẩm tuyệt vời. Cảm nghĩ trong giới văn nhân không thống nhất: nhưng trong xã hội, chỉ có một ý kiến, nhất là phụ nữ thì say cả tác phẩm cả tác giả, đến mức ít người, ngay ở giới thượng lưu, không bị tôi chinh phục, nếu tôi định chinh phục, Về chuyện này tôi có những chứng cứ chẳng muốn viết ra, và, không cần trải nghiệm, vẫn chuẩn nhận ý kiến của tôi. Thật lạ lùng là cuốn sách này thành công ở Pháp hơn ở phần còn lại của châu Âu, mặc dù người Pháp, cả nam và nữ, không được đối xử thật tốt trong đó. Hoàn toàn trái ngược với sự trông đợi của tôi, thành công kém cỏi nhất của tác phẩm là ở Thụy Sĩ, và thành công lớn nhất là ở Paris. Vậy tình bạn, tình yêu, đức độ, ngự trị tại Pháp nhiều hơn tại nơi khác chẳng? Có lẽ không phải; nhưng tại đó hãy còn ngự trị cái cảm quan tuyệt vời khiến con tim phấn khích trước hình ảnh của tình bạn, tình yêu, đức độ, và khiến chúng ta yêu

quý ở người khác những tình cảm trong trẻo, dịu dàng, chính trực, mà ta không có nữa. Sự hư hỏng từ nay giống nhau khắp nơi nơi: không còn phẩm hạnh, không còn đức độ tại châu Âu, nhưng nếu hãy còn đôi chút mến yêu đối với những điều đó, thì ta phải tìm tình yêu ấy ở Paris*.

Qua bao nhiêu thành kiến và đam mê giả tạo, phải biết phân tích kỹ lòng người để khám phá trong đó những tình cảm thực thuộc bản tính. Phải có một sự tế nhị, điều này chỉ lĩnh hội được ở nền giáo dục của xã hội thượng lưu, để cảm nhận, tôi mạo muội nói như vậy, những nét tinh tế về tâm hồn đầy ắp trong tác phẩm. Tôi chẳng sợ hãi đặt phần bốn của tác phẩm bên cạnh *Quận Chúa De Clèves**, và tôi nói rằng nếu hai đoạn trên chỉ được đọc tại tỉnh nhỏ, người ta sẽ không bao giờ cảm nhận toàn bộ giá trị của chúng, vậy không nên ngạc nhiên khi thành công lớn nhất của cuốn sách là ở cung đình. Trong sách có rất nhiều nét đặc sắc thật sống động, nhưng được che phủ, hẳn phải được ưa thích tại cung đình, vì người ta được luyện tập để thấu hiểu những điều đó thạo hơn. Tuy nhiên ở đây vẫn còn phải phân biệt, sách này chắc chắn không hợp với loại người trí xảo chỉ có mưu mẹo, chỉ tinh tế để thấu hiểu cái ác, và chẳng thấy gì hết ở nơi chỉ có cái thiện để nhìn mà thôi. Thí dụ, nếu *Julie* được xuất bản tại xứ sở nào đó theo tôi nghĩ, thì tôi tin chắc chẳng ai đọc cho đến hết, và tác phẩm sẽ chết yếu khi vừa mới ra đời.

Tôi đã tập hợp phần lớn thư từ viết cho tôi về tác phẩm này ở một tập hiện nằm trong tay bà De Nadaillac. Nếu có khi nào tập thư này ra mắt, mọi người sẽ thấy những điều rất kỳ lạ, và một sự đối lập về nhận định nó chỉ rõ việc liên quan đến công chúng là như thế nào. Điều người ta ít nhìn thấy hơn cả, và sẽ luôn khiến một tác phẩm thành độc nhất vô nhị, là tính giản dị của đề tài và tính liên tục của hứng thú, tập trung giữa ba người, duy trì được qua sáu tập, không có mẩu chuyện

phụ đặc biệt, không có cuộc phiêu lưu lãng mạn, không có sự độc ác thuộc bất kỳ kiểu loại nào, trong nhân vật không có, trong hành động cũng không. Diderot đã hết lời khen ngợi Richardson* về tính đa dạng kỳ diệu của các cảnh và về số nhân vật đông đảo. Quả thực, Richardson có tài ở chỗ đã xác định được rõ tính cách tất cả các nhân vật: còn về con số đông đảo, thì ông có điểm chung với các tiểu thuyết gia nhạt nhẽo vô vị nhất, họ nhờ vào rất nhiều nhân vật và sự biến đổi bổ khuyết cho tính nghèo nàn về tư tưởng. Ta dễ dàng thức tỉnh sự chú ý, bằng cách trình bày không ngừng cả những biến cố phi thường cả những gương mặt mới mẻ, lướt qua như những hình ảnh trong ảo ảnh: thế nhưng luôn duy trì sự chú ý đến vẫn những đối tượng ấy, không có những sự biến kỳ diệu, chắc chắn việc này khó khăn hơn; và nếu đặt ngang bằng mọi điều, tính giản dị của đề tài bổ sung cho vẻ đẹp của tác phẩm, thì tiểu thuyết của Richardson, ưu việt ở rất nhiều điểm khác, về mục này không thể so sánh với tác phẩm của tôi. Tuy nhiên, tác phẩm đã chết, tôi biết điều đó, và tôi biết nguyên nhân; nhưng nó sẽ phục sinh.

Toàn bộ nỗi sợ của tôi là [do quá giản dị] diễn tiến có thể gây chán ngán, và tôi không nuôi dưỡng được hứng thú đủ để duy trì đến cùng. Tôi được an tâm nhờ một sự kiện, riêng nó đã khiến tôi vẻ vang hơn mọi lời khen ngợi mà tác phẩm có thể đem lại.

Tác phẩm ra vào đầu mùa lễ hội hóa trang. Người chuyển sách đem tác phẩm đến cho vương tước phu nhân De Talmont*, vào một ngày có vũ hội tại Nhà hát Nhạc kịch. Sau bữa tối, bà sai mặc trang phục cho mình để đến vũ hội, và, trong khi chờ đến giờ, bà bắt đầu đọc cuốn tiểu thuyết mới. Mười hai giờ đêm, bà ra lệnh đóng ngựa vào xe, và tiếp tục đọc. Mọi người đến bấm là ngựa đã đóng vào xe; bà chẳng đáp lại gì. Gia nhân, thấy bà quên khuấy, đến báo rằng đã hai giờ. “Chưa vội gì”, bà bảo, và vẫn đọc. Sau đó một thời gian, vì đồng hồ của bà chết, bà rung chuông gọi hỏi mấy giờ rồi. Gia nhân bấm đã

bốn giờ. Bà bảo: “Thế thì quá muộn để đến vũ hội; hãy tháo ngựa ra.” Bà sai cởi trang phục, và đọc sách hết đêm.

Từ khi mọi người kể cho tôi chuyện đó, tôi vẫn luôn mong muốn gặp phu nhân De Talmont, không chỉ để được chính bà cho biết điều ấy có đích xác hay không, song cũng vì tôi luôn cho rằng người ta không thể có một hứng thú mãnh liệt đến thế đối với *Nàng Héloïse* mà không có cái giác quan thứ sáu, cái ý thức đạo đức, mà rất ít tấm lòng được thiên phú, không có điều ấy thì không thể hiểu được lòng tôi.

Điều khiến phụ nữ hết sức tán thưởng tôi là do họ tin chắc tôi đã viết câu chuyện của chính tôi, và bản thân tôi là nhân vật của tác phẩm. Niềm tin ấy được xác lập vững vàng đến mức bà De Polignac viết cho bà De Verdelin đề nghị khuyên tôi để cho bà xem chân dung của Julie. Tất cả mọi người đều tin chắc rằng không thể biểu hiện sống động đến thế những tình cảm mà mình không nếm trải, và chỉ miêu tả được sống động những phần khích của tình yêu dựa theo chính con tim mình mà thôi, Về điều này mọi người có lý, và chắc chắn là tôi viết cuốn tiểu thuyết ấy trong những trạng thái ngất ngây nóng bỏng nhất: nhưng mọi người lầm nếu nghĩ rằng phải có những đối tượng thực để gây nên các trạng thái trên; còn lâu mọi người mới hiểu được tôi có thể phấn khích đến mức nào vì những con người tưởng tượng. Không có một số hồi tưởng thời thanh xuân và bà D’Houdetot, thì những mối tình tôi đã cảm nhận và đã miêu tả sẽ chỉ là tình yêu với các nữ thiên tình mà thôi. Tôi chẳng muốn xác nhận cũng chẳng muốn phá đi một lầm lẫn có lợi cho mình, có thể thấy trong lời nói đầu theo dạng đối thoại, mà tôi cho in riêng ra, tôi để công chúng phân vân về điều đó như thế nào. Những người nghiêm ngặt bảo rằng đáng lẽ tôi phải tuyên bố thẳng thừng sự thật, còn tôi, thì tôi thấy chẳng điều gì có thể buộc tôi làm như vậy, và tôi cho rằng giả sử có sự tuyên bố không cần thiết ấy, thì đó là ngu ngốc nhiều hơn thẳng thắn.

Gần như cùng thời gian này xuất hiện *Hòa bình vĩnh cửu*, mà năm trước tôi đã nhượng bản thảo cho một De Bastide nào đó, tác giả của một tờ báo tên là *Thế giới*, anh ta muốn nhét vào báo tất cả các bản thảo của tôi, dù thuận tình hay miễn cưỡng. Anh ta quen Duclos, và nhân danh Duclos đến thúc giục tôi giúp anh ta lắp cho đầy tờ *Thế giới*. Anh ta đã nghe nói đến *Julie*, và muốn tôi đưa vào tờ báo: anh ta muốn tôi đưa *Émile* vào đó; nếu như biết sự tồn tại của *Khế ước xã hội*, chắc anh ta sẽ muốn tôi đưa vào. Cuối cùng, bị quấy rầy không chịu nổi, tôi đành nhượng cho anh ta phần trích *Hòa bình vĩnh cửu* lấy mười hai *louis*. Thỏa thuận giữa chúng tôi là sẽ in ở tờ báo của anh ta, thế nhưng vừa được sở hữu bản thảo, anh ta bèn cho rằng in riêng thì thích hợp, và có bỏ đi một số đoạn do kiểm duyệt yêu cầu. Sự thế sẽ ra thế nào nếu như tôi đưa thêm phần đánh giá của mình về tác phẩm này, mà thật may là tôi không hề nói với Bastide, và không nằm trong giao ước của chúng tôi? Sự đánh giá đó hãy còn ở dạng bản thảo trong số giấy tờ của tôi. Nếu có khi nào nó ra mắt, mọi người sẽ thấy những lời đùa cợt và giọng điệu tự mãn của Voltaire về vấn đề này hẳn phải khiến tôi buồn cười đến thế nào, tôi là người thấy rất rõ tầm của con người tội nghiệp ấy trong các vấn đề chính trị mà ông ta xen vào để phát biểu.

Giữa lúc được công chúng hoan nghênh và được các quý bà ưu ái, tôi cảm thấy mình thất thế ở dinh thự Luxembourg, không phải bên ông Thống chế, thậm chí mỗi ngày dường như ông lại tăng thêm hảo ý và tình thân đối với tôi, mà là bên bà Thống chế. Từ khi tôi không còn gì để đọc cho bà nữa, căn hộ của bà ít rộng mở đón tôi, và trong những chuyến về Montmorency, mặc dù tôi có mặt khá đúng phép tắc, song chỉ còn gặp bà bên bàn ăn. Thậm chí chỗ của tôi cũng không còn được chỉ rõ bên cạnh bà. Vì bà không mời tôi ngồi đó nữa, vì bà ít nói chuyện với tôi, và tôi cũng chẳng có gì nhiều để nói với bà, nên tôi thích kiếm một chỗ khác, ở đấy tôi được thoải mái hơn, nhất là buổi

tối, vì dần dần, một cách vô ý thức, tôi quen đến ngồi gần với ông Thống chế hơn.

Nhân nói về buổi tối, tôi nhớ đã kể rằng tôi không ăn tối tại lâu đài, và điều này là đúng trong thời gian mới quen biết; nhưng vì ông De Luxembourg không dùng bữa trưa thậm chí không ngồi vào bàn ăn, do đó mà sau nhiều tháng, và đã rất thân quen trong nhà, song tôi vẫn chưa bao giờ ăn cùng ông. Ông có lòng tốt đưa ra nhận xét này. Điều đó khiến tôi quyết định thỉnh thoảng ăn tối tại đây, khi nào không đông người, và tôi thấy việc này rất dễ chịu, vì bữa trưa gần như gặp chẳng hay chớ, như ta thường nói là ăn qua quýt: trong khi bữa tối kéo rất dài, vì mọi người thích thú nghỉ ngơi, sau khi đi dạo chơi xa về; rất ngon, vì ông De Luxembourg ham ăn ngon, và rất vui vì bà De Luxembourg tiếp đãi tuyệt vời. Nếu không giải thích như vậy, ta sẽ khó mà hiểu được đoạn cuối một bức thư của ông De Luxembourg (tập C, số 36), trong đó ông bảo tôi rằng ông nhớ lại một cách thú vị những cuộc dạo chơi của chúng tôi, ông nói thêm, *nhất là* buổi tối khi về đến sân nhà chúng ta không thấy vết bánh xe ngựa; bởi vì sáng nào gia nhân cũng cào lớp cát trên sân để xóa dấu bánh xe ngựa, nên tôi thường dựa vào các vết này để phán đoán số người bất chợt đến vào buổi chiều.

Năm 1761, những mất mát liên tục của vị công hầu nhân hậu này lên đến cực điểm, kể từ khi tôi có vinh hạnh gặp ông: cứ như thế những tai ương mà số phận đang chuẩn bị cho tôi phải bắt đầu từ người mà tôi gắn bó nhất và là người xứng đáng nhất với sự gắn bó ấy. Năm đầu tiên, ông mất bà chị, công tước phu nhân De Villeroy; năm thứ hai, ông mất con gái, vương tước phu nhân De Robecq; năm thứ ba, ông mất con trai độc nhất là công tước De Montmorency và cháu nội là bá tước De Luxembourg, những người duy nhất và cuối cùng mà dòng tộc của ông và họ tên của ông trông cậy. Ông chịu đựng tất cả những mất mát này với sự can đảm bề ngoài; nhưng con tim ông không ngừng chảy máu bên trong, suốt phần đời còn lại, và sức khỏe

của ông chỉ còn suy thoái dần mà thôi, cái chết bất ngờ và bi đát của con trai hẳn càng đau hơn đối với ông, vì xảy ra đúng vào thời điểm Đức Vua vừa chấp thuận cho con trai ông, và hứa cho cháu nội ông, được tập chức của ông chỉ huy đội quân bảo vệ hoàng thượng, ông phải chịu nỗi đau nhìn cháu nội chết dần chết dần, đứa trẻ có tiền đồ vẻ vang nhất, và như vậy là do lòng tin mù quáng của bà mẹ đối với người thầy thuốc, khiến cho đứa bé tội nghiệp tử vong vì đói lả, toàn bộ thức dinh dưỡng chỉ là thuốc thang. Than ôi! Nếu tôi được mọi người tin tưởng, thì ông và cháu có lẽ còn sống cả hai. Có điều gì mà tôi không nói, có điều gì mà tôi không viết cho ngài Thống chế, có điều khuyên răn nào mà tôi không bảo bà De Montmorency, về chế độ kiêng cử khắc khổ quá đáng mà bà để con theo, vì tin vào thầy thuốc! Bà De Luxembourg nghĩ giống tôi, song không muốn lấn lướt uy quyền của người mẹ; ông De Luxembourg, hiền và yếu đuối, chẳng ưa phản đối. Bà De Montmorency đặt ở Bordeu* một niềm tin mà con bà rốt cuộc là nạn nhân. Đứa trẻ tội nghiệp xiết bao vui sướng khi được phép đến Mont-Louis cùng với bà De Boufflers, xin Thérèse cho ăn bữa nhẹ giữa chiều, và đưa ít nhiều thức ăn vào cái bụng đói của mình! Trong thâm tâm, tôi xót xa biết mấy cho những nỗi khổ của sự cao sang, khi nhìn người thừa kế duy nhất của một tài sản lớn đến thế, của một dòng họ vẻ vang đến thế, của bao nhiêu chức tước và tôn hiệu, ngấu ngiến với sự thèm thuồng của kẻ hành khất một mẩu bánh tằm thường con con! Cuối cùng, tôi có nói có làm cũng vô hiệu, ông thầy thuốc chiến thắng và đứa trẻ chết vì đói.

Cũng niềm tin vào các lang băm khiến đứa cháu thiệt mạng lại hai người ông, và thêm vào đó còn sự nhát gan muốn tự che giấu những tật bệnh của tuổi già. Ông De Luxembourg thỉnh thoảng đau ít nhiều ở ngón chân cái; ông bị một cơn đau tại Montmorency, làm cho ông mất ngủ và hơi sốt. Tôi mạo muội thốt ra cái tiếng thấp khợp; bà De Luxembourg quả trách tôi. Người hầu phòng, thầy thuốc ngoại

khoa của ngài Thống chế, quả quyết đó không phải là thấp khớp, và bằng bó chỗ đau bằng thuốc chỉ thống*. Rủi thay cái đau dịu đi, và khi nó trở lại, thế nào mọi người cũng dùng phương thuốc đã làm nó nguôi dịu; thể chất sa sút, bệnh gia tăng, và thuốc cũng gia tăng theo tỷ lệ tương xứng. Bà De Luxembourg, cuối cùng thấy rõ đó là thấp khớp, liền phản đối cách chữa trị phi lý ấy. Mọi người giấu giếm bà, và ông De Luxembourg vài năm sau chết vì lỗi của mình, vì cứ khẳng khẳng muốn khỏi bệnh. Nhưng ta đừng đi trước các tai họa xa đến thế: tôi còn bao nhiêu tai họa cần thuật lại trước tai họa đó!

Thật lạ lùng là tất cả những gì tôi có thể nói và làm dường như đều thích hợp để khiến bà De Luxembourg không ưa, một cách hết sức rủi ro, ngay cả khi tôi cố tâm nhất để giữ được thiện ý của bà. Những buồn đau ông De Luxembourg liên tiếp phải chịu chỉ làm cho tôi gần bó với ông hơn nữa, do đó mà gần bó với bà De Luxembourg: vì bao giờ tôi cũng thấy họ có vẻ hòa hợp hết sức chân thành, nên tình cảm mình có đối với người này tất nhiên mở rộng đến người kia. Ông Thống chế đang già đi. Sự cần mẫn của ông tại triều đình, những lo toan do cần mẫn, những cuộc săn bắn liên miên, nhất là nỗi mệt nhọc của công vụ suốt thời gian ba tháng đảm trách trong năm, lẽ ra đòi hỏi khí lực hăng hái của một thanh niên, và tôi không còn thấy điều gì có thể duy trì khí lực hăng hái cho ông ở chức nghiệp này nữa. Bởi các chức tước của ông sẽ phải phân tán, và tên tuổi của ông sẽ phải lụi tàn sau ông, nên ông ít cần tiếp tục một cuộc sống siêng năng khó nhọc, mà mục đích chính trước đây là giữ gìn được ân huệ của nhà vua cho con cháu mình. Một hôm khi chỉ có ba chúng tôi với nhau, và ông phàn nàn về những mệt nhọc chốn cung đình như người đã bị những mất mát làm nản chí, tôi mạo muội nói đến việc nghỉ hưu, và khuyên ông điều Cinéas từng khuyên Pyrrhus*; ông thở dài, và không trả lời dứt khoát. Nhưng vào khoảnh khắc đầu tiên gặp riêng tôi, bà De Luxembourg quở trách tôi kịch liệt về lời khuyên ấy, dường như nó

làm bà lo sợ. Bà nói thêm một điều mà tôi cảm thấy đúng đắn, và khiến tôi từ bỏ việc lại động chạm đến vấn đề cũ: đó là thói quen từ lâu sống tại triều đình trở thành một nhu cầu thực thụ, thậm chí lúc này đó lại là một sự giải khuây cho ông De Luxembourg và việc về hưu mà tôi khuyên, đối với ông là một sự nghỉ ngơi ít hơn là một cảnh hiu quạnh, ở đó sự nhàn rỗi, niềm chán ngán, nỗi buồn chẳng bao lâu sẽ khiến ông hao mòn tiêu tụy hẳn. Mặc dù bà ắt phải thấy là đã thuyết phục được tôi, mặc dù bà ắt phải tin cậy ở lời hứa của tôi, song bà vẫn có vẻ không bao giờ yên tâm về chuyện này, và tôi nhớ lại rằng từ đó những cuộc gặp riêng tư của tôi với ngài Thống chế thừa thốt hơn và hầu như luôn bị gián đoạn.

Trong khi sự thô vụng và vận đen cùng hợp lực hại tôi bên cạnh bà, thì những người bà gặp gỡ và ưa mến nhiều nhất lại chẳng giúp tôi. Nhất là tu sĩ De Boufflers*, chàng thanh niên xuất sắc hết mức có thể, dường như không bao giờ vui vẻ với tôi, và chẳng những anh ta là người duy nhất trong nhóm giao du của bà Thống chế không bao giờ tỏ ra quan tâm gì đến tôi, mà tôi ngỡ như nhận thấy mỗi lần anh ta về Montmorency tôi lại mất đi điều gì đó ở bên bà, và quả thực dù anh ta không muốn chẳng nữa, thì chỉ sự hiện diện của anh ta đã đủ: vì cái duyên và ý vị đậm đà ở những lời lẽ dễ thương của anh ta càng làm cho những lời nói thô vụng không hợp lúc của tôi thêm nặng nề. Hai năm đầu, anh ta hầu như không đến Montmorency, và, nhờ sự khoan dung của bà Thống chế, tôi trụ được tạm tạm: nhưng anh ta vừa mới xuất hiện liên tục đôi chút là tôi bị áp đảo vô phương cứu vãn. Tôi những muốn nương náu dưới bóng anh ta, và làm sao cho anh ta mến mình; nhưng chính sự cau có khiến tôi thấy cần phải làm vừa lòng anh ta lại ngăn cản tôi thành công, và những gì tôi tiến hành một cách vụng về cho việc này hại tôi hẳn bên bà Thống chế, mà chẳng giúp gì được tôi bên anh ta. Với nhiều tài trí như thế, đáng lẽ anh ta có thể thành công mọi mặt; nhưng do không thể chuyên tâm và do thích chơi

bời phóng túng nên anh ta chỉ đạt được những tài năng nửa vời đủ loại. Bù lại, anh ta có rất nhiều tài năng nửa vời, và đó là tất cả những gì cần thiết trong xã hội thượng lưu nơi anh ta muốn sáng chói. Anh ta làm rất hay những câu thơ nho nhỏ, viết rất hay những bức thư nho nhỏ, gảy gót đàn cistre* đôi chút và bôi quệt đôi chút tranh bột màu. Anh ta nghĩ ra chuyện vẽ chân dung bà De Luxembourg: bức chân dung xấu ghê gớm. Bà bảo nó chẳng giống bà chút nào, và điều ấy đúng. Gã tu sĩ hiếm độc hỏi ý kiến tôi, và tôi, như một tên ngốc và như một kẻ nói dối, tôi bảo là bức chân dung giống. Tôi muốn lấy lòng tu sĩ; nhưng tôi lại không lấy lòng bà Thống chế, bà ghi nhớ hành vi đó, và tu sĩ, chơi được vở này, chế nhạo tôi. Nhờ kết quả của thử nghiệm muộn mằn này, tôi học được rằng đừng có lăm le bợ đỡ và nịnh hót bất chấp lương tri nữa.

Tài năng của tôi là nói với mọi người những sự thật hữu ích, nhưng tàn nhẫn, với khá nhiều nghị lực và can đảm; tôi cần tự hạn ở đó. Tôi chẳng hề có thiên tư, tôi không nói là để nịnh hót, mà để ngợi ca. Sự vụng về của những lời tôi muốn khen tặng làm hại tôi nhiều hơn là sự chua chát của những lời tôi chỉ trích. Tôi dẫn ra ở đây một thí dụ rất kinh khủng, đến mức hậu quả của nó chẳng những làm nên vận mệnh tôi cho đến hết đời, mà có lẽ sẽ định đoạt tiếng tăm của tôi cho toàn bộ hậu thế.

Trong những chuyến đi Montmorency, thỉnh thoảng ông De choiseul tới lâu đài dự bữa tối. Một hôm ông đến khi tôi ra khỏi lâu đài. Mọi người nói đến tôi. Ông De Luxembourg kể cho ông De choiseul nghe câu chuyện của tôi tại Venise với ông De Montaigu. Ông De choiseul bảo rằng tôi bỏ sự nghiệp này thật đáng tiếc, và nếu tôi muốn trở lại thì ông không mong gì hơn là sử dụng tôi. Ông De Luxembourg kể lại với tôi điều đó; tôi càng cảm kích hơn vì không quen được các bộ trưởng chiều chuộng, và bất chấp những quyết định của mình, nếu như sức khỏe cho phép nghĩ tới việc này, không chắc

tôi tránh được chuyện lại điên rồ lần nữa. Xưa nay tham vọng chỉ có ở tôi từng quãng thời gian ngắn ngủi khi tôi không bị bất kỳ đam mê nào khác ràng buộc, nhưng một trong những quãng ấy cũng đủ để tôi lại dẫn thân. Ý định tốt của ông De Choiseul khiến tôi mến ông và tăng thêm niềm quý trọng đối với tài năng của ông, qua một số việc do bộ của ông tiến hành, đặc biệt tôi thấy Giao ước của dòng họ* biểu thị một chính khách hàng đầu. Trong tâm trí tôi ông càng được vị nể do tôi ít trọng thị những người tiền nhiệm của ông, không trừ bà De Pompadour mà tôi coi như một kiểu thủ tướng, và khi thiên hạ đồn rằng, bà hoặc ông, một trong hai người sẽ loại người kia, tôi ngỡ mình cầu mong cho vinh quang của nước Pháp khi cầu mong cho ông De Choiseul thắng. Bao giờ tôi cũng có ác cảm với bà De Pompadour, ngay cả khi thời vận của bà chưa đến, tôi gặp bà hãy còn mang tên là bà D'Étioles, tại nhà bà De la Poplinière. Từ đó, tôi bất mãn vì bà làm thình về việc của Diderot, và vì mọi hành vi của bà đối với tôi, về *Lễ hội Ramire* và *Những Nàng Thơ phong nhã*, cũng như về vở *Thầy bói làng quê*, chẳng mang lại cho tôi, về bất cứ loại thu nhập nào, những lợi ích tương xứng với thành công của nó, và, trong tất cả các dịp, tôi đều thấy bà rất ít sẵn lòng làm ơn cho tôi, thế mà hiệp sĩ De Lorenzi vẫn đề nghị tôi làm cái gì đó ngợi ca quý phu nhân này, và bóng gió rằng việc ấy có thể hữu ích cho tôi. Đề nghị ấy càng khiến tôi công phần hơn, vì tôi thấy rõ không phải tự ý anh ta, biết rằng con người đó, bản thân vô tài, chỉ suy nghĩ và hành động do người khác giật dây. Tôi quá ít biết tự kiềm chế nên không thể giấu anh ta niềm khinh thị đối với đề nghị của anh ta, cũng chẳng giấu được ai việc tôi ít nghiêng về người tình được nhà vua sủng ái; bà ta biết như vậy, tôi tin chắc thế, và tất cả những điều này hòa lẫn lợi ích riêng với khuynh hướng tự nhiên của tôi, trong khi cầu mong cho ông De Choiseul. Quý trọng tài năng của ông, tài năng này là tất cả những gì tôi biết về ông, đầy lòng biết ơn về thiện chí của ông, từ nơi ẩn dật hoàn toàn không hay biết sở thích và cách sống của ông, tôi sớm coi ông như người sẽ báo thù cho công chúng và cho tôi, và khi đó đang làm nốt *Khế ước xã hội*, tôi liền

bày tỏ, chỉ trong một ý, những gì tôi nghĩ về những nội các trước, và về nội các đang bắt đầu làm lu mờ những nội các kia. Trong trường hợp này, tôi không theo phương châm bền vững nhất của mình, hơn nữa, tôi lại không nghĩ rằng, khi mình muốn khen và chê kịch liệt trong cùng một đoạn văn, mà không nêu tên mọi người, thì phải làm cho lời khen hết sức hợp với những người được khen, sao cho lòng tự ái đa nghi nhất cũng không thể nhầm lẫn điều nọ với điều kia. Về chuyện này tôi an tâm một cách rõ rệt đến mức thậm chí chẳng thoáng nghĩ rằng ai đó có thể để cho bị lừa. Mọi người sẽ thấy liệu tôi có lý hay không.

Một trong những may mắn của tôi là trong các mối quan hệ bao giờ cũng có các nữ tác giả. Tôi tưởng rằng trong giới quyền quý, ít ra mình cũng tránh được cái may đó. Không hề: nó còn theo tôi đến tận nơi ấy. Tuy nhiên bà De Luxembourg, theo tôi biết, không bao giờ mắc tật này; nhưng bà bá tước De Boufflers thì mắc phải. Bà làm một bi kịch bằng văn xuôi, thoát tiên được đọc, được lưu hành, rồi được tán dương trong giới giao du của hoàng thân De Conti, và chưa hài lòng về bao nhiêu lời khen ngợi, bà còn muốn hỏi ý kiến tôi để có được lời khen của tôi. Bà có được lời khen, nhưng vừa phải, như tác phẩm đáng được. Bà còn được thêm lời khuyến cáo, mà tôi cho là có nghĩa vụ đối với bà, rằng vở kịch, nhan đề *Người nô lệ hào hiệp*, tương tự rất nhiều với một vở kịch Anh, khá ít người biết, tuy thế đã được dịch, nhan đề *Oroonoko*. Bà De Boufflers cảm ơn tôi về lời khuyến cáo, song vẫn đoạn chắc với tôi rằng vở kịch của bà không hề giống vở kia. Tôi chưa từng nói với một người nào trên đời về việc đạo văn này ngoài một mình bà, và nói với bà là để thực hiện một nghĩa vụ bà đã áp đặt cho tôi; điều ấy không ngăn cản tôi từ đó nhiều lần nhớ lại số phận của Gil Blas bên ngài giám mục thuyết pháp*.

Ngoài tu sĩ De Boufflers, không ưa tôi, ngoài bà De Boufflers, đối với bà tôi mắc những sai lầm mà cả phụ nữ cả các tác gia không bao giờ tha thứ, tôi luôn thấy tất cả những người bạn khác của bà Thống chế có vẻ ít sẵn lòng làm bạn tôi, trong số đó có ông viện trưởng Hénault*, khi gia nhập hàng ngũ tác giả, chẳng tránh khỏi những tật xấu của họ; trong số đó có cả bà Du Deffand và cô De Lespinasse*, cả hai có quan hệ chặt chẽ với Voltaire, và là bạn thân của D'Alembert, người mà rốt cuộc cô De Lespinasse thậm chí sống cùng, thành tâm thành ý thông đồng, và việc này thậm chí không thể hiểu theo cách khác. Mới đầu tôi rất quan tâm đến bà Du Deffand, việc bà bị hỏng mắt khiến tôi thương cảm; nhưng cách sống của bà, hết sức trái ngược với cách sống của tôi, thành thử giờ người này thức dậy gần như là giờ người kia đi ngủ; nhiệt tình không bờ bến của bà đối với khiếu văn chương nhỏ mọn, tầm quan trọng bà dành để hoặc khen, hoặc chê loại văn tầm thường vô giá trị nhất được xuất bản; tính chất chuyên chế và hung hăng của những điều phán truyền, niềm mê say thái quá trong việc tán thành hay phản đối mọi sự, khiến bà chỉ có thể nói về bất cứ điều gì với trạng thái quẫn quại co giật; những thiên kiến không sao tin nổi, sự ngoan cố vô địch, nhiệt tâm phi lý do cố chấp trong những nhận định say sưa; tất cả những điều này khiến tôi sớm chán ngán những chăm sóc định dành cho bà; tôi sao nhãng bà; bà nhận thấy điều đó: thế là đủ để bà nổi cơn thịnh nộ, và mặc dù tôi cảm nhận khá rõ một người đàn bà với tính cách như thế có thể đáng sợ biết chừng nào, tôi vẫn thích liều mình chịu tai ách của sự căm ghét hơn là chịu tai ách của tình thân nơi bà.

Có ít bạn đến thế trong giới giao du của bà De Luxembourg còn chưa đủ, nếu tôi không có kẻ thù trong gia đình bà. Tôi chỉ có một kẻ thù, nhưng do cảnh ngộ của tôi bây giờ, đáng giá ngang một trăm kẻ. Chắc chắn đó không phải là công tước De Villeroy, anh bà; vì chẳng những ông đến thăm tôi, mà còn nhiều lần mời tôi đến Villeroy, và bởi

tôi đáp lại lời mời đó một cách kính trọng và đúng đắn hết mức có thể, nên ông dựa vào lời đáp mơ hồ ấy như một sự đồng ý, và đã thu xếp với ông bà De Luxembourg một chuyến đi khoảng mười lăm ngày mà tôi phải tham gia, và được đề xuất với tôi. Vì khi đó những sự chăm sóc do sức khỏe đòi hỏi không cho phép tôi di chuyển mà không gặp nguy hiểm, nên tôi xin ông De Luxembourg vui lòng thoái thác giúp tôi. Mọi người có thể thấy qua thư trả lời của ông (Tập D, số 3) rằng điều này diễn ra một cách ưu nhã nhất đời, và công tước De Villeroy vẫn tỏ ra hảo ý với tôi không kém trước đây. Người cháu và người thừa kế của ông, hầu tước trẻ De Villeroy, không chia sẻ thiện ý của ông bác đối với tôi, và tôi xin thú thực, cũng không chia sẻ niềm kính trọng mà tôi dành cho ông. Dáng điệu hời hợt nông nổi của anh ta khiến tôi không chịu được anh ta, và vì lạnh lùng của tôi làm anh ta ghét cay ghét đắng. Thậm chí một buổi tối anh ta làm một trò bậy bạ trong bữa ăn mà tôi gỡ ra rất dở, vì tôi đần, không nhanh trí một chút nào, và sự tức giận, thay vì mài sắc chút tài trí ít ỏi tôi có, lại lấy nó đi của tôi. Tôi có một con chó được mọi người cho khi nó còn rất nhỏ, gần như cùng lúc tôi đến ở Ermitage, và khi đó tôi đặt tên là *Duc* (Công tước). Con chó không đẹp nhưng thuộc loại hiếm, tôi đã khiến nó thành kẻ đồng hành, thành bạn của mình, và chắc chắn nó xứng với tước vị hơn phần lớn những người chiếm lấy tước vị đó, và nó đã trở nên nổi tiếng ở lâu đài Montmorency, vì bản tính quyến rũ, mẫn cảm, vì sự gắn bó giữa chúng tôi với nhau; nhưng do một sự nhát gan rất ngu dại, tôi đã đổi tên nó thành *Turc* (Thổ Nhĩ Kỳ), cứ như thể không có vô số con chó được gọi là *Marquis* (Hầu tước) mà chẳng một hầu tước nào giận vì chuyện đó. Biết việc đổi tên ấy, hầu tước De Villeroy thúc ép tôi đến mức tôi buộc phải kể lại giữa bàn ăn điều mình đã làm. Trong câu chuyện này, cái tên công tước xúc phạm vì đã đem đặt cho nó ít hơn là vì (không nhiều bằng ở chỗ) đã tước đi của nó. Tệ nhất là tại đây có mặt nhiều công tước; ông De Luxembourg là công tước, con trai ông là công tước. Hầu tước De Villeroy, được chỉ định để thành công tước, và giờ đây đang là công tước, vui mừng một

cách tàn nhẫn vì tình trạng lúng túng mà anh ta đã đẩy tôi vào, và vì hiệu quả do nỗi lúng túng này gây ra. Hôm sau mọi người cam đoan với tôi rằng bà cô đã quở trách anh ta thật kịch liệt, và mọi người có thể xét đoán sự la mắng này, giả sử có thực, liệu có cải thiện vấn đề của tôi đối với anh ta nhiều hay không.

Tôi chỉ có duy nhất hiệp sĩ De Lorenzi là chỗ dựa chống lại tất cả những điều trên, ở dinh thự Luxembourg cũng như ở tu viện Temple, anh tự nhận là bạn tôi; nhưng anh còn là bạn của D'Alembert nhiều hơn, nấp dưới bóng D'Alembert anh được giới phụ nữ coi như một nhà hình học lớn. Và chẳng anh là người hộ vệ, hay đúng hơn là người chiều nịnh bà bá tước De Boufflers, bản thân bà là bạn rất thân với D'Alembert, còn hiệp sĩ De Lorenzi chỉ hiện hữu và chỉ tư duy nhờ bà. Như vậy, đã chẳng có ở bên ngoài một đối lực nào đó cho sự vụng về ngu xuẩn của mình để nâng đỡ mình bên bà De Luxembourg, mà tất cả những gì tiếp cận bà lại dường như hợp lực để hại tôi trong tâm thức bà. Tuy nhiên, ngoài *Émile* mà bà đã muốn đảm trách, cùng thời gian này bà có một dấu hiệu khác biểu lộ niềm quan tâm và thiện ý đối với tôi, khiến tôi tin rằng, ngay cả khi chán ngán tôi, bà vẫn giữ và sẽ luôn giữ tình thân bà đã bao lần hứa với tôi cho đến hết đời.

Vừa mới cho rằng có thể trông cậy vào tình cảm này ở bà, tôi đã bắt đầu trút bớt nỗi lòng, thú nhận mọi lỗi lầm theo phương châm bất khả xâm phạm đối với bạn bè, là phô mình trước mắt họ đúng như mình vốn thế, không tốt hơn cũng chẳng tệ hơn. Tôi đã nói rõ với bà quan hệ của tôi với Thérèse và tất cả những gì là kết quả của chuyện này, không bỏ qua cách tôi sắp đặt cho những đứa con. Bà tiếp nhận những điều tôi bộc bạch rất tử tế, quá tử tế nữa, miễn cho tôi những chỉ trích mà tôi đáng bị, và, đặc biệt điều khiến tôi xúc động mãnh liệt, là thấy những hảo ý bà dành cho Thérèse, tặng cô những món quà nho nhỏ, cho người đi tìm cô, khuyến khích cô đến thăm bà, tiếp đón cô thật ân cần vồn vã, và ôm hôn cô rất thường xuyên trước mặt tất cả mọi người, cô gái tội nghiệp vô cùng cảm kích vì vui mừng và hàm

ơn, những cảm kích mà chắc hẳn tôi cũng chia sẻ; tình thân mà ông bà De Luxembourg tặng tôi thật hậu hĩnh qua Thérèse khiến tôi còn cảm động mãnh liệt hơn tình thân ông bà dành cho tôi trực tiếp.

Sự thể dừng ở đó khá lâu; nhưng cuối cùng bà Thống chế đẩy hào ý đến mức muốn rút khỏi trại trẻ một trong những đứa con của tôi. Bà biết tôi đã cho đặt một dấu hiệu đặc biệt trong tã lót của đứa đầu lòng; bà hỏi tôi bản sao của dấu hiệu đó, tôi đưa cho bà. Bà sử dụng La Roche, hầu phòng và là người tin cẩn của bà, vào công việc tìm kiếm này, anh mất công lục soát mà không tìm được gì hết, dù rằng mới sau mười hai hoặc mười bốn năm, nếu sổ sách của Trại trẻ vô thừa nhận có trật tự, hoặc nếu việc tìm kiếm được tiến hành tốt, thì dấu hiệu ấy chắc chắn phải là vô tầm tích. Dù sự thể thế nào, tôi cũng ít buồn phiền vì thất bại này hơn là sẽ buồn phiền nếu đã theo dõi đứa con ấy từ khi nó ra đời. Nếu nhờ vào tin tức dò được, người ta đưa ra cho tôi đứa trẻ nào đó như là con của tôi, thì mỗi ngờ vực liệu có phải con mình thực hay không, liệu người ta có thay thế nó bằng một trẻ khác hay không, sẽ khiến lòng tôi thắt lại vì hồi hộp lưỡng lự, và tôi sẽ chẳng được hưởng tình cảm tự nhiên đích thực với toàn bộ tính chất kỳ thú của nó: tình cảm ấy, để tự duy trì, ít ra là trong thời thơ ấu, cần được dựa trên thói quen, sự xa cách lâu dài một đứa con mà ta còn chưa biết, làm cho tình phụ tử và tình mẫu tử suy yếu, cuối cùng tuyệt diệt, và không bao giờ ta yêu đứa con đã gửi cho vú nuôi như đứa con ta đã nuôi dưỡng dưới mắt ta. Điều tôi suy ngẫm ở đây có thể giảm bớt những lỗi lầm của tôi ở kết quả của chúng, nhưng lại khiến lỗi lầm nặng thêm trong căn nguyên.

Có lẽ cũng không vô ích khi lưu ý rằng, qua sự giới thiệu của Thérèse, La Roche làm quen với bà Le Vasseur, mà Grimm tiếp tục giữ ở Deuil, kề cận Chevrette, và rất gần Montmorency. Khi tôi ra đi, tôi tiếp tục nhờ La Roche chuyển đến người đàn bà này số tiền mà tôi không ngừng gửi cho bà ta, và tôi tin rằng anh ta cũng thường mang cho bà quà cáp của bà Thống chế; như vậy chắc hẳn bà ta không đáng

phản nản, mặc dù bà ta luôn phản nản. Về Grimm, vì không thích nói về những người mà mình phải ghét, nên chỉ bất đắc dĩ tôi mới nói về anh ta với bà De Luxembourg: nhưng nhiều lần bà nhắc đến anh ta với tôi, mà không nói ra điều bà nghĩ, cũng không bao giờ để tôi biết liệu bà có quen con người ấy hay không, vì sự dè dặt đối với những người mà ta yêu mến, và họ chẳng hề dè dặt với ta, không hợp sở thích của tôi, nhất là lại về những gì liên quan đến họ, nên từ đó thỉnh thoảng tôi nghĩ tới sự dè dặt này; nhưng chỉ đến khi những biến cố khác khiến cho suy ngẫm đó thành tự nhiên.

Sau thời gian dài không nghe nói đến *Émile*, kể từ khi giao bản thảo cho bà De Luxembourg, cuối cùng tôi được biết hợp đồng đã ký kết tại Paris với nhà xuất bản Duchesne, và qua Duchesne, ký kết với nhà xuất bản Néaulme của Amsterdam. Bà De Luxembourg gửi cho tôi hai bản sao hợp đồng với Duchesne để tôi ký. Tôi nhận ra nét chữ cũng là nét chữ trong các bức thư của ông De Malesherbes mà ông không tự tay viết cho tôi. Vì chắc chắn rằng bản hợp đồng được làm với sự thừa nhận và dưới mắt vị pháp quan nên tôi ký một cách tin cậy. Về bản thảo này Duchesne trả cho tôi sáu ngàn *franc*, một nửa bằng tiền mặt, và, hình như là một trăm hay hai trăm cuốn sách. Sau khi ký hai bản sao, tôi gửi lại cho bà Thống chế cả hai, bà mong muốn như vậy: bà trao một bản cho Duchesne; bà giữ bản kia thay vì gửi lại cho tôi và tôi không bao giờ thấy lại nó.

Việc quen biết ông bà De Luxembourg, làm khuây lảng ít nhiều dự định ẩn cư nghỉ việc của tôi, đã không khiến tôi từ bỏ nó. Ngay trong thời gian được bà Thống chế ưu ái nhất, tôi vẫn luôn cảm thấy chỉ có lòng quyến luyến chân thành đối với ông Thống chế và với bà mới có thể làm tôi chịu được giới thân cận của họ, và toàn bộ nỗi lúng túng của tôi là dung hòa sự quyến luyến này với một kiểu sống phù hợp hơn với sở thích và bớt hại hơn cho sức khỏe, bị suy giảm liên miên vì sự gò bó ấy và những bữa ăn khuya ấy, dù mọi người ra sức chú ý để tôi khỏi tổn hại sức khỏe; vì về vấn đề này, cũng như bất kỳ

vấn đề nào khác, sự ân cần được đẩy đi xa hết mức có thể, chẳng hạn như, tối nào cũng vậy sau bữa ăn, ông Thống chế, thường đi ngủ sớm, thế nào cũng dẫn tôi theo để tôi cũng đi ngủ, dù thuận tình hay miễn cưỡng. Chỉ ít lâu trước thảm họa của tôi, ông mới ngừng sự chăm sóc ân cần này, không hiểu vì sao.

Trước cả khi nhận thấy sự lạnh nhạt của bà Thống chế, để khỏi lâm vào cảnh đó, tôi đã mong muốn thực thi kế hoạch cũ; nhưng do không đủ phương tiện, tôi đành phải đợi giao ước về *Émile* được thỏa thuận, và, trong khi chờ đợi, tôi làm nốt *Khế ước xã hội*, rồi gửi cho Rey, định giá bản thảo một ngàn *franc*, anh trao cho tôi số tiền đó. Có lẽ tôi không nên bỏ qua một sự việc nhỏ liên quan đến bản thảo này. Tôi giao bản thảo được niêm phong kỹ cho Duvoisin, mục sư miền Vaud, và là mục sư của sứ quán Hà Lan, ông ta thỉnh thoảng đến thăm tôi, và nhận gửi bản thảo cho Rey, mà ông có liên hệ. Bản thảo viết chữ nhỏ, nên rất bé, và không đầy túi áo mục sư. Tuy nhiên, khi đi qua giới tuyến, cái gói của ông chẳng hiểu thế nào lại rơi vào tay các nhân viên, họ mở ra, xem xét, sau đó trả lại ông khi ông nhân danh đại sứ để đòi; điều này khiến bản thân ông cũng có thể đọc nó, như ông thật thà nói với tôi là đã đọc, và rất khen ngợi tác phẩm, không một lời phê phán không một lời chỉ trích, chắc hẳn dành phần để sau này làm người phục thù cho Kitô giáo, khi sách được xuất bản. Ông ta niêm phong lại bản thảo, rồi gửi cho Rey. Đó là đại ý những gì ông kể trong bức thư thuật lại vụ việc ấy, và đó là tất cả những gì tôi được biết.

Ngoài hai cuốn sách đó và cuốn *Từ điển âm nhạc* mà thỉnh thoảng tôi vẫn làm, tôi có vài văn bản khác ít quan trọng hơn, tất cả đều có thể ra mắt, và tôi dự định công bố tiếp, hoặc riêng rẽ, hoặc trong tổng tập, nếu có khi nào tôi bắt tay vào làm tổng tập. Chủ yếu trong số văn bản, phần lớn còn ở dạng bản thảo trong tay Du Peyrou, là *Luận về nguồn gốc các ngôn ngữ*, mà tôi đưa cho ông De Malesherbes đọc và đưa cho hiệp sĩ De Lorenzi đọc, anh khen nó. Tôi tính tất cả những công trình này tập hợp lại ít ra cũng sẽ cung cấp, trừ

mọi chi phí, một cái vốn chừng tám đến mười ngàn *franc*, mà tôi định đầu tư lấy lợi tức chung thân, cho tôi cũng như cho Thérèse; sau đó như tôi đã nói, chúng tôi sẽ đến xó cùng một tỉnh lẻ nào đó sống bên nhau, chẳng còn để công chúng bận tâm về tôi, và bản thân tôi chẳng còn bận tâm về điều gì khác ngoài việc êm đềm hoàn tất sự nghiệp bằng cách tiếp tục làm điều thiện xung quanh mình đến hết mức có thể, và thông dong viết những hồi ức mình đang ngẫm nghĩ.

Đó là dự định của tôi, được một hành động hào hiệp của Rey, mà tôi không được làm thình, giúp cho việc thi hành dễ dàng hơn. Nhà xuất bản này, bị người ta nói bao điều không hay ở Paris, thế mà trong tất cả những người tôi có quan hệ công việc, lại là người duy nhất khiến tôi luôn hài lòng*. Thật vậy, chúng tôi thường hay cãi cọ về việc thực hiện các tác phẩm của tôi; anh thì khinh suất, tôi thì hay cáu giận. Nhưng về lợi ích và các biện pháp liên quan đến lợi ích, mặc dù tôi chưa bao giờ làm hợp đồng đúng thể thức với anh, song bao giờ tôi cũng thấy anh rất chính xác và trung thực. Thậm chí anh là người duy nhất đã thẳng thắn thú nhận cùng tôi rằng anh làm ăn với tôi thuận lợi, và nhiều lần đã bảo tôi rằng nhờ tôi mà anh giàu có, và đề nghị chia phần cho tôi. Do không thể tỏ lòng biết ơn trực tiếp với tôi, anh muốn ít ra cũng bày tỏ qua người phụ nữ trông nom tôi, và tặng cô một khoản lợi tức chung thân ba trăm *franc*, trong chứng thư nói là để tạ ơn về những lợi ích tôi đã đem lại cho anh. Anh làm việc này chỉ có tôi và anh biết, không phô trương, không tự phụ, không ồn ào, và nếu tôi không là người đầu tiên nói chuyện đó với tất cả mọi người, thì sẽ chẳng ai hay biết gì hết. Tôi rất cảm động vì hành vi này, thành thử từ đấy tôi gắn bó với Rey bằng một tình bạn thực sự. Ít lâu sau anh mong muốn tôi làm cha đỡ đầu cho một trong những đứa con của anh; tôi đồng ý, và một trong những điều tôi nuối tiếc trong tình thế người ta dồn tôi vào là bị họ tước mất mọi phương tiện để khiến mỗi gắn bó của mình thành hữu ích cho con gái đỡ đầu và cho cha mẹ cháu, vì sao mà, rất cảm kích trước sự hào hiệp khiêm nhường của nhà xuất bản

này, tôi lại rất ít cảm kích trước những sốt sắng ồn ào của bao người cao sang quyền quý, long trọng làm cho toàn thế giới biết điều tốt lành mà họ bảo muốn làm cho tôi, thế mà tôi lại chẳng cảm nhận được chút tốt lành nào hết? Đó là lỗi của họ chẳng, đó là lỗi của tôi chẳng? Họ chỉ kiêu căng ư, tôi chỉ vong ân bội nghĩa ư? Độc giả biết lẽ phải trái, xin hãy cân nhắc, định đoạt; còn tôi, tôi im tiếng.

Khoản trợ cấp này là một thuận lợi lớn cho sinh hoạt của Thérèse, và một sự đỡ đỡ lớn đối với tôi. Nhưng tôi không rút ra một lợi ích trực tiếp nào cho bản thân, cũng như về tất cả những quà cáp mọi người tặng cô. Bao giờ cô cũng tự mình định đoạt hết thảy. Khi giữ tiền của cô, tôi tính toán với cô rất chính xác, chẳng bao giờ tiêu một đồng kẽm nào vào chi phí chung của chúng tôi, ngay cả khi cô giàu hơn tôi. Tôi bảo cô: *Những gì của tôi là của chúng ta, còn những gì của em là của em*. Tôi không bao giờ ngừng cư xử với cô theo phương châm trên, mà tôi nhiều lần nhắc lại với cô. Những kẻ hèn hạ kết tội tôi nhận qua tay Thérèse những gì tôi từ chối nhận vào tay mình hẳn đã suy bụng ta ra bụng người, và rất ít hiểu tôi. Tôi sẵn lòng ăn cùng cô miếng ăn giả sử do cô kiếm ra, nhưng không bao giờ ăn miếng ăn giả sử cô lĩnh nhận, về vấn đề này tôi xin cô làm chứng, cả từ bây giờ, cả sau này khi mà, theo tiến trình của tự nhiên, cô còn sống sau tôi. Rủi thay về mọi bề cô đều ít biết tiết kiệm, kém cẩn thận và rất hoang phí, chẳng vì khoe khoang cũng chẳng vì ham ăn ngon, mà chỉ vì luộm thuộm, chẳng ai hoàn hảo ở cõi trần này, và bởi những phẩm chất rất tốt của cô cần được bù trừ, tôi thích cô có khuyết điểm hơn là thói xấu, mặc dù những khuyết điểm ấy có lẽ còn gây hại cho hai chúng tôi nhiều hơn. Không thể tưởng tượng nổi những lo toan của tôi đối với cô, giống như thuở xưa đối với má, để góp nhặt cho cô một khoản ứng trước nào đó một ngày kia có thể dùng làm nguồn sinh sống: nhưng bao giờ cũng là mất công vô ích. Cả má cả cô chẳng bao giờ tính toán với chính mình, và bất chấp mọi cố gắng của tôi, tất cả

cứ vào đến đâu là ra đi đến đấy. Dù Thérèse ăn mặc giản dị đến thế nào, khoản trợ cấp của Rey cũng không bao giờ đủ cho cô sắm sửa, nếu hằng năm tôi không bổ sung phần của mình. Cô cũng như tôi, chúng tôi không thích hợp để giàu có, và chắc chắn tôi không coi điều này thuộc những bất hạnh của mình.

Khế ước xã hội được in khá nhanh. Sự thế không như vậy với *Émile*, tôi đợi sách xuất bản để thực thi việc nghỉ hưu mà mình ngâm nghĩ. Thịnh thoảng Duchesne gửi cho tôi những mẫu in thử để chọn; khi tôi đã chọn rồi, thay vì bắt đầu in, ông ta lại gửi thêm những mẫu mới. Rốt cuộc khi chúng tôi đã quyết định xong xuôi về khổ sách, về chữ in, và nhiều tờ đã được in ra rồi, hể tôi sửa đôi chút trên một bản in thử, là ông bắt đầu lại tất cả, và sau sáu tháng chúng tôi tiến lên ít hơn cả ngày đầu tiên. Suốt thời gian in thử này, tôi thấy rõ tác phẩm đang được in tại Pháp, cũng như ở Hà Lan, và có hai bản đồng thời. Tôi có thể làm gì được? Tôi không còn là chủ bản thảo của mình. Tôi không hề can dự vào việc xuất bản tại Pháp, mà vẫn luôn phản đối điều đó; nhưng rốt cuộc, vì việc xuất bản ấy cứ tiến hành dù tôi thuận tình hay bất đắc dĩ, và vì nó được dùng làm mẫu cho bản kia, thì rất cần phải để mắt đến và xem các bản in thử để sách của mình không bị làm sai lệch và biến dạng, và chẳng việc in tác phẩm được vị pháp quan thừa nhận đến như vậy, thành thử có thể nói là ông chỉ huy công việc, ông viết thư cho tôi rất thường xuyên, thậm chí còn đến thăm tôi về vấn đề đó, trong một dịp mà tôi sẽ nói đến ngay lập tức.

Trong khi Duchesne tiến chậm như rùa bò, thì Néaulme, bị ông ta kìm lại, còn tiến chậm hơn nữa. Các tờ được in ra đến đâu mọi người không gửi đúng cho Néaulme đến đó. Ông ta có cảm giác rằng thủ đoạn của Duchesne, tức là của Guy, người thi hành công việc cho Duchesne, mang tà ý, và, thấy người ta không thực thi hợp đồng, ông viết cho tôi hết thư nọ đến thư kia, đầy những lời than phiền và những mối bất bình, mà tôi ít có khả năng cứu chữa hơn cả những than phiền và bất bình của tôi. Guérin bạn ông, khi đó gặp tôi rất thường xuyên,

không ngừng nói với tôi về cuốn sách đó, nhưng bao giờ cũng hết sức dè dặt. Ông biết và không biết người ta in nó ở Pháp; ông biết và không biết vị pháp quan can dự vào đó: trong khi phàn nàn cho tôi về những rắc rối mà cuốn sách sẽ đem lại, dường như ông kết tội tôi là đại dột bất cần, mà không bao giờ muốn nói sự đại dột bất cần ấy ở chỗ nào; ông không ngừng quanh co và nấn ná; dường như ông chỉ nói với tôi để làm cho tôi nói. Khi đó, tôi hoàn toàn an tâm, thành thử tôi bật cười vì giọng điệu thận trọng và bí ẩn của ông, như cười một tội bị nhậm từ các bộ trưởng và các pháp quan, ông lui tới văn phòng các vị ấy khá thường xuyên. Chắc chắn là mình hợp thể thức về mọi phương diện, vững tin rằng tác phẩm chẳng những được vị pháp quan đồng ý và bảo hộ, mà thậm chí còn xứng đáng và được nội các ưu ái, tôi mừng vì mình có can đảm làm tốt, và tôi cười những bạn bè nhát gan của mình, có vẻ lo lắng cho mình. Duclos thuộc số bạn này, và xin thú thật là niềm tin ở sự ngay thẳng và sự sáng suốt của ông lẽ ra có thể khiến tôi noi gương ông mà lo sợ, nếu như tôi bớt tin ở tính hữu ích của tác phẩm và ở đức chính trực của những người bảo hộ nó. Ông từ nhà ông Baille đến thăm tôi, trong khi *Émile* đang in, ông nói với tôi về tác phẩm: tôi đọc cho ông nghe *Tuyên tín của linh mục trợ tế miền Savoie*. Ông lắng nghe rất bình tĩnh, và dường như rất thích thú. Khi tôi đọc xong ông bảo: “Thế nào cơ, Người công dân? Cái này ở trong một cuốn sách in tại Paris sao? - Vâng, tôi bảo ông, và lẽ ra phải in tại Louvre*, theo lệnh Đức Vua. - Tôi đồng ý như vậy, ông bảo; nhưng làm ơn đừng nói với ai là anh đã đọc cho tôi nghe đoạn này.” Cách phát biểu cảm nghĩ đáng kinh ngạc ấy khiến tôi ngạc nhiên song không khiến tôi hoảng sợ. Tôi biết Duclos rất hay gặp ông De Malesherbes. Tôi khó mà hiểu được tại sao ông suy nghĩ khác biệt với ông này đến thế về cùng một điều.

Tôi sống ở Montmorency từ hơn bốn năm nay, mà không được một ngày nào khỏe mạnh. Mặc dù không khí rất tốt, song nước lại xấu,

và rất có thể đây là một trong những nguyên nhân góp phần làm các bệnh tật thường lệ của tôi nặng thêm. Vào cuối mùa thu 1761, tôi bị ốm thật sự, và suốt mùa đông đau đớn gần như không ngớt, cái đau thể chất, thêm ngàn sự lo lắng, cũng khiến tôi nhạy cảm hơn với những lo lắng đó. Từ ít lâu nay, những dự cảm âm thầm và buồn bã làm tôi bối rối, mà tôi không biết được là về chuyện gì. Tôi nhận được những bức thư ẩn danh khá kỳ lạ, và cả những bức thư có ký tên không kém kỳ lạ là mấy. Tôi nhận được thư của một ủy viên Pháp viện Paris, bất mãn với thiết chế hiện tại, và do dự đoán hậu quả chẳng lành, nên hỏi ý kiến tôi về một chốn nương thân, tại Genève hay Thụy Sĩ, để cùng gia đình rút lui về đó. Tôi nhận được thư của ông De... viện trưởng Pháp viện..., đề nghị tôi soạn thảo giúp Pháp viện này, khi đó đang bất hòa với triều đình, những bản trần tình và khuyến cáo, nhận cung cấp cho tôi mọi văn kiện và tài liệu mà tôi cần cho việc đó. Khi đang đau ốm, tôi dễ cáu giận. Tôi cáu giận khi nhận những bức thư trên, tôi đưa sự cáu giận ấy vào thư trả lời, từ chối thẳng thừng những gì mọi người yêu cầu: sự từ chối này chắc chắn không phải điều tôi tự trách, bởi những thư đó có thể là những cái bẫy của kẻ thù*, và những gì mọi người yêu cầu tôi trái ngược với những nguyên tắc mà hơn bao giờ hết tôi ít muốn vượt qua. Nhưng, trong khi có thể từ chối một cách nhã nhặn, tôi lại từ chối một cách tàn nhẫn, và tôi sai ở chỗ đó.

Mọi người sẽ thấy trong các giấy tờ của tôi hai bức thư mà tôi vừa nói tới. Thư của vị ủy viên không làm tôi hoàn toàn kinh ngạc, vì tôi cũng suy nghĩ giống như ông, và như nhiều người khác, rằng thiết chế đang suy vi khiến nước Pháp có nguy cơ sắp đổ nát. Những thất bại của một cuộc chiến bất hạnh*, tất cả đều do lỗi của chính phủ; tình trạng lộn xộn khó tin về tài chính, những xung đột liên miên trong việc cai trị, cho đến bấy giờ chia sẻ giữa hai hoặc ba bộ trưởng, người nọ công khai chống đối người kia, và để hại lẫn nhau, đẩy vương quốc xuống vực thẳm; tình trạng bất mãn chung của dân chúng và của mọi

giới trong Quốc gia; sự ngoan cố của một người đàn bà ương ngạnh, luôn vì sở thích mà hy sinh mọi hiểu biết, giả sử bà ta có hiểu biết, hầu như luôn gạt đi những người có năng lực nhất để sắp xếp chức vụ cho những người được bà ta ưa nhất: mọi điều đều hợp lực để chứng minh cho sự nhìn xa thấy trước của vị ủy viên, của công chúng và của tôi. Thậm chí sự nhìn xa thấy trước này nhiều lần khiến tôi do dự liệu bản thân mình có tìm một chốn nương thân ở bên ngoài vương quốc hay không, trước khi có những nhiễu loạn dường như đang đe dọa vương quốc; nhưng, an lòng vì sự hèn mọn và khí chất thuần hòa của mình, tôi cho rằng, trong cảnh ầm ập mà mình muốn sống, chẳng bao giờ nào có thể thâm nhập đến tận nơi mình; chỉ buồn lòng vì trong tình trạng sự vật như vậy, ông De Luxembourg lại nhận những việc ắt sẽ khiến mọi người bớt mến ông trong chính phủ, tôi những muốn dù xảy ra chuyện gì cũng mặc, ông cứ tự sắp xếp lấy một chốn rút lui, nếu bộ máy lớn đổ sập, điều này trong tình trạng hiện thời của sự vật dường như có nguy cơ xảy ra, và tôi còn thấy dường như hiện nay nếu mọi sự chỉ huy của chính phủ cuối cùng không rơi vào một bàn tay* thì chắc hẳn nền quân chủ Pháp giờ đây sẽ lâm vào thế nguy.

Trong khi thể trạng của tôi xấu đi, thì việc in *Émile* chững lại, và cuối cùng đình chỉ hẳn, mà tôi không thể biết được lý do, mà Guy không thèm viết cho tôi cũng chẳng thèm trả lời thư tôi nữa, mà tôi không thể có được tin tức của ai hết, cũng không biết gì về sự thể đang diễn ra, vì ông De Malesherbes khi đó đang ở miền quê. Một tai họa, dù như thế nào, cũng không bao giờ làm tôi bối rối và khiến tôi ngã lòng, miễn là tôi biết tai họa đó gồm những gì; nhưng khuynh hướng tự nhiên của tôi là sợ những sự tối tăm: tôi kinh hãi và căm ghét vẻ hắc ám của chúng; sự bí mật bao giờ cũng làm tôi lo lắng; nó quá phản cảm đối với bản tính cởi mở đến mức đại dột bất cần của tôi. Hình dáng con quái vật gớm guốc nhất có lẽ ít khiến tôi kinh hãi; nhưng nếu ban đêm tôi thoáng thấy một bóng hình dưới một tấm vải phủ màu

trắng, tôi sẽ sợ. Vậy là trí tưởng tượng của tôi, do sự im lặng kéo dài này khơi dậy, vẽ ra cho tôi những bóng ma. Càng hết lòng với việc công bố tác phẩm cuối cùng và hay nhất của mình, tôi càng lo lắng tìm xem điều gì có thể ngăn trở việc đó, và do luôn đưa mọi điều đến mức cực đoan, nên trong sự đình chỉ in cuốn sách, tôi ngỡ thấy sự cấm chỉ. Tuy nhiên, do không thể nghĩ ra nguyên nhân cấm chỉ cũng như cách thức, nên tôi vẫn ở trạng thái nghi ngờ hồi hộp ác nghiệt nhất đời. Tôi viết hết thư này đến thư khác cho Guy, cho ông De Malesherbes, cho bà De Luxembourg, và do thư trả lời không hề đến, hoặc không đến khi tôi chờ đợi, tôi hoàn toàn rối loạn, tôi mê sảng. Rủi thay, cùng thời gian ấy, tôi được biết Cha Griffet, giáo sĩ dòng Tên, đã nói đến *Émile*, và đã thuật lại một số đoạn. Lập tức trí tưởng tượng của tôi phóng đi nhanh như chớp, và làm lộ ra toàn bộ điều bí mật bất chính: tôi nhìn thấy sự vận hành một cách thật rõ ràng, một cách thật chắc chắn như thể nó được tiết lộ với mình. Tôi hình dung rằng các giáo sĩ dòng Tên, giận dữ vì giọng điệu khinh miệt của tôi khi nói về các giáo đoàn, đã chiếm lấy tác phẩm; rằng chính họ ngăn trở việc in; rằng được Guérin, bạn họ, cho biết thể trạng tôi hiện giờ, và thấy trước là tôi sắp chết, điều mà tôi chẳng hồ nghi*, họ định trì hoãn việc in cho đến khi đó, với ý đồ cắt xén, làm sai lạc tác phẩm, và để thực hiện dự kế, gán cho tôi những cảm nghĩ khác với cảm nghĩ của tôi. Thật kỳ lạ là biết bao nhiêu sự kiện và trạng huống đến phồng theo sự điên rồ này trong tâm trí tôi và khiến nó có vẻ giống như thực, thế nào nhỉ! Phô bày cho tôi thấy nó là hiển nhiên và thuyết minh cho nó. Guérin hoàn toàn theo các giáo sĩ dòng Tên, tôi biết như vậy. Tôi gán tất cả những sự thân tình mà Guérin ngỏ ý trước với tôi là do bọn họ, tôi tin rằng chính vì áp lực của họ mà ông thúc giục tôi điều đình với Néaulme; rằng nhờ gã Néaulme này họ đã có được những tờ đầu tiên của tác phẩm; rằng sau đó họ đã tìm được cách dừng việc in ở nhà xuất bản Duchesne, và có lẽ tìm được cách chiếm lấy bản thảo, để tha hồ sửa chữa, cho đến khi cái chết của tôi để họ được tự do công bố tác phẩm đã cải tác theo kiểu của họ. Bất chấp sự mềm mỏng nịnh nọt của cha Berthier, tôi

luôn cảm thấy các giáo sĩ dòng Tên không ưa tôi, chẳng những vì tôi là người trong nhóm Bách khoa toàn thư, mà vì mọi nguyên lý của tôi còn đối lập với các phương châm và với uy tín của họ hơn cả sự vô tín ngưỡng ở các đồng nghiệp của tôi, bởi sự cuồng tín vô thần và sự cuồng tín sùng đạo, tiếp giáp nhau ở chỗ cùng không khoan dung, thậm chí có thể hợp lại với nhau, như họ đã làm tại Trung Quốc, và như họ đang làm để chống lại tôi; còn tôn giáo có lẽ phải và có đạo lý, trong khi tước đi mọi quyền lực của con người đối với các lương tâm, không còn để lại phương kế nào cho những chủ tể độc đoán của quyền lực này. Tôi biết quan Chương ấn* cũng rất thân với các giáo sĩ dòng Tên; tôi e rằng người con, sợ uy cha, thấy mình buộc phải buông bỏ cho họ tác phẩm mà mình đã bảo hộ. Thậm chí tôi ngờ nhìn thấy tác động của sự buông bỏ này ở những chuyện người ta bắt đầu sinh sự với tôi về hai tập đầu tiên, đòi in những tờ mới để thay thế các tờ sách đã in chỉ vì những điều vặt vãnh; trong khi hai tập sau lại đầy những điều rất mạnh, thành thử nếu kiểm duyệt như hai tập trước thì có lẽ phải làm lại hoàn toàn. Tôi còn biết thêm, và tự ông De Malesherbes bảo tôi, rằng tu sĩ De Grave, mà ông giao kiểm tra cuốn sách này, lại cũng là một người tán thành các giáo sĩ dòng Tên. Đâu đâu tôi cũng chỉ thấy các giáo sĩ dòng Tên, mà không nghĩ rằng ở tình trạng sắp bị diệt trừ đến nơi, đang lo tự bảo vệ, họ còn bận việc khác chứ đâu có đi gây rắc rối về chuyện in một cuốn sách chẳng quan hệ đến họ. Tôi sai khi nói *không nghĩ*, vì tôi có nghĩ nhiều đến điều ấy, thậm chí đó là một điều được ông De Malesherbes lưu tâm để bác lại tôi ngay khi vừa biết ảo ảnh của tôi; nhưng do một tật xấu khác của một người ở xó cùng chốn ẩn cư muốn phán đoán bí mật của những đại sự mà mình chẳng biết gì hết, tôi không bao giờ muốn tin là các giáo sĩ dòng Tên gặp nguy hiểm, và tôi coi dư luận đang lan truyền là một xảo kế của họ để ru ngủ các đối thủ. Những thành công trước đây của họ, chưa khi nào tự phủ định, khiến tôi thấy thế lực của họ thật ghê gớm, thành thử tôi đã xót xa phàn nàn cho tình trạng sút giảm giá trị của Pháp viện. Tôi biết rằng ông De Choiseul từng học hành với các giáo sĩ

dòng Tên, rằng bà De Pompadour không hề bất hòa với họ, và sự liên minh của họ với các tình nương được nhà vua sủng ái và với các bộ trưởng luôn tỏ ra có lợi cho cả bên này lẫn bên kia để chống lại kẻ thù chung của hai bên. Triều đình có vẻ không can thiệp gì, và tôi tin chắc nếu có ngày dòng tu chịu thất bại nặng nề nào đó, thì chẳng bao giờ là do Pháp viện đủ sức mạnh để giáng cho nó thất bại ấy, bởi thế tôi thấy tình trạng bất động của triều đình là cơ sở cho niềm tin của các giáo sĩ dòng Tên và là điều báo trước thắng lợi của họ. Cuối cùng, do thấy mọi tin đồn hiện nay chỉ là xảo kế và cạm bẫy của họ, và ngỡ rằng họ đang an toàn, có thì giờ làm mọi thứ, tôi tin là họ sớm đề bẹp giáo phái Jansénius, và Pháp viện, và các nhà Bách khoa toàn thư, và tất cả những gì không chịu sự áp chế của họ, và cuối cùng nếu họ để cho cuốn sách của tôi ra mắt, thì chỉ sau khi đã cải tác nó đến mức biến nó thành một vũ khí, trong khi lại trưng ra cái tên của tôi để lung lạc các độc giả của tôi.

Tôi cảm thấy mình sắp chết; tôi khó mà hiểu được làm thế nào trạng thái điên cuồng vô lý ấy lại không giết hẳn tôi, vì ý nghĩ sau khi qua đời bị ô danh trong tác phẩm hay nhất và xứng đáng nhất của mình, đối với tôi hết sức đáng kinh hãi. Chưa khi nào tôi sợ chết đến thế, và tôi cho rằng nếu chết đi trong tình huống ấy tôi sẽ chết tuyệt vọng. Thậm chí giờ đây, nhìn thấy âm mưu đen tối nhất, xấu xa ghê gớm nhất xưa nay để chống lại thanh danh một con người cứ tiến hành không bị ngăn trở, tôi sẽ chết đi bình thản hơn nhiều, tin chắc để lại trong các trước tác một chứng cứ về mình sớm muộn sẽ chiến thắng âm mưu của con người.

Ông De Malesherbes, là người chứng kiến và được tôi thổ lộ những lo lắng phiền muộn, ân cần an ủi tôi, chứng tỏ một tấm lòng nhân hậu vô tận. Bà De Luxembourg tham gia nghĩa cử này, và nhiều lần đến nhà xuất bản Duchesne để biết tình hình ra sách như thế nào. Cuối cùng việc in sách lại tiếp tục và tiến hành suôn sẻ hơn, mà tôi

không bao giờ biết được vì sao nó đã bị đình lại. Ông De Malesherbes chịu khó đến Montmorency để trấn an tôi: ông thành công, và vì niềm tin trọn vẹn ở đức chính trực của ông thẳng tình trạng thác loạn trong cái đầu óc tội nghiệp của tôi, nên mọi điều ông làm để tôi hồi tỉnh đạt được kết quả. Sau tất cả những gì đã nhìn thấy về những lo âu, về tình trạng mê sảng của tôi, đương nhiên ông thấy tôi rất đáng ái ngại, vì thế ông ái ngại, ông nhớ lại những luận điệu được nhai đi nhai lại không ngừng của bè đảng triết gia bao quanh ông. Khi tôi đến sống ở Ermitage, họ rêu rao, như tôi đã kể, là tôi sẽ chẳng trụ được lâu dài. Khi thấy tôi kiên trì, họ bảo đó là do ngoan cố, do kiêu ngạo, do xấu hổ nếu nuốt lời, nhưng tôi buồn chán đến chết đi được, và tôi sống tại đó rất khổ sở. Ông De Malesherbes tin điều ấy và viết thư cho tôi. Cảm kích trước sự lầm lẫn của một người mà mình rất quý trọng, tôi viết cho ông bốn bức thư liên tiếp, trình bày với ông những lý do đích thực của cách mình xử sự, miêu tả trung thực với ông những sở thích của mình, những thiên hướng của mình, tính cách của mình, và tất cả những gì diễn ra trong lòng mình. Bốn bức thư, không nháp, viết rất nhanh, theo đà bút, thậm chí không đọc lại, có lẽ là thứ duy nhất tôi viết một cách dễ dàng trong suốt cuộc đời mình, điều này thật lạ lùng giữa cảnh ốm đau và giữa tình trạng ngã lòng đến cực độ. Cảm thấy mình suy nhược, tôi than van vì nghĩ rằng mình để lại trong tâm trí những người lương thiện một ý kiến rất ít chính xác về mình, và qua sự phác họa vội vàng trong bốn bức thư, có thể nói là tôi cố thay cho những hồi ức đã dự định viết. Những bức thư ấy, được ông De Malesherbes thích, và phô ra tại Paris, có thể nói là bản tóm lược những gì tôi trình bày chi tiết hơn ở đây, và với tư cách ấy, xứng đáng được lưu giữ. Mọi người sẽ thấy trong các giấy tờ của tôi bản sao ông cho chép lại theo yêu cầu của tôi, và gửi cho tôi vài năm sau.

Từ nay điều duy nhất khiến tôi phiền não khi nghĩ đến cái chết nay mai của mình là không có một người nào tin cần có học thức mà tôi có thể ký thác các giấy tờ để làm công việc tuyển chọn sau tôi. Từ

chuyển về thăm Genève, tôi đã kết thân với Moulto; tôi thấy mến chàng thanh niên này, và những mong anh đến vượt mắt cho mình; tôi bày tỏ với anh mong muốn ấy, và tôi tin là anh sẽ vui thích thực hiện hành vi nhân đạo đó, nếu như công việc và gia đình của anh để cho anh có khả năng thực hiện. Không có được niềm an ủi ấy, tôi muốn ít ra cũng bày tỏ sự tin cậy của mình, bằng cách gửi cho anh *Tuyên tín của linh mục trợ tế miền Savoie* trước khi xuất bản. Anh mãi ngần ngại; nhưng trong thư trả lời dường như không cùng chia sẻ trạng thái an tâm của tôi lúc đó trong khi tôi chờ đợi kết quả việc công bố cuốn sách. Anh mong muốn có một đoạn trước tác nào đó của tôi mà không ai khác có được. Tôi gửi cho anh *Điều văn kính viếng công tước D'Orléans*, mà tôi đã làm cho tu sĩ D'Arty, và không được đọc, vì, trái với sự chờ đợi của tu sĩ, ông không được đảm trách.

Việc in sách, sau khi tiến hành lại, cứ tiếp tục, thậm chí hoàn thành khá yên ổn, và tôi nhận thấy có điều lạ lùng, là sau những tờ sách thay thế mà người ta đã nghiêm khắc đòi hỏi cho hai tập đầu, họ thông qua hai tập sau chẳng nói năng gì, và nội dung của chúng chẳng gây trở ngại gì cho việc xuất bản. Tuy nhiên tôi hãy còn ít nhiều lo lắng chẳng nên bỏ qua không kể lại. Sau khi đã sợ hãi các giáo sĩ dòng Tên, tôi sợ các giáo sĩ phái Jansénius và các triết gia. Thù địch với tất cả những gì gọi là đảng, phe, phái, tôi chưa bao giờ chờ đợi điều gì tốt đẹp ở những người thuộc các bè nhóm ấy. Ít lâu nay, những *Mụ lảm chuyện** đã rời nơi ở cũ, và đã định cư ngay gần tôi, thành thử từ phòng của họ nghe được tất cả những gì mọi người nói trong phòng tôi và trên khoảnh đất đắp cao, và từ khu vườn của họ có thể trèo rất dễ dàng qua bức tường thấp ngăn vườn ấy với Vọng lâu của tôi. Tôi đã biến Vọng lâu này thành thư phòng, nên ở đó tôi có một cái bàn đầy những bản in thử cùng những tờ của *Émile* và *Khế ước xã hội*, và người ta gửi cho tôi đến đâu tôi đóng thành sách đến đó, nên tôi có tất cả các tập sách của mình từ lâu trước khi chúng được xuất bản. Sự lơ đãng, sự luộm thuộm, niềm tin của tôi đối với ông Mathas, chủ khu

vườn đóng kín mà tôi ở bên trong, khiến cho nhiều lần tôi quên đóng cửa Vọng lâu buổi tối, và sáng ra thấy nó mở toang, chuyện này chẳng làm tôi lo lắng mấy, nếu tôi không ngờ như thấy giấy tờ của mình bị xáo trộn. Sau nhiều lần để ý như vậy, tôi trở nên cẩn thận hơn trong việc đóng cửa vọng lâu. Ổ khóa không tốt, chìa chỉ đóng được nửa vòng. Đã lưu ý hơn, tôi thấy còn lộn xộn nhiều hơn khi mình để mở toang. Cuối cùng, một trong những tập sách của tôi biến mất trong một ngày hai đêm, mà tôi không thể biết được nó ra sao cho đến sáng hôm thứ ba, khi thấy lại nó trên bàn. Tôi không nghi ngờ và chưa bao giờ nghi ngờ ông Mathas, cũng không nghi cháu ông là ông Dumoulin, vì biết rằng cả hai người đều yêu mến tôi, và tôi hoàn toàn tin ở họ. Tôi bắt đầu kém tin các *Mụ lắm chuyện*. Tôi biết, mặc dù theo phái Jansénius, song họ có liên hệ ít nhiều với D'Alembert và cùng ở một nhà.

Điều này làm tôi hơi lo ngại, và khiến tôi chú ý hơn. Tôi đem giấy tờ về phòng mình, và thôi hẳn việc gặp gỡ những con người ấy, vả chẳng đã biết là họ khoe khoang tại nhiều nhà tập đầu của *Émile* mà tôi đã bắt cần cho họ mượn. Mặc dù họ vẫn là hàng xóm của tôi cho đến khi tôi ra đi, song từ đấy tôi không còn giao tiếp với họ nữa.

Khế ước xã hội ra mắt trước *Émile* một hoặc hai tháng. Rey, mà tôi luôn yêu cầu không bao giờ được lén lút đưa vào nước Pháp bất kỳ cuốn sách nào của tôi, trình với vị pháp quan để xin phép đưa *Khế ước xã hội* vào Pháp qua Rouen, anh gửi sách đến đó bằng đường biển. Rey không hề được trả lời: các kiện sách ở lại Rouen nhiều tháng ròn, rồi họ gửi trả anh, sau khi định tịch thu, nhưng anh làm âm ỉ nhiều quá thành thử họ trả lại. Những kẻ hiếu kỳ lấy từ Amsterdam vài cuốn, được lưu hành không ồn ào lắm. Mauléon, đã nghe nói về cuốn sách, còn xem được đôi chút, nói với tôi bằng một giọng bí ẩn khiến tôi ngạc nhiên, thậm chí có thể lo ngại, nếu như, tin chắc mình hợp thể thức về mọi phương diện và chẳng có điều gì phải tự trách, tôi không

tự trấn an bằng phương châm lớn lao của mình. Thậm chí tôi tin rằng ông De Choiseul, vốn đã sẵn lòng giúp tôi, còn cảm kích trước lời ca ngợi mà vì quý trọng ông tôi đã viết trong tác phẩm, sẽ ủng hộ tôi trong tình huống này chống lại ác ý của bà De Pompadour.

Chắc chắn tôi có lý do, bấy giờ cũng như bao giờ, để trông cậy vào hảo ý của ông De Luxembourg và sự giúp đỡ của ông khi cần thiết; vì chưa khi nào ông tỏ ra thân ái với tôi một cách thường xuyên hơn thế và cảm động hơn thế. Trong lần ông về vào dịp lễ Phục sinh, vì thể trạng bi đát khiến tôi không tới Lâu đài được, chẳng một ngày nào ông không đến thăm tôi, và cuối cùng, thấy tôi đau đớn không ngớt, ông cố công nhiều đến mức khuyên được tôi quyết định gặp thầy dòng Côme*, cho đi tìm thầy Côme, đích thân dẫn thầy đến, và có sự can đảm, quả thật hiếm thấy, và đáng được kính mến ở một vị đại công hầu, là ở lại nhà tôi suốt thời gian thao tác chữa trị kéo dài và đau đớn. Tuy nhiên vấn đề chỉ là luân que dò, nhưng mọi người chẳng bao giờ làm được điều đó cho tôi, ngay cả Morand người đã nhiều lần tiến hành và lần nào cũng thất bại. Thầy Côme, có bàn tay khéo léo và nhẹ nhàng vô song, cuối cùng đưa được vào một ống dò rộng cực nhỏ, sau khi đã làm tôi đau đớn rất nhiều trong hơn hai giờ đồng hồ, suốt thời gian ấy tôi cố nén rên rỉ, để không làm tan nát con tim nhạy cảm của vị Thống chế nhân hậu. Thăm khám lần thứ nhất, thầy Côme ngỡ thấy một hòn sỏi lớn, và bảo tôi như thế; lần thứ hai, thầy không thấy nữa. Sau khi dò lại lần thứ hai rồi lần thứ ba, với một sự cẩn thận và một sự chính xác khiến tôi thấy thời gian dài hết sức, thầy tuyên bố không có sỏi, nhưng tiền liệt tuyến to khác thường và có u cứng; thầy thấy bàng quang to và tình trạng tốt, và cuối cùng tuyên bố rằng tôi sẽ đau rất nhiều, và tôi sẽ sống lâu. Nếu điều tiên đoán thứ hai cũng ứng nghiệm như điều tiên đoán thứ nhất, thì những đớn đau khổ sở của tôi chưa sẵn sàng kết thúc.

Thế là sau khi đã được chữa trị liên tiếp, trong bao nhiêu năm trời, hai chục căn bệnh mà mình không mắc, cuối cùng tôi biết rằng bệnh của tôi, nan y nhưng không chết người, sẽ tồn tại lâu dài ngang với tôi. Trí tưởng tượng, được nhận thức này ngăn lại, không còn để tôi thấy viễn cảnh một cái chết ác nghiệt trong những đau đớn của sỏi bàng quang nữa. Tôi không còn sợ rằng một mẫu ống dò, bị gãy trong niệu đạo, từ lâu rồi, có thể làm nhân lõi cho một viên sỏi. Được giải thoát khỏi những bệnh tưởng, còn ác nghiệt với tôi hơn bệnh thực, tôi chịu đựng bệnh thực một cách bình tĩnh hơn. Kể từ thời gian đó, tôi thường xuyên ít đau hơn rất nhiều so với từ trước tới nay, và chẳng khi nào nhớ lại mình đỡ được như vậy là nhờ ông De Luxembourg, mà tôi không cảm động hồi tưởng đến anh linh ông.

Có thể nói là trở lại với cuộc sống và bận tâm hơn bao giờ hết về kế hoạch sống quãng đời còn lại, tôi chỉ chờ *Émile* được xuất bản để thực thi kế hoạch ấy. Tôi mơ tưởng đến Touraine, nơi tôi từng ở, và rất thích, vì sự hiền hòa của khí hậu cũng như sự hiền hòa của dân cư.

La terra molle e lieta e diletta

*Simili a se gli abitatori produce.**

Tôi đã từng nói về dự định của mình với ông De Luxembourg, ông từng muốn can tôi; một lần nữa tôi nói lại với ông như về một điều đã được quyết định. Thế là ông đề xuất lâu đài Merlou, cách Paris mười lăm dặm, như một chốn nương náu có thể hợp với tôi, và hai ông bà sẽ vui lòng để tôi đến cư ngụ. Đề nghị này khiến tôi cảm động và cũng vừa ý. Trước hết, phải xem địa điểm; chúng tôi thỏa thuận về ngày mà ông Thống chế sẽ cử người hầu phòng đi xe đến, để đưa tôi tới đó. Ngày hôm ấy tôi rất khó ở; phải hoãn lại, rồi những trắc trở bất chợt ngăn cản tôi tiến hành việc này. Sau đó được biết đất Merlou không thuộc ngài Thống chế, mà là của phu nhân, tôi nguôi khuây dễ dàng hơn về chuyện mình đã không đi.

Cuối cùng *Émile* ra mắt, mà tôi không còn nghe nói đến những tờ sách thay thế hay đến khó khăn nào khác nữa. Trước khi tác phẩm được công bố, ông Thống chế yêu cầu tôi đưa lại tất cả những bức thư của ông De Malesherbes có liên quan đến tác phẩm. Niềm tin tưởng rất lớn ở cả hai người, trạng thái an tâm sâu sắc, ngăn tôi suy nghĩ về điều gì đó khác thường thậm chí đáng lo ngại trong yêu cầu này. Tôi trả lại các bức thư, trừ một hai bức, do vô ý nên còn sót lại trong các quyển sách. Trước đó ít lâu, ông De Malesherbes đã bày tỏ với tôi là ông sẽ lấy lại những bức thư tôi viết cho Duchesne trong thời gian tôi lo sợ về các giáo sĩ dòng Tên, và phải thú nhận rằng những thư ấy chẳng làm vẻ vang lắm cho lý trí của tôi. Nhưng tôi bày tỏ với ông là trong bất cứ chuyện gì tôi đều không muốn được coi như tốt đẹp hơn là tôi vốn thế, và ông có thể để lại thư cho Duchesne. Tôi không rõ ông đã làm những gì.

Việc công bố cuốn sách này không hề có sự hoan nghênh rầm rộ thường theo sau việc xuất bản mọi trước tác của tôi. Chẳng bao giờ có một công trình được những lời khen ngợi riêng tư nồng nhiệt đến thế và ít được công khai tán thành đến thế. Điều mà những người có khả năng xét đoán nhất nói với tôi, viết cho tôi, khiến tôi vững tin rằng đây là trước tác hay nhất của tôi, cũng là trước tác quan trọng nhất. Nhưng tất cả những điều này được nói với những sự thận trọng kỳ cục nhất, như thể cần phải giữ bí mật về cái hay cái tốt mà người ta nghĩ về tác phẩm. Bà De Boufflers, người bày tỏ với tôi rằng tác giả cuốn sách này xứng đáng được dựng tượng và được mọi con người tôn vinh, cuối thư chẳng khách sáo yêu cầu tôi gửi trả lại thư cho bà. D'Alembert, người viết rằng tác phẩm này quyết định sự ưu việt của tôi, và ắt phải khiến tôi đứng đầu mọi văn nhân, không hề ký tên trong thư, mặc dù anh đã ký tất cả các bức thư gửi tôi cho đến bấy giờ. Duclos, ông bạn tin cậy, con người chân thực, nhưng cẩn thận, và trọng thị cuốn sách này, tránh phát biểu bằng văn bản viết. La Condamine lao vào *Tuyên tín* và nói huyên thuyên, Clairaut, trong thư

cũng giới hạn ở đoạn này, nhưng không sợ phát biểu niềm xúc động khi đọc sách, và bày tỏ với tôi, đây là ngôn từ của chính ông, rằng việc đọc ấy đã sưởi ấm tâm hồn già nua của ông: trong tất cả những người tôi đã gửi tặng sách, ông là người duy nhất nói lên một cách công khai và thẳng thắn với toàn thể mọi người tất cả điều hay điều tốt ông nghĩ về nó.

Mathas, mà tôi cũng tặng một cuốn trước khi sách được đưa ra bán, cho ông De Blaire mượn, ông là ủy viên Pháp viện, thân phụ của quan giám sát Strasbourg. Ông De Blaire có một nhà nghỉ nông thôn tại Saint-Gratien, và Mathas, người quen cũ, thỉnh thoảng đến đó thăm ông khi có thể. Mathas cho ông De Blaire đọc *Émile* trước khi sách được công bố. Khi trả lại sách, ông De Blaire nói đúng những lời này, được thuật lại cho tôi ngay hôm ấy: “Ông Mathas ạ, đây là một cuốn sách rất hay, nhưng ít lâu nữa sẽ được nói đến nhiều hơn là điều đáng mong muốn đối với tác giả.” Khi Mathas kể lại cho tôi lời nói ấy, tôi chỉ cười, và chỉ nhìn thấy ở đó sự quan trọng của một pháp quan, điều gì cũng đưa bí mật vào. Mọi lời lẽ đáng lo ngại đến tai tôi đều chẳng tác động đến tôi nhiều hơn, và, chẳng hề dự liệu gì thảm họa đang cận kề, tin chắc ở tính hữu ích, ở cái hay cái đẹp của công trình, tin chắc mình hợp thể thức về mọi phương diện, tin chắc, như tôi tưởng, ở toàn bộ uy tín của bà De Luxembourg và ở sự ưu ái của nội các, tôi tự khen mình đã quyết định lui về ở ẩn giữa lúc đang chiến thắng, và khi vừa dè bẹp mọi kẻ ghen ghét.

Một điều duy nhất khiến tôi lo sợ trong việc công bố cuốn sách này, và lo sợ vì sự an toàn của mình ít hơn là vì sự yên ổn trong tâm tưởng. Ở Ermitage, ở Montmorency, tôi đã thấy sát gần và công phần, những sự phiền hà mà do chăm chăm lo toan cho thú vui của các vị vương hầu, người ta hành các nông dân bất hạnh, họ buộc phải chịu thiệt hại vì muông thú phá phách đồng ruộng, chỉ dám tự bảo vệ nhờ tiếng động, và buộc phải qua đêm giữa những cây đậu tằm, cây đỗ của mình với nào chào, nào chuông, nào trống, để xua những con lợn

rừng. Chứng kiến sự tàn nhẫn man rợ mà bá tước De Charolais cho đối xử với những con người tội nghiệp này, ở cuối cuốn *Émile*, tôi công kích sự tàn ác đó. Lại một vi phạm nữa đối với các phương châm của mình, và chẳng khỏi bị trừng phạt. Tôi được biết các sĩ quan của hoàng thân De Conti xử sự tàn nhẫn chẳng kém trên đất đai của hoàng thân; tôi sợ ông hoàng mà tôi bội phần kính trọng và biết ơn, lại tự quy về mình những gì mà lòng thương người bị kích động đã khiến tôi nói về bác của ông, và ông tự thấy bị xúc phạm. Tuy nhiên, vì lương tâm tôi khiến tôi hoàn toàn vững dạ về điều này, nên tôi an lòng trước sự làm chứng của lương tâm, và tôi làm đúng. Ít ra, tôi không bao giờ nghe nói là vị vương công quyền quý ấy có chú ý gì đến đoạn văn trên, viết ra rất lâu trước khi tôi có vinh dự được ông biết tới.

Ít ngày trước hoặc sau khi sách xuất bản, vì tôi không nhớ thật chính xác thời gian, xuất hiện một tác phẩm khác về cùng vấn đề, lấy từng chữ một từ tập đầu của tôi, ngoại trừ vài điều tầm thường vô vị xen lẫn vào phần trích này. Cuốn sách ấy mang tên một người Genève là Balexert, và nhan đề có ghi đã được giải của Viện Hàn lâm Harlem. Tôi dễ dàng hiểu rằng viện hàn lâm này và giải này vừa mới được bày đặt ra, để nguy trang việc đạo văn trước mắt công chúng; nhưng tôi cũng thấy là ở đây có âm mưu nào đó từ trước, mà tôi không hiểu gì hết; hoặc truyền đi bản thảo của tôi, không thể thì việc ăn cắp không thể thực hiện được; hoặc dựng chuyện về cái gọi là giải thưởng, chuyện này cần có một cơ sở nào đấy. Chỉ rất nhiều năm sau, từ một lời do D'Ivernois* buột miệng, tôi mới thấu suốt được bí mật và thoáng thấy những kẻ đã sử dụng tay Balexert này.

Bắt đầu nghe thấy những tiếng ầm ào đi trước cơn bão, và tất cả những người sắc sảo đôi chút đều thấy rõ một âm mưu nào đó đang ngấm ngấm xung quanh cuốn sách của tôi và tôi, và sẽ sớm bùng nổ. Còn tôi, an tâm, ngu ngốc, đến mức không hề dự liệu tai họa của mình, mà còn không ngờ cả nguyên nhân của tai họa, sau khi đã chịu

đựng hậu quả. Họ bắt đầu loan tin một cách khá khéo léo là trong khi nghiêm trị các giáo sĩ dòng Tên thì không thể tỏ ra khoan dung một cách thiên vị đối với những cuốn sách và những tác giả công kích tôn giáo. Họ chê trách tôi đã đề tên mình ở *Émile*, cứ như thể tôi không đề tên ở tất cả những trước tác khác, mà họ chẳng nói năng gì hết. Đường như họ e ngại thấy buộc phải tiến hành một số việc mà họ sẽ làm một cách miễn cưỡng, nhưng do tình huống mà trở nên cần thiết, và do sự khinh suất của tôi mà ra nông nổi. Những tin đồn này đến tai tôi và chẳng làm tôi lo ngại mấy: thậm chí tôi chẳng hề nghĩ rằng trong tất cả vụ việc này có thể có điều gì liên quan đến cá nhân mình, tôi tự cảm thấy hoàn toàn không tỳ vết, được ủng hộ đến thế, hợp thể thức đến thế về mọi phương diện, và tôi không sợ bà De Luxembourg để mặc tôi gặp rắc rối, vì một lỗi lầm mà, nếu có, thì hoàn toàn chỉ do một mình bà. Nhưng biết rằng trong trường hợp như vậy sự thể thường diễn ra như thế nào, và thông lệ là nghiêm trị các nhà xuất bản còn thì nương nhẹ các tác giả, tôi chẳng khỏi lo lắng cho Duchesne tội nghiệp, nếu bị ông De Malesherbes bỏ rơi.

Tôi vẫn bình tĩnh. Tin đồn gia tăng, và chẳng bao lâu thay đổi giọng điệu. Công chúng, nhất là Pháp viện, dường như tức giận vì sự bình tĩnh của tôi. Sau vài ngày, sự xôn xao trở nên dễ sợ, và những lời đe dọa thay đổi mục tiêu nhằm thẳng vào tôi. Mọi người nghe nói một cách thật công nhiên với các thành viên Pháp viện rằng đốt sách chẳng được việc gì, mà phải thiêu các tác giả. Về các nhà xuất bản, họ không hề nhắc đến. Lần đầu tiên những lời lẽ này, xứng đáng với một quan tòa xét xử dị giáo ở Goa* hơn với một nguyên lão, đến tai tôi, tôi tin rằng đó là một sự bày đặt của nhóm Holbach để cố làm tôi hoảng sợ và xúi giục tôi chạy trốn. Tôi bật cười vì mưu mẹo trẻ con này, và vừa coi khinh họ, tôi vừa tự nhủ nếu như họ biết chân tướng của sự vật, chắc họ sẽ tìm cách nào đó khác để làm tôi sợ; nhưng cuối cùng tiếng đồn lớn đến mức rõ ràng đó là chuyện thực. Năm ấy ông bà De Luxembourg về Montmorency lần thứ hai sớm hơn, thành thử họ ở đó

vào đầu tháng Sáu. Tại đây tôi rất ít nghe nói đến những cuốn sách mới của tôi, bất chấp tiếng đồn do sách gây ra ở Paris, và các chủ nhà thì không hề nói gì với tôi. Tuy nhiên một buổi sáng, khi chỉ có riêng mình tôi với ông De Luxembourg, ông bảo tôi: “Ông đã nói điều không hay về ông De Choiseul trong *Khế ước xã hội* ư? - Tôi ư? Tôi vừa lùì lại vì kinh ngạc vừa nói, không, tôi xin thề với ngài; nhưng bù lại, bằng một ngòi bút chẳng hay khen ngợi, tôi đã viết lời ca tụng đẹp đẽ nhất mà chưa một bộ trưởng nào từng nhận được.” Và ngay lập tức tôi thuật lại cho ông đoạn văn đó. “Thế còn trong *Émile*? Ông hỏi tiếp. - Không một lời nào hết, tôi đáp; không một lời một chữ nào liên quan đến ngài ấy. - A! Ông nói, một cách nóng nảy hơn thường ngày, phải làm đúng như thế trong cuốn sách kia, hoặc phải rõ ràng hơn! - Tôi cho rằng mình đã rõ ràng, tôi nói thêm; tôi quý trọng ngài ấy đủ để làm như vậy.” Ông sắp nói tiếp; tôi thấy ông sẵn sàng cười mở; ông tìm mình lại và nín lặng, chính sách khôn khéo của triều thần, chế ngự ngay cả tình bạn trong những tấm lòng tốt nhất!

Cuộc trò chuyện này, dù ngắn ngủi, cũng soi sáng cho tôi về tình thế của tôi, ít ra ở phương diện nào đó, và khiến tôi hiểu rằng đúng là người ta có ác cảm với mình. Tôi xót xa cho cái số phận kỳ quái nó xoay chuyển tất cả những điều hay điều tốt tôi nói và làm thành bất lợi cho tôi. Tuy nhiên, cảm thấy trong vụ này mình được bà De Luxembourg và ông De Malesherbes che chắn, tôi không hiểu người ta có thể làm thế nào để gạt họ ra và đến được tận nơi tôi: vả chăng từ khi đó tôi cảm nhận rõ là sẽ không còn có chuyện công bình cũng chẳng có chuyện công lý nữa, và người ta sẽ chẳng bận tâm xem xét liệu tôi có thực sự sai trái hay không. Trong khi đó bão tố gầm gào ngày một mạnh hơn. Cho đến cả Néaulme, tản mạn đây đó trong những lời ba hoa, cũng tỏ ra với tôi là ân hận đã dính dáng vào tác phẩm này, và có vẻ tin chắc ở số phận đang đe dọa cuốn sách và tác giả. Tuy nhiên một điều vẫn khiến tôi an tâm: tôi thấy bà De

Luxembourg thật bình tĩnh, thật hài lòng, thậm chí thật tươi cười, thành thử chắc hẳn bà phải thật tự tin, mới không áy náy chút nào cho tôi, mới không nói lấy một lời thương cảm cũng chẳng một lời xin lỗi, mới nhìn chiều hướng sắp tới của vụ việc một cách thản nhiên đến thế, cứ như thể bà chẳng hề dính dáng, và chẳng hề quan tâm đến tôi chút nào. Điều khiến tôi ngạc nhiên là bà chẳng nói gì với tôi hết: tôi thấy lẽ ra bà phải bảo tôi điều gì đó. Bà De Boufflers có vẻ ít bình tĩnh hơn. Bà đi đi về về với thái độ phiền muộn bất an, hoạt động rất nhiều, và đảm bảo với tôi là hoàng thân De Conti cũng đang hoạt động rất nhiều để đỡ miếng đòn người ta chuẩn bị cho tôi, và bà vẫn luôn dõi tại tình huống hiện thời, trong tình huống ấy Pháp viện cần không để cho các giáo sĩ dòng Tên buộc tội là thờ ơ về tôn giáo. Tuy nhiên bà có vẻ ít trông cậy vào thành công từ những sự vận động của hoàng thân và của mình. Những lời bà trò chuyện, gây sợ hãi hơn là trấn an, tất thấy đều có ý khuyến khích tôi thoái lui ẩn trốn, và bà luôn khuyên tôi sang Anh, bà giới thiệu cho tôi nhiều bạn bè bên đó, trong số này có Hume danh tiếng, là bạn của bà từ lâu. Thấy tôi vẫn nhất quyết bình tĩnh, bà đổi sang một chiều hướng có khả năng lay chuyển tôi nhiều hơn. Bà làm cho tôi hiểu rằng nếu bị bắt giữ và thẩm vấn, là tôi tự đặt mình vào tình thế bất đắc dĩ phải nêu tên phu nhân De Luxembourg, và tình thân của phu nhân đối với tôi rất đáng để tôi đừng khiến mình lâm vào cảnh làm phu nhân bị liên lụy. Tôi đáp lại rằng trong trường hợp như vậy phu nhân có thể yên tâm, và tôi sẽ không hề làm liên lụy đến phu nhân. Bà phản bác rằng có quyết định ấy thì dễ hơn là thực thi quyết định ấy, và về điều này bà có lý, nhất là đối với tôi, người rất quyết tâm không bao giờ tự mình bội ước với mình cũng không bao giờ đối trá trước quan tòa, cho dù nguy hiểm đến thế nào khi nói sự thật.

Thấy rằng suy nghĩ này đã có ít nhiều ảnh hưởng với tôi, tuy nhiên tôi vẫn không thể quyết định bỏ trốn, bà bèn nói với tôi về nhà ngục Bastille, trong vài tuần lễ, như một phương kế để tôi thoát khỏi quyền hạn của Pháp viện, thường không dính dáng đến các tù nhân

Nhà nước. Tôi chẳng phản bác gì ân huệ lạ lùng ấy, miễn là nó không được cầu xin nhân danh tôi. Vì bà không nói với tôi chuyện đó nữa, nên về sau tôi phán đoán rằng bà chỉ đề xuất ý tưởng này để thăm dò tôi, và người ta không muốn một kế sách kết thúc mọi sự.

Ít ngày sau, ông Thống chế nhận được của cha xứ làng Deuil, bạn của Grimm và của bà D'Épinay, một bức thư thông báo điều ông ta bảo được biết từ nguồn chắc chắn là Pháp viện sẽ khởi tố tôi một cách nghiêm khắc nhất, và ngày này ngày nọ, mà ông ta chỉ rõ, tôi sẽ có lệnh tạm giữ. Tôi nhận định thông báo trên do nhóm Holbach bày đặt; tôi biết Pháp viện rất chú ý đến thể thức, và trong trường hợp này mà khởi đầu bằng một lệnh tạm giữ, trước khi biết về mặt pháp luật liệu tôi có thừa nhận cuốn sách hay không, và liệu tôi có thực sự là tác giả của nó hay không, thì đó là vi phạm mọi thể thức. Tôi bảo bà De Boufflers: “Chỉ những trọng tội làm tổn hại đến an ninh chung, người ta mới dựa vào chứng tích đơn thuần mà hạ lệnh tạm giữ các bị cáo, vì sợ họ thoát khỏi hình phạt, còn khi muốn trừng phạt một tội như tội của tôi, nó đáng được vinh danh và ban thưởng, thì người ta khởi tố cuốn sách, và hết sức tránh công kích tác giả.” Về điều này bà có một sự phân biệt tinh vi mà tôi đã quên mất, để chứng minh cho tôi rằng chính vì ưu đãi mà người ta hạ lệnh tạm giữ tôi, thay vì triệu tôi ra tòa để cung khai. Hôm sau tôi nhận được một bức thư của Guy, nói rõ rằng, do cùng ngày hôm ấy anh ta ở chỗ quan Tổng biện lý, nên đã nhìn thấy trên bàn giấy của ông bản nháp một cáo trạng lên án *Émile* và tác giả cuốn sách. Xin hãy lưu ý rằng tay Guy này là người cộng tác với Duchesne, anh ta đã in tác phẩm, và, rất yên tâm về phần của chính mình, vì lòng nhân ái mà thông báo điều trên đây cho tác giả. Mọi người có thể xét xem tôi thấy tất cả những chuyện đó đáng tin đến thế nào chứ! Đơn giản đến thế ư, tự nhiên đến thế ư, chuyện một nhà xuất bản tiếp kiến quan Tổng biện lý bình thản đọc những bản thảo và những tờ nháp tản mác trên bàn giấy của vị pháp quan này! Bà De Boufflers và một số người khác xác nhận với tôi cũng điều ấy.

Nghe những điều phi lý mà người ta không ngừng nói đi nói lại với mình, tôi toan nghĩ rằng toàn thể thiên hạ đã hóa rồ.

Cảm nhận rõ bên dưới tất cả những chuyện này có bí mật nào đó mà người ta không muốn nói với mình, tôi bình thản chờ đợi biến cố, tin cậy vào sự chính trực của mình và vào sự vô tội trong toàn bộ vụ việc, và dù có thể bị ngược đãi đến thế nào, cũng quá hạnh phúc được vinh dự chịu đau khổ vì chân lý. Chẳng hề sợ hãi và náu mình, ngày nào tôi cũng đến lâu đài, và các buổi chiều thì đi dạo như thường lệ. Ngày 8 tháng Sáu, trước hôm lệnh được ban, tôi dạo chơi cùng hai giảng viên của giáo đoàn Oratoire, cha Alamanni và cha Mandar. Chúng tôi mang đến Champeaux* thức ăn cho bữa nhẹ giữa chiều và chúng tôi ăn rất ngon miệng, chúng tôi quên mang ly: chúng tôi thay thế ly bằng những cọng rơm lúa mạch, để hút rượu vang trong chai, cố tìm những cọng thật to, đua nhau mà hút. Trong đời mình tôi chưa từng vui đến thế.

Tôi đã kể thời trẻ mình mất ngủ như thế nào. Từ thuở ấy tôi đã thành thói quen tối nào cũng đọc sách trong giường cho đến khi cảm thấy mắt riu lại. Thế là tôi tắt nến, và cố tiếp đi vài khoảnh khắc chẳng kéo dài được mấy nổi. Sách đọc thường lệ buổi tối của tôi là Kinh Thánh, và tôi đã đọc toàn bộ Kinh Thánh ít ra năm sáu lần liên tiếp theo cách này. Tối hôm ấy, thấy mình tỉnh hơn thường lệ, tôi đọc lâu hơn, và xem trọn vẹn quyển sách kết thúc bằng chuyện người Lévi miền Ephraïm, nếu tôi không nhầm, đó là *Sách Thủ lãnh*; vì từ thời gian ấy tôi chưa đọc lại. Câu chuyện khiến tôi rất thương tâm, và tôi đang bận lòng với nó trong một kiểu nằm mơ, thì đột nhiên bị tiếng động và ánh đèn kéo ra khỏi trạng thái này. Thérèse, cầm đèn, soi cho La Roche, bác ta thấy tôi ngồi phắt dậy, liền bảo: “Ông đừng hoảng sợ; đây là Thống chế phu nhân viết cho ông và gửi ông một bức thư của hoàng thân De Conti.” Thực vậy, trong thư của bà De Luxembourg, tôi thấy bức thư mà hoàng thân vừa sai mang cấp tốc

đến cho bà, thông báo rằng bất chấp mọi cố gắng của ông, họ đã quyết định khởi tố tôi một cách cực kỳ khắc nghiệt, ông nói rõ là tình trạng xôn xao đến cực điểm; không gì có thể đỡ nổi miếng đòn; triều đình đòi hỏi như thế, Pháp viện muốn như thế; bảy giờ sáng sẽ ban lệnh tạm giữ, và họ sẽ lập tức cử người đến bắt; “Tôi đã đạt được việc họ không truy đuổi nếu ông ấy lánh đi; nhưng nếu ông ấy khẳng khẳng muốn để bị bắt, thì sẽ bị bắt”. La Roche thay Thống chế phu nhân nài xin tôi dậy và đến đàm luận cùng bà. Lúc đó là hai giờ sáng; bà vừa mới đi nằm. Bác ta nói thêm: “Phu nhân đợi ông, và không muốn ngủ mà chưa gặp ông.” Tôi vội mặc quần áo và chạy đến lầu đài.

Tôi thấy bà có vẻ khích động. Đó là lần đầu tiên. Trạng thái bối rối của bà khiến tôi cảm kích. Trong khoảnh khắc bất thần ấy, giữa đêm khuya, chính tôi cũng không khỏi xúc động; nhưng nhìn thấy bà, tôi quên bản thân mình để chỉ nghĩ đến bà và đến vai trò đáng buồn sắp tới của bà, nếu tôi để mình bị bắt: vì, tự cảm thấy đủ can đảm để bao giờ cũng chỉ nói sự thật, dù sự thật ấy sẽ hại mình và diệt mình, tôi không cảm thấy đủ nhanh trí, cũng không đủ khéo léo, có lẽ không đủ kiên định để dừng làm liên lụy đến bà nếu tôi bị thúc ép kịch liệt. Điều này khiến tôi quyết hy sinh thanh danh của mình vì sự bình an của bà, quyết làm cho bà, trong trường hợp này, điều mà không gì có thể khiến tôi làm cho tôi. Vừa quyết định xong, tôi lập tức bày tỏ với bà, không muốn sự hy sinh của mình bị giảm giá trị vì để bà phải cầu lấy nó. Tôi tin chắc bà không thể không hiểu rõ động cơ của tôi; tuy nhiên bà chẳng nói một lời nào tỏ ra mình cảm kích vì điều ấy. Tôi mếch lòng vì sự vô tình này, đến mức do dự định rút lời: nhưng ông Thống chế chợt đến; vài lát sau bà De Boufflers từ Paris tới. Họ làm điều lẽ ra bà De Luxembourg phải làm. Tôi để mình được vuốt ve tăng bốc; tôi thấy hổ thẹn nếu nuốt lời, và mọi người chỉ còn bàn về nơi tôi rút lui và thời gian khởi hành. Ông De Luxembourg đề nghị tôi mai danh ẩn tích ở lại nhà ông vài ngày, để bàn bạc và để tôi xử trí mọi việc thông thả hơn; tôi không đồng ý, cũng không đồng ý với đề nghị

bí mật đến Temple*. Tôi khẳng khẳng muốn đi ngay hôm ấy, hơn là ăn náu ở bất kỳ đâu.

Cảm thấy mình có những kẻ thù bí mật và quyền thế tại vương quốc, tôi xét thấy, bất kể sự gấn bó với nước Pháp, tôi phải ra khỏi nước này để đảm bảo sự bình an cho mình. Ý đầu tiên của tôi là rút về Genève; nhưng một lát suy nghĩ đủ để can tôi không làm điều ngu dại đó. Tôi biết rằng viện công tố Pháp, còn nhiều quyền uy tại Genève hơn tại Paris, sẽ không để tôi yên ở thành phố này cũng như ở thành phố kia, nếu nó đã quyết ý hành tôi. Tôi biết rằng *Luận về sự bất bình đẳng* đã kích động, trong Hội đồng, một niềm căm ghét đối với tôi, càng nguy hiểm hơn vì không dám biểu lộ. Tôi biết rằng sau hết, khi *Nàng Héloïse* mới được xuất bản, Hội đồng đã vội vã cấm, theo đề nghị của bác sĩ Tronchin; nhưng thấy chẳng ai bắt chước, ngay cả ở Paris, họ xấu hổ vì sự khinh suất đó, và rút lại lệnh cấm. Tôi tin rằng, thấy thời cơ ở đây thuận lợi hơn, họ sẽ rất lưu tâm lợi dụng thời cơ ấy. Tôi biết rằng, bất chấp mọi bề ngoài tốt đẹp, một sự ghen ghét ngầm ngầm đối với tôi ngự trị trong mọi con tim Genève, và chỉ đợi thời cơ để thỏa nỗi hờn. Tuy nhiên tình yêu tổ quốc gọi tôi trở về tổ quốc tôi, và nếu có thể cho là mình sống an lành được ở đây, tôi sẽ chẳng trù trù: nhưng danh dự cũng như lý trí không cho phép tôi ăn náu tại đó như một kẻ chạy trốn, nên tôi quyết định chỉ đến gần đó mà thôi, và sang Thụy Sĩ chờ xem Genève sẽ quyết định ra sao đối với mình. Mọi người sẽ sớm thấy trạng thái lưỡng lự này chẳng kéo dài.

Bà De Boufflers phản đối rất nhiều quyết định này, và lại cố gắng khuyên tôi sang Anh. Bà không lay chuyển được tôi. Tôi chưa bao giờ yêu mến nước Anh cũng như người Anh, và toàn bộ sự hùng hồn của bà De Boufflers, đã chẳng chiến thắng mỗi hiềm kỵ ở tôi, dường như còn gia tăng nó, mà tôi không hiểu vì sao.

Quyết ra đi ngay hôm đó, từ buổi sáng đối với tất cả mọi người tôi đã ra đi, và La Roche, mà tôi cử về lấy các giấy tờ, không muốn

nói với chính Thérèse là tôi đi rồi hay chưa đi. Từ khi quyết định một ngày nào đó sẽ viết Hồi ký, tôi đã thu thập rất nhiều thư từ và những giấy tờ khác, thành thử phải đi nhiều chuyến. Một bộ phận giấy tờ đã tuyển lựa được để riêng ra, và cả thời gian còn lại của buổi sáng tôi lo lựa chọn những bộ phận khác, để chỉ đem theo những gì có thể hữu ích cho mình, và đốt chỗ còn lại. Ông De Luxembourg rất vui lòng giúp tôi trong công việc này, nó kéo dài đến mức chứng tôi không thể làm xong trong buổi sáng, và tôi chẳng kịp đốt thứ gì hết. Ông Thống chế đề nghị đảm trách việc lựa chọn nốt, đích thân đốt phần bị loại bỏ, không nhờ bất kỳ ai khác, và sẽ gửi cho tôi những thứ được để riêng ra. Tôi nhận lời, rất mừng được giải thoát khỏi việc này, để có thể dành thời gian ít ỏi còn lại cho những người rất thân thương, mà mình sắp rời bỏ mãi mãi. Ông cầm lấy chìa khóa căn phòng trong đó tôi để lại giấy tờ, rồi, trước yêu cầu khẩn khoản của tôi, cho người đi tìm di tội nghiệp đang héo hon tiêu tụy trong nỗi hoang mang chết người không biết tôi đã ra sao, và mình sẽ ra sao, lúc nào cũng đợi thấy các môn lại, mà chẳng biết xử sự thế nào và trả lời bọn họ thế nào. La Roche dẫn cô đến lầu đài mà không nói năng gì; cô tưởng tôi đã đi xa lắm: nhìn thấy tôi, cô hét vang trời, và lao mình vào vòng tay tôi. Ôi tình thân, mối tương hợp của những con tim, sự quen hơi bén tiếng, quan hệ mật thiết! Trong khoảnh khắc dịu ngọt và tàn ác này tập hợp bao nhiêu ngày hạnh phúc, trù mển và an bình, cùng nhau nếm trải, để làm cho tôi cảm nhận rõ hơn sự xót xa của cuộc chia ly đầu tiên, sau gần mười bảy năm trời có không nhìn thấy nhau cũng chỉ trong vòng chưa đầy một ngày. Ông Thống chế, chứng kiến cảnh ôm hôn ấy, không cầm được nước mắt. Ông để chúng tôi lại với nhau. Thérèse chẳng muốn rời tôi nữa. Tôi cho cô thấy sự bất tiện nếu theo tôi lúc này, và sự cần thiết phải ở lại để thanh toán tài sản của tôi và thu thập tiền nong cho tôi. Khi ban lệnh tạm giữ một người, lệ thường là tịch thu giấy tờ của người ấy, niêm phong tài sản, hoặc kiểm kê, và cử người canh giữ. Cô rất cần ở lại để coi sóc những gì sẽ diễn ra, và rút được nhiều lợi ích nhất có thể từ mọi sự. Tôi hứa là cô sẽ sớm đến gặp

tôi: ông Thống chế xác nhận lời hứa của tôi; nhưng tôi không bao giờ muốn bảo cô rằng mình đi đâu, để khi bị những kẻ sẽ đến bắt tôi chất vấn, cô có thể quả quyết một cách thành thực là cô không biết gì về chuyện này. Ôm hôn cô lúc từ biệt nhau, tôi thấy ở bản thân một cảm kích rất khác thường, và tôi nói với cô trong một nhiệt tình, than ôi! Qua nhiều tính tiên tri: “Em ạ, em phải chuẩn bị cho mình lòng can đảm, Em đã chia sẻ cùng tôi sự hưng thịnh của những ngày tươi đẹp; giờ đây, vì em muốn thế, em chỉ còn chia sẻ những nỗi khổ của tôi mà thôi. Hãy chỉ chờ đợi những điều xúc phạm và những tai ương sẽ theo sau tôi. Số phận mà cái ngày đáng buồn này mở ra cho tôi sẽ đeo đuổi tôi đến tận giờ phút lâm chung.”

Tôi chỉ còn phải nghĩ đến việc lên đường. Đáng lẽ các môn lại phải đến vào mười giờ. Khi tôi ra đi là bốn giờ chiều, thế mà họ vẫn chưa tới. Đã quyết định là tôi sẽ sử dụng dịch vụ ngựa trạm. Tôi không có xe; ông Thống chế tặng tôi một xe hai bánh, cho tôi mượn ngựa và một người đánh xe cho đến trạm đầu tiên, tại đó, nhờ ông đã lo liệu, họ cung cấp ngựa cho tôi chẳng gây khó dễ gì.

Vì tôi không dùng bữa trưa tại bàn ăn, và không xuất hiện ở lâu đài, nên các bà đến từ biệt tôi tại tầng gác lửng, tôi đã ở đó trong ngày. Bà Thống chế ôm hôn tôi nhiều lần với vẻ khá buồn bã; nhưng tôi không còn cảm thấy những vòng tay ghì siết mà bà hào phóng tặng tôi hai ba năm trước. Bà De Boufflers cũng ôm hôn tôi, và nói với tôi những điều thật đẹp đẽ. Một sự ôm hôn khiến tôi còn ngạc nhiên hơn nữa là của bà De Mirepoix, vì bà cũng đang ở đó. Thống chế phu nhân De Mirepoix là một người cực kỳ lạnh lùng, đoan trang và kín đáo, và dường như không thoát hẳn được thái độ cao ngạo tự nhiên của dòng tộc Lorraine, xưa nay bà chưa từng tỏ ra chú ý nhiều đến tôi. Hoặc do đẹp lòng vì một vinh dự mà mình không chờ đợi, nên tôi tìm cách tăng thêm cho mình giá trị của vinh dự ấy, hoặc quả thực bà có đưa vào cái ôm hôn này đôi chút cảm thương tự nhiên ở những tấm lòng hào hiệp, tôi thấy trong động tác và trong ánh mắt của bà một khí phách nào đó

nó thắm vào tôi. Nhiều lần nhớ lại, sau này tôi ngờ rằng, do biết vận mệnh mà tôi sẽ phải chịu, bà không ngăn nổi một giây lát mùi lòng cho số phận của tôi.

Ông Thống chế không hé răng; ông nhợt nhạt như người đã chết, ông nhất định muốn tiễn tôi đến tận cỗ xe đang chờ tôi ở nơi ngựa uống nước. Chúng tôi đi qua cả khu vườn không nói một lời. Tôi có một chìa khóa của khuôn viên, tôi dùng nó để mở cổng; sau đó, thay vì bỏ lại vào túi, tôi đưa cho ông chẳng nói năng gì. Ông cầm lấy với thái độ nóng nảy đáng kinh ngạc, mà từ thời gian ấy tôi không ngăn nổi mình hay nghĩ đến. Trong đời mình tôi chưa từng có khoảnh khắc nào cay đắng như khoảnh khắc chia ly này. Sự ôm hôn kéo dài và cảm lặng: cả hai chúng tôi đều cảm nhận cái ôm hôn ấy là một sự vĩnh biệt.

Giữa La Barre và Montmorency, tôi gặp bốn người đàn ông mặc đồ đen trong một cỗ xe ngựa thuê, họ mỉm cười chào tôi. Sau này nghe Thérèse thuật lại, về diện mạo các môn lại, về giờ giấc họ đến, và về cung cách họ xử sự, tôi chắc chắn đó chính là họ; nhất là sau này được biết rằng thay vì có lệnh tạm giữ lúc bảy giờ như mọi người đã báo với tôi, thì tôi chỉ bị tạm giữ vào mười hai giờ trưa. Phải đi qua cả thành phố Paris. Người ta chẳng được che kín lắm trong một xe ngựa hai bánh rất trống trải. Tôi gặp trên các đường phố rất nhiều người chào tôi với một vẻ quen biết, nhưng tôi chẳng nhận ra một người nào hết. Ngay tối hôm ấy tôi chuyển hướng để qua Villeroy. Ở Lyon, các xe trạm phải được đưa tới vị chỉ huy. Điều này có thể rầy rà cho một người không muốn nói dối cũng không muốn thay tên đổi họ. Tôi đem một bức thư của bà De Luxembourg đến nhờ ông De Villeroy* làm thế nào để tôi được miễn cái việc khó chịu vô bổ này. Ông De Villeroy giao cho tôi một bức thư mà tôi không sử dụng, vì không đi qua Lyon. Thư này, vẫn còn niêm phong, ở trong sổ giấy tờ của tôi. Công tước khuyên tôi ngủ lại ở Villeroy; nhưng tôi thích tiếp tục lên đường hơn, và cùng ngày hôm ấy tôi đi thêm được hai trạm nữa.

Xe của tôi không êm, còn tôi rất khó ở nên không thể đi gấp. Và chẳng tôi không có dáng bộ đủ oai vệ để được phục vụ chu đáo, và ta biết là ở Pháp ngựa trạm chỉ đi nhanh khi người đánh xe được kích thích, chi trả họ hậu hĩnh, tôi ngỡ bù được cho tướng mạo và lời ăn tiếng nói; hóa ra lại tệ hơn. Họ coi tôi là một gã thân phận hèn kém, được sai phái đi đâu đó, và lần đầu trong đời dùng xe ngựa trạm. Từ đó tôi chỉ có toàn ngựa xấu, và bị những tay đánh xe cợt nhạo. Cuối cùng, tôi làm điều lẽ ra phải làm từ đầu, là nhẫn nại, chẳng nói năng gì và mặc họ muốn đi thế nào tùy ý.

Tôi có thứ để không buồn chán dọc đường, là buông mình cho những suy ngẫm về tất cả những gì vừa xảy đến với mình; nhưng đó không phải cung cách của trí não tôi cũng không phải khuynh hướng của con tim tôi. Thật là lòng là tôi rất dễ quên tai họa đã qua, dù nó có thể vừa xảy ra gần gũi đến mấy. Dự liệu trước tai họa khiến tôi hoảng sợ và bối rối bao nhiêu, chừng nào còn nhìn thấy nó trong tương lai, thì ngay khi tai họa xảy đến rồi, hồi ức về nó mờ nhạt đi và tàn lụi dễ dàng bấy nhiêu. Trí tưởng tượng ác nghiệt, không ngừng bắn khoả đón trước những tai họa chưa tồn tại, làm khuây lãng ký ức và ngăn tôi nhớ lại những tai họa không tồn tại nữa.

Đối với việc đã xong, chẳng còn phải dụng tâm cẩn thận, và bận lòng về việc đó là vô ích. Có thể nói tôi trải trước nỗi bất hạnh của mình đến cạn kiệt; càng đau khổ khi dự liệu nó, tôi càng dễ dàng quên nó; trong khi ngược lại, không ngừng bận lòng về hạnh phúc đã qua, tôi nhớ lại nó và nghiền ngẫm nó; có thể nói là đến mức hưởng thụ lại nó khi tôi muốn. Tôi cảm thấy chính nhờ tâm tính may mắn này mà tôi không bao giờ biết đến cái khí chất hay hiểm oán nó dấy lên xao xuyến trong một tấm lòng hằn thù, vì liên miên nhớ lại những xúc phạm đã chịu, và tự hành hạ vì tất cả cái ác mà nó muốn làm cho địch thủ. Với bản tính hung hăng, tôi cảm thấy giận dữ, thậm chí thịnh nộ, trong những cảm kích đầu tiên; nhưng không bao giờ một mong muốn trả thù bén rễ trong nội tâm tôi. Tôi bận lòng quá ít về sự xúc phạm,

nên chẳng bận lòng nhiều về kẻ xúc phạm. Tôi chỉ nghĩ đến điều ác mình đã chịu từ tay kẻ ấy là vì điều ác có thể phải chịu thêm nữa từ tay hăn, còn, nếu biết chắc là hăn không gây điều ác với mình nữa, thì điều ác hăn đã làm sẽ được quên đi tức khắc. Người ta thuyết giáo rất nhiều cho chúng ta về sự tha thứ những điều xúc phạm: chắc hăn đó là một đức tính rất tốt đẹp, nhưng không để tôi sử dụng. Tôi chẳng biết liệu con tim mình có thể chế ngự sự thù ghét hay không, vì nó chưa bao giờ cảm thấy thù ghét, và tôi nghĩ đến kẻ thù quá ít nên chẳng có công lao tha thứ cho họ. Tôi sẽ chẳng nói rằng, để hành hạ tôi, họ đã hành hạ bản thân họ đến mức nào. Tôi ở dưới sự định đoạt của họ, họ có toàn quyền, họ sử dụng quyền đó. Duy chỉ có một điều vượt lên trên quyền lực của họ, và tôi thách họ: đó là, trong khi họ tự hành hạ vì tôi, họ buộc được tôi tự hành hạ vì họ.

Ngay hôm sau ngày ra đi, tôi quên hăn tất cả những gì vừa xảy ra, cả Pháp viện, cả bà De Pompadour, cả ông De Choiseul, cả Grimm, cả D'Alembert, cả những âm mưu của họ, cả những tòng phạm của họ, thành thử có lẽ tôi thậm chí chẳng nhớ đến họ trong suốt cuộc hành trình, nếu không bắt buộc phải có những sự thận trọng. Một hồi ức chợt đến giữa tất cả những chuyện này là hồi ức về những trang sách đọc cuối cùng, đêm trước khi lên đường. Tôi cũng nhớ lại những *Tình ca* của Gessner, mà dịch giả Huber* đã gửi tặng tôi cách đây ít lâu. Hai ý này được hồi tưởng thật rõ ràng, và hòa lẫn nhau trong tâm trí tôi, thành thử tôi định kết hợp chúng, bằng cách xử lý đề tài *Người Lévi miền Ephraïm* theo bút pháp của Gessner. Phong cách đồng quê và chất phác ấy có vẻ ít hợp với một đề tài hết sức tàn khốc*, và khó tin rằng tình thế hiện tại cung cấp được cho tôi những ý tưởng thật tươi vui để giúp đề tài khởi sắc. Tuy nhiên tôi cũng thử xem, duy chỉ để tiêu khiển trong xe và chẳng hy vọng gì thành công. Vừa mới thử làm, tôi đã ngạc nhiên vì sự hiền hòa duyên dáng của các ý tưởng và vì cảm thấy diễn tả chúng dễ dàng. Trong ba ngày tôi làm xong ba khúc đầu của áng thơ nhỏ, về sau được hoàn thành tại Môtiers*, và tôi

chắc chắn là trong đời mình chưa từng có một sáng tác nào chan chứa một phong tục thuần hậu nao lòng hơn, một màu sắc tươi tắn hơn, những bức tranh thơ ngây chất phác hơn, một sự miêu tả tập tục chính xác hơn, một tính mộc mạc cổ xưa hơn trong mọi sự vật, và tất cả những điều này bất chấp tính chất kinh khủng của đề tài về thực chất là đáng ghê sợ; thành thử ngoài tất cả những điều khác, tôi còn có thêm thành tích chiến thắng khó khăn. *Người Lévi miền Ephraim*, nếu không phải tác phẩm hay nhất của tôi, sẽ mãi là tác phẩm được yêu quý nhất, chẳng bao giờ tôi từng đọc lại nó, chẳng bao giờ tôi sẽ đọc lại nó, mà không cảm thấy bên trong mình sự tán thưởng của một con tim không hằn học, không hề chua cay hờn giận vì những bất hạnh, mà tự nguôi khuây, và tìm được ở bản thân những gì để tự đền bù. Xin hãy lập hợp tất cả những triết gia lớn nọ, trong sách vở họ thật cao siêu hơn nghịch cảnh mà họ chẳng bao giờ nếm trải; xin hãy đặt họ vào một cảnh ngộ tương tự cảnh ngộ của tôi, và trong trạng thái phần nọ ban đầu của danh dự bị xúc phạm, hãy cho họ làm một tác phẩm tương tự: mọi người sẽ thấy họ xoay sở ra sao.

Khi rời Montmorency để đến Thụy Sĩ, tôi đã quyết định dừng chân tại Yverdon, ở nhà ông bạn già Roguin nhân hậu, đã rút về đó từ vài năm nay, và từng mời tôi đến thăm ông. Dọc đường tôi được biết rằng Lyon ở hướng rẽ; thế là tôi khỏi phải đi qua đấy. Nhưng bù lại, phải qua Besançon, vị trí xung yếu, do đó cũng phải chịu điều bất tiện giống như Lyon. Tôi nghĩ ra cách đi vòng, và qua Salins, viện cố đến thăm ông De Miran, cháu ông Dupin, có một chức vụ trong ngành muối, và trước đây từng nhiều lần mời tôi đến thăm. Mẹo đó thành công; tôi không thấy ông De Miran: rất mừng vì khỏi phải dừng lại, tôi tiếp tục hành trình mà chẳng ai nói gì tôi hết.

Vào đến lãnh thổ Berne, tôi cho dừng xe; tôi xuống xe, tôi phủ phục, tôi ôm, tôi hôn mặt đất, và reo lên trong niềm cảm kích: “Lạy Trời! Trời bảo vệ cho đức độ, con xin tạ ơn Trời, con đang chạm vào

mảnh đất của tự do!” Mùi quáng và tin tưởng vào những kỳ vọng của mình, tôi đã luôn say sưa vì những gì sẽ gây tai họa cho mình như thế đó. Người đánh xe, kinh ngạc, ngỡ tôi điên; tôi lại lên xe, và ít giờ sau, tôi hưởng niềm vui trong sáng và mãnh liệt cảm thấy mình được ôm siết trong vòng tay của Roguin đáng kính, chà! Hãy lấy lại hơi chốc lát nơi vị chủ nhà có phẩm giá này! Tôi cần phục hồi sức lực và lòng can đảm; tôi sẽ sớm phải dùng đến chúng.

Chẳng phải vô cớ mà trong câu chuyện vừa kể, tôi đã nói kỹ về mọi tình huống mà tôi có thể nhớ được. Mặc dù những tình huống ấy có vẻ không thật sáng rõ, nhưng một khi ta nắm được đầu dây mối nhợ của mưu đồ, chúng có thể soi tỏ sự vận hành, chẳng hạn như, tuy không cho biết gì về vấn đề tôi sắp đưa ra, song chúng vẫn giúp nhiều cho việc giải vấn đề đó.

Hãy giả định rằng, để thực thi âm mưu mà tôi là đối tượng, nhất thiết cần đưa tôi đi xa, thì để tiến hành việc này, mọi sự phải diễn ra đại để như đã diễn ra; nhưng nếu như, không để cho mình bị thất kinh vì sứ giả đêm hôm khuya khoắt của bà De Luxembourg và không để mình bị bối rối vì những lo sợ của bà, tôi cứ tiếp tục giữ vững như ban đầu, và thay vì ở lại lâu đài tôi quay về giường ngủ yên lành cho đến sáng sớm, thì liệu tôi có vẫn bị lệnh tạm giữ hay không? Vấn đề quan trọng, mà việc giải quyết rất nhiều vấn đề khác phụ thuộc vào vấn đề này, và để xem xét nó, thì lưu ý đến giờ giấc của lệnh dọa dẫm và giờ giấc của lệnh thực sự chẳng phải là vô ích*. Thí dụ thô thiển, nhưng rõ ràng, về tầm quan trọng của những chi tiết nhỏ nhất nhất trong việc trình bày những sự kiện mà ta tìm kiếm nguyên nhân thầm kín của chúng, để phát giác những nguyên nhân này nhờ phép quy nạp.

Quyển Mười Hai

Khởi đầu tại đây mưa đổ hắc ám chôn vùi tôi tám năm trời, mà dù làm cách nào đi nữa tôi cũng không sao xuyên thấu được tình trạng tâm tối đáng hãi hùng. Đắm chìm trong vực thăm tai ương, tôi cảm nhận những miếng đòn giáng vào mình, tôi biết công cụ trực tiếp ra đòn, nhưng không thể nhìn thấy bàn tay điều khiển công cụ, cũng như những kẻ sách mà bàn tay đó sử dụng. Sự sỉ nhục và tai họa như tự rơi xuống tôi, mà cũng chẳng lộ ra. Khi cơn đau xé của tôi buột lên tiếng rên rỉ, tôi có vẻ một người than vãn vô cớ, và những kẻ tàn hại tôi đã tìm được xảo thuật khó tưởng tượng là làm cho công chúng a tòng với mưa mô của họ, mà chính công chúng không ngờ, và không nhận ra hiệu quả. Vậy trong khi thuật lại các biến cố liên quan đến mình, những sự đối xử từng phải chịu, và tất cả những gì từng xảy ra với mình, tôi không thể lật ngược lên đến bàn tay phát động, và không thể chỉ định nguyên nhân khi kể ra sự việc. Tất cả những nguyên nhân ban đầu này đều được ghi nhớ trong ba quyển trước; tất cả những lợi ích liên quan đến tôi, tất cả những động cơ thầm kín đều được trình bày. Nhưng những nguyên nhân khác nhau ấy kết hợp ra sao để tạo nên những biến cố kỳ lạ của đời tôi, đó là điều tôi không thể nào lý giải, ngay cả qua phỏng đoán. Nếu trong độc giả của tôi có những người đủ hào hiệp để muốn đào sâu các bí ẩn này và phát hiện sự thật, thì họ hãy đọc kỹ ba quyển trước; rồi ở mỗi sự kiện sẽ đọc trong những quyển sau xin hãy lấy những thông tin được cung cấp, hãy lật ngược từ tình tiết này lên tình tiết khác, từ tác nhân này lên tác nhân khác cho đến những nguyên động lực đầu tiên của tất cả, tôi biết chắc chắn những tìm kiếm của họ sẽ đạt tới chung cục nào; nhưng tôi lạc

lối trên con đường quanh co khúc khuỷu và tối tăm của những địa đạo sẽ dẫn họ đến chung cục ấy.

Trong thời gian ở Yverdon, tôi làm quen với toàn thể gia đình ông Roguin, trong đó có bà Boy de la Tour cháu ông và các con gái của bà, mà tôi nghĩ là đã kể trước đây tôi có quen người cha tại Lyon. Bà đến Yverdon thăm bác và các chị; con gái lớn của bà, khoảng mười lăm tuổi, có lương tri và tính nết rất tốt khiến tôi vô cùng vui thích. Tôi có tình thân triu mến nhất với hai mẹ con. Cô con gái được ông Roguin nhắm cho người cháu là đại tá, đã cứng tuổi*, và cũng tỏ ra rất mến tôi; nhưng, mặc dù ông chú hết sức nhiệt tình với cuộc hôn nhân này, người cháu cũng rất mong muốn, và tôi sốt sắng quan tâm đến sự vui lòng của cả hai, song tình trạng chênh lệch nhiều về tuổi tác và sự ghê sợ cực kỳ của cô gái khiến tôi hợp sức cùng bà mẹ gạt được cuộc hôn nhân ấy. Sau đó đại tá cưới cô D'Illens, là họ hàng, theo tôi tính tình và nhan sắc đều được, và đã khiến cho đại tá thành người chồng và người cha hạnh phúc nhất. Mặc dù vậy, ông Roguin vẫn không quên được là trong trường hợp này tôi đã làm trái mong muốn của ông. Tôi tự an ủi vì tin chắc rằng với ông cũng như với gia đình ông, mình đã thực hiện nghĩa vụ của tình bạn thánh thiện nhất, đó là không phải bao giờ cũng làm đẹp lòng, mà bao giờ cũng khuyên điều tốt nhất.

Tôi chẳng ngờ vực lâu về sự đón tiếp đang chờ đợi mình tại Genève, trong trường hợp mình muốn quay về. Sách của tôi bị đốt tại đó, và ngày 18 tháng Sáu có lệnh bắt giữ tôi, nghĩa là chín ngày sau lệnh bắt tại Paris. Biết bao điều vô lý không tin nổi tích tụ trong lệnh thứ hai này, và pháp lệnh của Giáo hội bị vi phạm hết sức rõ ràng, thành thử tôi không chịu tin vào những tin tức đầu tiên, và khi chúng được xác nhận chắc chắn, thì tôi lo sợ một sự vi phạm hiển nhiên đến thế và trắng trợn đến thế mọi luật lệ, khởi đầu là luật lệ của lương tri, có thể khiến Genève đảo điên rối loạn. Tôi cứ việc an lòng; tất cả vẫn yên tĩnh. Nếu có ít nhiều xôn xao trong đám tiện dân, thì chỉ để chống

lại tôi, và tôi bị mọi ả lắm mồm và mọi gã lên mặt học giả coi như một đứa học trò mà người ta dọa đánh đòn vì không thuộc giáo lý cương yếu.

Hai lệnh bắt giữ là tín hiệu cho tiếng la ó cất lên nguyên rủa tôi khắp châu Âu, với sự cuồng nộ chưa từng thấy. Mọi tờ báo, mọi số nhật trình, mọi cuốn sách mỏng, đều khua tiếng chuông cấp báo ghê gớm nhất. Trước hết là người Pháp, dân tộc hiền hòa đến thế, nhã nhặn đến thế, hào hiệp đến thế, thường hết sức tự phụ về thái độ lịch sự và mỗi lưu tâm đối với những kẻ bất hạnh, bỗng nhiên quên phắt những đức tính được họ ưa chuộng nhất, và nổi bật lên về số lượng cũng như về tính hung bạo của những sự lăng nhục mà họ đua nhau dồn xuống tôi túi bụi. Tôi là một tên bội giáo, một kẻ vô thần, một gã cuồng bạo, một thằng điên, một thú dữ, một con chó sói. Kẻ tiếp tục tờ *Nhật báo Trévoux** khi nói về cái gọi là chứng hoang tưởng của tôi, ngỡ mình hóa thành chó sói, có một sai lầm phô bày khá rõ chứng hoang tưởng chó sói của y. Rốt cuộc cứ như thế ở Paris người ta sợ có chuyện với cảnh sát nếu công bố một bài viết về bất kỳ vấn đề nào đó, mà lại không xen vào đây vài câu chửi rủa tôi. Tìm kiếm một cách vô hiệu lý do của mỗi ác cảm đồng lòng nhất trí này, tôi sẵn sàng tin là toàn thể thiên hạ đã hóa rồ. Sao cơ! Người biên soạn *Hòa bình vĩnh cửu* gieo rắc bất hòa; người ấn hành *Tuyên tín của linh mục trợ tế miền Savoie* là một kẻ vô đạo; tác giả của *Nàng Héloïse* mới là chó sói; tác giả của *Émile* là thằng điên! Này, lạy Chúa, vậy tôi sẽ là gì đây, nếu như tôi công bố cuốn *Về tinh thần* hoặc tác phẩm nào đó khác tương tự? Ấy thế mà, trong cơn bão tố nổi lên chống tác giả cuốn sách trên, công chúng chẳng hòa tiếng nói của mình vào tiếng nói của những kẻ ngược đãi tác giả, mà lại báo thù cho ông bằng những lời ngợi ca. Xin hãy so sánh sách của ông và những cuốn sách của tôi, sự đón nhận khác biệt đối với các cuốn sách, sự đối xử với hai tác giả tại những Quốc gia khác nhau của châu Âu; xin hãy tìm được cho những sự khác biệt này

những lý do có thể thỏa mãn một người biết phải trái: đó là tất cả những gì tôi yêu cầu, và tôi xin im tiếng*.

Tôi thấy lưu trú tại Yverdon hết sức dễ chịu, thành thử được ông Roguin và toàn thể gia đình sốt sắng nài nỉ, tôi quyết định ở lại. Ông De Moiry de Gingins, pháp quan đứng đầu thành phố, cũng có nhiều hảo ý khuyến khích tôi ở lại nơi ông cai trị. Đại tá thúc giục tôi quá nhiều hãy nhận lời đến ở một lâu nhỏ giữa sân và vườn, trong tòa nhà của anh, thành thử tôi đồng ý, thế là anh vội vàng trang trí đồ đạc và bày biện tất cả những gì cần thiết cho gia đình nhỏ của tôi. Trưởng ấp Roguin*, thuộc số những người sốt sắng nhất xung quanh tôi, cả ngày không rời tôi. Bao giờ tôi cũng rất nhạy cảm với nhiều ân cần vồn vã đến thế, nhưng đôi khi cũng thấy thật rầy rà. Ngày dọn sang nhà mới đã được định rõ, và tôi đã viết thư bảo Thérèse đến, thì đột nhiên biết tin ở Berne bão tố nổi lên chống lại tôi, mọi người bảo là do những kẻ sùng đạo, và tôi đã không bao giờ thấu hiểu được nguyên nhân đầu tiên. Nghị viện chẳng biết do ai kích động, có vẻ không muốn để tôi yên ổn trong nơi ẩn dật. Vừa biết được tình trạng xôn xao này, vị Pháp quan liền viết thư bênh vực tôi, gửi tới nhiều thành viên chính phủ, chê trách thái độ không khoan dung mù quáng của họ, bảo họ rằng thật đáng hổ thẹn khi định không cho một con người tài cán bị áp bức chốn nường nấu mà bao kẻ côn đồ tìm được trong công quốc của họ. Những người biết điều phỏng đoán rằng sự hăng hái của ông khi chê trách đã khiến cho các đầu óc tức tối hơn là dịu đi. Dù thế nào chẳng nữa, uy tín cũng như sự hùng hồn của ông chẳng thể đỡ được miếng đòn. Được biết lệnh mà ông phải tổng đạt, ông báo trước cho tôi, và để khỏi chờ lệnh đó, tôi quyết định ra đi vào hôm sau. Cái khó là biết đi đâu, khi thấy Genève và nước Pháp đóng cửa với mình, và thấy trước là trong việc này, ai nấy đều vội vàng theo gót lân bang.

Bà Boy de la Tour đề nghị tôi đến ở một ngôi nhà bỏ không, nhưng đồ đạc sẵn sàng đầy đủ, của con trai bà, tại làng Môtiers, trong Val-de-Travers, thuộc Neuchâtel. Để đến đó chỉ phải qua một ngọn núi. Lời mời càng đúng lúc, vì trong các quốc gia thuộc nhà vua Phổ*, dĩ nhiên tôi khỏi bị ngược đãi, và ít ra tại đó khó dùng tôn giáo để kiểm soát. Nhưng một trở ngại thầm kín, không tiện nói ra, khiến tôi ngần ngại. Tình yêu bẩm sinh đối với công lý, luôn nung nấu con tim tôi, kết hợp với khuynh hướng thầm kín thiên về nước Pháp, đã khiến tôi không ưa nhà vua Phổ, qua các phương châm và cách cư xử, tôi thấy như ông giày xéo lên mọi niềm tôn trọng luật tự nhiên và mọi nghĩa vụ của con người. Trong các tranh khắc đóng khung mà tôi trang trí cho Vọng lâu ở Montmorency, có một bức chân dung ông hoàng này, bên dưới là hai câu thơ kết thúc như sau:

Ngài tư duy như triết gia, và xử sự như Vua.

Câu thơ này, dưới bất kỳ ngòi bút nào khác, có lẽ là một lời ca ngợi khá hay, dưới ngòi bút tôi có một nghĩa không mập mờ, và chẳng được câu trước giải thích quá rõ*. Tất cả những người đến thăm tôi đều xem hai câu thơ, và không phải ít người. Thậm chí hiệp sĩ De Lorenzi còn chép lại để đem cho D'Alembert, và tôi tin là D'Alembert đã chú ý tiến cử để tôi tán tụng ông hoàng bằng những câu thơ ấy. Tôi còn làm cho lỗi thứ nhất này nặng thêm vì một đoạn trong *Émile*, ở đoạn đó, dưới cái tênAdraste, vua xứ Doride, người ta thấy khá rõ tôi nhằm ai, và nhận xét ấy chẳng lọt khỏi mắt những kẻ bới lông tìm vết, bởi bà De Boufflers đã nhiều lần gợi ra với tôi vấn đề này. Vì thế tôi chắc chắn mình được ghi tên bằng mực đỏ trên sổ sách của nhà vua Phổ, và chẳng, giả sử ông theo những nguyên tắc mà tôi đã mạo muội gán cho ông, thì riêng điều đó cũng khiến ông chỉ có thể không ưa những tác phẩm tôi viết cũng như tác giả của chúng: vì người ta biết

rằng những kẻ ác và những bạo Chúa luôn căm ghét tôi ghê gớm, ngay cả khi không biết tôi, và chỉ đọc tác phẩm của tôi mà thôi.

Tuy thế tôi vẫn dám đặt mình dưới quyền định đoạt của ông, và tôi cho là ít gặp nguy hiểm. Tôi biết rằng những đam mê thấp hèn chỉ chế ngự những con người bạc nhược, và ít chi phối được những tâm hồn có tổ chất mạnh mẽ như tôi vẫn thừa nhận tâm hồn ông. Tôi nhận định là trong nghệ thuật trị vì, ông muốn tỏ ra cao thượng trong cơ hội này, và sự cao thượng quả thực không vượt quá tính cách ông. Tôi nhận định một sự báo thù hèn hạ và dễ dàng sẽ không khiến lòng yêu thích vinh quang ở ông do dự một lúc nào, và, tự đặt mình vào địa vị ông, tôi cho rằng ông có thể nhân trường hợp này mà tự phụ để sự quảng đại của mình đè nặng lên cái kẻ đã dám nghĩ xấu về mình. Vậy là tôi đến ở Môtiers, với một niềm tin tưởng mà tôi cho là ông có tư chất để cảm nhận giá trị của nó, và tôi tự nhủ: “Khi Jean-Jacques tự nâng mình lên bên cạnh Coriolan, Frédéric lại ở thấp hơn vị tướng của dân Volsques hay sao*?”

Đại tá Roguin nhất định cùng tôi sang bên kia núi và sắp xếp chỗ ở cho tôi. Ngôi nhà tôi sắp đến rất thuận tiện cho một bà chị chồng của bà Boy de la Tour, là bà Girardier*, khi thấy tôi tới bà không thích lắm; tuy thế bà vui lòng để tôi nhận nơi ở, và tôi ăn tại nhà bà trong khi đợi Thérèse đến, và đợi gia đình nhỏ của tôi được thu xếp.

Từ khi rời Montmorency, cảm nhận rõ từ nay mình sẽ là kẻ trốn tránh trên thế gian, tôi ngần ngại không muốn cho cô đến với mình, và chia sẻ cuộc sống lang thang lưu lạc mà tôi thấy mình phải chịu. Tôi cảm thấy tai họa này khiến quan hệ của chúng tôi thay đổi, và những gì cho đến bấy giờ là hảo ý và ân huệ do tôi từ nay sẽ do cô. Nếu sự gắn bó của cô chịu được thử thách từ những bất hạnh của tôi, lòng cô sẽ tan nát, và nỗi đau nơi cô sẽ tăng thêm những khổ sở nơi tôi. Nếu

tình trạng rủi ro của tôi khiến lòng cô phai nhạt, cô sẽ làm cho tôi thấy sự chung thủy ở cô là một hy sinh, và thay vì cảm nhận niềm vui ở tôi khi chia sẻ cùng cô miếng ăn cuối cùng, cô sẽ chỉ cảm thấy công lao của cô khi vui lòng theo tôi khắp những chốn mà số phận buộc tôi phải đến.

Cần phải nói ra tất cả: tôi đã không che giấu những thói tật xấu của Má, cũng như những thói tật xấu của tôi; tôi không được dung thứ hơn với Thérèse, và, mặc dù vui thích đến đâu khi trân trọng một con người rất thân thương với mình, tôi cũng không muốn che đậy những sai trái của người ấy, nếu như một đổi thay bất tự giác trong những cảm mến của con tim cũng là một sai trái thực sự. Tôi nhận ra từ lâu một sự phai nhạt trong lòng cô. Tôi cảm thấy đối với tôi cô không còn là cô trước đây, trong những năm tháng tươi đẹp của chúng tôi, càng cảm nhận rõ hơn, vì tôi vẫn luôn như cũ đối với cô. Tôi lại rơi vào tình trạng bất lợi mà tôi từng cảm nhận tác động bên cạnh Má và tác động này cũng giống như thế bên cạnh Thérèse: ta đừng tìm kiếm những sự hoàn hảo ở bên ngoài tự nhiên; tình trạng sẽ vẫn như vậy bên bất kỳ người đàn bà nào. Điều tôi đã quyết định đối với các con mình, dù có vẻ được biện luận đúng đến mấy, vẫn không để lòng tôi yên ổn. Trong khi nghiền ngẫm *Luận về giáo dục*, tôi tự cảm thấy đã sao nhãng những bốn phận mà không gì có thể miễn trừ cho mình. Rốt cuộc niềm hối hận trở nên hết sức mãnh liệt, thành thử gần như ép được tôi công khai thú nhận lỗi lầm ở đầu cuốn *Émile**, thậm chí rõ ràng đến mức sau một đoạn như thế thật lạ lùng nếu người ta còn can đảm chê trách tôi. Tuy nhiên tình huống của tôi khi đó giống như cũ, còn tệ hơn do ác cảm ở những kẻ thù của tôi, chỉ tìm cách bắt được tôi phạm lỗi. Tôi sợ tái phạm, và không muốn liều, tôi thà buộc mình kiêng nhịn còn hơn để Thérèse có nguy cơ rơi vào trường hợp đó một lần nữa. Và lại tôi đã nhận xét thấy quan hệ với đàn bà khiến tình trạng của tôi xấu đi rõ rệt: lý do kép này khiến tôi có những quyết định đôi khi không giữ được thật đúng, nhưng từ ba bốn năm nay có kiên trì hơn; cũng từ thời

kỳ đó tôi nhận xét thấy Thérèse lạnh nhạt đi: cô vẫn gắn bó với tôi vì bốn phận, nhưng không còn gắn bó vì tình yêu nữa. Điều này khiến sự giao tiếp giữa chúng tôi bớt thú vị, và tôi nghĩ rằng, vì cô tin chắc dù cô ở đâu tôi vẫn tiếp tục chăm lo cho cô, có lẽ cô thích ở lại Paris hơn là lang thang cùng tôi. Tuy nhiên khi chúng tôi chia ly cô đã tỏ ra hết sức đau khổ, đã đòi tôi hứa thật chắc chắn là sẽ đoàn tụ, và từ khi tôi ra đi, cô biểu lộ mong muốn này rất nhiệt thành với hoàng thân De Conti cũng như với ông De Luxembourg, thành thử tôi chẳng có can đảm nói với cô về việc chia tay, mà bản thân cũng ít có can đảm nghĩ đến chuyện đó, và, sau khi trong lòng cảm thấy mình không thể thiếu cô, tôi chỉ còn nghĩ đến việc gọi cô trở lại tức thì. Vậy là tôi viết thư bảo cô lên đường; cô đến. Tôi giả biết cô chưa đầy hai tháng; nhưng từ bao năm nay, đó là sự chia cách đầu tiên, cả hai đều đã cảm nhận thật cay đắng cảnh chia ly ấy. Cảm kích biết chừng nào khi ôm hôn nhau! Ôi nước mắt triu mến và mừng vui sao mà dịu ngọt! Con tim tôi uống lấy uống để những hàng lệ ấy! Vì sao người ta khiến tôi nhỏ rất ít những giọt nước mắt như vậy?

Khi đến Môtiêr, tôi đã viết thư cho Quý Ngài* Keith, thống chế xứ Écosse, thống đốc Neuchâtel, để báo việc tôi đến nương náu tại đất nước của Hoàng thượng, và xin được ông che chở. Ông phúc đáp với sự hào hiệp mà mọi người đều biết ở ông, mà tôi hy vọng ở ông. Ông mời tôi đến chơi. Tôi đến cùng ông Martinet, nhà quý tộc của Val-de-Travers, rất được Đại nhân ưu ái. Dung mạo đáng kính của con người danh tiếng và đức độ xứ Écosse khiến con tim tôi xúc động mãnh liệt, và ngay từ khoảnh khắc ấy giữa ông và tôi bắt đầu mối gắn bó nhiệt thành về phía tôi vẫn luôn như vậy và về phía ông có lẽ sẽ vẫn như vậy, nếu như những kẻ hiểm ác đã tước đi của tôi mọi niềm an ủi trong đời không lợi dụng việc tôi ở xa để lừa dối tuổi già của ông và làm tôi xấu xí biến dạng trong mắt ông.

George Keith, thống chế kế thừa của xứ Écosse, và là em trai vị tướng Keith lừng danh, người sống vinh quang và chết vẻ vang trong chiến trận, đã rời đất nước khi còn thanh niên, và bị lưu đày khỏi đất nước vì đã gắn bó với dòng họ Stuart, mà ông sớm chán ngán vì nhận ra tư tưởng bất công và chuyên chế, vốn là tính cách chủ đạo của dòng họ này. Ông ở lại Tây Ban Nha một thời gian dài, rất ưa thích khí hậu nơi đó, và cuối cùng cũng giống như ông anh, giúp vua Phổ, vị vua am hiểu tình tường con người, và đón nhận hai anh em như họ xứng đáng được đón nhận. Nhà vua được đền đáp hậu hĩnh cho sự đón tiếp ấy bằng những công lao lớn của thống chế Keith, và bằng một điều còn quý giá nhiều hơn nữa, đó là tình bạn chân thành của Quý Ngài Thống chế. Tâm hồn cao cả của con người có phẩm giá này, hoàn toàn mang tinh thần Cộng hòa và kiêu hãnh, chỉ có thể phục tùng quyền chi phối của tình bạn; nhưng phục tùng thật trọn vẹn, thành thử với những phương châm rất khác nhau, từ khi phụng sự nhà vua, ông chỉ còn thấy có Frédéric. Đức Vua giao cho ông những công việc quan trọng, cử ông sang Paris, sang Tây Ban Nha, và cuối cùng, thấy ông đã già, cần nghỉ ngơi, để ông lui về cai trị Neuchâtel, với nhiệm vụ tuyệt vời thú vị là dành quãng đời còn lại mưu cầu hạnh phúc cho dân chúng nơi này.

Dân Neuchâtel, vốn chỉ ưa thích hoa hòe hoa sói và hào nhoáng bóng bẩy, không hề am tường về tài năng đích thực, cho rằng tài trí là ở những câu kệ dài dòng, khi thấy một con người lạnh lùng và không kiêu cách, bèn coi sự giản dị của ông là cao ngạo, thái độ thẳng thắn là quê kệch, cách nói văn tắt là ngu dại, và chống đối những chăm lo nghĩa hiệp của ông, bởi vì, muốn mình hữu ích chứ không ngọt ngào mơn trớn, ông chẳng biết chiều nịnh những người mà ông không quý trọng. Trong vụ việc nức cười của mục sư Petitpierre, bị các đồng đạo trong giáo đoàn đuổi đi, vì đã không muốn họ bị dày dịa ngục vĩnh viễn, Quý Ngài do chống lại sự lạm quyền của các mục sư, thấy toàn miền, mà ông ủng hộ, nổi lên chống lại ông, và khi tới đến, sự xì xào

ngu ngốc đó chưa lụi tắt. Ít ra thiên hạ cũng coi ông như một người để mình có thiên kiến do bị tác động, và trong tất cả những điều người ta quy tội cho ông, có lẽ đó là điều ít bất công hơn cả. Cảm kích đầu tiên của tôi, khi nhìn thấy ông già đáng kính ấy, là mùi lòng vì thân thể gầy gò của ông, đã còm cõi hốc hác vì tuổi tác; nhưng khi ngược mắt lên diện mạo linh hoạt, cởi mở và cao quý, tôi cảm thấy một niềm kính trọng hòa lẫn tin tưởng nó thắng mọi tình cảm khác. Đáp lại lời chúc tụng rất ngắn của tôi, ông nói về chuyện khác, cứ như thể tôi đã ở đây từ tám ngày nay rồi. Thậm chí ông cũng không bảo chúng tôi ngồi. Nhà quý tộc ngưỡng nghịu vẫn đứng, còn tôi, nhìn thấy trong ánh mắt sắc và tinh tế của Quý Ngài điều gì không biết hết sức ân cần, thành thử, cảm thấy thoải mái trước tiên, tôi đến ngồi bên cạnh ông trên tràng kỷ, không hề kiểu cách. Qua giọng điệu thân mật tức thời của ông, tôi cảm thấy sự thoải mái ấy được ông thích, và ông đang tự nhủ: “Người này không phải dân Neuchâtel.”

Tác động lạ lùng của sự phù hợp lớn lao về tính cách! Ở một độ tuổi mà con tim đã mất đi nhiệt tình tự nhiên, con tim của ông già nhân hậu này đối với tôi nồng ấm khiến toàn thể mọi người kinh ngạc. Ông đến Môtiers thăm tôi, viện cớ bắn chim cú, và ở lại hai ngày không động đến một khẩu súng. Giữa chúng tôi hình thành một tình bạn, bởi cái từ này rất đúng, thân thiết đến mức chúng tôi không thể thiếu nhau. Lâu đài Colombier, nơi ông ở mùa hè, cách Môtiers sáu dặm: cứ mười lăm ngày là chậm nhất, tôi lại đến ở đó hai mươi bốn giờ đồng hồ, sau đấy trở về cũng đi bộ, lòng luôn đầy ắp hình ảnh ông. Niềm xúc động tôi cảm nhận trước kia trong những chuyến đi từ Ermitage đến Eaubonne chắc hẳn rất khác biệt; nhưng nó không dịu ngọt hơn niềm xúc động ở tôi khi tới gần Colombier. Dọc đường tôi thường để rơi bao hàng lệ cảm động, khi nghĩ đến những hảo ý đầy tình cha con, những đức tính dễ mến, triết lý hiền hòa của ông già đáng kính! Tôi gọi ông là cha, ông gọi tôi là con. Những tên gọi êm ái này diễn tả phần nào ý niệm về mối gắn bó đoàn kết chúng tôi, nhưng

chưa diễn tả được ý niệm về sự cần thiết của người nọ đối với người kia, và mong muốn liên tục xích lại gần nhau, ông nhất định muốn để tôi cư ngụ tại lâu đài Colombier, và một thời gian dài giục giã tôi lấy căn hộ tôi thường sử dụng trong lâu đài làm nơi ở thường xuyên. Cuối cùng tôi nói với ông là ở nhà mình, tôi tự do hơn, và tôi thích cả đời đến thăm ông thì hơn. Ông tán thưởng thái độ thẳng thắn ấy và không nói đến chuyện đó nữa. Ôi Quý Ngài nhân hậu! Ôi cha kính mến của con! Lòng con vẫn bồi hồi biết mấy khi nghĩ đến cha! Chà, quân dã man! Chúng đã giáng cho tôi miếng đòn ác biết mấy khi khiến người xa cách tôi! Nhưng không, không, hỡi vĩ nhân, người vẫn là và sẽ luôn là như cũ đối với tôi, kẻ vẫn luôn như cũ. Chúng đã lừa gạt người, nhưng chúng đã không thay đổi được người.

Ngài Thống chế chẳng phải không có khuyết điểm; đó là một hiền nhân, nhưng đó là một con người, với trí tuệ sắc sảo nhất, với tài mẫn cảm tinh vi nhất, với sự am hiểu sâu xa nhất về con người, đôi khi ông để mình bị lừa dối, và rất ngạc nhiên, ông có tính tình lạ lùng, có cái gì kỳ quái và không quen thuộc trong khí chất. Dường như ông quên những người ngày nào cũng gặp, và nhớ đến họ vào lúc họ ít nghĩ tới điều đó nhất: những sự ân cần của ông có vẻ không hợp thời; quà tặng của ông do ý thích riêng, không phải do lễ nghi lịch sự. Ông tặng hoặc gửi tặng tức thời những gì vụt đến trong óc, rất giá trị hay vô giá trị chẳng phân biệt. Một thanh niên người Genève, mong muốn phục vụ nhà vua Phổ, đến ra mắt ông: Ngài giao cho anh ta, thay vì thư, một túi nhỏ đầy hạt đậu, để dâng Đức Vua. Nhận được sự gửi gắm kỳ lạ này, Đức Vua lập tức trao chức vụ cho người mang nó. Giữa những kỳ tài cao thượng ấy có một ngôn ngữ mà phàm nhân sẽ không bao giờ hiểu nổi. Những điều kỳ quặc nho nhỏ này, tương tự những điều trái tính trái nết ở một phụ nữ xinh đẹp, chỉ khiến tôi thấy Ngài Thống chế thú vị hơn. Tôi tin chắc, và sau này đã nếm trải, những điều kỳ quặc ấy không ảnh hưởng đến cảm nghĩ của ông, cũng như đến những mối quan tâm do tình bạn yêu cầu trong những trường hợp

ngghiêm túc. Nhưng đúng là ông cũng lại đưa sự kỳ dị trong cung cách vào lối làm ơn. Tôi sẽ chỉ viện dẫn một nét ở một chuyện nhỏ mọn. Vì đường đi từ Môtiêrs đến Colombier quá xa đối với tôi, nên tôi thường chia ra, xuất phát sau bữa trưa và ngủ lại ở Brot, quãng giữa của con đường, chủ quán, tên là Sandoz, cần nài xin tại Berlin một ân huệ hết sức quan trọng đối với ông ta, liền nhờ tôi yêu cầu Đại nhân xin hộ: rất sẵn lòng. Tôi dẫn ông ta theo, tôi để ông trong sảnh, và tôi nói với Ngài về việc của ông, Ngài chẳng đáp lại gì. Buổi sáng trôi qua; khi đi ngang gian sảnh để đến ăn trưa, tôi nhìn thấy Sandoz tội nghiệp vẫn cứ đợi hoài. Cho rằng Ngài đã quên ông ta, tôi lại nói với ngài trước khi vào bàn ăn; chẳng một lời, như trước. Tôi thấy cái cách làm cho tôi cảm nhận mình đã quấy rầy ngài đến thế nào hơi tàn nhẫn, và tôi im tiếng, ái ngại thầm cho Sandoz tội nghiệp. Ngày hôm sau quay lại quán, tôi rất ngạc nhiên thấy ông cảm ơn tôi về sự đón tiếp tử tế và bữa ăn ngon tại nhà Đại nhân, hơn nữa Ngài còn nhận giấy tờ của ông. Ba tuần sau Ngài gửi cho ông sắc thư mà ông yêu cầu, do bộ trưởng phát đi và Đức Vua ký, mà chẳng bao giờ muốn đáp lại tôi cũng như ông ta một lời nào, về vụ việc mà tôi ngỡ ngài không muốn đảm trách.

Tôi những muốn nói mãi không ngừng về George Keith: những hồi tưởng hạnh phúc cuối cùng của tôi nhờ ngài mà có; cả phần đời còn lại chỉ toàn là sầu não và đau lòng. Hồi ức về phần đời ấy thật buồn, và đến với tôi thật mơ hồ, thành thử tôi không thể đưa một trật tự nào vào các câu chuyện mình kể: từ giờ tôi buộc phải sắp xếp chúng một cách khinh suất và nhớ đâu kể đấy.

Tôi sớm khỏi lo lắng về chốn nường thân, do Đức Vua phúc đáp Ngài Thống chế, người mà ta có thể tin là đã biện hộ hiệu quả giúp tôi. Chẳng những Hoàng thượng chuẩn nhận việc ông đã làm, mà còn ủy thác ông cho tôi mười hai *louis*, đành nói ra điều này vì phải kể hết mọi sự. Quý Ngài nhân hậu, lúng túng trước một nhiệm vụ như vậy, và chẳng biết thực hiện như thế nào cho đúng đắn, cố giảm bớt điều sỉ nhục bằng cách biến đổi số tiền thành đồ nhu yếu, và bảo tôi rằng ông

được lệnh cung cấp củi và than cho tôi để khởi đầu sinh hoạt của gia đình nhỏ; ông còn nói thêm, có lẽ tự ý ông, rằng Đức Vua sẵn lòng sai xây cho tôi một ngôi nhà nhỏ theo sở thích của tôi, nếu tôi muốn chọn địa điểm dựng nhà. Món quà sau khiến tôi rất cảm kích, và quên đi sự bủn xỉn của món quà trước. Tuy chẳng nhận một thứ nào trong cả hai thứ, song tôi coi Frédéric như ân nhân và người bảo hộ, và tôi gắn bó với ông rất chân thật, thành thử từ đó tôi quan tâm đến sự vẻ vang của ông cũng nhiều như cho đến bấy giờ đã thấy sự bất công trong những thắng lợi ông giành được. Ít lâu sau đó vào dịp ông ký kết hòa bình*, tôi biểu lộ niềm vui mừng bằng một cảnh hoa đăng rất phong nhã: đó là một chuỗi những dây đèn trang hoàng ngôi nhà tôi ở, và quả thực tôi có niềm kiêu hãnh phục thù là chi vào đó gần ngang số tiền ông định cho tôi. Hòa bình được ký kết, tôi tưởng rằng, vinh quang quân sự và chính trị đã đạt đến tột bậc, ông sẽ đem lại cho mình một vinh quang loại khác, bằng cách khôi phục các công quốc của ông, làm cho thương mại, nông nghiệp thịnh hành, tạo ra một miền đất mới, một dân tộc mới, duy trì hòa bình khắp lân bang, khiến mình thành trọng tài của châu Âu, sau khi đã là nỗi khiếp sợ của châu lục này. Ông có thể gác kiếm không nguy hiểm, chắc chắn thiên hạ sẽ chẳng buộc ông phải cầm lại kiếm. Thấy ông không bãi binh, tôi sợ ông lợi dụng sai những ưu thế của ông, và chỉ vĩ đại nửa vời. Tôi dám viết thư cho ông về vấn đề này, và dùng giọng điệu thân tình, thích hợp để làm vừa lòng những người có tố chất như ông, dám đưa đến tận nơi ông tiếng nói thiêng liêng của sự thật, mà rất ít vua Chúa thích hợp để nghe ra. Tôi chỉ tự tiện như vậy một cách kín đáo, riêng giữa ông và tôi. Tôi cũng không để Ngài Thống chế tham gia, và tôi gửi đến Ngài bức thư viết cho Đức Vua đã niêm phong kỹ. Ngài gửi thư đi mà chẳng hỏi nội dung. Đức Vua không trả lời gì hết, và ít lâu sau, nhân Ngài Thống chế đến Berlin, nhà vua chỉ nói với ngài rằng tôi đã quở trách ông rất nhiều. Qua đó tôi hiểu là thư của mình bị tiếp nhận một cách bất lợi, và sự thẳng thắn của lòng nhiệt thành bị coi như sự thô kệch của một gã thông thái rởm. Thực ra, rất có thể như vậy; có lẽ tôi đã không nói

điều cần phải nói, và không sử dụng giọng điệu cần sử dụng. Tôi chỉ có thể đảm bảo về tình cảm đã xui giục mình cầm bút viết.

Sau khi đến ở Môtiers-Travers ít lâu, được mọi sự đảm bảo là người ta sẽ để mình yên, tôi bèn mặc trang phục kiểu Arménie. Đó không phải một ý tưởng mới. Ý tưởng ấy đã đến với tôi nhiều lần trong đời, và hay trở lại tại Montmorency, khi việc sử dụng thường xuyên các que dò buộc tôi hay phải ở trong phòng riêng, khiến tôi cảm nhận rõ hơn mọi lợi ích của bộ áo dài. Tiện có một thợ may người Arménie thường đến thăm người họ hàng tại Montmorency, tôi định tận dụng việc này để có cách ăn mặc mới, liệu cho thể gian bình phẩm, điều mà tôi rất ít quan tâm. Tuy nhiên, trước khi mang lệ bộ mới ấy, tôi muốn biết ý kiến của bà De Luxembourg, bà nhiệt liệt khuyên tôi nên dùng, vậy là tôi sắm một số trang phục kiểu Arménie; nhưng bảo tố nổi lên chống lại tôi khiến tôi lui việc sử dụng đến thời buổi yên tĩnh hơn, và chỉ mấy tháng sau, do những cơn đau mới buộc phải cầu đến các que dò, tôi mới cho rằng có thể mặc bộ đồ mới tại Môtiers mà không nguy hiểm gì, nhất là sau khi đã hỏi ý kiến mục sư địa phương, ông bảo tôi có thể mặc ngay cả ở nơi thờ phụng cũng chẳng gây tai tiếng, vậy là tôi mặc áo ngoài ngắn, áo choàng dài phương Đông, đội mũ trùm lót lông, thắt dây lưng, và sau khi đóng lệ bộ như vậy dự lễ nhà thờ, tôi thấy mang trang phục ấy tại nhà Ngài Thống chế không có gì bất tiện. Thấy tôi ăn mặc như thế, Đại nhân chỉ nói, để chào mừng, *Salamaleki**; thế là xong, và tôi không mặc trang phục nào khác nữa.

Rời bỏ hẳn văn chương, tôi chỉ còn nghĩ đến việc sống một cuộc đời an tĩnh và êm đềm, chừng nào điều đó tùy thuộc ở mình. Tôi chưa bao giờ buồn chán khi đơn độc, ngay cả trong cảnh hoàn toàn rời rã: trí tưởng tượng, lấp đầy mọi khoảng trống, riêng nó đủ làm tôi bận rộn. Chỉ có câu chuyện tâm phào vô công rồi nghề trong phòng, người nọ ngồi đối diện người kia, cử động riêng cái lưỡi, là tôi chưa bao giờ

chịu nổi. Khi ta bước đi, khi ta dạo chơi, còn tạm được; ít ra bàn chân và mắt còn làm cái gì đó; nhưng ở đây, khoanh tay, nói về thời tiết và ruồi bay, hoặc, tệ hơn, khen ngợi lẫn nhau, với tôi đó là một cực hình không sao chịu nổi. Để khỏi sống cô độc, tôi nghĩ ra chuyện học làm dây nịt. Tôi mang theo chiếc gối kê nhỏ khi đi thăm hỏi, hoặc tôi ra làm việc ngoài cửa như phụ nữ và trò chuyện với những người qua đường. Điều này khiến tôi chịu đựng được trạng thái vô dụng của câu chuyện phiếm, và không buồn chán ở nhà các bà các cô hàng xóm, mà nhiều người khá dễ mến, và chẳng thiếu tài trí. Trong số đó có một cô tên là Isabelle d'Ivernois, con gái quan Tổng biện lý Neuchâtel, tôi thấy cô đáng quý trọng đủ để kết một tình thân đặc biệt, chẳng phải là không tốt với cô, do những lời khuyên hữu ích của tôi, cùng những chăm sóc dành cho cô trong những trường hợp trọng yếu; thành thử giờ đây, là người mẹ đức hạnh và có phẩm giá của gia đình, có lẽ cô nhờ tôi mà có được lẽ phải, người chồng, cuộc sống hiện nay, và niềm hạnh phúc, về phần tôi, thì tôi nhờ cô mà có được những niềm an ủi rất ngọt ngào, nhất là suốt một mùa đông thật buồn, khi tôi đang đau ốm và phiền não nặng nề, cô đến ở chơi với Thérèse và tôi những buổi tối dài mà cô biết cách làm cho chúng tôi cảm thấy thật ngăn ngủi nhờ tài trí thú vị và duyên dáng của cô, và do chúng tôi cùng nhau thổ lộ tâm tình. Cô gọi tôi là cha, tôi gọi cô là con gái, và tôi hy vọng rằng những danh xưng giờ đây chúng tôi vẫn còn gọi nhau sẽ không ngừng thân thiết với cô cũng như với tôi. Để những dây nịt của mình dùng được vào việc gì đó, tôi tặng cho các cô bạn trẻ vào dịp các cô kết hôn, với điều kiện các cô tự nuôi con bằng sữa mẹ. Chị của cô được một chiếc dây với tư cách ấy, và đã xứng đáng; Isabelle cũng được một chiếc, và xứng đáng không kém do ý định; nhưng cô đã không có được hạnh phúc làm theo ý muốn*. Khi gửi cho các cô những dây nịt này, tôi viết cho cả hai cô những bức thư mà bức thứ nhất đã lưu hành rộng rãi trong xã hội; nhưng nhiều tiếng vang thế không hợp với bức thứ hai: tình thân không diễn ra quá ồn ào như vậy.

Trong các quan hệ láng giềng, mà tôi sẽ không đi vào chi tiết, tôi cần ghi nhớ quan hệ với đại tá Pury, anh có một ngôi nhà trên núi, và mùa hè thường đến ở đó. Tôi không sốt sắng làm quen với anh, vì tôi biết anh rất bất hòa với triều đình cũng như với Ngài Thống chế, mà anh không hề thăm hỏi. Tuy nhiên, vì anh đến thăm tôi và rất lịch sự với tôi, nên tôi cũng phải đến đáp lễ; việc đó tiếp tục, và đôi khi người nọ tới ăn ở nhà người kia. Tại nhà anh tôi làm quen với DuPeyrou, sau đó kết bạn quá thân thiết nên tôi không thể không nói đến anh.

DuPeyrou là người châu Mỹ, con một vị tư lệnh tại Surinam, người kế nhiệm vị tư lệnh là Le Chambrier, người Neuchâtel, đã cưới bà vợ góa của ông. Góa chồng lần thứ hai, bà cùng con trai đến định cư tại quê hương của ông chồng sau. DuPeyrou là con một, rất giàu có, được mẹ yêu tha thiết, nuôi dạy khá chu đáo, và sự giáo dục mang lại lợi ích cho anh. Anh lĩnh hội được rất nhiều tri thức nửa vời, ham thích nghệ thuật đôi chút, và anh đặc biệt tự phụ là đã trau dồi lý trí: dáng vẻ của người Hà Lan, lạnh lùng, triết lý, nước da ngăm ngăm, tính tình lặng lẽ và che giấu, tạo thuận lợi cho ý kiến trên. Tuy còn trẻ tuổi, anh bị điếc và thấp khớp. Điều này khiến cho mọi cử động của anh rất từ tốn, rất trang trọng, và, mặc dù thích tranh luận, thậm chí đôi khi hơi dài dòng, song thường thường anh nói ít, vì không nghe được. Toàn bộ vẻ ngoài này buộc tôi kính nể. Tôi tự nhủ: “Đây là một nhà tư tưởng, một con người hiền minh, có được một người bạn như vậy thật hạnh phúc.” Để chinh phục tôi hoàn toàn, anh hay nói với tôi, song không bao giờ khen tôi. Anh ít nói về tôi, ít nói về sách của tôi, rất ít nói về mình; anh chẳng thiếu ý tưởng, và mọi điều anh nói đều khá đúng. Sự đúng đắn ấy và sự bình thản ấy hấp dẫn tôi. Trong tâm tính anh không có sự cao nhả cũng không có sự tinh tế của Ngài Thống chế nhưng anh có sự giản dị của ngài: thế cũng là thể hiện ngài ở điều gì đó. Tôi không mê say, nhưng tôi quyến luyến vì quý trọng, và dần dần niềm quý trọng này dẫn đến tình thân, với anh tôi hoàn

toàn quên mất điều tôi từng phản bác nam tước D'Holbach, rằng anh quá giàu, và giờ đây tôi cho rằng mình sai lầm. Tôi đã học được việc nghi ngờ một người có tài sản rất lớn, cho dù người đó như thế nào chẳng nữa, lại có thể chân thành yêu mến các nguyên lý của tôi cũng như tác giả của chúng.

Trong một thời gian khá dài tôi ít gặp DuPeyrou, vì tôi không hề đến Neuchâtel, còn anh chỉ đến núi của đại tá Pury mỗi năm một lần. Vì sao tôi không đi Neuchâtel? Đó là một sự trẻ con chẳng nên làm thình không kể.

Mặc dù được nhà vua Phổ và Ngài Thống chế che chở, song nếu thoát tiên tôi tránh được sự ngược đãi tại nơi nương náu, thì ít ra tôi cũng không tránh được những lời xì xào của công chúng, của các pháp quan thành phố, của các mục sư. Sau khi nước Pháp đã khởi động, sẽ không đúng điệu nếu ít ra không sỉ nhục tôi đôi chút: có lẽ mọi người sợ mình ra vẻ phản đối những kẻ ngược đãi tôi nếu không bắt chước họ. Mục sư đoàn của Neuchâtel, tức là đám mục sư thành phố, khởi sự bằng cách kích động Tham sự viện chống lại tôi. Mưu toan này không thành công, các mục sư bèn chuyển sang vị trưởng quan thành phố, ông ta lập tức cho cấm cuốn sách của tôi, đối xử với tôi kém đứng đắn trong mọi cơ hội, tỏ ý, thậm chí nói ra rằng, nếu như tôi định cư ngụ trong thành phố, mọi người ở đó sẽ không chịu được tôi. Họ viết đây trên tờ *Mercur* của họ những điều ngu xuẩn phi lý và những trò đạo đức giả tầm thường nhất, tuy khiến những người biết lẽ phải bật cười, song chẳng khỏi kích thích và xúi giục dân chúng chống lại tôi. Tất cả những chuyện này không ngăn họ ra ý tôi phải vô cùng cảm tạ ân huệ cực độ họ ban cho khi để tôi sống ở Môtiêr, là nơi họ chẳng có một quyền hành gì hết; có lẽ họ sẵn lòng đong đếm không khí dành cho tôi, với điều kiện tôi trả giá thật đắt. Họ muốn tôi phải chịu ơn họ về sự bảo hộ được Đức Vua chấp thuận ngoài ý muốn của họ, và họ đang hoạt động không ngừng để tước đi của tôi. Cuối cùng, không thành công, sau khi đã gây hại cho tôi hết mức họ có thể và đã sử dụng hết

uy quyền để phỉ báng tôi, họ coi sự bất lực của họ là một công lao, và đề cao lòng tốt của họ khi chịu cho tôi ở địa phương. Lẽ ra tôi phải cười vào mũi họ để trả lời: tôi lại khá ngu ngốc mà tức giận, và phi lý khi không muốn đến Neuchâtel, tôi giữ quyết định này gần hai năm trời, cứ như thế không phải là quá trân trọng loại người như vậy khi lưu tâm đến các hành vi của họ, những hành vi dù tốt hay xấu, đều không thể quy cho họ, bởi bao giờ họ cũng chỉ hành động theo sự kích thích không suy nghĩ, và chẳng những đầu óc vô văn hóa và không có tri thức, không biết quý trọng điều gì ngoài uy tín, quyền lực và tiền bạc, thậm chí khó mà ngờ được rằng phải nể trọng đôi chút các tài năng, và xúc phạm tài năng là điều ô nhục.

Một tay xã trưởng nào đó, đã bị bãi chức vì tham ô công quỹ, nói với phụ tá miền Val-de-Travers, chồng Isabelle của tôi: “Người ta bảo cái gã Rousseau ấy nhiều tài trí lắm, anh dẫn gã đến đây cho tôi, để tôi xem chuyện ấy có thật hay không.” Những sự bất bình của một con người có giọng điệu như thế chắc chắn phải khiến cho những ai chịu sự bất bình ấy ít tức giận.

Theo cung cách người ta đối xử với tôi ở Paris, ở Genève, ở Berne, ngay cả ở Neuchâtel, tôi không trông đợi được mục sư địa phương nường nhẹ hơn. Tuy nhiên tôi được bà Boy de la Tour gửi gắm cho ông ta, và ông ta đã rất ân cần với tôi, nhưng ở xứ sở này, nơi người ta vuốt ve chiều nịnh tất cả mọi người như nhau, những sự vồn vã chẳng có nghĩa gì hết. Tuy nhiên, sau sự trở lại trang trọng với Giáo hội cải cách, sống tại xứ sở theo tôn giáo cải cách, tôi không thể lơ là việc phát biểu công khai tôn giáo mình đã quay về, mà không mắc thiếu sót với lời đã hứa và với nghĩa vụ công dân: vậy là tôi đến dự lễ. Mặt khác, khi xuất hiện trước ban thờ, tôi sợ có nguy cơ chịu nổi sỉ nhục bị từ chối, và sau sự om sòm do Hội đồng gây ra tại Genève, và do mục sư đoàn gây ra tại Neuchâtel, khó có chuyện mục sư muốn ban thánh thể cho tôi một cách yên lành trong nhà thờ của ông ta. Vậy là thấy thời gian của lễ ban thánh thể đến gần, tôi quyết định viết thư cho

ông De Montmollin, đó là tên của mục sư, để tỏ bày thiện chí, và tuyên bố rằng tôi luôn thành tâm hợp nhất với Nhà thờ Tân giáo; đồng thời để tránh những tranh cãi vụn vặt về tín điều, tôi nói với ông rằng tôi không muốn có một sự phân trần đặc biệt nào về giáo lý. Đã làm đúng thể thức như vậy về phương diện này, tôi bình thản, tin rằng ông De Montmollin sẽ từ chối chấp nhận tôi nếu không có sự tranh luận mở đầu, điều tôi không muốn, và như vậy mọi sự sẽ chấm dứt mà tôi không có lỗi. Không hề có chuyện đó. Vào lúc tôi ít chờ đợi nhất, ông De Montmollin đến tuyên bố rằng chẳng những ông chấp nhận tôi dự lễ ban thánh thể với điều khoản tôi đã đặt ra, mà hơn nữa ông và các vị trưởng lão* rất vinh dự có tôi trong các con chiên của giáo khu. Tôi chưa từng ngạc nhiên như thế trong đời, cũng chưa từng được an ủi hơn. Tôi thấy luôn sống cô lập trên thế gian là một số phận rất đáng buồn, nhất là sống cô lập trong nghịch cảnh. Giữa bao nhiêu sự trục xuất và ngược đãi, tôi thấy cực kỳ ngọt ngào khi có thể tự nhủ: “Ít ra mình đang ở giữa anh em đồng đạo”, và tôi đến dự lễ ban thánh thể với niềm xúc động chân thành và những giọt lệ cảm động, có lẽ là sự chuẩn bị đẹp lòng nhất có thể dâng lên Chúa.

Ít lâu sau đó, Quý Ngài chuyển cho tôi một bức thư của bà De Boufflers, gửi qua D’Alembert, anh có quen biết Ngài Thống chế, ít ra tôi phỏng đoán như vậy. Trong thư đó, bức thư đầu tiên bà phu nhân này viết cho tôi từ khi tôi đi khỏi Montmorency, bà quả trách tôi kịch liệt về bức thư tôi viết cho ông De Montmollin, và nhất là về việc đã dự lễ ban thánh thể. Tôi càng ít hiểu được bà giận ai khi mắng mỏ, vì từ chuyển đi Genève, tôi luôn lớn tiếng tuyên bố mình là tín đồ Tân giáo, và đã rất công khai ở dinh thự Hà Lan, mà chẳng một ai trên đời thấy điều đó là không hay. Tôi thấy việc bà De Boufflers muốn xen vào điều khiển lương tâm tôi về vấn đề tôn giáo có vẻ kỳ cục tức cười. Tuy nhiên, vì tin rằng ý định của bà là ý định tốt nhất trên đời, mặc dù

tôi không hiểu gì hết, nên tôi chẳng hề mếch lòng vì sự quở mắng lạ lùng ấy, và tôi trả lời không giận dữ, bày tỏ với bà các lý do của mình.

Trong khi đó những lời chửi bới cứ được in ra, và các tác giả hiền hậu của những bài chửi bới chê trách các quyền lực đối xử với tôi quá nhẹ nhàng, sự hợp lực của những tiếng sủa, mà những kẻ chủ mưu tiếp tục hành động một cách che đậy, có cái gì đó hiểm ác và đáng hải hùng, về phần tôi, thì tôi cứ để cho nói mà không hoảng hốt. Mọi người quả quyết với tôi là có một sự chỉ trích của trường Sorbonne; tôi không hề tin. Trường Sorbonne có thể can thiệp gì vào chuyện này chứ? Họ muốn xác nhận tôi không phải tín đồ Thiên Chúa giáo ư? Tất cả mọi người đều biết điều ấy. Họ muốn chứng minh tôi không phải tín đồ Tân giáo tốt ư? Quan hệ gì đến họ chứ? Như vậy là lo toan một việc rất lạ lùng; như vậy là tự thay thế cho các mục sư của chúng tôi. Trước khi nhìn thấy văn bản ấy, tôi tin là người ta lưu hành nó dưới danh nghĩa trường Sorbonne, để chế nhạo trường; tôi còn tin như thế hơn nữa sau khi đã đọc văn bản. Cuối cùng, khi không thể ngờ vực tính xác thực của văn bản, thì tất cả những gì tôi đành tin là phải đưa trường Sorbonne vào nhà thương điên.

Một văn bản khác khiến tôi đau buồn nhiều hơn, vì nó đến từ một người mà tôi luôn quý trọng và tôi vừa ngưỡng mộ đức kiên trì vừa phàn nàn cho sự mù quáng của người đó. Tôi nói về huấn dụ của Tổng chủ giáo Paris chống lại tôi. Tôi cho là mình có nghĩa vụ trả lời. Tôi có thể trả lời mà không tự hạ; đó là một trường hợp hơi giống trường hợp nhà vua Ba Lan. Tôi chưa bao giờ thích những cuộc tranh cãi thô bạo, theo kiểu Voltaire. Tôi chỉ biết đấu tranh một cách đường hoàng, và tôi muốn cái người tấn công tôi không làm ô danh những miếng đòn của tôi, để tôi hạ cố tự bảo vệ. Tôi tin rằng huấn thị này là do các giáo sĩ dòng Tên, và mặc dù khi ấy bản thân họ cũng bất hạnh, tôi vẫn nhận ra ở đó phương châm cũ của họ là đè bẹp những kẻ bất hạnh, vậy tôi cũng có thể theo phương châm cũ của mình là tôn trọng tác giả

danh nghĩa và đánh tôi bởi tác phẩm: và đó là điều mà tôi cho rằng đã thực hiện khá thành công.

Tôi thấy lưu trú ở Môtiers rất dễ chịu, và, để quyết định sống nốt cuộc đời tại đó, tôi chỉ thiếu một sinh kế chắc chắn: nhưng sinh hoạt nơi đây khá đắt đỏ, và tôi đã thấy mọi kế hoạch cũ sụp đổ vì gia đình tan tác, vì phải tổ chức lại, vì tất cả đồ đạc đã bán đi hoặc bị phân tán, và vì những chi phí bắt buộc từ khi rời khỏi Montmorency. Tôi thấy số vốn nhỏ trước mắt giảm đi hằng ngày. Hai hoặc ba năm đủ để tiêu hết chỗ còn lại, mà tôi không thấy một phương kế nào để tăng thêm vốn, trừ phi lại bắt đầu viết sách, nghề nghiệp độc hại mà tôi đã từ bỏ.

Tin chắc mọi sự đối với mình sẽ sớm thay đổi, và công chúng, tỉnh lại sau cơn cuồng nộ, sẽ khiến các quyền lực phải xấu hổ vì điều đó, tôi chỉ tìm cách kéo dài phương tiện sinh sống cho đến khi diễn ra sự thay đổi may mắn, nó sẽ khiến tôi có nhiều khả năng chọn lựa hơn trong số những phương tiện có thể xuất hiện. Tôi làm tiếp cuốn *Từ điển âm nhạc*, nhờ mười năm lao động đã gần xong, chỉ cần làm nốt và chép lại rõ ràng. Những cuốn sách của tôi, gần đây được gửi đến, cung cấp phương tiện để hoàn thành công trình: các giấy tờ, được gửi đồng thời, khiến tôi có thể bắt đầu những Hồi ức, tôi muốn từ nay chỉ làm duy nhất việc này. Tôi khởi đầu bằng việc sao lại thư từ thành một tập có thể hướng dẫn trí nhớ theo thứ tự của sự kiện và thời gian. Tôi đã tuyển chọn những bức thư mà tôi muốn lưu giữ cho việc này, còn phần sau từ gần mười năm nay không bị gián đoạn. Tuy nhiên, trong khi sắp xếp để chép lại, tôi thấy một chỗ khuyết khiến tôi kinh ngạc. Khoảng khuyết này gần sáu tháng, từ tháng Mười 1756 đến tháng Ba năm sau. Tôi nhớ rõ đã để vào số được chọn nhiều thư của Diderot, của Deleyre, của bà D'Épinay, của bà De Chenonceaux, v.v. Lấp đầy chỗ khuyết này, và nay không thấy nữa. Những thư ấy đã ra sao rồi? Ai đó đã thò tay vào các giấy tờ của tôi, trong thời gian mấy tháng chúng ở lại dinh thự Luxembourg chẳng? Điều này khó tưởng tượng được, và tôi đã nhìn thấy ngài Thống chế cầm chìa khóa gian phòng

nơi tôi ký thác chúng. Vì nhiều bức thư của các bà và toàn bộ thư của Diderot đều không đề ngày, và tôi đã buộc phải điền ngày tháng theo trí nhớ, và trong khi dò dẫm để xếp thư theo thứ tự, mới đầu tôi ngỡ mình đã có những nhầm lẫn về ngày tháng, thế là tôi duyệt lại mọi bức thư không có ngày tháng, hoặc tôi đã bổ sung ngày tháng, để xem liệu có tìm thấy trong đó những bức phải lấp đầy khoảng trống này hay không. Việc thử này không thành công; tôi thấy chỗ trống hoàn toàn có thực, và chắc chắn những bức thư đã bị lấy đi. Ai lấy và lấy để làm gì? Đó là điều tôi không hiểu nổi. Những thư ấy, trước khi xảy ra cãi cọ, ở thời kỳ niềm say sưa đầu tiên của tôi về *Julie*, chẳng thể khiến ai quan tâm. Chẳng qua đó là vài điều quấy nhiễu của Diderot, vài lời nhạo báng của Deleyre, những sự tỏ bày tình thân của bà De Chenonceaux, cả của bà D'Épinay, khi đó tôi đang có quan hệ tốt nhất đời với bà. Ai có thể cần đến những bức thư đó? Họ định làm gì với chúng? Chỉ bảy năm sau tôi mới nghi ngờ mục đích xấu xa ghê gớm của việc ăn cắp này.

Sự thiếu hụt rất xác thực này khiến tôi tìm kiếm trong các bản nháp của mình xem có phát hiện được chỗ thiếu hụt nào khác hay không. Tôi tìm ra vài chỗ, xét theo trí nhớ kém cỏi, khiến tôi cho là có thể còn những chỗ khác nữa trong vô số giấy tờ của tôi. Những thiếu hụt tôi nhận ra là ở bản nháp *Đạo lý mang tính cảm giác*, và bản nháp trích đoạn các *Chuyện tình của Ngài Edouard*. Tôi thú thật là cuốn sau khiến tôi nghi ngờ bà De Luxembourg, chính La Roche, hầu phòng của bà, đã gửi giấy tờ cho tôi, và tôi nghĩ trên đời chỉ riêng bà có thể quan tâm đến mớ giấy lộn đó; nhưng bà có thể quan tâm gì đến cuốn kia, và đến những bức thư bị lấy đi, mà người ta chẳng thể dùng được gì để hại tôi, ngay dù có ý định xấu, trừ phi giả mạo chúng? Về ông Thống chế, mà tôi hiểu rõ đức chính trực bất biến và tình thân đích thực đối với tôi, không một lúc nào tôi có thể ngờ vực ông. Thậm chí tôi cũng không thể nhằm mối nghi ngờ này vào bà Thống chế. Sau khi mất công rất lâu để tìm ra thủ phạm vụ ăn cắp, tất cả những gì hợp lý

nhất tôi có thể nghĩ đến là quy cho D'Alembert, do đã len lỏi được vào nhà bà Thống chế, nên có thể tìm ra cách lục lọi những giấy tờ đó và lấy đi những gì anh ta thích, bản nháp viết tay cũng như thư từ, hoặc để gây cho tôi một số phiền nhiễu, hoặc để chiếm những gì có thể thích hợp với anh ta. Tôi đồ rằng bị nhan đề *Đạo lý mang tính cảm giác* lừa dối, anh ngỡ tìm thấy một khái luận thực sự về thuyết duy vật, mà anh sẽ khai thác để chống lại tôi như ta có thể tưởng tượng. Tin chắc anh sẽ hết làm khi xem xét bản nháp, và đã quyết định rời bỏ hẳn văn chương, tôi ít lo lắng về những trò ăn cắp vặt chẳng phải là những vụ đầu tiên từ cùng một bàn tay* mà tôi đã từng chịu đựng chẳng phân nản. Chẳng bao lâu nữa tôi không còn nghĩ đến điều thiếu trung thực này như thể người ta chưa từng có sự thiếu trung thực nào với mình, và tôi bắt đầu thu thập những tài liệu người ta còn để lại cho tôi, để viết những lời bộc bạch.

Một thời gian dài tôi vẫn tưởng rằng ở Genève hội đoàn mục sư hay ít ra các công dân và thị dân sẽ kháng nghị về sự vi phạm pháp lệnh giáo hội, trong lệnh bắt giữ tôi. Mọi sự vẫn yên tĩnh, ít ra là bề ngoài; vì có một tình trạng bất mãn chung, chỉ đợi thời cơ để biểu lộ. Các bạn tôi, hay những người tự xưng là bạn tôi, viết hết thư này đến thư khác để khích lệ tôi đến đứng đầu bọn họ, đảm bảo với tôi là sẽ có một sự sửa lỗi công khai của Hội đồng. Vì sợ việc mình hiện diện có thể gây lộn xộn và rối loạn, tôi không nghe theo những lời họ khẩn khoản, và, trung thành với lời thề ngày trước, là không bao giờ can dự vào bất kỳ cuộc phân tranh nội bộ nào ở đất nước mình, tôi thà để sự xúc phạm cứ tồn tại, và bị đuổi khỏi quê hương mãi mãi, còn hơn là trở về bằng những phương kế bạo liệt và nguy hiểm. Quả thật tôi chờ đợi ở giới thị dân những khuyến cáo hợp pháp và ôn hòa chống lại một sự vi phạm khiến họ cực kỳ quan tâm. Chẳng hề có chuyện đó. Những người dẫn dắt giới này tìm kiếm việc sửa chữa thực sự các tổn hại ít hơn là tìm kiếm cơ hội để họ trở nên cần thiết. Người ta kết bè

kết đảng, nhưng người ta giữ im lặng, và người ta để cho những ả lắm mồm và những kẻ đạo đức giả, hoặc tự xưng đạo đức, la réo, bọn này được Hội đồng đưa lên phía trước, để biến tôi thành kẻ ố đối với đám dân đen, và gán việc làm bậy bạ của họ cho nhiệt tình tôn giáo.

Sau khi đã chờ đợi vô hiệu hơn một năm trời xem có ai đó kháng nghị chống lại một thủ tục trái luật pháp, và thấy mình bị các đồng hương bỏ rơi, cuối cùng tôi quyết định từ bỏ tổ quốc bội bạc, nơi tôi chưa từng sinh sống, nơi tôi chưa hề nhận được điều tốt lành cũng như sự giúp đỡ, và để thưởng cho niềm tôn kính mà tôi đã cố gắng tỏ bày, tôi thấy mình bị đối xử thật tàn ác, và một cách đồng lòng nhất trí, bởi vì những người cần phải lên tiếng đã chẳng nói gì hết. Vậy tôi viết cho vị tổng đại biểu thứ nhất năm ấy, tôi nghĩ là ông Favre, một bức thư qua đó tôi long trọng từ bỏ quyền thị dân, và chẳng trong thư tôi tuân thủ sự hợp lễ và tính ôn hòa luôn được tôi đưa vào các hành vi tự trọng mà sự hung ác của kẻ thù nhiều lần ép tôi phải thực hiện trong cảnh tai ương.

Hành động này cuối cùng mở mắt cho các công dân, họ tự cảm thấy đã sai trái đối với lợi ích của chính họ khi bỏ rơi không bảo vệ tôi, và họ bèn bảo vệ khi không còn kịp nữa. Họ có những mối bất bình khác được kết hợp vào điều này, và được họ dùng làm chất liệu cho nhiều kháng nghị rất có lý lẽ, dần dần mở rộng và tăng cường khi Hội đồng, cảm thấy được nội các Pháp ủng hộ, khước từ một cách tàn nhẫn và khó chịu, khiến họ cảm nhận rõ hơn dự định nô lệ hóa họ. Những cuộc đấu khẩu này tạo ra những cuốn sách mỏng chẳng quyết định được chuyện gì, cho đến khi *Những bức thư viết từ đồng bằng* đột nhiên xuất hiện, tác phẩm ủng hộ Hội đồng, được viết với tài nghệ vô cùng khéo léo, khiến cho phe đại biểu, buộc phải im tiếng, bị áp đảo một thời gian, văn kiện này, công trình bền vững của tài năng hiếm có ở tác giả, là của Tổng biện lý Tronchin, con người tài trí, con người có kiến thức, rất thông thạo luật pháp và việc điều hành nước Cộng hòa. *Siluit terra*^{*}.

Các đại biểu, tình khởi trạng thái rã rời ban đầu, liền đối đáp, và xoay sở tạm được cùng với thời gian. Nhưng tất cả đều chú mục vào tôi, như người duy nhất có thể đấu với một địch thủ như vậy, với hy vọng hạ gục địch thủ. Xin thú thật là tôi cũng nghĩ giống thế, và, do các cựu đồng hương thúc đẩy, họ coi tôi có bốn phen dùng ngòi bút giúp đỡ họ trong cảnh lúng túng mà tôi là nguyên nhân, tôi liền phản bác *Những bức thư viết từ đồng bằng*, và tôi nhại lại bằng nhan đề *Những bức thư viết từ núi*, đặt cho tác phẩm của mình. Tôi tiến hành công việc này hết sức bí mật, thành thử trong một cuộc gặp tại Thonon với những người lãnh đạo các đại biểu, để nói về công việc của họ, và họ cho tôi xem phác thảo những điều họ đối đáp, tôi không hé một lời nào về bài đối đáp của tôi, đã viết xong, vì sợ đột nhiên có trở ngại nào đó cho việc in ra, nếu các pháp quan, hay những kẻ thù riêng của tôi thấy được chút tăm hơi gì. Ấy thế mà tôi cũng không tránh khỏi việc tác phẩm được biết đến ở Pháp trước khi công bố; nhưng người ta thích để nó xuất hiện hơn là khiến tôi hiểu quá rõ làm thế nào họ phát hiện được bí mật của tôi. Về chuyện ấy tôi sẽ kể những gì mình biết, giới hạn ở rất ít điều; về những gì phỏng đoán, tôi sẽ lặng thinh.

Ở Môtiers tôi được thăm hỏi nhiều gần bằng ở Ermitage và ở Montmorency; nhưng phần lớn thuộc loại thăm hỏi rất khác biệt. Cho đến bấy giờ khách đến thăm tôi là những người có quan hệ với tôi về tài năng, về sở thích, về phương châm, họ viện những điều đó làm lý do đến thăm, và trước hết đưa tôi vào những vấn đề mà tôi có thể đàm đạo cùng họ. Ở Môtiers, không phải như vậy nữa, nhất là từ phía nước Pháp. Đó là những sĩ quan hoặc những người khác chẳng có một ham thích gì với văn chương, thậm chí đa số chưa từng đọc các trước tác của tôi, thế mà theo họ nói, họ đã đi ba mươi, bốn mươi, sáu mươi, một trăm dặm đường để đến xem và ngưỡng mộ con người trứ danh, nổi tiếng, rất nổi tiếng, vĩ nhân, v.v. Bởi từ đó người ta không ngừng quăng vào mặt tôi một cách thô bỉ những lời nịnh hót trâng tráo nhất,

mà lòng quý trọng của những người tiếp cận tôi đã bảo vệ được tôi cho đến bây giờ. Vì phần lớn những người đến bất chợt không thêm xưng danh, cũng chẳng thêm nói với tôi thân phận của họ, vì tri thức của họ và của tôi không hướng vào cùng đối tượng, vì họ chưa hề đọc cũng chưa hề xem lướt tác phẩm của tôi, nên tôi chẳng biết nói gì với họ: tôi chờ tự họ nói, bởi chính họ phải biết và phải bảo tôi tại sao họ đến thăm tôi. Ta cảm thấy như vậy thì việc chuyện trò không thật thú vị đối với tôi, dù có thể thú vị đối với họ, tùy theo điều họ muốn biết: bởi vì, không ngờ vực, tôi phát biểu chẳng dè dặt về mọi vấn đề họ thấy thích hợp để hỏi tôi, và thường thường, họ ra về, hiểu biết nhiều y như tôi về mọi chi tiết trong cảnh huống của tôi.

Thí dụ, tôi được ông De Feings đến thăm theo kiểu đó, ông là kỵ sĩ của Hoàng hậu và đại úy kỵ binh trong đạo quân của Hoàng hậu, ông kiên trì ở nhiều ngày tại Môtiers, thậm chí đi bộ theo tôi đến tận La Ferrière, cầm dây cương dắt ngựa, mà chẳng có với tôi một điểm kết nối nào, trừ việc cả hai chúng tôi cùng quen biết cô Fel, và cả hai đều chơi cầu quay. Trước và sau ông De Feings, tôi có một cuộc viếng thăm khác dị thường hơn nhiều. Hai người đi bộ đến, mỗi người dắt một con la chở số hành lý nhỏ của mình, ở quán trọ, tự chải lông cho la, và xin đến thăm tôi. Nhìn lệ bộ những người dắt la, mọi người nghĩ họ là dân buôn lậu, và lập tức có tin đồn những kẻ buôn lậu đến thăm tôi. Chỉ riêng cách tiếp cận của họ cũng cho tôi biết họ có tố chất khác; nhưng, tuy không phải dân buôn lậu, có thể là những kẻ phiêu lưu, và sự nghi ngờ này khiến tôi cảnh giác một thời gian. Họ sớm làm tôi an tâm. Một người là ông De Montauban, gọi là bá tước De la Tour du Pin, quý tộc miền Dauphiné; người kia là ông Dastier, miền Carpentras, cựu quân nhân, đã cất huân chương Thánh Louis vào túi, vì không thể phô bày. Cả hai rất hòa nhã và đều có tài trí; sự trò chuyện của họ dễ chịu và thú vị; cách du lịch của họ, rất hợp với thị hiếu của tôi, và rất ít hợp thị hiếu của các nhà quý tộc Pháp, khiến tôi đối với họ có một thứ quyến luyến, chỉ có thể bền vững hơn qua giao

tiếp. Thậm chí sự quen biết không chấm dứt ở đó, bởi nó còn tiếp tục, và họ trở lại thăm tôi nhiều lần khác, tuy nhiên không đi bộ nữa, điều này tốt cho lúc khởi đầu: nhưng càng gặp gỡ các vị này, tôi càng thấy giữa sở thích của họ và sở thích của mình ít có quan hệ, tôi càng cảm nhận các phương châm của họ ít giống phương châm của mình, và chẳng có một thiện cảm đích thực nào giữa họ với mình, vậy họ muốn gì tôi? Tại sao họ đến thăm tôi với lệ bộ như thế? Tại sao ở lại nhiều ngày? Tại sao trở lại nhiều lần? Tại sao rất thích có tôi là chủ nhà? Khi ấy tôi không nghĩ đến chuyện tự đặt những câu hỏi này. Từ thời gian đó đôi khi tôi đã tự đặt ra.

Cảm động vì những sự ngổ ỷ trước của họ, tôi xiêu lòng mà không suy luận, nhất là với ông Dastier, thái độ ông cởi mở hơn khiến tôi thích hơn. Thậm chí tôi còn trao đổi thư từ với ông, và khi định in *Những bức thư từ núi*, tôi nghĩ đến việc viết cho ông để đánh lừa những kẻ đang chờ bọc thư của tôi trên con đường Hà Lan. Ông đã nói nhiều với tôi, có thể là cố ý, về tự do của ngành in ở Avignon; ông đã đề nghị lo giúp tôi, nếu tôi có gì cần in: tôi dựa vào đề nghị đó, và liên tục gửi cho ông, qua bưu điện, các tập bản thảo đầu tiên. Sau khi đã giữ chúng khá lâu, ông gửi trả và nói là không một nhà xuất bản nào dám đảm nhận, và tôi buộc phải quay lại với Rey, cẩn thận chỉ gửi bản thảo cho anh từng tập một, và chỉ thả những tập sau, khi được tin các tập trước đã đến nơi. Trước khi tác phẩm được công bố, tôi biết người ta đã nhìn thấy nó tại văn phòng các bộ trưởng, và D'Escherny, từ Neuchâtel, nói với tôi về một cuốn sách của *Người ở núi*, mà D'Holbach bảo là của tôi. Tôi cam đoan với anh, và đúng như vậy, là chưa từng viết sách mang nhan đề đó. Khi *Những bức thư* ra mắt, anh giận dữ và buộc tội tôi dối trá, mặc dù tôi chỉ nói với anh sự thật. Đó là vì sao tôi chắc chắn người ta đã biết bản thảo của tôi. Tin ở sự trung thực của Reyt tôi buộc phải hướng sự phỏng đoán sang phía khác, và phỏng đoán tôi ưa dùng lại hơn cả là các bưu kiện của mình đã bị mở ra tại bưu điện.

Một mối quen biết nữa gần như cùng thời gian, nhưng thoát tiên chỉ qua thư từ, là một ông Laliaud, ở Nîmes, ông viết cho tôi từ Paris, xin tôi gửi cho một hình bóng bán diện, ông bảo là cần cho pho tượng bán thân của tôi bằng đá hoa cương mà ông đặt Le Moyne* làm, để bày trong tủ sách nhà ông. Nếu đó là một sự nịnh hót được bày đặt ra để lung lạc tôi, thì nó đã thành công trọn vẹn. Tôi phán đoán rằng một người muốn có tượng bán thân của tôi bằng đá hoa cương trong tủ sách là người chuyên tâm với các tác phẩm của tôi, do vậy chuyên tâm với các phương châm của tôi, và yêu mến tôi vì tâm hồn người ấy đồng điệu với tâm hồn tôi. Ý tưởng này khó mà không làm tôi xiêu lòng. Sau đó tôi đã gặp ông Laliaud. Tôi thấy ông rất hăng hái để giúp tôi nhiều việc nho nhỏ, để xen rất nhiều vào những công chuyện nho nhỏ của tôi. Nhưng tôi nghi ngờ chẳng một trước tác nào của tôi ở trong số ít ỏi những cuốn sách ông từng đọc trong đời. Tôi chẳng biết liệu ông có một tủ sách hay không, liệu đó có phải một là đồ đặc để ông dùng hay không, còn về bức tượng bán thân thì nó chỉ là một phác thảo vụng về bằng đất, do Le Moyne làm, trên đó ông đã cho khắc một chân dung cực xấu song chẳng khỏi được, lưu hành dưới tên tôi, cứ như thể nó có cái gì đó giống tôi.

Người Pháp duy nhất có vẻ đến thăm tôi vì ưa thích các cảm nghĩ và các tác phẩm của tôi là một sĩ quan trẻ của đội quân miền Limousin, tên là séguier de Saint-Brisson, mà mọi người đã thấy và có lẽ còn thấy nổi bật tại Paris và trong giới giao tế vì những tài năng khá dễ mến, và vì những kỳ vọng về khiêu văn chương. Anh đã đến thăm tôi ở Montmorency vào mùa đông trước khi tôi gặp tai họa. Tôi thấy anh có một sự hăng hái trong cảm nghĩ nó khiến tôi thích. Sau đó anh viết thư cho tôi đến Môtiêr, và hoặc muốn nịnh tôi, hoặc thật sự say mê *Émile*, anh cho tôi biết anh rời quân ngũ để sống độc lập, và đang học nghề thợ mộc. Anh có một người anh, là đại úy trong cùng đội quân, được mẹ hoàn toàn ưu ái, bà này, sùng đạo thái quá, và do một

tu sĩ giả nhân giả nghĩa nào đó điều khiển, cư xử rất tệ với người con thứ, bị bà lên án là vô tôn giáo, thậm chí mắc tội không thể dung tha là có liên hệ với tôi. Đó là những mối bất bình khiến anh muốn đoạn tuyệt với mẹ và quyết định như tôi vừa nói, tất cả để làm tiểu Émile.

Lo sợ vì sự cuồng nhiệt này, tôi vội viết thư cho anh để khuyên anh thay đổi quyết định, và tôi đưa toàn bộ sức mạnh mà mình có khả năng vào những lời khuyên cáo: những lời đó được nghe theo. Anh trở lại bốn phận đối với mẹ, và rút đơn xin giải ngũ đã nộp cho vị đại tá, mà ông thận trọng không sử dụng, để anh có thời gian suy nghĩ kỹ hơn. Tỉnh khỏi những điên rồ, Saint-Brisson bèn làm một sự điên rồ khác ít chướng hơn một chút, nhưng cũng chẳng mấy hợp sở thích của tôi: đó là sáng tác. Anh ra liên tiếp hai ba cuốn sách mỏng, cho thấy chẳng phải anh không cổ tài, nhưng tôi sẽ không phải tự trách là đã khen ngợi anh nhiều để khuyến khích anh theo đuổi sự nghiệp này.

Ít lâu sau, anh tới thăm tôi và chúng tôi cùng nhau hành hương đến đảo Saint-Pierre. Trong chuyến đi này tôi thấy anh khác với khi gặp ở Montmorency trước đây. Anh có cái gì đó kiểu cách, mới đầu tôi không thấy chướng mắt, nhưng từ đó tôi hay nhớ lại. Anh còn đến thăm tôi một lần nữa ở biệt thự Saint-Simon, khi tôi qua Paris để sang Anh. Tại đó tôi được biết, điều mà anh đã không nói với tôi, là anh sống trong các giới thượng lưu quyền quý, và gặp gỡ bà De Luxembourg khá thường xuyên. Anh không cho tôi thấy một tâm hơi nào ở Trye và không nhắc gì cho tôi qua họ hàng của anh là cô séguier, láng giềng của tôi và là người chưa bao giờ tỏ ra có nhiều thiện ý với tôi. Tóm lại, sự mê say của Saint-Brisson chấm dứt đột ngột, giống như quan hệ của ông De Feings; nhưng ông này không nợ gì tôi hết, còn người kia nợ tôi điều gì đó, trừ phi những chuyện đại đột mà tôi đã ngăn anh thực hiện chỉ là một trò đùa của anh: điều này, kỳ thực, rất có thể.

Tôi cũng có rất nhiều người từ Genève đến thăm, cha con De Luc kế tiếp nhau chọn tôi làm hộ lý: cha thì dục đường lâm bệnh, con ốm

khi từ Genève ra đi; cả hai đến hồi phục tại nhà tôi*. Các mục sư, các họ hàng, những kẻ mê tín, mọi loại người, đến từ Genève và từ Thụy Sĩ, không giống những người đến từ Pháp, để ngưỡng mộ tôi và nhạo báng tôi, mà đến để quở mắng tôi và giảng dạy giáo lý cho tôi. Người duy nhất khiến tôi thích là Moulou, đến ở với tôi ba bốn ngày, và tôi những muốn giữ lại lâu hơn. Người bẽn lẽn hơn cả, người khẳng khái hơn cả, và do cứ quấy rầy mãi nên chế ngự được tôi, là D'Ivernois, thương gia của Genève, người Pháp lưu vong và họ hàng của Tổng biện lý miền Neuchâtel. Anh chàng D'Ivernois của Genève này mỗi năm qua Môtiêrs hai lần, chỉ để đến thăm tôi, ở lại nhà tôi từ sáng đến tối nhiều ngày liền, cùng đi dạo với tôi, mang cho tôi hàng ngàn loại tặng phẩm nhỏ, len lỏi vào tâm sự của tôi mặc dù tôi không muốn, xen vào mọi công việc của tôi tuy giữa anh và tôi chẳng hề có sự đồng điệu nào về tư tưởng, về khuynh hướng, về tình cảm cũng như về tri thức. Tôi ngờ rằng cả đời anh chưa đọc trọn một cuốn sách nào thuộc một loại nào, thậm chí anh chẳng biết sách của tôi luận giải vấn đề gì. Khi tôi bắt đầu sưu tầm cây cỏ, anh theo tôi trong các chuyến đi dành cho thực vật học, mà chẳng ham thích trò vui ấy, và chẳng có gì để nói với tôi, cũng như tôi chẳng có gì để nói với anh. Thậm chí anh có can đảm ở suốt ba ngày mặt đối mặt với tôi trong một nhà hàng tại Goumouins, tôi cứ tưởng tổng được anh đi vì khiến anh buồn chán và để anh cảm thấy anh khiến tôi buồn chán đến chừng nào, song không bao giờ có thể làm nản được lòng kiên trì khó tin của anh, cũng không sao thấu hiểu được lý do.

Trong tất cả những quan hệ mà tôi chỉ thực hiện và duy trì một cách bất đắc dĩ, tôi không được bỏ qua mối quan hệ duy nhất thú vị với tôi, và tôi thực lòng quan tâm: đó là một thanh niên Hungary đến định cư tại Neuchâtel, rồi từ đấy tới Môtiêrs, vài tháng sau khi bản thân tôi về ở nơi đây. Trong miền mọi người gọi anh là nam tước De Sauttern, anh đã được Zurich giới thiệu với tên họ này. Anh cao lớn và

cân đối, dung mạo đẹp đẽ, dễ dãi và hiền hòa trong giao tiếp. Anh nói với tất cả mọi người, và làm cho bản thân tôi hiểu rằng, anh đến Neuchâtel chỉ vì tôi, để nhờ giao thiệp với tôi mà tu dưỡng tuổi thanh xuân theo đức độ. Tôi thấy dung mạo, giọng điệu, cung cách của anh có vẻ phù hợp với lời lẽ, và tôi cho rằng mình sẽ thiếu sót một trong những bốn phận lớn nhất nếu đuổi khéo một thanh niên, mà mình thấy rất dễ thương và người đó cầu đến mình vì một lý do thật đáng trọng. Con tim tôi không biết phó thác nửa vơi. Chẳng bao lâu anh có được toàn bộ tình thân của tôi, toàn bộ niềm tin của tôi; chúng tôi thành khăng khít không rời. Anh tham gia mọi cuộc đi bộ dạo chơi của tôi, anh thấy ham thích. Tôi dẫn anh đến nhà Ngài Thống chế, ngài hết sức ân cần với anh. Vì anh còn chưa nói được tiếng Pháp, nên anh chỉ phát biểu và chỉ viết cho tôi bằng tiếng Latin: tôi trả lời bằng tiếng Pháp, và sự pha trộn hai ngôn ngữ này không khiến các cuộc trò chuyện của chúng tôi kém trôi chảy, hoặc kém sôi nổi về mọi phương diện. Anh nói với tôi về gia đình anh, về công việc, về các cuộc phiêu lưu của anh, về triều đình Vienne, mà anh có vẻ biết rõ các chi tiết nội bộ. Rốt cuộc, trong gần hai năm trời hết sức thân mật, tôi chỉ thấy ở anh một tính cách hiền hòa không gì làm thay đổi được, phẩm hạnh không chỉ đứng đắn mà còn thanh nhã, con người rất sạch sẽ, nói năng cực kỳ đoan chính, tóm lại mọi dấu hiệu của một người xuất thân danh giá, những dấu hiệu khiến anh đáng được tôi quý trọng quá chừng nên tôi không thể không thân thiết.

Giữa lúc tôi đang quan hệ rất chặt chẽ với anh, thì D'Ivernois từ Genève viết thư bảo tôi hãy coi chừng chàng trai Hungary đến định cư gần tôi, mọi người đã cam đoan với anh rằng đó là một gián điệp được nội các Pháp cử đến bên cạnh tôi. Tôi thấy lời khuyên này càng có vẻ đáng ngại, vì trong miền tôi ở, tất cả mọi người đều khuyến cáo tôi hãy coi chừng, người ta đang rình mò tôi, và tìm cách lôi kéo tôi đến lãnh thổ nước Pháp, để ngược đãi tôi tại đó.

Để làm cho tất cả những người khuyển rắn ngu xuẩn này im miệng hẳn, tôi bèn đề nghị Sauttern một chuyến đi bộ đến Pontarlier*, mà không báo trước gì hết; anh đồng ý. Khi chúng tôi đến Pontarlier, tôi đưa bức thư của D'Ivernois cho anh đọc, rồi nồng nhiệt ôm hôn anh, mà bảo rằng: “Sauttern không cần tôi chứng tỏ với anh niềm tin, nhưng công chúng cần tôi chứng tỏ với họ là tôi biết niềm tin của mình đặt đúng chỗ.” sự ôm hôn này thật ngọt ngào êm ái; đó là một trong những niềm vui tâm hồn mà những kẻ truy hại không thể nếm trải cũng không thể tước đi của những người bị áp bức.

Tôi sẽ không bao giờ tin rằng Sauttern là gián điệp, cũng không tin anh đã phản tôi; nhưng anh đã lừa dối tôi. Khi tôi thổ lộ tâm tình với anh không dè dặt, anh có gan kiên trì giữ kín lòng mình, và lừa tôi bằng những điều dối trá. Anh bịa đặt ra câu chuyện gì chẳng biết khiến tôi đoán rằng sự có mặt của anh ở đất nước anh là cần thiết. Tôi khích lệ anh mau chóng lên đường: anh lên đường, và khi tôi tưởng anh đã ở Hungary rồi, thì biết tin anh đang ở Strasbourg. Anh ở đó chẳng phải là lần đầu tiên. Tại nơi ấy anh từng gây lộn xộn trong một gia đình: người chồng, biết tôi thường gặp gỡ anh, đã viết thư cho tôi. Tôi đã chẳng quản điều gì để đưa người vợ trẻ trở về với đức hạnh, còn Sauttern trở về với bốn phận. Khi tôi tưởng cả hai đã hoàn toàn tách khỏi nhau, thì họ lại xích gần nhau, và chính ông chồng dễ dãi lại đón chàng trai về ở nhà mình; từ đó tôi chẳng còn gì mà nói nữa. Tôi được biết anh chàng nam tước giả này đã đánh lừa tôi bằng vô số điều dối trá. Anh không hề mang tên Sauttern, anh là Sauttersheim. Về danh hiệu nam tước, mà mọi người thường gọi anh ở Thụy Sĩ, thì tôi không trách được anh, vì anh chưa bao giờ nhận nó: nhưng tôi tin anh đúng là quý tộc, còn Ngài Thống chế, vốn am hiểu con người, và đã là quý tộc tại đất nước của ngài, thì bao giờ cũng coi anh là quý tộc và đối xử với anh như vậy.

Anh vừa ra đi, thì cô hầu của quán ăn nơi anh vẫn dùng bữa tại Môtiers, tuyên bố có thai với anh. Đó là một ả bần thiêu rất xấu, còn Sauttern, mà ai nấy trong toàn vùng đều quý mến và tôn trọng vì cách cư xử và phẩm hạnh đứng đắn, thường hết sức tự phụ về sự sạch sẽ, thành thử hành vi vô liêm sỉ của cô ả khiến tất cả mọi người thấy chướng. Những phụ nữ dễ mến nhất trong vùng, từng nhõng nhẽo với anh một cách vô ích, rất giận dữ; tôi thì công phần quá chừng. Tôi cố gắng hết sức để khiến cô ả trơ tráo bị bắt giữ, tôi nhận chi trả mọi phí tổn và bảo lãnh cho Sauttersheim. Tôi viết thư cho anh, với niềm tin chắc chắn rằng việc mang thai này chẳng những không phải do anh, mà còn giả vờ, và tất cả chỉ là một trò do các kẻ thù của anh và của tôi bày đặt: tôi muốn anh quay về đây để làm bẽ mặt ả vô lại và những kẻ xúi giục ả. Tôi kinh ngạc vì sự nhu nhược của thư trả lời. Anh viết cho mục sư cai quản giáo khu có cô ả bần thiêu, và làm cho vụ việc êm đi; thấy như vậy, tôi bèn ngừng can thiệp, rất ngạc nhiên sao một con người dâm dăng đến như thế lại có thể tự chủ đủ để đánh lừa tôi vì sự giữ gìn thận trọng trong cảnh thân tình mật thiết nhất.

Từ Strasbourg, Sauttersheim đến Paris tìm hạnh vận, và chỉ tìm thấy sự khốn cùng, Anh viết thư cho tôi và thú tội. Tâm can tôi xúc động khi nhớ lại tình bạn xưa giữa chúng tôi; tôi gửi cho anh ít tiền. Năm sau, khi qua Paris, tôi gặp lại anh gần như vẫn ở tình trạng ấy, nhưng là bạn thân của Laliaud, mà tôi không sao biết được từ đâu anh có mối quen biết này, sự quen biết ấy cũ hay mới. Hai năm sau, Sauttersheim trở lại Strasbourg, anh viết thư cho tôi từ nơi ấy và anh chết tại nơi ấy. Đó là câu chuyện tóm tắt về quan hệ giữa chúng tôi, và những gì tôi biết về các cuộc phiêu lưu của anh; nhưng trong khi thương cho số phận của chàng thanh niên bất hạnh, tôi sẽ không bao giờ ngừng tin rằng anh xuất thân danh giá, và toàn bộ tình trạng lộn xộn trong cách cư xử là do tác động của những tình huống mà anh lâm phải.

Đó là những gì tôi được, ở Môtiers, về mặt quan hệ và quen biết, cần phải được như vậy để đền bù cho những tổn thất ác nghiệt trong cùng thời gian ấy!

Tổn thất đầu tiên là mất ông De Luxembourg, sau khi bị các thầy thuốc làm khổ rất lâu, cuối cùng ông là nạn nhân của họ, bị chữa trị bệnh thống phong, mà họ không muốn nhận ra, như trị một bệnh mà họ có thể chữa khỏi; nếu căn cứ vào sự tường thuật của La Roche, người tin cẩn của bà Thống chế, trong thư viết cho tôi, thì đúng là qua thí dụ vừa ác nghiệt vừa đáng ghi nhớ này, ta phải xót xa cho những nỗi khốn cùng của sự cao sang.

Tôi càng cảm nhận rõ hơn việc mất vị công hầu nhân hậu ấy, vì đó là người bạn chân chính duy nhất của tôi tại Pháp và tính cách ông hiền dịu đến mức làm tôi hoàn toàn quên đi địa vị của ông, để gần bó với ông như với người ngang hàng. Quan hệ của chúng tôi không dừng lại vì việc tôi lánh đi, và ông vẫn tiếp tục viết thư cho tôi như trước. Tuy nhiên tôi như cảm thấy sự vắng mặt, hay là tai họa của tôi, đã làm phai nhạt tình thương mến nơi ông. Một triều thần rất khó giữ nguyên mối gần bó với ai đó mà mình biết là bị thất sủng trước các bậc quyền uy. Vả chẳng tôi đoán rằng uy thế lớn lao của bà De Luxembourg đối với ông không có lợi cho tôi, và bà đã nhân việc tôi ở xa mà gây hại cho tôi trong tâm trí ông. Về phần bà, mặc dù có vài sự chứng minh gượng gạo và dần thừa thốt, càng ngày bà càng bớt che giấu sự thay đổi đối với tôi. Thỉnh thoảng bà viết thư cho tôi sang Thụy Sĩ, bốn năm lần, sau đó không hề viết nữa, và tôi ắt phải còn thiên kiến, tin tưởng và mù quáng lắm mới không thấy là bà có thái độ hơn cả lạnh nhạt đối với mình.

Nhà xuất bản Guy, cộng tác với Duchesne, từ khi quen tôi thường hay qua lại dinh thự Luxembourg, viết thư cho tôi rằng trong di chúc của ông Thống chế có tôi. Điều này rất tự nhiên và rất đáng tin; vì thế tôi không nghi ngờ. Chuyện đó khiến tôi suy xét trong thâm tâm xem mình sẽ ứng xử thế nào trước sự di tặng ấy. Cân nhắc kỹ, tôi quyết

định nhận, dù nó có thể là thế nào đi nữa, và quyết định tôn vinh như vậy một người quân tử, ở một địa vị mà tình bạn ít khi thâm nhập, đã có một tình bạn đích thực đối với tôi. Tôi được miễn bốn phận này, vì không nghe nói gì đến sự di tặng thật hay giả đó nữa; và quả thật tôi có thể phiền lòng khi làm thương tổn một trong những phương châm quan trọng về đạo lý, nếu lợi dụng điều gì đó từ cái chết của một người từng thân thương với mình. Trong thời gian đau ốm cuối cùng của ông bạn Mussard, Lenieps đề nghị tôi lợi dụng mỗi cảm kích mà ông bày tỏ trước những chăm sóc của chúng tôi, để gợi ý vài điều di nguyện ưu đãi chúng tôi. Tôi bảo anh: “Ôi! Lenieps thân mến, ta đừng để những ý tưởng về lợi ích làm như những bốn phận đau buồn, nhưng thiêng liêng, của chúng ta đối với người bạn đang hấp hối. Tôi hy vọng đừng bao giờ có tên trong di chúc của ai hết, và ít ra đừng bao giờ có tên trong di chúc của một người nào trong các bạn tôi.” Gần như cùng thời gian này Quý Ngài Thống chế nói với tôi về di chúc của ngài, về những gì ngài dự định đối với tôi, và tôi đã trả lời ngài như đã kể trong phần thứ nhất*.

Tổn thất thứ hai của tôi, còn khiến tôi cảm kích hơn nữa, và không sao bù đắp được hơn nữa, là mất người phụ nữ tốt nhất và người mẹ tốt nhất, đã mang gánh nặng tuổi tác còn mang quá nặng những tật bệnh và những nỗi cơ cực, người rời bỏ thung lũng nước mắt này để sang nơi những người tốt trú ngụ, nơi mà hồi ức đáng yêu về điều thiện ta đã làm ở cõi thế là phần thưởng vĩnh cửu. Hỡi linh hồn dịu dàng và từ bi, hãy đến bên những Fénelon, những Bernex, những Catinat và những người, ở một địa vị khiêm nhường hơn, đã giống như họ mở lòng mình cho tình bác ái chân chính; hãy hưởng thành quả lòng bác ái của người, và hãy chuẩn bị cho kẻ học trò của người vị trí mà kẻ đó hy vọng một ngày kia được ở bên cạnh người! Hạnh phúc thay cho người, bằng cách chấm dứt những nỗi khổ sở của người, Thượng Đế đã không để người phải thấy cảnh tượng tàn nhẫn

những khổ sở của kẻ đó! Sự câu chuyện về những tai họa đầu tiên của tôi làm buồn lòng bà, từ khi đến Thụy Sĩ tôi không hề viết thư cho bà; nhưng tôi viết cho ông De Conzié để hỏi thăm tin tức bà, và chính ông cho tôi biết là bà đã thôi cứu giúp những người đau khổ, và bản thân bà thôi đau khổ. Chẳng bao lâu nữa tôi cũng sẽ thôi đau khổ; nhưng nếu nghĩ rằng không gặp lại bà ở cuộc sống khác, thì trí tưởng tượng yếu ớt của tôi sẽ khước từ ý tưởng về hạnh phúc hoàn hảo mà tôi tự hứa cho mình tại thế giới ấy.

Tổn thất thứ ba và cuối cùng, vì từ đó tôi không còn bạn để mất nữa, là việc mất Quý Ngài Thống chế. Ông không chết, nhưng chán phục vụ những kẻ vô ơn, ông rời Neuchâtel và từ đó tôi không gặp lại ông nữa. Ông sống, và sẽ còn sống sau tôi, tôi hy vọng thế: ông sống, và, nhờ ông mà mọi mối găng bó của tôi không bị cắt đứt trên thế gian; hãy còn trên thế gian một người xứng với tình thân của tôi, bởi giá trị thực sự của tình thân là ở tình mà ta cảm nhận còn nhiều hơn là ở tình mà ta khơi gợi nên; nhưng tôi đã mất những sự ngọt ngào do tình thân của ông ban phát, và tôi chỉ còn đặt được ông vào số những người mà tôi vẫn yêu mến, nhưng không có liên hệ nữa. Ông sang nước Anh tiếp nhận sự đặc xá của Đức Vua, và mua lại các tài sản bị tịch thu trước kia. Chúng tôi chia tay mà chẳng khỏi đặt những kế hoạch sum họp có vẻ gần như cũng êm đềm với ông như với tôi. Ông muốn định cư tại lâu đài Keith-Hall, gần Aberdeen, và tôi sẽ đến đó ở bên ông; nhưng kế hoạch này quá đẹp để đối với tôi thành thử tôi khó có thể hy vọng nó thành công. Những sự khẩn khoản triu mến của nhà vua Phổ khiến ông trở lại Berlin, và ta sẽ sớm thấy tôi bị cản trở không đến được với ông như thế nào.

Trước khi ông ra đi, đoán trước bão tố mà người ta bắt đầu gây ra với tôi, ông tự ý gửi cho tôi những giấy tờ chứng nhận là thần dân*, dường như một dự phòng rất chắc chắn để người ta không thể đuổi tôi ra khỏi địa phương. Giáo đoàn ở Couvet, tại Val-de-Travers, theo gương của vị thống đốc, và cấp cho tôi giấy chứng nhận là thành viên

giáo đoàn, tự ý, giống như những giấy tờ kia. Như vậy, trở thành công dân của địa phương về mọi phương diện, tôi tránh được mọi sự trục xuất theo pháp luật, ngay cả do quốc vương: nhưng chưa bao giờ người ta có thể theo những con đường hợp pháp mà truy hại cái kẻ luôn tôn trọng luật pháp nhất trong các con người.

Tôi cho rằng không phải kể việc mất tu sĩ Mably vào số những tổn thất cùng thời gian ấy. Do đã ở nhà ông anh của tu sĩ, tôi có một vài quan hệ với ông, nhưng chưa bao giờ thật thân mật, và tôi có vài lý do để tin rằng bản chất tình cảm của ông đối với tôi đã thay đổi từ khi tôi nổi danh hơn ông. Nhưng từ khi công bố *Những bức thư từ núi* tôi mới có dấu hiệu đầu tiên về ác ý của ông đối với mình. Tại Genève lưu hành một bức thư gửi bà Saladin, mà mọi người cho là của ông, trong đó ông nói về tác phẩm này như về những tiếng la hét phản loạn của một kẻ my dân vô độ. Do quý mến tu sĩ De Mably, và trọng thị các tri thức của ông, nên không một lúc nào tôi tin rằng bức thư ngông cuồng vô lý ấy là của ông. Tôi bèn có một quyết định do lòng trung thực xui khiến. Tôi gửi cho ông một bản sao bức thư, và báo là mọi người gán cho ông. Ông không hề trả lời tôi. Sự im lặng này khiến tôi ngạc nhiên: nhưng xin hãy xét đoán nỗi ngạc nhiên của tôi, khi được bà De Chenonceaux thông báo rằng bức thư thực sự là của tu sĩ, và thư của tôi đã khiến ông rất bối rối. Bởi rốt cuộc, giả sử ông có lý chẳng nữa, làm sao ông có thể tha thứ cho một cách tiến hành rõ ràng và công nhiên, vui lòng, chẳng có nghĩa vụ, chẳng phải bất đắc dĩ, chỉ nhằm mục đích duy nhất là dồn ép giữa cảnh tai ương nặng nề nhất một người luôn được ông bày tỏ hảo ý, và chưa bao giờ từng đắc tội với ông? Ít lâu sau đó, *Những cuộc đàm thoại của Phocion* xuất hiện, ở đây tôi chỉ thấy một sự biên tập các trước tác của tôi, tiến hành không dè dặt và không xấu hổ. Đọc cuốn sách này, tôi cảm thấy tác giả đã có quyết định đối với tôi, và từ nay trở đi tôi sẽ không có kẻ thù nào tệ hại hơn. Tôi cho rằng ông đã không tha thứ cho tôi *Khế ước xã hội*,

vượt trên sức lực của ông quá nhiều, cũng không tha *thứ Hòa bình vĩnh cửu*, và ông chỉ ra vẻ mong muốn tôi làm một công trình trích dẫn tu sĩ De Saint-Pierre khi nghĩ rằng tôi sẽ không xoay xở thành công đến thế.

Càng tiến bước trong các câu chuyện kể, tôi càng ít đưa được vào đó trật tự và mối liên lạc. Tình trạng khuấy động của phần đời còn lại không để cho các biến cố có thời gian sắp xếp trong óc tôi. Chúng quá nhiều, quá hòa trộn, quá khó chịu, nên không thể được thuật lại mà không hỗn độn.

An tượng mạnh duy nhất chúng để lại nơi tôi là ấn tượng về bí ẩn ghê gớm che đậy nguyên nhân của chúng, và tình trạng tệ hại chúng bắt tôi phải chịu. Câu chuyện tôi kể chỉ có thể đi lang thang, tùy theo những ý tưởng sẽ trở lại trong tâm trí. Tôi nhớ lại rằng trong thời gian đang nói đến, hoàn toàn bận tâm với những điều bực bực, tôi nói về việc này với tất cả mọi người một cách rất đại dột, thậm chí chẳng nghĩ rằng ai đó có lợi ích, hay ý muốn, hay quyền lực để cản trở công trình ấy: giả sử có tin vào chuyện này, có lẽ tôi cũng chẳng kín đáo hơn là mấy, do bản tính tôi hoàn toàn không thể che giấu chút gì về những điều mình cảm nhận và những điều mình suy nghĩ, công việc này được biết đến, và với chừng mực tôi có thể phán đoán, đó là nguyên nhân đích thực của cơn bão tố mà người ta kích động để trục xuất tôi khỏi Thụy Sĩ, và giao phó tôi vào những bàn tay sẽ ngăn cản tôi tiến hành công trình.

Tôi còn một công trình khác cũng không được những kẻ sợ hãi công trình thứ nhất xem xét một cách thuận lợi hơn là mấy: đó là việc xuất bản toàn tập các trước tác của tôi. Tôi thấy việc xuất bản này cần thiết để kiểm chứng những tác phẩm thực sự là của tôi trong số các tác phẩm mang tên tôi, và khiến công chúng có thể phân biệt với những bài viết giả danh mà kẻ thù quy cho tôi để làm mất uy tín và hạ giá trị tôi. Ngoài điều đó ra, việc xuất bản này là một phương kế đơn giản và lương thiện để đảm bảo miếng ăn, và đó là phương kế duy nhất, vì tôi

đã từ bỏ việc viết sách, vì Hội ký không thể ra đời khi tôi còn sống, vì không thể kiếm ra một xu theo cách nào khác và luôn phải chi tiêu, tôi nhìn thấy nguồn lợi chấm dứt khi thu nhập từ những tác phẩm cuối cùng chấm dứt. Lý do này thôi thúc tôi đưa ra cuốn *Từ điển âm nhạc*, hãy còn chưa thành hình. Tôi được một trăm *louis* tiền mặt và một trăm *écu* lợi tức chung thân, nhưng một trăm *louis* ắt phải chóng hết khi tiêu hơn sáu chục *louis* mỗi năm, còn một trăm *écu* lợi tức coi như không có đối với một người bị những cá nhân nào đó và những kẻ đói rách không ngừng lao xuống như những con chim sáo sậu.

Có một hội thương gia của Neuchâtel đến vì việc xuất bản toàn tập của tôi, và một nhà in hay nhà xuất bản tại Lyon, tên là Reguillat, chẳng biết làm thế nào mà chen vào giữa họ để chỉ huy công việc. Thỏa thuận được tiến hành một cách phải chăng và đủ cho mục đích của tôi. Với những tác phẩm đã in cũng như còn ở dạng bản thảo, tôi có chất liệu để cung cấp sáu tập sách khổ giấy xấp bốn; thêm nữa tôi nhận coi sóc việc xuất bản: như vậy họ phải trả tôi một khoản trợ cấp chung thân là một ngàn sáu trăm *livre* tiền Pháp và một ngàn *écu* trả một lần.

Hợp đồng đã xác định, còn chưa ký, thì *Những bức thư viết từ núi* xuất hiện. Sự bùng nổ ghê gớm chống lại tác phẩm hiểm độc này và chống lại tác giả đáng ghét của nó, khiến cả hội kinh hãi, và công trình tiêu tan. Tôi có thể so sánh hiệu quả của tác phẩm này với hiệu quả của *Bức thư về âm nhạc Pháp* nếu như bức. Thư đó, trong khi khiến tôi bị căm ghét và có thể gặp nguy hiểm, không để lại cho tôi ít ra là sự vị nể và niềm quý trọng. Nhưng, sau tác phẩm này, ở Genève và ở Versailles người ta có vẻ ngạc nhiên sao mọi người lại để cho một quái vật như tôi vẫn sống. Tiểu hội đồng, do công sứ Pháp kích động, và do Tổng biện lý điều khiển, ra một tuyên cáo về tác phẩm, trong đó, với những nhận định tàn bạo nhất, tuyên bố rằng tác phẩm không xứng đáng để trao phủ thiêu hủy, và còn nói thêm với một sự khéo léo gần như khôi hài là người ta không thể đối đáp lại nó thậm chí đề cập đến

nó mà không bị ô danh. Tôi những muốn chép lại ở đây văn kiện kỳ cục ấy; nhưng tiếc là không có trong tay và không nhớ một từ nào của văn kiện. Tôi thiết tha mong mỗi ai đó trong các bạn đọc, nhiệt tình vì chân lý và sự công bằng, vui lòng đọc lại toàn bộ *Những bức thư viết từ núi*; tôi mạo muội nói rằng bạn ấy sẽ cảm nhận sự mực thước kiên cường chi phối tác phẩm, sau những lảng nhục rõ ràng và tàn ác mà người ta vừa mới thi nhau dồn túi bụi lên tác giả. Nhưng, vì không thể đối đáp những điều nhục mạ, bởi chẳng hề có nhục mạ, cũng không thể đối đáp các lý lẽ, vì những lý lẽ này là không thể đối đáp, họ bèn quyết định làm ra vẻ quá tức giận nên không muốn đối đáp, và quả thật nêu họ coi những lập luận không sao phản bác nổi là những điều nhục mạ thì họ phải tự thấy bị nhục mạ rất nhiều.

Các đại -biểu, chẳng hề than phiền về bản tuyên cáo khả ố đó, lại theo con đường nó vạch ra, và đáng lẽ lấy làm vinh dự vì *Những bức thư từ núi* mà họ che phủ đi để dùng làm vật chắn, họ lại hèn nhát không biểu dương không thừa nhận tác phẩm viết để bảo vệ họ và do họ khẩn cầu, không viện dẫn, không nêu tên, mặc dù họ ngấm ngấm khai thác từ đó mọi lập luận, và việc họ theo đúng răm rắp lời khuyên kết thúc tác phẩm chính là lý do duy nhất khiến họ thoát hiểm và chiến thắng. Họ đã áp đặt cho tôi nghĩa vụ ấy; tôi đã làm tròn; tôi đã phục vụ đến cùng tổ quốc và lợi ích của họ. Tôi đã yêu cầu họ hãy bỏ lợi ích của tôi và hãy chỉ nghĩ đến họ trong những cuộc phân tranh. Họ bèn dựa vào lời tôi nói và tôi chỉ còn xen vào việc của họ để không ngừng khích lệ họ dàn hòa, tin chắc rằng, nếu ương ngạnh, họ chẳng khỏi bị nước Pháp áp đảo. Điều này không xảy đến: tôi hiểu lý do, nhưng đây không phải chỗ để nói ra.

Tác động của *Những bức thư từ núi*, ở Neuchâtel, thoát tiên rất ôn hòa. Tôi gửi một bản cho ông De Montmollin; ông vui vẻ nhận, và đọc mà không phản bác. Ông đau ốm, cũng như tôi; khi bình phục ông thân ái đến thăm tôi, và không nói gì hết. Trong khi đó sự xôn xao bắt đầu; họ đốt cuốn sách chẳng biết ở nơi nào. Từ Genève, từ Berne, có

thể từ Versailles, trung tâm phần khích chẳng bao lâu chuyển đến Neuchâtel, nhất là ở Val-de-Travers, tại đó, ngay khi mục sư đoàn chưa có một động thái rõ ràng nào hết, người ta đã bắt đầu tập hợp và kích động dân chúng bằng những âm mưu bí mật. Tôi mạo muội nói rằng tôi ắt phải được dân chúng miền này yêu mến, như đã được yêu mến tại tất cả các miền tôi từng sinh sống, vì bố thí rộng rãi, vì không để một người nghèo khổ nào quanh mình không được cứu trợ, không từ chối một ai điều mình có thể giúp và hợp công lý, có lẽ quá thân mật với tất cả mọi người, và hết sức lẩn tránh mọi sự biệt đãi có thể gây lòng ghen ghét. Tất cả những điều này không ngăn được đám tiện dân, chẳng biết bị ai ngấm ngầm xúi giục, cứ khích động dần từng mức chống lại tôi, cho đến cuồng nộ, đến công khai chửi rủa tôi giữa ban ngày, không phải chỉ ở miền quê và trên các nẻo đường, mà giữa phố. Những kẻ được tôi làm phúc nhiều nhất là những kẻ hăng hái nhất, ngay cả những kẻ mà tôi tiếp tục làm phúc, vì không dám phô mình, nên kích thích người khác và dường như muốn làm như vậy để trả thù việc phải hạ mình chịu ơn tôi. Montmollin như không thấy gì hết, và chưa ra mặt. Nhưng vì sắp đến một lễ ban thánh thể, ông bèn lại nhà tôi để khuyên tôi đừng tới đó, đảm bảo rằng ông không trách tôi, và sẽ để tôi yên. Tôi thấy lời thăm hỏi kỳ cục; nó khiến tôi nhớ lại bức thư của bà De Boufflers và tôi không thể hiểu được việc tôi chịu hay không chịu lễ ban thánh thể quan trọng rất nhiều như vậy với ai. Vì thấy về phía mình sự chiếu cố ấy là một hành vi hèn nhát, và chẳng muốn cung cấp cho dân chúng cái cơ mới mẻ này để la lối kẻ vô đạo, tôi từ chối thẳng ông mục sư, và ông phật lòng ra về, cho tôi hiểu rằng tôi sẽ hối hận về chuyện đó.

Ông không thể dùng quyền uy của một mình ông để cấm tôi nhận lĩnh thánh thể: phải có quyền uy của Hội đồng quản trị giáo khu đã chấp nhận tôi, và chừng nào Hội đồng quản trị chưa nói gì, tôi có thể vững vàng xuất hiện, không sợ bị cự tuyệt. Montmollin khiến mục sư đoàn ủy thác cho ông triệu tập tôi đến Hội đồng quản trị giáo khu để

báo cáo về tín ngưỡng của mình, và trong trường hợp từ chối sẽ khai trừ khỏi Giáo hội. Việc khai trừ này cũng chỉ có thể được Hội đồng quản trị tiến hành và với đa số phiếu. Nhưng những người dân quê, dưới danh nghĩa trưởng lão, cấu thành hội đồng này, do mục sư của họ chủ tọa và, như ta hiểu rõ, chỉ huy, dĩ nhiên không có ý kiến khác với ý kiến của ông ta, nhất là về các vấn đề thần học, mà họ còn ít hiểu hơn ông ta. Vậy tôi bị triệu tập, và tôi quyết định ra trước hội đồng.

Một trường hợp may mắn chừng nào, và thắng lợi biết chừng nào nếu tôi biết nói năng, hay theo cách diễn tả khác, nếu tôi có được ngòi bút trong miệng! Giả sử như vậy, tôi sẽ hạ gục mục sư tội nghiệp giữa sáu người dân quê của ông ta, với ưu thế biết mấy, và dễ dàng biết mấy! Vì ham hố thống trị nên các tăng lữ Tân giáo quên mọi nguyên lý cải cách, để nhắc họ nhớ lại và buộc họ im miệng, tôi chỉ cần bình luận những bức thư đầu tiên của *Thư cừ núi* mà họ đã ngu dại chỉ trích. Bài của tôi đã sẵn sàng, tôi chỉ việc triển khai, và ông ta sẽ bị chứng hừng. Tôi sẽ chẳng dại mà ở thế phòng ngự; tôi dễ dàng chuyển sang tấn công mà ông ta thậm chí không nhận ra, hoặc không thể tự bảo vệ. Các thầy tu quên vô danh của mục sư đoàn, khinh suất ngang với dốt nát, tự họ đã đặt tôi vào vị thế may mắn nhất mà tôi có thể mong ước để tha hồ áp đảo họ. Nhưng sao cơ! Cần phải nói và nói ngay tức khắc, tìm ra ý tưởng, cách diễn tả, từ ngữ đúng lúc cần thiết, tâm trí luôn sẵn sàng, bao giờ cũng trầm tĩnh, không một lúc nào bối rối. Tôi có thể hy vọng gì ở bản thân, tôi là người cảm nhận rất rõ mình không có khả năng phát biểu ứng tác? Tôi đã buộc phải im lặng một cách nhục nhã nhất tại Genève, trước một cử tọa hoàn toàn ủng hộ mình, một cử tọa đã quyết tâm tán thành mọi điều, ở đây, hoàn toàn ngược lại: tôi gặp phải một kẻ gây phiền nhiễu, dùng gian kế thay cho kiến thức, kẻ sẽ giảng cho tôi trăm cái bẫy trước khi tôi nhận ra được một bẫy, và rất quyết tâm bắt được tôi lầm lỗi, bằng bất kỳ giá nào. Càng xem xét tình thế ấy, nó càng tỏ ra nguy hiểm, và cảm thấy không thể xoay sở thành công, tôi bèn nghĩ một kế khác. Tôi nghiền ngẫm

một diễn từ sẽ đọc trước Hội đồng giáo khu, để không thừa nhận nó và miễn cho mình phải trả lời; việc này rất dễ. Tôi viết bài diễn từ ấy, và tôi bắt đầu học thuộc lòng một cách hăng hái vô song. Thérèse chế nhạo tôi, khi nghe tôi lầm bầm và lặp lại không ngừng vãn những câu vãn ấy, để cố nhét chúng vào óc. Tôi hy vọng cuối cùng sẽ nắm được bài diễn văn; tôi biết rằng vị Quý tộc, với tư cách quan chức của quốc vương, sẽ tham dự Hội đồng giáo khu, rằng, bất kể những thủ đoạn và những chai rượu của Montmollin, phần lớn các trưởng lão có ý tốt với tôi; để ủng hộ tôi, có lẽ phải, có sự thật, công lý, sự bảo hộ của Đức Vua, uy quyền của Tham sự viện, nguyện vọng của mọi người yêu nước chân chính quan tâm đến việc lập ra sự tra xét này; mọi điều đều góp phần khích lệ tôi.

Hôm trước ngày đã định, tôi thuộc lòng bài diễn từ; tôi đọc nó không sai. Suốt đêm tôi nhắc lại nó trong óc: sáng ra tôi không thuộc nữa; cứ mỗi từ lại ngắc ngứ, tôi ngỡ mình đã ở giữa cử tọa danh tiếng đó rồi, tôi lúng túng, tôi lắp bắp, đầu óc tôi rối loạn; tóm lại, gần như vào lúc ra đi, tôi hoàn toàn mất can đảm; tôi ở lại nhà và quyết định viết thư cho Hội đồng, vội vã nói lên các lý lẽ, và viện cố bệnh tật, mà quả thực, trong tình trạng của tôi khi ấy, bệnh tật khó để cho tôi chịu đựng hết buổi họp.

Mục sư, bối rối vì bức thư của tôi, hoãn vụ việc sang một phiên họp khác. Trong thời gian giữa hai cuộc họp, tự ông ta và các tay chân của ông ta có hàng ngàn động thái nhằm làm xiêu lòng số trưởng lão theo sự mách bảo của lương tâm họ hơn là của ông ta, không tán thành ý muốn của mục sư đoàn và của ông ta. Dù những lý lẽ lấy từ hầm rượu nhà ông ta có sức mạnh đến đâu với những loại người như thế, ông ta cũng chỉ thu phục được hai ba kẻ đã tận tụy với mình rồi, mà mọi người gọi là những kẻ nhắm mắt theo chân ông ta. Vị quan chức của quốc vương và đại tá Pury, người xử sự rất nhiệt tình trong vụ này, khiến được những trưởng lão khác giữ bốn phần, và khi Montmollin muốn tiến hành việc khai trừ, thì Hội đồng quản trị giáo khu, với đa số

phiếu, cự tuyệt hoàn toàn. Buộc phải dùng đến mưu chước cuối cùng là tập hợp và khích động dân chúng, ông ta bèn cùng những người đồng hội và một số kẻ khác hoạt động công khai, và thành công đến mức, bất chấp những chỉ dụ mạnh mẽ và thường xuyên của Đức Vua, bất chấp mọi lệnh của Tham sự viện, cuối cùng tôi buộc phải rời khỏi miền này, để tránh cho vị quan chức của quốc vương nguy cơ chính ông bị sát hại khi bảo vệ tôi.

Tôi chỉ có một hồi ức thật mơ hồ về toàn bộ vụ này, thành thử không thể đưa một trật tự nào, một mối liên lạc nào vào những ý tưởng mà mình nhớ lại, và chỉ có thể diễn tả chúng như chúng xuất hiện trong óc, tản mạn và cô lập. Tôi nhớ là đã có với mục sư đoàn một kiểu thương lượng nào đó do Montmollin làm môi giới, ông ta giả vờ là mọi người sợ tôi khuấy rối sự an bình của xứ sở bằng các trước tác của tôi, họ sẽ gán lỗi cho việc tôi tự do viết. Ông ta để tôi hiểu rằng, nếu tôi hứa thôi không viết nữa, họ sẽ dễ dãi về chuyện quá khứ. Tôi đã tự hứa với mình như vậy rồi; tôi chẳng do dự hứa với mục sư đoàn, nhưng có điều kiện, và chỉ về các vấn đề tôn giáo mà thôi, ông ta tìm cách để có được hai bản viết này, nhờ sự thay đổi nào đó do ông ta yêu cầu: vì điều kiện bị mục sư đoàn bác bỏ, tôi bèn đòi lại bản viết; ông ta trả một bản và giữ lại bản kia, viện cớ đã làm thất lạc.

Sau đó dân chúng, do các mục sư công khai kích động, coi khinh chỉ dụ của Đức Vua, lệnh của Tham sự viện, và không còn biết kiềm chế. Tôi bị quở trách trong buổi thuyết giáo, bị gọi là Ouyr vương, bị truy đuổi ở miền quê như ma chó sói. Y phục kiểu Arménie chỉ dẫn cho đám tiện dân: tôi xót xa cảm nhận điều bất lợi; nhưng trong trường hợp này mà bỏ y phục đó dường như là một sự hèn nhát. Tôi không thể quyết định như vậy, và tôi thản nhiên đi dạo trong miền với tấm áo choàng dài và chiếc mũ trùm lót lông, bị vây bọc trong tiếng hò la phản đối của bọn đề tiện và đôi khi là những hòn đá hòn sỏi của chúng. Nhiều lần đi qua trước các ngôi nhà, tôi nghe thấy những người ở đó nói: “Đem cho ta khẩu súng, để ta bắn y.” Tôi chẳng vì thế mà đi

nhANH hơn: họ càng điên giẶN hơn; nhưng họ vẫn dỪNG lại ở VIỆC dọa dẫm, ít ra là về MỤC SÚNG ỚNG.

SuỐt thời gian xôn xao ẤY, tôi vẫn có đƯỢC hai niềm vui rất lớn mà tôi rất cảm kích. Niềm vui thứ nhất là có thể thực hiện một hành vi tạ ƠN nhờ Ngài THỐNG CHẾ. Tất cả những người CHÍNH TRỰC ở Neuchâtel, công phần vì những cách ĐỐI XỬ mà tôi phải chịu và những thủ ĐOẠN mà tôi là nạn nhân, họ ghét các MỤC SƯ, vì cảm nhận rõ ĐÁM này theo sự xúi giục từ bên ngoài, và chỉ là tay sai cho những kẻ khác nẤU MÌNH GIẬT DÂY, họ sợ tấm gương của tôi có ảnh hưởng lớn đến VIỆC lập một pháp ĐÌNH tôn giáo thực SỰ. Các pháp quan, nhất là ông Meuron, kế nhiệm ông D'Ivernois, với chức trách Tổng Biện lý, nỗ lực hết sức để bảo vệ tôi. Đại tá Pury, dù chỉ là dân thường, còn làm nhiều hơn và thành công hơn. Chính anh đã làm đƯỢC cho Montmollin phải thoái lui ở Hội đồng giáo khu của ông ta, bằng cách giữ đƯỢC các trưởng lão trong bốn phận, vì anh có uy tín, anh bèn sử dụng uy tín ẤY hết mức có thể để ngăn chặn cuộc phản loạn; nhưng anh chỉ có quyền lực của luật pháp, của công lý và lẽ phải để chống lại quyền lực của tiền và rượu vang. Hai bên không cân sức, và ở điểm này Montmollin thắng anh. Tuy nhiên, cảm kích trước sự ân cần và nhiệt tâm của anh, tôi những muốn có thể giúp lại anh, và trả nợ anh theo cách nào đó. Tôi biết . Là anh rất khao khát một chức tham sự viên; nhưng vì đã xử sự không hợp ý triều đình, trong vụ mục sư Petitpierre, nên anh bị thất sủng trước Quốc vương và Thống đốc. Tuy vậy tôi vẫn mạo hiểm viết thư cho Ngài Thống chế bày tỏ hảo ý đối với anh; tôi còn dám nói về chức vụ mà anh mong muốn, và thật may mắn là, trái với sự chờ đợi của tất cả mọi người, chức vụ ẤY đƯỢC Đức Vua phong cho anh gần như tức thì. Như vậy đó, số phận trước nay bao giờ cũng đặt tôi ở quá cao và quá thấp đồng thời, tiếp tục đẩy qua đẩy lại tôi từ cực này sang cực kia, và trong khi ĐÁM TIỆN DÂN làm tôi nhục nhã, thì tôi tạo ra một tham sự viên.

Niềm vui lớn khác là được bà De Verdelin cùng con gái tới thăm, bà dẫn con đến suối nước nóng Bourbonne, từ đó bà đi quá đến Môtiers, và ở nhà tôi hai ba ngày. Nhờ những sự quan tâm và chăm sóc, cuối cùng bà thắng được mối hiềm kỵ kéo dài của tôi, và con tim tôi, chịu thua những ân cần của bà, trả lại bà toàn bộ tình thân mà bà đã chứng tỏ trong thời gian lâu đến thế. Tôi xúc động vì chuyển đi này, nhất là trong hoàn cảnh tôi đang lâm vào, khi tôi rất cần những an ủi của tình bạn để duy trì lòng can đảm. Tôi sợ bà động tâm trước những sự nhục mạ của đám tiện dân mà tôi phải chịu, và những muốn tránh cho bà cảnh tượng đó để khỏi làm buồn lòng bà: nhưng điều ấy là không thể, và mặc dù sự có mặt của bà kiềm chế đôi chút những kẻ xấu láo khi chúng tôi dạo chơi, nhưng bà cũng nhìn thấy đủ để phán đoán những gì diễn ra vào các thời gian khác. Thậm chí trong khi bà đang lưu trú trong nhà tôi, ban đêm tôi tiếp tục bị tấn công tại chính nơi ở của mình. Một buổi sáng chị hầu phòng của bà thấy cửa sổ nhà tôi đầy những hòn đá họ đã ném vào trong đêm. Một ghế dài rất nặng ở ngoài đường gần cửa ra vào và được cột thật chắc, bị tháo ra, nhấc đi, đặt dựa đứng vào cánh cửa, thành thử, nếu không nhận thấy, thì người đầu tiên mở cửa để đi ra, dĩ nhiên bị đập chết. Bà De Verdelin biết hết những gì đang diễn ra; vì, ngoài điều tự bà nhìn thấy, thì anh gia nhân tâm phúc của bà, lui tới rất nhiều nơi trong làng, tiếp cận tất cả mọi người, thậm chí người ta còn thấy anh ta bàn bạc với Montmollin. Tuy nhiên bà tỏ ra không chú ý chút nào đến bất kỳ điều gì xảy đến với tôi, chẳng nói với tôi về Montmollin hoặc về ai hết, và đôi khi tôi nói với bà về chuyện đó thì bà trả lời rất ít. Chỉ có điều, bà tỏ ra tin chắc việc lưu trú tại nước Anh thích hợp cho tôi hơn bất kỳ nơi nào khác, và nói nhiều với tôi về Hume, khi ấy đang ở Paris, về tình thân của Hume đối với tôi, về việc anh mong muốn giúp ích được tôi tại đất nước của anh. Đã đến lúc nói đôi điều về Hume*.

Anh đã đạt được danh tiếng lớn tại Pháp, nhất là trong các nhà Bách khoa toàn thư, nhờ những cuốn khái luận về thương mại và chính trị, sau cùng là nhờ *Lịch sử dòng họ Stuart*, trước tác duy nhất của anh mà tôi đã đọc ít nhiều qua bản dịch của tu sĩ Prévost. Vì chưa đọc những tác phẩm khác của anh, tôi tin chắc, theo những gì người ta nói về anh, rằng Hume kết hợp một tâm hồn rất Cộng hòa với các nghịch lý kiểu Anh ủng hộ sự xa hoa. Dựa trên ý kiến này, tôi coi việc anh biện hộ cho Charles đệ nhất như một sự vô tư không thiên vị phi thường, và tôi đánh giá cao đức độ cũng như tài năng của anh. Mong muốn quen biết con người hiếm có này và mong muốn đạt được tình thân của anh đã tăng thêm ý định sang nước Anh, tôi có ý định ấy do sự khẩn khoản của bà De Boufflers, bạn thân thiết của Hume. Khi đến Thụy Sĩ, qua bà phu nhân này, tôi nhận được của anh một bức thư rất ân cần, trong thư, bên những lời ca tụng đẹp đẽ nhất về tài năng của tôi, anh mời tôi sang Anh gấp, và xin đem toàn bộ uy tín cùng tất cả bạn bè của mình để làm cho việc lưu trú của tôi được dễ chịu, ở Thụy Sĩ tôi gặp Quý Ngài Thống chế, đồng hương và bạn của Hume, ngài khẳng định mọi điều tốt đẹp tôi nghĩ về anh, lại còn cho tôi biết một giai thoại văn chương đã khiến ngài rất xúc động, và cũng khiến tôi xúc động. Wallace, người phản bác Hume về vấn đề dân số thời xưa, vắng mặt trong khi in tác phẩm của ông. Hume đảm trách xem lại bản in thử và coi sóc việc xuất bản. Cách xử sự này hợp khí chất của tôi. Cũng giống như vậy, tôi đã truyền đi những bản sao giá sáu xu một bản, của một bài ca được làm để chống lại tôi. Vậy là tôi có mọi loại thiên kiến ưu ái Hume, khi bà De Verdelin đến nói với tôi một cách sốt sắng về tình thân mà anh bảo là có đối với tôi, về việc anh ân cần muốn tiếp đón tôi tại Anh,* vì bà diễn đạt như vậy. Bà thúc giục tôi rất nhiều hãy tận dụng lòng nhiệt thành này, và hãy viết thư cho Hume. Vì bản tính tôi không thiên về nước Anh, và tôi chỉ muốn quyết định như vậy ở bước đường cùng, nên tôi khước từ không viết thư không hứa hẹn; nhưng tôi để bà toàn quyền làm những gì bà thấy là thích hợp để duy trì ý định tốt ở Hume. Khi rời Môtiêr, bà để tôi ở lại với niềm tin

chắc, qua tất cả những gì bà đã nói về con người danh tiếng ấy, rằng anh là bạn tôi, và bà còn là bạn anh nhiều hơn nữa.

Sau khi bà ra đi, Montmollin tăng thêm các thủ đoạn, và đám tiện dân không còn biết kiềm chế nữa. Tuy nhiên tôi vẫn tiếp tục bình thản đi dạo giữa những tiếng la réo, và lòng ham thích môn thực vật học, mà tôi bắt đầu có khi ở gần bác sĩ D'Ivernois*, đem lại cho những cuộc dạo chơi một hứng thú mới, khiến tôi đi khắp miền sâu tầm cây cỏ, chẳng hoảng hốt vì những tiếng hò hét của bọn súc sinh, thái độ bình tĩnh ấy chỉ kích thích thêm nỗi điên giận của chúng. Một trong những điều làm tôi buồn lòng hơn cả là thấy gia đình các bạn tôi*, hoặc những người mang danh như vậy tham gia khá công nhiên hội những kẻ truy hại tôi, như những người trong nhà D'Ivernois, không trừ cả ông bố và người anh của Isabelle, là Boy de la Tour, họ hàng với bà bạn chờ tôi ở ngôi nhà, và bà Girardier, chị chồng của bà bạn. Tay Pierre Boy này rất lỗ mãng, rất ngu dốt, và xử sự rất thô bạo, thành thử, để mình khỏi nổi giận, tôi tự cho phép giễu cợt ông ta, và tôi làm, theo kiểu của *Tiểu Tiên tri*, một cuốn sách mỏng chừng vài trang, nhan đề *Ảo tượng của Pierre trên núi, biệt hiệu nhà Linh giác*, trong đó tôi tìm được cách chế nhạo khá hài hước những phép màu khi đó đang là cái cớ quan trọng để truy hại tôi. DuPeyrou cho in bài này ở Genève, nó chỉ đạt được một thành công rất xoàng ở địa phương; dân Neuchâtel, với tất cả tài trí của họ, không mấy cảm nhận ý vị hài hước kiểu Athènes cũng như sự giễu cợt, khi nó chỉ hơi tinh tế chút đỉnh.

Tôi có phần chăm chú hơn với một trước tác cũng vào thời gian này, mà mọi người sẽ thấy bản thảo trong các giấy tờ của tôi, và cần nói đến đề tài của nó ở đây.

Khi các lệnh bắt giữ và sự truy hại đang cuồng bạo nhất, dân Genève đặc biệt nổi bật, cố hết sức hò la đả kích, còn anh bạn Vernes của tôi, với một sự lỗi lạc thực sự thần học, chọn đúng thời gian này

để công bố những bức thư chống lại tôi qua đó anh tự phụ chứng minh tôi không phải tín đồ Ki tô. Những bức thư đó, viết bằng một giọng tự mãn, chẳng phải là cực hay, mặc dù người ta cam đoan rằng nhà vật học Bonnet có nhúng tay vào: vì anh chàng Bonnet này, tuy là nhà duy vật, song chẳng khỏi theo thuyết chính thống rất ít khoan dung, khi vấn đề liên quan đến tôi. Chắc chắn tôi không định trả lời tác phẩm ấy; nhưng nhân có cơ hội nói đôi lời đến nó trong *Những bức thư từ núi*, tôi liền gài một ghi chú khá khinh miệt khiến Vernes nổi cơn thịnh nộ. Anh ta điên giận la hét rầm trời Genève, và D'Ivernois bảo tôi là anh ta phát cuồng. Ít lâu sau xuất hiện một bức thư ẩn danh, thay vì viết bằng mực, dường như viết bằng nước sông Phlégéon*. Trong thư người ta kết tội tôi là để con cái bơ vơ ngoài đường, là dắt theo mình một ả điểm của đội vệ binh, là tiêu tụy vì dâm dăng, là thối rữa vì bệnh giang mai, và những điều hay ho khác tương tự*. Chẳng khó nhận ra anh chàng của tôi. Ý tưởng đầu tiên, khi tôi đọc bài nhục mạ này, là đặt tất cả những gì người ta gọi là tiếng tăm và thanh danh vào đúng giá trị của nó, khi thấy bị coi như kẻ chuyên đi nhà thổ, một người cả đời chưa từng đến nơi đó, người mà khuyết điểm lớn nhất là luôn nhút nhát và thẹn thùng như một gái đồng trinh, khi thấy bị coi như thối rữa vì bệnh giang mai, tôi là người chẳng những cả đời chưa hề bị một bệnh gì thuộc loại đó, mà dân ngành y còn cho là được cấu tạo theo kiểu không thể mắc bệnh này. Cân nhắc kỹ, tôi cho rằng chỉ có thể bác bỏ bài vu khống ấy bằng cách cho in nó tại thành phố nơi tôi từng sinh sống nhiều nhất, và tôi bèn gửi nó cho Duchesne để in đúng như nó được viết, với một lời nói đầu trong đó tôi nêu tên Vernes, và vài ghi chú ngắn để giải thích các sự việc. Không thỏa mãn vì đã in tờ này, tôi còn gửi cho nhiều người, trong đó có hoàng thân Louis de Wurtemberg, người đã có những ngỏ ý trước rất đứng đắn với tôi, và khi đó tôi đang giao thiệp thư từ. Ông hoàng này, Du Peyrou và một số người khác, có vẻ nghi ngờ việc Vernes là tác giả bài nhục mạ, và trách tôi đã nêu tên anh ta một cách quá khinh suất. Trước những lời khuyến cáo của họ, tôi thấy áy náy, và tôi viết cho Duchesne

bảo hủy tờ đó. Guy viết cho tôi là đã hủy; tôi chẳng biết anh ta có làm việc ấy hay không; tôi đã thấy anh ta nói dối trong rất nhiều trường hợp, thành thử thêm trường hợp này cũng chẳng phải chuyện kỳ lạ; và từ bấy giờ tôi bị vây bọc trong bóng tối sâu thẳm qua đó tôi không thể thấu hiểu được một thứ sự thật nào hết.

Vernes chịu đựng việc quy kết này với thái độ ôn hòa rất đáng kinh ngạc ở một người giả sử không đáng bị quy kết, sau cơn thịnh nộ anh ta đã phô bày trước đây. Anh ta viết cho tôi hai ba bức thư rất mực thướt, mục đích dường như cố tìm hiểu, qua thư trả lời của tôi, xem tôi biết đến đâu, và có chứng cứ nào chống anh ta hay không. Tôi trả lời anh ta hai lần, ngắn, lãnh đạm, khắc nghiệt về ý nghĩa, nhưng không bắt nhả về từ ngữ, và anh ta không tức giận. Đến lần thứ ba, thấy rằng anh ta muốn có một kiểu trao đổi thư từ, tôi không trả lời nữa: anh ta bèn làm cho tôi nói qua D'Ivernois. Bà Cramer viết cho Du Peyrou rằng bà chắc chắn bài vu cáo không phải là của Vernes. Tất cả những chuyện này không lay chuyển xác tín của tôi; nhưng rốt cuộc vì tôi có thể lầm lẫn, và trong trường hợp như vậy tôi phải chính thức tạ lỗi với Vernes, tôi liền bảo D'Ivernois nói với anh ta rằng tôi sẽ làm anh ta hài lòng, nếu anh ta có thể chỉ ra cho tôi tác giả đích thực của bài nhục mạ, hoặc ít ra cũng chứng minh anh ta không phải là tác giả. Tôi làm hơn thế: cảm thấy rằng, rốt cuộc, nếu anh ta không có lỗi, thì tôi không có quyền đòi hỏi anh ta chứng minh gì hết, tôi liền quyết định viết, trong một bản trần tình khá đầy đủ, những lý do khiến tôi tin chắc, và quyết định đặt những lý do này dưới sự phán xét của một trọng tài mà Vernes không thể từ chối. Mọi người sẽ không đoán được trọng tài tôi chọn là ai [Hội đồng Genève]. Cuối bản trần tình tôi tuyên bố rằng, nếu sau khi xem xét và tiến hành mọi tra soát cần thiết, Hội đồng phán định Vernes không phải tác giả bài nhục mạ, thì ngay tức khắc tôi sẽ chân thành thôi tin anh là tác giả, tôi sẽ đến quỳ dưới chân anh và xin anh tha thứ kỳ cho đến khi được tha. Tôi dám nói rằng,

chưa bao giờ nhiệt tình hăng hái đối với sự công bằng, chưa bao giờ sự ngay thẳng, sự hào hiệp của tâm hồn tôi, chưa bao giờ niềm tin vào tình yêu công lý, mà mọi con tim sinh ra đều đã có, lại tự phô bày trọn vẹn hơn, hiển nhiên hơn là trong bản trần tình hiền minh và cảm động này, trong đó tôi không ngần ngại lấy những kẻ thù không đội trời chung của mình làm trọng tài giữa kẻ vu cáo và mình. Tôi đọc bài viết này cho DuPeyrou: ý kiến anh là nên bỏ nó đi, và tôi bỏ nó. Anh khuyên tôi chờ những chứng cứ mà Vernes hứa; tôi chờ, và hiện vẫn đang chờ: anh khuyên tôi nín lặng trong khi chờ đợi; tôi nín lặng, và sẽ nín lặng suốt phần đời còn lại, bị chê trách vì đã quy kết cho Vernes một tội nghiêm trọng, sai và không chứng cứ, mặc dù thâm tâm tôi đinh ninh, tin chắc, như tin vào sự tồn tại của mình, rằng anh ta là tác giả bài nhục mạ. Bản trần tình của tôi hiện ở trong tay DuPeyrou. Nếu có khi nào nó được công bố, mọi người sẽ thấy các lý lẽ của tôi, và tôi hy vọng họ sẽ hiểu tâm hồn của Jean-Jacques, mà những người đương thời với tôi đã rất ít muốn hiểu.

Đã đến lúc nói về thảm họa Môtiers của tôi, và việc tôi đi khỏi Val-de-Travers, sau hai năm rưỡi lưu trú, và tám tháng kiên trì không lay chuyển chịu đựng những sự đối xử tàn ác nhất. Tôi không thể nhớ lại rõ ràng các chi tiết của thời kỳ khó chịu này; nhưng mọi người sẽ tìm thấy những chi tiết ấy trong bản tường thuật mà DuPeyrou công bố, và về sau tôi sẽ nói tới.

Từ khi bà De Verdelin ra đi, tình trạng xao xuyến mạnh hơn lên, và bất chấp những chỉ dụ nhắc đi nhắc lại của Đức Vua, bất chấp những mệnh lệnh thường xuyên của Tham sự viện, bất chấp sự chú ý của vị Quý tộc và các pháp quan địa phương, dân chúng, thực sự coi tôi là Quỷ vương, và thấy mọi la hét đều vô ích, cuối cùng có vẻ muốn đi đến bạo hành: dọc đường những hòn đá hòn sỏi đã bắt đầu lăn theo tôi, tuy nhiên hãy còn ném hơi quá xa nên không trúng được. Cuối cùng, đêm hội chợ Môtiers, vào đầu tháng chín, tôi bị tấn công tại nhà, có thể nguy đến tính mạng những người đang ở đó. Nửa đêm, tôi nghe

có tiếng động lớn ở hành lang phía sau nhà. Những hòn đá ném như mưa vào cửa sổ và cửa lớn mở ra hành lang này, rơi xuống âm âm, làm con chó của tôi đang nằm trong hành lang, mới đầu sủa lên, hoảng sợ im bật, rồi trốn vào một xó, vừa cào vừa gặm các tấm ván để cố chạy trốn. Nghe tiếng ồn tôi thức dậy; tôi sắp ra khỏi phòng để sang gian bếp, thì một hòn đá do một bàn tay mạnh mẽ ném xuyên qua bếp, sau khi phá cửa sổ, đẩy bật cánh cửa phòng tôi và rơi xuống chân giường; thành thử, nếu vừa rồi tôi vội vã một giây đồng hồ, thì hòn đá trúng vào bụng. Tôi đoán rằng tiếng ồn được gây nên để thu hút tôi, còn hòn đá thì ném để đón tôi khi bước ra. Tôi nhảy sang gian bếp. Tôi thấy Thérèse cũng đã thức dậy, và run lẩy bẩy chạy đến với tôi. Chúng tôi đứng sát vào một bức tường, khác với hướng cửa sổ để tránh đá rơi trúng và bàn xem phải làm gì; vì ra ngoài cầu cứu là cách để bị đập chết. May thay chị đầy tớ của một ông lão ở phía dưới nhà tôi, nghe tiếng ồn liền thức dậy, và chạy đi gọi vị Quý tộc, ở liền kề nhà chúng tôi. Ông nhảy khỏi giường, vớ vội tấm áo choàng trong nhà, và đến tức khắc cùng với đội dân phòng, vì có hội chợ nên đang đi tuần và tới ngay. Nhìn sự thiệt hại, vị Quý tộc kinh hãi đến tái mặt đi, và thấy những hòn đá đầy trong hành lang, ông kêu lên: “Lạy Chúa tôi! Như một mỏ đá!” Đi thăm phía dưới, chúng tôi thấy cánh cửa một sân nhỏ bị phá, và họ đã định vào nhà qua lối hành lang. Khi tìm hiểu xem tại sao đội canh gác không nhận thấy hoặc ngăn cản vụ lộn xộn, thì hóa ra dân binh Môtiers đã khẳng khẳng muốn canh gác ngoài phiên của họ, mặc dù đó là lượt của một làng khác. Ngày hôm sau vị Quý tộc gửi báo cáo lên Tham sự viện, hai ngày sau viện ra lệnh cho ông điều tra vụ việc, hứa ban thưởng và giữ bí mật cho những ai tố cáo tội phạm, và trong khi chờ đợi, cho người canh gác nhà tôi và nhà của vị Quý tộc, ở liền kề, phí tổn do Quốc vương chịu. Ngày hôm sau, đại tá Pury, Tổng biện lý Meuron, chủ lâu đài Martinet, giám thu Guyenet, thủ quỹ D'Ivernois và ông bố, tóm lại tất cả những người ưu tú trong miền, đều đến thăm tôi, và cùng khẩn khoản khuyên tôi nhượng bộ trước cơn giông tố, và rời đi ít ra là một thời gian khỏi một giáo khu

nơi tôi không còn có thể sống an toàn, và có danh dự. Tôi nhận thấy ngay cả vị Quý tộc, kinh hãi trước sự cuồng nộ của đám dân chúng hung hăng, và sợ sự cuồng nộ ấy mở rộng đến ông, chắc sẽ rất mừng thấy tôi ra đi thật nhanh, để khỏi phải lúng túng lo bảo vệ tôi, và để chính ông có thể rời đi, như ông thực hiện sau khi tôi lên đường, vậy là tôi nhượng bộ, thậm chí ít khổ tâm; vì cảnh thù ghét của dân chúng gây cho tôi một nỗi đau lòng không còn chịu nổi nữa.

Tôi có nhiều nơi rút lui để lựa chọn. Từ khi bà De Verdelin về Paris, bà đã nói với tôi trong nhiều bức thư về một ông Walpole* mà bà gọi là Quý Ngài, ông này rất nhiệt tình ủng hộ tôi, và đề nghị tôi đến trú ngụ tại một trong những đất đai của ông, chốn nương náu được bà miêu tả hết sức dễ chịu, đi vào những chi tiết về nơi ở, về sinh kế, tỏ rõ Quý ngài Walpole này đã cùng bà lo toan về kế hoạch đó đến mức nào. Ngài Thống chế vẫn luôn khuyên tôi sang Anh hoặc Écosse*, và cũng mời tôi đến nương náu tại các miền đất của ngài; nhưng ngài còn mời tôi tới một nơi hấp dẫn hơn nhiều, gần bên ngài, ở Potsdam. Ngài vừa cho tôi biết Đức Vua đã nói với ngài về tôi, như một kiểu mời tôi đến đó, và Quận Chúa De Saxe-Gotha trông cậy nhiều ở chuyến đi này, thành thử bà đã viết thư cho tôi giục tôi đến thăm bà trên đường đi và dừng lại nơi bà một thời gian; nhưng tôi hết sức gắn bó với Thụy Sĩ, nên không thể quyết định rời nước này, chừng nào còn sống được ở đó, và tôi dùng thời gian này để tiến hành một kế hoạch mà tôi đã bận tâm từ vài tháng nay, và chưa nói đến được để khỏi ngắt mạch câu chuyện kể.

Kế hoạch đó là đến cư ngụ tại đảo Saint-Pierre, miền đất thuộc bệnh viện Berne, ở giữa hồ Bienne. Trong một chuyến đi bộ hành hương vào mùa hè năm ngoái cùng DuPeyrou, chúng tôi đã thăm hòn đảo ấy và tôi say mê nó đến mức từ đấy không ngừng nghĩ phương kế để khiến nó thành nơi ở của mình. Trở ngại lớn nhất là đảo thuộc về dân Berne, những người ba năm trước đã xua đuổi tôi một cách xấu

xa, và ngoài chuyện lòng tự trọng bị thương tổn khi trở lại đất của những người đã đón tiếp mình tệ đến thế, tôi còn có lý do để sợ họ chẳng để mình được yên ổn trên đảo như họ đã làm tại Yverdon. Về việc này tôi đã hỏi ý kiến Ngài Thống chế, ngài cũng nghĩ như tôi rằng người Berne sẽ rất mừng khi thấy tôi bị đày đến hòn đảo này và giữ ở đấy làm con tin cho những trước tác có thể tôi định viết, nên ngài đã cho thăm dò ý của họ qua một ông Sturler*, láng giềng cũ của ngài ở Colombier. Ông Sturler hỏi những người lãnh đạo công quốc, và, căn cứ vào sự trả lời của họ, đảm bảo với Ngài Thống chế là dân Berne, hồ thẹn về cách xử sự trước đây, chẳng yêu cầu gì hơn là thấy tôi cư ngụ trên đảo Saint-Pierre và để tôi yên ổn tại đó. Để cẩn thận hơn nữa, trước khi liêu đến đấy ở, tôi nhờ đại tá Chaillet hỏi thêm tin tức, ông xác nhận với tôi cũng những điều trên; và vì vị Giám thu* của đảo được các chỉ huy cho phép để tôi ở đó, nên tôi cho là không có gì nguy hiểm khi đến trú ngụ tại nhà ông, với sự đồng ý ngầm của quốc vương cũng như của các chủ sở hữu; vì tôi không thể hy vọng các ngài tại Berne công khai thừa nhận họ từng đối xử bất công với tôi và như vậy là làm sai phương châm bất khả vi phạm nhất của mọi vị đế vương.

Đảo Saint-Pierre, mà Neuchâtel gọi là đảo La Motte, ở giữa hồ Bienne, chu vi chừng nửa dặm; nhưng trong khoảng không gian bé nhỏ ấy đảo cung cấp đủ mọi sản vật cần thiết cho cuộc sống. Đảo có ruộng lúa, đồng cỏ, vườn cây ăn quả, rừng, vườn nho, và tổng thể, nhờ đất đai đa dạng và nhiều đồi núi, tạo nên một sự phân phối càng thú vị hơn, vì các bộ phận, không cùng tự phơi bày hết thảy, nên làm tôn giá trị lẫn nhau, và khiến người ta thấy đảo rộng lớn hơn là trong thực tế. Một khoảnh đất, rất cao, tạo thành bộ phận phía tây, nhìn ra Gleresse và Bonneville. Trên khoảnh đất có một lối đi dài hai bên trồng cây, một nơi hội họp rộng lớn cắt lối đi ở chính giữa, vào mùa hái nho, các ngày chủ nhật, mọi người từ khắp các bờ hồ lân cận tụ tập tại đấy, để nhảy múa và vui chơi. Trên đảo chỉ có một ngôi nhà duy nhất, nhưng

rộng rãi và thuận tiện, là nơi vị Giám thu cư ngụ, ở vào một khoảng lõm nên tránh được gió.

Cách đảo dăm sáu trăm bước chân, về phía nam có một hòn đảo khác nhỏ hơn nhiều, bỏ hoang và không người ở, dường như xưa kia đã bị bão tố tách ra khỏi đảo lớn, và chỉ có liễu cùng rau răm mọc trên đá sỏi, tuy nhiên lại có một gò cao, nhiều cỏ xanh và rất xinh đẹp. Hồ Bienne có hình trái xoan gần như đều đặn. Các dải bờ, không trừ phú bằng bờ hồ Genève và Neuchâtel, song cảnh trí vẫn khá đẹp, nhất là ở phần phía tây, rất đông dân cư, viền quanh là những vườn nho dưới chân một dãy núi, gần giống như ở Côte-Rôtie*, nhưng không cho rượu vang ngon như thế. Đi từ nam đến bắc, ta thấy pháp đình của Saint-Jean, Bonneville, Bienne và Nidau, ở cuối hồ, tất cả xen lẫn những thôn làng rất xinh đẹp.

Đó là nơi trú ẩn tôi đã thu xếp cho mình, nơi tôi quyết định đến cư ngụ khi rời Val-de-Travers. Lựa chọn này rất hợp với sở thích ôn hòa của tôi, với tính tình ưa vắng vẻ và lười nhác, thành thử tôi coi nó thuộc những mơ mộng êm đềm mà tôi say mê mãnh liệt nhất. Dường như ở hòn đảo này tôi sẽ tách biệt mọi người hơn, tránh được nhiều hơn những sự lảng nhục của họ, được họ quên đi nhiều hơn, tóm lại, được buông mình nhiều hơn cho những ngọt ngào của cảnh nhàn rỗi và của cuộc sống trầm tư mặc tưởng. Tôi những muốn mình ở biệt trên đảo, không còn giao tiếp với con người, và chắc chắn là tôi dùng mọi phương sách có thể nghĩ ra, để khỏi phải duy trì sự giao thiệp.

Vấn đề là sinh sống, và, do thực phẩm đắt đỏ, cũng như vận chuyển khó khăn, nên sinh hoạt trên đảo đắt đỏ, và chẳng phải phó thác cho vị

Giám thu. Khó khăn này được giải quyết nhờ DuPeyrou vui lòng cùng tôi thu xếp, thay thế cho hội đoàn đã tiến hành rồi bỏ việc xuất bản toàn tập tác phẩm của tôi. Tôi giao cho anh toàn bộ tư liệu để xuất bản công trình đó. Tôi nhận sắp xếp và phân phối những tư liệu này.

Tôi còn hứa giao cho anh những Hồi ức về cuộc đời tôi và nói chung ký thác cho anh toàn bộ giấy tờ của tôi, với điều kiện rõ ràng là chỉ sử dụng sau khi tôi chết, vì tôi hết lòng muốn yên ổn hoàn thành sự nghiệp, không còn để công chúng nhớ đến mình nữa. Nhờ vậy, khoản lợi tức chung thân anh đảm nhận trả tôi đủ cho tôi sinh nhai. Ngài Thống chế, đã thu hồi được toàn bộ tài sản, tặng tôi một khoản lợi tức chung thân một ngàn hai trăm *franc* mà tôi chỉ nhận khi rút đi một nửa. Ông muốn gửi cho tôi số vốn, song tôi từ chối, vì lúng túng trong việc đầu tư. Ông chuyển số vốn này cho DuPeyrou, hiện vẫn ở trong tay anh, và anh trả cho tôi lợi tức chung thân theo thỏa thuận với người lập ra khoản lợi tức đó. Vậy là thêm vào hợp đồng của tôi với DuPeyrou, số lợi tức của Ngài Thống chế, mà hai phần ba được chuyển sang cho Thérèse sau khi tôi chết, và khoản lợi tức có từ Duchesne, tôi có thể trông cậy vào một sinh kế lương thiện, cho mình, và cho cả Thérèse, tôi để lại cho cô bảy trăm *franc* lợi tức, từ khoản trợ cấp của Rey và của Ngài Thống chế: như vậy tôi không phải sợ cô thiếu miếng ăn nữa, cả tôi cũng thế. Nhưng số đã định là danh dự sẽ buộc tôi phải khước từ mọi nguồn lợi mà thời vận và lao động đặt trong tầm tay mình, và tôi sẽ chết đi cũng nghèo khổ như tôi đã sống. Mọi người sẽ xét đoán xem, trừ phi là kẻ xấu xa nhất trong những kẻ tiện, liệu tôi có thể duy trì những thỏa thuận mà người ta luôn chú ý khiến cho chúng thành sỉ nhục đối với tôi, bằng cách cẩn thận tước đi của tôi mọi nguồn lợi khác, để buộc tôi chấp nhận bị ô danh. Làm sao họ có thể ngờ được tôi sẽ quyết định ra sao trong tình thế buộc phải lựa chọn này? Bao giờ họ cũng chỉ xét đoán tâm địa tôi qua tâm địa của họ mà thôi.

Được yên tâm về phương diện sinh hoạt, tôi không lo lắng về bất kỳ phương diện nào khác. Dù trong xã hội tôi mặc cho kẻ thù tha hồ tự do, song tôi để lại, trong nhiệt tình cao thượng xui khiến nên các tác phẩm, và trong tính nhất trí bền vững của các nguyên lý, một bằng chứng ve tám hồn phù hợp với bằng chứng về bản tính do toàn bộ

phẩm hạnh của tôi cung cấp. Tôi không cần một sự biện hộ nào khác chống lại những kẻ vu cáo. Họ có thể miêu tả một con người khác dưới tên tôi; nhưng họ chỉ lừa được những ai muốn bị lừa. Tôi có thể đưa cuộc đời mình cho họ bói lông tìm vết từ đầu đến cuối: tôi tin chắc rằng qua những lỗi lầm và những yếu đuối, qua việc tôi không có khả năng chịu đựng bất kỳ sự áp bức nào, người ta sẽ luôn thấy một con người công minh, tốt, không hằn học, không oán hận, không ghen ghét, nhanh chóng thừa nhận sai trái của mình, còn nhanh chóng hơn để quên đi sai trái của người khác, tìm kiếm toàn bộ chân phúc trong những đam mê giàu yêu thương và dịu dàng, thành thực trong mọi điều đến mức đại độ, đến sự vô tư bất vụ lợi khó tin nhất.

Vậy có thể nói là tôi cáo biệt thời đại mình và những người cùng thời với mình, tôi già từ thế gian bằng cách tự cấm cố ở hòn đảo này cho đến hết đời; vì đó là quyết định của tôi, và đây là nơi rốt cuộc tôi định thực hiện kế hoạch lớn lao về cuộc sống biếng nhác, cho đến bây giờ tôi đã cống hiến một cách vô ích cho kế hoạch ấy toàn bộ chút siêng năng ít ỏi trời đã phân phát cho mình. Đối với tôi hòn đảo này sẽ thành đảo Papimanie*, cái xứ sở rất hạnh phúc nơi người ta ngủ:

Nơi ta làm nhiều hơn, nơi ta chẳng làm gì hết.

Cái *nhiều hơn* này với tôi là tất cả, vì tôi luôn ít tiếc giấc ngủ; sự nhàn rỗi đủ cho tôi, và, miễn là không làm gì hết, tôi còn thích mơ khi tỉnh thức hơn là mơ trong chiêm bao. Tuổi của những dự kiến lãng mạn đã qua rồi, và hơi men của hư vinh khiến tôi choáng váng hơn là vui thích, tôi chỉ còn hy vọng cuối cùng là được sống không gò bó, trong cảnh nhàn hạ vĩnh viễn. Đó là cuộc sống ở thế giới bên kia của những người hưởng chân phúc, còn tôi làm cho cuộc sống ấy từ giờ trở đi thành hạnh phúc tối cao của mình tại thế giới này.

Những ai thường chê trách tôi nhiều mâu thuẫn thế nào cũng sẽ chê trách một mâu thuẫn nữa của tôi ở đây. Tôi đã nói rằng cảnh nhàn

rồi của các nhóm hội họp khiến tôi không chịu nổi họ, thế mà tôi đang tìm sự cô quạnh duy chỉ để buông mình vào cảnh nhàn rồi. Tuy nhiên tôi là thế đấy; nếu ở đây có mâu thuẫn, thì đó là do tạo hóa chứ không phải do tôi: nhưng mâu thuẫn quá ít nên chính ở chỗ này tôi luôn là tôi. Sự nhàn rồi của các nhóm chán đến chết được, vì nó là bất đắc dĩ. Sự nhàn rồi của tình trạng cô quạnh thú vị, vì nó tự do và hợp ý muốn. Trong một hội, tôi khổ sở khi không làm gì, vì tôi bị bắt buộc. Tôi phải ở đó ngồi lì trên một chiếc ghế hay là đứng sững như một cây cọc, chẳng động chân động cẳng, không dám chạy, cũng chẳng dám nhảy, dám hát, dám kêu, dám khua tay múa chân khi tôi muốn thế, thậm chí chẳng dám mơ màng, có toàn bộ nỗi buồn chán của sự nhàn hạ đồng thời toàn bộ nỗi khổ của sự câu thúc; buộc phải chú ý đến mọi lời nói ngu dại, mọi điều chúc tụng thăm hỏi, và làm đầu óc mình mệt mỏi không ngừng để khỏi lỡ mất lượt mình đưa ra câu nói bóng bẩy khó hiểu và điều dối trá. Thế mà các vị gọi cái đó là sự nhàn hạ ư? Đó là lao động khổ sai.

Sự nhàn hạ mà tôi yêu thích không phải sự nhàn hạ của một kẻ lười nhác khoanh tay ngồi đó hoàn toàn chẳng làm gì hết, chẳng tư duy cũng chẳng hành động. Đó đồng thời là sự nhàn hạ của một đứa trẻ vận động liên tục để không làm gì cả, và sự nhàn hạ của một người nói năng lẩn thẩn, cứ huyên thuyên trong lúc tay để yên. Tôi thích bận với những việc tầm phào, thích khởi đầu trăm điều và chẳng làm xong điều nào hết, thích đi đi lại lại theo ý muốn, thích mỗi lúc lại thay đổi kế hoạch, theo dõi một con ruồi trong mọi cử động, muốn bẫy một tảng đá lên để xem có cái gì bên dưới, hăng hái tiến hành một công việc trong mười năm trời, rồi sau mười phút bỏ không tiếc nuối, cuối cùng lêu lổng suốt ngày không trật tự không liên tục, trong mọi sự chỉ theo ý thích thất thường lúc đó.

Môn thực vật học, như tôi vẫn luôn xem xét, và như nó bắt đầu thành niềm đam mê đối với tôi, đúng là một môn học phù phiếm, thích hợp để lấp đầy toàn bộ khoảng trống của cảnh rỗi rãi, không dành chỗ

cho nhiệt cuồng của tưởng tượng, cũng không dành chỗ cho nỗi buồn chán của một sự nhàn tản hoàn toàn. Lang thang một cách hững hờ uể oải trong các cánh rừng và ở miền quê, máy móc hái đó đây khi thì một bông hoa, khi thì một nhánh cây, lượm lặt gần như không chủ định, quan sát hàng ngàn hàng ngàn lần vẫn những vật ấy, và bao giờ cũng thích thú như vậy vì bao giờ tôi cũng quên mất chúng, đó ‘là những gì để làm muôn đời mà không một lúc nào buồn chán. Dù cấu tạo của cây cỏ thanh nhã đến đâu, tuyệt vời đến đâu, khác nhau đến đâu, nó cũng chẳng khiến một con mắt không hiểu biết đủ xúc động để quan tâm thích thú. Tính tương đồng bền vững, và tuy thế tính đa dạng diệu kỳ chi phối sự cấu tạo của chúng, chỉ làm phấn khích những người đã có đôi ba khái niệm về hệ thực vật. Những người khác, trước tất cả những báu vật này của tạo hóa, chỉ có một niềm ngưỡng mộ ngu xuẩn và đơn điệu. Họ chẳng nhìn thấy gì một cách tường tận tỉ mỉ, bởi thậm chí họ không biết cái gì cần phải nhìn, mà họ cũng không nhìn thấy toàn thể, bởi họ không có một khái niệm gì về chuỗi những quan hệ và kết hợp nó làm nặng trĩu tâm trí người quan sát vì vô số kỳ quan của nó. Tôi ở cái mức độ may mắn, và tình trạng thiếu trí nhớ ắt phải luôn giữ tôi ở mức độ ấy, là biết đủ ít để tất cả đều mới mẻ với mình và đủ để cảm nhận được tất cả. Hòn đảo tuy bé nhỏ song lại phân chia thành những thổ nhưỡng khác nhau, cung cấp cho tôi những cỏ cây đa dạng đủ để học tập nghiên cứu và để vui chơi suốt đời. Tôi không muốn để một sợi cỏ nào nơi đây không được phân tích, và tôi đã thu xếp để làm một *Flora Petrinsularis*^{*} với một sưu tập vô cùng phong phú những quan sát lạ lùng.

Tôi nhờ đưa Thérèse tới cùng đồ đạc sách vở của tôi. Chúng tôi trọ tại nhà vị Giám thu của đảo. Vợ ông có các chị em ở Nidau lần lượt đến thăm và khiến Thérèse có bầu có bạn. Ở đó tôi thể nghiệm một cuộc sống ngọt ngào mà tôi những muốn đời mình trôi qua như

vậy, và niềm ham thích cuộc sống ấy chỉ khiến tôi cảm nhận rõ hơn vị đắng cay của cảnh đời sắp thay thế nó thật nhanh chóng.

Xưa nay tôi luôn thiết tha ưa mến nước, và nhìn thấy nước tôi thường đắm vào một nôi mơ màng tuyệt diệu dù nhiều khi không có mục tiêu xác định. Thức dậy, nếu trời đẹp, bao giờ tôi cũng chạy lên khoảnh đất cao hít thở không khí ban mai trong lành và tươi mát, và để ánh nhìn bay lượn phía chân trời của hồ nước đẹp đẽ, mà các dải bờ và núi non viền quanh khiến mắt tôi say mê. Tôi không thấy sự tôn vinh nào xứng đáng với Thần linh hơn là niềm thán phục câm lặng do chiêm ngưỡng tác phẩm của Thần linh, niềm thán phục chẳng hề biểu đạt bằng những hành vi phô diễn. Tôi hiểu được vì sao cư dân thành thị, chỉ nhìn thấy các bức tường, các phố xá và các tội ác, ít có tín ngưỡng; nhưng tôi không hiểu được vì sao những người nhà quê, nhất là những người cô quạnh, lại có thể không có tín ngưỡng, vì sao mà tâm hồn họ không ngậy ngất vươn lên hàng trăm lần mỗi ngày tới dâng tạo tác ra những điều kỳ diệu khiến họ xúc động? Về phần tôi, bao giờ khi thức dậy, suy nhược vì mất ngủ, thì một thói quen từ lâu cũng khiến tâm hồn tôi vươn lên cao, trạng thái này không hề bắt ta mệt nhọc vì suy nghĩ. Nhưng muốn được như vậy thì mắt tôi phải xúc động vì cảnh tượng mê hồn của thiên nhiên, ở trong phòng, tôi cầu nguyện thưa thốt hơn và khô khan hơn: nhưng trước một cảnh sắc đẹp, tôi thấy cảm động mà không nói được là vì cái gì. Tôi đã đọc được rằng một vị giám mục hiền minh, đi thăm địa phận, thấy một bà già, để cầu nguyện, chỉ biết nói Ô! Ngài bảo bà: “Bà lão, hãy luôn cầu nguyện như vậy; lời cầu nguyện của bà giá trị hơn lời của chúng tôi.” Lời cầu nguyện tốt nhất ấy cũng là lời của tôi.

Sau bữa sáng, tôi vừa nhẩm nhó vừa viết vội vài bức thư đen đui, nhiệt thành mong mỗi thời điểm may mắn không phải viết bức thư nào nữa hết. Tôi loay hoay vài khoảnh khắc quanh sách vở và giấy tờ để dỡ ra và sắp xếp hơn là để đọc, và sự sắp xếp này, thành ra giống công việc của Pénélope, cho tôi cái thú lông bông giây lát; sau đó tôi chán

và rời bỏ nó, để dùng ba bốn giờ còn lại của buổi sáng cho môn thực vật học, nhất là cho phép phân loại của Linné*, mà tôi khó dứt được niềm say mê, ngay cả khi đã cảm nhận khoảng trống trong đó. Theo tôi nhà quan sát vĩ đại này là người duy nhất, cùng với Ludwig*, cho đến giờ đã xem xét thực vật học với tư cách nhà vạn vật học và triết gia; nhưng ông đã nghiên cứu quá nhiều trong các bộ sưu tập cây cỏ và trong các khu vườn, mà chưa đủ nhiều trong bản thân thiên nhiên, về phần tôi, coi cả hòn đảo là vườn, hễ cần tiến hành hay kiểm chứng một điều quan sát, là tôi chạy trong rừng hay trên đồng cỏ, sách cặp bên nách: tại đó, tôi nằm xuống đất, bên cái cây cần xem, để khảo sát nó đang sống động, tùy ý thích. Phương pháp này giúp tôi rất nhiều để hiểu biết cây cỏ trong trạng thái tự nhiên của chúng, trước khi chúng được bàn tay con người vun trồng và làm biến tính. Người ta bảo rằng Fagon, thầy thuốc số một của Louis XIV, gọi tên và hiểu biết hoàn hảo mọi loài cây trong vườn Ngự uyển, song lại dốt nát tại miền quê, đến mức ở đó ông ta chẳng còn hiểu biết gì nữa. Tôi thì đúng là ngược lại: tôi hiểu biết đôi điều về công trình của tạo hóa, nhưng chẳng hiểu gì về công trình của người làm vườn.

Về thời gian sau các bữa trưa, tôi hoàn toàn để tùy theo tính tình phù phiếm và uể oải của mình, thoải mái theo sự xui giục của thời điểm. Thường thường, khi gió lặng, ăn xong tôi một mình lên ngay một con thuyền, mà ông Giám thu đã dạy tôi điều khiển với chỉ một mái chèo; tôi bơi ra xa. Khoảnh khắc trôi dạt khiến tôi vui đến rùng mình, mà không sao nói lên cũng không sao hiểu rõ được nguyên nhân, nếu không phải như một hạnh phúc ngấm ngấm được ở tình trạng mà những kẻ độc ác không thể gây thương tổn. Sau đó tôi một mình lang thang vờ vẩn trên hồ, đôi khi đến gần bờ, nhưng không bao giờ ghé vào. Nhiều khi, để thuyền trôi theo gió theo dòng nước, tôi buông mình vào những mơ màng không mục đích, những mơ màng tuy ngu ngốc nhưng chẳng vì thế mà kém ngọt ngào. Đôi khi tôi mềm

lòng reo lên: “Ôi thiên nhiên! Ôi mẹ của tôi! Tôi đang ở dưới sự bảo hộ duy nhất của mẹ; nơi đây không hề có con người khôn khéo và giáo quyết xen vào giữa mẹ và tôi.” Tôi ra xa như vậy đến nửa dặm; tôi những muốn hồ này là Đại dương. Tuy nhiên, để chiều lòng chú chó tội nghiệp chẳng thích như tôi dừng lâu đến thế trên mặt nước, tôi thường theo một đích dạo chơi; đó là ghé vào hòn đảo nhỏ, đi dạo ở đó một hai giờ, hoặc nằm dài trên cỏ xanh ở đỉnh gò, để thỏa thuê ngắm hồ và mọi miền lân cận, để xem xét và khảo sát kỹ càng mọi loại cỏ vừa tầm với, và để xây dựng cho mình, như một Robinson khác, một nơi ở tưởng tượng tại hòn đảo nhỏ này. Tôi rất yêu cồn đất ấy. Khi có thể đưa Thérèse đến đó dạo chơi cùng bà Giám thu và các chị em của bà, tôi thật tự hào được làm người lái thuyền và người hướng dẫn! Chúng tôi long trọng mang đến những con thỏ để thả; lại một hội vui nữa cho Jean-Jacques! Bộ tộc mới này khiến hòn đảo nhỏ càng thú vị hơn đối với tôi. Từ khi ấy tôi đến đó thường xuyên hơn và vui thích hơn, để tìm kiếm dấu vết tiến triển của các cư dân mới.

Tôi còn thêm vào các trò vui này một trò khiến tôi nhớ lại cuộc sống êm đềm ở Charmettes, đặc biệt do mùa mời gọi. Đó là những lo toan mọt mọt tỉ mỉ để thu hoạch rau và quả, mà Thérèse và tôi cùng làm với bà Giám thu và gia đình, một cách thích thú. Tôi còn nhớ một người Berne, tên là Kirchberger, đến thăm tôi, thấy tôi chót vót trên một cây cao, một chiếc bao buộc quanh thắt lưng, đã đầy những quả táo, thành thử tôi không cựa quậy được nữa. Tôi chẳng phật lòng về cuộc gặp gỡ này và vài cuộc gặp khác tương tự. Tôi hy vọng dân Berne, chứng kiến việc tôi sử dụng thời gian rồi, sẽ không còn nghĩ đến việc quấy rối sự tĩnh lặng của cảnh nhàn rồi ấy, và sẽ để tôi được an bình trong cô quạnh. Tôi thích giá như mình bị cấm cố ở đây do ý của họ hơn là ý của tôi: giả sử vậy tôi sẽ được chắc chắn hơn rằng sự an tĩnh của mình không bị quấy rối.

Đây lại là một trong những điều thú nhận nữa mà tôi chắc chắn trước rằng độc giả không tin, họ luôn khẳng khẳng xét đoán tôi qua

bản thân họ, mặc dù họ buộc phải thấy trong toàn bộ cuộc đời tôi hàng ngàn tình cảm nội tâm không hề giống họ. Điều kỳ quái hơn nữa là trong khi không cho tôi có mọi cảm nghĩ tốt hay vô thường vô phạt mà họ chẳng có, họ luôn sẵn sàng gán cho tôi những cảm nghĩ thật xấu xa, đến mức chúng không thể thâm nhập một tấm lòng người; thế là họ thấy thật đơn giản khi để tôi mâu thuẫn với tự nhiên, và biến tôi thành một quái vật đến mức thậm chí không thể có. Với họ chẳng điều gì phi lý có vẻ khó tin khi điều đó định bôi nhọ tôi; với họ chẳng điều gì khác thường có vẻ có khả năng khi điều đó định tôn vinh tôi.

Nhưng, dù họ có thể tin gì nói gì chẳng nữa, tôi vẫn sẽ tiếp tục trình bày trung thực những gì J-J. Rousseau là, làm và nghĩ, chẳng giải thích chẳng biện hộ tính đặc dị của tình cảm và tư tưởng anh ta, cũng chẳng tìm kiếm xem liệu những người khác có nghĩ giống anh ta hay không. Tôi thấy rất thích đảo Saint-Pierre, và nơi ở ấy rất hợp với tôi, thành thử do cứ đặt mọi ao ước vào hòn đảo, tôi ước ao không bao giờ ra khỏi đó nữa. Phải thăm hỏi láng giềng, rồi giả sử phải đi đến Neuchâtel, đến Bienne, đến Yverdon, đến Nidau, đã khiến trí tưởng tượng của tôi mệt mỏi rồi. Tôi thấy một ngày ở bên ngoài đảo như một ngày trừ vào hạnh phúc, và ra khỏi phạm vi của đảo đối với tôi là ra khỏi môi trường của mình, và chẳng kinh nghiệm quá khứ đã khiến tôi thành sợ sệt. Chỉ cần một điều tốt lành nào đó làm lòng tôi vui thích là tôi phải nghĩ đến chuyện bị mất nó, và ước ao nóng bỏng được sống nốt cuộc đời trên đảo không tách rời nỗi sợ buộc phải ra khỏi đó. Tôi đã thành thói quen các buổi tối đến ngồi bên bờ hồ, nhất là khi nước động. Tôi cảm thấy một niềm vui kỳ lạ khi nhìn những con sóng vỡ ra dưới chân mình. Tôi coi đó là hình ảnh sự náo động của thế gian, và hình ảnh sự yên bình nơi mình ở; đôi khi tôi mềm lòng với ý nghĩ êm dịu này, đến mức cảm thấy trào nước mắt. Cảnh an tĩnh, mà tôi say mê vui hưởng, chỉ bị khuấy động vì nỗi lo âu mất nó; nhưng nỗi lo này đi tới mức làm phai vị ngọt ngào. Tôi cảm thấy cảnh huống của mình thật bất bēnh, thành thử chẳng dám trông cậy ở nó. Tôi tự nhủ: “Ôi!

Mình sẵn lòng đổi sự tự do được ra khỏi đây, mà mình chẳng hề quan tâm, lấy sự đảm bảo là có thể ở lại đây mãi mãi! Thay vì được người ta gia ơn chịu cho ở đây, sao mình không buộc phải cầm cố tại đây chứ! Những kẻ chỉ chịu đựng mình có thể đuổi mình bất kỳ lúc nào, và mình có thể hy vọng rằng những kẻ truy hại, thấy mình hạnh phúc ở đây, lại để mình tiếp tục hạnh phúc ư? Ôi! Việc họ cho phép mình sống tại đây là ít quá, mình những muốn họ kết tội mình phải sống tại đây, và mình những muốn bị ép buộc ở lại đó, để không bị ép buộc ra khỏi đó.” Tôi đưa ánh mắt thềm thường nhìn Micheli Du Crest, yên ổn ở lâu đài Arberg, chỉ cần muốn được hạnh phúc để được hạnh phúc. Cuối cùng, do cứ buông mình cho những suy tưởng và những linh cảm đáng sợ về những bão tố mới sẵn sàng đổ ập xuống mình, tôi đi đến chỗ ao ước, nhưng với một nhiệt tình không sao tin nổi, là thay vì chỉ làm ngơ cho tôi cư ngụ trên đảo, họ khiến nó thành nhà tù vĩnh viễn của tôi, và tôi có thể thề rằng nếu chỉ tùy ở mình để khiến mình bị kết tội phải ở nơi ấy, tôi sẽ làm việc đó với niềm vui sướng lớn nhất, ngàn lần thích bị cưỡng bức sống hết đời tại đây còn hơn là có nguy cơ bị trục xuất.

Nỗi sợ này sớm chẳng phải là sợ hãi. Vào lúc ít chờ đợi nhất, tôi nhận được một bức thư từ vị Pháp quan đứng đầu Nidau, đảo Saint-Pierre nằm trong sự cai trị của miền này; qua thư, ông truyền đạt lệnh của các Đại nhân là tôi phải ra khỏi đảo và ra khỏi các công quốc của họ. Đọc thư tôi ngỡ mình nằm mơ. Chẳng có gì kém tự nhiên, kém hợp lý, kém được dự liệu hơn một cái lệnh tương tự: vì tôi coi linh cảm của mình như những lo lắng của một con người bị tai họa làm khiếp hãi hơn là một tiên kiến có thể có được một cơ sở nhỏ nhoi nào. Những biện pháp tôi đã tiến hành để được biết chắc về sự đồng ý ngầm của quốc vương, việc người ta bình thản để tôi đến định cư, những cuộc thăm hỏi của nhiều người dân Berne và của bản thân vị Pháp quan, người cư xử với tôi rất thân tình và rất ân cần, thời tiết khắc nghiệt khiến việc trục xuất một con người ốm yếu là dã man, mọi

điều đều khiến tôi cùng nhiều người tin rằng trong lệnh này có sự hiểu lầm nào đó, và những kẻ xấu bụng đã cố tình chọn thời gian thu hái nho và Thượng nghị viện ít họp để đột ngột giáng cho tôi miếng đòn này.

Nếu nghe theo niềm công phần đầu tiên, tôi sẽ ra đi ngay lập tức. Nhưng đi đâu? Ra sao đây khi mùa đông sắp tới, không mục đích, không chuẩn bị, không người dẫn đường, không xe ngựa? Trừ phi bỏ mặc tất cả, giấy tờ, áo quần, mọi đồ đạc, tôi cần có thời gian để lo liệu, mà lệnh không nói họ có dành thời gian cho tôi hay không. Những bất hạnh liên tục bắt đầu làm suy sụp lòng can đảm nơi tôi. Lần đầu tiên, tôi cảm thấy bản tính tự hào nao nung vì bị sự bần cùng câu thúc, và bất chấp những phàn nàn của con tim, tôi phải hạ nùng đề nghị được hoãn. Tôi gửi thư đến ông De Graffenried, người đã chuyển lệnh cho tôi, để nhờ ông thuyết giải đề nghị này. Thư của ông phản đối rất mạnh mẽ chính cái lệnh mà ông chỉ truyền đạt một cách hết sức miễn cưỡng, và những bằng chứng về nỗi đau lòng và niềm quý trọng đầy ắp trong thư, như những lời gọi ngọt ngào hãy nói thật lòng; tôi bèn nói thật lòng. Thậm chí tôi tin rằng thư của mình mở mắt cho những con người bất công thấy sự dã man của họ, và nếu họ không phớt bỏ một cái lệnh tàn ác đến thế, thì ít ra họ cũng chấp thuận cho tôi một hạn định hợp lý, và có thể là cả mùa đông, để tôi chuẩn bị rút lui và chọn địa điểm rút.

Trong khi chờ đợi thư trả lời, tôi bắt đầu ngẫm nghĩ về tình thế của mình và suy xét về quyết định phải có. Tôi thấy nhiều khó khăn về đủ mọi phương diện, sự buồn phiền đã ảnh hưởng đến tôi rất nhiều, và sức khỏe tôi lúc này thật xấu, thành thử tôi để mình hoàn toàn nản chí, và tác động của sự ngã lòng là tước đi số phương kế ít ỏi may chẳng còn lại trong óc tôi để lợi dụng được tốt nhất tình huống bi thảm hiện tại. Dù muốn nướng nấu ở đâu, rõ ràng tôi cũng không thể tránh được một cách nào trong hai cách người ta đã sử dụng để trục xuất tôi. Cách thứ nhất là dùng thủ đoạn ngấm ngầm kích động đám dân đen chống

lại tôi; cách kia là dùng quyền lực công khai đuổi tôi, chẳng nói một lý do gì. Vậy tôi không thể trông cậy vào một nơi ẩn náu an toàn nào hết, trừ phi đi tìm xa hơn mức mà sức lực tôi và thời tiết đường như cho phép, vì tất cả những điều đó dẫn tôi quay trở lại những ý tưởng vừa được nghĩ đến, nên tôi dám mong muốn và đề nghị người ta giam cầm mình vĩnh viễn còn hơn là bắt mình lang thang trên thế gian, bằng cách liên tiếp trục xuất mình khỏi những chốn nương náu có lẽ mình sẽ chọn. Hai ngày sau bức thư thứ nhất, tôi viết một thư thứ hai cho ông De Graffenried, xin ông đề nghị với các vị Đại nhân như vậy. Thư trả lời của Berne cho cả hai bức là một lệnh với từ ngữ rõ ràng nhất và khắc nghiệt nhất buộc phải ra khỏi hòn đảo cùng toàn lãnh thổ gián tiếp và trực tiếp của nước Cộng hòa, trong vòng hai mươi bốn giờ và không bao giờ quay lại đó, nếu không sẽ bị những hình phạt nặng nhất.

Khoảnh khắc ấy thật gớm ghê. Từ bấy tôi đã lâm vào những lo âu tẻ nhạt hơn, nhưng chưa bao giờ lâm vào nỗi lúng túng lớn hơn thế. Nhưng điều khiến tôi buồn khổ hơn cả là buộc phải từ bỏ dự kiến đã khiến tôi ao ước sống qua mùa đông trên đảo. Đã đến lúc thuật lại câu chuyện bất hạnh nó đưa tai họa của tôi đến cực điểm và kéo theo sự suy vong của tôi một dân tộc bạc phận, mà những đức tính mới phát sinh đã hứa hẹn một ngày kia sánh ngang những đức tính của Sparte và La Mã.

Tôi đã nói đến người Corse trong *Khế ước xã hội*, như một dân tộc mới mẻ, dân tộc duy nhất của châu Âu không suy nhược đối với việc lập pháp, và tôi đã bày tỏ niềm hy vọng lớn mà ta phải đặt ở một dân tộc như thế, nếu như dân tộc ấy có may mắn tìm được một nhà sáng lập hiển minh. Tác phẩm của tôi được vài người Corse đọc, họ cảm kích vì tôi nói về họ một cách trân trọng, và trường hợp họ đang hoạt động để lập nước Cộng hòa khiến những người chỉ huy nghĩ đến chuyện hỏi ý kiến tôi về công trình quan trọng đó. Buttafaco, thuộc một trong những dòng họ hàng đầu của xứ sở, và là đại úy tại Pháp

trong đạo quân Hoàng gia-Ý, viết thư cho tôi về vấn đề này, và cung cấp nhiều văn kiện mà tôi yêu cầu để hiểu được lịch sử dân tộc và tình hình đất nước. Paoli* cũng viết cho tôi nhiều lần, và mặc dù cảm thấy một công cuộc như vậy vượt quá sức mình, tôi vẫn nghĩ là không thể từ chối họ, để giúp cho một sự nghiệp lớn lao và đẹp đẽ đến thế, khi nào mình có được mọi kiến thức cần thiết cho việc đó. Tôi trả lời cả hai người theo hướng này, và việc trao đổi thư từ tiếp tục cho đến khi tôi ra đi.

Đúng thời gian ấy, tôi biết tin nước Pháp gửi quân đội sang Corse, và đã ký một hiệp ước với người Gênes. Hiệp ước này, việc gửi quân này khiến tôi lo lắng, và còn chưa nghĩ rằng mình có một quan hệ gì với tất cả chuyện đó, tôi cho là bất khả thi và nực cười khi làm một công trình đòi hỏi sự an tĩnh sâu xa, là thể chế của một dân tộc, vào thời điểm dân tộc này có lẽ sắp bị chinh phục. Tôi không giấu giếm Buttafaco những lo ngại của mình, anh trấn an tôi bằng cách đoan chắc nếu như trong hiệp ước kia có những điều trái với tự do của dân tộc anh, thì một công dân tốt như anh sẽ không ở lại quân đội Pháp, như anh đang ở. Quả thực, nhiệt tâm của anh đối với quyền lập pháp của người Corse, và việc anh có liên hệ chặt chẽ với Paoli, không thể để tôi có một nghi ngờ nào đối với anh, và khi biết tin anh thường xuyên đi Versailles và Fontainebleau, và có quan hệ với ông De Choiseul, tôi không kết luận gì khác, ngoài việc anh có những điều đảm bảo về các ý định thực sự của triều đình Pháp, anh để tôi hiểu điều này, nhưng không muốn phát biểu công khai qua thư từ.

Tất cả những điều đó khiến tôi phần nào an tâm. Tuy nhiên, vì không hiểu gì về việc cử quân đội Pháp, vì không thể nghĩ một cách phải lẽ rằng quân đội Pháp ở đó để bảo vệ tự do cho dân Corse, rằng người Corse rất có khả năng tự mình chống lại Gênes, nên tôi không thể hoàn toàn yên tâm, cũng không thể dấn dăng thực sự vào công việc lập pháp được đề xuất, cho đến khi nào có được bằng chứng vững

chắc rằng tất cả chuyện này không phải một trò để nhạo báng mình. Tôi những mong muốn vô cùng một cuộc hội kiến với Buttafaco; đó là phương kế đúng để có những chứng giải mà tôi cần. Anh khiến tôi hy vọng, và tôi hết sức nóng lòng chờ đợi. Về phần anh, tôi không biết liệu anh có thực sự dự định như thế hay không; nhưng giả sử anh có dự định thực sự, thì các tai họa của tôi cũng sẽ cản trở tôi tận dụng điều đó.

Càng ngẫm nghĩ về công cuộc được đề nghị, càng khảo sát các văn kiện có trong tay, tôi lại càng cảm thấy cần thiết nghiên cứu sát gần cả dân tộc phải lập thể chế, cả miền đất họ ở, và mọi quan hệ qua đó họ phải thích ứng với thể chế này. Mỗi ngày tôi càng hiểu hơn là mình không thể đạt được từ xa mọi tri thức cần thiết để tự hướng dẫn. Tôi viết thư cho Buttafaco về điều đó: bản thân anh cũng cảm nhận như thế, và nếu tôi không quyết định đích xác đến Corse, thì tôi cũng bận tâm rất nhiều về các phương kế để thực hiện chuyến đi này. Tôi nói chuyện đó với ông Dastier, trước đây từng phục vụ tại đảo, dưới quyền ông De Maillebois, nên ắt phải hiểu về đảo. Ông chẳng từ điều gì để khuyên can tôi bỏ ý định ấy, và tôi thú thực rằng sự mô tả dễ sợ của ông về người dân Corse và đất nước họ làm nguội lạnh rất nhiều mong muốn của tôi đến sống giữa họ.

Nhưng khi những sự ngược đãi tại Môtiers khiến tôi nghĩ đến việc rời Thụy Sĩ, thì mong muốn ấy hồi sinh do hy vọng rốt cuộc tìm được ở những người dân đảo này sự an tĩnh mà người ta chẳng muốn để cho tôi tại một nơi chốn nào hết. Chỉ có một điều khiến tôi kinh hãi về chuyến đi; đó là tôi luôn bất tài và không ưa cuộc sống hoạt động sẽ phải chịu đựng. Thích hợp để suy tưởng tha hồ trong cô quạnh, tôi chẳng hề thích hợp để nói năng, hành động, thương lượng công việc giữa mọi người. Tạo hóa đã cho tôi tài năng thứ nhất, và đã không cho tôi tài năng sau. Trong khi ấy tôi cảm thấy, tuy không tham gia trực tiếp các công việc chung, song một khi ở Corse, tôi sẽ bất đắc dĩ phải phó mình cho sự sốt sắng của dân chúng, và đàm luận rất thường

xuyên với các chỉ huy. Chính mục đích của chuyến đi đòi hỏi tôi, thay vì tìm nơi ở ẩn, phải tìm giữa lòng dân tộc những tri thức mình cần. Rõ ràng tôi không thể tự sắp xếp cho bản thân nữa, và bất đắc dĩ bị cuốn vào một xoáy lốc mà mình chẳng hề có thiên tư, tôi sẽ sống một cuộc đời hoàn toàn trái với sở thích, và sẽ chỉ tự phô bày một cách bất lợi cho mình. Tôi thấy trước việc tôi hiện diện chẳng duy trì được ý kiến mà người Corse có thể nghĩ về năng lực của tôi qua các tác phẩm, nên tôi sẽ tự làm mất tín nhiệm, và sẽ mất đi niềm tin họ đã dành cho tôi, điều này gây tổn hại cho họ cũng nhiều như cho tôi, không có niềm tin ấy tôi không thể thực hiện thắng lợi công trình họ chờ đợi. Tôi tin chắc rằng khi ra khỏi phạm vi của mình như vậy, tôi sẽ thành vô dụng đối với họ, và sẽ khiến mình thành khổ sở.

Bị hành hạ, bị đủ loại bão tố vùi dập, mỗi một vì những chuyến đi và những sự ngược đãi từ nhiều năm nay, tôi cảm nhận mãnh liệt nhu cầu nghỉ ngơi, điều mà những kẻ thù đã man coi việc tước đi của tôi là một trò khoái chí; hơn bao giờ hết tôi khát khao cảnh rồi rãi đáng yêu, trạng thái an nhàn về tinh thần và cơ thể mà tôi đã xiết bao thèm muốn, mà con tim tôi, tỉnh khỏi những ảo tưởng hảo huyền của tình yêu và tình bạn, giới hạn hạnh phúc tối cao của nó. Tôi chỉ xem xét một cách hời hợt những công việc mình sắp tiến hành, cuộc sống náo động mà mình sắp dẫn vào; nếu như sự cao cả, vẻ đẹp, tính hữu ích của mục tiêu, khích lệ lòng can đảm nơi tôi, thì việc không thể liệu mình thành công lại làm tôi mất can đảm hoàn toàn. Hai mươi năm suy tưởng sâu xa, riêng mình tôi, có lẽ sẽ không hao tâm tổn trí bằng sáu tháng sống hoạt động, giữa những con người và những công việc, và tin chắc là kém kết quả.

Tôi nghĩ ra một mẹo xem ra thích hợp để dung hòa mọi sự. Bị âm mưu bí mật của những kẻ ngầm truy hại theo đuổi tại mọi chốn ẩn náu, và chỉ còn thấy đảo Corse là nơi có thể hy vọng cho tuổi già sự an tĩnh mà bọn chúng chẳng muốn để cho mình ở bất kỳ đâu, tôi quyết định đến Corse, ngay khi nào có khả năng, với những chỉ dẫn của

Buttafaco; nhưng, để sống yên ổn tại đó, tôi từ chối, ít ra là bề ngoài, công trình về lập pháp, và chỉ giới hạn ở việc viết tại chỗ lịch sử của họ, có thể nói là để trả ơn lòng hiếu khách của chủ nhà, ngoài ra lặng lẽ thu thập những kiến thức cần thiết để trở nên hữu ích hơn với họ, nếu thấy mình có thể làm được điều này. Khởi đầu bằng cách không hứa hẹn gì như vậy, tôi hy vọng có thể suy tư một cách kín đáo, và thoải mái hơn, một kế hoạch phù hợp với họ, và không phải từ bỏ nhiều sự cô quạnh thân thương, không phải theo một kiểu sống mà tôi không chịu nổi, cũng chẳng có tài năng.

Nhưng chuyển đi ấy, trong tình cảnh tôi, không dễ tiến hành. Theo cách ông Dastier từng nói với tôi về Corse, thì về những tiện nghi sinh hoạt đơn giản nhất, tôi chỉ có được ở đó những gì mình sẽ đem đến: áo quần thường, y phục, bát đĩa, đồ dùng bếp núc, giấy, sách, phải mang theo đủ mọi thứ. Để di cư sang đó cùng nữ quản gia của mình, tôi phải vượt dãy Alpes, và kéo theo mình toàn bộ hành lý trên một chặng đường hai trăm dặm; phải đi qua đất nước của nhiều quốc vương, và, theo mâu mực do toàn châu Âu cung cấp, dĩ nhiên tôi phải chờ đợi, sau các tai họa, gặp trở ngại khắp nơi và thấy ai nấy đều giành lấy công lao dồn cho mình một rủi ro mới, vi phạm đối với mình tất cả các quyền của mọi người và của loài người. Những chi phí vô cùng lớn, những sự mệt nhọc, những nguy hiểm của một chuyến đi như vậy, buộc tôi phải dự liệu trước và cân nhắc kỹ mọi khó khăn. Ý nghĩ một cuộc mình đơn độc, vô phương kế ở tuổi này, xa mọi người quen biết, dưới quyền định đoạt của dân tộc dã man và hung dữ, như ông Dastier miêu tả, ắt khiến tôi mơ màng ngẫm nghĩ về một quyết định như vậy trước khi tiến hành. Tôi thiết tha mong mỗi cuộc hội đàm mà Buttafaco đã khiến tôi hy vọng, và tôi đợi kết quả hội đàm để quyết định hẳn.

Trong khi tôi cân nhắc như vậy, thì xảy ra những vụ ngược đãi của Môtiers, buộc tôi phải rút lui. Tôi chưa sẵn sàng cho một chuyến đi dài, nhất là đi Corse. Tôi đợi tin tức của Buttaíaco; tôi ẩn náu ở đảo

Saint-Pierre, nơi tôi bị xua đuổi khi mùa đông sắp tới, như đã kể trước đó. Dãy Alpes phủ đầy tuyết khiến việc di cư lúc này không thể thực hiện, nhất là với tình trạng cấp tốc họ quy định cho tôi. Đúng là tính phi lý của một cái lệnh như vậy khiến nó trở nên bất khả thi: vì giữa cánh cô quạnh tứ bề là nước vây bọc, chỉ có hai mươi bốn giờ kể từ lúc lệnh được thông báo để chuẩn bị ra đi, để tìm được thuyền được xe ngựa để ra khỏi đảo và khỏi toàn lãnh thổ; cho dù có cánh tôi cũng khó tuân được lệnh. Tôi viết điều đó cho vị Pháp quan cai trị Nidau, và tôi vội vã ra khỏi cái xứ sở bất công này. Đó là vì sao phải từ bỏ kế hoạch thân thương, và vì sao, trong tình trạng nản chí, không làm được cho người ta định đoạt về mình, tôi quyết định đi Berlin theo lời mời của Ngài Thống chế, để Thérèse trú đông tại đảo Saint-Pierre, cùng đồ đạc sách vở của tôi, và ký thác giấy tờ trong tay DuPeyrou. Tôi vội vã đến mức ngay sáng hôm sau rời đảo lên đường và trước mười hai giờ trưa đã tới Bienne. Chỉ thiếu chút nữa là tôi kết thúc chuyến đi tại đó, vì một sự cố không nên bỏ qua trong truyện kể.

Vừa có tin đồn tôi được lệnh rời nơi trú ngụ, là rất nhiều người ở vùng lân cận đến thăm tôi, nhất là những người Berne, họ đến nịnh hót, xoa dịu tôi với thái độ giả dối đáng ghét nhất, quả quyết rằng người ta đã nhân thời điểm kỳ nghỉ và Thượng nghị viện ít họp để khởi thảo và truyền đạt mệnh lệnh này, họ bảo rằng toàn thể Hội đồng Hai trăm ủy viên tức giận với lệnh đó. Trong đám đông những người an ủi ấy, có vài người đến từ thành Bienne, tiểu công quốc tự do lọt giữa công quốc Berne, và trong số người đó có một thanh niên tên là Wildermeth, gia đình anh ở địa vị bậc nhất, và có uy tín trọng yếu tại đô thành nhỏ này. Nhân danh các đồng hương, Wildermeth hăng hái nài xin tôi chọn nơi nương náu ở chỗ họ, cam đoan rằng họ sốt sắng mong muốn được đón tiếp tôi, rằng họ coi việc làm cho tôi quên đi những sự ngược đãi từng phải chịu, là một vinh dự và một bổn phận của họ; rằng ở giữa họ tôi không phải sợ một ảnh hưởng nào hết của dân Berne; rằng Bienne là một đô thành không nhận mệnh lệnh của ai

hết, và mọi công dân đều nhất trí quyết định không nghe một sự xúi giục nào chống lại tôi.

Thấy không lay chuyển được tôi, Wildermeth nhờ nhiều người khác giúp đỡ, cả những người ở Bienne và các vùng xung quanh cũng như những người ở Berne, trong đó có chính Kirchberger mà tôi đã nói đến, người đã tìm kiếm tôi từ khi tôi rút sang Thụy Sĩ, tài năng và các nguyên tắc của anh khiến tôi thấy anh thú vị. Nhưng những lời khuyên nhủ khác, bất ngờ hơn và bình tĩnh hơn, là của Barthès, bí thư sứ quán Pháp, anh đến thăm tôi cùng với Wildermeth, khuyến khích tôi nghe theo lời mời của Wildermeth, và khiến tôi ngạc nhiên vì niềm quan tâm sốt sắng và trù mẫn mà dường như anh có đối với tôi. Tôi không hề quen Barthès; tuy nhiên tôi thấy lời lẽ của anh có nhiệt khí, có sự hăng hái của tình bạn, và tôi thấy anh thực sự quan tâm thuyết phục tôi trú ngụ tại Bienne. Anh hết sức long trọng ca ngợi thành phố và cư dân, mà anh tỏ ra gần bó rất mật thiết, đến mức nhiều lần gọi trước mặt tôi là những người bảo hộ và những người cha của mình.

Sự vận động này của Barthès khiến tôi lạc hướng trong mọi phỏng đoán. Tôi vẫn luôn ngờ ông De Choiseul là tác giả ẩn giấu của mọi sự ngược đãi mà tôi nếm trải ở Thụy Sĩ. Cách xử sự của viên công sứ Pháp tại Genève, của đại sứ tại Soleure, chỉ xác nhận quá chắc chắn những nghi ngờ trên; tôi thấy nước Pháp bí mật tác động tới tất cả những gì xảy ra với tôi ở Berne, ở Genève, ở Neuchâtel, và tôi cho là mình không có kẻ thù nào đầy quyền lực ở Pháp ngoài một mình công tước De choiseul. Vậy tôi có thể nghĩ gì về việc Barthès đến thăm, và mối quan tâm trù mẫn anh dường như có đối với số phận đáng buồn của tôi? Các tai họa còn chưa hủy hoại lòng tin tự nhiên của con tim tôi, và kinh nghiệm còn chưa dạy cho tôi nhìn thấy cạm bẫy khắp nơi dưới những ân cần vồn vã. Tôi ngạc nhiên tìm lý do hảo ý của Barthès; tôi chẳng đủ ngu để tin rằng anh tự ý tiến hành cuộc vận động này; tôi thấy ở đó một sự công khai thậm chí một sự kiểu cách thiếu tự nhiên nó biểu lộ một ý định được che giấu, và xưa nay tôi rất ít thấy

trong tất cả những nhân viên cấp dưới này lòng dũng cảm hào hiệp từng nhiều lần khiến con tim tôi sôi sục, ở một chức vụ tương tự.

Trước đây tôi có quen biết chút ít Hiệp sĩ De Beauteville tại nhà ông De Luxembourg; từ sứ quán của anh, hiệp sĩ còn tỏ vài dấu hiệu nhớ đến tôi, thậm chí mời tôi đến Soleure thăm anh: lời mời khiến tôi cảm động, tuy không đến, vì tôi không quen được những người có địa vị đối xử tử tế đến thế. Vậy tôi đoán chừng De Beauteville, buộc phải làm theo chỉ thị, về những gì liên quan đến các công việc của Genève, tuy thế ái ngại cho tôi trong cảnh bất hạnh, đã đặc biệt lo toan thu xếp cho tôi chốn nương náu ở Bienne để có thể sống yên ổn tại đó dưới sự bảo hộ của anh. Tôi cảm kích trước sự quan tâm ấy, nhưng không muốn lợi dụng, và, hoàn toàn quyết tâm đi Berlin, tôi nhiệt thành mong mỗi khoảnh khắc gặp Ngài Thống chế, tin chắc rằng chỉ có thể tìm được ở bên ngài một cảnh an tĩnh thực sự và một hạnh phúc bền vững.

Khi tôi rời hòn đảo, Kirchberger đi cùng tôi đến Bienne. Tôi gặp tại đó Wildermeth và vài người Berne đợi tôi khi xuống khỏi thuyền. Tất cả chúng tôi cùng ăn trưa tại quán, và việc đầu tiên tôi quan tâm là cho tìm một cỗ xe thuê, định ra đi ngay sáng mai. Trong bữa ăn, các vị này lại nài nỉ để giữ tôi ở lại với họ, và làm như vậy với rất nhiều nhiệt tình, với những lời quả quyết rất cảm động thành thử, bất chấp mọi quyết định, con tim tôi, chưa bao giờ biết chống lại những sự ân cần vốn vãn, tự để bị xúc động vì những ân cần vốn vãn của họ; vừa mới thấy tôi lung lay, họ lại càng ra sức cố gắng, thành thử cuối cùng tôi để mình bị thua, và đồng ý ở lại Bienne, ít ra là cho đến mùa xuân.

Lập tức Wildermeth vội vã kiếm cho tôi một chỗ ở và khoe khoang như tìm được của quý một phòng nhỏ xấu xí ở phía sau, tầng ba, trông ra một khoảnh sân, nơi những tấm da hôi thối của một người làm nghề thuộc da được phơi bày để chiêu đãi tôi. Chủ nhà là một người nhỏ bé có sắc mặt ty tiện và khá láu lỉnh, hôm sau tôi được biết là phóng đảng, cờ bạc, có tiếng tăm rất xấu trong khu phố; anh ta

chẳng có vợ con, chẳng có đầy tớ, và tôi buồn bã nhất mình trong gian phòng cô quạnh, trọ ở một chỗ có thể chết vì sâu muộn trong ít ngày, tại một miền tươi đẹp nhất thế gian. Điều khiến tôi phiền lòng hơn cả, bất kể những gì mọi người đã nói về việc các cư dân sốt sắng đón tiếp tôi, là khi qua đường phố, chẳng nhận thấy một điều gì tử tế đối với mình trong thái độ của họ, cũng chẳng có gì ân cần trong ánh mắt họ. Tuy thế tôi vẫn hoàn toàn quyết tâm ở lại, thì ngay hôm sau, tôi biết tin, nhìn thấy và cảm nhận là trong thành phố có một sự xôn xao ghê gớm đối với mình; nhiều người sốt sắng đến ân cần báo cho tôi là ngay ngày mai họ sẽ truyền đạt, tàn nhẫn hết mức có thể, một lệnh buộc tôi phải lập tức ra khỏi công quốc, tức là thành phố. Tôi chẳng có ai để tin cậy; tất cả những người đã giữ tôi lại đều tản mác đi hết; Wildermeth đã biến mất; tôi không nghe nói đến Barthès nữa, và có vẻ như sự giới thiệu của anh chẳng khiến tôi được ưu ái bên những người bảo hộ và những người cha mà anh đã tự nhận trước mặt tôi. Tuy nhiên một người Berne, anh De Vautravers, có một ngôi nhà xinh đẹp gần thành phố, vẫn mời tôi đến ở anh bảo hy vọng là tại đó tôi có thể tránh được bị ném đá. Tôi thấy cái lợi chẳng đủ hay ho để cảm dỗ mình kéo dài thời gian lưu trú giữa những người dân hiếu khách này.

Tuy nhiên, mất ba ngày vì sự chậm trễ trên, tôi đã vượt quá rất nhiều thời hạn hai mươi bốn giờ người Berne cho tôi để ra khỏi mọi công quốc của họ, và hiểu rõ sự tàn nhẫn nơi họ, tôi chẳng khỏi lo lắng ít nhiều về cách họ để mình đi qua những công quốc này, thì vị Pháp quan cai trị Nidau đến giúp tôi thoát khỏi khó khăn rất đúng lúc. Vì ông đã công nhiên phản đối biện pháp bạo liệt của các vị Đại nhân, nên với tấm lòng hào hiệp, ông cho rằng phải chứng tỏ công khai là ông không hề dự phần vào chuyện đó, và chẳng sợ ra khỏi tòa pháp đình của mình để đến thăm tôi tại Bienne. Ông đến vào đêm trước hôm tôi ra đi; và không hề ẩn danh, thậm chí cố tình bày đặt nghi thức, vận lễ phục ngồi xe ngựa bốn bánh cùng người thư ký, và đem cho tôi một giấy thông hành nhân danh ông, để thoải mái đi qua đất nước

Berne, chẳng sợ bị quấy rầy. Cuộc đến thăm khiến tôi cảm động hơn tấm giấy thông hành. Giả sử đối tượng được thăm hỏi là một người khác không phải mình, tôi cũng sẽ cảm kích chẳng kém. Không gì tác động mãnh liệt đến con tim tôi bằng một hành vi can đảm thực hiện đúng lúc, giúp một kẻ yếu bị áp bức một cách bất công.

Cuối cùng, sau khi đã vất vả kiếm được một cỗ xe thuê, sáng hôm sau tôi rời mảnh đất sát nhân này, trước khi đoàn đại biểu lễ ra trận trọng tiền tôi kịp đến, trước cả khi có thể gặp lại Thérèse, vì cứ tưởng mình dừng lại ở Bienne, nên tôi đã bảo cô tới, và chỉ kịp viết thư hủy lệnh, nói rõ tai họa mới của mình. Mọi người sẽ thấy ở phần Ba, nếu có ngày tôi đủ sức viết phần đó, làm thế nào mà, tưởng rằng đi Berlin, thực ra tôi lại sang Anh, và làm thế nào mà hai quý bà muốn sai khiến tôi, sau khi dùng mưu kế đuổi tôi khỏi Thụy Sĩ, nơi các bà chưa đủ quyền hành đối với tôi, cuối cùng đã giao nộp được tôi cho bạn của các bà*.

Tôi thêm những điều sau đây, khi đọc bản viết này cho bá tước và bá tước phu nhân D'Egmont, cho hoàng thân Pignatelli, cho hầu tước phu nhân De Mesme, và hầu tước De Juigné.

Tôi đã nói sự thật. Nếu ai đó biết những điều trái với những gì tôi vừa trình bày, dù những điều ấy có được chứng minh đến ngàn lần, là biết những điều dối trá và lừa gạt, và nếu người đó không chịu đi sâu, làm sáng tỏ chúng cùng với tôi, trong khi tôi còn sống, thì người đó không yêu công lý cũng chẳng yêu sự thật, về phần tôi, tôi lớn tiếng tuyên bố không sợ hãi: người nào, thậm chí chưa đọc những gì tôi viết, tự mình xem xét bản chất của tôi, tính cách của tôi, phẩm hạnh của tôi, các khuynh hướng, các thú vui, các thói quen của tôi, và có thể cho rằng tôi là một kẻ bất lương, thì bản thân người đó đáng phải bóp nghẹt.

Tôi kết thúc buổi đọc như vậy, và tất cả mọi người làm thinh. Phu nhân D'Egmont là người duy nhất có vẻ xúc động; rõ ràng bà rung

mình, nhưng bà trấn tĩnh lại rất nhanh và giữ im lặng, giống như toàn nhóm. Đó là kết quả tôi thu được từ việc đọc này và từ lời tuyên bố.

Niên Biểu

1712, Ra đời tại Genève, ngày 28 tháng sáu.

1722. Isaac, cha Rousseau, rời Genève sau vụ cãi cọ với một đại úy. Jean-Jacques được gửi đến trọ học ở nhà mục sư Lambercier, tại Bossey, gần Genève.

1724-1725. Trở lại Genève. Học việc tại một văn phòng lục sự, sau đó tại nhà một thợ khắc đồng hồ.

1728. Rời Genève ngày 14 tháng Ba. Đến nhà bà De Warens, tại Annecy, ngày 21. Đi Turin để cải đạo. Vào nhà bà De Vercellis làm người hầu.

1729. Trở lại Annecy, ở nhà bà De Warens.

1730. Rousseau tự nhận là người Paris, hiểu biết âm nhạc, và dạy nhạc tại Neuchâtel.

1731. Ở Paris ba tháng, giúp việc cho cháu của một đại tá người Thụy Sĩ. Sau đó về Chambéry gặp bà De Warens. Làm thư ký Địa chính, sau đó dạy nhạc. Bắt đầu thời gian dài hạnh phúc bên “Má”.

1735-1736. Cùng bà De Warens đến ở Charmettes, gần Chambéry. Đọc sách, tự học.

1737. Bị ốm, đến Montpellier chữa bệnh. Trở về, thấy vị trí bên “Má” bị người mới là Vinzenried chiếm giữ.

1739. Tiếp tục trau dồi kiến thức.

1740-1741. Đến Lyon làm gia sư.

1742. Trở lại Charmettes, tiếp tục tự học. Sáng tạo một phương pháp ghi nhạc mới, đem trình bày tại Viện Hàn lâm khoa học Paris, rồi xuất bản với nhan đề *Luận về âm nhạc hiện đại*. Gặp Diderot.

1743-1744. Làm bí thư sứ quán Pháp tại Venise, say mê âm nhạc Ý.

1745. Trở lại Paris, gặp gỡ và chung sống với Thérèse Le Vasseur.

1746-1747. Làm thư ký cho bà Dupin.

1749. D'Alembert, Diderot đề nghị Rousseau viết mục về âm nhạc trong *Bách khoa toàn thư*. Diderot bị giam ở Vincennes. Trên đường đến thăm Diderot, đọc trên báo câu hỏi của Viện Hàn lâm Dijon ("*Liệu sự tiến bộ của khoa học và nghệ thuật có góp phần làm thuần khiết phong tục?*") Rousseau được một "cảm hứng đột ngột" phát lộ mọi mâu thuẫn của hệ thống xã hội.

1750. *Luận về khoa học và nghệ thuật* đoạt giải của Viện Hàn lâm Dijon, được xuất bản, và thành công vang dội.

1751. Rousseau bắt đầu cuộc "cải cách", sống thật giản dị, lấy công việc chép nhạc làm sinh kế.

1752. Nhạc kịch *Thầy bói làng quê* của Rousseau được công diễn trước nhà vua, và thành công rực rỡ. vở *Narcisse* được diễn tại Kịch viện Pháp. Viết *Bức thư về âm nhạc Pháp*, khiến dư luận xôn xao, phản đối dữ dội.

1754. Cùng Thérèse đi Genève. Trở lại với Tân giáo và được phục hồi quyền công dân Genève.

1755. *Luận về nguồn gốc của sự bất bình đẳng giữa những con người* được xuất bản tại Amsterdam và lại gây sóng gió. Voltaire viết thư cho Rousseau: "Tôi đã nhận được của ông cuốn sách mới chống lại loài người, tôi xin cảm ơn ông [...]".

1756. Cùng Thérèse dọn đến ở Ermitage, ngôi nhà nhỏ tại Montmorency, được bà D'Épinay cho mượn. Viết cho Voltaire bức "Thư về Thượng Đế", nhân thảm họa động đất tại Lisbonne. Bắt đầu sáng tác *Julie hay nàng Héloïse mới*.

1757. Yêu say đắm Sophie d'Houdetot, tình nương của nhà thơ Saint-Lambert. Những bất hòa đầu tiên với bà D'Épinay, Diderot và

Grimm, hòa giải tạm thời, rồi đoạn tuyệt. Rồi khỏi Ermitage, đến ở vườn Mont-Louis, thuộc địa phận Montmorency.

1758. Hoàn thành *Nàng Héloïse mới*. Để đối đáp với D'Alembert về mục "Genève" trong *Bách khoa toàn thư*, viết *Thư gửi D'Alembert*. Bắt đầu *Émile*.

1759. Đến ở lâu đài của Thống chế De Luxembourg. Viết quyển Năm của *Émile*, bắt đầu *Khế ước xã hội*.

1761. Thành công vang dội của *Nàng Héloïse mới* tại Paris. Những tưởng tượng hoang loạn đầu tiên: thấy việc in *Émile* kéo dài, Rousseau cho rằng các giáo sĩ dòng Tên năm giữ bản thảo và định sửa chữa, bóp méo tác phẩm.

1762. Nản chí đến cực độ sau cơn khủng hoảng, để biện minh cách xử sự, Rousseau viết cho Malesherbes bốn bức thư, được coi như cơ sở đầu tiên của *Những lời bộc bạch*. Sau nhiều trở ngại, *Khế ước xã hội*, rồi *Émile hay là về giáo dục* được xuất bản vào tháng Năm. Phần *Tuyên tín của linh mục trợ tế miền Savoie* gây chấn động. Pháp viện Paris kết án *Émile*, Genève đốt hai tác phẩm. Có lệnh bắt giữ tác giả. Rousseau rút sang Thụy Sĩ, bị trục xuất khỏi Berne, đến nương náu ở Môtiers, thuộc Neuchâtel, địa phận của nhà vua Phổ. Bà De Warens qua đời tại Chambéry.

1763. Nhiều bài công kích Rousseau được công bố, như *Những bức thư viết từ đồng bằng* của tổng biện lý Tronchin. Rousseau từ bỏ quyền công dân Genève.

1764. Viết *Những bức thư từ núi* để trả lời Tronchin. Voltaire công bố *Cảm nghĩ của công dân*, tiết lộ việc Rousseau bỏ các con vào Trại trẻ vô thừa nhận. Rousseau quyết định viết *Những lời bộc bạch*.

1765. *Những bức thư viết từ núi* bị kết tội tại La Haye và Paris. Đầu tháng Chín, tại Môtiers, mục sư De Montmollin thuyết giáo công kích tác giả, dân chúng ném đá vào nhà Rousseau. Nhà văn đến nương náu tại đảo nhỏ Saint-Pierre, trên hồ Bienne, nhưng giữa tháng Mười bị chính quyền Berne trục xuất. Đi Berlin, qua Strasbourg, được đón

tiếp nông hậu, dự buổi công diễn vở *Thầy bói làng quê*. Tháng Mười hai, đến Paris, ở nhà hoàng thân De Conti.

1766. Tháng Giêng, cùng triết gia David Hume sang Luân Đôn, đến ở Chiswick. Bất hòa, rồi đoạn tuyệt với Hume vào tháng Bảy. Tiếp tục viết *Những lời bộc bạch*.

1767. Tháng Năm, trở về Pháp, đến Trie ở lâu đài của hoàng thân De Conti, lấy tên là Jean-Joseph Renou. Xuất bản *Từ điển âm nhạc*. Hoàn thành phần Một của *Những lời bộc bạch*.

1768. Rousseau viết thư cho D'Ivernois, trình bày một cách sáng suốt chứng hoang loạn, tưởng tượng mình bị truy hại. Tuy nhiên, vẫn bị ám ảnh vì ý nghĩ về một âm mưu phổ quát chống lại mình. Đi Lyon, Grenoble, sưu tầm thảo mộc. Kết hôn với Thérèse.

1769. Đến ở một trang trại gần Bourgoin (nay thuộc Isère, miền đông nam nước Pháp). Viết phần Hai của *Những lời bộc bạch*.

1770. Quay về Paris: ở phố Plâtrière (nay là phố Jean-Jacques Rousseau), lấy lại tên thật và trở lại công việc chép nhạc. Bắt đầu đọc *Những lời bộc bạch* trong một nhóm nhỏ, tại nhà của hầu tước De Pezay và nhà của thi sĩ Dorat.

1771. Đọc *Những lời bộc bạch* trước hoàng thân Thụy Điển và nữ bá tước D'Egmont. Bà D'Épinay yêu cầu cảnh sát cấm những buổi đọc này.

1772. Bắt đầu viết *Đàm thoại của Rousseau người phán xét Jean-Jacques*, “nhiệm vụ đau thương” mà việc sưu tầm thảo mộc là cách giải khuây.

1774. Bắt đầu soạn một cuốn từ điển thực vật học, công trình dang dở.

1776. Vào tháng Hai, Rousseau muốn đem bản thảo *Đàm thoại của Rousseau người phán xét Jean-Jacques* đặt trên ban thờ trong Nhà thờ Đức Bà Paris để “ký thác nơi Thiên Chúa”, nhưng thấy cánh cửa chặn song lối vào nơi hát kinh đóng chặt. Mùa thu, bắt đầu viết *Những*

mơ mộng của một người dạo chơi đơn độc. Hoàng thân De Conti qua đời.

1777. Tiếp tục *Những mơ mộng của một người dạo chơi đơn độc*, hoàn thành bảy cuộc dạo chơi đầu tiên, viết cuộc dạo chơi thứ tám vào mùa thu, cuộc dạo chơi thứ chín vào tháng chạp.

1778. Tháng Tư, bắt đầu viết cuộc dạo chơi thứ mười, giao cho Paul Moulton một bản thảo *Những lời bộc bạch*, và đến Ermenonville, ở trang viên của hầu tước De Girardin. Tháng sáu, sưu tầm thảo mộc, ngày 2 tháng Bảy qua đời. Được an táng tại đảo Dương liễu, Ermenonville.

1782. Xuất bản tại Genève *Những lời bộc bạch* (phần Một), *Đàm thoại của Rousseau người phán xét Jean-Jacques*, và *Những mơ mộng của một người dạo chơi đơn độc*.

1789. Xuất bản phần Hai của *Những lời bộc bạch*.

1794. Hài cốt của Rousseau được chuyển về điện Panthéon.

MỤC LỤC

1. [Lời nhà xuất bản](#)
2. [Phần Một](#)
 1. [Quyển Một](#)
 2. [Quyển Hai](#)
 3. [Quyển Ba](#)
 4. [Quyển Bốn](#)
 5. [Quyển Năm](#)
 6. [Quyển Sáu](#)
3. [Phần Hai](#)
 1. [Quyển Bảy](#)
 2. [Quyển Tám](#)
 3. [Quyển Chín](#)
 4. [Quyển Mười](#)
 5. [Quyển Mười Một](#)
 6. [Quyển Mười Hai](#)
4. [Niên Biểu](#)

Table of Contents

[Lời nhà xuất bản](#)

[Phần Một](#)

[Quyển Một](#)

[Quyển Hai](#)

[Quyển Ba](#)

[Quyển Bốn](#)

[Quyển Năm](#)

[Quyển Sáu](#)

[Phần Hai](#)

[Quyển Bảy](#)

[Quyển Tám](#)

[Quyển Chín](#)

[Quyển Mười](#)

[Quyển Mười Một](#)

[Quyển Mười Hai](#)

[Niên Biểu](#)